Tắt đèn kể chuyện ma

LOAN BẢO QUẦN

Dịch giả: Hoàng Quyên

Làm ebook: Dâu Lê

Alun vh

Tắt đèn kể chuyện ma

(Tập 1)

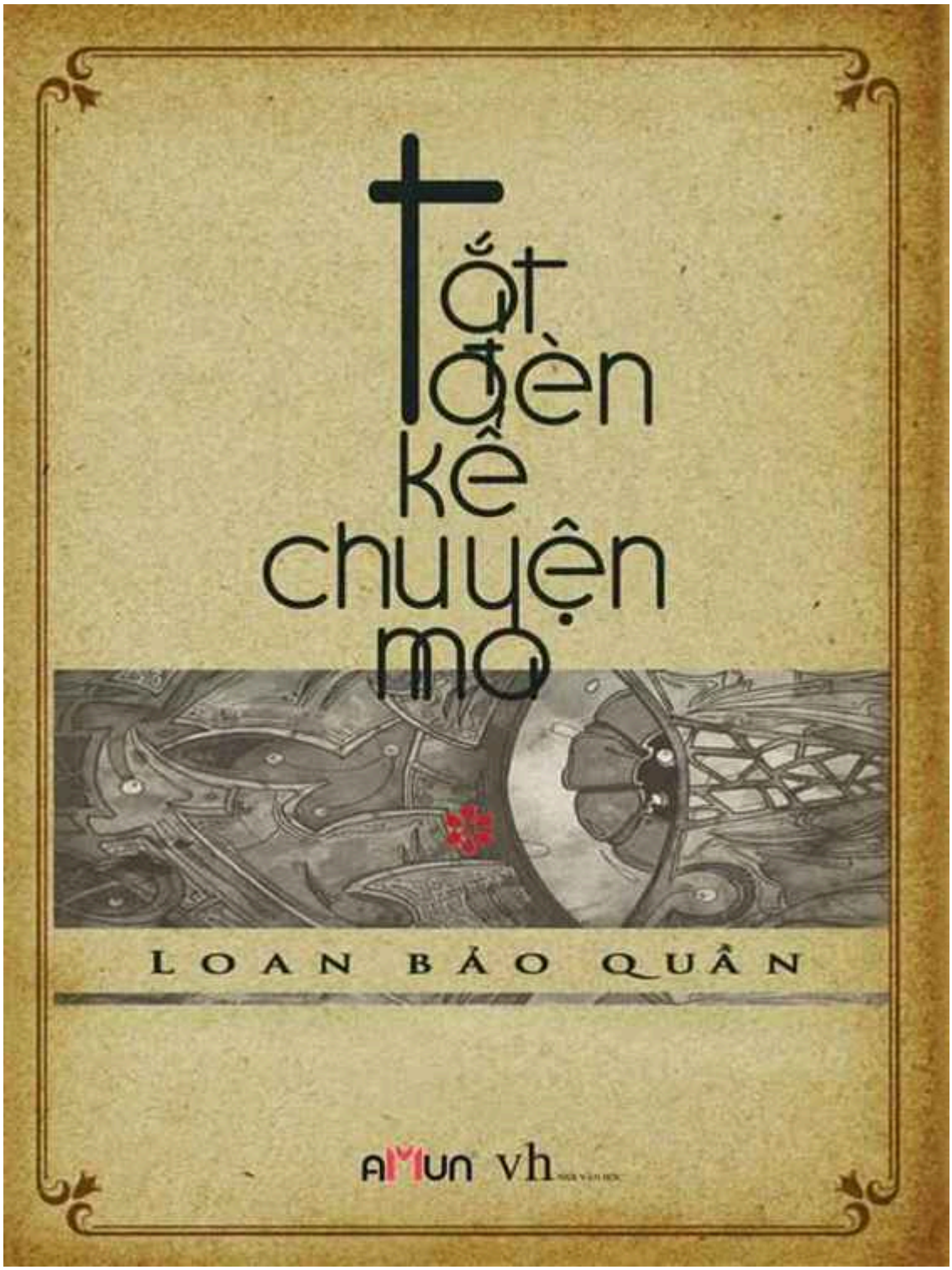

Tác giả: Loan Bảo Quần

Dịch giả: Hoàng Quyên

Giá bìa: 126.000 ₫

Kích thước: 13 x 21,5 cm

Ngày xuất bản: 15-11-2012

Công ty phát hành: Đinh Tị

Nhà xuất bản: NXB Văn Học

Chụp pic: Thuyduong Le

Type

Nhím Bony Bùi Phương: 1-3
Hoathanh Nguyễn: 4-5
Jasmine Filbert: 6-7
Thảo Đào: 8-10
Hạnh Nga: 11-13
Tiểu Yêu Nữ: 14
Quyen Ha Ngo: 15-16

Mai Thanh: 17-hết

Beta: Hoàng Hạnh Phan

Làm ebook: Dâu Lê

Nguồn: luv-ebook.com

Ebook: Đào Tiểu Vũ eBook - www.dtv-ebook.com

Giới thiệu

Cuộc sống luôn tồn tại những điều khó có thể lý giải, được đồn thổi từ người này sang người khác, từ năm này qua năm khác và dần phủ lên chúng lớp vỏ bí ẩn ma mị. "Tắt đèn kể chuyện ma" là một cuốn sách tổng hợp những câu chuyện liêu trai, cổ quái như vậy. Nhưng thay vì khai thác yếu tố ma mị vốn là thế mạnh của những câu chuyện liêu trai, tác giả Loan Bảo Quần với sự uyên bác và tinh tế của mình đã khéo léo kết hợp những kiến thức đông tây kim cổ và kể lại những câu chuyện ấy theo một khía cạnh khác đời thường hơn, thực tế hơn. Có thể là những lý giải khoa học khách quan, có khi lại là những suy diễn chủ quan của góc nhìn tác giả, có những câu chuyện buồn bã thê lương, cũng có những mẩu chuyện vô cùng hài hước. Nhưng dù là câu chuyện nào cũng đều khiến độc giả kinh ngạc và thích thú vì những bí mật được hé mở trong đó.

Thủy quỷ, nịch quỷ, cương thi, tràng quỷ, sát quỷ, thảo trái quỷ, khảo trường đại đầu quỷ, quỷ thất tình lục dục, quỷ hóm hỉnh, hài hước; vấn đề miếng ăn, chỗ ở, cái mặc của quỷ; vấn đề cái chết của quỷ... Thế giới ma quỷ rốt cuộc có dáng vẻ ra sao?

Tắt Đèn Kể Chuyện Ma là thế giới của những câu chuyện liêu trai và cổ quái, là sự giao hoà của tri thức đông tây kim cổ tích tụ từ ngàn năm. Đằng sau lớp vỏ ma mị ấy ẩn chứa những sự thật gì?

Tự nghĩ trong thiên hạ, người viết văn nhiều, mà người nhặt nhạnh những thứ phế liệu để kết thành trang viết quả thực cũng không hiếm. Vì tuổi già ập đến, được dịp thảnh thơi làm mấy việc nhàn rỗi, khâu vá thêm vào để làm thành cái áo, tuy rằng cầm tà áo trước ngực mà nhìn thấy cả khuỷu tay, nhưng mặc cho áo ngắn mà thân không lệch. Không có rận để bắt thì ta nói chuyện ma quỷ, tập hợp thành một tập truyện để được dâng lên bạn đọc.

(TGĐA) - Nếu ai thích thể loại truyện kinh dị hay truyện về ma quỷ có thể tìm đọc cuốn Tắt đèn kể chuyện ma của tác giả Loan Bảo Quần. Đây là một cuốn sách mang tính bác học, đọc để tìm hiểu, chiêm nghiệm hơn là đọc giải trí như như những tác phẩm văn học kinh dị khác.

Trung Quốc đã trải qua bao nhiêu năm lịch sử thì cũng ngần ấy năm, những câu chuyện ma được hình thành và phát triển theo nhiều hướng khác nhau, mỗi vùng mỗi khác. Nhưng chung quy lại, dân gian Trung Quốc đã sáng tạo ra những câu chuyện ma đầy liêu trai, kỳ bí, hấp dẫn và bất ngờ. Các loại quỷ như thủy quỷ, nịch quỷ, cương thi, trành quỷ, sát quỷ, khảo trường quỷ, quỷ thất tình lục dục, quỷ hóm hỉnh, hài hước… hay các vấn đề như miếng ăn, chỗ ở, cái mặc của quỷ; vấn đề cái chết của quỷ đều được dân gian xây dựng chi tiết và ngày càng phong phú. Phải chăng con người khi bị hổ ăn thịt sẽ trở thành quỷ để giúp lão hổ bắt những người khác? Có đúng là những người chết đuối cần phải tìm được người thế mạng mới có thể siêu thoát và được đầu thai sang kiếp khác?

Trường thi vốn là nơi uy nghiêm để tìm ra những nhân tài phục vụ đất nước, lẽ nào cũng có sự can thiệp hay quấy rối của ma quỷ? Hay khi con người đã chết thì sẽ đi đâu, về đâu, xuống địa ngục hay lên thiên đường? Địa ngục là nơi như thế nào, có ai ở đó, con người sau khi chết sẽ xuống đó như thế nào, phải đi qua những đâu? Tất cả những điều đó đều có trong các câu chuyện dân gian và được truyền từ đời này qua đời khác, được ghi chép vào sách của các học giả từ nhiều triều đại đã qua, để cùng với các câu chuyện truyền miệng trong dân gian, chúng trở thành những tư liệu quý cho chúng ta ngày nay tìm hiểu về tín ngưỡng của ông cha ta ngày trước.

Tác giả Loan Bảo Quần đã tập hợp những câu chuyện như thế và viết cuốn sách Tắt đèn kể chuyện ma dưới góc nhìn và sự phân tích, những lời nhận xét hóm hỉnh, hài hước nhưng không kém phần sâu sắc của chính tác giả.

Vậy thế giới tâm linh huyền bí về ma quỷ rốt cuộc có dáng vẻ ra sao?

Bạn đọc lần theo sự gợi mở trên từng câu chữ, quay ngược thời gian trở về với hàng ngàn năm trước, vén bức màn bí ẩn lên để từng bước khám phá thế giới u minh huyền bí của người Trung Quốc xưa và nay!

Tác phẩm Tắt đèn kể chuyện ma do Đinh Tị books liên kết với Nhà xuất bản Văn học ấn hành.

Mục lục

Chương 1: Phần mở đầu

Chương 2: Lại nói về "Những thứ dưới nước"

Chương 3: Thuyết cương

Chương 4: Tị sát chị mê

Chương 5: Ai Tránh

Chương 6: Bữa cơm nơi âm phủ

Chương 7: Âm Sơn Bát Cảnh

Chương 8: Ân cừu nhị quỷ

Chương 9: Sự hài hước của đầu lâu

Chương 10: Cái chết của ma

Chương 11: Không duyên nợ không thành cha con

Chương 12: Chỉ khôi phi tác bạch hồ điệp

Chương 13: La phong sơn đích trầm một

Chương 14: Sổ sinh tử những chuyện hoang đường

Chương 15: Xác chết sống lại - đọc thuyết cương

Chương 16: Hoàng tuyền không nhà trọ

Chương 17: Nhập thổ vẫn không yên

Chương 18: Tiên quỷ thê lương

Ch
ương 1: Phần mở đầu

Mặc dù rận là một loài côn trùng chẳng lấy gì làm tốt đẹp, nhưng cái việc "Bắt rận" mà được viết trên mặt giấy thì lại được coi là một thứ nghệ thuật hết sức tao nhã. Điều này cũng rất đỗi tự nhiên như chuyện Vương Cảnh Lược nói đến bắt rận mà cứ thản nhiên như không. Thành thử dùng ẩn ý này để đưa vào tên sách lại khiến người ta có cảm giác thú vị như Lý Bạch say sưa uống rượu họa thơ vậy.

Nhưng nghĩ kỹ lại ở đời loài rận cũng chẳng phải hoàn toàn "vô duyên" như thế. Một ngày mùa đông của hơn bốn mươi năm trước, khi tôi cùng với một quân đoàn kéo về từ phương Bắc, trên người chẳng có gì chỉ còn sót lại những con rận từ ba tỉnh Giang Tô, Chiết Giang và An Huy theo về, nếu cộng thêm một loạt học sinh, sinh viên từ các tỉnh khác, ngoại trừ đảo Đài Loan, thì các dân tộc rận từ hai mươi chín tỉnh thành và các khu tự trị có thể đã tề tựu đông đủ một nhà. Nhưng không hiểu sao lúc ấy chúng tôi lại không hề cảm thấy có cái gì đó ngứa ngáy, khó chịu, có lẽ do lũ rận đông đúc lúc này còn bận bịu tranh vương tranh tước với nhau, chẳng còn để ý tới những việc khác, hoặc cũng có thể do "tư tưởng đấu tranh giai cấp" trong chúng tôi lúc đó đã đạt đến độ nghiêm chỉnh, lại đúng vào thời khắc tâm hồn nhạy cảm đang "xúc động" khiến cho da thịt tê dại đến cực độ, chẳng còn biết đến cảm giác gì khác nữa. Nhưng khi vừa bước tới cổng nhà, mẹ tôi ngay lập tức bắt lột hết quần áo đang mặc trên người xuống, sau đó đun mấy nồi nước sôi lớn, nhúng đi nhúng lại quần áo vào nước sôi sung sục trên bếp tới mấy lần, lúc này chỉ thấy hàng ngàn, hang vạn con rận trôi nổi trên mặt nước bỏng rẫy, thuận theo dòng nước mà chìm xuống, họ hang nhà rận từ hai mươi chín tỉnh thành và các khu tự trị đã cùng sinh tử với nhau như thế. Giờ ngẫm lại những kỷ niệm hồi đó vẫn thấy có nhiều điều

tiếc nuối: Mặc dù sống chung với rận suốt một thời gian dài, vậy mà tôi lại bỏ lỡ cái duyên "bắt rận làm vui", quả thực là đáng tiếc!

Cho nên, hai chữ "bắt rận" ở đây chỉ là mượn cái ý vị trong câu "bắt rận nói hổ khách" của Vương tiên sinh từ hàng ngàn năm về trước để trang điểm cho vẻ bề ngoài của câu chữ, thực chất hoàn toàn chỉ là nói chuyện phiếm mà thôi.

Ý nghĩa thực ở đây là "nói chuyện ma". Nhưng "nói chuyện ma" lại là việc "nói thì dễ mà làm thì khó"! Tô Đông Pha khi bị lưu đày ở Hoàng Châu[1] thích nhất là nói chuyện ma, chính những câu chuyện ma quỷ ấy lại chất chứa trong đó bao nhân tình thế thái, bao sự đời được phản ánh một cách gián tiếp mà sâu sắc. Trong một tác phẩm của mình, Tô Đông Pha viết: *Bắc khách nhược lai hưu vấn sự, tây hồ huy hảo mạc ngâm thi.* Trong bài thơ tặng Quách công phụ có đoạn: *Mặc hướng giang biên lộng minh nguyệt, dạ thâm vô số thải châu nhân*. Thơ viết ra không phải để ngâm, trăng trên cao không phải để thưởng, không gian tĩnh mịch như vậy không phải để nói chuyện ma thì nói chuyện gì? Nhưng vào thời đó vẫn chưa thịnh hành lối nói chuyện ma quỷ, chưa có chuyện xây lên những "ô đài quỷ ám". Nói chuyện ma quỷ cũng chỉ là những ẩn ý sâu xa, chỉ là những gợi nhắc thoáng qua mà thôi. Nhưng từ những gợi nhắc sơ sài, qua quýt trong gần một ngàn năm trước ấy, đến thế kỷ XX lại trở thành một đề tài hấp dẫn được viết thành truyện.

[1] Hoàng Châu: một địa danh ở tỉnh Hồ Bắc

Những trò cấm ma bài quỷ trong những năm 50 của thế kỷ trước, chỉ là những mê tín dị đoan thuần túy, chứ tuyệt đối không có chút dụng ý sâu xa nào khác, những suy nghĩ hồi đó cũng chỉ là những tình cảm tốt đẹp theo hình thức "yêu ghét kiểu trẻ con". Tôi còn nhớ như in một kỷ niệm hồi nhỏ khi xem kịch *Cửu canh thiên,* vở kịch dọa cho tôi sợ đến nỗi cả đêm không ngủ được, chỉ cần nhắm mắt lại là hình ảnh con ma không đầu lại hiện lên,

chạy đến kêu oan. Vì vậy, để đưa ra quyết định cấm đoán những hình thức mê tín mù quáng kiểu như thế này, người ta cũng phải suy đi tính lại đến đau đầu bạc tóc cả rồi, mục đích là để hạn chế những nỗi sợ hãi đến mất hết lý trí như vậy. Nhưng đến năm 1957, thời kỳ "hữu khuynh", trên sân khấu lại xuất hiện *Họa bì*, một câu chuyện ma đầy tính xác giới theo kiểu *Liêu trai chí dị,* biết bao bộ phim như thế xuất hiện cùng một thời điểm, trong các rạp chiếu phim toàn là những phim câu khách kiểu như vậy (số còn lại thuộc kiểu phim hài không được ăn khách cho lắm). Sau khi xem xong, đêm về hễ cứ nhắm mắt lại là những con yêu quái "mặt xanh nanh dài" lại hiện lên, so với con quỷ không đầu lần trước còn đáng sợ hơn nhiều. Nhưng hình ảnh ác quỷ giả dạng mỹ nhân là ám chỉ những "phần tử hữu khuynh", rất có thể từ sự ám ảnh, sợ hãi mà chúng ta lại càng hiểu hơn về sự tàn nhẫn trong tư tưởng của phần tử quái hữu này. Việc mượn chuyện ma quỷ để gửi gắm những ẩn ý sâu xa từ đây lại trở thành một "bút pháp độc đáo" trong nghệ thuật, đó chính là một sự dụng tâm sâu sắc: Đừng nghĩ rằng tôi nói chuyện ma quỷ là chỉ để nói tới ma quỷ, mà qua chuyện ma quỷ tôi muốn nói tới chuyện con người, lấy ma quỷ để răn đe con người. Nhưng làm thế nào để biết người ta đang mượn chuyện ma để nói chuyện người? Đến năm 1959, để công kích lại phái phản động trong và ngoài nước, một loạt những câu chuyện cổ vũ cho tinh thần "Bài trừ ma quỷ" đã đồng loạt xuất hiện trên các diễn đàn. Cùng lúc đó, tư tưởng "mỗi người một dạ" của các phần tử trí thức có cơ hội được bộc lộ rõ ràng, vì thế những vở kịch như *Lý Tuệ Nương, Tạ Dao Hoàn* lại có cơ hội được trình diễn. Trong vở kịch, Lý Tuệ Nương đã nguyền rủa Giả Tự Đạo, qua đó chỉ trích quốc vương Hải Thụy. Nhưng có vở kịch lại cổ xúy cho tư tưởng ca ngợi "loài ma quỷ vô hại". Điều này chẳng phải là công nhiên đề xướng tư tưởng dùng ma quỷ để "chống đối Đảng" sao? Thì ra khi nói tới chuyện ma quỷ, người nói đều có mục đích sâu xa cả. Và người cầm cờ khởi xướng là tác giả của một tác phẩm ký tên Lương Bích Huy được đăng trên *Báo văn hối* của Thượng Hải, chủ đề ma quỷ vốn cấm kỵ, đến nay chính thức bắt đầu được thừa nhận, lúc đó là vào năm 1963. Có người cho rằng đây là một cuộc "đại cách mạng trong văn hóa nghệ thuật" mà trước nay chưa từng có, góp một tiếng nói

“tước ngôi Hải Thụy” trong vở kịch trước đây. Điều đó cho thấy chủ đề “ma quỷ” đã chiếm giữ vị trí quan trọng như thế nào trong cuộc đấu tranh tư tưởng, có lẽ đó cũng là điều hi hữu từ xưa đến nay.

Cho đến khi “kết thúc thời kỳ thái bình thịnh trị”, nhà vua vô cùng phẫn nộ, lệnh cấm ma quỷ bỗng trở nên nghiêm ngặt hơn. Nhưng có lẽ lệnh cấm đó đã không còn hữu hiệu, vì ngay cả người có quyền lực cách mạng tối cao, trên thực tế đối với những nhu cầu cơ bản về vật chất và tinh thần của người dân cũng không sao đảm bảo được, vì vậy quyền lực bị mất đi hoặc xoay chuyển cũng là điều dễ thấy. Sau năm 68, tôi về sống ở nông thôn. Ban ngày tôi chuyên tâm làm công việc phê bình, buổi tối lại chuyên tâm viết truyện ma quỷ, hai công việc chẳng có liên quan gì đến nhau nhưng lại cùng chung một bối cảnh của công cuộc Đại cách mạng văn hóa. Những người dân sống quanh tôi, họ hoàn toàn chẳng hiểu gì về chuyện hồn ma và “cách mạng văn hóa” (Ngược lại, họ chẳng sợ cái gì cả, thậm chí họ còn tỏ rõ thái độ khinh miệt, một tinh thần mới, nói một cách khác, họ cho những việc tôi làm chẳng khác nào là “chuyện rỗi hơi”). Nhưng những đề xuất nông cạn của tôi lại gặp gỡ họ ở cái “nhu cầu tâm linh” huyền bí. Đương nhiên tôi không thể có cái tài làm cho ma quỷ sống lại, càng không có năng khiếu dùng chuyện ma mà lấp đầy cái bụng trống rỗng của họ, chỉ là tích góp mỗi ngày một chút ít kinh nghiệm từ trời đất, làm một trận đại phê bình và với người cũng thích đấu tranh, nhưng ngược lại không đạt được cảm giác thích thú như mong đợi. Thế thì nói chuyện ma quỷ để tìm cảm giác gì ở trong đó, không chỉ là thú vị, kích thích, mà còn có cảm giác không thể có trong thực tế, cảm giác khiến người ta vừa sợ hãi lại vừa thích thú đến mê hoặc. Nhưng cũng không thể không đề cập tới tác động không nhỏ của Cách mạng văn hóa, trong đó cũng khó tránh khỏi một bộ phận không thích thú, thậm chí là sợ hãi, như những oan hồn phục thù hoặc một số loại tương tự.

Mở lối cho những lệnh cấm nói chuyện ma quỷ, tất nhiên phải đến sau thời kỳ Cách mạng văn hóa, thậm chí nếu công khai nói chuyện ma quỷ thì còn phải đợi đến một thời gian sau nữa. Trong ký ức của tôi, có lẽ phải đợi tới gần mười năm sau, Phùng Ký Tài tiên sinh mới viết một cuốn tùy bút đưa ra một đề xuất mang tính thăm dò: Có nên đi sâu nghiên cứu về vấn đề "văn hóa nói chuyện ma quỷ"? Sau này, nhà xuất bản ở Thượng Hải đã xuất bản một cuốn tiểu thuyết dịch có tên là *Văn hóa ma quỷ.* Mặc dù "văn hóa u minh" của Trung Quốc và "văn hóa ma quỷ" của phương Tây là hai phạm trù hoàn toàn khác biệt, nhưng đã tạo điều kiện cho những phong bế cấm kỵ nghiêm ngặt trước đây được dịp mở cửa hoàn toàn. Từ đó đến nay, những lệnh cấm đoán nói chuyện ma quỷ đương nhiên không còn tồn tại, chỉ cần lên mạng và tra cứu dòng chữ "liên bồng quỷ thoại" là có thể thấy ngay tư tưởng đã được khai mở đến mức nào.

Từ nhỏ tôi đã thích nghe kể chuyện ma, vừa nghe vừa sợ, nhưng càng sợ lại càng muốn nghe, đến khi tôi biết đọc, biết viết, tôi liền tự tìm đến những cuốn sách ma để xem. Bây giờ có thể tự tin đọc được văn ngôn cũng chính là kết quả của thời niên thiếu ham thích những cuốn sách kiểu *Liêu trai chí dị*. Đọc nhiều truyện ma quỷ cũng giúp ta có thêm nhiều hiểu biết về thế giới u minh của người Trung Quốc, những câu chuyện xét về một khía cạnh nào đó còn là biểu hiện cho quan niệm về một thế giới cô hồn, thế giới của người chết theo phong tục lâu đời trong dân gian. Vì những điều đó, mỗi tác phẩm như vậy ra đời không chỉ là sản phẩm của cá nhân mà bao hàm trong đó là sự phản ánh nhiều kiểu quan niệm, suy nghĩ phức tạp về con người và thế giới, qua đó cũng có thể định hướng một cách thống nhất giữa những quan điểm rối ren, phức tạp và đầy mâu thuẫn. Cái chung nhất có thể cảm nhân được chính là cảm giác trải qua nỗi sợ hãi sau mỗi câu chuyện ma thú vị, nỗi sợ hãi ám ảnh khác hẳn với cái sợ sệt vẫn thấy trong cuộc sống hằng ngày. Nói một cách hình ảnh hơn thì chính những câu chuyện ma quỷ ấy lại có thể giúp người ta có được sự thú vị sâu sắc tận trong tâm hồn. Do đã đến

cái tuổi nhàn rỗi đến nhàm chán, cho nên đã nảy sinh cái thú vị nói chuyện ma quỷ làm vui.

Mặc dù vậy nhưng để có được một cuốn truyện ma được đăng trên tập san quả thực cũng không phải chuyện dễ dàng, đó còn chưa kể đến lệnh cấm nghiêm ngặt ở trên. Nhưng điều thôi thúc tôi đến với những câu chuyện ma nhất chính là cảm giác kỳ ảo, ma quái, không thể nói thành lời toát lên từ mỗi trang truyện. Quả thực có những thứ thực sự khó lý giải mà người ta chỉ có thể tìm thấy tính hợp lý của nó ở trong những câu chuyện hấp dẫn này. Vì thế, khi tôi thử đặt bút viết cuốn sách này, trong lòng cũng có nhiều điều e sợ, sợ sẽ mang rắc rối đến cho người biên tập, càng sợ sẽ gây thêm phiền phức cho gia đình. Cho nên khi gửi bản thảo đi rồi mà nghe tin bị gửi trả hay một thông tin gì đó tương tự, tôi không hề cảm thấy bất ngờ chút nào. Nhưng điều nằm ngoài sự mong đợi của tôi là tạp chí *Vạn Tượng* không những mạnh dạn chấp nhận mà còn hào phóng đề nghị mở một chuyên mục kể chuyện ma trên báo. Nhờ có sự khích lệ đó mà chỉ trong vòng hai, ba năm tôi đã nỗ lực không ngừng để có được một số lượng lớn các câu chuyện ma. Trong thời gian kể trên, bên cạnh sự hỗ trợ đắc lực của tạp chí *Vạn Tượng*, tôi còn nhận được sự quan tâm, động viên không nhỏ của các độc giả, những người trẻ tuổi luôn yêu mến và cổ vũ tôi để tôi có được nỗ lực và quyết tâm hoàn thành cuốn sách như ngày hôm nay. Tôi xin bày tỏ lòng biết ơn chân thành và sâu sắc nhất.

Hiện nay, nhà xuất bản Văn học và Nghệ thuật Thượng Hải đang có ý định tập hợp những câu chuyện kể về ma này với những sáng tác có cùng chủ đề nói chuyện ma của những người bạn của tôi để xuất bản thành một bộ sách. Đây thực sự là một niềm vinh dự lớn đối với tôi. Như vậy, những câu chuyện tản mạn về ma của tôi trong suốt hai, ba năm bao gồm cả những sáng tác chưa một lần đăng tải trên tạp chí *Vạn Tượng,* cũng được tập hợp và sắp xếp ấn định theo thời gian sáng tác, trong mỗi trang truyên có những câu từ còn chưa thực sự hoàn hảo, khi xem lại tôi đã xó sự điều chỉnh đôi

chút ở bên dưới, sau này có thể cắt gọt bớt đi cho hàm súc. Đồng thời, trong quá trình viết truyện, khi viết xong mỗi chương đoạn tôi đều tạm thời dừng lại, sau khi lắng nghe mọi ý kiến đóng góp của bạn đọc rồi mới quyết định nên hay không nên viết tiếp, và nên lựa chọn viết như thế nào.

LOAN BÁO QUẦN - Một ngày mùa thu năm 2009

Chương 2: Lại nói về "Những thứ dưới nước"

Đường lão nhân khi xưa đã viết một cuốn sách bàn về "vạn vật sống trong nước", cuốn sách nổi tiếng giới thiệu những loài "tôm, cá, cỏ, cây". Chủ đề này thực sự đã gợi mở cho tôi nhiều suy nghĩ, vì thế cho nên tên đề mục mở đầu câu chuyện không nhất thiết phải nói rõ ràng cái ẩn ý "quỷ sông ma nước" mà chỉ cần gợi mở ra trong phạm vi rộng lớn của một lớp ngôn từ có tính bao quát, vừa mơ hồ, lại vừa bí ẩn. Hơn nữa, cũng không cần phải nhắc tới đặc thù hay sự nghiêm trọng của ma quỷ, mà chỉ cần nói tới vạn vật chung chung mà thôi. Nhưng hôm nay, vấn đề này lại được bàn luận một cách chi tiết, tỉ mỉ hơn. Giả dụ câu chuyện mà chúng ta đang bàn tới ở đây được đặt một típ chuyện giật gân "nói chuyện về những con ma chết đuối" hay văn nhã hơn là "thuyết nịch quỷ[1]", thì điều này chắc hẳn rất khó tìm được một tạp chí thích hợp để đăng tải. Vì thế mượn lối nói của tiền nhân và đưa thêm vào dấu ngoặc kép, người viết không hề có ẩn ý gì sâu xa mà chỉ mong sao thoát khỏi được những mông lung, rối rắm trong nhan đề, để câu chuyện đến được với độc giả và nhận được sự đồng thuận, yêu mến. Đương nhiên sau khi tháo gỡ được những khó khăn này, vẫn không thể tránh khỏi nhiều ý kiến trái chiều, điều này cũng giống như khi đang sung sướng thưởng thức cá biển mà vẫn phải lo ngại về một điều gì đó ẩn sâu trong dòng nước. Tuy nhiên, đó là những câu chuyện của sau này, còn thực tại vẫn rất khó để có thể vượt qua nỗi mông lung, hỗn độn này.

[1] Thuyết nịch quỷ cũng có nghĩa là nói chuyện về những con ma chết đuối.

Trong tác phẩm của mình, Đường lão nhân có một đoạn nói rõ dụng ý việc chuyên tâm nói chuyện ma quỷ của mình, trong đó có đoạn viết: "Tôi có ý muốn lấy ma nước là đề tài tiên phong cho tác phẩm của mình, chính đề tài này sẽ gợi ra nhiều hứng thú cho mọi người trong việc nghiên cứu, thẩm định trên nhiều phương diện." Trong khoảng bảy mươi năm sau khi có câu nói này, không biết đã có ai hứng thú làm công việc thẩm định, nghiên cứu về vấn đề này chưa, hoặc là sau những điều tra nghiên cứu cũng chưa thấy có ý kiến tranh luận gì. Nói tóm lại, tôi vẫn chưa phát hiện thấy có bài viết nào đề cập tới phương diện này. Thành phố tôi ở khi còn nhỏ là một vùng sông nước phương Bắc, có không ít sông, hồ, kênh, rạch chằng chịt, cho nên người dân nơi đây vẫn thường kể cho nhau nghe câu chuyện về những con ma chết đuối. Những câu chuyện ấy chỉ nhằm nhắc nhở trẻ con trong vùng không được chơi đùa ở những chỗ gần sông nước. Mặc dù tôi không còn nhớ rõ những câu chuyện hồi ấy có đặc sắc như những câu chuyện ma vùng sông nước Giang Nam hay không, nhưng đến bây giờ, mặc dù nước sông vùng Hoa Bắc đã cạn khô, lòng sông rộng lớn của mười mấy năm trước đây nay đã trở thành công trường đang thi công nạo vét, nhưng "vạn vật trong nước" ấy chính là những thứ được đào khoét nằm sâu trong lòng đất. Thành phố tôi sống bây giờ lại là nơi chẳng có lấy một dòng sông hay con suối, và đương nhiên cũng chẳng có những câu chuyện ma như trước kia. Mấy năm về trước, để cải thiện tình hình, thành phố đã cho đào một con sông nhân tạo, lòng sông được lát xi măng, hai bên bờ sông là những bậc thềm ngay ngắn, sườn dốc thoai thoải, nhưng không hiểu vì sao, cứ sau ba đến năm bậc lại đột ngột hạ xuống mấy thước, kết quả là mấy năm liền đều có người bị rơi xuống nước chết đuối. Những ghi chép để lại về những vụ chết đuối ấy có lẽ cũng không nhiều lắm, chủ yếu đều là những ghi chép trên tinh thần khoa học, không nhuốm màu sắc mê tín dị đoan, cho nên cũng chỉ có mấy dòng tin tức, cảnh báo đăng rải rác trên các tạp chí, còn lại chẳng có gì được coi là dấu hiệu của những câu chuyện huyền bí về

“người thế tội”. Nói thao thao bất tuyệt một hồi, mục đích của người nói cũng chỉ nhằm giải thích hai chữ “lại nói” có trong đầu đề chương chuyện. Thực tế thì những chuyện trên đây cũng chẳng liên quan gì nhiều với những điều mà Đường lão nhân đã viết, chỉ là từ trong những câu chuyện ấy có chứa đựng một vài thông tin thú vị về ma nước mà chúng tôi muốn bàn tới ở đây.

Chết đuối có thể được coi là biểu hiện phản ánh sự tiến hóa từng bước của con người, vì trong hành trình đi lên của nhân loại luôn luôn có những lối mòn và con người cứ theo cái lối mòn ấy mà đi. Chết đuối cũng là một trong những lối mòn như thế. Lội nước trượt chân và lũ quét dữ dội đều là những điều mà tổ tiên chúng ta không thể lường trước được. Đối với chúng ta, để có được một khái niệm về hồn ma thì rõ ràng cần phải có nhiều hơn những ghi chép về các vụ chết đuối, mà những hồn ma và những người chết đuối lại gặp gỡ nhau ở một quan niệm đã trở thành cố hữu trong tín ngưỡng dân gian là người chết đuối bao giờ cũng phải kéo theo người khác rơi xuống nước để làm kẻ thế thân cho mình thì mới có tư cách tham gia vào vòng luân hồi của những kiếp “ma nước”. Từ trước đó, thi thể của người chết đuối có thể bị chôn vùi hay chìm nổi lênh đênh theo dòng nước lũ làm mồi cho cá dữ nhưng linh hồn của họ thì vẫn vẩn vơ nơi mồ mả hoặc men theo những người hợp duyên qua lại trên đường, những người chết này hầu như không có trường hợp ngoại lê.

Linh hồn của người chết đuối mà có danh tính, địa chỉ quê quán rõ ràng, phần lớn đều được gọi với tên là “Phùng Di”. Cái tên Phùng Di này khẳng định đây là một sự vay mượn tạm thời vì vốn dĩ đó là tên gọi của Hà bá. Trong *Hoài Nam Tử* có đoạn viết: “Phùng Di đặc đạo, dĩ tiềm đại xuyên[2]” Từ thời nhà Hán trở về trước, dòng sông lớn được nhắc tới ở đây chính là sông Hoàng Hà. Trong những tài liệu còn ghi chép lại được đã xuất hiện câu chuyện lưu truyền trong dân gian về Phùng Di. Trong những câu chuyện ấy, Phùng Di hiện lên là một vị thần sông từ thời cổ đại vô cùng gần gũi với

người dân vùng sông nước. Dường như vị thần sông ấy có nguồn gốc xuất thân từ một người bình thường trong dân gian, chỉ sau khi tu luyện "đắc đạo" mới trở thành thần sông nước: "Phùng Di, người vùng Hoa Dương, đắc đạo trở thành thần sông." Nhưng làm thế nào Phùng Di có thể đắc đạo thành tiên? Những ghi chép giải thích về vấn đề này lại hoàn toàn không giống nhau, trong cuốn bốn truyện sưu tầm về thần thánh của Ca Bảo thời Đông Tấn đã hé lộ một số thông tin được lưu truyền trong dân gian:

Hoằng Nông Phùng Di là người vùng Hoa Âm[3], *chết đuối trong một lần qua sông vào ngày Canh Thìn tháng Tám. Thiên hoàng thương xót phong làm Hà bá cai quản vùng sông nước. Trong sách Ngũ hành cũng viết: "Hà bá chết vào ngày Canh Thìn. Không thể chèo thuyền qua sông, đắm thuyền mà chết."*

[2] Có nghĩa là: Phùng Di tu luyện thành công về ở ẩn nơi sông lớn.

[3] Tên địa danh ở tỉnh Thiểm Tây - Trung Quốc.

Thì ra, sự "đắc đạo" của Phùng Di xuất phát từ nguyên nhân chết đuối của ông ta. Nhưng lúc đó vẫn chưa thịnh hành thuyết "thi giải[4]" thành tiên, ở đây ám chỉ sự chết đuối của Phùng Di. Trên thực tế, ông ta rơi vào tình cảnh tai ương như vậy thực sự chẳng có gì may mắn cả, cũng chẳng phải thoát xác hóa thần hóa thánh gì hết. Vì thế việc chết đuối và "đắc đạo" là hai chuyện không hề liên quan đến nhau. Vậy nhưng, tại sao Thiên hoàng lại phong tước cho ông ta là Hà bá? Để lý giải điều này người ta chỉ có thể dựa vào phỏng đoán. Đứng từ phương diện cái thiện mà nói thì sau khi Phùng Di qua đời, đảm nhiệm vai trò thần sông, xuất phát từ chính nỗi bất hạnh mà cuộc đời mình gặp phải, nên ông ra sức cứu giúp, bảo vệ người dân, tránh cho họ gặp phải tai nạn chết đuối. Đó là một việc làm đầy thiện tâm. Nhưng đứng từ phương diện cái ác mà lý giải, theo thuyết Ngũ hành đã đưa ra lời khuyên cảnh báo tới những người chèo thuyền qua sông vào những ngày nước lớn phải hết sức cảnh giác, vì thời điểm đó chính là lúc

Hà bá giận dữ sẵn sàng nhấn chìm bất cứ ai xuống vực nước sâu thăm thẳm. Tuy nhiện, trong tâm thức của con người, chúng ta vẫn tin vào tấm lòng thiện tâm của người quân tử, cho nên mỗi người dân vẫn thường không nghi ngại mà nhận định rằng việc làm quen thuộc, giản đơn của thần Hà bá chính là bảo vệ, cứu giúp những người qua sông được an toàn. Có thể đưa ra một ví dụ dễ thấy từ truyện Dinh tân phụ[5] trích từ cuối năm, *Sưu thần ký*[6]:

"Trên dòng sông Hoài Nam đã từng xảy ra cái chết thương tâm của một cô gái trẻ, vốn là một thiếu nữ xinh đẹp, mười sáu tuổi đã xuất giá. Câu chuyện về nàng thật thương tâm! Sống ở nhà chồng, nàng bị áp bức, đánh đập đến nỗi không thể chịu được. Vào đúng ngày mùng Chín tháng Chín, trong nỗi đau khổ, uất ức đến tột cùng, nàng tự tìm đến cái chết. Câu chuyện về người con gái bất hạnh ấy vẫn được người dân kể lại với nỗi thương cảm vô bờ. Trong những ghi chép của mình, Vu Chúc đưa ra lời khuyên: "Những người phụ nữ trong gia đình cần ghi nhớ trong ngày mùng Chín tháng Chín chớ nên làm bất cứ việc gì."

[4] Thi giải: có nghĩa là thoát xác.

[5] Người vợ trẻ.

[6] Những ghi chép, sưu tầm chuyện về các vị thần.

Một oan hồn bị mẹ chồng đối xử tàn nhẫn mà chết, linh hồn hóa thành minh thần để bảo vệ những người phụ nữ bất hạnh, vị minh thần này cùng với oan hồn chết đuối nói ở trên chẳng phải cũng giống nhau ở hành động nhân nghĩa ấy sao?

Nếu phỏng đoán này là đúng, thi Hà bá chính là oan hồn đầu tiên được phong thần. Sự việc chết đuối mà hóa thành thần sông như thế, hàng ngàn năm sau, vào thời Nam Tống cũng lưu truyền trong dân gian câu chuyện nổi

tiếng về Lý Hầu khi qua sông bị quỷ ám mà chết. Cũng giống như Phùng Di, ông ta chết đuối và cũng được phong làm thần trị thủy. Một ví dụ khác trong *Hữu đài tiên quán bút ký*, cuốn chín, *Tiên giang nữ thần* của Du Việt có đoạn kể về một dân nữ họ Lưu sống ở huyện Hữu Tuyền, tỉnh Tứ Xuyên sau khi chết đuối: "Ở dòng sông Tiên Giang, mỗi khi có người rơi xuống nước thường có một vị thần xuất hiện cứu vớt. Vị thần này mỗi lần hiện lên thường mặc một chiếc áo trắng, dung mạo toát lên vẻ xinh đẹp của một thiếu nữ còn xuân trẻ. Người ta cho rằng, rất có thể đó là linh hồn của người con gái họ Lưu kia. Đã trải qua bao đời mà linh hồn người đã khuất vẫn lẩn khuất đâu đây, người dân vùng này đã gom góp tiền bạc xây dựng miếu thờ nàng, trên thành miếu còn ghi tạc dòng chữ "Tiên Giang thủy thần miếu[7]", lúc nào cũng nghi ngút khói hương." Từ điều này có thể thấy, người dân sống vùng sông nước thường có một niềm tin, hy vọng tuyệt đối vào sức mạnh của những vị minh thần phù hộ cứu giúp mình vượt qua khó khăn, hoạn nạn.

[7] Nghĩa là: Miếu thờ thủy thần trên sông Tiên Giang.

Nhưng cũng có những điều trái ngược với tín ngưỡng này, đó là tư tưởng "giang Tránh[8]", linh hồn sau khi chết thường tìm đến lôi kéo những người khác vào chỗ chết đuối để làm người thế thân cho mình. Quan niệm "ma đưa lối, quỷ dẫn đường" này được nói tới sớm nhất trong cuốn ba, truyện truyền kỳ *Bắc mộng tỏa ngôn*[9] của Tôn Quang Hiến, trong tác phẩm có đoạn viết:

Lưu vực hai bên bờ những dòng sông lớn thường có nhiều oan hồn chưa siêu thoát vẫn đi đi về về dụ dỗ nhưng người qua lại ngã xuống nước, đắm thuyền mà chết, oan hồn người chết lại tiếp tục quẩn quanh dụ dỗ, hãm hại những người qua sông khác, tạo thành cái vòng luẩn quẩn đầy oan nghiệt.

[8] Nghĩa là: Ma đưa lối quỷ dẫn đường.

[9] Nghĩa là: Những ghi chép tản mạn về giấc mộng phương Bắc.

Cũng vẫn tác phẩm ấy, trong cuốn bốn có đoạn ghi:

Phàm là những người chết do hổ vồ, hay ngã nước thì linh hồn đều rất khó siêu thoát, họ thường vật vờ quanh quẩn tìm người thế mạng cho mình.

Sau này, hai chữ "giang tranh" không còn được người đời sau sử dụng, thay vào đó học nhắc nhiều đến những chữ "oan hồn chết đuối". Điều này đại khái là chỉ những kẻ chết đuối nếu không tìm được người thế mạng thì sẽ không đầu thai thành người được. Trên thực tế, những oan hồn cần tìm người thế mạng không chỉ có ở quanh ao, hồ, sông nước mà ngay cả oan hồn chết đuối dưới giếng cũng cần tìm người thế thân. Trong *Tiền thị tư chí* của Tiền Thế Chiêu thời Nam Tống có đoạn viết:

Vào thời Thiệu Hưng, Ngô Sơn Hạ có một cái giếng lớn, mỗi năm đều có nhiều người rơi xuống giếng chết đuối. Thái úy Đống Đức đã cùng nhân dân hào phóng quyên góp tiền của xây cất giếng, có thể dùng thùng lấy nước, giúp hạn chế nhiều vụ tai nạn thương tâm xảy ra, có người trước khi chết còn nghe thấy từ trong giếng vọng ra tiếng nói: "Các người luôn sợ hãi trước cái chết, chúng ta có khả năng cướp đi sinh mạng của các người bất cứ lúc nào."

Câu nói cuối cùng đó thực chất chỉ là thủ pháp "vẽ rồng thêm mắt" của người viết, rất có thể là ảnh hưởng từ truyện *Tiếu lâm* hoặc trích từ Phật môn. Còn đối với câu chuyện về oan hồn chết đuối, trong những cuốn tiểu thuyết từ thời Tống đã nhiều lần đề cập đến, tác dụng giáo dục mà những câu chuyện đó mang lại chính là khuyên mọi người đặc biệt lưu ý khi qua lại những khu vực ven sông, nơi đã từng có người bị chết đuối, không những không nên lội nước mà tốt nhất hãy tránh xa khu vực đó một khoảng cách an toàn. Bài học có ý nghĩa cảnh báo đặc biệt với những ai sống trong khu vực nhiều sông, hồ, kênh, rạch.

Một khi những hồn ma đã tìm được người thế thân, họ sẽ ra sức tìm cách lôi kéo, dụ dỗ, hoặc sử dụng những trò lừa gạt, bịp bợm, hoặc dùng chính nhan sắc để mê hoặc. Người viết cố ý nhấn mạnh và đưa ra lời cảnh báo tới những gia đình sinh sống ở ven sông, vì trên thực tế, phần lớn những hồn ma chết đuối đều có liên quan tới những vụ án trên sông nước, cho nên những linh hồn ấy nếu chưa được siêu thoát chẳng khác gì lũ thổ phỉ chuyên gieo tội ác, hãm hại người vô tội. Trong *Di kiên giáp chí,* cuốn bốn *Tưởng Bảo vong mẫu* của Hồng Mại thời Nam Tống có đoạn kể lại một cách súc tích, khúc triết và đầy sống động về vấn đề này:

Phác Tưởng Bảo một mình một ngựa rong ruổi về quê, đang chìm đắm trong cảnh sắc thôn dã giữa đem khuya tĩnh mịch, bỗng từ phía sau đi tới một giai nhân khoác trên mình bộ xiêm y trắng toát, cùng song hành đi tới bến nước trước mặt. Giai nhân mời mọc chàng cùng tắm tiên, nàng cầm vạt áo nhẹ nhàng cởi ra, rồi từ từ ngâm mình xuống nước. Bất chợt vang một lên tiếng gọi mơ hồ, ban đầu chỉ là những âm thanh vọng lại từ xa nghe không rõ, sau rõ dần, nghe ai oán như lời khóc mẹ. Trong lời than khóc có hàm ý răn đe: "Đồng hành giả phi hảo nhân, thiết bất khả dữ dục [10] *" Lời nói vừa dứt, Phác Tưởng Bảo vội vã lội vào bờ, phi ngựa chạy thẳng đến nhà dân gần đó. Khi trấn tĩnh ngoái đầu nhìn lại chỉ còn thấy chiếc áo trắng phất phơ, mập mờ rồi biến mất.*

[10] Có nghĩa là: Người đi cùng không phải là người tốt, tuyệt đối không nên tắm chung.

Câu chuyện nhằm đưa ra bài học đề cao cảnh giác, ý nghĩa của bài học này không chỉ có tác dụng đối với nhân dân sống ở những vùng sông nước, mà suy rộng ra ở những nơi như tụ điểm cờ bạc, lầu xanh cũng có hiện tượng "ma đưa lối, quỷ dẫn đường" dưới nhiều dạng thức khác nhau. Như vậy có thể nói, tác dụng giáo dục của những câu chuyện ma quỷ là thiên biến vạn hóa, có thể áp dụng vào nhiều trường hợp khác nhau trong cuộc

sống, tuy chưa thật đầy đủ nhưng cũng có thể bổ sung một cách phong phú và cụ thể hơn cho tư tưởng "thần giáo" theo quan niệm của dân gian.

Trong *Tử bất ngữ* của Viên Mai, cuốn ba, *Thủy tiên điện* có đoạn viết: Một chàng thư sinh, trên đường vào kinh hưởng bổng lộc vua ban, tình cờ gặp một người áo đen, người này đã dùng hết lời ngon tiếng ngọt dụ dỗ chàng theo nàng ta xuống "Điện Thủy tiên" dạo chơi vãn cảnh. Khi cánh cửa sơn son thiếp vàng mở ra, từ phía tây hồ nổi lên một cung điện uy nghi lộng lẫy, bên trong xuất hiện vô số các cung nữ với xiêm y lộng lẫy đang say sưa trong lời ca điệu múa. Người áo đen chỉ tay và nói: "Kia là chốn bồng lai tiên cảnh, chàng hãy cùng ta ở lại đây ngắm nhìn các mỹ nữ, thưởng nhạc họa thơ, cuộc sống như vậy chẳng phải vui vẻ lắm sao?" Câu chuyện này còn ngụ ý một lời khuyên sâu sắc gửi tới các bạn thanh niên trẻ tuổi không nên ham mê quá đà vào những trò ăn chơi nơi vũ trường, quán xá. Với ý nghĩa đó, câu chuyện đã vượt qua cả giới hạn bó hẹp của phạm vi "kể chuyện ma quỷ" mà vươn ra tầm xã hội, mang đến những bài học giáo dục thiết thực nhất. Những câu chuyện ma quỷ được ghi chép lại trong *Hữu đài tiên quán bút ký* có sử dụng rất nhiều yếu tố huyền ảo nhằm huyễn hoặc con người, chẳng khác nào dùng tấm màn che nhiều màu sắc che khuất tầm nhìn của người khác, khiến họ không thể thấy được lối đi mà chỉ còn cách men theo những thanh vịn lan can chới với để qua cầu.

Từ những hành vi ma quỷ đó, có thể thấy đây đều là những âm mưu xấu xa nhằm hãm hại người khác để chuộc lợi về mình, vì thế cả "giang tránh" và "hổ tránh[11]" đều chẳng kém gì lũ lừa gạt, đê hèn, bỉ ổi, xấu xa… chúng đôi khi còn giống nhau ở ngay thủ đoạn và hành vi hại người. Như trong *Tùng song mộng ngữ* của Trương Hãn đã ghi lại trường hợp hai thư sinh bị chết đuối trên sông. Để mình có thể được đầu thai luân hồi vào kiếp khác, họ đành phải hóa thành hai kiều nữ chốn "thanh y" hòng dụ dỗ những chàng thư sinh tuấn tú đồng môn của mình. Cho nên, điều bị coi là "ích kỷ" ở đây thực chất lại là những mong muốn chính đáng, không có sự lựa chọn nào

khác buộc họ phải sử dụng những thủ đoạn tàn ác đẫm máu, đó chỉ là sự lựa chọn bất đắc dĩ của những hồn ma khát khao được luân hồi chuyển kiếp mà không còn cách nào. Thành thử suốt khoảng thời gian mấy chục năm về trước, một loạt những quy định nghiêm ngặt về "bạch phân chi ngũ" hóa ra đều là mong tìm được người thế mạng. Tuy nhiên, trong thời điểm đó cũng xuất hiện những hồn ma cao thượng, chịu chấp nhận số kiếp lưu đày khổ ải mà không cần thế thân. Câu chuyện của Vương Lục Lang trong *Liêu trai chí dị* chắc hẳn đã quá quen thuộc với mọi người, vì thương tình Vương Lục Lang mà Thiên đế đã ban cái chết cho một cô gái làm oan hồn thế thân cho chàng ta, nhưng thật không ngờ sau bao ngày tháng trông mong có một vận may để đầu thai, siêu thoát, vậy mà đến lúc cần đưa ra quyết định, anh ta lại lựa chọn chấp nhận mãi mãi làm oan hồn lênh đênh chìm nổi trên mặt nước mà nhường lại cơ hội sống sót cho người con gái vô tội kia. (Câu chuyện này về sau còn được dùng để nói tới quan điểm về sự báo ứng ở đời, nhưng khi đưa vào "cảm ứng thiên bàng chứng" lại dùng để nói tới những điều tốt đẹp trong cuộc sống). Một ví dụ khác trong *Hữu đài tiên quán bút ký,* cuốn sáu, có kể lại câu chuyện về một người chẳng may sa chân xuống nước mà chết đuối, mặc dù không giống hành động của Vương Lục Lang, nhưng nhân cách của anh ta cũng được xem là cao thượng, vì bắt đầu từ giây phút anh ta lìa khỏi thế gian và chìm dưới đáy nước, anh ta cũng không hề có ý định hại người hòng thế mạng cho mình, cho nên những hồn ma chết đuối ấy tất nhiên cũng được nhân dân coi thờ như những vị thần tốt bụng luôn bảo vệ cuộc sống của con người.

Đối với những hồn ma tìm cách hãm hại người vô tội để thế mạng một cách vô lý, Viên Mai, nhà thơ nổi tiếng đời Thanh cũng đưa ra nghi ngờ, trong *Viết tiếp tử bất ngữ,* cuốn ba, *Đả phá quỷ lệ* có đoạn viết:

Đêm khuya thanh vắng, chàng thư sinh họ Lý đang say sưa đọc sách bên dòng suối cạnh nhà, bỗng từ xa vẳng lại một giọng nói đầy ma mị: "Ngày

mai sẽ có người qua sông, và thế thân cho ta." Ngày hôm sau, quả nhiên có người qua sông, chàng thư sinh họ Lý bèn tìm cách ngăn anh ta lại.

Đêm về, hồn ma hôm trước đến trách mắng: "Nhà ngươi cớ sao lại ngăn cản việc ta tìm người thế thân?" Chàng thư sinh họ Lý đáp: "Vạn vật đều có quy luật luân hồi, tại sao ngươi không chờ đợi đến kiếp luân hồi mà nhất nhất phải tìm người thế thân cho mình?" Hồn ma đáp lại: "Lệ thường dưới âm phủ trước nay đều như thế, ta cũng không thể làm khác. Ta đâu có được may mắn như người sống giữa chốn trần gian, đi học thì được cấp lương, được làm quan, chức quan còn trống tất nhiên sẽ có người được bổ khuyết, ngươi nghĩ xem như vậy chẳng phải là quá may mắn hay sao?" Chàng thư sinh họ Lý đáp: "Nói như ngươi thì quả là nhầm lẫn quá rồi! Học trò đi học được nhà vua cấp lương thảo, quan lại được hưởng bổng lộc vua ban, người dân trong thôn cùng xóm vắng ai nấy đều có phần, vậy thì chẳng thể nói là lãng phí, tất cả đều có định mức được quy định rõ ràng, không thể là việc làm tùy tiện, bất đắc, bất nhiên được. Hơn nữa cuộc sống trần gian và địa phủ, giữa âm và dương vốn khác xa vời vợi, tự sinh tự diệt, mình làm mình hưởng, vì thế tạo hóa chỉ có công quản lý của cải và phân chia công bằng cho tất cả mọi người mà thôi." Hồn ma lại nói: "Vậy với kẻ quân vương, hai chữ thịnh suy, thế ngôi thì giải thích làm sao?" Lý đáp: "Nhà ngươi còn hỏi tới chuyện thế ngôi sao? Các vương triều thay thế nhau là điều tất yếu của lịch sử, việc nhà ngươi đến để kéo ta làm người thế thân, lại còn hỏi ta về việc luân vương, thật chẳng khác nào mắng người trước mặt." Hồn ma cười lớn, nhảy múa mà đi, từ đó không thấy quay lại nữa.

Viên Từ nói tới ma quỷ mà không tin ma quỷ, trong những câu chuyện cổ dân gian vẫn thường thấy có những cách hỏi vặn như vậy, qua đó hàm ẩn rất nhiều những kiến giải đặc sắc về cuộc sống, con người, về nhân tình thế thái. Ông đưa ra một ví dụ về chuyện ma quỷ ở thế giới địa phủ, nhưng từ chuyện cõi âm mà người ta có thể dễ dàng hình dung, liên tưởng tới cõi dương, đây là dụng ý lấy âm chỉ dương của người viết. Mục đích của câu

chuyện không phải là chuyển luân vương mà là chính chúng ta, những con người đang sống trong thế giới thực tại.

Nhưng tại sao chúng ta lại không có cơ sở khoa học lý giải điều này mà phải mượn cớ hồn ma đáng thương tự tìm đến phiền phức trong câu chuyện để gửi gắm suy nghĩ của mình? Quả thực, ngay cả những gợi dẫn từ trong câu chuyện dân gian, Viên Tử cũng mới chỉ đưa ra những gợi ý cho những nghiên cứu sau này. Khiêm nhường đưa ra cách lý giải xuất phát từ căn nguyên của câu chuyện này để gửi thông điệp cảnh báo tới mọi người nên tránh xa những mép nước nguy hiểm. Ngoài ra, thông qua câu chuyện này, người viết còn muốn đưa ra lời cảnh báo thứ hai, lời cảnh báo dành cho những ai có ý định nhảy sông tự tử, đừng coi thường mạng sống của mình, nói một cách khác chính là ông lên tiếng phản đối những suy nghĩ tiêu cực muốn tìm đến cái chết hòng trốn tránh cuộc đời. Tất nhiên, với những hồn ma tự vẫn như vậy ít có nhiều liên quan đến nguyên nhân do cuộc đời đưa đẩy.

Quả thực, những tài liệu nghiên cứu hiện đã có thể phản ánh phần nào một cách chân thực hoàn cảnh lịch sử của thời đại. Những câu chuyện về "nịch quỷ cầu đại[12]" xuất hiện muộn nhất vào cuối đời Đường. Nếu so sánh với những câu chuyện về "ải quỷ cầu đại[13]" xuất hiện vào thời Nam Tống thì là xuất hiện sớm hơn mấy trăm năm. Từ những ảnh hưởng khách quan, có thể thấy, so với "ải quỷ", "nịch quỷ" có tác động xấu, phá hoại và làm ô nhiễm môi trường sinh thái của chúng ta, vì thế đối với "nịch quỷ", mọi người thường có thái độ phản cảm. Nói một cách mang tính chất thăm dò thì mặc dù trong lịch sử có nhiều người chết vì treo cổ hơn những người chết vì chết đuối, nhưng có vẻ như càng về sau này số vụ chết đuối ngày càng tăng. Vấn đề đặt ra là có nên nâng cao trình độ "thuyết phục" một bộ phận những người có suy nghĩ coi thường mạng sống muốn nhảy sông tự vẫn sang treo cổ tự vẫn? Về vấn đề này thật khó để đưa ra những con số

thống kê chính xác, chúng tôi cũng chỉ xin dừng lại ở một vài suy nghĩ mang tính chủ quan như vậy.

[12] Hồn ma chết đuối tìm người thế thân.

[13] Hồn ma treo cổ tìm người thế thân.

Nói đi nói lại, dù sao đã dám cả gan đề cập đến những vấn đề này thì cần phải có thái độ dứt khoát, hoặc là làm hoặc là không. Một khi đã nhắc đến hồn ma chết đuối thì phải nói thêm về những linh hồn vì treo cổ tự tử mà chết. Trên đây đã nhắc tới "ải quỷ cầu đại", thì cũng nên nói rõ hơn về chủ đề này.

Hồn ma treo cổ

Trong *Duyệt vi thảo đường bút ký* của Kỷ Vân đã dẫn một câu chuyện nói về một tên côn đồ, qua đó phân biệt rõ hai loại hồn ma, một loại chết chìm dưới giếng, một loại khác treo cổ tự vẫn, cả hai hình thức tìm đến cái chết đó đều cần phải đắn đo vì chẳng ai có thể biết lựa chọn nào là thích hợp.

Trong *Đường ngôn* có một câu nói: "La bặc bạch thái các hữu sở ái[14]", một câu nói khác cũng có ý nghĩa tương tự: "Đầu hà thượng điếu, các hữu sở hiếu[15]" Tại sao lại có những người dễ dàng tìm đến cái chết mà không biết trân trọng cuộc sống của mình? Tất nhiên phải tìm đến con đường không lối thoát như vậy cũng có nhiều nguyên nhân từ hoàn cảnh đến tâm lý, nhưng nghĩ kỹ lại thì còn có một nguyên nhân khác xuất phát từ chính "sự thoải mái" trong quá trình đơn giản hóa cuộc sống và cái chết, nên những người tự tử ngày càng một gia tăng đã trở thành điểm nóng của xã hội.

[14] Ngay cả loài củ cải trắng còn có tình yêu.

[15] Cúi đầu trên mặt sông xót thương người đã chết cũng là biểu hiện của tình thương yêu.

Không biết là bắt đầu từ khi nào, thắt cổ tự vẫn đã trở thành phương thức thường dùng nhất của những người muốn tự sát. Mặc dù, đó không phải là cách thể hiện "oanh liệt" nhất, nhưng không thể nghi ngờ đó là hình thức tiện lợi và nhanh chóng nhất. Và đó cũng là hình thức thường dùng của các vị hoàng đế ngày xưa. Thời Xuân Thu, Sở Linh Vương, Ngô Vương là những vị hoàng đế cao quý đã lựa chọn đến với cái chết bằng cách treo cổ tự vẫn bên gốc cây trên đỉnh Vạn Tuế sơn. Còn đối với những người dân thường, thì trong *Tự quái đông nam ký* có miêu tả, từ những ngôi nhà tranh ven sông thường vọng đến những âm thanh thảm thiết, đó là tiếng khóc thương, than vãn của những người dân thường khi họ đi tới bước đường cùng buộc phải tìm đến cái chết trên xà nhà để giải thoát cho chính mình.

Ở thời cổ đại, hình thức tự sát rõ ràng không phải là "cái mốt đa dạng" theo kiểu "quang điện hóa khí" như thời hiện đại, nhưng cũng có một vài hình thức để lựa chọn. Vậy mà cách họ tự sát cũng oanh liệt chẳng kém gì Sở Bá Vương hay Vưu Tam Thư. Bởi lẽ ở họ có dũng khí, có sự lợi hại mà người bình thường không thể có, khi thì nhảy lầu, lúc lại rơi từ trên đài cao xuống… Hình thức tự sát ở thời cổ đại cũng có những đặc quyền nhất định, trong đó mức thấp nhất chính là hình thức bêu xấu trên khán đài, rồi ép uống thuốc độc, nhốt vào nhà lạnh hoặc xông khói độc… Không nói đến những phí tổn do các hình thức tự sát này gây ra, rõ ràng thời nay chúng ta không thể dễ dàng theo được cha ông ta về sự "tinh tế" và "mức độ sáng tạo" như thế. Nói đi nói lại, lựa chọn hình thức tự vẫn treo cổ hay nhảy sông vẫn đỡ tốn kém chi phí nhất. Hơn nữa, hình thức treo cổ lại không câu nệ về mặt thời gian, địa điểm hay bị người ngoài xoi mói, bắt bẻ nhiều điều. Nói một cách khác thì hình thức này vốn không bị phụ thuộc vào địa hình, địa thế, chỉ cần chuẩn bị một sợi dây đủ đỡ trọng lượng cơ thể mình là có thể đạt được mục đích rồi. Từ những điểm trên có thể thấy treo cổ tự vẫn vẫn là

hình thức tiện lợi mà từ những người bình dân đến dòng dõi quý tộc thường lựa chọn mỗi khi muốn tìm đến cái chết.

Một số lượng không nhỏ những người tìm đến cái chết là những kẻ nghèo đói và những người sống trong thời kỳ chiến tranh loạn lạc. Trong sách cổ thường có một số lượng lớn ghi chép về nỗi tuyệt vọng của những người buộc phải lựa chọn cho mình con đường chết. Đó là những người dân chạy loạn do chiến tranh hoặc những người dân lầm than cơ cực vì khổ sai lao dịch. Trên con đường đầy bất hạnh ấy, cứ cách mười bước chân lại có người đói khát treo mình trên cành cây. Thảm cảnh này thực sự là quá sức tưởng tượng. (Đương nhiên, nếu như có một vương triều không cho người dân cái quyền tự do giải thoát mình khỏi cái đói, cái khổ của cuộc sống bằng cách tự vẫn thì cũng chỉ là hình thức lấp liếm qua quýt để phô ra cái vẻ tốt đẹp bề ngoài mà thôi.) Nói đến thời kỳ loạn lạc, có thể dẫn ra đây một đoạn ghi chép từ cuốn bảy, *Quang Châu binh mã trùng* trong *Di kiên chi chí quý tập:*

Quang Châu (tức Hoàng Xuyên, Hà Nam ngày nay) trải qua thời kỳ chiến loạn bi thảm, tàn khốc trong lịch sử. Binh đao khói lửa vô tình khiến bao người dân vô tội chết thảm. Trong hoàn cảnh đó, nhiều anh hùng nhân kiệt như Thuần Hi Sơ, Trương Nhiễu Trịnh đã tìm mọi cách trấn thủ địa phận quận huyện mình cai quản. Thậm chí họ còn cho xây dựng hành lang trấn thủ kiên cố, vững chắc ở phía tây thành. Hỏi sai dịch của quan lại thì nhận được câu trả lời: "Những kho kiên cố đó đến nay chưa mở cửa một lần." Trong suy nghĩ Trịnh Tố Tham ắt có tư tưởng phục quốc. Đạp đổ xiềng xích, gông cùm, gươm đao… đó đều là những tư tưởng lệch lạc làm tổn thất đến lợi ích quốc gia nên không thể tin dùng. Hệ lụy xảy đến là hàng vạn người treo mình trên xà nhà tự vẫn. Có người ghi lại: "Thời buổi loạn lạc, người dân chạy loạn kín đường, họ tự tìm cách giải thoát cho mình bằng sợi vải tơ thắt cổ tự vẫn."

Hàng vạn người treo cổ tự vẫn trên xà nhà, con số này quả thực có sức mạnh tố cáo ghê gớm. Điều này đã trở thành một "hiện tượng" vô cùng kỳ lạ. Lần lượt hàng vạn người treo mình tự tử tạo nên một tình cảnh thảm thương, bi đát, xót xa đến cùng cực trong lịch sử Trung Hoa thời đó.

Mặc dù phần lớn những người tự vẫn đều thuộc tầng lớp dân đen con đỏ, những người rơi vào vào cảnh sống lầm than cơ cực, không lối thoát, nhưng đứng trên phương diện lịch sử mà nói thì đây quả thực là một giai đoạn lịch sử đen tối của đất nước. Một bộ phận không nhỏ những người tìm đến cái chết thời kỳ này là những trung thần hết mình vì đất nước, những liệt nữ kiên trinh tìm đến cái chết để bảo vệ phẩm giá cao quý của mình. Hành động ấy của họ tiêu biểu cho những con người trung nghĩa, chính trực trong vương triều, đối lập với những cái chết đê hèn của kẻ thất phu tiểu nữ chỉ bôi nhọ thêm cho nền thống trị vốn dĩ là linh thiêng thần thánh theo kiểu "tự kinh ư câu độc nhi mạc chi tri dã[16]".

[16] Theo Luận ngữ.

Đặc biệt thời kỳ Tống, Nguyên sau này, khi cái lý học dần dần thấm nhuần trong tư tưởng của quần chúng nhân dân thì vấn đề tự sát được biểu hiện dưới những hình thức, thậm chí là những thủ đoạn đơn giản mà tinh vi hơn rất nhiều nhằm bảo vệ cái gọi là trung nghĩa, tiết liệt của người quân tử. Và dường như người ta cũng ưa lựa chọn cái "long xà" làm nơi thực hiện hành động treo thân mình tự sát để bảo vệ danh phẩm của mình. (Tất nhiên đây là việc làm của những người có thân phận cao quý trong xã hội.) Họ tìm đến hình thức tự sát này chẳng những để bảo vệ danh giá của gia tộc mà còn vì Tổ quốc. Mặc dù họ đã chết nhưng vẫn còn thế hệ con cháu sau này cung kính mà tưởng nhớ. Những hành động lập cờ biểu, lập bàn thờ, lưu danh sử sách đều là những thủ đoạn của những người đương quyền trong hiện tại hay quá khứ nhằm đề cao, tán dương những thứ được gọi là đạo đức hoàn thiện theo kiểu "dị dạng" đó. Thành thử hình thức này đã trở thành hành động "diễn trò" tồn tại trong suốt mấy triều đại Tống, Nguyên,

Minh, Thanh. Khi Sùng Trinh lên ngôi hoàng đế đã đưa ra lệnh chỉ những người thân cận, gần gũi nhất với mình mới được phép diện kiến, song hành cùng với nhà vua, còn những kẻ khác không có cơ hội này. Tin tức truyền đến, một số trung thần lũ lượt tìm cách treo mình lên xà nhà quyên sinh nhằm phản đối. Với hành động ấy, lẽ đương nhiên những người này sẽ được ghi danh trong sử sách. Một trường hợp khác, người mẹ khi biết con rể chết, người con gái đang còn xuân trẻ của mình buộc phải thủ tiết thờ chồng sẽ vô cùng khốn khổ. Bà đắn đo suy tính, hoặc là khuyên con nên bỏ đi cái chữ tam tòng, mặc kệ việc đánh mất danh tiết mà đi bước nữa, hoặc là giữ lấy hai chữ tiết trinh mà khuyên con mình treo cổ tự vẫn để trở thành tấm gương liệt nữ và được người đời sau truyền tụng, ngợi ca, lưu danh sử sách. Trong lịch sử những trường hợp như trên thường thấy rất nhiều.

Cho nên, dù không có số liệu thống kê một cách tuyệt đối nhưng nhìn một cách khái quát có thể quả quyết rằng treo cổ là phương thức tự vẫn được con người lựa chọn nhiều nhất trong lịch sử từ cổ chí kim. Mặc dù vậy nhưng ở thời cổ đại, một khoảng thời gian rất dài không có hồn ma treo cổ nào được quan tâm một cách đặc biệt. Chính vì vậy, có thể thấy loại hồn ma treo cổ xuất hiện tương đối muộn. Sau này, những người treo cổ tự vẫn đi vào các câu chuyện ma quỷ một cách rất tự nhiên, như ác ma đội lốt thái tử trong *Tả truyện* hay người con gái họ Cung trong câu chuyện *Hồng diệp truyền thi* trích từ *Bắc mộng tỏa ngôn* xuất hiện thời kỳ Ngũ Đại. Nhưng tất cả những linh hồn chết do thắt cổ tự vẫn này thường đều trở thành những linh hồn kỳ dị. Do những quy định nghiệt ngã của gia tộc đã chia cắt mối tình trong sáng giữa người con gái họ Cung xinh đẹp và chàng thư sinh Lý Nhân thông minh, tuấn tú. Tuyệt vọng, đau khổ vì tình yêu tan vỡ, nàng tìm đến cái chết. Nhưng:

Sau khi chết, linh hồn người con gái họ Cung vẫn vấn vương, không rời chàng thư sinh họ Lý. Vài năm sau, Lý Nhân đột nhiên lâm bệnh nặng. Gia đình thuốc men tìm người chạy chữa khắp nơi vẫn không khỏi. Một hôm, có

vị đạo sĩ già đi qua, người nhà bèn mời vào xem bệnh. Đạo sĩ phán "Người này có âm tà đeo bám" nên sắp cho mấy lá bùa hòng xua đuổi tà ma. Từ khi có những lá bùa yểm bên người Lý Nhân, linh hồn người con gái họ Cung không còn chỗ đeo bám đành phải cáo từ ra đi.

Xem ra linh hồn treo cổ tự vẫn ấy không những đa tình mà còn vô cùng lương thiện. Nhưng xét về diện mạo bên ngoài hay tính cách bên trong của người con gái họ Cung kia so với những hồn ma khác cũng không có gì khác biệt. Ngay cả việc dùng âm khí thâm nhập vào người ở dương thế cũng là chuyện rất đỗi tự nhiên như những hồn mà khác vẫn thường làm. Tất nhiên, trong những câu chuyện viết về đề tài ma quỷ không thể thiếu những chi tiết được người viết cường điệu hóa một cách đặc biệt. Đó là những yếu tố kỳ ảo làm nên nét độc đáo, cuốn hút cho từng câu chuyện. Và truyện về người con gái họ Cung dẫn ra trên đây cũng không phải là trường hợp ngoại lệ.

Nhưng để hình ảnh hồn ma treo cổ tự vẫn trở thành đề tài được định danh trong lịch sử các câu chuyện cổ thì ít nhất chúng ta cũng phải vượt qua được nỗi sợ hãi đơn thuần trước những câu chuyện ma quỷ đó. Đứng từ phương diện văn hóa mà nhìn nhận thì có lẽ bắt đầu từ thời Nam Tống, trong *Di kiến chí,* yếu tố ma quỷ đã chính thức xâm nhập vào trong các câu chuyện cổ. Tôi cho rằng hiện tượng này ít nhiều có liên quan đến những hạn chế nhất định trong khả năng trị quốc của triều đình đương thời, do đó có thể lý giải phần nào nguyên nhân khiến cho số lượng các vụ treo cổ tự vẫn ngày một gia tăng trong xã hội thời kỳ đó. Tuy nhiên, điều này chúng ta sẽ từ từ bàn đến sau.

Hình ảnh những hồn ma treo cổ tự vẫn trong Di kiên chí đương nhiên vẫn giữ được vẻ bề ngoài xinh đẹp có sức cuốn hút, hấp dẫn như những hồn ma thời Đường. Chắc hẳn nếu không có được dung mạo mê hoặc như thế thì làm sao có thể dụ dỗ những kẻ si tình say đắm đến điên đảo. Tất nhiên,

trong số đó hi hữu cũng có những hồn ma treo cổ mà không có được vẻ bề ngoài hấp dẫn. Có những đôi lứa đang yêu nhau nồng thắm, nhưng khi một người bị vạch trần thân phận thực là một hồn ma treo cổ thì họ thành ra xa lạ, trở mặt thành thù, rồi xuất hiện những tình cảm oán hờn lẫn nhau. Có thể thấy, từ thời Nam Tống trở đi, mặt "Ác" trong những hồn ma treo cổ đã dần dần bộc lộ. Trong *Di kiên ất chí,* quyển hai mươi *Đồng ngân tượng*, có đoạn miêu tả lại cảnh đối đầu giữa hồn ma treo cổ và người tình sau khi trở mặt nhau: "Từ trên xà nơi chính giữa gian nhà, hai hồn ma cùng thè ra hai cái lưỡi dài hơn hai thước để tiêu diệt lẫn nhau." Hình ảnh hai cái lưỡi dài dữ tợn lao vào tương tàn, sát hại lẫn nhau quả thực từ trước đến nay chưa bao giờ có trong lịch sử văn học.

Với tư cách là loại hồn ma hung dữ, hình ảnh "lệ quỷ" trở nên rất đáng thương nhưng cũng vô cùng đáng sợ. Đương nhiên, hình ảnh này có sự liên hệ mật thiết với dung mạo người chết khi treo cổ tự vẫn: lưỡi thè ra, mắt nhìn trừng trừng vẻ hung dữ, cổ ngoẹo sang một bên, tóc thả rũ rượi… Từ những hình ảnh trong thực tế đó, khi bước vào các câu chuyện ma quỷ bao giờ cũng có sự khuếch trương, phóng đại đến mức nào, thì bao giờ người viết cũng dụng công miêu tả chi tiết cái lưỡi như một điểm nhấn không thể thiếu khiến hình ảnh người chết hiện lên thêm phần rùng rợn, kinh hãi.

Cũng bắt đầu từ thời Nam Tống, xuất hiện một số câu chuyện về những hồn ma treo cổ không thể đầu thai chuyển kiếp. Những hồn ma ấy mãi mãi nằm sâu trong lòng đất, giữa chốn u minh tăm tối, tĩnh mịch, lạnh giá. *Di kiên chi chí canh tập,* cuốn sáu với tên gọi *Xứ Châu khách điện, Tam chí dân tập,* cuốn chín mang tên *Tiêu dân kiến hồ nhất ti,* hay trong *Tam chí dã tập,* cuốn bốn có tên *Phó cửu Lâm tiểu nữ*… đều ghi chép lại những chuyện có liên quan đến vấn đề nêu trên. Linh hồn những người treo cổ tự vẫn một khi đã không thể đầu thai thì họ chỉ có thể lưu lạc giữa chốn trần gian mà gây chuyện, quấy phá làm hại dân lành. Những linh hồn ấy phải đợi đến khi có người trần làm công đức thờ cúng, làm lễ giải hồn thì mới có cơ hội

chuyển thế đầu thai kiếp khác. Nhưng điều làm chúng ta băn khoăn là tại sao có những người nguyện treo cổ tự vẫn để giữ gìn phẩm giá sáng trong, để giữ vững cái đạo trung, hiếu, tiết nghĩa của người quân tử, hay cả những kẻ đáng thương vì không may rơi vào hoàn cảnh trớ trêu, phải đi tới bước đường cùng tự tìm đến cái chết, họ khi còn sống hoặc là những kẻ đáng thương, hoặc là những người đáng kính, vậy tại sao khi chết, những vong hồn ấy đều khiến người dân sợ hãi, thậm chí là ghét bỏ đến như vậy?

Không những thế, một thời gian rất lâu sau, đến triều đại nhà Minh lại xuất hiện hồn ma treo cổ tự vẫn bắt buộc phải có "Cầu đại[17]" mới có thể đầu thai chuyển thể được. Thẩm Đức Phù trong *Vạn lễ dã hoạch biên* có đoạn viết: "Theo truyền thuyết, hễ có một người treo cổ tự vẫn ắt phải tìm một người khác thế mạng cho mình thì mới có thể đầu thai sang kiếp khác." (Điều này cũng được nói đến trong một cuốn sách khác có tên là *Liễu phàm tứ huấn*) Có lẽ chính nguyên nhân này đã khiến cho những hồn ma treo cổ càng trở nên đáng sợ hơn với con người nơi dương thế. Và tất nhiên, để có thể đầu thai chuyển kiếp được, những hồn ma này đã không tiếc dùng những thủ đoạn lừa gạt, dụ dỗ thậm chí là cưỡng ép người khác tự tìm đến cái chết trên xà nhà hiu quạnh. Cho dù khi còn sống những hồn ma này là những người trung nghĩa, lương thiện, nhưng khi chết tất cả những phẩm chất ấy đã thay đổi hoàn toàn, họ trở thành con người ích kỷ đến độ vô liêm sỉ. Viên Mai trong *Tử bất ngữ,* cuốn mười sáu *Liễu như thị vi lệ*[18] đã ghi chép lại những điều mờ ám trong nhân gian: những hồn ma treo cổ không chỉ dụ dỗ con người ta đi đến quyết định tự tìm cái chết trên xà nhà, mà còn xui khiến rất nhiều người dân treo cổ hàng loạt. Những hồn ma khi còn sống có nhân phẩm, tướng mạo trong sáng, tuấn tú còn như vậy, huống hồ những bọn chuyên làm hại người khi sống, chuyện khi chết có lẽ cũng chẳng cần bàn luận thêm.

[17] Tức là người dương thế cầu khẩn cúng tế.

[18] Liễu rủ như nhỏ lệ.

Dưới ngòi bút tinh tế, sắc sảo của Viên Mai, những câu chuyện ma quỷ được kể bao giờ cũng ẩn chứa nhiều bài học nhân sinh sâu sắc. Theo nhà văn, những hồn ma treo cổ tự vẫn mà linh hồn chưa siêu thoát vẫn thường lang thang khắp chốn dương gian để tìm người thế thân phù hợp với mình, phần lớn đều là những kẻ thất phu, tiểu nữ, nhân cách rất đỗi bình thường. Ngay cả cái chết của họ thực chất cũng chẳng khác gì cái chết theo kiểu "Tự kinh câu hách giả[19]". Cho nên, nếu như Thượng Đế khai ân cho những kẻ chết đuối, cho họ hưởng đặc ân sau khi chết được luân hồi chuyển thể mà không nhất thiết phải thờ cúng, hương khói, cầu nguyện, thì những hồn ma treo cổ tự vẫn kia cũng cần được đối đãi như vậy. Thậm chí một số trường hợp đặc biệt cũng được phong là minh thần hoặc thần thổ địa. Như vậy, suy nghĩ của Viên Mai đã hình thành một giấc mộng đẹp về sự bình đẳng trong việc phân chia những đặc quyền đặc lợi giữa các linh hồn chưa siêu thoát. Tuy nhiên, theo kiến giải của chúng tôi, nhà thơ Viên Mai nên đưa ra quy định rõ ràng, đối với những dân nữ bình thường cũng phải hương khói chu toàn mới có thể được siêu thoát, nếu không "giấc mộng đẹp" kia sẽ rất khó được tán thành.

[19] Chẳng may rơi xuống nước mà chết đuối.

Từ thời Nam Tống đến nay, những hồn ma treo cổ tự vẫn được liệt vào các loại hồn ma "lách sách". Vốn khi còn sống họ tìm đến cái chết thê lương, đau đớn là thế, vậy mà khi chết họ lại trở thành hồn ma chuyên đi làm những việc mờ ám, ác độc, sau này bị phạt không được đầu thai chuyển kiếp. Tất cả những điều này nên lý giải ra sao?

Người treo cổ tự vẫn trước đây phần lớn đều vì đói rét cơ hàn mà phải đi đến bước đường cùng là tự tìm đến cái chết. Nhưng từ thời Nam Tống trở lại đây, đa số những hồn ma treo cổ lại là các anh hùng, liệt nữ. Có người treo cổ trong hoàn cảnh binh đao loạn lạc, có người treo cổ vì chồng chết nên thủ tiết theo chồng, có người tìm đến cái chết để giữ trọn tấm lòng thủy

chung son sắt với vị hôn phu chẳng may qua đời, có người vì bị cưỡng hiếp, uất ức mà treo cổ tự vẫn, có người vì miệng lưỡi thế gian hiểm ác buộc phải tìm đến cái chết để giải thoát cho chính mình… Muôn hình vạn trạng những lý do khác nhau đã đưa đẩy con người ta đến với cái xà nhà lạnh ngắt để tự kết liễu đời mình. Hiện tượng này đã gây ảnh hưởng lớn đến việc hình thành quan niệm "tiết liệt dị dạng" ngày càng lan tràn trong đời sống xã hội, khiến cho hình thức treo cổ tự vẫn trở thành phương thức được lựa chọn nhanh nhất của những người vốn coi rẻ mạng sống của mình. Đối với triều đình thời đó, treo cổ tự vẫn đã góp phần tô điểm cho cái xã hội giả dối, bất lương. Với những người treo cổ khi còn sống họ bị ghẻ lạnh, coi thường, đến khi chết đi họ lại được triều đình liệt vào hàng trung thần liệt nữ, lập gian thờ thắp hương, thờ cúng trang trọng. Còn đối với gia đình, người thân và cả xã hội thì đó lại là một tổn hại ghê gớm đánh vào tâm thức của mỗi con người. Tự đáy lòng mỗi người dân, những con người coi rẻ mạng sống tự tìm đến cái chết vẫn được họ xem là một tai nạn đáng thương tâm không may xảy đến với mỗi gia đình. Trong *Hữu đài tiên quán bút ký,* cuốn một có đoạn viết:

Huyện Quảng Đông Hoa có một ngôi làng nhỏ. Người dân ở ngôi làng đó sống vui vẻ, quây quần bên nhau. Từ ngôi làng đi về phía thành phố khoảng hơn mười dặm, có một con sông nhỏ, nước chảy xiết, xanh biếc vắt ngang qua. Nối hai bờ sông là cây cầu sắt. Bên bờ có một tảng đá dáng vẻ rất giống một ông lão không biết đứng đó tự bao giờ. Mọi người trong thôn đều gọi đó là "Kiều đầu thổ địa thần[20]", hương hỏa rất cẩn thận. Sau này, trong làng có sáu người con gái đều ở vậy không lấy chồng, một hôm, họ cùng hẹn nhau đứng trên cây cầu mà nhảy sông tự vẫn. Từ đó, người dân nơi đây truyền tai nhau câu chuyện bi thương về sáu người con gái đang độ xuân thì ấy. Mặc dù có thần thổ công đứng bên cầu mà vẫn không thể bảo vệ họ thoát khỏi cái chết chìm bi đát. Thấy vậy, người dân nơi đây dần dần phá bỏ tục lệ thờ cúng tảng đá bên sông.

[20] Thần thổ công đứng ở đầu cầu.

Cả sáu người con gái cùng "thủ chí" đồng lòng tìm đến cái chết khi còn xuân trẻ, xét từ phương diện đạo đức thì điều đó tất yếu gây nên một tiếng vang lớn, một dư âm khó quên trong tâm thức người dân làng. Từ đó, nhân dân ngày đêm hương khói, cầu nguyện cho linh hồn họ sớm siêu thoát đầu thai kiếp khác, và mãi truyền tai nhau câu chuyện thương tâm này. Nhưng cũng phải thấy một điều trong trường hợp này, cho dù là thần thổ công cũng không có cách nào ngăn cản hành động tự sát bất ngờ và có chủ ý của họ, nên việc không còn tin tưởng và thờ cúng thần thổ công như trước của dân làng cũng cần phải xem xét. Mọi người đối với việc tự sát cũng tương tự như vậy, ngay cả trường hợp là những người trung nghĩa, liệt nữ, ngoại trừ trường hợp đặc biệt, còn lại là những người thân thiết của họ cũng không thể ngồi im mà nhìn con cháu mình tìm đến cái chết mà không ngăn cản hay ít ra là cầu nguyện cho họ, huống chi là một vị thần. Trong *Hữu đài thần quán bút ký,* cuốn tám có một đoạn tán dương câu chuyện ca ngợi thần thổ công cứu người tự sát. Để cứu những quả phụ mất lòng tin vào cuộc sống mà tìm đến xà nhà treo cổ tự vẫn, thần thổ công đã dùng cánh tay của mình đỡ lấy chân họ cho đến khi có người kịp đến cứu mới buông ra.

Từ rất sớm, vào khoảng cuối triều Minh, đã có người phản đối hành động treo cổ tự vẫn của những "người con gái chưa chồng". Người con gái họ Tào buồn rầu, đau khổ vì vị hôn phu qua đời, nàng than khóc, giam mình trong khuê phòng tuyệt thực rồi treo cổ lên xà nhà mà chết. Có lẽ chính cái chết thảm thương của người con gái họ Tào đã cảm động đến Triệu Thời Xuân. Để biểu thị quan điểm phản đối của mình, ông đã viết *Trinh nữ tiết phụ giải* và cho rằng dân nữ họ Tào kia không nên vì vị hôn phu đã chết mà cũng tìm đến cái chết thảm thương như thế.

Sự phản đối của Triệu Thời Xuân trước hành động treo cổ tự vẫn của người con gái đang còn xuân thì đã tạo nên một hiệu ứng thông tin mạnh mẽ. Những người phản đối (trong đó có tác giả của *Quốc xác*) và ngay cả

chúng ta cũng không có cách nào ngoài việc chỉ có thể dùng những câu chuyện ma quỷ để phản ánh hậu quả nghiêm trọng của việc treo cổ tự vẫn. Và tất nhiên, trong những câu chuyện ma quỷ đó sẽ không tránh khỏi việc miêu tả những tình tiết thê lương, bi thảm, thậm chí gây cảm giác sợ hãi cho người đọc. Chính những yếu tố này đã có tác dụng cảnh báo sâu sắc tới những người đang có ý định treo cổ tự vẫn. Họ, với tư cách là những người đang nhận được hương hoa mà nhân gian thờ cúng, thật khó tránh khỏi kiếp trầm luân trong cõi u minh tăm tối, và sự sa đọa trong đạo đức, thật đáng giận, đáng ghét! Chúng ta hãy hy vọng qua các câu chuyện ma quái có thể loại trừ một phần nào đó quan điểm về sự tiết liệt ác ý đầy tính dị dạng này.

Những câu chuyện được ghi lại trên đây tất nhiên sẽ có sự lĩnh hội nhất định. Ông đã viết tất cả hai câu chuyện ma, trong đó đưa ra nhiều dẫn chứng, phân tích, kiến giải một cách sâu sắc. Thứ nhất, qua các câu chuyện, ông muốn mượn lời ma quỷ để phản đối, răn đe những con người coi thường mạng sống của mình:

Thượng Đế nhân từ biết bao! Người không bao giờ mong muốn con người tự ý ruồng bỏ sinh mạng quý giá của mình. Những trung thần tận trung với nước, những người phụ nữ tiết hạnh cao quý, họ đều chết một cách bất ngờ và đầy uẩn khúc. Còn những người không may mắn sống một cuộc sống nghèo túng, bế tắc, không tìm được con đường mưu sinh thích hợp, họ buộc phải đưa số phận của mình đến bước đường cùng trong đớn đau tuyệt vọng, treo thân mình lên xà nhà lạnh ngắt… Tất cả đều là những câu chuyện vô cùng thương tâm, cũng là những vòng quay luân hồi vô định của bánh xe cuộc đời. Có lẽ, chẳng thể định trước được số phận của mình, duy chỉ có điều "Ở hiền gặp lành, ác giả ác báo" là quy luật tất yếu của cuộc đời. Nếu như chỉ vì một chút giận dỗi, một ít thất vọng, một vài đau khổ, khó khăn, cùng cực, giận mình, trách người mà khinh xuất treo mình trên cái dây thòng lọng thì quả thực đã phụ lòng yêu thương, hy vọng của biết bao người thân thương, của biết bao sinh linh vạn vật trong cuộc đời.

Chính vì vậy, những linh hồn ấy sau khi chết sẽ bị đầy xuống địa phủ, giam cầm trong cõi tối tăm, lạnh lẽo, trăm năm không được siêu thoát.

Ông cũng đưa ra những lời bình luận thêm:

Chắc hẳn ở chốn u minh tăm tối ấy, những linh hồn lạnh lẽo kia cũng sẽ tìm cách để được cứu thế, cầu siêu. Nhưng không biết với những luật lệ nghiệt ngã chốn âm ti, liệu có chấp nhận cho những người xấu số kia được đầu thai chuyển kiếp hay không? Tất nhiên, những người vốn coi thường mạng sống của mình cũng bị trừng phạt chẳng khác chi những kẻ hiểm ác, chắc chắn sẽ không dễ dàng, nhanh chóng được đầu thai. Từ những điều này, người viết muốn nhắn gửi một thông điệp tới những người đang sống trên trần gian: trong mọi hoàn cảnh, mọi tình huống, dù cho khó khăn, khắc nghiệt đến mức nào cũng phải biết giữ gìn và quý trọng mạng sống của chính mình!

Hai là, tác giả đã xuất phát từ chính những nỗi thống khổ của người treo cổ tự sát mà đưa ra lời khuyên:

Phàm là những người tiết tháo, kiên trung khi treo cổ tự vẫn, linh hồn thăng thiên từ trên đỉnh, cho nên cái chết thường đến với họ nhanh hơn, nhẹ nhàng hơn. Còn những người chết vì phẫn uất, đố kỵ, ghen ghét, linh hồn thường từ trong tim giáng xuống, cho nên cái chết thường đến một cách dai dẳng, đau đớn. Trong khoảnh khắc đoạn tuyệt với cuộc đời, hàng trăm tĩnh mạch bỗng nhiên ngừng đập, da thịt bỗng chốc tan vỡ, tê tái như có hàng trăm nhát dao cắt rời từng khúc, từng khúc môt, ruột gan cũng cồn cào, quặn thắt tựa như xuất hiện ngọn lửa đang bốc cháy mãnh liệt trong lồng ngực, ra sức thiêu đốt đến bỏng rát, tái tê, không thể chịu đựng được… Và trong khoảnh khắc ngắn ngủi ấy, hình ảnh sự sống ngày càng mờ xa.

Như vậy, một cách tinh tế và sâu sắc, Thảo Đường đã đưa ra những kiến giải độc đáo phân biệt rõ ràng hai loại người treo cổ tự vẫn: một loại treo cổ để giữ trọn tấm lòng trung nghĩa, loại khác treo cổ chỉ vì những ganh ghét, đố kỵ nhỏ nhoi. Rõ ràng những kiến giải này khác hoàn toàn với những lý giải mà Tùy Viên đã nêu ra trước đó. Từ những nghiên cứu tưởng chừng vô căn cứ ấy, Thảo Đường đã khéo léo mượn những câu chuyện ma quỷ để phản đối, cảnh tỉnh những ai đang có ý định treo cổ tự vẫn hãy biết trân trọng mạng sống quý giá của mình. Lời cảnh tỉnh ấy đến sau này vẫn còn giá trị sâu sắc.

Chương 3: Thuyết cương

Nói một cách chính xác hơn, chữ "cương" mà chúng tôi đang bàn tới ở đây chính là "cương" trong "cương thi[1]". Nhưng vì sao ngay từ đề mục người viết không nói rõ ý nghĩa này mà lại chỉ đưa ra một chữ "cương" đầy bí ẩn như thế? Quả thực, cách hiểu về hai chữ "cương thi" trên thực tế lại quá mơ hồ. Đa số mọi người thường hiểu hai chữ "cương thi" trên ý nghĩa sinh học thông thường của nó. Điều này được lý giải, ở người chết, máu huyết đông lại liền trở nên căng cứng, hiện tượng này được gọi là "cương thi". Trong sách cổ thường nhắc đến những chữ như "cương thi biên dã[2]" hay "cương thi như ma[3]". Đó chỉ là một số dẫn chứng sách vở thường gặp. Với cách hiểu trên, ngoài những nhà nghiên cứu y học ra chắc hẳn chẳng ai có hứng thú đặc biệt để tìm hiểu sâu sắc về vấn đề này. Tuy nhiên, thứ xác chết được coi là hiệp nghĩa có lẽ ngay cả những nhà nghiên cứu y học thực thụ cũng không dám đề cập sâu, đây chính là vấn đề mà chúng tôi muốn nói tới. Nhưng chính những xác chết cương cứng được coi là hiệp nghĩa nói tới ở đây cũng chỉ là một khái niệm mơ hồ, bản thân nó bao hàm cả hai loại tính chất "dị vật" không đồng nhất.

[1] Ý chỉ xác chết đã cương cứng.

[2] Xác chết nơi hoang dã.

[3] Xác chết bị tê liệt.

Chu Tác Nhân trong một bài viết về "những dị vật trong văn học nghệ thuật" cho rằng: "Những xác chết cương cứng được nói tới trong các tiểu thuyết Trung Quốc, về cơ bản được chia làm hai loại. Một loại là xác chết chưa phân hủy. Đó là những xác người mới chết có thể cảm nhận được rõ ràng nguồn thực khí trên thi thể. Loại xác chết này vẫn thường tác oai, tác quái tìm cách dụ dỗ, lừa gạt những người đang còn sống, dẫn dắt họ tự tìm đến cái chết. Cho nên tính cách của loại xác chết này vô cùng hung dữ và độc ác. Một loại khác là những xác chết để lâu trong quan tài không được đem đi chôn, theo thời gian những thi thể ấy sẽ biến đổi, tính cách cũng trở nên tàn ác, xấu xa, là nhân tố tác động đến tình trạng hạn hán kéo dài, và có khả năng cản trở trời sinh mưa. Nhưng ở một khía cạnh khác, trong các truyền thuyết còn ghi lại hình ảnh những thi thể cương cứng xuất hiện trong những câu chuyện tình yêu cảm động, mang lại một màu sắc ấm áp, tươi vui, gợi ấn tượng sâu sắc cho người theo dõi. Hơn nữa, những câu chuyện về hồn ma trong đời sống văn hóa tâm linh của người Trung Quốc lại rất có ý nghĩa giáo dục, có tác dụng cảm hóa tâm hồn con người. Thông qua nỗi sợ hãi, kinh hoàng, người đọc tự rút ra những bài học nhân sinh sâu sắc. Đó chính là một sự dụng tâm trong ngòi bút, cũng là một thành công của người viết. Trở lại vấn đề phân loại xác chết cương cứng làm hai loại, cơ bản cũng dựa trên nhiều căn cứ khác nhau. Trong *Duyệt vi thảo đường bút ký*, quyển mười có khẳng định:

Xác chết cương cứng có hai loại, một loại chỉ những thi thể mới chết, còn chưa mai táng bỗng nhiên nhảy lên vồ lấy người khác; loại thứ hai đã chôn cất được một thời gian nhưng thi thể chưa phân hủy, tự biến đổi hình dáng trở thành loài ma quỷ kỳ quái, đêm đến thường đi lại khắp nơi, gặp

người liền dọa dẫm, cướp bóc. Người ta thường nói: "Ma quỷ hành sinh ra hạn hán ở khắp nơi." Có lẽ chưa ai giải thích được điều này.

Thực ra "cương thi" được nhắc tới ở đây trước tiên là để chỉ những thi thể đã cương cứng sau khi chết được một thời gian. Tình trạng cứng đờ của xác chết vốn dĩ là một hiện tượng sinh học hết sức tự nhiên. Nhưng điều đáng nói ở đây là việc để cho lũ tà ma có cơ hội mượn chính những xác chết ấy mà tác oai tác quái, làm điều xằng bậy hại người. Tuy nhiên, điều may mắn là trong thời gian diễn ra tất cả những trò tác yêu tác quái lại hoàn toàn tách biệt và chẳng liên quan gì đến linh hồn của những xác chết đó. Cho nên, chủ nhân của những thi thể bị ma quỷ mượn hình khi còn sống có thể là một người rất lương thiện, thậm chí còn có thể mang trên mình một thân phận cao quý. Sau khi lũ tà ma mượn xác chết ấy "giày vò, hành hạ" xong, nó lại thoát ra và thi thể trở lại nguyên vẹn là một người đứng đắn, ngay thẳng, thật thà. Những người thân trong gia đình và bạn bè trước đây vẫn ngày ngày tưởng nhớ, mặc niệm họ trong âm thầm, lặng lẽ, cảm động, hơn nữa họ còn viết lên những lời ai điếu khóc thương cho người đã khuất. Có thể nói chủ nhân của những thi thể đó, cũng như phần linh hồn của nó hoàn toàn không phải gánh chịu bất cứ trách nhiệm nào đối với những hậu quả nghiêm trọng mà thể xác bị tà ma biến đổi gây ra. Lũ ma quỷ kia làm những chuyện ác đạo, bất lương dĩ nhiên không phải trên thi thể vốn có của anh ta mà là trên hình hài xác chết đã bị biến đổi.

Tuy nhiên, điều chủ yếu mà chúng tôi muốn nói ở đây chính là loại cương thi thứ hai. Điều mà chúng tôi muốn bàn tới căn bản cũng dựa trên chính "những biến đổi của xác chết đã được mai táng lâu ngày mà chưa bị phân hủy", và quan trọng là bàn tới những tác hại, hay chính là tính nghiêm trọng của hiện tượng này. Loại xác chết này trong các câu chuyện ma quỷ và trong những công trình nghiên cứu hay trong quan niệm dân gian, người ta vẫn thường gọi chúng với cái tên ngắn gọn là "cương" (ý chỉ xác chết đã cương cứng mà chưa thối rữa). Nhưng sau này còn xuất hiện thêm một số

cách gọi khác như "mao cương", "bạch cương", và những thi thể vẫn càn quấy, làm hại con người cũng được xếp vào một loại được gọi là "tẩu cương". Tất cả những điều dài dòng mà chúng tôi dẫn dắt trên đây mục đích sau cùng cũng chỉ nhằm giải thích thêm lý do vì sao trong tên đề mục lại chỉ đưa ra một chữ "cương" mà thôi.

1

Loại thi thể đã mai táng, chôn cất lâu ngày mà vẫn không bị thối rữa, trước khi đạt tới độ "cương cứng" mà không bị "dị hóa" đã phải trải qua rất nhiều bước thăng trầm, thậm chí còn có thể gọi đó là cả một lịch sử huy hoàng. Ở thời kỳ cổ đại, người chết là những kẻ giàu có hay thuộc bậc đế vương quyền quý, họ tìm mọi cách để thi thể mình trường tồn mãi mãi mà không bị phân hủy theo thời gian. Để đạt được ước mong này, ban đầu họ tìm đến khấn nguyện trước các đấng thần linh. Nguyện cầu thất bại. Lúc đó họ buộc phải tự mình tìm tòi và làm đủ mọi cách để xác chết có thể đông cứng lại đến ngàn năm tuổi vẫn nguyên vẹn không bị phân hủy. Họ đem vàng, bạc, ngọc ngà, châu báu, thủy ngân, mi-ca… những thứ của cải quý giá chất đầy quanh người chết, thậm chí nhét đầy vào khoang bụng, đeo đầy lên cổ, tai, tay, chân… Cách làm ấy không chỉ giúp cho thi thể đã trở nên cương cứng, nguyên vẹn, trường tồn mãi mãi với thời gian, mà còn khiến cho kẻ thù của mình dù có dùng mọi cách để báo thù từ "bạo thi[4]", "lục thi[5]", "trách thi[6]" cho đến "liệt thi[7]"… cũng không thể làm cho xác người chết vỡ vụn thành trăm mảnh, thậm chí ngay cả dùng lửa thiêu đốt cũng không thể hủy diệt được những xác chết đã được làm cho cương cứng bất tử kia.

[4] Làm điều bạo ngược hành hạ người đã chết.

[5] Chém giết xác chết thêm một lần nữa.

[6] Phanh thây thi thể.

[7] Làm mọi cách cho thi thể người chết nứt ra, vỡ ra.

Hiện tượng trên đã làm nảy sinh một cách nhìn hoàn toàn khác với những thi thể khi khai quật mộ phần mà vẫn còn nguyên vẹn. Họ cho rằng những thi thể này chính là phần xác của những con người khi còn sống hoặc là những người giàu có, hoặc là những nhân vật quyền quý, sang trọng, lúc sinh thời vốn là những người có đạo đức, có tiết hạnh. Vì thế, với những trường hợp này, theo họ cũng nên quảng bá rộng rãi trong quần chúng, thậm chí còn đến mức lưu truyền trong sử sách. Trong *Tam thập quốc Xuân Thu* có đoạn ghi lại một câu chuyện: "Vào thời Tấn Nghị Hi, trong dân gian còn truyền nhau câu chuyện về nhóm cướp cưỡi những con ngựa dũng mãnh đi cướp thi thể của Biện Hồ. Khi bị cướp, thi thể còn nguyên vẹn, hai bàn tay nắm chặt, móng tay để dài y như khi còn sống[8]" Khi Tô Tuấn tạo phản, để giữ yên triều chính, đồng thời thể hiện lòng trung thành tận tụy với đất nước, ông tình nguyện xuất binh chinh phạt, và không may bị hãm hại. Chính nhờ tấm lòng kiên trung, lẫm liệt ấy mà thi thể của ông sau khi chết đã được triều đình chăm sóc cẩn thận, sắc diện hình hài vẫn y như lúc còn sống, thậm chí móng tay sau khi chết vẫn tiếp tục dài ra. Đó phải chăng là sự linh ứng của tấm lòng người trung thực mãi bất tử với thời gian. Lại có một ví dụ khác từ *Tân ngũ đại sử - Mân thế gia* kể về chuyện khi Vương Hi được phong làm thái tử, tính tình ngang ngạnh, khó trị. Tướng quốc Vương Đảm thời đó được giao nhiệm vụ dạy dỗ, uốn nắn thái tử đã phải rất vất vả, gây ra không ít những điều khó chịu trong lòng thái tử. Sau này, Vương Hi lên ngôi, lúc đó Vương Đảm đã chết, Hi liền lệnh cho phá mộ, giày xéo thi thể Vương tướng quốc. Khi mở nắp quan tài, hình hài Vương Đảm vẫn còn nguyên vẹn, dung mạo tươi tắn ý như còn sống. Khi mổ xẻ, phanh thây xác chết vẫn còn thấy máu đỏ chảy ra khắp thân. Mặc dù đã chết nhưng thi thể của Vương Đảm vẫn vẹn nguyên như khi còn sống, tấm gương của ông được lưu truyền trong sử sách. Người ta cho rằng, tất cả những điều này đều nhờ "chân khí" có liên quan mật thiết đến tấm lòng ngay thẳng, kiên trung và phẩm chất trong sáng của ông khi còn sống tạo nên. Nhưng lấy hiện tượng thi thể còn vẹn nguyên y như khi còn sống của người chết làm tiêu

chuẩn để đánh giá phẩm chất trung nghĩa của anh ta, xem ra cũng không có cơ sở khoa học vững chắc. Để đưa ra những luận giải chính xác về phẩm giá của một con người không thể căn cứ vào những thứ có trong quan tài mà đánh giá. Việc làm này chỉ có thể xem là những giả định mang tính chủ quan về người chết khi tiến hành khai quật lăng mộ mà thôi. Có những trường hợp sau khi chết, phần đầu của những bậc trung thần nổi tiếng được lưu danh sử sách lại có hiện tượng nát rữa, ngược lại, phần đầu thi thể của những hoạn quan trải qua năm tháng vẫn còn nguyên vẹn trong quan tài mà không hề hấn gì. Giải thích điều này, người ta cho rằng đó là do ông trời cố ý làm như vậy, mục đích là để cho những hồn ma lang thang không có cơ hội mượn xác của những trung thần mà hoành hành, tạo ác. Hơn nữa, khi chúng nhập vào xác hoạn quan hay kẻ gian thần, đến khi nhập quan lại phải chịu sự trừng phạt, giày xéo thêm một lần nữa. (Những văn nhân như chúng tôi từ xưa vốn đã rất yêu thích Ung Chính, đối với thi thể còn vẹn nguyên y như còn sống ở Lũ Lưu Lang, chúng tôi cũng thử đưa ra nhiều cách lý giải khác nhau. Trong Kinh thánh, những người cầm bút có tài thường rất khéo léo và tinh tế khi biết cách biến hóa ngòi bút của mình, cho dù thế nào họ cũng có thể sáng tạo, tưởng tượng, hư cấu ra những "thiên ý" thuận lòng hoàng thượng, và cũng làm thỏa mãn tất cả mong muốn của người xem.)

[8] Trích trong Thái bình ngự lãm, cuốn 557.

Cũng với mục đích ca ngợi những tấm gương kiên trung, tận quốc, thời nhà Đường lưu danh Nham Chân Khanh, một trung thần vì can ngăn Lý Hi Liệt làm điều bạo ngược nên đã bị hắn ta ép treo cổ tự vẫn. Sau khi chết, thi thể của ông được ướp trong linh cữu mà không đem chôn cất. Sau này, Lý Hi Liệt cuối cùng cũng bị trừng phạt thích đáng. Chân Khanh gia di chuyển thi thể ông lên thượng kinh an táng. Đường đi gập ghềnh, hiểm trở, linh cữu bị hư hỏng, mục nát dần, nhưng hình hài xác chết vẫn trang nghiêm, ngay ngắn, các bắp thịt như được hồi sinh, chân tay trở nên mềm mại, thậm chí râu, tóc vẫn mọc xanh đen, "Mười ngón tay đan vào nhau không rời, móng tay mọc dài đến mu bàn tay". Hiện tượng đó quả thực khiến cho "người

người xa gần đều kinh sợ[9]". Theo kiến giải của các nhà Nho học, nguyên nhân khiến cho thi thể của Nham Chân Khanh không bị thối rữa xuất phát từ chính khí chất trung nghĩa tiết liệt của ông, mặc dù linh hồn đã lìa khỏi thể xác nhưng nhân phẩm cao quý, trong sáng của ông còn sống mãi, cho nên thể xác mãi nguyên vẹn không bị phân hủy theo thời gian. Nhưng Nham Chân Khanh còn là một kẻ tu hành khổ hạnh theo đạo Phật, cho nên những đạo sĩ dựa vào những điều này để tạo ra những truyền thuyết ca ngợi sự bất tử của ông. Thi thể ông được đặt trong quan tài bằng gỗ đã cũ nhưng dung mạo vẫn "như sống", nhưng khi được chuyển tới một chiếc quan tài mới, thể xác dần dần trở nên vô tri vô giác, thì ra ông đã sớm thoát xác thành tiên. Hiện tượng thi thể cương cứng khi hồn lìa khỏi xác được giải thích là đã thoát xác thành tiên, cách giải thích như vậy vốn cũng thường gặp rất nhiều trong sách vở. Ví dụ như Bảo Cái thời Hậu Hán, sau khi chết, an táng được hơn ba mươi năm, đột nhiên hiện về báo mộng cho thê tử rằng mình đang hồi sinh. Người vợ vội vàng chạy đến mở nắp quan tài, quả thực thi thể ông sắc diện như đang còn sống, duy chỉ có điều không thấy hơi thở thoát ra. Hơn nữa, trong mộ, đèn thắp suốt ba mươi năm vẫn không tắt[10]. Vào thời Ngũ Đại, giai đoạn cuối thời nhà Đường, viên đại tướng Quách Sùng Thao đem quân đi chinh phạt vùng Tứ Xuyên (thời Tiền Thục), đến Vấn Châu gặp một ngôi mộ cổ có thi thể như còn sống, liền truyền lệnh cho quân sĩ làm lễ mai táng một cách trang trọng. Khi đêm xuống, chủ nhân của thi thể đó hiện lên báo mộng: "Ta vốn là kẻ hầu người hạ của Thái Ất chân nhân, nay được nhà ngươi mai táng, chôn cất tử tế như vậy, xem như nhà ngươi đã có thể tránh được tai họa rồi." (Theo Trương Thương Anh đời Tống trong *Thục đào ngột,* quyển hạ. Nhưng Quách Sùng Thao sau khi chinh phục xong đất Thục lại bị kẻ gian vu oan buộc phải tự sát, vì thế những lời mà vị thần trước kia hiện về báo mộng đã không thể lường trước được điều này).

[9] Ngọc đường nhàn thoại, quyển năm

[10] Trích trong Bảo khánh tứ minh chí, cuốn mười một, Dư địa chí.

Có lẽ chính những truyền thuyết đó đã khiến cho xác chết cương cứng có được chất "tiên khí" quý giá, vì thế mà có truyền thuyết cho rằng thịt của những thi thể cương cứng ấy có thể dùng làm các loại thuốc chữa bệnh. Những truyền thuyết kỳ lạ này xuất hiện sớm nhất vào thời Nam triều và còn được ghi chép lại trong các sáng tác văn đế thời Tống. Vào cuối thời Hán, lăng mộ của những nhà học thuật thường là mục tiêu của những kẻ trộm cắp. Những xác chết ấy sau khi bị đánh cắp, theo đúng quan niệm "thịt của những xác chết cương cứng có thể làm thuốc chữa bệnh". Cho nên lũ trộm cắp mỗi người một tay một chân nhanh chóng mổ xẻ, chia chác nguồn dược liệu quý giá đó. Người thành tiên mà bị đem ra mổ xẻ, phanh thây thậm chí còn bị lăng trì hành hạ như vậy quả thật tu luyện đắc đạo thành tiên mà vẫn chưa được yên phận. Truyền thuyết này có lẽ phải đến thời Ngũ Đại mới được người ta tin tưởng. Trong *Cựu Ngũ Đại sử - Chu Cấn truyền* có nói đến Chu Cấn sau khi tự sát, quyền thần Từ Ôn bèn "đem thi thể của Cấn bày ra giữa chợ, phơi dưới cái nóng như thiêu như đốt, hết ngày này sang ngày khác mà da thịt vẫn không hỏng, ngay cả ruồi nhặng cũng không dám tới đậu vào". Do đó, "phàm những người có bệnh, dùng đất đắp trên nấm mộ chôn thi thể người chết đã được phơi kỹ, sắc lấy nước uống liền khỏi bệnh". Ngay cả những người chết vừa mới được chôn cất "đúng thời điểm nhân dân trong vùng mắc bệnh sốt rét rất nhiều, họ tranh nhau đến lấy đất trên nấm mộ sắc lấy nước uống, bệnh tình liền khỏi ngay, càng là những chỗ đất mới thì càng trở thành ngôi mộ quý được nhiều người săn tìm". Chính vì lý do này mà thi thể của Chu Cấn sau khi chết không bị thối rữa ngay, phần mộ ấy đã trở thành một hiệu thuốc chữa bệnh miễn phí cho người dân.

Tuy nhiên, một loại xác chết cương cứng không thối rữa đã đề cập trước đó, bởi lẽ để có được cái cớ hợp lý cho mục đích tìm kiếm vàng ngọc, mi-ca, báu vật, cho nên tìm được những thi thể cương cứng không thối rữa vẫn là một kết quả không như mong muốn. Chẳng hạn như trong *Hậu Hán thư* -

Lưu Huyền Lưu bồn tử liệt truyện có nhắc tới thi thể một phi tần của triều Tây Hán: "Thi thể mai táng trong hộp ngọc, hình hài đẹp đẽ như còn sống, đôi lông mày nhuộm đỏ như cố tình ve vãn người xem." Tấn Can Bảo trong *Sưu thần ký,* tập mười lăm có đoạn kể về thời Ngô Tôn Hưu, người ta cho khai quật khu mộ phần có một nấm mộ uy nghi, đường vệ, to lớn như lăng mộ của một bậc công hầu nào đó. Khi người ta tiến hành phá quan tài, trong quan tài xuất hiện một thi thể với mái tóc hoa râm, xiêm y, mũ mão màu sắc vẫn còn tươi sáng, dung mạo xác chết như người còn sống. Trong quan tài chất mi-ca dày đến hơn mười thước, phần dưới xác chết dùng tới ba mươi tấm ngọc bích trải làm đệm, hai bên tai và trong lỗ mũi nhét đầy vàng bạc giống như cây táo chất đầy ngọc châu vậy. Nguyên Đào Tông Nghi trong *Nam thôn chuyết canh lục,* cuốn mười một, *Mộ thi như sanh* có đoạn viết về một ngôi mộ cổ thời Tống như sau: "Khi tiến hành phá quan tài, không hề có uế khí thoát ra, sắc diện người chết vẫn như còn sống, nét môi vẫn sáng bóng. Những dụng cụ, đồ trang sức bằng vàng bạc rải khắp nơi." Du Việt, người đời Thanh, trong *Hữu đài tiên quán bút ký,* quyển mười sáu, kể về người con gái họ Phan, khi mai táng: "Thi thể nằm trong quan tài, dung mạo vẫn như khi còn sống, y phục không hề bị nhàu nát. Nhìn kỹ những chữ số khắc trên quan tài thì thấy đã có đến hơn một trăm hai mươi tám năm, vậy mà tựa như người mới chết. Trên đó còn đề chữ: "Trong quan tài có châu báu, ngọc ngà, xác chết mới không bị phân hủy, đó là lời cổ nhân truyền dạy." Gần đây Lưu Thành Ngu trong *Thế tái đường tạp ức* ghi chép lại câu chuyện Tôn Điện Anh khai quật lăng mộ của Tây Thái hậu[11]. Khi nắp quan tài vừa được mở ra liền xuất hiện một luồng hào quang chiếu rọi. Nhìn sâu vào bên trong, dung mạo của Tây Thái hậu vẫn tươi trẻ như khi còn sống, ngón tay thon dài, trắng trẻo. Ánh hào quang ấy là do muôn ngàn tia sáng lấp lánh từ vô số châu báu, ngọc ngà chất đầy trong quan tài phát ra.

[11] Tây Thái hậu là một tên gọi khác của Từ Hi Thái hậu.

Những ghi chép được tìm thấy gần đây, trong sách vở còn có rất nhiều, đại để là hầu hết các bậc đế vương quyền quý được sùng bái, suy tôn khi mai táng, chôn cất, đều được chôn theo rất nhiều vàng bạc, châu báu để mong được bất tử. Chính điều này đã dẫn đến một hệ quả tất yếu là những lăng mộ đó nghiễm nhiên trở thành mục đích của bọn cướp bóc hoặc tư doanh hoặc quan doanh. Như Khổng lão phu tử đã có lần nhắc nhở về việc đem của cải chôn cùng người chết, châu báu quý giá: "Điều đó chẳng khác gì hành động tàn bạo làm hại người chết thêm một lần nữa[12]" Làm như vậy, chẳng những báu vật bị lấy cắp, mà ngay cả thể xác người chết cũng bị lăng nhục, giày xéo, hủy hoại ghê gớm, thậm chí còn phải hứng chịu những hành động tàn ác hơn thế. Ngoài thi thể với hình ảnh lông mày nhuốm đỏ được nhắc tới trước đó, Can Bảo trong *Sưu thần ký,* quyển mười lăm còn nhắc tới câu chuyện về Hán Hằng Đế Phùng, bảy mươi năm sau khi chết mà vẫn bị phát mả làm nhục. *Thái bình quảng ký,* quyển ba trăm ba mươi có tái hiện lại câu chuyện Đường Huyền Tông Hoa Phi Tử sau khi chết hơn hai mươi năm vẫn bị đào mả lên lăng mạ. Và ngay cả Hán Cao Lữ Thái hậu cùng với Từ Hi Lão Phật gia đã lớn tuổi như vậy mà cũng khó thoát khỏi tai ương. Có thể thấy, những tiểu thư khuê các và thái thái phu nhân miệng lưỡi lúc nào cũng tươi cười hời hợt thì lại có một cuộc sống ấm áp, nhàn nhã hơn. Trước kia Dương Liễn Chân gia đã cho khai quật lăng mộ của Chư đế, một vị vua thời Nam Tống, trong đó lăng mộ của Lý Tông được mai táng một cách chu đáo, cẩn thận nhất và thi thể cũng được xem là còn nguyên vẹn và đẹp nhất trong các thời đại đế vương trong lịch sử:

Thi thể của Lý Tông vẫn nguyên vẹn, đẹp đẽ như còn sống, có người nói ngài ngậm trong miệng viên dạ minh châu, nó có sức tỏa ngược lên thân cây, nhỏ xuống thành từng giọt nước bạc, cứ như vậy suốt ba ngày đêm. Cũng có người kể lại khi Tây Phiên Tăng tụng niệm theo phong tục phải lấy đầu lâu của đế vương thì mới có thể yếm thắng, giàu có, không may tục truyền đến tai kẻ trộm cắp. (Chu Mật - Quý tân tạp thức biệt tập).

[12] Trích trong Lữ thị xuân thu của Mạnh Đông Kỷ, An Tử Thiên.

Từ những lý do trên có thể thấy, sự xuất hiện của những "xác chết cương cứng" đã có từ rất lâu và tồn tại trong một khoảng thời gian dài. Mọi người hoặc dùng nó như một phương thuốc chữa bệnh trong y học, hoặc căn cứ vào đó để tìm kiếm châu báu. Dù bằng cách này hay cách khác thì con người đã vô tình hay cố ý vẫn làm tổn hại, thậm chí là lăng nhục những thể xác quý giá đó. Ngay bản thân họ cũng chẳng khác chi ốc không mang nổi mình ốc, còn nói gì đến chuyện gieo rắc tai họa cho người khác? Đương nhiên, nếu những hành động càn quấy làm hại người khác của hồn ma cương cứng được hiểu theo nghĩa rộng thì rất có thể đó là hành vi của một số yêu nữ thoát xác biến hình ra khỏi ngôi mộ, nhập vào ai đó rồi lôi kéo, dụ dỗ, lừa gạt người khác. Như trong *Sưu thần ký*, cuốn mười sáu ghi lại câu chuyện về Chung Diêu có một người con gái xinh đẹp vẫn thường xuyên qua lại, lui tới thăm nom, sau một thời gian biệt vô âm tín, bèn tìm đến một ngôi mộ lớn tìm kiếm, trong mộ có một người con gái, dung mạo xinh đẹp giống y như người còn sống. Nhưng những tình tiết này vốn là câu chuyện thường thấy trong sách vở giữa một ma nữ và một chàng thư sinh nào đó, chỉ có điều thi thể của ma nữ kia vẫn chưa bị phân hủy mà thôi. Mặc dù những hồn ma đó hoàn toàn không mang lại lợi ích gì cho con người thời đó, nhưng đối với hậu thế sau này, những thi thể cương cứng lại trở nên hết sức hung bạo, độc ác. Những câu chuyện kiểu như thế từ trước thời nhà Thanh rất ít xuất hiện, và nếu có được nhắc đến thì đều là những tính cách rất đỗi bình thường, không có gì đặc biệt hay nổi bật. Vì thế chúng tôi khẳng định câu chuyện về những thi thể cương cứng gieo rắc tai họa cho người khác thực sự xuất hiện tương đối muộn, căn cứ vào những tư liệu mà chúng tôi tổng hợp được thì phải tới triều đại nhà Thanh mới có những câu chuyện kiểu như thế.

2

Những thi thể cương cứng xuất hiện trong các câu chuyện thời nhà Thanh cũng chính là chữ "cương" trong hai chữ "cương thi" như các triều đại trước, hình dáng bên ngoài đã thay đổi trở thành con quỷ đầy vẻ ghê sợ. "Mặt mũi xấu xí, đen đúa như thịt cá sấy, hai con mắt thì sâu hoắm vô cùng đáng sợ." (Theo Viên Mai trong *Tử bất ngữ,* cuốn mười ba, *Cương thi cầu thực.*) Đây đều là diện mạo của những thi thể cương cứng, những "mĩ nữ nơi lầu son gác tía" mới được khai quật gần đây, ước tính số lượng vàng ngọc châu báu được chôn theo vô cùng lớn. Nhưng cũng có thuyết cho rằng, những thi thể khô cứng này mỗi khi xuất hiện vào nửa đêm làm chuyện hại người thường thay đổi diện mạo, do đó mà nảy sinh truyền thuyết kể về những "Cương thi dạ phì trú sấu[13]":

Theo lời Du Thương Thạch tiên sinh: Phàm những xác chết đợi khi màn đêm buông xuống thì hiện lên cướp bóc, tướng mạo trông béo tốt, đầy đặn chẳng khác gì người bình thường, nhưng đến khi trời sáng, mở nắp quan tài mới biết người nằm đó dáng vẻ gầy gò, khắc khổ như kẻ ăn mày, chỉ còn da bọc xương. Đem đốt còn nghe thấy tiếng khóc hu hu vọng lại. (Theo Tử bất ngữ, quyển hai mươi tư.)

[13] Những xác chết cương cứng ban đêm thì béo, ban ngày thì gầy.

Không biết Du tiên sinh đã phải quan sát tỉ mỉ qua biết bao nhiêu thi thể cương cứng hết ban ngày rồi tới ban đêm để có thể đúc kết được những kết luận như thế. Nhưng dù sao thì "nhất gia chi ngôn", kết luận mang tính chủ quan ấy cũng không thể tránh khỏi những ý kiến trái chiều. Trong các ghi chép còn lại từ triều đại nhà Thanh, người ta cũng bàn luận khá nhiều về những thi thể cương cứng kiểu như vậy. Hình dạng của những "cương thi" trong các ghi chép ấy hoàn toàn không có chút gì được xem là cố tình tâng bốc, hơn nữa trong đó đa phần đều là hình hài ma quỷ hiện lên với những bộ lông tóc màu sắc không giống nhau. Ví như trong *Tử bất ngữ,* quyển hai mươi ba, *Cương thi bão Vi Đà:* "Bện khắp cơ thể là một lớp lông mao màu trắng toát như loài chuột khoác lên mình bộ lông ánh bạc, lộ rõ trên khuôn

mặt là hai con mắt thâm đen, ở giữa lồi lên hai con ngươi xanh biếc phản chiếu những quầng sáng lập lòe, lấp lánh.” Trong *Duyệt vi thảo đường bút ký,* quyển bảy có đoạn viết: “Lông mao trắng toát khắp cơ thể, hai con mắt ánh đỏ như chu sa, ngón tay cong lại như làm dấu hình móc câu, hàm răng chìa ra bên ngoài như dao cạo.” Rõ ràng những thi thể cương cứng chính là những thây ma, những quỷ dạ xoa vô cùng lợi hại vẫn thường vơ vẩn bay lượn khắp đó đây. Đớn Liên Phân trong *Ly biêm hiên chất ngôn*, quyển hai, *Cương thi tam sắc* có đề cập đến: “Sự thay đổi hình hài của một thi thể cương cứng có thể thấy qua một vài hình ảnh như: tóc tai dựng ngược, mặt mày dữ tợn, răng cái thụt cái thò chen nhau mọc.” Trong *Tử bất ngữ,* quyển mười hai, *Phi cương* cũng dẫn ra một câu chuyện, ở vùng Vân Sơn xuất hiện một xác chết đã cương cứng, có thể bay lượn trong không trung, bắt người qua lại, đặc biệt là trẻ em làm thức ăn.

Những “cương thi” đáng sợ và độc ác như vậy hầu như chưa xuất hiện trong các tiểu thuyết, ghi chép trước triều đại nhà Thanh. Nghe nói sự độc ác của những xác chết cương cứng này còn phân loại ở nhiều cấp độ khác nhau, căn cứ vào sự khác biệt hiển thị qua màu sắc của lông và tóc. Do màu sắc lông mao các loại cương thi không giống nhau cho nên lại có cách gọi tên căn cứ vào màu sắc để phân biệt như “bạch cương”, “hồng cương”… Từ Côn trong *Độn trai ngẫu bút,* quyển hạ, thuần túy miêu tả một loại xác chết được gọi là “bạch cương”. Du Phương Hàn trong *Cao tân ngọc trai tạp trước* đã nói rõ hơn về vấn đề này:

Bỗng nhiên bên ngoài cửa sổ xuất hiện một người, mặt trắng, toàn thân cháy màu đỏ lửa, nhìn vào bên trong cười đùa một cách hể hả. Một lát sau, người đó nhảy nhót đi vào, bước đến ngã lăn trên chiếc giường nhỏ hẹp, tay với màn, vặn vẹo cái đầu nhô lên hạ xuống cho dịch não tràn ra rồi lại chảy ngược vào trong đầu, hai bàn tay thọc xuống phần bụng, chộp lấy dạ dày, rồi lại nhảy nhót đi ra… Trong màn “biểu diễn” khủng khiếp ấy, may mắn

thay xác chết đó vẫn còn giữ được vẻ mặt trắng toát, toàn thân cháy đỏ, nếu không cảnh tượng ấy không biết sẽ còn có sức chấn động ghê gớm đến đâu.

Hình hài "bạch cương" trong câu chuyện dẫn ra trên đây mới chỉ là giai đoạn đầu của xác chết được gọi là "hồng cương", vậy mà đã lợi hại, độc ác như thế, nếu từ trắng mà chuyển thành đỏ thì sự hung dữ của những thi thể cương cứng còn tăng lên bội phần. Lúc đó thì đến cả thiên lôi từ trên trời được phái xuống trấn áp có lẽ cũng đành bất lực. Trong *Tử bất ngữ,* quyển chín, *Quật trúng kỳ báo* có liệt kê ra mấy loại "cương thi", trong đó xác chết cương cứng có màu tím được gọi là "tử cương" không hề chứa sắc đỏ trên thi thể. Rất có thể đó là những sự vật đồng loại nhưng được gọi tên khác nhau, hoặc màu đỏ trên thi thể cương cứng ấy đã chuyển sang sắc tím, phát triển lên trạng thái cao hơn theo thời gian. Và mức độ phát triển cao nhất của các loại "cương thi" phải kể đến là "lục cương[14]". *Tử bất ngữ*, quyển mười, có nói tới loại "cương thi" có "lớp lông màu xanh rất kỳ quái". Trong *Hữu đài tiên quán bút ký,* quyển bốn, *Túy trà chỉ quái* của Lý Khánh Thần, quyển hai, có đoạn nói về "hạn bạt" đều nhắc tới loại xác chết "lục cương" kỳ lạ này. Mắt đỏ rực như lửa cháy, toàn cơ thể phủ một lớp lông màu xanh kỳ quái, chỉ với diện mạo ấy đã khiến người đọc hình dung ra vẻ khủng khiếp của loại "cương thi" đáng sợ này. Nhưng miêu tả một cách tỉ mỉ hơn, thì những hình nhân bằng giấy hay tượng đất nặn xuất hiện ở miếu Thành Hoàng, hay vào mỗi dịp "tam tiết" (tết Đoan Ngọ, tết Trung Thu, tết Nguyên Đán) còn kém xa về hình hài xác chết cương cứng về độ hung tợn và bạo ngược của nó. Vẻ khủng khiếp của "lục cương" tất nhiên vẫn không thể vượt quá phạm vi tưởng tượng của con người. Trong các loại thi thể cương cứng còn phải kể đến một loại khác nữa, đó chính là "hắc cương". Loại này được ghi chép trong *Tử bất ngữ,* quyển hai, *Tần trung mộ đạo* với tên gọi là "hắc hung", có lẽ đó là một cách gọi khác của người vùng Tây Bắc Trung Quốc:

Thời nhà Tần, dưới lớp đất rất dày, phải đào tới ba mươi lăm trượng vẫn chưa tìm thấy mạch nước ngầm. Chim phượng từng đàn bay về phía tây, nơi đây còn có phong tục kỳ lạ: Người chết không được đem chôn mà phải phơi ra giữa đồng, đến khi máu thịt phân hủy hết mới được đem chôn, nếu không sẽ gặp phải điều ác. Những thi thể chưa phân hủy mà đã đem chôn, nhiễm phải khí đất, ba tháng sau toàn thân mọc đầy lông mao, bạch giả biến thành bạch hung, hắc giả biến thành hắc hung, chuyên đi gieo rắc tội ác trong nhân dân.

[14] Xác chết cương cứng có màu xanh.

Cách gọi tên trắng, đỏ, xanh, đen này rõ ràng đều căn cứ vào màu sắc trên cơ thể và bộ mặt "cương thi", nhưng màu sắc ấy ở đây đều không phải dùng để chỉ màu da mà là để chỉ màu lông trên cơ thể con người[15]. Cho nên hai chữ "mao cương" trong cách nói của Viên Mai chính là để chỉ màu sắc lông mao trên cơ thể những những xác chết cương cứng, phân biệt với những "cương thi" tương tự nhưng không có lông. Vì vẫn còn không ít những câu chuyện có đề cập đến những thi thể cương cứng nhưng không có lông, cho nên những thi thể cương cứng này rõ ràng khả năng tu luyện của chúng còn chưa đạt, không thể cho là hại người được. Nhưng ngoài những loại "mao cương" kể trên, tất nhiên còn có những loại lông vũ được gọi là "phi cương". Trong *Hữu đài tiên quán bút ký,* quyển bốn, có ghi lại một loại "cương vân": "Nửa phần thân trên mọc lên loại lông giống lông thú, nửa phần thân dưới mọc lên loại lông giống lông chim." *Tử bất ngữ,* quyển mười hai, cũng có đoạn nói về "phi cương" như sau: "Có thể bay được trong không trung, cơ thể như trẻ con vậy." Ngoài những điều kể trên, xác chết cương cứng còn có loại có trọng lượng tương đối nhẹ được phân thành "du thi, mật thi, ba loại xương cốt không phân hóa[16]", còn có thuyết về "can kỷ tử[17]". Tất cả những thứ "cương thi" được coi là bạo ngược, hung ác được liệt ra trên đây đều là sản phẩm của triều đại nhà Thanh suốt gần một trăm năm gây dựng. Chính sự thực này lại khiến con người rất khó lý giải được nguyên do tồn tại của nó. Nhưng từ kết quả thu thập được thì các

thi thể cương cứng mặc dù hầu hết đều bị coi là độc ác và đáng sợ, nhưng cũng cần phân biệt cái gì là chủ yếu trong tính cách ác độc, hung hãn của nó. Chính điều này lại phải căn cứ vào đặc điểm bộ lông trên cơ thể chúng. Hơn nữa thân thế, lai lịch của các loại "cương thi" lại là một câu đố mà có lẽ căn cứ vào đây cũng có thể lý giải được phần nào.

[15] Trong Động linh tiểu chí của Quách Tắc Vân có ghi chép: ở ngã tư đường Tây Tà, Bắc Kinh có một ngôi nhà bị ma ám, dưới gầm giường có hai xác chết, toàn thân bao bọc bởi một lớp lông mao màu vàng kim. Có lẽ những xác chết này đã tu luyện đến một thứ hạng nhất định nào đó, chỉ có điều ta chưa biết đó là thứ hạng nào mà thôi.

[16] Theo Viên Mai, Viết tiếp tử bất ngữ, quyển năm.

[17] Tức con hoẵng khô. Theo Viết tiếp tử bất ngữ, quyển bốn.

3

Những tài liệu mà chúng tôi có trong tay đại để có thể tổng hợp, phân tích như vậy. Tác giả của những ghi chép này ngoài Lý Khánh Thần, tác giả của *Túy trà chí quái* là người Thiên Tân ra, còn lại về cơ bản đều là người phương Nam. Hơn nữa các câu chuyện về "cương thi" chỉ có không đến mười truyện có nguồn gốc từ phương Bắc, số còn lại hết thảy đều là sáng tác từ phương Nam, mà đặc biệt tập trung ở vùng Dương Châu, Nam Kinh và xung quanh khu vực Thái Hồ. Đây đều là những địa phương có kinh tế tương đối kém phát triển, nhiều sông ngòi, khí hậu ẩm ướt, gắn liền với những làng nghề sản xuất quần áo và vật dụng sinh hoạt hằng ngày, đặc biệt là nghề thuộc da, những việc có liên quan đến sự sinh trưởng của "lông" vốn chẳng lạ lùng gì với người dân nơi đây. Thực ra ở phương Bắc, nhiều vùng cũng có kiểu thời tiết mưa dầm, ẩm ướt, theo thường lệ cũng sẽ xuất hiện hiện tượng như vậy, cho nên ở đây chúng tôi cũng có câu chuyện nói về "loại thời tiết ẩm ướt gây cảm giác khó chịu là điều kiện lý tưởng để lông tóc trên cơ thể con người mau chóng sản sinh". Như vậy, đến đây, một vấn đề khác lại được đặt ra là: Vậy thì những xác chết cương cứng có khả

năng mọc lông tóc nữa không? Có điều với những mỹ nữ thể xác đã khô cứng thông thường không còn hy vọng có thể mọc lại lông tóc, nhưng với những thi thể mới được chôn cất, thể xác còn chưa phân hủy khi được chôn sâu xuống lòng đất, lông tóc vẫn có điều kiện tiếp tục sinh sôi. Tôi không được trực tiếp thực hành, cũng không có cơ hội tận mắt chứng kiến tất cả những điều này, do đó chỉ có thể hình dung sự việc qua tưởng tượng mà thôi. Nhưng từ thời nhà Minh đến thời nhà Thanh đã có không ít những nhân tài uyên bác lên tiếng khẳng định vấn đề này, thậm chí còn được kiểm nghiệm trên thực tế. Như vậy có thể thấy bắt đầu từ triều đại nhà Thanh, trong dân gian xuất hiện phong tục đào mả, hơn nữa đối tượng đào bới chủ yếu là những ngôi mộ mới được chôn cất không lâu.

Như vậy chủ đề câu chuyện được dẫn ra là một hủ tục lâu đời về "Những xác chết cương cứng hóa thành hạn bạt[18]. Thần hạn hán vì sự sinh tồn của vạn vật mà luôn phải lánh mình ở những nơi xa xôi. *Thuyết văn giải tự* có nói tới hạn bạt, hạn quỷ, trong đó có đoạn ghi chép: "Thần nắng, thần hạn hán cũng từ những thây ma bị phơi nắng khô cháy mà ra. Như vậy thần và quỷ chỉ khác nhau ở cách gọi mà thôi". Tuy nhiên, "hạn thần" hay "hạn quỷ" từ thời cổ đại cũng có nhiều cách lý giải khác nhau. Theo những cách hiểu quen thuộc hoặc đó là thiên nữ nữ bạt, nữ thần hạn hán trong các thời đại hoàng đế xa xưa, hoặc hiểu theo cách hiểu trong *Thần dị kinh - Nam hoàng kinh* thì như thế này: "Phương Nam có người dài hai đến ba tấc, cơ thể trần truồng, hai mắt ở mãi trên đỉnh đầu, đi lại như bay, xưng danh là thần hạn hán, hễ nơi nào gặp đại hạn là đất đai lại đỏ ngầu cả mấy nghìn dặm." Nhưng thần hạn hán và thi thể của người chết có liên quan gì đến nhau? Vào thời nhà Minh, những vùng đất thuộc phương Bắc như Sơn Đông, Hồ Bắc, Hồ Nam… mỗi năm thường xuyên xảy ra hạn hán, người dân những nơi này vẫn chỉ vào những thây ma mới chôn cất mà cho rằng chúng chính là thần hạn hán, bèn hò nhau đến đào mả, lôi xác phanh thây người đã chết, trong dân gian gọi đó là "đả hạn cốt thung[19]". Nhưng ngược lại, không phải thi hài nào cũng đều trở thành thần hạn hán, chỉ có những

xác chết "mao cương" có khả năng mọc ra lông trắng mới có thể làm việc ấy. Hàng ngàn dặm khô hạn đến cháy đỏ hóa ra đều là do cái thứ xấu xa bên trong mồ mả ngấm ngầm giở trò quấy phá, vì thế cho nên nó mới bị trừng phạt. Tuy nhiên, với những nấm mồ mới được chôn cất cũng nên điều tra tỉ mỉ, không thể cứ mở quan tài xem xét, nhìn ngắm thi hài một cách đơn giản, qua quýt là được, nhất định phải mời những chuyên gia hiểu biết đến tìm hiểu, đó cũng chính là những pháp sư, thầy mo ở ngay tại địa phương đó, với hiểu biết và kinh nghiệm vốn có, họ dễ dàng thu hẹp phạm vi điều tra. Ư Thận Hành thời nhà Minh, trong tác phẩm *Cốc san bút chủ,* quyển mười bốn, có ghi lại như sau: "Vào những đêm khuya, lấy lửa soi vào những nấm mộ ấy, nếu như thấy trên mộ có ánh hào quang phát ra thì chứng tỏ bên trong mộ chính là "mao cương". Nhưng với mỗi nấm mộ, các thầy mo lại có cách thức và thủ đoạn tiến hành khác nhau. Thời nhà Minh, Tạ Triệu Chiến trong *Ngũ tạp trở* có nêu: "Chỉ có mộ của trẻ em mới có thể là nấm mộ có "mao cương". Cách hiểu này có lẽ xuất phát từ chính quan niệm về hình ảnh thần hạn hán trong truyền thuyết miêu tả, chỉ cao khoảng hai đến ba tấc, vì thế chỉ có hình hài của một đứa trẻ mới tương xứng như thế. Nhưng nguyên nhân chủ yếu ở đây có lẽ là đào bới những nấm mộ của trẻ em so với đào bới nấm mộ của cha mẹ hay người thân của chúng ít bị phản đối, ngăn chặn hơn. Tất nhiên khi tiến hành luôn gặp phải những hành động phản đối, cấm đoán, do đó bao giờ cũng phải làm công tác giáo dục tư tưởng, thuyết phục họ phải biết lấy "đại cục" làm trọng, hơn nữa cần phải nói rõ cho họ hiểu, thi thể của người chết nằm dưới mồ lúc này đã bị thần hạn hán nhập vào nên linh hồn của quý công tử hay tiểu thư đều vô can, vì thế không ảnh hưởng đến danh tiếng của gia tộc, càng không thể ghi vào gia phả của dòng họ v.v… Nhưng đối với những kẻ cố chấp không chịu nghe theo, cũng không thể kéo dài cái luận điệu "nhẹ nhàng, cung kính" ấy được, lúc đó thường thường sẽ "nhưỡng thành vũ đầu[20]", lại tạo ra một số loại thi thể mới:

Trên đất Yên, Tề suốt bốn, năm tháng trời ròng rã không có lấy một giọt mưa, người dân nơi đây cho rằng vùng đất này bị ma quỷ trấn giữ, ắt phải đào lên mà đốt thì mới mong mưa xuống. Người ta cho rằng ma quỷ thường trá hình vào những nấm mộ chôn trẻ em mới chết, nên thường chỉ vào những nhà có trẻ em mới chết mà ám chỉ ma quỷ. Những người khác thì hùa nhau đến đào mả, hành hạ thi thể người chết. Trong khi đó, người nhà lại cực lực phản đối, chống lại hành động đánh đập dã man. Thường xuyên lôi nhau lên công đường rồi làm đơn kiện tụng, thật là việc đáng cười[21]*!*

[18] Hạn bạt: tức thần hạn hán.

[19] Tức là để đẩy lùi hạn hán cần đánh gãy xương người chết. Theo Minh Hoàng Vĩ, trong Bồng song loại ký, quyển hai.

[20] Ủ lâu thành ra đồng ý.

[21] Theo Ngũ tạp trở, quyển một.

Nhưng nếu như chỉ đào mộ chôn những đứa trẻ coi như là đã "khống chế" được tình hình, vậy thì giả dụ mộ của những đứa trẻ đào lên mà tình trạng hạn hán vẫn chưa được giải quyết, thái độ của người dân trở nên "phẫn nộ", lúc đó hậu quả sẽ nghiêm trọng đến mức nào? Do vậy, ngay cả những ngôi mộ mới được chôn cất cũng cần phải xem xét kỹ lưỡng, "Làm gì cũng phải làm cho tới cùng", không đào ra được thi thể mọc lông kia thì không được ngừng tay. Hơn nữa, ngay cả trong trường hợp xấu nhất, nếu đào mãi mà vẫn ẩn thì nếm thử trong đó có thứ gì ngòn ngọt, thì chính là đã tìm thấy dấu hiệu của "mao cương". Kết quả này cũng có thể là nấm mộ mới chôn nên không được may mắn cho lắm, thậm chí ngay cả những thứ chôn theo thi hài người chết trong mộ tự nhiên cũng không cánh mà bay. Vì thời đó đã có người phát hiện ra, ngay cả những phần tử được coi là đứng đầu trong cuộc vận động "đả hạn cốt thung"[22] ấy thực chất cũng xen lẫn những tư lợi cá nhân, không đơn giản chỉ là lấy danh nghĩa việc công để mưu lợi cá nhân, tranh thủ vơ vét một số của cải có giá trị, mà như trong

Bồng song loại ký đã chỉ rõ: "Những kẻ xảo quyệt thường cầu hạn hán để báo thù riêng." Một số phần tử đứng đầu lại rất hay kích động, lôi kéo, xúi giục, tập hợp tới ngàn vạn người cùng vào cuộc, ra sức đổ thêm dầu vào lửa làm cho mâu thuẫn giữa các bên càng trở nên gay gắt. Đối mặt với nhóm người đang trong cơn phẫn nộ, quá khích, trên người còn mang theo cả vũ khí, hễ ai đến gần là lập tức bị chĩa mũi nhọn vào đả kích, trừ khi tự biến mình thành "hạn cốt thung" mới thôi. Vào những năm Hoằng Trì trị vì đã phái cử quan Ngự sử có hiểu biết đến tìm hiểu sự việc và tấu trình lên triều đình nghiêm cấm những hành động nguy hại này, "Phải có hành pháp để trừng trị kẻ cầm đầu nhóm người gây rối, bắt chúng phải chỉ rõ ràng lai lịch, quê quán những kẻ tay sai còn lại để bắt giữ (Cách làm này vẫn thường được gọi là "sung quân phát phốt"). Cái gọi là "bắt giữ" ở đây chỉ là một cách nói giữ thể diện mà thôi, trên thực tế thì căn bản vẫn không thể khống chế được họ.

[22] Đào mả đánh gãy xương người chết.

Bất luận là phung phí của cải cũng được, để lộ ra ngoài nỗi uất ức cá nhân cũng tốt, nhưng trên danh nghĩa mà nói, một số hành vi bạo ngược của những kẻ mông muội cũng có lý do chính đáng của nó. Lý do đó xuất phát từ hai chữ "kháng hạn[23]" mà ra. Những hành động bạo lực đấu tranh với hạn hán mặc dù nhận được không ít sự kháng cự, nghiêm cấm từ phía quan phủ, nhưng đối với những người nông dân hằng ngày phải đỏ mắt nhìn tình cảnh hạn hán kéo dài đến tuyệt vọng thì những mệnh lệnh cấm đoán ấy dường như cũng chỉ là một tờ giấy vô nghĩa, ngay cả trong khoảng thời gian phải thi hành kỷ cương phép nước chẳng qua cũng chỉ là một hình thức "kỳ phong sảo tập[24]" mà thôi. Trước tình hình ấy, quan phủ ở một số địa phương lại thi hành chính sách "làm ngơ có điều kiện", như Nhàn Trai Thị trong *Dạ đàm tùy lục*, quyển hai, có ghi lại một chuyện xảy ra ở vùng ngoại ô Bắc Kinh, quan phủ nơi đây quy định, nếu người dân đào thấy xác chết "mao cương", nhất định phải báo lại cho quan phủ, sau khi xác minh rõ ràng thân thế mới được đem đi hỏa thiêu. Những quy định "ràng buộc" như

vậy chẳng khác gì thừa nhận tính hợp pháp của hành động dã man đào mả hành hạ người đã chết. Ở thời đại vốn được coi là "vua Nghiêu Thuấn, dân Nghiêu Thuấn" mà còn như vậy, thì làm sao có thể tưởng tượng được sau triều đại nhà Minh, khi pháp trị đã ngày một suy yếu thì làm cách nào để khống chế được tình hình đào mả đả thần không ngừng leo thang? Một trong những nguyên nhân dẫn đến các cuộc khởi nghĩa lớn của nông dân cuối thời Minh một phần liên quan đến tình hình hạn hán kéo dài nơi đây. Tôi nghĩ sự việc này bắt đầu từ chính một số phần tử nổi loạn ở địa phương đã lợi dụng việc đào mả đả thần để mở màn cho những cuộc nổi dậy có quy mô sau đó.

[23] Chống lại hạn hán.

[24] Dùng ngọn gió thổi thoảng qua để dập tắt ngọn lửa lớn.

4

Nhưng cổ nhân căn cứ vào quan niệm giữa "cương thi" và "thần hạn hán", hai loại này xưa nay vốn chẳng có quan hệ gì nhưng lại thường xuyên bị kéo vào một chỗ? Nếu tự nhiên kiếm tìm trong sách *Nông chảnh toàn thư* hay *Thiên công khai vật* sẽ không thể tìm ra được cái nhân duyên nào trong đó. Để lý giải được điều này chỉ có cách duy nhất là lục tìm trong một số ghi chép của những thầy mo sống lưu lạc trong dân gian. Trước triều đại nhà Minh hoàn toàn không có ghi chép nào về vấn đề này, nhưng ngược lại vẫn có thể tìm thấy những dấu vết mờ nhạt có liên quan đến nó. Hóa ra, phải tới triều đại nhà Tống mới có một loại học thuyết cho rằng "cương thi" là thứ có khả năng "hút nước". Trong *Di kiên ất chí*, quyển năm, *Lưu Tử Ngang* có đoạn nói đến Hỏa Châu, Hỏa Phù, Lưu Tử Ngang vì có ma quỷ ẩn nấp nên phải mời về một vị đạo sĩ trừ yêu. Vị đạo sĩ này đã phân tích rằng ma quỷ đang tác yêu tác quái trong phủ chính là loài yêu quái, hơn nữa lại ở trong chính nha môn. Đạo sĩ tự có thuật "thám trắc". Ông ta lệnh cho người gánh mấy chục gánh nước đổ vào cả một góc sân đến năm, sáu tấc,

đợi đến khi nước rút cạn, đào sâu xuống, quả nhiên là một thi thể cương cứng hiện lên không thể làm hại người khác nữa.

Nhưng cao kiến này của đạo sĩ, dưới triều đại nhà Tống chỉ dùng để trừ yêu diệt quái, những bí quyết và kĩ thuật này ngày càng mai một theo thời gian, về sau đã bị thất truyền. Cho đến triều đại nhà Minh, những phần tử tri thức trong mỗi hương thôn đều có khả năng tìm hiểu các vật hữu hình, vô hình trong trời đất, nó sinh, nó diệt, nó hợp, nó ly như thế nào. Dường như từ những kinh nghiệm trong sách cổ cùng với những kinh nghiệm trong cuộc sống hằng ngày đã gợi mở cho họ nhiều vấn đề khiến họ bừng tỉnh: "cương thi" có thể không thối rữa, hơn nữa còn có thể tiếp tục mọc lông, vì thế cần phải giữ được thành phần nước có trong thi thể. Đặc điểm này làm chúng ta tưởng tượng ra những "quái vật" có khả năng hút nước. Hơn nữa, năng lực liên tưởng của con người luôn luôn là vô hạn, rất có thể lại còn tưởng tượng ra đây là một xác chết cương cứng có khả năng hút hết nước từ khắp nơi trên trời dưới đất trong phạm vi rộng lớn hàng trăm dặm. Và chỉ cần thần hạn hán bị đập vỡ là có thể phóng thích ra một lượng nước tương đương như thế, từ đó sẽ sinh ra mây, tạo mưa một cách tự nhiên.

Nhưng dưới triều đại nhà Minh, những thi thể cương cứng này bị "vu cáo, hãm hại" và bị đào mả bốc xương cũng chỉ vì trên cơ thể của chúng vẫn còn khả năng mọc lông mà thôi, nhưng ngược lại, cho dù là đáng kinh sợ thế nào thì chúng vẫn phải trải qua một quá trình bị hành hạ dã man từ đào mả, đánh đập, đến nện vỡ, rồi cuối cùng là thiêu cháy. Phần lớn những thi thể cương cứng bị hành hung như vậy đều "kêu" lên mấy tiếng "chít chít", từ đó không có ai dám phản kháng, càng không thể nói là quá nghiêm khắc hay có điều ám muội. Cho nên, đến triều đại nhà Minh, những biểu hiện của thi thể cương cứng vẫn có thể nói là tương đương với các thân sĩ. Nhưng điều không may mắn là, đến triều đại nhà Thanh, ở phương Nam, tính chất của những "cương thi" này lại chuyển hóa dần sang những biểu

hiện của tính ác, biến thành "mao cương" với nhiều màu sắc, hình dạng như đã giới thiệu ở trên.

Câu chuyện về "cương thi" bị đào mả bốc xương được khẳng định truyền từ phương Bắc đến phương Nam. Nhưng có lẽ, người phương Nam đã không vận dụng những kinh nghiệm chống hạn như người phương Bắc đã làm. Từ những ghi chép đều không thể tìm thấy những ví dụ thực tế về phương diện này. Và một cách tự nhiên, tình trạng khô hạn ở vùng Hồ Nam vẫn thường xảy ra ít hơn so với những vùng phương Bắc. Chu Tác Nhân cho rằng "cương thi" trong quan niệm của người dân "thường bị đánh đồng với thần hạn hán, có khả năng ngăn cản trời mưa", điều này khiến cho người dân cảm thấy những thi thể cương cứng ở phương Nam dường như đã giúp ích rất nhiều cho nhân dân trong việc phòng chống lũ lụt, ngập úng. Đương nhiên, ở Hồ Nam cũng không có chuyện đào mồ đào mả để tìm kiếm thần hạn hán, họ cho rằng những công thần nơi đây đã có những việc làm hữu ích, có tác dụng to lớn trong việc giúp dân tránh lũ lụt, hành động của họ chẳng khác nào việc làm của nữ thần hạn hán đã giúp dân đẩy lùi những trận mưa to bão lớn. Nhưng có vẻ như trong khi nói tới những mặt tốt đẹp của cương thi, họ đã phần nào bỏ sót, không đề cập tới mặt xấu, mặt ác của chúng. Đây hoàn toàn là "bỏ sót" chứ không phải là thái độ khoan dung đối với những "cương thi" này. Những thi thể cương cứng ở phương Bắc khi bị người dân đào lên đều là những vật ký sinh sống nhờ vào thể xác của người khác và trở thành thần hạn hán. Còn những "mao cương" ở phương Nam quấy phá làm hại người khác lại là những hành vi của chính thi thể đó. Trên thực tế, những tình tiết phạm tội nghiêm trọng của những xác chết cương cứng đều là do những "cương thi" ấy không làm chủ được hành vi của mình dẫn đến từ chỗ bị lôi kéo đã trở thành những thủ phạm phạm tội. Nếu như những xác chết cương cứng ở phương Bắc chỉ nằm trong quan tài và bị thần hạn hán nhập vào thể xác rồi điều khiển, khống chế tình hình hạn hán, ngược lại, những thi thể cương cứng ở phương Nam lại nhảy ra khỏi quan tài, giở thủ đoạn hại người, trở thành phần tử khủng bố hoàn

toàn. (Lưu ý, cụm từ phương Bắc, phương Nam được nói tới trên đây chỉ là cách nói ước lương chứ không có tính tuyệt đối[25])

[25] Ở phương Nam cũng có cách kiến giải đồng nhất khái niệm "cương thi" và "thần hạn hán", câu chuyện điển hình nhất được nói tới chính là Động linh tục chí của Quách Tác Vân vào cuối đời nhà Thanh, đầu thời dân quốc. Trong quyển ba có một đoạn viết: "Giữa đời Vua Hàm Phong, tỉnh Phúc Kiến gặp hạn hán, mấy tháng trời không có lấy một giọt mưa. Mỗi lần mây đen kéo đến, tưởng rằng sẽ mưa, nhưng ngay sau đó lại có những áng mây đỏ rực như lửa bay tới mang theo gió lớn thổi tan đám mây đen. Một hôm, mây đen từ bốn phía hợp lại mỗi lúc một dày, từ dưới đất, những đám mây rực lửa lại từ từ bốc lên ra sức chống lại. Mây đỏ dần dần không chống đỡ được, đúng lúc đó trên đám mây xuất hiện vô số những con rồng và một con quái thú với màu vàng kim kỳ lạ từ giữa đám mây thò đầu ra. Đột nhiên, những tràng dài sấm chớp nổi lên, mưa đổ xuống như trút nước, hình bóng những con rồng và cả quái thú không còn xuất hiện. Cùng vào ngày hôm đó có người dân trong thôn chạy đến báo quan phủ: "Trong hang sâu xuất hiện "cương thi" mọc ra hàng trăm cái đầu, hết cái này đến cái khác treo lơ lửng trên cành cây mà không rơi xuống. Rõ ràng quái thú có bộ lông màu vàng kim ấy chính là một loại ma quỷ. Trong Tử bất ngữ đã từng khẳng định đó cũng là một cách biến hóa độc đáo của "cương thi". Xem ra, xác chết cương cứng có thể biến thành thần hạn hán, và thêm một lần biến hóa nữa sẽ là hình ảnh về một loài quái thú đáng sợ. Xác chết cương cứng với hàng trăm cái cổ dài và bộ lông màu vàng kim cùng vô số những con rồng lao vào một trận hỗn chiến. Cảnh chiến đấu ác liệt ấy quả là hùng vĩ, sấm sét vang động cả một vùng trời, dưới màn mưa trắng xóa, thi thể cương cứng vươn ra hàng trăm cái cổ dài treo lở lửng trên khắp các cành cây, chỉ cần nghĩ đến thôi cũng đủ khiến người ta giật mình hoảng sợ.

5

Những thi thể cương cứng muốn thoát ra khỏi quan tài cần có một điều kiện tối thiểu là nắp quan tài có thể mở ra được. Điều này lại xuất phát từ một số nguyên nhân hoặc đó là do mồ mả cũ chưa được tu sửa, phần gỗ của quan tài để lộ ra ngoài, hoặc như lời Chu Tác Nhân nói "Linh cữu để lâu không được đem đi chôn", quan tài được bày ngay trên mặt đất, đối với những thi thể cương cứng, điều này quả thực chẳng khác gì ngôi nhà mà cánh cửa luôn có thể đóng mở, chuyển động một cách dễ dàng.

Từ Lục triều trở về trước, ở phương Nam có một phong tục cổ hủ là thi thể người chết sẽ được đặt trong quan tài một thời gian dài mà không được đem đi chôn. Tất nhiên hủ tục này rất ít thấy ở người phương Bắc, nhưng

nói chung ít nhiều vẫn còn tồn tại. Những phong tục cổ hủ này đã nhận được sự quở trách của không ít những nhân sĩ vùng Trung Nguyên di chuyển xuống phương Nam. Đa số những ý kiến đưa ra đều tập trung vào vấn đề "Đạo lý" trong gia đình và phản ánh một khía cạnh trong văn hóa u minh của con người, đó chính là sự xuất hiện của một hiện tượng "sai lầm khi không chôn cất xác chết kịp thời, khiến chúng biến thành loài yêu quái[26]". Nếu như thi thể người chết không được chôn cất kịp thời, theo thời gian, trong quan tài sẽ có sự tự sắp xếp, biến hóa thành yêu quái. Cách nói như vậy đã phản đối một cách tự nhiên hành động mê tín để linh cữu người chết trong nhà lâu ngày không đưa đi chôn, nhưng ngược lại cũng không đưa ra lời khẳng định chắc chắn rằng những thi thể yêu ma ấy chính là "cương thi". Hơn một nghìn năm sau, từ Lục triều đến cuối đời nhà Minh, cả phương Nam và phương Bắc đều không còn xuất hiện câu chuyện về những xác chết để lâu ngày không đem chôn hóa thành yêu quái càn quấy dân lành. Ngay cả câu chuyện thành tinh, thành quái của những thi thể khô cứng trong quan tài cũng ít thấy xuất hiện. Thử nghĩ lại một chút, một đứa con bất hiếu đem quan tài của cha mẹ già phơi ra giữa trời đất, chỉ vậy thôi hai thân già đó cũng đã đủ đáng thương rồi, vậy mà còn cho họ trở thành "thi yêu", vô tâm bất nhẫn đi quấy quở người khác. Hơn nữa, hành động của đứa con bất hiếu kia cũng chính là kết quả của thói quen được nuông chiều từ nhỏ, hai thân già bị biến thành yêu quái, có thể cũng chỉ làm những việc quấy phá trong nhà người khác một chút, nhưng chính đứa con ấy lại không thay họ gánh vác tất cả trách nhiệm mà họ đã gây ra. Ngay cả hình dáng những "thi yêu" như vậy cũng không có bất cứ ý nghĩa giáo dục nào đối với chính đứa con của mình, tất yếu cũng chẳng cần quan tâm, dạy bảo chúng. Nhưng những câu chuyện ma quỷ khác có ý nghĩa phản đối hủ tục để xác lâu trong nhà không chôn xuất hiện không ít. Đa số đều là do âm phủ đứng ra trừng phạt những đứa con bị coi là bất hiếu đối với cha mẹ, như Giang Tu Phúc, người thời Tống, trong Lễ tuyên bút lục, quyển thượng, phần phụ lục có dẫn ra câu nói của một người hầu gái: "Vốn đang là một người tôn quý, chỉ vì cha mẹ chết mà không nỡ chôn, nay bị giáng chức lưu đày thành hạng ma quỷ đê hèn." Hồng Mại thời Nam Tống trong *Di kiên ất*

chí, quyển bảy, *La Củng âm khiến* có đoạn nói về La Củng thi cử nhiều lần mà chưa đỗ đạt, bèn đến miếu thần thắp hương hỏi rõ bước đường công danh, có vị thần hiện về báo mông: "Cha mẹ nhà ngươi chết đã lâu rồi mà vẫn chưa được chôn cất, đang vô cùng khốn khổ giữa chốn âm phủ, hãy nhanh chóng trở về quê nhà, còn hỏi đến tiền đồ, công danh làm gì nữa!" Đến triều Minh - Thanh, những hình phạt như thế này càng trở nên nghiêm khắc, khiến cho thi thoảng xuất hiện câu chuyện về những hồn ma phải chịu đựng cực hình ghê gớm nhất. Như Đổng Hàm, sống vào khoảng đầu đời nhà Thanh, trong *Thuần hương chuế bút,* quyển hạ, có nói tới một khả năng khác thi thể cha mẹ được an táng lại gây báo ứng cho chính những đứa con của mình, cuối cùng dẫn đến những cái chết đột tử một cách lạnh lùng không thương tiếc, chỉ cần những oán hận ấy thôi cũng đủ để khắc cốt ghi tâm. Nhưng dù cho như thế thì các nhân vật trong những câu chuyện này vẫn là những con người đáng thương, thật không nhẫn tâm để họ không thể an thân dưới lòng đất mà phải lang thang khắp chốn, trở thành những hồn ma hóa "lệ quỷ" hoặc "thi yêu", cho nên cái gọi là "không chôn cất gặp điều chẳng lành, xác chết sẽ hóa yêu ma" thực chất rất khó để có thể duy trì hình ảnh này trong các câu chuyện ma quỷ.

[26] Theo Thuật dị ký của Nhiệm Phưởng.

Nhưng đến triều đại nhà Thanh, có lẽ nhận được những gợi ý từ trong các câu chuyện về "mao cương", cho nên ý thức người dân đã tiến thêm một bước trong việc phát huy mặt tích cực trên tinh thần vứt bỏ những hủ tục trước đây. Vấn đề này trong thời kỳ đó đã trở thành một chủ đề văn hóa, đạo đức trong nếp sống của người dân. Trong các câu chuyện chỉ còn lấy đề tài "xác chết hóa yêu ma" làm chủ đề sáng tác. Đó là hàng loạt những thi thể cương cứng hóa thành yêu ma do xác chết để lâu ngày trong quan tài không được đem đi chôn cất mà thành. Trong *Độn trai ngẫu bút*, quyển hạ, *Cương thi* có đoạn viết: "Một người khách qua đường tìm được một căn nhà ba gian ngủ tạm qua đêm, trong căn nhà vắng vẻ, đìu hiu đặt một chiếc quan tài ở chính giữa một gian." Nhàn Trai Thị trong *Dạ đàm tùy lục,* quyển

hai, *Thi biến* có đoạn viết: "Dưới lầu, gần ngôi mộ cổ chôn chung nhiều xác chết lúc nào cũng ảm đạm, thê lương, ngoài con số một vạn, còn có thêm những chiếc quan tài mới chôn và có khoảng mười linh cữu khác nằm rải rác trong đám cỏ mọc rậm rạp, tốt tươi." Du Phượng Hàn trong *Cao hạnh nghiêm trai tạp ký* viết: "Người con gái hàng xóm chết, không đủ sức để chôn, bèn gửi quan tài vào chùa nương nhờ nơi cửa phật." Trong *Tử bất ngữ,* quyển hai mươi hai, *Cương thi bão vi đà* cũng có đoạn nói về linh cữu người chết được gửi vào trong chùa. *Hữu đài tiên quán bút ký,* quyển bốn, viết: "Sau khi đạo binh nổi loạn ở Kim Lăng, từ trong nhà đến ngoài thành, mồ mả, thây ma người chết quăng quật tứ tung mà không được chôn cất tử tế." Một số ví dụ được dẫn ra trên đây đều là những ví dụ tiêu biểu về quan tài của các thi thể cương cứng. Mặc dù con có một số câu chuyện cũng nhắc tới hiện tượng "mao cương" xuất hiện trong các ngôi mộ bị phá hủy, nhưng không còn nghi ngờ gì nữa, thi thể cương cứng trong quan tài luôn là chủ đề dẫn dắt của người viết trong các câu chuyện ma quái. Có thể nói, ở đó ẩn chứa một sự dụng tâm sáng tạo tuyệt vời của người viết. Đó chính là một thành công lớn trong việc tạo ra những bằng chứng xác thực nhằm khẳng định "Hậu quả nghiêm trọng của hành động để xác chết trong nhà không đem chôn cất, xác chết sẽ dễ dàng biến thành yêu ma quấy phá con người". Mặc dù cái đích cuối cùng của những câu chuyện này vẫn là trở về với chủ đề đạo đức, đưa ra những bài học giáo dục, răn rạy cách sống sao cho phải đạo với mỗi cá nhân trong xã hội. Có người đã từng cho rằng, những câu chuyện về xác chết cương cứng đã "quên đi tầng lớp ý nghĩa mà luận bàn về nghệ thuật xây dựng truyện, đó đã là một thành công rồi". Có lẽ ý nghĩa của những câu chuyện độc đáo này không thể dễ dàng cắt nghĩa được qua ngôn từ, vì thế trong cách hiểu đó vẫn hơi có phần võ đoán. Nhưng từ cách nói "cửu táng bất hủ[27]" theo thời gian đã được cải biên thành "cửu tẫn bất táng[28]", càng không thể không khiến người ta khâm phục về sự chuẩn xác trong trực giác của người dân Trung Quốc thuở xa xưa.

[27] Để lâu không chôn không thối rữa.

[28] Bỏ mặc không chôn cất.

Chu Tác Nhân nói, trong câu chuyện về "cương thi": "Một mặt nào đó lại có truyền thuyết về những câu chuyện tình yêu nồng nàn, say đắm, từ đó đã đem đến một chút sắc màu ấm áp, say mê." Qua những cuốn sách mà tôi may mắn được đọc cũng không có cuốn sách nào có thể hấp dẫn hơn thế, cho nên không có phát hiện nào có khả năng dẫn dắt người ta chìm đắm trong những câu chuyện tình yêu đẹp đẽ, tinh tế, sâu sắc của những xác chết cương cứng một cách đầy mê hoặc đến thế. Nhưng các câu chuyện về thi thể cương cứng đến giai đoạn sau không hoàn toàn đem đến cho người ta cảm giác hung dữ, sợ hãi, mà đã gia tăng không ít những nội dung nhân tính hóa, gần gũi với đời sống của con người và dần dần trở nên thực tế hơn rất nhiều. Có nhiều câu chuyện xoay quanh những xác chết cương cứng như: Chuyện về xác chết cương cứng nơi quán trọ, "cương thi" là người thân, tình yêu của hồn ma khô cứng… Những chủ đề này không chỉ đáng sợ, đáng yêu mà còn hết sức hài hước. Điều khiến chúng ta cần chú ý ở đây chính là trong các xác chết cương cứng còn có sự khống chế, ngăn chặn giữa nhưng "cương thi" với nhau, đặc biệt là giữa cương thi đồng loại với "cương thi" chuyên làm điều ác hãm hại dân lành. Những thay đổi theo chiều hướng tích cực này đã góp phần đem lại một chút "màu sắc ấm áp", đặc biệt là "thắp sáng những hy vọng" cho mỗi chúng ta từ sau những câu chuyện ma quái huyền bí, hấp dẫn[29].

[29] Du Phượng Hàn trong Cao hạnh nghiễm trai tạp ký có bàn về chuyện Thẩm Mộng Nham ở nhờ trong ngôi chùa bên Tây Hồ, cạnh ngôi chùa là một căn nhà mười gian rộng rãi để đầy những chiếc quan tài chưa được chôn cất. Một hôm, có một vị tăng ni trong chùa gọi Thẩm Mộng Nham đến và nói: "Thí chủ có mong muốn được mở rộng tầm mắt của mình không?" Nói xong, vị tăng ni liền bước đến ngôi nhà xếp đầy quan tài đó, tra khóa vào rồi mở ra. Sau đó, hiện lên trước mắt họ là trăm nghìn linh cữu hình thù vô cùng kỳ lạ, có loại chưa từng thấy bao giờ, ở chính giữa là một chiếc quan tài lớn nhất và cũng kỳ lạ nhất được bày đặt hương án bên trên. Thẩm Mộng Nham đang định hỏi xem đó là linh cữu của ai thì vị tăng ni liền lên tiếng: "Đây là linh cữu của Chu Bát tướng quân cuối đời nhà Tống, vị tướng quân này trước kia đã từng thụ đồ nơi cửa chùa, sau khi chết gửi thân trong linh cữu này, tính đến nay cũng được trăm năm rồi." Một lát sau khi quay trở lại nơi cư ngụ, vị tăng ni bất ngờ hỏi: "Thí chủ có mong muốn được như Chu Bát tướng quân không?" Thẩm Mộng Nham vừa vui mừng vừa kinh sợ, hỏi lại: "Sao ạ?" Vị tăng ni đáp: "Mặc dù tướng quân đã chết,

nhưng thực ra người vẫn không chết, vì người đã hóa thành địa tiên, thường du sơn ngắm thủy, thi thoảng lại trở về, khi trở về có thể gặp, hoặc có thể không. Nay trở về, mai lại ra đi." Vị tăng ni bỗng nhiên hạ thấp giọng, thầm thì nói: "Nếu có duyên, một ngày nào đó ắt sẽ gặp tướng quân." Để trai giới, suốt mấy tuần lễ, vị tăng ni vẫn thường xuyên lui tới ngôi nhà cất giữ linh cữu người chết và chăm chú nhìn vào chiếc quan tài đặt nơi chính giữa gian nhà, có một lỗ hổng nhỏ hình bán nguyệt, bỗng vọng vào một âm thanh kỳ lạ, quả nhiên ngoài hành lang xuất hiện một người, thân hình to lớn, râu tóc bạc phơ, bên ngoài choàng một chiếc áo dài chấm gót, tựa mình vào lan can ngắm trăng, chỉ trong khoảnh khắc soi bóng vào phòng, rồi biến mất không còn nhìn thấy nữa.

Chương 4: Tị sát chị mê[1]

Một trong những phong tục cổ hủ trong tang sự của người Trung Quốc thời cổ đại khiến người ta vừa cảm thấy khó hiểu, vừa cảm thấy sợ hãi nhất đó chính là "tị sát". Lý giải trên mặt chữ có thể thấy "tị sát" chính là trốn tránh hung thần. Nhưng hai chữ "hung thần" được bàn tới ở đây lại khác hoàn toàn so với cách nói "hung thần ác quỷ" mà chúng ta vẫn thường nghe thấy trong cuộc sống hàng ngày. Nó là một loại sát quỷ đặc biệt chỉ xuất hiện khi nhà có tang sự. Chữ "sát" trong "tị sát" còn được viết là chữ "sát"[2], thời cổ đại còn gọi là "suy"[3], sau này gọi là "sảnh"[4], hoặc gọi thành "ương"[5]. Nhưng tôi vẫn cho rằng tất cả những chữ đó đều là biến âm của chữ "tang" mà ra. Ví dụ, có một số địa phương thường liên kết từ tạo ra một từ ghép hai tiếng là "sát ương", mà "sát", "ương" - hai chữ này hợp lại thì chính là một chữ "tang" mà thôi. Cho nên Chu Tác Nhân thường gọi "hồi sát" thành "hồi tang" là vì thế, và đó cũng có thể là nghĩa nguyên bản được tiếp cận gần đây nhất. Lại căn cứ vào cách dùng từ của các bậc tiền bối như Chu Tác Nhân, hay tác giả của Ký kham tứ chí, cuối đời nhà Thanh, trong quyển hai có một đoạn viết "quy sát" thành "chuyển sát". Hơn nữa, nhất là vào thời nhà Minh, chữ "sát" ngay cả đọc hay viết đều có thể chuyển thành "tang" và ngược lại. Ngay cả khi đọc hai chữ "sảnh" và "suy", trên thực tế cũng phát âm rất gần với chữ "tang". Còn có một số địa phương, chữ "thần mã" trong "hung thần", trên mặt chữ liền thay bằng "phi

thương” hoặc “thương”[6]. Nếu đây chỉ là một sự phỏng đoán thì “hung thần” ở đây không thể coi là “tang thần” được.

[1] Thu mình lại trốn tránh hung thần trong cõi u mê.

[2] Tức “đánh, giết”.

[3] Tức “yếu, suy yếu”.

[4] Tức “tai nạn”, “sai sót”.

[5] Tức “tai họa, tai ương”.

[6] Tức “thương tích, tổn thương”.

Phong tục "tị sát" của người xưa đến nay đã không còn lại dấu vết, nhưng trong khoảng hai nghìn năm về trước đã từng rất phổ biến ở cả hai miền Nam, Bắc. Có thể do nó không có trong đám tang, vì những người cầm hốt mà xòe tay áo đỏ, quan viên hoặc những người thuộc tầng lớp thượng lưu lại thường vô đạo, điều đó càng khiến người ta cảm thấy xa lạ.

Thực ra, rất nhiều độc giả là những người đã từng chứng kiến và ghi lại những điều tương tự, thường thấy nhất là phần *Khám kha ký thu* trong *Phù sinh lục ký* có đoạn ghi chép lại một cách sinh động về "tị sát" như sau:

Trong tuần lễ hồi sát, có tục truyền là ban ngày linh hồn thường ẩn theo bóng ma mà trở về ngôi nhà cũ và sắp đặt lại mọi thứ y như khi còn sống, từ cái chiếu nằm, cái áo cũ khi còn sống vẫn để ở trên giường đến đôi giày cũ để ở dưới gầm giường. Mỗi lần quay trở về, hồn ma đều nhìn trước ngó sau, nghĩ đi nghĩ lại, rồi cố gắng "thu vào tầm mắt" tất cả mọi thứ hiện hữu xung quanh. Dùng mọi cách để kéo dài thời gian, trước với lấy cái giường sau lại gạt bỏ đi tất cả, gọi là "tiếp sảnh", ở Dương Châu còn có tục lệ bày sẵn cỗ bàn, tiệc rượu trong nhà người chết, nhất gia tận xuất, được gọi là "tị sảnh"[7].

[7] Tức là "tránh sai sót".

Ở đây là nói đến ngày hồi sát, vong linh của người chết cùng bóng ma trở về thăm lại ngôi nhà cũ vốn vô cùng gắn bó với mình, cũng chính là nói, bóng ma và người chết, hồn không lìa khỏi xác. Nhưng đây chỉ là sự khẳng định mang tính nhất thời, một phía. "Sát" và "vật", nói thẳng ra là linh hồn và thể xác của người mới chết, và hơn thế, có cái gì đó là hung thần và ác quỷ. Để nói rõ hơn những khái niệm mơ hồ này, có thể hiểu hung thần được nói tới trên đây chính là một loài chim ác. Hiện nay, ở Vân Nam vẫn có khả năng tìm thấy một số hình ảnh về hung thần, đó là thứ có hình dáng giống như chim, mặt mũi có chút hung ác, dữ tợn, nhưng ngược lại rất khó để

người ta tin tưởng vong hồn lại nhập vào chính loài vật như thế trở về nhà cũ mà nhìn trước ngó sau.

1.

Với *Nhan thi gia huấn*, quyển hai, *Phong thao,* có khẳng định Bắc Tề Nhan là một trong số những người bàn tới vấn đề "tị sát" sớm nhất trong các trước tác của mình. Thời ấy, ông gọi đó là "quy sát", ông lý giải thêm, con người sau khi chết, linh hồn thường tìm cách quay trở về ngôi nhà cũ của mình, lúc trở về, nếu là ban ngày thì "chạy nhảy rong chơi cùng đám trẻ con, khi chắc chắn không có ai mới dám vào nhà", chính vì thế người nhà thường tìm cách ra ngoài để trốn tránh linh hồn người chết trở về, có khi phải mời thầy cúng đến "họa ngõa thư phù, tác chư yếm thắng"[8], "môn tiền nhiên hỏa, hộ ngoại liệt khôi"[9]… đây đều là những tục lệ của người Trung Quốc xưa trong những gia đình có người mới hết. Khi cả gia đình đã trở về rồi cũng cần mời thầy cúng đến để "phất tống gia quỷ"[10], cũng chính là "tống sát"[11]. "Gia quỷ" được nói tới ở đây chính là chỉ vong hồn của người chết. Nhưng những ghi chép về "tị sát" xuất hiện sớm nhất có lẽ là vào thời Tam Quốc, trong *Tam Quốc chí - Ngụy chí - Trần Quần truyện* có nói đến ấu nữ của Ngụy Minh Đế sau khi ra đời chưa được đầy tháng thì chết yểu. Trần Quần Gián bèn tìm cách ngăn cản xa giá, nói tới chuyện "tị suy", ông cho rằng: "Người đã chết dù sao cũng không thể quay về được nữa". Rõ ràng lời khuyên can đó có ý nghi ngờ linh hồn người chết không thể quay về được. Cách nói này đã tỏ rõ thái độ hoài nghi đối với việc "quy sát" trong phong tục của người xưa. Ông lại nói: "Tám tuổi được coi là chết non, không phải để tang, vì thế cũng không cần sắm sửa đồ cúng lễ". Cách kiến giải của Trần Quần Gián cũng có điểm gần gũi với quan niệm sau này về những đứa trẻ chết yểu, họ cho rằng: "Những đứa bé chết khi còn chưa mọc răng thì không có linh hồn, không thể quay về"[12]. Nhưng bởi vì nó được viết ra một cách vô cùng đơn giản, không như những lời "gia huấn" một cách tỉ mỉ, kỹ càng, cho nên nhiều người đã không chú ý tới.

[8] Ý chỉ vẽ những hình thù gì đó lên mái ngói để đánh dấu cho linh hồn người chết tìm về đúng chỗ.

[9] Ý nói trước nhà nhóm lên ngọn lửa, ngoài cửa bầy ra một chút tro tàn.

[10] Cung tiễn ma quỷ ra khỏi nhà.

[11] Tiễn vong hồn người thân về nơi âm thế.

[12] Theo Duyệt vi thảo đường bút ký - Như thị ngã văn.

Trong thời kỳ Nam - Bắc triều, đây là một tập tục được phổ biến rộng rãi từ Bắc đến Nam. Ở phương Bắc, với mỗi người dân, tập tục này vô cùng quen thuộc, một số thầy mo có chuyên môn còn có cả những cuốn sách ghi chép lại một vài nội dung liên quan đến tập tục này. Đến thời kỳ đầu nhà Đường, *Bách kỵ lịch* đã thể hiện khả năng tinh thông thiên văn, nhạc luật và thuật giả kim của người xưa. Đặc biệt, trong đó còn có nội dung bàn về cách thức tránh khỏi tang sát, cách tính thời gian "hồi sát", phạm vi mà linh hồn người chết trở về thường hay lui tới, còn nói đến những phần như "hùng sát"[13], "thư sát"[14]. Cuốn sách gốc theo thời gian đã bị thất lạc từ lâu, đến nay những nội dung này chỉ có thể tìm thấy một phần trong *Xuy kiếm tứ lục* của Du Văn Báo, người thời Tống, trong đó có đoạn viết:

Không biết từ bao giờ, con người đã quan tâm đến vấn đề "tị sát". Theo Đường Thái Thường trong "Bách kỵ lịch", phần "Tang sát tổn hại pháp", người con trai chết linh hồn nhập vào con chim đực, được gọi là "hùng sát", bốn mươi bảy ngày sau bay trở về hồi sát, người con gái mới khoảng mười ba, mười bốn tuổi, thư sát, xuất phương Nam đệ tam gia, sát bạch sắc, là nam tử, hoặc hộ Trịnh, Phan, Tôn, Trần, từ ngày hai mươi đến ngày hai chín sẽ có hai lần trở về tang gia. Mỗi thời tục lệ có thể nhau, nhưng đến những ngày ấy người nhà cần tránh đi nơi khác… Khi nhập niệm, ngay cả những đứa con có cha mẹ chết cũng phải tránh đi, thậm chí phụ nữ cũng

không dám đứng lên trên, tất cả đều giao phó cho lão gia bộc lo liệu mọi sự.

[13] Tức là "linh hồn người chết trở về nhập vào loài chim đực".

[14] Tức là "linh hồn người chết trở về nhập vào loài chim cái".

Sau này, tục "tị sát" đã được ghi chép lại trong những cuốn tiểu thuyết, và số lần xuất hiện của nó cũng ngày một nhiều hơn. Đế Phu Thị trong *Nguyên hóa ký* cho rằng "cần phải phòng tránh hung thần, quỷ thần đột nhập vào nhà làm tổn hại đến người và của", cho nên toàn thể gia đình phải dọn đến ở nhờ nhà những người thân quen để ẩn tránh mỗi lần vong hồn người chết hồi quy. Trong *Kỷ văn* của Ngữu Túc, chữ "煞" (hung thần) được viết thành "杀" (giết, đánh)[15], gọi "归刹" (quy sát) là "杀出" (diễn ra hành động đánh, giết), cũng là "煞出", nói: "Trong nhà có người chết, liền mời ngay thầy mo đến cúng "tức ngôn kì sát xuất nhật, tất hữu phương hại, tử gia đa xuất tị chi"[16]". Trong *Kê thần lục* của Từ Huyễn thời Ngũ Đại Nam Đường cũng ghi lại những điều tương tự.

[15] Trong tiếng Trung

[16] Đại ý là, trong ngày vong hồn hồi quy tất yếu có hại cho gia chủ, vì thế ngày hôm đó, những người trong gia đình có người chết cần lánh đi nơi khác.

Đến thời nhà Tống, vấn đề "tị sát" ở phương Nam trở nên khá phổ biến. Trong *Di kiến ất chí* của Hồng Mại thời Nam Tống, quyển mười chín, *Hàn thị phóng quỷ* có bàn tới vấn đề "tị sát", hơn nữa còn bắt đầu xuất hiện chuyện "dùng tàn tro làm dấu", rõ ràng có thể xem đó là một dấu hiệu can thiệp vào sự tái sinh, chuyển thế đã nói ở trên:

Ở Giang Tô và Chiết Giang có tục tin vào những thầy mo cúng ma gọi quỷ. Tương truyền, người chết hồn lìa khỏi xác, lấy ngày đó để tính ngày vong hồn tìm về quy sát, cách phòng tránh tốt nhất là lúc ấy tránh ra bên

ngoài, hành động ấy được gọi là "tị phóng". Nhờ một người con trai khỏe mạnh hoặc vị tăng ni rắc tro xuống đất làm dấu, đến khi trời sáng sẽ nhìn rõ dấu vết ấy.

Trong *Di kiên chi ất,* quyển một, *Đổng thành nhị lang* cũng có đoạn nói:

Đến thời điểm vong linh người chết quy sát trở về, để cất giấu mọi thứ, người nhà thường làm theo tục lệ xưa, lấy cái dần hay cái sàng làm nhỏ lớp tro bụi trên bếp, phủ lên trên cái siêu sành, hay nồi đất để kiểm tra xem người chết có hồi quy hay không.

Dấu vết để kiểm tra ở đây là xem vết chân trên lớp tro mà phán đoán người chết có thể đầu thai sang kiếp sau là gì, thấy dấu chân gà nghĩa la đầu thai làm gà, thấy dấu chân chó có thể đầu thai thành chó… Họ cho rằng vào một ngày kia, người chết sẽ nhận được thông báo sang thế giới bên kia. Sự quay về "hồi sát" được nói tới ở đây chỉ là một cách để họ từ biệt những người thân yêu của mình còn đang sống trên dương thế. Du Văn Báo là người thật thà, chất phác, có tư chất thông minh, hiểu biết, sống vào thời Nam Tống, ông từng biểu thị sự phản đối kịch liệt đối với những hủ tục "tị sát" trong dân gian. Tại thời điểm đó, nhiều người đã dần dần từ bỏ tục lệ "tị sát", không theo tăng đạo, không tin âm dương, có thể thấy lệ "tị sát" trong dân gian đã thịnh hành như thế nào.

Thẩm Bảng, người triều Minh, trong *Uyển thụ tạp ký*, quyển mười bảy có nói đến "đóa sát", một phong tục của người Bắc Kinh:

Những nhà âm dương học thường căn cứ vào năm tháng của người chết để tìm ra ngày mà hung thần sẽ đến hòng đưa cả gia đình đến nơi khác để ẩn tránh.

Thời nhà Minh có một người Triều Tiên thông hiểu tiếng Hán, là tác giả của cuốn sách *Bổ thông sự* nổi tiếng, đã ghi lại tục lệ "thiếp ương bảng"[17]. Tục lệ này đã có từ trước đó rất lâu, từ thời Lã Tài đã có tục kiêng kỵ "sát phạm sinh nhân", vốn chính là tục thông cáo ở làng quê. Trong *Bổ thông sự* có ghi lại một đoạn đối thoại rất độc đáo:

"Trước nay người ta vẫn thường dán bản cáo phó trước cửa mỗi khi nhà có tang, anh đã nhìn thấy bao giờ chưa?" "Tôi chưa từng thấy qua. Người ta viết những gì trong bản cáo phó đó?" "Viết là: Ngày Mười hai, Đinh Mão, tháng Hai, Bính Ngọ, năm Nhâm Thìn, người thanh niên sinh năm Bính Thân, qua đời ở tuổi ba mươi bảy. Giờ Đinh, ngày Hai mươi tư tiến hành an táng tại cổng thành. Người có chi Tị, Ngọ, Hợi, Mão, kỵ với tuổi người chết"...

[17] Tức dán cáo phó.

Bản cáo phó, sau này ở một số địa phương còn gọi là "phê thư", trong đó, ngoài những thứ như ngày sinh tháng đẻ của người chết, cầm tinh của người thân trong gia đình được viết trên trang cáo phó, còn cần thông báo với làng xóm khi nào tiến hành tiểu liệm, khi nào đại liệm, khi nào nghênh thần (thần ở đây chính là để chỉ hung thần), cùng với những điều xung, kỵ cần tránh… những điều này không chỉ áp dụng trong ngày "tị sát", mà còn cả trong suốt tuần lễ để tang, đối với một số người thì đây cũng chính là những ngày cần ẩn tránh. Khi nào thì mới được dán bản "phê thư' đó? Điều này cũng có những quy định của nó. Trước hết là yêu cầu cần thiết dán nghiêng giống như khi người ta dán giấy niêm phong trên tập tài liệu vậy. Nghĩ đến thời thơ ấu thường đến đầu phố dán những biểu ngữ khẩu hiệu hoặc "đả đảo" hoặc "vạn tuế", mà chẳng cần biết ai đả đảo, ai nổi lên, chỉ biết cũng vẫn là một cách dán nghiêng như thế, tất nhiên lúc ấy đôi khi cũng có những người già đi qua thấy vậy liền đứng lại nói dán như thế là không được, chỉ nói có vậy rồi đi luôn chẳng giải thích rõ vì sao lại không

thể. Bây giờ nghĩ lại, cách dán ấy chắc đã phạm phải một điều kiêng kỵ nào đó trong cách dán cáo phó hoặc giấy niêm phong.

Phong tục "tị sát" đến thời nhà Thanh dường như có xu thế ngày càng phát triển mạnh mẽ hơn. Phong tục này có nơi còn gọi là "nghênh sát", họ quan niệm bảy ngày sau khi trong nhà có người thân chết, cả nhà phải tạm rời đi chỗ khác để tránh tai ương. Theo nguyên tắc chung của người phương Nam, họ gọi đó là "hồi sát", và theo thời gian kéo dài tới hai mươi bảy ngày kể từ sau khi người thân chết. Thời gian quy định ở Phố Đông - Thượng Hải là ngắn nhất, người chết đến ngày thứ ba được gọi là ngày quy sát, nguyên nhân vì họ cho rằng cần phải cúng linh hồn trước, vì vậy người ta gọi sự kiện đó với một cụm từ đầy hoa mỹ là "tác tam triều", không biết người trong cuộc nghe thấy có cho rằng gia đình họ đã sinh ra một anh chàng béo tốt hay không? Người Bắc Kinh gọi đó là "xuất ương"[18], người Sơn Tây gọi đó là "hồi ương"[19].

[18] Theo Diêu Nguyên Chi trong Trúc diệp đình tạp ký, quyển bảy.

[19] Theo Từ Côn trong Độn trai ngẫu bút, quyển hạ.

Vấn đề "tị sát" được giới thiệu một cách tương đối rõ ràng, tỉ mỉ trong tác phẩm của Vương Gia Trinh là Tại dã nhĩ ngôn, quyển sáu, Hồi sát có đoạn viết:

Trong ngày hồi sát người ta thường phủ lên giường tấm vải khâm liệm, phía trước bếp đặt một mâm cỗ đầy đủ thịt rượu, ở giữa đóng một cọc âm, phía trước bếp đặt một chiếc nồi. Trong những ngày ấy, ngay cả gia nhân trong nhà cũng sợ hãi mà trốn tránh căn phòng đặt linh cữu. Sáng ngày hôm sau chuẩn bị đưa linh cữu đi chôn cất, người nhà quay vào kiểm tra thì thấy trong chiếc nồi đặt trước cửa hằn rõ những dấu chân chim, trên mâm cỗ thiếu mất con gà cúng, tìm kiếm hồi lâu mới phát hiện ra giấu trong tâm

vải khâm liệm, chiếc cọc âm cũng mất dấu, như có chuột lén vào ăn vụng vậy.

Hứa Thu Đà trong *Văn kiến dị từ,* quyển hai, có ghi lại một phong tục độc đáo của người Chiết Giang:

Chết chính là câu chuyện "nghênh sát", kể về hung thần gõ cửa lần lượt theo thứ tự luân phiên nhau. Từ ngày Mười tám trở về trước đến ngày mùng Chín, từ rất sớm, những loài chim đã được triệu đến, thể xác người chết nằm ở trên giường nhưng linh hồn thì ở ghế dưới cái sàng được phủ lên trên lớp tro bếp, một lúc sau hằn lên rõ vết chân chim, trông như những vết chân nhỏ bé, uyển chuyển của loài chim hồng vượt qua bùn tuyết, nó không phải là những dấu vết lẩn tránh hay làm hại đến ai. Duy chỉ có hung thần ở Huy Châu hung dữ nhất. Trong làng có người chết, từ rất sớm, người ta đã treo một lá cờ thông báo cho mọi người biết, sau đó tất cả những người thân thích, con cái, trai gái, lớn nhỏ đều phải quây quần xung quanh, không được trốn đi nơi khác.

Trên đây đã dẫn ra hai ví dụ cho thấy rõ sự khác nhau trong phong tục "tị sát" ở ba địa phương thuộc vùng Giang Nam, nhưng cái cách dùng tro bếp để nhận dạng dấu chân như trên thì không chỉ có hai cách. Điều này được Nhản Trai Thị ghi lại một cách tinh tế và sâu sắc trong tác phẩm của mình. *Dạ đàm tùy bút,* quyển hai, *Hồi sát* có kể lại câu chuyện "hồi sát" liên quan đến "đóa tị" mà người Bắc Kinh gọi là "đóa ương":

Người chết có thuyết "hồi sát", đều khiến người ta tin vào những chuyện kỳ lạ, khác thường. Có người, thậm chí cả gia đình trong suốt thời gian "hồi sát" phải đi ở nhờ nơi khác để tránh tai ương. Cho dù là những gia đình quyền quý, giàu có thì cũng phải để nhà không mà đến nơi khác để tránh tai họa, như thế gọi là "đóa ương"[20]*. Cứ đến đúng ngày, người nhà lại phải thu dọn đồ dạc còn lại của người chết ở trong nhà, từ trên giường*

xuống dưới đất, dùng một tấm vải trải rộng ra rồi rắc lên đó một lớp tro đốt từ cỏ lau. Phàm có tiền đồng thì gói lại trong một lớp giấy trắng, làm cho ma quỷ phải sợ hãi. Ở đầu giường bày sẵn một cốc rượu, một con gà luộc, đốt một ngọn đèn, đóng cửa và cài then lại. Ngày hôm sau, dùng một thanh sắt gõ vào cửa rồi mở ra, kiểm tra xem trên lớp tro rải dưới đất có dấu chân gà, dấu chân hổ, dấu móng ngựa, hay dấu vết rắn bò… hay không, các dấu vết đó phải hoàn toàn là một loại. Có lẽ người đã chết sẽ thuộc về một thế giới u minh nào đó, việc xem xét dấu vết để lại là để tìm hiểu xem nghiệp chướng của người đó nặng nhẹ ra sao, gọi là tìm hiểu xem cái gông đeo nặng nhẹ thế nào để mà tìm cách hóa giải. Ngay cả cỏ cây, gà, chó… khi vô ý gặp phải tai ương cũng trở nên khô héo, hay ngã chết giữa đường. Phong tục di nhân, kể cả người đức hạnh cũng không thể tránh khỏi, điều này đã trở thành một tập tục phổ biến trong nhân dân không thể phá bỏ. Bởi lẽ tập tục này đã dần trở thành một đạo lý trong lòng người dân, không thể làm sai khác được, hoặc người chết có linh thiêng biết được mà quay về vấn vương thương nhớ hay sao?

[20] Tức là: trốn tránh tai ương.

Hồ Phác An trong *Hoa toàn quốc phong tục chí,* hạ biên, có một chương nói về "Chiết Giang", ghi lại tục "nghênh sát" của người dân vùng Hải Ninh, trong đó đưa ra một số tình tiết nhỏ khá phiền phức: "Trong ngày nghênh thần, trước tiên cần đặt người chết nằm nguyên trên giường, lúc người đó sắp chết lấy một bộ quần áo lót phủ lên giường, bên trên dùng giấy buộc lại thành hình một cái đầu, sau đó lấy bốn cái bánh chưng giấu trong tay áo, ống quần tạo hình tay chân, để một cái bánh bao ở giữa làm thành bụng. Như vậy, tổng thể tạo hình giống như một người đang nằm. Phía dưới giường dùng tro phủ đều trên nền nhà. Ngoài ra còn dùng giấy, tre, và hồ làm thành "hồn đình" - một "quán nghỉ chân của linh hồn", gọi là "tọa đầu", chính là nơi khi linh hồn quay trở về cần có cái chỗng nghỉ chân. Những gia đình giàu có thường làm "chỗ nghỉ chân của linh hồn" thành một lầu gác có đài tạ lễ quy mô hoành tráng. Ngày lễ nghênh thần thông thường

kéo dài tới bảy ngày, ngày nào cũng phải hương hỏa, thờ cúng cẩn thận, thậm chí có khi kéo dài tới hơn hai năm, dài nhất là không qua đông chí của năm thứ ba. Cho nên câu đối treo trên "hồn đình" được viết là "nguyệt kinh thủy hoa, phù sinh nhất mộng, chỉ song trúc ốc, tiểu trú tam niên". Phong tục vong hồn tìm về dương thế trong một thời gian dài như vậy ở các địa phương khác không hề nghe nói tới. Đây là nét khác biệt có lẽ chỉ thấy riêng ở vùng Hải Ninh, Chiết Giang mà thôi.

Dựa vào những tổng hợp trên đây có thể thấy, đến thời nhà Thanh, phong tục "tị sát" trong dân gian đã có dấu hiệu đi xuống. Trước tiên mời thầy âm dương đến tính thời gian "hồi sát", rồi dán bản tai ương, đến đúng ngày cả gia đình di cư ra ngoài hòng tránh tai ương, hay còn gọi là "đóa ương", "xuất ương", và trên danh mục còn nhắc rõ ràng hai chữ "nghênh sát", gọi là "nghênh", chính là lấy tấm vải rải tro bếp lên trên, và sắp xếp, chuẩn bị đầy đủ những đồ cúng lễ… Ngày hôm sau, khi trời sáng trở về nhà lại có một loạt những nghi thức khác nữa gọi là "tống sát"[21], lúc này hung thần đã rời đi rồi, không cần phiền phức lại đi tiễn một lần nữa. Phong tục này tồn tại được gần một trăm năm thì dần mai một, nhưng vẫn còn sót lại một vài dấu vết trong những vở kịch trên sân khấu như trong vở diễn *Quỳnh lâm minh* có màn "đả côn xuất tương"[22], trong đó cũng có cảnh hung thần trên sân khấu, đó là hình tượng của ác quỷ mặt xanh nanh vàng. Nhưng từ sau thời kiến quốc, những tình tiết liên quan đến ma quỷ bỗng nhiên bị kiểm duyệt, rồi dần dần đào thải hết. Trong ngôn từ truyền thống thi thoảng có nghe thấy hai chữ "xuất ương" để nói một người nào đó với ý nghĩa giống như muốn xua đuổi tai ương đi vậy, không ít người nghe thấy cũng chẳng hiểu hết được ý nghĩa của nó, nhưng cũng biết được rằng đó chẳng phải là lời nói tốt đẹp gì.

[21] Tức là: tiễn hung thần.

[22] Tức là: màn đánh gậy.

2.

Mặc dù "quy sát" là linh hồn người chết trở về, điều này đối với những người thân trên dương thế chẳng phải có thể xem là một cơ hội rất tốt để nói lời chia tay hay sao? Hơn nữa, rõ ràng ngày hôm đó sẽ là ngày để người thân bày tỏ niềm thương tiếc, tưởng niệm, truy điệu linh hồn người đã mất. Những người thân, bạn bè đều tề tựu đông đủ, nâng chén rượu tương giao và nói những lời cuối cùng với vong linh người chết, người thân nghe di huấn cuối cùng của người chết, sau đó nắm chặt bàn tay nhìn nhau trong nước mắt, vái chào lần cuối theo đúng nghi thức, há chẳng phải là thỉnh lễ đầy đủ cả nhân thân một cách ấm áp, sum vầy hay sao? Hơn nữa, ngay cả những điều tốt đẹp cũng không bao giờ là mãi mãi, như một người giàu có, quyền quý cũng có khi chết vì tình trường, sòng bạc, thương trường và cả quan trường… trong trường hợp này có thể bổ sung người lập di chúc. Có những người không may mắn mất mạng trong tay thích khách hoặc kẻ cướp hung bạo, khi ấy có thể chỉ rõ hung thủ là ai. Điều khiến người ta cảm thấy được an ủi nhất là ngay cả những người đần độn, ngu ngốc đến mức nghiêm trọng trong một thời gian dài, đến khi "quy sát", tinh thần cũng trở nên minh mẫn, rạng rỡ, ba năm không cất tiếng mà chỉ một tiếng kêu cũng khiến người khác giật mình kinh ngạc… Những điều như thế quả thực thôi thúc người ta mong muốn được thấy vong hồn người chết quay về. Vậy lẽ vào đến ngày "quy sát" mà bao người mong chờ ấy, người nhà lại bỏ trốn hay sao? Nhưng nghĩ kỹ lại, chuyện tốt đẹp này cũng là điều vừa muốn lại vừa không muốn. Thẩm Tam Bạch đã đi sâu nghiên cứu những điểm yếu được coi là còn sơ hở của "quy sát", nếu như ma quỷ bí mật hẹn hò với vong thê, sẽ sớm bị ông trời làm rõ, cho nên khi vong linh quay về cần phải bố trí, sắp đạt một người nào đó áp giải hung thần hoặc ác quỷ. Hay nói một cách khác, thân phận của vong linh lúc đó chính là một tội nhân, cần phải xem xét thần thái của anh ta lúc quay về, khi anh ta bước vào nhà phải theo dõi xem có biểu hiện nào đáng nghi ngờ được coi là chứng cứ phạm tội như bề ngoài dơ bẩn hoặc thái độ ngơ ngác tìm kiếm, nhặt bới mọi thứ hay

không? Như vậy, những điều cam chịu đó khiến vong thê, vong thiếp tách ra, trở thành tiểu mệnh đa tình (vì hình như không thấy nói đến vợ chồng), đành phải cùng người nhà đi tránh hung thần. Nhưng trên thực tế, từ Lục triều đến đời Minh - Thanh, mặc dù về mặt "lý luận", "hồi sát" được nói thành "vong linh quay về", nhưng hiện nay trong các câu chuyện càng ít nói tới vấn đề này. Cũng chính là nói, trong các câu chuyện về "hồi sát" rất ít thấy nói đến tình tiết bản thân người chết tự mình hoặc bị áp giải trở về.

Ngưu Túc, người nhà Đường, trong Kỷ văn có ghi lại câu chuyện về thiền sư Nghi Quang ở chùa Thanh Long, Trường An. Câu chuyện kể về một vong hồn tự mình quay về "hồi sát". Thời Đường Huyền Tông, có một vị quan triều đình vợ qua đời, bèn mời thiền sư Nghi Quang đến lập đàn cầu phúc cho vong hồn người chết. Nhưng đến ngày hồi sát, mọi người trong nhà lần lượt lén lút lủi đi chỗ khác hòng tránh hung thần, chỉ còn lại một mình vị thiền sư già ở lại trong dinh phủ tụng kinh. Đến nửa đêm, đột nhiên trong phòng thoáng thấy có bóng người lướt qua, tiếp đó là tiếng cửa mở khe khẽ, và từ dưới bếp một người phụ nữ xuất hiện, múc nước thổi lửa, một lát sau bưng đến trước mặt thiền sư một bát cháo nóng. Đương nhiên, người phụ nữ này chính là người vợ mới chết của quan phủ, linh hồn vừa hiện về nhập vào thi thể nằm trên giường như "sống" lại. Vị "hung thần" này cử chỉ y như người còn sống vậy, cũng không làm bất cứ chuyện gì có hại đến người khác.

Một câu chuyện khác về Bành Hổ Tử được viết trong *Thái bình quảng ký.* Mẹ của Bành Hổ Tử qua đời, đến ngày "hồi sát", mọi người trong nhà đều lẩn trốn đi hết, chỉ còn lại Hổ Tử vốn không tin vào chuyện thần quỷ, nên nhất định không ra khỏi nhà. Thế là nửa đêm liền có chuyện xảy ra:

Có người đẩy cửa, rồi đi vào căn phòng phía tây, tìm người không thấy, vào phòng rồi lại đi ra, sau lẩn vào một căn nhà sơ sài. Hổ Tử bị bất ngờ không biết làm thế nào, cạnh đầu giường có một bình sứ lớn, anh vội vàng

chui vào bên trong, lấy tấm ván làm nắp che đầu. Cảm giác như mẹ ở trên tấm ván, có người hỏi: "Dưới ván không có người sao?" Mẹ trả lời: "Không có." Sau đó bỏ đi.

Trong câu chuyện xuất hiện vong hồn người mẹ đã chết của Hổ Tử, mặc dù theo cùng còn có những ác quỷ khác, những hồn ma ác quỷ này vào nhà để tìm kiếm người sống, và cũng để chứng nhận tạm thời rằng vong linh người chết đã quay lại một lần. Tiếc là sau đó không thấy xuất hiện câu chuyện nào giống như thế nữa. Đến thời Nam Tống, Hồng Mại trong *Di kiên chi chí,* quyển tám, có một đoạn nói về "Lý Sơn phủ thê"[23] kể chuyện vong linh người chết quay về, sống cùng người chồng của mình một thời gian, mặc dù mẹ chồng của nàng cũng rắc tro bếp lấy dấu (chi tiết dùng tro bếp lấy dấu không chỉ được dùng khi hồi sát, mà đến triều đại nhà Thanh vẫn còn phương thức hữu hiệu truyền lại trong dân gian để kiểm tra dấu hiệu của ma quỷ, điều này đã được Lý Khánh Thần bàn tới trong *Túy trà chí quái*) để kiểm tra xem cô có phải là ma quỷ hay không. Nhưng linh hồn của cô gái không phải trở về trong ngày hồi sát, mà đã vượt quá thời gian. Cho nên, đây chỉ có thể xem là loại chuyện kể về tình yêu nồng thắm của con người ngay cả khi đã trở thành hồn ma nơi âm thế, trong đó có một chi tiết liên quan đến tục "quy sát" trong dân gian. Mãi đến thời nhà Thanh, trong *Tử bất ngữ* của Viên Mai, quyển một, *Sát thần thụ gia* mới thấy xuất hiện câu chuyện hung thần áp giải vong hồn quy gia. Vợ chồng Lý Mỗ chung sống bên nhau rất thuận hòa, đầm ấm, không thể tin rằng Lý Mỗ mới hơn ba mươi tuổi mà bệnh nặng qua đời, thi thể đã nhập liệm, người vợ của Lý Mỗ không kìm được nỗi đau, ôm ghì lấy quan tài, sớm hôm than khóc hết nước mắt. Đến ngày vong hồn người chết trở về, nàng nhất định không chịu rời đi ẩn trốn, mà một mình ngồi lại bên trong bức trướng chờ đợi:

Đến canh hai, bỗng nhiên một làn gió lạnh lẽo thổi tới, ngọn đèn dầu vốn leo lét chợt cháy lên ngọn lửa xanh biếc. Một bóng ma xuất hiện, đôi mắt tròn xoe, mái tóc hung đỏ, cao khoảng một trượng, bàn tay nắm chặt

một cây xiên hình dấu gạch chéo bằng sắt, và một chiếc dây thứng kéo người chồng từ ngoài cửa sổ đi vào. Thấy trên quan tài có bầy sẵn tiệc rượu, bèn hạ cây xiên xuống đất, giải thẳng người chồng vào trong, ngồi xuống và ăn. Người chồng vuốt nhẹ lên mặt bàn, đau xót buông tiếng thở dài ai oán, rồi đi đến bên chiếc giường, nhẹ nhàng vén tấm màn lên. Người vợ khóc nấc lên ôm chầm lấy chồng, tiếng gió thổi qua kéo theo một đám mây lạnh lẽo ùa vào, một cái bọc rơi xuống. Hung thần tóc đỏ giật mình đến cướp lấy. Người vợ kêu to, ra sức giằng về, hung thần tóc đỏ bước đi lảo đảo, nghiêng ngả. Người vợ nhanh chóng lấy cái bọc bắt lấy phần hồn để vào trong quan tài, thi thể dần dần có sinh khí, người vợ mừng rỡ bế xác chồng lên giường nằm nghỉ ngơi, mớm từng chút cháo loãng cho chồng, ngày hôm sau, thi thể người chồng hồi lại. Từ đó, hai vợ chồng sống hạnh phúc bên nhau đến hơn hai mươi năm nữa.

[23] Nghĩa là: người vợ mới cưới của Lý Sơn.

Cũng trong *Tử bất ngữ* của Viên Mai, quyển chín, có đoạn nói về "Giang Dật Lâm". Người vợ của Giang Dật Lâm qua đời, đến ngày "hồi sát", anh ta nhất định không tránh đi nơi khác. Khi vong hồn của người vợ quay lại, Giang hỏi: "Nghe nói người chết có quỷ tay sai áp giải nên bị câu thúc, gò bó, mất tự nhiên, khi vong hồn quay về lại có hung thần theo sát, cớ sao nàng trở về lại chỉ có một mình vậy?" Người vợ đáp: "Hung thần chỉ quản thúc và lính lệ cũng vậy, có phạm tội thì mới bị dùng dây trói lại mà giải đi. Chốn âm phủ biết thiếp không hề phạm tội, lại vì một lẽ đường tiền duyên với phu quân vẫn chưa đoạn, nên cố ý cho thiếp một mình quay trở về." Đây là một loại chuyện linh hồn mượn dịp hồi sát để phục sinh, cũng có thể liệt vào loại chuyện viết về vong linh hồi sát. Nhưng ngoài những điều kể trên, nguyên nhân khiến tôi dẫn ra một cách có mức độ những cuốn sách này làm ví dụ là vì không muốn bạn đọc phải xem lại những câu chuyện linh hồn quy sát mà về hình thức đều gần giống nhau. (Thanh Thang Dụng Trung trong *Dực quynh bại biên*, quyển sáu, có đoạn nói tới việc phân loại thành hai loại truyền về "hồi sát")

Như vậy, trong loại chuyện kể trên, nói tới câu chuyện về hung thần, hồi sát, đó chẳng phải cũng là một hình tượng khác của vong hồn hay sao? Điều vốn bị coi là tai ương, là hung thần rốt cuộc lại chính là những vong hồn hay nói một cách khác chính là dị vật. Mặc dù trong cách nói, chúng ta vẫn thiên về khuynh hướng gọi đó là vong hồn, nhưng trên thực tế tất cả đều không thể khẳng định được một cách rõ ràng. Do đó, hình ảnh hung thần cũng chỉ là một cách nói theo quan niệm của số đông mà thôi. Vì không có ai từng tận mắt nhìn thấy hung thần, hoặc giả nếu có một người nào đó khẳng định anh ta đã từng nhìn thấy thần tai ương, thì chắc chắn anh ta chỉ nhìn thấy một cái gì đó khiến anh ta có cảm giác đó chính là hung thần mà thôi. Cho nên cái gọi là "sát" hay "ương" ở đây bản chất chỉ là một hình dáng mơ hồ nào đó, là cái mà trong một cuốn sách gọi là sự vướng víu vô hình, khó diễn đạt. Như trong *Dạ đàm tùy lục* đưa ra năm ví dụ, cách diễn đạt thứ nhất là: "Đột nhiên có một cơn gió lốc ào tới thổi tắt đèn, một bóng đen ẩn hiện trên một tấm lưới đánh cá, ngọn lửa xanh biếc, long lanh như đá quý, sáng bóng như tiền." Cách diễn đạt thứ hai: "Đột nhiên thấy một vật màu đen, trông như một đám tóc rối, từ mười tấc đất ngoi lên, xoay tròn không ngớt. Lúc đầu thì to như mặt trời nhô lên cao, dần dần nhỏ như cái bát, rồi như cái chén, cuối cùng lăn lộn rồi chui vào trong một cái lỗ dưới gầm giường, một lát sau lại ra ngoài, co ro quay tròn không nghỉ, một lúc lâu sau thì mất tăm." Cách hình dung thứ ba: "Ngọn đèn đột nhiên tắt lịm, một vật giống như cái vòi dài, hay đồ hút rượu mờ mờ ẩn hiện, phát ra tiếng động "gừm, gừm" đầy ghê sợ, rồi bỗng dưng ngã lăn xuống đất, biến thành một con mèo lớn, khuôn mặt trắng bệch như người đánh phấn, bám vào đất quay tròn mấy vòng như đang diễn trò cho người khác xem." Cách hình dung thứ tư: "Đột nhiên một bà lão xuất hiện, cứ quanh quẩn bên dưới gầm giường, hai mắt sáng quắc như đính ngọc, tay chống gậy, hóa thành một con nhím, kêu lên những tiếng chít chít, rồi càng ngày càng co mình lại, bỗng nhiên hóa thành một làn khói dày dặc, cuồn cuộn tản ra tứ phía, hoặc chui qua vách tường, hoặc bay lên đỉnh lều, tản ra rồi đi mất." Cách miêu tả thứ

năm: “Một người con gái, cao khoảng gần mười tấc, đập mạnh vào khóa cửa sổ, từ cửa sổ hiện ra một làn khói đen mù mịt, đúng lúc có làn gió thổi qua cuốn đi mất.” Rõ ràng chi tiết miêu tả về hung thần trên đây đều là những hình ảnh “tận mắt chứng kiến”. Nhưng những hình ảnh đó rất có thể chỉ là một số cảnh sắc ban đêm, trong điều kiện ánh sáng mờ mịt không thấy rõ, lại đúng lúc đầu óc cũng đang mơ màng, trạng thái bần thần, sợ hãi, cho nên những điều trông thấy trở nên hư hư thực thực, huyễn hoặc mơ hồ. Ngay cả người chứng kiến thần trí cũng không tỉnh táo dẫn đến nói những lời mê sảng, rối loạn… điều này rất đỗi tự nhiên. Nhưng nếu như có những ghi chép, thống kê một cách chi tiết, cụ thể về “hung thần”, thì sẽ phát hiện ra một điều rất đặc biệt, thì ra “hung thần” trong các truyền thuyết lại liên quan mật thiết đến một loài chim.

3.

Điều này liên quan đến một tập tục khác trong dân gian, hoàn toàn không giống với tục “hồi sát” nói ở trên. Trong tục “xuất sát”, vị thần hung dữ không phải là sự trở lại của vong hồn người chết, mà xuất hiện chính từ trong linh cữu của người chết. Đường Trương Độc trong *Tuyên thất chí* có viết: “Tục truyền rằng, sau khi người chết chết được mấy ngày mà có một loài chim từ trong quan tài bay ra thì gọi là “sát”. Lại nói, có người khi đi săn, anh ta giăng lưới bẫy chim, bẫy được một con chim lạ, mình dài khoảng năm thước, nhưng đến khi mở lưới để bắt chim thì mới ngỡ ngàng vì con chim mắc vào lưới đã biến mất từ lúc nào không rõ. Vô cùng kinh ngạc, anh ta đem câu chuyện kỳ lạ vừa rồi kể cho người dân sống xung quanh đấy nghe, một người nói: “Trong làng có người chết mấy ngày nay rồi, thầy bói xem quẻ nói, hôm nay sẽ có “sát thần” tới. Đến nhà người đó xem sẽ rõ, có con chim màu xám nhạt từ trong quan tài bay ra. Con chim anh kể có lẽ chính là con chim ấy?”.

Con chim màu xám nhạt trong câu chuyện được gọi là "la sát mị", rõ ràng cũng thuộc lại ma quỷ đại diện cho cái ác. Trương Trạc trong *Triều dã thiêm tái* có nhắc đến một câu chuyện về một chàng thanh niên đang đi trên đường thì tình cờ gặp một cô gái cũng đang rảo bước một mình. Dung mạo xinh đẹp của cô gái đã khiến chàng trai mê mẩn. Chàng bèn mời cô về nhà. Ngày hôm sau, người nhà gõ cửa phòng hồi lâu mà không thấy anh ta ra mở cửa, họ bèn đứng bên ngoài nhìn qua cửa sổ thì thấy một cái đầu lâu vừa mới bị ăn xong. Người nhà kinh hãi phá cửa xông vào, thấy từ trên xà nhà tối âm u xuất hiện một con chim lớn, vươn cổ nhằm hướng cửa chính bay ra. Người ta cho rằng đó chính là loài "la sát mị" hung ác vẫn được nhắc tới trong dân gian. Viên Mai, thời nhà Thanh, trong *Tử bất ngữ* cũng nhắc đến loài chim la sát. Hứa Thu Trà trong *Văn kiến dị từ* đã dùng tro bếp để nhận dạng dấu vết và xem xét tỉ mỉ, kỹ lưỡng vết chân trên lớp tro bụi ấy là dấu vết của loài chim nào, rồi nói vui rằng: "Nhìn dấu chân này, người trần mắt thịt cũng biết ngay đó là loài chim la sát." Có thể thấy, những câu chuyện dẫn ra trên đây đều có chung một mục đích khẳng định "la sát mị" chính là một loài ác quỷ, mà ác quỷ thì thường ăn thịt thi thể người chết.

Trong *Thông u ký* cũng nói tới một loài dị vật tương tự xuất hiện sau khi có người chết. Tính chất của loài ác quỷ cũng biểu hiện rất rõ ràng trong câu chuyện độc đáo này:

Chín năm trời giữ trọn tấm lòng kiên trinh, tận trung với nước, người cha của đô dốc xứ Bạc Châu, Lô Viện lâm bệnh nặng và qua đời. Hai ngày sau, đang giữa ban ngày, bỗng có một con chim lớn màu xám nhạt, không biết từ đâu bay đến sân nhà, bay lượn một vòng trên không trung, in bóng xuống mặt đất rộng khoảng bốn, năm thước. Cả nhà kéo nhau ra xem. Đột nhiên nó sà xuống cái giếng ở góc phía tây nam, rất lâu sau mới bay đi. Mọi người chạy đến xem, phát hiện thấy nước trong giếng đã cạn hết, bên trong còn có hai quả trứng, to bằng nắm tay. Mọi người vớt lên đập vỡ một quả, máu từ trong chảy ra lênh láng. Đến sáng hôm sau, đột nhiên nghe

thấy có tiếng khóc thảm thương của một người phụ nữ từ trong nhà phía tây. Lại gần xem, phát hiện ra một người con gái, tuổi chừng mười tám, mười chín, quàng một chiếc khăn mỏ quạ màu đen trên đầu khóc rất thê thảm. Hỏi từ đâu đến, người con gái nói trong tiếng khóc: "Tôi từ trong quả trứng dưới giếng chui ra, nào dám hãm hại ai?" Vừa dứt lời liền quay lại phía tây lôi ra một xác chết đã thối rữa, xong vung cánh tay lên rồi đi, ra đến cổng thì biến mất.

Đến thời nhà Tống, trong *Thanh tôn lục*, Liêm Bố cũng nói tới hình ảnh kỳ dị của một con vật lạ: "Một con vật trông giống như chim hạc, có màu xám đen, đôi mắt long lanh sáng rực như ngọn đuốc, đôi cánh lớn căng phồng đạp gió vù vù." Ông cũng cho biết thêm, đã có người nhìn thấy con vật kỳ dị này trong quan tài sau khi người chết được mấy hôm: "Thi thể người chết khí chất sẽ biến đổi thành la quỷ." Hồng Mại trong *Di kiên đinh chí,* quyển mười ba cũng kể lại một câu chuyện về Từ Cát Khanh ở Cù Châu, trong suốt thời gian sáu năm miệt mài hành đạo, ban ngày thường có một con vật lạ đến đậu ở chân tường, thân người, đầu chim, dài khoảng một trượng. Một hôm, bất ngờ người vợ lẽ trông thấy liền kinh động mà chết. Người con thứ tư của Từ Cát Khanh đang làm quan ở Tú Châu, ngày hôm sau nghe được tin dữ, cả ngày ám ảnh không dứt về loài chim lạ đó.

Đến triều đại nhà Thanh, sát quỷ được nói đến như là một loài chim lạ cũng nảy sinh nhiều vấn đề phức tạp. Đồng Hàm trong *Thuần hương chuế bút* có đoạn nói về "hung thần" là "một con gà, cao khoảng bốn, năm trượng, cái mào đỏ thẫm, cựa cứng như sắt, đứng trên một mô đất, vỗ cánh dài đến xà nhà, ngẩng cao đầu, nhìn từ bên ngoài vào." Một tác phẩm khác của Vương Đổng Qũy là *Nhĩ đàm loại tăng,* quyển hai tư cũng cho rằng "hung thần" chính là "một con gà trống to như loài ngỗng, mỏ quặp lại, mắt trợn trừng, bay đến đậu trên quan tài". *Tam tá lư bút đàm,* quyển mười một có một đoạn miêu tả lại cảnh "gặp gỡ hung thần", trong đó cũng chỉ rõ hung thần là một con ngỗng lớn, hai mắt long lanh màu xanh biếc. Tiền Vịnh

trong tác phẩm *Lý viên tùng thoại,* quyển mười lăm, *Đả sảnh thần* cũng khẳng định "hung thần" là một con chim lớn, khuôn mặt, dáng đứng giống hệt con người, nhưng lại có thêm đôi cánh dũng mãnh, mỗi lần vẫy cánh chẳng khác nào một trận gió lớn nổi lên. Trong *Tử bất ngữ* của Viên Mai, quyển hai, *Lạc sát điểu* cũng nhắc đến một con chim lớn, màu hung đen, mỏ quặp lại, bàn chân như tuyết, đứng giữa nấm mồ bỏ hoang, nơi "mặt trăng chiếu rọi những vệt sáng mờ ảo trên thi thể người chết" mà biến hóa. *Độn trai ngẫu bút,* quyển hạ có một đoạn nói về chuyện "hồi ương" như sau: "Có một người nọ thấy một gia đình bỏ nhà không mà dắt díu nhau chạy trốn hung thần, trong nhà có đặt một chiếc quan tài, trên quan tài có một con vật lạ trông giống như gà nhà, liền nghi ngờ đó chính là thần tai ương hiện hình." Tiết Phúc Thành trong tác phẩm *Dung am bút ký,* quyển sáu có một đoạn nói về "Dương Lão Liêm gặp phải hung thần", và cho rằng hung thần hiện hình thành con gà trống dũng mãnh, thường tụ tập trong mộ căn phòng lớn, hai mắt phát ra luồng ánh sáng xanh biếc chiếu thẳng vào mặt người. Cuốn *Dực quynh bại biên,* quyển năm có nói đến "sát thần" một cách vô cùng xác thực. Ông nhắc tới phong tục ma chay ở Thường Châu, người chết khi khâm liêm cần lấy những vại sành xếp trên mặt đất để làm nơi trú ngụ cho hung thần, khi đưa linh cữu đi an táng, mời thầy mo đến đọc bùa chú đập vỡ những vại sành, xua đuổi hung thần đi nơi khác, và hung thần ở đây cũng có hình dáng giống như một con gà. Gia đình Phùng Thị có người mới chết, không cẩn thận để lũ trẻ làm vỡ mất vại sành, nhân cơ hội đó hung thần trốn ra ngoài. Nhà hàng xóm có một lầu gác, đóng cửa đã lâu, đúng lúc đó bỗng nghe thấy có tiếng vỗ cánh, mở cửa lầu gác ra xem thì thấy "một con gà mào, cựa rất lớn không biết từ đâu đến, bị nhốt trong một cái lồng lớn, tự dưng lại thấy xuất hiện ở đây".

Nói đến điều này, tôi chợt nhớ đến một câu nói trong *Luận hành - Đính quỷ* của Vương Sung thời Đông Hán:

Theo phong tục dân gian, khi người thân một ai đó gặp phải điều bất hạnh, sẽ thấy một luồng sáng chiếu thẳng vào trong nhà, hay trông thấy thứ gì đó có hình dáng giống một con gà bất ngờ xuất hiện trong nhà.

"Người nhà gặp điều bất hạnh" ý muốn nói khi có người thân lâm trọng bệnh đến độ nguy kịch, sắp trút hơi thở cuối cùng, lúc đó sẽ thấy xuất hiện những dị vật như trên. Ở đây mặc dù không nói đến "hung thần", nhưng hình ảnh của ma quỷ lại được nhắc đến với "dáng vẻ của một con gà". Vì vậy có thể thấy, trong giai đoạn sau này, mỗi khi nhắc tới sự xuất hiện của hung thần hay ác quỷ, người ta thường so sánh hoặc thay thế nó bằng hình ảnh của một con chim hoặc một con gà kỳ lạ nào đó. Chúng ta có thể suy đoán, từ nhà Đông Hán trước thời Tam Quốc có thể đã nói tới điềm báo mang tính dự đoán tai ương sắp ập đến. Nhưng tục trốn chạy hung thần thì đã có từ trước thời điểm dự đoán hơn hai trăm năm. Do xã hội Trung Hoa ngày càng văn minh, cho nên vấn đề mà các gia đình quan tâm nhất hiện nay chính là chỗ ở, vì thế, có lẽ tục "tị sát" cuối cùng đã không còn tiếp diễn đến ngày nay, mà vì một lý do nào đó trong dân gian đã xuất hiện một tục lệ ma chay đi ngược lại với lễ giáo của người Trung Quốc. Vì sao người dân lại phải trốn tránh hung thần? Và trốn tránh hung thần rốt cuộc là như thế nào? Vì sao người ta luôn cho rằng hung thần mang hình dáng của một loài chim nào đó?

4.

Theo quan điểm của chúng tôi, ý nghĩa của chữ "tị" trong "tị sát" chính là ma quỷ "từ bên trong mà ra", và cái gọi là "vong hồn quay trở lại" chỉ là một thủ đoạn nhằm đánh lừa lòng tin của người dân mà thôi. Vậy bản chất của ma quỷ từ bên trong mà ra là như thế nào? Trên thực tế, cổ nhân đã từng tiếp xúc và có những lý giải về vấn đề này. Đó chính là một số ma quỷ, hung thần trú ngụ trong quan tài hay nơi mồ mả bỏ hoang, gặp điều kiện thuận lợi liền hiện hình. Điều kiện thuận lợi nói tới ở đây chính là khi "thể

xác gặp khí thiêng liền biến hóa". Trở lại với vấn đề thời gian "hồi sát" thì như trong *Độn trai ngẫu bút* đã từng đề cập đến: "Theo quan niệm của các nhà âm dương học, ngày "hồi sát" chính là ngày mà phần khí thừa đã tích tụ trong một thời gian dài tan ra, tiếp xúc phản ứng không hết." Cho nên gọi là sát quỷ cũng được, có điều sát quỷ ấy chính là "khí sinh ra từ thi thể người chết". Vì thế có thể khẳng định một lần nữa, tị sát tức là chạy trốn khỏi tử khí là có thực, còn chạy trốn khỏi ma quỷ chỉ là lừa phỉnh mà thôi.

Đào Tiềm trong *Tục sưu thần ký* cũng có đoan ghi chép liên quan đến "sát ương", mặc dù không trực tiếp nhắc đến vấn đề "tị sát", nhưng có nói tới cái được gọi là "tà ma". Quyển sáu cuốn sách này có viết: An phong Hầu Vương Nhang đã từng chứng kiến một chuyện xảy ra trong một đám tang, khi người chủ lễ đang khấn đọc để đưa thi thể người chết nhập quan, các quan khách đến dự tang lễ đều đứng đợi đông đủ trong lễ đường, chỉ có Vương Nhang nằm nghỉ ngơi một mình trên xe. Đột nhiên, anh ta nhìn thấy "trên không trung xuất hiện một con vật kỳ lạ, trông giống như một con chim", sau đó thoắt biến thành một chiếc xe ngựa màu đỏ nhạt, trong xe có một người, khăn áo màu đỏ nhạt, tay cầm một cái rìu. Con ngựa kéo xe mỗi lúc một nhanh trên mặt đất, người đó đánh xe đi thẳng vào con đường nhỏ, nơi chiếc xe của Vương Nhang đỗ, gọi Vương lại hỏi: "Xin tặng công tử một câu nói: Phàm là những người ruột thịt thân thiết mới đến khâm liệm, đưa tiễn linh hồn người chết, những người không thân thiết thì không nên tùy tiện, càng không thể nôn nóng đứng quanh đây." Tại sao con quỷ đó lại nói những lời này với Vương Nhang? Phải chăng nó muốn dự báo trước cho Vương Nhang cái điều "đương trí vị tam công" sẽ xảy đến sau này. (Vương Nhang là một trong những "Trúc Lâm thất hiền" trong triều Ngụy Tần, đến khi Tây Tấn suy phân tách thành Tam công.) Hoặc giả ngay trong thời điểm đó nó muốn báo trước một tai họa nào đó sẽ xảy đến chăng? Trong giờ phút thi thể người chết sắp được nhập quan, tất cả quan khách đều hướng về thi thể nói lời từ biệt cuối cùng, con quỷ đó cũng lẻn vào, hòa lẫn trong đám khách khứa, lấy cây rìu ra giáng vào tấm ván bên cạnh quan tài. Những điều

này đương nhiên chỉ có Vương Nhang có thể nhìn thấy. Có người thân đi đến gần quan tài, cúi đầu xuống gần thi thể nói lời vĩnh biệt trong niềm đau xót vô hạn, đúng lúc con quỷ giơ cao cái rìu đánh thẳng vào đầu người đó, người này tức thời ngã lăn xuống đất, mọi người xung quanh vội vã đỡ dậy, đại để chỉ gây ra hiện tượng choáng váng rồi ngã xuống, chưa chắc đã đe dọa đến tính mạng.

Con quỷ quàng khăn đỏ, mặc áo đỏ, tay cầm rìu nói ở trên chính là thần tai ương. Nhưng vị thần tai ương này hoàn toàn không phải hồn ma người chết, mà chỉ là ác quỷ xuất hiện khi người chết được nhập quan. Trong câu chuyện này, mặc dù không nhắc đến tục "tị sát" nhưng có thể thấy bản thân câu chuyện chính là một lời khuyên hữu ích cho những người tham dự buổi lễ nhập quan người chết, rằng tuyệt đối không nên đứng quá gần thi thể người chết, với những người không phải là người thân hay có quan hệ đặc biệt nào với người đã mất thì tốt nhất không nên có mặt vào giờ phút nhập quan. Cho nên cái gọi là ác quỷ dùng rìu đánh vào đầu người khác thực chất là bị tử khí từ trong quan tài bốc lên làm choáng váng, ngã xuống mà thôi. Sau này, Lưu Nghị Khanh trong *U minh lục* cũng nói đến sự xuất hiện của dị vật sau khi có người chết:

Chu Tông thường nhìn thấy hình ảnh một đám đông đưa linh cữu đến nơi mai táng, phía trước quan tài cách khoảng ba thước có một vật màu xanh, hình dáng giống như một cái vỏ sứ có nắp đậy (cái chum to đậy nắp). Đám đông tham dự tang lễ, người thì cúi mặt khóc thương, buồn bã, người lại đến gần ghé sát quan tài nhìn người chết thêm một lần nữa. Từ phần đầu thi thể đang bất động có một vật màu xanh bốc lên. Lại nói: Khi người đến tham dự tang lễ, trong tức khắc ma quỷ cũng nhanh chóng đến theo cùng.

Trong câu chuyện trên, đáng chú ý nhất là câu nói sau cùng, "khi người đến tham dự tang lễ, trong tức khắc ma quỷ cũng nhanh chóng đến theo

cùng", đó chính là ý nghĩa của hai chữ "tạm hoàn" (nhanh chóng góp mặt). Một cách tự nhiên, điều đó ám chỉ sự hiện hình của vong linh người chết hay với cách nói "vong hồn quy sát" của người phương Bắc cũng chính là một. Chỉ có điều hình ảnh quy sát hiện về là một "dị vật màu xanh" có hình dáng "giống như cái vò sứ có nắp đậy" chứ không phải như hình hài người chết. Nhưng vì sao Chu Tông lại nói dị vật đó cách linh cữu người chết khoảng ba thước? Rõ ràng đó là một lời khuyên dành cho những người đi viếng đám ma nên đứng cách xa phần đầu người chết một khoảng cách nhất định, tối thiểu là ba thước, cũng chính là cần tránh khỏi vùng ảnh hưởng của tử khí người chết bốc lên, vì tử khí chủ yếu sinh ra từ phần miệng và mũi của người chết.

Trong vở tạp kịch *Tử sinh giao phạm trương kê thử,* phần thứ ba có kể lại câu chuyện Phạm Cự Khanh muốn được trông thấy thi thể của Trương Nguyên Bá trong linh cữu, nói: "Mọi người hãy mở nắp quan tài ra, ta muốn nhìn một lát." Mẹ của Nguyên Bá nói: "Anh không nên làm vậy. Người đã chết khá lâu, sợ rằng tử khí sẽ bốc lên." Như vậy, qua màn đối thoại này có thể thấy mọi người đã biết rõ thi thể người chết để lâu ngày sẽ có tử khí bốc lên, gây hại cho con người.

Có thể chứng minh những lời nói trên đây có cơ sở quan trọng, xuất phát từ chính việc "rải tro bếp để nhận dạng dấu chân" phản ánh phong tục ma chay trong quan niệm dân gian. Ngày "tị sát", trước khi người trốn ra ngoài để né tránh hung thần, cần phải "quét dọn sạch sẽ, cẩn thận phòng ốc của người chết, từ trên giường xuống dưới đất, sau đó lấy tro đốt từ loại cỏ lau rải xuống khắp nền nhà". Nói là để xem khi vong linh người chết hồi sát có để lại dấu chân trên lớp tro bụi hay không, từ vết chân đó có thể nói cho người nhà biết người chết đã đầu thai chuyển kiếp thành loài vật nào. Nhưng rõ ràng lý do này thực sự chỉ khiến vong hồn thêm khó xử. Vì những dấu vết đó, ngoài dấu chân của mèo, chó, gà, vịt còn có cả dấu chân của kẻ trộm. Do vậy, ý đồ thực sự của việc "rải tro bụi làm dấu" này đã xuất hiện

từ rất lâu trong dân gian, sớm nhất là từ thời Nam - Bắc triều. Theo quan niệm của người dân, trong ngày "tị sát" nhất thiết phải "đốt một đám lửa ở trước cửa, bên ngoài rải một lớp tro bụi". Tro ở đây chính là tro đốt từ cây cỏ, sau này, người ta cũng dùng nó để xua tan khí hôi bốc lên từ nhà vệ sinh, cho nên bô vệ sinh còn được gọi là "khôi đồng", đổ bô vệ sinh được gọi là "khái khôi", ngay cả đến thần trấn giữ nhà xí cũng được gọi bằng một biệt hiệu rất đáng yêu "khôi thất cô nương". Mục đích thực sự của việc "rải tro bụi" chính là để nó hút vào những tử khí độc hại bốc ra từ thi thể người chết, chứ hoàn toàn không phải để xem người chết đầu thai sang thế giới khác sẽ biến thành loài súc vật nào. Hơn nữa, những người bạn của tôi ở Nam Kinh còn giới thiệu rất kỹ lưỡng về vấn đề này. Họ cho biết, vào những ngày hè nóng nực, cần chú ý phủ một lớp tro bụi thật dày xuống dưới đáy quan tài, sau đó dùng một tấm vải phủ kín bên trên, để người ngoài không nhìn thấy được. Làm như vậy không những có thể xua tan được tử khí bốc ra từ thi thể mà còn có tác dụng hút hết nguồn nước rỉ ra từ xác chết. Những kinh nghiệm nêu trên không chỉ thấy duy nhất ở Giang Nam, mà nó còn là phát minh quan trọng được vận dụng trong suốt gần một thế kỷ qua. Cho nên có thể thấy, việc nhận thức được tính năng thẩm thấu của lớp tro từ cây cỏ là chuyện có từ rất sớm trong lịch sử. Còn đối với việc đốt một đám lửa ở trước cửa nhằm mục đích làm khí nóng bốc lên, dẫn đến áp suất không khí tập trung ở trước cửa thấp, hình thành một vòng tuần hoàn luân chuyển, khi ấy tử khí có hại từ trong nhà nhanh chóng được thoát ra ngoài. Ngày "tị sát", cả nhà đều tránh ra ngoài, cửa ngõ đều mở hết, cũng là để cho tử khí được dễ dàng thoát ra. Thầy mo tính toán đúng ngày tị sát là nhờ căn cứ vào khoảng thời gian tử khí bốc lên nhiều nhất và gây nhiều độc hại nhất. Tro đốt từ cây cỏ hút hết tử khí sẽ khiến cho nguồn khí này tập trung gần mặt đất trong một khoảng thời gian ngắn và không thể ngay lập tức thoát hết ra ngoài, chính điều này sẽ khiến căn phòng được rải tro tích tụ một lượng lớn tử khí gây ảnh hưởng không tốt cho con người. Vì thế, ngay sau khi rải lớp tro thảo mộc lên nền nhà, người nhà cần tránh đi nơi khác, có lẽ đó chính là nguyên nhân thực tế của tục lệ "tị sát" lưu truyền trong dân gian. Mọi người trong nhà đều tránh đến nơi khác trong khoảng thời gian

“hồi sát”, cửa ngõ đều mở rộng, những con gà, chó… sống nơi hoang dã ngửi thấy mùi thơm bay ra từ thức ăn bày biện trên mâm cỗ cúng lại không vào “hưởng thụ” mới là chuyện lạ, bởi vậy trên lớp tro rải dưới nền nhà có lưu lại những dấu chân động vật đi lại. Nhưng những con vật ăn thức ăn trên mâm cỗ cúng trong điều kiện tử khí bốc lên thường nhiễm độc mà chết, nói một cách khác thì đó chính là “cây, cỏ, gà, chó thường rơi vào tình cảnh khô héo, ngã chết giữa đường”. Trong *Trung Hoa toàn quốc phong tục chí,* quyển hạ, Giang Tô cũng có một chương nói đến tục “tị sát”, nhưng với một cách gọi khác là “bế ương” (có một số cuốn sách nhầm lẫn gọi đó là “tị ương”). Mọi người trước khi ra khỏi nhà phải rửa sạch toàn bộ nồi, niêu, xoong, chảo… nói là sợ khi vong linh người chết vào nhà sẽ chui vào đó. Nếu ma quỷ chui vào vại sành, giả sử nó không thể chui ra, vậy thì chắc chắn nó sẽ ở lại trong nhà cúng bái tổ tiên, thần, Phật, ý tưởng này quả thực cũng không tồi. Cho nên, việc làm lạ lùng này đã góp phần ngăn chặn các loại gà, chó, rắn, chuột… hạ cố đến thăm. Đối với một số địa phương có tục lệ như trong ngày “tị sát”, buộc một con gà trống vào chân bàn, khi hung thần đến sẽ nghe thấy tiếng gà kêu, nhưng có điều con gà trống đương nhiên sẽ trở thành “vật cảnh báo” làm cho những vị khách không mời thêm kinh hãi mà thôi.

Nhưng hành động chạy trốn khỏi tử khí thoát ra từ thi thể người chết nói trên đây lại đi ngược với truyền thống đạo hiếu vốn là tiêu chí quan trọng trong đạo học của Nho gia. Chúng ta làm sao có thể để lại người thân trong nhà mà ra đi khi hài cốt của họ còn chưa nguội lạnh? Vậy là chúng ta đã tạo nên câu chuyện ma quỷ về vong hồn người chết “hồi sát”, hồn ma sẽ trở về thăm lại ngôi nhà thân yêu của mình. Nhưng chuyện “về thăm” này không phải để thăm hỏi người thân mà chỉ là tự mình quay về ngắm nhìn lại tất cả trong niềm hoài nhớ, xót xa. Lý do này thực tế vẫn chưa thực sự đầy đủ, xác đáng. Vì ngay cả khi người nhà muốn quay trở về, họ cũng không thể thấy được sự hiện hữu của người quá cố, họ chỉ có thể đứng một bên, cố tìm ra cái cốt lõi hợp lý ẩn bên trong cái vẻ bề ngoài vô lý ấy. Tuy nhiên, ở đây

vẫn còn có một số cái chưa thực sự thỏa đáng cần lý giải, ví dụ như con cháu có hiếu hoặc những cặp vợ chồng, những đôi nam nữ có tình cảm sâu sắc, họ đã vượt qua được cái giới hạn của cõi u minh. Những đứa con, đứa cháu có thể không nhìn thấy được ông bà, cha mẹ của mình, những người vợ hoặc chồng không thể nhìn thấy nhau nhưng ông bà, cha mẹ, chồng hoặc vợ lại có thể nhìn thấy con cháu, người vợ hoặc người chồng còn sống của mình. Cho nên một số học giả còn cho rằng, khi vong hồn người chết quay về, những người thân trong gia đình càng không nên tránh đến nơi khác, cả gia đình nên ở lại đoàn tụ xum vầy thành một "gia đình hạnh phúc" như thế mới thỏa đáng. (Du Văn Báo có dẫn ra câu nói của Trần Đông San như sau: "Trong dám tang cần có người thân ở bên, nhưng theo tục lệ mà toàn thể gia đình lại tránh xa khỏi tai họa, để linh cữu người chết một mình lẻ loi trong căn phòng trống vắng sao? Lại có người cha, người mẹ nào muốn hại con cái mình sao?") Đó là lời nói đầy thức tỉnh của ma quỷ, hình ảnh "hung thần" trở về đó không phải là hình ảnh của người chết mà là bị một ác quỷ khác áp giải trở về, cho nên cái mà mọi người trốn chạy không phải vong linh người thân của họ, mà chính là tên ác quỷ đó. Điều này một cách vô thức đã gán cho ma quỷ một số những hành vi tàn ác, mục đích chính là để người nhà có một lý do hợp lý để tránh khỏi nguồn "tà khí" độc hại kia.

Nếu nói như vậy thì xem ra Nhan Chi Thôi, Du Văn Báo, Trần Đông San, Đằng Nhật Dụng và một vài người khác lấy "đạo hiếu" trong Nho giáo để phê phán hủ tục "tị sát" về mặt lý luận có lẽ là chính xác. Nhưng từ góc độ "khoa học" mà nói thì lại hoàn toàn sai lầm. Hơn nữa, từ chính quan điểm Nho giáo cũng vẫn có thể bác bỏ được. Người xưa từ rất sớm đã hợp nhất tử khí và ma quỷ làm một, không những thế còn đưa ra được những lý giải vô cùng hợp lý. Trong *Lễ ký - Nguyệt lệnh* của Trịnh Huyền Chú, thời Hậu Hán đã dẫn ra một vài lưu ý "trên nấm mộ lớn chứa đầy tử khí, khí độc ẩn dật khiến cho ma quỷ mang mầm bệnh dịch được dịp hoành hành". Ma quỷ mang dịch bệnh được nói tới ở đây chính là quỷ ôn dịch, tích tụ từ thi thể người chết chôn sâu dưới những nấm mồ, thường là do chiến tranh hoặc

dịch bệnh khiến người chết được chôn trong một nấm mồ chung, chính điều này đã khiến cho dịch bệnh dễ dàng lây lan trong một phạm vi lớn, khi đó ở mỗi đất nước, mỗi tỉnh thành đều phải tiến hành lễ cầu mát, còn gọi là "cửu môn trách nhương"[24], chính là "lễ tiễn trừ ác khí". Điều này trên thực tế chính là ngày "tị sát" được tiến hành trong toàn thành phố, khắp các vùng miền trên đất nước, chỉ có điều, lúc ấy sẽ chẳng còn nơi nào có thể chạy trốn được cho nên mọi người đành phải dùng cách mời thầy mo đến cúng bái xua đuổi tà ma.

[24] Tức là: tiến hành lễ tế thần nhằm giải trừ tai họa ở cả chín cổng lớn dẫn vào thành.

Vì thế mà Lưu Ngọc Thư, văn nhân thời nhà Thanh, trong tác phẩm *Thường đàm* có nói: "Tin rằng có tử khí bốc lên từ thi thể người chết, nếu tiếp xúc với nguồn khí gây dịch bệnh ấy con người sẽ dễ dàng mắc bệnh. Không tin rằng tai ương có thể giáng xuống đầu con người, nhưng bệnh dịch vẫn lén lút gây hại cho con người". Tai ương và tử khí bốc lên từ thi thể người chết đều được nhắc đến, con người lại không tin vào quy sát, nhưng lại ra sức đề phòng tử khí, không thể không thừa nhận những kiến giải sáng suốt của người xưa.

Còn về việc hung thần thường bị mọi người cho rằng mang hình dáng của loài chim nào đó, điều này cũng không phải không thể lý giải được. Trước hết, trong tác phẩm *Tuyên thất chí* có đoạn viết: "Có con chim từ trong linh cữu bay ra." Điều này tuyệt đối không phải việc thường thấy hay lặp đi lặp lại nhiều lần, giống như việc biểu diễn ảo thuật trên sân khấu, chỉ cần mở chiếc khăn tay lập tức có một con chim bồ câu bay ra. Nhưng cũng không có nghĩa là tự nhiên từ trong không khí mà chui ra, quan tài luôn có nắp che kín, làm sao có vật gì có thể chui vào được? Loài chim thích ăn thịt xác chết đương nhiên ngửi thấy mùi thịt thì phải "thích thú", khi có người đến, nó không có lý do gì mà trở thành "con cú mèo sợ hãi", đành phải làm "chim ưng" bay đi. Hơn nữa, khi có người sắp chết, một số loài vật thường lũ lượt kéo đến, khi quan tài tạm thời được đặt ở một nơi nào đó trước khi

đưa đi chôn cất, chúng hoặc liệng quanh trên không trung, hoặc tập trung trong nhà. Chuyện như thế xuất hiện mấy lần, nhiều người nhìn thấy thì truyền tai nhau, khiến cho động vật biến thành "la sát mị", lại từ đó mà biến thành hung thần trong các câu chuyện ma quái.

Chương 5: Ai Tràn[1]

Tôn Quang Hiến thời Ngũ đại, trong tác phẩm *Bắc mộng tỏa ngôn* có viết: "Phàm những người chết do hổ vồ, đắm nước thì được gọi là "tràn", cần phải tìm người thế mạng, tưởng chừng đó chỉ là chuyện phiếm nhưng thực ra lại có thật". Từ quan điểm của Tôn Quang Hiến có thể thấy "tràn" có hai loại: một loại chết do hổ vồ được gọi là "hổ tràn", một loại khác chết vì đắm nước gọi là "giang tràn". Loại thứ hai sau này còn được gọi với tên khác như "yêm tử quỷ"[2] hoặc "nịch tử quỷ"[3], hay như ở vùng Giang Nam còn có một cách gọi khác là ma sông quỷ rước… Chính vì vậy, người dân nơi đây thường treo thờ chữ "伥"(tràn), có lẽ vì "giang tràn" và "hổ tràn" đều giống nhau ở một điểm là phải "cầu thế thân", tức là người thế mạng mới có thể mong được siêu thoát, đầu thai sang kiếp khác. Nhưng những hồn ma phải "cầu thế thân" không chỉ có hai loại nêu trên, mà còn có cả "dật tử quỷ", "thực độc khuẩn quỷ" (bao gồm cả "trụy nhai quỷ", "nghiêm nan quỷ" và còn một số loại khác tương tự nhưng không được gọi là "tràn" mà chúng tôi không tiện nhắc tới ở đây). Đến thời đại nhà Thanh, lại có thêm một loại khác được gọi là "ngân tràn". Viên Mai trong *Viết tiếp Tử bất ngữ*, quyển bốn, có nhắc đến những kẻ trộm cắp vàng bạc, châu báu thường bị giày vò suốt đời, nên phải cầu đến cái chết để mong được giải thoát và phải đứng trước một sự lựa chọn: "nếu khi chết chấp nhận canh giữ hầm chứa vàng bạc thì sẽ không bị giày vò thêm nữa", và dĩ nhiên phải bằng lòng, chấp thuận. Kể từ đó, những kẻ trộm cắp buộc phải tìm người thế thân, nếu như sau đó có người phát hiện ra hầm bạc, ngửi thấy có mùi

hôi thối kỳ lạ đến nỗi không thể đến gần, không thể tìm ra nguyên nhân, đó chính là đã gặp được "ngân tránh", lúc ấy chỉ cần làm công đức siêu độ, hồn ma kia lập tức sẽ được đầu thai sang kiếp khác, và mùi hôi thối kỳ lạ cũng tự biến mất. Nhưng trường hợp không ai phát hiện ra hầm bạc, thì lúc đó linh hồn của "ngân tránh" sẽ mãi mãi bị giam cầm mà không thể siêu thoát được. Như vậy, những hồn ma có thêm chữ "tránh" mặc dù không nhất thiết phải tìm người thế thân, những xem ra để giải thoát vẫn phải dựa vào một điều khó khăn tương tự như vậy.

[1] Có nghĩa là: xót thương cho những kiếp ma quỷ lông bông chẳng tìm thấy đường về.

[2] Tức là: ma chết đuối.

[3] Tức là: ma chết chìm.

Chữ "tránh" trong sách cổ thường được dùng theo cách hiểu "tránh tránh nhiên"[4]. Tư Mã Ôn Công trong *Thích thiện kệ* giải thích "chữ "tránh" theo quan điểm của các học giả mang ý nghĩa chỉ sự ngông cuồng mê muội". Chữ "伥" (tránh) hay còn được viết là "怅" (trướng)[5] chỉ sự tăm tối, mù mịt không biết gì, cũng không để tâm vào việc gì. Nhưng tại sao chữ "tránh" lại dùng để chỉ một cái gì đó gắn liền với những hồn ma, quỷ quái? Điều này đến nay vẫn chưa có ai giải thích rõ, chỉ thấy Trần Thiệu, một tác giả thời nhà Đường viết trong *Thông u ký*:

Đường Kiến năm thứ hai, ở Giang Hoài nổi lên một tin đồn có quỷ dữ từ Hồ Nam đến. Loài ma quỷ này có người gọi là "mao quỷ", lại có người viết là "mao nhân", hoặc gọi là "tránh". Nói chung nó có rất nhiều tên gọi khác nhau. Nó có khả năng biến hóa khôn lường. Người ta nói rằng loài quỷ này "hảo thực nhân tâm", thích moi tim uống mật của những đứa trẻ dù gái hay trai. Thực sự là độc ác vô cùng.

[4] Tức là: một sự liều lĩnh thiếu thận trọng.

[5] "Trướng" có nghĩa là buồn phiền.

"彸" nay đọc là "cheng", gần âm với từ "伥" (đọc là "chang"), không biết là do sai chữ hay là một sự biến âm, nhưng có thể giữa chúng có mối liên hệ nào đó với nhau. "Mao quỷ" được nhắc tới trên đây chính là để chỉ trên cơ thể có lớp lông mao kỳ lạ, còn gọi là "mao trùng" (sâu róm). "Ngoa ngôn"[6] (讹言) nói không rõ nghĩa, chúng tôi quả thực cũng đoán không ra, nhưng chữ "彸" thì có lẽ có nguồn gốc "du nhập" từ Hồ Nam đến, tìm trong vốn từ ngữ cổ của địa phương cũng không thấy có. Điều này cho thấy không thể căn cứ vào ý nghĩa hiện hữu trên mặt chữ để truy cứu mà tìm ra lớp nghĩa thực sự ẩn chứa sau lớp ngôn từ khó hiểu đó. Bỏ đi một số từ ngữ này thì ý nghĩa của từ "伥" cũng vẫn không rõ ràng, minh bạch, vì vậy đành phải gác lại, chờ cơ hội để thỉnh giáo cao minh. Còn hai chữ "giang tràng" đã có dịp nói đến trong phần "Những thứ ở trong nước" trên đây, chữ "tràng" trong "hổ tràng" cũng có ý nghĩa tương tự như vậy.

[6] Ngoa ngôn: tin đồn, tin vịt.

Chu Tác Nhân tiên sinh đã từng nói "Trong các câu chuyện ma quái Trung Quốc, "cương thi" dĩ nhiên được coi là hung tàn và độc ác nhất, còn "hổ tràng" vẫn được xem là thảm thương và ảm đạm nhất". Hai chữ "ảm đạm" dùng để nói đến "hổ tràng" quả thực là sinh động như thật vậy. Mặc dù chưa một lần được chứng kiến, nhưng qua cách nói hình tượng này cũng giúp chúng ta thấy như hiện ra trước mắt một cõi lòng, một dáng vẻ, một thần thái âm u, mịt mờ, tăm tối…

"Vi hổ tác tràng" đã trở thành một câu thành ngữ chỉ hành động "nối giáo cho giặc", đồng nghĩa với "trợ kiệt vi ngược", nhưng xem xét kỹ lưỡng sẽ thấy, hai cách nói này vẫn có những điểm khác biệt nhất định. Điểm khác biệt nằm ở chỗ "vi hổ tác tràng", hiểu theo nghĩa rộng có thể thấy trong đó còn thể hiện một sự ép buộc, nô dịch, và hơn hết, chữ "伥" (tràng) ở đây thể hiện một cái gì đó rất oán hận, căm ghét, thậm chí còn thể hiện một chút bi

ai, thương xót. Để biểu đạt được ý nghĩa này, trên đề mục chương truyện, người viết đã mạnh dạn dẫn ra một chữ "ai" (哀), nhưng không biết liệu người đọc có gật đầu chấp thuận hay không?

1.

Cách gọi "hổ tràn" xuất hiện sớm nhất vào thời nhà Đường, nhưng những hồn ma được coi là "vi hổ tác tràn" thì phải tới thời kỳ Đông Tấn mới có. Lưu Kính Thúc, sống vào thời Lưu Tống, trong tác phẩm *Dị oán* của mình đã nêu ra hai câu chuyện, một câu chuyện thú vị xảy ra ở Hồ Nam được tác giả giới thiệu trong quyển ba, chuyện kể rằng:

Ngu Đức người Long Dương, Võ Lăng, một lần ngao du tới Ích Dương, trọ tại nhà Hạ Man. Ngô Đức nhìn thấy trong nhà Hạ Man có một tờ giấy rộng chừng một thước, vẽ hình đầu người con gái Hạ Man, bèn lấy xuống xem. Một lúc sau, một con hổ chạy đến cổng nhà rồi lại chạy đi. Rồi lại thấy bà cụ Hà mang tờ giấy có hình đầu người con gái đặt về chỗ cũ, Ngô Đức lại lấy nó xuống, hai người cứ một người lấy xuống một người cất lên nhiều lần. Cuối cùng, Ngô Đức nói chuyện đó với Hạ Man, hai người mỗi người cầm một cây gậy đứng canh trước cổng. Một lúc sau con hổ quay lại, hai người cùng xông vào đánh hổ. Cuối cùng con hổ bị đánh chết.

Rõ ràng Ngu Đức là một người có khả năng đặc biệt. Ông ta có thể nhìn thấy những hồn ma mà người khác không thể thấy được. Bà cụ Hà và tờ giấy treo trên tường bình thường chỉ có lão hổ mới có khả năng nhìn thấy. Nhân vật bà cụ Hà được nói tới ở đây có thể khẳng định chính là hiện thân của "hổ tràn", những hành động được coi là "nối giáo cho giặc" của bà ta chính là chỉ điểm cho lão hổ đến sát hại những người khác, mà cách thức chỉ điểm cũng rất giống với cách thức mua bán, trao đổi hàng hóa ngoài chợ, những thương nhân thường giải quyết mọi việc trên giấy tờ, chính là dán những lời nhắn quan trọng, cần lưu ý, được coi là đã nhận mua. Ích

Dương, một vùng sông nước, người dân thường tụ họp phía tây dòng sông Tương để lấy gỗ, ngay cả những hành động của hổ quỷ ở nơi đây cũng giống như những nhà buôn gỗ. Những biểu hiện của "tránh quỷ" với tư cách là kẻ trung gian buôn bán, giao dịch sau này không phải hoàn toàn mất dấu tích, chỉ là có sự biến đổi về mặt hình thức mà thôi, ví dụ như lấy tờ giấy đậy trên đầu khi ngủ[7], hay dùng tờ giấy trắng phủ lên mặt người[8],v.v… Vì vậy, có thể nghĩ tới một giả định xung quanh những câu chuyện hổ quỷ bao giờ cũng có chung một nguồn gốc nào đó, nguồn gốc đó có lẽ đều xuất phát từ những vùng dân tộc thiểu số ở xung quanh khu vực sông Tương. (Chữ "栜" trong *Tự Hổ Nam lai*[9] được nói tới trong *Thông u ký* không biết có thể được coi là một bằng chứng chứng minh cho giả thiết trên hay không?) Tuy nhiên, những điều mà "tránh quỷ" ám chỉ đã có không ít những tư tưởng bảo thủ bác bỏ, có thể thấy rõ điều này qua đoạn viết về "hổ tránh" ở Triết Giang trong cuốn sáu:

Thời nhà Tấn, có một Mãnh phụ một lần lên rừng nhặt củi chẳng may bị hổ sát hại. Một năm sau, từ trong đám cỏ ngải đột nhiên có một người phụ nữ hiện lên nói: "Công từ hôm nay đi, ắt gặp phải sự chẳng lành. Nhưng tôi sẽ tìm cách giải trừ cho. "Sau đó, từ phía trước, một bầy hổ xuất hiện, nhảy nhót tiến về phía Mãnh phụ, có vẻ giống như đang che chở, bảo vệ cho chủ tướng của mình. Một lát sau, bỗng có một người từ bông hoa sen bước ra, bầy hổ được lệnh tấn công, Mãnh phụ chỉ tay thu lệnh về, bầy hổ đột nhiên thu mình quay trở lại.

[7] Theo Nguyên hóa ký, mục Liễu tịnh.

[8] Theo Di kiên bính chí, quyển ba, Hoàng hoa tránh quỷ.

[9] Tự Hồ Nam lai: có nghãi là đến từ Hồ Nam.

Ở đây có một vấn đề, đó là bầy hổ có chủ đích ăn thịt người từ trước hay do tránh quỷ đưa lối chỉ đường? Rất rõ ràng, người chồng của vị tránh quỷ

này ban đầu vốn là bữa điểm tâm ngon lành cho lũ hổ, nếu không thì không cần lãng phí những rắc rối không cần thiết, chỉ cần thả cho anh ta trở về là có thể giải quyết được vấn đề rồi. Hay người phụ nữ Hồ Nam nói ở trên cũng chính là số trời định trước, nếu không phải như vậy thì bà cụ Hà đó làm sao có thể hết lần này đến lần khác dễ dàng dán tờ giấy có hình đầu cô gái, mặt khác, thịt cha mẹ cô gái chưa hẳn đã khó ăn hơn cô ấy. Từ những câu chuyện về tránh quỷ (bao gồm cả "giang tránh") có thể thấy trong nội dung đều chú ý nhấn mạnh đến vấn đề "số mệnh", giống như trong *Liêu trai* có đoạn kể về "Miêu Sinh", xác định được rõ ràng thân thế của mình, nhưng chỉ cần khoác lên mình bộ y phục khác thì lũ hổ không dám giết thịt. Nhưng có rất nhiều truyện lại cho thấy "số mệnh" vẫn có thể thay đổi được, quan niệm nhân quả báo ứng "Đinh thị đinh, mão thị mão" của Phật giáo không phù hợp với quan niệm của người Trung Quốc, chữ "tình" của người Trung Quốc thông thường có thể chiến thắng cả "định luật" nghiệt ngã của thiên mệnh. Công năng của tránh quỷ như vậy xem ra rất được chú ý, điều này thể hiện ở chỗ, ngay cả lũ hổ cũng không hề biết số mệnh đã an bài ai sẽ bị chọn dùng làm bữa điểm tâm, chỉ có tránh quỷ mới biết, không có chỉ thị của tránh quỷ, lũ hổ cũng không dám manh động, mà ngay chính tránh quỷ trước đó không lâu cũng chính là bữa điểm tâm của lũ hổ. Con người đã trở thành món ăn của bầy mãnh thú đó, điều này thật khó lý giải. Một điều cũng khó đưa ra được lời giải thích là, nếu như lũ hổ không có tránh quỷ dẫn đường chỉ lối thì không thể ăn thịt người, vậy thì, từ khi sinh ra, lần đầu tiên chúng giết người ăn thịt thì ai chỉ điểm. Lại nói, người bị hổ ăn thịt biến thành tránh quỷ, vậy nói như giáo lý đạo Phật "chúng sinh bình đẳng", đã có biết bao nhiêu loài động vật khác cũng làm mồi cho hổ, tại sao chúng không thể biến thành tránh quỷ? Vấn đề này thật khó có thể đưa ra được một đáp án thỏa mãn, chúng tôi chỉ còn cách suy đoán trong mơ hồ vậy thôi.

2.

Câu chuyện về người vợ Nghiêm Mãnh có đề cập đến một vấn đề, đó chính là cô ấy mặc dù đã trở thành tràng quỷ, hãm hại, lừa gạt người khác để làm mồi lấp đầy bụng hổ, nhưng xem ra trong tình huống này, cô ta vẫn còn vương lại chút tình người. Tính cách con người khi trở thành tràng quỷ luôn có sự biến đổi ghê gớm theo xu hướng tiến dần đến sự xấu xa, bẩn thỉu, nhưng cũng không hẳn tất cả đều như vậy. Trong một số câu chuyện còn lưu truyền trong nhân gian, chúng ta có thể nhận thấy hình ảnh một số tràng quỷ mà trong linh hồn ma quái của chúng vẫn còn le lói hiện lên một chút nhân tính. Nhân tính được nói tới ở đây chỉ là những tình cảm đặc biệt đối với người thân của họ, và hơn hết còn là lòng thù hận sâu sắc đối với bầy dã thú đã gây ra cái chết thảm thương cho chính mình. Trong *Quảng dị ký* của Đới Phu, một tác giả thời nhà Đường có kể lại một câu chuyện như thế:

Vào cuối thời Thiên bảo, ở Tuyên Châu có một đứa bé sống ở gần núi. Mỗi khi đêm về thường trông thấy một bóng ma dẫn theo sau một con hổ chạy đến như là báo trước số trời đã định. Đứa trẻ liền nói với cha mẹ: "Bóng ma dẫn hổ theo sau ắt không tránh khỏi cái chết. Người xưa thường nói: "Người nào làm mồi cho hổ, khi chết oan hồn sẽ hóa thành tràng quỷ". Con chết, chắc chắn biến thành tràng quỷ. Nếu hổ bắt con dẫn chúng vào trong thôn, nên đào sẵn một cái hố ở gần đường cái, lũ hổ có thể sẽ sập bẫy." Ngày hôm sau, quả nhiên đứa bé bị hổ ăn thịt. Một thời gian sau, đứa bé báo mộng về cho cha mẹ, nói: "Con đã trở thành tràng quỷ, ngày mai sẽ dẫn hổ đến, hãy chuẩn bị sẵn một cái bẫy lớn ở phía tây." Cha mẹ và người dân trong thôn lập tức đào một cái hố rất sâu, ngày hôm sau, quả nhiên bẫy được một con hổ lớn.

Đứa bé trong câu chuyện từ trước đó vốn đã biết mình rất khó có thể thoát khỏi số mệnh làm mồi cho hổ, nhưng đối mặt với nguy hiểm vẫn vững vàng không hề khuất phục. Cậu sáng suốt nghĩ cách sắp đặt đưa hổ vào bẫy, một mặt vừa để báo thù cho chính mình, mặt khác có thể giúp ngươi nhà và

dân làng thoát khỏi cảnh bị hại. Những tranh quỷ như vậy thực sự rất ít thấy.

Nhưng đề cập đến vấn đề tranh quỷ chắc chắn các văn nhân đều muốn qua hình ảnh này gửi gắm một thông điệp sâu sắc nào đó. Vì các văn nhân thời cổ đại phần lớn đều là những người có chức tước trong triều đình, nơi ấy vẫn thường có ma quỷ ẩn hiện, cho nên mọi cái đều có thể xảy ra. Một số văn nhân sau những lúc tâm huyết dâng trào khó tránh khỏi buồn bã chân tay mà dùng chính những kinh nghiệm của độc giả để viết ra một điều gì có thể đưa vào cuốn tiểu thuyết của mình. Trong Truyền kỳ của Bùi Hình, một văn nhân thời nhà Đường có kể lại một câu chuyện liên quan đến tranh quỷ: Mã Chửng Du dạo chơi đến núi Hành Sơn cùng Chúc Dung, suýt nữa không may trở thành miếng mồi ngon trong miệng hổ. Khi đi tới dòng suối uốn lượn quanh núi, tình cờ chứng kiến một cảnh tượng kỳ lạ, con hổ ấy trong phút chốc biến thành một lão tăng. Hai người tính kế đẩy lão tăng kia xuống suối, bỗng chốc lão tăng biến trở lại hình dáng con hổ ban đầu, hai người họ ra sức đẩy tảng đá lớn xuống suối đè chết con hổ. Khi họ xuống núi, tình cờ gặp được Trương Cơ Đồ, một thợ săn dũng mãnh chuyên đi bắt hổ, họ bèn theo người thợ săn trèo lên cây dò xét. Đêm đến, bỗng có khoảng từ ba mươi đến năm mươi người qua đó, có tăng ni, có đạo sĩ, có đàn ông, có đàn bà… người thì ca hát, người thì nhảy múa, rồi có người đứng trước gò đất trước mặt mà quát lớn: “Lão hòa thượng của chúng ta vừa bị sát hại, ngay lập tức chúng ta phải tìm cho ra hai kẻ đã giết chết lão hòa thượng để báo thù, chúng còn muốn sát hại cả tướng lĩnh của chúng ta nữa!”, điều này kiến cho chúng mất đi người chèo lái quan trọng. Người thợ săn quay sang nói với hai người họ: “Những người này đều là tranh quỷ, trước đây đều là người bị lão hổ ăn thịt”. Vì vậy, điều cốt yếu lúc này là phải bầu ra một bộ phận thống lĩnh toàn bộ. Ngay tức khắc, một con hổ trúng tên, kêu lên những tiếng gầm rú vang trời rồi chết. Đứng chôn chân tần ngần một lúc, đến khi hiểu chuyện gì đang xảy ra, tất cả lũ tranh quỷ vội vàng chạy đến quỳ phục bên thi thể con hổ bị bắn, khóc than thảm thiết. Hai

người họ đứng ngoài chứng kiến từ đầu đến cuối liền phẫn nộ, quát lớn: "Lũ quỷ mông muội kia, thật chẳng biết phân biệt đúng sai, tốt xấu. Xưa kia các người vốn bị hổ cắn chết, nay ta báo thù cho các người, các người không biết đường báo đáp mà lại còn khóc lóc, than vãn cái gì? Sao lại có đám ma quỷ không hiểu biết lễ nghĩa như các ngươi cơ chứ!"

Có thể thấy những ẩn ý trong câu chuyện trên đây đã được bộc lộ khá rõ ràng. Nói chuyện ma quỷ với cách nói cường điệu "cô vọng ngôn chi, cô vọng thính chi" theo nguyên tắc của phương Đông, như vậy có thể đem lại cho người đọc cảm giác hứng thú, khiến cho người ta có thể quên đi những toan tính, mưu lược mà say sưa thả hồn vào những câu chuyện "ngư tiền nhàn thoại" nhẹ nhàng, hấp dẫn. Có lẽ, Tô Thích đã phải chịu đựng không ít những nỗi khổ cực do kẻ tiểu nhân gây ra trong các cuộc đấu tranh đảng phái. Cho nên ông cảm thấy chỉ mấy câu mắng chửi này thôi thì không đủ để thỏa mãn và bù đắp cho những gì mình đã trải qua, vì thế cần phải tiếp tục cất cao giọng mắng mỏ lũ đần độn, mông muội kia cho hả hê, vui sướng.

Trên khắp thế gian này không thiếu những hồn ma được coi là tránh quỷ. Ví như muốn thăng tiến nhanh chóng để có nhiều lợi lộc, thành thử không từ mọi thủ đoạn xấu xa, bẩn thỉu nào, chẳng phải tránh quỷ là như thế sao? Xảo trá, thủ đoạn như loài ưng khuyển quẩn quanh làm trò chỉ điểm quanh chân người, rong ruổi chạy theo kẻ ác làm điều dối trá. Chỉ sợ mình kém cỏi hơn người khác. Khi chưa đạt được mục đích, chúng tỏ ra ngông cuồng, kiêu căng, ngạo mạn, mưu mô, độc ác để phô trương uy thế của mình. Nhưng một khi không hoàn thành nhiệm vụ, không những chúng làm hỏng việc của mình mà còn bị đầy đi biệt xứ, không biết sống chết ra sao!

Nghe những lời mắng chửi đầy sảng khoái ấy khiến người đọc cũng cảm thấy hết sức hả hê. Nhưng nghĩ kỹ lại thì hình ảnh tránh quỷ trong những câu chuyện dân gian đâu đó vẫn có bóng dáng của lũ chó săn, chim săn.

Chúng vô liêm sỉ là thế, hèn hạ, bỉ ổi là thế nhưng thật không công bằng khi chúng lại có trong tay quyền lực và địa vị xã hội! Tuy nhiên, nếu giải thích rõ ràng bản chất lũ tránh quỷ này cũng chỉ uổng công vô ích mà thôi, vì những câu chuyện về tránh quỷ càng về sau lại càng trở nên sâu sắc và phong phú. Hơn nữa, trong nhân gian, phẩm hạnh của những kẻ làm quan vô liêm sỉ lại luôn bị những tên tránh quỷ gian manh, xảo quyệt kia làm cho thêm nhơ bẩn, nhem nhuốc.

Do đó, vẫn có những tránh quỷ từ trên núi ném xuống dưới không ít quần áo và những vật dụng hàng ngày, nhiều người đã lần theo những đồ vật đó để lượm nhặt, dần dần đến tận hang ổ của hổ và trở thành miếng mồi ngon cho chúng[10]. Lại có người nhờ có đôi chân khỏe mạnh, ra sức vùng vẫy mong chạy thoát, nhưng cuối cùng vẫn nằm gọn trong miệng cọp[11]. Còn có loại tránh quỷ vui vẻ theo sau hổ, thích thú, cười cợt khi thấy nạn nhân bị lột trần rồi dần dần nằm gọn trong nanh vuốt loài hổ đói[12]. Lại có con hổ không may bị bắt, bèn gầm lên những tiếng khóc than thảm thiết suốt đêm ngày để đồng loại biết được mà kéo đến giải cứu và báo thù cho mình[13]… Những trạng thái bất thường trong nhân cách của tránh quỷ như vậy phần lớn cũng từ trong nhân tình thế thái mà ra. Đây chẳng những là chuyện về lũ ưng khuyển có địa vị giàu sang quyền thế mà ở gốc độ khác còn là câu chuyện đáng xấu hổ về giới chức quyền, cũng giống như nguyên hình của tránh quỷ vậy.

[10] Theo Kỷ Vân trong Duyệt vi thảo đảng bút ký, quyển mười bảy.

[11] Theo Hồng Mại trong Di kiên chi mậu, quyển một.

[12] Theo Du Giao, trong Mộng xưởng tạp trước, quyển tám.

[13] Theo Lang Anh, trong Thất tu loại cảo, quyển mười bảy.

Nhưng phàm là những câu chuyện kể thì vẫn có những trường hợp đặc biệt. Hung bạo, xấu xa là vậy nhưng cũng có khi chính tránh quỷ lại tự hiến dâng sinh mạng mình cho hổ đói. Kỷ Hiểu Lam trong *Duyệt vi thảo đường bút ký*, quyển mười bảy có ghi lại: Tránh quỷ vứt xuống những đồ dùng, quần áo hòng dụ dỗ người đi đường lần theo dấu vết mà mắc bẫy, nhưng như thế cũng tức là chỉ điểm cho những người thợ săn biết được nơi ẩn náu của lão hổ. "Con người tránh quỷ biến hóa vô lường, mọi sự đều có sự toan tính từ trước. Lão hổ cứ ngỡ tránh quỷ giúp mình mà dẫn người đến, biết đâu có ngày ngay cả mình cũng bị sát hại". Những ý kiến bàn luận của Kỷ tiên sinh trên đây chứa đựng nhiều ý nghĩa thật sâu sắc, có vẻ như muốn ám chỉ bè lũ quyền cao chức trọng trong triều đình, luôn ngấm ngầm lợi dụng nước đục thả câu, cố tình dứt dây động rừng, hòng lợi dụng tránh quỷ giúp mình một tay. Nhưng họ lại quên mất một điều rằng, lão hổ có thể ăn thịt không trừ một ai. Chẳng phải chính những kẻ gian tà, bất chính ấy luôn tìm cách vơ vét của cải làm hại dân, hại nước đó sao? Cho nên giữa chúng và lũ tránh quỷ muôn hình vạn sắc kia cũng chẳng khác là bao.

Dù sao thì, một người có quyền thế, tự nhiên sẽ mời gọi được lũ tránh quỷ vây quanh mình, mục đích cuối cùng của những hành động nối giáo cho giặc ấy cũng là để làm lợi cho bản thân mà thôi. Nhưng điều đáng nói ở đây là giữa bọn họ ai lợi dụng ai, hay nói một cách khác, ai trở thành công cụ của ai? Chúng ta thường thấy một kẻ có quyền ngồi chễm trệ trên chiếc ghế quan, phía dưới là một đám tiểu nhân ra sức nịnh bợ lấy lòng, vậy thực chất đâu mới là kẻ "anh hùng hào kiệt"? Như vậy, lão hổ đã bị lôi vào một cuộc chơi do chính lũ tránh quỷ sắp đặt, sau đó lại tự đưa mình lên đoạn đầu đài lúc nào không hay. Đến lúc ấy, tránh quỷ đã sớm thay đổi kế sách từ trước hoặc đã tháo chạy thoát thân. Những câu chuyện ma quỷ của Trung Quốc ngẫm ra ý nghĩa thật tuyệt vời, qua những câu chuyện ấy chúng ta hiểu được một sự thật bất ngờ trong cuộc sống, thì ra chính lũ tránh quỷ lại là kẻ trực tiếp tạo ra lão hổ uy quyền giả tạo kia! Trong Quảng dị ký có dẫn ra một câu chuyện:

Ở Kinh Châu có một người đi men theo con đường bên sườn núi, bất ngờ gặp phải tràng quỷ. Thấy chiếc mũ làm bằng da hổ bèn nhặt đội lên đầu, bỗng chốc biến thành hổ dữ, chịu sự chỉ huy của tràng quỷ. Suốt ba, bốn năm liền chuyên đi hại người, bắt gia súc làm thịt ăn và trở thành một loài vật hoang dã, không thể thuần hóa được. Thân mặc dù biến thành hổ nhưng tâm thì vẫn miễn cưỡng, không hề muốn, tuy vậy cũng chẳng biết phải làm sao?

Con hổ đó sau này thừa dịp lén vào một ngôi miếu hoang, ẩn nấp ở đó một thời gian khá lâu, cho tới khi dần trút bỏ được lớp da hổ trên cơ thể. Nhưng đến một ngày ở cửa miếu tình cờ xuất hiện một tràng quỷ khác, lại vớ được miếng da hổ choàng vào người anh ta, từ đó anh ta sợ đến nỗi không dám đặt chân đến cửa miếu. Tôi cảm thấy câu chuyện này hết sức có ý nghĩa, không chỉ đối với những kẻ quan quyền đang từng ngày lún sâu vào vũng bùn lầy đen tối, mà còn là lời cảnh tỉnh tới đám người mua danh bán lợi đầy rẫy trong xã hội ngày nay, vì thế càng đọc, càng ngẫm nghĩ lại càng cảm thấy thú vị vô cùng.

3.

Rốt cuộc là phải xuất phát từ một trải nghiệm cuộc sống như thế nào mà con người lại có thể sáng tạo ra hình tượng tránh quỷ, một loại hồn ma đặc biệt đến như vậy? Thiết nghĩ, ngoài một vài nguyên nhân xã hội đã nói ở trên, còn phải kể đến một hiện tượng kỳ lạ có thể cũng có sự tác động tương tự, đó chính là sau khi thân thể những người xấu số trở thành miếng mồi ngon trong miệng hổ, thường vẫn thấy quần áo, y phục còn sót lại bao giờ cùng được gấp cẩn thận, gọn gàng. Do đó có thể tưởng tượng lão hổ trước khi ăn thịt người, đã lột bỏ hết tư trang, quần áo của người đó ra và còn gấp lại cho thật chỉnh tề, ngay ngắn. Đối với chúng ta đây quả thực không phải là một việc làm khó khăn, nhưng đối với loài hổ thì ngược lại, không thể làm được như thế. Vậy sự vệc này cần phải giải thích ra sao? Chắc chắn chỉ có một cách là nhờ người khác giúp đỡ, mà "người" ở đây không ai khác, chỉ có thể là hồn ma của người đó.

Đoạn Thành Thức, văn sĩ thời Đường, trong *Tây dương tạp trở,* quyển mười tám cho rằng đó là do tránh quỷ đã sai khiến linh hồn người chết làm: "Lão hổ giết người, lại có thể ra lệnh cho linh hồn người chết tự trút bỏ quần áo, gấp lại gọn gàng, rồi mới ăn thịt." Nạn nhân sau khi bị cắn xé cho tới chết, linh hồn của anh ta lại phải tự cởi bỏ y phục, rồi gấp lại ngay ngắn, chỉnh tề, sự việc này cũng ám chỉ lúc đó anh ta đã trở thành tránh quỷ, phải chịu mọi sự sai khiến, chỉ bảo của lão hổ. Hoàng Phủ Thị, thời Đường, tác giả *Nguyên hóa ký,* cũng đưa ra những kiến giải tương tự, có điều ông miêu tả một cách tinh tế hơn, khiến những điều xảy ra càng trở nên đáng sợ: Huyện úy Phiêu Thủy, Tuyên Châu nổi tiếng chính trực, luôn sống rất đạm bạc, không màng danh lợi cho tới khi mãn nhiệm. Trước khi cáo lui khỏi chốn quan trương, ông có tiến cử Trương Sĩ, vốn là trang khách trước kia của ông, dẫn theo gia đình đến Phiêu Thủy nhậm chức. Khi đang khởi hành giữa đêm khuya, thê tử của Trương Sĩ bị rớt sau họ mười bước chân, trong nháy mắt đã bị hổ ăn thịt. Trương Sĩ thề rằng nhất định sẽ báo thù cho vợ.

Cánh tay kẹp hai mũi tên, dắt theo cây cung sau lưng, ông một mình ra đi giữa lúc đêm khuya. Đi được khoảng ba mươi dặm, lạc sâu vào chốn rừng rú âm u, biết bao nguy hiểm rình rập. Sau đó, lại đi tới một sơn cốc gần đó, có hàng trăm cây đại thụ bao quanh sào huyệt của lão hổ, trên khuôn mặt thanh tú đẹp đẽ ánh lên nỗi hoài nghi, dò xét ẩn nấp sau mỗi tán cây. Đúng lúc đó, nhìn sâu xuống chân núi, dường như có một vật gì đó đang trong tư thế phủ phục, dò xét với ánh mắt đầy ham muốn, vật đó chính là lão hổ. Người vợ yêu quý của mình bị hổ ăn thịt chết thảm thương, thi thể không còn lành lặn, món nợ này hôm nay sẽ tính toán hết với nhau. Lão hổ từ trong sào huyệt của mình dẫn ra bốn con hổ con, đều to như một con cáo ngoe nguẩy cái đuôi của mình mà cười cợt, nhạo báng. Lão hổ dùng lưỡi liếm láp khắp thi thể người chết, rồi cả thay lao vào giành giật nhau từng miếng ăn.

Kết quả, vì báo thù cho vợ, Trương Sĩ cũng chết một cách thảm thương dưới nanh vuốt của năm con hổ lớn nhỏ.

Chuyện này còn tồn tại đến tận triều nhà Thanh. Du Thừa Đức, một văn sĩ thời nhà Thanh trong tác phẩm *Cao tân nghiễn trai tạp* trước có ghi lại câu chuyện:

Có người một lần du hành đến một tỉnh nọ, vào ngày mưa một mình đi trong đêm khuya và bị lạc vào rừng sâu, bất ngờ nhìn thấy lão hổ, vội vàng rảo bước thật nhanh nấp vào một ngôi chùa hoang gần đó. Một lúc sau, lão hổ trong miệng ngậm chặt một người đặt trên mặt đất, chân còn động đậy, con hổ quay lại, người đó đột nhiên đứng dậy, cởi bỏ quần áo đang mặc trên người, lão hổ vừa ngoe nguẩy đuôi vừa thưởng thức bữa tiệc ngon lành trong niềm hân hoan vui sướng, từng dòng máu tươi đỏ au rỉ ra từ mỗi miếng thịt, thấm ướt một khoảnh đất rộng.

Du Giao, một văn nhân khác thời nhà Thanh trong tác phẩm *Mộng xưởng tạp trước,* quyển tám, *Tránh quỷ ký* có ghi chép lại một truyền thuyết khác: "Tránh quỷ vui cười theo sau giúp cởi bỏ quần áo và gấp lại gọn gàng, lão hổ chỉ việc chờ đợi miếng mồi ngon của mình trần trụi không còn mảnh vải che thân rồi từ từ thưởng thức." Như vậy, quần áo trên người nạn nhân không phải do người chết tự cởi, mà trước đó tránh quỷ đã ra tay cởi bỏ. Điều này cũng cho thấy nạn nhân bị cắn chết, linh hồn đã trở thành đầy tớ phục dịch lão hổ, và tránh quỷ, người tiền nhiệm trước đó lúc này đã được giải thoát, có thể đầu thai chuyển kiếp, hoặc đứng trên một cương vị hoàn toàn khác.

Nhưng chúng ta có thể nhận thấy sự hình thành của tránh quỷ rất có thể có liên quan tới những bí ẩn xung quanh chuyện cởi bỏ y phục trên người nạn nhân. Tránh quỷ tự nhiên không thể làm được điều này, cũng không thể có nạn nhân nào bị lão hổ cắn chết mà vẫn tự mình làm được cái chuyện kỳ lạ kia. Nhưng tôi nghĩ, chuyện y phục được gấp lại gọn gàng, ngay ngắn kia chưa hẳn đã là chuyện bịa đặt, chỉ là quần áo đó không thể là người chết tự gấp lại mà thôi. Vì hầu hết những người bị hổ ăn thịt là những lữ khách độc hành qua núi, trên người họ ắt phải mang theo một vài bộ quần áo để mặc thay đổi. Có người bị hổ rượt đuổi, quần áo trong tay nải rơi xuống đất, đó cũng là đoạn đường mà tránh quỷ thường vứt quần áo, đồ vật hòng dụ dỗ người qua đường mà đoạn trên có nói tới. Nạn nhân bị hổ đuổi bắt, trên đường tháo chạy vướng víu đầy những bụi rậm, những lùm cây gai góc, quần áo mặc trên người bị rơi rách, đến khi nằm trọn trong móng vuốt của hổ thì chỉ còn lại tấm thân trần trụi mà thôi. Viên Mai trong *Viết tiếp Tử bất ngữ,* quyển bảy, *Liệt Hộ nói chuyện hổ* có viết:

Tương truyền câu chuyện hổ tấn công người đều do tránh quỷ ra tay cởi bỏ y phục trên người nạn nhân cho hổ dễ bề ăn thịt. Lại có người nói rằng lão hổ có khả năng lệnh cho thi thể người chết tự mình cởi bỏ quần áo trên người, điều này quả thực là trái với tự nhiên. Trên thực tế, không ai nhìn

thấy hổ trong thời điểm đó, vì thế, những suy luận trên chỉ là những suy đoán theo cảm tính mà thôi. Trịnh Liệt Hộ cho rằng: "Hổ bắt người, dùng hàm răng sắc nhọn cắn mạnh vào cổ, nạn nhân vô cùng đau đớn, ra sức chống cự, dồn sức vùng vẫy hòng thoát ra, quần áo trên người tự rơi xuống."

Tình cảnh được nói tới trên đây thật hiếm có người nào được tận mắt chứng kiến. Những điều mà Trịnh Liệt Hộ nói tới có thể cũng chỉ là một sự lý giải bằng cách suy luận mà thôi. Bản chất của vấn đề "thoát y" này có thể dẫn dắt chúng ta đến nhiều sự liên tưởng khác nhau. Đầu tiên là thi thể nạn nhân tự mình cởi bỏ quần áo trên người, sau đó quần áo lại được gấp ngay ngắn, chỉnh tề trên mặt đất. Hai việc này lão hổ đều không thể thực hiện được, có khả năng làm những việc này chỉ có thể là một người nào đó. Câu chuyện tự mình lột sạch quần áo trên cơ thể, thậm chí làm một cách thuần thục rồi nằm lên cái mâm tự nguyện dâng hiến cho kẻ cường quyền, trong dân gian quả thực không phải là rất hiếm gặp. Cho nên, hình tượng tranh quỷ xuất hiện ở đây cũng chẳng cần phải dùng trí tưởng tượng quá nhiều cũng có thể hiểu ra nghĩa hàm ẩn sâu xa của nó.

Nhưng điều này cũng góp phần hé mở một số phận "đáng thương" của tranh quỷ.

4.

Tranh quỷ vốn dĩ là một kẻ rất đáng ghét, đáng khinh, nhưng nếu suy xét lại một cách thấu đáo, con người ấy lại khiến ta cảm thấy có gì đó đáng thương vô cùng.

Điều khiến ta thương cảm cho số phận của họ, trước hết vì chính họ vốn là những người không may mắn bị lão hổ ăn thịt đầu tiên. Nếu như "ải quỷ" và "nịch quỷ" có một số là tự mình tìm đến cái chết, thì tranh quỷ hoàn toàn

ngược lại, luôn rơi vào tình thế hiểm nguy một cách bị động. Trong thâm tâm họ không hề mong muốn sẽ làm mồi cho hổ dữ, và cũng không bao giờ ngờ tới có một ngày mình lại trở thành miếng mồi ngon trong nanh vuốt hổ quỷ. Cho nên khi họ bị hổ vồ, không chỉ đơn giản là do bản năng thích ăn thịt người của loài ác thú mà kèm theo đó là cả một câu chuyện duy tâm về cái gọi là "thiên ý", do ý trời sắp đặt. Mặt khác, cái gọi là "thiên ý" dị thường ấy cũng chẳng phải một cách sắp đặt tự nhiên của tạo hóa, bởi lẽ "thiên ý" thì cũng chỉ dám lựa chọn những kẻ yếu đuối chốn nhân gian mà đẩy vào miệng hổ, trong đó phụ nữa và trẻ em là sự lựa chọn hàng đầu của họ. Những đối tượng này không những không đủ sức phản kháng mà đến sức lực chạy trốn cũng không có. Qủa thực họ đều là những nạn nhân thuần khiết và vô tội. Mặc dù yếu đuối chưa hẳn đã là nguyên nhân chủ yếu khiến họ trở thành người bị nạn, nhưng nói như Kỳ Vân trong *Việt vi thảo đường bút ký* thì mãnh hổ chỉ "ăn thịt những kẻ thiên lương". Câu nói ấy quả có chút cảm tính, nhưng nhìn ở góc độ khác cũng phản ánh đúng một phần thực tế. Trên đây đã nhắc tới phụ nữ và trẻ em, vấn đề này thiết nghĩ cũng cần chỉ rõ một vài điểm đặc biệt. Thông thường, trong các câu chuyện về "tránh quỷ", đa số đều miêu tả dáng vẻ tránh quỷ mang hình hài của một đứa trẻ con. Ví như trong *Quảng dị ký* có đoạn viết: "Vô tình gặp phải tránh quỷ hình hài trông giống một đứa trẻ bảy, tám tuổi, trên người không một miếng vải che thân, cơ thể toát lên màu xanh ngọc bích kỳ quái." Lại có đoạn viết: "Ở Khê Nam Thạch có một đạo sĩ Y Châu Y, có hai thanh y đồng tử đứng hầu hạ bên cạnh", vị đạo sĩ đó chính là mãnh hổ biến thành, mà hai đồng tử đứng bên cạnh không ai khác chính là "tránh quỷ". *Nguyên hóa ký* cũng ghi lại câu chuyện về tránh quỷ, thân cao hơn thước, hình dạng như con khỉ ma các. Trong Di kiên bính chí, quyển ba, *Hoành hoa tránh quỷ* cũng nói "có một đứa trẻ mặc áo màu xanh, lớn hơn thước, sắc mặt xám đen". Cuốn thứ mười hai, *Sư cô sơn hổ* trong tập *Di kiên chi mậu* viết: "Vào ban đêm, có một phụ nữ trong thôn nằm mộng thấy bị hổ ăn thịt, kể lại: "Tôi phải nằm rạp xuống đất, cố bò vào rừng để tránh nạn, nhưng lại có hai đứa trẻ nhỏ túm lấy chân lôi lại, nên không thể tiến lên phía trước. Lúc ấy vì quá hoảng sợ, tôi ra sức kêu cứu mong ông trời rủ lòng thương mà giữ lấy

tính mạng cho mình, nhưng bỗng chốc mãnh hổ đã ở bên cạnh, rồi lao vào ăn thịt.” Câu chuyện mãnh hổ vồ người cũng xuất hiện ở cuốn thứ tư, *Tầm dương liệt nhân* trong *Di kiên chí* (bổ sung) trong đó ghi: “Có một con ma nhỏ bé mặc áo màu xanh, tóc dài đến lông mày.” Việc các câu chuyện nói tránh quỷ mang hình dáng một đứa trẻ như đã dẫn ra trên đây còn xuất phát từ thực tế rằng mãnh hổ ăn thịt một đứa trẻ là một việc quá đơn giản và dễ dàng. Do đó, trong các câu chuyện ma quỷ, những đứa trẻ bị hổ ăn thịt hóa thành tránh quỷ nhỏ tuổi luôn tạo được nỗi cảm thương, xót xa nơi người đọc, đó cũng là nguyên nhân để tôi đưa hai chữ “ai tránh” làm đề mục trên đây.

Tất nhiên, đó cũng là lý do thứ hai cho ta thấy loài tránh quỷ chết trong tay mãnh hổ là vô cùng đáng thương. Chúng chết trong đau đớn, tủi hờn, đến khi chết rồi lại buộc phải làm tay sai cho loài cầm thú từng hành hạ mình. Đây là điều bất đắc dĩ, là kết cục không ai mong muốn, cũng chẳng ai có thể ngờ tới. Làm tay sai cho kẻ thù, nỗi đau trong họ một lần nữa bị giày xéo, xót xa hơn bội phần.

Sau khi con người bị hổ ăn thịt, hồn ma của họ nhất định phải tìm được người thay thế thì mới có thể siêu thoát. Lý do thực sự ở đây cũng giống như ma chết đuối, ma ngã xuống sườn dốc, ma cỏ rậm… đều nhằm mục đích cảnh báo con người hãy tránh xa những nơi nguy hiểm đó. Nhưng cái được gọi là “cảnh báo” mặc dù nhằm bảo vệ mạng sống của con người, nhưng đối với những hồn ma đã sa vào vòng tội lỗi, đây thực sự là một “quy tắc” cực kỳ tàn khốc. “Lăn lộn dưới đất”, cái này hình như vẫn có thể chấp nhận được, chỉ cần đứng dậy là xong, ngay cả khi bị đánh chết, hai mươi năm sau có thể lại trở thành một đấng hảo hán, nhưng nếu lại bị giẫm đạp lên cả nghìn vạn vết chân thì “vĩnh viễn không được đầu thai chuyển thế”, “quy tắc” ấy làm cho người ta chỉ nghĩ đến thôi đã không khỏi rùng mình kinh hãi. Chúng ta có lẽ không thể đưa ra những yêu cầu quá cao đối với tránh quỷ, đặc biệt là những tránh quỷ nhỏ bé đáng thương như thế. Thử

nghĩ xem, ngay cả Bolcheviques của Bukharin hễ một chút là lại ăn năn, cầu xin sự tha thứ, ai cũng như thế thì chắc hẳn chúng ta đã chẳng còn gì để nói. Họ không sợ lưỡi dao đồ tể sắc nhọn của Sa Hoàng, bởi họ tin rằng, ngay cả khi bản thân họ bị giết thì cũng chỉ là một giây phút bất ngờ "ngã xuống đất" mà thôi, thế gian này sẽ hiểu được họ, và khi ấy họ sẽ trở thành anh hùng, mãi mãi về sau họ sẽ được người đời tưởng nhớ đến. Còn nếu như ở trên "pháp đình của nhân dân", tất cả những âm mưu, những hành động vu cáo, hãm hại, tàn sát người khác đều núp sau cái bóng của mỹ từ "vì danh nghĩa của cách mạng", thì tiếng tăm ấy, sự xấu xa ấy đến nghìn đời sau cũng không rửa sạch. Đó chính là hình phạt thích đáng cho một số những phần tử phản động phải chịu cực hình "mãi mãi không được đổi đời". Tuy nhiên, cũng cần nhấn mạnh việc mãnh hổ bạo loạn cũng giống như bạo loạn chính trị vậy, "vĩnh viễn không được siêu sinh" và "vĩnh viễn không được đổi đời" đối với tranh quỷ hay kẻ phản động kia cũng chẳng khác nhau là mấy. Một khi đã làm hồn ma dưới móng vuốt của mãnh hổ, thì sẽ không còn người thân thích ruột thịt hay bạn bè, chỉ có chủ nhân của nó - người đã đem nó làm đồ điểm tâm, bóc lột và sai khiến nó, bức ép nó phải giết người vô tội, hay một bài răn dạy: ngươi chỉ có bán rẻ đồng loại của mình mới thể hiện được sự trung thành, nếu làm tốt thì đến một lúc nào đó, chủ nhân sẽ khai ân giải thoát hợp đồng làm nô lệ cho nhà ngươi. Loại yêu ma chước quỷ như vậy nếu không có cái thần thái và tâm hồn băng giá từ cõi "âm tàn" thì không thể có khẩu khí khôn ngoan, quỷ quyệt như thế!

Từ đó xuất hiện lý do thứ ba khiến loài tranh quỷ trở nên đáng thương vô cùng. Nó không chỉ phải chịu sự áp bức tàn bạo của lũ hổ quỷ mà còn bị lừa gạt vào cái thuyết siêu sinh mù quáng do mãnh hổ vạch ra. Những lời phỉnh nịnh như vậy chẳng qua chỉ là một sự lừa bịp mà thôi. Ngay sau khi họ lôi kéo, dụ dỗ được một vài người đến làm mồi cho hổ, tự bản thân họ chưa chắc đã nhận được sự giải thoát thực sự. Thử nhìn lại hình ảnh tranh quỷ ở những phần trước ắt sẽ thấy tự do với chúng rõ ràng là điều không tưởng, đương nhiên cái mà chúng nhận được lúc này là thế lực mỗi lúc một đông

hơn, không còn đơn độc như trước, mà có tới mấy người, mười mấy người thậm chí là ba mươi, năm mươi người cùng kết bạn làm tay chân, làm "ma đưa lối quỷ dẫn đường" cho mãnh hổ. Có thể thấy, ngay cả khi bán rẻ đồng loại của mình, thì những cơn ác mộng triền miên của tranh quỷ cũng không hề có điểm kết thúc. Mãnh hổ không buông tha cho nó, hơn nữa còn tiếp tục kiểm tra sự trung thành của nó, đẩy nó lún sâu vào con đường tội lỗi, cho đến khi nhân tính trong nó hoàn toàn biến mất. Con đường tội lỗi ấy thật đáng giận mà cũng thật đáng thương. Tuy nhiên, cũng có những trường hợp đặc biệt như trong *Hà gian phụ* của Liễu Tống Nguyên đã dẫn: "Từ một con người bị ức hiếp, mất đi danh tiết, nạn nhân bỗng trở thành một kẻ bất cần, sẵn sàng mở đường cho cái ác để cuối cùng tự nguyện thành tranh quỷ, đồng đảng của mãnh hổ." Những loài tranh quỷ như vậy thực không đáng để người ta thương và hơn nữa, sự đắc ý của chúng trên thực tế cũng đâu đếm xỉa gì đến lòng xót xa, thương cảm của con người.

Chương 6: Bữa cơm nơi âm phủ

1.

Có những chuyện đã xảy ra rồi càng nghĩ lại càng khiến người ta thêm buồn bã. Rõ ràng ban đầu mọi người cùng chung sống bên nhau, yêu thương, gắn bó, thân thiết là vậy, nhưng rồi bỗng nhiên, không hề hẹn trước, một trong số họ đột ngột về với "thế giới bên kia". Sinh ly tử biệt, âm dương xa cách nghìn trùng. Muốn gặp mặt hàn huyên đôi chút cũng không phải chuyện đơn giản, mà ngay cả cuộc sống hằng ngày cũng bị thay đổi, xáo trộn ít nhiều. Trong phút chốc đã biến thành "Bắc Hồ - Nam Việt".

Thế nên Chu Tác Nhân tiên sinh trong *Nói chuyện ma* đã hoài cảm mà viết những dòng tâm sự như sau:

Phải chăng ma quỷ thực sự là thứ vô cùng thú vị và cực kỳ có ý nghĩa, cho nên chúng ta luôn tò mò, thích thú khi tìm hiểu về cảm xúc, về cuộc sống của ma quỷ. Từ các bài văn, bài báo đăng tải trên các tạp chí, sách vở, cho đến các phong tục tập quán ăn sâu vào nếp sống, nếp nghĩ của mọi người, ở tất cả mọi mặt, chúng ta đều miệt mài tìm kiếm, lý giải, cắt nghĩa nó, tất cả cũng chỉ vì mong muốn hiểu thêm chút ít về cái gọi là "tình" mà thường ngày chúng ta khó nắm bắt. Nói cách khác, cái mà chúng ta say mê tìm kiếm chỉ có thể có trong thế giới ma quỷ huyền bí mà thôi. Giả dụ, nếu ta tập hợp và viết ra một cách tỉ mỉ, rõ ràng tất cả các câu chuyện kể về cuộc sống sinh hoạt hằng ngày của loài ma quỷ ở Trung Quốc, tuy đó là công việc hết sức khó khăn, tương đương với việc hoàn thiện một luận văn Tiến sĩ, nhưng những điều đó lại vô cùng thú vị và có ý nghĩa. Trên thực tế, những điều ấy nếu được viết ra sẽ là một minh chứng sinh động, hùng hồn cho tấm lòng nhân nghĩa, chân thành của dân tộc Trung Hoa. Giá trị giáo dục của những trang viết này hơn hẳn kiểu "võ mồm", "thùng rỗng kêu to" lúc nào cũng rao giảng về luân thường đạo lý, về cái đúng cái sai diễn ra hằng ngày trong cuộc sống mà vẫn khiến người ta đặt một dấu chấm hỏi đầy vẻ hoài nghi: Liệu có thể tin được không? (xem "Trúc đóa ký").

Phải có con mắt cực kỳ tinh tường mới có thể có ý kiến tự nhiên, sâu sắc như vậy. Ngay cả giới nghiên cứu chuyên sâu về các phong tục ở Trung Quốc cũng rất hiếm khi thấy thảo luận về vấn đề này, nếu có thì phần lớn cũng chỉ để ý đến thế giới hồn ma hay bàn thêm về mấy cuốn sách "văn hóa ma" mà thôi. Ví như nói về Thập Vương, quỷ đầu trâu mặt ngựa, các thủ đoạn "nghênh tiếp" linh hồn người chết về nơi "cực lạc"… Còn những chuyện liên quan đến cuộc sống sinh hoạt của ma như ăn, mặc, ở, đi lại… thì đều bị liệt vào chuyện vặt vãnh, linh tinh, chỉ đáng đưa ra ngoài lề trang chính sử, không đáng để các bậc cao minh học vấn uyên thâm để ý tới. Viết về đề tài "Cuộc sống của con người sau khi chết", quả là một sự lựa chọn mạo hiểm của người viết. Phải viết sao để có thể đáp lại một cách trọn vẹn

kỳ vọng của độc giả? Phải viết như thế nào để có thể khiến ai nấy đọc xong cũng cảm thấy vô cùng thú vị? Đó là nỗi trăn trở khôn nguôi của người cầm bút.

Hơn nữa, xưa nay mấy ai có hứng thú khi nói về chuyện hồn ma ăn cơm. Mặc dù trong dân gian còn tồn tại không ít những phong tục tập quán được coi là kỳ quái, nhưng riêng chuyện ăn cơm thì từ cổ chí kim đều rập khuôn theo một cách thức có sẵn, luôn phải bắt đầu từ miệng mà vào, ở đây khó có sự "sáng tạo" nào mới hơn được. Thử hỏi trên đời có ai dùng lỗ mũi để ăn cơm? Nếu có thì tất yếu sẽ được coi là chuyện lạ, lưu truyền khắp nơi rồi. Những khi con người ta trở về với "thế giới bên kia", mọi chuyện sẽ ra sao? Rõ ràng thế giới bí ẩn ấy sẽ là mảnh đất màu mỡ cho những câu chuyện kỳ quái, chưa hề có ở thế giới người phàm tục được gieo hạt, nảy mầm. Cho nên, có người đã từng cho rằng, nếu không có những hành động đi ngược với nhân thế thì dường như không thích hợp với thế giới của những hồn ma. Thế nhưng khi nói đến việc ăn cơm, chắc hẳn ở nơi kỳ quái đó cũng khó có thể sáng tạo ra chiêu trò gì mới hơn được nữa. Cũng từng có người thử sức sáng tạo trong lĩnh vực này, nhưng dường như họ đã không thành công. Ví dụ đã từng có người bị chặt ngang người mà chết, hồn ma của họ lúc ăn cơm cứ thế đặt thức ăn vào giữa bụng. Hay như trong cuốn *Dị uyển* của Lưu Kính Thúc, ở thời kỳ Lục triều, có kể lại câu chuyện như sau: Vào thời hậu kỳ tam quốc Tào - Ngụy, quyền lực chính trị nằm trong tay gia tộc Tư Mã. Thân tộc của Tào thị đặt hy vọng phục quốc vào Hạ Hầu Huyền, nhưng Hạ Hầu Huyền không may bị anh em nhà Tư Mã chém đầu. Người nhà ông ta lập bàn thờ cúng tế, họ nhìn thấy hồn Hầu Huyền đến ngồi ở bàn thờ ăn đồ cúng: "Tháo đầu đặt ở bên cạnh, đem thức ăn, cá thịt, hoa quả cho qua cổ, xong, lại lắp đầu trở lại như cũ." Có người nói: "Ba đời làm quan, rất cần chú trọng đến chuyện ăn mặc." Cháu của Hạ Hầu Huyền từ trước đến nay là người phong lưu nho nhã, đối với việc ăn, uống đương nhiên sẽ rất chú ý và coi trọng. Nhưng thật không ngờ sau khi chết, con người ấy lại có tướng ăn uống phàm phu tục tử như vậy! Tướng ăn này làm cho người khác không

khỏi giật mình, e sợ. Sợ trước hết là hành động ăn uống tùy tiện, mất vệ sinh của viên mãnh tướng một thời. Cái sợ thứ hai là việc tháo đầu xuống dễ dàng như tháo đồ chơi, biến cái cổ giống như cái ống to bằng sắt làm nơi cho thức ăn vào. Hơn nữa, việc giải phẫu cơ thể người được miêu tả như trên quả là một việc làm vô cùng thiếu hiểu biết. Chính vì thế, sau này, chúng ta rất ít gặp những tình tiết hãi hùng như vậy trong các cuốn tiểu thuyết khác.

Vậy là việc đưa thức ăn vào trong cơ thể con người cuối cùng vẫn phải đi theo con đường cũ mà thôi. Không những thế, ngay cả thứ tự khi ăn như nhai, bài tiết, tiêu hóa, cũng chẳng thấy có chiêu trò gì mới trong các câu chuyện ma sau này. Có thể nói, tất cả đều giống như thói quen cũ đã được định hình ở chốn dương gian. Khổng Phu Tử nói: "Thờ thần như thần đang hiện hữu." Câu nói ấy ngoài việc khuyên răn khi thờ tế thần thánh thì phải hết sức nghiêm túc, cung kính giống như thờ cúng tổ tiên vậy, tôi nghĩ nó còn có hàm ý nhắc nhở cả việc cần tôn trọng vấn đề ăn uống của người lớn tuổi, không được nhìn họ giống như dị loại, mà phải phục dịch như người đang còn sống. Về điểm này những con hiền, cháu thảo lại thường hay quên lãng. Chẳng hạn như việc "loại tửu"[1], chính là phản ánh hành động mời tổ tiên uống rượu. Đây là một nghi thức trang trọng nhưng không hợp với thực tế. Đó là chưa kể tới việc "loại tửu" thường thấy trên sân khấu hoặc trên truyền hình ngày nay chỉ mang tính hình thức, qua loa đại khái mà thôi. Họ hướng lên khán đài, mặt nhìn về đình viện, vén tay áo bên phải, sau đó đem rượu trong cốc rắc xuống đất từng ít, từng ít một. Đẹp thì đẹp rồi, những làm như vậy thì mấy ai có thể uống được rượu vào miệng đây? Người thường còn vậy huống chi là một cụ già lưng gù, gầy yếu. Mà thậm chí, ngay cả một câu thanh niên chân tay linh hoạt, hãy để cậu ta thử quỳ xuống đất, ngửa mặt lên trời, sau đó há to miệng, lựa theo hành động tưới rượu xuống đất mà thay đổi tư thế, thử xem có thể hứng được bao nhiêu rượu vào miệng? Tôn Quang Hiến, thời Ngũ Đại, trong phần thứ tám của cuốn *Bắc mộng tỏa ngôn* có kể về một câu chuyện ở thời nhà Đường: "Tôn Hội Tông

tập hợp tất cả thân quyến đến nhà mở hội, khi uống rượu có rắc rượu xuống đất thể hiện ý nguyện là người và ma cùng chung vui. Một vị thân quyến có khả năng nhìn ma đoán quỷ, hôm đó bận việc đến chậm một bước. Vừa đi đến cổng, ông ta liền nhìn thấy một vị quan viên toàn thân nhếch nhác, tức tối đi ra, miệng không ngớt lầm bầm chửi mắng, mặt mũi và áo dài đều ướt hết. Thì ra đây chính là tổ tiên nhà anh ta, vị này hơi vội vã một chút, mặc dù đã chuẩn bị tư thế, nhưng khi rượu rót xuống lại đổ ập xuống đầu và mặt khiến cho vị này không khỏi tức tối, giận dữ mà bỏ đi." Câu chuyện về ma chứng minh cho ta thấy, quan niệm cho rằng ma quỷ uống rượu đều phải quỳ xuống đất mà liếm hoặc ngửi như cách nghĩ của người ở dương gian là hoàn toàn sai lệch.[2]

[1] Có nghĩa là: tưới rượu xuống đất hoặc mồ mả khi cúng.

[2] Kỳ Vân trong Việt vi thảo đường bút ký, quyển mười có nói về một thí sinh rất bạo dạn: "Vào đêm trăng sáng, anh ta đem rượu đến cạnh một ngôi mộ ngồi uống, và còn gọi ma đến uống cùng. Sau đó, có khoảng mười người kéo đến, chàng thư sinh đã dùng bình đựng rượu thật lớn, rắc xuống đất để ma có thể ngửi được mùi rượu." Đây là cách mà Kỳ tiên sinh nói về việc tưới rượu xuống đất để phê phán suy nghĩa và hành động sai lầm của chàng thư sinh nọ. Nghĩ kỹ lại một chút, hành động này dường như học được từ việc rắc thức ăn cho gà, vịt vậy. Đối với người được thờ cúng thì đó thực sự là điều rất vô lễ.

Vì thế, vấn đề ăn cơm nơi âm phủ tưởng rằng phức tạp nhưng thực ra lại rất đỗi bình thường. Linh hồn từ khi rời bỏ cuộc sống nơi trần thế để trở về với thế giới u minh nơi địa phủ, họ đã vứt bỏ mọi lo toan về miếng ăn cái mặc hằng ngày, ngay cả tâm trạng hồi hộp, lo lắng khi lần đầu tiên vào nhà hàng Tây dùng bữa mà không biết dùng dao, dùng dĩa ra sao đến lúc này cũng không còn ý nghĩa. Thế giới đã thay đổi, nhưng về cách ăn, uống thì không hề có sự thay đổi. Điều này phải chăng đã làm cho các vị tiên sinh có tính hiếu kỳ, thích khám phá phải thất vọng? Nhưng cũng đừng quá nản lòng, vấn đề ăn uống ở chốn âm phủ tuy không có chuyện gì mới mẻ đến nỗi chỉ nghe thôi chỉ sởn da gà, những vẫn còn có nhiều chuyện so với dương thế lại khác biệt rất nhiều. Việc rõ nhất chính là, mặc dù các hồn ma

cũng biết đói, thậm chí là luôn miệng kêu đói, nhưng vĩnh viễn họ không bao giờ chết vì đói cả!

2

Người dân coi thức ăn là Trời[3]. Bởi lẽ, nếu không có cơm ăn thì điều đó đồng nghĩa với cái chết, cũng có nghĩa là sẽ trở thành ma đói. Từ kết cục này ta có thể thấy, dường như vấn đề ăn uống ở thế giới ma quỷ không nghiêm trọng bằng người sống ở chốn dương gian. Thậm chí đã là ma đói thì tiếp tục đói thôi, chứ còn biết làm sao nữa? Nhưng cảm giác đói của ma quỷ cũng chẳng khác chi người trần mắt thịt. Trong xã hội hiện đại ngày nay, thế hệ trẻ may mắn không phải trải qua cảm giác chịu đói và chết vì đói như xưa. Chỉ cần thấy đói, ngay lập tức họ có thể tìm nơi làm thỏa mãn cơn đói của mình: "Tôi đói rồi, tìm quán McDonald thôi!" Nếu là người tinh tế về chữ nghĩa khi nói chuyện, thì cái đói của những thanh niên kia chỉ có thể coi là "cơ" (饥: đói), chứ không thể gọi là "ngã" (饿: đói) được. "Cơ" là cái đói còn có thể chịu đựng được, còn "ngã" thì không thể nhẫn nại hơn được nữa, nếu còn phải chịu đựng nữa thì chỉ có thể đau đớn, khổ sở đến chết mà thôi. Người nào đã trải qua trận đói thảm khốc nhất trong lịch sử Trung Hoa mới có thể hiểu sâu sắc về nỗi giày vò khi cái đói cận kề cái chết. Trong *Ky tô sơn bá tước*, Danglar's đã dùng mười đồng tiền Pháp chỉ để mua một con gà, đấy không phải do ông ta sợ chết mà vì ông ta không chịu nổi việc bị bỏ đói, không chịu nổi cảm giác bị giày vò giữa sự sống và cái chết. Nỗi thống khổ của sự đói khát đối với ma quỷ cũng không có trường hợp ngoại lệ. Nhưng nếu ta bỏ qua cái kết cục của tầng thứ nhất thì việc không có đồ để ăn đối với ma quỷ lúc này cũng chẳng phải vấn đề gì quá nghiêm trọng nữa.

[3] Câu gốc: Dân dĩ thực vi thiên.

Không biết vì sao, chốn âm phủ ở Trung Quốc lại có quan, có dân, hơn nữa ở đó còn có công việc (nhưng phần lớn là đến trần gian làm việc), có trao đổi buôn bán (chợ của ma quỷ là trung gian giữa thế giới của người và

ma). Chỉ có điều, chốn âm phủ không có nông dân, nơi ấy không có mùa xuân để trồng cây, mùa thu để thu hoạch như ở trần thế. Nhưng không có nông dân không có nghĩa là không cần ăn cơm. Vấn đề "quỷ do cầu thực", được ghi chép và truyền từ trong Kinh thánh[4]. Từ xa xưa, ở dưới âm phủ, thức ăn của tổ tiên chúng ta là dựa vào đồ cúng của con cháu ở trần gian cung cấp. Nếu dòng họ bị diệt chủng thì linh hồn của tổ tiên ở nơi âm phủ chỉ có thể như "ma đói nhà họ Ngao mà thôi". Vấn đề này dường như không phải là nét đặc sắc của riêng Trung Quốc, Chu Tắc Nhân tiên sinh đã từng dịch một câu chuyện của Hy Lạp có tên *Chuyện liên quan đến đám tang*, trong đó có đoạn viết: "Chất dinh dưỡng của họ chủ yếu dựa vào rượu và các thứ tế phẩm mà chúng ta thờ cúng đặt trên mộ, vì vậy, nếu như trên trần thế không còn thân quyến, bằng hữu nữa, thì những con ma này ở dưới âm phủ phải chịu đói đến suốt đời suốt kiếp mà thôi." Nhưng đồ thờ cúng của con cháu không phải là cả một xe thực phẩm đông lạnh để tổ tiên từ từ hưởng thụ, mà chỉ là được quan tâm, để ý đến một số bữa nào đó mà thôi. Ngoài việc mời tổ tiên ăn nhiều hơn một chút vào những dịp ấy thì việc để dành cho tổ tiên gói ghém mang về khó mà được thực hiện. Chính vì thế, nếu hồn ma vẫn còn chưa thoát khỏi thói quen ngày ăn ba bữa ở trần thế, thì đến khi chết khó có thể tránh khỏi tình trạng bụng réo sôi ùng ục suốt ngày. Mặt khác, sau khi Phật giáo được truyền vào Trung Quốc, đối với vấn đề ăn uống nơi âm phủ cũng không có nhiều sự cải thiện theo chiều hướng "thêm dầu vào lửa". Vương gia của đạo Bà La Môn (một tôn giáo cổ ở Ấn Độ) được coi là ông chủ lớn - người quản lý địa ngục, vì vậy "xã hội" ở đó giống như công đường và địa ngục, mà "nhà tù" ở đây không làm theo mô hình "tam sản", vì thế "niềm vui lớn nhất của người nông dân là hạt lúa, hạt gạo" là điều không hề có, và đương nhiên cũng không có bột mì, càng không có bánh bao, đậu phụ, quán cơm, nhà ăn thì càng không cần nhắc đến. Vì vậy, việc ăn cơm đối với ma quỷ rõ ràng là cả một "vấn đề".

[4] Theo Tả truyện.

Cổ Thần Tử người thời Đường, trong *Bác dị trí* (trí lớn khác thường) có ghi chép lại tình cảnh của một con ma đói đang xót xa nài nỉ với người: "Tôi là người Giang Hoài, vì cơ hàn mà rời bỏ quê hương đi làm ăn, tháng trước tôi đến huyện này, chết trong phòng trọ. Bây giờ, tôi vừa đói vừa lạnh, tôi rất muốn làm tôi tớ cho ông, cầu một bữa ăn và xin thêm một chiếc mũ nhỏ chống rét, không biết như vậy có được không?" Đây là hình ảnh một con ma chết đường, chết chợ, do hoàn cảnh cơ hàn, sau khi chết không có nghề nghiệp gì, chỉ mong muốn làm tôi tớ cho con người để kiếm miếng cơm nhét vào cái bụng đói cho qua ngày. Một ví dụ khác dẫn từ cuốn thứ tám, *Tú châu tư đại đình* trong *Di kiên ất trí* của Hồng Mại thời Nam Tống, lại có đoạn viết về một hồn ma đã chết hai năm rồi, tuy rằng trong túi không thiếu tiền nhưng không có nơi để mua đồ ăn, chỉ có thể dựa vào việc ăn trộm cơm thừa canh cặn trong nhà bếp ở chốn dương gian hoặc chiếm hưởng chỗ người khác thờ cúng để lấp đầy cái bụng đói cho qua ngày mà thôi.

Còn về những "minh dịch", tức những người làm việc trong quân đội, phục dịch đất nước, ban đầu vốn dĩ là "ăn cơm quan", cũng là bụng rỗng đi làm việc quan sai (chủ yếu là đi câu hồn). Kết cục cuối cùng "không có tiền không thể nuôi thanh liêm", những người này chỉ cần ăn một bữa cơm khách nhà người là sẵn sàng tiết lộ thiên cơ hoặc thả người phạm tội ra chờ báo đáp. Trong *Hội xương giải di lục* từ thời nhà Đường có kể lại một câu chuyện như sau: "Vào một ngày tuyết rơi rất dày, Ngưu Sinh ngồi trong quán khách nơi thôn dã, vô tình mời một Minh sứ vừa đói vừa rét ăn bốn, năm bát mì to, vị Minh sứ này vô cùng cảm động, đã tiết lộ những bí mật về cuộc đời của Ngưu Sinh, biết Ngưu Sinh sẽ ba lần gặp hoạn nạn, liền học cách của Gia Cát Lượng viết ra ba cách giải cứu vào ba bức thư, để Ngưu Sinh khi gặp chuyện sẽ mở thư ra để giải hạn." Trong cuốn *Soạn dị ký* của Lý Mai có ghi một câu chuyện như sau: "Có một vị Minh sứ bốn mươi năm mới có được một bữa ăn no, để cảm ơn về bữa cơm ấy, Minh sứ đã tha cho

tên quan "Tham tiền háo sắc, gặp lợi quên nghĩa" mà không truy cứu những tội hắn gây ra."

Minh sứ đã thế thì các quan cấp cao ở dưới âm phủ chắc hẳn cũng không phải ngoại lệ. Đới Phù thời nhà Đường, trong *Quảng dị ký*, có đoạn viết: "Quỷ thần thường đói khổ. Khi hóa vàng, có thể kèm chút rượu cơm, dùng hai bó cỏ dựng đứng lên, tôi có thể dựa vào cỏ mà ngồi, cũng có thể ăn được." Trong cuốn sáu, *Tế loại khinh cố ngục*[5] trong tập *Di kiên chí bổ* của Hồng Mại có dẫn ra một câu nói của vị quan lại dưới âm phủ: "Quỷ thần đều đói khổ, nếu con có thờ cúng thì sẽ được ăn no, còn không sẽ phải chịu đói." "Quỷ thần đều đói khổ", cũng có nghĩa là minh thần và hồn ma đều không được ăn no, đây dường như là tình trạng thường thấy trong thế giới u minh. Trong *U minh báo ký* của Đường Lâm, một nhân sĩ sống vào khoảng đầu thời Đường có viết về chuyện một vị quan nơi âm phủ kể khổ với người dân: "Quỷ thần cũng có thức ăn nhưng không được ăn no, thường chịu cảnh đói khổ. Nếu có thực phẩm của con người sẽ được ăn no tới một năm. Có rất nhiều hồn ma đi ăn trộm thức ăn của con người, nhưng tôi là bậc quan gia trọng lễ nghĩa, không thể đi ăn trộm được." Vị quan ở âm phủ này tuy không được ăn no nhưng vì không muốn mất mặt nên không đồng ý đi ăn trộm, cố giữ gìn nhân cách chính trực, thanh liêm, không chịu đi làm quan phỉ. Trong các câu chuyện ma quỷ thường nói đến nếu liêm sỉ ở nhân gian, khi chết sẽ được vinh dự làm quan dưới âm phủ, viết đến đây có lẽ đã làm cho con người sống nơi dương thế không khỏi cúi mình cảm phục, ngưỡng mộ người làm quan thanh liêm. Nhưng tôi nghĩ, vì sao ông trời lại không ban thưởng cho những con người đáng kính như thế? Hơn nữa, phải chăng những vị thánh quan này khi ở dương gian đã sống cuộc đời bần hàn, đói khổ cho nên khi chết đi cứ tiếp tục cam chịu cảnh đói khổ như thế mà không thể làm hơn, thậm chí còn cố ý chịu đói để làm tấm gương sáng cho mọi người noi theo?!

[5] Có nghĩa là: câu chuyện chi tiết về cuộc sống trong ngục.

Ở chốn âm phủ, tự nhiên có được một bữa ăn no không phải chuyện dễ dàng. Chính hoàn cảnh ấy đã tôi luyện cho các hồn ma có được một bản lĩnh thép để có thể nhẫn nại sống chung với cơn đói. Vào ngày lễ tết, con cháu có cúng tế, lúc đó mới được ăn no, ngày bình thường thì không biết đến ăn là gì, nói tóm lại, ma quỷ thường xuyên chịu đói là điều dễ hiểu, vì vậy mới có chuyện "nhân đắc nhất bão, khả nại tam nhật, quỷ đắc nhất bão, khả nại nhất niên"[6]. (Một bữa cơm mà có thể no được ba ngày, cái bụng giỏi chịu đựng ấy quả thực đã làm cho bách dân ở nhân thế cảm thấy hổ thẹn!) Hồn ma bất luận như thế nào thì cũng là tổ tiên của người còn sống, nếu tổ tiên ở dưới âm phủ luôn không được ăn uống no đủ, vậy thì con cháu hiếu thuận không thể không cảm thấy trách nhiệm to lớn của mình. Vì vậy, cho dù họ không được ăn một ngày ba bữa nhưng đến mỗi dịp lễ tết đều phải cố gắng làm được điều đó đối với tổ tiên. Cái gọi là "quỷ đắc nhất bão, khả nại nhất niên" là giới hạn thấp nhất cho con cháu ở chốn dương gian.

[6] Có nghĩa là: người ăn no một ngày có thể nhịn được ba ngày, quỷ ăn no một ngày có thể nhịn một năm.

3

Người đói đi tìm thức ăn, đó là điều không thể trách mắng, ngay cả đối với những kẻ lười biếng cũng vậy, cũng phải để họ nhét đầy cái bụng trống rỗng thì họ mới nghe và làm theo những điều quy định, giáo huấn, khuyên răn. Đối với ma quỷ khi đói thì ngay cả việc khuyên can cũng không còn ý nghĩa. Không có đất để canh tác, không có việc để làm, không có đồ để mua, trên đường trở về cõi âm, ngay cả tiếng "than thở" cũng không nghe thấy, vậy thì ma quỷ sẽ dùng cách nào để lấy được thức ăn, giải quyết được vấn đề của cái dạ dày đây? Ngoài việc một năm một hoặc vài lần con cháu cúng lễ, thì cái hy vọng duy nhất của họ là đợi người đời bố thí mà thôi. Nếu không chờ đợi như thế thì những cách khác đều là những cách không lấy gì làm vẻ vang cho lắm. Nếu mưu trí, khỏe mạnh thì đi cướp, đi gạt, sức yếu một chút thì đi ăn trộm, ăn cắp, bần cùng nhất, đáng thương nhất là đi

ăn xin, đi van xin lòng thương hại của người khác… Nhưng cũng đừng lầm tưởng rằng ở khắp các ngả đường trong thế giới u minh đều chỉ có một bộ mặt tối tăm, u ám với đầy rẫy những kẻ ăn xin và lừa gạt. Ở đó thực sự là một thế giới thái bình, nhà nhà đều trống rỗng, chẳng có đồ vật gì, không cần phải lo lắng sẽ có khách không mời mà đến, vì thế "dạ bất bế hộ"[7] là lẽ tự nhiên, nếu giả dụ có "bế hộ"[8] thì có thể đã có tâm bệnh rồi. Còn việc đi xin ăn của hồn ma thì chỉ có thể diễn ra ở chốn dương gian mà thôi, còn ở dưới âm phủ là điều không thể. Một xã hội muốn không có ăn xin, ngoài thế giới đại đồng ra thì chỉ có hai loại: một là do pháp lệnh nghiêm cấm, gặp ai đi xin ăn thì bắt luôn người đó, hai là nhà nhà đều có gạo nấu cơm (thực tế làm gì có), không cần phải đi ăn xin. Thế giới u minh chắc thuộc loại cuối cùng, vì thế, những con ma đói ở đó chỉ có thể lưu vong đến trần gian. Thế giới u minh có thể được coi là tấm gương mẫu mực về vấn đề trị an, ngay cả một kẻ ăn xin cũng không có, thành tích bất hủ này có thể bẩm báo lên Ngọc Hoàng Thượng đế. Nếu dựa theo định nghĩa của Khảo Đình phu tử, được ăn no là "thiên lý" (lẽ trời), phân biệt tỉ mỉ mùi vị là "nhân dục"[9], ở đó chỉ có "thiên lý", thậm chí để cho vị đạo đức gia hà khắc nhất đi làm giám khảo cũng chỉ có thể khẳng định được như vậy mà thôi.

[7] Có nghĩa là: đêm không cần đóng cửa.

[8] Có nghĩa là: đóng cửa.

[9] Có nghĩa là: ham muốn của con người.

Con cháu thờ cúng không tính vào việc cầu xin thức ăn, có thể gọi là "hâm hưởng"[10], là cần mũ áo đàng hoàng đến nhận sự báo hiếu, kính trọng từ con cháu mình, ngoài ra nó còn có ý nghĩa rất quan trọng, điều này sẽ bàn luận riêng ở phần sau.

[10] Tức là được hưởng phúc.

Nhắc đến việc người ở nhân gian bố thí cho ma quỷ, lễ tế Lệ Đàn được nhắc tới đầu tiên, bởi đó đều do các bậc quan lại làm, được ghi trong các cuốn sách cổ. Những chuyện xoay quanh lễ tế Lệ Đàn nói ra thì thật dài dòng, ở đây chỉ nhắc đến những việc có liên quan đến vấn đề ăn uống của ma quỷ mà thôi. Cái gọi là Lệ Đàn giống như cơ cấu thu nhận ở chốn nhân gian, chỉ có điều cái được thu nhận ở đây là những linh hồn người đã khuất, những cô hồn "chết do binh đao, thủy hỏa, chết do bị cướp giật, hoặc bị kẻ gian lấy hết tài sản, ép vào con đường cùng phải tự tìm đến cái chết hay trường hợp bị người khác cướp mất thê thiếp của mình nên uất ức đến chết" mà không có ai hương khói… Những hồn ma này khi sống ở trần gian phần lớn là tầng lớp bách dân thấp cổ bé họng, "chết không có chỗ dựa, linh hồn không thể tan ra, kết hợp với âm linh, hoặc là dựa vào cây cỏ, hoặc là trở thành yêu quái", nếu không tiến hành thu nhận thì sẽ chỉ làm hại cho xã hội mà thôi. Vì thế, ở bất cứ dân tộc nào cũng đều có Lệ Đàn. Những lễ tế Lệ Đàn chỉ để bố thí cho cô hồn, u hồn, còn đối với những oan hồn chết uổng vì bị nhốt ở trong thành, thì giống như Đậu Nga chết nơi tù ngục, sẽ không được hưởng những phúc lợi xã hội này.

Dưới thời nhà Minh, lễ tế Lệ Đàn mỗi năm tổ chức ba lần, vào các ngày: tết Thanh minh, rằm tháng Bảy và ngày mồng Một tháng Mười. Lễ tế Thái Lệ ở kinh thành phải đặt bài vị Hoàng thần lên trên đàn, đồ cúng tế mà quỷ đặt ở dưới chân đàn bao gồm ba con dê, ba con lợn và ba đấu gạo lớn. Những đồ này cũng chỉ là hình thức. Điều quan trọng là phải làm cho không khí thật ồn ào, náo nhiệt để cho muôn dân trăm họ hiểu được tấm lòng chân chính của thiên tử đã truyền đến cửu tuyền, như thế là đã đủ rồi.

Trên thực tế, Lệ Đàn không chỉ là nơi tụ họp ăn uống một năm ba lần của những hồn ma không có người thờ cúng, bình thường những vong hồn, cô hồn không có chốn nương thân, không có nhà để ở cũng thường đến nơi đây để tìm chỗ nương mình, mong được hưởng phúc. Bởi lẽ chính những nơi này bình thường cũng có nhiều người hành thiện đến đây thắp nén hương,

mang đồ đến cúng, và như thế, một năm ngoài ba bữa cơm thì những cô hồn thi thoảng cũng có đồ để ăn vặt.

Với Lệ Đàn, vào tết Trung thu, việc bố thí thức ăn là việc làm của quan phủ. Trong dân gian có phong tục bố thí thức ăn vào tết Trung thu riêng. Ngày Rằm tháng Bảy, trong sách cổ còn gọi là "Quỷ tiết"[11], ở Đạo giáo gọi là tết Trung nguyên, ở Phật giáo gọi là tết Vu Lan. Thực ra đây chính là những ngày lễ tết điển hình ở Trung Quốc, nói như Đạo giáo thì chính là "tháng Giêng vọng đến Thượng nguyên, tháng Bảy vọng đến Trung nguyên, tháng Mười vọng đến Hạ nguyên". Nhưng sau khi Phật giáo truyền vào, có chuyện Mục Liên cứu mẹ, hợp nhất với đạo hiếu của Trung Quốc. Đến đời Đường lại có chuyện về "tết Vu Lan", và cũng định vào ngày Rằm tháng Bảy, ngày này cũng là ngày các tăng lữ kết thúc ba tháng "an cư", phải bắt đầu ra ngoài hoạt động.

[11] Tức là Tết của ma.

Vào những ngày này, theo phong tục thờ cúng tổ tiên của người Trung Quốc, mà nói như Phật giáo là việc Mục Liên cứu mẹ, chết đi làm ma đói trong ngục, để tưởng nhớ công đức này, nên người ta cúng tế để cho ma đói có một bữa ăn no. Sự kết hợp hai cái Tết giữa trong và ngoài cũng chính là lý tưởng ban đầu đã bàn tới ở trên, cũng có nghĩa là "Phật dùng Trung nguyên của Đạo giáo, là giới tăng lữ phân tranh lợi lộc ở Trung nguyên nên mới thế"[12], và kết quả đã xuất hiện một việc ngoài ý muốn, tổ tiên của bổn gia và những con ma đói ở bên ngoài cùng tụ tập ở một phòng. Vu Thận Hành, người thời Minh trong *Cốc sơn bút trần*, tập mười sáu đã viết lời trách móc hoàng đế đời Đường về việc thờ cúng tổ tiên vào tết Trung nguyên: "Thờ thần thánh lại thực hiện cùng ngày với ma quỷ đói, như vậy chẳng phải là làm ô nhục tổ tiên của mình sao?" Những lời lẽ trách móc như vậy lại được thốt lên từ chính miệng một vị đạo học gia vốn am hiểu sự đời, điều đó lại càng làm cho người khác cảm thấy có chút thất vọng. Quốc nhân vốn coi trọng tấm lòng nhân hậu, giàu có nhưng không được bất nhân, tổ

tiên của gia chủ tụ họp ăn uống, chẳng lẽ lại không thể bố thí một chút đồ ăn cho những cô hồn vô gia cư hay sao? Mà một năm cũng chỉ có một lần, một lần bình đẳng, hài hòa một chút lẽ nào lại khó khăn đến vậy sao? Người Tiêu Sơn dưới triều đại nhà Minh, vào đêm Ba mươi hằng năm thường mặc trang phục chỉnh tề, đứng ngoài cổng nhà gọi lớn: "Phàm là những cô hồn vô chủ, đêm nay không có nơi nào để đi, mời đến nhà họ Kỳ chúng tôi đón năm mới." Ở trong phòng ăn đã bày biện thịnh soạn các vật thờ cúng để các vong hồn hưởng thụ, đến sáng sớm ngày mồng Một lại tiễn họ ra ngoài. (Việc làm có tâm ý như vậy khiến người đời sau vô cùng cảm động, nhưng nếu như ở nhân gian ai cũng làm việc này, gọi tất cả những người lang thang, cơ nhỡ ở đầu đường, xó chợ đến nhà mở tiệc vào buổi đêm giao thừa thì chắc hẳn chúng ta sẽ càng khâm phục hơn.) Trong *Ngũ đóa trở* của Tạ Triệu Chế, tập hai có nói đến một phong tục rất hay của người Mãn. Phong tục ấy một mặt đã thể hiện được sự "tôn kính tổ tiên, lúc nào cũng phải cẩn thận, chuẩn bị đồ cúng cho tổ tiên phải đầy đủ, không được thiếu bất cứ thứ gì", mặt khác lại thể hiện được ý nghĩa lớn lao "như ánh trăng soi sáng đêm dài, niềm vui lớn nhà nhà cùng chung hưởng". Vì vậy, nếu ai đó có bản lĩnh gặp ma, thường sẽ nhìn thấy hình ảnh những vong hồn ma quỷ khi đói sẽ vội vã lao vào mà tranh giành từng chiếc bánh bao một cách khốc liệt.

[12] Theo Trung nguyên bố thí tập thứ mười ba, phần Quý tị lưu cảo.

Ngoài tết Trung nguyên ra, những gia đình hoặc những pháp sư tổ chức buổi làm "thủy lục" cũng là dịp để những hồn ma có cơ hội một lần được ăn no bụng. Nếu biết tin tức nhà nào làm thủy lục, chúng liền chạy đi báo tin cho nhau, kêu gọi đồng loại, kết bè kết phái vội vàng kéo nhau đi ăn chay.

Đó là vào những dịp lễ tết hoặc những cơ hội hiếm hoi có được một bữa ăn no, còn với những ngày bình thường, phần lớn họ đều đi ăn xin cầu thực. Ngay cả anh hùng hào kiệt, những lúc đói khát cùng đường, đói đến độ như có ngọn lửa thiêu đốt trong cơ thể, không thể chịu đựng được nữa, lúc đó bỏ hết sĩ diện để đi cầu xin thức ăn của người khác cũng chẳng phải việc gì

mất mặt cả. Việc ăn xin trong thế giới của ma quỷ nên được nhìn nhận một cách khách quan hơn. Vào thời nhà Nguyên, thể chế chính trị đã phân biệt xã hội con người thành những tầng lớp khác nhau, theo đó ăn xin là tầng lớp đứng sau tầng lớ Nho gia, có thể tính làm hàng xóm với nhau được. Sự sắp đặt này thực ra không có gì là quá sai lệch. Bởi lẽ có nhà Nho mang phong thái của kẻ ăn mày, lại có kẻ ăn mày toát lên cốt cách của bậc Nho gia, vì thế, những tiên phu tiểu Nho cũng không cần phải vì mình hơn kẻ ăn mày tấm bằng cấp mà đùng đùng bày tỏ sự bất công.[13]

[13] Theo Duyệt vi thảo đường bút ký.

Kì Nhân Lục Nhiên viết: "Có người hổ thẹn mà nói rằng: "Ông đừng sợ, tôi sẽ không hại ông đâu, bản thân tôi giờ đã là ma rồi. Lúc sinh thời là người dân tộc Thổ, không đuổi được những con ma đói đến tranh tiền gạo, tự cảm thấy rất xấu hổ, cầu xin ông cho tôi một bữa cơm có được không?"

Du Việt người đời Thanh, trong tập *Hữu đài tiên quản bút ký*[14], cuốn chín, viết có thể báo ân bằng một bữa cơm, cũng là hiền nhân của người đi ăn xin rồi.[15]

[14] Nghĩa là: Ký sự viết bên quán Đài tiên.

[15] Xã Nam, huyện Quy An có núi Trường Siêu, mạo lâm tu trúc, cảnh rất yên ắng và thanh tĩnh. Núi có mây che phủ bảo vệ am. Tương truyền Minh Lăng Trung Giới Công (Lăng Văn Cừ) nói, lúc đầu ông học ở trong am, thi thoảng vào lúc trăng sáng đi dạo dưới chân núi, bỗng nhiên có một cụ già đi lên phía trước vái chào, miệng ngập ngừng như có lời muốn nói. Công hỏi, cụ già đáp: "Tôi là người trong mộ cổ, con cháu thờ ơ, không có ai thờ cúng. Nay tôi đến xin ông một bữa cơm có được không?" Công không tin chuyện này, cười đáp: "Tính tôi rất thích được yên tĩnh, nên mới đến đây đèn sách. Nhưng bốn phía đều có tiếng ếch nhái kêu, từ chập tối cho tới sáng ngày hôm sau, tôi thấy rất khó chịu và khổ sở về điều này, nếu ông giúp tôi làm đám ếch nhái kia không còn kêu nữa, tôi sẽ báo đáp ông." Cụ già đáp: "Đồng ý!" Rồi tức thì biến mất. Ngày hôm sau, khi màn đêm buông xuống, quả nhiên không còn nghe thấy tiếng ếch nhái kêu nữa. Công bèn chuẩn bị cơm rượu đến tế ở gò hoang. Từ đó, bên cạnh am không còn tiếng ếch, và cho đến nay cũng vậy.

Còn một số con ma đói, vì cầu thực nên đã dùng một số trò ma mãnh để lừa gạt người khác, chẳng qua cũng vì có những điều khó nói. Ví như Đường Lâm trong *Minh báo ký* có viết về một con ma vô chủ đã giả làm đứa em vừa chết của nhà người ta, sau đó bị chủ nhà vạch trần, đánh đuổi ra ngoài, cuối cùng nói một câu "đói nên đến xin bữa ăn mà thôi" làm cho người nghe cảm thấy chua xót. Cuốn thứ hai, phần bốn trong *Duyệt vi thảo đường bút ký* có ghi, có một con ma giả mạo làm hồn ma của danh nhân Tề Ung đến tìm đồ cúng tế, nhưng con ma này chỉ xem qua bản ca của *Triệu Ngũ Nương tỳ bà ký*, đem câu chuyện đó thành *Những chuyện trong triều nhà Hán*, vì thế mà bị lộ. Nhưng giả mạo làm Tề Trung Lang mà không giả làm Cao Vệ Nội cũng được coi là có tính phong nhã. Mà biết đỏ mặt hổ thẹn, không những ở thế giới ma quỷ, ngay cả ở nhân gian cũng có thể nói là điều không dễ dàng gì. Tuy Kỳ Vân có thể chỉ là mượn câu chuyện về ma để châm biếm tình thế, nhưng suy đoán theo tình thế, trong thế giới của ma quỷ cũng không ít trường hợp như thế này.

Nhưng có lúc vì muốn lừa gạt để được một bữa ăn, hại cho nhà người khác một phen hú vía thì cũng thật đáng trách. *Di kiên đinh chí*, cuốn mười lăm, *Đảm tiểu ca* có đoạn viết: "Có một con ma giả mạo làm con trai của lão thái thái, làm cho lão nhân gia tưởng rằng con mình đã chết rồi, liền mời hòa thượng đến tụng kinh siêu độ. Con ma đó vì thế đã được ăn một bữa cỗ rất thịnh soạn. Nhưng vài tháng sau, người con trai đi làm ăn ở xa trở về, người nhà tưởng đó là ma liền dùng trượng đánh đuổi, suýt nữa thì mất mạng."

Trong thế giới ma quỷ vẫn còn tồn tại những pha lừa lọc lớn hơn nhiều, như chuyện "niệm ương", "cục trá" trong tác phẩm *Liêu trai*. Chỉ cần dùng một đống tiền giấy và một cuộc tế ma bài quỷ là có thể xua đuổi bọn chúng đi nơi khác. *Duyệt vi thảo đường bút ký*, cuốn mười ba có ghi chép lại câu chuyện về Liêu Thái Học, vì thương tiếc người vợ đã khuất mà buồn rầu không nói năng gì. Có nhiều con ma đã biến thành vong hồn của người vợ, buộc lại, úp mặt xuống đất chịu trượng, làm cho Liêu Thái Học cho nhiều ma đói ăn, bố thí quá độ. Nhưng những con ma này ngày càng quá đáng, không chỉ có một, hai lần lừa bịp, mà dạ dày cũng ngày càng to hơn, còn đòi làm bảy đêm thủy lục đạo trường mới được, kết quả là bị bại lộ.

Dựa vào việc ăn trộm, ăn cắp để được ăn no, trong thế giới ma quỷ, hạng ma ấy cũng thuộc vào loại "lưu manh" có tiếng. Vốn là ăn trộm, nhưng những hồn ma ấy cũng là những trường hợp vô cùng đáng thương. Lưu Phủ, thời Bắc Tống trong *Thanh tỏa cao nghị*, cuốn thứ nhất, *Bành lang trung ký*[16] ghi lại: "Có một con ma vô chủ vào bếp ăn trộm thức ăn, bị Táo Quân bắt được, đánh cho một trận tơi bời, chủ nhà thấy chuyện liền ra can: "Đói bụng, bất quá phải đi ăn trộm, hà tất phải trách phạt nặng nề như thế!"

[16] Nghĩa là: viết về người họ Bành.

Theo cách nhìn của người nhân từ, do đói quá mà phải ăn trộm thức ăn thì không đáng bị trách phạt nặng như vậy. Thế mà trong dân gian không ít

người mũ áo đàng hoàng, ngồi không ăn bám, hoặc giống như những con ma ăn trộm thức ăn, thì lại được xử lý nhẹ nhàng. Lê Cung Chấn người đời Thanh, trong *Bắc đông viên bút lục tam biên*, cuốn thứ tư, *Vi sư ác báo*[17], truyền rằng có tên ma ăn trộm thức ăn nói về việc báo ứng vô cùng có lý lẽ: "Có người tên Sử, là một đạo sĩ hành thiện có khả năng nhìn thấy ma quỷ. Một hôm, vị đạo sĩ này đến thăm nhà họ Dương, cười nói rằng: "Ở dưới bếp nhà ông có một con ma ăn vụng thức ăn, nay đầu thai làm người, không biết Dương gia có làm việc gì đáng trách không?" Gần đây nhà họ Dương mới sinh được một đứa con trai, liền bế ra ngoài, đạo sĩ xem kỹ rồi phán: "Không biết ông đã từng làm việc gì tạo nên nghiệp chướng không mà nay con ma ăn trộm thức ăn đó lại đầu thai làm con trai ông?" Họ Dương bèn nói: "Tôi tự tin là cả đời này chưa từng làm việc gì phạm lỗi lớn, chỉ là khi tôi chưa đạt công danh thì đã từng dạy học ở trường tư thục, khi giảng dạy có chút không làm tròn trách nhiệm." Đạo sĩ vỗ vào vai người họ Dương mà nói: "Ông vì chuyện cơm áo của mình mà làm mất tuổi thơ hồn nhiên của học trò, vậy những chuyện đó chẳng phải lỗi lớn hay sao?!" Sau đó, con trai của nhà họ Dương lớn lên, ngày ngày tửu sắc, ruộng điền bán hết để đổi lấy rượu, chưa hết một đinh đã kết thúc.

[17] Nghĩa là: vì thầy báo ác.

Làm nghề giáo mà làm qua quýt, giả mạo để kiếm bữa ăn, sau này các cán bộ lớn từ quan địa phương đến trung ương cũng làm việc qua quýt, giả tạo để thăng chức, hành động này còn nguy hại hơn cả việc ăn trộm thức ăn của ma quỷ. Vì có những rường cột quốc gia như vậy nên các vị sử trị của quốc gia cũng thế, chỉ cần nghĩ ta có thể biết là được rồi. Trong Viết tiếp tử bất ngữ của Viên Mai, cuốn ba, *Oa thượng hữu thủ phạn đồng tử*[18] có kể lại một câu chuyện: "Trong nhà có một tiểu thần chuyên phòng tránh ma đói đến trộm thức ăn. Xem ra việc phòng tránh tiểu quỷ đến ăn trộm có vẻ rất dễ dàng, còn đối với những đại nhân tiên sinh ngồi không ăn bám thì chỉ còn cách cầu báo ứng, gieo nhân nào hái quả đó thôi. (Trong *Tam cương*

thức lược của Đổng Hàm thì sự trừng phạt đối với những kiểu người như thế này là sẽ để bản thân họ làm chó ba năm.)”

[18] Nghĩa là: Trên nồi có đồng tử giữ nồi cơm.

Có thể bổ sung thêm một điểm sau cùng, trong thế giới hồn ma cũng có việc dựa vào nhân gian để làm việc kiếm ăn, như ở trên đã nhắc tới một người trong *Bác dị chí* của Cốc Thần Tử, nhưng cái này lại tính vào một loại khác, mà việc ma đến nhân gian làm việc thì sau này nếu có cơ hội sẽ nói rõ hơn.

4

Hồn ma ở âm phủ nhưng lại ăn thức ăn của chốn dương gian, về điểm này không thể không khiến người ta suy nghĩ. Làm thế nào để hai vật một hư một thực, kẻ âm người dương lại có thể dung hợp được với nhau. Ban đầu có ý kiến cho rằng, chuyện ăn uống của con người ở chốn dương gian và hồn ma nơi âm phủ gần giống nhau. Nếu như người có thể chứa đầy thức ăn trong dạ dày thì hồn ma cũng có khả năng ăn đến cạn bình, sạch bát y như vậy. Phổ Can Bảo trong *Sưu thần ký*, cuốn mười sáu nói về chuyện ma uống rượu, có thể uống đến độ không còn thừa lại một giọt nào. Trong *U minh lục*[19] của Lưu Tống - Lưu Ý Khánh có viết: “Ma ăn cơm và uống rượu, cả hai thứ đựng đầy hai bình đều sạch trơn.” Điều này một lần nữa cũng được khẳng định lại trong *Thuật dị ký*: “Ma ăn uống không khác gì người sống cả.” Sau này, mặc dù rất hiếm khi gặp cách nói chân thực như vậy nhưng cũng không phải không có. Trong tập *Di kiên chi canh* của Hồng Mại thời Nam Tống, cuốn thứ nhất, *Hoàng giải nguyên điền bộc* có đoạn kể chuyện Trương mỗ, một người đầy tớ làm ruộng không bệnh mà chết. Sau khi chết ba ngày vẫn chưa được chôn cất, ông ta đột nhiên ngồi dậy, cất tiếng chuyện trò. Thì ra ông ta vừa vào tới âm phủ đã bị phái đi làm quan sai. Biết Trương mỗ phải đi gọi hồn Hoàng Giải Nguyên, vợ ông liền chuẩn bị đầy đủ thức ăn và một đôi dép cỏ, để tiện cho việc đi đường. Việc chuẩn

bị diễn ra vội vàng trong âm thầm lặng lẽ, người vợ không dám cất tiếng hỏi han lấy nửa lời. Mặc dù thân thể của Trương mỗ vẫn nằm yên trên giường như lúc lâm chung, không hề nhúc nhích, thế nhưng bát cơm để gần đó đã hết sạch và đôi dép cỏ cũng không cánh mà bay. Trong *Canh kỷ biên*, cuốn chín, *Hoàng thôn tượng nhân* có ghi lại hình ảnh hồn ma đứng đối diện với người sống, ăn hết một con gà quay, ăn xong chỉ còn lại một đống xương gà vứt chỏng chơ trên nền đất. Chuyện kể về "Diêm La yến"[20] trong *Liêu trai chí dị* cũng dẫn ra một tình tiết kỳ thú: "Diêm Vương và các tùy tùng cùng nhau kéo đến dùng tiệc mà Thiệu Sinh chuẩn bị cho người mẹ đã khuất của mình. Bữa tiệc kết thúc, họ cũng đã ăn uống no nê, sạch sẽ, không còn sót lại gì cả."

[19] Nghĩa là: ghi chép chuyện âm phủ và dương gian.

[20] Nghĩa là: tiệc đãi thần Diêm Vương.

Nhưng cách lý giải như thế này quả thực quá xa vời với thực tế. Bởi lẽ, bình thường khi người ta bày đồ thờ cúng, thiết đãi quỷ thần, sau khi cúng tế xong, mọi thứ vẫn còn nguyên không hề bị quỷ thần ăn mất. Lúc ấy, mọi người vẫn có thể ăn uống bình thường, không những mùi vị thức ăn không thay đổi, mà còn có quan niệm cho rằng, những đồ đã cúng rồi sẽ đem phúc đến cho người ăn nó. Chính vì vậy, ở đây ta lại bắt gặp một cách nói tương phản, trái ngược hoàn toàn với cách lý giải trên đây, hơn nữa cũng không phù hợp với tình hình thực tế, đó là quan niệm cho rằng hồn ma chưa bao giờ ăn thức ăn của người trần. Nếu nói như vậy chẳng khác nào khẳng định quỷ thần không hề đụng đến những thức đồ đã bày biện, cúng tế của nhân gian, và như thế đồng nghĩa với việc người đời thành tâm thành ý thờ cúng thần quỷ giờ đã biến thành hư ảo? Nếu theo cách hiểu như vậy không những có sự bất kính đối với quỷ thần mà ngay cả sự tồn tại của quỷ thần trên thực tế cũng bị hoài nghi và trở nên bất tín. Sự thực là tiệc rượu cúng tế bày biện ra vẫn còn nguyên, quỷ thần không hề nhấm nháp hay làm mất mát một thứ gì. Đồ thờ cúng thì vẫn còn nguyên nhưng vẫn không thể không thờ

cúng, vậy làm thế nào để có thể dung hòa hai mặt đối lập này đây? Cổ nhân đưa ra hai cách lý giải. Cách thứ nhất, họ cho rằng việc quỷ thần ăn uống no say đồ tế lễ là có thật, nhưng sau khi ăn xong rồi đi khỏi thì mọi thứ lại trở về nguyên vẹn như cũ. Cách giải thích này đã được Phổ Nhân tiên sinh nói tới trong tác phẩm *Chân di lục* của mình, ông viết: "Hạ Văn Quy chết được một năm trở về thăm nhà, đi cùng với ông còn có khoảng hơn mười người theo hầu. Hạ tự nói hiện mình làm quan trấn giữ tại Bắc Hải. Người nhà chuẩn bị tiệc rượu thết đãi linh đình, rõ ràng nhìn thấy ma ăn hết mọi thứ bày biện trên mâm cúng, nhưng lúc ma quỷ đi rồi thì đồ ăn thức uống lại đầy nguyên như cũ."

Một cách lý giải khác, người xưa quan niệm không phải là hồn ma không ăn đồ cúng tế, chỉ là họ lựa dùng những cái "tinh hoa" nhất mà thôi, những thứ còn lại người trần mắt thịt nhìn thấy thì vẫn còn nguyên như cũ, nhưng thực tế đó chỉ là cặn bã mà thôi. Đoàn Văn Thành, một nhân sĩ thời nhà Đường, trong *Tây dương tạp trở*, cuốn một có bàn về việc ma uống rượu nhưng chỉ uống hơi rượu, tuy rượu vẫn còn nguyên nhưng mùi vị đã nhạt chẳng khác gì nước lã. Cách nói này được người đời sau tán thành, hưởng ứng. Trong *Việt vi thảo đường bút ký*, cuốn mười có đoạn viết về một thư sinh bạo dạn, vào đêm trăng sáng đã đem rượu đến mộ ngồi uống, và còn gọi ma đến uống cùng. Tức khắc có khoảng mười người theo lên, thư sinh đã dùng hũ đựng rượu thật lớn, rót xuống đất để ma có thể ngửi được mùi rượu. Hiểu theo cách hiểu này thì hình ảnh ma quỷ "dùng mũi hút rượu vào bên trong" như trong *Lữ viên tùng thoại* của Tiền Vĩnh, cuốn mười lăm, *Quỷ hí*[21] miêu tả là hoàn toàn sai lệch. Có lẽ người viết đã đứng từ trên cao nhìn xuống, lại nhìn không rõ ràng nên mới hiểu lầm rằng ma dùng mũi để uống rượu!

[21] Nghĩa là: kịch ma.

Về cách ăn của ma cũng tương tự như vậy, thức ăn thì còn mà tinh hoa của nó thì đã mất. Viên Mai trong tập *Tử bất ngữ*, cuốn hai mươi hai có

phần viết về *Ma cướp bánh bao* rất thú vị:

Trên núi Đồng Đình có rất nhiều ma đói. Có một gia đình đang hấp một khay bánh bao, bánh bao chín họ mở nắp nồi ra, nhìn thấy chiếc bánh bao tự động bay lên, làm cho chủ nhà thất thần, cái bánh bao to như cái bát mà trong giây lát đã co lại nhỏ xíu, bánh thì còn nhưng mùi vị thì giống như bột mì sống. Ban đầu họ không thể giải thích được hiện tượng này, sau có một cụ già nói rằng: "Việc này là do con ma đói cướp đi, nếu lúc vừa mở nắp nồi ra mà dùng bút màu đỏ chấm vào, ma sẽ không cướp được." Nói như vậy nhưng cái nào đánh dấu được thì đánh dấu, cái nào bị co lại thì vẫn co, một người đánh dấu thì làm sao có thể thắng được đám ma đói kéo nhau hàng đàn đến cướp bóc!

Cũng trong tập *Tử bất ngữ*, cuốn hai mươi hai, *Thành thần bất tất hiền nhân*[22] có đoạn viết về việc ăn uống của ma như sau: "Tất cả các việc liên quan đến ăn uống của ma là chỉ ngửi mà không nuốt, những thức ăn nóng thì bị ngửi cho đến khi nguội lạnh." Tinh hoa và hơi nóng cùng lúc mất đi, ma chỉ ăn những chất dinh dưỡng và vi lượng của thức ăn, cách ăn này rất hiện đại mà lại vô cùng khoa học, đã miễn được nhiều chuyện phiền toái khi tiêu hóa thức ăn.

[22] Nghĩa là: trở thành thần thánh không nhất thiết phải là người hiền tài.

5

Chăm lo hương khói, thờ cúng tổ tiên là những hành động thể hiện lòng hiếu thuận của con cháu ở chốn nhân gian. Khi chôn cất quan tài, ngay cả hoàng đế thuở xưa dù có được cúng bái hàng nghìn vật ngon của lạ thì dùng mãi cũng có ngày hết[23]. Vì vậy, con cháu cần nhớ vào những dịp giỗ, tết phải cúng lễ tổ tiên cho chu toàn, cẩn thận. Ngoài cúng tiệc rượu còn phải hóa quần áo, tiền vàng làm từ giấy… Nói tóm lại, cháu con phải làm sao để ông bà, cha mẹ mình ở chốn âm tà lạnh lẽo không phải lo lắng đến chuyện

ăn mặc, có như vậy mới làm tròn đạo hiếu với người đã khuất. Hình thức thờ cúng tổ tiên trong mỗi gia đình đến nay đã có nhiều thay đổi. Mặc dù có điểm mâu thuẫn là trong đạo Phật không có tục thờ cúng tổ tiên, nhưng trong lễ giáo bao đời của người Trung Hoa, phong tục ấy vẫn không hề bị mai một. Vào thời cổ đại, ngoài việc tế Xuân Thu ra, trong các ngày lễ, tết khác, người người nhà nhà đều không quên thờ cúng tổ tiên. Mặc dù đến xã hội hiện đại, hình thức thờ cúng tại gia đã không còn giữ được nguyên gốc những tập tục dân gian tự thuở xa xưa, nhưng tinh thần của những ngày tết Thanh minh tảo mộ, tết Đông nguyệt "gửi áo ấm mùa đông" vẫn còn lưu giữ được trong dân gian. Tuy nhiên, để những phong tục này được lưu truyền mãi mãi, rất cần có một tư tưởng nhất quán làm tiền đề, đó là niềm tin vô hình vào sự tồn tại vĩnh cửu của các vong hồn tiền nhân ở chốn u minh, địa phủ.

[23] Căn cứ theo Cựu Đường thư, hoàng đế lúc nhập quan thì phải cúng ở trong cung "nghìn vị thực", thủy lục cùng các món khác lên đến hơn một nghìn loại, màu sắc phong phú, bắt mắt rồi để vào phần mộ, kèm theo là hoa quả và thịt ngựa, trâu, lừa, bê, hoẵng, hươu v.v..., cùng với hơn ba mươi loại rượu.

Chính điều này đã làm nảy sinh một mâu thuẫn mới trong văn hóa vong hồn của người Trung Quốc. Bởi lẽ, theo quan niệm của Phật giáo, và trong nước cũng có một bộ phận người dân tin tưởng, tiếp thu qu định của lục đạo luân hồi, nghĩa là những hồn ma mà hậu nhân vẫn chăm lo thờ cúng vốn đã được đầu thai đến thế giới dương gian rồi. Và nếu như thời gian mà có sự trùng hợp thì việc đầu thai chuyển kiếp ấy thậm chí còn nhanh hơn cả việc thay đổi một chuyến tàu, ở đây chưa qua "đầu thất", bên kia đã qua "tam triều" rồi. Sau khi chuyển thế, người có phẩm tiết, đức hạnh sẽ được đầu thai thành người có quyền cao, chức trọng, còn kẻ thấp hèn, xấu xa thì sẽ phải làm chó, lợn cả đời để phục dịch con người. Vậy thì, trong thế giới âm phủ còn có vong hồn nào mà mấy mươi đến mấy trăm năm chịu đói khổ giữa chốn u minh lạnh lẽo ấy nữa! Nhưng văn hóa hồn ma ở Trung Quốc lại rất quan tâm việc thờ cúng tổ tiên, vậy thì lý luận Phật giáo của người

phương Tây du nhập vào cũng cần phải tuân theo các đặc trưng của Trung Quốc. Điều đó có nghĩa là, khi thờ cúng tổ tiên, chúng ta đều lấy tiền đề là tổ tiên ở thế giới bên kia đang bị đói, bị rét làm cơ sở để nương theo. Việc cúng tế và câu chuyện luân hồi chuyển kiếp là hai việc làm tưởng chẳng có gì tương tác với nhau, nhưng trong những trường hợp đặc biệt thì điều đó vẫn có thể xảy ra. Câu chuyện dưới đây trong *Ngụ phổ tạp chí* của Vương kỳ, cuốn bảy, *Lâm Nhất Ngạc trú mộng*[24] đã minh chứng điều đó:

[24] Nghĩa là: Lâm Nhất Ngạc nằm mơ giữa ban ngày.

Lâm Nhất Ngạc làm quan ở Giang Tây, vào ngày lễ Trung nguyên chợt nằm mộng giữa ban ngày. Trong giấc mộng, ông thấy mình may mắn được hưởng đồ thờ cúng của Nhất phu nhân. Kinh ngạc hơn, khi tỉnh dậy liền thấy những đồ vật ấy ở ngay cạnh mình. Ngơ ngác nhìn quanh thì phòng ốc, đường xá vẫn y nguyên như trước. Ông đi theo hướng được chỉ sẵn trong giấc mộng, quả nhiên gặp một cụ bà khoảng hơn bảy mươi tuổi đang thắp nhang thờ cúng người chồng quá cố của mình, tro hóa vàng vẫn còn chưa nguội. Hỏi cụ về ngày giờ, tháng, năm mà chồng cụ mất, lại trùng khớp với ngày sinh mà trong mộng Lâm Nhất Ngạc vừa mơ thấy. Anh ta cảm thấy vô cùng ngạc nhiên. Sau khi biết chuyện về người chồng quá cố của cụ già ấy. Lâm Nhất Ngạc cũng thường xuyên mang chút đồ đến thăm nuôi cụ.

Người đang sống giữa chốn dương gian mà lại được hưởng đồ cúng tế của người thân ở kiếp trước, câu chuyện này quả thực có chút gì đó vô cùng kỳ quái, nhưng sau khi đọc xong thì lại khiến người ta có cảm giác thương cảm vô cùng. Tình cảm của đôi vợ chồng già mấy chục năm mà nay gặp mặt lại không hề quen biết, lão phu nhân vẫn ngày đêm tưởng nhớ người chồng quá cố của mình. Trong khi đó, linh hồn người chồng quá cố sau khi chuyển thế lại không lưu lại chút ký ức nào từ kiếp trước. Cái gọi là "mang chút đồ đến thăm nuôi" đó chỉ là tình thương của người qua đường dành cho bà lão già yếu mà thôi. Tuy nhiên, chuyện này cũng không thể trách người ta vô tình, "song dài trăm thước, da dê năm bộ, bây giờ là người phú

quý rồi thì quên đi những việc đã làm trước đó". Chỉ trong thoáng chốc đã làm cho người khác giật mình hiểu ra ý nghĩa sâu sắc của câu "chỉ trong nháy mắt mà xa cách nghìn trùng". Những câu chuyện kiểu như thế này lần đầu tiên xuất hiện trong các tác phẩm văn học thời Nam Tống, Thiệu Bác trong *Thiệu thị vấn kiến hậu lục*, cuốn ba mươi, Lục xán, hay thời nhà Minh trong *Canh tị biên*, cuốn bốn, *Như Công* hay Mẫn Văn Thành trong *Thiên thái lô hy triết*… đều lấy việc thờ cúng tổ tiên trong các gia đình để chứng minh sự tồn tại của luân hồi. Nhưng chính người viết cũng không nghĩ đến tác dụng ngược lại, họ thờ cúng tổ tiên trong nhà nhưng cùng lúc họ dùng luân hồi để chứng minh sự vô ích của việc thờ cúng đó. Lô Kỳ Dã đã viết một bài tùy bút, trong đó có nhắc đến chuyện ngày lễ tết, vì đồ ăn quá nhiều nên dễ làm cho con người cảm thấy ngán, liền nói đùa rằng: "Chắc chắn đã ăn phải đồ tế phẩm của con cháu ở kiếp trước rồi." Phải chăng việc thờ cúng trong gia đình là điều vô ích, vậy thì cần gì phải duy trì tục lệ lâu đời ấy nữa? Nhưng nếu làm như vậy thì luân lý vững chắc của người Trung Quốc tự ngàn xưa chẳng phải sẽ sụp đổ hay sao? Cho nên những câu chuyện như vậy thường gây ra sự hoài nghi, hoang mang trong suy nghĩ, tư tưởng của nhân gian và vì thế cần liệt vào những chuyện "nói không" khi bàn tới.

Hơn nữa, điều làm cho người thời nay cảm thấy vô cùng kỳ quái đó là, rõ ràng chúng ta nghĩ tổ tiên ở thế giới âm phủ vô cùng đói khổ, vậy tại sao con cháu ở chốn trần gian lại không thể "nhân cách hóa" thế giới của người chết một chút, thổi vào đó một chút không khí ấm áp, tươi vui? Họ thậm chí không phải tổn hao công sức mà chỉ cần dùng mồm miệng, dùng tiếng nói của mình là có thể tạo ra một thiên đường rộng lớn, tiện nghi, có đầy đủ "điện, nước, điện thoại, tầng trên, tầng dưới…" cho tổ tiên của mình, và thêm nữa là thức ăn, thức uống dư thừa, chưa hết, còn không phải lo toan miếng ăn, cái mặc hằng ngày. Vậy tại sao họ cứ phải để tổ tiên mình trong tình trạng bụng đói cồn cào, miệng mồm khô khốc, mắt nhắm nghiền, rệu rã

chờ sự nuôi dưỡng mà vài tháng mới có một lần, đồng thời cũng gây nên không ít rắc rối cho bản thân mình?

Ý tưởng xây dựng thế giới âm phủ thông thẳng đến thiên đường hoặc thế giới thần tiên cũng đã từng có người nghĩ ra. Trong *Dậu dương tạp trở* của Đoàn Thành Thức dẫn ra một câu chuyện kể việc Triệu Bùi đến âm phủ. Triệu Bùi bị bệnh mà chết, được Châu y Nhân nhận về âm tào địa phủ, dẫn đi thăm thú một vòng. Cảnh tượng vô cùng sầu thảm hiện ra trước mắt, không có một tấc đất nào được coi là có hạnh phúc. Sau đó, Châu Y Nhân hỏi Triệu tiên sinh: "Ông có muốn đi thêm một chút nữa để đến "thượng thanh" không?" Và thế là đã đến "thượng thanh" tiên cảnh, cảnh vật đẹp đến mê hồn. Ở địa phủ mà lại có cổng sau thông lên tiên giới, ngay cả vị hòa thượng nào đó có công tạo ra âm phủ có lẽ cũng không thể nghĩ ra. Châu Y Nhân rõ ràng là đang "kéo khách hàng" về cho đạo sĩ. Vì vậy, loại truyện như thế này chỉ khiến người ta cảm thấy đây chẳng khác nào khu chợ tranh giành tín đồ giữa đạo sĩ và hòa thượng mà thôi, khó mà làm cho người khác tin vào những lời nói khoác lác, thổi phồng đó được. Ngoài ra, hòa thượng cũng không dễ để bị người ta đưa ra đùa cợt, cho nên, lẽ đương nhiên họ sẽ không để lão đạo sĩ khoét lỗ ở góc tường dưới âm phủ làm cửa sau, vì thế con đường tắt đến thượng thanh tiên cảnh không được người ta nhắc đến nữa.

Nhưng trong các loại "thiện thư" vẫn khuyến khích những linh hồn có giấc mộng đẹp mong muốn đến thẳng thiên đường. Những người hiền lương có tiền sau khi chết đi, đến sông Nại, người khác thì phải đi qua cây cầu nhỏ bé nước đen, bùn sục lên lầy lội, vô cùng đáng sợ, còn họ sẽ được những Tiên Đồng - Ngọc Nữ đáng yêu dẫn đường đến cầu vàng, cầu bạc, sau đó đặt chân lên hoa sen là có thể lên thiên giới. "Thiện thư" thường được đặt ở hai bên hành lang trong đền chùa tại Cảng Đài, ngoài việc bố trí, sắp xếp "Địa phủ du ký" ra, vẫn còn một loại nữa là "Thiên đường du ký". Nếu chịu khó tu luyện để đến với thế giới Phật môn, khi đắc đạo sẽ được

đưa đến một con đường dẫn người chết đến thế giới cực lạc của Phật quốc, giống như trong *Thiên long bát bộ* đã từng nhắc tới. Nhưng cách làm này phải chịu khổ cực một chút và không phải ai cũng dễ dàng đạt được ý nguyện, ngay cả phật Như Lai đã tu thành chính quả nhưng vẫn phải trải qua bao nhiêu cửa ải, bao nhiêu kiếp nạn. Với những kẻ phàm phu tục tử muốn đến được thiên đường, nếu không chịu được lục đạo luân hồi quay cuồng, điên đảo, lại bị đánh trên một nghìn tám trăm cái thì không cần nghĩ tới giấc mộng thiên đường nữa. Vì thế thiên đường này cũng chỉ để an ủi những phu thê ngu muội mà thôi, ở Trung Quốc đây vẫn là chuyện cần "nói không" như trước.

Sau hai lần "nói không" như vậy, dường như số phận của tổ tiên chúng ta cũng gần như đã được xác định rồi. Vậy nên nếu người dân trong nước một lòng một dạ hiếu thuận, tưởng nhớ thì liệt tổ liệt tông linh thiêng cũng sẽ vĩnh viễn thấu hiểu và vinh dự thưởng thức những đồ mà con cháu dâng hương tế lễ, đó cũng là điều thuận tình hợp lý.

6

Từ thuở xa xưa, việc cúng tế tổ tiên luôn được xem là một việc làm thiêng liêng và vô cùng quan trọng, đặc biệt với những gia đình quyền quý, nó giống như được vinh dự vào triều vái Vạn Tuế gia vậy. Trong nhà thờ tổ tiên, đặt bài vị đầu tiên là của liệt tổ liệt tông, treo ảnh của tổ tông có ghi rõ họ tên, được sắp xếp theo thứ tự từ cao xuống thấp. Người tế lễ đứng nghiêm túc, trang trọng dưới từ đường, khấu đầu cầu khấn rồi mời các vị tổ tông về thưởng thức đồ tế lễ mà con cháu dâng lên. Trong giờ phút linh thiêng ấy, hầu hết linh hồn của các vị tổ tông đều về dự đông đủ, ai nấy đều mặc quan phục hiển hách lúc sinh thời. Bài vị được sắp xếp theo thứ tự, tả đơn hữu song, bên cạnh thái sư đã kê sẵn giá đỡ, hương khói quấn xung quanh, cung phụng hương hoa, thêm nữa là một mâm cỗ đầy đủ các loại, mùi thơm từ các đĩa thức ăn bay lên. Các vị liệt tổ liệt tông vì giữ lòng tự

trọng đã để bụng trống rỗng có khi đến vài tháng, nay nhận được sự bồi dưỡng một cách đầy đủ, không thể không đắc ý mà nghĩ rằng, được làm tổ tông thật tuyệt!

Nhưng sự thịnh vượng, đắc ý của người quá cố cõi u minh đó cũng phải có một tiền đề cơ bản để đảm bảo, đó chính là làm sao để con cháu sống chốn nhân gian không đoạn tuyệt việc hương khói! Một gia tộc hoặc một gia đình nếu chẳng may rơi vào tình cảnh tuyệt tử tuyệt tôn thì tất cả mọi niềm hoan hỷ sẽ biến thành bong bóng hết. Lúc ấy, đừng nói đến việc con cháu xếp hàng dài trong từ đường, mà ngay cả một bát cơm, một bát canh cũng không có người nhớ đến. Vì thế, cổ nhân rất coi trọng việc có con cháu nối dõi tông đường. Cái gọi là "bất hiếu hữu tam, vô hậu vi đại"[25], là bởi vì hậu quả của nó chính là làm cho tổ tiên mãi mãi trở thành ma đói. Trong *Quảng dị ký* có ghi chép việc Thượng thư Lý Hồi Tú sau khi chết, linh hồn dưới âm phủ có linh cảm rằng con cháu của mình có mưu đồ bất chính, chắc chắn sẽ gây họa diệt môn. Chỉ cần nghĩ đến việc sắp bị tuyệt tử, không có người hương khói mà nước mắt chảy ròng ròng. Cảnh bi thương đó thậm chí còn đáng thương hơn cả việc người già neo đơn tự nhiên bị cướp sạch khoản tiền dưỡng lão.

[25] Nghĩa là: có ba cái bị gọi là bất hiếu, và cái bất hiếu lớn nhất đó là không có con cháu nối dõi tông đường.

Đương nhiên dưới ảnh hưởng của Phật giáo cũng có người cho rằng "người và ma đi hai con đường khác nhau, lẽ nào còn tình phụ tử trăm năm"[26]. Một khi đã chết, tiền duyên cũng hết, mà người khoáng đạt sẽ để lại di chúc không cho con cháu thờ cúng mình. Nhưng cái đó rốt cuộc cũng chỉ là trường hợp ngoại lệ, không được các giáo phái khác ở Trung Quốc công nhận. Bởi thế, nếu không có cháu trai thì phải tìm một người con kế để làm hậu tự, đấy không những là việc "mua bảo hiểm" cho cuộc sống của mình sau khi chết, mà hơn nữa còn có liên quan đến "cái bụng đói" của tổ tiên nơi âm phủ. Bởi vì, giả dụ như ba đời đơn truyền, một khi đã tuyệt tử,

việc ăn uống của đời ông, đời bố dưới âm gian cũng là cả một vấn đề. Cuốn mười sáu trong Hữu đài tiên quản bút ký của Du Việt có kể lại câu chuyện về một người sau khi chết không có cháu con thờ cúng, hồn ma của người đó suốt ngày đến nhà người thân để phá phách, ép họ phải lập tự cho mình. Người thân hỏi: "Sao lúc còn sống anh không lo lắng, vội vàng, bây giờ tới tìm tôi làm gì?" Hồn ma trả lời: "Đấy là do tổ tông vì tôi mà không có đồ ăn, họ không tha cho tôi đấy chứ!"

[26] Theo Bắc mộng tỏa ngôn của Tôn Quang Hiến thời Ngũ Đại, cuốn ba, Đường Lưu Sở thoát xác, từ rất sớm là văn học ứng vào sĩ cử, trong đó phần đức giới viết "bất cứ ai vào, nghèo hay giàu, không hy vọng về tôi. Nếu sau khi tôi chết, cũng đừng thờ cúng tôi". Nói rồi lên thuyền đi câu cá làm thú tiêu khiển và không ai biết ông ở nơi đâu.

Mình không đẻ được con trai, chỉ còn cách dựa vào con trai kế để giải quyết vấn đề, nhưng việc "lập tự" không đơn giản như việc nhận một đứa trẻ ở cô nhi viện về nuôi. Từ thời nhà Hán, trong các câu chuyện ma quỷ đã xuất hiện một cách nói: "Ma của tổ tông không hưởng đồ tế lễ của người mang họ khác." Trong cuốn *Phong tục thông dịch*[27] của Ứng Thiệu có một câu chuyện vô cùng kinh điển, cần phải giới thiệu toàn văn như sau:

[27] Nghĩa là: giải thích ý nghĩa của các phong tục.

Chu Ông Trung người Nhữ Nam, thời còn làm thái vị duyện thuộc (tức nhân viên công sở ngày nay), vợ ông sinh hạ một người con trai. Đến khi ông làm tướng Bắc Hải, liền phái thuộc hạ của mình tên là Chu Quang đến Nhữ Nam làm công chuyện. Lúc chuẩn bị xuất hành, Chu Ông Trung nói với Chu Quang: "Đợi sau khi anh làm xong công chuyện, vào ngày mùng Tám tháng Chạp, nhờ anh đưa con trai tôi đến tế lễ tổ tông của gia đình tôi." Chu Quang vốn là người có thể nhìn thấy hồn ma, đợi khi anh ta từ Nhữ Nam về Bắc Hải, Chu Ông Trung liền hỏi anh ta về tình hình tế lễ ra sao, Chu Quang nói: "Khi tế lễ, tôi nhìn thấy một đồ tể mặc quần áo rách nát, tóc tai bờm xờm, đến thẳng bàn thờ, cầm dao cắt thịt cúng để ăn. Ngoài ra còn có mấy vị mặc quan phục, chỉ đi đi lại lại bên thùng đựng đồ ở phòng

lớn mà không vào bên trong. Không biết nguyên cớ vì sao?" Chu Ông Trung nghe xong thì vô cùng phẫn nộ, cầm kiếm đi thẳng lên phòng, lớn tiếng quát mắng vợ mình: "Vì sao bà lại gian dâm với tên đồ tể sinh ra đứa con nghiệt chủng này?" Vợ ông ta nghe thấy thế cũng vô cùng tức giận trả lời: "Bình thường chẳng phải ông hay nói đứa trẻ này từ hình dáng, cử chỉ, điệu bộ đến giọng nói đều rất giống ông sao? Hôm nay ông không muốn sống nữa hay sao mà nói ra những lời điên cuồng như thế!" Chu Ông Trung kể lại tường tận mọi việc Chu Quang nhìn thấy, và nói: "Nếu bà không nói ra sự thật, tôi sẽ chém chết hai mẹ con bà!" Đến lúc này, người vợ mới khóc lóc nói ra sự thật: "Lúc đó tôi thấy chúng ta đều có tuổi rồi mà vẫn chưa có con trai, tâm lý bất an, liền đem đứa con gái vừa sinh xong đổi lấy đứa con trai của tên đồ tể, và còn cho gia đình họ một vạn quan tiền."

Tổ tiên ở dưới âm gian chỉ có thể hưởng được đồ tế lễ của chính con cháu mình, điều đó đồng nghĩa với việc đồ tế lễ của con cháu thì chỉ có những người thực sự là tổ tiên của họ mới hưởng thụ được. Câu chuyện là một sự kết hợp khéo léo giữa việc phản ánh tín ngưỡng thờ cúng trong dân gian với việc lý giải chế độ tông pháp trong xã hội xưa. Họ cho rằng tài sản riêng của xã hội phong kiến được phân chia rạch ròi dựa vào "luận chính". Vì thế, cuốn thứ chín trong tập *Quý tân tạp nhận - Biệt tập* của Chu Mật thời Nam Tống đã cải biên câu chuyện này một chút và đưa thêm một cái kết đầy kịch tính:

Vào ngày cúng thần (ngày mồng Tám tháng Mười hai) có quan gia đến nhà đồ tể, gặp đứa trẻ nhỏ rất đáng yêu liền bế đứa bé lên rồi nói rằng sau này, khi đứa bé lớn lên sẽ trở thành một người hiểu biết. Đứa bé khi xưa nay lớn lên quả thực có khả năng đặc biệt hơn người. Một lần, khi đang thờ cúng tổ tiên, bỗng mơ màng nhìn thấy tất cả các bậc tổ tiên đều đeo gươm đao trên người ngồi ngay ngắn. Một lát sau lại nhìn thấy một người mặc lễ phục có hoa văn đứng bên cạnh các bậc tổ tiên. Anh ta vô cùng kinh ngạc, liền đem cảnh tượng đó kể lại cho cha nuôi mình nghe. Lúc này người cha

nuôi mới nói cho anh ta biết, nguyên tắc trong việc tế lễ là cha đẻ và cha nuôi phải được phân ra rõ ràng, thứ tự tiếp nhận đồ tế lễ không phải được sắp xếp theo cấp quan hay cấp bậc công lao. Cha nuôi nói: "Con cháu đời sau không thể không biết điều đó."

Những đồ cúng lễ của con cháu trước tiên sẽ dành cho người thân thích ruột thịt với người dâng lễ hưởng thụ trước, còn bên dòng họ của người bố nuôi thì phải đợi sau, đến khi gia chủ ăn xong thì sẽ được ăn những đồ còn thừa lại. Kiểu lý giải như thế này so với chuyện của Ứng Thiệu có vẻ nhẹ nhàng hơn đôi chút nhưng vẫn làm cho tâm lý của người con nuôi không được thoải mái cho lắm. Phải đợi đến thời nhà Thanh thì vị trí của người con nuôi mới được khẳng định. Kỳ Vân trong tác phẩm của mình đã nói rõ hơn việc con nuôi không thể bị coi là người ngoại tộc. Nếu có sự phân biệt như vậy thì nhận người ngoại tộc làm con nuôi tất yếu tổ tông không được đến hưởng phúc. Do đó, phải coi con nuôi như con đẻ, có như vậy thì việc tổ tiên đến hưởng phúc của con cháu mới được đường đường chính chính, ngẩng cao đầu mà tự hào vì dòng dõi bao đời vẫn được nối tiếp mà không bị ngắt quãng. Trong *Việt vi thảo đường bút ký*, cuốn mười ba có viết:

Có người nhìn thấy ma nói: "Người con nuôi, là những người khác dòng họ, dù là con của người con gái, cháu của vợ, khi thờ cúng thì chỉ có những người sinh thành đến hưởng phúc, người đời trước không có ai. Phàm là người cùng họ, dù là ngoài năm đời thì khi thờ cúng vẫn có thể đến hưởng. Người sinh ra cũng đến, thức ăn để ở bên cạnh, mà không dám đến trước. Duy có Vu mỗ bế con nuôi Trương mỗ, khi thờ cúng vẫn đến sau để hưởng. Sau nhiều thế hệ mới biết, phu nhân của Vu mỗ có thai, sau đó cưới Trương sinh, là người trong tộc Vu."

Có thể thấy, câu chuyện này muốn nói với người đời rằng, ai không có con trai, nếu muốn nhận một đứa con trai để làm con nuôi, tốt nhất nên chọn người trong tộc. Bởi vì nếu con nuôi là người ngoại tộc, kể cả là người

rất gần với mình như cháu ngoại hoặc cháu bên đằng vợ, sau này, khi họ tế lễ tổ tiên, đến hưởng phúc chỉ có thể là người có cùng huyết thống. Mà con cháu trong bổn tộc, ngay cả ngoài năm đời, một khi họ trở thành con nuôi của bạn, vậy thì khi họ tế lễ, người đến hưởng phúc đầu tiên là bạn, mẫu tử thân sinh ra họ cũng chỉ được sắp sẵn thức ăn để ở bên cạnh mà thôi.

Tuy nhiên, đây là đạo lý của người hay đạo lý của ma? Rõ ràng dù là đạo lý của ma thì mục đích đặt ra cũng nhằm bảo vệ cho đạo lý của người: Huyết thống của tổ tông không thể lẫn lộn được, tài sản của tổ tông cũng không được để truyền ra ngoài. Về vấn đề lập tử trên danh nghĩa là để lo cho cái ăn, cái mặc của tổ tiên, nhưng thực tế, mục đích chính là vì con cháu, vì tính toán đến chuyện được mất tài sản của tổ tông. *Việt vi thảo đường bút ký* vẫn còn một câu chuyện lý thú kể về ba huynh đệ, người anh hai chết sớm, không có con cháu, người anh cả và em út đều muốn lập con trai mình làm con nuôi của anh hai, bởi vì muốn tài sản của gia đình anh hai rơi vào tay mình, hai anh em vì việc này mà tranh cãi từ dương gian đến tận âm thế. Rõ ràng chuyện này đối với người anh hai từ lâu đã trở nên vô nghĩa.

Qua những câu chuyện này chúng ta đã hiểu được thực chất của vấn đề ma đói được bàn tới ở trên. Thì ra chỉ có thể để hồn ma dưới chốn âm gian không ăn không uống mới có thể thấy được ý nghĩa việc thờ cúng của con cháu là vô cùng quan trọng. Và hệ quả tất yếu, muốn bảo đảm cho tổ tông một năm ba bữa đủ đầy thì tài sản để lại cho con cháu bắt buộc không được để truyền vào tay người khác dòng họ của mình! Vì lợi ích thực tế của tổ tông, cho nên mọi thứ cần phải được bảo hộ ở cấp cao nhất, vì thế, để linh hồn tổ tông ở dưới âm phủ chịu ấm ức một chút cũng chẳng đáng là bao.

Viết đến đây, ngẫm lại câu nói ban đầu của Châu Tác Nhân: “Qua việc này có thể thấy tấm lòng chân thành của dân tộc Trung Quốc, còn hơn việc dùng võ mồm, thùng rỗng kêu to để nói về những luân thường đạo lý, về

những việc đúng sai trong cuộc sống, liệu có thể tin tưởng được không?", ít ra cũng cảm thấy có chút thấm thía đến nghẹn ngào.

Chương 7: Âm Sơn Bát Cảnh

Bất luận thế nào, chốn âm gian không phải là nơi thích hợp để ngao du, thăm thú. Thế nhưng, trong cuộc sống không phải không có người từng nảy sinh mong ước được một lần dạo chơi chốn âm gian u ám này.

Nếu tôi nhớ không lầm thì hình như cách đây một năm, một cậu bé con trai của bạn tôi đã có lần đề xuất ý tưởng độc đáo này với tôi. Cậu bé hồn nhiên nói lên suy nghĩ của mình: "Người nước ngoài có thể làm được du lịch vũ trụ, vậy thì tại sao chúng ta không thể làm về du lịch địa phủ nhỉ? Người nước ngoài từng đem rao bán sao Hỏa, vậy tại sao chúng ta không thể mở rộng ngành bất động sản ở dưới âm phủ?" Rõ ràng, tinh thần yêu nước dám so sánh, thậm chí đối đầu với nước ngoài của cậu bé hồn nhiên kia không thể không làm cho người khác động lòng trắc ẩn. Nhưng nếu như chịu khó suy nghĩ một chút thì cậu bé khờ dại kia chắc hẳn sẽ tự đưa ra được câu trả lời trước những băn khoăn được cho là có sáng kiến của cậu. Bởi lẽ dẫn một đoàn khách du lịch xuống thăm quan âm phủ, kinh phí đầu tư và kỹ thuật chắc hẳn sẽ khó khăn hơn nhiều so với việc đưa con người bay vào vũ trụ.

Đương nhiên chốn âm phủ nói tới ở đây chỉ là chế tạo theo mô phỏng, với giá vài đồng bạc một mẫu đất, mua một ngọn núi hoang, sau đó tạo phong cảnh ở dưới âm gian, để những nhà văn có tài viết vài câu quảng cáo, mùa xuân là *Đáo Âm sơn khán hoa khứ*[1], mùa hạ là *Âm sơn cảnh hậu hảo thừa lương*[2]. Nếu làm như vậy thì cũng chẳng mấy khó khăn, lại còn có thể thêm vào một vài danh mục như "Dạ đài xuân mộng", "Nai tân tàn chiếu",

thì ngay cả việc mời hoàng đế Càn Long từ trong Đông Linh ra đề họa ngâm thơ cũng không phải là việc không làm được. Còn việc đem chuyện lữ khách mà làm "Dạ thẩm Phan Hồng"[3], cảnh tượng ảm đạm, mê mê tỉnh tỉnh giống như người bị say rượu, uống thuốc mê hoặc tiêm thuốc tê, dùng bút tẩy gõ vào sọ não, sau đó cho vào máy quay xi măng, quay trên ba mươi vòng, tiếp đến là đi trên "một chuyến xe xuyên qua khe núi". Nếu có thiếu chỗ nọ, hỏng chỗ kia thì lập tức sửa sang lại rồi liệt vào khu vực tham quan ngắm cảnh. Những việc như vậy hoàn toàn có thể làm được. Tôi nói cái khó khăn về kỹ thuật trên đây không phải là nói những thứ này, mà là không có cách nào để làm một cái nồi khổng lồ, cho ngọn núi Âm vào đó để cả năm âm u, mù mịt không có ngày đêm, người vào đó sẽ cảm thấy đầu óc mơ màng, thảm thương như chẳng có cách nào thoát khỏi. Vì theo như người đã đến thế giới âm phủ nói lại thì ở đó toàn là bão cát: "Dài như khi tháng Mười một, tháng Mười hai tuyết âm rơi"[4], hoặc là "sắc trời ngưng lại, gió hoàng hôn thổi rào rào"[5], hay như "Hoàng sa rộng mênh mông, không nhìn thấy nhật nguyệt"[6].

[1] Nghĩa là: đến núi Âm ngắm hoa.

[2] Nghĩa là: phong cánh phía sau núi Âm rất

[3] Nghĩa là: ban đêm điều tra Phan Hồng.

[4] Ghi trong Thông âm ký của Trần Thiệu, đời Đường.

[5] Trong Thanh tỏa cao nghị của Lưu Phủ, thời Bắc Tống.

[6] Trong Tử bất ngữ của Viên Mai.

Quỷ môn quan

Quỷ môn quan, hiểu trên mặt chữ có thể gọi đó là cửa khẩu đưa đến thế giới âm phủ. Linh hồn của người ở bên ngoài cửa, trên danh nghĩa vẫn là

hồn sống, đi qua Quỷ môn quan thì mới chính thức nhập hộ khẩu và trở thành người nơi âm phủ. Nhưng ở thời cổ, việc miêu tả về địa ngục hoặc thế giới âm phủ hầu như không nhắc đến vấn đề này. Trên thực tế, việc phân chia hai thế giới âm - dương cũng không thể xác định rõ ràng được, vì vậy ba chữ "Quỷ môn quan" về cơ bản vẫn là mang ý nghĩa tượng trưng. Cuốn *Lưu chức y dược ngữ*[7] của Hồng Mại thời Nam Tống, trong tập *Di kiên chi canh* có viết, hồn ma bị lang băm trị bệnh mà chết nói: "Cả nhà tôi có hơn mười người già trẻ, tất cả đều dựa vào tôi mà sống. Nay tôi chỉ một lần uống nhầm thuốc mà chết, ngũ tạng của tôi giống như có dao cắt, dạ dày thối rữa, làm thế nào để có thể sống lại đây? Nay phải đến Quỷ môn quan ngồi chờ!" Ý nghĩa của câu nói này là ngồi ở quan phủ dưới âm gian để chờ gặp, sau đó sẽ cùng toàn thể oan gia khởi kiện lên trên để tính sổ với tên lang băm, chứ không phải đó là nơi ngồi đợi đến lượt gia nhập vào cõi âm gian. Nơi ngồi chờ được nói tới trên đây chắc hẳn là có nha đầu và chó canh cửa, vì thế đó thực sự cũng không phải là địa điểm lý tưởng để hẹn hò hoặc chờ đợi người khác.

[7] Nghĩa là: thầy thuốc họ Lưu lấy nhầm thuốc.

Nhưng sự xuất hiện của chữ "Quỷ môn quan" đã có từ trước thời Nam Tống. Bởi lẽ, vào triều Đường người ta đã gọi những nơi nguy hiểm, dã man, hoang tàn là "Quỷ môn quan" rồi. Trong *Cựu đường thư, địa lý chí tứ* có viết:

Ba trăm dặm về phía nam huyện Bắc Lưu có hai tảng đá đứng đối mặt vào nhau, ở giữa rộng đến ba mươi bước chân, tục gọi là "Quỷ môn quan". Tướng quân Hán Phục Ba khi đánh giặc, đi đến đây là hết đường, liền lập bài vị bằng đá, điều này có ghi trong trang tám tám, đoạn cuối. Phía nam đặc biệt nhiều bệnh chướng khí, người đi vào đó cơ hội sống sót vô cùng mong manh, ngạn ngữ có câu: "Quỷ môn quan, thập nhập cửu bất hoàn."[8]

[8] Nghĩa là: Quỷ môn quan, mười người vào thì chín người không có đường quay trở lại.

Bắc Lưu nay thuộc Quảng Tây, nơi đây nổi tiếng nhất là Quỷ môn quan, nhiều đời nay trong thơ ca đều có người nhắc đến địa danh này. Có cách gọi tên này là bởi vì địa hình nơi đây giống như một cửa ải của thiên nhiên, và điều quan trọng hơn nữa là vào Quỷ môn quan này "thập nhập cửu bất hoàn", chướng khí bốc lên gây bệnh hại người, người mặc giáp nam chinh, triều thần bị giáng chức đưa đến nơi này đều khó mà quay về phương Bắc được.

Ngoài ra, theo như Viên Tử Tài, Đam Nhĩ (nay là Hải Nam) cũng có một nơi như thế, bốn bề núi non trùng điệp, ở giữa có một con đường, trên vách viết ba chữ "Quỷ môn quan", bên cạnh khắc thơ của Lý Đức Dụ đời Đường, vì lúc ông ta bị giáng chức đến Nha Châu, đi qua nơi đây liền nói: "Một khi đã đi thì đi tới hàng vạn dặm, mười người đến thì chín người không về. Quê hương ở nơi đâu, muốn sống thì phải vượt qua Quỷ môn quan này." Chữ viết rộng khoảng năm thước, nét bút khỏe khoắn. Qua nơi đây thì mây độc cỏ ác, động vật kỳ quái, thời tiết nóng lạnh thất thường, giống như đi đến thế giới của ma quỷ, chứ không phải nơi của con người nữa.

Những nơi khác như Quỳ Châu - Tứ Xuyên, Bình Lương - Cam Túc cũng đều có địa danh là Quỷ môn quan. Ở đây hàm ý của nó là chỉ nơi nguy hiểm, chứ không có nghĩa là một đi không trở về nữa. Nhưng đến thời nhà Thanh, Quảng Tây đã phá "Vương hoa", Bắc Lưu không còn là "thập nhập cửu bất hoàn", đồng thời vì được phát hiện là "nơi chứa đầy bạc", Bắc Lưu đã trở thành vùng đất béo bở, kiếm được nhiều tiền, bởi thế lúc này có người cho rằng, về mặt chữ đã có sự nhầm lẫn, cái gọi là "Quỷ môn quan" chính là để chỉ "Quế môn quan". Quảng Tây được gọi tắt là Quế, cách nói này cũng có thể được xem là trường hợp ngoại lệ.

Nhưng chắc hẳn dân gian phải có quan niệm về Quỷ môn quan ở dưới âm phủ thì mới có sự so sánh với Quỷ môn quan ở trên dương thế. Mà Quỷ môn quan ở dưới âm phủ cũng chỉ là một cách nói mang ý nghĩa tượng trưng. Mãi đến sau thời Nguyên - Minh, trong kịch nói mới xuất hiện hình ảnh Quỷ môn quan và từ đó đã trở thành cách gọi tắt của dân gian đối với âm phủ. Trong *Tây du ký*, hồi thứ mười đã làm rõ hơn một chút về khái niệm Quỷ môn quan, nhưng lại không giống như sự tưởng tượng của chúng ta, đó là một quan ải lớn như Sơn Hải Quan, nhỏ như Nương Tử Quan, mà lại là đại môn của ngôi Thành Từ.

Thái Tông Trúc và Thôi Phản Quan, hai đồng tử đi bộ về phía trước, bỗng nhìn thấy một tòa thành, trên cổng thành có treo một tấm biển lớn, bên trên đề rõ bảy chữ: "U minh địa phủ Quỷ môn quan."

Bởi vì là cổng thành nên sau khi vào đó sẽ thấy người đi bộ trên đường, đi tiếp là đến trung tâm chính trị Lâm La Bảo Điện của thế giới âm phủ. Nhưng đến hồi thứ mười một, khi Lưu Kim chui vào quả dưa lạ bỗng nhiên được đến thẳng Quỷ môn quan.

Quỷ sứ gác cổng hỏi: "Ngươi là ai? Sao dám đến nơi đây?" Lưu Kim đáp: "Tôi phụng sự hoàng đế Đại Đường - Đường Thái Tông mang dâng tặng loại dưa quý bao đời Diêm Vương rất thích dùng." Quỷ sứ vui vẻ tiếp nhận. Lưu Kim đi đến Lâm La Bảo Điện, gặp được Diêm Vương.

Như vậy ta thấy, Quỷ môn quan được miêu tả cũng chỉ giống như cổng lớn của cung phủ mà thôi. Có thể thấy tác giả của *Tây du ký* đối với những tiểu tiết này quả thực không dụng tâm sáng tạo cho lắm nên chỉ mượn hình ảnh Quỷ môn quan để thể hiện ý đồ đã đi vào thế giới âm phủ mà thôi.

Từ Khánh Tân - gia nhân của Khang Hy biên soạn cuốn *Tín chính lục*, trong đó có lấy một bài *Hồi dương ký* của Hải Xương Trần Thục Văn, nói

về việc sau khi vào thế giới âm phủ, trước tiên phải uống canh của Thi bà bà, sau đó mới được vào Quỷ môn quan. Nhưng cửa ải này lại giống như Nhạn môn quan của "Tứ Lang thăm mẹ", không thể tùy tiện ra vào. Cửa lúc nào cũng đóng kín, có hơn mười con ma mặt xanh, nanh vàng, lông lá đầy mình, chân đi đất, tay cầm giáo đứng canh, phải có giấy thông hành mới được mở cửa cho vào. Nếu không có giấy thông hành thì "người có Đạo pháp thì gọi Thái Thượng Lão Quân, kẻ có Phật pháp thì gọi Tam Thế Như Lai, người hành thiện thì gọi Quan Âm cứu khổ", chỉ cần là môn đồ của "hội đạo môn"[9] thì có thể tùy ý ra vào.

[9] Nghĩa là: tụ hội của các đạo.

Nếu như theo ý thức của người bây giờ, "hảo tử bất như lại hoạt trước" (thà dựa vào mà sống, còn hơn là chết đẹp), Quỷ môn quan không vào thì thôi. Thực tế không phải như vậy, bởi trước khi linh hồn đến Quỷ môn quan thì thể xác cũng sắp hỏng rồi, đường quay về cũng đã bị ngắt đoạn, muốn trở về không phải là điều đơn giản, vì thế, ngoài việc nhập hộ khẩu vào thế giới u minh thì chẳng còn con đường nào khác có thể đi.

Ngoài ra, trong *Tử bất ngữ* của Viên Mai, cuốn hai mươi *Quỷ môn quan* cũng đưa ra những kiến giải tương tự như thế này, nhưng nói rõ hơn một chút, Chu Tú Tài của Thái Vương vì lâm trọng bệnh, không thể cứu chữa đã chấp nhận để Nhị Thanh Y dẫn vào thế giới âm phủ:

Đi hơn mười dặm, đến một cửa thành, song môn cao to sừng sững, đóng kín, phía trên cổng thành viết ba chữ "Quỷ môn quan". Nhị Thanh Y gõ cửa mà không có người trả lời, lại gõ tiếp, bên cạnh đột nhiên xuất hiện một con ma, diện mạo rất hung ác, có vẻ như muốn gây gổ với Nhị Thanh Y. Nhìn từ xa thấy có hai chiếc đèn màu đỏ, trong chiếc kiệu có một vị trưởng quan, ông ta được truyền đến. Khi nhìn gần, trông giống như Hoàng Thần của Thái Dương Châu Thành, thần hỏi: "Ngươi tên họ là gì?" Ông ta đáp: "Ta là học trò của Khoáng Thương Châu." Thần lại nói: "Ngươi đến quá

sớm, nơi đây không được ở lại lâu." Sau đó ông ta được chỉ dẫn con đường trở về.

Thì ra Chu Tú Tài chưa phải chết, còn Nhị Thanh Y có thể là tà ma gì đó, vì thế mà ma giữ cổng đã không cho vào bên trong. Và trưởng quan cũng lắc đầu từ chối. Họ làm thế hoàn toàn không sai. Nhưng nếu như không gặp Thành Hoàng của Thái Thương, hồn sống của Chu Tú Tài chỉ có thể đợi ở trước cửa mà không có đường về, thậm chí tình hình có thể còn tồi tệ hơn nữa. Đương nhiên, hồn ma nhập Quỷ môn quan cần phải có giấy thông hành, xuất quan càng không thể hồ đồ được. Trong *Tín chính lục* của Từ Khánh Tân, phần *Thẩm Lục Phi phục sinh* có viết, sau khi Thẩm Lục Phi xuống âm phủ mới phát hiện là bị bắt nhầm, được quan ở âm phủ thả về. Ở đây chỉ nói là quan, tuy không nói rõ là "Quỷ môn quan", nhưng đối với việc phân biệt âm - dương thì có lẽ không có vấn đề gì.

Có sứ lĩnh ra, đến quan thứ nhất, hỏi: "Có văn thư không?" Ông ta đáp: "Không có!" Quan giữ cổng nói: "Đã phải đến âm phủ rồi, nếu không có văn thư thì thể xác sẽ bị hỏng. Ta cho người mang văn thư đến, ngươi lập tức phải điền vào." Ông ta liền đặt bút chạm mực thành chữ kim.

Nhân đây xin nói thêm một chút về Quỷ môn quan của Phong Đô Quỷ Thành tại Tứ Xuyên (nay thuộc thành phố Trùng Khánh). Giáo sư Vệ Huệ Lâm có bài "Điều tra về tập tục tôn giáo ở Phong Đô", trong bài viết có nói: "Trên núi ở huyện Phong Đô có một Điện thái tử Diêm La, cổng sau của điện gọi là Quỷ môn quan. Từ Quỷ môn quan đi xuống theo hướng tây nam là Vọng hương đài." Quỷ môn quan này vốn dĩ là cảnh quan nhân tạo, không biết chính xác được xây dựng từ khi nào, nhưng trong *Tử bất ngữ* của Viên Mai, cuốn thứ năm *Tẩy tử hà xa* có đoạn ghi lại việc này, đồng thời cho rằng Quỷ môn quan là có thật:

Huyện Phong Đô, Tứ Xuyên, sai dịch Đinh Khải đưa văn thư về Quỳ Châu. Qua Quỷ môn quan, phía trước có tấm bia đá, trên thư viết ba chữ "Âm dương giới"[10]. Ông ta đi xuống phía dưới tấm bia, say sưa thăm thú hồi lâu mà không hề hay biết mình đã đi ra thế giới bên ngoài.

[10] Nghĩa là: thế giới âm và dương

"Thế giới bên ngoài", chỉ một bước chân mà đã đến được thế giới âm phủ, thế là gặp lại thê tử sau nhiều năm xa cách.

Ngoài ra, trong dân gian có "Âm Dương hà"[11], thương khách Trương Mậu Thâm muốn đi đến huyện Phong Đô để tìm hiểu về phong tục của địa phương, tiểu nhị nói với ông ta: "Đi ra cửa quán, theo hướng nam sẽ gặp một con đường lớn, rồi gặp một đèn thờ bằng đá, đó chính là "âm dương giới". Ở bên này giới thì cảnh làm ăn buôn bán rất náo nhiệt, đông vui, nhất thiết không được đi qua phía bên kia của âm dương giới, nơi đó là đất của ma." Ở đây nói đến đền thờ "âm dương giới", chính là Quỷ môn quan mà Viên Mai đã nói.

[11] Nghĩa là: sông Âm Dương

Nghe nói hiện nay "Quỷ môn quan" ở Phong Đô vẫn còn, nhưng tôi chưa đến đó bao giờ, theo dự đoán chắc hẳn sẽ không thật được như Sơn Hải Quan hoặc Nương Tử Quan, và cũng sẽ không giả như "không thành kế" trong kịch nói. Mà vào Quỷ môn quan vẫn còn các điểm như "Đường đến hoàng tuyền", "Vọng hương đài"… chỉ cần không thu vé vào thì có thể yên tâm mà đi qua.

Cầu sông Nại

Thực chất âm phủ là nhân bản của chốn nhân gian, vì thế cảnh núi, sông, cây, cối ở dương gian khi xuất hiện dưới âm phủ cũng là rất hợp lý. Duy chỉ

có sông Nại lại không giống như các con sông khác, nó là một dòng sông bẩn, có máu. Nghiêm khắc mà nói, "sông Nại" là chỉ "địa ngục" (hay Naraka) trong kinh Phật - một sự biến hóa của âm từ, do vậy "sông Nại" chính là địa ngục! Nhưng địa ngục trong tiếng Trung Quốc dịch ra một cách văn nhã lại biến thành "sông Nại", vậy thì cũng có thể để nó trở thành "hà lưu" rồi.

Ở đây, trước tiên chúng ta xem xét sự biến đổi của sông Nại từ thời Đường trở đi, cùng với sự xuất hiện của "hà lưu" nơi dương thế, lâu ngày sông Nại từ con rạch nhỏ biến thành dòng sông lớn. Trong *Tuyên thất chí* của Trương Độc thời nhà Đường cho rằng đó là một con sông rộng đến mức "không đếm được bao nhiêu thước".

Tổng quan xuất phát từ Dương Thành đi về phía tây. Họ đi qua nơi có rất nhiều cỏ cây mọc dày san sát, trải rộng đến khôn cùng, nước có hai màu đỏ và xanh ngọc bích, giống như một tấm thảm lớn. Đi hơn mười dặm thì thấy một nguồn nước rộng không đếm được bao nhiêu thước, chảy về hướng tây nam. Quan hỏi Linh Tập, Tập đáp: "Dân gian gọi đây là sông Nại, có nguồn gốc từ địa phủ." Quan liền nhìn xuống nước, thấy có cả máu đỏ, vô cùng kinh hãi không dám lại gần. Lại nhìn thấy trên bờ có người đem đến vài trăm bộ quần áo, Tập nói: "Đây là quần áo của người đã mất, họ sẽ đi vào âm phủ từ đây."

Sông suối kiểu như thế này không cần phải có cầu, vong hồn đến đây phải cởi bỏ quần áo, để lại tất cả ở trên bờ, sau đó lội chân trần qua sông, thế là đã chính thức bước vào âm phủ rồi. Con sông Nại này là ranh giới - giống như giới âm phủ thứ hai, gọi là "âm dương giới". Trong *Đại Mục Càn Liên u gian cứu mẫu biến văn*[12] cũng miêu tả với nội dung tương tự:

[12] Nghĩa là: sự biến đổi trong bài Mục Càn Liên đến âm phủ cứu mẹ mình.

Mục Liên nghe thấy thế, liền từ biệt đại vương ra đi, đi được vài bước đã đến gần sông Nại, gặp vô số người cởi áo mắc lên cành cây, nhưng lại không thể đi qua được, cứ đi đi lại lại, sau đó ôm đầu khóc thảm thiết.

Con sông Nại này chảy từ đông sang tây, nước chảy siết, không còn là con suối nhỏ trong *Tuyên thất chí* miêu tả trước đó. Hai bên bờ sông đều có cây cối, vong hồn mắc quần áo lên trên đó, sau đó phải lội qua sông, trước khi vượt qua dòng nước cần điểm danh, "ngưu đầu đem theo gậy xích đến bên bờ sông, giở sổ gọi tên, ai không muốn qua sông cũng không được."

Trong *Tục mặc khách huy tê* của Bành Thừa, thời Bắc Tống, cuốn thứ năm, *Hiến hương tạp kịch* cũng nhắc đến sông Nại, theo sự hiểu biết của con người, dòng nước đó chắc hẳn rất sâu.

Tăng nói: "Đi đến địa ngục, gặp điện Diêm Vương, bên cạnh có một người áo đỏ đang ngồi câu cá, nhìn kỹ thì đoán rằng đó là người giám sát dòng nước, tay giơ lên một vật, nhìn trái nhìn phải rồi nói: "Nước sông cạn thế này thì hiến kế gì được, chắc chỉ còn cách khơi thông dòng nước mà thôi." Để mong nhận được ân thưởng từ triều đình, Thúc Hiến đã bóc lột sức dân bằng mọi cách nhằm cải thiện công tác thủy lợi. Từ đó, bách dân trăm họ rơi vào cảnh khốn cùng, đâu đâu cũng thấy vang lên tiếng khóc than thảm thiết.

Trong tác phẩm *Tam bảo thái giám tây dương ký* ở phần *Kế Kim Bình Mai* hồi thứ tám mươi bảy, có dẫn ra một câu chuyện, Đinh Thư nói, tuy trên sông có ba chiếc cầu nhưng vong hồn có tội thì không thể qua được, chỉ có thể lội qua dòng sông Nại này để đi vào thế giới âm phủ.

Con sông Nại này là từ phương Bắc u minh đại hải chảy ra một dòng nước vô cùng kinh tởm, chạy vòng quanh phủ Đông Nhạc, phàm là người thường thì đều phải qua nơi này. Nước đen mênh mông, chảy cuồn cuộn,

mùi thì tanh hôi, hoặc là lạnh như băng tuyết, hoặc là nóng như lửa thiêu, tùy thuộc vào nghiệp chướng của từng người, sẽ có độ nông sâu khác nhau, cũng có người bị nước ngập đến đầu, có người thì đến eo, đến mu bàn chân, nơi đó có rắn độc, yêu quái thò đầu, há to miệng, tùy nó thích gặm thịt hay thích hút máu, nơi đó đã đi thì đừng nghĩ chuyện quay lại.

Thì ra con sông Nại đối với những linh hồn có tội là một hình phạt ghê gớm. Về việc nước nông, sâu, nóng, lạnh còn phụ thuộc vào nghiệp tội các hồn ma mắc phải mà tự động biến hóa. Có thể thấy, từ thời nhà Đường đến thời nhà Thanh, cổ nhân đã tưởng tượng ra nhiều câu chuyện có ý nghĩa to lớn trong việc điều chỉnh nhân cách và hành vi của con người.

Thời nhà Thanh có biên soạn cuốn *Ngọc lịch bảo sao*, trong đó cũng nhắc tới một dòng sông, nhưng nó không đưa đến âm phủ mà lại là nơi giam phạt những người phạm tội đã chịu qua mười điện, uống canh của Mạnh bà bà trước khi vào lục đạo luân hồi, cũng có nghĩa là cách âm phủ không xa trước khi được luân hồi chuyển thế. Mặc dù vậy, ý nghĩa của đoạn văn rất khó hiểu, người đọc khó có thể hiểu hết dụng ý của tác giả giống như cũng được uống một thứ canh mê hồn vậy.

Các linh hồn buộc phải uống thứ canh mê hồn do một người đầy tớ bê ra. Ở phía dưới có dòng nước chảy siết, màu đỏ máu, thịt người mắc cạn đầy khe suối. Nhìn theo hướng cây cầu, trên bờ bên kia có bốn hàng chữ lớn màu đỏ, viết: "Vi nhân dung dịch tác nhân nan, tái cần vi nhân khổng canh nan, dụ sinh phúc địa vô nan xứ, khẩu và tâm đồng tịnh bất nan."[13] *Khi các linh hồn đang chăm chú đọc, bất chợt ở bờ bên kia nhảy ra hai con ma lớn, tách nhau ra nhảy bổ xuống mặt nước, hai bên đứng không vững, rơi xuống dòng nước đỏ đang chảy xiết, tùy theo sự nông, sâu, yếu, mạnh mà may mắn giữ được thân người lành lặn… Các linh hồn như tỉnh như mê, chia nhay vào các phòng xá, âm dương biến đổi, không khí ảm đạm, mơ*

màng, điên đảo, không thể tự do đặt chân lên Tử Hà Xa mà chạy thoát khỏi thai nương…

[13] Nghĩa là: Thành người thì dễ mà làm người thì khó, muốn làm người mà để người khác phải nể sợ e rằng càng khó hơn, nơi đất có phúc thì không có hạn, nếu biết đồng tâm đồng chí thì không việc gì là khó khăn.

Các đoạn khác trong Ngọc lịch bảo sao không còn thấy nhắc đến sông Nại, không biết con sông này có phải là nói sông Nại hay không, hoặc cũng có thể là khúc sông Nại chảy vòng qua ngọn núi âm nào đó.

Điều đặc biệt hơn, trong *Liêu trai*, sông Nại lại biến thành cống nước thải trong thành, tất cả rác rưởi của cửu u thập bát ngục đều quy tụ về nơi đây. Trong cuốn *Vương thập* cũng nhắc đến điều này: "Nước sông vô cùng hỗn độn, mùi thối không thể ngửi", trầm tích còn lại chỉ là "thịt nát xương tan", mà trong *Tửu cuồng* lại cho thêm vào đó một vài tình tiết nhỏ khác: "Trong dòng nước có một vật rất sắc, đâm thẳng vào bắp chân, cử động rất khó, đau đớn vô cùng, nước đen bẩn, hôi thối, tự nhiên chảy vào trong cổ họng, thật khó có thể chịu đựng được." Đây chỉ là tùy ý chỉ ra vài điểm mà thôi, tất cả có trong tiểu thuyết của Bồ Ông. Chỉ vài tiểu tiết ấy cũng đủ cho ta thấy, thành thị từ thời xa xưa cũng đã có cảnh ô nhiễm như thế này, còn khoảng cách của nó đến sông Nại xa gần ra sao có lẽ cũng không cần thiết phải kiểm tra độ chính xác.

Tiếp đến, chúng ta cùng tìm hiểu về cầu sông Nại, tức cây cầu bắc qua sông Nại. Trong *Dậu dương tạp trở* của Đoàn Thành Thức người đời Đường, đầu cuốn thứ hai *Minh kinh Triệu Nghiệp* có viết về Triệu Nghiệp bị bệnh nặng phải đến âm phủ.

Lúc đầu tinh thần du tản, không tập trung, đi đứng như trong mộng, có Chu Y Bình Trách dẫn đường đến phía đông. Ra khỏi núi, đến nơi bị cắt đoạn, thấy có rất nhiều người. Đứng đó quan sát hồi lâu, lại tiếp tục đi đến

phía đông, thấy có một cây cầu được sơn son thiếp vàng. Bước qua cây cầu là vào trong thành, đến được Tào Tư, người dân sinh sống ở đây rất đông.

Con sông này chính là sông Nại và dùng vàng bạc để trang trí thành cây cầu bắc ngang. Cây cầu đó tuy không có tên gọi cụ thể nhưng người xưa vẫn gọi nó là cầu sông Nại. Về sau, trong bút ký của người đời Tống, còn được gọi là "cầu U Tư"[14]. Chỉ đến cuốn thứ ba *Đàn nguyên đường tể* trong tập *Di kiên chí bổ* mới nói rõ hơn về "cầu sông Nại". Đồ tể Đường Phúc chỉ vì giết chết một con nhện mà bị dẫn đến sông Nại chịu tội, Đường Phúc cầu xin: "Tôi tự ngẫm cả đời không giẫm đạp lên côn trùng, chỉ nhớ là đã giết mười ba con trâu, hai mươi con lợn, nếu như được thả ra, xin thề sẽ cải tạo" và:

[14] Theo Hồng Mại, cuốn thứ tư, Thái dương bộ Vương thị phụ, trong Di kiên chi mậu.

Viên lại nói: "Đây không thuộc thẩm quyền quyết định cùa ta, đi đến đầu cầu sông Nại, đích thân nhà ngươi hãy nói với Phán quan về ý nguyện của mình." Và cả hai cùng đi tới đó. Khi đến bên bờ sông, ngước nhìn lên cây cầu cao bắc ngang qua sông, một vị quan áo mũ chỉnh tề đang đứng chờ ở đó, trên tay còn cầm một cuốn sổ. Viên lại ghé vào tai người kia nói: "Đó chính là Phán quan!" Hai con chó dữ sủa vang khắp một vùng, hung dữ lao ra ngăn cản không cho ai qua. Thấy vậy, người đồ tể cung kính vái chào. Vị quan áo đỏ đọc trong cuốn sổ cầm trên tay, nói: "Có lẽ đã có sự nhầm lẫn ở đây, kẻ giết Hi Tử là Bành Phú, không liên can đến ngươi, tức là tuổi thọ của ngươi vẫn chưa hết, ngươi có thể quay về dương thế!"

Những tài liệu này không những xuất hiện trong các tác phẩm văn học, mà còn là những tài liệu đầu tiên lý giải rõ ràng sông Nại chính là cánh cổng dẫn vào thế giới âm phủ. Chỉ những hồn ma và những người đáng chết mới phải vào bên trong còn những người không đáng chết ngay lập tức phải quay về dương thế, ngay cả khi muốn nhìn mặt Diêm Vương cũng không được (đây có thể là để khống chế những người dân xảo trá ở dương giới

đến, giống như kiểu Tịch Phương Bình đến kiện âm phủ), bởi ở đó luôn có hai con ác cẩu sẵn sàng chặn lại, điều này trước và sau sẽ không nhắc lại nữa. Nhưng hai con ác cẩu này không phải là không có lai lịch, nó có nguồn gốc từ trong truyền thuyết cổ của Ấn Độ, nói về hai con khuyển bốn mắt Saladida của thần cai quản địa phủ Diêm Ma.

Trong *Di kiên bính chí,* cuốn mười, *Hoàng pháp sư tiếu*[15] nói âm gian có một "con sông có màu xám", giống như đời Đường có người nói về sông Nại, có thể có sự hiểu nhầm đó là sông Nại. "奈" (nại) *"灰"* (khôi), hai chữ gần giống nhau về nét (địa ngục trong kinh Phật có "khôi hà ngục"[16], có thể do đó mà hiểu nhầm, điều này cũng không thể khẳng định chắc chắn được). Trong tác phẩm ấy có nhắc đến cầu trên sông Nại, nhưng chỉ là để cho những người vô tội đi qua sông, ở đó hoàn toàn không có Minh sứ hay chó dữ đứng trông, còn về người bị trọng tội, thì vẫn giống như trước đây có ghi lại, phải cởi áo lội qua sông, mà trên bờ có nhiều cây cối thì phải cởi áo ra và mắc lên đó. Nhưng có cái không giống như trước đây, đó là những chiếc áo này khi mắc lên đều phải viết rõ tên của mỗi người, sau đó đặt lên xe, chuyển qua cầu, khi qua được sông thì người đó lại mặc vào. Trên người không một mảnh vải đến gặp Diêm Vương thì cũng thật mất mặt, có thể thấy quan dưới âm phủ cũng đang dần dần trở nên "nhân tính hóa".[17]

[15] Nghĩa là: lễ tế rượu của Hoàng pháp sư.

[16] Nghĩa là: ngục ở sông Khôi.

[17] Cây này trong Tuyên thất chí là móc dùng để cho vong hồn treo quần áo, nhưng trong Thanh tỏa cao nghĩa Lưu Phủ thời Bắc Tống, tự nhiên cho nó biến thành một cây cao trăm thước, thân gỗ khô rộng tới sáu mươi vòng. Cây to như thế này không thể mắc quần áo, chỉ có thể làm nơi vong hồn ngồi nghỉ dưới gốc cây. Chỉ là cái cây này cao trăm thước, thân gỗ rộng tới sáu mươi vòng, đây là cây ở đâu, rõ ràng đó là những tảng đá to lớn có hình dạng giống như cây mà thôi.

Tiểu thuyết và kịch nói của hai đời nhà Minh và nhà Thanh nhiều lần có nhắc đến cây cầu bắc qua dòng sông Nại, nhưng mỗi người lại nói mỗi kiểu

khác nhau. Rõ nhất là trong *Tây du ký,* khi Đường Thái Tông vào âm phủ được đi qua cầu sông Nại. Trên sông để vào âm phủ có ba cây cầu, một là cầu vàng, hai là cầu bạc, ba là cầu sông Nại. Dưới chốn âm gian cũng có sự phân biệt đối xử, cầu vàng chỉ để chuẩn bị cho các bậc hoàng đế, vương, tướng, những người trung hiếu, hiền lương, công minh chính đại cũng chỉ được đi qua cầu bạc, còn lại những hồn ma vô công, vô đức chỉ có thể đi qua cầu sông Nại mà thôi. Đó là cây cầu "gió mùa đông thổi liên tục, sóng bằng máu chảy cuồn cuộn và không ngừng vọng lại những tiếng khóc than."

Cầu dài vài mét, rộng chỉ bằng ba cái mụn trên đầu mũi, cao những trăm thước. Bên trên không có lan can để bám, bên dưới có kẻ cướp tác oai tác quái. Gông quấn quanh người. Ngươi hãy nhìn xem, thần tướng ở cây cầu đó rất hung ác, ngang tàng, những hồn ma ác nghiệt dưới lòng sông lại vô cùng khốn đốn, trên nhánh cây có treo những chiếc áo đủ màu xanh, đỏ, vàng, tím... phía đầu tường quay về bờ, người phụ nữ quỳ phục xuống chính là hạng dâm đãng, khi còn sống luôn miệng mắng chửi bố mẹ chồng. Rắn đồng, khuyển sắt tranh nhau xông lên cắn xé, ăn thịt, vĩnh viễn không có đường thoát khỏi dòng sông Nại.

Cuốn *Kế Kim Bình Mai* của Đinh Xán Khang cũng nói đến ba cây cầu, nhưng là vàng, bạc, đồng, nói chung đều gọi là cầu sông Nại. Nhưng không nói đến tư cách của những hồn ma đi qua cầu, bọn họ chỉ có thể bơi qua sông:

Con sông Nại này bắt nguồn từ phía Bắc chốn u minh đại hải, chảy ra một dòng nước vô cùng bẩn thỉu, chạy vòng quanh phủ Đông Nhạc, phàm là người thường thì đều phải qua nơi này. Có ba cây cầu, một là cầu vàng, là đạo Phật, đạo Thánh, đạo Tiên đi về nơi đây, hai là cầu bạc, là thiện nhân, hiếu tử, trung thần, nghĩa sĩ, tiết phụ, trinh phu đi đến nơi này, còn lại là một cây câu đồng, dành cho những người bình dân tốt bụng, hoặc có

quan thanh, hoặc có hương bình, tích đức không rượu tiền, hoặc luân hồi không có trọng tội, hoặc sinh ra trong gia đình giàu có, chuyển sinh quan tước, hoặc nữ hóa thành nam, có nhiều công lao... mới được đi cây cầu này. Tất cả đều có sự phân biệt rõ ràng. Cây cầu thần xuất hiện thì sẽ không có ma, xứng đáng đi cây cầu nào, đi đến bên bờ sông, cây cầu đó sẽ xuất hiện, liền sau đó sẽ có đồng tử dẫn đường, không xứng đáng đi thì cây cầu sẽ không xuất hiện, chỉ có dòng nước đen ngòm mênh mông, chảy cuồn cuộn như sóng biển...

Nhưng trong *Tam bảo thái giám tây dương ký* hồi thứ tám mươi bảy, trên sông Nại lại có duy nhất một cây cầu, chỉ người tốt mới được đi qua.

Chỉ nhìn thấy đằng trước có một con sông máu, đi ngang qua, bên trên có duy nhất một cây cầu gỗ, rộng không quá một thước, vừa tròn vừa trơn. Vương Minh đi đến bên cầu, chỉ nhìn thấy trên cầu cũng có người đi, tràn phan bảo cái (cờ dài và cái lọng quý, còn gọi là tàn quý), tiền hô hậu ứng. Dưới cầu cũng có chỗ ngập máu, có những người buộc phải đi qua đó, bên cạnh lại có nhất đẳng Kim Long Ngân - con bọ cạp, chó sắt, rắn đồng tập trung bên những người đó, người bị cắn, kẻ bị thương. Vương Minh hỏi Phán Quan: "Tỉ phu, đây gọi là cầu gì mà sao thấy nguy hiểm vậy? Có người thì đi được, nhưng lại có người không đi được?" Phán Quan đáp: "Đây gọi là cầu sông Nại, làm ma thì đều phải đi qua đây. Nếu như khi làm người trần, tâm thuật quang minh, hành động chính đại, trong đời không có gì là không dám nói với người khác, không có gì là không dám để trời biết, những người chính nhân quân tử chết xuống âm phủ, Diêm quân đều rất khâm phục và kính trọng, không dám lãnh đạm, lập tức dặn dò kim đồng ngọc nữ, trường phan bảo cái, hướng dẫn quân tử đi trước, người ủng hộ theo sau, đi qua cây cầu này giống như đi dưới đường bằng phẳng vậy. Còn nếu ở trần gian tâm thuật ngu muội, hành động quỷ quyệt, làm trái luân thường đạo lý, làm ngược với lẽ trời, những hạng người này thuộc dạng âm tà tiểu nhân, chết xuống âm phủ, Diêm quân sẽ quát mắng người đi qua cây

cầu này, có khi còn bị ngã xuống dòng sông máu, thì sẽ có Kim Long Ngân - con bò cạp, chó sắt, rắn đồng đến cắn và làm anh ta bị thương."

Trong tiểu thuyết *Thanh lầu mộng,* hồi thứ ba mươi sáu có nói đến cầu sông Nại cao trăm trượng, rộng chỉ có ba phân, giống như trên khe núi hẹp có kẹp một dây sắt, vong hồn dù là thiện hay ác đều không dễ dàng đi qua nơi đây. Mà dưới chân cầu lại là "ao máu bẩn", ở đó có không biết bao nhiêu nam nữ bị chết chìm. Đều là cầu sông Nại mà có đến bao nhiêu cách nói khác nhau, thật sự làm cho người ta không biết phải tin vào đâu.

Nói đến nỗi băn khoăn, đắn đo, chọn lựa, trong *Hồi dương ký* của Trần Thúc Văn có nói: "Vào trong Quỷ môn quan liền nhìn thấy một cây cầu, nhưng trên cầu lại chia làm ba con đường, trong số đó có một đường tên là "sông Nại". Dòng sông dưới cầu rộng khoảng hơn mười dặm, dòng sông ấy không được gọi với cái tên "sông Nại", mà lại định danh là "khổ hải"[18]. Rõ ràng kể chuyện về ma luôn phải biết cách sáng tạo những điều mới lạ, có như vậy mới thu hút được sự chú ý của người nghe. Nhưng nói về sáng tạo, mỗi người đều tùy theo cảm hứng của mình mà viết thành chuyện, kết quả thường giống như kéo của Vương Mã Tử, làm cho người đọc không biết phải theo ai, chỉ cảm thấy tất cà những chiêu trò đó là lừa người mà thôi.

[18] Nghĩa là: biển khổ.

Ma ở thành Phong Đô canh giữ Trường Giang hầu như chưa bao giờ nghe nói về cảnh ở sông Nại. Sông Nại ở nhân gian phải đi đến chân ngọn núi Thái Sơn để tìm kiếm, bởi vì thực tế thì muộn nhất là đến đời Nguyên - Minh, con người đã quy ước sông Nại trở thành ký hiệu của âm phủ, còn tính vị trí, cảnh quan dịch chuyển xuống chân núi rồi. Trong *Tân biên liên tương sưu thần quảng ký - Hậu kỳ* có đoạn viết:

Lý Cư vốn là người tài ba vùng Vệ Châu. Ông là tướng quân triều Chu Thế Tông, có tài cưỡi ngựa, bắn cung, lập nhiều công lớn cho đất nước.

Sau này ông mắc trọng bệnh, nhiều người đến hỏi ông về bệnh tình, nhưng ông không nói, chỉ nói với đám đông rằng: "Ta đã truyền lại cho tướng quân Nại Hà." Nói xong, ông ngừng thở. Hậu nhân lập đền thờ ông tại đây. Đến năm Khai Nguyên triều vua Đường Huyền Tông, phong ông là Linh phái tướng quân, năm Đại Trung Tường Phù triều vua Tống Chân Tông phong ông là Linh Hầu.

Cách nói "Nại Hà tướng quân" là đời thứ năm cũng được, Tống Chân Tông phong hầu cũng không có gì cần bàn cãi, tất cả những cái đó chỉ là do hậu thế truyền miệng, nên tin tưởng hay không cũng cần xem xét kỹ lưỡng. Có thể tin tưởng tuyệt đối có lẽ chỉ có người viết và biên tập *Sưu thần quảng ký* là Tần Tự Phổ, người đời Nguyên mà thôi. Mà điều tra rõ hơn trong cuốn chín, *Đại sử* của Chí Long, thực sự là có tìm thấy vị trí của sông Nại:

"Miếu của Linh Phái Hầu nằm tại Châu Thành, phía đông con sông Nại. Tên thần gọi tên cũ là Nại Hà tướng quân, đời sau thông Tuyền Hầu."

Sơn Đông khảo cổ lục của Cố Viêm Vũ cũng nhắc đến "Biện Nại hà":

"Nhạc từ tây nam, có nước chảy từ trong cốc ra, thành kênh rạch phía tây, từ đại dụ khẩu đến phía tây Châu Thành gọi là sông Nại, bên trái núi Cao Lý, có cầu bắc qua, gọi là "cầu sông Nại", truyền thuyết truyền từ đời này sang đời khác nói về hồn ma người chết không được phép đi qua cầu thì gọi là "Nại hà" (phải làm sao). Việc này cũng giống như Hán Cao Đế nói "bá nhân giả, bách vu nhân dã" vậy.

Núi Cao Lý cũng chính là Cao Lý Sơn, hiện tại núi Cao Lý nằm trong khu vực Thái An, giờ đã trở thành công viên, từ bến tàu đi bộ theo hướng đông nam chỉ vài phút là tới nơi. Bởi vì miếu Phong Đô đại đế ở đó đã bị thiêu hủy từ lâu, không còn người đến đó để thăm quan, chiêm ngưỡng.

Quả thực đến nay tôi cũng chưa thực sự nhìn thấy cái gọi là ngọn núi phía bên trái sông Nại. Mà Thái Sơn khai hợp vạn tượng, thư thái nghìn phương, ở đó cũng không cần thiết phải dùng đến những thứ của ma giới để mời chào, có lẽ sông Nại và kênh Phong Đô, Vọng Hương Sầm dần dần rồi sẽ bị du khách lãng quên thôi.

Nói về cầu ở sông Nại, trong cuốn Thiết địch hưởng tỏa ký, Lâm Thư - tác giả thời cận đại có viết:

Người Mãn (Phúc Kiến) cho rằng, muốn người chết được hưởng phúc dưới âm phủ thì phải mời đạo sĩ đến làm lễ tưới rượu cầu phúc. Đến ngày thứ bảy người ta lấy các tấm gỗ chống lên thành cây cầu, dưới cầu có đốt đèn hoa sen, bên trên gắn rất nhiều lọng mành, người ta gọi đó là cầu sông Nại. Người ta làm một hình nộm giấy tượng trưng cho xác người chết, sau đó đặt hình nộm đó vào trong một chiếc xe giấy, con cháu dắt chiếc xe ấy qua cầu, rồi đem hóa bên ngoài cổng. Sau đó, hỏi đạo sĩ làm như vậy người chết sẽ được đi tới đâu, đạo sĩ đáp: "Cái đó thì ta chịu"

Bác y đình

Lúc đầu xem mấy chữ "bác y đình" này lại cho rằng là để thuận tiện cho các linh hồn cởi áo bên sông Nại mà lập ra một cái đình để che mưa che nắng. Nhưng một chữ "bác" lại làm cho người ta nghi hoặc, ví như cướp bóc, bóc lột... hay đại loại như vậy, đều ám chỉ một bên mạnh ào đến chèn ép một bên yếu. Vì thế nơi đây không đơn thuần là chỉ nơi hồn ma tự sửa sang dung mạo của mình (hay chính là chỗ để hồn ma cởi bỏ trang phục), mà nó giống như cách mà các đồ tể thường dùng để lột da. Mặc dù vậy, địa điểm của nó rất cụ thể và dễ bị phát hiện. Bác y đình này được khẳng định cũng từ sông Nại mà ra.

Vong hồn trước khi đi vào âm phủ cần phải cởi bỏ trang phục, cách nói này đã từng được nói đến trong *Tuyên thất chí* của Trương Độc, một học giả đời Đường. Và nguyên nhân của hành động kỳ lạ đó thật không dễ dàng cắt nghĩa, có thể là cuộc đời một con người, khi đến thì như con nhộng, còn khi đi thì lại không một mảnh vải che thân, mà sau khi con người chết, xuống dưới âm phủ thì cũng chỉ là linh hồn, con người có linh hồn nhưng quần áo thì không có hồn, vậy từ lúc anh ta thoát khỏi cái vỏ đó thì linh hồn đã trở thành linh hồn không mảnh vải che thân. Nhưng bất luận thế nào thì đó cũng là cách nói của dân gian về việc phải cởi bỏ trang phục trước khi qua sông Nại. Và cũng chính từ cách nói này mà đến đời nhà Thanh lại biến thành cách diễn đạt tinh tế hơn - "Bác y đình" dưới âm phủ. Cũng giống như việc những kẻ phạm tội ở trần gian, khi vào tù cũng phải cởi bỏ quần áo của mình và khoác lên quần áo phạm nhân. Điều này một cách vu vơ cũng có thể là nguyên nhân để tạo nên "bác y đình" trong thời hiện đại. Trong *Chỉ trung nhân ngôn* của Thanh Trình Chỉ Tường, quyển hai, *Ngô mưu* có đoạn:

Quỷ tay sai dẫn Ngô Du thập điện, uy phong lẫm liệt, không cần phải đợi, mà cầu sông Nại, Bác y đình, Vọng hương đài đều đã được nhìn thấy.

Trong *Bắc đông viên bút ký kế biên* của Lương Cung Thần, quyển bốn, *U du xác ký*[19] có ghi chép một câu chuyện kể lại sự việc tương tự như vậy một cách cụ thể, tỉ mỉ hơn.

[19] Nghĩa là: ghi lại chuyến du lịch dưới âm phủ.

Nhìn thấy ngoài trung đường quần áo chất thành núi, người đứng bên cạnh nói đây là Bác y đình, bất luận là có tội hay vô tội, quần áo mặc lúc lâm chung đến nơi đây đều phải cởi bỏ hết.

Ở đây nói về Bác y đình đã có sự thay đổi, bất luận là có tội hay vô tội, chỉ cần là quần áo mặc trên người thì đều phải cởi ra. Nhưng theo các

trường hợp trước đây ở âm phủ, đó là nơi để bắt tù binh, không phải nơi tiếp đón của triều đình, có lẽ là nơi chỉ để hỏi tội, hỏi phúc của hồn ma, bất luận họ là hoàng thân quốc thích hay là bách dân trăm họ. Đương nhiên ý nghĩa của nó ở đây là việc thay đổi phong tục tang lễ không để vượt cấp.

Thanh lâu mộng, hồi thứ ba mươi tư lại đưa ra một cách nói hoàn toàn khác, ý nghĩa của Bác y đình là để cho những linh hồn có tội mặc da cầm thú lên người.

Đến đầu cầu Tiên, rộng đến mười phân, nhìn thấy ở giữa có một ngôi đình, có rất nhiều người ở đó. Ấp Hương đến gần để xem, thấy nhiều người đang vây quanh một người con gái đang giặt quần áo ở đằng xa, trong khoảnh khác đã cởi sạch sẽ, trên người không mảnh vải che thân. Ấp Hương nhìn thấy vậy, đột nhiên rất tức giận, nói: "Chốn âm phủ thật là vô phép tắc, vì sao bắt một người con gái đoan trang lột bỏ hết quần áo như vậy?" Quỷ tay sai đáp: "Nơi đây là Bác y đình, phàm những phụ nữ ở trên dương thế không hiếu thuận với cha mẹ đều phải lột bỏ hết quần áo, để cho họ thay phận đổi kiếp, đi làm súc vật." Quỷ tay sai vừa nói xong, thấy người con gái đó bò dưới đất, một tướng quỷ liền đem tấm da dê đặt lên người cô gái đó, mặt người thân vật, kêu khóc thảm thiết. Lại một tướng quỷ khác đem mặt của con dê ấn vào mặt của cô gái, rồi chỉ nghe thấy tiếng kêu của con dê, diện mạo xinh đẹp lúc trước đã không còn.

Bất kể là người hay là ma, bị lột trần như nhộng đi qua công đường, chỉ cần nghĩ đến thôi cũng thấy bất nhã lắm rồi, cho nên phong tục tang lễ ở một số nơi đã đưa thêm một điều khoản vào. *Trung Hoa toàn quốc phong tục chí,* tập ba, *Hồ châu vấn tục đàm* cũng có đoạn ghi chép về Bác y đình như sau:

Tất cả mọi người sau khi chết đi đều phải đi qua đình này, nếu không sẽ bị ác quỷ lột bỏ. Về quần áo mặc lúc lâm chung, người nhà khi tụng kinh

niệm phật siêu độ cho người chết cũng có câu: "Quần áo trên người của ngươi ở đâu mà có, quần áo trên người của tôi ở nhà có, văn võ vá thái lâm, Quan Âm nương nương khai lĩnh làm vòng dây cài khuy áo, khi mặc đi rồi không quay trở lại." Vừa mặc vừa niệm, họ nghĩ rằng như vậy người chết sẽ không bị lột quần áo nữa.

Vẫn còn một điển tích rất độc đáo không thể không nói tới ở đây, đó là trong tiểu thuyết chương hồi viết về hàng rào phòng vệ núi của Sơn Đại Vương, không hề có Bác y đình[20], không làm gì cũng bị "Ngưu tử" mổ lồng ngực moi tim. Việc làm này không biết có nhằm mục đích hòng đạt được linh cảm từ dưới âm phủ hay không?

[20] Theo Thuyết nhạc toàn truyền của Tiền Thái, người đời Thanh, hồi ba mươi ba.

Vọng hương đài[21]

[21] Nghĩa là: đài cao nhìn về cố hương.

Vọng hương đài cũng là một trong những cảnh dưới âm phủ mà nhiều người biết đến, tên gọi có ý nghĩa du nhập từ nhân gian vào. Vương Bột, người đời Đường đã từng có lời thơ gợi nhắc: *Cửu nguyệt cửu nhật Vọng hương đài,* với Đỗ Phủ thì đó là *Cộng nghênh trung sứ Vọng hương đài,* hay *Giang thông thần nữ quản, địa cách Vọng hương đài.* Nói đến Vọng hương đài ở Thành Đô, nơi Vương Dương Tú thời Tùy - Thục xây dựng nên, Ngô Dung, đời Đường có câu thơ: *Thích liên hoang thú tần tần hỏa, thiên tuyệt khiên vân vọng vọng lôi, tạc dã thu phong dĩ dao lạc, ná kham canh thượng Vọng hương đài,* Trương Thuấn Dân, người đời Tống viết: *Bạch cốt tự sa sa tự tuyết, tướng quân hưu thượng Vọng hương đài.* Nói đến Vọng hương đài ở ngoài biên giới, truyền lại rằng xây dựng nơi đây là vì tướng quân nhà Hán, Lý Lăng, cũng có nghĩa là lão võ leo lên một đài cao, vì leo lên đài cao để hoài niệm về cố quốc, nên đặt tên là "Vọng hương

đài", nhưng hoàn cảnh của ông ta như vậy là vì không có tiền để tự xây cho riêng mình một vọng đài kiên cố.

Vọng hương đài này du nhập vào âm phủ có thể là từ thời nhà Tống, nhưng cũng chưa chắc chắn lắm. Hồng Mại, người thời Nam Tống khi viết cuốn *Di kiên bính chí,* quyển chín, *Nhiếp Bôn Viễn thi* có ghi lại việc hồn ma của Nhiếp Bôn Viễn làm một bài thơ thất luật, câu cuối cùng là: "Hồi thủ lâm xuyên quy bất đắc, u trung hư khủng vương vọng đài." (Nhiếp Bôn Viễn ở thời Bắc Tống những năm cuối làm sứ giả đến nước Kim để cầu hòa bình, ông đã đem cả ngọn núi Tây Sơn cắt cho Kim Lỗ, vì thế khi ông ta quay trở về, đi qua Giáng Châu, người ở Giáng Châu vô cùng tức giận, liền bắt ông ta kéo lên tường thành, "quyết kỳ mục nhi phụ chi" rồi.) Nhưng "u trung hư khủng vương vọng đài", cần phải dùng cách đọc thơ để lý giải, cũng có thể nói là dùng câu chuyện Vọng hương đài của Lý Lăng, chưa hẳn lúc đó dưới âm phủ đã có tục Vọng hương đài, nhưng dù thế nào đi nữa, thì ở đây đã có sự liên kết Vọng hương đài ở trần thế với âm phủ làm một.

Đến thời Nguyên, Vọng hương đài đã chính thức có ở âm phủ, ngoài những vở Kinh kịch thời Nguyên thường thấy nhắc đến ra, trong *Thủy hử:* "Răng cắn chặt, ba hồn đến trong uổng (oan) tử thành, cuống họng khô rát, bảy hồn tập trung trên Vọng hương đài", nổi danh từ rất sớm cùng với uổng tử thành và trở thành đại danh từ dưới âm phủ. Đến thời Minh Đại, Vọng hương đài thường xuyên được gặp trong văn thơ, tiểu thuyết, và nổi tiếng nhất đương nhiên là *Mẫu đan đình hoàn hồn ký,* sau khi Đỗ Lệ Nương chết, linh hồn được thần Hoa Lĩnh đưa đến Vọng hương đài, từ đó có thể nhìn thấy phụ mẫu ở Dương Châu. Còn *Tam bảo thái giám tây du ký,* hồi tám mươi bảy, miêu tả càng cụ thể, tỉ mỉ hơn:

Vương Minh đi theo Thôi phán quan, đi một hồi, chỉ nhìn thấy bên trái có một tòa đài rất cao, bốn phía xung quanh được xếp bởi đá, cao tầm mười trượng, hai bên trái phải là đường đi bộ, bên trái là đường lên, bên

phải là đường xuống. Dưới đài có vô số người, người đi lên, người đi xuống, người đi lên đều có tâm trạng ưu phiền, người đi xuống thì nước mắt hai hàng. Vương Minh liền hỏi nhỏ: "Tỉ phu, tòa đài kia có tên là gì? Vì sao có nhiều người ở đó khóc vậy?" Phán quan đáp: "Cậu cả, người có điều không biết, đa số người phàm trần khi chết, ngày đầu tiên đều tập trung ở miếu thổ địa nơi mình sinh sống. Ngày thứ hai được giải đến miêu Đông Nhạc, gặp Thiên tề nhân thánh Đại Vương, đặt số trước. Ngày thứ ba mới đến chỗ chúng ta là Thành Đô quỷ quốc. Khi đến đây, tâm của anh ta vẫn chưa chết. Diêm Quân vốn có một hiệu lệnh, đồng ý cho anh ta lên trên đài này, hướng về phía quê nhà, mọi người khóc một trận to, lúc đó tâm mới chết, vì thế tòa đài này có tên là Vọng hương đài."

Lại có một Vọng hương đài khác do Địa Tạng Bồ Tát tạo ra, Bồ Tát vốn có tấm lòng nhân ái, đài này được dựng lên cũng là vì thấy thương xót cho những hồn ma nhớ quê hương. Hồng lâu phục mộng, hồi bảy mươi bảy có đoạn viết:

Chân phán quan chỉ đạo: "Nơi đây có tên thôn Cao Lý, Địa Tạng Phật từ bi tạo nên cao đài, chính là nơi mà gọi là Vọng hương đài. Những người phàm chết sau bảy ngày, đến đài nhìn về phía quê nhà, cũng là kết thúc mọi việc của một đời, từ đây sẽ biệt ly gia đình mãi mãi.

Chỗ này nói là Vọng hương đài ở thôn Cao Sơn, đó là điều tự nhiên mà tác giả cuốn tiểu thuyết tùy ý cho thêm vào. Nhưng rốt cuộc Vọng hương đài ở phương nào dưới âm phủ, ở mỗi cuốn sách lại có cách nói khác nhau. Huyện Sơn Tây Bồ, miếu Đông Nhạc có Vọng hương đài, được đặt tại Bát điện đô thị Vương ở bên cạnh cầu sông Nại. Đó chỉ là tính hình tượng hòng thu nhỏ cảnh quan lại, thu nhỏ một cách tối đa có thể. Dự đoán đặt ở khu vực Bát điện (thập điện Diêm La ở đó là nơi "tập hợp làm công chế", năm vị ngồi vào một phòng rộng không đủ ba mươi mét vuông, còn phải dành ra một chỗ để khảo vấn hồn ma), âm phủ không thể không có Vọng hương đài,

vì thế tìm một nơi đất trống đặt ở đó, thực tế cũng không nhất thiết phải đặt ở Bát điện.

Trong *Liêu trai chí dị* có câu chuyện *Canh thập bát,* Vọng hương đài là nơi vào cửa âm phủ, nhưng không yêu cầu tất cả hồn ma đều phải ở đó. Ở đây có chút khác biệt so với người trần thế, nên có tên gọi là "tư hương địa" thì cách nói này có vẻ hợp lý hơn:

Nhìn thấy có một đài cao, người đến đó rất đông, kẻ lên người xuống, nghe người ta nói đây chính là "Vọng hương đài". Tập trung nhiều người ở đây, đứng lộn xộn chờ đến lượt mình vào. Nếu có người chống lại thì hoặc bị đạp xuống, hoặc mất cơ hội lên đài. Chỉ khi nào đọc đến canh, thì mới được vào, số lượng mười cấp, từ người đầu tiên cho đến người cuối cùng. Ngẩng đầu nhìn, cửa nhà, khuôn viên của gia đình đã ở ngay trước mặt. Nhưng bên trong nhà âm u, giống như mây phủ, đau thương, buồn khổ đến khôn cùng.

Trong *Thuyết nhạc toàn truyền,* hồi bảy mươi mốt cũng đề cập đến nội dung tương tự như ở *Liêu trai,* cả hai đều cho rằng: Vọng hương đài nằm trong Quỷ môn quan, nếu nhảy xuống Vọng hương đài thì sẽ không thể quay lại trần thế:

Hà Lập qua Quỷ môn quan, nhìn thấy một tòa đài cao, Hà Lập hỏi: "Xin hỏi, đây là nơi đâu?" Người hầu nhanh nhảu đáp: "Đây chính là Vọng hương đài." Trong phút chốc đến trước đài, Hà Lập hỏi: "Ta lên trên nhìn một chút, không biết có được không?" Người hầu lại đáp: "Tôi đi lên cùng ông." Hai người lên trên đài, Hà Lập nhìn một chút, quả nhiên là thành Lâm An ở ngay trước măt. Người hầu hỏi: "Ông nhìn thấy quê nhà rồi, sao còn không đi về?" Có người chen lấn ở phía sau, Hà Lập chỉ kịp kêu lên một tiếng rồi trượt chân ngã xuống đài, bỗng nhiên bừng tỉnh, thì ra đó chỉ là giấc mộng, một cơn ác mộng!

Trong *Ngọc lịch bảo sao* cũng có nhắc tới Vọng hương đài, nhưng việc sắp xếp Vọng hương đài thật không hợp tình, hợp lý. Đã đem đài đặt ở Ngũ điện Diêm Vương, đồng thời lại không phải tất cả các hồn ma đều được phép đi vào:

Ngũ điện Diêm La Vương thiên tử nói, hôm nay đến bổn điện, quỷ phạm tội, tạo nghiệp chướng, chuyên làm việc ác, không cần phải nhiều lời. Ngưu đầu mã diện, dẫn ra cao đài nhìn một chút là được. Thiết kế đài này có tên gọi "Vọng hương đài", mặt giống như cái lưng còng, nhìn về ba hướng đông, tây, nam, độ cong tám mươi mốt dặm, đằng sau giống như dây cung. Ngồi bắc kiếm thúc làm thành, đài cao bốn mươi chín trượng, xây sáu mươi ba bậc, người hiền lương không đi vào đài này, có công hai bình, nhưng đã chết, chỉ có ác quỷ, đứng từ đó nhìn về cố hương rất gần, có thể nghe thấy giọng, nhìn thấy hành động của người thân, từ người già đến trẻ nhỏ, từ nam đến nữ, thấy họ không thực hiện di chúc, không dạy dỗ được, khổ vì tranh chấp tài sản, nam thì muốn lấy vợ mới, nữ thì muốn đi lấy chồng khác, tài sản ruộng điền bị che giấu, phân chia bè phái...

Đằng sau vẫn còn rất nhiều, đại ý là gọi đám tội hồn xem tình cảnh gia đình mình sau khi mình chết, nhà tan cửa nát, sau khi để họ phải chịu cực hình trên cơ thể, trong lòng lại chịu thêm một lần giày vò nữa. Tâm lý tác giả *Ngọc lịch bảo sao* có vẻ có chút biến thái, chuyên dùng cách khủng bố nhân thế làm nhiệm vụ của mình, đối với việc cải tạo Vọng hương đài cũng vậy. Nhưng nhân gian cũng có biện pháp để đối phó. *Trung Hoa toàn quốc phong tục chí,* trong phần *Thọ xuân mê tín lục* có nói: "Người chết sau ba ngày lên Vọng hương đài cấm người nhà khóc lóc. Tục cho rằng người chết không biết vì sao mà chết, đi đến Vọng hương đài mới biết mình đã làm quỷ, nếu khóc lóc sẽ làm cho người chết càng đau khổ hơn." Trên thực tế, người nhà khóc ròng ba ngày liền, nếu không thay đổi chút không khí thì cũng không chịu nổi!

Ác cẩu thôn[22]

[22] Nghĩa là: thôn chó dữ.

Nói về chuyện ác cẩu dưới âm phủ, xuất hiện sớm nhất có lẽ là ở lời dẫn trong tập *Di kiên chí bổ,* đem hai con ác khuyển đứng canh giữ bên cạnh cầu sông Nại. Căn cứ vào nguồn gốc từ thần thoại Ấn Độ, Diêm Vương vốn có bốn mắt khuyển, nhưng ở cổng âm phủ lại thường có ác cẩu canh cổng, đó mới là điều quan trọng. Sau này, do trạm kiểm soát của cầu sông Nại bị tháo dỡ, ác cẩu thất nghiệp, không có nơi nào để ở, liền được đem đến nuôi tại thôn ác cẩu, để nó tự tìm kế sinh nhai.

Thôn ác cẩu chỉ gặp trong tiểu thuyết thời nhà Thanh, nhưng trong các tác phẩm lại có cách nói không thống nhất. Trong đó, câu chuyện được nhiều người biết đến nhất là *Thuyết nhạc toàn truyền* của Tiền Thái, người sống ở đầu đời Thanh, hồi thứ bảy mươi mốt có đoạn viết về việc làm thế nào để xuống âm phủ:

Gặp cảnh gió bão thê thảm, mây đen kéo đến ùn ùn, nghe nói trong một làng kia có ác cẩu, hình dáng giống như sói, tính tình thì hung dữ như hổ. Nếu thấy quỷ tay sai áp giải những người phạm tội đi qua, chúng sẽ lao lên mà cắn, có người bị cắn mất tay, cũng có người bị cắn mất bụng... Chứng kiến cảnh tượng ấy chẳng ai không run sợ mà bám chặt lấy người đi cùng, vừa đi vừa cầu khấn cho qua nhanh thôn ác cẩu.

Trong cuốn *Hồng lâu mộng,* hồi mười bảy có đoạn viết: “Giả mẫu đi chơi ngắm cảnh ở thôn ác cẩu, Phong tỷ tỷ hướng về phía Vọng hương đài mà ngắm nghía với vẻ rất tò mò.” Trong chuyện có nhắc đến thôn ác cẩu nhưng có vẻ như không có gì đáng sợ cả, ngược lại, còn tạo cho người đọc cái cảm giác giống như đang đi du lịch trong vườn thú vậy.

Khi mọi người đang xem rất vui vẻ, bỗng từ trong ngôi nhà tranh có một con chó chạy ra. Con chó này từ trước đến giờ chưa gặp những người này bao giờ, nó đứng từ đằng xa sủa lên, chó nhà này sủa sẽ làm cho chó của các nhà khác nghe thấy, cũng chạy ra ngoài đường mà sủa theo, chỉ một lát đã tụ họp cả trăm con chó to, bao vây Giả mẫu đang đứng đợi ở cây cầu. Giả mẫu và Phong tỷ tỷ đều cảm thấy vô cùng sợ hãi, Giả Châu liền gọi người đem những chiếc bánh bao đã hấp sẵn tới, có khoảng hai trăm chiếc, ném ra khắp tứ phía cho chó ăn. Những con chó đó lập tức đi tranh giành đồ ăn và không còn sủa nữa. Giả mẫu hỏi: "Các ngươi chuẩn bị sẵn những chiếc bánh bao hấp, thì ra biết ở đây có chó à?" Giả Châu đáp: "Nơi đây có tên là thôn ác cẩu, vốn là địa danh có tiếng, nếu muốn đi qua đây thì phải chuẩn bị sẵn đồ ăn, nếu không thì cho dù có đánh, có quát nó cũng sẽ không sợ, nếu đánh nó nhiều quá, nó sẽ xông lên cắn lại. Ở đây vốn là nơi có phong cảnh đẹp nổi tiếng và có tên gọi là "ác cẩu thôn đạp thanh", một trong tám cảnh đẹp ở dưới chốn âm phủ này."

Mang tâm thái của người đang say sưa hòa mình vào những trò chơi dân gian thuở xưa mà viết thành thơ, thành truyện nhưng bên trong lại phản ánh về một đám tang truyền thống của đời Thanh, *Trung Hoa toàn quốc phong tục* chí đã cho thấy sự sinh động, hấp dẫn khi đề cập đến một phong tục trong đám tang ở Nam Kinh và trong đó có nhắc đến một đặc sản độc đáo là "bánh đánh chó": "Tục truyền rằng người chết nhất định phải đi qua thôn ác cẩu, nhất định phải đeo bảy tấm long nhãn vào cổ tay, mặt quay về phía cầu là được. Làm theo phong tục này, sẽ tránh bị ác cẩu cắn." Những chiếc bánh đánh chó này ở nơi khác có thể là bánh bao, chính là những thứ mà Giả Châu chuẩn bị khi đi qua nơi đây.

Có sách nói đến việc đi qua thôn ác cẩu, ngoài việc gặp ác cẩu còn có "Loạn quỷ trang", tức là có một đám quỷ đói lôi kéo đồng bọn đến đòi tiền, ở đây chúng tôi xin phép không nhắc đến vấn đề này, tránh việc độc giả liên

tưởng, cho rằng đó chỉ là một vài chiêu trò để thu thêm tiền vé vào cửa khu du lịch.

Phá tiền sơn

Lang tích tam đàm của Lương Chương Cự, quyển bốn có viết về việc dưới âm phủ có "Phá tiền sơn", nhưng câu chuyện mới chỉ dừng lại ở chỗ gợi nhắc ra sự việc mà chưa dụng tâm trong việc giải thích cụ thể hơn:

Phục dẫn linh nữ đi thăm địa phủ, người phàm có nghe đến dao sơn hàn lạnh, kiếm gỗ giường sát, gặp một chiếc cối giã gạo, nước chảy đá ép đó là những tầng địa ngục, lại như Quỷ môn quan, Vọng hương đài, Mạnh bà quán, Phá tiền sơn... không có nơi nào là không đi qua.

Dung Nột, văn nhân thời nhà Thanh trong tác phẩm *Chỉ văn lục,* quyển năm, *Tất phát* có giải thích về việc dùng Phá tiền sơn, đồng thời cũng nhắc đến một nơi gọi là Lạn ngân sơn khác:

Dưới âm phủ dùng giấy làm tiền, cũng giống như ở trần gian người ta dùng đồng đúc tiền vậy. Tiền ở trần thế có to, có nhỏ, tiền dưới âm phủ cũng có đẹp, có xấu. Trần thế tạo ra tiền, đồng bảy chì ba, và có thể cho vào lò tái chế, tiền dưới âm phủ là do người trần thế tạo ra, nếu như tiền bị rách, nát, đồng thời giấy nhiều, thiếc ít, bạc thỏi, tuy có hóa nhiều tiền vàng xuống, nhưng dưới âm phủ không dùng đến, tiền sẽ bị bỏ vào Phá tiền sơn, bạc thì được bỏ vào Lạn ngân sơn. Mà vàng thỏi, bạc thỏi trong nhân gian, dưới âm phủ cũng như vậy, nhưng màu sắc khác, thỏi bé tính làm ba phân, thỏi nhỡ tính làm năm phân, thỏi to cũng chỉ là một đồng tiền mà thôi.

Thì ra những cảnh đó cũng chẳng khác nào đống rác có màu sắc chói lóa của tiền vàng, chuyên dùng để tích lũy những đồng tiền, thỏi bạc mà trên trần gian hóa xuống nhưng không hợp quy cách. Những thứ đó ở trên trần thế hóa thành bụi, đến âm phủ đều biến thành bạc, đồng, nhưng do tình trạng bị rách nát, hoặc do thành sắc không đủ, không thể lưu hành trên thị trường thì đều trở thành phế phẩm, vì vậy cũng có thể coi những thứ phế phẩm chất thành đống này là kho nguyên liệu. Dưới âm phủ có một bộ phận chuyên đúc tiền cho các quan lớn trên trần thế, nguyên liệu có thể được lấy từ Phá tiền sơn.

Trong *Độc dị chí* của Lý Nhũng có kể một câu chuyện như sau: Tể tướng Lô Hoài Thân không mắc bệnh mà chết, con cái của ông vô cùng đau đớn, thương xót, khóc than thảm thiết. Phu nhân của ông là bà Thôi thị, vì

không muốn thấy các con mình quá đau khổ, liền nói: “Ta biết, số của lão gia nhà ta vẫn chưa tận, bởi ông là một người thanh liêm chính trực, rất nhiều người hối lộ cho ông, mà ông không hề tơ hào lấy một đồng. Còn có

người tên Trương Thuyết cùng làm tể tướng như ông, hắn ta nhận hối lộ nhiều đến mức của cải có thể chất thành núi, nhưng hiện tại vẫn sống khỏe mạnh. Trương Thuyết không chết mà lại bắt lão gia nhà chúng ta chết trước, ông trời đúng là không có mắt thật rồi!" Khi màn đêm buông xuống, Lô Hoài Thân quả nhiên sống lại, nói: "Phu nhân à, lý do không phải như vậy đâu, dưới âm phủ có đến ba mươi cái lò lớn, không phân biệt ngày đêm, họ không ngừng không nghỉ đúc tiền bạc cho Trương Thuyết, bản thân tôi đến một cái cũng không có, làm sao có thể so bì với họ được chứ!" Nói rồi dặn dò phu nhân, ông liền nhắm mắt và vĩnh viễn không bao giờ tỉnh lại nữa.

Nghe những câu chuyện như vậy chắc hẳn sẽ khiến cho nhiều người hả hê, đắc ý. Nếu như tiền bạc trong nhà tham quan có được là do dưới âm phủ tạo ra cho ông ta, vậy thì lai lịch số "tài sản bất minh" kia cũng không cần phải truy cứu làm gì nữa. Từ trần gian hóa vàng hối lộ âm phủ, dưới âm phủ lại đúc tiền cho quan tham trên trần gian làm âm phúc. Cách rửa tiền vô cùng sạch sẽ, kiểu hai bên cùng có lợi, thật là một điều quá diệu kỳ.

Huyết ô trì[23]

[23] Nghĩa là: ao máu bẩn.

Huyết ô trì còn có tên huyết hà trì, bắt nguồn từ "huyết hà"[24] trong kinh Phật. Trong *Phật thuyết hóa thủ kinh,* quyển bảy có ghi lại: "Người chết hóa thành bốn ao máu lớn, bên trong đầy máu, và ao bên cạnh chảy bốn dòng sông máu." Việc này không liên quan đến địa ngục, vào cuối đời Đường, trong *Lăng nghiêm kinh,* quyển tám cũng dẫn ra một câu chuyện: "Câu chuyện có huyết hà, khôi hà, nhiệt sa, độc hải, dung đồng, quan thiệt chí sự." Trong đó huyết hà đã trở thành một cực hình dưới địa ngục. Trong *Chính pháp niệm xử kinh,* quyển mười có nhắc đến một việc: gọi to mười sáu xứ nhỏ dưới địa ngục, cái thứ sáu có tên "Huyết hà phiêu", đồng thời những người vào địa ngục là người tự làm hại bản thân mình và tu hành ngoại đạo kiểu như "đi vào trong rừng, chân treo lên cành cây, đầu dốc

xuống dưới, dùng dao bổ mũi, hoặc tự đập vào trán mình, tự làm chảy máu mình rồi dùng lửa đốt máu, hy vọng sẽ được thăng thiên". Những kiểu người tu theo đạo đối xử tàn nhẫn với chính mình, nhưng cuối cùng vẫn không đắc đạo thành tiên mà ngược lại còn "bị nhốt vào nơi dành cho kẻ ác, rồi đến huyết hà phiêu dưới địa ngục, chịu nhiều khổ cực", đều thật là ngu muội.

[24] Nghĩa là: sông máu.

Nhưng không biết bắt đầu từ khi nào, chốn địa ngục này khi du nhập vào Trung Quốc biến thành nơi dành riêng cho phụ nữ. Lương Cung Thần, người thời nhà Thanh trong cuốn *Bắc đông viên bút lục kế biên,* quyển năm, *Phật mẫu háo đạo* có viết: "Trước tiên sẽ gặp dòng sông máu mênh mông không thấy bờ bến, có vài người phụ nữ hoặc ngâm mình trong nước, hoặc đang đầu tóc bồng bềnh, hoặc nằm nghiêng người để ngủ, máu chảy vây quanh thân mình." Những người phụ nữ này phạm tội gì mà bị rơi vào dòng sông máu, điều này thật không dễ nói. Nhưng trong *Tử bất ngữ* của Viên Mai, quyển hai mươi hai, *Ngô sinh lưỡng nhập âm phủ* có trích dẫn một đoạn, từ đó ta có thể lý giải phần nào nguyên nhân xảy ra sự việc này. Trong một thời gian rất dài, con người cho rằng phụ nữ bị vào dòng sông máu bẩn là vì người phụ nữ đó từng sinh con, trong câu chuyện này, Viên Mai mượn lời nói của một cụ bà để phản bác:

Ngô hỏi: "Nương tử của tôi chưa hề sinh con, hà tất phải vào nơi đây?" Cụ bà đáp: "Trước đây ta đã nói rõ, ao này không phải để cho những người từng sinh con đến. Sinh con là điều thường tình ở nhân gian, hà cớ gì phải chịu tội!"

Cách nhìn sai lầm đã bị Viên Mai phản bác, trong *Đàm chân dật sử* cũng có một bản, hồi sáu trong sách nói, người phụ nữ sinh con, bản thân đã có tội "huyết chủng tam quang", còn nếu khó đẻ mà chết, thì tội cộng thêm tội: "Lúc đó oan nghiệt theo người, linh hồn phải chịu tội, Diêm Vương lão tử

rất lợi hại, tra trong cuốn nghiệt bạc, gọi những tên quỷ đầu trâu mặt ngựa dẫn vào ao máu bẩn, không được lộ đầu. Lại có chim ưng và rắn đến mổ, có ác khuyển đến cắn." Cũng đều là máu trong cơ thể con người, nhưng máu từ dưới cơ thể của người phụ nữ chảy ra là loại ô uế, thậm chí còn có chút tà lực và đó chính là lý do vì sao mà mặt trời không được sáng chói như trước nữa cũng là kết quả của "huyết trung". Cách nhìn sai lầm của các thầy mo hầu như có liên quan đến tính thần mật của đạo học. Đạo học lưu đến hạ tầng, thì thường sẽ sinh thành yêu nghiệt, trong mắt họ, phía dưới cơ thể của phụ nữ có một lực ô uế rất lớn, không những có thể làm ô nhiễm môi trường, làm tam quang mất màu, mà trên chiến trường vào thời đó có thể làm vũ khí hồng dịch đại bác của đạn nguyên tử mà biến thành câm. Đầu đời nhà Thanh, Đổng Hàn cũng nhắc đến điều này trong cuốn *Tam phong thức lược:*

Trước tiên là cầm chân kẻ xâm lược ngoài thành, trong thành được bảo vệ hết sức cẩn thận, dùng lực tấn công ba lần, nhưng không thể khắc phục được. Kẻ địch yếu thế, tìm kiếm hàng trăm người phụ nữ, để lộ bộ phận dưới thân, đặt lộn đầu lại, hướng về phía cổng thành trêu ghẹo, rồi nói: "Âm môn trận ", *pháo trên thành đều không thể nổ được. Trần Vĩnh Phúc tướng quân vội vàng tìm tăng nhân, thuật lại chuyện xảy ra, lệnh xích thân lập trận đối khâu, và nói "dương môn trận "*, *pháo của kẻ địch đúng là phải lùi lại phía sau không dám bắn nữa.*

Cách đấu âm dương giữa quan và "phỉ" đều cùng một sư truyền. Đổng Hàn còn nói: "Sau đó đám cướp còn dùng lại vài lần cách đánh này, và thường rất linh nghiệm." Qua đó có thể thấy, uy lực của các thầy mo trong nhân gian nhiều khi cũng khiến cho đại phu tin tưởng.

Nhưng còn kiểu người đần độn bỗng chốc quên mất chính bản thân mình thì bắt đầu từ đâu mà có. Rõ ràng đó chỉ là số ít và những người như thế chỉ nói ra những lời nói ngu muội, vậy là truyền thuyết về dòng sông máu bẩn

chuyên dùng làm nơi dành cho người phụ nữ đã sinh con cũng không còn hợp thời nữa. Từ đây lại xuất hiện một cách nói khác, tất nhiên vẫn là nơi lập riêng cho phụ nữ. Như trong *Tề công toàn truyện,* hồi một trăm năm mươi lại cho rằng:

Những người phụ nữ này, có người không kính bố mẹ chồng, có người không tiếc ngũ cốc, có người không tín thần phật, có người không tôn trọng chồng... sau khi chết đều phải vào ao bẩn uống máu.

Còn Viên Mai thì cho rằng, phải vào ao máu bẩn là những người phụ nữ có hành động độc ác, tàn nhẫn với tì thiếp:

Đi đến một nơi, gặp một vũng máu lớn, người phụ nữ ở bên trong đang khóc than ai oán. Thường nói: "Đây là nơi Phật gia tạo ra có tên gọi "huyết ô trì". Những người vào ao này là những người lúc sinh thời đã rất độc tàn với tì thiếp, phàm là những tì thiếp già gặp máu không ngưng, thì đều vào từ này."

Theo như Kỳ Vân giải thích trong *Việt vi thảo đường bút ký,* quyển chín: "Có người ra đi một cách bất thường, đến cõi âm hỏi âm sứ, nhân gian niệm tụng "huyết bồn kinh sám"[25], có tác dụng gì không? Âm sứ một mực phủ nhận, trong cõi âm không hề có ao máu bẩn, cách nói về dòng sông máu hoàn toàn là lừa bịp, mục đích là để lừa tiền của phụ nữ."

[25] Nghĩa là: đọc kinh sám hối bồn máu.

Kẻ nói điều này chủ yếu là nói với những người phụ nữ cả tin, mà phụ nữ thì không tránh khỏi việc sinh con đẻ cái, lại tưởng rằng như vậy là có tội, mà có tội thì không thể không xám hối, và có bao nhiêu tiền tài đều ra sức làm công đức hết thảy.

Trong *Ngọc lịch bảo sao* lại có nhiều cách lập luận rất hoang đường, trái với đạo lý, duy nhất có việc này là có vẻ hợp tình hợp lý hơn cả, thậm chí cả đàn ông cũng nói vào ao máu, đương nhiên bên trong vẫn có không ít những lời nói ngu muội:

Lập ra cái ao bẩn này, bất luận là nam hay nữ, phàm khi ở trần thế không chăm thần trước phật sau, không kiêng nhật thần, như là ngày Mười bốn, Mười lăm tháng Năm, ngày mồng Ba, Mười ba tháng Tám, mồng Mười tháng Mười, vào những ngày này nam nữ phạm điều giao cấu, thần sẽ giáng bệnh nặng mà chết, sẽ phải chịu nỗi khổ dưới địa ngục, không ngóc đầu lên được. Và nam phụ mà giết, máu chảy thần bếp, phật miếu đường kinh điển là dùng giấy ấn dấu lên, tất cả để lên trên vật tế lễ, chịu qua những khổ cực dưới âm phủ, được giải vào ao máu, vẫn không dễ dàng được xuất đầu lộ diện.

Du Việt trong cuốn *Hữu đài tiên quản bút kỷ,* quyển năm lại nhắc đến một cách nói mới. Du Quân là người ra đi bất thường thuật lại: "Ao máu bẩn chuyên trị nam tử. Phàm là người đàn ông cưới một vợ, không phải vào ao này, lấy người thứ hai sẽ bị vào ao này một lần, cưới ba lần, vào ao này hai lần. Nếu như là người có thiếp, xem số thê thiếp mà biết số lần mình phải vào ao máu." Để ao máu bẩn biến thành địa ngục của những kẻ lắm thê nhiều thiếp, vị Du Quân tiên sinh ra đi một cách bất thường này có quan niệm về nữ quyền, rất giống như trong những lời nói bóng gió của tác giả Du Lý Sơ trong *Quý tị tồn cảo.* Du Việt cho rằng, cách nói của vị bổn gia là "những người háo sắc có thể cai và sẽ không bị như vậy". Quà nhiên không hổ thẹn là đệ tử của Tăng Quốc Phiên, đưa ý kiến của mình nói với âm phủ để sửa đổi, cải tiến cách dùng ao máu bẩn, chuyên dùng để trừng trị những kẻ ngoại tình, và những kẻ cùng nhau chạy trốn, những kiểu không có mai mối theo phong tục tập quán, bất kể là nam hay nữ, đều phải vào đó.

Có người nói dưới âm phủ không có ao máu bẩn, thực tế là có, chuyên để trừng trị những đôi nam nữ không tuân theo lễ nghĩa, có quan hệ bất chính ngoài vợ chồng, tất cả đều phải vào ao máu.

Ao máu bẩn lại trở thành một hình phạt dưới âm phủ, vì thế nó ở gần điện Diêm Vương. Nhưng cách nói xuất hiện sớm nhất lại không phải như vậy. Ở đoạn trước chúng ta có giới thiệu về sông Nại, có sách thì nói ao máu bẩn ở ngay dưới chân cầu sông Nại, chỉ cần trượt chân ở trên cầu là rơi vào ao này, và không phân biệt nam - nữ, thiện - ác. Nghe nói ao máu bẩn ở quỷ thành Phong Đô cũng như vậy, nhưng chỉ là nước nông hơn một chút, bẩn thì có thể, còn máu thì tuyệt đối không có.

Mạnh bà quán

Mạnh bà quán là quán trà nơi chuyên cung cấp canh mê hồn. Tên quán như vậy là do tên của chủ quán là Mạnh bà, còn tên trà cũng giống như "cẩu bất lý"[26] và lấy tên của người để đặt cho tên đồ uống, gọi là "canh Mạnh bà". Đây là quán mà hàng trăm năm nay chưa có bất cứ ai dám giả mạo tên hay ăn cắp thương hiệu cả.

[26] Nghĩa là: chó không để ý tới.

Từ rất nhiều năm trước đây, trong các câu chuyện thần thoại Hy Lạp đã có khái niệm "vong tuyền", hoặc gọi là "vong xuyên", nhưng canh Mạnh bà ở Trung Quốc thì cho đến mãi sau này mới xuất hiện, chính xác là phải đến thời đại nhà Minh, người ta mới bắt gặp có sách viết về vấn đề này và điều này thật sự làm cho người ta cảm thấy xấu hổ. Nhưng trước khi xuất hiện thứ canh mê hồn này thì đã có những cách nói khác nhau về trà dưới âm phủ và trên trần thế. Vì sao lại có sự không đồng nhất trong cách nói như vậy? Bởi vì có người mặc dù đã xuống âm phủ rồi nhưng vẫn chưa được hoàn dương, cho nên không thể uống trà dưới âm phủ được. Bởi một khi đã uống vào rồi thì không bao giờ có thể quay trở về trần gian được nữa. Trong

tập *Thái bình dị ký,* cuốn ba trăm tám mươi lăm có tên gọi *Huyền quái dị* viết: Thôi Thiệu sau khi đến âm phủ, được vị Vương phán quan đến gặp mặt. Khi có người mang trà tới, vị phán quan nói: "Đừng uống, đây không phải là trà ở nhân gian đâu!" Cuốn thứ tư, *Trương Văn Quy* trong *Di kiên ất chí* cua Hồng Mại thời Nam Tống nói rõ ràng, cụ thể hơn về vấn đề này như sau: "Có những thứ nước đặc biệt mà người mới đến nhất định không được uống, uống vào rồi sẽ không thể trở về trần thế được."

Dưới âm phủ, không những trà không được uống mà các loại thực phẩm khác cũng không thể ăn. Và lý do của nó có thể được giải thích một cách đơn giản như sau, thức ăn dưới âm phủ là từ trần gian mà có, mà những thứ đồ cúng khi chôn cất nhất định sẽ bị biến chất, bị thối nát, thậm chí nó có thể biến thành một đống bùn nhão. Những thực phẩm thối nát này cũng giống như áo quần bị rách vậy, nhìn theo một khía cạnh nào đó thì ở dưới âm phủ nó lại rất tươi ngon. Linh hồn còn sống dưới âm phủ ăn những đồ nhìn thì còn rất tươi này, nhưng sau khi trở về trần gian, những thứ thối nát mà ta mang theo trong bụng từ âm phủ trở về cũng sẽ "hoàn trần", và thế là dù không chết thì ta cũng sẽ mắc trọng bệnh. Đối với việc uống trà mà nói, đáng ra không cần phải để ý đến những vấn đề này, nhưng cũng không thể để linh hồn còn sống uống được, sẽ bị cháo nóng làm bỏng môi, nhìn thấy đậu phụ thối thì cũng phải thổi qua đã chứ! Nhưng trên thực tế, những cái gọi là ngoại lệ cũng không phải là ít, trong đó có truyền thuyết kể về việc một hồn ma sống uống đồ uống. Cuốn *Vương Quốc Lương* trong tập *Kế huyền quái lục* của Lý Bá Ngôn, người đời Đường viết, dưới âm phủ có một loại nước, chuyên cung cấp cho những người chỉ tạm thời đến âm phủ, nhưng vẫn phải quay về trần gian. Bởi vì sau khi uống, họ sẽ không quên những gì mắt thấy tai nghe ở âm gian, để sau này khi trở về trần thế rồi, việc lớn việc bé ở âm gian đều không được lãng quên, đặc biệt là sự tuyên truyền về việc bị quả báo dưới âm phủ, để khuyên răn người ở trần gian. Thật là tuyệt vời, bởi dưới âm phủ có loại trà uống vào có thể chống lại việc

mất trí nhớ, và tất nhiên cũng có loại trà làm phai mờ ký ức, khi nào cần sử dụng thì có thể tạo ra được ngay.

Ngoài ra cũng có những ghi chép liên quan đến canh mê hồn, như cuốn thứ nhất *Ký tiền sinh*[27] trong tập *Hà thượng chử đàm* có nói, có thể nói đây là những ghi chép sớm nhất mà chúng ta có được.

[27] Nghĩa là: ghi nhớ lúc còn sống.

Có một kẻ tôi tớ khoảng mười hai, mười ba tuổi tự nói rằng kiếp trước là con của Hoài Âm Dân, có tên là Tiểu Khuê Tử, chết năm lên chín tuổi, khi chết thì mọi người đều ra một chỗ, nam nữ tụ họp, tất cả đều uống canh, chỉ có một mình cô là trẻ con, nên không có đồ để uống. Sau đó, do cố với một cái đồ sành, cô bị ngã xuống dưới đất, phải đi ra ngoài và không được uống nữa. Chính vì vậy mà sau khi được đầu thai trở lại nhân gian, cô mới nhớ được mình là con của gia đình Hoài Âm Dân. Năm ba tuổi, phụ thân bế cô đi đến một cây cầu mua bánh thì cô gặp lại phụ thân từ kiếp trước của mình, liền chìa tay ra và nói: "Con là Khuê Tử", nhưng phụ thân không thể nhận ra cô. Cô vẫn luôn cầu mong được quay về nhà để gặp mẫu thân, và sau khi kết nối các sự việc từ kiếp trước thì ra hai gia đình lại có chung một con.

Loại canh mà mọi người uống đó chính là canh mê hồn, chỉ là không nói tên của món canh đó mà thôi. Không có việc bắt buộc phải uống canh, nhưng hầu hết các hồn ma đều muốn uống, vì thế chỉ có những kẻ cố chen vào mới có thể uống được, mà canh mê hồn là khi chuẩn bị đầu thai chuyển thế mới uống, cũng rất hợp tình hợp lý, không giống như những truyền thuyết trong dân gian, họ cho rằng con người sau khi chết đi, xuống đến âm phủ thì phải uống canh mê hồn trước, thế nên sau khi uống canh này xong, ngay cả bản thân mình là ai cũng không biết chính xác, thì làm sao còn có thể đi đến thập Vương điện, qua từ đường được đây? Cái cách nghĩ khi

xuống dưới âm phủ là phải uống canh đó chỉ có thể gặp ở tiểu thuyết, điển hình nhất là *Tam sinh* trong *Liêu trai chí dị.*

Lưu Hiếu Liêm có thể nhớ được những việc ở kiếp trước của mình. Ông ta nói rằng một đời làm quan, đã làm nhiều việc thất đức, bôi nhọ danh dự, nhân phẩm của mình, chết vào năm sáu mươi hai tuổi. Lần đầu tiên gặp Diêm Vương, ông ta được đối xử giống như lễ của Hương tiên sinh, cho phép được ngồi và được uống trà. Nhìn màu sắc trong cốc của Diêm Vương có sự thay đổi khác thường, ám chỉ đó là canh mê hồn không nên uống, Dư U Vương tương kế tựu kế cầm chén quay vào một góc nào đó rồi đổ đi.

Cuốn *Hồi dương ký* cùa Trần Thục Văn cũng có đoạn viết:

Khi trời bắt đầu tối, quỷ sẽ chui ra từ nóc, nhưng lại đi về phía âm phủ, cái này rõ ràng là quả báo. Bỗng nhiên thấy bốn thần thổ địa dẫn Dư đi và dặn rằng: "Lần này đi có ba con đường, nhà ngươi cần phải đi đường ở giữa, hai con đường còn lại không phải nơi thích hợp để ngươi đi, trên đường đi có canh không được uống, có cầu không được qua, nếu ngươi phạm phải ba lỗi trên, ngươi sẽ không được sống trở lại nữa." Dư đáp: "Vâng." Trên đường đi quả nhiên có một bà lão đang bố thí canh, mùi thơm của canh vô cùng hấp dẫn, có rất nhiều người dừng ở đó uống canh. Dư đi đến nơi quả nhiên cũng được mời uống canh, Dư liền hất xuống đất. Quỷ liền đến đánh, bà bà nói: "Đây là của tam thế ban tặng, không được đánh." Và thế là Dư may mắn thoát nạn.

Bà lão bố thí canh ở đây họ Mạnh, mà uống canh trước khi vào Quỷ môn quan là điều không hợp tình hợp lý.

Hồi thứ năm trong *Kế Kim Bình Mai,* tên của món canh mê hồn này bắt đầu có và còn xuất hiện Mạnh bà: "Thì ra cơm rượu cùa Mạnh bà là canh mê hồn, ăn xong thì lập tức hôn mê, kể cả người thân của mình cũng không

nhận ra được.” Tác giả Đinh Xán Khang là người cuối đời Minh, đầu đời Thanh, vì thế nếu không nhầm thì chúng tôi đều cho rằng cách nói về canh mê hồn này bắt đầu xuất hiện từ cuối thời Minh.

Trước đây có hai cách nói về Mạnh bà bà, đó là Mạnh bà bà chính là thần tại Phong thần và Thuyền thần, ơ đây, Mạnh bà bà không phải là kiêm cả Phong thần, Thuyền thần, mà là do “Minh”, “Mạnh” hai chữ có âm đọc gần giống nhau, Mạnh bà cũng chính là Minh bà. Người thời Thanh có biên tập cuốn *Ngọc lệ bảo tiền* và trong đó có xuất hiện lý lịch của Minh thần:

Thần Mạnh bà sống ở thời Tiền Hán, lúc còn nhỏ học sách Nho giáo, hiểu biết tinh thông về kinh Phật, phàm là những việc quá khứ thì không nhớ đến, những việc của tương lai thì không cần phải nghĩ, ở đời chỉ làm một việc duy nhất là khuyên con người ăn chay, đừng sát sinh. Năm tám mươi mốt tuổi, tóc trắng như lông hạc, mặt hồng hào như mặt trẻ con, suốt đời là trinh nữ, chỉ biết mình họ Mạnh, người đời gọi là Mạnh bà bà, rồi vào núi tu hành. Đến thời hậu Hán, thế nhân có người biết chuyện về kiếp trước, liền nhận là người nhà, tiết lộ âm cơ. Là do thượng thiên sắc lệnh cho Mạnh thị nữ xuống làm thần tại âm phủ, xây dựng một vọng đài, cho phép được sai khiến quỷ sứ, đem mười điện dự định phân phát đi các nơi để làm hồn ma của người, dùng giống như thuốc theo tục của trần thế, hợp thành loại canh giống rượu mà không phải là rượu, chia thành các vị đắng, cay, ngọt, bùi làm ngũ vị, các hồn ma chuyển thế, sẽ sắp xếp cho uống loại canh này, sẽ làm cho quên tất cả các việc ở kiếp trước. Dẫn đi về phía dương gian, hoặc nghĩ chảy nước miếng, hoặc cười ra mồ hôi, hoặc chảy nước mũi, hoặc tức giận, hoặc sợ nước miếng... phân thành một, hai, ba loại bệnh thường gặp. Người làm việc thiện sẽ làm cho mắt, tai, mũi, lưỡi, tứ chi dần nhớ về việc xưa kia, càng nghĩ càng thấy sáng suốt, tinh thông, ngày càng khỏe mạnh. Những người làm việc ác sẽ bị làm cho hao mòn trí tuệ, thần sắc, ngày càng mệt mỏi mà chết, có báo trước để cho con người hối hận mà hướng thiện.

Ở đài Cự thập điện Diêm Vương, ngoài điện có sáu cây cầu cao to, bốn phía hành lang có một trăm linh tám phòng, hướng phía đông có một đường đi, chỉ rộng một thước tư, phàm gặp hồn ma dù là nam hay nữ, đường đi trong hành lang thiết kế đều có đồ để mời uống loại canh này, bất luận là ăn nhiều uống ít. Nếu như có hồn ma không chịu nuốt loại canh này, dưới chân sẽ xuất hiện dao móc giữ lại, bên trên sẽ có ống đồng làm đau cổ họng, bị đau mà nuốt vào.

Nơi Mạnh bà bà quản lý có tên là "Vọng đài", vì thế canh mê hồn cũng gọi là "vọng đài" hoặc "trà Mạnh bà". Nhưng tác dụng của trà không chỉ làm cho người ta quên đi kiếp trước mà nó còn là một loại canh thần bí, nhìn thì giống như cùng một loại nhưng mỗi người uống canh này sẽ có kết quả không giống nhau. Nhưng quả báo ở kiếp sau chẳng phải đã được Diêm Vương định sẵn rồi sao, hà tất phải để Mạnh bà bà làm việc này? Thật sự là không hiểu được! Ngoài ra, *Ngọc lịch bảo sao* đã viết tất cà những nơi dưới âm phủ thành lao ngục, người từ bi như Mạnh bà bà mà bên cạnh mình lúc nào cũng đeo theo một bộ ống dao móc, hình phạt trở nên hiện đại hơn rất nhiều.

Ở một vài tiểu thuyết hoặc câu chuyện dân gian thì lại không phải như vậy, nơi Mạnh bà bà quản lý có tên gọi là thôn Mạnh bà hoặc quán trà Mạnh bà, cái tên cũng cho ta thấy nó có chút tình người hơn. Nhưng vẫn còn một cách nói vô cùng cực đoan, biến canh mê hồn trở thành một loại cực hình ép cung của thế hệ sau này. Đời Thanh có người tên là Phục Thư viết một cuốn tiểu thuyết tên là Thố hồ lô, hồi thứ mười sáu có trích dẫn:

Thì ra dưới âm phủ, nếu ai ai cũng phải dùng pháp hình để lấy cung, thì một ngày làm Diêm Vương cũng sẽ rất khó. Điều may mắn, kỳ diệu nhất ở đây chính là bát canh Mạnh bà. Theo cách nói trong dân gian "canh Mạnh bà giống như rượu lễ, giống như tương, người tốt ăn vào say ngất ngưởng, kẻ ác ăn vào sẽ phát điên". Thảo nào Đỗ thị lúc đang khát uống bát canh

này vào, cũng không cần phải dùng hình phạt kẹp ngón tay đã kể lại hết mọi chuyện. Mạnh bà bà sau khi ghi lại mọi chuyện, làm một tờ khai cung cáo trạng xong, đặt đến chỗ người khám nghiệm tử thi, rồi đem xuống dưới điện thứ mười.

Ở đây, nụ cười của Mạnh bà bà lại trông giống như ngưu đầu a bang, nhưng cái này chỉ gặp ở tiểu thuyết *Nhất gia chi ngôn* và chưa từng được người khác tin tưởng vào âm tào địa phủ.

Theo lý mà nói, không cần biết là có hay không có canh Mạnh bà bà, con người cũng sẽ không nhớ được kiếp trước của mình. Trước thời đại nhà Minh cả ngàn năm đều như thế cả, và dường như cũng không xảy ra đại loạn nào, vậy thì hà tất phải làm thêm việc này, đột nhiên thích uống bát canh này ư? Đương nhiên đó là một luận cứ, và cách nói về việc luân hồi chuyển kiếp thì rất hay. Nhưng dường như không phải chỉ cần có một lý do này thôi.

Trong các câu chuyện về ma, hồn ma ở dưới âm phủ có thể ghi nhớ những việc ở kiếp trước, bởi thế họ mới có thể có sự qua lại trong giấc mộng đối với người thân ở trần gian, có những cuộc hẹn lưu luyến bịn rịn như lúc sinh thời, giống hệt như cuộc sống ở dương thế đang được kéo dài vậy. Đến khi hồn ma đầu thai chuyển thế làm người thì lúc đó mới chính thức vĩnh biệt, và hồn ma chuẩn bị đầu thai làm người kia sẽ quên tất cả những gì thuộc về kiếp trước, ngay cả lúc đến nhân thế rồi, gặp mặt nhau mà như không hề quen biết, còn đi đâu tìm mối nhân duyên tái thế? *Pháp uyên châu lâm,* quyển bảy mươi năm dẫn một câu chuyện trong *Chí quái truyền* kể lại rằng: "Khi đã thành người ở trần thế, dung mạo sẽ không giống ở kiếp trước nữa", cái "đạo lý" này làm cho người và ma đều cảm thấy bị tổn thương. Đây cũng chính là sự xung đột giữa thuyết luân hồi của đạo Phật với tình cảm con người của người Trung Quốc, nhưng canh Mạnh bà đã đem đến cho con người chút hy vọng, hồn ma chuyển sinh uống canh

Mạnh bà sẽ quên hết tiền duyên kiếp trước, nhưng nếu không uống, khi tái thế sẽ có một cơ hội về mối nhân duyên từ kiếp trước. Đương nhiên, cơ hội này vô cùng mong manh, vì vậy có nhiều hơn cũng chỉ là gửi gắm tình cảm của hồn ma vào người đang sống mà thôi.

Nhưng không cần biết như thế nào, tang lễ trong dân gian đã đem việc trốn tránh uống canh Mạnh bà trở thành một nghi lễ không thể thiếu. *Trung Hoa dân quốc phong tục chí* nói về phong tục của Hồ Châu, Chiết Giang:

Tục truyền rằng sau khi chết, con người cần phải ăn canh Mạnh bà để tâm hồn bị mê hoặc. Lúc lâm chung, ngoài việc trong miệng ngậm thỏi bạc ra thì còn phải dùng lá cam lộ làm thành một lăng (củ ấu) mang theo, trong tay lại đặt một túi lá chè, cho rằng người chết có hai thứ này trong tay, thì không cần phải uống canh Mạnh bà.

Mà ở Thọ Xuân, An Huy còn đơn giản hơn rất nhiều, là "lúc khâm liệm cần một túi lá chè, kèm thêm một ít đất đặt vào lòng bàn tay của người đã mất". Có vài nơi làm các thủ tục mới hơn như Bắc Kinh, Ai Tân Giác Mộng... Doanh Sinh tiên sinh khi nói chuyện đến phong tục "đập chậu" lúc phát tang: "Âm phủ có một vị "Vương ma ma", ép người chết phải uống canh mê hồn, làm cho thần trí bị mê hoặc và không được đầu thai, vì thế nhà có tang phải chuẩn bị một chậu sứ có lỗ, lúc phát tang sẽ do "hiếu tử" đập mạnh xuống đất, nếu đập vỡ, cái chậu đó sẽ theo người chết xuống âm phủ, canh mê hồn của Vương ma ma sẽ bị rơi hết ra ngoài.

Tuy là như vậy, nhưng chủ trương của tôi là sẽ thật thà mà uống hết bát canh mê hồn đó. Linh hồn của người chết khi qua Diêm La Đại vương, "nhiệt đường" của những quỷ đầu trâu mặt ngựa, ma canh ngục, không cần phải nói đến cửu âm thập bát địa ngục, mà ngay cả khi tùy ý làm những tiểu tiết như cắt giải, dầu phanh, chậu bọ cạp đất, rắn dùi lỗ, cắt lưỡi, móc mắt để cho họ nhận biết được một hai loại, chỉ cần đứng xem bên cạnh cũng đủ

làm cho thần kinh của con người tan vỡ, sụp đổ, nếu còn nhớ được những điều đó khi vào bụng mẹ, e rằng đến khi chào đời thì đã bị thần kinh phân liệt rồi.

Chương 8: Ân cừu nhị quỷ[1]

[1] Nghĩa là: hai loại quỷ báo ân, báo oán.

Về chuyện thi cử thời xưa, ít nhất là khoảng đầu đời nhà Thanh, thậm chí xa hơn một chút là khoảng cuối đời nhà Minh, trong xã hội đã có quy định bất thành văn là vào đêm trước khi các thí sinh đến ứng thi, trong khu vực coi thi phải tổ chức nghi lễ mời hai loại quỷ báo ân và quỷ báo oán về chứng kiến. Nghe nói vào buổi tối hôm đó, các vị quan chức đến tham dự phải mặc quan phục rất long trọng, thắp hương thành kính mời các vị "quỷ thần" có liên quan từ khắp các ngả đường đến chứng kiến. Những vị "quỷ thần" tới tham dự có thể được phân làm ba loại lớn như sau: loại thứ nhất là thần Thiên địa anh minh, chuyên đến trường thi giúp các vị quan quản lý trật tự, chủ trì công đạo, loại này thuộc về công lý. Một loại khác là hồn ma tổ tiên các gia đình có con em đến dự thi, lũ lượt kéo nhau tới trường thi để động viên, cổ vũ con cháu của mình. Tuy nhiên, trà trộn vào nhóm những hồn ma này còn có nhiều tiểu nhân vô công rồi nghề cũng ra điều tò mò, lo lắng lắm, đứng ngoài ngó ngó, trông trông vào bên trong. Tất cả bọn họ nói cho cùng cũng chẳng giúp được gì cho việc thi cử, thậm chí có không ít hồn ma còn đứng chen lấn trong phòng của quan coi thi. Mọi sự công - tư đều được xem xét cẩn thận, chu đáo và cũng rất phân minh. Loại thứ nhất thì dùng cờ màu đỏ, loại thứ hai thì dùng cờ màu xanh, còn loại thứ ba chính là "ân oán nhị quỷ", tức là những hồn ma có ân, có oán với thí sinh hoặc gia chủ của thí sinh, và đơn thuần xuất phát từ ân oán cá nhân mà đến trường thi để gây sóng gió, tạo thêm khó khăn cho sĩ tử. Nhưng sự xuất hiện của

loại hồn ma này dường như lại hợp ý trời, được lòng thiên tử, vì vậy, rất có thể thực tế nhân vật chính lại là chính các vị quỷ thần. Tuy bọn họ một bên là ân, một bên là oán, vị trí tương phản, mâu thuẫn, đối lập nhau, nhưng khi dẫn họ vào trường thi thì không phân biệt khu vực, tất cả đều dùng cờ màu đen cả. Các quân sĩ sợ các vị quỷ thần không tìm thấy cổng lớn của trường thi, một mặt vẫy cờ ở chốn u minh, một mặt còn phải kêu gào thảm thiết: "Ai có ân báo ân, có oán báo oán…" Trong chốc lát, từ bốn phía bỗng ào ào kéo đến các đội quân quỷ thần, ai nấy đều cầm trên tay lá cờ của mình với màu sắc khác nhau, hăm hăm hở hở tiến vào cổng chính. Và ngay sau đó, các vị quân lính sẽ đem ba loại cờ biểu cắm vào bốn góc của trường thi. Dấu hiệu đó ám chỉ các vị thần linh hay ma quỷ đều đã đến đông đủ và đứng vào đúng vị trí của mình rồi. Đến ngày hôm sau, các thí sinh mới điểm danh vào phòng thi, còn hiện tại thì có một hoặc vài vị ngồi sẵn trong phòng thi để chờ đợi.

Câu chuyện này có lẽ đã làm cho người đọc, người nghe cảm thấy rất hoang đường và có phần rợn tóc gáy, nhưng đây không phải chuyện tự nhiên mà có. Từ hàng nghìn năm nay, các câu chuyện ly kỳ cổ quái xảy ra trong và ngoài trường thi không phải là hiếm. Nếu như có người muốn viết về lịch sử các câu chuyện ma quỷ ở trường thi của Trung Quốc, chẳng hạn như "có ma" hay "ma trêu" thì đều giống nhau ở chỗ là không dễ mà có thể bỏ qua tình tiết này được.

1

Việc thi cử diễn ra sớm nhất có thể nói là vào thời nhà Tùy, nhưng từ thời nhà Tùy đến nhà Đường rồi đến nhà Tống, những câu chuyện ma quỷ ở trường thi không thể so bì với thời Minh - Thanh. Tuy nhiên, có một chi tiết khác biệt là ma quỷ ở đây không phải phân thành ba loại như trên mà có khoảng bốn loại.

Một loại có thể nói đến là "ma giúp đỡ", dùng thân phận đặc biệt của mình để làm một số việc giúp đỡ các thí sinh mà người thường không thể làm được. Vi Huyến, người nhà Đường trong *Lưu tân khách gia thoại lục*[2] dẫn ra một câu chuyện như sau: "Quách Thừa Hỗ đi ứng thi, khi nộp bài thi đã nộp nhầm cuốn binh thư mà mình yêu thích lên và để bài thi của mình trong một cái giỏ ở phòng thi. Khi anh ta đúng ở cổng trường thi đi đi lại lại, một lão sứ đứng bên cạnh hỏi rõ sự tình, rồi nói có thể giúp anh ta, nhưng phải trả tiền thù lao là ba vạn. Ngày hôm đó, mọi việc được giải quyết êm đẹp. Khi Quách Thừa Hỗ đem tiền đến nhà lão sứ, lúc này mới phát hiện ra chủ nhân của ngôi nhà nghèo khổ đó đã chết được ba ngày, chính vì không cò tiền nên chưa thể chôn cất được." Những câu chuyện như thế về sau vẫn còn tồn tại nhưng tình tiết thì ngày càng ly kỳ hơn. Như ở thời Nam Tống trong *Di kiên bính chí* của Hồng Mai, tập bảy, *Tề thập cửu lang* có kể lại một câu chuyện không đơn giản chỉ là chuyện đổi bài thi. Thí sinh Lỗ mỗ sau khi ra khỏi trường thi mới nhớ ra lúc làm thơ đã quên không gieo vần vận, thế là có một tiểu sứ lấy trộm bài thi ra cho anh ta, sau khi chỉnh sửa xong liền đem về để ở chỗ cũ. Tiểu sứ này nhiều năm trước chết ở trường thi, vì nghĩ đến gia cảnh nghèo khó của mình nên đã ngấm ngầm giở trò ma mãnh để giúp đỡ gia đình. Mà đã có thù lao thì đó lại là việc làm ăn buôn bán rồi, về lâu về dài có thể sẽ trở thành một nghề làm ăn theo mùa vận. Nhưng hồn ma mới chết mà có thể dùng "phép vận chuyện", có thể vận khí di chuyển trong không trung như vậy thì quả thực cũng rất hiếm gặp hơn nữa đến cả bài thi cũng có thể ăn cắp ra ngoài thì còn chuyện gì là không làm được nữa đây.

[2] Nghĩa là: ghi lại câu chuyện khách đến nhà họ Lưu.

Loại ma quỷ thứ hai cũng tương tự như "ma giúp đỡ" nhưng tính chất lại đối lập hoàn toàn. Việc thường làm nhất của loại ma quỷ này là nịnh bợ kẻ có quyền thế, không phiền thì có thể gọi là "ma bợ đỡ". Cuốn thứ hai, *Thiệu võ thí viện* trong tập *Di Kiên chi ất* có đoạn kể lại "Mùa thu tháng Tám năm Thuần Hy thứ mười ba, Phúc Kiến thiệu võ đang thi đấu, có một vị Sứ có

khả năng nhìn thấy ma, nhưng không nhìn rõ mà chỉ thấy có một vật đen từ trên không rơi xuống, dáng mạo giống như ma, mang theo "đương tam" (hơn hai mươi đồng tiền lớn), rồi để ngay ngắn ở trên bàn. Con ma này đi qua các bàn của thí sinh, thi thoảng nở một nụ cười vui sướng, để một đồng tiền ở đầu án rồi đi. Khi hơn hai mươi đồng tiền được đặt hết thì dùng trượng đánh đuổi những người không được nhận tiền, những sĩ tử và kẻ đầy tớ đứng hầu bên cạnh hoặc bị đánh, hoặc bút rơi mà bọn họ không hề có cảm giác gì. Rồi vị Sứ này nghĩ: "Những người được tiền thì sẽ được tiến cử, còn những kẻ bị đánh thì sẽ bị loại khỏi khoa thi. Rồi đi đến bảng niêm yết, quả nhiên đúng như dự đoán những người thi đậu đều là "người có tiền", còn kẻ thi rớt là những người ngược lại." Cũng có cốt truyện giống như câu chuyện vừa kể trên đây, vào thời nhà Minh, lại có loại ma vào trường thi "cắm cờ", người trúng cử ờ trên đầu sẽ cắm cờ màu đỏ, người bị loại cắm cờ màu trắng, tuy đã tránh việc bị lầm tưởng là vật cản đường, nhưng lại làm cho người ta hoài nghi rằng đấy chính là ma bị cọp vồ vào trường thi[3]. Loại ma bợ đỡ này không thu phí, theo đánh giá thì chúng không phải do Thượng Đế phái xuống. Giữa chốn trần gian thường có một loại người tiểu nhân, gặp người có lợi thế hoặc sắp có lợi thế liền bỏ hết sĩ diện của bàn thân mà bám đuôi cầu cạnh người ta, thực ra thì chưa chắc đã có lợi lộc gì, nhưng chúng vẫn không từ bỏ cái hành vi hèn hạ đó. Ma bợ đỡ cũng giống loại người này, chỉ khác ở chỗ là nó có thể nhìn thấy khí âm dương thịnh suy trên người của các thí sinh, điều mà kẻ tiểu nhân ở chốn trần gian không thể nhìn thấy được.

[3] Vương Triệu Vân, người đời Minh, trong Huy lộc tân đàn, quyển thượng, Phốc bạo tự nhập trường có ghi lại, nhìn chung có sự không giống nhau, là cắm cờ đỏ kèm theo cờ vàng thì sẽ đăng khoa, nếu chỉ cắm cờ đỏ không có cờ vàng thì cuối cùng cũng có tên trong bảng thứ hai.

Trước khi các thí sinh bắt đầu làm bài thi, việc trúng cử hay không đã được sắp đặt trước, bất luận là nhân lực hay thiên lực, đều làm cho nhân khí của người bị suy yếu dần. Hồng Mại từng cảm khái và viết rằng; "Ở phương Tây có người đã khẳng khái viết một bài nói về quy chế thi cử ở

Trung Quốc, người đó cho rằng việc lựa chọn nhân tài trong các trường thi ở Trung Quốc là một việc làm rất cao minh nhờ đó đã chọn ra được nhiều nhân tài lỗi lạc phục dịch đất nước." Mấy câu khen ngợi này đã làm không ít học giả của chúng ta phấn khởi mà lựa chọn dùng làm dẫn chứng để tự hào lấy vài ngày. Nhưng đối với những bất cập trong trường thi như đã xảy ra ở thời Nam Tống khiến nhiều người tỏ ra thất vọng ghê gớm đối với việc lựa chọn nhân tài cho đất nước, thì tuyệt nhiên không thấy họ nhắc đến, và giả như có nhắc đến thì họ cũng khéo léo dẫn dắt và quy kết nguyên nhân tất cà là do ý trời, không liên quan đến các nhân tài. Trong truyện mặc dù có gây kích động một chút, nhưng huynh đệ, phụ tử nhà họ Hồng vẫn được coi là hiền thần. Vì thế, những điều vừa nói cũng không hẳn là đều xuất phát từ sự căm tức.

Ngoài ra còn có loại ma khác, giống như những phần tử "phản động", hành động theo hướng lưu manh, vô lại, đã chết mà vẫn không chịu yên, không có bản lĩnh đi tìm oan gia để tính sổ, thì lại đem tà khí gieo rắc lên những sĩ tử vô tội. Kiểu này có thể gọi là "ma vô lại". Thời nhà Tống, trong *Nhàn song quát dị chí* của Lỗ Ứng Long có ghi: "Trường thi Gia Hưng trước đó từng là kham viện, nơi thẩm vấn, điều tra phạm nhân, có nhiều người không chịu nổi cực hình mà chết ở đây. Sau khi chuyển thành trường thi, các oan hồn bắt đầu quấy phá. Mỗi lần thi có khoảng gần hai nghìn người, thường xuyên có thí sinh bị ma hại chết ở căn phòng thứ ba cạnh hành lang phía tây. Sau đó có một vị khảo quan nằm mộng thấy có người tự xưng là "tướng quân trường thi" nói: "Ta chết tại nơi đây, nay đã làm thần. Mỗi một thí sinh chết ở trường thi này đều là hậu bối của ta. Nếu lập miếu ở góc phía tây bắc, sẽ tránh được chuyện này." Và thế là quan địa phương vì "ma vô lại" mà lập miếu thờ, các sĩ tử đến thi, đều không quên chuẩn bị kim tiền, cầu phúc âm bảo hộ. Thí sinh chết ở trường thi không những không giảm bớt mà còn xảy ra liên tiếp, không chỉ có một hai lần, mà nhiều không kể hết." Trong văn học, những câu chuyện kiểu như thế này quả thực không phải hiếm gặp. Đem cái oan ức, tội lỗi xảy ra ở trường thi đổ hết lên đầu ma

quỷ, sau đó yêu cầu thí sinh đến dự thi phải cầu bình an, nghĩ ra được chiêu trò lừa ma gạt quỷ như thế này, quan viên triều đình quả thực là thông minh hơn người. Thế là ác quỷ chuyên làm chuyện quấy phá người nay lại trở thành thần bảo hộ của trường thi, chính là nha dịch phụ trách việc trị an trong thành, chỉ cần nộp một hào phí bảo hộ thì sẽ không bị gây thêm phiền hà nữa.

Còn có một loại ma rất kỳ lạ. Sự xuất hiện của loại ma này không những có liên quan đến vận mệnh của các thí sinh, mà chủ yếu là dự báo điều hung đến với đám quan coi thi vô đạo trong thành. Thời nhà Thanh, mỗi cuộc thi lớn đều có loại ma quỷ kỳ dị này đến giở trò quấy phá. Trong *Tam cương thức lược* của Đổng Hàm, cuốn ba, *Hương vi dị biến* có đoạn viết: "Suốt mười bốn năm Thuận Trị, một ngày trước hôm diễn ra kỳ thi Hương ở Giang Nam, bỗng sương giá kéo đến dày ba tấc, phủ kín cả trường thi, ma quỷ khóc than không ngớt. Sau khi bảng danh sách thí sinh trúng tuyển được công bố, chủ khảo tính mưu bày kế tìm cách ăn tiền hối lộ của thí sinh. Cảnh người nhà cùng sĩ tử khéo nhau đến nhà quan phủ đông như nêm, cuối cùng lựa chọn ra trong số đó mười tám người được coi là thi đỗ, cảnh tượng huyên náo như bán mua ngoài đường, ngoài chợ." Cống Viên ở Bắc Kinh thời nhà Thanh còn lưu lại một truyền thuyết về "đại đầu quỷ" có quan hệ mật thiết với những vụ án trường thi như đã nói ở trên. Tiết Phúc Thành trong *Dung am bút ký*, cuốn ba, *Mậu ngọ khoa trường chi án* có đoạn viết: "Vào một buổi chiều tà của tám năm về trước, ở Hàm Phong bỗng nhiên vọng lại những âm thanh như tiếng khóc than thảm thương kỳ lạ, người ta đồn rằng âm thanh đó chính là dấu hiệu quỷ xuất hiện. Các đạo sĩ trong vùng đều khẳng định: "Đại đầu quỷ không dễ dàng vào được Cống Viên gấy náo loạn!"[4] Thế nhưng, kết quả lại cho thấy những phán đoán ban đầu của đạo sĩ là hoàn toàn sai lệch. Năm đó tại trường thi bất ngờ xảy ra biết bao chuyện lạ. Trong thi cử mà cảnh tượng mua quan bán tước diễn ra công khai như họp chợ giữa đường. Hình thức thì vẫn có các quan chủ quản đứng bên ngoài giám sát, trông coi, nhưng thực chất bên trong thì sĩ tử và

quan chủ khảo vẫn miệt mài thương lượng. Sau một hồi lâu "thi cử" mệt nhoài, cuối cùng cũng chọn ra được hơn mười người "xúng đáng". Trong chuyện này không ai có thể biết được liệu giữa tiếng khóc ma quái kia cùng với sự xuất hiện của đại đầu quỷ và bè cánh quan chủ khảo có quan hệ ràng buộc hay không? Thật không ai có thể đưa ra câu trả lời chính xác. Chỉ có điều, nếu đại đầu quỷ không xuất hiện thì làm sao quan chủ khảo có cơ hội phô diễn những chiêu trò bịp bợm, lừa gạt trắng trợn của mình. Để có câu trả lời thích đáng cho vấn đề nêu trên, thiết nghĩ ngoại trừ những người trong cuộc ra thì chắc hẳn không ai có bản lĩnh dám công khai mọi chuyện!

[4] Căn cứ theo Châu lô bút ký của Tôn Tuyên, nói đại đầu quỷ là "mắt đỏ mở ra, đầu to hơn đầu của người bình thường vài lần", mà còn hiện hình ngay tại phòng của khảo quan.

Tuy nhiên, ma quỷ trong trường thi đương nhiên không chỉ có loại này. Có thể dẫn ra đây một vài ví dụ điển hình khác, như trong tập một của cuốn *Di kiên bính chí* có đoạn viết về trường thi Lâm An: "Trong thời gian sĩ tử làm bài thi, có người trông thấy một người đàn ông và một người phụ nữ dắt tay nhau tự do, thoải mái bước vào khu vực thi, lại có người nhìn thấy một đàn ngỗng trắng, hay có khi là một phụ nữ búi tóc cao, ngồi trên lan can, không nhìn thấy chân, lúc ẩn, lúc hiện, kỳ lạ vô cùng…" Những câu chuyện ma quái kiểu này cũng chẳng khác cảnh tượng người nông dân đuổi nhầm lợn vào trường thi, câu chuyện chẳng liên quan đến thi cử học hành mà chủ yếu chỉ là muốn mang đến một sự sôi nổi, náo nhiệt cho trường thi vốn quá trầm lắng mà thôi.

2

Ở trên đã kể ra mấy loại ma tiêu biểu thường xuất hiện trong trường thi. Mặc dù từ đầu đến cuối chứng tôi chưa đưa ra lời bình phẩm khẳng định hay phủ định về sự thật của những câu chuyện kỳ lạ đó. Nhưng chuyện ma quỷ như thế này đến thời nhà Thanh đã loại bỏ dần những thứ được coi là không hợp pháp ở trường thi như thế. Loại ma như đại đầu quỷ thì không

cần phải nói đến nữa, ngay như "ma giúp đỡ", "ma bợ đỡ" được coi tương đương với tầng lớp thấp như nha sai là tay sai thân cận, giúp việc trực tiếp cho quan viên triều đình. Nếu đánh giá hành động, việc làm của những đối tượng này e rằng sẽ ảnh hưởng đến khoản "quỹ đen" của lũ quan chủ khảo. Còn việc được ví von với chuyện đuổi lợn vào trường thi chỉ là những hành động kỳ quái, để duy trì sự tôn nghiêm trong trường thi nên không thể không quản lý, mà việc quản lý những chuyện như thế này lại quá dễ dàng, không gây thêm phiền phức gì. Ví dụ như trong *Tam phong thức lược* có khẳng định, trong phòng thi "có thần binh bảo vệ, thế lực ma quái không dám đến gần". Vậy chỉ có hai loại hồn ma là hồn ma của những người thân thích và những loại ma báo ân, báo oán là được quyền "đặc cách" tự do đi lại trong trường thi, những loại còn lại bị liệt vào "danh sách cấm". Để duy trì trật tự và chủ trì công đạo, khảo quan có mời những vị minh thần thiên địa đến. Tuy nhiên, sự góp mặt của những vị minh thần này suy cho cùng cũng chỉ là hình thức mà thôi. Còn nguyên nhân chính nổ ra cuộc chiến đằng sau lại chính là mấy dạng hồn ma hợp pháp được "đặc cách" đi lại trong trường thi đó.

Nhân vật chính sẽ được nói tới ở đây đương nhiên là hai loại ma báo ân báo oán ấy. Nhưng cũng không thể bỏ qua vai trò mang tính xúc tác của loài ma gia quyến đó. Ma báo ân và ma báo oán một khi đã xuất hiện tại phòng thi, thí sinh chẳng may va vào sẽ giật mình, thậm chí còn bị kinh sợ đến suýt chết. Một khi đã chạm vào tà khí, đừng nói là vượt Long môn, đến tính mạng cũng khó mà bảo toàn được. Vì thế, ma gia quyến khi vào trường thi có nhiệm vụ bảo vệ con cháu của mình, tránh để con cháu họ gặp phải những tai họa không đáng có. Nhưng dường như những vị tổ tông này không phải ai cũng tuân thủ luật pháp. Trong số họ có không có không ít trường hợp vào trường thi để tìm cách "đi cổng sau". Những vong hồn này vì lo cho con cháu mình đến ứng thi mà bắt tay thông đồng với quan lại. Những câu chuyện kiểu như thế này ở thời Nam Tống đã có rồi, hình thức lại vô cùng phong phú, từ khóc lóc than nghèo kể khổ đến cố ý khuếch đại,

phô trương sự giàu có của gia đình… đều có cả. Một trong những câu chuyện đáng được nhắc đến nhất là tác phẩm *Tử bất ngữ* của Viên Tử Tài, trong đó có đoạn viết: "Huyện lệnh Dương Triều Quan được lệnh xuống huyện Hà Nam làm quan chủ khảo, đang đọc bài thi đột nhiên cảm thấy có phần hơi mệt mỏi, trong chốc lát đã chìm vào một giấc mộng lạ kỳ…"

Mơ thấy gặp một cô gái tầm khoảng ba mươi tuổi, trang điểm nhẹ nhàng, khuôn mặt thanh tú, thân hình vừa vặn, trên người mặc váy đều màu xanh, thoạt trông dáng vẻ giống người vùng Giang Nam. Cô gái nhẹ nhàng bước đến, vén tấm mành lan, cất giọng nhẹ nhàng: "Sử quân làm ơn hãy để tâm đến bài thi của Quế Hoa Lý Hương, tôi xin nghìn lần cảm tạ!"

Quân Hương Tiêu Ngọc chết cách đây hơn một trăm năm bỗng dưng báo mộng về cho khảo quan nhờ giúp đỡ cháu của người bạn là Hầu Phương Vực (vị lão cống sinh cũng tầm khoảng trên năm mươi tuổi rồi), thông đồng với quan, thật là chuyện lạ lùng hiếm thấy. Theo như Viên Mai nói thì đây là chuyện mà chính Dương Triều Quan tự mình nói ra, hơn nữa còn "tự mình tưởng tượng thấy Hương Quân, giống như người thật đang hiện hình trước mặt". Nhưng sau khi người viết mượn chuyện để nói lên sự thật, lúc ấy Dương Quan Triều có chết cũng không chịu nhận chuyện đó là nhằm ám chỉ mình. Chính vì việc này mà Viên Tử Tài phải viết thư nói rõ chủ ý thực sự trong câu chuyện của mình. Quả thực, Tùy Viên cũng không phải là người dễ dàng bỏ qua mọi chuyện, đang buồn giận vì sự chua ngoa, cay nghiệt bày ra trước mắt mà không hề có nơi để thi thố, giãi bày, bèn viết liền một lúc hai bức thư trả lời. Khổ thân cho vị Dương Triều Quan bảy, tám mươi tuổi này, không thể giả vờ làm chính nhân quân tử, cả bụng bực tức đều bị lôi ra ngoài hết. Thư trả lời của Viên thị có thể gọi là bài văn tuyệt diệu, được đăng ở "Tiểu thương sơn phòng xích độc"[5], các vị độc giả không phiền có thể tìm đọc và suy ngẫm xem.

[5] Nghĩa là: thư từ tại sơn phòng nhỏ.

Không quay cóp thì không phải cuộc thi, nhưng người mà quay cóp thì sẽ có vương pháp xử lý nghiêm khắc. Thế nhưng, ma quay cóp thì lại là điều hợp tình hợp lý, bởi lẽ người ta lúc ấy đâu có bị coi là "quay cóp" mà là đang báo ân đấy chứ! Lời dạy bảo lấy đức báo ân được ví như giọt nước tuôn chảy thành sông. Người Trung Quốc từ cổ chí kim đều xem việc báo ân là hành động nhận đức, cao đẹp. Vì thế sự xuất hiện của "ma báo ân" tự nhiên đã trở thành chương mục rõ ràng. Hồn ma đến trường thi để báo ân, thường là lúc gần đến Trung thu mà mang tặng hai hộp bánh Trung thu để làm thức ăn đêm thì quả thực chẳng có chút thành ý nào cả, vì vậy việc báo ân lúc này là giúp sĩ tử quay cóp. Mà cái sự quay cóp của ma so với của người trần cũng không khác nhau là mấy.

Vòng thứ nhất là vào mua đề. Trong *Di kiên chi cảnh*, tập ba, *Tam sơn lục thương* có ghi: "Truyền Trưởng người Duy Châu, Sơn Đông đến một ngôi chùa ở Ngô Giang, tình cờ gặp cảnh ma chay chôn cất người chết, liền hỏi tăng nhân. Sau khi biết được người nằm trong quan tài là Lục Thương, một vị khách ở quán trọ của tri huyện tiền nhiệm bị bệnh qua đời, do hoàn cảnh túng bấn mà không thể mai táng ở quê hương. Truyền Trưởng chạnh lòng thương xót, đã giúp di chuyển quan tài đến chôn cất tại phần mộ công. Vào tháng Bảy năm đó, Truyền Trưởng tham gia thi cử, nằm mộng thấy Lục Thương đến, nói hết đề của ba vòng thi cho anh ta biết. Đến lúc ứng thi, đề thi đúng như những gì hồn ma báo mộng, anh ta chỉ việc chép nguyên những thứ mình đã thuộc." Khi có kết quả, anh ta đỗ cao cũng là lẽ tự nhiên.

Thứ hai là đánh dấu trên bài thi. Lã Đại Kính thời Nam Tống trong tập hai cuốn *Hạc lâm ngọc lộ* có đoạn viết: "Khi Vương Ngọc Sơn chủ trì việc thi cử, nhớ đến người bạn học thì nhiều lần nhưng không đậu, liền viết thư mời anh ta đến một ngôi miếu ở Phúc Dương, nói nhỏ với anh ta: "Trong phần thứ nhất của bài thi nhớ dùng ba chữ "cổ", tôi sẽ biết đó chính là bài của ông." Sau khi thi xong, Vương Ngọc Sơn tìm trong đống bài thi, quả

nhiên có bài dùng ba chữ "cổ", liền đặt lên phía trước. Nhưng khi đối chứng tên và số báo danh thì không phải bằng hữu của mình. Vài ngày sau người bạn đến tìm gặp, Ngọc Sơn liền quở trách, người bạn chỉ tay lên trời mà thề rằng: "Nếu không vì bị bệnh nặng suýt nữa mất mạng thì tôi đã không tự ý bỏ thi. Nhưng tôi thề có trời cao soi xét không hề hé răng tiết lộ nửa lời." Không lâu sau, người dùng ba chữ "cổ" mà trúng cử kia đến bái kiến. Vương Ngọc Sơn liền hỏi vì sao trong đoạn đầu lại dùng ba chữ "cổ". Người này trả lời rằng: "Khi tôi đến ứng thi có ở nhờ trong miếu Phúc Dương. Tình cờ trông thấy một cỗ quan tài, hỏi tăng nhân thì được biết trong quan tài là một người con gái, chết đã mười năm nay mà không có ai chôn cất. Tối hôm đó, tôi liền nằm mộng gặp một người con gái, cô gái nói với tôi rằng, lần này thi, trong đoạn thứ nhất nếu dùng ba chữ "cổ", nhất định sẽ đăng khoa, nhưng hy vọng sau này anh có thể chôn cất chu đáo đống tro cốt này. Tôi liền nghe lời cô gái và kết quả là đỗ đầu như ngày hôm này." Đây là hồn ma trong miếu Phúc Dương vô tình biết được mấu chốt của câu chuyện, bèn tiện tay bán cho thi ân.[6]

[6] Bạch Thoại, người đời Minh, trong tiểu thuyết Thạch điểm đầu có một hồi "cảm ân quỷ tam cổ truyền thí chỉ" chính là diễn câu chuyện này.

Thứ ba là cướp trong trường thi, phần này có nhiều chuyện thú vị, và cũng là phần có thể thấy sự xảo quyệt, gian trá của con người. Trong *Di kiên chí đinh*, cuốn thứ hai, *Ngô Canh đăng khoa* kể lại: Trong thời kỳ Thiệu Hưng, có một năm tổ chức thi cử tại quê hương, Ngô Canh cũng tham gia ứng thi. Vốn không phải là người chăm chỉ học hành, lại đúng phải năm coi thi với nguyên tắc "trong phòng thi không được quay trước ngó sau", vì thế ý định quay cóp của Ngô Canh rất khó thực hiện. Đang trong tình cảnh khó khăn, bỗng nhiên như gặp được thầy Trương Viên ngồi bên nhắc nhở, Ngô Canh bèn lấy bài thi của Trương Viên sao chép lại một lượt. Mấy ngày liên tiếp sao chép toàn bộ, kết quả đỗ điểm cao. Sau khi thi xong, Ngô Canh đến nhà thầy Trương Viên cảm ơn thì mới biết Trương Viên không hề vào phòng thi. Lúc đó Trương Viên nói một câu: "Người ra

tay giúp đỡ Ngô Canh không phải ai khác mà chính là hồn ma hiển linh báo ân. Đó cũng là vì tổ tiên có tấm lòng nhân đức mà có ngày được báo đền."

Rõ ràng quay cóp trong thi cử là câu chuyện chẳng lấy gì làm tốt đẹp, vậy mà chỉ một câu "tổ tông âm đức"[7] là có thể lý giải cho hành động gian lận của con cháu, thật là điều khó có thể làm vừa lòng người ngay thẳng. Lương Cung Thìn, người đời Thanh, trong *Bắc đông viên bút lục sơ biên*, quyển thứ ba, *Bạch quyển hoạch tuyển* cũng dẫn ra một ví dụ điển hình: "Một sĩ tử trong kỳ thi không viết một chữ nào, ba lần nộp giấy trắng vẫn đỗ cao và sau này nhậm chức đường đường trở thành Thái huyện. Đương nhiên đây cũng là nhờ có ma quỷ đến báo ân mà có được. Trong câu chuyện, chính người viết cũng bất mãn mà cất tiếng than rằng: "Báo đáp công ơn mà cũng cần gian lận như vậy sao?" Báo đáp công ơn hay chỉ là cái cớ để che dấu sự gian trá? Quả thực điều này chỉ có ma quỷ mới biết được. Câu chuyện quay cóp nhiều uẩn khúc này xin không phí thời giờ bàn thêm ở đây nữa. Nhưng trong một tác phẩm khác như *Liêu trai chí dị,* đoạn *Trữ sinh* có kể chuyện ma quỷ gặp lại bằng hữu nên vào trường thi để giúp đỡ. Bồ lão tiên sinh có nói câu: "Kỳ chí kỳ hành, khả quan nhật nguyệt!" Cảm kích vì việc ma quỷ biết dùng đức để báo ân, vì tấm lòng được coi là nhân đức ấy mà tôi quay cóp, gian lận trong thi cử, đến ngay cả bản thân lão tiên sinh còn như vậy, những người khác làm theo kể ra cũng không có gì để oán trách. Nhưng xét cho cùng thì quan niệm ràng buộc giữa tình nghĩa và pháp lý của người Trung Quốc vốn là như vậy, khó có thể lý giải được hơn!

[7] Nghĩa là: tổ tông làm công đức nơi trần gian.

Cuốn thứ mười ba trong *Hữu đài tiên quản bút ký* của Du Việt có viết, quỷ báo ân đến làm bài thi hộ người khác là một cách rất tự nhiên. Sau khi cậu con trai nhà phú hào vào trường thi, cầm bút suy nghĩ rất lâu nhưng cả buổi thi anh ta không viết được chữ nào. Bỗng nhiên có một cụ già đem bản phác thảo sẵn của mình đưa cho anh ta. Hai, ba môn thi đều như vậy, khi công bố bảng điểm, quả nhiên anh ta đã thi đỗ. Thì ra chàng thiếu niên này

đã làm một việc tốt, đó là anh ta lấy một cô gái, sau khi thành hôn anh mới biết, cô gái này đã hứa hôn với con trai của lão nho. Sau khi lão nho mất, con trai ông rất nghèo, bố mẹ của cô gái liền hối hận không muốn gả cho người nghèo khó, nên đã gả cho chàng thiếu niên này. Và thế là chàng thiếu niên liền hỏi thăm đến nhà con trai của lão nho và anh coi con trai lão nho như chính là người thân của mình. Sau đó còn giới thiệu, mối mai cho một người con gái khác, rồi làm lễ thành hôn cho họ, không những vậy còn chuẩn bị đầy đủ lễ vật mang đến. Và đương nhiên lão ông trong phòng thi chính là hồn ma của lão nho hiển linh báo đáp.

Sự tri ơn, báo đáp quả nhiên là vô cùng khảng khái. Điều này thực sự làm cho các thí sinh không kìm nén được cảm xúc, vội vàng đi làm việc thiện, ít nhất thì cũng không được làm việc thất đức. Trong cuốn *Thường đàm*[8] của Lưu Thanh Viên, người đời Thanh, có kể lại một việc chính bản thân mình đã từng trải qua: "Vào mùa hè năm đó, các sĩ tử đang chờ thi, ngày dài nhàn nhã bèn ngồi lại với nhau tán chuyện về buồng the của một nhà nọ rất dâm loạn. Một người vội vàng ngăn lại: "Không được nói đến chuyện này, kỳ thi đang đến gần, tránh vạ miệng, đợi thi xong rồi hãy nói chuyện này, lúc ấy sẽ không sợ tai bay vạ gió." Lưu Thanh Viên cảm khái nói: "Sĩ tập như vậy, có thể học là biết!" Có thể thấy những câu chuyện kiểu này cũng đã góp phần làm thay đổi phong tục vốn tồn tại lâu đời trong dân gian. Trong khi các sĩ tử cũng biết, nếu thực sự muốn nhận được sự báo đáp hậu hĩnh thì phải đầu tư vào các vị khảo quan, mà khảo quan thì có "ân quỷ" bảo hộ, người khác không cần phải nói ba bốn đạo nữa, chỉ cần tự xem xét bản thân và tổ tông của mình xem có làm việc tốt tích đức hay chưa mà thôi.

[8] Nghĩa là: nói chuyện hàng ngày.

Nếu muốn được "ân quỷ" báo đức thì điều trước tiên là phải mời được vị "ân quỷ" này tới đã. Và mời là việc của mời, nhưng cũng không được làm quá phô trương, vì từ trước tới nay, việc kêu cầu trong chiêu hồn đều không

được làm quá um xùm, huyên náo. Hơn nữa, trong một cuộc thi cũng không được có quá nhiều "ân quỷ" cùng đến, nếu không thì đó chẳng phải là làm bài, đáp án của thí sinh mà lại là các vị "ân quỷ" dùng thủ đoạn làm giúp, đến lúc đó, vị "đại đầu quỷ" bí ẩn kia ắt sẽ xuất hiện.

3

Loạt truyện "ân quỷ" báo ơn tuy xuất hiện không ít nhưng phần lớn đều rất khô khan và khó có thể làm người đọc cảm thấy hứng thú. Những loạt truyện như vậy, nói đi nói lại cũng chỉ có duy nhất một câu cửa miệng là "có ma" mà thôi. Vốn dĩ anh "đi cửa sau" may mắn thì công thành danh toại, còn giả sử không may gặp người khảng khái phẫn nộ không tiếp đãi, lúc ấy ai còn tin vào lời nói ma quỷ của anh nữa. Vì thế trong nhân gian lưu truyền câu chuyện kỳ quái nơi trường thi mục đích cũng chỉ để kể lại chuyện oan hồn báo ân báo oán. Có những trường hợp, một người nào đó vốn thông tường kinh sử, khi vào trường thi hào hứng làm bài, thế nhưng trước khi rời phòng thi lại nộp giấy trắng, hoặc làm bài xong rồi đột nhiên bị đổ mực đầy trang giấy, đó là những việc thường tình. Sợ nhất là vào phải phòng thi mà có người tự nhiên phát điên, nhảy nhót, hò hét ầm ĩ, năm bảy lính cũng không đối phó nổi. Còn có chuyện có người trong phòng thi vắt một sợi dây thừng lên xà nhà định tự sát. Đương nhiên đây không phải việc làm quậy phá từ phía giám thị, cho nên người ta thoái thác trách nhiệm cho những oan hồn về báo thù, mà trách nhiệm đó sau cùng lại trút lên đầu thí sinh hoặc tổ tông của họ đã từng làm chuyện thất đức, hại người.

Ghi chép chuyện chiêu hồn ma về, sớm nhất là vào thời Minh - Thanh, trong tác phẩm *Tam cương thức lược* của Tế Nhân Đổng, sau đó là ở *Dạ đàm tùy lục* của Nhân Trai Thị và *Bắc đông viên bút sơ biên* của Lương Cung Thìn. Mặc dù việc chiêu hồn ma về không chính thức được coi là một tập tục tế lễ bắt buộc, nhưng với các sĩ tử việc làm ấy đã trở thành một điều không thể thiếu trong các khoa thi. Cho nên, khi tuần phủ Giang Tô, chủ thí là Trương Bác Hành không tiến hành chiêu gọi hai hồn ma, việc làm ấy đã được tác giả Tiền Vịnh của *Lý viên thần thoại* cho đó là hào kiệt. Trong *Gia đại nhân* của Lương Cung Thìn cũng kể lại một câu chuyện tương tự ở Quảng Tây, khi Lương Chương Cự là chủ thí cũng không cho chiêu gọi hai hồn ma. Ở Tiền Vịnh, khi Trương Bác Hành làm chủ thí được người đời nhắc đến và cho đó là dị số bởi trong trường thi không những có thi sinh bị bệnh hoặc phát điên mà chuyện chết người cũng thường xuyên xảy ra.

Trước khi nói về chuyện chết người, có lẽ chúng ta cũng không nên ngần ngại mà bỏ qua việc tìm hiểu một chút về tình hình trường thi. Cận Nhân Mã trong tác phẩm *Thạch ốc tục trầm* mạnh dạn đưa ra những so sánh rất cụ thể, đối với những miêu tả quý giá này, tôi tiến hành đối chiếu chúng với những tài liệu khác dưới đây:

Các tỉnh tổ chức thi tại trấn phủ của mình được gọi là Cống viện. Cống viện là một khu vực rộng lớn, nghe nói Cống viện Giang Nam được coi là lớn nhất (đó là một mảnh đất rộng ở sau miếu phu tử Nam Kinh, giờ đã trở thành chợ văn hóa cổ), có thể tụ họp hơn hai mươi nghìn thí sinh. Ở Cống viện này xây lên từng hàng, từng hàng những dãy nhà đơn sơ, có đến trăm dãy nhà san sát nhau như vậy, mỗi dãy đánh số tới một trăm và được sắp xếp theo thứ tự "Thiên tự văn", "Thiên địa huyền hoàng"… Ví dụ như chữ "thiên" là số một, cứ thế đánh số thứ tự nối tiếp nhau đến hết. Mỗi phòng nhỏ này được gọi là trường ốc, cũng gọi là phòng thi, có cái gọi là phòng số, đặt số phòng ở nhà tù cũng cùng một suy luận đó. Mà có tất cả bao nhiêu phòng? Chiều cao chỉ bằng đầu người, chiều rộng thì chỉ cần anh thò chân ra một chút là đụng đến tường đối diện, kích thước chiều sâu thì nhiều hơn một chút, bên trong có thể dựng được một chiếc giường làm theo lối phương Bắc, đã là giường thì dùng để ngủ, tuy không rộng rãi lắm nhưng cũng có thể dựa đầu vào đó được, chân có thể duỗi thẳng ra, cũng có khi phải duỗi ra bên ngoài cửa phòng thi. Giường này dùng để ngồi khi làm bài thi, như thế cũng là rộng rãi lắm rồi. Nói tóm lại, nếu về phương diện xa hoa mà suy đoán, quy mô của những phòng thi này tương đương với phòng đơn thường gặp bây giờ. Phòng thi không có cửa, chỗ cửa vào có một miếng gỗ riêng biệt, nó được dùng để kê bài thi khi viết và cũng là bàn dùng để ăn cơm. Bên trong treo một tấm rèm nhỏ cũng nhằm mục đích giúp phân biệt là trong hay ngoài. Các thí sinh vẫn nói đùa với nhau rằng, đây là "nụy ốc phong quang", trong đời phải may mắn lắm mới có dịp tá túc vài hôm.

Đến mùa thu tháng Tám hàng năm, nhân tài toàn tỉnh tập hợp đến đây thi ba đợt, mỗi đợt ba ngày. Trước ngày thi một ngày thí sinh được vào trường thi, sáng sớm hôm đó, thí sinh xem số thứ tự, mang hành lý, giống như hành khách chen chúc lên tàu trong dịp Tết, xếp hàng dài để đợi vào trường thi. Thường có câu "tú tài liễu kiến binh, hữu lý thuyết bất thanh"[9]. Bắt đầu ở khoảng thời gian ở Cống viện, đại đa số tú tài đều phải tìm cách khôn khéo mà kết giao với lính gác. Những lính gác đeo dao bên mình, dáng vẻ rất oai phong. Ngày thường, các cử nhân tú tài ngạo mạn, giờ đây trước mặt lính gác lại trở nên ngoan ngoãn chẳng khác gì đứa trẻ lên ba chỉ biết gật, lắc liên hồi, bơ phờ dưới cái nắng gay gắt, binh lính gọi họ đến uống nước, ngay cả buồn đánh hơi cũng chẳng dám. Cứ như thế, theo đúng quy trình kiểm tra. Các cử nhân tú tài bị khám xét hành lý từng người, từng người một. Và các binh lính cũng nhân cơ hội này để thể hiện thái độ coi thường, khinh miệt đối với các tú tài, cố ý kiểm tra một cách tỉ mỉ, đến nỗi khám xét cả những chỗ riêng tư hay bắt cởi bỏ quần áo.

[9] Nghĩa là: tú tài gặp lính có lý cũng khó giải thích rõ ràng.

Trong lịch sử trường thi ở Nam Kinh có một câu chuyện có thật kể ra không khỏi khiến bạn đọc cười ra nước mắt. Có một khoa thi, một thí sinh bị đám lính tìm ta cái ví giấu cẩn thận ở dưới hậu môn. Khi bị phát hiện, anh ta đến chết cũng không chịu nhận, cố tình biện hộ rằng cái ví đó là do người ở đằng sau bỏ vào. Đám binh lính không hiểu sự tình, muốn tìm xem rốt cuộc đằng sau là người nào, cuối cùng người đằng sau cười lớn, đáp: "Phải, cứ cho là của ta để vào đó, nhưng sao nó không là để ở bên trên, hay bên dưới mà lại nhằm vào đúng chỗ đó mà để? Hơn nữa, tại sao nó lại cứ ở phần hậu môn mà mãi không chịu đi chỗ khác vậy?" Nói xong lại đắc chí cười ha ha. Lúc đó, đại đa số đám binh lính thích bỡn cợt vẫn không hiểu sự tình ra sao. Nhưng niềm vui đến với anh ta chưa được bao lâu thì phía sau lại tiến đến một nhóm khác, tiếp tục lục soát, làm một lúc họ cũng khiến cái phần giữa anh ta nhô lên cao như vậy. Đúng lúc đó, Tả Tông Đường đang làm trợ lý tại đó, dùng một chân đá cho tên chỉ huy của đám binh sĩ vốn cao

to hơn ông ta lăn lộn trên mặt đất (có ghi chép khác cho rằng ông ta tát vào miệng tên chỉ huy đám binh sĩ một cái tát hoặc đá một cái rồi mắng thêm câu: "Đồ khốn nạn!" Có lẽ lúc đó trong thâm tâm ông Tả Tước gia kia còn mong muốn đá cho cả đám binh lính kia lăn lộn khắp nơi trên đất). Nhưng có điều lạ lùng là sao ông ta lại bực dọc và hận thù dữ dội đến vậy? Bây giờ nghĩ lại, tôi đoán rằng trong thời gian ứng thi trước kia, ông ta cũng từng chịu sự mắng mỏ, sỉ nhục ghê gớm của đám binh lính cho nên nay ngồi ở cương vị này, phải chứng kiến cảnh tượng trước mặt, ký ức bỗng chốc hiện về, mối thù xưa trỗi dậy sâu sắc đến nỗi quên hết cả địa vị và tư cách cao quý của mình. Nói tóm lại, chỉ sau khi kiểm tra đã đạt đủ tiêu chuẩn, các thí sinh mới được đưa đến vị trí của mình. Khi hoàng hôn buông xuống, thân thể tuy đã mệt nhoài, mặt mày ủ rũ, nhưng cũng phải cố cổ vũ mình lấy tinh thần chuẩn bị bước vào vòng thi cử. Bởi ngay tối hôm đó là phát đề thi, cũng có nghĩa là bắt đầu tính thời gian làm bài.

Thí sinh đã vào phòng thi thì phải ở đó làm một mạch đến hết ba ngày ba đêm, ăn ngủ, đại tiểu tiện cũng ở đó, cộng thêm cái nóng oi bức của tiết trời tháng Tám khiến cho phòng thi ở đây bốc mùi hôi thối. Đặc biệt là ở vùng nóng ẩm như Giang Nam, ban ngày ruồi muỗi bay loạn xạ, tối đến muỗi tấn công ào ào, không khí giống như chốn lao tù. Nhưng tù nhân trong tù đâu cần động não suy nghĩ để làm văn thơ, vì vậy cử nhân tú tài tương lai trên thực tế rất khổ và thậm chí còn khổ hơn cả tù nhân, vì không được quyền tự do tự tại.

Từ những bức ảnh cũ của Cống viện Bắc Kinh cho phép chúng ta hình dung rõ hơn về những căn phòng ẩm thấp này. Địa chỉ cũ của Cống viện Bắc Kinh là Học viện xã hội học Trung Quốc, bên cạnh có ngõ hẻm vẫn được bảo tồn và được đặt tên là "Cống viện". Vị trí lúc bấy giờ là gần cửa phía đông hẻo lánh và hoang vắng, nhưng nay đã trở nên sầm uất, nhộn nhịp hơn rất nhiều. Xem những bức ảnh cũ được lưu giữ lại, những căn phòng nhỏ hẹp, ẩm thấp, sân nhỏ bẩn thỉu làm người ta khó có thể tưởng

tưởng nổi đây là "long môn" một bước lên trời của các nhà trí thức. Cống viện ở nơi đô thành còn như thế, các trường thi ở tỉnh, phủ, châu, huyện chỉ xếp sau mà thôi. (Ghi chép của Giới Xuyên Long khi nhìn thấy hai nghìn sáu trăm phòng thi chi đặt ở một chỗ, "không những không mang lại cho người xem cảm giác tráng lệ, mà tương phản hoàn toàn, đó là sự lạnh lẽo, hoang mang đến rợn người".) Từ hình ảnh này có thể suy đoán ra chế độ thi cử thời xưa "buồn tẻ", "chán nản" đến mức nào. Nhà văn Nhật này hiểu về văn hóa Trung Quốc còn hơn cả tiền bối của Kanier. Cống viện Bắc Kinh vẫn còn chút lợi thế về điều kiện tự nhiên, đó là khí hậu mát mẻ, trừ khi gặp phải thời tiết nóng bức, oi ả của tháng Tám, cho nên ma quỷ ở đây xuất hiện nhiều nhất ở cửa ngõ phía nam.

Vào thời nhà Thanh, năm Đạo Quang thứ mười bảy, tức năm Đinh Dậu (1837) thi xã tại Phúc Kiến, thời tiết nóng bức, khắc nghiệt khác thường, trong ba vòng thi có nhiều sĩ tử mắc bệnh và bị ma ám. Quyển tam ký *Li biêm hiên chất ngôn*[10] của Đới Liên Phân có ghi chép lại câu chuyện thi Hương tại Nam Kinh vào năm Đinh Mão. Truyện kể rằng, vào đợt thi đó có một nửa số thí sinh bị say nắng và có hơn bốn mươi người bị chết trong phòng thi. Người chết nhiều như vậy nên trường thi này, chuyện ma quỷ hiện về đòi mạng đương nhiên là nhiều rồi.

[10] Nghĩa là: đặc tính chữa trị của kim li.

Cứ thi xong một môn người ta lại thấy xác của mấy thí sinh được khiêng ra từ Cống viện, cộng thêm mấy vị mắc chứng tâm thần cũng được dẫn ra theo. Tạm gác chuyện này qua một bên, phải điều tra nguyên nhân sự cố để còn có cái cớ dẹp tan mọi phẫn uất trong lòng người dân. Muốn giảm bớt những rắc rối này, họ bèn đưa ra lý do có sẵn là oan hồn báo oán hiển linh đòi mạng, lấy lý do ấy thì người dân còn biết nói gì đây? Nếu người nhà có hỏi tiếp, giải quyết không xong nữa thì đưa chuyện đó vào "cửa vi đoạt mệnh lục", hoặc viết thành một đoạn kịch nhỏ, cũng có khi chuyển thể thành tiểu thuyết *Mãn thôn thính thuyết Thái Trung Lang*[11]. Song chuyện

ma báo thù rốt cuộc cũng chỉ là cớ của quan phủ và quan trọng hơn nữa là mục đích xoa dịu sự phẫn nộ của quần chúng đối với việc vô tình bạc nghĩa ấy thôi.

[11] Nghĩa là: cả làng nghe truyện Thái Trung Lang.

4

Thi cử đối với những người trí thức chính là "long môn", vượt qua được thì thân phận sẽ trở nên cao quý gấp bội lần, còn ở mức độ nhất định nào đó thì chế độ thi cử thực sự đem lại cho sĩ tử nghèo một cơ hội tốt để đổi đời. Chuyện những thư sinh nghèo sau khi đỗ đạt làm quan vô tình bạc nghĩa làm cho người khác rất chú ý. Đến trường thi xuất hiện ma báo thù, đại đa số hồn ma báo thù đều vì sự vô tình bạc nghĩa giữa vợ chồng, người yêu, bạn bè với nhau. Vào trường thi, bạn bè thân thích của hai thí sinh kỳ vọng anh ta bao nhiêu thì kẻ thù và oan gia của anh ta nguyền rủa sâu nặng bất nhiêu. Lấy chuyện của người để đoán chuyện ma, giờ đây, tự nhiên hồn ma và thí sinh có liên quan đến chuyện ân oán và hận thù, tình tiết này thực sự cũng vô cùng hấp dẫn. Trường thi lúc này lại là nơi lý tưởng cho việc trả thù hay báo ân, báo oán.

Nhưng việc báo ân, báo oán của ma cũng có giới hạn, nó không được vượt quá phạm vi cho phép xảy ra sự cố trên trường thi. Dựa theo nguyên tác này mà có mấy cách báo thù dưới đây. Cách thứ nhất, "trục trường", nghĩa là tìm cách khiến cho thí sinh không thể làm bài một cách bình thường rồi bị đuổi giữa chừng. Có lẽ đây là hình thức trừng phạt nhẹ nhàng nhất. Trong đó, để thực hiện có một cách gọn nhẹ nhất thì oan hồn ma quỷ bất giác hiện hình trong lúc thi, khiến cho thí sinh chột dạ, sợ sệt mà tự hiểu rằng, nếu càng gắng gượng thì sẽ càng làm cho sự việc trở nên to tát, biết điều thì hãy tự mình rời khỏi trường thi. Thí sinh kín đáo trốn chạy như vậy mục đích để có thể tránh khỏi hình phạt nghiêm khắc hơn. Mà mục đích của oan hồn cũng chỉ mong cho kẻ thù không thành tài nên nếu mục đích đạt

được rồi thì dễ dàng bỏ qua. Đó cũng là một cách trừng phạt khoan hồng, độ lượng nhất rồi.

Có trường hợp khác lại có chút dứt khoát hơn. Chưa gặp ma đã tính trước chuồn. *Dực quynh bại biên* của Thang Dụng Trung, quyển một, *Khoa trường ẩn sự*[12] có ghi chép lại nhiều điều lạ lùng xảy đến trong trường thi: "Khoa Canh Thân, thí sinh nọ ở Tô Châu vào phòng thi, quân hào hỏi anh ta họ gì, liền đáp họ Trương, quân hào vui mừng nói: "Tôi đoán chắc khoa thi năm nay ông nhất định sẽ đỗ đạt. Tối qua tôi nằm mơ thấy một người con gái cũng ngồi ở phòng này, tay cầm một cành hoa quế, tôi hỏi vì sao thì cô ta nói, đợi người đàn ông họ Trương đến. Nay ông mang họ Trương, lại ngồi đúng vào chỗ đó, nhất định sẽ đỗ điểm cao." Trương mỗ nghe xong, vẻ mặt vô cùng hoảng hốt, sợ hãi chạy ra khỏi phòng thi.

[12] Nghĩa là: sự việc bí ẩn trong trường thi.

Có trường hợp oan hồn cho thí sinh vào phòng thấp, sau đó nhập vào, tự nói địa chỉ nhà và kể chuyện xấu xa của bản thân họ để tự bôi nhọ thanh danh và làm mất danh tiếng. *Bắc đông viên bút lục sơ biên,* cuốn ba ghi chép chuyện xảy ra ở trường thi Giang Nam năm Bính Ngọ Càn Long[13]: "Khi vừa phát đề thi xong, một sĩ tử liền không ngớt cất cao giọng hát, rồi bỗng nhiên dán đề thi thứ nhất lên bảng: "Hồn phách phiêu bạt đã bao năm rồi, hôm nay gặp nhau trước cửa phòng thi. Lúc đầu còn cho rằng đó là lương duyên, nhưng sau sao anh lỡ ra tay làm mất hết công danh của tôi?" Hát xong để đề thi ở đó rồi lảo đảo đi ra ngoài. Cùng sách *Tục biên*[14], quyển năm ghi chép câu chuyện về cuộc thi Hương năm đó: Có một sĩ tử bỗng nhiên dang tay như ôm đàn tì bà, cất lên bài hát dân ca *Mãn giang công*[15], vừa hát vừa trêu ghẹo xung quanh. Hát xong bỗng nhiên khóc nức nở và than vãn những chuyện buồn khổ của chính mình. Cuối cùng lấy giấy thi lau nước mắt, ngủ say mê mệt, sáng sớm hôm sau đi ra với bộ dạng thật thảm hại.

[13] Năm Bính Ngọ Càn Long tức năm 1786.

[14] Nghĩa là: biên soạn tiếp.

[15] Nghĩa là: giang sơn màu đỏ.

Một cách nữa là làm bẩn bài thi. Thí sinh làm bẩn, rách hoặc mất bài thi, khiến cho anh ta mất công làm bài mà chẳng có kết quả gì, đây cũng là một hình thức trừng phạt rất khoan hồng. *Độn trai ngẫu bút*[16] của Từ Côn viết về việc mà chính bản thân tác giả trải qua: "Thời Khang Hy, năm Tân Mão, ở trường thi Giang Nam có một thí sinh làm xong bài thi, sau đó anh ta đi vệ sinh, khi vào không thấy bài thi của mình đâu nữa. Một lát sau, ở công đường có truyện dụ nói: "Đường Tự Hào bị mất bài thi, nay bài thi lại từ trên trời rơi xuống phía tây của trường thi, nhưng đã bị rách làm hai rồi." Thí sinh này yêu cầu thay giấy thi để làm lại, nhưng một vị giám khảo đã từ chối anh ta, và nói: "Trong chuyện này ắt có quỷ thần, có thay bài thi cũng không có tác dụng gì đâu."

[16] Nghĩa là: viết về việc từ chối ăn chay.

Cuốn thứ hai trong *Dạ đàm tùy lục* của Nhân Trai Thị có viết về một kỳ thi Hương: "Có một vị tú tài say sưa làm văn, làm đến giữa đêm tự nhiên gặp một người vén rèm cửa đi vào. Người này mặc quan phục thời cổ, mặt mũi rất kỳ dị. Tú tài chợt giật mình, ngây người ra, người đó liền chìa tay ra và nói: "Ta là thần minh hiển linh. Tổ tông của nhà ngươi có tích âm đức, vì thế môn thi này nhà ngươi nhất định sẽ đỗ với thành tích cao, ngươi hãy viết một chữ vào lòng bàn tay ta, khi điền vào bảng (danh sách niêm yết) sẽ lấy chữ này để kiểm chứng." Vị tú tài này vô cùng mừng rỡ, liền cầm bút, mài mực đen đậm rồi vẽ lên tay người đó một chữ "khôi" rất to. Vừa viết xong đã không nhìn thấy bàn tay đó đâu nữa, cũng không thấy bóng dáng của vị thần minh kia đâu, mà chỉ thấy một chữ "khôi" ở trên bài thi của

mình. Màu vừa đen vừa đậm, thấm đẫm cả trang giấy. Và tất nhiên, vị đó không phải thần minh gì cả, chỉ là oan hồn giả mạo mà thôi."

Một cách kỳ lạ khác đó là hiện tượng thí sinh bỗng nhiên phát điên. Oan hồn hiện hình hoặc nhập vào người làm cho các thí sinh đang thi thì phát điên, phát cuồng, những chuyện như thế này ở trong trường thi cũng không ít. Cuốn thứ năm trong *Bắc Đông Viên bút ký sơ biên* viết thời Càn Long, năm Kỷ Hợi, trong kỳ thi Hương chỉ có một trường thi mà có đến ba người bị điên.

Người thứ nhất sau khi bước vào trường thi, phát đề thi xong, tự nhiên phát điên chạy vào trong thành, gặp người liền đọ sức quyết liệt. Một người khác sau khi nhận giấy làm bài, bước vào phòng thi, đột nhiên nổi cơn điên mà kêu rằng: "Tôi chỉ có thể viết tờ trình lên, có người muốn hãm hãi, ép tôi làm điều gian dối!" Còn một người khác, bỗng dưng nổi con điên loạn, hét ầm ĩ: "Tìm kiếm anh đã năm năm, hôm nay gặp được, anh không được đi nơi nào khác." Liền sau đó anh ta chạy ta ra ngoài, tự tìm đến cái chết mà không ai có thể ngăn cản được.

Sự khắc nghiệt nhất của việc trả thù chính là lấy mạng đền mạng. Ma báo thù sẽ lấy mạng người ở trường thi và cái oán độc này chắc chắn sẽ rất sâu nặng. Nhưng những kiểu lấy mạng ở trường thi thường núp dưới những hình thức như thí sinh tự sát hoặc bạo bệnh mà chết. Theo thống kê các con số được ghi chép lại, việc người tự sát tại trường thi nhiều hơn việc theo cổ tự vẫn, tuy có người nói rằng đó là bị oan quỷ hại chết sau đó giả dạng dưới hình thức tự thắt cổ chết, nhưng cái này chưa đủ cơ sở để thuyết phục người khác. Mà trong truyền thuyết viết về oan quỷ chính là "ải quỷ" cũng có rất nhiều, ví như *Dư mạc ngẫu đàm tiết lục* của Tôn Đàn có viết về một cuộc thi vào mùa thu ở Hồ Nam, sau khi các sĩ tử vào trường thi, nửa đêm bỗng từ đâu đó vang lên bài thơ tuyệt cú. Mà điều lạ lùng là những câu thơ lại từ miệng của một cô gái đọc lên, và câu thơ cuối cùng: "Kim dạ nguyệt minh

nhân tĩnh hậu, thanh linh nhất bức kết tàn sinh."[17] Quả nhiên là oan hồn của "ải quỷ" hiển linh. Ngoài ra, các thí sinh khi vào phòng thi thường mang theo con dao nhỏ, vì thế việc tự kết liễu đời mình cũng là điều dễ dàng thực hiện được. Trong cuốn *Bàng biếm hiên trực ngôn* của Tiền Thuật có viết: Vào năm Đinh Mậu, kỳ thi Hương ở Nam Kinh có đến hơn bốn mươi người chết, trong đó có ba trường hợp có thể nói là rất kỳ lạ, được ghi lại dưới đây:

[17] Nghĩa là: đêm nay trăng sáng, sau khi người tĩnh tâm lại, đã kết thúc cuộc sống tàn khốc này bằng một đoạn vải màu xanh.

Có một thí sinh ở Dương Châu, vào đêm mồng Tám, khi tất cả mọi người đang tập trung ở bên ngoài thì chỉ có một mình anh ta đi vào phòng ngủ. Đêm đã về khuya, mọi người nghe thấy trong phòng phát ra tiếng động lạ và nhìn thấy thí sinh này vén rèm cửa chạy ra ngoài, tay mang theo chiếc bát vỡ, rồi dùng các mảnh sành để rạch bụng, máu chảy thành suối, tay anh ta nắm lấy ngũ tạng của mình và gục xuống, nghiêm giọng nói: "Không tin, nhìn tim tôi!", nói xong anh ta ngã xuống đất và chết.

Cái chết tuy rất thảm hại nhưng theo lão nô đi với thí sinh này nói, người huynh đệ của anh ta chết sớm, để lại cô nhi quả phụ, người này vì muốn chiếm tài sản nên đã ép chết em dâu mình, giết chết đứa cháu tội nghiệp, vì vậy có tội thì phải chịu tội.

Những kiểu bị oan hồn lấy mạng, ngoài những người vong ân bội nghĩa còn có một lượng lớn những người làm việc ác như cưỡng bức, cho vay nặng lãi, chiếm lĩnh tài sản, ruộng vườn của người khác, buôn bán thuốc phiện… Lương Cung Thần vào năm Canh Thân tham gia ứng thi. Số là bên cạnh có người thắt cổ chết trong nhà vệ sinh, trước khi chết đã tự viết vào bài thi của mình: "Dao bút giết người có ba, đồng tính luyến ái là một, mời đại nhận thực thi chính pháp." Thật là một người chết không đủ để che đậy tội lỗi, mà trời bắt chết, thì rõ ràng mặt mũi phải úp xuống đất!

Oan hồn đòi mạng quả nhiên là giả, nhưng điều tra về cái chết của những người này lại tìm ra được rất nhiều chuyện xấu xa, đó là những thu hoạch ngoài ý muốn. Từ đó chúng ta có thể thấy, các lão gia lợi dụng chức vụ của mình ở địa phương để làm những việc thất đức. Vì thế, cách nói về oán quỷ trong trường thi cũng không phải là không có ý nghĩa.

Đương nhiên, người chết ở trong trường thi không phải ai ai cũng là kẻ ác. Trước khi bước vào phòng thi, thí sinh phải chuẩn bị kỹ tâm lý, chỉ hy vọng gặp được đề thi mà mình đã cố công chuẩn bị kỹ càng. Đến khi phát đề thi thì tất cả đều ngỡ ngàng, thất vọng, bao nhiêu hy vọng, chờ đợi từ ba năm nay bây giờ đã trở thành con số không, cơ hội tiếp theo phải khổ sơ, chờ đợi thêm ba năm nữa. Như Lưu Thanh Viên từng nói: "Vào lúc đó, gặp nhiều đề thi không được như ý thì tự nhủ với lòng mình, năm nay chắc sẽ không đỗ, có trăm cái cần phải suy nghĩ, hoặc là lo có thù không thể trả, hoặc đói rét, hoặc bị người thân, bạn bè cười chê, hoặc bị chủ nợ đòi, hoặc bị người khác bắt nạt… Có bao nhiêu cái cần phải lo lắng, suy nghĩ, cách nghĩ ngắn nhất của người đần độn, phong hàn, vất vả, mệt nhọc và bệnh tật là tìm đến cái chết cũng là điều hợp tình hợp lý!"

Vậy ở đoạn trước thuật lại sự việc tại các trường thi như vậy, khi nói về ma quỷ thì không thể không nhắc đến quỷ chính thức ở trường thi, nó có tên gọi là "khoa trường quỷ". Những con ma đó đều là do "phong hàn lao tụy" hoặc các thí sinh tự tìm con đường ngắn nhất để giải thoát cho mình là chết ở trường thi. Trong *Vô thường* và *Nữ điều* của Lỗ Tấn có hai lần nhắc đến điều này: "Trong phòng tối ở sau đại điện của miếu Thành Hoàng hoặc miếu Đông Nhạc, ở nơi đã biểu diễn kịch Mục Liên, "khoa trường quỷ", "điêu tử quỷ"[18], "yêm tử quỷ"[19] và "diệt tử quỷ"[20] xếp cùng với nhau, có thể xem như là những hồn ma vô tội. Dân chúng là những người hiền lương, trong mắt họ, những người thuộc tầng lớp thấp kém của xã hội mà cố gắng vượt lên số phận nhưng lại chết ở trường thi, thì đều đáng được

cảm thông. Tuy có những người sau khi vượt lên số phận, đối với bản thân cũng chẳng được lợi ích gì, nhưng có một vài việc làm cho người ta lo lắng, những hồn ma của điêu tử, yêm tử, diệt tử, tránh tử đều cần tìm người thế thân cho mình, "khoa trường quỷ" cùng nhóm với bọn họ, có phải cũng cần đến trường thi để tìm người thế thân? Nếu đúng như vậy, những phiền phức có thể còn lớn hơn rất nhiều![21]

[18] Nghĩa là: ma thắt cổ chết.

[19] Nghĩa là: ma chết chìm.

[20] Nghĩa là: ma ngã mà chết.

[21] Quách Trắc Vân sống ở thời cận đại, trong Đồng linh kế chí, cuốn sáu viết: "Sĩ tử chết tại Tỏa viên, thi thể không được đi ra từ "long môn", giá dây đỡ để không, để lộ ra ngoài, gọi là đánh thái bình. Sau đó linh hồn không tiêu tan hoặc vẫn lưu lại nơi đó và chịu cảnh khổ cực trong mưa gió.

P/S: Lá thư trả lời đầu tiên của Viên Tử Tài gửi cho Dương Lạp Hồ

Tần Thế huynh tới, giao tận tay rồi nhắc nhở, phải nói là huynh quá viển vông! Những truyện trong cuốn Tử bất ngữ đều là bịa đặt, nói nhăng nói cuội, sao xứng đáng được coi là một tác phẩm điển hình, đáng tin cậy, vì thế ta không cần nhớ tên tuổi tác giả. Huynh cho đó là những việc có thật trong chính sử, để chỉnh sửa từng chữ từng câu, huynh không thấy phiền phức sao? Ví như trong câu chuyện viết về Lý Hương Quân, ta đọc mà thấy bức xúc, dường như cuốn sách cố ý bôi nhọ danh tiết của Hương Quân, vì thế bắt buộc ta phải dùng những lời lẽ trên để giúp huynh tỉnh ngộ.

Những bậc chí nhân không bao giờ mơ mộng những chuyện viển vông, nhưng trong kỳ thi khoa cử vừa qua, huynh không những có những ý nghĩ viển vông như vậy, mà còn kéo cả đàn bà phụ nữ vào cơn mộng mị đó, đó không phải là cái sáng suốt của bậc chí nhân. Tuy nhiên, người muốn theo

đuổi ảo tưởng thì cứ theo đuổi, người từ chối ảo tưởng thì cứ việc từ chối, như trong câu chuyện Phạm Văn Chính Công viết sử được ghi trong tác phẩm *Họa mạn lục*, cho dù người đó không được coi là bậc chí nhân, nhưng vẫn có thể coi là bậc chính nhân. Còn huynh ngang nhiên nhận lời người ta để làm người giới thiệu cho cuốn sách, bậc chính nhân liệu có làm như vậy không? Khi việc của người ta đã hoàn thành, những thứ viển vông kia lại quá trống rỗng, người ta sẽ quên đi chúng. Có phải là vì năm Canh Dần huynh đi thuyền ghé qua chỗ Viên Mai, thơ của huynh được Viên Mai ca ngợi đến tận mây xanh? Tất cả những điều mà ta ghi lại đều là những điều mà huynh đã nói với ta, nếu không, ta sẽ không ảo tưởng như huynh, làm cách nào để biết đây là một vụ trọng án đây? Quan chủ khảo là Đông Lộc Thị Lang, cũng như huynh đã nói, đó không phải là những tưởng tượng chủ quan của ta. Nay huynh thừa nhận chuyện đó, còn Sư Đơn tuổi cao nên hay quên, vậy chuyện đó xảy ra bằng cách nào? Nhớ năm xưa khi huynh còn trai trẻ, đầu óc sáng suốt, tính tình thẳng thắn, có gì nói nấy, không biết kiêng nể bất cứ ai, bất cứ điều gì, giờ đây cuộc sống vất vả, lúc nào cũng nghĩ sau này mình sẽ chết như thế nào, có phải vì thế mà huynh né tránh những gì đã nói trước kia? Vậy khi huynh gặp Hương Quân, không biết huynh còn bôi nhọ nhân phẩm nàng ấy đến đâu? Đại nhân Hoàng Thạch Trai đã từng bị bạn bè trêu chọc, ông ngủ cùng một phòng với phu nhân Cố Hoành Ba, nhưng ông không phạm đến người kia, thậm chí ông cũng không trách cứ gì vị phu nhân đó. Huynh chỉ gặp Hương Quân trong mơ mà huynh đã thấy sửng sốt vì nàng có chút uế bẩn, sự độ lượng và lòng hẹp hòi sao mà khác nhau đến vậy?

Cổ nhân cũng giống như cổ vật. Những gì của thời cổ là những cái của quá khứ, khó có cơ hội được nhìn thấy. Bỗng nhiên nhìn thấy đỉnh đồng cổ, lu rượu cổ, ta phải thấy vui mừng vì điều đó, dẫu đó là một viên gạch cổ, một viên ngói cổ ta cũng thấy vui. Người xưa cũng là người của quá khứ, không thể gặp lại được, bỗng nhiên gặp được Nhạc Vũ Mục, Dương Tiêu Sơn đương nhiên người ta sẽ thấy mừng vui khôn xiết, ngay cả khi gặp phải

Tần Hội, Nghiêm Tung cũng cảm thấy vui. Tại sao vậy? Đó là vì rất hiếm có người gặp được họ mà thôi. Hương Quân là người của quá khứ đến nay cũng đã gần hai trăm năm, đâu phải ai cũng có thể gặp được nàng? Giả sử nàng vẫn còn thì giờ cũng đã trở thành một bà lão tóc bạc phơ, chứ không còn là một cô gái trẻ trung xinh đẹp nữa. Người nghiêm khắc, chính trực như Lạp Hồ huynh đã gặp được nàng sẽ thấy vui và cũng chẳng hại gì, cũng như khi kẻ "khinh miệt đến mức hạ lưu" như Viên Mai gặp được nàng cũng vui mừng đấy thôi. Hương Quân tuy là kỹ nữ, nhưng vì vậy mà người khác có quyền được trách cứ nàng quá đáng hay sao? Khi họ Mã, họ Nguyễn uy hiếp họ Trương, cái duy nhất có thể giữ được đó là tiết khí của bậc quân tử, từ đó được nhiều người kính nể, phong thái đó là cái mà bao kẻ sĩ muốn có mà không được, không thể thấy người ta xuất thân bần hàn mà tỏ vẻ khinh thường. Xưa kia Uông Kỹ yêu quý trẻ nhỏ nhưng vẫn có thể cầm gươm giáo để bảo vệ xã tắc, kỹ nữ Mao Tích Tích cũng vậy, nàng có gan chửi mắng bọn gian tặc mà chết, sử sách đã ghi lại câu chuyện về nàng. Huynh được gặp Hương Quân, đó là vinh hạnh của huynh, đó chưa chắc đã không phải là lòng hướng thiện yêu quý quá khứ, mà chắc chắn là sự háo sắc, phóng đãng của huynh đang bị gò ép, khi tâm địa đã không sạch sẽ như vậy, là tự mình coi rẻ mình mà thôi. Bốn chữ "Khiên liêm tư ngữ" (vén rèm nói chuyện riêng tư) trong sách được sửa thành "Sàng hạ quỳ cầu" (quỳ lạy dưới giường), thấy nực cười thay. Hương Quân chẳng qua chỉ muốn giới thiệu kẻ sĩ, lại bị giáo huấn oan uổng nơi công đường, vậy có gì cần quỳ lạy van xin ở đây? Huynh đã từ bỏ chức quan từ lâu, mà vẫn muốn ra uy ở huyện Nhật Châu, cộng thêm vào đó là vong hồn nữ giới từ hai trăm năm về trước, thật chẳng có ý nghĩa gì cả.

Lại một chỗ trong thư viết "vong hồn trinh nữ", rồi lại viết "vong hồn trinh nữ", Hương Quân có trinh tiết hay không, huynh biết được bằng cách nào? Nếu không phải là Hương Quân, mà là một phụ nữ ngoài bốn mươi tuổi có trang điểm nhẹ, thì việc người ta còn trinh hay không cũng không phải việc huynh có thể biết được. Tạm thời huynh không có chút tà niệm,

vậy thì việc "vén rèm nói chuyện riêng tư" kia có gì hại không? Và nếu như có tà niệm, vậy thì kẻ quỳ dưới giường kia tại sao không thể tiến đến ôm lấy chân đối phương? Ta còn nhớ tám chữ trong đề thi: "Y thượng nhã tố, hình dung đoan khiết"[22], nếu xét kỹ lại thì đề thi này đã phạm vào điều kỵ "phi lễ vật thị"[23], sau này khi bày tiệc mời khách, muốn ăn một miếng thịt cũng thật nguy hiểm. Vì điều này mà chỉ có hòa thượng và phụ nữ là dễ được nổi tiếng. Chỉ bàn về hiện tại, đương nhiên Lạp Hồ là người được kính trọng. Hương Quân là kẻ đê tiện, nhưng e rằng vài ba năm nữa, thiên hạ không những biết có một Lý Hương Quân, mà còn biết có một Dương Lạp Hồ - bậc quân tử đầy nhân cách ngồi trên kiệu, phải là người khác kiệu, chứ không cần tự mình kiệu.

[22] Nghĩa là: quần áo chỉnh tề, dáng vẻ đoan trang.

[23] Nghĩa là: không được nhìn những gì không hợp với lễ giáo.

Trong thư còn nói: "Đệ không phải không ham mê cái đẹp, nhưng đệ đặc biệt không ham cái đẹp của gái điếm." Câu này nghe có vẻ ghê rợn quá! Thử hỏi, không ham cái đẹp của gái điếm vậy thì huynh ham mê cái đẹp của người như thế nào? Người ham cái đẹp của gái điếm là tội nhẹ, ham cái đẹp của con gái nhà lành mới là tội lớn. Sắc thì phải đi đôi với tửu, có người chưa từng uống một giọt rượu nào thì cũng có người vô cùng điềm tĩnh. Lòng người khác nhau, tựa như khuôn mặt của từng người vậy. Ham mê cái đẹp không cần né tránh, không ham mê cái đẹp cũng thế. Nhân phẩm của con người là cao thượng hay thấp hèn không phải được định đoạt bởi việc anh có háo sắc hay không. Văn Vương háo sắc, Khổng Tử cũng vậy, nhưng cái háo sắc của Khổng Tử lại không giống với cái háo sắc của Vệ Linh Công. Nhà Lô Kỳ không tùy ý lấy thiếp, cuối cùng lại là kẻ tiểu nhân, Tạ An lấy cô kỹ nữ vùng Đông Sơn, cuối cùng lại là người quân tử. Tính tình huynh vốn nghiêm khắc, không hiểu thế nào là háo sắc, điều này ta biết rõ, và cũng thầm kính nể huynh vì điều đó, vậy hà tất vì ham mến cái danh háo

sắc mà ép mình phải biết nó? Vốn được ghi tên là bậc thánh hiền, nay lại mạo nhận mình là háo sắc, thật kỳ lạ thay!

Nghe tin huynh mừng thọ bảy tuổi, cùng vợ tổ chức lại lễ tân hôn, hai vợ chồng già dìu nhau vào động phòng. Ngồi trên giường trùm khăn đỏ, huynh tự gọi mình là háo sắc, hay là mượn cái đó để tự hào? Vương Long Khê có nói: "Tú tài nghèo ôm cô vợ già nhà mình rồi tự nói mình háo sắc, như thế không phải xấu hổ lắm sao!" Xưa có người sợ vợ, một hôm mơ thấy mình lập thiếp, người đó nói lại cho vợ biết, mụ vợ quát mắng, không cho phép chồng được mơ như vậy nữa. Huynh hoài nghi, trốn chạy trong mơ, xem ra cũng là vì những gì chị nhà đối xử với huynh hằng ngày tích tụ mà thành chăng? Lý Cương quyết định thà tự gánh chịu chứ không lừa dối chình mình, trong nhật ký ông có viết: "Đêm qua đã làm "chuyện đó" với vợ một lần", đến nay vẫn trở thành chủ đề để người ta bàn luận. Đến khi huynh là một ông già tám mươi tuổi, cái hứng thú của huynh vẫn chưa giảm, khả năng làm "chuyện ấy" vẫn còn, thì cái háo sắc của huynh đã không còn nữa. Bậc công tử hơn người ở cái nhìn xa trông rộng, kẻ tiểu nhân chỉ biết lo những cái tiểu tiết, những cái thiển cận. Hoàng Thúc vượt qua vạn trùng sông nước để tịnh tâm tu thân, huynh đã tu đạo bao năm nay nhưng tâm huynh không tịnh, tầm nhìn của huynh thiển cận. Nước trong con rạch, nhìn thì trong nhưng dễ bị quấy đục. Mong huynh đừng quá tự mãn, hãy nghe lời khuyên can của ta, mau chóng gánh mười thùng nước suối Huệ Sơn, gội sạch đám khí độc lan tỏa trong lồng ngực huynh, làm như vậy có công dụng dưỡng sinh, còn tốt hơn cả việc uống linh chi đen và đọc *Kim cương kinh* đấy.

Ta có tuổi rồi, đi cãi lý một chút cho người quá cố không liên quan gì đến mình như thế này dường như cũng là hơi quá. Chỉ e huynh khăng khăng coi trọng danh tiếng của mình để rồi phải chịu sự bôi nhọ này, một khi học được cách nhìn nhận sự trinh trắng của người phụ nữ, huynh sẽ thấy hổ thẹn muôn phần, còn cuốn Tử bất ngữ không những làm kinh động đến thánh

nhân, mà nó còn ngấm ngầm giết chết các bậc hiền giả, ta thực sự thấy không an tâm về nó. Tất cả những việc này cần mau chóng phân tích rõ ràng như trong thư trước.

Đính kèm lá thư của Dương Lạp Hồ

Khi có được cuốn *Tử bất ngữ* xuất bản lần đầu tiên, đệ đã đọc hết cuốn sách từng hàng, từng chữ một, thấy rằng tác phẩm được viết rất trơn tru, *Tân tề hài*, *Tục quảng ký*… tất cả đều viết rất hay. Chỉ khi đọc đến *Lý Hương Quân tiến quyển*, đệ bỗng thấy ngạc nhiên. Sự việc trong kỳ thi năm Nhâm Thân không giống như việc lúc đệ còn đương chức tại Cố Thủy. Thứ nhất, thời gian cách hiện tại cũng đã lâu, quan chủ quản kỳ thi cũng chẳng còn nhớ đó là ai nữa. Hai là, chỉ tiêu trúng tuyển trong kỳ thi của xã Hà Nam chỉ có bảy mươi mốt người, nhưng tại sao lại có đến tám mươi ba người đỗ cử nhân? Thứ ba, người trúng tuyển là Hầu Sinh chỉ là cháu trai trong họ của Tráng Hối Đường, không phải là người kế thừa của dòng họ. Thứ tư, có vẻ như việc này được thực hiện quá dễ dàng, chắc chắn không đúng sự thực, tất cả đều không đủ để minh xét sự việc.

Hơn nữa, bên trong còn có mấy chữ "hé lộ chuyện phòng the" làm bôi nhọ vong hồn trinh tiết! Vậy là cuối cùng đã có ai đó gặp được Lý Hương Quân, mỗi lần được người khác khen, ả cho rằng đó là niềm vinh hạnh. Kẻ được gọi là Lý Hương Quân chẳng qua chỉ là con điếm của Hầu Triều Tông ngày đó. Nếu như gặp một Hương Quân còn sống, vậy thì ả còn thấy vinh, thấy hạnh như thế nào? Người ta sẽ còn ngợi khen ả ra sao? Thường ngày đệ cũng không phải là người không ham mê cái đẹp, nhưng chắc chắn đệ không ham cái đẹp của gái điếm. Hai chữ "minh kỹ"[24] sao mà nghe chướng tai đến vậy! Tất cả những điều đó hoàn toàn tương phản với tính cách của đệ, không biết có chỗ nào mạo phạm đến huynh hay không, nhưng đệ vẫn xin được viết vài dòng như vậy. Vậy có phải là khinh mạn? So với kẻ hạ lưu, đệ không giống và cũng không đến mức thế. Sự việc này thuộc

loại vong hồn trinh nữ về báo đền ân đức trong mơ. Trong bản gốc cũng từng kể tới, nay ghi ra để người đời cùng đọc, không liên quan đến "Lý Hương Quân" hay "Lý Xú Quân"[25] gì cả. Vì thế đệ không sợ mạo phạm đến ai, sự việc cũng chỉ như việc chẻ đôi tấm gỗ mà thôi, hơn nữa, huynh lấy đó như điểm kết thúc của tình giao hữu, vậy thì càng đúng với nguyên tắc vốn có. Tên sách là Tử bất ngữ, rõ ràng làm kinh động đến cả bậc thánh thần, để cái chết và sự hồi sinh đối mặt với nhau, khiến mọi người chú ý mà vươn lên từ đó. Huynh là người ham danh vọng, đệ đoán rằng chắc không có ai dám khuyên răn huynh lấy một câu. Đệ tự thấy hổ thẹn vì chỉ có thể chân thành khuyên huynh chứ không thể nói thiện chí với huynh. Mong sớm nhận được thư hồi âm từ huynh!

[24] Nghĩa là: gái điếm nổi tiếng.

[25] Lý Xú Quân: chữ "xú" (thối) đối lập với chữ "hương" (thơm) ở tên Lý Hương Quân.

Chương 9: Sự hài hước của đầu lâu

Có những người tự nhận mình không có khiếu hài hước, nhưng cái sự hài hước, hóm hỉnh lại đều tìm đến với họ như một định mệnh, ví dụ như: "quỷ bủn xỉn, giả đạo học, chủ nghĩa Mã Ly lão thái thái… Những chiếc đầu lâu đáng thương ấy, tuy họ rất an phận nhưng không may lại có mối liên hệ với sự hài hước của con người.

Đầu lâu, cũng chính là hộp sọ của con người, ngay cả khi các vị độc giả chưa hề nhìn qua trong thực tế thì cũng có thể suy đoán được hình dạng đại khái của nó như thế nào. Tôi tin rằng chỉ cần nghĩ đến đã có không ít người nảy sinh cảm xúc vui mừng đối với nó. Nhưng điều đó không hề ảnh hưởng đến việc có một số người dùng nó để vẽ lên cờ, làm huy hiệu, hay những

thứ đại loại như vậy, thậm chí là làm dấu hiệu cảnh báo trên những thứ bị cho là nguy hiểm. Mục đính chính là làm cho con người cảm thấy sợ hãi, nhìn thấy hình ảnh đó thì sẽ lập tức tránh xa. Trung Quốc thời cổ đại, việc dùng đầu lâu làm con người có cảm giác kinh hãi, sợ sệt đã có những hiệu quả tích cực. Đó là vào khoảng thời gian sau khi diễn ra những cuộc đại chiến, người ta đem đầu lâu của kẻ địch hoặc của bách tính vô tội chất lên thành hàng nghìn đến hàng vạn đống như những ngọn núi nhỏ, và gọi là "kinh quan". Chỉ cần nhìn thấy vô số những đống "kinh quan" đó cũng đủ khiến cho kẻ thù hồn bay phách lạc, không có gan để tiếp tục chiến đấu nữa. Còn ở nước ngoài, nghe nói họ dùng đầu lâu làm thành thiên đường và còn trở thành kỳ quan nổi tiếng thế giới. Mục đích của việc làm ấy chính là dùng đầu lâu để kêu gọi, thức tỉnh trái tim thương xót, đồng cảm của con người. Nhưng dường như cũng không cần thiết phải dùng nhiều đầu lâu đến như vậy. Tóm lại, đầu lâu luôn gắn liền với những ý nghĩ và việc làm hài hước, hóm hỉnh của con người và khó có thể tách rời chúng ra được.

Bởi lẽ, hài hước luôn tự tìm đến cửa. Lý Cao Tác, họa sĩ thời Nam Tống có bức họa *Đầu lâu hoan hí đồ,* lấy một cái đầu lâu to đặt bên một cái đầu lâu nhỏ làm thành con rối, đến làm trò trẻ con ở chốn nhân gian. Ngô Lai Đình, người thời nhà Minh nói ông ta "chắc chắn sẽ có sự giác ngộ". Nhưng giác ngộ mà ông ta nói tới đây là giác ngộ cái gì? Phải chăng là ngộ ra những con rối trên sân khấu chính trị và người điều khiển nó, cũng chỉ là những đầu lâu làm trò cười mua vui cho thiên hạ? Hoặc giả ngộ ra hành động người sống dùng đầu lâu làm trò chơi mà lại không nghĩ rằng đầu lâu cũng đang coi đời người như một màn kịch? Điều này có lẽ cần phải dẫn dắt bạn đọc đến với bức họa đầu lâu và để mỗi người xem mình giác ngộ được đến đâu.

Có lẽ bức họa *Đầu lâu hoan hí đồ* được xem là bức họa sớm nhất ở Trung Quốc. Ý nghĩa châm biếm và khuyên răn nhân thế phản ánh qua bức tranh là giá trị tuyệt đối không thể phủ nhận được. *Phong nguyệt bảo giám*

lập ý của Tào Tuyết Cần cũng hàm chứa những ý nghĩa tương tự như vậy. Sống và chết, vinh và nhục, xưa và nay, trí tuệ và đần độn, giữa những cái thị phi và những cái chuyển đổi, con người đều đã gặp phải, đã trải qua[1]. Vậy nhưng tất cả những cái đó thực tế lại không đủ súc khái quát thành bài học cảnh báo bằng việc dùng hình tượng đầu lâu làm phát ngôn viên, nói lên tất cả mọi chuyện một cách ngắn ngọn, hình tượng mà lại vô cùng hài hước.

[1] Viện bảo tàng Cố cung có bức họa này, ngoài ra còn có Hoàng Công Vọng nói về bức họa này: "Không có chút da với thịt, có một sầu và khổ, con rối vẫn rút những sợi dây, làm một con rối giống như con thỏ đê mua vui cho người khác".

Đương nhiên, tổ tiên của đầu lâu hài hước ấy chính là *Trang Tử - Chí lạc biên,* trong đó có dẫn ra một câu chuyện rất nổi tiếng. Trang Tử trên đường đi đến nước Sở, tình cờ trông thấy một cái đầu lâu ven đường, bỗng trào lên sự xúc động, xót thương nghẹn ngào, muốn mời Mệnh sứ đại tư làm cho sống lại. Nhưng chiếc đầu lâu đó liền vội vàng nói: "Ta đang ở trời Nam, cuộc sống vui vẻ vô lo, vô nghĩ, nếu sống lại làm người ở chốn nhân gian, như vậy chẳng phải sẽ vất vả lắm sao!" Lời từ chối của đầu lâu vô tình khiến cho việc thương xót, đồng cảm của Trang Tử trở thành chuyện nực cười, hài hước. Sau này, Trương Hoành thời Đông Hán lại bắt chước, tiếp tục làm theo phong cách đó, viết một bài *Đầu lâu phú*, ám chỉ chủ nhân của chiếc đầu lâu đó chính là Trang Tử. Trang Tử mượn đầu lâu để nói lời của chính mình, Trương Bình Tử phá vỡ điểm này, thậm chí có phần sáng tạo hơn. Trong *Chí Lạc* của Lỗ Tấn đã cải biên cuốn kịch nói tiểu thuyết *Khởi tử*, đem huyền đàm trong giấc mộng của Trang Tử để nói lên một phần thực tế trong đời sống của con người, khơi gợi một nỗi đau đớn trong sự hài hước, ai ai cũng biết chuyện này, vì vậy tôi sẽ không nhắc đến nó nữa. Nói tóm lại, đầu lâu trong các tác phẩm văn học của Trung Quốc tưởng như chỉ đóng những vở kịch thoải mái, nhẹ nhàng nhưng ngẫm lại, kỳ thực đó lại là một vai diễn vô cùng nặng nề và phức tạp. Nhưng đạo lý to lớn của Nam Tất chân nhân gửi gắm qua những câu chuyện đó đọng lại sau cùng chính là

một chữ "huyền", huyền hoặc, huyền hồ, huyền ảo… Sau khi đọc xong câu chuyện, gấp trang sách lại nó vẫn còn ám ảnh, dẫn dắt con người ta đi theo một hướng khác rồi rơi vào cái vòng quái quỷ của Hamlet. Không biết là có bao nhiêu "tâm đắc" để có thể hiểu hết ý nghĩ của nó mà cắt nghĩa được ý nghĩ đơn giản của cuộc sống. Sống hay chết? Đó là cả một vấn đề. Vì thế chương truyện này sẽ bắt đầu từ các câu chuyện về một loại đầu lâu hóm hỉnh mà thiền tục. Đã nhắc đến hai chữ thiền tục thì khó tránh khỏi những đoạn nói đùa ác ý sẽ nhiều hơn một chút, nhưng cũng không hẳn là không có lợi trong việc giáo dục nhân cách của con người. Trang Tử chẳng phải đã từng đưa ra mệnh đề "đạo và phân tiểu" hay sao? Vậy thì hãy nói chuyện về đầu lâu cà phân tiểu.

Tác phẩm sớm nhất nói tới vấn đề này là *U minh lục* của Lưu Tống, Lưu Nghĩa Khánh: Phổ đại tư, Mã Hoàn Ôn khi làm quan cai quản ở Giả Kỳ (nay thuộc tỉnh An Huy), dưới quyền có tham quân họ Hà, buổi sáng sớm đi ra ngoài, trong lúc đang điều tra, tự nhiên muốn đi vệ sinh gấp, mà gấp quá không còn thời gian để tìm vị trí thích hợp, liền xà ngay tại chỗ, làm rơi vãi vào một cái đầu lâu. Đến khi anh ta quay về chỗ ở, khi ngủ trưa liền nằm mộng, gặp một người phụ nữ nghiêm nghị, chửi thẳng vào mặt anh ta: "Đồ khốn nạn! Tôi vốn là một giai nhân, hà tất phải làm tôi chịu ô uế như vậy? Hãy đợi đến khi màn đêm buông xuống, ngươi sẽ tự hiểu ra sự minh bạch lợi hại như thế nào?" Lúc đó, ở khu vực này có rất nhiều mãnh hổ, ban ngày có ít người đi lại, đến ban đêm thì lại càng không có ai dám đi ra ngoài. Nhưng vị Hà tham quân có cái tật là phàm là việc gì chứ việc khó nói ấy thì không thể nhẫn nhịn được. Anh ta khoét một lỗ trên bức tường của khuôn viên, đêm đến muốn đi tiểu tiện, liền ra chỗ đó biến nó thành chỗ đi vệ sinh. Không may cho anh ta, đêm nay anh ta lại mắc tiểu, vội vã đi ra ngoài "huyệt đạo", đang "dở việc", đúng lúc có con hổ đi đến nơi này. Không biết đột nhiên có linh cảm từ đâu đó, con hổ quay đầu lại, hung dữ cắn một phát vào chỗ kín của anh ta. Và thế là cái mạng của Hà tham quân đã được "chu du" xuống nơi âm phủ. Đến âm phủ rồi, Hà tham quân mới thực sự hiểu

được cái sự "minh bạch lợi hại" mà người phụ nữ trong giấc mộng nhắc tới. Bởi lẽ, theo quan niệm con người khi chết có hình dáng như thế nào, thì đến khi đến làm ma dưới địa phủ vẫn giữ cái dáng vẻ ban đầu đó. Điều đó cũng có nghĩa chỉ trong tích tắc Hà tham quân từ một người đàn ông mạnh mẽ bỗng chốc trở thành "yêm quỷ".

Điều kỳ lạ trong câu chuyện này là làm sao cách một bức tường mà hổ vẫn có thể cắn được (có thể bức tường ấy chỉ là một bức tường làm bằng bùn đất?). Những tình tiết cụ thể thì không cần phải tìm hiểu sâu nữa, chỉ nói đến việc chủ nhân của chiếc đầu lâu đó có tâm địa tăm tối một chút. Hà tham quân chỉ là gấp quá, không thể giữ thể diện nên đành phải làm bừa, vì không để ý nên vô tình mà chuốc vạ vào thân. Nhưng cũng có thể cái đầu lâu vốn chôn một nửa dưới đất, một nửa lộ thiên, có như thế mới lĩnh đủ cái hành động vô tâm của tên quan họ Hà. Hơn nữa, chiếc đầu lâu đó, chắc chắn nếu không phải chuyên gia thì rất khó phân biệt là nam hay nữ. Nói tóm lại, Hà tiên sinh tuyệt đối không phải cố ý phạm phải ba điều đại kỵ đó. Nếu như cộng thêm hình phạt nữa, thì cũng thôi thôi, không thể để linh hồn nhập vào mãnh hổ rồi thiến đi của quý của người ta được! Người phụ nữ này có thủ đoạn rất độc ác, hành động ấy thật sự làm cho thiếu nữ khuê các cảm thấy ngại ngùng, xấu hổ. Vì vậy, mặc dù câu nói "trồng cây nào ăn cây đấy" là không sai nhưng mà câu bình phẩm "bản thân là một giai nhân, hà tất phải đi cắn "của quý" người khác" thì phải trả lại cho vị nữ sĩ này.

Nhưng bất luận thế nào, "tiểu tiện bừa bãi" lên đầu lâu của người đã khuất là điều không đúng, cho dù đó là nơi hoang dã, quy tắc là không được để nó biến thành thùng rác đựng những thứ bỏ đi, mà phải coi đấy là di thể của người trưởng thành. Vẫn có người chưa được thực sự coi những thứ đó là đã thành "nhân", mà lại cho rằng đó là kẻ yếu đuối, tùy tiện bắt nạt và đương nhiên người này chắc chắn sẽ bị báo thù. Quyển một, *Đầu lâu báo thù* trong *Tử bất ngữ* của Viên Mai có viết một câu chuyện có nội dung

tương tự với câu chuyện liên quan tới Hà tham quân, nhưng nhân vật chính lại là một kẻ ác, làm cho người ta có cảm giác hoàn toàn không giống nhau.

Tôn Quân Thọ bản tính ngông cuồng, ác bá, luôn vô lễ với thần thánh và ngược đãi ma quỷ. Một hôm, hắn đi dạo trên núi cùng mọi người, bỗng đau bụng và muốn đi vệ sinh, tìm chỗ kín đáo một chút, thấy một cái đầu lâu gần đó, hắn liền đến và ngồi xổm lên, hắn lại dám đem miệng của người ta làm bồn cầu cho mình. Sau khi giải quyết xong, vị hán tử này còn chưa hết đắc ý, liền nói đùa với chiếc đầu lâu: "Nhà ngươi ăn có ngon không?" Không ngờ chiếc đầu mở to miệng nói: "Ngon!" Bản lĩnh của người này thực sự cũng rất tầm thường, lúc này hắn vội vàng kéo quần lên và bỏ chạy, còn chiếc đầu lâu kia thì giống như quả bóng lăn theo hắn ta, mãi đến chỗ cây cầu, vì chiếc đầu lâu này bị rơi xuống dưới nên đành phải quay về. Nhưng việc hắn bị báo ứng thì mới chỉ là bắt đầu mà thôi. Hắn quay về nhà, mặt mũi giống như người đã chết. Sau đó hắn mắc một loại bệnh kỳ quái, cứ đi đại tiểu tiện rồi bốc lên ăn, mà còn tự nói: "Nhà ngươi ăn có ngon không?", đúng là ứng với câu "tự ăn hậu quả của mình". Hắn cứ thế ăn ba ngày liền, nhưng mà cái "ba ngày" không phải là giới hạn trừng phạt của hắn, mà đó là ngày tận thế của hắn ta.

Làm người cũng nên có chút nhân tâm, bạn có thể không tin vào quỷ thần nhưng cũng không nhất định phải đi sỉ nhục quỷ thần. Giống như vị ác nhân vừa rồi, hắn sỉ nhục quỷ thần thực tế là phát sinh từ ngày bình thường quen áp bức người lương thiện, giống như kẻ thống trị khai quật mộ của người khác, sỉ nhục tiền bối của người khác là cách mà chúng chuyên dùng để khống chế muôn dân trăm họ vậy, đó không đơn giản là chuyện "không tin vào tà ma". Vì vậy, nếu chỉ là tự ăn phân của của mình thì cũng có thể tính là "trị bệnh cứu người", nhưng người này làm điều ác quen rồi, chết cũng không có gì đáng tiếc.

Nhưng quay trở lại sự việc, ngay cả khi chúng ta "không tin vào tà ma" thì cũng không cần phải thể hiện ra bằng cách dùng thái độ sỉ vả, làm nhục quỷ thần. Người dũng sĩ đối với thi thể của kẻ thù còn tỏ thái độ tôn trọng, những việc như đạp phá bài vị, đạp đổ tượng gỗ, khai quật mộ cổ, ngay cả khi làm người có bản lĩnh thì cũng vẫn có những người dùng ý chí mạnh mẽ của mình để chèn ép người khác. (Về việc đẩy tượng gỗ ra khỏi vị trí của nó là vì muốn dành chỗ ngồi cho bản thân mình, cái đó dường như là chuyện khác, nhưng thực tế đó là kết quả của việc "có nước chảy là thành mương", làm việc ác nhiều lần liền trở thành quen tay, quen tính.) Đạo lý rất đơn giản, bởi vì người bạn làm tổn thương không phải là những người được bạn tôn trọng, bởi vốn dĩ bạn cho rằng thần quỷ là hư vô, hành động đó chính là bạn đã làm tổn thương đến con tim của những tín đồ tin vào thần quỷ. Ngay đến đầu lâu, bạn vẫn có thể thấy rằng, giữa trời đất này nó là vật bỏ đi, nhưng đối với con cháu của chiếc đầu lâu kia thì quyết không cam tâm ngồi xem đâu. Đến xem tên lưu manh vô đạo sống dưới gầm trời này cũng vậy, chắc chắn họ sẽ không lấy đầu lâu của tổ tiên mình làm bình đựng nước tiểu, nhưng họ lại đem tổ tiên nhà người khác ra làm trò chơi, lúc này họ cho rằng việc đó không vấn đề gì, thậm chí còn cảm thấy rất vui sướng. Nghĩ mình mà nhớ đến người, những hành động như vậy quả thực vô cùng thất đức.

Mà kết quả của những hành động thất đức là khó tránh khỏi việc đầu lâu của tổ tiên mình có thể bị người khác hành xử tương tụ, thậm chí còn vô tình làm bỉnh đựng nước tiểu của chính mình. Theo Kỳ Vân trong *Việt vi thảo đường bút ký*, quyển bốn, *Bạch sắc u mặc* dẫn ra một câu chuyện: "Một tiểu tử đi tiểu vào đầu lâu, cũng là một đầu lâu chết chìm, chiếc đầu lâu này tức giận kêu to, nhảy lên cao lớn như người. Tên tiểu tử hỗn láo này sợ quá, liền chạy một mạch về nhà, nhưng không ngờ rằng chiếc đầu lâu lại dẫn theo một đám cô hồn, dã quỷ đánh đến tận nhà. Hai bên cùng thỏa thuận để hòa giải, mới biết chủ nhân của chiếc đầu lâu bị chết chìm chính là cao tổ mẫu của tên tiểu tử hỗn láo này! Lão thái thái thương nhớ con cháu

nên không tính toán với hắn nữa. Nhưng chuyện đã đồn đi khắp làng trên xóm dưới, chỉ cần nhắc đến gia đình này, mọi người đều nói: "Trương gia đi tiểu vào miệng của bà tổ mẫu." Nếu không bị đồn thổi như vậy thì đã không bị Kỳ Hiểu Phong ghi vào dã thừa rồi.

Những thứ ô uế như vậy, nói nhiều sẽ làm người khác không vui, vậy thì thêm thắt những thứ khác vào chắc hẳn sẽ tạo cảm giác thú vị hơn nhiều. Mã Việt thời nhà Minh có viết bài *Mã thị nhật sao,* trong đó có đoạn nhắc đến việc đem củ tỏi to nhét vào miệng đầu lâu.

Đồ ngự phòng của Thái giám Lai Định, sáng tinh mơ đã đi ra khỏi thành, đến buổi trưa đã đến Dương Phòng, bọn họ ngồi dưới gốc cây liễu to, bỏ rượu thịt mang theo ra để ăn. Lai Định dùng tỏi băm nhỏ ăn kèm với thịt hun, đang ăn rất ngon lành, khi quay đầu lại, bỗng nhìn thấy có một chiếc đầu lâu ở bên cạnh mình, liền lấy hai miếng thịt kẹp với tỏi rồi nhét vào miệng đầu lâu. Nếu sự việc chỉ đến đây thôi thì cũng không cần phải nói thêm nữa, nhưng Lai Định lại nói đùa một câu, hỏi đầu lâu: "Cay không?" Không ngờ chiếc đầu lâu này liền đáp lời: "Cay!" Sau đó kêu liên tục không ngừng, ngay cả khi miếng thịt trong miệng đầu lâu đã được lấy ra rồi, nó vẫn không ngừng kêu. Lai Định không còn cách nào khác, liền đi nhanh đến Nam Hải Tử, nhưng tiếng kêu cay kia lúc nào cũng văng vẳng bên tai, mãi đến khi vào thành Bắc Kinh, lúc đó tiếng kêu mới dừng lại. Nhưng sự việc vẫn chưa kết thúc, Lai Định về đến nhà liền mắc bệnh, vài ngày sau thì chết.

Không thể đùa giỡn với chiếc đầu lâu côn đồ này được, nó không thích đùa, chỉ một câu nói đùa mà đã trở thành kẻ thù. Con người bất luận giàu, nghèo, thiện, ác, một khi đã mạo phạm đến đầu lâu thì dù sự việc diễn ra có khác nhau thế nào thì cũng sẽ chịu chung một hậu quả cuối cùng. Nhưng thực tế không hẳn vậy, vì cũng có những đầu lâu vẫn còn tồn tại bản tính khi làm người. Đối với một chiếc đầu lâu không quen biết, cũng giống như

một người đi đến ngõ hẹp, gặp người hỏi chuyện, trước tiên phải quan sát một chút về đối phương, thân phận là gì, để tránh việc không cẩn thận lại đập vỡ đồ gốm, mạo phạm người ta. Ngày thường vị thái giám này có thói quen nói đùa với các vị "lão tiên sinh" trong triều đình, nhưng không ngờ lại giẫm phải đầu lâu của một tên lưu manh.

Dương Phụng Huy, người cuối đời Thanh, trong *Nam cao bút ký* của mình cũng có những câu chuyện tương tự như vậy. Ông dẫn ra hình ảnh đầu lâu của các dân tộc thiểu số gần ngôi chùa ở Cam Túc, so với đất ở ngoại thành Bắc Kinh thì dày hơn rất nhiều. Có một vị thương gia nhiều chuyện đã nhét vào miệng đầu lâu một quả ớt, rồi tiện miệng nói: "Khắc cánh nhất khắc cánh?" "Khắc cánh" trong tiếng dân tộc thiểu số có nghĩa là "cay". Không ngờ đầu lâu đáp lại: "Khắc cánh! Khắc cánh!" Sau đó chiếc đầu lâu đi theo anh ta đến khắp nơi, và tiếng "Khắc cánh! Khắc cánh!" lúc nào cũng văng vẳng bên tai vị thương gia này. Thương gia thấy phiền muộn bèn kêu cứu: "Tôi chỉ là nói đùa vậy thôi, lão huynh đi theo tôi suốt như vậy đến bao giờ mới thôi đây?" Lúc này nghe thấy có tiếng người đáp lại: "Xương cốt của tôi bị lộ ra ngoài, linh hồn không thể quay trở về được, chịu cảnh phong hàn nơi hoang dã, cỏ hoang núi không, nếu là người quân tử nhìn thấy thì ít nhất cũng phải tỏ ý thương tiếc chứ, đằng này ông lại đem tôi ra làm trò đùa! Tôi sẽ "Khắc cánh" vĩnh viễn bên cạnh ông." Vị thương gia này biết rõ ngọn nguồn, liền vội vàng quay lại nơi hoang dã vừa nãy, tìm thấy chiếc đầu lâu đó, chôn cất tử tế, và quả nhiên từ đó không còn nghe thấy tiếng "khắc cánh" nữa.

Chôn cất xương cốt là việc làm của người nhân từ, nhưng cũng có lúc lại gây phiền phức cho chính mình. Du Việt trong *Hữu đài tiên quán bút ký*, quyển năm có viết về một việc ở gần thị trấn Lâm Bình, Giang Tây: "Có một người nông dân đang cắt cỏ dại, gặp một chiếc đầu lâu, người nông dân cảm thương vì chiếc đầu lâu lộ ra bên ngoài, liền đào huyệt để chôn cất. Người nông dân này nghĩ rằng anh ta đã làm một việc thiện, nhưng không

ngờ khi anh ta về đến nhà liền mắc bệnh sốt rét, có quỷ nhập vào người rồi nói rằng: "Tôi đang ở bên ngoài rất vui vẻ, hà cớ gì ông phải đem tôi chôn xuống đất, tôi thực sự cảm thấy rất khó chịu, phải giết chết ông!" Cuối cùng, gia đình người nông dân này phải cúng tế bằng rượu thịt, hóa vô số tiền vàng mới có thể đuổi được tên khốn kiếp đó đi.

Có vẻ như chúng ta đã quá lan man lạc đề mất rồi. Bây giờ quay lại vấn đề cũ, đó là việc tiểu tiện vung vãi khắp nơi như nói ở phần đầu. Cần phải biết rằng những câu chuyện như vậy xảy ra không chỉ ở một nơi mà khắp nơi, nhiều vùng trên đất nước Trung Hoa rộng lớn, từ phương Bắc chốn kinh kỳ đến vùng Giang Nam, từ nơi văn minh hưng thịnh đến những nơi xa xôi như Tây Chùy, không có khái niệm về khoảng cách gần xa, tất cả đều có thể là vạn lý đồng phong rồi. Nhưng trong cái đại đồng nhất cũng có cái dị nhất, làm cho người ta phải nhận ra sự khác biệt về tình cảm của con người và khám phá ra nhiều điều thú vị về ma (và đương nhiên những điều đó đều thuộc về những người sáng tạo ra các câu chuyện), vì thế sau khi tìm kiếm được chắc hẳn cũng có đóng góp chút ít giá trị cho ngành nghiên cứu dân tộc học. Xuất phát từ những tình cảm sâu sắc của mình đối với mảnh đất quê cha đất tổ, không ít người, trong đó có cả tôi đã từng lật đi lật lại từng trang sách để tìm ra những câu chuyện tương tự như vậy về quê hương mình. Song do việc đọc sách có giới hạn, kết quả là làm cho tôi vô cùng thất vọng, nhưng sự xấu hổ đó không bằng cảm giác lạc lõng của con người. Những câu chuyện như thế này so với những câu chuyện cùng loại được phát hiện ra, quả thực, một cách vô thức bản thân tôi cùng có chút ngưỡng mộ. Nhưng hy vọng những câu chuyện "vô duyên" kể ra ở đây một lúc nào đó lại gặp được những độc giả có cùng sở thích.

Lục Trường Xuân, người thời nhà Thanh, trong *Hương ẩm lầu binh đàm*, cuốn ba có kể lại một sự việc xảy ra ở Quảng Châu, khu thương mại phát triển nhất đất nước thời kỳ đó. Có một người tử quê lên, mang theo một chiếc ô vào thành, trong lúc buồn đi vệ sinh gấp, nhìn thấy bên cạnh có một

chiếc đầu lâu, liền diễn lại kỹ thuật như trong câu chuyện của Hà tham quân, lại còn diễn kịch và hỏi: "Mùi vị tốt chứ?" Chiếc đầu lâu đó há miệng ra đáp lại: "Tốt!" Người nhà quê vô cùng sợ hãi, cầm lấy cái ô và cắm đầu cắm cổ mà chạy. Không ngờ ở đằng sau cũng như có người đuổi theo, vừa chạy vừa kêu "Tốt! Tốt! Tốt!" Anh ta sợ quá liền chốn vào miếu Thành Hoàng, ở đó ma quỷ không vào được. Rất lâu sau anh ta nghĩ rằng cái vị nói "Tốt! Tốt! Tốt!" đó đã đi khỏi đây rồi, nhưng khi vừa bước ra khỏi cửa miếu những tiếng "Tốt! Tốt!" lại tiếp tục đuổi theo anh ta. Người nhà quê ở Quảng Châu đều là những thương gia tài giỏi trong tương lai, và điều tự nhiên là họ rất thông minh, trong đầu bỗng nghĩ ra kế thoát thân. Anh ta liền chạy đến một cửa hàng gần đó mua đồ. Thương lượng giá cả xong, lại nói là quên không mang theo tiền, liền để lại chiếc ô làm vật làm tin, nói là đợi tôi đi lấy tiền rồi sẽ quay lại. Anh ta ra khỏi cửa liền chạy thật nhanh, quả nhiên không còn thấy tiếng kêu "Tốt! Tốt!" đuổi theo nữa. Chủ quán đợi đến khi trời tối mịt mà vẫn không thất người nhà quê đó đâu, chỉ còn biết đóng cửa hàng, nhưng đêm hôm đó quỷ bắt đầu làm loạn. Con quỷ "Tốt! Tốt!" đó không kêu "Tốt! Tốt!" nữa, mà nhập vào người ta rồi lý luận: "Hắn dựa vào đâu mà dám đại tiện lung tung vào miệng ta? Hắn đi rồi, nhưng lại để chiếc ô ở quán nhà ngươi, ta đến tìm ngươi tính sổ!" Chủ quán và ma lý luận đến nửa ngày, xem ra đây cũng là sự tinh ranh trong giới thương trường, đem vật đến để đặt làm tin. Cuối cùng, chủ quán chỉ còn cách bày tiệc rượu, hóa tiền giấy, lại còn mời thêm mấy vị hòa thượng tới tụng kinh mới tiễn được quỷ "Tốt! Tốt!" này đi khỏi. (Câu chuyện cũng tương tự như trong Quyển tám, *Quỷ quai quai* trong *Tử bất ngữ* của Viên Mai.)

Câu chuyện cuối cùng càng không thể không nói ra, bởi vì câu chuyện này tuy nằm trong *Nhĩ thực lục* của Lạc Quân rồi nhưng đây lại là chuyện đại danh nhân La Sính vẽ quỷ kể lại, mà địa điểm xảy ra lại ở Dương Châu, nơi ở của một tay ranh mãnh, khôi hài, chuyên ngấm ngầm giở trò mà mãnh, Vi Tiểu Bảo.

Ở những vùng đất hoang ngoại thành Dương Châu có rất nhiều đầu lâu, nếu như có người khinh thường những cái đầu lâu đó, nặng thì bị ám, nhẹ thì bị mắng. Bị mắng cũng chẳng phải việc gì to tát lắm, nhưng nếu bị một chiếc đầu lâu mắng thì chắc hẳn phải cảm thấy rấy xúi quẩy rồi. Hôm đó, có một người đàn ông ngông cuồng đi cùng vài người bạn ra khỏi thành. Những người bạn cẩn thận dặn dò nhau những điều cấm kỵ, mọi người đều không muốn gây rắc rối với những chiếc đầu lâu kia, nhưng người đàn ông ngông cuồng này lại muốn trổ tài, liền đi về phía một chiếc đầu lâu, bắt đầu "tưới", và còn luôn miệng nói: "Hay để ta mời ông uống rượu nhé!" Không ngờ chiếc đầu lâu này lại là một ma men, nghe thấy có rượu uống cũng không để ý những lời tục tĩu vừa rồi nữa, liền chạy theo đòi rượu uống. Người đàn ông ngông cuồng biết là có trốn cũng không được, chỉ còn cách là cùng mấy người bạn quay về thành, vào một quán rượu. Chiếc đầu lâu tuy không đi cùng nhưng linh hồn đã lên lầu từ rất sớm rồi. Mọi người ngồi vào bàn, sắp xếp một chỗ ngồi trống, cũng bày bát đũa lên, đấy là chỗ của chiếc đầu lâu ma men đó. Mọi người mỗi lần uống một chén đều phải hướng về nơi hư không đó rót một chén, và cũng không biết là đã cho vị ma men đầu lâu đó uống bao nhiêu rượu rồi, rượu đó đã thấm qua các tấm gỗ, chảy cả xuống tầng dưới. Khi tất cả mọi người đều cảm thấy đủ rồi, liền hỏi: "Lão huynh say rồi sao?" Không ngờ, chiếc đầu lâu này lại có khí phách của Phàn tướng quân, kiền đáp: "Chết cũng như cây gỗ mục, rượu kia mới chỉ đến chân tôi thôi, làm sao đã được?" Chiếc đầu lâu này đã uống đến mức không còn biết trời đất là gì nữa, những người cùng uống đã không chịu nổi, đều tìm cách đi mất, còn tên ngông cuồng kia thì khó mà thoát thân. Cuối cùng, hắn cũng lấy lý do đi vệ sinh, xuống tầng dưới đặt ngân lượng lên quầy tính tiền rồi chạy mất. Tiểu nhị của quán nghe trên tầng hai vẫn còn người kêu mang rượu lên, khi lên nhìn không thấy có một bóng người, chỉ nghe trong hư không có tiếng người nói: "Mang rượu lên đây", trong phút chốc tiểu nhị bị giật mình đến suýt chết.

Lã Lương Phong thích đem những chuyện nhân tình thế thái của nhân gian họa vào tranh vẽ. Câu chuyện trên đây thực tế là anh ta mượn đầu lâu mắng ma men, trong các câu chuyện về đầu lâu cũng không có chủ tâm gì khác.

Chỉ cần có rượu, chết cũng không có gì đáng sợ cả, đổ lên một đống phân cũng không sao cả! Vào thời đó cũng có thể được gọi là anh hùng trong thế giới của tửu, nhưng nếu như bây giờ, e rằng sẽ khiến mọi người phải dương mắt nhìn. Tất nhiên, cũng không tránh được "hậu sinh khả úy".

Đầu lâu và ma thuật của thầy mo

Sự hài hước của đầu lâu ngẫm lại còn có sự cay đắng, xót xa vô cùng, nhưng điều đó với họ vẫn chưa là gì, bởi trong cuộc sống đôi khi họ còn phải chịu nhiều cái không may hơn thế. Bởi vì bản thân mỗi chiếc đầu lâu đều có linh tính nên chúng thường xuyên bị quái nhân, quái vật lợi dụng, trở thành công cụ làm hại dân sinh, đó mới là điều đáng buồn nhất.

Cũng như việc con người cho rằng đầu chính là bộ phận quan trọng nhất trên cơ thể, đầu lâu làm thi hài cũng là điều tự nhiên. Một khi xương cốt của người chết phân tán tứ phía thì vong hồn của họ cũng cần phải có chỗ để nhập vào, nhưng nhập vào bộ phận nào đây, bất kể là người hay ma nếu lựa chọn, thì e rằng họ chỉ chọn đầu lâu, mà nếu đầu lâu cũng bị vỡ nát, phân tán khắp nơi, vậy thì bộ phận quan trọng nhất lúc này chính là xương đỉnh đầu. Các câu chuyện ở trên đã nói về việc đầu lâu có thể giống như trái bóng, càng nhảy càng cao, có thể giống như chiếc bánh xe lăn đi lăn lại đuổi theo người, một điều rất rõ ràng là, chỉ có đầu lâu mới có thể làm được như vậy, xương cốt của các bộ phận khác không làm được việc này. Tuy có linh tính, nhung lại là chiếc xương khô không thể tự chủ được, vì thế cho nên, vào thời cổ đại, đầu lâu và xương đỉnh đầu mới được cả thầy mo và

những người luyện yêu thuật rất coi trọng, bởi nó chính là nguyên liệu luyện yêu pháp của họ.

Trong tiểu thuyết chí quái thời Minh - Thanh thường nhắc đến yêu quái hồ ly "bái nguyệt luyện hình", trên đầu phải có một chiếc xương đỉnh đầu hoặc đầu lâu của con người, đó là điều mà độc giả đã biết rõ rồi. Nói về xuất xứ thì cũng rất sớm, như trong *Dậu dương tạp trở* của Đoàn Thành Thức người đời Đường có nhắc đến hồ ly hoang dã đầu đeo đầu lâu bái Bắc Đẩu, chỉ cần đầu lâu rơi xuống thì lập tức có thể hóa thành hình người. Điều này trong *Tập dị ký* của Tiết Dung Nhược được viết lại cụ thể, rõ ràng hơn:

Đột nhiên có yêu quái lảo đảo đi tới, với lấy đầu lâu và đặt lên đầu, lắc đi lắc lại, nó rơi xuống đất, yêu quái không để ý đến nữa, bởi vì còn có sự lựa chọn khác. Không bốn thì năm, chọn được một cái, khâu thành hình ngọn núi cao vút. Vén lên và ngắt lá cây, hoa có thể che lấp hình thể, phải để ý nhìn trước ngó sau rồi tạo thành cái áo. Trong chốc lát đã hóa thành một người phụ nữ, yểu điệu bước đi.

Không chỉ có hồ ly, tất cả những yêu quái quấy phá, làm hại đều phải mượn đầu lâu làm phép. Quyển hai mươi, Hoàng Tư Thâm trong *Di kiên đinh chí* của Hồng Mại dẫn ra một đoạn: "Có một con chó mẹ đeo lên chiếc đầu lâu thì có thể hóa thành người phụ nữ, hấp dẫn những kẻ háo sắc." Không chỉ có vậy, đáng sợ nhất là ma không đầu cũng muốn mượn đầu lâu để làm trò quậy phá, tình tiết kinh khủng đó còn ghê tởm hơn việc ác quỷ họa bì trong Liêu trai. Ví như quyển chín trong *Mộng am tạp trước* của Du Giao người đời Thanh có viết về một câu chuyện, nói về một thư sinh yêu mê hồn một mỹ nữ, nhưng đó lại là một con ma không đầu, đoạn sau của câu chuyện như sau:

Vào một đêm trăng sáng, bỗng nhiên cây liễu lung lay, một người trèo từ trên cây xuống, thân chưa đầy thước, nhìn thấy hai chân mà không nhìn

thấy đầu. Một lát sau, hình hài đó móc dưới dòng nước lên chín cái đầu lâu liên kết lại với nhau làm thành chiếc mũ đội lên đầu, sau đó biến thành người con gái xinh đẹp. Người con gái đó dùng hai tay vén mái tóc dài chấm đất, nhẹ nhàng đi lại dụ dỗ người qua đường.

Một chiếc đầu lâu còn có linh khí như vậy, giả dụ đem một trăm linh tám cái luồn vào với nhau, rồi đội lên trên đỉnh đầu, có khi sẽ trở thành Minh Vương Bồ Tát mất. Vì vậy linh khí của đầu lâu tất nhiên sẽ được các thầy mo trong dân gian chú ý và biến nó trở thành một nhân tố quan trọng trong tà thuật. Trong *Thiên đài bồ tát giới sơ* từng nhắc đến việc "người phương Tây đánh vào xương đầu của người khác, đó là nguyên nhân chính để gây cái chết". Thủ thuật dùng đầu lâu để gieo quẻ, ở các nước phương Tây có và người Trung Quốc cũng có, ở đây, phương thức ấy được gọi là "thần đầu lâu". Vị thần đầu lâu này cũng giống như thần Chương Liễu (thần cây long não), nhưng cơ sở ban đầu của nó không phải là dùng đầu gỗ có linh khí, mà là dùng đầu lâu của người rồi cho nhập hồn vào đó.

Cuốn *Hồ hải tân văn Di kiên kế chí* của Kim Thiết Danh có một đoạn ghi lại sự việc xảy ra vào năm Lý Tông Gia Hy, thời Nam Tống. Câu chuyện liên quan đến quá trình "chế tạo" thần đầu lâu. Công đoạn này vô cùng tàn nhẫn, đến nỗi làm cho người ta ghê tởm.

Hằng ngày đều rót giấm từ trên đỉnh đầu xuống gót chân, xương khớp, tĩnh mạch đều bị đóng đinh, vô cùng tàn khốc. Đợi đến khi chết đi sẽ thu những xương khô này lại, bốc lấy hồn ma và gọi là thần đầu lâu.

Trong cuốn sách này có đoạn viết: "Hôm nay người ta nói tới điều lành, dữ, bắt cóc con trai nhà người về làm pháp thuật." Nhưng đây cũng chỉ là một cách nhìn nhận về việc yêu quái lừa gạt, làm hại trẻ con được lưu truyền trong dân gian. Thực tế thì phần lớn cũng chỉ là truyền thuyết mà thôi, không chắc chắn chuyện này là có thật hoặc sự việc nghiêm trọng đến như vậy. Vì thế, có một cách lý giải khác về thần đầu lâu, tuy vẫn gắn liền với hình ảnh những thầy mo nhưng có vẻ đáng tin hơn một chút. Trong *Đông Pha tiên sinh vật loại tương cảm chí* của Thích Tán Ninh, người đời Tống, quyển sau có trích dẫn:

Những chiếc đầu lâu được dùng cỏ bồng xuyên qua để kết lại với nhau, ban đêm có thể cùng nhau chuyện trò, trước khi ra trận không được đến hỏi, lần đầu dùng thì dùng nước thơm để rửa, vẫn dùng cây cỏ xuyên vào, làm cho khó chịu, sau đó hỏi: hoặc là chôn vùi xuống đất, trồng cây đậu, đêm đến hỏi việc cát hung (bản này có thể có chữ sai, nhưng đại ý thì không sai).

Lấy một cái đầu lâu, dùng nắm cỏ kích thích vào những lỗ hổng như mắt, thậm chí có người còn đem đầu lâu này làm chậu hoa, trồng cây lên, làm cho rễ cây ở bên trong mọc lung tung, do việc này có thể ép đầu lâu phải dự báo cát hung, chủ ý này quả thực rất tàn nhẫn. Bởi vì theo truyền thuyết dân gian Trung Quốc, xương khô trong những ngôi mộ sợ nhất là bị giày vò.

Trong *Thuật dị ký* của Hoàn Trung Chi có nói đến một hồn ma báo mộng cho người, nói là trong mắt mình có vật gì đó đâm vào, làm ơn hãy rút nó ra. Người này tìm được thi thể của hồn ma, quả nhiên là ở đầu lâu có mọc lên cây cỏ. Trong *Quảng dị ký* của Đới Phú viết về việc thi thể của hồn ma bị rễ của cây mang làm hỏng, hồn ma thấy vô cùng đau đớn. Lại có một câu chuyện khác cũng kể về việc hồn ma kêu khổ: "Thân xác tôi bị rễ cây mọc qua, vô cùng đau đớn, không thể chịu đựng được nữa rồi!" Vì vậy, việc dùng cỏ đâm vào đầu lâu để hỏi cát hung cũng chẳng khác nào việc dùng cực hình để ép cung trong các nhà tù thuở xa xưa.

Kiểu thầy mo dùng pháp thuật tà ma như vậy chưa phải đã hoàn toàn thất truyền, thậm chí còn phát triển hơn nữa. Giống như tiểu thuyết *Hải du ký* đời Thanh có viết về việc luyện thần Chương Liễu, dùng xương đỉnh đầu của nam, nữ chia ra làm bốn mươi chín mảnh, có thể biến hóa thành một cái gì đó, ít ra thì cũng để thần Đầu Lâu và thần Chương Liễu hợp lại làm một. Từ thời Nam Tống, trong dân gian đã có những hồn ma không có xương đỉnh đầu, không có xương đỉnh đầu nên không thể chuyển kiếp được (xem *Di kiên giáp chí*, quyển mười bảy, *Giải tam nương*). Xương đầu là bộ phận quan trọng nhất của đầu lâu, đối với người chết khi chôn cất, tuyệt đối không được quên xương đỉnh đầu, cách nói này tuy là dựa vào tính quan trọng của đầu lâu, nhưng cũng không có ai thử đem vứt ra nơi hoang dã để người khác khinh thường hoặc bị đối xử tàn ác.

Nhưng cái đáng sợ nhất của các thủ thuật này không phải là tà thuật của thầy mo, mà chính là thuật dùng "ngự nhân" của các bậc Đế vương ngày trước. Đối với đầu lâu thì chính là cách dùng linh hồn người chết để trừng trị người sống. Đương nhiên đó phải là những đầu lâu tinh anh, được Đế vương đội ở trên đầu, thậm chí còn làm quầng sáng, nhưng hoàn cảnh của họ so với bị người vô lại ngồi lên còn khó coi hơn rất nhiều lần. Bởi đã là những tinh anh, thì họ sẽ coi trọng tính độc lập hơn cả tính mạng của mình, lúc sinh thời họ có thể từ chối bất cứ những gì cố cho thêm vào như giấy

hồ, hoặc là mũ quan giấy, nhưng một khi đầu lâu trở thành đồ trang trí của Đế vương sẽ bị mấy đi quyền được nói chuyện, chỉ là để họ tự bày biện, tùy hứng đánh phấn lên, nếu như đầu lâu linh thiêng, sâu thẳm trong con tim sẽ vô cùng đau đớn.

Tần vương Doanh Chính đọc thư *Côi phẫn*, *Ngũ đố* của Hàn Phi, liền nói: "Nếu quả nhân được gặp người này và cùng viễn du, thì chết cũng không hối hận!" Đấy là do lầm tưởng Hàn Phi là cổ nhân đã chết, vì thế bỏ đi sự tôn trọng của bậc đế vương để làm học sinh. Nhưng một khi Hàn Phi còn sống đi đến trước mặt thì lại là một chuyện khác. Hàn Phi viết một bài *Thuyết nan,* nói: "Rồng có vẩy cá ngược, nếu bị xúc phạm thì nhất định sẽ giết người. Người có vẩy cá ngược nói có thể là chủ nhân của vảy cá ngược!", đã biết là khó, vậy có thể "không" nói không? Hàn Phi không thể không nói, bởi vì ông ta không phải là đầu lâu, mà ông ta bị mắc bệnh nói lắp, lại không biết hát lời nịnh nọt, bởi ông không đồng ý làm trò hề, làm những bài văn nịnh bợ. Vậy kết quả của "thuyết" thì mọi người đều biết, đó là bị giam trong ngục tù, và chết thảm ở đó.

Thái sử công viết *Hàn Phi truyện*, có đến bảy mươi phần trăm các bài thi có dẫn cứ nguyên văn từ *Thuyết nan*, cuối cùng ông than rằng: "Dư độc bi thương Hàn Tử vì *Thuyết nan* mà không thể tự mình thoát khỏi tai ương." Đây là thương xót cho Hàn Phi hay thương xót cho chính bản thân mình? Là "dư thừa tâm sức có thể trừng phạt" hay là "chết xuống cửu tuyền cũng không hối hận"? Vì vậy, trong lịch sử tuy không ghi chép về nguyên nhân cái chết của ông nhưng có vài nhà sử học cho rằng, cuối cùng ông chết dưới tay Hán Vũ Đế, và điều này có thể được coi là điều tất yếu sẽ xảy ra.

Chương 10: Cái chết của ma

Trong cuốn *Luận hoành - Luận tử*[1] có viết:

[1] Nghĩa là: bàn về sự cân bằng và cái chết.

Từ buổi khai thiên lập địa đến nay, kể từ khi loài người mới xuất hiện, cái chết đến tùy theo tuổi thọ. Số người chết yểu ở độ tuổi trung niên tính đến hàng vạn, hàng tỷ người. Tính ra số người đang sống hiện nay không thể nhiều bằng số người đã chết. Người chết rồi sẽ trở thành ma, và tại mỗi con đường trên trái đất, cứ một bước đi là một con ma.

Khi nói câu này, chắc chắn Vương Trọng Nhậm chưa hề đi khảo sát thực địa về môi trường sinh thái dưới âm phủ, mà chỉ đứng từ góc độ của con người để suy đoán về thế giới ma quỷ, cũng giống như loài côn trùng mùa hạ không thể bàn xét về băng, vậy chúng ta cũng chẳng cần băn khoăn thêm về những điều trống rỗng vô căn cứ ấy. Ngay như sự suy đoán "tại mỗi con đường trên trái đất, cứ một bước đi là một con ma" là hoàn toàn không phù hợp với bản chất của ma quỷ. Thứ nhất, những linh hồn ma quỷ di chuyển có thể xuyên tường xuyên khe, có hình mà không để lại vết tích, vậy thì hà tất chúng phải chen chúc trên những ngả đường của con người? Thứ hai, linh hồn ma quỷ là thứ hữu hình mà vô chất, Xích Quách chuyên lấy ác quỷ làm lương khô, sáng nuốt hết ba nghìn, chiều nuốt hết ba nghìn, chiếc bụng tròn căng đến bảy trượng - cho dù bên trong chiếc bụng đó là cả một chiếc dạ dày lớn, không hề có các cơ quan nội tạng khác, thì chắc nó cũng chỉ xấp xỉ một phòng khách rộng bốn, năm chục mét vuông là cùng - vậy mà có thể chứa được hàng nghìn con quỷ, vậy trong cái không gian của "một bước đi" chen chúc được hàng trăm con quỷ là điều hoàn toàn có thể chứ! Đương nhiên, nếu nhân gian cứ luôn là một số lượng vô tận và tăng theo cấp độ hình học, hơn nữa số lượng này được dịch chuyển từ năm này qua năm khác, đời này qua đời khác, vậy thì hàng ngàn, hàng vạn năm sau, loài người chúng ta khó có thể trông chờ vào một kết quả lạc quan, cho dù các linh hồn ma quỷ kia không sợ đông đúc thì các bậc thần tiên trong tam giới cũng phải đau đầu khi chứng kiến cảnh tượng chật chội, chen chúc ấy. Vì

vậy, cần phải có cái thứ ba, tức âm phủ có cơ quan chính phủ hoạt động hiệu quả, có những thủ thuật riêng trong việc khống chế số lượng ma quỷ.

Giới tự nhiên giản đơn nhất được áp dụng theo phép luân hồi của đất Tây phương (tức Ấn Độ, Trung Quốc có thuyết chuyển thế). Nếu như quan niệm về âm phủ của dân tộc Trung Hoa đã được luân hồi hóa, vậy thì diêm phủ của chúng ta sẽ trở thành một trạm trung chuyển khổng lồ, mọi sinh linh không ngừng đổ về nơi đây, kết thúc tất cả những món nợ, những oan nghiệt của kiếp trước, để rồi lại chia ra quay trở về với lục đạo (trời, người, tu la (vô tửu đạo), ma đói, súc vật và địa ngục), hiệu suất phân phát của nó chắc chắn chẳng thua kém hệ thống bưu điện của người trần ngày nay. Như trong *Thập vương kinh* có viết: "Bảy bảy bốn mươi chín ngày mới qua được bảy điện Diêm La, nếu muốn đi qua được tất cả mười điện Diêm La, thì phải đợi đến ba năm sau mới qua được." Đó chẳng qua là những điều khoản bá vương của các ông thầy pháp sư, các vị hòa thượng, chúng dùng để bắt nạt những tang gia không hiểu biết, cố ý khiến mọi việc trở nên rề rà. Tóm lại, lúc này âm phủ đã trở thành một kho hàng chuyển phát nhanh tạm thời, vì thế không thể tồn đọng được bao nhiêu kinh hồn ở đó.

Nhưng ở thời đại Vương Sung, quan điểm về luân hồi vẫn chưa được chào đón chính thức, và quan trọng hơn đó là con người chúng ta có sự tự tin để tự mình giải quyết vấn đề, cho dù không có thánh giáo của triết học Tây phương thì con người hoàn toàn dư thừa khả năng để ứng phó với mọi sự việc. Vì thế, thủ thuật khống chế số lượng linh hồn mà chúng tôi nói tới ở đây cũng chỉ nằm trong giới hạn "hàng nội" mà thôi. Những thủ thuật này tuy không quá nhiều, hoặc có thể giảm bớt căng thẳng trong việc giúp ma quỷ chuyển đổi từ lớn sang nhỏ, hoặc có thể khiến cho việc chuyển biến thêm phần lịch liệt hơn, khiến cho quỷ chết thêm một lần nữa, sau đó được thanh lý sang một thế giới khác. Nhưng dù thế nào đi nữa, âm phủ đến nay vẫn là một thế giới thái bình.

Ma mới lớn, ma cũ nhỏ

Đây là câu nói xuất hiện trong chương *Văn công nhị niên* của *Xuân Tu tà thị truyện*, nguyên văn như sau:

Tháng Tám mùa thu năm Đinh Mão, trong buổi cúng tế tại đại miếu, người ta đưa bài vị của Hy Công đặt trên bài vị của Mẫn Công (Mẫn Công là cha ruột của Hy Công), đây là việc thờ cúng không theo thứ tự. Khi đó, Hạ Phụ Phất Kỵ đảm nhiệm chức Tông Bá (chuyên lo việc cúng tế của vương tộc), ông ta rất tôn sùng Hy Công, hơn nữa ông còn tuyên bố điều mình đã từng gặp: "Ta nhìn thấy ma mới lớn, ma cũ nhỏ, trước lớn sau nhỏ, âu cũng là thuận theo lẽ trời. Đưa bài vị của Thánh thượng lên trên là điều hoàn toàn sáng suốt. Sáng suốt, thuận theo thứ tự là phù hợp với quy định thờ cúng."

Hạ Phụ Phất Kỵ là quan Tông bá của nước Lỗ, chuyên lo việc cúng tế trong vương tộc, cái "lớn" và cái "nhỏ" mà ông ta nói là chỉ tuổi tác hay thứ bậc của người đã chết, xưa nay vẫn tồn tại nhiều tranh luận. Nhưng bản thân tôi thấy rằng, Hạ Phụ Phất Kỵ còn đề cập đến cả hình thể lớn nhỏ của ma quỷ. Số lượng tổ tiên thờ cúng trong điện của các dòng họ không thể là một con số vô cùng vô hạn, ngoài thủy tổ ra, tất cả những liệt tổ liệt tông khác sẽ dần bị đào thải theo thời gian. Nói một cách cụ thể, chính là những người không phải là nam giới bên họ nội, xin mời ra khỏi điện thờ họ. Trong các cuộc tế lễ, đây chính là nghi lễ tổ tiên đời trước rời xa tổ tiên đời sau (đương nhiên là ngoại trừ thủy tổ), nếu xét theo góc độ của những hồn ma thì đây chính là nghi lễ ma cũ xa ma mới. Những tổ tiên đời trước sẽ dần bị mời rời khỏi điện thờ họ theo từng đời, tuy nhiên họ vẫn được hưởng thụ sự thờ cúng của con cháu, nhưng địa vị của họ đã khác theo từng thế hệ. Sự bất an về tâm lý của thế hệ con cháu có khả năng được xoa dịu bởi "cách nói" của văn hóa âm phủ, cái gọi là "ma mới lớn, ma cũ nhỏ" chẳng phải là sáng kiến của bản thân Hạ Phụ Phất Kỵ, mà là một loại ý thức văn hóa âm

phủ của con người thời bấy giờ, câu nói này có khả năng hàm chỉ những linh hồn sẽ không ngừng nhỏ dần theo năm tháng, cho tới lúc hoàn toàn tiêu tan hết.

Dường như Âu Dương Tu là người đầu tiên nhìn nhận câu nói "ma mới lớn, ma cũ nhỏ" từ góc độ quỷ thần, vượt qua cả nghi lễ thờ cúng của tông pháp về mặt văn tự. Theo *Đông hiên bí lục*, quyển mười hai có nói, mười bảy tuổi, Âu Dương Tu tham gia kỳ thi huyện, đề ra bàn về từ "讹" ("vu" trong "vu cáo") trong *Tả thị truyện* (tức kiểu bàn luận tự do. Có cách nói cho rằng, chữ "vu" là sự nhầm lẫn của chữ "巫" ("vu" có nghĩa là thầy cúng")), có "thạch ngôn vu Tống, thần giáng vu sần"[2]. Thời bấy giờ, khi ai đó nói *rắn ngoài thành cắn chết rắn trong thành* (ở đô thành nước Trịnh), hay *ma mới lớn, ma cũ nhỏ* là những điều rất 'mới lạ". Những việc như "viên đá biết nói ở nước Tống" đều là những việc "quái dị, bạo lực, phản loạn, quỷ thần", và Âu Dương Tu đã đưa "ma mới lớn, ma cũ nhỏ" liệt vào trong hàng ngũ đó, rõ ràng chữ "quỷ" ở đây được ông nhìn nhận thành hồn ma của người đã chết.

[2] Nghĩa là: có viên đá biết nói ở nước Tống, có thần tiên hạ giới ở huyện Tân (này là Liêu Thành, Sơn Đông).

Duyệt vi thảo đường bút ký, quyển hai có đoạn đã nói rất rõ về sự việc này:

Cái gọi là quỷ chính là chỉ dư khí của con người. Thứ khí đó sẽ dần dần tiêu tan hết, chính như "Tả truyện" có nói "ma mới lớn, ma cũ nhỏ". Trên thế gian này, đã có người gặp ma, nhưng chưa ai từng thấy con ma nào trước hồn ma của vua Phục Hy và vua Hiên Viên, bởi dư khí của chúng đã tiêu tan hết.

Đây là sự giải thích rất hay, rất thú vị. Thời nay chúng ta nói về quỷ, dù thân phận của con ma đó có không rõ ràng, nhưng nó hoặc là mặc âu phục,

đi giầy da, hoặc là mặc quần đùi áo thun, chứ rất ít thấy ma mặc áo choàng dài (trang phục đời Thanh), mũ cao áo dài (cho dù thi thoảng nằm mơ cũng chỉ là những nhân vật trên sân khấu hoặc trong phim truyền hình mà thôi), và càng không thể gặp những "con ma trước thời vua Phục Hy" chỉ mang trên người vài tấm lá che thân. Những con ma từ thời xa xưa ấy không chỉ biến đổi kích cỡ từ to sang nhỏ, mà chúng còn "tiêu tan dần theo thời gian", cuối cùng không còn tồn tại nữa. Từ đó có thể liên tưởng rằng, Diêm La Vương ngày nay chắc cũng là những kẻ com lê, thắt cà vạt, ngồi trên chiếc ghế xoay sau chiếc bàn làm việc như các ông sếp với một chiếc bụng bia, phía sau là một loạt những quyển *Lục pháp toàn thư* đóng bìa cứng in chữ mạ vàng, còn những tên đầu trâu mặt ngựa chắc sẽ trở nên lệch pha nếu không đội trên đầu những chiếc mũ rộng vành.

Trong mẩu chuyện *Oan hồn đòi mạng*, quyển mười hai, cuốn *Tử bất ngữ* của Viên Mai có viết:

Vào giữa năm Mậu Dần thời vua Càn Long (năm 1758), Tiêu Tùng Bồ và Thẩm Nghị An cùng đến làm thư lại tại nha huyện Phiên Ngu, đảm nhiệm các vụ tố tụng hình sự. Nơi ở của Thẩm Nghị An cách phòng của Tiêu Tùng Bồ chỉ một bức tường. Nửa đêm, khi Tiêu Tùng Bồ đang lật xem lại các quyển án trạng, bỗng nghe bên phòng của Thẩm Nghị An có tiếng ngựa hí rất khẽ, thấy kỳ lạ liền nhòm qua khe hở trên bức vách. Từ khe hở, chỉ nhìn thấy Thẩm Nghị An đang nhoài người ra bàn viết công văn, cây bút trên tay viết không ngừng, lại có ba bốn con ma không đầu đang đứng bên cạnh Nghị An, trong tay chúng đang giữ chiếc đầu của chính mình. Và kinh hãi hơn, có một đám ma con đang quỳ xung quanh chiếc bàn mà Nghị An đang viết.

Vụ án mà Thẩm Nghị An đã xử là một vụ án giết người nghiêm trọng, trong đó có hai đối tượng tình tiết nhẹ tội hơn, có thể bị xử chết hoặc không. Những con ma đang giữ chiếc đầu của mình là những hồn ma bị hại,

đương nhiên mong muốn của chúng là giết hết những kẻ đã hại chúng. Còn đám ma con quỳ quanh bàn chính là tổ tiên của hai đối tượng phạm tội trên, chúng quỳ trên đất để cầu xin cho hai tên tù nhân kia được miễn tội chết. Điều đáng chú ý là, những hồn ma là tổ tiên của hai tên tù nhân kia đều là "ma con". Tại sao lại là ma con? Chính là bởi "ma cũ nhỏ" mà thôi.

Nói rằng "ma cũ nhỏ", điều này tuyệt đối không thể coi là loại truyện ma quỷ được kể một cách tùy tiện, nó có ý nghĩa sâu sắc trong các lễ nghi phong tục dân gian. Không cần phải nói đến những thứ khác, nếu như những con ma cũ không nhỏ dần đi và cuối cùng là tiêu tan hết thì âm phủ sẽ đông đúc đến mức chẳng còn chỗ để đặt chân, và cũng vì thế người sống sẽ chẳng thể lo nổi công việc tảo mộ hàng năm. Hơn nữa, nếu đề cập đến những ngôi nhà mồ đơn sơ - nơi gửi gắm hình dạng của những linh hồn, thì khó có thể nói chắc chắn được rằng, xã hội loài người lúc đó có còn không gian dành cho người sống nữa hay không. Vì thế, cách nói "ma cũ nhỏ" của thế giới âm phủ chính là việc "già rồi chết" của thế giới người sống.

Nhưng sự việc đâu có giản đơn như vậy. Nếu đem lý thuyết "ma mới lớn, ma cũ nhỏ" làm kim chỉ nam cho việc sáng tác truyện ma, vậy thì sức hấp dẫn của đề tài văn học này sẽ giảm đi rất nhiều, bởi trong rất nhiều những câu chuyện ma quỷ đó, những hồn ma của thế giới âm phủ không những không nhỏ đi rồi tiêu tan mất, mà chúng còn không bị già đi theo thời gian. Trong tác phẩm *U minh lục* của tác giả Lưu Nghĩa Khánh, tướng quân Tư Mã Điềm cai quản vùng An Bắc thời Đông Tấn nằm mơ thấy Động Ai vẫn trong dáng vẻ của một ông lão râu tóc bạc phơ, khi bị giết, Động Ai đã ngoài bảy mươi tuổi, vì thế ông lão trong giấc mơ vẫn mang hình dáng diện mạo như khi còn sống. Trong quyển sáu, cuốn *Dị uyển*[3] của Lưu Kinh Thúc có viết, sau khi vào thành Lạc Dương, Ngôn Lục Cơ nằm mơ thấy hồn ma của Vương Bật vẫn trong dáng vẻ của một chàng trai trẻ. Đây là những việc xảy ra cách nhau khoảng trăm năm. Trong tác phẩm *Tuyên thất chí* của Trương Độc thời nhà Đường có viết, vào giữa năm Đường Nguyên Hòa

(vua Hiến Tông thời Đường) có vị tiến sĩ tên Lục Kiều gặp hồn ma của Thẩm Ước, hai thời điểm cách nhau gần bốn trăm năm, nhưng Thẩm Ước vẫn "cao lớn, lượt là, thanh tú, khoan thai". Phần *Lưu môn nô* trong tác phẩm *Quảng Dị ký* của Đới Phù có ghi, vua Đường Cao Tông gặp hồn ma của thái tử - con trai Sở Vương Mậu đời Hán, hai thời đại cách nhau đã bảy trăm năm, trong phần *Triệu tá* viết, vua Đường Huyền Tông gặp hồn ma của Tần Thủy Hoàng, hai thời đại cách nhau gần nghìn năm. Những hồn ma đó vẫn giữ nguyên hình dáng của họ như khi còn sống.

[3] Nghĩa là: khu vườn ma quái.

Những câu chuyện trên chẳng quan tâm tới quy luật "ma cũ nhỏ", nhưng lại có một tình tiết bắt buộc người ta phải chú ý tới, chính là những con ma này đều là "ma nổi tiếng", cũng giống như những người thuộc lớp những người quyền quý, đức cao vọng trọng, những nghệ nhân, danh sĩ, nhà báo, mỹ nhân, luật sư nổi tiếng trong xã hội loài người. Trong tác phẩm *Thủy song xuân nghệ*, Âu Dương Triệu Hùng, người đời Thanh đã kể lại một sự việc, tuy chủ yếu bàn về chuyện "ma cũ nhỏ", nhưng lại liệt những con "ma nổi tiếng" ra ngoài, Trương Sán là người Tương Đàm, tính Hồ Nam, tự nói mình có thể nhìn thấy ma:

Người chết đã nhiều năm, linh hồn của họ sẽ biến nhỏ dần, nhưng hồn ma của những người giàu có, nổi tiếng thì không vậy. Có thể thấy, từ cách nói "ma mới lớn, ma cũ nhỏ" trong Tả truyện, cho đến thuyết "gạn lọc tinh hoa", nếu ai đó không hiểu rõ về quỷ thần sẽ chẳng thế nào hiểu được cái tinh hoa trong đó.

Điều này cũng được lấy từ quan điểm về ma quỷ Tử Sản (cháu đích tôn của vua Trịnh Mục Công). Tử Sản bàn về ma quỷ có phần phóng đại, trở thành một mục lớn trong tư tưởng Trung Quốc. Quan điểm của ông có ảnh hưởng lớn tới quan niệm về quỷ thần của Nho gia Trung Quốc, sau này được giới thiệu với tư cách chuyên đề. Ở đây, chúng tôi chỉ nói một cách sơ

lược, con người sau khi chết, linh hồn của họ sẽ phân tán vào hư không rồi tiêu tan hết, nhưng chúng sẽ không tan hết ngay tức khắc mà còn tùy vào từng người. Những linh hồn tiêu tan nhanh, tất nhiên sẽ không trở thành ma quỷ hay những oan hồn, còn những linh hồn tạm thời chưa tiêu tan được, tuy chúng có thể trở thành hồn ma một thời gian, nhưng cuối cùng cũng vẫn phải tiêu tan hết. Vậy tại sao có những linh hồn lang thang không thể tiêu tan ngay lập tức? Có hai điều kiện, một là đột tử, vì thế tinh lực của người đó vẫn chưa tiêu tan hết, hai là, những người thuộc gia đình quyền quý, hằng ngày được cung cấp dư thừa chất dinh dưỡng, tuy lúc đó người đã ngừng thở, nhưng thuộc loại "đầu trong đèn vẫn chưa đốt hết". Như vậy thiết nghĩ rằng, trong những lời mà Trương Sán nói dường như được gác lên một tầng ý nghĩa nữa, những câu chuyện ma quỷ rất ít nói tới ma quỷ thời cổ đại, thi thoảng có nói tới thì cũng là hồn ma của những người nổi tiếng, đó là vì những hồn ma "giàu có, quyền thế" sẽ không bao giờ bị biến nhỏ đi. Tuy nhiên, quan điểm này cũng chưa thật xác đáng, bởi trong các câu chuyện ma, tuy thường nhắc tới những hồn ma danh tiếng ở thời cổ đại, nhưng lại không phát hiện ra rằng, đa số những hồn ma ấy thực ra chỉ là yêu tinh biến rằng. Cũng dễ hiểu thôi, bởi vạn sự trong nhân gian đều vàng thau lẫn lộn, danh nhân làm ra những quảng cáo lừa phỉnh, quảng cáo lại tạo ra những danh nhân giả mạo, và muốn có được tính minh xác trong những sự việc của thế giới ma quỷ lại càng khó khăn hơn.

Nhân tiện đây cũng xin nói thêm rằng, còn có cách nói hoàn toàn đối nghịch với cách nói "ma cũ nhỏ", đó là ma quỷ không những không nhỏ dần theo thời gian, mà ngược lại chúng còn lớn dần theo năm tháng. Nhưng cách nói này rất ít gặp, và xem chừng cũng chưa được mọi người đồng thuận. Lưu Nghĩa Khánh trong *U minh lục* có viết:

Lưu Đạo Tịch và em trai họ là Khương Tổ thời trẻ không tin trên đời có ma. Nhưng người anh họ là Hưng Bá từ nhỏ đã từng gặp ma, hai bên tranh cãi nhau không phân thắng bại. Cuối cùng Hưng Bá nói: "Hai đệ à, trên

cây dâu ở phái đông đại sảnh nhà chúng ta có một con ma, hiện giờ con ma ấy hãy còn nhỏ, không cần phải sợ, chỉ sợ rằng sau khi lớn lên, nó không những không rời khỏi đây, mà còn tìm cách hại người."

Nhưng tôi có cảm giác rằng, con ma được nói tới ở đây không phải là hồn ma của con người, mà là ma thuộc loại ma quái ôn dịch. Nhưng dù có là thứ gì đ chăng nữa thì ngay lúc đó nó cũng đã bị giết chết bởi giọng nói và tiếng cười của Lưu Khương Tổ.

Ma chết biến thành ni

Như tôi đã từng nói "ma không bao giờ chết vì đói", nhưng không chết vì đói không có nghĩa là ma không thể chết, vì vậy những linh hồn vẫn tồn tại một vấn đề - đó là "cái chết". Trong phần trước tôi đã nhắc tới Xích Quách lấy hồn ma làm cơm ăn, hồn ma bị tiêu hóa trong bụng Xích Quách, rồi biến thành thứ phân hoặc hư hoặc thực, chắc là chết rồi đấy nhỉ? Trương Tuần được mệnh danh là Trương Thiên Quân chém quỷ, Chung Quỳ là tiến sĩ vùng Chung Nam (ở phía tây nam thành phố Tây An, tỉnh Thiểm Tây) có tác phẩm *Trảm quỷ truyện*, viết rằng có vị thần Ngũ Xương luôn coi việc giết ma quỷ là công việc của mình, mà ma quỷ đã bị chém bị giết thì tất nhiên không thể sống sót rồi. Vì thế trong dân gian vốn đã có quan niệm ma quỷ cũng có lúc phải chết, nhưng những cái chết đó chỉ được coi là "cái chết phi chính thức", hơn nữa có cách nói cho rằng, ma quỷ cũng chưa chắc đều là những hồn ma của con người, "cái chết tự nhiên" của ma người đại khái đều "chết" một cách mơ hồ theo thuyết "nhỏ dần theo năm tháng".

Trong thuyết luân hồi được truyền bá từ Tây phương, linh hồn ma quỷ không bao giờ chết. Ngoài những linh hồn phạm mười tội ác lớn bị đày xuống địa ngục để chịu vô vàn những hình phạt khổ cực thì không chỉ con người, mà linh hồn của mọi sinh vật sinh con, sinh trứng, sinh sản vô tính hoặc sinh sản đột biến… đều được đưa tới lục đạo để đầu thai sang kiếp

khác. Khi đó súc vật được chuyển thế làm Đế vương (như Tùy Dạng Đế là do một con chuột lớn được đầu thai), và việc các vị Đế vương được đầu thai thành súc vật cũng không phải là chuyện hiếm. Còn những linh hồn bị đày xuống địa ngục chịu nhục hình, chúng càng không bao giờ phải đối mặt với cái chết, bởi nếu như chúng có thể chết thì chẳng phải quá có lợi cho chúng sao? Một số sách kinh Phật đã miêu tả vô cùng tường tận những hình phạt khắt khe của tám khu địa ngục lớn và một trăm hai mươi tám địa ngục nhỏ, cưa mình, nghiền nát, xay nhuyễn, dẫu có nấu thành cháo thịt đi chăng nữa, chỉ cần "nghiệp phong" (con gió luân hồi tam thế giữa nghiệp thiện và ác) khẽ thổi, những linh hồn ấy lập tức trở lại nguyên hình và tiếp tục chịu đựng khổ nhục hình. Những linh hồn tội lỗi đó cầu xin cái chết mà không được, ngược lại, những đau đớn mà chúng phải chịu đựng còn được sử dụng làm ví dụ cho những người đến tham quan âm phủ. Vì thế, không phải ở bất kỳ nơi nào, chính sách "sống sót mãi mãi" đó cũng được tất cả mọi người mang ơn.

Những linh hồn ma quỷ của Trung Quốc vẫn biết đến cái chết, tuy những cái chết đó có phần hàm hồ nhưng cuối cùng vẫn luôn được phân tích rất rõ ràng. Muộn nhất là vào đời Đường, các cuốn tiểu thuyết đã phản ánh một ý kiến rằng, những linh hồn nơi âm phủ cũng giống như con người nơi dương thế, chúng đều sẽ "tự nhiên mà chết đi". Trong tác phẩm *Minh báo ký* của Đường Lâm có viết, Mục Nhân Xuyến hỏi quan âm phủ Thành Cảnh rằng: "Ma quỷ có chết không?", Thành Cảnh đáp: "Đương nhiên!" Nhân Xuyến lại hỏi: "Sau khi chết sẽ đến nơi đâu?", đáp: "Không biết, giống như con người chỉ biết mình sinh ra lúc nào, chứ không biết khi nào mình sẽ chết đi." Hồn ma đã chết, lại còn hỏi nơi mình sẽ đến sau khi chết, có thể thấy cái chết đó hoàn toàn không giống như Tử Sản nói những linh hồn lang thang tựa như khí tiêu tan vào không trung. Kết luận của Tử Sản là ma quỷ từ có trở thành không, còn ý kiến vừa rồi lại là ma chết thần còn. Nếu như sau khi chết ma quỷ không tiêu biến đi, vậy biết nói sao khi con người

không cho chúng mảnh đất dung thân, nhằm tránh xảy ra những rối loạn trong xã hội?

Và rồi *Hà đông ký* của Tiết Ngư Tư đã bịa ra một "nha minh quốc - đất nước quạ kêu", một đất nước mà "trong bán kính hàng trăm dặm không hề có ánh sáng mặt trăng cũng như mặt trời, ở đó người ta chỉ dựa vào tiếng quạ kêu để xác định ngày và đêm".

Hỏi rằng: "Đất nước quạ kêu là một vùng đất hoang sao?" Hai người kia trả lời: "Người chết sẽ trở thành ma, ma rồi cũng phải chết, ma chết rồi, nếu không có một nơi cho chúng đến thì sẽ phải xử lý chúng ra sao?"

Ý kiến trên xem chừng rất dứt khoát, giải thích ra sẽ là, người chết biến thành ma, nếu không có âm phủ thì làm sao có thể trị yên lũ ma đó? Ma quỷ cũng phải chết, nếu không có một "đất nước quạ kêu" thuộc thế giới bóng đêm thì làm sao có thể xử lý đám vong hồn của những hồn ma đã chết? Còn về "đất nước quạ kêu", thực ra nó chẳng phải là một cái gì đó sáng tạo. Âm phủ - nơi những hồn ma sinh sống, há chẳng phải một nơi "không có ánh sáng mặt trăng mặt trời, tất cả đều chìm trong màn đêm u ám sao? Còn đối với những con ma kia, môi trường sinh thái sau khi chúng chết lại mang cho chúng một thứ cảm giác "quy hồi", chỉ có điều chúng phải căn cứ vào tiếng quạ kêu để phán đoán ngày và đêm mà thôi. Còn về khu vực biên cương của đất nước này, tuy nó chẳng thể rộng lớn nhưng đã là đất hoang thì nơi đó cũng sẽ là một vùng đất rộng thoáng trong một thời gian ngắn. Vì thế, sau khi chết, ma quỷ sẽ đến "đất nước quạ kêu". Nếu hiểu theo quan điểm hiện đại, điều này chẳng qua cũng giống như việc di dân đến một vùng đất thuộc địa. Phát hiện này quả là hết sức nông cạn.

Trong chương *Lữ Vô Bệnh* của *Liêu trai chí dị* có kể, ma nữ có tên Lữ Vô Bệnh trong một đêm bôn ba hàng nghìn dặm, cuối cùng khi tinh lực đã bị tiêu hao hết, ả "đổ sụp xuống đất mà chết". Chồng ả đã xây cho ả một

ngôi mộ mang tên "quỷ thê chi mộ", bởi chồng ả là người trần, vì thế ngôi mộ này chỉ có thể được xây tại dương gian, nhưng đó chỉ là một ngôi mộ mai táng mũ áo mang tính tượng trưng, nó không thể chứng minh hồn ma của Lữ Vô Bệnh đang ở dương gian. Còn trong chương *Chương A Đoan* lại chuyên môn hơn trong việc lấy cái chết của ma quỷ để dựng thành câu chuyện, người và ma quỷ yêu nhau, kết thúc thường là việc sống lại của ma quỷ, cho dù không thể sống lại, thì giữa người và ma quỷ vẫn có thể yêu nhau. Nhưng chương này đã giành được thắng lợi đáng kinh ngạc, dùng việc chạy trốn của một ma nữ (vợ của Thích Sinh), sau đó được chuyển thế để toại nguyện cho cuộc hôn nhân giữa người và quỷ cùng với Thích Sinh, rồi lại dùng cái chết của một ma nữ khác (Đoan Nương - người tình của Thích Sinh) để tạo ra một kết cục bi thương, khiến tình yêu giữa người và quỷ của bọn họ không thành.

Đúng vào cuối năm đó, Đoan Nương bỗng nhiên bị bệnh, cả ngày u sầu ủ rũ, cảm thấy lo sợ như nhìn thấy quỷ. Vợ an ủi nói: "Đây là bệnh của ma thôi." Thích Sinh nói: "Đoan Nương đã là ma, vậy ma thì sao mà mắc bệnh được?" Vợ nói: "Không phải thế, người chết thì sẽ thành ma, ma chết thì sẽ thành ni. Ma sợ ni, như con người sợ ma vậy."

"Ma chết sẽ thành ni." Ma quỷ có thể át người, vậy thì ni cũng có thể át ma, vì thế ni thực sự có thể khiến ma quỷ sợ. Thế là những "thuật sĩ"[4] trong đời trần liền "tấn công phối hợp", "gậy ông đập lưng ông", giả như gặp phải những chuyện ma quỷ mờ ám liền phát động ý định liên minh tới các ni, mời ni đứng ra trừng trị ma quỷ. Chúng ta đã sớm gặp chiến thuật đó trong phần trích *Sưu chân ngọc kính tập* ở tập bảy, *Ngũ âm tập vận* của Kim Hàn Đạo Chiêu, ghi rằng: "Người chết thì thành ma, người gặp ma thì sợ. Ma chết thì thành ni, ma gặp ni thì sợ. Nếu viết chữ "ni' dưới dạng chữ triện, rồi dán lên cửa, tất cả ma quỷ sẽ tránh xa, không dám mon men đến gần."

[4] Thuật sĩ: một trò chơi ma thuật.

Sưu chân ngọc kính thuộc loại sách viết cho thiếu nhi, chi tiết cụ thể về quyển sách này tôi không được rõ, nhưng *Ngũ âm tập vận* là sự kết hợp giữa quyển *Quảng vận* do người thời Đường biên soạn, với quyển *Tập vận* được biên soạn dưới thời Bắc Tống, vì thế quan niệm về ni cũng có thể xuất hiện muộn nhất vào thời Bắc Tống.

Nhưng vào đời Đường trước đó, cách giải thích về ni lại có chút khác biệt, theo những ghi chép thì chưa sách nào ghi "ma bị chết bởi ni".

Người thời Đường thích vẽ đầu hổ lên trên cửa nhà, kèm theo là viết một chữ "ni" (𣐈) lên đó, có tác dụng đuổi tà ma. Nhưng "ni" ở đây là cái gì? Điều này đã làm dậy lên nhiều quan điểm khác nhau. Thứ nhất, trong tập bốn, phần tiếp quyển *Tây dương tạp trở* của Đoạn Thành Thức có nói "ni" (𣐈) là sự ghép chữ của hai chữ "thương" (沧) và "nhĩ" (耳), nguyên văn như sau:

Tục hỏa vu môn thượng họa hổ đầu, thư "Ni" tự, vị âm đao quỷ danh,, khả tức bì lại dã. Tử độc "cựu hán nghi", thuyết ma trục dịch quỷ, hựu lập đào nhân, vĩ sách, thương nhĩ, hổ đằng. Ni vi hợp "thương nhĩ" dã.

"Cựu hán nghi" nói tới đây không biết cụ thể chỉ nghi lễ nào của người Hán, nhưng đoạn trích dẫn này lại rất giống với *Độc đoạn* của Thái Ung cuối thời Đông Hán, *Độc đoạn* viết: *"Xích hoàn ngũ cốc, bá sái chi, dĩ trừ tật ương. Dĩ nhi lập đào nhân, vĩ sách, đán nha, thần đồ uất lũy dĩ chấp chi."* Rất rõ ràng, ở đây "thương nhĩ" mà Đoạn Thành Thức nói đã được viết thành "đán nha", hình chữ gần giống nhau, trong đó chỉ sai một nét. Nhưng cái sai đó đã không còn quan trọng nữa, bởi chúng đã hợp lại thành "ni", tạo ra một "âm đao quỷ".

Từ "âm đao quỷ" chỉ có thể dừng lại ở đây, rất khó nhận được sự đồng tình, bởi có những quyển sách như *Quảng bác vật chí* đã sửa thành "ti đao quỷ", *Uyên giám loại hàm* lại dựa vào quan điểm cho rằng tất cả mọi loại binh khí đều có thần linh để sửa "âm đao quỷ" thành "ti đao thần" (thực chất có một loại "thần đao", tên của nó rất cổ quái, gọi là "lột sạch"). Nhưng tôi hoài nghi rằng "âm đao quỷ" cũng có thể là sự nhầm lẫn của "âm ti quỷ". Nếu ni là quỷ dưới âm ti, thì nó cũng chính là con quỷ cai quản những ma quỷ khác, và đương nhiên nó chính là nỗi sợ hãi của đám ma quỷ kia rồi. Nhưng có một điểm cần phải nói rõ rằng, những con ma do "thương nhĩ" và "đán nha" bắt được ở đây là ma ôn dịch, ma tà chứ không phải loại ma là linh hồn con người sau khi chết.

Một lý giải khác về "ni" trong *Tuyên thất chí* của Trương Độc đời Đường:

Phùng Tiệm, người Hà Đông, thi đỗ kỳ thi Minh kinh rồi ra làm quan, sau đó tự bỏ chức. Một đạo sĩ tên Lý Quân, rất giỏi trong việc trừng trị ma quỷ, người này truyền nghề cho Phùng Tiệm. Giữa năm Đại Lịch (đời vua Đường Đại Tông), có người tên Bác Lăng Thôi Công là bạn cùng làm quan với Lý Quân, Lý Quân viết thư gửi tới Thôi Công, nói rằng: "Việc trừng trị ma quỷ bây giờ không có ai vượt qua được Phùng Tiệm." Từ đó, tất cả mọi nhân sĩ lúc bấy giờ đều biết Phùng Tiệm có phép thuật thần thông, đến đâu cũng có người nhắc tới tên ông. Sau đó, một dân thường ở Trường An tùy tay viết chữ "Tiệm" lên cửa nhà mình, cũng từ đó, chữ "Tiệm"được dán lên cửa phổ biến như vậy.

Theo cách giải thích này, "Tiệm" là tên gọi của Phùng Tiệm, "nhĩ" chính là những lời tố tụng. "Vô quá Tiệm nhĩ" nghĩa là "trong tất cả những người trừng trị ma quỷ hiện nay, không ai có thể vượt qua được Phùng Tiệm." Không ngờ người viết chữ quá cẩu thả hoặc người đọc chữ quá qua loa, khiến chữ "Tiệm nhĩ"(渐耳) bị nhìn nhầm thành chữ "ni" (聻) do hai chữ

“Tiệm” (渐) và chữ “nhĩ” (耳) được nối liền nhau. Cách lý giải này tuy khá thú vị, nhưng lại thiếu tính thuyết phục. Nhưng dù là viết nhầm hay nối chữ, những chiến binh diệt ma quỷ vẫn cảm thấy việc dùng một chữ cổ quái chưa từng gặp trong tất cả các sách như vây, không những vừa có thể dọa được người, mà công hiệu dọa ma quỷ cũng tăng thêm được vài phần. Còn việc “ni” từ chỗ là “ma âm ti” dọa ma quỷ biến thành vật ám ma, tiếp đó trở thành “ma chết biến thành ni”, những tình tiết chuyển đổi trong đó tuy chúng ta không được biết, nhưng sẽ không nhầm nếu cho rằng đó là sự sáng tạo của các chiến binh diệt ma.

Những mảnh đất hoang của “đất nước quạ kêu” cũng đến lúc trở nên đông đúc, khi đó tình hình sẽ ra sao? Cũng không quá nghiêm trọng, bởi chúng ta đã có phép biện chứng như sau: “một cây gậy ngắn một thước, cứ mỗi ngày lại lấy đi một nửa, và làm như vậy, và làm như vậy cây gậy sẽ còn đến vạn đời vạn kiếp.” Người chết sẽ thành ma, ma chết biến thành ni, ni chết lại có thể trở thành mộ thứ gì đó khác, cứ thế chuyển đổi đến vô cùng vô tận. Nhưng con người thời cổ đại vẫn chưa vô vị đến mức thấy phiền lòng về không gian cư trú của ni, vì thế sự chuyển đổi kia cũng chỉ dừng lại ở sự chuyển hóa sang ni mà thôi.

Nhưng lý thuyết về cái “vô cùng vô tận” ở đây lại để lại một chủ đề thú vị cho người ta chế giễu. Nếu như những thứ sau con người là vô cùng vô tận, vậy những thứ trước con người thì sao đây? Do đó khó tránh khỏi sẽ có người đưa ra câu hỏi rằng: “Con người chết đi thành thì thành ma, vậy con người xuất hiện nhờ sự chết đi của thứ gì? Mà “cái thứ đó” lại do thứ gì chết đi biến thành… Điền Ba nổi tiếng với tài hùng biện tại Tắc Hạ Học Cung (trường học do nhà nước lập ra thời Chiến Quốc) cảnh báo với đệ tử Cầm Hoạt Li rằng: “Bên ngoài thú lớn thú nhỏ đều có, nếu không có việc gì thì đi lung tung bên ngoài ít thôi.” Đó chính là vì ông sợ đệ tử của mình gặp phải những người thích hỏi đến cùng, để rồi mang về trường những câu hỏi cổ quái, móc ngoái như vậy.

Những kẻ không hiểu biết lại hay thích làm phiền tuy không tìm đến tận nơi mà hỏi, nhưng cũng có những câu hỏi không nên né tránh. Tỉ dụ có người hỏi: "Tuy các người đã nói rằng những linh hồn ma quỷ tồn tại vấn đề giảm dân số tự nhiên, nhưng lại bỏ qua vấn đề tăng dân số tự nhiên của chúng. Lẽ nào nam giới và nữ giới ở thế giới âm phủ đều đã làm phẫu thuật tuyệt dục?" Câu hỏi này được đặt ra hết sức hợp lý, hơn nữa quả thật đã có những tài liệu có uy tín chứng minh rằng, những linh hồn ma quỷ có khả năng sinh dục. Thế giới tự nhiên điển hình nhất có thể bắt gặp trong chương *Tương quần* của tác phẩm *Liêu trai*. Người đứng đầu gia đình họ Yên bỗng nhiên chết ở độ tuổi ngoài ba mươi, không lâu sau người vợ cũng đi theo chồng. Hai vợ chồng sống rất hạnh phúc ở nơi âm thế, nhưng họ cảm nhận được sự cô quạnh khi bên mình không có con cái, thế là Yên Lão Đại cưới một cô vợ bé dưới âm phủ, quả nhiên sau đó người vợ bé mang thai, sinh ra được hai người con trai. Đây không phải là ví dụ minh chứng duy nhất, trong bài viết *Sự sinh trưởng của quỷ*, Chu Tác Nhân cũng đã viết, ông tìm thấy trong chỗ sách cũ của mình có quyển *Nhật ký bói toán*, tất cả đều là ghi chép những cuộc đối thoại giữa người và ma trên các diễn đàn bói toán, trong đó có một đoạn viết rằng:

Ngày Mười chín, hỏi Hạnh Nhi: "Ông trẻ Thọ Xuân hiện còn hay mất?" Đáp rằng: "Đã mất." "Mất mấy năm rồi?" Đáp: "Ba năm." "Sau khi ông ấy chết có dùng quan tài mai táng không?" Đáp: "Có." Lúc đó mới bắt đầu biết ma cũng chết. Người xưa gọi ma chết là ni, quả thực là vậy, những kẻ được sinh ra trong thế giới âm ti là do ni đầu thai mà có.

Nói rằng "ma chết biến thành ni" hoàn toàn là một cái gì đó cũ mèm, mà cái mới lạ ở đây chính là "những ma quỷ được sinh ra ở thế giới âm ti là do ni đầu thai mà có." Những con ma được sinh ra ở thế giới âm ti chính là những đứa con trai quỷ của các cặp nam nữ sinh ra, con ma con đó lại chính là kết quả đầu thai của ni. Hồn ma mở buổi thuyết giảng trên diễn đàn bói toán này nên gọi là một là một thiên tài trong lĩnh vực tuyên truyền. Hồn

ma đó có thể giao hòa hai hệ thống ma rất khó đồng hành với nhau này. Giữa "người" và "ma", hồn ma này đã dùng một mô thức hết sức Trung Quốc, người chết thì thành ma, ma không tiếp tục chuyển kiếp nữa. Giữa "ma" và "ni" lại được sử dụng một mô thức của Tây phương, ma chết biến thành ni, ni lại chuyển thế thành ma. Quả là một sự giao lưu văn hóa hoàn hảo giữa quan niệm Trung Quốc và quan niệm Tây phương. Không chỉ vậy, căn cứ vào quyển *Nhật ký diễn đàn bói toán,* con người mang thai mười tháng, còn ma chỉ mang thai ba tháng là sinh, ma một năm có thể ở cữ ba bốn lần, hơn nữa chúng còn có khả năng sinh nở vô thời hạn. Thế là phiền phức lại xuất hiện, một đằng là sử dụng lý luận của Trung Quốc không cho phép ma quỷ được đầu thai thành người, một đằng lại sử dụng lý luận của Tây phương để khiến ni chuyển thế sang thế giới ma quỷ. Vậy kết quả là, thế giới loài người và thế giới của ni thắt chặt thế giới âm phủ từ hai phía, và như vậy thế giới âm phủ thực sự có khả năng xảy ra tình trạng bùng nổ dân số.

Nhưng đó cũng chỉ là lo bò trắng răng mà thôi. Thử nghĩ xem, ma sinh con trai đã không cần ni đầu thai chuyển thế, mà nguồn gốc của ni lại là từ thế giới ma, giữa ma và ni luôn có sự cân bằng về mặt số lượng. Cho dù tất cả ma nam ma nữ sinh đẻ không ngừng, thì nguồn tài nguyên của ni vẫn là hữu hạn. Hơn thế, thế giới âm phủ trong quan niệm của người Trung Quốc không phải thế giới đào nguyên (là một thế giới bình đẳng, lý tưởng, ở đó có con người sống đoàn kết, hòa thuận với nhau), mà nó cũng có quan có lại, có chính quyền hung bạo, giống như cuộc sống điền viên của Yên Lão Đại cũng chỉ là không tưởng mà thôi. Hơn nữa, thế giới loài người nếu là một thế giới thái bình thịnh trị, lão bách tính có thể sống cuộc sống no ấm, an nhàn cả đời, thì khi chết đa phần đều đã là những cụ già râu tóc bạc phơ, khi đó, cái "tuổi sinh đẻ" đã sớm qua mất rồi, e rằng đã chẳng thể sinh con được nữa. Nhưng nếu như thế giới loài người là một thế giới hỗn loạn thì sao? Tuy rằng số lượng ma trẻ tăng lên nhanh chóng, nhưng nếu nói theo cách nói của các bậc thánh hiền, chỉ sau khi có cuộc sống no đủ mới có thể

nghĩ tới cái dâm dục, cứ tưởng tượng những cặp nam nữ đáng thương nơi âm thế, một năm mới có vài bữa cơm no, thì dù có muốn sinh thêm lũ ma con cũng chỉ lực bất tòng tâm.

Chương 11: Không duyên nợ không thành cha con

1

Trước kia, còn nhớ khi nghe vở Kinh kịch Bạch mao nữ của Lý Thiếu Xuân và Đỗ Cận Phương, đoạn Dương Bạch Lao và Hỷ Nhi dẫn Môn thần (thần canh cửa), nói rằng một khi Môn thần đã được dán lên thì "ma lớn ma bé đều không vào được", mà trong đám ma này có cả "ma đòi nợ". Hiện nay, ma đòi nợ được liệt vào loại như Hoàng Thế Nhân, Mục Nhân Trí xem ra không còn quá chuẩn xác nữa. Thứ nhất, tội ác của Hoàng Thế Nhân không phải ở việc đòi nợ, mà là ở việc cho vay nặng lãi và bức nợ. Thứ hai, trong dân gian, "ma đòi nợ" còn mang một nghĩa khác.

Những ai còn sống đi lừa gạt hoặc bị mất hết tài sản, sau khi chết họ sẽ trở thành những oan hồn tác oai tác quái, hoặc hiện hình, hoặc nhập xác để tìm đến những oan gia của mình đòi nợ cũ. Đây đương nhiên là ma đòi nợ rồi, nhưng chúng lại không phải "ma đòi nợ" mà dân gian vẫn thường gọi. Những người lớn tuổi một chút chắc vẫn còn nhớ, ngày xưa khi đi qua các con ngõ thường nghe thấy các bà các mẹ mắng đứa con nghịch ngợm không nghe lời rằng: "Chắc kiếp trước tao nợ nần gì mày đây!" Ý là kiếp trước bà mẹ đã mắc nợ đứa con đó, để đến kiếp này nó đến đòi nợ bà, vì thế trong những từ ngữ dùng để mắng trẻ con luôn có "ma đòi nợ:".

Hình thức đòi nợ của "ma đòi nợ" có chút đặc biệt, nó không chỉ đầu thai thành con của người chịu nợ, mà còn khiến đứa trẻ phát triển theo chiều

hướng tiêu cực, đến một mức độ nào đó đứa trẻ đó sẽ biến thành kẻ lưu manh hoặc thường xuyên ốm đau bệnh tật, mục đích là làm tan hoang tiền tài, của cải của bố mẹ chúng, cho đến khi tổng số thiệt hại ngang với khoản nợ trước đó, hoặc để dư lại chút tiền đủ mua quan tài rồi chết.

Như vậy có thể thấy, một câu chửi khác cũng thường xuyên được nghe thấy tại các con ngõ đó là "ma xui xẻo", từ này rất có thể chỉ cùng một thứ giống như "ma đòi nợ". Đầu tiên nó phải trở thành con của người mắc nợ, gọi họ biết bao nhiêu tiếng "cha, mẹ", sau đó mới có thể đòi lại được chút nợ. Chúng cần mất vài năm, thậm chí là mấy chục năm mới có thể thu hồi hết số nợ, hơn nữa phải vừa đòi vừa phá, cho đến khi người ta đã trả hết nợ, chỉ còn hai bàn tay trắng, chúng sẽ vác lên mình cái tiếng bất hiếu hư hỏng đi sang thế giới âm phủ làm ma đói nghèo. Điều này thực sự khiến người ta không thể hiểu nổi, chúng đến nhân gian rốt cuộc là với mục đích gì?

Đương nhiên sự thực không hoàn toàn như vậy, ví dụ có những con ma đòi nợ khi sinh ra là một cậu bé xinh xắn, thông minh, nhanh nhẹn, ai gặp cũng yêu, nhưng đến một lúc nào đó, cũng lại ngừng thở, vậy hậu quả đã nằm ngoài so với khoản nợ cần đòi, lại khiến bậc làm cha làm mẹ đau thương bội phần. Thế là Lương Cung Thìn, người đời Thanh đã dứt khoát rằng: "Tất cả những người con trai chết yểu đều là do những khoản nợ gây ra!" (Mục *Ma đòi nợ*, quyển năm, *Ghi chép về Bắc Đông Viên* - phần bốn.)

Nhưng ma đòi nợ chưa hẳn đều sẽ chết yểu. Sứ mệnh mà ma đòi nợ mang theo đến nhân gian chính là đòi nợ. Tuổi thọ của chúng sẽ căn cứ vào việc đòi xong nợ hoặc gia đình của người mắc nợ đã đi đến bước khuynh gia bại sản. Nếu như gặp phải cặp cha mẹ không biết điều, nhất quyết không chịu để gia cảnh suy sụp theo ý muốn của ma đòi nợ, việc đòi nợ sẽ có đôi chút phức tạp, hoặc phải nói khô cả họng, cầu xin mới đòi được vài đồng bạc lẻ, hoặc phải ăn trộm đồ trong nhà từng chút, từng chút một đem đi bán. Nói chung là rất vất vả, muốn lấy cái chết yểu để nhanh chóng hát

khúc khải hoàn mà không được. Còn có một loại cha mẹ quỵt nợ giỏi hơn, một khi phát hiện đứa con trai của mình có thói quen ăn vụng, ăn trộm, họ liền thẳng tay đánh đập, giả sử đứa con ốm đau, họ không những không mời thầy thuốc, thậm chí còn cho con mình ăn những đồ ăn mà người mắc bệnh không nên ăn. Nếu vậy, hậu quả còn nghiêm trọng hơn, ma đòi nợ có lẽ cũng sẽ chết yểu, nhưng khoản nợ thì vẫn chưa đòi được, làm sao chúng có thể chấp nhận như vậy được. Hơn nữa, món nợ này thực ra không thể bị ăn quỵt, những người con trai chết yểu sẽ nhanh chóng đầu thai trở lại, hoặc tiếp tục làm con trai của họ, hoặc không nhất thiết phải đầu thai tới một nơi cụ thể nào, chỉ cần chờ cơ duyên thích hợp ắt sẽ thu hồi lại được món nợ đó. (Tham khảo phần *Món nợ của con trai Trần Tiểu Bát*, quyển mười cuốn, *Di kiên tan chí tân tập* của Hồng Mại thời Nam Tống.)

Có điều nghĩ kỹ lại, ở đây có chút gì đó không đúng cho lắm, khiến chúng ta không thể không nghĩ tới những vụ kiện cáo đòi nợ, hao công tốn sức, lạy lục van xin. Vụ kiện cáo nếu như may mắn giành phần thắng thì số tiền thu lại được có khi chỉ đủ thanh toán phí luật sư và phí khai tòa, như vậy há chẳng phải khiến người ta chán nản hay sao? Nhưng đám ma đòi nợ lại không sử dụng hình thức ra tòa kiện cáo như vậy.

Tuy nhiên, những câu chuyện thối nát không rõ ràng này vẫn được con người hứng thú biên soạn và tạo dựng từ hàng nghìn năm nay, có thể coi như một loại hình lớn trong các câu chuyện về ma quỷ, được gọi với cái tên "những kẻ đòi nợ chết yểu", hoặc "những kẻ đòi nợ ăn hại". Nhưng không nên cho rằng "nợ" ở đây chỉ là món tiền cho mượn mà không trả, giống như những thứ bị lừa đảo, bị chiếm đoạt, bị bóc lột, bị cướp giật cho đến những tổn hại về cơ thể, tất cả đều là những khoản đã nợ người khác. Trong cuốn *Ghi chép tiếp về những điều ma quái* của tác giả Lý Phúc Ngôn đời Đường có phần *Con gái nhà họ Đảng* được coi là một trong những ghi chép sớm nhất về loại hình này.

Giữa năm Nguyên Hòa, Vương Lan - một thương nhân buôn trà đến Hàn Thành làm ăn. Tại đây Vương Lan đã thuê phòng của Lâm Như Tân trong một thời gian khá dài, công việc làm ăn của Vương Lan khá thuận lợi nên cũng kiếm được một chút tiền. Đúng năm đó Vương Lan lâm bệnh, Lâm Như Tân thấy ông ta ở Hàn Thành không có bà con thân thích, liền ra tay giết hại, cướp lấy toàn bộ khoản gia tài lên đến hàng vạn quan tiền. Cũng trong năm đó, gia đình Lâm Như Tân sinh được một đứa con trai, trông rất thông minh, kháu khỉnh, đặt tên là Ngọc Đồng. Nhưng mỗi ngày, "tiền ăn tiền mặc" dành con đứa con lên đến cả nén vàng. Lớn hơn một chút, đứa con ăn chơi phung phí, đam mê ca lầu tửu quán. Mãi đến khi gia sản, vốn liếng của bố mẹ tiêu tan, cả gia đình phải sống cùng với những khoản nợ chồng chất, lúc này Ngọc Đồng mới lăn ra chết một cách đột ngột. Đương nhiên, tiền kiếp của Ngọc Đồng chính là Vương Lan. Hóa ra sau khi chết, Vương Lan đã tố cáo hành vi của Lâm Như Tân lên Thượng Đế, Thượng Đế phê chuẩn cáo trạng, hỏi Vương Lan định báo thù thế nào, Vương Lan đáp: "Con muốn đầu thai thành con của hắn để phá hắn." Đến khi gia cảnh nhà Lâm Như Tân suy kiệt gần như trắng tay thì Ngọc Đồng liền rời bỏ trần gian. Nhưng sau này tính toán lại, khoản nợ đó vẫn còn một phần lẻ chưa đòi hết, chủ nợ muốn rộng lượng không đòi nữa cũng không được. Thế là, Ngọc Đồng lại chuyển thế thành con gái của gia đình họ Đảng, được gả về làm con dâu nhà họ Lâm. Chi phí cho lễ ăn hỏi vừa đủ trả hết số nợ còn lại. Khoản nợ đã được trả xong (nhưng số tiền vừa đã dùng để nuôi dưỡng đứa con gái của nhà họ Đảng không biết phải tính như thế nào), cô con gái nhà họ Đảng liền "bay hơi" một cách khó hiểu. Bỏ ra khoảng thời gian hơn hai mươi năm, cuối cùng Vương Lan cũng đã đòi được khoản nợ của mình. Ở đây, Vương Lan thực sự chỉ đòi tiền chứ không đòi mạng, một khi đã đòi nợ thì một đồng cũng không bỏ sót. Còn việc trả mạng, trong nội dung không những không nhắc tới mà ngược lại, còn bổ sung thêm cho nhà họ Lâm hai mạng sống. Dẫu rằng tất cả đều là sự sắp đặt của Thiên đế, mà đương nhiên Thiên đế luôn luôn đúng, nhưng nếu nhìn nhận theo cách nhìn của người trần mắt thịt không hiểu đại nghĩa như chúng ta, thì Vương Lan quả là một con ma ngốc nghếch.

Thế là những câu chuyện sau đó đã sửa đổi lại điểm này, nợ mạng và nợ tiền đều phải được vạch định rõ ràng như nhau, thậm chí có lúc, tuy chỉ nợ tiền nhưng khi đòi nợ lại đòi cả phần tiền tổn thất lẫn những bù đắp về tinh thần, và đã có không ít những vụ đòi nợ xảy ra kèm theo những thiệt hại về tính mạng. Đoạn *Con trai nhà họ Liễu* trong *Liêu trai chí dị* có ghi, con trai nhà họ Liễu làm tan hoang toàn bộ tài sản của cha, sau đó lăn ra ốm rồi qua đời. Không cần nói cũng biết người cha đau đớn tột cùng trước sự ra đi của đứa con. Sau này, một người hàng xóm của ông lên núi Thái Sơn thắp nhang, ở đó người này đã gặp con trai nhà họ Liễu. Mặc dù biết đó là hồn ma, nhưng người hàng xóm vẫn nhắc tới việc người cha đang vô cùng thương nhớ con trai. Người con trai nghe vậy bèn đáp: "Cha tôi còn thương nhớ đến tôi, vậy phiền ông nhắn với cha tôi rằng, ngày mùng Bảy tháng Tư, hãy lên đây đợi tôi." Ông Liễu lên núi Thái Sơn như đã hẹn, nhưng khi đến nơi, người bạn cùng đi với ông cảm thấy xung quanh như có gì đó không bình thường, bèn bảo ông Liễu giấu mình trong chiếc hòm xem tình hình thế nào rồi hãy xuất hiện. Và rồi xuất hiện cảnh tượng sau:

Người con trai xuất hiện, hỏi: "Ông Liễu có đến không?" Người hàng xóm đáp: "Không." Người con trai tỏ vẻ vô cùng tức giận, mắng: "Quả nhiên lão súc sinh đó đã không đến!" Người hàng xóm ngạc nhiên nói: "Sao cậu lại mắng cha mình như vậy?" Người con trai trả lời: "Hắn chẳng phải cha của ta gì hết! Trước kia hắn là bạn ở cùng quán trọ với ta, nhưng không ngờ hắn âm mưu xảo quyệt, giết ta rồi cướp hết tài sản, không chịu trả lại. Hôm nay ra đã thực hiện được tâm nguyện, đã được hả lòng, ta làm gì có người cha như vậy!" Nói xong, người con trai tiếp: "Như vậy là quá dễ dàng cho hắn!"

2

“Tất cả những người con trai chết yểu đều là do những khoản nợ gây ra!” Lời nhận định này của Lương Cung Thìn có vẻ quá chắc chắn, bởi nếu chiếu theo quy luật đó, những người cha mất con đều là những kẻ tội đồ đi hãm hại người khác sao? Hiển nhiên ở đây có sự khác biệt rất lớn so với thực tế, hơn nữa nhận định đó cực kỳ không đúng đắn. Tất nhiên, Lương Cung Thìn không phải người lỗ mãng như vậy, nhận định của ông xuất phát từ một tiền đề lớn, nếu không phải nợ ở kiếp này, chắc chắn là do nợ từ kiếp trước. Độ lớn của tiền đề này vượt ra khỏi cả lòng bàn tay của Phật Như Lai, như vậy dù anh có chối trăm lần, cũng chẳng thể thoát khoải cái vòng luẩn quẩn đó.

Trước khi đưa ra lời nhận định đó, Lương Cung Thìn có kể một câu chuyện về “ma đòi nợ”. Câu chuyện đó được trích mượn từ *Lý viên tùng thoại* của Tiền Vịnh, nội dung câu chuyện tựa như một lời dự báo. Con trai một thầy giáo dạy trường tư ở Thường Châu, chừng mười lăm, mười sáu tuổi, bỗng nhiên lâm bệnh nặng, lúc sắp chết, nó một mực kêu tên người cha, nói rằng: “Kiếp trước ngươi hợp sức làm ăn cùng ta, có nợ của ta hơn hai trăm quan tiền. Tính đến nay ngươi phải trả cho ta năm nghìn ba trăm quan, mau trả lại cho ra, trả hết ngay lập tức.” Nói xong, đứa con trai trút hơi thở cuối cùng. Người cha lập tức dùng năm nghìn ba trăm quan tiền làm ma cho đứa con trai. Nhưng người thầy dạy trường tư này từ trước đến nay ăn ở rất tử tế, chưa bao giờ làm chuyện lừa gạt người khác mà lại sinh ra đứa con trai đến đòi nợ chết yểu, có ai không thấy kinh hãi trước sự thật này? Hơn nữa, người chết yểu của kiếp trước cũng đâu phải tất cả đều là những cậu thiếu gia chết trên giường bệnh, trong đó hoặc có những cậu bé không cẩn thận chui vào gầm của những chiếc xe bốn bánh sang trọng, hoặc có những thanh niên lỗ mãng nên phải chịu phát súng, nhát dao của quân thổ phỉ. Những người vô tình chết yểu này không giống hành động đi đòi nợ cho lắm. Nhưng một khi khoản nợ cũ mà bậc ông cha đi trước để lại được lôi vào, thì dù là những khoản nợ ba hào, năm hào hay tám hào cũng đều được hồn ma của người đoản mệnh kia tìm đòi cho bằng được.

Vì thế trong những câu chuyện về ma đòi nợ, đa phần đều là những khoản nợ báo thù xuyên thế kỷ.

Từ thời nhà Đường đến nay, hàng loạt những câu chuyện về ma đòi nợ được người đời biên soạn với số lượng không thể thống kê hết. Tuy ở mỗi câu chuyện người ta đều cố sáng tạo ra những hình thức kể chuyện khác biệt, nhưng tình tiết luôn tựa như nhau, nếu muốn tìm được một đại diện điển hình của ma đòi nợ sẽ khó tránh khỏi tình trạng được cái này, mất cái kia, thôi thì Vương Nhị hay kẻ bán dưa cũng được lựa chọn làm nhân vật chính.

Giết người cướp của chính là kẻ ác độc nhất trong "các món nợ". Còn những quốc gia đi xâm lược, những vị vua tôi hoặc thần dân giết người lại chính là những vụ giết người cướp của lớn nhất. Và đương nhiên, tất cả những hành vi đó đều lấy danh nghĩa "trừng phạt kẻ có tội", "thuận theo ý trời", nhưng đâu đâu cũng thấy giết người, bắt con cái nhà giàu tống tiền, phá hoại các di tích văn vật, những trường hợp này sao có thể dễ dàng cho qua? Dựa theo thuyết quả báo có vay có trả, thì tất cả những người dân thường bị hại đều là những chủ nợ, nhưng hàng ngàn, hàng vạn chủ nợ này sẽ được đầu thai chuyển thế thành những bậc đế vương, vậy thì Đường Thái Tông và Tống Thái Tổ muốn cưới một bà vợ xem chừng cũng sẽ gặp không ít khó khăn. Thế nên một biện pháp khác được nghĩ ra, thứ nhất, oan có đầu nợ có chủ, ai giết anh thì anh tìm đến người đó, như vậy món nợ máu của các bậc anh vương khai quốc sẽ được các binh sĩ san sẻ. Một cách khác - do tôi tự suy đoán thôi, đó là do một trùm chủ nợ sẽ làm người đại diện đi đòi nợ. Trùm chủ nợ này chính là vị hoàng đế bị cướp bị giết của vương triều trước. Bởi ông ta đại diện cho cả một đất nước đi đòi nợ, vì thế cũng không có gì quá đáng khi gọi ông ta là tên ma đòi nợ vĩ đại nhất. Còn thủ đoạn đòi nợ mà tên ma đòi nợ này áp dụng chính là đầu thai làm con trai của đương kim hoàng thượng, sau đó sẽ khiến cho vương tộc dần suy tàn. Hãy cùng theo dõi ví dụ điển hình nhất dưới đây.

Đại binh Đại Tống hành quân xuống Giang Nam, Tào Bân "bất vọng sát bất nhân", ý của câu này hiểu thành "Tào Bân ngông cuồng sát hại không chỉ một người", Kim Lăng có núi Nhạc Quan, chính do xác của những nghệ sĩ thời Nam Đường chồng chất lên nhau mà thành. Tào Hán đánh phá Giang Châu, người dân trong thành bị hắn giết sạch không còn một ai. Rốt cuộc nước Nam Đường đã chết bao nhiêu người? Tổng số có lẽ cũng phải trên một trăm nghìn người. Sau đó, con sông Đại Vận tựa như một chiếc băng chuyền, không ngừng đem tất cả của cải, tài nguyên của Giang Nam chuyển về Biện Lương. Số của cải, gấm vóc chỉ riêng một mình Tào Hán cướp bóc đủ để chứa đầy cả một con thuyền lớn, vậy thì khỏi cần phải nói khoản thu hoạch mà triều đình có được nhiều đến mức nào. Lúc này, vị tiểu hoàng đế của Nam Đường là Lý Dục được đưa về Biện Nam như một chiến lợi phẩm, được phong làm "Vi mệnh hầu" và bị giam lỏng ở đó. Đến triều đại vua Thái Tông, người phụ nữ thân cận cuối cùng của Lý Dục là Tiểu Chu Hậu cũng thường xuyên bị triệu vào cung, nói theo cách của Lưu Sa Hà, Tiểu Chu Hậu được đưa vào cung cho hoàng đế Thái Tông cưỡng dâm. Người đẹp không thuận theo, bèn bị các cung nữ trong cung giữ chặt để tên hoàng đế thực hiện hành vi đồi bại, nhưng ai ngờ, những cung nữ này rất có thể chính là đám người trước đây Lý Dục đã từng gạt nước mắt khi phải chia ly. Dù tính tình có dễ dãi đến mức nào đi chăng nữa, nhưng khi nhìn thấy lũ bất nhân làm những điều như vậy, Lý Dục cũng cảm thấy không cam lòng. Nhưng ông không biết làm gì hơn, chỉ biết than thầm "Ta rất tiếc!", rồi uống thuốc độc tự vẫn. Lý Dục chết trong tư thế vô cùng thảm thương, nghe nói sau khi uống thuốc độc, toàn thân ông co rút, cuối cùng chết trong tư thế co quắp giống hệt một con vịt quay Đức Châu (Hồ Bắc). Món nợ thù nước hận nhà này đương nhiên phải đòi lại. Thế là Lý Dục đầu thai làm cháu đích tôn mấy đời của Tống Thái Tông, ban đầu được phong làm Đoan Vương, sau này trở thành hoàng đế Đạo Quân. Tên thật của hoàng đế Đạo Quân là Triệu Cát, lịch sử biết đến với cái tên Tống Huy Tông (tìm đọc *Dưỡng kha mạn bút - Tản bút dưỡng bệnh* của Triệu Tấn thời Nam Tống).

Lý Hậu Chúa đã chuyển thế thành hoàng đế của triều Tống, gia nghiệp kếch xù đã nằm trong tay mình, chẳng phải khoản nợ này đã đòi lại được rồi hay sao? Nhưng Lý Hậu Chúa lại không đòi nợ bằng cách đó.

Vị trùm chủ nợ này sử dụng phương thức "phá hoại gia đình". Dưới sự hỗ trợ của sáu kẻ gian thần, rất vất vả mới khiến vương triều nhà Tống suy vong. Vẫn chưa hết, Tống Huy Tông còn để mình trở thành tù binh của tộc người Mãn. Tất cả các vương phi cho đến tam cung lục viện của ông đều trở thành kỹ nữ cho tộc người Tác-ta (một tộc người Mông Cổ), khoảng gần hai mươi người con gái ruột của ông cũng nằm trong số đó, hơn nữa, đa số đều bị giẫm đạp cho đến chết, lúc này ông mới trút hơi thở cuối cùng, món nợ coi như đã được trả xong. Có người chế nhạo rằng, một ông già nọ nổi cơn giận dữ đánh đập cháu đích tôn của mình, người con trai của ông thấy vậy liền ra sức tự vả vào miệng mình. Ông già thấy thế thì sợ hãi hỏi nguyên do, anh con trai đáp: "Thầy đã đánh con trai của con, thì con cũng đánh con trai của thầy." Người đời sau có nhiều quan điểm khác nhau về anh con trai, đa phần đều cho rằng anh ta ngốc nghếch, nhưng cũng có người có cách lý giải mới hơn, cho rằng anh con trai là người sáng suốt, rồi viết tiếp vào câu chuyện đó đoạn kết tốt đẹp là, ông già nghe con mình nói vậy, cảm thấy mình vô cùng có lỗi. Vậy cách đòi nợ khác biệt của Triệu Cát chính là lấy mình làm gương, mục đích nhằm răn dạy người đời.

Nói một cách nghiêm túc, việc Lý Hậu Chúa chuyển thế đến đòi nợ là nhằm mục đích phục thù. Trong lịch sử đã xuất hiện không ít những bậc quân vương chuyển thế báo thù, bắt đầu từ thời Nam Triều, Tề Đông Hôn Hầu chuyển thế thành Hầu Cảnh đến tìm Lương Vũ Đế phục thù, cho đến Diệp Héc La Na Thị đến gieo họa hủy diệt nhà Thanh. Chỉ lấy thời nhà Tống làm ví dụ, đã có Triệu Đình Mỹ (em trai của Tống Thái Tổ, Tống Thái Tông, bị Triệu Quang Nghĩa giết hại) chuyển thế thành Vương An Thạch, tiến hành sửa đổi pháp chế khiến giang sơn triều Tống trở nên bại hoại. Tống Thái Tổ chuyển thế thành Hán Li Bất - Nguyên soái nước Kim (tức

nhị thái tử Tông Vọng), Tịnh Khang Gián đánh phá Biện Kinh, giết gần như toàn bộ con cháu của Tống Thái Tông. Lại có Ngô Việt Vương Tiền Lưu chuyển thế thành Khang Vương Triệu Cấu, đòi lại căn nhà cũ góc đông nam, sau đó lên làm tiểu hoàng đế của Phiến An. Còn có Chu Thế Tông chuyển thế thành Bá Nhan - nguyên soái Mông Cổ, nuốt trọn toàn bộ nửa giang sơn còn lại của nhà Tống, đồng thời ra tay giết hết con cháu của Tống Thái Tông (tìm đọc *Tống bề loại sao, Hồ hải tân văn di kiên tục chí, Tiền đường di sự*). Nhưng nếu dùng phương thức "chịu hai lần khổ, gánh hai lần tội" giống như của Lý Hậu Chúa để thực hiện đại nghiệp phục thù thì quả là hiếm gặp. Nếu như thường dân trăm họ thời Nam Đường cùng theo Lão Đông Da chuyển thế về đòi nợ thì tình hình lúc đó sẽ đáng thương đến nhường nào. Khi bậc quân vương gây nên oan nghiệp khiến người dân phải chịu khổ, khi nhị đế "cầm quân về hướng bắc" thì nỗi thống khổ của người dân lại tăng lên bội phần.

Nhưng dù sao tất cả những điều này đều chưa giúp con người chúng ta hiểu ra được bản chất của vấn đề. Lý Hậu Chúa vốn muốn báo thù Tống Thái Tổ, Tống Thái Tông nên mới chuyển thế thành Tống Huy Tông, nhưng kết quả lại để cho hậu thân của Tống Thái Tông là Niêm Hiếm bỡn cợt một lần, điểm này là ai báo thù ai dây? Nếu nói cái mà Lý Hậu Chúa muốn báo thù là vương triều nhà Tống, nhưng bản thân con trai của ông là Triệu Cấu lại chính là Ngô Việt Vương chuyển thế, vậy thì ai biết được những đời vua tiếp sau Tống Thái Tông của vương triều Tống do ai chuyển thế? Tư tưởng báo ứng của người Trung Quốc và thuyết luân hồi của phương Tây có chút khác biệt. Thuyết luân hồi là các linh hồn tự mình chuyển thế, tạo phúc hay gây họa là việc của bản thân mỗi người, tư tưởng báo ứng của Trung Quốc lại đem ân oán trút lên con cháu, con cái phải trả món nợ của cha, việc tích đức tích thiện lại để dành cho thế hệ sau thế hệ con cái. Ta sử dụng một cách ví von đơn giản rằng, quyển sổ tiết kiệm của Trung Quốc là dành cho con cháu đang sống ở hiện tại hưởng thụ, còn quyển sổ tiết kiệm của nhà Phật dùng để chuẩn bị cho thế hệ sau của chính mình. Tội ác do Thái Tổ,

Thái Tông gây ra, nên để cho con cháu của ông ta bồi hoàn, đó chính là phép báo ứng kiểu Trung Quốc, còn Lý Hậu Chúa chuyển thế đòi nợ phục thù lại là phép báo ứng kiểu Tây phương. Nếu cả hai cứ làm theo điều mình cho là đúng, thì cũng chẳng có gì phải bàn cãi, nhưng một khi cả hai hỗn trộn với nhau thì kết quả sẽ là một mô thức hỗn độn mà không ai có thể hiểu được. Vì thực hiện mục đích khiến con cháu nhà họ Triệu làm nô lệ mất nước, từ đó mất hết thanh danh nhà họ Triệu, Lý Hậu Chúa sẵn sàng làm Tống Huy Tông. Nhưng Tống Huy Tông có biết sứ mệnh nặng nề đó của mình không? Khi ông khoác lên lớp da cừu sống ngồi xe trượt tuyết (giả định như vậy), khởi hành về phía thành Ngũ Quốc lạnh giá trong băng tuyết, dù ông không nghĩ đến thiên hạ bách tính, nhưng có lẽ ông cũng sẽ nghĩ tới bao nhiêu vương phi, cung nữ và cả những cô con gái của mình, từng người, từng người bị hãm hiếp đến chết, liệu cái khoái cảm thành công của ông có còn hay không? Tôi nghĩ nếu khi đó thần kinh Tống Huy Tông vẫn bình thường, có lẽ cái mà ông ta nghĩ tới là: "Kiếp trước mình đã tạo ra nghiệp gì. Đã nợ nần ai đây?" Cũng với lý lẽ đó, Triệu Quang Nghĩa ngay cả đứa con trai của mình (đương nhiên cũng bao gồm cả cha ruột của ông) là do loài dã chủng nào chuyển thế thành cũng không biết, thì còn nói gì đến con cháu tám đời, mười đời sau, còn nói gì đến bộ mặt của triều Tống, đến sự thịnh suy của giang sơn?

Đừng cho rằng những câu chuyện không rõ ràng này chỉ là do ngu dân chúng ta bịa đặt ra, mà ngay cả những người thuộc bậc tiên sinh đọc đầy bụng sách cũng chỉ có thể đạt đến trình độ đó mà thôi. Trong tác phẩm *Duyệt vi thảo đường bút ký - Loan Dương tiêu hạ lục*, quyển một, Kỷ Hiểu Lam đã viết về một con ma đòi nợ cao tay hơn cả Tống Huy Tông.

Đây là câu chuyện xảy ra ở huyện Hiến tỉnh Hà Bắc - quê của Kỷ học sĩ. Một tên thiếu gia họ Hồ thích cô con gái của Trương Nguyệt Bình - một nhà nho có tuổi, đòi cưới về làm thiếp. Trương Nguyệt Bình không đồng ý. Nhân lúc hai mẹ con nhà họ Trương về quê mẹ, tên họ Hồ liền sai người

châm lửa thiêu chết Trương Nguyệt Bình và ba người con trai của ông. Sau đó tên họ Hồ lại giả làm người tốt lo việc tang lễ, cưu mang hai mẹ con nhà họ Trương. Vài hôm sau, hắn tìm gặp bà Trương, tiết lộ ý định muốn cưới con bà làm thiếp. Cảm kích trước ân huệ của hắn đối với gia đình mình, bà Trương bèn đồng ý gả con gái cho hắn, nhưng cô con gái nhất quyết không nghe. Và rồi đêm hôm đó, cô con gái nằm mơ gặp cha mình: "Nếu con không gả cho hắn thì cha làm sao thực hiện được tâm nguyện của mình? Làm sao cha có thể nhắm mắt xuôi tay nơi chín suối?" Thế là cô con gái họ Trương trở thành thiếp của nhà họ Hồ. Một năm sau, cô sinh hạ một bé trai tên Hồ Duy Hoa. Hồ Duy Hoa chính là Trương Nguyệt Bình đầu thai. Khi lớn lên, Hồ Duy Hoa theo tà giáo, chuẩn bị tạo phản, kết quả bị quan phủ phát hiện, dẫn một đội quan quân đến bao vây nhà họ Hồ, quan quân phóng hỏa tấn công, toàn bộ già, trẻ, gái, trai trong nhà đều bị thiêu chết. Hồ Duy Hoa đương nhiên cũng nằm trong số đó. Như vậy, Trương Nguyệt bình đã hoàn thành được tâm nguyện báo thù của mình, tiêu diệt toàn bộ nhà họ Hồ.

Những câu chuyện hư cấu này nếu truyền ra khỏi lãnh thổ Trung Quốc, có lẽ sẽ khiến đám người ngoại quốc cười sằng sặc, nào là "nỗi nhục Tịnh Khang", "mối hận dân tộc"… chẳng qua là bọn họ tự đòi nợ chính mình mà thôi. Tất cả đều là định mệnh. Hận quốc thù nhà cứ như vậy được giải quyết một cách nhẹ nhàng!

3

Nếu như mỗi câu chuyện chỉ là sự hư cấu ly kỳ, hoang đường, thì dù tốt xấu thế nào cũng có thể lừa gạt được một số người. Nhưng nếu làm cho nó trở nên "không rõ ràng", e rằng đến ngay cả thằng ngốc cũng chẳng thể lừa nổi. Thử nghĩ, giả sử bạn muốn mượn bạn mình một trăm nghìn tệ, bạn nói, kiếp này tôi không trả anh thì kiếp sau tôi xin làm con trai anh, khi sinh ra đã mắc bệnh tim bẩm sinh kèm theo chứng bại liệt trẻ em, nếu cảm thấy chưa đủ, vậy thì lớn lên nó sẽ trở thành một tên lưu manh. Cho dù người

bạn đó đã từng "tình cảm vào sinh ra tử" với bạn, thậm chí tính tình còn rất thoải mái xuề xòa, nhưng e rằng khi nghe bạn nói như vậy anh ta sẽ không bao giờ đem tiền cho bạn vay. Vì thế, nếu cho rằng người ta bịa đặt những câu chuyện như vậy chỉ để trừng phạt cảnh cáo những tên quỵt nợ, vậy chẳng phải đã đánh giá quá thấp trí tuệ của người xưa hay sao? Chúng ta hãy nhìn nhận những câu chuyện về ma đòi nợ theo góc độ khác.

Trong quyển sáu cuốn *Di kiên chi chí quý tập* của Hồng Mại thời Nam Tống có câu chuyện như sau, Y Đại Lang ở vùng Tú Châu sinh hạ được một cậu con trai. Khi lớn lên trở thành đứa con bất hiếu, ăn chơi trác táng, phung phí tiền của, cuối cùng lăn ra chết. Y Đại Lang vô cùng đau đớn, người ta khuyên ông lên đền Phúc Sơn Nhạc Thần tế lễ, nói rằng lên đó tế lễ có thể nhìn thấy vong hồn của con trai. Ai ngờ, sau khi đến đó, vong hồn của đứa con trai quả nhiên xuất hiện, nhất nhất túm lấy Y Đại Lang, không chịu buông tay, vong hồn đứa con trai quay lại nói với mẹ nó rằng: "Việc này không liên quan đến mẹ. Kiếp trước ta là huyện ủy của một vùng, một lần có thuê thuyền qua sông, Đại Y là người lái thuyền, thuyền bơi đến giữa dòng hắn đẩy ta xuống, cướp số tiền mà ta mang theo. Nay ta quay lại đòi mạng!" Người mẹ khóc lóc nói rằng: "Cha mẹ nuôi con hai mươi năm, dồn tất cả mọi tâm sức để nuôi con nên người. Tiền của trong nhà đều bị con phung phí hết, chẳng lẽ như vậy còn chưa đủ hay sao?" Vong hồn kia đáp: "Tiền đã trả hết, nhưng hắn vẫn nợ ta một mạng người." Kết cục Y Đại Lang bị vong hồn bắt đi, sự việc được giải quyết.

Nhưng ở đây, ngoài bị đòi nợ ra, câu chuyện còn liên quan đến vấn đề tình thân thời bấy giờ. Y Đại Lang có tội phải chịu tội, nhưng người mẹ không nợ đứa con điều gì, vậy công ơn nuôi dưỡng vất vả của bà dành cho đứa con thì sao? Khi đòi nợ kì kèo từng đồng, nhưng cũng không thể bỏ qua tình cảm và những gì "người khác" (bây giờ không gọi là mẹ nữa, mà gọi là vợ của người mang nợ) đã hy sinh cho mình. Chỉ một câu "việc này không liên quan đến mẹ!" cũng đủ để xóa bỏ tất cả những tình cảm đó chăng? Vậy

thì có phải việc đòi nợ này lại biến thành một món nợ khác? Chi tiết này rất ít khi được những người theo chủ nghĩa nhân quả lưu tâm, và trên thực tế chính họ đã cố tình né tránh nó, thậm chí có kẻ còn quy cả bà mẹ vào danh sách kẻ thù. (Câu chuyện *Bà Đới thấy con chết* trong quyển bốn tác phẩm *Canh ký biên* của Lục Xán sống vào đời nhà Thanh, thực chất là bản gốc của câu chuyện *Con trai nhà họ Liễu* trong *Liêu trai*, chỉ có điều trong câu chuyện trước, khi đi gặp hồn ma của người con trai đã chết, người mẹ suýt nữa mất đi mạng sống của mình, là người mẹ đi gặp chứ không phải người cha.) Đọc nhiều câu chuyện như vậy nhưng tôi chỉ nhớ câu chuyện về "ma đòi nợ được Thanh Dụng, đời Thanh kể trong quyển một, tác phẩm *Dực Quynh Bại biên*, sau khi việc đòi nợ đã hoàn tất, con ma đòi nợ mới nói một câu: "Công ơn của mẹ kiếp này con chưa trả được, xin hẹn đến kiếp sau đền đáp." Tuy cái "kiếp sau" ở đây rất mong manh, nhưng đọc đến câu này, ai cũng thấu được chút tình thương ấm áp vốn có trong xã hội loài người.

Những câu chuyện này luôn né tránh nhắc tới công ơn dưỡng dục của người mẹ là có căn nguyên của nó. Bởi chúng vẫn ẩn giấu một "chủ đề thứ hai", tức dùng thuyết quả báo để chữa lành nỗi đau mất con. Đứa con trai đã trở thành chủ nợ, vậy thì nó chết thì cứ chết, chẳng can hệ gì tới tôi. Khá điển hình là câu chuyện *Tứ thập thiên* trong *Liêu trai chí dị*. Nội dung câu chuyện như thế nào, chúng ta đều đã biết quã rõ: "Một người giàu có bỗng nằm mơ thấy có người xông vào nhà, quát: "Người nợ ta bốn mươi quan tiền, nay đến lúc phải trả rồi." Nói xong người đó đi thẳng vào phòng ngủ. Ông ta sợ hãi bừng tỉnh, đúng lúc này, vợ ông sinh được một cậu con trai. Người này lập tức đoán ra đứa con trai là "nghiệt truyền kiếp", gã bèn đem bốn mươi quan tiền cất vào trong một căn phòng riêng, tất cả mọi chi tiêu ăn mặc, thuốc thang của đứa bé đều được lấy từ khoản tiền đó. Năm đứa bé ba, bốn tuổi, thấy số tiền đó chỉ còn bảy trăm đồng, gã bèn nói với đứa con: "Bốn mươi quan tiền đã gần hết rồi, ngươi cũng nên đi rồi chứ!" Vừa nói xong, khuôn mặt đứa con liền biến sắc, mắt trợn ngược, cổ gãy gập, rồi tắt

thở trong nháy mắt. Số tiền bảy trăm đồng còn lại được dùng lo chi phí mai táng, khoản nợ thực sự đã được trả hết!

Cái gọi là "nghiệt truyền kiếp" không phải là món nợ người đó nợ ở kiếp này, mà là món nợ nghiệp chướng từ kiếp trước để lại. Người giàu có nọ thật sáng suốt, ông biết bản thân mình ở kiếp trước đây đã quỵt nợ người ta, nên ông không hề tranh luận gì, đứa con do vợ ông sinh ra là chủ nợ, vì thế ông càng không cần thiết phải tự dày vò mình có nên nhận cha con hay không. Sáng suốt thì sáng suốt, nhưng xem chừng ông ta cũng quá lãnh đạm chăng? Nhưng những câu chuyện thuộc thể loại này lại cần cái lãnh đạm như vậy, lãnh đạm đến mức khiến những người làm cha mẹ khi mất con mà như trút được một gánh nặng, như gọt đi được một cái nhọt, như tiễn được một chủ nợ bấy lâu cứ ở nhà mình không đi!

Nói một cách công bằng, trên thế gian, chẳng có bậc cha mẹ nào lại coi đứa con mình dứt ruột snh ra rồi nuôi khôn lớn là món nợ kiếp trước của mình, dù miệng có mắng chúng là "ma đòi nợ" thì trong lòng bố mẹ vẫn chỉ có tình yêu thương dành cho con. Nhưng nếu trong nhà có đứa con mang căn bệnh suốt đời không chữa khỏi, luôn bị bệnh tật dày vò, đau đớn, gia cảnh vì thế mà lâm vào tình cảnh khốn cùng, hoặc trong nhà có tên nghiệt tử, không chỉ bất hiếu với bố mẹ, mà nó còn là một mối đe dọa xã hội, thì sự ra đi của nó chưa chắc đã không khiến bậc làm cha làm mẹ cảm thấy mình như được giải thoát. Những nam giới chết yểu chưa chắc đều là những người bệnh tật hoặc phá gia chi tử, nỗi đau mất con của bậc làm cha làm mẹ vốn rất khó nguôi ngoai, nỗi đau đó cứ dày vò tâm can, miệng than kêu khóc, và rất có thể khiến sức khỏe suy kiệt tới mức đe dọa đến tính mạng. Nhưng đây hoàn toàn là những điều vô bổ, vì thế, những câu chuyện "ma đòi nợ" cứ xuất hiện với số lượng lớn, sử dụng quan hệ nợ nần hư cấu để "vô tình hóa" quan hệ cha con, cái "vô tình" ở đây chính là từ có tình biến thành "vô tình", dựa theo ý đồ đó, tác giả của những câu chuyện muốn an ủi, giải tỏa nỗi đau buồn của cha mẹ. Nhưng chúng ta cũng có thể nhận

thấy, đằng sau những cái vô tình đó vẫn là những cái hữu tình sâu sắc khó có thể hóa giải.

"Y Viên đàm dị - Nói về những chuyện ma quái ở Y Viên" xây dựng câu chuyện "Tứ thập thiên" còn tàn nhẫn hơn rất nhiều. Nhà họ Trần sinh hạ được một cậu con trai, ông biết đứa con trai là do chủ nợ đầu thai tới đòi nợ, bèn ôm lấy đứa bé, nói:"Hỡi tên họ Triệu, nếu ngươi đã đến đòi nợ, thì từ nay một xu, một hào chi tiêu cho ngươi ta đều ghi vào sổ, đến khi đủ hai trăm lượng thì thôi. Ngươi thấy thế nào?" Quả nhiên đứa bé sơ sinh nghe vậy liền gật đầu hiểu ý. Ông Trần làm đúng như vậy, từng đồng, từng hào chi tiêu cho đứa con trai ông đều ghi chép lại cẩn thận. Nhiều năm sau, đứa con trai đã lên bảy, đang chơi đùa ngoài sân, lúc này ông Trần bước tới trước mặt nó, nói: "Ngươi đừng chơi nữa. Vừa rồi ta đã tính toán sổ sách cho ngươi, số tiền hai trăm lượng đã được dùng hết, còn dư một nghìn đồng, đủ để lo liệu nốt cho ngươi, ngươi có thể đi được rồi." Đứa bé nghe vậy không nói lời nào, nó trừng mắt nhìn ông Trần, và một lúc sau, nó thét lớn một tiếng rồi chết. Những câu chuyện thuộc loại này không ngừng được lặp lại, nhưng chúng lại không muốn sử dụng một tình tiết đơn giản nhất là đã biết đứa con là chủ nợ đến đòi khoản tiền hai trăm lượng, vậy sao không bóp cổ cho nó chết đi, rồi dùng hai trăm lượng đó mua một chiếc quan tài cao cấp, vậy có phải giảm được bao nhiêu việc không?

Tuy nhiên, sự giằng xéo trong mối quan hệ cha con không chỉ dừng lại ở đó.

4

Sau khi viết xong *Tứ thập thiên*, tác giả Liễu Tuyền đặc biệt viết thêm một đoạn như sau:

Xưa kia có người đến tuổi gần đất xa trời mà vẫn không sinh được một mống con trai, họ đi hỏi tất cả các bậc cao tăng, cao tăng nói rằng: "Ngươi không nợ ai điều gì, và người khác cũng không nợ ngươi, vậy ngươi làm sao mà có con trai được?" Sinh được con ngoan, ấy là do cái số được báo đáp, sinh ra con hư ấy là do khoản nợ ta phải trả. Vì thế, kẻ sống đừng có vội vui, người chết cũng không nhất thiết phải buồn.

Cao tăng Vân Vân đã trích dẫn chương *Vấn đề không có con trai - vô tử thuyết* trong quyển một cuốn *Thức tiểu lục* của Từ Thụ Phôi, nguyên văn như sau:

Một người rất giàu có, nhưng khổ nỗi không có con trai, ông bèn tìm đến một vị Thiền sư hỏi nguyên do vì sao. Vị Thiền sư nói: "Ngươi không thiếu của nó (ý chỉ đứa con trai) thứ gì, nó cũng chẳng thiếu của ngươi cái gì, vậy thì làm sao nó tìm đến ngươi được?"

Danh hiệu của vị Thiền sư này tuy không được lưu lại, nhưng rõ ràng ông là một cao nhân giỏi tính toán sổ sách. Người kiếp trước không nợ gì của ta, và người ta cũng không nợ gì của anh, vì thế, kiếp này sẽ không có người đến đòi nợ hay trả nợ anh. Hàm ý ở đây rất rõ ràng, nó đã cung cấp cho những người không có con trai một lý do xác đáng để giải tỏa sự cười nhạo của người đời, những người này phải biết sống lạc quan, chấp nhận nỗi cô quạnh khi về già. Không chỉ có vậy, Trung Quốc còn luôn coi việc "không có con trai" là quả báo của những kẻ thất đức, nhưng khi bắt gặp lập luận cao siêu của vị Thiền sư kia, tất cả đều cần thận trọng trước những phát ngôn của mình.

"Bất hiếu có ba loại, trong đó không có người nối dõi tông đường là tội lớn nhất." Ban đầu khi nói câu này, Mạnh Phu Tử không hề có ác ý nào cả, mà nó chỉ muốn làm người ta đừng quên đi cái bản năng sinh vật của mình, là phải làm sao khiến dòng tộc của mình phát triển về sau, có điều, một khi

đã nâng lên đến bậc cao của chữ "hiếu", câu nói đó lại khiến các nhà đạo đức học tìm ra không ít cơ hội thể hiện tài biện luận của mình. Không sinh được con trai đã đủ khiến người ta lo lắng, các nhà đạo đức học lại nói, anh chắc chắn đã làm chuyện gì đó thất đức, để rồi sau đó một loạt các cuộc điều tra nghĩa vụ được thực hiện, nhưng cũng chẳng đưa ra được kết quả nào, thế là họ bèn nhận định rằng do tổ tiên của anh có vấn đề, chí ít cũng cần phải điều tra họ tộc ba đời về trước, cho đến cửu tộc hiện thời, vụ án sẽ không kết thúc nếu chưa phát hiện được một vài "ẩn ác". Vụ án kết thúc rồi cũng chẳng giúp được gì cho án chủ, mà chỉ khiến anh ta thêm nhiều tai tiếng, để từ đó tên tuổi của các nhà đạo đức học được đánh bóng hơn, được nhiều người biết hơn.

Cứ như vậy, những khổ chủ không sinh được quý tử không thể không tìm cho mình một căn cứ để biện bạch. Đương nhiên anh ta sẽ không điều tra tám đời tổ tiên của mình, mà "lần hỏi nguyên do", ngay tức khắc câu hỏi được đưa đến môn hạ của Phật Như Lai. Hóa ra việc không sinh được quý tử chẳng liên quan gì tới lịch sử gia tộc của mình, mà là do kiếp trước mình sống quá ngay thẳng, không nợ nần ai, cũng không ai nợ nần mình. Như vậy có nghĩa là, những người sinh được quý tử cũng giống như những kẻ không thể dựa vào sự giàu nghèo để kiêu ngạo với đời, bản thân họ đã đánh mất tư cách tự hào của mình.

Sự thực không thể né tránh, vấn đề của kiếp trước ngay cả đội điều tra của hoàng thượng cũng chẳng thể làm sáng tỏ được, mà dẫu có làm rõ rồi cũng đành bó tay mà thôi. Các chính khách cũng để tâm đến việc thanh toán nợ cũ hệt như "sư tử Hà Đông", nào là khi tôi làm nhóm trưởng, ngày nào tháng nào anh đã cãi lại tôi, khi đã trở thành một nhân vật có tên tuổi, những việc trong quá khứ đương nhiên phải trở thành đường lối để thanh toán nợ nần, thậm chí ngay cả những việc tệ hại xảy ra từ thời mặc quần để chễn cũng được đưa vào án trạng, để rồi lưu lại trong trang sử đấu tranh cá nhân của mình. Nhưng dù họ có đưa ra những điều luật khắc nghiệt để ép

tội người nào đi chăng nữa, thì việc điều tra cũng chỉ dừng lại ở kiếp này mà thôi, chứ không thể truy cứu trở về kiếp trước - cho dù kiếp trước có là Tần Hội[1] cũng vậy mà thôi! Tập hai quyển *Sơn trai khách đàm*, Cảnh Tính Tiêu đã viết, Thiên Tào phán quyết xử Tần Hội chịu án hình phanh thây ba mươi sáu lần, xử trảm ba mươi hai lần, đến lần thứ n, khi đã sang thời Đại Thanh, Thiên Tào đã thành công trong việc khiến Tần Hội đầu thai thành con gái một gia đình Kim Hoa. Về sau, người đàn bà này phải chịu án tùng xẻo, nguyên nhân bởi ả đã mưu hại chính chồng mình, nếu nghĩ rằng, chỉ vì tiền kiếp của người đàn bà đó là Tần chân dài (biệt danh của Tần Hội), chắc chắn chẳng thể kết án được ả.

[1] Một trong mười đại gian thần của Trung Quốc.

Vì thế, dựa theo quan điểm của nhà Phật, những gia đình tuyệt tự không có người nối dõi tông đường, hay sinh được những kẻ "phá gia chi tử" là thoát được những dây dưa về đạo đức, cắt đứt mọi can hệ giữa mình là tổ tiên. Sự thanh thản đó tựa như việc trải qua bao cấp thẩm tra, cuối cùng đã làm sáng tỏ tiền sử cá nhân cũng như xuất thân gia đình đều trong sạch, giống như vừa được uống liều thuốc nhuận tràng, giúp rửa trôi tất cả những thứ tích tụ lâu ngày trong ruột, như vậy há chẳng thể liệt vào điều ba mươi tư "không có con cũng là một điều vui" sao? Thế là, cái lý luận cao siêu của vị Thiền sư kia được "chính sách hóa" thành "không nợ không thành cha con", trở thành một điều kinh luật kinh điển muôn đời không thay đổi hệt như việc "không mắc oán thì không thành vợ chồng" vậy. Câu nói nổi tiếng "không nợ không thành cha con" đã tiết lộ lời bình của phần *Vị khách Phần Châu* tập năm tác phẩm *Dạ hàng thuyền - Con thuyền đêm* - ai có hứng thú có thể tìm hiểu xuất xứ sớm hơn nữa của nó. Nhân tiện cũng nói thêm rằng, quyển *Con thuyền đêm* hay hơn, thú vị hơn rất nhiều so với một tác phẩm khác cùng tên, tuy danh tiếng của tác giả không thể nào so sánh được với Trương Tông Tử, chỉ có điều, không hiểu tại sao cho đến nay vẫn chưa có ai dịch quyển sách này, khiến cho câu chuyện đặc sắc như vậy gần như bị nhấn chìm.

Tuy nhiên, đằng sau sự hưng phấn đó vẫn còn tồn tại một vài vấn đề. Những gì được quan tâm phía trên chỉ là của kiếp này và kiếp trước, nếu chúng ta suy xét kỹ một chút, nghĩ đến kiếp sau của chúng ta, con cháu của chúng ta sẽ ra sao? Kiếp này người ta nợ ta, kiếp sau chắc chắn ta sẽ làm một con ma đòi nợ, nếu kiếp này ta nợ người khác, thì kiếp sau ta ắt sinh được một tên "phá gia chi tử". Dù ta nợ hay bị nợ đều trở thành một vấn đề nan giải, vậy thì ta không vay mượn đi, nhưng hậu quả của việc không vay mượn còn đáng sợ hơn, anh muốn làm con trai nhà người ta, người ta nói: "Cậu không nợ tôi, tôi không nợ cậu, vậy cậu đến đây làm gì?" Cứ suy luận như vậy thì con người sẽ mắc kẹt tại đó, muôn đời cũng không thoát ra được.

Chương 12: Chỉ khôi phi tác bạch hồ điệp[1]

[1]Tro giấy bay lên thành bướm trắng.

Nếu như ma quỷ có thất tình lục dục, vậy cái mà họ mong muốn nhất là gì? Nhìn dáng vẻ quyến luyến, bịn rịn của họ lúc sắp phải rời xa dương thế, có thể chắc chắn rằng họ cũng muốn được sống trở lại. Nhưng khi mong muốn không thành, họ sẽ được điều mong muốn thứ hai, vậy đó chắc là tiền rồi. Trước và sau tết Thanh minh, trên những con đường tới nghĩa địa, trong chiếc giỏ của mỗi chiếc xe bán hàng rong, món đồ vàng mã được nhìn thấy nhiều nhất chính là tiền âm phủ, từ những vàng nén, châu báu thời cổ đại, cho đến những đồng một trăm tệ, đồng đô la Mỹ ngày nay, chỉ cần đi một vòng cũng đã có thể nhìn thấy mấy chục loại tiền. Vào đến nghĩa địa, trên những chiếc "bàn thờ" dùng để truy điệu người quá cố, tuy có bày một chút đồ ăn và hoa quả, nhưng nhiều nhất vẫn là các loại tiền giấy với đầy đủ màu sắc khác nhau, dường như phía trước mỗi bia mộ đều có dán tờ chữ "bản

kiều nhuận cách", ý nói lễ phẩm, đồ ăn có nhiều cũng không bằng tiền bạc giắt đầy lưng. Trên thực tế, công tác đốt tiền giấy cũng là khâu quan trọng nhất trong hoạt động truy điệu, và là chương trình chiếm nhiều thời gian nhất, vì thế, một số nơi quyết định gọi nghi lễ mai táng người chết với cái tên "đốt giấy". Giả như dưới âm phủ có xảy ra cơn bão tài chính, khủng hoảng tiền tệ, thì việc người sống chúng ta mỗi lần đốt cả sọt, cả bao tiền giấy cũng là điều hết sức hợp lý. Vấn đề ở chỗ, dưới âm phủ không những không có chuyện giá cả hàng hóa lên xuống, mà căn bản là ở đó không có hàng hóa, không có siêu thị hay chợ búa gì cả, các vị tiền nhân của chúng ta dù thắt lưng có rủng rỉnh vạn quan tiền cũng chẳng thể tìm được nơi tiêu tán chúng tại thế giới âm phủ. Vậy họ cần nhiều tiền như vậy làm gì? Hơn nữa, trong dân gian còn xuất hiện rất nhiều câu chuyện ma lừa tiền, ma cướp của, ma hám tiền, lại còn có câu yết hậu ngữ "tay người chết trong quan tài thò ra để đòi tiền", người đời Thanh còn có câu hát rằng: "Phía trước chân núi hỗn mang, tro giấy bay lên hóa thành bươm bướm, chết đi vẫn đòi tiền đồng." Dựa vào đó cũng có thể lờ mờ suy đoán được rằng, ma quỷ có niềm yêu thích đặc biệt đối với tiền.

Nhưng sau này tôi mới phát hiện ra rằng, sự việc không đơn giản như vậy. Thế giới âm phủ tuy không có hàng hóa để mua, nhưng giống như Viên Tử Tài từng nói, nơi dùng tiền thực chất còn nhiều hơn cả con người. Về điều này, chúng ta có thể bắt đầu từ việc phát minh ra tiền giấy.

1

Tiền giấy có từ khi nào? Không khó để có thể xác định thời điểm xuất hiện của tiền giấy, tất nhiên đó là sau khi con người phát minh ra giấy, và giá cả của giấy đã hạ xuống đến mức thấp nhất. Phong Diễn sống vào thời nhà Đường là người đầu tiên tìm hiểu về giấy. Trong tập sáu quyển *Bút ký ghi lại những hiểu biết của Phong Diễn*, chương *Tiền giấy* có viết:

Theo như người xưa, khi tiến hành cúng tế quỷ thần, cần có đồ lễ bằng vàng bạc châu báu, tiền đồng, sau khi nghi lễ được hoàn tất, toàn bộ số của cải đó phải được đem chôn xuống đất, người đời sau vẫn dùng châu báu tiền tài, tức dùng tiền để tiễn người đã khuất. Vụ việc đào trộm tiền chôn tại lăng mộ Hán Văn Viên trong "Hán thư" cũng là vì thế. Sau này theo đuổi sự giản hóa người ta bèn dùng tiền giấy. Giấy được phát minh vào thời nhà Hán, tiền giấy bắt đầu được sử dụng vào thời Ngụy Tấn. Ngày nay, từ vua quan cho tớ dân thường đều sử dụng tiền giấy trong các nghi lễ dành cho người chết.

Việc sử dụng tiền giấy được "bắt đầu từ thời Ngụy Tấn", đó là cách nói phù hợp nhất, và trên thực tế nó cũng sát thực nhất. Có người còn tìm hiểu, chứng minh một cách chính xác hơn, ví như Chu Văn Công từng nói "tiền giấy được ra đời là nhờ Vương Du đời vua Huyền Tông (tập ba mươi chín *Chu tử toàn thư*), như vậy có sự sai lệch quá lớn. Cuối thời Huyền Tông, người ta luôn lo sợ quỷ thần, công việc tế lễ vô cùng phức tạp, tất cả đều sử dụng châu báu, lụa là sợ rằng vẫn chưa thể đáp ứng được, do vậy Vương Du bèn nêu ý kiến sử dụng tiền giấy để tế thần. Nhưng quyển *Tân Đường thư - Vương Du truyện* lại ghi rằng trước đó, trong dân gian đã có chuyện "sử dụng tiền giấy để tế ma quỷ", vì thế, những cống hiến của Vương Du chỉ ở chỗ ông sử dụng tiền giấy giúp tên hôn quân nịnh nọt yêu thần ma quỷ mà thôi. Còn các sử gia lại đặc biệt ghi chép lại chuyện đó, có lẽ là vì sợ Vương Du đem những cái giản hóa của dân gian đưa vào trong điện miếu, phá hỏng những quy củ do tổ tiên truyền lại chăng?

Muộn hơn một chút, trong quyển *Thử phác*, Đới Trực nói "*Pháp uyển chu lâm* có ghi lại rằng tiền giấy khởi nguồn bởi Ân Trường Sử". Ân Trường Sử có lẽ là chỉ Ân Nhuệ, con rể của Vương Hoàn, do bị liên lụy bởi bố vợ, Ân Nhuệ bị giết vào cuối năm Vĩnh Minh thời Tề Vũ Đế. Bố vợ của Ân Nhuệ là tín đồ Phật giáo, sau này trở thành bạn thân của Tiêu Diễn - một hoàng đế vô cùng tin Phật, và xem chừng Ân Nhuệ cũng là một người tin

Phật. Tiền giấy mà ông ta dùng có lẽ đều liên quan đến tín ngưỡng Phật giáo, nhưng cái then chốt của câu chuyện như thế nào vẫn chưa được làm sáng tỏ, bởi trong quyển *Pháp uyển chu lâm* hiện nay, người ta không còn tìm thấy ghi chép liên quan đến sự việc này. Nhưng trong quyển *Phân tích, chứng minh về thơ Đỗ Phủ*, Hồng Hưng Tổ, người đời Nam Tống nhắc tới "hoàng đế Nam Tề bị phế truất, Tiêu Bảo Quyển (còn gọi là Đông Hôn Hầu) quá ham mê thuật quỷ thần, bèn cắt giấy thành tiền thay cho gấm lụa" (Trích từ *Tục đốt tiền giấy trong lễ tạ ơn*, tập năm). Thời điểm Đông Hôn Hầu giữ ngôi vị chỉ cách năm Vĩnh Minh không quá mười năm, xem chừng nói tiền giấy xuất hiện vào thời Nam Tề là có căn cứ chắc chắn. Nhưng từ lúc phát minh tiền giấy cho đến đời nhà Tấn vẫn là một khoảng thời gian tương đối dài, vì thế hiện tượng chôn tiền thật vẫn còn tồn tại khá phổ biến vào lúc bấy giờ. Trong quyển *Nam sử - những chuyện ẩn dật*, vị hòa thượng Tăng Nhan trước khi chết đã nói với các đệ tử rằng: "Nay ta phải giã từ nhân gian. Trong hộp kia có cất một nghìn đồng, để ta dùng trên đường xuống nơi chín suối, cây nến kia sẽ soi chiếu thi thể ta." Đệ tử của Phật đã như vậy, thì những người bình thường há không làm như vậy sao?

Thói quen trước nay của người Trung Quốc là luôn coi những phát minh trong dân gian đồng nhất với những tên giặc cỏ, phải được tống tiến lên hoàng thượng trước tiên, cho đến khi tất cả mọi vương công khanh tướng đều đã áp dụng, đến lúc đó giấy chứng nhận bản quyền phát minh mới chính thức được cấp cho người phát minh. Vì thế, tiền giấy chưa chắc đã do một người nổi tiếng nào đó sáng tạo ra. Vào trước thời Nam Tề, trong dân gian đã sử dụng tiền giấy vào việc tế lễ thần linh và mai táng người chết. Theo rất nhiều sách sử ghi chép, tiền giấy được sử dụng rộng rãi trong xã hội phải được bắt đầu từ thời nhà Đường, nhưng nếu truy cứu về vấn đề nguyên thủy của nó, thì như Phong Diễn nói "tiền giấy được bắt đầu sử dụng từ thời Ngụy Tấn" là không sai.

Trước khi tiền giấy xuất hiện, người ta thường đem tiền đồng thật chôn trong mộ khi mai táng người quá cố. Nhưng chỉ những gia đình giàu có mới có thể làm như vậy, còn gia đình nghèo đành lực bất tòng tâm, hoặc cũng chỉ dâng lên vài đồng xu mang tính tượng trưng mà thôi. Nhưng những thứ đó đều được chôn xuống mồ cùng với người chết, không thể dùng lại được nữa. Vì thế, có thể suy đoán rằng, ban đầu, những đồng tiền âm phủ được làm từ giấy không những có hình dáng khác hoàn toàn so với những loại tiền âm phủ hiện nay chúng ta được thấy, chúng chắc trông giống với tiền thật lúc bấy giờ hơn, hơn thế nữa, chúng còn được chôn xuống dưới mồ.

Nhưng loại tiền giấy như thế không có tác dụng quan trọng nào trong sự phát triển của văn hóa âm phủ. Nó chẳng qua chỉ là loại tiền âm phủ được làm hết sức đơn điệu, xét theo ý nghĩa "ngụ ý", tượng tùy táng và đồ binh khí làm từ đất nung đã làm công tác khai đường mở lối từ mấy trăm năm về trước, giá trị của văn hóa tiền giấy gần như ngang hàng với đồ đất nung thời bấy giờ.

Tiền giấy có bước nhảy vọt về mặt ý nghĩa văn hóa, chủ yếu thể hiện ở hai điểm: một là nó không chỉ được sử dụng khi mai táng người chết, mà còn được sử dụng trong việc tế lễ tổ tiên hàng năm, hai là nó được chuyển từ hình thức chôn tiền sang hình thức đốt tiền. Hiện nay, con người không thể tiến hành khảo sát quá trình này, nhưng theo những bậc tiên sinh kiên quyết giữ gìn lễ tục cổ từng nói, cái sai sót trong sự biến chất của tiền giấy là ở ảnh hưởng thuyết "tư minh phúc - giúp đỡ âm phủ" của các tín đồ Phật giáo.

Tiền giấy được dùng để "giúp đỡ âm phủ", điều này cố nhiên có quan hệ rất lớn đối với việc truyền bá Phật giáo, nhưng thực tế nó cũng rất phù hợp với Đạo giáo của Trung Quốc, như vậy mới được quảng đại quần chúng và các bậc đại phu đón nhận. Mỗi đợt Tết đến xuân về, chỉ cần trong tay còn vài đồng, mọi người đều mau chóng đi mua sắm đồ lễ "xả hàng ngày hội

mua sắm", khi vui mình phải nghĩ đến người, thế là thế hệ con cháu hiếu thuận cũng nhớ đến các bậc tổ tiên nơi chín suối. Nhưng nơi mộ phần không phải chiếc va li tiền hay chiếc tủ quần áo để tiện mở ra mở vào, vì thế, muốn chôn tiền đồng xuống bất cứ lúc nào là việc bất khả thi. Do đó không khó để nhận ra tính ưu việt của tiền giấy. Trong *Ghi chép ngày hội tụ*, Nại Đắc Ông người thời Nam Tống có ghi chép một câu chuyện như sau: Vào thời Bắc Tống, triết học gia Thiệu Ung từng nghiên cứu về nghi lễ thờ cúng tổ tiên thời Xuân Thu, ông tổng hợp tất cả lễ nghi từ cổ chí kim, vì vậy việc đốt tiền giấy cũng được ông áp dụng. Trình Di cho việc đó là không hợp với Lễ, bèn tìm đến Thiệu Ung trách vấn. Ngài Khang Tiết (tức Thiệu Ung) đáp rằng: "Đó xuất phát từ ý nghĩa của đồ tùy táng, cắt bỏ mà có ích lợi, chẳng lẽ không phải là tấm lòng hiếu thảo của con cháu sao?" Trình Di luôn giữ địa vị thấp hèn bên phía cánh tả kiểu cũ, sang ngày hôm sau ông vẫn không hết băn khoăn, thấy hoàng thượng bẻ càng liễu, ông bèn cho đó là "sức sống" bị tổn thương, còn như những lời xấu xa kiểu "chết đói là chuyện nhỏ, thất lễ mới là chuyện lớn" vấn đề lại di hại đến ngày nay, còn khi đó ông vẫn là gương mặt một lòng bảo vệ môn phái bị nhiều người ghét bỏ. Nhưng Thiệu Khang Tiết cho rằng tiền giấy cũng như những loại đồ tùy táng kia, chỉ cần có thể biểu đạt được lòng hiếu thảo của con cháu thì không có thứ gì là không thể sử dụng để cúng tế được. Đương nhiên tiền giấy cũng chỉ được dùng để biểu thị lòng hiếu thảo mà thôi, tựa như ngày nay người ta hay nói câu "hay về nhà thăm tổ tiên", việc thăm nom này vị tất phải bao lớn bao bé mang về, ngài Khang Tiết cũng không hề nhận định rằng tiền giấy sau khi đốt sẽ trở thành loại tiền được thông hành trong thế giới thần linh.

Quyển *Phong song tiểu bản* lại ghi chép rằng: "Vào thời Nam Tống, sau khi Cao Tông qua đời, trăm quan quỳ khóc, tiền giấy cúng tế giải khắp đường. Để biểu thị lòng hiếu thảo của mình đối với người cha đã khuất, vị hoàng đế vừa đăng cơ Tống Hiếu Tông liền chê chỗ tiền giấy được làm quá nhỏ, khiến tang lễ không đủ sức phô trương. Thế là lại có một tên gián quan

không hiểu biết lên tấu, rằng: "Tục dụng chỉ tiền, ngãi thích thị sử nhân dĩ quá độ kỳ thân giả, khủng phi thánh chủ sở nghi dĩ phụng tân thiên dã." Ý nói rằng, tiền giấy vốn là thứ không nên sử dụng, vì thế tiền có nhỏ một chút cũng không phải là vấn đề quá nghiêm trọng. Hiến Tông nghe vậy vô cùng tức giận, ném bản tấu chương xuống đất, nói: "Bậc hiền nhân như Chiêu Nghiêu Phu chẳng phải cũng dùng tiền giấy để tế lễ tổ tiên hay sao? Lẽ nào ngươi sống trên đời mà không cần chỉ tiêu đến một đồng?" Vốn dĩ viên gián quan muốn khuyên can Hiến Tông không cần tổ chức buổi tang lễ quá phô trương, nhưng ông đã nghĩ không sáng suốt, cuối cùng phải gánh một trận giáo huấn. Còn Chu Văn Công có nói: "Từ khi vương triều được lập đến nay, những người học lễ đều sai lầm trong quan niệm, người ta chỉ làm mũ áo giấy mà không làm tiền giấy, vậy không hiểu mũ áo giấy và tiền giấy có gì khác nhau?" Đây chính là "ý nghĩa đồ tùy táng" mà Chiêu Khang Tiết đã nói. Có thể thấy, việc đốt tiền giấy cung cấp cho các vong hồn chi tiêu nơi âm phủ đã trở thành quy tắc chung dùng để "tận hiếu" của người đời, tất cả các bậc đại Nho đã dùng theo quảng đại dân chúng, vậy thì những kẻ tiểu Nho đừng tùy tiện lên tiếng phản kháng"[2]

[2] Nghe nói vào thời Đường, chỉ có Nhan Chân Khanh, Trương Tham Gia không dùng tiền giấy khi cúng lễ. Còn thời Tống, có Thiền Nhược Thủy không đốt tiền giấy, Lữ Nam Công còn đặc biệt viết Bài tụng Tiền Trịnh Công không hóa tiền giấy. Có thể thấy thời bấy giờ, đại đa số quan phủ thân vương đều phổ biến sử dụng tiền giấy.

Đi sâu hơn nữa, trong quan niệm về thế giới âm phủ của người đời, tiền giấy không những được sử dụng phổ biến ở cõi âm ti, mà nó còn có xu thế loại tiền đồng ra khỏi âm giới. Trong quyển *Minh báo ký - Ghi chép những thông tin từ cõi âm*, Đường Lân, người thời Đường có ghi lại một câu chuyện, chuyện rằng hồi đó Vương Thục vô duyên vô cớ bị diêm phủ bắt đi, khi xuống tới âm phủ mới phát hiện bị bắt nhầm, quy tắc từ xưa tới nay của Trung Quốc là sau khi bắt nhầm, đánh nhầm phải tạ ơn người ta, thế là Vương Thục được trả về dương gian, sứ giả diêm phủ yêu cầu ông giao một khoản "tiền cảm tạ", hơn nữa còn nói rõ: "Ta không dùng tiền đồng của

ngươi, ta dùng tiền giấy trắng.” Trong quyển *Di kiên ất chí*, tập mười lăm, Hồng Mại thời Nam Tống có chương *Nỗi oan vợ lẽ nhà họ Mã* nói về oan hồn đòi mạng, kẻ bị ma ám nhờ đạo sĩ ra tay hóa giải. Cuối cùng khi nhắc tới việc bồi thường một khoản tiền, vị đạo sĩ hỏi: “Ngươi muốn tiền đồng hay tiền giấy?” Con ma đó tuy là nữ giới, nhưng đã được đọc tất cả các sách thánh hiền, ả bèn mượn câu chuyện *Tiễn quỷ đòi tiền* của Hàn Văn Công, cười và nói rằng: “Ta là ma, ta không phải là người, liệu ta có dùng tiền đồng được không?” Rõ ràng, tuy tiền đồng được chôn trong đất, nhưng các linh hồn ma quỷ không thể hưởng thụ được chúng.

Trong văn hóa âm phủ, ưu thế lớn nhất của tiền giấy so với tiền đồng chính là ở chỗ nó được “hỏa hóa”. Chữ “hóa” ở đây không phải chỉ việc giấy hóa thành tro, mà chỉ tiền giấy chuyển hóa thành tiền đồng lưu thông dưới âm phủ. Chỉ khi đã được hỏa hóa, âm phủ mới nhìn thấy tiền giấy, người nhận mới cầm được tiền trong tay. Còn tiền đồng được chôn trong đất, sau thời gian dài vẫn không bị hóa mòn, những kẻ trộm mộ sẽ đào chúng lên, khi đó chúng vẫn là tiền của dương gian, ma quỷ nhìn những đồng tiền đó bao năm mà nào có được sử dụng đến một đồng! Còn về khoản tiền cảm tạ cho đến các loại chi phí kèm theo, nếu là tiền đồng thì không biết chúng sẽ được chuyển đến nơi nào. Vì thế, xét về lý, tiền giấy chiếm lợi thế trước, khi đó nó lại quay lại biện hộ cho tiền đồng, khiến người ta không khỏi hoài nghi nó là đồng đảng của môn phái trộm mộ.

Tuy nhiên sự “hóa” này đã khiến văn hóa âm phủ có sự thay đổi một trăm tám mươi độ. Tiền giấy có thể hóa, đồ dùng, quần áo giấy, người giấy, ngựa giấy đương nhiên cũng có thể đem hóa theo. Hán Cảnh Đế giữ vững giang sơn, thấy tướng Châu Á Phu - người đã từng dẹp yên quân phản loạn bảy nước không còn tác dụng nữa, Hán Cảnh Đế thấy không thuận mắt, bèn tìm cách tiêu diệt ông. Vừa lúc thấy con trai Châu Á Phu mua năm trăm bộ áo mũ giáp sắt và lá chắn làm đồ tùy táng, khiến Cảnh Đế tìm được lý do thích hợp, vu khống cho Châu Á Phu tội mưu phản. Á Phu đáp: “Những thứ

mà thần mua đều là đồ dùng tùy táng, sao có thể gọi là mưu phản được ạ?" Phán quan phản bác lại rằng: "Quân hầu các người không tạo phản công khai trên mặt đất, mà muốn tạo phản trong lòng đất!" Thiên tử thánh minh, lời nói của quân tay sai tất nhiên không sai, nhưng sự việc này cũng đã mở ra tiền lệ cho việc vận chuyển lậu vũ khí xuống âm giới. Từ đó có thể suy luận rằng, mũ, áo giáp giấy, súng giấy, đao giấy, lớn hơn nữa là thành lũy, máy bay, đại bác, chỉ cần dùng giấy cắt dán là thành, chỉ cần nhóm một ngọn lửa, tất cả sẽ chuyển hóa sang thế giới âm ti, không biết chừng có thể tổ chức một quân đội dã chiến, nhằm thẳng cung điện Sâm La phát động chiến dịch "phê phán vũ khí", "căng cờ thập vạn quân đi chặt thủ cấp Diêm La", có thể thấy ý nghĩa lịch sử của tiền giấy thật lớn lao!

Sái Hầu phát minh ra giấy, lập công lớn khắp thiên hạ, sự kiện này được ghi chép rất rõ từ trong sách giáo khoa tiểu học đến các quyển bách khoa toàn thư, duy nhất phần tạo ra tiền giấy lại bị thất lạc, đó là điều rất đáng tiếc. Trong chương *Sát thanh* quyển *Thiên công khai vật* của mình, Tống Ứng Tinh đặc biệt ghi chép về loại giấy chuyên dùng làm tiền âm phủ, loại giấy đó có tên "giấy lửa" (tức là giấy chuyên dùng để đốt), còn nói loại giấy đó "bảy phần mười được hóa để cống cho diêm phủ, ba phần còn lại được hóa để làm tiền chi tiêu hàng ngày". Bàn về giấy mà không bỏ qua công dụng của nó tại thế giới âm phủ, đó mới là điều làm nên sự nổi tiếng của tác phẩm.

2

Ở đây chúng tôi nói về "tiền giấy" chỉ là tên gọi chung của tiền âm phủ, chứ không chỉ tất cả vàng nén, bạc nén đều nằm trong số đó. Nhưng đa số tiền giấy được làm dưới hình dạng đồng tiền đồng, cái gọi là "vắt giấy thành tiền" nên chăng cũng là sự chế tác từ tiền đồng. Nhưng năng suất cắt tiền giấy quá thấp, cung không đáp ứng đủ cầu, thế là sau đời Đường, hầu hết đều sửa chữ cắt giấy thành tiền sang "đục" giấy thành tiền, hơn nữa

dụng cụ dùng để đục giấy thành tiền đa số đều do người ta tự sáng chế. Ngưu Túc người thời Đường trong tác phẩm *Ký vấn* có viết: "Theo năm quyển bảo thư đời Đường có ghi lại, Lý Tư Nguyên đột tử hai mươi mốt ngày bỗng nhiên tỉnh lại, vừa tỉnh anh ta lập tức nói rằng: "Có người đến bắt con, hơn nữa còn bắt con làm đồ cống cho ba chục người ăn." Anh nói tiếp: "Họ đòi một vạn quan tiền để đưa con trở lại." Người cha nghe vậy lập tức ra lệnh chuẩn bị đồ lễ, đồng thời đục giấy làm tiền lễ nạp."

Cách đục giấy đó vẫn được dùng đến vài năm về trước, đó là cách dùng một chiếc "dùi" làm bằng sắt, đục sấp giấy trắng, giấy vàng thành hình thù các đồng xu, tiền giấy có loại to loại nhỏ, loại to là loại có kích cỡ như chiếc bánh nướng (gần như chiếc bánh đa quế), được tách riêng ra thành từng đồng một, loại nhỏ thì chỉ dùng "dùi" đục trên giấy thành một vòng nhỏ bằng tiền đồng, mang tính tượng trưng, chứ không được tách rời ra. Hình dạng đồng tiền giấy thời cổ nhìn chung không quá khác biệt so với dạng tiền giấy này. Nhưng cũng không được cắt một cách lãng phí, bởi đó là loại tiền giấy thường được dùng trong các trường hợp đặc biệt. Thời kỳ đầu thời Tống, trong tác phẩm *Thanh dị lục*, Đào Cốc kể lại, trong ngày đưa thi thể Châu Thế Tông đi mai táng, vàng bạc châu báu đều được giấu đi, còn bày ra nhiều nhất chính là tiền giấy, trên những tờ tiền vàng viết "châu báu cống suối vàng", trên tờ tiền trắng viết "châu báu cống âm phủ". Loại tiền giấy cỡ lớn này hiện nay vẫn còn, chỉ có điều bên trên không in chữ, chủ yếu dùng để rải trên đường đến nơi mai táng. (Cho đến đời Tống lại xuất hiện loại "tiền giấy đen" chuyên dành cho hồn ma của những kẻ chịu hình mà chết, sau này lại có loại giấy đỏ in hình hoa dành cho những kẻ thích phô trương, thậm chí còn có loại "tiền giấy" dùng vàng thật rèn mỏng mà thành, tất cả đều là loại đặc biệt)

Hình dáng của tiền giấy tuy giống tiền đồng, nhưng lại có thể gọi chúng là vàng, là bạc. Từ đó mới có cách gọi tiền vàng, tiền bạc. Trong tác phẩm *Quảng dị ký*, Đới Phủ, người đời Đường nói tới việc sứ giả diêm phủ tới đòi

tiền cảm tạ, bắt Bùi Linh phải trả ba mươi triệu tiền vàng, tiền bạc cho khoản phí trở lại dương gian. Bùi Linh nói: "Ta là quan kinh thành, cuộc sống nghèo túng, thực sự không có nhiều tiền như vậy." Sứ giả diêm phủ nói: "Tiền vàng ở đây là tiền giấy vàng tiền bạc chính là tiền giấy trắng." Dẫu sao nó chỉ là một tờ giấy, gọi thành tiền vàng tiền bạc đương nhiên nghe hay hơn tiền đồng, giá trị cao hơn dưới âm phủ, tuy là nói láo nhưng nó chẳng hại gì cho mình, lại lợi cho người, điều này hoàn toàn có thể hiểu được, điều đáng tiếc duy nhất đó là phương pháp này không thể áp dụng tại chốn quan trường nơi trần thế. Trong điều kiện này, Bùi Linh tưởng rằng làm tiền giấy là việc dễ dàng, chỉ có điều ông không biết làm thế nào để số tiền đó chuyển đến tay sứ giả âm phủ. Sứ giả bèn đáp:

Con người đúc tiền tại nơi đô thị, số tiền đó đa phần sẽ bị địa phủ thu lại. Ngươi có thể nhờ người đến căn mật thất trong nhà ngươi làm tiền giấy. Khi đã làm đủ số tiền, ngươi đóng gói chúng lại, đem đến cạnh một dòng suối rồi hóa chúng. Hóa xong ta sẽ nhận được tiền.

Đọan thoại này rất thú vị, nó đưa cách đúc tiền kín đáo của dương gian vào thế giới âm phủ. "Đúc tiền tại nơi đô thị" ý chỉ làm tiền giấy tư một cách công khai sẽ ảnh hưởng đến trật tự tiền tệ dưới âm phủ, âm phủ sẽ tịch thu toàn bộ số tiền đó. Nhưng nếu làm chúng trong căn mật thất trong nhà, diêm phủ sẽ không thể phát hiện ra được, lúc đó thần không biết, quỷ không hay. Tiếp đến, dùng một chiếc túi đựng tất cả chúng lại sao cho kín đáo, rồi cẩn thận vận chuyển ra bên ngoài, như vậy tất cả mọi sự sẽ được hoàn tất. Còn việc phải hóa tiền vàng bên sông, có lẽ đó là tập tục của thời Đường. Trong *Minh báo ký*, Đường Lâm có kể rằng, khi Lý Sơn Long được thả trở lại dương gian, tên lính âm phủ đòi phí cảm tạ, cũng yêu cầu "phải hóa chúng dưới gốc cây cổ thụ bên sông". Hiển nhiên việc này hoàn toàn có cái lý của nó, có thể đó là quy định của con người đặt ra lúc bấy giờ. Nước là chất lỏng, luôn chảy xuống chỗ thấp, nước sẽ dễ dàng đưa tiền giấy được tới nơi suối vàng. Vào cuối đời Hán, Trương Lỗ sử dụng năm đấu gạo làm

“tam quan thủ thư” tượng trưng cho trời, đất, và nước, một phần gạo đó sẽ được đưa lên trời - đem gạo rắc lên núi, một phần được chôn xuống đất, một phần cho chìm xuống nước. Sự việc này có lẽ cũng cùng một ý nghĩa với việc hóa vàng bên sông.

Ngoài ra chúng ta cũng được biết khi đó, trong tất cả các thành phố thời Đường đều đã có các xưởng chuyên sản xuất tiền giấy, cũng như có thể mời người đến tận nhà làm tiền giấy. Những người lấy nghề làm tiền giấy làm kế sinh nhai đương nhiêu đều là những người bần hàn, tuy nhiên trong đó cũng xuất hiện những nhân vật cỡ lớn. Trong *Ly miêu hóa thái tử*, Lý Chấn Phi (mẹ ruột của Nhân Tông) trong lịch sử ghi chép là người xuất thân từ gia đình bần hàn, em trai của bà sau khi lưu lạc tới làm thuê cho một xưởng sản xuất tiền giấy. Khi vua Nhân Tông đăng cơ, người làm thuê kia cố nhiên trở thành Quốc cữu đại nhân của một nước, có quyền quản lý, chỉ huy tất cả quan trên quan dưới trong cung. Nếu nghề làm tiền giấy cần lập sư tổ, thì vị Lý quốc cữu này sẽ là một ứng cử viên sáng giá.

Tiền âm phủ còn được làm từ vàng, bạc lát mỏng (trên thực tế được làm từ thiếc), lúc này nó không còn là tiền giấy nữa, mà là đĩnh vàng, đĩnh bạc được gấp từ những lát vàng, lát bạc. Đương nhiên chúng chỉ có hình dạng của đĩnh vàng, đĩnh bạc chứ trên thực tế đều thuộc loại ngoài thật trong giả, hàm lượng vàng bạc trong đó chiếm tỷ lệ vô cùng nhỏ. Nhưng, cho dù có là “hàng rởm” đi chăng nữa, thì người thường cũng khó có đủ điều kiện để sử dụng chúng. Nếu cần loại tiền có bề mặt trơn sáng, đẹp mắt thì mua giấy nhuộm màu vàng, màu bạc hoặc những đĩnh vàng, đĩnh bạc làm từ thiếc cũng được. Việc sử dụng các đồ lễ cống nộp lên quan trên có chất lượng thấp, thì người đem tặng khó mà được sống yên ổn. Trong quyển chín, cuốn *Duyệt vi thảo đường bút ký*, Kỷ Vân đã kể lại câu chuyện có thật của gia đình mình như sau:

Mùa hạ năm Mậu Tý, cô nữ tỳ Ngọc Nhi mắc bệnh lao mà chết, rồi bỗng nhiên cô ta tỉnh lại, nói: "Binh lính âm phủ sai ta trở lại đòi tiền." Mọi người đốt tiền giấy cho cô ta, lúc này cô ta mới chết. Nhưng lúc sau cô ta lại hồi tỉnh, nói: "Chỉ có tiền bạc là không đủ, âm phủ chưa chịu đâu." Thế là người ta lại đem đĩnh vàng, đĩnh bạc ra đốt, sau đó cô ta mới dứt khoát ra đi không bao giờ tỉnh lại nữa.

Kỷ học sĩ lăn lộn chốn quan trường nhiều năm, vậy mà ông vẫn chất vấn trong văn của mình rằng: "Binh lính âm phủ đi đòi tiền như vậy, vậy quan dưới âm phủ quản lý việc gì?" Câu hỏi được đặt ra chẳng có lý chút nào, lẽ nào chỉ có quan lại nước Đại Thanh của ông mới được phép lơ là việc công, tham ô, tham nhũng?

G*hi chép về phong tục đất nước Trung Hoa* có viết về tục đón tết Trung nguyên của người Cát An, Giang Tây, kể rằng trong dân gian có tục gấp tiền giấy, kỵ gấp vào ban đêm, và hơn nữa là kiêng phụ nữ mang thai gấp tiền. Nếu tiền giấy được gấp bởi phụ nữ mang bầu, sau khi hóa xong, những hồn ma dưới âm ti sẽ không chuyển được số tiền đó, như vậy chẳng phải uổng phí công sức sao. Rõ ràng tập tục này xuất phát từ góc độ bảo vệ phụ nữ mang thai, nhưng từ đó ta cũng có thể nhận ra rằng, tất cả các loại đồ vàng mã được gấp từ giấy đa phần thuộc loại công việc gia đình của người phụ nữ, hơn nữa đó không phải là một công việc nhàn hạ. Còn việc kỵ gấp tiền giấy vào ban đêm, bởi ban đêm thuộc về âm, không biết chừng bên này gấp tiền, bên kia sẽ xuất hiện loại tiền tệ ở ngân hàng âm phủ, khi đó khó tránh được việc các hồn ma hoang dại và các hồn ma hung hăng sẽ đến phá cửa cướp tiền.

3

Tất cả các loại tiền giấy có hình dáng gần giống với tiền đồng, chỉ cần đốt xong dưới phía âm phủ sẽ xuất hiện loại tiền âm phủ hoàn toàn giống

với những tiền đồng ở dương gian. Không cần hoài nghi về quá trình kỳ diệu này, bởi có người đã tận mắt chứng kiến nó.

Trong quyển *Hà Đông ký* Tiết Ngư Tư, người thời Đường có ghi lại một sự việc xảy ra giữa năm Thái Hòa đời vua Đường Văn Tông: "Một viên quan nhỏ tên Tân Sát bỗng nhiên lên cơn đau đầu rồi ngất lịm đi, chỉ có điều tim ông vẫn đập. Tân Sát nằm trên giường, ông thấy có một người mặc áo vàng bước tới, kéo ông ra khỏi ngôi nhà nhỏ. Ra đến cửa, người mặc áo vàng nói: "Nhà ngươi vẫn chưa đến lúc phải chết, nếu ngươi đồng ý đưa ta hai nghìn quan tiền, ta sẽ đưa ngươi trở về." Hóa ra đây là tên lính âm phủ có thói quen bắt xong dọa dẫm. Tân Sát biết thứ mà hắn cần chỉ là tiền âm phủ, bèn thông báo cho người nhà mau chóng đưa tiền giấy ra đốt. Người nhà trên dương gian đốt tiền, Tân Sát dưới âm phủ liền nhìn thấy tất cả chúng hóa thành tiền đồng. Đương nhiên, da thịt của Tân Sát khi đó vẫn đang nằm ở trên giường, chỉ có linh hồn ông mới nhìn thấy sự biến hóa đó.

Đôi khi con người rơi vào trạng thái bán hôn mê trong ranh giới giữa sự sống và cái chết, cũng có thể nhìn thấy được cảnh tượng kỳ thú đó. Trong chương *Thôi Minh Đạt* tác phẩm *Quảng dị ký*, Đới Phù, người thời Đường có ghi, Minh Đạt bị diêm phủ bắt nhầm, bèn sai lính đưa Minh Đạt quay trở về dương gian. Tên lính âm ti đã đưa linh hồn đến bên giường bệnh, nhưng Minh Đạt vẫn hôn mê bất tỉnh, miệng không nói thành tiếng, chứng tỏ linh hồn vẫn chưa hoàn toàn nhập vào thể xác. Tên lính nói: "Ngươi phải giao cho ta một nghìn quan tiền mới được." Tiền trước, lễ vật sau là quy tắc vốn có nơi quan trường, Minh Đạt bị cột lại giữa đường, quả thực không rõ là sống hay chết, lúc này chỉ có đồng ý là sự lựa chọn duy nhất. Không biết ông làm thế nào để nói với người nhà, nói chung cuối cùng người nhà trên dương gian đốt tiền, dưới âm phủ Minh Đạt nhìn thấy hai tên lính vác tiền đi mất. Đến khi cảnh tượng nơi âm ti hoàn toàn biến mất, Minh Đạt mới chính thức trở về với dương gian.

Tinh thần và linh hồn của con người trong trạng thái bình thường đương nhiên không thể nhìn thấy được điều đó. Vì thế, rất ít người tỏ ra hoài nghi về quá trình này, càng không có người muốn đích thân trải nghiệm. Trên cõi dương hóa tiền, dưới cõi âm sẽ nhìn thấy những xâu tiền tự nhiên xuất hiện. Cũng theo lý đó, những loại vàng bạc, châu báu làm từ giấy sau khi hóa sẽ trở thành vàng bạc châu báu thật nơi cõi âm. Chính bởi vậy, màu sắc của tiền giấy ảnh hưởng trực tiếp đến màu sắc của đồng tiền nơi âm phủ. "Ngụy trang tốt không bằng thành tâm", tiền giấy được đục chắc chắc không được quy chỉnh như tiền giấy được cắt, nhưng việc chế tạo tiền đã được làm giả từ tiền đồng chuyển sang tiền giấy, vậy thì tiền giấy chuyển từ dạng cắt sang dạng đục thô thiển cũng là điều chấp nhận được. Lấy giấy làm tiền tuy có thể làm tùy tiện, nhưng cũng không thể quá qua loa, cẩu thả, chỉ cần đục vài đồng tiền giấy là có thể coi như đã hiếu kính với tổ tiên. (Ví như tiền giấy hiện nay, nhìn cả một xấp thì có vẻ giống tiền, nhưng nếu tách ra thành vài tờ một, có thể sẽ chẳng tìm thấy một "vết tích" nào của chiếc đục.) Ở đây cũng cần coi trọng thái độ nghiêm túc, đó là làm sao khiến con người ta coi những việc viển vông như những việc có thật để thực hiện, và cái có được chính là tấm lòng thành kính hướng tới tổ tiên.

Trong tập mười hai quyển *Những chuyện lẻ tẻ về xứ Bắc*, Tôn Quang Hiến có nhắc tới sự cẩu thả trong việc làm tiền giấy lúc bấy giờ, kết quả, chúng hiện nguyên hình khi được chuyển tới cõi âm. Tề tướng Võ Nguyên Hoành bị thích khách hại chết, linh hồn của ông được đưa trở lại dương thế thông qua một người dân thường bị diêm phủ bắt nhầm, ông truyền lời lại người bạn cũ của mình là Tư Đồ Vương Tiềm rằng: "Sau khi ta chết, rất ít người còn nhớ tới ta. Trong tất cả môn sinh, bạn bè cũ, chỉ có các hạ luôn nhớ tới ta, thường hóa tiền giấy tặng ta, nhưng loại tiền mà các hạ ban cho ta được làm quá mỏng, đến mức sợi dây không thể xâu chúng lại với nhau được. Có lẽ vì các hạ nhiều việc, đôi khi không có thời gian để quan tâm đến điều đó chăng?" Tác phẩm *Hà đông chí* cũng ghi chép lại câu chuyện này, nhưng có thêm một vài câu dặn dò của hồn ma Nguyên Hoành, ngoài

chất lượng tiền giấy quá kém ra, khi hóa vàng nếu không dùng chiếc que để gẩy, thì sang đến cõi âm, chỗ tiền đó cũng biến thành đồng vụn, không thể tiêu thụ được.

Hai điểm nêu trên đều là sự sơ suất của người trần khi hóa vàng, mãi cho đến tận ngày nay vẫn gặp khó khăn trong việc sửa đổi. Nhưng khi dâng tiền cho tổ tiên, bạn bè, người ta rất dễ cho qua những tiểu tiết, còn nếu đối phương là thần linh, quan chức, thì dù có là ông thổ địa hay tên lính quèn nơi âm thế, người ta cũng không dám tái phạm lần thứ hai. Ít nhất người ta cũng phải kiểm tra về chất lượng "màu sắc" của tiền giấy. Tập hai mươi hai, quyển *Tử bất ngữ* có câu chuyện về "Ma nữ cáo trạng", kể rằng có kẻ nào đó khi hóa vàng trả tiền cho lính âm ti, yêu cầu "lấy sáu nghìn tiền giấy, bắt buộc phải bỏ đi tất cả những tờ có khiếm khuyết, đốt bốn nghìn ở phía tiền sảnh, còn lại hai nghìn đốt ở con hẻm cạnh nhà. Sau đó quay về chỗ cửa chính làm lễ tiễn cáo trạng." Tại sao lại lấy một phần tiền để đốt tại chỗ con hẻm? Theo quy định của nha môn, tất cả những lễ phẩm, tiền tài thu được phải làm công ích, phân phát dựa theo từng đầu mục, tựa như những "kho bạc nhỏ" hiện nay, chúng được công khai trong phạm vi nhỏ, vì thế cần phải hóa vàng tại tiền sảnh, còn hóa vàng trong con hẻm ý chỉ lén lút đưa tiền hoa hồng cho những hộ kinh doanh cụ thể. Tất cả những ai sống trong xã hội này đều hiểu rõ quy định đó, nếu các hạ không hiểu, thì đây có thể coi như một buổi lên lớp dành cho các hạ.

Lại đến *Thái Thượng cảm ứng thiên chú*, tập mười tám có nhắc tới những điều cầm kỵ khi hóa tiền vàng, không được dùng giấy có tẩm dầu nhóm lửa hóa vàng, nếu không tất cả số tiền giấy được hóa sẽ "tích thành núi tại thành Đông Nhạc, cõi âm cõi dương trong trời đất đều không chấp thuận." Cống nạp tiền cho thần tiên trên tiên giới, cho nha môn nơi âm phủ, nếu có dính một chút dầu uế trên đó chứng tỏ không tôn trọng đối phương, thật khiến người ta khó hiểu. Có lẽ điều này được bắt chước theo chốn quan trường nên dương thế, thông thường ở đó quan lại một mặt vơ vét tiền, một

mặt lại tỏ ra không ham của tanh hôi, chứng tỏ tấm gương sáng "ta đây địa vị cao sang, không ham tiền bạc". Chuyện "hối lộ" nơi cõi âm còn hà khắc hơn chốn dương gian. Nếu tại dương gian, tiền giấy có màu không đẹp mắt có thể từ chối không nhận, người có tiền có thể xử lý vấn đề màu sắc. Còn đối với những loại tiền âm phủ kém chất lượng, loại tiền không hợp tiêu chuẩn cõi âm sẽ "tích lại thành núi", chính là "núi tiền rách" được giới thiệu trong *Âm sơn bát cảnh*. Chỗ tiền rách, tiền bẩn đó chỉ cần được rửa qua lò lửa sẽ trở nên sạch sẽ đến mức không thể sạch hơn, đến mức có thể cống nạp lên Ngọc hoàng đại đế cũng không sao.

Từ những ghi chép trên, giữa hai thế giới âm dương không hề có các cơ quan chuyển phát tiền như ngân hàng hay bưu điện, nhưng không phải vì thế mà giữa chúng không có các quy tắc nhất định. Năm ngoái, tôi có đến ở vài ngày tại tòa nhà Minh Sa ở Triết Giang, thấy tại hành lang ngang phòng khách của khách đi trẩy hội có chất rất nhiều túi giấy. Tò mò, tôi hỏi vị sư phụ tại đó, sư phụ nói rằng, đó là "tiền gửi nhà kho", tức đám khách trẩy hội này hóa chỗ tiền giấy gửi tiết kiệm xuống âm ti khác, để chuẩn bị cho mình sau này dùng tới. Trên mỗi chiếc túi hình như có in một vài con chữ, lúc đó tôi không nhìn kỹ, chỉ đoán đại loại trên đó có ghi địa chỉ nhận tiền. Việc nhận tiền gửi kho ngay từ thời Nam Tống đã có, chúng ta bắt gặp trong *Di kiên chỉ*, một bà cụ có một khoản tích cóp nho nhỏ, bà bèn đem số tiền đó đi mua tiền giấy mang vào chùa nộp tiền gửi kho, nhưng bà không biết viết chữ, mỗi lần bà đều phải nhờ người nô bộc giúp bà viết sớ. Tờ sớ đó như tờ giấy gửi tiền, có thể thấy trong Phật giáo vốn có cơ cấu chuyên quản lý. Một tác phẩm khác của người thời Nam Tống viết, đó là *Quỷ đồng*, những ghi chép trong đó dường như là một thể loại khác, tức thế giới âm phủ có chức quan thẩm phán chuyên phụ trách thu tiền, rút tiền, chuyển phát tiền và gửi tiền, mười hai tháng sẽ có mười hai phán quan thay nhau lo liệu, họ của phán quan có hình chữ gần giống với từ chỉ địa chỉ của tháng đó, ví dụ Phán quan Tử Nguyệt họ Vu, tháng Sửu họ Điền, tháng Dần họ Hoàng, v.v… Việc này có lẽ tiện giúp cho người gửi tiền sau khi chết có thể

dễ dàng tìm vị phán quan này để rút tiền hằng tháng. Như vậy rất giống với "tiền gửi năm" hoặc "tiền bảo hiểm" của con người ngày nay.

Nhưng nếu đó là một hành vi cá nhân thì sao? Hóa tiền trước mộ sẽ là giao tiền tới tay người thân của mình, như vậy đương nhiên sẽ chẳng có vấn đề gì cả. Nhưng nếu khắp mọi nơi, khắp đầu phố cuối ngõ đâu đâu cũng thấy tàn tro của tiền giấy theo gió quẩn đi khắp nơi, không biết chúng sẽ gửi tới phương nào, điều đó thực sự khiến người ta không thể an tâm. Trương Trác người thời Đường viết tác phẩm *Tất cả những chuyện chính sử và dã sử*, trong tập sáu có chương *Đỗ bằng cử*, viết rằng, khi hóa vàng phải gọi tên người nhận tiền, người nhận tiền sẽ cử người đến lấy. Đây có lẽ là một trong các cách để chuyển tiền, dựa vào việc của con người để xét chuyện của ma. Nếu là trả phí cho quan phủ, con người không thể gọi tên đối phương ra, lúc bấy giờ biện pháp tốt nhất là gặp mặt giao tiền. Còn hóa vàng cho những người thân, bạn bè ở nơi khác, theo tôi được biết, đa số người ta vẫn dùng chiếc túi giấy đựng đầy tiền vàng, nếu được gói ghém, niêm phong cẩn thận, thì ghi trên đó không phải là đường nào, phố nào ở diêm phủ, mà là nơi mộ phần của người đó yên nghỉ chốn dương gian. Năm mươi năm trước đây là như vậy, những năm gần đây hình như rất ít bắt gặp túi giấy, mà người ta chỉ dùng "một nắm đuốc" vẽ thành hình vòng tròn, tất cả những gì bên trong vòng tròn đó sẽ bén lửa và cháy hết, hoặc rút ra một nắm nhỏ tiền giấy rồi hóa ở bên ngoài cửa sổ, nghe nói phải trả cước vận chuyển cho nhân viên bưu điện. Đương nhiên, dù là có một khoản tiền lớn được giao đi, thì lúc này nhân viên bưu điện đó cũng chẳng đưa cho bạn bất cứ giấy tờ chứng nhận nào.

Còn một việc không thể không nói, đó là đến đời Đường, tục đốt tiền đã lan rộng thành trào lưu, nhưng không phải tất cả các loại tiền đều buộc phải đem đi đốt. Vào thời Đường, rất nhiều câu chuyện kể rằng tuy tiền giấy không được hỏa hóa nhưng các hồn ma vẫn có thể có được tiền âm phủ để tiên xài. Như trong chương *Vi Lật* quyển *Quảng dị ký* có kể, mẹ ruột một

thiếu nữ đã chết cắt tiền giấy thành vàng chín quan, rồi đặt lên chiếc kệ kê bên cạnh quan tài, ngày hôm sau bà phát hiện chỗ tiền giấy đã thiếu mất ba quan, hóa ra vong hồn của người con gái đã dùng số tiền ba quan đó mua một chiếc gương đồng đặt vào quan tài. Số tiền giấy đó không hề được chuyển xuống âm phủ, mà qua bàn tay của ma quỷ nó lập tức biến thành tiền đồng, nhưng nếu số tiền đó rời khỏi bàn tay của ma quỷ, không lâu sau sẽ được khôi phục lại nguyên dạng. Cô thiếu nữ đáng thương không hề có ý dùng tiền để lừa gạt con người, bởi trong mắt cô tiền giấy chính là tiền đồng. Lại như chương *Lô Bội* quyển *Hà Đông ký* có ghi, phu nhân của thần đất đến khu mộ ở ngoại thành lấy tiền và rượu cúng tế của thầy cúng, "cô nữ tỳ đi theo thu dọn chỗ tiền giấy rồi chất lên lưng ngựa, vừa đặt lên lưng ngựa chỗ tiền giấy lập tức biến thành tiền đồng. Có thể thấy vào thời điểm bấy giờ, tục không hóa tiền giấy chưa hề bị tuyệt tích, hơn nữa sau đời Đường, tục lệ này vẫn còn dấu hiệu tồn tại.

Có những phong tục mang tính địa phương, như người Sơn Tây coi trọng nhất là tết Hàn thực, trong dịp Tết này người ta cần kiêng kỵ lửa, vì thế vào ngày này tiền giấy không được hỏa hóa. Quyển thượng, quyển *Chuyện lườn gà* của Châu Mật thời Nam Tống có ghi lại, nếu cúng lễ tại mộ, sau khi lễ xong tiền giấy sẽ được treo trên cây, nếu cúng lễ người thân hoặc bạn bè ở nơi khác thì phải làm "vọng tế", tức lên núi cao hướng về nơi người thân hay bạn bè của mình đang yên nghỉ, rồi xé lụa âm phủ ném vào không trung, người ta gọi là "tách tiền". Bởi tiền giấy được xâu thành từng xấp, do đó, lúc này cần tách chúng ra thành từng tờ một rồi ném vào không trung, nhờ gió mang chúng đi. Nhưng tục tách tiền dường như không chỉ hạn chế ở vọng tế. Quyển bốn, quyển *Di kiên tam chí dĩ tập*, chương *Cô gái Tế Nhan Dĩnh* có kể, một hồn ma đến dương gian, đi du ngoạn khắp nơi, khi nhìn thấy người cúng mộ đang tách tiền giấy, nó đau khổ thốt: "Không biết cha ta đã thêm đất trên mộ ta chưa?" Có thể thấy, khi cúng mộ cũng có thể sử dụng tục tách tiền.

Không chỉ ở miền Bắc, mà miền Nam cũng có tục đốt tiền giấy. Trong quyển *Mặc khách huy tê*, Bành Quái, người đời Tống có ghi rằng, Khấu Chuẩn bị xử tử, triều đình ân chuẩn cho mang xác về quê an táng, khi linh cữu được đưa ngang qua huyện Công An, tỉnh Hồ Bắc, lão bách tính đều ra ngoài đường làm lễ viếng, "họ chặt trúc cắm xuống đất rồi treo tiền giấy lên trên đó".

Còn có tục đặt tiền giấy lên đỉnh mộ rồi dùng đất cục đè lên. *Bàn về phong tục đất nước Trung Hoa* có viết về phong tục tảo mộ của người Sơn Đông. Người Sơn Đông áp dụng phong tục đã nói ở trên khi tảo mộ. Nhưng tiền giấy ở đây đã được hóa thành tro, trộn vào trong đất trên đỉnh mộ, rồi dùng đất cục đè lên. Như vậy, số tiền giấy này cũng giống như số tiền giấy rải ra đường khi đưa linh cữu tới nơi mai táng, chúng đều không liên quan đến hồn ma người đã chết đang nằm trong quan tài.

4

Khi sang đến cõi âm, tiền giấy sẽ trở thành tiền âm phủ, loại tiền âm phủ này khi quay trở lại dương gian sẽ lại biến thành loại tiền đang được lưu thông ở dương gian. Tuy nó có hạn chế về thời gian, nhưng cũng giống như trò "đấu giá" trên thị trường cổ phiếu, ở đó có không ít những kẽ hở để chúng ta lách léo. *Quảng dị ký* đa phần viết về sự chuyển đổi tiền giấy giữa hai cõi âm và dương. Chương *Vi Lật* là một ví dụ, tiếp đến trong *Diêm Trắc* có viết, Diêm Trắc bí mật hẹn hò với một hồn ma nữ, họ đã từng rất vui vẻ bên nhau. Khi phải chia lìa, ma nữ tặng cho Diêm Trắc một trăm nghìn quan tiền, sai tỳ nữ cất xuống gầm giường trong phòng ngủ. Diêm Trắc nhìn thấy, đợi khi tỳ nữ đã đi khỏi, Trắc nhìn xuống dưới giường quả nhiên có một trăm nghìn quan tiền ở đó. Diêm Trắc chưa kịp dùng số tiền đó vào việc gì thì chúng đã hiện nguyên hình thành tiền giấy, quả là Diêm Trắc đã phụ ý tốt của người tình.

Trong *Dương Nguyên Ánh* lại nói phải sau ba ngày mới biến thành tiền giấy: "Hồn ma của Dương Nguyên Ánh tặng cho con trai ba trăm quan tiền và dặn dò rằng: "Con phải dùng hết chúng trong ba ngày." Người con trai nghe vậy bèn bắt đầu mua sắm không hạn chế, sau ba ngày, các thương gia kiểm tra trong tủ tiền của mình bỗng nhiên xuất hiện tiền giấy."

Ngọc đường hiếm thoại của Vương Nhân Dục kể, một đêm nọ, người bắt cá gặp một người, người đó nói: "Nếu ngươi không bắt ba ba thì ta sẽ cho ngươi tiền." Người bắt cá đồng ý, liền được cho năm quan tiền. Ông ta mang tiền về nhà, sang ngày hôm sau, ông bỗng nhiên thấy chiếc túi đựng năm quan tiền nhẹ hẳn đi. Ông kiểm tra lại, trong đó toàn là tiền giấy. Người mà đêm hôm qua người ngư dân gặp chính là yêu tinh ba ba, hóa ra yêu quái cũng dùng tiền giấy, đêm hiện hình là tiền đồng, ban ngày biến thành tiền giấy, cũng là sự tương hợp giữa tiền giấy của âm giới và tiền giấy của dương thế, vừa hợp cái lý thường thấy giữa hai thái cực khác nhau: âm - dương. Trong chương *Quỷ tốt độ khê*, tập mười chín, *Di kiên đinh chí*, tình tiết cũng tương tự như vậy. Các câu chuyện cổ xưa nói về việc ma quỷ đến dương gian để mua đồ thường vào lúc ban đêm, số tiền mang trên người sẽ hóa thành tiền giấy khi trời sáng âu cũng là duyên cớ như vậy.

Nhưng những câu chuyện trên còn tồn tại nhiều vấn đề, chẳng phải tiền giấy sau khi hóa thành tro bụi mới biến thành tiền đồng hay sao? Nếu dựa theo nguyên lý đó thì "nguyên dạng" của chúng phải là tro giấy mới phải. Nếu sau khi khôi phục nguyên dạng vẫn là hình dáng tiền giấy há chẳng phải lại có thể mang tới tiệm đồ vàng mã bán một lần nữa hay sao? Sau khi con người phát hiện ra điểm thiếu sót này, thì những câu chuyện được viết ra sẽ trở nên hoàn thiện hơn. Trong *Di kiên chỉ giáp*, quyển năm, tại chương *Lôi Thần Lôi Châu* có kể, Lôi Thần Lôi Châu thưởng cho một tên sai dịch phủ Quế Lâm trên trần gian hai nghìn quan tiền, trên đường trở về phủ, người này đã tiêu mất một khoản tiền, khi về đến nha môn, trong túi vẫn còn đủ một trăm quan, anh ta bèn giao lên quan phủ, lúc đó vẫn là tiền

đồng. Nhưng chỉ trong nháy mắt, chúng đã biến thành tro giấy. Thời Sơ Thành, trong *Từ ngữ mới Quảng Đông*, quyển hai mươi tám, Khuất Đại Quan có bàn tới "thành phố ma" của đảo Hải Nam. Hằng ngày cứ vào giữa trưa, ma quỷ lại đến thành phố để mua đồ, khi thanh toán thì phát hiện ra tiền biến thành tro giấy. Còn trong *Tử bất ngữ*, quyển mười tám, câu chuyện được kể còn kinh sợ hơn, khi chiếc tay nải đựng ngân lượng được đặt trên mặt đất, chúng quả nhiên phát ra âm thanh va chạm của kim loại, nhưng khi mở tay nải ra, bên trong đã hóa thành tàn tro, chuyển hóa nhanh đến mức như làm ảo thuật vậy.

Chính vì trong nhà của những người dân thường có xuất hiện tiền giấy của ma quỷ, do đó, các nhà buôn bèn nghĩ ra biện pháp để kiểm tra tiền, đó là cách cho đồng tiền nhận được vào trong nước, nếu chìm xuống thì là tiền thật, nếu nổi trên mặt nước thì chắc chắn là tiền âm phủ. Phương pháp kiểm tra tiền này đã được con người áp dụng từ thời Nam Tống. Chương *Những vị khách tại quán rượu Uông Nhất*, quyển mười, *Di kiên tam chí nhâm tập* ghi rằng, có ba người khách xuất hiện tại quán rượu, họ uống rượu xong, thanh toán tiền rồi rời khỏi quán. Về sau, chủ quán biết được ba người này đã chết cách đây nhiều năm, bèn đem số tiền mà họ trả ném vào trong nước, trong phút chốc tất cả biến thành tro giấy. Từ đó có thể biết rằng, từ rất lâu, người ta đã biết dùng nước để kiểm tra tiền âm phủ.

Chương *Họ Trình mua mũ áo*, tập mười, *Di kiên tam chi chí mậu tập* kể rằng, một phụ nữ mua một chiếc mũ tại gánh hàng rong, khi người phụ nữ đi khỏi, chủ quầy mới cảm giác số tiền vừa nhận được rất nhẹ, bèn cho vào trong nước, quả nhiên số tiền đó nổi lềnh phềnh chứ không chìm xuống, một lúc sau, tất cả đã hóa thành mớ giấy nát. Trong những câu chuyện thuộc loại này, khiến cho người ta cảm thấy thương xót nhất chính là câu chuyện thứ tám, quyển *Liệt hoàng tiểu thức* của Văn Bỉnh, người cuối đời Thanh.

Sau khi đội quân phía Bắc (quân Thanh) rút lui, bệnh ôn dịch hoành hành khắp kinh thành, người chết vì bệnh nhiều vô kể. Có gia đình nhà mười nhân khẩu chỉ trong một đêm đã không còn ai giữ nổi mạng sống. Đâu đâu cũng thấy những tiếng kêu rên yếu ớt, thật khiến người ta đau xót. Giữa trưa, ma quỷ kéo lên trên phố, mỗi cửa hàng đều đặt một thùng nước lớn bên cửa ra vào, tiền thu được đều ném vào thùng nước đó để kiểm tra giả hay thật.

Trong tác phẩm *Lời bạt về hành trình di cư của Hứa Tinh Dương*, Chu Di Tôn có ghi chép, thời bấy giờ, ban ngày ma quỷ thường vào thành phố, dùng tiền giấy gõ cửa từng nhà chào mua quan tài. Thế giới loài người gần như trở thành vùng đất của ma quỷ, dựa theo quan niệm về thế giới bóng đêm của Trung Quốc, những linh hồn ma quỷ có thể hoạt động công khai tại chốn dương gian như vậy, chứng tỏ dương khí của thế giới đã rất suy yếu, khiến người ta lờ mờ nhận ra những tai họa lớn hơn sắp ập đến.

Ma quỷ mang theo tiền âm phủ tới dương gian sử dụng, tính chất của nó giống như việc cố ý dùng tiền giả đi mua đồ. Nhưng nếu chúng dùng tiền âm phủ để trả món nợ tại chốn dương gian thì sao?

Chương *Mảnh đất Tư Thánh*, tập sáu quyển *Di kiên chi chỉ giáp tập* có ghi chép: Phạm Tuân - một quan nhỏ tại huyện Kiến Xương từng vay trưởng lão chùa Thư Thánh một trăm nghìn quan tiền, hai mươi năm sau, vị trưởng lão đó qua đời, còn Phạm Tuân cũng quên luôn việc trả nợ. Sau này ông ta lâm bệnh nặng, chuẩn bị sang thế giới bên kia, lúc này, ông gọi vợ con đến và nói rằng: “Khi ta cưới nàng đã vay tiền của chùa Tư Thánh, nay thần Gia Lam tại nơi đó sai người thay trưởng lão đến đòi tiền, nàng và các con hãy mau chóng mua tiền giấy hóa cho trưởng lão.” Vợ ông nghe lời, liền đem tiền giấy đi đốt. Phạm Tuân nói: “Hai người đó đã đi rồi.” Xem ra hai người đến đòi nợ đã vui vẻ tiếp nhận, hoàn toàn không gây khó dễ cho người mang nợ.

Đây quả là diễm phúc cho những kẻ quỵt nợ, đã nợ tiền của người ta, lại đợi đến khi chủ nợ chết rồi mới dùng tiền giấy để trả nợ. Nhưng trong xã hội làm gì có chuyện dễ dàng như vậy, vì thế, trong tất cả các câu chuyện ma quỷ, cũng chỉ có câu chuyện vừa rồi là ví dụ duy nhất mà thôi. Chương *Viên ngọc phế tử* trong *Quảng dị ký* đã sớm bàn tới việc người chồng dùng tiền riêng của người vợ quá cố, khi người vợ quay về đòi, người chồng liền nói: "Việc này đơn giản thôi!", ý bảo sẽ dùng tiền giấy để trả nợ. Nhưng người vợ tức giận nói rằng: "Chàng dùng tiền đồng của ta, nay lại định dùng tiền giấy để trả ư?" Rõ ràng, người vợ không đồng ý. Ma về đòi nợ, nhưng nếu dùng tiền đồng để trả thì số tiền đó lại không tới được tay của họ. Biện pháp khá công bằng dành cho ma quỷ là bắt con nợ dùng tất cả số tiền đã nợ đi mua tiền giấy hoặc mời hòa thượng đến đọc kinh như chương *Thí tam sảo*, tập mười một, quyển *Di kiên bính chí* có ghi.

Đương nhiên cách giải quyết tốt nhất là đem số tiền nợ trả cho người thân hoặc bạn bè của chủ nợ. Trong chương *Trở thành thần không nhất thiết phải là hiền nhân*, quyển hai mươi hai, quyển *Tử bất ngữ* có kể, một hồn ma đi đòi nợ, khiến kẻ mắc nợ sống trong tình cảnh chết dở, sống dở, kẻ mắc nợ muốn hóa tiền giấy để trả nợ, nhưng hồn ma không phải là một tên ngốc, nó cười lớn rồi đáp rằng: "Lấy tiền giấy để trả nợ tiền thật, trong thiên hạ làm gì có việc dễ dàng như vậy! Hãy mau đưa năm trăm quan tiền cho Lý lão gia, ta sẽ tha cho ngươi." Vị Lý lão gia đó chính là bạn của hồn ma. Tác giả Viên Mai quá am hiểu mọi việc thoát tục, biện pháp này là hợp tình người nhất, chỉ là các vị hòa thượng hoặc đạo sĩ của chúng ta đã đánh mất một vụ làm ăn mà thôi.

5

Từ những câu chuyện được đề cập ở trên, bạn đọc nhìn chung đã có thể biết tiền giấy được sử dụng như thế nào trong thế giới âm phủ.

Đôi khi chúng dùng tiền giấy rồi mạo nhận là người sống để đến dương gian mua sắm, những hành vi này đồng nhất với hành vi lừa gạt, muốn tạo ra một thế giới hỗn loạn, ở đó người và ma bất phân - đó là việc bất khả thi. Đặc biệt hiện nay, tiền đồng, đĩnh bạc, châu báu đều không phải là loại tiền được lưu hành, nếu dùng tiến giấy mà trong tất cả các cửa tiệm đều đặt máy soi tiền, vậy thì các món đồ được chế tạo thô sơ chắc chắn không thể lừa gạt được chiếc máy soi tiền hiện đại ngày nay. Đương nhiên, đám dân cờ bạc nơi âm phủ cũng có thể dùng tiền âm phủ đánh cược, không cần phải đổi sang thẻ bài khác, còn những hồn ma thích sưu tầm cũng có thể coi tiền âm phủ là một món đồ sưu tầm khá thú vị, nhưng khi đó nó đã tách rời ý nghĩa gốc - tiền tệ lưu hành.

Mục đích lớn nhất và chính thức nhất của tiền giấy đó là đi biếu. Tất nhiên lễ vật ở đây không phải là những món quà của gia đình bình thường đi lại với nhau, mà là những món quà biểu thị lòng hiếu kính quan phủ, đó là những khoản đáp lễ dành cho từ những tên lính quèn cho đến Diêm Vương gia. Cổ ngữ có câu: "Nếu như có ông Diêm La Vương giống như Bao Chửng, thì có ngấm ngầm hối lộ, kéo quan hệ cũng không được." Câu này con người chúng ta chẳng cần phải nghe, bởi Bao Chửng vốn là quan thanh liêm, nhưng các vị nắm giữ luật pháp dưới âm phủ chưa bao giờ biết ăn chay là gì cả. Từ lúc vong hồn cất bước trên đường, những tên lính nha phủ của quỷ đã đòi "lì xì", hoặc còn gọi là "tiền công đức". Các vị không nhìn thấy những xâu tiền giấy được treo trên chiếc cổ trắng đen khác người kia sao? Vì thế phong tục ma chay nơi dương gian, người chết ba ngày phải đi đốt "tiền lên đường", đó là tiền biếu cho những tên sai nha áp giải hồn ma xuống âm phủ. Sau khi hồn ma lên đường, đi qua các cửa cũng phải tiền, qua cầu cũng tiền, tiền đó được gọi là "qua bến qua cầu, nơi nào cũng có thần ở, không đưa tiền sẽ không được qua". (Xem chương *Lý Bách Niên*, quyển mười một, *Tử Bất ngữ*.) Cũng phải! Hơn nữa còn phải đút tiền cho lũ quỷ hoa, quỷ thổ phỉ, quỷ cướp xe… trên đường đi. Cứ như vậy, vong hồn không mang theo tiền bên mình sao được? Còn nữa, theo thuyết pháp nhà Phật, âm phủ vừa là giám ngục, vừa là công đường, cuối cùng còn có "văn phòng luân hồi" chuyên xử phạt các linh hồn. Vì vậy, khi lên công đường, thẩm vấn, phán quyết, cứ lần lượt đi qua từng cửa, không cửa nào là không phải đút tiền lệ phí, hàm oan cũng phải biếu tiền, bắt nhầm cũng phải biếu tiền, và quy tắc ở đó cũng là ăn cả của bên bị lẫn bên nguyên, một núi tiền được hóa xuống âm ti vẫn chưa đủ. Có người nói rằng: "Ánh sáng vàng soi phủ khắp mặt đất, chính bởi thế khiến điện Diêm Ma tràn ngập màu đen, hối lộ thực hiện công khai, khắp nơi chìm ngập trong thứ phong khí bại hoại, những cái chết oan xuất hiện mọi nơi, cả không gian là một màu đen ghê rợn." (*Liêu trai chí dị - Tích Phương Bình*). Vì vậy, nói cho chính xác rằng, việc hồn ma đòi tiền, đối với vong hồn của kẻ dân đen mà nói thực sự

là việc bất đắc dĩ, còn đối với hồn ma của kẻ giàu sang phú quý, đó là sự đảm bảo để duy trì quyền uy cũng như sự sung túc trước khi từ giã cõi trần.

Có điều ở đây đã xuất hiện một khe hở, âm phủ không có chợ búa, cửa hàng, tiền trong tay những người dân thường cũng chỉ là mấy đồng bạc lẻ, vậy các vị quan quỷ kia nhận chúng để làm gì? Bất kể việc gì cũng luôn có cái lý của nó, không cần thiết phải suy nghĩ, đắn đo quá nhiều. Việc quan quỷ nhận tiền đút lót được giải thích với hai lý do sau: hoặc là dưới âm phủ có xây dựng những cửa hàng đặc biệt chỉ dành cho quan lại đến mua sắm, thậm chí còn có cả những hộp đêm, các câu lạc bộ, tuy hàng đẹp, giá hời nhưng không có tiền thì cũng chẳng thể bước vào những nơi đó, mà tiền ít lại không thể vui chơi thoải mái, hoặc là một khi ma quỷ đã trở thành quan, họ cũng sẽ giống như những tên tham quan nơi trần thế, ngu muội đến mức chỉ thấy tiền là thứ tốt, thứ hay, có tác dụng hay không thì cũng mang chúng về nhà trước đã.

Đối với những người tin vào quỷ thần, một khi sự việc được đưa ra, sẽ khó tránh khỏi khiến họ cụt hứng. Dẫu rằng người xưa biết rõ mọi việc, nhưng cũng chỉ biết ngậm miệng làm ngơ. Còn tình hình thực tế là mặc dù người xưa mê tín, nhưng họ vẫn tin, thực sự tin rằng số tiền giấy đến tay những người thân quá cố của họ chẳng được bao nhiêu, nếu không họ đã chẳng mất công dựng nên những câu chuyện về tiền giấy để luận chứng cho việc này. Trong tâm họ thực sự không tin, nhưng tiền giấy họ vẫn cứ phải đốt, ý nghĩa của việc hóa tiền vẫn tồn tại trong đời sống của con người, mục đích để gửi gắm vào trong đó niềm thương nhớ đối với những người quá cố. Như Đậu Nga trước lúc bị hành hình có nói với mẹ chồng rằng: “Thưa mẹ, sau khi con chết, mỗi ngày lễ tết và Rằm hàng tháng, nếu có loại hương không chắt được ra nước thì xin mẹ hãy chắt cho con nửa bát, có loại tiền giấy không đốt được, thì hãy đốt cho Đậu Nga một trăm tờ. Như vậy là mẹ đã thương đứa con quá cố của mình rồi đấy.”

“Rau dại cũng trở thành sơn hào hải vị, tương ớt cũng trở thành rượu ngon.” Chỉ cần con cháu còn nhớ tới thì tất cả bấy nhiên thôi cũng sẽ trở thành một bữa tiệc thịnh soạn không gì thay thế nổi.

Cho dù cái mà họ đang đốt chỉ là phế liệu.

Chương 13: La phong sơn đích trầm một[1]

[1] Sự biến mất của núi La Phong.

Nói ra cũng lạ, dù thế nào thì âm phủ vẫn là nơi mà mỗi người chúng ta đều phải đi mà hơn nữa thường chỉ được đi có một lần. Nếu xét về lý đó, nó chẳng cần phải dựa vào quảng cáo để thu hút khách như những khu du lịch. Nhưng các vị hòa thượng hoặc đạo sĩ lại không nghĩ như vậy, họ cho rằng không những phải tạo ra một vài cửa sổ tuyên truyền cho Diêm phủ ở chốn dương gian, mà thậm chí còn phải làm sao cho nha môn của âm ti cũng được chuyển lên mặt đất. Thái Sơn tất yếu trở thành một căn cứ địa lý tưởng, dưới núi có sông Nại, trên núi có hẻm ma, có đỉnh Vọng hương, tên đã được đặt sẵn, xem chừng chỉ đợi Đông Nhạc Đại đế đến đảm nhiệm vị trí Thiên tử Diêm phủ, làm lễ tại điện Thiên Huống. Đáng tiếc thay, chế độ triều đình cai quản khiến thân phận chính đáng của Thái Sơn lập tức được liệt vào hàng ngũ các nơi cúng tế của triều đình. Tuy rằng từ kinh thành cho đến khắp huyện Phủ Châu, tất cả các ngôi miếu Đông Nhạc (còn gọi là hoàng cung Đông Nhạc) đã ngập tràn quỷ khí, nhưng ngọn Thái Sơn Ngọc Tống vẫn là đại bản doanh của Đạo giáo chính thống, ngôi vị tế trời, tế đất không thể bị thay đổi. Từ Đại Miếu dưới núi cho đến Nam Thiên Môn Đình Ngọc hoàng nơi đỉnh núi, tinh khí của bậc thiên tiên vương đế trên khắp những con đường khiến Diêm Phán quan phải kính nể, sợ hãi tới mức không dám ngẩng đầu lên, kết quả nha môn âm ti chỉ có thể xây dưới chân

núi Thái Sơn. Không ngờ, chỉ nhãn mác ngàn năm của Thái Sơn Phù Quân (chỉ thần núi Thái Sơn - cái tên do Đạo gia đặt) đã khiến đỉnh Thái Sơn về mặt địa lý cũng mãi không thể trở thành kinh đô của ma quỷ, còn Phong Đô ở Tứ Xuyên lại vô tình trở thành "Quỷ thành" - thành phố của ma quỷ.

(酆) Phong Đô tức (丰) Phong Đô - Tứ Xuyên ngày nay, cái tên (丰) Phong Đô do Thủ tướng Chu Ân Lai đề nghị đổi từ (酆) Phong Đô sang (丰) Phong Đô năm 1958 nhưng nó thực chất vẫn là cái tên cũ. Trước đời nhà Nguyên, tên chính thức của nơi này vẫn là Phong Đô. Cho đến năm Hồng Vũ đời Minh, có lẽ do cảm thấy sự bội thu của nông gia không có lợi trong việc trị quốc an dân bằng việc tạo thần gây quỷ mới đổi tên thành (酆) Phong Đô. Hơn năm mươi năm trước, cái tên này được đổi lại, âu cũng coi như đã thoát nạn quy chính, nhưng sẽ chẳng có kẻ nào vì một thứ gì đó mà sửa tên của cả một vùng đất.

Núi Bình Đô huyện Phong Đô là một trong bảy mươi hai vùng đất của Đạo Thu, vốn được coi là vùng đất của thần tiên, sau này trở thành Phong Đô thành quỷ, nghe nói có hai lý do. Một là, Đạo giáo có ngọn núi quỷ thần La Phong, còn có tên khác là Phong Đô. Lý do thứ hai xuất phát từ một sự hiểm nhầm, núi Bình Đô của huyện Phong Đô từng xuất hiện hai vị tiên Âm và Vương, hai cái tên "Âm Quân" và "Âm Vương" khiến người ta không khỏi hoài nghi nơi này chính là nơi "hành tại" của thiên tử Diêm La. Trong Ngô thuyền lực, quyển hạ của Phạm Thành Đại, thời Nam Tống có ghi: cách huyện Phong Đô chừng ba dặm có núi Bình Đô. Tương truyền Tiền Hán Vương Phương Bình và Hậu Hán Âm Trường Sinh đều quy tiên đắc đạo ở đó. Có lò luyện đơn Âm Quân và đền thờ Lưỡng Quân vẫn còn đến ngày nay. Phía sau ông còn nhắc tới, Đạo giáo gọi địa ngục, âm phủ là cung Phong Đô. Các vị đạo sĩ hỏi: "Cung Phong Đô có phải chính nơi đó?" Vào đời Hán, Vương Phương Bình và Âm Trường Lạc lần lượt lên núi Bình Đô tu luyện để trở thành thần tiên. Dưới chân núi được bao quanh bởi dòng Mân Giang (khu vực thượng lưu sông Trường Giang), cổ nhân đã từng ghi

chép về vẻ đẹp tuyệt vời của núi Động Cung. Nghe nói Đình Bắc Âm Thần đế là nơi tăm tối chuyên giam hãm các hồn ma. Cả hai lý do đều được ông nhắc tới, nhưng ông thấy bất ngờ trong việc động phủ thần tiên lại biến thành địa ngục Bắc Phong.

1

Vào thời Nam Tống, Phong Đô vẫn chưa trở thành quỷ thành, chỉ có một Đạo quán tên "Phong Đô quán". Nguồn gốc của Đạo quán này khá phức tạp, ngay cả Huyền Diệu quán ở Tô Châu, Bạch Vân quán ở Bắc Kinh cũng không thể so sánh được với Đạo quán này, bởi nó là nơi "tụ tập, thu nhận tất cả các hồn ma, không phân biệt giới tính, giai cấp, học thức". Ngay từ thời Bắc Tống, chỉ cần một tiếng hô từ miệng của "quán chủ Phong Đô" là mấy vạn sinh mạng được tiến hành mua bán xong (điều này xin được nói kỹ ở phần sau). Còn trong *Di kiên chi chí quý tập*, Hồng Mại cũng từng nói: "Nơi mà Đạo giáo gọi là "địa ngục Bắc Cực" chính là nằm ở dưới chân ngọn núi nhỏ mà Phong Đô quán đang tọa lạc.

Nhưng nghiêm túc mà nói, ngoài hình chữ gần giống nhau, cách đọc giống nhau ra thì những ngọn núi nhỏ ven các con sông lớn tại nơi đó thật khó có thể tạo ra mối liên hệ với núi La Phong - nơi "nằm tại vùng đất thứ mười của kinh thành phương Bắc, chu vi ba trăm nghìn dặm, cao ba nghìn sáu trăm dặm (chương *Thiền u vi*, tập mười lăm, *Chân cáo* của Đào Hồng Cảnh thời Đường), càng không cần nói tới những mối liên hệ khác. Nếu tìm hiểu sâu hơn một chút nữa về núi Phong Đô sẽ khiến chúng ta hiểu được nhiều điều. Nếu liên hệ giữa hai nơi này với nhau thì chẳng khác nào đi so sánh giữa nước Brazil của châu Nam Mỹ với huyện Đông Ba của tỉnh Hồ Bắc.

Nếu theo cách nói chung chung thì núi La Phong có thể được xem như một loại hệ thống "âm phủ" thời cổ đại. Nó ra đời khoảng thời Đông Tấn,

xét về mặt thời gian, nó xuất hiện muộn hơn so với hệ thống Thái Sơn Phủ Quân và Diêm La Vương. Nó là sự sáng tạo của học trò Đạo giáo phái Thượng Thanh thời Tấn. Tuy nó vay mượn không ít từ Phật giáo, nhưng không xét từ chỉnh thể, nó đã cố gắng "Hoa Hạ hóa". Nhưng nó không phải là một quỷ đô (kinh đô của quỷ) thuần túy, mà là kinh đô chung giữa quỷ và thần, dựa theo quan niệm quỷ thần là một của người Trung Quốc cổ đại. "Dưới núi có Động Thiên, bên trên và bên dưới Động Thiên không hề có cung thất của quỷ và thần. Trên núi có lục cung, trong phạm vi nghìn dặm của lục cung là cung điện của quỷ và thần."

Trên núi và trong động mỗi nơi đều có sáu cung tương ứng. Người thường khi chết sẽ đến cung đầu tiên là cung Trụ tuyệt âm, những người đột tử sẽ vào cung Tông thiên thú tội, hiền nhân, thánh nhân qua đời sẽ phải qua Minh thần nại phạm võ thánh thiên cung. Cung thứ tư quản lý họa - phúc - cát - hung, xử lý vấn đề chuyển thế cho các hồn ma sống lại, giết người hoặc làm việc xấu. Cung thứ năm, Tông linh thất phi thiên cung tiếp nạp những loại hồn ma nào không được ghi rõ, có lẽ là do danh sách gốc bị thất lạc, đến nay không còn tra tìm được nữa.

Chủ nhân và những người làm việc ở núi La Phong đều do các vị thần "người lai quỷ" đảm nhiệm. Người có địa vị cao nhất tại La Phong được gọi là vua quỷ, hay có tên gọi khác là Bắc Thái Đế Quân. Sau này, tất cả các vua quỷ có chữ "Phong", "Bắc" đa phần đều là con cháu của Bắc Thái Đế Quân. Tác giả Cát Hồng thời Đông Tấn, trong quyển *Sách gối đầu* có viết, quỷ đế phương Bắc cai quản núi La Phong, quỷ đế mang tên Trương Hoành, Dương Vân (tức Trương Tử Bình và Dương Từ Vân đời Hán). Đến thời Lương, Đào Hồng Cảnh lại cho rằng danh vị Trương Hoành và Dương Vân quá thấp, nên trong *Chân cáo*, ông tiến hành sắp xếp như sau: "Viêm Khánh Giáp, tức Cổ Viên Đế là Bắc Thái Đế Quân, cai quản quỷ thần trong thiên hạ, quản lý núi La Phong." Viêm Đế chính là thần Nông thị, "do anh

minh nên được làm vua", theo lý mà nói thần Nông thị phải ở miền Nam, nhưng không hiểu sao lại thành vua quỷ phương Bắc.

Tuy mạo nhận tên Phong Đô để trở thành quỷ thành, nhưng Phong Đô nhất định không chịu phủ nhận sự thật có liên hệ tới La Phong, đó là bởi mô thức của núi La Phong thực sự quá xa vời so với nhận thức của bách tính. Cơ cấu mười điện Diêm La vô cùng đơn giản, ngoài Diêm Vương ra, nhiều nhất cũng chỉ có lục tào phán quan, đầu trâu mặt ngựa, Hắc Bạch vô thường không khác biệt so với những tên sai nha và huyện quan mà lão bách tính thường gặp là mấy. Nhưng cung La Phong này lại có quy mô như một "triều đình".

Bắc Đế sống tại cung thứ nhất trong sáu thiên cung. Có hai người đi theo phò tá là Thượng tướng Tần Thủy Hoàng và Thái phó Tào Mạnh Đức.

Dưới Bắc Đế còn có bốn minh công, đều là những nhân vật là thầy dạy và bạn bè như Tây Minh Công kiêm lãnh đạo đội quân Bắc Đế sư là Chu Công Đán, Đông Minh Công kiêm lãnh đạo đội quan Đẩu Quân Sư là Hạ Khởi, Nam Minh Công là Chiêu Công Thích, Bắc Minh Công là Ngô Quý Lễ. Thuộc hạ của bốn vị minh công này gồm có một hoặc hai vị "thân hữu", như Hán Cao Tổ Lưu Bang, tiểu bá Vương Tôn Sách đều nằm trong số thân hữa của họ. Chức trách của bốn vị minh công này là "quản lý ma quỷ bốn phương" nhưng họ cũng chia nhau quản lý bốn trong số sáu thiên cung của Phong Đô.

Cung thứ ba trong sáu thiên cung do "Quỷ quan Bắc Đẩu quân" Chu Vũ Vương làm chủ. Ở thời cổ đại, Bắc Đẩu chuyên quản lý sự sống chết của con người. "Bắc Đẩu bắt chết" là cách nói đã có từ rất lâu, ảnh hưởng rất lớn đến cuộc sống con người. Các Đạo sĩ thời Nam Triều muốn né tránh cũng không được, họ luôn phải đối đãi với Bắc Đẩu thật tử tế. Nhưng cũng một đại thần tiên quản lý sự sống vừa mới được sinh ra không lâu là Thái

Sơn Phủ Quân lại không nhận được sự nể trọng như vậy. Trong quyển *Chân cáo* có "Thái Sơn quân" Tuân Di thực chất chính là Thái Sơn Phủ Quân, khi đó là một trong "tứ trấn", cùng với Lô Long Công, Đông Việt đại tướng quân, Nam Ba Hầu, mỗi người lãnh đạo cả vạn quân ma quỷ, tuy bề ngoài có vẻ rất hiển hách, nhưng rõ ràng, họ chỉ được sử dụng như những nhân viên cấp thấp, không còn tư cách thống trị nữa.

Còn có "Đại cấm thần" tương đương chức Thượng thư lệnh, "Trung lang trực sự" tương đương chức Thượng thư, "Trung cấm" tương đương chức Trung thư lệnh giám, những chức vụ này đều do thế hệ như Hán Vũ Đế, Tôn Kiên đảm nhiệm. Phía Bắc Đế còn có tám thị thần, địa vị tương tự Thị trung, Tử Nguyên Trực (người cưỡi ngựa đi tiến cử Gia Cát Lượng với Lưu Bị) và Bàng Đức (người bị Quan Vũ bắt sống) cũng nằm trong số đó.

Phong Đô có tổng cộng hai thiên môn, Nam Thiên Môn là cửa chính của Phong Đô, đó là cửa của Bắc Đại Đế Quân, còn Bắc Thiên Môn là cửa của Bắc Đẩu Quân. Mỗi cửa có hai gác canh, mỗi gác canh có bốn vị Tu Môn Lang, chức "quan canh cửa" này là chức vị thấp nhất tại La Phong sơn.

Tóm lại, các đạo sĩ thời Tấn, Lương đã thu xếp cho La Phong sơn hơn một trăm vị vua chúa, quan tướng, trang bị cơ quan đầu não của âm phủ một cách tương đối toàn diện, dựa theo quy mô của triều đình lúc bấy giờ, nhưng họ lại bỏ qua bậc quan lại địa phương ở âm giới. Trong hệ thống Thái Sơn Phủ Quân, địa vị của Thái Sơn Phủ Quân chỉ tương đương những tên sai dịch đi bắt bới lũ quỷ phạm tội, để bộ máy quốc gia âm phủ này có được đối tượng thống trị. Còn La Phong sơn lại chỉ là một triều đình bé nhỏ, là bộ máy có hình thức đẹp mắt nhưng không vận hành được.

Kỳ thực, gia đình thần tiên xuất thân từ tầng lớp quan tướng này không quá quan tâm đến việc bộ máy quốc gia của âm giới có phù hợp hay không, cái mà họ cần xây dựng đó là toàn bộ hệ thống âm phủ, nhân vật chủ chốt

của hệ thống này phải là những bậc tiên nhân đắc đạo, còn âm phủ chẳng qua chỉ là nhánh cuối cùng của hệ thống đó. Trong tác phẩm *Chân linh vị nghiệp đồ*, Đào Hồng Cảnh viết, thế giới của các linh hồn được phân làm bảy "cấp", cũng chính là chỉ bảy giai cấp, mỗi giai cấp lại được chia thành trung, tả, hữu. Ví dụ, ở giai cấp đầu tiên, cấp trung là chỉ vị thần tối cao của Đạo giáo nguyên thủy là Thủy Thiên Tôn, hai cấp tiếp theo là cấp tả và hữu chỉ tầng lớp Cao thượng đạo quân và Nguyên hoàng đạo quân.

Sáu giai cấp còn lại được sắp xếp từa tựa nhau. Các vị quan quỷ tại La Phong sơn (bao gồm cả Bắc Đế, Viêm Đế) đều bị ép xuống giai cấp thứ bảy, cũng là giai cấp cuối cùng. Nếu đặt câu hỏi với Đào Hồng Cảnh: "Vai vế của họ được quy định như thế nào?" Họ quả không khách sáo chút nào, tất cả các bậc tiên sư như Vương Phương Bình, Ngụy Phu Nhân, Dương Nghĩa cho đến các bậc phụ lão nhà họ Hứa đều được đưa lên giai cấp thứ hai, và nơi đó đương nhiên có dành một chỗ cho Đào Hồng Cảnh.

Người bạn cũ của Đào Hồng Cảnh, thực ra là Tiêu lão - Hán Vũ Đế - cấp trên của Đào Hồng Cảnh, sau ki Hán Vũ Đế qua đời, nhờ vào quan hệ cũ, Đào Hồng Cảnh được hưởng đãi ngộ của "đức thánh thượng", "am hiểm tam quan thư, là kẻ cai quản địa phủ", vẫn phải qua một nghìn năm sau mới lên được chức "Ngũ Đế Tam Quan", qua một nghìn bốn trăm năm sau "mới được du ngoạn vũ trụ, trở thành "trung tiên" của Cửu Cung. Mà trong Cửu Cung, "trung tiên" chỉ tương xứng với tư cách thấp nhất có thể lên triều gặp Thủy Nguyên Thiên Tôn, đến lúc đó, tiên lão có bắc thang cũng không chạm tới gót chân của Đào Hồng Cảnh. Đương nhiên, chức quan này vẫn hơn chức coi nhà vệ sinh tại Thiên Cung của Vương Lưu An (người Hoắc Nam) sau khi đắc đạo thành tiên.

Đào Hồng Cảnh nghĩ ra dụng ý của *Chân linh vị nghiệp đồ* là để đề cao địa vị của tiên nhân ở mức cao nhất có thể. Cho dù có là thánh nhân hiền thần cũng không thể bằng một tiên nhân bình thường. "Sỹ tộc thần tiên"

thời Nam Triều muốn giả vờ không tiếp nhận hương khói chốn nhân gian và khinh miệt quyền vị, nhưng trong thâm tâm không giấu nổi những khao khát về quyền thế, tiền của, vì thế một mặt họ giẫm đạp lên các vị thánh quân hiền thần dưới gót chân, một mặt lại làm "Tể tướng sơn trung" của Hoàng Đế chốn nhân gian. Đào Hồng Cảnh thuộc thành phần đại trí thức với danh hiệu "Hoa Dương ẩn cư", được người đời tôn xưng là người am hiểu Nho - Phật - Đạo, có lẽ họ muốn chỉ việc ông ta lấy thân phận Đạo giáo để ăn cắp đồ của Phật giáo phục vụ Đế vương gia.

2

La Phong sơn có sáu Thiên cung, hay còn gọi là "Phong Đô cung". Vì vậy, nó không phải là "địa phủ". Nó kế thừa truyền thống hồn quay về trời của Trung Quốc. Sau khi chết, con người sẽ thành ma, phải qua La Phong báo cáo, ở đó họ có thể tìm thấy địa vị của mình. Đây là một thế giới thần quỷ tương đối lớn và phức tạp chứ không phải âm phủ theo nghĩa thông thường.

Tuy nhiên, sự việc lại xuất hiện sự thay đổi đầy kịch tính. La Phong sơn với chủ thể là sáu Thiên Cung không hiểu sao lại trở thành một địa ngục khổng lồ. Từ đó, "La Phong cung" còn có tên hiệu "ngục La Phong".

Trong quyển *Chân Cáo* của Đào Hồng Cảnh, núi La Phong tuy thu nhận các hồn ma, nhưng lại không có địa ngục, bởi núi La Phong hồi đó không có chức năng của một âm phủ, hoàn toàn không có chức năng giam giữ, thẩm vấn, giám sát, trừng phạt như Diêm phủ quản lý ma quỷ, nó cần địa ngục để làm gì chứ? Rất nhiều ma quỷ ở La Phong sơn thống soái hàng trăm triệu hồn ma, giết ma, chém ma cũng lên con số hàng vạn. Nhưng những tên ma quỷ bị giết không phải là hồn ma do con người chết đi hóa thành, mà là lũ quỷ ôn dịch, quỷ ác, quỷ tà ma, cũng chính là hơn một trăm loài ma dược liệt kê trong *Kinh thần chú* thời Tây Tấn như: ma Xích Sách,

ma Xích Vĩ, ma Xích Dịch, ma Đô Lô… Những loài ma đó nhận sự thống lĩnh của Ma vương, "chúng đông tới cả triệu con, tấn công giết hại dân thường". Chúng phát tán dịch bệnh cho những người vô tội, vô số người đã chết vì bệnh, chịu cảnh gia đình phân ly. Chúng truy đuổi thần bếp, khiến tất cả các vị thần trong nhà cho đến con người đều lo lắng không yên. Ma quỷ không ngừng phát tán hàng nghìn loại bệnh, người dân đau đớn vì bệnh tật, ma quỷ thừa cơ làm tới, tùy tiện tác oai tác quái. Trong *Chân cáo* thỉnh thoảng cũng có nhắc tới địa ngục, như: "Gieo tội ở trên trời chịu tội dưới địa ngục…" Đây chẳng qua chỉ là sự góp nhặt, vay mượn từ Phật giáo, hơn nữa, "địa ngục" ở đây không phải nằm trong núi La Phong.

Nhưng bỗng chốc, trong tác phẩm của phái Linh Bảo ra đời muộn hơn một chút so với tác phẩm của Đào Hồng Cảnh, nói núi La Phong có địa ngục trong đó. *Tứ cực minh khoa kinh* có nhắc tới núi La Phong, nói rằng trên núi, khu vực trung tâm và dưới núi mỗi nơi đều có tám ngục, mỗi ngục có tên gọi riêng, như tám ngục trên núi gọi là thứ nhất Lam Thiên ngục, thứ hai Bình Thiên ngục, thứ ba Hư Vô ngục, thứ tư Tự Nhiên ngục, thứ năm Cửu Bình ngục, thứ sáu Thanh Chiếu ngục, thứ bảy Huyền Thiên ngục, thứ tám Nguyên Chính ngục. Chủ quản tám ngục trên núi là Thượng tiên tam quan, chủ quản tám ngục ở trung tâm núi La Phong là Trung tiên tâm quan, chủ quản tám ngục ở dưới núi là Hạ tam quan, tổng cộng có hai mươi tư ngục, nằm ở phí bắc núi Phong Đô.

Vốn là mười hai thiên cung ở trên và dưới núi Nam Phong bỗng chốc biến thành hai mươi tư địa ngục ở trên, giữa và dưới núi. Hai mươi tư ngục mỗi nơi đều có mười hai viên lại (người hỗ trợ quan phủ), lũ đầu vàng, mặt sắt, cực thiên, lực sĩ, mỗi nhóm hai trăm bốn mươi tên, trong tay cầm búa vàng, gậy sắt. Tất cả lũ quỷ phạm tội đều được đưa tới khu địa ngục dành cho chúng, ở đó chúng bị những tên lực sĩ còng lại bằng gậy sắt.

Rõ ràng, đây là sự mô phỏng địa ngục như trong Phật giáo, được tiến hành cải tạo ở núi La Phong. Sự cải tạo này thực sự táo bạo, hóa ra Bắc thái đế quân, thượng tướng, thái phó, Tứ minh công cho đến những kẻ chức vị thấp nhất như gác tướng hai khu thiên cung, Tu môn lang, tất cả đều đã biến mất, thay thế vào chốn cung đình đồ sộ này chỉ là Tam quan và viên lại, lực sĩ của chúng. Sáu thiên cung trước kia, cứ hai thiên cung thì lập một quan, sáu thiên cung lập ba quan, giờ đây trở thành mỗi khu tám ngục có Tam Quan, hai mươi tư ngục có tổng cộng ba Tam Quan. Chức trách của Tam Quan vẫn là xử hình theo tội, nắm giữ quyền tra khảo, cũng có nghĩa là, trong bỗng chốc, núi La Phong đã từ một tiểu triều đình biến thành một đại địa ngục.

Nhưng đây chỉ là phương án cải tạo La Phong một cách cực đoan, còn có phương án vẫn lưu giữ được khá nhiều điểm của La Phong cũ, đó là chỉ cần thiết kế thêm một địa ngục vào trong ngọn núi thần quỷ trước đây, nhưng quy mô của địa ngục này lại lớn gấp nhiều lần so với "bốn địa ngục kia". Những tài liệu ghi chép về phương án này có chương *Ngọc cách*, quyển *Dậu dương tạp trở* của Đoạn Thành Thức thời Đường.

Chủ quản địa ngục vẫn là người chủ cũ của Cung La Phong: "Viêm Đế chính là Bắc thái đế quân cai quản quỷ thần trong thiên hạ."

Địa ngục có luật pháp, được gọi là "tam nguyên phẩm thức, minh chân khoa, cửu u chương". Sổ sinh tử của địa ngục được phân ra làm sổ "đen, xanh, trắng, đỏ".

Hình phạt có "đường mông sơn thạch, phó thái sơn, đường dạ sơn thạch, hàn hà nguyên, tây tân thúy trí, đông hai phong đao, điện phong (còn gọi là lôi phong), tích dạ hà"[2].

[2] Những đoạn văn được trích dẫn tại đây sử dụng bản có dấu câu của những năm gần đây, có phần hơi khó hiểu. Tôi thấy rằng, nếu ngắt câu như sau sẽ dễ hiểu hơn phần nào: "Đỡ đá núi Mông,

Phó Thái sơn, đỡ đá Dạ Sơn, nước Tây Tân chảy ra Đông Hải, Phong Đao, Hiện Phong, tích dạ hà". Ở đây có thể nhầm một số chữ, nhưng vẫn có thể hiểu được, tức là bắt quỷ phạm tội phải khuân đá ở núi Mông chuyển lên đỉnh Thái Phong, gánh đá ở núi Dạ Sơn để lấp chặt nguồn nước sông, gánh nước ở hồ Tây Tân đổ ra biển Đông, cũng có nghĩa là bắt quỷ phạm tội phải làm những công việc khổ sai vô ích mà lại dày vò thể xác, để từ đó cải tạo tư tưởng của chúng. Còn về Phong đao, có lẽ là chỉ hai vị quan bên trái và bên phải Phong Đao, điện phong có thể là dùng sét trừng phạt, tích dạ hà chúng ta đã bắt gặp ở Tứ cực minh khoa kinh, tức là gánh đất ở Mông Sơn để lấp đầy sông Tích Dạ.

Nơi quản lý địa ngục gồm: "Liên Uyển, Khúc Tuyền, Thái Sát, Cửu U, Vân Dạ, Cửu Đô, Tam Linh, Vạn Lực, Tứ Cực, Cửu Khoa". Lại nói rằng, "ba mươi sáu địa ngục", rồi lại có hai mươi tư ngục, với các tên hiệu: Cửu Bình, Nguyên Chính, Nữ Thanh, Hà Bắc,… Con người phạm năm nghìn điều ác sẽ trở thành quỷ ngũ ngục, phạm sáu nghìn điều ác là tù nhân ngục hai mươi tám ngục, phạm hàng vạn điều ác dày xuống ngục Bệ Lệ. Như vậy, người ta nói có ba mươi sáu ngục, hai mươi tư ngục, năm ngục, hai mươi tám ngục, ngục Ty Lệ và các ngục nhỏ trong đó đều không giống nhau.

Dậu dương tạp trở - quyển sách viết về truyện cực kỳ ma quái, kể về những sự việc nhảm nhí, vô căn cứ, còn những quyển sách quý khác cũng thường mắc những sai lầm (Tóm tắt *Tứ khố toàn thư*). Quyển sách tuy ra đời vào cuối đời Đường, nhưng trong chương *Ngọc cách* lại ghi lại những điều trong sách Đạo giáo của triều đại trước và những người cùng thời chưa từng biết tới, vì vậy, nó được liệt vào danh sách những "sách quý" còn lưu lại. Có thể suy đoán một cách bảo thủ rằng, những ghi chép của Đoạn Thành Thức về Phong Đô không thể ra đời sau thời Đường. Núi La Phong lúc này tuy vẫn giữ lại sáu thiên cung, Bắc đế thái quân, Tứ minh công, nhưng đã có sự khác biệt về tính chất, trên thực tế chúng tương đương với mười sáu địa ngục (tám địa ngục lửa, tám địa ngục băng) trong kinh Phật, chỉ là chúng đã được đổi tên và đổi cả chủ cai quản. Rõ ràng, núi La Phong đã không còn là núi Nam Phong của các đạo sĩ thời Nam Triều nữa, mà là phiên bản Đạo giáo của "địa ngục Thái Sơn" trong kinh Phật.

Chỉ có điều, "phiên bản Đạo giáo" này không những ăn bớt, mà còn làm mất đi sự thật. Đem so sánh giữa nó và địa ngục trong Phật giáo có ghi thì có thể nhận ra, các đạo sĩ chẳng qua cũng chỉ là gác thêm chiếc chòi bên dưới chiếc giường của người ta mà thôi, tuy đã cố gắng khoác lác về số lượng quỷ quan, cũng như địa ngục nhưng tinh thần không thể so sánh, cạnh tranh được với kinh Phật. Hơn nữa, nói thẳng ra, Phật giáo đã miêu tả cảnh tượng thảm khốc dưới địa ngục đến cực điểm, thực sự không giáo phái nào có thể bổ sung thêm được gì nữa.

Vận mệnh của hai thái cực tại núi La Phong không vững, cũng giống như bậc tiền bối của nó, nó không thể tồn tại lâu dài trên thế gian, quỷ thành Phong Đô không có được mô thức của La Phong, La Phong chỉ được lưu lại trong các quyển "sách quý lưu lại" mà thôi.

Nhưng núi La Phong không hoàn toàn biến mất, đến thời Bắc Tống nó lại xuất hiện lần thứ ba.

Hoàng đế Bắc Tống tôn sùng đạo giáo, từ Tống Chân Tông do "Lai Hòa Thiên Tôn" chuyển thế, đến hoàng đế đạo quân Tống Huy Tông do "Trường Sinh Đại Đế Quân" chuyển thế, tạo thành một giai đoạn đại hoàng kim của các thuật sĩ thần tinh, không thể khiến các tín đồ Đạo giáo nhòm ngó tới Diêm phủ do mười điện Diêm La chiếm cứ. Thế là vào thời Bắc Tống, Phong Đô lại trở thành sân khấu của Diêm phủ. Quyển năm, cuốn *Bảo hồ thanh thoại* của Văn Bảo thời Bắc Tống có câu chuyện như sau:

Năm Hàm Bình thứ ba, đời vua Tống Chân Tông, Vương Hiển trấn thủ Định Châu. Bỗng một ngày, một đạo sĩ đến tìm gặp, mũ áo rách rưới, tự xưng là "quán chủ Phong Đô", người đó nở nụ cười đến tận mang tai, tóc tai rối bù như bờm ngựa, đạo sĩ nói với Vương Hiển rằng: "Hôm qua Thượng đế đưa đến chỗ ta hai vạn linh hồn con người, bởi hai vạn người này chết dưới tay đại nhân, vì thế ta chưa dám đưa vào sổ âm phủ, nay đến

đây xin hỏi ý kiến đại nhân thế nào. Nếu quả thật ngài muốn giết họ, thì tên tuổi của ngài sẽ nổi danh thiên hạ, nhưng ta sẽ phải lấy đi năm năm tuổi của ngài, xin ngài quyết định." Vương Hiển cho rằng vị đạo sĩ này là kẻ điên khùng, liền đuổi ông ta đi. Ngày hôm sau, quân Khiết Đan dẫn hàng vạn binh mã tấn công vùng biên giới, Vương Hiển dẫn binh xông chiến, nhưng cuối cùng bị thua thảm hại, hai vạn binh lính tử trận. Tin báo nhanh chóng truyền tới triều đình, triều đình lấy danh nghĩa sứ thần Khu Mật để triệu Vương Hiển về kinh thành nhưng Vương Hiển vừa lên đường không lâu thì chết.

Đây là một âm phủ kì quái, địa điểm là Đạo quán, chủ nhân là đạo sĩ. Thiên đế muốn thu thập linh hồn người dưới hạ giới với số lượng lớn như vậy, sao không tìm Diêm Vương mà lại tới tìm Vương Hiển, sau khi được ông ta chính thức ghi vào sổ Diêm Vương mới là xác nhận cuối cùng cho sự sống chết của hai vạn người. Tuy "sự thực" chứng minh rằng vị đạo sĩ kia không phải kẻ thần kinh, nhưng loại Diêm phủ không xác định hình dạng thế này vẫn khiến người ta phải nghi ngờ. Còn đối với những vị đạo sĩ kia, dù mọi người có tin hay không thì họ vẫn cứ tạo ra những thông tin về Phong Đô. Năm Tuyên Hòa thứ sáu, đời vua Tống Huy Tông, có viên quan tên Lâm Nghị, người Phúc Kiến, sống tại Tô Châu, một hôm bỗng nằm mơ thấy một viên quan mặc áo vàng, tay cầm một quyển văn thư, bên trong liệt kê họ tên của mười người, trong đó có Lâm Nghị, người đó nói: "Chiêu Công đang đợi ngài đến nhận chức sứ giả Phong Đô, xin nhận chiếu." Việc này được ghi trong *Bạc Trạch Biên* của Phương Chước thời Nam Tống. Còn trong quyển chín, cuốn *Di kiêm binh chí* của Hồng Mại lại nói, người đó tên là Lâm Nghệ, được chiêu gọi đảm nhiệm chức "Cung sứ Phong Đô". Còn nói thêm, Lâm Nghệ là người mộ đạo, ông hiểu rõ việc này như thế nào, bèn nói: "Đó là chức quản lý âm ti, sẽ không đến nếu không phải chức hay ho gì." Câu chuyện này chẳng khác nào hùa theo những câu chuyện kể về những kẻ bị triệu xuống âm phủ làm Diêm Vương khác, đại để có thể xác định rằng, nếu cung Phong Đô là một Diêm phủ thì người quản lý nó

chính là Cung sử Phong Đô. Nhưng cõi âm ti mới này rốt cuộc có cơ cấu như thế nào không ai được biết, hình như nó không có quan hệ gì đến núi La Phong cùng với sáu thiên cung kia. Những câu chuyện này không ảnh hưởng tới đời sống con người, về sau này cũng không thấy chúng xuất hiện nữa.

Dường như các đạo sĩ đã từ bỏ việc thử sức xây dựng núi La Phong trở thành Diêm phủ, mà trọng điểm là dồn vào các tác phẩm văn chương viết về "địa ngục Phong Đô". Lý Xương Linh thời Nam Tống đã truyền bá cho "Thái thượng cảm ứng thiên", bàn dến núi La Phong Bắc Đô, đại khái nó dựa trên cơ sở của các đạo sĩ Nam Triều rồi pha trộn thêm các thành phần của thế hệ Diêm La Vương. Như nói rằng, có một hang động ở ven con sông chảy qua núi La Phong tên là Âm Ảnh Thiên Cung, chu vi ba nghìn sáu trăm dặm với ba trăm sáu mươi ngục. Chủ hang động này là Thái Âm Thiên Quân, trợ giúp cho Thái Âm Thiên Quân bao gồm bốn người, đó là tứ đầu quân cai quản bốn hướng đông, tây, nam, bắc. Trên những ngọn núi ngoài hang động lại có sáu hang động khác, mỗi hang động lại do một đại ma canh giữ, tức âm phủ Lạc Tào, nhiệm vụ chính là trừng phạt những kẻ có tội. Với cách phân loại như vậy, có thể thấy linh cảm của các đạo sĩ ngày một khô kiệt, cùng lắm cũng chỉ là tu sửa, chắp vá, không thể nghĩ ra được những điều mới mẻ khác nữa. Kết cấu vua quỷ của thế hệ La Phong thiếu mất đi sự ủng hộ và khẳng định của tâm lý văn hóa âm phủ đại chúng, nó chỉ là dạng hoạt động âm thầm, cho dù trong các quyển kinh của các đạo sĩ có viết ra hàng trăm lần, thì cũng chỉ như kẻ ngốc nói mơ mà thôi.

Nhưng sự nỗ lực của các tín đồ Đạo giáo không phải hoàn toàn là vô ích. Thực ra, nét đột phá của họ về thế giới âm phủ chính là mượn việc thần Thái Sơn được Tống Chân Tông phong vị Thiên Tề nhân thánh đế, bắt tay với tín ngưỡng dân gian, khiến Thái Sơn Phủ Quân được "cải trang xuất hiện" (nếu nói là mượn xác hoàn hồn thì quả là không hay). Kết quả của

cuộc chiến thật huy hoàng, đưa được mười điện Diêm Quân vào chiếc bọc Đông Nhạc, nhưng nói ra thì dài, chỉ có thể nói tới trong phần sau.

3

Núi La Phong dù thay đổi hình dạng nhiều lần nhưng cũng không thể cứu vãn được tình thế đang sụp đổ của mình. Lâu đài Thất Bảo tuy đã sụp đổ nhưng vẫn để lại những vết tích và câu chuyện đáng để chúng ta xem. Một trong những vết tích đó là một cái tên vô thực: "Phong Đô đại đế."

Ngọc lịch bản sao rõ ràng viết đại đế Phong Đô quản lý mười điện Diêm La của địa ngục, làm sao có thể nói là một cái tên "vô thực" được? Ngôi miếu thần được xây dựng trên núi Sao Ly chẳng phải để thờ cúng Phong Đô đại đế sao?

Câu hỏi khá hay, đương nhiên có thể nói Phong Đô đại đế chính là Bắc Thái Đế Quân của La Phong Sơn, nhưng Phong Đô đại đế ở núi Sao Ly, dưới chân núi Thái Sơn lại là một người bơ vơ, không ai giúp đỡ, xung quanh ông không có thượng tướng, không có thái phó, cũng chẳng có Tứ minh công, quân lính trong cung La Phong không có một ai, như vậy có được tính là Bắc Thái Đế Quân không? Kỳ lạ là, cái ông ta sở hữu lại là mười điện Diêm La và bảy mươi hai ty vụ, chính là toàn bộ các cơ quan thường gặp của hành cung Đông Nhạc. Bên cạnh miếu Phong Đô lại có một ngôi đền khác, thờ Linh Phái tướng quân chủ quản sông Nại và Triệu Tương Công chủ quản Sao Ly, cả hai đều là những vị thần cõi âm trong truyền thuyết dân gian trước thời Nguyên - Minh (Xem *Liêu tướng sưu thần quản lý* của Nguyên Hình Bản), như vậy càng không liên quan gì tới cung La Phong. Vậy thì, vị Phong Đô đại đế này đã tách rời với thế hệ La Phong, mà hoàn toàn nhập vào thế hệ "Đông Nhạc - Diêm Vương", nói khách sáo một chút thì đây là sự di dân cô độc, sáp nhập hộ khẩu vào Thái Sơn. Nếu nghiên cứu thực chất vấn đề, vị Phong Đô đại đế này chính là bộ mặt phụ

của Đông Nhạc đại đế. Cái huyền diệu trong đó nằm ở những mẹo hiểm của người đời. Triều đình thờ Đông Nhạc đại đế trong miếu Thái Sơn, ở đó tuyệt đối không thể có chút quỷ khí nào. Nhưng việc "Thái Sơn trị quỷ" được lưu truyền từ lâu, lẽ nào nay lại cắt đứt truyền thống đó? Bách tính và những đạo sĩ lang thang không được đặt chân vào miếu Thái Sơn, họ bèn lập ra một vị thần Thái Sơn cai quản ma quỷ khác tại núi Sao Ly. Nếu vị thần đó được gọi là "Đông Nhạc đại đế" thì có lẽ họ muốn tìm cho mình sự mất tự do. Cũng may, "Bắc Thái Đế Quân" đang nhàn rỗi, nên muốn đưa ngài qua bên Sao Ly, đổi tên thành "Phong Đô đại đế". Thế là vạn sự đại cát, mãi đến vài trăm năm sau (khoảng thế kỷ XX), trước khi miếu Phong Đô bị chủ nghĩa quân phiệt xóa bỏ dưới hình thức ngăn cấm mê tín rồi đốt rụi, nó vẫn là một nơi yên bình, không ngừng có khách ghé thăm.

Lại nói về *Ngọc lịch bản sao*, bộ sách pha tạp nhiều loại tôn giáo này lại định coi Phật giáo là quyển "sách thiện" - anh cả. Nó xuất hiện vào khoảng giữa năm Càn Long đời Thanh, trong đó, cơ quan chỉ đạo cao nhất của mười điện Diêm La cũng chính là Phong Đô đại đế, mà Phong Đô đại đế lại đại diện cho Ngọc Hoàng thống lĩnh Diêm phủ. (Ngọc Hoàng đại đế là Thiên đế trong tín ngưỡng của người trần, cho dù có bị khỉ trèo lên cổ phóng uế bừa bãi, triều đình cũng không can thiệp. Còn ông tổ vạn tuế gia "Ngô Thiên Thượng Đế" lại không gặp được.) Trong quyển sách đó cũng không tìm thấy bóng dáng của Đông Nhạc đại đế. Phải biết rằng "Đông Nhạc - Thành Hoàng" cộng thêm mười điện Diêm La, từ đời Thanh đã được tất cả các quan phủ công nhận là một thế hệ âm phủ, miếu núi Thái Sơn tuy không thể xuất hiện ma quỷ, nhưng bao gồm tất cả các miếu Đông Nhạc (hay còn gọi là Đông Nhạc hành cung) trong cả nước cũng không phải tụ điểm xuất hiện ma quỷ. Nhưng tại sao *Ngọc lịch bản sao* lại đem Đông Nhạc đại đế đổi thành Phong Đô đại đế, bởi nó muốn Đông Nhạc đại đế dẫn mười điện Diêm La xuống gặp Diêm Vương (nghe nói là hóa thân của Quan Thế Âm Bồ Tát) để quỳ lạy làm đại lễ! Điều này cũng tương tự chứng tỏ Đông Nhạc đại đế tự tìm tới cuộc sống mất tự do, vì thế cũng chỉ có dùng

thủ đoạn bịp bợm ngấm ngầm để khiến Đông Nhạc đại đế xuất đầu lộ diện dưới danh nghĩa của Phong Đô đại đế.

Ngoài cơ hội trên, Phong Đô đại đế đã không còn nhiều cơ hội xuất hiện khác. Hãy nhìn xem! Cả nước có nhiều miếu Đông Nhạc đến vậy, tuy đã có toàn bộ các cơ quan chủ đạo của âm ti, nhưng đã có nơi nào từng xuất hiện bóng dáng của Phong Đô đại đế? Chủ nhân thực sự đã xuất hiện, thì kẻ thế thân sẽ không tiện ló mặt nữa.

Vết tích thứ hai là để lại nơi âm phủ một cái tên đã được Trung Quốc hóa, "Phong Đô ngục".

Xuất hiện bởi nguyên soái Phong Đô lưu truyền trong dân gian triều Nguyên. Gọi là nguyên soái, nhưng địa vị và danh hiệu thực chất của ông không hề ăn khớp với nó, bởi trên thực tế, ông chỉ là một "ngục thần". Câu chuyện này xuất hiện trong chương *Mạnh nguyên soái*, quyển năm, cuốn *Tuyển tập các vị thần lưu truyền trong tam giáo,* nội dung câu chuyện đại khái như sau:

"Ông họ Mạnh, tên Sơn, là một viên quan ngục. Cuối đông, ông thấy nhớ gia đình, người thân của mình. Đồng cảm với hàng trăm tù nhân ở ngục, ông nói với họ rằng: "Ngày hai mươi lăm này ta cho các ngươi về nhà, ngày mồng năm đầu tháng các ngươi phải quay lại ngục." Đám tù nhân khóc lóc cúi chào tạm biệt. Chủ phủ Tất Công biết tin dùng gậy đánh phạt ông, rồi lệnh cho quân lập tức bắt tất cả tù nhân lại. Mạnh Sơn suy nghĩ rồi nói: "Chết có gì khó, nhưng lệnh đó khó mà rút lại được." Thấy cây thương trên nền đất, ông lao tới, dùng cây thương để tự sát. Trước kia có con thỏ trắng đã rất nhiều lần bị đâm bởi cây thương này mà vẫn không chết. Bồng Ngọc Đế hạ chiếu phong Mạnh Sơn làm "nguyên soái Phong Đô".

“Thả tù” đã xuất hiện nhiều trong lịch sử, bắt đầu từ sau vị Chung Ly Ý thời Đông Hán, mà đại diện nhất là Đường Thái Tông, chỉ dựa vào việc này mà đã được Ngọc Đế phong vị thì thực sự phúc đó sẽ chẳng tới lượt Mạnh tiên sinh. Đây chẳng qua là do người đời muốn viết truyện cho nguyên soái Phong Đô đã xuất hiện từ đây, để sau đó trở thành “người một nhà” mà thôi. Trên dương gian, Mạnh Sơn là quan cai ngục, sau khi lên trời ông cũng được giao chức quản ngục, bởi ông cai ngục Phong Đô, vì thế ông được gọi là nguyên soái Phong Đô.

“Ngục Phong Đô” chính là địa ngục do núi La Phong biến thành, như trên đã nói.

Thời Đường, khu địa ngục của Đạo giáo này đã bị Phật giáo lạm dụng. Trong *Những chuyện tương truyền thời Đại Đường* có câu chuyện cười như sau: Một người có học rất thích ăn món đầu trâu luộc nước muối. Một ngày nọ, anh ta nằm mơ thấy mình bị bắt xuống địa phủ. “Ngục Phong Đô có đầu trâu bên cạnh”, người này không hề cảm thấy sợ hãi, đưa tay lên vò vò đầu, nói: “Cái đầu trâu này có thể luộc lên ăn!” Đầu trâu là quân tốt dưới địa ngục, là một trong những nhân vật trong địa ngục của Phật giáo, nhưng giờ đây địa ngục này đã được gọi với cái tên “ngục Phong Đô” rồi. Đương nhiên đó là mánh khóe quen thuộc của tín ngưỡng dân gian, nhưng La Phong đã được địa ngục hóa, có lẽ là một cách hiểu của con người lúc bấy giờ. Đến thời Bắc Tống, trong quyển *Đàm uyển* của Khổng Bình Trọng có cách nói “Phong Đô tạo ngục”, cho đến thời hậu Nam Tống, cách nói “ngục Phong Đô” ngày càng được nhiều người tiếp nhận. Một vị đạo sĩ tên Lâm Linh Chân đã biên soạn một cuốn sách với tên gọi rất hoành tráng *Linh bảo lĩnh giáo tế độ kim thư*, đưa ngục La Phong liệt vào vị trí đầu của chín đại địa ngục, những địa ngục còn lại là Cửu U, ngục Thành Hoàng, ngục Ngũ Nhạc, ngục Tứ Độc, ngục phủ Tuyền Khúc, ngục Ly Vực.

Trong *Di kiêm chi đinh* của Hồng Mại, chương *Anh em Lý Mộng Đán*, quyển mười có kể, cả nhà người học trò của Nhiêu Châu tên là Lý Mộng Đán mắc bệnh ôn dịch, lũ quỷ ôn dịch cứ đeo bám gia đình ông không chịu buông tha. Một ngày, Mộng Đán mơ thấy một vị thần đến nói: "Gia đình ngươi bị quỷ ôn dịch làm hại, ta đã giúp ngươi áp giải chúng đến Phong Đô rồi." Trong chương *Thầy cúng miếu Kim Sơn*, quyển ba, cuốn *Di kiên chi mậu* kể, thầy cúng tức giận nói với con quỷ rằng: "Bây giờ ngươi hối hận thì đã muộn rồi, thần linh đã vô cùng phẫn nộ, ra lệnh thu lại hồn phách của ngươi rồi tống ngươi xuống Bắc Phong. Cái chết của ngươi đã cận kề, ta không có cách nào cứu được ngươi đâu." Chương *Ngôi nhà của Lý Hạng*, quyển ba, cuốn *Di kiên chi mậu* viết, một pháp sư chỉ trích yêu quỷ rằng: "Nếu ngươi ngoan cố không chịu xuống âm phủ thì thầy cúng sẽ tìm mọi cách để giải ngươi đến Đông Nhạc Phong Đô, lúc đó thì đừng có hối hận." Chương *Nữ tỳ của Trương tri huyện bị ma ám*, quyển bốn, cuốn *Di kiên chi quý*, pháp sư tức giận quát: "Ngươi là yêu mà phương nào? Mau nói cho ta biết. Nếu ngươi không nói thật, ta sẽ bắt ngươi giải xuống vô gian ngục Bắc Phong."

Phong Đô, Bắc Phong, Đông Nhạc Phong Đô, vô gian ngục Bắc Phong, tất cả đều chỉ cùng một nơi, tức ngục Phong Đô, là nơi chuyên bắt giam nghiêm khắc, tàn khốc và khó khăn nhất dành cho lũ tà quỷ, ác quỷ và quỷ ôn dịch. Đương nhiên, nó cũng là nơi xử lý những người ác độc và vô nhân tính. Trong tác phẩm *Tiền đường di sự - những việc còn lại về ao tiên* của Lưu Nhất Thanh đời Nguyên có kể, bè lũ Tần Hội bị áp giải tới "Phong Đô", toàn thân bị trói, vô cùng đau đớn. Ngục Phong Đô này dù gần với Phật giáo (vô gian ngục Bắc phong) hay gần với Đạo giáo (Đông Nhạc Phong Đô) thì chúng đều chuyên chỉ địa ngục chứ không phải Diêm phủ, điều này quá rõ ràng. Sau triều Minh - Thanh phổ biến cách nói coi Phong Đô là địa ngục đen. Trong tác phẩm *Quảng dương tạo ký,* Lưu Hiến Đình ghi chép rằng, thầy cúng khi tiến hành "ma thành pháp", có thề rằng: "Chỉ mong đời này đạt được vinh hoa, phú quý, dù tổ tiên bảy đời có phải vào

Phong Đô cũng cam lòng.” Chương *Quỷ răng*, quyển mười, *Tống sinh*, quyển mười lăm, *Hoa sen* hay quyển hai mươi hai trong *Tử bất ngữ* của Viên Mai cũng đều coi Phong Đô là địa ngục.

Âm phủ và địa ngục của Trung Quốc có sự khác nhau, địa ngục là chỉ một cơ quan trực thuộc của âm phủ. Chức quan của Mạnh Sơn nguyên soái chính là chức giám ngục trường dưới âm phủ. Trong tác phẩm *Xem xét toàn bộ giới thần tiên các thời đại*, Lưu Nhất Thanh, người triều Nguyên có liệt kê ra một hệ thống các Diêm phủ được Phật giáo hóa, ở đó Bồ Tát là giáo chủ thế giới bóng đêm, bên dưới gồm mười điện Diêm Vương, vị trí sau Diêm Vương còn có một “quỷ vương Phong Đô”, vị quỷ vương này không phải là Phong Đô đại đế, mà chỉ có thể là một Phong Đô nguyên soái cai quản địa ngục mà thôi.

4

Điều quan trọng nhất còn lưu lại của Phong Đô là “quỷ thành Phong Đô”. Lần đầu tiên tôi được biết ở Tam Hiệp có một ngôi “quỷ thành”, tôi được nghe thông tin đó trong bản tin của đài phát thanh khi tôi đang học cấp hai, từ đó về sau, tôi luôn mong muốn được đến nơi dó. Nhưng đến đầu những năm 80 của thế kỷ trước, lần đầu tiên tôi được đi qua Phong Đô, tôi đã nhầm tưởng rằng, “quỷ thành” chính là huyện thành của Phong Đô. Khi tàu cập bến, trời đã nhá nhem tối, Phong Đô chìm trong màn đêm đen kịt, những ánh điện mờ mờ heo hắt, gió sông hắt hơi ẩm vào người đi đường, tạo cảm giác lạnh thấu tim bỗng nhiên ập tới. Tôi đứng trên boong tàu nhìn về phía thành phố tối đen đến mức không nhìn nổi thứ gì, tưởng tượng ra một thành trì với những ngọn gió từ cõi âm thổi đến cùng với những bóng ma lởn vởn như trong các câu chuyện. Bây giờ nghĩ lại thấy mình thật buồn cười.

Sau này, tôi đã đọc những ghi chép có liên quan, mới biết được rằng "quỷ thành" thực chất không nằm trong thành phố Phong Đô mà nằm trên một ngọn núi nổi tiếng bên ngoài thành, cách thành Phong Đô chừng hai ba dặm (tức núi Bình Đô, hay còn gọi là núi Bàn Long). Người dân Phong Đô có cuộc sống bình thường như những người khác, nhưng thi thoảng cũng có những tin đồn ma quái, ví như câu chuyện *Tẩu vô thường* trong tác phẩm *Nói chuyện ma* của Chúc Doãn Minh, người triều Minh:

Thường có người đang đi trên đường, trên vai đang gánh một gánh nặng, bỗng nhiên quẳng gánh xuống, nhảy lên vài cái rồi lăn đùng ra đất bất tỉnh nhân sự. Người đi đường và người nhà tuy thấy vậy nhưng cũng không đưa đi cứu chữa, mà chỉ ngồi bên cạnh chờ đợi. Có khi là nửa ngày, có khi là một ngày, cũng có khi phải qua cả một đêm người đó mới tỉnh lại. Do nhiệm vụ dành cho ma quỷ ở dưới cõi âm quá bận rộn, đội ngũ quỷ nhỏ không đủ dùng, nên chúng tới dương gian tìm mượn nguồn nhân lực, sau khi hoàn thành nhiệm vụ, chúng sẽ thả người đó trở lại dương gian. Đối với những nhiệm vụ phải đi sai dịch nặng nhọc cũng vậy. Tất cả những hiện tượng này được gọi là "Tẩu vô thường" và ở Phong Đô thường xuyên xảy ra những sự việc như vậy.

Đây là lời của một đồng nghiệp người Phong Đô tận miệng nói cho tác giả nghe. Cho dù người cộng sự đó không dựng chuyện thì những việc động kinh co giật ngoài đường gần như cũng chỉ là diễn trò mà thôi. Lẽ nào ngay từ triều Minh, huyện Phong Đô đã để ý đến giá trị thương mại của cái mác "quỷ thành" rồi sao?

Cái mác "quỷ thành Phong Đô" đương nhiên không thể chỉ dựa vào "diễn trò" để quảng cáo, nhưng nếu khăng khăng gọi một phố núi xinh đẹp như vậy là Diêm phủ thì không những khiến người khác khó chấp nhận, mà hậu quả của nó cũng sẽ chẳng tốt đẹp gì. Vì thế, Diêm phủ ở núi Bình Đô phải ở dưới lòng đất, cách biệt với xã hội loài người, nhưng cả hai lại tương

thông với nhau. Đó chính là sơn động "sâu hoắm" được nhắc tới trong phần *Ngự sử Phong Đô* của quyển *Liêu trai chí dị*. Tương truyền rằng, trong động là nha phủ Diêm La nhưng chưa từng nhìn thấy những kẻ như đầu trâu mặt ngựa chui vào trong đó công tác bao giờ. Như vậy, chứng cứ chỉ có thể được lấy từ phía dương gian, tức tất cả những dụng cụ của cõi âm ti bên trong động đều do huyện Phong Đô trên cõi dương gian cung cấp, "gông xiềng và sự phủ bại chuyên quyền trong động phủ". Hang động này rất nổi tiếng, theo Dụ Khúc Nguyên nói, đây chính là động Ngũ Vân của Bình Đô, vốn là một địa danh gắn với tích tiên. Trong tác phẩm *Chỉ văn lục* của cư sĩ Dung Nột (năm Đạo Quang, đời Thanh) cũng ghi chép rất rõ về các dụng cụ hành hình của âm ti, ông nói rằng "Vào năm Khang Hy, Hà cử nhân nhận chức tri huyện huyện Phong Đô. Khi đến nhận chức, ông thấy trong quyển *Những điều cần biết* có ghi chép về các loại dụng cụ như kẹp tay, còng tay, cùm chân, gông gỗ,… Trước đông chí phải mang tất cả vào hang động, diêm phủ sẽ cử người chuyển chúng đi.

Nhưng trong *Tử bất ngữ*, Viên Mai lại nói đó là một chiếc giếng, "Huyện Phong Đô tỉnh Tứ Xuyên, tục truyền là nơi trao đổi giữa người và quỷ. Trong huyện có một chiếc giếng, hằng năm, tất cả tiền giấy hóa xong đều được mang đổ vào đó, tổng khoảng ba nghìn quan tiền, vì thế còn được gọi là giếng "nộp tiền lương thực cho âm ti". Nếu người nào tiếc của không đốt tiền thì năm đó ắt mắc ôn dịch. Hành động này có thể làm tăng độ nổi tiếng của địa phương! Ba nghìn lượng bạc phân bổ cho dân gánh vác, mua lượng tiền giấy đủ chất thành một ngọn núi, đã là núi thì có to một chút hay nhỏ một chút cũng chẳng thể nhìn ra được, vì thế, trong quá trình giao dịch tất nhiên sẽ có kẻ giở mánh, và phần hời đó tất nhiên sẽ thuộc về đám quan lại. Nhưng *Chỉ văn lục* lại nói đến một chiếc giếng cạn khác, chiếc giếng này nằm phía trước điện Diêm La của núi Bình Đô, "giếng sâu đến hàng chục trượng, khi người đi đường đến đó, vị sư trong miếu đốt một sợi dây làm từ tre trúc ném xuống để chiếu sáng nó, giếng sâu hun hút, tương truyền làm như vậy có thể thông tới âm phủ". Chiếc giếng này có lẽ là "tài sản tư hữu"

được các hòa thượng đào cho miếu thờ. Việc xuống giếng du lãm là điều không thể thực hiện được, nó chỉ có thể thu hút khách du lịch đến ngó qua một lát, rồi vào trong Phật đường thắp nhang hành thiện tích đức, như vậy thôi cũng có thể lưu lại được chút tiền hương hỏa.

Động và giếng đều có những câu chuyện tương ứng phụ kèm theo, nhưng phần lớn chúng đều na ná nhau, đại khái chúng đều nói rằng, có một viên quan hoặc một thân sĩ chưa từng tin vào tà ma đi vào trong động, ở đó ông ta gặp được Diêm La Vương, khi ra đến ngoài động ông lập tức tin vào tà ma. Những câu chuyện như thế này được tuyên truyền rộng khắp thông qua ngòi bút của Bồ Lưu Tiên và Nguyên Tử, và chúng được xã hội rất hưởng ứng. Giả như tôi có dịp xuống đến Phong Đô du ngoạn, nhất định phải hỏi thăm chiếc động và chiếc giếng mà hai vị Bồ Lưu Tiên và Nguyên Tử đã viết. Ngày nay chúng ta cũng thường bắt gặp các địa phương muốn trở nên nổi tiếng, họ mời một vị văn nhân nổi tiếng nào đó giá lâm, người đó có những cảm nhận sâu sắc về thời cổ xưa, rồi bỗng nhiên nguồn cảm hứng trong họ dâng lên một cách khó tả, những tác phẩm đắt giá cứ thế ra đời, mong muốn làm cho cung Trường môn trở thành một cung điện vàng, có lẽ cùng xuất phát từ gợi ý này mà ra.

Chỉ có những vị quan văn thân sĩ của triều đình mới có tư cách tham quan âm phủ dưới mặt đất, người thường như chúng ta đi vào thì kết cục chỉ có thể dùng một câu "Không cần phải hỏi", ngay cả hy vọng "đi ra trong tư thế nằm" (xác chết) cũng rất mong manh. Vì thế, chúng ta chỉ có thể nhìn ngắm "quỷ thành" trên mặt đất mà thôi. Điều mà tôi luôn thấy hứng thú đó là, ở đó, ngoài tất cả lính tốt trong điện Diêm La, ngục La Phong mà ở những miếu Đông Nhạc khác chúng ta có thể nhìn thấy ra, còn có những cảnh quan độc đáo khác trên mặt đất như Quỷ môn quan, cầu sông Nại, đầm Huyết Hà, đài Vọng hương… Nhưng đợi đến những năm 90 của thế kỷ trước, khi một lần nữa tôi có cơ hội đến thăm quỷ thành, nhưng trên đường đi tôi lại không mua được vé xuống thuyền. Lý do có hơi gượng gạo, bởi tôi

đã từng tham quan một "Vinh Quốc Phủ" mô phỏng, thoáng chốc nó đã chuyển cái khí chất quý tộc của *Hồng Lâu Mộng* sang trình độ của kẻ nhà quê giàu có mà tầm nhận thức hạn hẹp, khiến phải mất một thời gian dài tôi mới có thể mời Giả Thái Quân ra khỏi ngôi nhà sang trọng mà chiều cao, chiều sâu không đủ lấy một trượng[3]. Vì thế, cứ khi nghĩ tới việc "cầu sông Nại" của quỷ thành là cây cầu Tam Thạch nhiều vòm được Thục Hiến Đế Chu Xuân triều Minh cho xây dựng và tu sửa ở phía trước điện Liêu Dương, và khi đầm nước phía dưới được nhân tiện gọi với cái tên "đầm Huyết Hà", thì tôi quyết định từ bỏ việc tham quan, vì sợ rằng nó sẽ phá hỏng vẻ "hùng tráng" âm u khốc liệt và bi thảm của giới âm phủ trong tưởng tượng của tôi.

[3] Một trượng: xấp xỉ 3,3 mét.

Nhưng lần này vẫn là tôi nhầm. Thuyền đến Phong Đô đúng vào lúc xế chiều. Phong Đô là một phố núi sạch sẽ, cổ kính, mộc mạc, đầy tình hiếu khách, nhưng ở đó lại không có nơi nào gọi là đặc biệt, có điều khi nhìn về phía đông bắc, một con đường núi ngoằn ngoèo tựa sống lưng rồng vươn tận lên đỉnh núi. Đó là một khu kiến trúc cổ ẩn nấp trong những tán cây xanh, không biết là chùa hay điện tiên, dưới sự chiếu rọi của ánh nắng xế chiều, chúng bỗng trở nên rực rỡ, sáng chói, nếu nơi lưng núi vắt ngang một dải mây thì quả thực, quang cảnh lúc đó sẽ tuyệt đẹp tựa chốn bồng lai. Không ngờ, "quỷ thành" lại đẹp như vậy!

Có sự bất ngờ này là do sự không hiểu biết của bản thân mình. Sau khi về nhà, tôi lật sách ra mới biết, từ xa xưa, núi Bình Đô chính là nơi động thiên đất phúc dành cho tiên lưu lại, những vết tích của hai vị tiên Âm, Vương chính là tiêu điểm của ngọn núi này. Vào thời Đường, ở đây đã xây dựng Tiên Đô quán đầu tiên của Đạo giáo. Theo Đoạn Văn Xương có ghi chép, "vầng sáng của ngọn núi được phát ra từ vai tiên, mây khói bay ra từ ông tay áo của tiên", quả thực là một tiên cảnh xinh đẹp mà bí ẩn. Từ thời Nam Tống đã có truyền thuyết về Phong Đô, muộn nhất là đến đầu thời

Minh, tại núi Bình Đô đã xuất hiện quần thể những ngôi đền thờ cống Diêm La, Địa Cung và thần thổ địa. Từ đó có Đạo quán, Phật vũ, Phật tự tọa lạc nhầm ở đó, đến *Chỉ văn lục* cũng viết, vào năm Đạo Quang, "trên núi đã có mười bảy ngôi đền", có thể coi đây là thời kỳ thịnh vượng nhất của núi Bình Đô. Nhưng trong những ngôi đền, chùa này, địa bàn của quỷ rộng bao nhiêu, không ai rõ. Còn hiện nay, điện Bình Đô đã trở thành một nơi tai họa, khủng khiếp đến mức không có chút căn cứ nào để làm minh chứng cho nó trong quá khứ. Cũng may vào năm 1953, ông Vệ Huệ Lâm - Giáo sư Học viện xây dựng kiến thiết nông thôn Trùng Khánh có tới khảo sát Phong Đô, sau đó ông viết *Điều tra tôn giáo phong tục Phong Đô*, quyển sách của ông có thể coi như đã thể hiện được tình hình thực tế của Phong Đô trong xã hội cũ. Tôi xin trích ra một số địa danh có liên quan đến ma quỷ hoặc có thể cảm nhận được khí phách cổ trong bài luận như sau:

Núi Bình Đô là mảnh đất Thánh về tôn giáo Phong Đô, điện Diêm La Thiên tử được tất cả những người mê tín trên cả nước biết đến chính là nằm trên đỉnh ngọn núi này. Rất nhiều các điện miếu tập trung trên núi. Từ phía đông bắc huyện thành đi qua cầu về hướng bắc chính là con đường dâng hương lên núi. Phía tây có điện Tiếp Dẫn, điện Bắc Nhạc, cung Văn Xương, phía đông có điện Đông Nhạc, miếu Hỏa Thần, miếu Lôi Tổ, trái phải song song với nhau. Giữa điện Đông Nhạc và điện Tiếp Dẫn có mười bậc để đi lên phía trên, tại chỗ rẽ thứ nhất có điện Thổ Địa và điện Thần Môn, tất cả đều là những ban thờ khá lớn. Tiếp tục đi lên trên mười bước sẽ tới giới Âm Dương, cạnh cửa là điện Giới Quan. Phía đông bắc giới Âm Dương chính là điện Nhãn Quang và điện Viên Giác. Tiếp tục từ chỗ giới Âm Dương đi lên mười bước sẽ thấy tượng Phật Quan Âm nghìn mắt nghìn tay, phía trên nữa là điện Báo Ân, tiếp tục lên trên mười bước là điện Tam Quan, tiếp tục lên trên nữa sẽ đi qua cửa núi - tức điện Đại Hùng, phía trước điện này có cây cầu gọi là cầu Nại Hà. Dưới chân cầu là một cái đầm - gọi là đầm Huyết Hà. Phía đông cầu Nại Hà là điện Địa Tàng, phía tây là điện Tướng quân Huyết Hà, ở đó có một ban thờ. Từ phía bên phải điện Đại Hùng đi

tiếp lên phía trên mười bước nữa là tới điện Tinh Chủ. Bên phải điện Tinh Chủ có một bậc thang đá tên Ba mơi ba ngày. Tại nơi tận cùng của bậc thang đá, bên trái là điện Vương Mẫu, bên phải là điện Ngọc Hoàng. Tiếp tục mên theo bậc thang đá lên trên sẽ gặp điện Bách Tử, lại men theo bậc thang đá phía sau điện Bách Tử lên theo hướng bắc sẽ tới điện Thiên Tử. Cửa sau của điện Thiên Tử được gọi là Quỷ môn quan. Từ Quỷ môn quan theo hướng tây nam đi xuống sẽ gặp đài Vọng hương. Từ đây đi xuống sẽ tới con đường nhỏ dẫn đến nơi dâng hương. Phía sau chân núi Phong Đô có hai ngôi miếu, một là chùa Trúc Quốc, một là miếu Lão Quan.

Trong hơn ba mươi điểm phong cảnh trên, có liên quan tới ma quỷ chỉ không đầy mười nơi. Nơi chính điện chỉ có một điểm đó là điện Thiên Tử, Giới Quan, Địa Tàng, điện Tướng quân Huyết Hà lại gần giống với điện thờ hoặc khán thờ bên cạnh cửa nhà của người dân, còn lại có mấy điểm gần đài Vọng hương, có lẽ đều là những cảnh vay mượn theo thời thế, có tác dụng điểm xuyết cho nơi này mà thôi. Hơn nữa, nếu là Bồ Tát Địa Tàng của giáo chủ giới âm phủ lại để cho một tên Tướng quân Huyết Hà vô danh tiểu tốt qua mặt, Quỷ môn quan - nơi đi vào cõi âm lại được mở ở phía sau điện Thiên tử, rồi lại đến thần "Tam Thanh" - vị thần tối cao trong Đạo giáo lại được xuất hiện tại giới Âm Dương, muốn lễ bái Phật Như Lai trước tiên phải qua cầu Nại Hà, tất cả đều hoàn toàn không chú ý tới quy tắc tối thiểu của linh giới, từ đó cũng có thể nhìn ra việc sắp xếp tại "quỷ phủ" hoàn toàn không theo thứ tự thời gian, nó chẳng qua chỉ là chêm vào các lỗ hổng trong những công trình kiến trúc vốn có, hoặc họ chen chúc nhau bán hàng dưới tấm biển in chữ vàng của người ta.

Nhưng đoạn ghi chép dưới đây của Vệ Huệ Lâm khiến tôi rất thích thú, đặc biệt câu cuối cùng ông nói:

Những ngôi miếu thần của núi Bình Đô với lối bày trí hỗn tạp này, chúng tồn tại trong dân gian thật giống như bước vào một tiệm bách hóa của

Trung Quốc, khiến người xem ngơ ngác không hiểu gì cả. Tuy nhiên tôn giáo của người Trung Quốc thực tế cũng hỗn tạp, loằng ngoằng như vậy.

Nói đến sự hỗn tạp trong tôn giáo dân gian của Trung Quốc, bất ngờ tôi nghĩ tới vách đá tiên tại thành phố Thiên Thủy, tỉnh Cam Túc. Ở đó, sự cạnh tranh giữa Phật giáo và Đạo giáo hoàn toàn bị tan biến trong vòng tay rộng lớn của tín ngưỡng dân gian, một dãy những hang đá giống như những cửa hàng tạp hóa, khiến người ta vừa cảm nhận thấy thứ tín ngưỡng đa thần - tin tất cả các loại thần, vừa cảm thấy thứ tín ngưỡng phi thần - mọi thứ đều nằm ở con người. Nhưng mục đích chính của tín ngưỡng đó lại rất rõ ràng, Phật cũng vậy, mà Đạo cũng vậy, tất cả đều phải chiều theo ý muốn của con người, nếu không sẽ không thể đứng vững được ở đây. Những hang động hội tụ các vị thần ở vách đá tiên đã khiến người ta vô cùng kinh ngạc, nhưng so với núi Bình Đô, nó có chút kém cạnh hơn. Bởi núi Bình Đô vốn là động tiên của Đạo giáo, hàng trăm hàng nghìn năm nay, tín ngưỡng dân gian từng ngày, từng tháng thẩm thấu vào trong đó, đến mức khiến chùa Phật và Đạo quán hòa trộn vào nhau như một quần thể đền thần. Thúc đẩy, tạo tâm lý và động cơ trong dân chúng tại "cửa hàng bách hóa" núi Bình Đô thực sự đáng được nghiên cứu sâu hơn. Hơn nữa, cái tên quỷ thành tuy đã nổi tiếng trong thiên hạ, nhưng quỷ khí ở núi Bình Đô vẫn chưa được nồng nàn như vậy, nhân dân nơi đây ngoài việc phải gánh chịu một khoản tạp thuế thì đời sống hằng ngày của họ tuyệt đối không phải là cuộc sống người không ra người, ma không ra ma giống như người ngoài tưởng tượng. Đây cũng là điều hết sức thú vị.

Tóm lại, dưới ngòi bút của giáo sư Vệ Huệ Lâm, núi Bình Đô thực sự là một bản mẫu hiếm gặp trong tín ngưỡng dân gian Trung Quốc, giá trị văn hóa và giá trị thưởng ngoạn của nó vượt xa nhiều "quỷ thành" mà nội dung chỉ chiếm một phần nhỏ trong đó. Chỉ có điều thời gian đã trôi qua hơn bảy chục năm nay, ngay cả "dòng sông lớn" kia cũng đã không còn "như xưa" nữa, những ngôi nhà của các vị thần chưa bị mưa dập gió vùi, nhưng tất yếu

đã có chút khác xưa, nó có thể thực sự biến thành một động quỷ. Có điều, cảm giác khi đứng trên boong tàu nhìn ra xa năm xưa đối với tôi vẫn rất đẹp, rất đẹp!

Chương 14: Sổ sinh tử những chuyện hoang đường

Phần 1

Còn nhớ hồi nhỏ khi xem *Tây du ký*, tôi từng rất tiếc nuối, không phải vì Tôn Ngộ Không không ngồi trên Bảo điện Linh Tiêu, mà là vì lão Tôn đã đại náo Bảo điện Sâm La, khi đánh dấu vào quyển sổ sinh tử, trong lòng tôi chỉ nghĩ đến nhân vật lớn nổi tiếng bên trong con khỉ, "cửu u thập loại tận trừ danh"[1], nhưng loài người chúng ta lại không có trong số đó. Hóa ra con khỉ này chẳng qua cũng là kẻ chỉ biết đến mình mà thôi! Thế là, nghĩ đến việc mình khó có thể xuống điện Sâm La một lần, tôi liền có chút không phục trước hành động tạo phản kinh thiên động địa đó của Tôn Ngộ Không.

[1] Nghĩa là: tất cả chín âm phủ và mười loài (năm loài tiên, năm loài côn trùng) đều gạch hết tên.

Tôi cứ khăng khăng suy nghĩ đó của mình trong nhiều năm, cho đến những năm 60 của thế kỷ trước, sau khi được lĩnh giáo về những thủ đoạn của sổ sinh tử do con người tạo ra tôi mới chợt sực tỉnh. Từ đó tôi hiểu được rằng "sau con người chưa chắc phải là ma quỷ, sau ma quỷ chắc chắn là con người". Gọi là sổ sinh tử, hóa ra vẫn là nằm trong tay con người. Vậy có cần thiết phải bàn tới sổ sinh tử trong giới âm phủ nữa không? Không dám nói là cần thiết, nhưng nói qua một chút cũng không vấn đề gì, bởi từ đó ít nhiều cũng hiểu được chút ít về thời đại đó trong quá khứ. Chỉ là nói cho nặng nề, hơn nữa còn lạc điệu nhảy lời, không như những bài văn sử

dụng ngôn từ chính xác, nghiêm túc, tôi tự đề cử dùng từ "chất giọng hoang dã" đi!

1

Nói nghiêm túc thì sổ sinh tử chỉ là một loại sổ sách dưới âm phủ. Sổ sách dưới âm phủ, ngoài việc ghi chép giới hạn tuổi thọ của con người ra, những quyển sổ liên quan đến vấn đề "nhân sự" (loài người chúng ta cũng chỉ qua được "bản thân mình", còn những cái khác thôi thì tùy chúng mà thôi) còn có rất nhiều loại, chỉ nói về những quyển quan trọng đã có tài liệu chuẩn bị án, sổ lợi lộc, sổ công danh, sổ ghi chép thiện ác, sổ ghi thành tích và thiếu sót, còn có danh bạ bắt bớ linh hồn, sổ đăng nhập hộ tịch cho quỷ đã chết… và tên gọi cũng có nhiều như "sổ, bạ, lục, tịch". Nhưng xét đến cùng, điểm chủ yếu trong những thứ này sẽ không tách nổi hai chữ "sinh - tử" liên quan đến các sinh linh và ma quỷ. Vì thế, khi nhìn thấy quyển sổ trong tay tên phán quan trong Thập Vương đồ, dù ông ta đang lật giở tìm cái gì đi nữa, hoặc dù nó có được gọi là "sổ sinh tử" đi nữa thì cũng chẳng có sai sót gì lớn.

Trong văn hóa Trung Hoa, thực sự có không ít những thứ khiến người ta tự hào. Việc sáng lập ra chế độ sổ sách của quan phủ từ rất sớm và rất hoàn thiện chính là một trong những việc khiến ta tự hào. Lưu Bang tiến vào biên giới, tấn công Hàm Dương, các tướng tranh thủ lấy vàng bạc, Tiêu Hà "một mình vào lấy quyển sách về pháp lệnh của Tần thừa tướng và phủ ngự sử cất giấu", vì thế ông biết tất cả những nguy hiểm, những ách tắc và điểm mạnh yếu về lực lượng người trong thiên hạ. Đời sau có người thốt lên rằng, Tần Thủy Hoàng đốt sách diệt Nho, nhưng chưa hoàn toàn muốn diệt chúng, trong tay các vị tiến sĩ đều có giữ bản sao, vậy tại sao lúc đó Tiêu Hà không mau chóng cứu chúng ra? Kết quả Bá Vương Tây Sở lại đến nhóm cho Hàm Dương một mồi lửa, thiêu rụi tất cả những quyển sách quý ấy, từ đó tạo thêm việc cho các nho sinh, có người đi thu nhặt những chương sách

bị cháy, sau đó tìm các bậc cao nhân nhờ chỉ dạy, có người lợi dụng thời cơ làm giả sách Nho rồi quát với giá cao, có người tìm chứng cứ hòng để lộ ra chân tướng khiến người kia không đường trốn thoát. Thực ra, những vị nho sinh này đã bận rộn một cách uổng phí, lẽ nào họ không biết những yếu điểm và những vấn đề về mặt con người đã là tiền đề quan trong để chiếm cứ thiên hạ? Mọt sách không thấy được cái lớn, họ luôn luôn là vậy, vì thế họ chỉ xứng với việc lột bỏ mũ áo, giúp đại anh hùng hứng nước tiểu mà thôi.

Cũng với lý lẽ đó, muốn thống trị và quản lý người sống cũng như ma quỷ, âm phủ bắt buộc phải có một quyển sổ sinh tử. Từ kết quả của cuộc đại náo Diêm phủ của Tôn Hành Giả có thể thấy được, nếu Diêm phủ không có được quyển sổ sinh tử của Mỹ Hầu Vương thì cũng đồng nghĩa với việc họ đã mất quyền thống trị đối với đối phương. Sổ sinh tử chính là linh hồn của Diêm phủ, những kẻ làm quan dưới đó chẳng qua chỉ là những nhân viên ma quỷ dùng pháp luật âm ti để quản lý quyển sổ mà thôi. Mà nội dung quan trọng nhất trong quyển sổ sinh tử đó chính là ghi lại những chuyện "thiện và ác" thường ngày của con người. Trong thế giới loài người, dù là túi hồ sơ của bộ phận nhân sự, hay tài liệu đen của cơ quan đặc vụ, quyển sổ chi tiêu ghi chép rõ ràng, chỉ chờ cơ hội để quyết toán, vẫn có một số thiếu sót trong mỗi nha môn, nhưng tất cả các đạo đức gia đều chất chứa trong mình chủ ý xấu xa muốn trừng trị người khác, vì thế họ đều cung cấp những bản phác về quyển sổ thiện ác này. Theo truyền thống bản địa của Trung Quốc, "trong trời đất có phúc, thiện, họa, dâm", tuổi thọ của con người ngắn hay dài, gia tộc hưng hay suy, đều do kết quả thống kê trong quyển sổ thiện và ác quyết định. Còn một cách nói khác có lẽ được truyền đến từ văn hóa Tây phương (Ấn Độ), nói rằng, tuổi thọ của con người dài hay ngắn là do nghiệp báo của thế hệ trước để lại, nó không chịu ảnh hưởng của việc người đó làm việc thiện hay ác ở kiếp này, nhưng cái thiện và cái ác ở kiếp này sẽ là căn cứ quả báo dành cho kiếp sau, sổ thiện ác có thể nói luôn được phát hành trong tình trạng cung không đủ cầu.

Vì thế, sổ âm phủ tuy có nhiều loại, nhưng xét từ góc độ "kết toán", nó chỉ được phân làm hai loại lớn, không thể đặt tên cho chúng được, chỉ có thể gọi chúng là hai phái thời gian và không gian.

Phái "không gian", tuổi thọ của mỗi người giống như một căn phòng trống, đợi đến khi mà số tội của anh ta phạm phải trong thế giới loài người đủ để lấp đầy căn phòng đó, gọi là "tội ác tày trời", thì có nghĩa là đã đến lúc anh ta phải từ giã cõi trần. Nhưng có thể nhìn nhận từ một góc độ khác, tuổi thọ của con người cũng giống như một bó thẻ bài, mỗi lần phạm tội, người ta sẽ căn cứ vào sự lớn nhỏ của tội ác để rút ra một ít. Đây gọi là "tính phép trừ", đợi đến khi số thẻ là 0 thì coi như phép tính đã được tính xong. Nhưng nếu anh làm việc thiện thì sao? Vậy thì anh có thể "tăng tuổi thọ", người ta sẽ bổ sung thêm cho anh những thẻ bài khác. Việc này có vẻ rất công bằng, nhưng cũng không hẳn vậy, có người làm vô số những việc thất đức đến mức không kể hết, nhưng họ vẫn sống rất tự tại, còn có người vừa mới sinh, chỉ mới khóc có vài tiếng, cùng lắm là tiếng khóc của họ đã gây ảnh hưởng đến môi trường một chút, nhưng đột nhiên ngừng thở, tuổi thọ của anh đến đây chấm dứt. Việc này thực sự khó mà nói rõ được, nếu muốn giải thích, có lẽ chỉ có thể nói mỗi một "căn phòng" có độ to nhỏ không giống nhau, số thẻ trong từng bó có bó ít có bó nhiều chăng? Nhưng dù thế nào đi nữa, theo quan điểm của phái này, tuổi thọ của con người dài hay ngắn chí ít có thể do bản thân mình quyết định một phần, đó là nên làm nhiều việc tốt, ít làm chuyện thất đức.

Phái "thời gian" cho rằng, tuổi thọ của con người dài hay ngắn là do trời định, con người không thể thay đổi nó. Một người nào đó phạm tội ở dương gian, âm ti chỉ lo việc ghi vào sổ, còn khoản nợ phải đợi đến sau thu mới giải quyết. Cũng có nghĩa là, cho dù người ta có đốt sách diệt Nho như Tần Thủy Hoàng, giết hại người trung thành, lương thiện như Tần Hội, thì họ vẫn được sống rất thoải mái, cho đến khi trời phán rằng "đại hạn" đã đến rồi, lúc đó họ mới phải đến gặp Diêm La Vương để tính toán tổng số nợ, và

tất cả mọi sự quả báo hoặc là sẽ xuống địa ngục, hoặc là đổ lên đầu con cháu đời sau, tóm lại là không ai cho họ nhìn thấy quả báo của mình. Cũng với lý lẽ đó, kiếp này chúng ta làm nhiều việc tốt cũng chỉ là uổng phí công sức mà thôi, bởi họa, phúc, thọ, yểu của kiếp này đã được định sẵn rồi, anh chỉ có thể tích đức để đời sau của mình hưởng nó mà thôi. Trước kia, chiếc cột chính trong miếu Thành Hoàng có treo một chiếc mâm lớn rộng khoảng một trượng, có nơi phía trên còn viết năm chữ lớn: "Cậu cũng đến rồi à!", khiến người đọc nó vô cùng sửng sốt. Chữ "cậu" vốn dùng để gọi linh hồn của người đã chết, nhưng thực tế là để cho người sống xem, ý nói bạn là anh hùng một thời, đã xưng bá tại một nước hay một con ngõ nào đó, nhưng cuối cùng cũng khó mà thoát khỏi cái chết. Anh hùng xem xong cũng chỉ cười một tiếng, làm sao biết sau khi chết mình có phải tính toán nợ nần hay không, ngay lúc này tôi còn có thể tháo dỡ cái miếu Thành Hoàng này ấy chứ!

Tóm lại, một phái giống như đánh bóng chuyền, thua hết điểm thì ra ngoài sân, một phái lại giống như đánh bóng rổ, lấy thời gian làm thước đo, có thể thua trong sự thoải mái hân hoan. Lẽ tất nhiên hai phái này có thể tìm ra một vài điểm có sự giao thoa giữa Trung Quốc và nước ngoài, giữa Đạo giáo và Phật giáo, cũng có thể nhận ra điểm không dung hòa giữa chúng, nhưng giữa chúng lại chưa từng xảy ra xung đột tranh chấp, hơn nữa còn có thể hỗ trợ lẫn nhau, bổ sung cho nhau, mặt trời mặt trăng phối hợp với nhau khá ăn ý. Lúc thì giáo dục người dân chỉ cần làm nhiều việc thiện, ắt sẽ được thiện giả thiện báo, lúc lại biện giải cho đám thân sĩ giàu có kia tuy làm nhiều việc ác, nhưng chưa chắc đã gặp ác giả ác báo. Và tất nhiên, hai bên cùng vui, hòa thuận với nhau chắc chắn là kết quả cuối cùng. Vì thế hai trường phái này nhìn có vẻ như tương phản, nhưng thực chất lại là người hai mặt, cứ thay đổi cách nhìn nhận trong bộ não của mình để tồn tại suốt hàng nghìn năm nay.

Sổ sách âm phủ lớn nhất Trung Quốc có vẻ như thuộc về phái không gian.

"Thổ phủ" - xuất hiện vào khoảng thời Đông Hán, có lẽ là Diêm Phủ chính thức, tương đối độc lập với thiên đình sớm nhất Trung Quốc. Nó được xây dựng dựa trên cơ sở "quyển sổ thiện ác". Tác phẩm kinh điển thời kỳ đầu của Đạo giáo là *Kinh Thái Bình,* chương *Canh bộ chi bát* trong đó nói rằng, sự khống chế của Thiên đế đối với cuộc đời của con người thông qua những hành vi và lời nói thường ngày của họ được ghi lại trong "sổ thiện ác, một khi đã gây ra tội ác tày đình thì linh hồn của người đó sẽ được giao cho "Địa thần" trong "quỷ môn", do Địa thần thẩm vấn, dùng hình, sau đó lại được giao cho "Mệnh tào" đối chiếu giữa tuổi thọ và tội ác của người này, nếu những hành vi tội ác của người này đã sát tận với tuổi thọ, thì hắn người này đã đến lúc "vào đất", hơn nữa ác nghiệt của hắn sẽ ảnh hưởng đến thế hệ sau, đây chính là mục chú giải "gia đình tích phúc, con cháu được nhờ, không biết tích phúc, họa chờ đời sau" của Nho gia.

Nhưng theo tác phẩm kinh điển của Nho gia có nói, nếu không phải là những tội ác thật nghiêm trọng, thì hình như tội ác đó không ảnh hưởng đến con cháu sau này. Cái gọi là "đại tội có năm loại, trong đó giết người không thuộc đại tội" (*Đại đới lễ ký* - Chương *Bản mệnh),* ngoài những tội nghịch với luân lý lẽ trời sẽ ảnh hưởng đến thế hệ sau thì tội giết người chẳng qua cũng chỉ "báo ứng với bản thân" mà thôi, nó tuyệt đối không liên lụy đến con cháu sau này. Xét sơ qua, tầng lớp thống trị thời cổ đại vẫn còn khá tử tế. Nhưng nếu nghĩ kỹ lại thấy họ vô cùng đáng sợ, cái gọi là nghịch với lẽ trời, nghịch với đạo làm người, vu cáo quỷ thần…tất cả không phải tội lỗi về mặt tư tưởng sao? Tội tư tưởng nếu muốn xử thì hai đời đến năm đời cũng chưa thích đáng, trên thì đào mộ tổ, dưới thì giết hại con cháu, nếu đem so sánh thì tội phóng hỏa giết người chỉ là tội nhẹ do "một chút sơ suất" thôi ư? Đến đây mới khiến tôi hiểu ra rằng, tại sao phạm vi liên lụy của ngục Văn tự trong lịch sử lại mênh mông bát ngát đến vậy, còn những

tai nạn nghiêm trọng liên lụy năm đời, ảnh hưởng chín tộc đem gắn với hai chữ "văn hóa" thì quả là không sát thực chút nào.

Đến *Canh bộ chi thập*, ngoài Thổ phủ ra, tác phẩm còn nhắc tới các âm cung khác, mỗi đợt đông chí đến cần thu thập tất cả các quyển "sổ câu hiệu" dân thường khắp thiên hạ. "Câu" là bắt giữ, "hiệu" là tra hỏi, "sổ câu hiệu" chính là sổ dùng để ghi chép những tội ác có lệnh bắt của dân thường. Lúc này, tất cả những vị thần tiên được thờ cúng trong thiên hạ đều phải báo cáo mọi thông tin lên trên, các vị thần gia đình hằng ngày phụ trách việc giám sát những lời nói, cử chỉ của người dân, mỗi tháng đều phải tập hợp một lần, lúc đó đương nhiên cũng phải trình báo theo quy định. Sau đó "Thái âm pháp tào" sẽ tiến hành thống kê, đối chiếu, rồi triệu "Thần địa âm" và "Thổ phủ", hai đối tượng này sẽ phụ trách bắt và thẩm vấn. Trình tự này nghe thì rất đáng sợ, nhưng đối với những người dân đã quen chịu gõ đầu, bóc lột, những cái đó chẳng qua cũng chỉ cần dùng một câu để ứng phó: "Cùng lắm là chết chứ gì!"

Nhưng điều không ngờ rằng, chỉ với vài thảo dân mà cũng cần nhiều sơn hải chư thần và thần nhà cùng lúc hầu hạ như vậy, tự ghi chép những hành vi cử chỉ cho mình có lẽ cũng chẳng phải việc gì phiền phức. Vì thế sau này họ đã đơn giản hóa cơ cấu nghiệp vụ này, người chuyên chức phụ trách công việc này chính là "tam thi"[2] - điều mà các đạo sĩ quan tâm. (Còn ông Táo - người mà các hộ dân không muốn rời xa lại kiêm nhận chức trách đó, có lẽ bởi ông Táo quá hiểu tính cách của con người, dễ bị những người dân thường mua chuộc, trở thành người không đáng tin cậy trong mắt ông trời chăng?) Thần tam thi ẩn nấp trong cơ thể con người, cứ sáu mươi ngày một lần, vào ngày Canh Thân ông lại lén lút thoát ra ngoài báo cáo với đặc vụ. Theo cách nói những người tu đạo luôn lấy việc hành đức làm cốt lõi, thì họ vốn không cần lo lắng vì những điều được báo cáo này, nhưng vì muốn nhanh chóng thoát khỏi sự trói buộc trong hình dáng một con người, để sống một cuộc sống tiêu diêu thoải mái, thần tam thi lại vui mừng khi khiến

những người này chết sớm, vì thế nhất định ông phải bịa ra thứ gì đó không có thật. Còn những kẻ tu đạo cũng có chủ ý của riêng mình, cứ đến ngày Canh Thân họ lại thức trắng đêm không ngủ, khiến tam thi không có cơ hội chuồn ra bên ngoài, cứ như vậy, cuối cùng họ thức đến mức "thần tam thi lồng lộn lên" (mượn từ ngữ trong tiểu thuyết, lại không tương xứng với ý nghĩa câu "giận dữ xung thiên"), cuối cùng tức mà chết, vị lão đạo này sau này không thành tiên, chỉ thành tinh mà thôi.

[2] Tam thi: ba xác chết

Từ đó có thể nhận ra, sổ âm phủ của phái không gian hóa ra lại có nguồn gốc sâu xa với Đạo giáo bản địa Trung Quốc, vì thế họ trích ra từ *Kinh Thái Bình* cũng là việc hết sức đương nhiên. Dùng biện pháp mềm mỏng để đối phó với mật thám, có thể gọi đó là tinh túy trong chiến thuật của Lão Tử, chưa bắt đầu thì chưa ảnh hưởng đến đời sau. Nhưng quyển sổ thiện ác đó lại hoàn toàn trùng khớp với nguyện vọng của các bậc chính nhân quân tử sau này, họ có bổ sung thêm phần thiếu sót "trong quan phủ ở dương gian không có điều lệ ghi chép lại công danh và sai sót của con người", đối với những người dân thường mà nói, họ không thể chỉ nói "cùng lắm là chết chứ gì?" là có thể ứng phó được với quá khứ.

Gần đến triều Hán Ngụy, tăng lữ Phật giáo Tây phương liên tiếp tới Trung Quốc vài lần, tuy họ vẫn chưa thể tự do truyền giáo vào đời sống của người dân Trung Quốc, nhưng những tác phẩm kinh điển của Phật giáo đã bắt đầu được dịch sang tiếng Hán, trong đó quan điểm ở âm phủ đã có địa ngục (tám địa ngục lửa, tám địa ngục băng) dưới ngọn núi Thiết Vi lớn. Nhưng khi họ biên dịch, với một chút lơ là đã tạo ra từ "địa ngục Thái Sơn", Thái Sơn vốn có nghĩa là một ngọn núi khổng lồ, chính là chỉ ngọn núi Thiết Vi kia. Nhưng các vị hòa thượng Tây phương chưa từng nghĩ tới sẽ sang núi Đông Nhạc để vẫn có thể viết được Thái Sơn, càng không nghĩ địa ngục Thái Sơn của mình bị con rắn Địa đầu lấy đi mất, sau khi thay đổi một chút đã biến thành đồ của người ta. Hóa ra, tôn giáo bản địa của Trung

Quốc lúc bấy giờ cũng đang trong giai đoạn phát triển, Trương Lỗ - đệ tử của Ngũ Đấu Mễ đạo[3] gần như đã hợp nhất giữa chính trị và tôn giáo, đại anh hùng Tào Mạnh Đức cảm thấy đó không phải là một việc tốt, nên sau khi bình định Hán Trung, ông bèn "Võ Ngụy cung roi" dồn tất cả phương sĩ khắp nơi rầm rộ tiến về kinh thành trong phạm vi thế lực của mình, sử dụng hình thức chăm nuôi để nhốt họ lại. Những phương sĩ sống tản cư bên ngoài sau khi vào đến những đô thị lớn, họ có cơ hội để giao lưu với đủ các loại người, và thời bấy giờ hòa thượng cũng là một loại phương sĩ. Tôi đoán rằng, vào lúc này, "địa ngục Thái Sơn" của Phật giáo đã bị các phương sĩ địa phương "vay mượn" thành "Thái Sơn Phủ Quân" mang cái mác MADE IN CHINA. Ông Tiền Trọng Thư nói: "Từ lúc ngựa trắng chở kinh về, Thái Sơn càng trở thành một cái tên khác của địa ngục". Thái Sơn từ một ngọn núi thần tiên biến thành quỷ phủ, đó là việc xảy ra sau khi Phật giáo truyền vào Trung Quốc, và lúc đó quyển sổ âm phủ trong nha môn Thái Sơn Phủ Quân bắt đầu xuất hiện phái thời gian. Dưới đây là câu chuyện sau khi Thái Sơn Phủ Quân nắm giữ âm phủ:

Năm Kiến An, triều vua Hán Hiến Đế, tại Nam Dương có người trên Giả Ngẫu, tự là Văn Hợp do mắc bệnh mà chết. Khi chết, có viên quan nhỏ cầm một chiếu chỉ của Thái Sơn tới. Những người trùng tên Văn Hợp có tất cả mười người cả nam lẫn nữ, quan tư mệnh kiểm tra kỹ lại, rồi nói với quan hành sự rằng: "Nay muốn triệu Văn Hợp tới, làm thế nào để triệu được người này? Hãy mau chóng trả hắn về dương gian." ("Sưu thần ký" quyển hai mươi mốt.)

[3] Ngũ Đấu Mễ đạo: nghĩa là " đạo Năm Đấu Gạo", cũng gọi là Thiên Sư đạo, là một giáo phái ra đời trong giai đoạn đầu của đạo giáo, tức cuối đời Đông Hán (25-220) trong lịch sử Trung Quốc, do Trương Lăng (34-156) sáng lập.

Diêm phủ đã bắt nhầm người, khiến người ta phải chết oan, người không nên chết thì đã chết, còn người nên chết thì vẫn sống. Hãy quay lại xem quá trình bắt bớ trong *Kinh Thái Bình,* có thể thấy khi lấy căn cứ là quyển sổ

thiện ác thì việc bắt bớ sẽ không được thực hiện một cách dễ dàng. Nhưng nếu chỉ nhìn vào tên của những người đã hết hạn sống trong sổ thiện ác hiện nay, trường hợp trùng tên là rất nhiều, phải tra thêm hộ tịch, nhưng thi thoảng cũng xảy ra sơ suất, để rồi bắt những người không liên can tới Diêm phủ. Nhưng theo quy định nghiêm ngặt của phái thời gian, nếu người này chưa đến hạn chết, thì Diêm phủ không thể bắt bớ linh hồn của anh ta, nhưng giống như những tên quan phủ trên dương gian, họ không bao giờ chịu nhận lỗi về mình, đã s ai thì cho sai luôn, hoặc giống như Đào Cương, triều Lý đã bắt nhầm nhưng vẫn bị Diêm phủ giữ lại linh hồn, điều đó là không thể được. Nếu đã không thể giữ được linh hồn người đó, vậy chỉ còn cách đưa họ trở về dương gian, nếu không người bị bắt nhầm sẽ trở thành linh hồn lưu lạc không nơi trú thân, để rồi biến thành kẻ trụy lạc chết thảm trong cô đơn, từ đó quay lại quấy phá hai giới âm dương, đó cũng là sự việc khiến người ta hết sức đau đầu. (Sau này, vấn đề này đã có một cách giải quyết thích hợp, đó là thiết kế một nơi thu nhận hoặc tập trung tất cả linh hồn chết oan lang thang, điều này sẽ được bàn tới trong chương khác.)

Vị Giả Văn Hợp này vẫn được coi là may mắn, khi quan tư mệnh tới đón nhận linh hồn mới phát hiện ra có trên mười trường hợp trùng tên. Sau khi rà soát kỹ càng, quả nhiên có sai sót, chỉ còn một cách đó là mau chóng thả linh hồn người này trở về dương gian. Trên đường trở về dương gian, Giả Văn Hợp gặp một người phụ nữ cũng bị bắt nhầm rồi được thả về. Nhưng thế giới âm phủ hỗn loạn, thời gian gấp gáp, dù là một người phụ nữ yếu đuối nhưng mấy tên nha dịch cõi âm vẫn mạnh tay mạnh chân quẳng hai linh hồn trở về dương gian rồi nhanh chóng biến mất. Trên con đường u tối của thế giới âm phủ, cô gái gặp rất nhiều khó khăn, cũng may gặp được chàng thanh niên Giả Văn Hợp, hai người giúp đỡ nhau trên suốt chặng đường, cuối cùng cả hai cũng tìm về được với dương gian, đồng thời họ tạo nên một mối nhân duyên hạnh phúc, khiến người ta hiểu ra rằng, hóa ra việc tốt luôn xuất hiện từ những việc không may, khi tổ chức lễ thành hôn đừng

quên mang kẹo cưới gửi tặng anh lính sai đã bắt nhầm hai người tới âm phủ nhé!

3

Từ thời Hán - Ngụy đến nay, những câu chuyện "bắt nhầm - trả về" nơi cõi âm xảy ra quá nhiều, có thể nói đó là một loại lớn trong các loại chuyện về thế giới âm phủ. Tuy rằng trong những yếu tố tạo nên loại hình này không thể thiếu quyển sổ sinh tử. Nhưng điểm quan trọng của câu chuyện không phải ở chỗ muốn chứng tỏ quyền uy của sổ sinh tử, cũng không phải để tạo nên những câu chuyện tốt đẹp như của chàng trai Giả Văn Hợp và cô nương Đỗ Lệ. Loại chuyện này sở dĩ được nhắc đến nhiều lần, được các tín đồ Phật giáo không ngừng tuyên truyền, giảng giải, đó là vì nó có nhắc tới tình tiết tham quan địa ngục. Đã bắt nhầm, theo lý phải trả người về, nhưng Diêm Vương còn đảm nhiệm công tác bộ trưởng bộ tuyên truyền trong thế giới âm phủ, thế là ông không để cho người đó uổng phí một lần đến đây. Diêm Vương cử người dẫn họ đi tham quan tất cả mười tám địa ngục, hơn nữa không biết ông đã giở trò gì mà bình thường sau cơn mơ, người ta sẽ quên gần hết những điều đã xảy ra trong đó, nhưng ở đây, những người này sau khi trở lại dương gian, họ có thể viết ra những bài bút ký thực sự sinh động về quá trình tham quan địa ngục.

Nhưng những câu chuyện lấy sổ sinh tử và thuyết định mệnh làm chủ đề cũng không ít, đó là những câu chuyện kể quan âm phủ cầm quyển sổ sinh tử tới chiến trường để điểm danh những binh lính đã hi sinh.

Đây cũng chính là chủ đề chính của các câu chuyện về cõi âm có sức sống từ hàng ngàn năm nay. Câu chuyện sớm nhất xuất hiện trong *Bác dị chí* của Cốc Thần Tử, người thời Đường và *Hà Đông ký* của Tiết Ngư Tư, còn đến cuối triều Thanh, những chuyện như thế này vẫn được người ta đón nhận một cách thích thú. *Bác dị chí* kể về Bình hoắc tây Ngô Nguyên Tế

năm Nguyên Hòa thứ mười hai, triều vua Đường Hiến Tông. Khi Triệu Xương Thời trở thành phó tướng của Ngô Nguyên Tế, ông cùng với Lý Tố chiến đấu tại thành Thanh Lăng, rồi bị trúng đao từ phía sau, ông ngã xuống từ trên lưng ngựa mà chết. Vào khoảng bốn giờ sáng, ông bỗng như vừa bừng tỉnh khỏi giấc mộng, nghe thấy bên ngoài tiếng tướng lính đang điểm danh duyệt binh, hô đến tên của ai, người đó dõng dạc lên tiếng đáp lời. Cứ như vậy họ đã điểm danh cả hơn nghìn người. Triệu Xương Thời chú ý lắng nghe, nhưng đến khi công việc điểm danh hoàn tất, vẫn không nghe thấy ai điểm danh tên mình. Trời chuyển sáng, người điểm danh đã không còn ở đó nữa, Triệu Xương Thời băn khoăn ngồi dậy, ông nhìn những xác chết xung quanh mình, tất cả đều là những người được đọc tên lúc đêm qua, giờ đây ông mới biết hóa ra là đêm qua quan âm phủ điểm duyệt, những chiến sĩ chết nơi trận mạc đều là định mệnh cả.

Chủ đề của câu chuyện chính là "định mệnh". Nhưng nếu người đã chết, thì quan âm phủ chỉ cần điểm tên của linh hồn là được rồi, sao còn phải đối chiếu với những thi thể đã chết? Trừ phi những hồn ma của binh lính cũng cần tập hợp xếp hàng rồi bắt đầu đi duyệt binh? Lý do đó dường như không được hợp lý thì phải, nhưng trong buổi điểm danh đêm qua, giọng đáp lời của những binh lính đã chết tạo nên một không khí rất ghê rợn, đó chính xác là một thành công trong việc sáng tác những câu chuyện ma. Nó xứng đáng liệt vào danh sách những đề tài khủng bố đến dựng tóc gáy như xác chết di động, linh hồn quay lại, hồn ma hàm oan… Bởi thế, những thế hệ sau sẽ không thấy chán khi lặp lại chúng, và thỉnh thoảng họ cũng cho thêm những nguyên liệu mới mẻ vào trong câu chuyện. Thế là "chỉ cần hô gọi họ tên, xác chết lập tức đứng dậy đáp lời" (chương *Vương Tuyên Trạch mượn binh,* quyển mười, cuốn *Di kiên chí bổ* của Hồng Mại thời Nam Tống), khi được gọi đến tên, người đó đã là một xác chết cương cứng, chỉ có thể nhảy lên theo chiều thẳng đứng miệng hô "có", sau đó lại "phịch" một tiếng đổ thẳng xuống đất. Dưới ánh trăng ảm đạm, hàng nghìn xác chết cứ làm đi làm lại như thế, đó là cảnh tượng "đêm người chết sống lại" khiến người ta

chỉ cần nghĩ tới đã thấy dựng tóc gáy. Nhưng dường như chúng vẫn để lại những điểm có thể tiếp tục phát huy, để rồi đến đầu đời Thanh, trong tác phẩm *Thục Bích* lại yêu cầu "sau mỗi một tiếng điểm danh, người chết liền xách đầu mình đứng dậy". Các vị tú tài, các cử nhân lũ lượt kéo đến trường thi, họ biết rõ việc kiểm tra xác định nhân thân là tất yếu, vì thế họ cho rằng trong sổ sách âm phủ cũng nên có điều khoản "tuổi tác - hình dáng", chẳng hạn như người chết nếu không xách chiếc đầu lâu "lấm lem máu" của mình sẽ dễ dàng bị cho là mạo nhận tên tuổi. Ngay cả các bộ phim khủng bố nhất như *Xác chết di động* cũng không thể so sánh được với những câu chuyện thuần túy theo đuổi hiệu quả gây sốc này, nhưng Bồ Tùng Linh vẫn có thể giúp không khí ghê rợn trong đêm chiến trận thời cổ đại được đẩy lên cao một bậc.

Mẩu chuyện *Liêu Dương Quân* trong *Liêu trai* cũng đã sử dụng hình thức điểm danh, chỉ có điều người không phải chết đã bị chém rơi đầu, quan Diêm phủ bèn lệnh cho đám lâu la gắn đầu anh ta lại, sau đó đưa anh ta rời khỏi âm phủ, đây có thể cho là một sáng kiến mới mẻ, nhưng chưa tạo được nét độc đáo khác cho tác phẩm của mình. Còn chuyện *Chó hoang* kể rằng binh lính triều Thanh trấn áp bảy đội quân phiến loạn, giết người không ghê tay, một kẻ muốn thoát khỏi hoàn cảnh đó, bèn giả vờ chết giữa đống thi thể. Đợi đến khi quân Thanh rời khỏi, lúc đó đất trời cũng đã chìm vào màn đêm đen kịt.

Bỗng thấy cả rừng xác chết không đầu, không tay bỗng nhiên đứng dậy. Một trong những xác chết ấy đầu vẫn đang vắt vẻo trên vai, một âm thanh phát ra từ miệng người đó: "Tên chó hoang kia đến đây làm gì?" Cả đám xác chết cùng ứng theo: "Làm gì?" Nói xong, chúng lại đồng loạt ngã vật ra đất, không nói thêm lời nào nữa.

Bỗng chốc một rừng xác chết đứng bật dậy, rồi lại đột nhiên ngã vật ra đất, đó là giây phút tĩnh lặng bên xác chết vào lúc đêm khuya, để chờ đợi

thứ đáng sợ nhất xuất hiện. Đoạn vừa rồi tuy không phải là câu chuyện về cảnh "điểm danh trên chiến trường", nhưng nó đã tập trung vào hoàn cảnh khủng khiếp của câu chuyện, thể hiện thành công tính thảm khốc của cảnh chết chóc giết hại người dân không ghê tay của binh lính triều Thanh. Vậy nếu là cảnh bị chết chìm giữa sông thì sao? Trong chương *Phú quý sống chết có số,*quyển bốn, cuốn *Khách song hiếm thoại - phần tiếp theo*, Ngô Xí Xương có viết, những kẽ chết đuối, chết chìm cũng có một viên quan âm phủ đến điểm danh. Vậy tất nhiên những xác chết ở đây không thể gây ra những cảnh kinh hãi như những xác chết cứng đơ nơi đồng không mông quạnh được. Nhưng hãy tưởng tượng, những xác chết đứng dậy lửng lơ trên mặt nước, xếp thành hàng ngũ, chắc có lẽ sẽ tạo cho bạn một cảm giác cõi âm khác biệt chứ!

Nhưng những câu chuyện cũng không chỉ dừng lại ở việc tạo ra cảm giác sợ hãi, chủ đề định mệnh cũng được chú ý và thực hiện sâu sắc hơn. Những người chưa đến số phải chết không những không phải điểm danh, mà quan âm phủ còn vạch trần ra xem người này sẽ chết sau bao nhiêu năm nữa, và sẽ chết ở nơi nào. Tác phẩm *Quý tân tạp thức* của Chu Mật người Nam Tống có ghi lại câu chuyện xảy ra vào thời Nam Tống Ninh Tông: người Mãn xâm phạm từ phía nam, giết người vô kể, xương chất thành núi, thịt chất thành tầng, giết xong chúng còn lùng sục lại xem có ai chưa chết hẳn thì dùng búa sắt đánh cho chết hẳn rồi mới chịu đi. Trong số đó có một người may mắn vẫn chưa chết hẳn, đêm đến, thấy người của quan phủ đốt đèn đi tới điểm danh người đã chết trong sổ, đọc đến tên người nào, xác chết của người đó đứng bật dậy, rồi lại lập tức ngã xuống. Khi đọc đến tên người kia, anh ta cũng đứng dậy. Lúc này, bỗng nghe có người nói: "Người này vẫn chưa chết." Và rồi theo sổ sinh tử viết: "Sau hai mươi năm nữa ngươi sẽ chết ở Thần Châu." Người này đã được miễn chết, mặc dù sau này anh ta đặc biệt cẩn thận không bao giờ đi Thần Châu, luôn sống an phận theo pháp luật, nhưng cuối cùng anh ta cũng không thoát được định mệnh của mình, phải chịu một nhát đao oan uổng trên pháp trường Thần Châu.

Về sau, chương *Thủ thuật chi bại,* quyển mười hai, cuốn *Lưỡng sơn mặc đàm* của Trần Đình người đời Thanh, chương *Kẻ họ Nhược* trong quyển *Sạn trong ngọc* của Đồng Cốc, chương *Sống chết định trước,* quyển sáu, cuốn *Dung am bút ký* của Tiết Phúc Thành, người đời Thanh, ba tác phẩm này cơ bản cũng kể về những cảnh tượng như vậy, không thấy xuất hiện bất kỳ một chi tiết mới nào. Chỉ đến tác phẩm *Di viên đàm dị* của Trần Dị người đời Thanh, trong chương *Kẻ mặt rỗ họ Châu,* "phái không gian" mới tham gia vào thể loại truyện này.

Vào năm Kỷ Mùi, năm canh Thân Hàm Phong, quân Thái Bình chiếm lĩnh khu vực phía nam sông Trường Giang, và phía tây thành phố Trấn Giang, cả khu vực Dương Châu phía bắc sông Trường Giang, người dân không mắc bệnh tật, cuộc sống êm đềm. Giang Nam rơi vào bẫy, người dân muốn chạy trốn và đa số đều chết bởi binh lính đem ngựa đuổi theo chém giết, hai bên sông xác chết thành đập. Một người họ Giáp may mắn sống sót, nằm ẩn mình trong đám xác chết, nửa đêm, những tiếng hô gọi từ xa vọng lại, anh ta thấy thần Thành Hoàng dẫn theo quan binh âm phủ cầm sổ sinh tử điểm tên xác chết. Đọc đến người họ Giáp này, Thành Hoàng nói: "Không phải, ngày mai tên mặt rỗ họ Châu sẽ cướp đi mạng sống của ngươi." Ngày hôm sau, người họ Giáp này gặp một người phụ nữ, cô ta nói mình bị cướp hết tiền bạc, giờ đây không biết sống bằng cách nào, nên muốn đi tìm cái chết. Người này nghĩ, đằng nào hôm nay ta cũng chết trong tay tên mặt rỗ họ Châu, vậy ta còn giữ tiền làm gì? Nghĩ rồi anh ta khẳng khái đưa tất cả số tiền của mình tặng cho người phụ nữ. Quả nhiên, một lúc sau, anh ta nhìn thấy một người vung đao lao tới, người họ Giáp liền gọi: "Châu mặt rỗ!" Người kia hỏi: "Sao ngươi biết tên ta?" Người họ Giáp tiến lên phía trước, nói: "Hôm nay ta sẽ chết trong tay Châu mặt rỗ nhà ngươi, xin hãy mau giết ta đi." Châu mặt rỗ kinh ngạc đáp: "Đồ điên! Ngươi bảo ta giết ngươi, nhưng ta không giết đấy." Thế là người họ Giáp cứ khăng khăng đuổi theo Châu mặt rỗ yêu cầu hắn giết mình, Châu mặt rỗ thấy vậy như gặp phải ma, hắn cướp chỗ tiền của người phụ nữ kia rồi nhanh chóng tẩu

thoát. Câu chuyện hình như có chút thay đổi, thực ra đó chẳng qua là lối viết lấy việc thiện để thay đổi định mệnh đã cũ mèm mà thôi, nói cho cùng, chúng vẫn không thể tách rời hai chữ "định mệnh".

Xét cho cùng, định mệnh trong sổ sách âm phủ là một thứ rất lạnh nhạt, rất vô tình, nó coi việc quản lý chặt chẽ mạng sống của con người là thay đời hành đạo. Quyển sáu trong *Mao đình khách thoại* của Hoàng Hưu Phục, người thời Bắc Tống có chương Ai Diên Tộ, chương này đã dùng câu chuyện sổ sinh tử điểm danh để biện hộ cho việc giết người trong vụ trấn áp cuộc khởi nghĩa Lý Thuận tại Thành Đô: "Được biết triều đình truy đánh quân phản nghịch, giết chết nhiều người, đó là thay trời hành đạo, không có gì là sai cả." Triều đình giết người là tuân theo lệnh trời, hàng ngàn, hàng vạn người dân vô tội bị cướp đi mạng sống, đó tuyệt đối không có gì oan uổng cả. Vậy những người thuộc dân tộc khác tới xâm phạm, họ cũng giết hại biết bao người dân hiền lành, vậy nó được coi là gì? Quyển bốn, tác phẩm *Bàn về núi Thiết Vi* của Thái Điều thời Nam Tống có viết, vào năm Kiến Viêm Nam Tống, quân đội nhà Kim xâm lược từ hướng nam, triều đình bỏ mặc dân chúng, một mình tháo chạy về hướng nam, nhằm khiến quân địch mắc lừa. Quan Lang Hầu Mậu cùng hai người khác không kịp chạy trốn, bèn nấp mình trên chiếc cột lớn ở gian giữa ngôi nhà trong vườn hoa. Một ngày nọ, họ nhìn thấy hàng nghìn quân nhà Kim lũ lượt kéo tới, chúng ngồi trong gian giữa, lệnh cho lũ lâu la áp tải những người dân bị bắt vào trong, không phân biệt già, trẻ, gái, trai, chúng nhất loạt dùng gậy đập chết, xác người chồng chất lên nhau. Xế chiều, khi giết hết số người ở đó, chúng mới rời khỏi. Đến nửa đêm, quan binh âm phủ đến điểm danh, trong đó chỉ có bốn xác chết được quan binh âm phủ nói "không phải". Ngày hôm sau, quả nhiên chỉ có bốn người đó sống lại. Đương nhiên sự việc này cũng là do " thiên mệnh", không liên quan gì đến sự phủ bại, bất lực, chỉ biết lo cho bản thân của triều đình. Đói khát, hoang tàn, lạnh giá, binh biến, ôn dịch, lũ lụt, động đất…tất cả đều là do ông trời muốn "thu người". Nếu đã là do ông trời muốn bắt lại, vậy anh không đi có được không? Hoàng đế

muốn ngăn cản liệu có được không? Huống hồ Vạn Tuế gia lại là đứa "con trời" thực sự (lúc này cũng đừng kéo cả những "đứa con đáng tự hào của trời" được nhận học bổng vào nhé!), giúp cha mình một tay âu cũng là đạo lý muôn thuở ở đời!

4

Từ *Kinh Thái Bình* đã nêu ra ở phần trước, chúng ta có thể nói sổ thiện ác xuất hiện cùng lúc với Diêm phủ. Diêm phủ đã có lịch sử hai nghìn năm, ngôi vị Diêm Vương gia đã được hoán đổi hai trăm đời, nhưng tình hình chung của Diêm phủ vẫn chưa có gì thay đổi, vẫn là tiến trình quen thuộc, đặc vụ báo tin cho quan quân Diêm phủ, quan quân tổng hợp lại rồi báo với Diêm Vương.

Loại sổ sách ghi chép lại những công đức, tội lỗi này, đến đời đường còn được gọi là "sổ Mậu Thân". "Mậu Thân" nghĩa là gì, từ trước đến nay chưa có ai đi giải thích nó, cũng may trong tác phẩm *Dậu dương tạp trở*, Đoạn Thành Thức đã ghi chép về nó: "Thu nhận cáo trạng như nhân gian, đầu tiên hỏi ngày sinh, tiếp đến hỏi họ tên, tuổi tác, bên dưới có ghi chú ngày, tháng, năm sinh, ở dòng khác ghi Lục tuần (60) Giáp Tý, công lao và tội lỗi từng có, hiện phạm tội gì, nếu không có thì viết "vô sự", tức không có chuyện gì. Người được ghi tên vào sổ này "nhiều vô kể", theo Chu Y Nhân - người quản giữ quyển sổ nói: "Cứ sáu mươi năm quyển sổ này lại ghi tên người trong thiên hạ một lần, để kiểm tra và đối chiếu việc thiện, việc ác của người đó, tuổi thọ tăng hay giảm sẽ do người đó tự quyết định." Như vậy, sáu mươi năm là thời gian để thanh toán tổng số nợ, và cũng chính là một tuổi mậu thân, có lẽ vì thế mà nó được gọi là "sổ Mậu Thân"? Đây cũng chỉ là điều suy đoán của tác giả mà thôi. Quyển "sổ Mậu Thân" này gần giống với quyển hồ sơ nah6n sự của quan phủ, có thể ghi chép công danh và tội lỗi của người đó bất cứ lúc nào, rồi lấy đó làm căn cứ để tăng

hoặc giảm tuổi thọ hay chức vụ, bổng lộc của con người, việc phân loại của nó ắt đã được nghiên cứu kỹ càng.

Còn quyển sổ âm phủ trong *Hồi dương ký* của Trần Thúc Văn có vẻ phức tạp hơn so với quyển "sổ Mậu Thân", "tất cả mọi việc được thực hiện đều có mục đích của nó, vì vậy việc gì cũng phải được ghi vào sổ". Vậy thì những ghi chép vào sổ không chỉ giới hạn ở ngôn từ, cử chỉ, mà còn bao gồm cả những ý niệm trong đầu, cho dù đó chỉ là "một chút suy nghĩ riêng tư thoáng qua" cũng phải ghi vào trong hồ sơ. Quyển "sổ vô cùng" này "ghi việc thiện lớn thì dùng chữ vàng, việc thiện nhỏ thì dùng chữ đỏ, ghi việc ác lớn thì dùng chữ xanh lục, việc ác nhỏ thì dùng chữ đen", như vậy có thể khiến người ta "không cảm thấy rợn tóc gáy" khi nhìn thấy, nghĩ rằng nó đã thực sự chạm đến linh hồn. Chỉ cần trong đầu xuất hiện một suy nghĩ, suy nghĩ đó chắc chắn sẽ bị Diêm phủ nhìn thấu. Có thể ngay cả thần Tam thi ẩn náu trong hình dáng con người cũng không thể làm như thế được. Nhưng đó cũng không phải là thứ có hàm lượng khoa học kỹ thuật cao, mà có lẽ nó chỉ là sự cáo giải của tôn giáo Tây phương, là sự giao lưu tâm linh trong thổ giáo, chúng biến phép khiến những điều bạn suy nghĩ trong lòng bị mang ra ánh sáng. Cái đáng để chúng ta than thở, đó là một khi hình thức giao lưu tâm linh đó nhận được sự cổ vũ, trở thành một trào lưu trong xã hội loài người, thì không phải chỉ đào sâu nghiên cứu, mà thậm chí còn phải bịa dựng linh tinh. Lúc đó, có lẽ người ta tưởng mình đã thành công, trở thành mô phạm trong việc giao lưu tâm linh, cho đến khi quyển sổ được công khai thì chỉ còn lại sự "ghê rợn tới tận sống lưng" mà thôi.

Đương nhiên, nếu động cơ tốt, muốn mộc mạc hóa phong tục, đến bậc minh vương như Nghiêu - Thuấn cũng có thể khoan dung cho sự đê hèn về mặt thủ đoạn. Vấn đề lại nằm ở chỗ, sổ thiện ác không phải quyển sổ khích lệ người ta học tập tinh thần cứu giúp người vô tư của Lôi Phong. Trong mẩu truyện *Thần thành hoàng đô thị*, quyển mười một, cuốn *Khoái viên*[4]

của Tiền Hy Ngôn, người đời Minh, chúng ta có thể nhìn thấy mục đích của các bậc chính nhân quân tử khi tạo ra sổ thiện ác.

[4] Nghĩa là: khu vườn xảo quyệt

Năm Long Khánh thứ năm, đời vua Minh Mục Tông, Bắc Kinh có một tú tài mười chín tuổi với trí thông minh lạ thường. Khi cùng đi chơi với các bạn học, cậu ta đã gặp một thiếu nữ chừng mười sáu, mười bảy tuổi, hai người liếc mắt đưa tình, tình cảnh giống hệt Trương Quân Thụy gặp phải hồn ma lẳng lơ chết oan của năm trăm năm trước khi ông đang cứu chùa tại nước Tấn. Sau khi trở về, cậu tú tài mắc bệnh tương tư, hằng đêm thương nhớ, chỉ mong sao có thể gặp được nàng. Gia sư của cậu ta là một cử nhân trẻ tuổi, cũng là người rất am hiểu nhân tình thế thái, thầy giáo bèn hỏi thăm tâm tư của học trò, sau đó bảo sẽ giúp cậu tú tài hoàn tất việc này. Anh ta thay học trò viết một bài cầu nguyện, sau đó hai thầy trò đến miếu Thành Hoàng thắp hương. Dừng lại ở đây, chúng ta thật sự chưa nhận thấy điểm gì sai sót ở cậu tú tài, ai ngờ sau khi từ miếu trở về, thần Thành Hoàng nhập vào thể xác của một thầy cúng, tuyên phán với cậu tú tài rằng: “Số mệnh của nhà ngươi năm thứ hai Vạn Niên sẽ đỗ trạng nguyên, hưởng thọ chín mươi tuổi, thầy giáo của ngươi cũng đỗ tiến sĩ năm đó. Nhưng nay ngươi đã bị cắt cái lộc đó, ngươi sẽ chết yểu năm mười chín tuổi, và thầy giáo ngươi cũng bị xử moi ruột mà chết. Tội trạng của ngươi là gì? Đó là ngươi không thông qua “sự cho phép của bố mẹ, và lời người mai mối” mà định yêu đương với con gái người ta!” Quả nhiên, đến ngày hôm sau, cậu tú tài mơ thấy thần Kim giáp tay lăm lăm cầm búa rìu, còn thầy giáo mình đang kêu đau bụng như bị ai cào xé trong đó. Ba ngày sau, cả hai thầy trò cùng bị lấy đi mạng sống. Còn người con gái trên núi đó, có lẽ cũng không nhận được kết quả tốt đẹp gì, bởi chiếu theo lô gic quan phụ mẫu ở “huyện My Ô”, chút “rung động” của Tiểu Phó Bằng sẽ là kết quả “bán lẳng lơ” của Tôn Ngọc Giảo.

Tình cảm nam nữ là thứ tình người căn bản nhất, chỉ có điều bởi có "tà niệm" này mà cả thọ lẫn lộc đều bị tước hết, thay vào đó là "án xử trảm", dụng tâm ở đây là diệt bỏ triệt để tình người. Xem xong câu chuyện này, khi đó tôi chỉ có một suy nghĩ, giữa trời và đất không có địa ngục thì tốt quá, nếu có thì nó chắc chắn do Tiền Hy Ngôn xây dựng nên! Đến cuối triều Thanh, Trần Dị cho rằng mẩu chuyện này có tác dụng đối với lòng người trong nhân gian, quan điểm này được ghi trong tác phẩm *Y viên đàm dị*, còn trong tác phẩm *Đàm dị* lại ngợi ca Đàm Phúc Đường, có thể thấy Tiền Hy Ngôn không thiếu những người có cùng quan điểm. Đừng cho rằng những người này chỉ là những "ông đồ cổ hủ" không thông "đạo lý làm người", như ông Chu Tác Nhân có nói, họ "kìm nén sự thể hiện của bản tính người, nhưng lại đắm đuối theo những ham muốn biến thái", càng là những người dung tục thì càng muốn đóng thành những bậc chính nhân quân tử; Nhưng cái tà niệm trong lòng lại làm cho họ dù có đóng thế nào cũng gượng gạo, cùng lắm cũng là loại quái vật dị hình mất hết nhân tính. Trong *Đàm dị,* Trần Dị từng thở dài rằng, quan phủ trong nhân gian không thể ghi lại hết những hành vi. Ngôn từ, và suy nghĩ của tất cả mọi người trên thế gian. Ông cho rằng sổ thiện ác trong Diêm phủ có tác dụng bổ sung thêm những điểm thiếu sót của dương thế. Người này giữ chức tuần phủ An Huy, Lễ bộ thị lang, xem chừng ông ta rất muốn đưa toàn bộ sự thống trị các đặc vụ của điện Diêm Vương vào trong quan phủ để trị quốc, trị dân. Từ đây có thể suy ra sự thấp hèn về nhân cách, sự thiển cận về tri thức của hắn. Trong tiểu thuyết *Cái nhìn lạnh* cuối triều Thanh có viết, một kẻ tên Trần Lục Chu hằng ngày mặc quần áo của Phật, ăn đồ ăn của Phật, ở cùng với Phật qua ngày - hắn chính là kẻ thấp hèn được nói trên. Tiểu thuyết có nói, cuối cùng hắn chết do ăn linh dược của tiên cơ, điều này e rằng cũng không có căn cứ.

Sau thời Tống - Nguyên, sổ thiện ác của Diêm phủ về cơ bản đã trở thành một đạo cụ biểu diễn thuộc loại cấp thấp nhất của những kẻ ngụy quân tử. Ngay từ thời Nam Tống, quyển sổ thiện ác này đã có một tên gọi khác, tức Diêm phủ có hai quyển sổ thiện và ác, dựa vào từng người để

phân biệt chúng, tức người thiện thì ghi trong sổ thiện, người ác thì ghi trong sổ ác (xem chương *Thử bàn về cung Thái Thanh,* quyển mười sáu, cuốn *Di kiên chí bổ* của Hồng Mại). Đến *Hương ẩm lầu tân đàm,* quyển hạ của Lục Trường Xuân, người đời Thanh lại xuất hiện cách nói "sổ công lao và tội lỗi", tức mỗi người đều lập cho mình quyển sổ thiện ác, ngoài quyển "ghi những bổng lộc nhận được lúc bình sinh", còn có một quyển chuyên "ghi chép những công lao và tội lỗi" của mình. Có người tự nói với Diêm phủ qua quyển sổ cá nhân của mình rằng, hồi nhỏ anh ta lấy trứng rùa làm đồ chơi, một lần do không cẩn thận làm trứng rùa bị vỡ, đây thuộc vào tội sát sinh, người này vô cùng thành thật, đem kể việc "thất đức" nhất cả đời mình cho Diêm phủ biết.

Những người như vậy hiếm nhưng không phải là duy nhất. Chương *Ông họ Thang* trong *Liêu trai chí dị* là bản tự thuật của một "đạo đức gia", cũng rất giống với "bảng công lao và tội lỗi" của những kẻ ngụy quân tử. Trong giây phút cận kề giữa sự sống và cái chết, tất cả những việc thiện và ác xảy ra trong cả đời người đều được trình báo như được phát băng ghi hình vậy. Còn việc "ác" lớn nhất, đáng ghi nhớ nhất của ông họ Thang này lại là "khi lên bảy, lên tám, ông ta đi tìm bắt chim sẻ và đã bắn chết nó". Câu chuyện này được ông ta tự kể sau khi tỉnh lại, cái đạo đức giả của người này được tạo dựng một cách quá mức. Nếu đoạn văn này của Bồ lão tiên sinh không có hàm ý châm biếm đả kích thì quả thật người đọc sẽ thấy ghê tởm khi đọc đến những dòng này.

"Sổ công đức và tội lỗi" của Diêm phủ chính là bản dịch "bảng công đức và tội lỗi" của dương gian. Các nhà Đạo học xin chỉ thị sớm mà báo cáo muộn, hằng ngày đều bỏ ra mấy tiếng đồng hồ tự mình phê phán, tự mình sửa chữa, rồi lại đau khổ tự kiểm điểm, tự phê bình. Đối với xã hội ngày nay, việc này có vẻ khá nực cười, nhưng khoảng bốn mươi năm về trước chúng tôi lại có ý định phổ cập nó ra toàn xã hội, và gần như đã đạt đến cảnh giới "sáu trăm triệu người dân đều theo Đạo học".

Thế là khi nghĩ tới đúng bốn mươi năm về trước, tôi vừa về nông thôn làm thầy giáo (nói là giáo viên cấp hai, nhưng thực chất là "cấp một đội mũ cấp hai"). Đầu tiên tôi tham gia một lớp bồi dưỡng giáo viên. Một giáo viên đứng lên phát biểu, tiêu đề vừa được nói ra đã khiến người nghe thấy giật mình, đó là: "Tôi rất phê bình tư tưởng dâm loạn của mình." Nhưng khi nghe tiếp, chúng tôi dần dần hiểu ra vấn đề, anh ta chỉ muốn kiểm điểm một việc, đó là muốn đổi những cái nơ vải trên quần áo thành những chiếc cúc nhựa mà thôi. Nhưng anh ta nói "nếu có tuấn ý, ắt sẽ có dâm ý" ("tuấn ý" có lẽ chỉ ham muốn yêu cái đẹp? Câu nói đó được đọc theo âm địa phương, cho nên dù đã được nhắc lại nhiều, nhưng tôi vẫn không nghe hiểu, vì vậy tôi bàn gặp riêng người đó thỉnh giáo, vì vậy mới làm tôi nhớ đến tận ngày hôm nay). Sau đó anh ta sử dụng nhiều điều khoản luật mới ban hành lúc bấy giờ để hùng biện cho câu nói của mình, vấn đề này nối tiếp vấn đề kia, cuối cùng anh ta suy ra mình là thành phần hư hỏng phản cách mạng (lúc đó, dù anh có tội phạm gì cũng đều thêm vào đó ba chữ "phản cách mạng"). Sau khi cuộc họp kết thúc, tôi vội vã chào người giáo viên đó, vì tôi e "tên lưu manh đang chờ trợ cấp" này cảm thấy ngại mà thôi. Thực ra là tôi đã nghĩ quá nhiều, bởi người đó không những không tỏ thái độ gì gọi là e ngại, thậm chí anh ta còn đoán rằng lãnh đạo sẽ nhanh chóng bầu anh ta trở thành người phát ngôn điển hình. Có người nói, bài phát biểu đó thực chất là do lãnh đạo lên kế hoạch sẵn, điều này cũng không cần thiết phải trách mắng, bởi mấy chục cuộc thảo luận nhóm lúc bấy giờ đều là ngồi nhìn nhau, yên lặng tới mức khó chịu. Và kết quả sau cùng của những cuộc họp lớn lại là "sự hào hứng", tiếp tục mở các cuộc họp nhỏ, mỗi bài phát biểu đều như bắt đầu "dâm loạn".

Nhưng nếu cho rằng những người dân như chúng ta dễ dàng bị tu thành môn đồ của các nhà Đạo học là điều quá sai lầm. Ở cái thời đại cấm những ham muốn đó, thần kinh của con người trở nên vô cùng nhạy cảm, từ việc bào khoai lát, cho đến diễn kịch, các cuộc họp phê bình và tự phê bình, tất cả đều được người ta liên tưởng, vận dụng đến mức các nhà văn chân chính

cũng phải nể phục. Chỉ một chữ "dâm" đó đã có thể kích thích trí trưởng tượng của mọi người, để rồi từ đó nó không ngừng được phát huy, khai quật. Từ một bữa cơm khoai cơm sắn, cuối cùng có thể được mọi người tưởng tượng thành đại tiệc với tám món mặn và tám món chay. Đầu tiên có người cúi xuống cười thầm, sau đó người khác đứng lên hưởng ứng, thế là dần dần chủ đề chính được dẫn dắt sang tà đạo, được thảo luận sôi nổi hơn, hào hứng hơn. Đúng lúc đó, lãnh đạo sở Giáo dục đến, họ cũng chỉ cười mắng một câu: "Đồ quỷ", để tỏ rõ lập trường không ủng hộ mà cũng không ngăn cấm của mình, nhưng có lẽ trong lòng họ cũng thầm đắc ý bởi bản lĩnh kiểm soát tình hình của mình. Vào lúc này, phía nữ giới có đặc quyền không cần phát biểu, thậm chí họ có thể đỏ mặt rồi chạy ra ngoài chuồn mất cũng không ai thắc mắc gì. Bây giờ nghĩ lại, "nhóm bốn người" chúng tôi thật là ngu ngốc, ngu ngốc ở chỗ chúng tôi thật sự cho rằng cả thiên hạ đều được họ bàn luận thành thật, tư tưởng thống nhất, ai ai cũng trở thành người máy số một, như vậy chẳng phải con người sẽ không biết thế nào là thiên tính, không biết gì là lương tri nữa hay sao? Những điều đó sẽ để lại dấu ấn không dễ phai mờ.

Tiếp tục sự phát triển, có một loại sổ Diêm phủ tên gọi là sổ "Xuất cung khan thư - Đọc sách khi đại tiện"(tức tất cả những người có sở thích "tam thượng" là mã thượng - trên lưng ngựa, chẩm thượng - trên gối, xí thượng - trên nhà xí) đều được ghi vào trong sổ này. Có lẽ quyển sổ này chuyên dùng cho những tên đặc vụ ngồi xổm trong nhà xí để ghi chép, cuối cùng âm ti sẽ dựa theo số lượng những cán gỗ, cán trúc dùng để lau chùi sau khi đi đại tiện của họ để tính tuổi thọ. Chương *Dư thu thất học sĩ,* quyển một, *Bắc đông viên bút lục sơ biên* của Lương Cung Thần có viết:

Diêm Vương cầm sổ sinh tử đọc, Xí phán quan nói: "Tuổi thọ của người này vẫn chưa hết, tại sao lại đưa đến đây?" Phán quan nói: "Người này đọc sách khi đi đại tiện, nên thần đã trừ bớt tuổi thọ của hắn." Diêm Vương cầm lấy quyển sổ, viết lên bìa ngoài bốn chữ lớn "Xuất cung khán thư".

Đọc đến đây, tôi bỗng cảm thấy ngạc nhiên, tuy tôi chỉ có sở thích "một thượng", nhưng nó lại chính là "xí thượng"! Nhưng thiết nghĩ, sở dĩ tôi chưa được tiếp kiến Diên Vương có lẽ vì khi vào nhà vệ sinh tôi chưa từng mang các loại sách thánh hiền vào đọc, cho dù có mang vào tờ báo thì tôi cũng chỉ xem những quảng cáo bán nhà cũ mà thôi. Tuyệt đối không được mang sách thánh hiền vào nhà vệ sinh, điểm này ngay cả những người dân thường ngô nghê, lỗ mãng không cần nghe cũng biết. Tôi thường thấy các đồng nghiệp lo lắng lục lọi trong đống sách, vậy nếu không phải là cấp trên đến kiểm tra thì chắc chắn là nỗi bức bách bên trong cơ thể đang thúc giục, lúc này bạn thử đưa cho họ một quyển sách thánh hiền xem, chắc chắn trăm phần trăm bạn sẽ bị từ chối khéo. Nếu dựa vào trường hợp Gia Cát cung kính trước phân gà và trứng gà, thì những bài văn bày tỏ những tâm đắc về điều đó đương nhiên cũng không được mang vào nhà xí.

Không những thời cổ đại, mà ngay cả những năm tháng "tay không rời sách hồng bảo[5]" khi đi vệ sinh chúng ta cũng thường gặp vấn đề như vậy. Chúng ta cũng đã từng gặp những người một tay giơ cao còn một tay đang làm "công tác vệ sinh", động tác đó tuy không khó, nhưng lại rất khó giữ được lâu, và không phải bất kỳ người bình thường nào cũng có thể bắt chước đạt hiệu quả đến vậy, không khéo lỡ tay sẽ để lại mối hận nghìn thu. Vì khó đến vậy, nên nó trở thành loại khác biệt, mà người kia cứ hễ vào nhà xí là giơ cao tay, khiến cho những người đang đi vệ sinh ở đó cũng phải vội vàng đi theo, rõ ràng người đó đã thành thạo trong việc lôi kéo người khác nhảy vào vùng đất chết. Và thế là có người bày tỏ sự không hài lòng, tiết lộ người đó đang cố ý bảo người khác mang "sách hồng bảo" bỏ vào hố phân. Cũng may mà anh ta xuất thân tốt, lại là người ngay thẳng, tuy lòng người khó đoán nhưng tính tình "chân chất", thôi thì cũng cho qua, nhưng hành động sáng tạo này từ đó không còn xuất hiện nữa. Sau này tôi đến một địa phương ở miền Nam, thấy bên ngoài các nhà vệ sinh công cộng đều đặt một chiếc bàn gỗ, bên trên trải vải đỏ, đồng thời có một từ giấy nhắc nhở màu đỏ, ai có nhu cầu dùng nhà vệ sinh, xin tạm thời đặt "sách hồng bảo" ở đây.

Sự nhắc nhở chu đáo, chân thành này thật khiến người ta cảm động, đáng tiếc khi đó có một số người không kìm nổi sự yêu quý đối với những quyển sách, đã tiện tay lấy mất hoặc nhanh tay dùng sách khác tráo đổi, hiện tượng này xảy ra rất nhiều, khiến chiến lược này chưa thể đạt đến tiêu chuẩn hành vi và quan niệm đạo đức được mọi người công nhận, thật đáng buồn thay!

[5] Sách hồng bảo: sách ghi lại những câu nói của Mao Trạch Đông

Nhưng trong lúc đi vệ sinh người ta vẫn muốn tìm một việc gì đó để làm. Cổ nhân nói "tiện nhân" thường có bốn dáng điệu như sau, đó là ăn thì chậm, đi đại tiện thì nhanh, dễ ngủ say, quần áo lôi thôi", muốn trở thành một người quý phái, ít nhất anh cũng phải ngồi trong nhà xí mười mấy phút. Ở đó mười mấy phút mà không việc gì làm thì quả thực không phù hợp với điều mà cổ nhân răn dạy "quý trọng thời gian", vì thế anh có thể ở đó "tự kiểm điểm, nhắc nhở bản thân", cũng có thể "bồi dưỡng cho mình tinh thần chính trực", cho đến khi dần trở thành người quý phái, tự nhiên anh sẽ hiểu, tính toán kế hoạch tác chiến, xem sẽ xử lý bọn họ như thế nào, thật sự không có nơi nào tốt hơn trong nhà xí. Trong *Hán thư - Cấp Ảm truyện* có nói, Hán Vũ Đế vừa ngồi trong nhà vệ sinh vừa nói chuyện với Đại tướng quân Vệ Thanh Thị Trung bên ngoài, rất tùy tiện thoải mái, còn đối với người thẳng thắn đến mức khó gần như Cấp Ảm, chỉ cần mũ áo của Vũ Đế có chút không chỉnh tề là ngài nhất định không tiếp kiến Cấp Ảm. Các nhà sử học dựa vào đó để chứng mình sự kính trọng của Vũ Đế đối với Cấp Ảm, thực ra đó là một sai lầm, cực kỳ sai lầm. Đối với thừa tướng Tôn Hồng - người tự mình xuyên tạc học thuật của mình - Hán Vũ Đế có thể vừa xách quần vừa ra tiếp kiến, chứng tỏ quan hệ của Hán Vũ Đế với Tôn Hồng thân thiết hơn so với Cấp Ảm. Là người đứng đầu trong triều, Vệ Thanh có vinh dự là người lính duy nhất có thể vào nhà vệ sinh vừa bàn bạc kế sách chiến lược, vừa giúp Vạn Tuế gia "làm công tác vệ sinh" snau khi đi đại tiện, đó mới là sự đãi ngộ của bậc "đại thần cơ mật" thực sự.

Có câu nói rằng: “Vì lãnh đạo làm một trăm việc tốt không bằng cùng lãnh đạo làm một việc xấu”, không biết câu nói này có phải được truyền lại từ thời Hán Vũ Đế hay không, nhưng vào thời Minh chắc chắn đã xảy ra một việc như vậy. Cố Đình Lâm từng trích dẫn như sau: “Người thời đó nói rằng, nếu yêu quý đức vua, quan tướng nghe theo ngài trên triều, không bằng tiếp đón nhau lúc rảnh rang.” Sớm hơn một chút thì có Chu Hy, khi tiếp kiến Tống Hiếu Tông có nói: “NHững kẻ chỉ có một mục đích duy nhất là làm quan thi thoảng đến tìm ta một lần, còn những kẻ yêu quý ta thực sự, cứ khi rảnh rỗi là họ lại tìm đến với ta. Những kẻ sĩ coi trọng lễ tiết, diện mạo thường là những người khó gần, bàn chuyện với họ vừa khó khăn lại vừa khó hiểu, những người dễ gần thường không để ý đến lễ tiết, diện mạo, nhưng vẫn có thể dốc bầu tâm sự. Sự giảo hoạt của bọn quan lại sẽ làm đầu óc ta mê muội, e rằng bệ hạ chưa kịp đưa ra quyết sách xử lý, thì trước đó, Người đã trúng kế của bọn gian thần.” Lời Chu Hy nói cũng cùng một đạo lý như trên.

Đương nhiên, việc gặp riêng lúc rảnh rỗi ở đây vẫn có sự phân biệt về tầng thứ. Chắc là ở chốn quan trường thời xưa có một số bí quyết “không thể tiết lộ cho anh nếu anh chỉ là một người bình thường”, vậy đối với những người thuộc tầng lớp cao hơn, sau khi thăng đường, vào phòng, giả sử bên trên kẻ đó không phải là Võ Tắc Thiên để có diễm phúc được lên giường, thì việc thân mật nhất chỉ có thể là cùng đi vệ sinh thôi nhỉ! Nội dung có phần đi hơi xa, nhưng lại chưa được khảo chứng, vì thế bản thân tôi không dám chắc việc đi vệ sinh là trung tâm của trung tâm chính trị dưới chế độ quản lý của nhà vua, nhưng một số quyết sách tối cao lại được nảy sinh từ nhà vệ sinh, vì thế cũng không thể phủ định hoàn toàn những sự việc trên.

Phần 2

Vẫn bắt đầu bằng Tôn Hành Giả, con khỉ này đã quệt mực lên sổ sinh tử, tiếp đó còn ăn đào tiên của Vương Mẫu nương nương, ăn linh đơn của Thái Thượng Lão Quân, như vậy Tôn Hành Giả quả thật "thị cùng với trời đất, sống cùng với tháng năm". Nhưng lão Tôn lại không ngờ rằng, hóa ra trường sinh bất lão cũng không thoát khỏi bệnh tật, hơn nữa lão Tôn sẽ rất nhanh được nếm trải nỗi khổ đó. Ngọc Hoàng Đại Đế mời Phật Tổ từ Tây Thiên tới, nhốt con khỉ dưới Ngũ Hành Sơn, chỉ cho lộ ra chiếc đầu khỉ. Khi khỉ đói thì cho ăn sắt viên nung đỏ, khi khát cho uống nước đồng nung, gió sương đâm xé da thịt, mưa băng, nắng gắt đốt da đó là chuyện thường tình, còn thả côn trùng chui vào hai lỗ tai, hai mắt, hai lỗ mũi và miệng, đủ để lão Tôn chịu đựng. Lúc này lão Tôn đâu có hy vọng "năm trăm năm sau thành hảo hán", vậy cái "bất tử"của ông đã trở thành "mong chết mà không được", trở thành nỗi khổ hình vô hạn. Vậy là, cho dù lúc đó ông nghĩ những gì, là "không có tự do, thà chết còn hơn", hay là " chết thanh thản còn hơn sống vật vờ", tất cả đều vô dụng, mà mục tiêu khác trong đời người đã được thể hiện rất rõ ràng, đời người không chỉ là dài hay ngắn, mà còn có thêm vấn đề chất lượng, cũng có nghĩa là "chỉ số hạnh phúc". Ai cũng có thể nhận ra rằng, "chỉ số hạnh phúc" của lão Tôn dưới Ngũ Hành Sơn đã hạ thấp đến con số âm.

Đời người - nội dung quan trọng này đương nhiên cũng được thể hiện trong sổ sinh tử. Quan lại trong điện Diêm la dường như cũng rất có ý thức hướng tới tương lai, vì thế họ đã định ra "chỉ số hạnh phúc" cho xã hội loài người và đến nay cũng không hề bị lỗi thời, đó chính là ăn uống, trai gái và thăng quan phát tài. Từ đó các loại sổ thực phẩm, sổ công danh được ra đời.

1

Trong các câu chuyện ma quỷ, ngoài sổ sinh tử, loại sổ được bàn đến khá nhiều đó là "sổ thực phẩm". Sổ thực phẩm là hồ sơ để các quan âm phủ ghi lại tất cả các loại thực phẩm, số lượng thực phẩm mà một người dùng trong

suốt cuộc đời. Một cá nhân được chỉ định có thể hưởng dùng một lượng và chủng loại thực phẩm nhất định, sau khi đã dùng hết, không còn gì nữa, hoặc là bày thức ăn ra trước mặt anh cũng không thể nuốt nổi nữa, lúc này anh không muốn gặp Diêm Vương cũng không được.

Động cơ sáng tạo quyển "sổ thực phẩm" này đương nhiên cũng xuất phát từ thuyết định mệnh. Trong quyển *Tiền định lục* của Trọng Lộ, người thời Đường có ghi, dưới âm phủ có chức quan chuyên quản lý vấn đề thực phẩm trên trần gian, vấn đề thực phẩm của mỗi cá nhân lại được âm phủ quản lý bằng một quyển sổ riêng. Những người có chức quan từ tam phẩm trở lên, thực phẩm hằng ngày sẽ do Diêm phủ cấp phát, chức quan ngũ phẩm trở lên sẽ được cấp phát theo tuần, chức quan từ lục phẩm đến cửu phẩm được cấp phát theo quý, người dân thường không có lộc vị sẽ được cấp phát theo năm. Quy định cấp phát như vậy cũng khá hợp tình hợp lý, bậc quan nhân quý tộc hễ tổ chức ăn uống là coi như tương đương với gia sản của một gia đình trung lưu, làm sao quy ra được số lương thực ít ỏi cả năm của những người dân lao khổ! Nhưng việc cấp phát ở đây lại có một tầng nghĩa khác, đó là số thực phẩm dùng hằng ngày của lớp quan nhân quý tộc đều có quy định, cho dù là bữa ăn giá trị vạn tiền của Nhiệm Khải, hay lối sống xa hoa của Vương Tế, cũng đều được Diêm Phủ sắp xếp, còn đối với tầng lớp thảo dân, cấp cho anh lượng củ cải đường dùng cho một năm, khi bận thì ăn khô, khi nhàn tản thì ăn canh, anh muốn chế biến thế nào đó là việc của anh, có trời mới rảnh rỗi giúp anh soạn thực đơn hằng ngày! Đương nhiên cũng có thể gọi một cách dễ nghe hơn là "sống theo tập thể sẽ thiếu tự do".

Dựa theo những kiến thức trong xã hội loài người, việc này quá hợp tình hợp lý, tuy nhiên nó cũng chỉ là cách nói của riêng *Tiền định lục.* Nếu như việc ăn uống đều phải được sắp đặt trước, Phật gia và chúng sinh bình đẳng với nhau, ngay cả những loài động vật nhỏ bé như chim sẻ, chuột cũng không phải là ngoại lệ, mỗi một đĩa cải, đĩa rau của người dân thường cũng không được ăn tự do. Vì thế, quan điểm thường thấy là không phân biệt

giàu nghèo, trên có Đế Vương, dưới là ăn mày, thực phẩm sử dụng trong cả cuộc đời họ đều được chuẩn bị trước. Nhưng cách nói này cũng phân ra làm hai trường phái, phái không gian và phái thời gian.

Theo quan điểm của phái thời gian, tất cả mọi người trong thiên hạ đều ăn uống theo sự sắp đặt trước, thời gian, địa điểm đều do trời định, ăn ít hay ăn nhiều không phải cứ muốn là được. Mỗi ngày, mỗi bữa ăn những gì, trong sổ thực phẩm đều đã ghi rõ, chỉ định cho anh ăn, anh muốn ăn ít đi một miếng cũng không được, tương tự, chỉ định anh không có phúc ăn uống, dù thức ăn có bày ra trước mặt anh cũng không cho được vào miệng. Trong quyển *Dật sử*, thời Đường có câu chuyện như sau: "Tại huyện Vạn Niên có vị quan bắt trộm họ Lý, một hôm ông tổ chức bữa tiệc chiêu đãi, mời bạn bè tới ăn món cá lát xào tại nơi làm việc. Trong đó có một vị khách bất ngờ đến, chần chừ không chịu đi, rõ ràng là muốn tới đây ăn cơm, nhưng vẻ mặt lại tỏ ra rất kiêu căng, không tỏ ý muốn ở lại. Quan Lý thấy vậy rất tức giận, bèn hỏi người đó có tài năng gì. Người đó đáp: "Ta biết hôm nay ngài dùng những thực phẩm gì." Quan Lý lại hỏi: "Vậy ngươi xem trong bữa cơm ngày hôm nay, những người ở đây ai không ăn được?" Ý ông muốn nói không muốn cho người này ăn. Không ngờ vị khách này mỉm cười đáp: "Trong tất cả những người ở đây chỉ có ngài là không được ăn." Quan Lý nổi giận: "Làm gì có lý đó! Bữa cơm này do ta làm chủ, sao ta lại không được ăn?" Đang nói, quan Lý thấy một người thúc ngựa đi tới, nói Triệu Dẫn đại nhân nơi kinh thành đang cần triệu Lý mỗ gấp. Quan Lý không dám không đi, bèn bảo mọi người ăn trước, còn nhắc nhà bếp để lại cho mình hai đĩa. Rất lâu sau, quan Lý mới trở về, mọi người đều đã ăn xong, trên bàn bày hai đĩa cá để lại phần ông. Vị quan bổ đầu cởi áo ngồi xuống ghế, cầm đũa lên, miệng mắng vị pháp sư vừa rồi, rằng: "Chẳng phải bây giờ ta đã được ăn cá sao, ngươi còn ngồi đây làm gì?" Vừa nói dứt lời, từ trên trần nhà có một miếng vữa to chừng ba mươi centimet rơi xuống giữa bàn, khiến đĩa cá vỡ tan thành từng mảnh, thịt cá và vụn vữa hòa lẫn

vào nhau. Lúc này Lý bổ đầu vẫn cố nén cơn giận, nuốt miếng cá như đang nuốt một cục rác vào bụng.

Tương tự, trong cuộc đời, có lúc muốn không ăn cũng không được. Quyển mười, cuốn *Tử bất ngữ* có ghi lại câu chuyện về một người tuy nghèo khổ nhưng cũng thấy vui, đấy được coi là đại diện cho phái này: "Bờ bắc sông Trường Giang có vị Trương tú tài, mỗi năm anh đều đến Nam kinh dự thi, và đều sống trong chùa Báo Ân. Sau khi trụ trì của chùa là Ngộ Tây qua đời, Trương tú tài cũng tỏ lòng đau xót vô hạn, nhiều ngày bỏ không ôn bài. Năm nay, học trò của Ngộ Tây qua sông tới thăm, nói nằm mơ gặp thầy của mình, bảo ông giục Trương công tử đi ứng thí, nói rằng lần này nhất định Trương công tử sẽ trúng bảng. Trương tú tài nghe vậy vô cùng vui mừng, liền hứng khởi qua sông đi ứng thí. Nhưng khi kết quả được đưa ra, tú tài vẫn "trượt". Trương tú tài vô cùng tức giận, chửi mắng vị hòa thượng nọ, trù cho ông ta chết không được yên. Đêm hôm đó Trương tú tài nằm mơ thấy Ngộ Tây đến nói rằng: "Năm nay Diêm phủ phái lão tăng phân tán chỗ cơm cháo chuẩn bị cho khoa trường. Nhưng một người không tới, lão tăng không biết tống tán chúng đi đâu. Trong đời công tử đã tham gia ba kỳ khoa trường, vậy công tử phải ăn mười một bát cơm và cháo, vì thế ta đã nhờ tên học trò ngu ngốc của ta tới mời công tử đi."

Nếu như ăn cái gì cũng đều do số phận sắp đặt, vậy thì người nào, vật nào bị ăn cũng không ngoại lệ. Cũng có nghĩa là, chỉ cần số phận sắp xếp anh phải làm đồ ăn cho người khác thì anh đừng mong thoát khỏi lưới trời. Bắt đầu từ thời Đường, không ít những câu chuyện đều nói tới những chú cừu, chú dê bị giết lấy thịt, sau đó đến chỗ Diêm Vương kêu kiện, kết quả khi tra sổ âm phủ, thì đó là số mạng đã sắp đặt anh như thế, nên anh phải làm đồ ăn cho vị đại nhân nọ. Vì thế, những oan hồn này cuối cùng lại trở thành những hồn ma gian xảo. Bò dê đã như vậy, vậy nếu là những người dân thì sẽ ra sao? Bò, dê, người dân hiểu được những điều này, thì sự hòa

hợp tốt đẹp giữa âm dương hai giới tất sẽ được bảo đảm, những năm tháng thái bình không địa ngục, không nhục hình sẽ không còn xa nữa.

Còn theo quan điểm của phái không gian, chỉ quản lý vấn đề thực phẩm cả đời của một con người, vậy thì tổng số lượng phải là một số nhất định, thế còn thời gian, địa điểm ăn lại không được quản lý chặt như vậy, cũng có nghĩa là, cho dù là lúc nào, chỉ cần anh ăn hết đồ ăn là được mời đến báo cáo Diêm Vương. Trong *Ngọc đường hiếm thoại* của Vương Nhân Dục thời Ngũ Đại viết, Diêm phủ không những có kho hồ sơ chuyên lưu giữ "sổ thực phẩm" của nhân gian, mà còn có cả một "kho thực phẩm" thực sự. Bất kỳ ai trong đời cần ăn bao nhiêu thực phẩm đều được để trên một mảnh đất trống dưới âm phủ, bên trên có cắm tấm biển ghi họ tên của người đó. Đương nhiên, những chú gà, vịt, bò, dê mà người này phải ăn cũng đều được nuôi ở đó, hơn nữa còn được ghi chú tên chủ sở hữu. (Còn như con bò hoặc con dê này là do mấy người cùng ăn, thì sẽ giải quyết như thế nào? Còn có Vương Tam Tỉ mười bảy năm rưỡi ăn rau dại, lẽ nào cũng có mấy hec ta đất chuyên trồng rau dại dành cho Tam Tỉ? Hơn nữa lại không lo cho chúng?) Trong *Liêu trai* có mẩu truyện *Lộc số viết*, có một kẻ làm quan từng làm rất nhiều việc bất đạo. Một người tu luyện tự xưng có thể biết được tuổi thọ của người khác, nói rằng kẻ nọ chỉ có thể ăn thêm được hai trăm đấu gạo, bốn trăm đấu bột mỳ nữa. Kẻ nọ tính toán lượng gạo và bột mỳ một người ăn một năm không quá hai mươi đấu, như vậy ít nhất mình có thể sống thêm được hai mươi năm nữa, thế là ông ta càng không kiêng kỵ gì. Chẳng ngờ ông ta bỗng nhiên mắc bệnh lạ, một ngày ăn mười bữa, chưa đến một năm ông ta đã ăn hết chỗ gạo và bột mỳ còn lại của cuộc đời mình. Điều khiến người ta không thể hiểu nổi, đó là ông ta đã biết số gạo và bột mỳ là có hạn, thì "tại sao không đi ăn thịt nhỉ?"

Nếu nói rằng phái thời gian nói thay cho giới Phật môn, thì phái không gian lại bị các nhà đạo đức học lợi dụng, vì thế cho rằng âm ti tạo ra sổ thực phẩm, mục đích là khiến con người biết "trân trọng phúc phận" của mình.

Nếu như kiếp này đã có lượng thực phẩm với số lượng cố định, vậy thì anh càng trân trọng thực phẩm thì anh càng trường thọ. Ngược lại, nếu anh lãng phí của trời, tức anh ăn hết chúng sớm, thì đương nhiên anh sẽ rời bỏ thế gian này sớm. Tác phẩm *Lạc thiện lục* của Lý Xương Linh có viết, trong trường Thái học có hai học trò sinh cùng giờ, cùng ngày, cùng tháng, cùng năm, có lẽ số mệnh của họ cũng giống nhau, số lượng thực phẩm bọn họ ăn ít nhiều cũng như nhau. Hai người sau này được làm quan, trong đó một người chết sớm, bèn báo mộng cho người kia rằng: "Trước đây ta sinh ra trong giàu sang phú quý, tiêu dùng quá lãng phí, vì thế mà ta chết sớm. Còn các hạ sinh ra trong hoàn cảnh hàn vi, chưa được hưởng thụ nhiều, vì thế mà vẫn sống." Rồi người đó kết luận rằng: "Con người không nên hưởng thụ và sử dụng quá mức." Câu nói này nghe rất hay, nhưng hai chữ "quá mức" ở đây lại vô cùng linh hoạt, con người mỗi người có một "mức" khác nhau, vẫn còn không gian lớn dành cho các đại nhân và lão gia thả sức xa xỉ.

2

Sổ thực phẩm và sổ sinh tử tạo nên hai loại thước đo, một là lấy thời gian sống làm giới hạn, một lấy số lượng thực phẩm phải ăn trong đời làm giới hạn, người ta nên nghiên cứu xem nên dựa theo tiêu chuẩn nào để kết thúc cuộc đời của mình. Nhưng từ câu chuyện của Lý Xương Linh có thể thấy rằng, nếu như coi sự phóng túng và tiết kiệm thực phẩm là chiếc van khống chế cuộc đời, vậy thì giữa hai quyển sổ này vẫn có thể thông cảm được cho nhau. Nhưng điều này dường như chỉ phù hợp với những người giàu sang phú quý, còn đối với người nghèo, chút thực phẩm đó nếu "trân trọng" một chút thì bụng sẽ lập tức đứng lên đấu tranh, còn nếu làm cho no bụng thì lại đoản thọ. Trong quyển *Chí lâm* của Tô Đông Ba có đoạn viết vui thế này: Nhan Hồi ăn cơm bằng rá, uống nước bằng vầu nên không tránh khỏi cái chết yểu, nếu như ông ta mỗi lần có thể ăn được hai rá cơm, hai vầu nước thì chắc chắn muốn sống đến năm hai mươi tuổi xem chừng cũng khó!

Tuy nhiên, những kẻ giàu sang phú quý lại không muốn "trân trọng phúc phận", cứ mở tiệc rượu là lên tới hàng ngàn, hàng vạn đồng, ăn không hết thì đổ đi, không hề tiếc rẻ. Nếu bạn nói với anh ta rằng, tuy chỗ đồ ăn đó được kê khai vào quỹ công, nhưng lại nằm trong sổ thực phẩm của anh, liệu anh ta có tin không? Anh ta không tin, và người dân thường cũng không tin, rõ ràng là mồ hôi nước mắt của chúng tôi, dựa vào cái gì mà các người tính đó là phúc phận của tôi? Cho đến lúc bệnh gan nhiễm mỡ tìm đến, cholesterol trong máu tăng cao, anh làm điều ác giờ đây bị báo ứng, có lẽ lúc này anh ta mới nghĩ tới việc "trân trọng phúc phận", nhưng cũng như viên quan tham ô, ngồi trong tù rồi mới nghĩ tới "bà con, cô bác nơi quê nhà". Đến lúc này, mệnh trời đã định, anh có điều chỉnh lượng thực phẩm của mình như thế nào cũng vô tác dụng mà thôi.

Tác phẩm *Tuyên thất chí* của Đới Phù có viết, Lý Đức Dục là tướng quốc nhà Đường, bị cách chức đi Lĩnh Nam. Trước khi lên đường, ông hỏi một vị hòa thượng xem liệu ông có được quay trở lại miền Bắc hay không. Vị hòa thượng nói: "Lúc bình sinh, tướng quốc chỉ được ăn một vạn con dê, nay tính ra đã được chín nghìn năm trăm con rồi. Vì thế ngài trở lại miền Bắc là vì vẫn còn năm trăm con dê đang chờ ngài quay trở lại ăn." Ai ngờ vừa nói xong, quan sai của Tiết độ sứ Trấn Vũ trình lên một lá thư, đồng thời tặng cho tướng quốc năm trăm con dê (Khi vị quan sai này xuất phát chắc chắn vẫn chưa nhận được tin Lý Đức Dục đã bị giáng chức.) Lý Đức Dục vô cùng kinh hãi, nói với hòa thượng rằng: "Ta không ăn chúng, như vậy chắc có thể tránh được chứ?" Hòa thượng đáp: "Dê đã được đưa đến nơi này, chúng đã thuộc quyền sở hữu của tướng quốc, ăn hay không thì chúng cũng đã được ghi dưới tên của ngài rồi." Vì thế, Lý Đức Dục giáng chức đi Triều Châu, sau đó đi Nhai Châu, và trút hơi thở cuối cùng tại một nơi hẻo lánh của tỉnh Hải Nam. Cũng một câu chuyện đại loại như vậy, *Dung ảm bút ký* của Tiết Phúc Thành kể, có người lúc bình sinh rất thích ăn vịt, mỗi bữa đều phải giết một con làm thịt ăn. Một ngày, anh ta nằm mơ thấy mình lạc tới một đầm nước. Trong đầm nước có một đàn vịt béo đang bơi lội, người

trông vịt nói: “Đàn vịt này là để cho ngươi ăn!” Lúc tỉnh dậy người này tự cảm thấy rất vui, và giết vịt ăn một cách vô độ. Nhưng về sau anh ta lại mơ thấy mình đến đầm nước nọ, lúc này số vịt trong đầm còn lại không nhiều. Sau khi tỉnh lại, anh ta vội vã lệnh cho người nhà không được giết vịt nữa. Thật trùng hợp, không lâu sau anh ta mắc bệnh nằm liệt giường, họ hàng, bạn bè đến thăm nom, ai đến cũng mang cho anh một con vịt đã được làm chín. Anh ta đếm, trùng khớp với số vịt mà anh đã thấy trong mơ, vừa ngạc nhiên vừa sợ, rồi đột nhiên anh ta kêu lên một tiếng buồn bã. Thường ngày thích ăn thứ đó, bỗng nhiên bị cấm không được ăn, thói quen đó làm sao có thể thu lại được. Xem ra phái không gian cuối cùng cũng vẫn phải quy thuận phái thời gian, càng nhiều càng khó tránh (chết sớm).

Tiết kiệm ăn uống có thể giảm béo, nhưng có thể cứu được mạng sống hay không thì rất khó nói. Nhưng nếu không muốn sống nữa, anh cứ việc ăn nhiều, uống nhiều, cho dù không đạt đến cấp độ căng bụng mà chết, nhưng việc giảm thọ sẽ có khả năng thành công rất lớn. Nhưng có kẻ nào khờ khạo đến vậy không? Đương nhiên là có, hơn nữa, chưa hẳn tất cả đều là những kẻ khờ khạo. Bậc đại hiền như Tín Lăng Quân - Tứ công tử thời Chiến Quốc đã từng dẫn quân binh năm nước đánh bại quân Tần, lập công lớn gây chấn động các bậc đế vương, bị kẻ xấu lên kế hoạch hãm hại, đồng thời bị giáng chức. Từ đó, ông “ngày đêm rượu chè, khách khứa, ham vui tửu sắc”, chỉ trong bốn năm ông mắc bệnh nặng mà chết. Tín Lăng Quân chết được mười tám năm thì nước Ngụy suy vong, giang sơn chuyển sang quyền cai quản của nhà Đại Lương. Đó là hậu quả mà Tứ công tử nước Ngụy cho dù chết sớm cũng không mong được chứng kiến.

Có lẽ mọi người cho rằng câu chuyện ở đây không hề nhắc tới sổ thực phẩm, vậy thì tôi lại kể đến một sự việc khác. Tuy chỉ là một câu chuyện, nhưng nhân vật trong đó là có thực, rõ cả họ cả tên.

Câu chuyện được kể trong *Tử bất ngữ* xảy ra vào năm Khang Hy. Huyện lệnh huyện Thạch Khang là Uông Dĩ Hân, có người bạn thân họ Lâm. Lâm Mỗ chết sớm, sau đó được làm thần thổ địa vùng Thạch Khang. Hai người tuy âm dương cách biệt nhưng hằng đêm họ vẫn gặp nhau trong mơ, vui vẻ như khi còn sống. Một đêm, Lâm thổ địa nói với Uông Dĩ Hân rằng: "Nhà huynh gặp nạn, đệ không dám không nói cho huynh biết, trời định mẫu thân của huynh bị sét đánh chết." Uông Dĩ Hân kinh ngạc, kêu khóc van xin Lâm Mỗ cứu mẫu thân mình. Nhưng Lâm thổ địa nói: "Đây là cái nghiệt của kiếp trước, đệ chỉ là một viên quan nhỏ, làm sao có thể cứu được?" Uông Dĩ Hân vừa khóc vừa van xin, Lâm Mỗ nói: "Chỉ có một cách, huynh nhanh chóng tận hiếu đạo làm con, tất cả những đồ ăn, đồ uống, chăn màn, quần áo thường ngày bà dùng, tất cả chuẩn bị gấp mười lần bình thường, huynh chịu lãng phí một chút, như vậy tất cả số lộc trong đời cụ đã hưởng hết, lúc đó cụ sẽ ra đi, huynh có thể tận hiếu đến việc cuối cùng, khi đó Lôi thần có đến thì cũng chẳng có việc để làm nữa rồi." Uông Dĩ Hân làm đúng theo lời Lâm thổ địa, quả nhiên đã tiễn mẫu thân của mình lên đường sớm. Ba năm sau, trong một trận mưa gió bão bùng, Lôi thần ghé thăm nhà Uông Dĩ Hân, một tia điện cứ lia vòng quanh chiếc quan tài bà cụ đang nằm, mùi sulfur bốc lên nồng nặc khắp nhà, nhưng không tìm thấy mục tiêu, tia sét đó không đánh xuống được. Lôi thần không biết phải báo cáo với Diêm phủ thế nào, đành giáng xuống phá tan ngôi nhà rồi đi, tượng thần thổ địa bị đánh cho nát vụn,

Tận hiếu là một phẩm chất tốt đẹp, nhưng không nên tận hiếu đến quá mức, phá hoại thiên vật để mang danh tận hiếu, như vậy lại thành mang cái chết đến nhanh, hiển nhiên không thể chọn phương án này được, trừ phi chết muộn hơn nhưng phải chịu bị sét đánh. Nhưng từ đó chúng ta cũng phải nghĩ rằng, tự tìm đường chết để tránh né sự trừng phạt của trời, cũng có thể coi đó là kế sách hay giúp đưa lũ dân tặc ngu ngốc vào nhà đá.

Vũ An Hầu Điền Phẫn sau khi chết không lâu, vụ việc ông câu kết với Hoắc Nam Vương bị bại lộ, Hán Vũ Đế căm hận nói rằng: "Tiếc là hắn chết sớm, nếu không ta sẽ diệt cả dòng tộc nhà hắn!" Có lẽ vào thời bấy giờ, người chết rồi sẽ được miễn sự truy cứu của pháp luật. Vì thế, một số tham quan khi có dự cảm sự việc không được thuận lợi, bọn chúng sẽ "hi sinh vì nhiệm vụ" trước, như vậy không những bảo toàn được số tiền đã tham nhũng và cuộc sống hạnh phúc của người thân, mà bản thân mình còn được truy điệu tử tế. Người dân nói: "Không phải không báo ứng, mà là thời điểm chưa chín muồi." Nhưng nếu không đợi thời điểm đến mà hắn đã trốn thoát, vậy anh còn báo ứng cái gì đây? Vì thế, kẻ tham quan sáng suốt tốt nhất là hãy biết "chọn ngày mà chết", chỉ cần chú ý đừng chết trên giường của gái điếm trong khách sạn là được, thông thường trường hợp đó không thể gọi là hi sinh trong lúc thi hành nhiệm vụ được, mặc dù "nghề" của hắn vốn là làm những việc như vậy.

3

Gần giống với sổ thực phẩm là sổ lợi lộc, có điều, sổ thực phẩm chỉ giới hạn trong nội dung ẩm thực, còn sổ lợi lộc lại bao gồm tất cả thu nhập trong đời, không chỉ có tiền lương, lương thực được cấp phát, mà cả những khoản tham ô, bóc lột của quan lại, thổ phỉ cũng nằm trong đó, chỉ cần anh không bị tóm và nôn chúng ra. Nói rằng mỗi người đều có một quyển sổ này, nhưng thực ra nó chẳng liên quan gì đến người nghèo, hỏi "lợi lộc" của người nghèo chẳng khác nào anh tìm ăn mày đòi danh thiếp, như vậy có khác nào anh định lấy họ ra làm trò cười. Nhưng Diêm phủ lại khăng khăng đòi bình đẳng, có tiền hay không có tiền đều phải ra ngân hàng lập một tài khoản, thôi thì đành vậy, chỉ có điều sổ tiết kiệm của người nghèo cũng chỉ là những phiếu cơm bắt buộc phải tiết kiệm mà thôi.

Lộc có hai loại, cũng có thể nói là ba loại, đối với quan thần thì là "lộc quan", là lượng thóc gạo, vàng bạc do triều đình cấp, đối với người bình

thường thì nó là "lộc lãi", nếu ngay cả "lộc lãi" cũng không có thì chỉ có "lộc ăn uống" - là những phiếu ăn. Nhưng trong sổ Diêm phủ, lộc quan không được sạch sẽ như bảng lương hằng tháng, mà tất cả những khoản thu nhập đen, bao gồm các nguồn thu phi pháp như tiền hối lộ, quà tặng, cướp bóc, chỉ cần "đời anh nên có" thì chắc chắn chúng sẽ được ghi vào sổ này. Về mặt pháp luật ở dương thế, chúng được coi là bất hợp pháp, chỉ cần âm phủ ghi án vào sổ lợi lộc, "số mệnh được chỉ định", thì đó không những hợp lý mà còn hợp pháp, hơn nữa đó còn là cái mà thần thánh không thể xâm phạm, bởi "mệnh" là thứ ông trời đã an bài mà không ai có thể can thiệp được. Trong chương *Núi phá tiền*, quyển *Âm sơn bát cảnh*, tôi đã từng nói tới câu chuyện giữa Lô Hoài Thận và Trương Thuyết, Diêm phủ đã mở một xưởng đúc tiền dành riêng cho Trương Thuyết, vậy anh có thể nói những khoản thu nhập đen này là không hợp pháp ư? Vì vậy, nhìn thấy người ta vàng bạc, của cải đầy cửa, núi vàng, núi bạc lần lượt khuân về nhà, thì những người dân thường chúng ta tốt nhất đừng nên than thở gì, càng không cần đem luật pháp dương gian ra để nói, chỉ cần nhớ rằng, đó là số mệnh của người ta! Đây chính là chân lý mà "sổ lợi lộc" muốn nhắc nhở chúng ta.

Đương nhiên, không chỉ hiện nay, mà ở thời cổ đại, những tên tham quan cỡ lớn chỉ là thiểu số, bởi mồ hôi xương máu của người dân là có hạn. "Đi ngàn dặm để nhận chức quan, cũng chỉ vì vấn đề ăn mặc", làm quan là bát cơm của người đọc sách, vì thế làm quan sớm hay muộn, quan to hay quan nhỏ, giữ chức lâu hay chỉ tạm thời, cuối cùng cũng quy kết về một chữ "lộc". Nói ngược lại cũng vậy, sổ lợi lộc chính là quyển sổ ghi lại hành trình phía trước của những kẻ làm quan.

Trong những cuốn tiểu thuyết, người ta chưa xác định các danh mục của sổ lợi lộc, có quyển ghép lợi lộc và tuổi thọ lại cùng nhau để bàn luận, rồi gọi chung là "sổ lộc thọ". Chương *Trong ruộng có chôn tiền*, quyển mười, cuốn *Di Kiên chí bổ* của Hồng Mại viết, huyện Thụy An - Ôn Châu có

người thợ mộc tên Vương Tuấn, năm đó mười bảy, mười tám tuổi. Một hôm, cậu ta nằm mơ thấy mình đi vào phủ quan, gặp quan âm phủ đang ôm hồ sơ đi qua. Vương Tuấn liền hỏi, viên quan đó đáp: "Đây là sổ lộc thọ của người trần thuộc sự quản lý của ta." Mà huyện Thụy An lại vừa đúng nằm trong sự quản lý của ông ta. Thế là Vương Tuần van xin mãi, mong được biết những gì mình được hưởng trong đời. Sau khi lật tìm, viên quan âm phủ để cậu ta xem, bên trên viết: "Ruộng không quá sáu mươi mẫu, thọ không quá tám mươi tuổi."

Dựa theo quyển sổ đó, lộc và thọ đi cùng với nhau, đây là kiến thức mà người thường nào cũng biết: người chết rồi, tiền lương hay tiền dưỡng lão sẽ không được cấp phát nữa. Nhưng rất ít người có "tư duy ngược chiều" như vậy, nếu dứt khoát không lĩnh nhận khoản tiền lương mà mình được phép có trong đời, thì có phải sẽ kéo dài tuổi thọ, thậm chí có thể không chết hay không? Và thế là có người thông minh biết trước số lương thực của mình lúc bình sinh là có hạn, bèn dùng cách tẩy chay các khoản lộc mà mình được hưởng để kéo dài tuổi thọ. *Di kiên chi chí đinh tập,* quyển một có câu chuyện như sau: "Quách Đại Nhiệm nhận lệnh tới làm tri phủ huyện Vu Tiềm, Hàng Châu. Trước khi đi nhậm chức, ông nằm mơ có người đến đưa cho ông một trăm quan tiền và một thưng gạo, nói rằng: "Lộc khoa của lão huynh lúc bình sinh chính là đây." Sau khi tỉnh dậy, Quách Đại Nhiệm tỏ ra buồn rầu, nếu như lộc ta được hưởng chỉ ít như vậy, chẳng khác nào vừa nhận chức đã chết hay sao, vậy tiền đồ của ta còn gì nữa đây? Thế là ông ta thà chết chứ không chịu đi nhận chức. Ông ta không nhận phần bổng lộc này, và đương nhiên cũng không chết được, cứ như vậy nhiều năm trôi qua. Nhưng về sau, triều đình điều tra ra việc đó, lại bổ nhiệm cho Quách Đại Nhiệm làm huyện lệnh huyện Kiến Đức, Nghiêm Châu. Vốn là một thư sinh nghèo, lúc này kinh tế gia đình đang eo hẹp, người nhà cầu xin ông đi nhận chức để giải quyết tình hình túng thiếu hiện nay, đương nhiên không phải chỉ vì "một trăm quan và một thưng gạo" phần bổng lộc hàng tháng. Quách Đại Nhiệm đành chấp thuận, sau khi nhận chức, lần đầu tiên ông

nhận "một trăm quan và một thưng gạo", nhưng trước ngày phát bổng lộc của tháng thứ hai một ngày, Quách Đại Nhiệm đã qua đời.

Có thể thấy, chỉ cần Quách Đại Nhiệm không lĩnh khoản bổng lộc "một trăm quan và một thưng gạo" đó thì ông ta có thể sống mãi mãi. Như vậy, Quách Đại Nhiệm quá vớ bở rồi còn gì! Nhưng ông trời không dễ bị chơi khăm như thế, bởi đến khi nhà túng đến mức không có gì ăn, anh không lĩnh khoản lộc quan đó thì cũng vẫn chết vì đói mà thôi, do vậy, cuối cùng Quách Đại Nhiệm vẫn phải đi nhận chức quan. Nói mãi, cuối cùng vẫn không thoát khỏi cái "mệnh".

Hơn nữa còn có cách nói rằng, nếu giữ chức quan mà chỉ ăn không ngồi rồi thì tuổi thọ của người đó cũng bị quan dưới âm ti cắt bớt, giống như Quách Đại Nhiệm trốn ở nhà không đi nhận chức, không khéo đến một ngày nào đó, ngay cả khoản bổng lộc "một trăm quan và một thưng gạo" cũng bị bốc hơi mất. Điều này cũng có câu chuyện để chứng minh. Trong *Bắc đông viên bút lục tục biên* của Lương Cung Thần, quyển năm có chương *Dung sư chiết lộc,* đây là chương ghi lại câu chuyện tách rời thọ và lộc: "Huyện Ngân tỉnh Chiết Giang có một người học trò, viết văn cũng khá nhưng luôn lận đận lúc khoa cử. Một ngày, anh ta nằm mơ thấy mình xuống âm phủ, ở đó anh gặp một viên quan nhỏ, người đó lại chính là người bạn đã mất của mình. Thế là anh ta liền hỏi dò số công danh bổng lộc của mình ra sao. Viên quan kiểm tra trong sổ âm phủ, rồi nói: "Thọ của huynh chưa hết nhưng lộc thì đã hết rồi, không lâu sau huynh sẽ được ghi vào danh sách chết, còn trông mong gì về công danh nữa!" Người này nói: "Thường ngày ta chỉ biết dạy học kiếm sống, càng chưa từng phung phí quá mức bao giờ, vậy tại sao lộc của ta lại hết trước?" Quan âm phủ thở dài, nói: "Huynh nhận tiền học phí của người ta mà lại dạy dỗ qua loa, không nghiêm túc. Theo luật pháp âm phủ, ngồi mát ăn bát vàng, không làm đòi hưởng lợi thuộc vào tội lãng phí, bị phạt trừ hết mọi bổng lộc mà người đó được hưởng, để bù vào những gì anh lấy không của người khác. Người có bổng

lộc làm quan thì cắt bổng lộc, người không có lộc làm quan thì cắt lộc ăn uống.” Quả nhiên không lâu sau, vị thư sinh này mắc chứng nghẹn khi ăn, không nuốt được gì hết, lúc này dù tuổi thọ của anh chưa hết thì anh vẫn không thể không chết.

Nhưng những chuyện đó đều là việc của người dân không có lộc quan, còn những kẻ gian ác số một như Tần Hội lại không thấy Diêm phủ động đến một sợi lông chân của ông ta, hằng ngày ông ta vẫn ăn no ngủ say, khi chết được chết tại nhà. Nhưng nói đi thì cũng phải nói lại, có thể Tần Hội lại chính do ông trời phái xuống để thực hiện nhiệm vụ đặc biệt cũng nên. Vì thế, đừng ai nghĩ có thể tìm ra lỗi của ông Trời. Đặc biệt là luật trời, “người có lộc quan thì cắt lộc quan, người không có lộc quan thì cắt lộc cơm”, nó cũng giống như ở trần gian, quan chức là mạng sống thứ hai của con người, quan càng cao thì “mạng sống” giữ được càng nhiều, tương tự trong trường hợp phạm tội, quan cao thì bị giáng chức, quan thấp thì bị cách chức, còn đám dân thường chúng ta không có chức tước thì đành phải để anh bạn dùng để ăn cơm kia nghỉ hưu sớm mà thôi. “Anh bạn” ở đây là đầu hay là bát cơm thì kết cục cũng như nhau cả, chỉ có điều, nó có sự phân biệt nhanh tức khắc hay từ từ mà thôi, vì thế ít tham gia vào việc của người khác thôi, từ câu chuyện này chúng ta chỉ cần lĩnh hội được rằng, thọ và lộc luôn tương thông với nhau, hết thọ thì lộc cũng tự hết, mà hết lộc thì muốn sống cũng không được, dân thường chúng ta phải biết nắm chặt lấy bát cơm đó của mình.

Ngoài ra, giống như việc có sổ thực phẩm lại có “kho thực phẩm”, dưới cõi âm, ngoài “sổ lợi lộc” ra còn có “kho lộc tài”, tương ứng với sổ lợi lộc. Quyển *Khuê xa chí* của Quách Thoán có câu chuyện như sau: “Huyện Giang Sơn, Cù Châu có người họ Mao, một hôm ông mơ thấy mình lạc xuống âm phủ, quan âm phủ dẫn ông ta tới một nơi, ở đó có hai dãy nhà lớn, bên trong đầy tiền, nhưng bên trong lại lấy chức quan của từng người làm mốc đánh dấu, hóa ra đây là bổng lộc của các quan trên trần gian.

Những khoản tiền này đều có hạn định. Thử nghĩ, nhân vật có cấp bậc như Hòa Thân sợ phải xây dựng một nhà kho riêng để chứa bổng lộc của hắn. Diêm phủ phải đặc biệt mở một trăm chiếc lò rèn ngày đêm không ngừng đúc tiền, như vậy cũng chưa chắc đã theo kịp tốc độ nhận quà cống tặng của hắn ở dương gian."

4

Âm phủ có sổ sách ghi lại công danh khoa cử của con người, danh mục cũng không xác định. Trong *Di kiên giáp chí,* quyển mười tám, chương *Dương Công Toàn mơ gặp cha* gọi loại sổ đó là "sổ văn", còn trong *Tử bất ngữ* của Viên Mai, quyển mười một, chương *Thú dân sách* lại gọi là "sổ khoa giáp". Tiếp đến, ngoài danh mục thứ tự khoa cử như "Đỉnh giáp", "Tiến sĩ hiếu liêm", "Minh kinh tú tài" ra, còn có sổ "Tú dân" được coi như một sự sáng tạo mới lạ. Gọi là "Tú dân", tức chỉ những người có học vấn mà không có bổng lộc, học vấn rộng, viết văn hay, nhưng không có duyên với khoa bảng, và tất nhiên không được hưởng lộc quan rồi. Tuy Diêm Vương nói: "Người trần coi "Đỉnh giáp" là số một thì trên trời coi "Tú dân" là số một", nhưng số một trên trời không thực tế bằng chiếc bánh ngô dưới hạ giới, vì thế, vị học trò giữ vị trí đầu tiên trong sổ "Tú dân" rất tỉnh táo, không hề hứng thú với chiếc đầu rùa trên trời chút nào.

Bởi công danh chốn khoa trường do Diêm phủ quyết định, vì thế vào thời Đường, mỗi đêm trước ngày công bố bảng vàng, Diêm phủ lại phái các quan đưa danh sách tới những nơi tổ chức thi cử. Việc giao nhận giữa âm dương hai giới có phần rất bí ẩn, quan âm phủ mang công văn tới trường thi, đương nhiên các quan chủ khảo không nhìn thấy quan âm phủ, cũng không nhìn thấy công văn, nhưng không hiểu làm sao mà các quan chủ khảo bỗng xúc động, họ lĩnh hội ý chỉ từ phía âm phủ một cách không so đo thắc mắc, dù nội dung những bài thi được xem như thế nào, nhưng căn cứ để điền tên lúc đó hoàn toàn là do thiên ý. Tác phẩm *Tục huyền quái lục* của

Lý Phức Ngôn, người thời Đường có kể câu chuyện thuộc thời vua Đường Đức Tông: “Lý Tuấn thi tiến sĩ nhiều lần không đỗ, năm nay Lý Tuấn nhờ người bạn cũ của mình là Bao Cát - giữ chức Quốc tử tế tửu (chủ quản Quốc tử học) giúp đỡ, cũng coi như đã chạy được qua cửa quan chủ khảo. Trước ngày phát bảng, quan quản lý định mang danh sách những người trúng bảng báo lên tể tướng. Hôm đó vừa qua canh năm, Lý Tuấn liền chạy tới nhà Bao Cát hỏi thăm tình hình, giờ này cửa trong vẫn chưa mở, Lý Tuấn bèn đứng bên ngoài chờ đợi. Bên cạnh có quầy bán bánh ngọt, lại có một viên thư lại ở đó, viên thư lại này nhìn như người từ nơi khác tới kinh thành đưa công văn, hắn nhìn chằm chằm vào chỗ bánh ngọt mà nuốt nước miếng. Lý Tuấn thấy đáng thương, bèn mời hắn ăn một bữa no say. Viên thư lại rất cảm kích, bèn nói: “Nói thật, ta là quan lại dưới âm phủ, được cử tới đây đưa danh sách kết quả thi tiến sĩ. Có phải huynh đang đợi thông tin này không? Danh sách những người đỗ bảng ở đây, huynh cầm lấy mà xem.” Kết quả khiến Lý Tuấn kinh ngạc, trên bảng vàng không hề có tên anh ta, hóa ra người khác có quan hệ còn ghê gớm hơn anh ta, đá anh ta ra khỏi danh sách. Nhưng quan hệ có ghê gớm cỡ mấy cũng không bằng có sự ra tay trước của viên thư lại dưới âm phủ, Lý Tuấn bỏ thêm ít tiền, quả nhiên khiến viên thư lại này sửa tên người trúng tuyển thành tên Lý Tuấn trên bảng vàng. Tất nhiên, danh sách của âm phủ là không có thực, danh sách do chủ quản viết vẫn cần có người sửa chữa, nhưng nếu như danh sách của phía âm phủ đã được sửa lại, thì coi như đã thông qua được cửa quan chủ quản, danh sách phía dương gian muốn sửa cũng không được.

Nhưng như vậy, lẽ ra mười năm sau Lý Tuấn mới đỗ bảng vàng thì giờ đây đã được làm tiến sĩ trước, điều này chẳng phải đi ngược lại với "định mệnh" sao? Không hẳn thế, bởi "định mệnh" ở đây chính là do "Diêm phủ quyết định", bàn tay của âm phủ sẽ quyết định tất cả. Ngày nay chẳng phải ta vẫn có câu: "Tháng Sáu học sinh thi, tháng Bảy phụ huynh thi" sao? Vậy thì phải xem những bậc phụ huynh này có qua được kỳ khoa cử của Diêm phủ hay không!

Không chỉ kỳ thi tiến sĩ, mà cả thi cử nhân, tú tài, thậm chí cả các kỳ thi tuyển học trò tại các phủ huyện cũng đều do thiên mệnh sắp đặt, đều được ghi vào sổ âm phủ. Những câu chuyện về đề tài này có quá nhiều, chỉ riêng trong *Liêu trai chí dị* đã có vài chuyện, nếu kể ra sẽ khiến mọi người mất hứng, khiến các bậc anh hùng trượt bảng vàng khó tránh khỏi thốt lên một câu rằng: "Nếu sớm biết như vậy thì có phải đã tốt hơn không!" Nhưng thực ra những câu chuyện này đa phần viết về những bậc anh hùng rớt bảng, chúng ta có nói, có kể cũng là để tự an ủi mình phần nào.

Cuối cùng ta bàn tới một cơ quan khác của cõi âm, đó là "Phòng mũ ô sa" - chuyên quản lý mũ ô sa của dương gian. Tác phẩm *Canh tỵ biên,* quyển hai, chương *Thích biên tu* của Lục sán, người triều Minh có ghi lại những việc Thích Lan nhìn thấy khi đi xuống âm phủ thời trẻ. Thích Lan lâm bệnh mà chết, rồi xuống âm phủ, nhưng hóa ra lần này Diêm phủ lại hồ đồ bắt nhầm người, thế là phải trả Thích Lan trở lại dương gian. Trên đường gặp trận mưa rào, tất cả bèn đi vào ngôi chùa Phật trên đường tránh mưa. (Rất ít tài liệu ghi phía dưới aa6m phủ cũng có mưa, có chùa chiền, vì thế tôi đặc biệt chú ý đến điểm này.) Đi vào phòng đầu tiên, trên nền nhà đều là khung cốt của mũ ô sa, Thích Lan đưa tay định cầm lên nhưng không thể di chuyển được nó. Lúc này, người bên cạnh mới nói: "Những cái này không liên quan đến ngươi, cái của ngươi ở đây cơ." Nói rồi người đó chỉ cho Thích Lan thấy, Thích Lan đưa tay nhấc nó lên, quả nhiên khẽ đưa tay đã nhấc được, bên phía trong cốt mũ có hai chữ "thất phẩm". Quả nhiên sau

này Thích Lan làm đến chức quan Biên tu tại Hàn lâm viện thì qua đời, vừa đúng là chức thất phẩm. Trong tập khác của quyển *Canh tỵ biên* còn nói, Thích Lan sau này trở thành thủy thần ở hồ Bà Dương, không biết đó là chức quan mấy phẩm, cho dù là "thần thông minh chính trực", chắc chức vị cũng không cao lắm. Nhân vật sau khi chết trở thành thần, lúc sống chẳng qua cũng chỉ là một viên quan nhỏ bé, có người nhìn thấy trên đầu lợn, đầu chó có đội mũ san hô, mũ lông công, bèn giận dữ than trời bất công, có cần thiết như vậy không nhỉ?

Những câu văn vụng về đến đây cũng nên được kết thúc, nhưng phần kết không tránh khỏi cảm giác khô khan, cứng nhắc. Cũng may hôm đó gặp mấy người bạn, rồi cùng bàn về "sổ âm phủ" và "sổ dương gian", sổ nào "thắng thế" hơn. Một người bạn bèn nói: "Anh nói rằng sổ âm phủ "giống ở dương gian", thậm chí còn phúc tạp và nghiêm ngặt hơn so với dương gian, tôi cho rằng chưa chắc. Để tôi kể cho anh nghe về quyển "sổ dương gian" mà tôi đã tận mắt nhìn thấy, trong các loại sổ âm phủ mà anh biết chưa chắc đã có." Sau khi anh bạn kể xong, tôi thử quy nó vào loại "sổ sinh tử", thấy không thỏa đáng, quy vào "sổ thực phẩm" cũng không phù hợp. Nay tôi xin thuật lại câu chuyện đó phía dưới, xin quý độc giả phân loại giúp. Tuy ở đây có chút trật thứ tự, nhưng nó cũng chính là lối "không có căn cứ".

Bỉ nhân theo học một khoa,làm quan năm mươi năm nay, lộc thu về đương nhiên cũng có, nhưng xem ra vẫn chưa đủ để gia nhập bảng xếp hạng đại gia tại các trường đại học bây giờ. Nhưng khoa chúng tôi cũng có những sự tích đủ để lưu danh thiên cổ, tuy không đến mức kinh thiên động địa, nhưng đôi khi cũng khiến quỷ thần phải rơi nước mắt. Người xưa nói: "Thà làm miệng gà, chứ không làm đuôi trâu." Người nay nói: "Không sợ Xuy Phá Thiên[6], tôi có một chiêu riêng." Sự việc tuy nhỏ nhưng cũng không phải là không thể gia nhập *Vô song phổ*[7]. Có điều đáng tiếc là, hiện nay, tuy hầu hết các trường đại học danh tiếng đều đã viết lịch sử trường, nhưng

không hiểu vì ai mà người viết kỵ húy không viết những điều như vậy vào quyển "chính sử" của họ.

[6] Tên nhân vật biểu diễn của diễn viên xiếc nổi tiếng Hà Thụ Sâm.

[7] Quyển sách tổng hợp thơ, văn, hình ảnh của bốn danh nhân nổi tiếng thời xưa của Trung Quốc là Hạng Vũ, Tô Vũ, Lý Bạch, Tư Mã Thiên.

Đó chính là vào thời kỳ đấu tranh giai cấp gay gắt, còn khoa chúng tôi lại luôn có thể tạo ra sự thực để luận chứng cho chữ "gay gắt" này. Tôi xin lấy tài liệu tại chỗ luôn, tài liệu ở đây chính là những sinh viên không cần bỏ tiền mua chỗ ngồi trong trường học, bình quân mỗi năm có thể gây ra hai vụ "phản động", hơn nữa chủ đề luôn thay đổi theo thời gian, bắt kịp với sự thay đổi của tình thế. Ví dụ, thời kỳ 1963 -1964, đây là thời kỳ "phản đối chủ nghĩa sửa đổi", năm đó những sinh viên trúng tuyển có đặc điểm là thích chạy dài và học tiếng Nga, hai môn học này đủ để giúp họ đào tẩu sang biên giới Trung - Xô (Nga). Chủ đề của giai đoạn 1964 - 1965 là "tính phức tạp của cuộc đấu tranh giai cấp", thế là năm đó, bí thư chi bộ Đoàn của lớp sinh viên tốt nghiệp lập tức rơi vào sa đọa, còn kẻ tay chân không được sạch sẽ cho lắm đã được giai cấp vô sản chúng tôi cứu vớt, trở thành ngôi sao chính trị cấp khoa. Đến nửa cuối năm 1965, chúng tôi gia nhập lớp "sinh viên chuẩn bị tốt nghiệp", chủ đề tuy vẫn chưa rõ ràng, nhưng kẻ xử lý và kẻ bị xử lý đều thấy căng thẳng trong thầm lặng. Lúc này, có một sinh viên bất ngờ gia nhập Đảng. Dùng từ bất ngờ là vì, thứ nhất thư ký chi bộ Đoàn là lớp trưởng còn chưa vào Đảng, mà người này rõ ràng thuộc loại "siêu đẳng" rồi, hai là người này lại ngầu như Thổ Hành Tôn trong "bảng Phong Thần" mà Thẩm Mạn Vân đã vẽ, thường ngày luôn miệng nói cười, vui vẻ làm trò gây cười cho người khác, thật không hiểu, rốt cuộc cấp trên thấy được điểm gì ở cậu ta nhỉ? Lúc đó nghĩ lại, mọi người mới nhớ ra cậu ta thường lén lút ghi chép cái gì đó vào vở, nhìn thấy người khác đi tới là vội vã giấu ngay. Có một ngày, cậu ta ở trong ký túc giả vờ "khờ khạo" chọc cười cho người khác, có lẽ là muốn nhân cơ hội để tiếp tục thu thập

một số thông tin tình báo chăng? Mọi người bèn nghĩ kế, nhân lúc huyên náo lộn xộn, một người cướp lấy quyển vở trên người cậu ta. Khi lật ra xem, thật ngạc nhiên, đó không phải là những bí mật ghi chép người nào ở đâu, làm gì, nói gì, mà là ghi lại chi tiết việc một bạn sinh viên mỗi sáng ăn mấy cái bánh bao (sau này mới biết, bạn sinh viên này là đối tượng bồi dưỡng được chỉ định trước, chuẩn bị trở thành sinh viên phản động của khóa tiếp theo), nếu ngày nào cậu sinh viên này ăn thiếu nửa cái, bên dưới sẽ được ghi chú hôm đó trong cuộc chiến tranh Việt Nam, Việt Nam đã bắn rơi mấy chiếc máy bay của Mỹ, rõ ràng cậu ta đang thể hiện tinh thần "một con ngựa đau cả tàu bỏ cỏ" mà. Cái phiền phức là, báo chí lúc đó dường như ngày nào cũng đăng tin máy bay bị bắn rơi, vì thế chỉ cần người này ăn ít đi vài miếng bánh bao thì có thể cậu ta đang câu kết với chủ nghĩa đế quốc Mỹ. Những ghi chép này thực sự đáng sợ, những lời nhảm nhí có thể không nói, những điều vô căn cứ có thể không bàn luận, nhưng mỗi bữa ăn hằng ngày đều phải suy xét xem có nên "liên hệ" đến thế lực phản động trong và ngoài nước hay không thì thật là khó.

Trước vụ việc đó, một ngày tôi ăn ba bữa, sáng, trưa, tối mỗi bữa đều ba cái bánh bao (năm 1965, nền kinh tế đã có sự chuyển biến tốt đẹp, nhà ăn trường tôi không giới hạn suất ăn của sinh viên), tuyệt đối không có trường hợp ngoại lệ. Có bạn học nói tôi thực hiện "kế tự bảo vệ mình", đó là một câu nói đùa đầy thiện ý, nhưng sau này nghe nói trong "nội bộ" có người từng hoài nghi tôi cố ý "đối phó" với tổ chức. Đó quả là nỗi oan ghê gớm.

Phần 3

1

Sổ sinh tử của Diêm phủ đã được chuẩn bị từ nhiều năm nay, cuối cùng chẳng qua cũng chỉ vì câu: "Anh cũng đến rồi à!" Câu này nghe có cảm giác như "cháy nhà hàng xóm vỗ tay reo mừng" vậy, để rồi việc tiếp theo là

lấy đi linh hồn của người sống. Sau đó là giam cầm, dùng hình, phán tội, và rồi người đứng đầu Diêm phủ sẽ tìm thấy niềm vui từ đó, giống như anh nông dân vui mừng khi vụ mùa bội thu, còn Diêm Vương hạnh phúc khi những vất vả biên soạn sổ sách trước đây cuối cùng cũng được đền đáp.

Trên tay thần Chết của Tây phương luôn cầm một lưỡi hái, đối với Diêm phủ ở Trung Quốc, vụ mùa của họ cũng được bắt đầu từ việc câu kéo linh hồn của người sống. Từ những câu chuyện ma đã được đọc, nha sai cõi âm khi đi làm nhiệm vụ câu kéo linh hồn, thường tỏ ra rất uy phong. Hắn hỏi qua tên tuổi, sau đó mới dùng xích sát trói anh lại? Chà, vậy là hắn quá khách khí rồi đấy! Thông thường, hắn chẳng nói chẳng rằng, vừa xông vào cửa đã trói chặt anh rồi cứ thế dắt đi. Có lẽ cũng do chịu ảnh hưởng từ phong cách bắt người của các anh nha sai trên dương gian chăng? Nhưng khi xin chỉ thị hoặc bẩm báo công việc với Diêm phủ thì lại không được sơ suất như vậy. Bởi cho dù là Diêm La Vương đi bắt người, theo lý mà nói ông cũng phải làm các bước "thủ tục" đã. Giống như ở dương gian, khi bắt tội phạm, có thể bỏ qua thủ tục tuyên bố quyền lợi của hai bên, nhưng tục ký phát lệnh bắt giữ là không thể bỏ qua. Vì thế, khi Diêm phủ muốn bắt giữ các linh hồn với số lượng lớn cần có "sổ bắt linh hồn", bắt giữ một linh hồn thì cần có "thẻ bắt giữ".

Đương nhiên, việc bắt giữ linh hồn cần phải có thủ tục, không phải hoàn toàn chứng tỏ tính nghiêm ngặt về mặt pháp trị tại Diêm phủ, mà là vì Diêm Vương và các Phán quan lo sợ một khi lũ quỷ con kia không có quy củ, thì tất cả mọi âm mưu kéo bè kéo cánh nhằm mưu lợi riêng kia sẽ lọt vào tay bọn Đổng Siêu, Tiết Bá.

Những bằng chứng bắt linh hồn này không xác định về tên gọi, nhưng nếu nói giữa nó và lệnh bắt giữ của dương gian có sự tương đồng về tính chất là không sai. Lịch sử của nó có thể bắt đầu truy cứu từ đời Hán, nhưng khi đó, dân gian gọi loại sổ này là "sổ người chết". Tác phẩm *Sưu thần ký*

của Can Bảo, người đời Tấn có ghi lại câu chuyện của Chu Thức - một người sống vào thời nhà Hán: "Chu Thức ngồi thuyền đi về hướng quận Đông Hải, trên đường đi, Thức gặp một viên thư lại. trên tay cầm mấy quyển sách, nhìn rất mệt mỏi, viên thư lại nhờ Thức đỡ dùm chỗ sách đó. Chu Thức rất vui vẻ giúp đỡ. Thuyền đi được hơn mười dặm, viên thư lại nói với Chu Thức rằng: "Tôi phải ghé qua vùng này một chút, sách tôi gửi lại trên thuyền nhờ huynh trông giúp, huynh không được mở chúng ra." Câu "huynh không được mở chúng ra" chính là ám thị "chỗ này không có ba trăm lạng bạc", sẽ là kẻ ngốc nếu Châu Thức "không mở nó ra". Thế là Châu Thức lén mở chỗ sách ra xem, hóa ra đó là "sổ ghi tất cả những người đã và sắp chết" trong đó có tên của mình.

Loại sổ đó còn gọi tắt là "sổ chết", có thể gặp trong tác phẩm *Chân dị lục* của Đới Tộ, người đời Tấn: "Sau khi qua đời bảy năm, Hoa Dật hiện hình trở về nhà, tìm gặp anh trai nói chuyện về đứa con trai cả của mình, rằng: "Thằng Ngu đã bị ghi tên trong sổ chết, nó không còn sống được mấy ngày nữa."

Tiếng Bạch thoại có thể gọi trực tiếp là "sổ người chết". Sách *Triện dị ký* của Lý Mai, người đời Đường có viết: "Núi Thái Sơn triệu tập linh hồn của con người, sổ người chết được giao cho phía Đông Nhạc, phía Đông Nhạc có nhiệm vụ đi bắt những linh hồn ấy."

Nếu gọi là "thẻ trời", xem chừng có vẻ trang trọng quá mức. *Di kiên bính chí*, quyển ba, chương *Lý Bật Vi* kể: "Lý Bật Vi nói: "Thẻ trời ở đây, ngươi có thể xem qua.". Nói rồi ông lấy từ trong tay áo ra một quyển văn thư đưa cho người kia xem, trên quyển văn thư đều là họ tên người. Bật Vi chỉ quyển văn thư, nói: "Tất cả những người có tên trong văn thư này đều sắp chết." Quyển thiên phù này chưa chắc là do Ngọc Hoàng đại đế soạn ra, mà chỉ là công văn của Diêm Vương, để cho quyển công văn thêm phần khí thế

nên cho thêm vào tên gọi những từ ngữ kiểu "chiếu theo chỉ thị của Ngọc Hoàng đại đế" mà thôi."

Trên đây đều là những quyển sổ đã được viết sẵn, hoặc như trong *Sưu thần ký* có nói, thư lại chốn âm phủ phải mang theo quyển sổ hoàn chỉnh để đi bắt linh hồn với số lượng lớn, trường hợp này rất ít xảy ra, trừ phi trên dương gian xuất hiện "cơn sốt" địa ngục. Nhưng nếu bắt linh hồn trai tráng với số lượng lớn, ví như trong *Thạch hào lại* đã nói, thì cũng bắt buộc phải có sổ sách đi theo. Dù sao cũng là bắt người, dù anh bắt vì mục đích gì thì phương pháp và cách làm cũng không khác nhau là mấy.

Nếu như không có sổ sách, có thể chấp nhận thẻ, mỗi người một tấm thẻ, tất cả phải giống loại giấy tờ bắt giữ người của quan phủ chốn dương gian. Trong *Dị văn lục* của Đường Dật Danh có câu chuyện giống chuyện Châu Thức đi thuyền, chỉ có điều quyển sổ của viên lại chốn âm phủ đó được đổi thành chiếc tay nải, người xem lén mở tay nải ra xem, thấy "mỗi chiếc túi có chứa năm trăm chiếc thẻ, gần giống giấy, chữ viết không phải chữ triện hay chữ lệ, nên không nhận được ra chữ gì." Chỗ thẻ này có cách thức rất giống "giấy câu hồn", chỉ có điều nó sử dụng một loại mật mã để viết. Như vậy, tuy nó không thể bị tiết lộ cho người khác biết đó là gì, nhưng làm thế nào để giúp người bị bắt biết thẻ đó dùng để bắt linh hồn mình? Những tấm thẻ này trong các điệu hò dân gian được gọi là "thẻ câu hồn", còn "giấy câu hồn" lại xuất hiện nhiều trong các vở kịch, tiểu thuyết hoặc dân ca thời Minh - Thanh. Từ "giấy" này thuộc thuật ngữ pháp luật, từ "giấy mời" hiện nay có lẽ cũng liên quan đến vấn đề này.

Liên quan đến vấn đề này còn có một loại "thẻ bài câu hồn", đây thực sự là đạo cụ trong tay những tên quỷ vô thường. Hình dáng của nó giống một chiếc cuốc nhỏ, được làm từ gỗ, bên trên có viết mấy chữ như chữ "truy nã", có lẽ nó hoàn toàn là cách làm của đám sai dịch nha môn. Nhưng trong tiểu thuyết cũng xuất hiện những trường hợp quỷ cầm thẻ bài đi câu hồn.

Trong *Di kiên giáp chí*, quyển chín, chương *Giấc mơ của sứ thần Trương Kỳ* có viết, viên lại âm phủ tới bắt người, trên tay cầm một chiếc thẻ bài sơn đen và "chu thư", "chu thư" là chỉ thẻ bài có viết họ tên của tên quỷ sống cần bắt, còn thẻ bài sơn đen là do quan phủ tự chế, bên trên chắc có ấn tín, hoặc hình thù gì đó khó bắt chước, nghe có vẻ rất quyền uy. Trên sân khấu thường có những câu háy kiểu như "Thẻ vàng điều tới, thẻ bạc cho đi", xem ra, từ "bài" ở đây nghiêm túc, trang trọng hơn thẻ giấy nhiều lần, như vậy dù có bị bắt cũng chỉ những nhân vật lớn mới xứng được dùng.

Nếu như thẻ bài câu hồn giống lệnh bắt giữ ngày nay, vậy thì suy luận ra, nếu sai dịch cõi âm không mang theo loại giấy tờ này, thì người bị bắt có quyền cự tuyệt việc bắt giữ. Quyển bốn, sách *Quỷ đồng* của Vô Danh Thị, người thời Tống có ghi lại câu chuyện rất thú vị như sau:

Trần Sinh lâm bệnh nặng. Sinh nhìn qua khe tường thấy có một kẻ mặt khỉ đi từ ngoài vào, mặc quần áo người, con khỉ nói: "Diêm phủ muốn bắt ngươi." Trần Sinh nói: "Có thẻ lệnh bắt không?" Khỉ đáp: "Lẽ ra phải có thẻ, nhưng không có thẻ ta không thể bắt ngươi được sao?" Trần Sinh mắng: "Luật lý âm dương là một, nếu quả muốn bắt ta, thì phải có thẻ làm nghiệm chứng chứ? Những tên quỷ khác luôn mạo danh để xin cái ăn mà thôi. Hơn nữa Diêm phủ thiếu người hay sao mà lại sai một con khỉ xuống?" Con khỉ cho gọi thần thổ địa và thần táo lên: "Án này đang rất cấp bách, trong lúc vội vã ta quên mang theo thẻ, nay người này không tin, hai ngươi có thể làm chứng cho ta được chứ?" Hai vị thần đáp: "Vâng."

Chỉ cần mặc lên người bộ quần áo của "kẻ chức trách", đừng nói là "khỉ mặc áo người", trông rất giống người rồi, thì ngay cả là loài súc sinh như "động vật linh trưởng" cũng không thể làm việc chểnh mảng được. Trần Sinh không những đòi kiểm tra công văn, mà còn trông mặt để bắt hình dong, coi khinh quyền uy của những bộ quan phục, rõ ràng đó chỉ là một tên điêu dân. Cũng may con khỉ này gặp được vị thần thổ địa thấu tình đạt

lý và vị Táo Quân "ăn cây táo, rào cây sung", sau vài tiếng vâng vâng dạ dạ, tất cả đã đồng tâm hợp lực đưa Trần Sinh lên đường xuống suối vàng. Không có thẻ bài, quan sai âm giới có thể tìm thần thổ địa và Táo Quân làm chứng, đồng thời hỗ trợ quan sai trong việc bắt bớ, đó là một quan điểm. Còn một quan điểm nữa ngược lại, khi quan sai muốn bắt linh hồn người, đầu tiên phải đưa thẻ bài câu hồn trình đến miếu thổ địa, nhờ thổ địa lập hồ sơ (xem *Tục thoại khinh đàm*, tập hai, *Qua Bằng gặp ma* của Chiêu Kỷ Đường, người đời Thanh), có người lại nói rằng phải đến chỗ thần thổ công kiểm tra thẻ trước (xem *Xuân chử kỷ văn*, quyển hai của Hà Liên, thời Nam Tống), nếu không thì đừng nghĩ tới chuyện bắt người.

Tôi nghĩ, ngay cả xã hội phong kiến cũng có bạo loạn, có cai trị, nếu là cai quản xã hội, phải luôn cần một số trình tự pháp luật, không thể dù là người hay không, chỉ cần mặc một bộ quần áo của nhà chức trách là có thể tùy tiện bắt người. Hơn nữa, chiếu theo quy tắc, loại văn tự dùng trên những thẻ bài câu hồn đó cũng phải tuân theo những quy phạm nhất định, vì vậy, Diêm phủ muốn viết thẻ bài bắt người, nên dùng những người mà trong bụng người đó phải có chút ít chữ nghĩa, nếu không, một khi gặp phải những kẻ cứng đầu thích quấy phá, lúc đó những người thi hành luật pháp sẽ phải đau đầu vì chúng. Trong nhà Kỷ Hiểu Lam quả có một người như vậy, đó là một đầu bếp do cha ông khi làm quan ở tỉnh ngoài dẫn về, ông ta cứng đầu không phải là vì có quan lớn nâng đỡ phía sau, mà là vì ông ta cũng có chút ít chữ nghĩa.

Người này họ Dương, tên Nghĩa, chữ "义" (nghĩa) có cách viết chuẩn theo thể phồn thể là "**義**". Một hôm, ông Dương nằm mơ, ông gặp hai con quỷ tay cầm thẻ Chu đến bắt ông, nhưng trên thẻ lại viết "杨义" (Dương Nghĩa). Ông Dương nói: "Ta tên là "杨 **義**"(Dương Nghĩa), không phải là "杨 义" (Dương Nghĩa), các người tìm nhầm người rồi." Hai con quỷ nói: "Ông già nhìn kỹ lại xem, đây là "**乂**" (Nghệ), bên trên còn có một nét chấm, là chữ "義" (Nghĩa) giản thể. Bọn ta không nhầm đâu." Ông Dương

vẫn không phục, cãi lại rằng: "Tên của ta lẽ nào ta lại không rõ! Từ trước tới nay ta chưa thấy chữ "義" (Nghĩa) được viết như vậy bao giờ, chắc là chữ "乂" (Nghệ) bị quệt nhầm một nét lên đó." Hai con quỷ không thuyết phục được ông Dương, đành quay về nha môn sửa lại thẻ. (xem *Duyệt vi thảo đường bút ký*, quyển năm)

Người này tuy cãi bừa, nhưng cũng không phải không có căn cứ, còn những người làm chức trách có thể giảng giải đạo lý với phạm nhân như vậy, dù là ở âm giới hay dương gian chúng ta cũng đều rất ít gặp. Nhưng từ việc này có thể thấy rằng: Muốn người dân biết chữ là việc nên làm, nhưng biết chữ rồi còn biết giảng lý lẽ với quan phủ, có lẽ đó lại là dấu hiệu không hay.

Trong *Dữ Ngô Chất thư,* Tào Phi nhớ tới bảy đại văn hào Kiến An:

Ngày xưa, khi đi chu du các xứ, đi thì cùng đi, mệt cùng dừng lại nghỉ, khi đó nào ai nghĩ sẽ phải nếm trải giây phút biệt ly!... Nào ngờ sau bao năm các huynh đã ra đi gần hết, nhắc đến thật đau lòng. Những tập thơ văn viết vội của các huynh, ta tập hợp lại thành tập. Nhìn tên tuổi các huynh nay đã bị liệt vào danh sách của quỷ, nghĩ lại những ngày tháng du ngoạn cùng nhau trước đây, tôi vẫn còn ghi nhớ mãi nơi con tim này, tuy nay các huynh đã là người của quá khứ, nhưng ta ngàn lần nhớ tới các huynh!

Đào Uyên Minh cũng có tác phẩm *Nhạc truy điệu - Vãn ca:*

Có sinh ắt có tử,

Cớ sao vội vã đi

Đêm qua còn là người,

Sáng nay đã thành ma.

Hai tác phẩm thơ văn trên có nhắc tới "sổ ma", không phải giống như "sổ chết" đã nói đến ở phần trước. "Sổ chết" là quyển sổ câu hồn được dùng khi đi bắt linh hồn người sống, còn "sổ ma" lại là quyển "sổ hộ khẩu" dưới âm giới. Ở thế giới địa phủ được nhắc tới trong thuyết luân hồi lục đạo, vong hồn không cần có hộ khẩu, họ chỉ quanh quẩn chốc lát trong lúc chờ chuyển thế tại điện Diêm La mà thôi, vì vậy hộ khẩu tạm thời, giấy đăng ký tạm trú…. tất cả đều không cần tới, để sau đó họ lại tiếp tục lên đường. Vì thế, "sổ ma" là loại sổ câu hồn kiểu Trung Quốc, bởi linh hồn tổ tiên của chúng ta cần đăng ký hộ khẩu, an cư tại âm giới. Chỉ có điều từ này rất ít gặp trong các câu chuyện ma, chỉ thi thoảng được nhắc tới trong thơ văn, là cách gọi nhã nhặn cho "người đã mất". Trong Trẻ em tìm về nguồn - quyển sách dạy trẻ em cách nhận biết từ, chữ, có giới thiệu các từ có liên quan đến chữ "tử - chết": thay áo, thay chiếu, tất cả đều dùng để chỉ từ "tử - chết"; người cổ, tên trong sổ ma, là nói đến từ "vong - đã chết", chính là nó. Chung Tự, người triều Nguyên trở thành bậc văn nhân quá cố với sở trường về văn từ, tác phẩm của ông với tên gọi *Lục quỷ bạ - Danh bạ quỷ,* chính là lấy từ nghĩa đó.

Người thời xưa sinh con cái cũng cần đăng ký nhập sổ, ngoài một bản hồ sơ lưu, còn cần một bản để trình báo lên chính quyền. Đó là quyển sổ hộ khẩu sớm nhất được gặp trong *Lễ ký - Nội tắc,* có thể đó cũng là quyển sổ hộ khẩu đầu tiên trên thế giới, tuy nó mang chút tư tưởng trọng nam khinh nữ nhưng cũng rất đáng để chúng ta tự hào.

Cũng với lập luận này, hộ khẩu ở cõi âm cũng có vai trò quan trọng đối với người chết. Nếu linh hồn nào không có hộ khẩu, tức là không được ghi tên vào trong sổ nhân khẩu dưới âm ti thì linh hồn đó chỉ có thể làm một hồn ma lang thang. Và hậu quả của nó, nếu xét theo mặt tốt, có lẽ hồn ma đó sẽ được miễn nộp thuế và lao dịch cho Diêm phủ, nhưng nếu xét theo

mặt hại, có thể hồn ma đó sẽ mất nhiều hơn được, linh hồn đó sẽ không nhận được một chút đãi ngộ nào từ phía âm giới. tuy đến bây giờ tôi cũng không rõ lắm về cái lợi thế khi đăng ký hộ khẩu ở âm giới rốt cuộc là gì, nhưng đến khi quan niệm luân hồi ở Tây phương hòa trộn với quan niệm của Trung Quốc, thì những điều không phải là lợi thế của việc đăng ký hộ khẩu âm giới đã "lộ rõ", chính là hồn ma đó sẽ mất tư cách được đầu thai chuyển thế. Những điều này tôi sẽ không bàn luận nữa, dẫu sao thì dù lựa chọn cõi âm ti kiểu Trung Quốc hay của Tây phương, hay chế độ âm phủ Trung Quốc - Tây phương kết hợp thì những hồn ma lang thang và những u hồn luôn hy vọng được Diêm phủ tiếp nhận vào danh sách quỷ, nếu không được chấp nhận, linh hồn của họ sẽ không được yên ổn, phải làm kẻ xấu tại chốn dương gian, mang đến sự bất an, lo lắng cho người sống. Tại sao vậy? Bởi vì người sống cần phải chịu trách nhiệm trong việc họ sa đọa thành nhân vật xã hội đen ở thế giới âm phủ. Quyển ba, tập tiếp quyển *Dậu dương tạp trở* của Đoạn Thành Thức có kể, có một anh chàng lỗ mãng, ban ngày chuyên đi phá đám người khác, một hôm sau khi uống say, anh ta ra nghĩa địa, ngã vật lên một ngôi mộ đắp cao rồi ngủ lúc nào không biết, nửa đêm tỉnh dậy, anh ta nhìn thấy một căn phòng rách nát, dưới ánh đèn vàng mờ ảo có một phụ nữ sắc mặt tiều tụy, đó rõ ràng là một ma nữ. Ma nữ kể cho anh ta nghe về thân thế của mình, rằng: "Chồng đi tòng quân không thấy trở về, bản thân ta mắc bệnh mà chết, ngoài ra ta chẳng còn họ hàng thân thích, được hàng xóm giúp nhập quan nhưng chưa đem chôn mà vùi xác tại đây, đã hơn mười năm rồi không có người đến chuyển mộ cho ta. Phàm là người đã chết, nếu xương cốt không được chôn cất lần thứ hai, thì linh hồn của họ sẽ không được âm ti ghi nhận vào sổ, linh hồn sẽ hoang mang, mơ hồ. Nếu huynh thương cảm cho u hồn này, xin hãy chuyển hài cốt của ta tới khu đất bên bờ suối, để linh hồn ta được siêu thoát, đây là tâm nguyện duy nhất của ta."

Tại sao hài cốt "chưa được chôn cất lần hai" thì linh hồn đó sẽ không được âm ti ghi tên vào sổ? Lý do có lẽ là vì âm ti không coi anh ta như

người đã thực sự chết, mà lý do của dương gian lại là người chết cần phải được mai táng kịp thời, phải chôn cất thì người chết mới được yên ổn. Nếu vùi xác đã lâu mà không được chôn thì tinh khí và hồn phách không được siêu thoát. Cảm giác "lo lắng, li tán" rốt cuộc là cảm giác như thế nào? Nếu không phải "năm loại được ghi trong danh sách đen" (là địa chủ, phú nông, phần tử phản cách mạng, phần tử xấu, phần tử cánh hữu), chỉ có cảm giác cô đơn, lạnh lẽo nơi đồng không mông quạnh, như thế chắc vẫn chưa thực sự cảm nhận được hết cái cảm giác đó. Cũng may vào thời Đường, ma quỷ vẫn còn hiền lành tử tế, chỉ lặng lẽ ở bên cạnh con người, chứ đến thời Minh - Thanh, chúng ta đã biến thành những xác chết di động chuyên đi gây chuyện rồi.

Một lý do khác để âm ti không ghi nhận người đã chết, đó là người này vẫn chưa đến lúc phải chết. Quyển *Quế Lâm phong thổ ký* của Mạc Hưu Phù, người đời Đường có ghi lại câu chuyện như sau:

Tô Thái Huyền là nông phu, người vùng Dương Sóc. Vợ ông ta họ Từ, sau khi sinh được ba người con trai thì qua đời. Thái Huyền đưa xác vợ đi an táng. Bỗng một ngày, Thái Huyền trở về nhà, ông nghe thấy tiếng vợ mà không nhìn thấy bóng dáng vợ đâu, người vợ nói: "Mạng thiếp vẫn chưa hết, nên Diêm phủ không chấp nhận cho thiếp ở dưới đó."

Thọ của con người chưa hết, Diêm phủ sẽ không đón nhận hồn ma của người đó, điều này là hoàn toàn đúng. Nhưng khi đang muốn quay trở lại, thì bên này người ta đã kịp thời đưa người vợ "nhập thổ". Không chôn không được, mà chôn nhanh quá cũng không đúng, hai giới âm dương đều phạm phải chủ nghĩa quan liêu, chỉ khổ cho những linh hồn chẳng phải sống mà cũng chẳng phải chết, bị mắc kẹt ở giữa hai thế giới này.

Nếu có người cho rằng ma quỷ có thể được tự do tự tại tại chốn âm ti, giống như những vị tiên bay lượn trên bầu trời, vậy thì người đó đã quá

ngây thơ rồi. Hóa ra thần Thành Hoàng lại có trách nhiệm thu nhận những u hồn và những hồn ma lang thang không được ghi tên vào danh sách ma, coi họ là những kẻ lưu manh mù quáng, sợ họ sẽ gây chuyện khi đêm về, vì vậy cần giam họ lại. Chương *Nguyễn Công Minh* trong *Di kiên chi đinh,* quyển ba có một hồn ma đáng thương than thở rằng:

Ta xuống cõi âm từ lâu, nhưng do tuổi thọ của ta chưa hết, âm ti dứt khoát không chấp nhận, nhưng sau bị Thành Hoàng bắt giữ, ban ngày ta có thể ra ngoài, nhưng ban đêm lại nhốt trong chiếc giếng cạn ở Ngô Sơn. Những người giống như ta ở đô thành rất nhiều, mỗi khi hoàng hôn buông xuống, tất cả những người thắt dây buộc lưng vàng trên đường, đầu và người cúi thấp xuống đất mà đi, đó chính là những người như ta.

Vào thời Nam Tống, miếu Thành Hoàng tại Hàng Châu được xây dựng trên núi Kim Địa ở phía nam núi Ngô Sơn, hiện nay miếu Thành Hoàng mới được tu sửa lại ở trên đỉnh núi Ngô Sơn, chắc cách ngôi miếu cũ không xa, có điều không biết chiếc giếng cạn đó nằm ở nơi nào[8]. Hoàng hôn là thời điểm những hồn ma này được "hít thở không khí trong lành", "thắt dây buộc lưng vàng" có lẽ là để đánh dấu quỷ xấu, "cúi đầu, người rạp xuống đất để đi" chính là chỉ loại "cắp đuôi làm người" của dương thế.

[8] Dưới núi Ngô Sơn còn có một chiếc giếng có nước, chiếc giếng này cũng rất nổi tiếng. Trong quyển Tiền thị tư chí của Tiền Thế Chiêu, người thời Nam Tống đã đặc biệt nhắc tới chiếc giếng này, nói rằng bên trong có một hồn ma trượt chân rơi xuống, nó thường xuyên lôi người xuống đó, cuối cùng người ta lấy một khối đá lớn chèn miệng giếng lại.

Những linh hồn lang thang vốn chưa đến lúc chết mà đã phải chết, họ không có suất hộ khẩu tại âm ti. Cách giải quyết cuối cùng chỉ có thể là đợi ngày dương thọ của mình kết thúc, lúc đó Diêm phủ mới cho phép họ đăng ký hộ khẩu. Nếu thời gian chờ đợi quá dài, họ chỉ có thể nhờ bạn bè, người thân hoặc những người tốt bụng trên dương gian chuẩn bị một bữa cơm chay tế cúng, giúp linh hồn họ được siêu độ nơi âm giới, có thể nói đây như

việc đi cửa sau, tìm quan hệ cới các quan ở âm giới, để thời gian chờ đợi được rút ngắn. Nhưng trong chương *Mao liệt âm ngục*, quyển mười chín, cuốn *Di Kiên giáp chí* lại có chút mâu thuẫn với cách nói trên. Chương này nói rằng, những linh hồn lang thang không thể hưởng công đức từ những người ở dương gian: "Vốn dĩ chưa phải chết nên không đăng ký được hộ khẩu ở chốn âm ti, muốn nhờ người trên dương thế giúp đỡ để được nhận phúc lợi từ cõi âm, đó là điều không thể." Những quan điểm này tuy có khác nhau, nhưng thống nhất với nhau khi nói những linh hồn lang thang không có hộ khẩu dưới âm phủ và không có những ngày tháng êm đẹp dưới đó. Đến sau đời Nguyên - Minh, người ta quyết định lập ra "thành oan hồn" ở dưới âm phủ, coi như giúp những linh hồn lang thang tìm thấy một nơi không thể nói là tốt đẹp để trú mình.

Nói về thành oan hồn, ở đây tôi cần làm rõ một chút, coi như bổ sung cho "Âm sơn bát cảnh", cũng coi như tạm thời đưa "điện Diêm Vương" làm cảnh thứ mười dành cho những người yêu thích "Thập toàn", đồng thời cũng là vì, người ta luôn cho rằng ở đó chỉ chấp nhận những linh hồn chết oan, nhưng suy nghĩ này thực sự không chính xác.

Từ "thành oan hồn" có lẽ có nguồn gốc từ dân gian, tất nhiên những bậc quan lại sẽ không dùng nó, vì thế nó xuất hiện nhiều trong các cuốn tiểu thuyết hay ca kịch, mà sớm nhất là xuất hiện trong các điệu hò. Nói về tên và ý nghĩa của nó, thành oan hồn là trại tập trung dành cho những người chết oan phải xuống âm phủ. Nhưng tổng hợp tất cả những tài liệu có liên quan thì sự thực lại không hoàn toàn như vậy. Tất cả những linh hồn có dương thọ chưa hết, bao gồm chết vì hình, chết trận, chết bờ bụi, chết vì gặp phải thầy lang dởm, cho đến những người chết vì tình cũng đều được vào thành oan hồn. Hơn nữa hãy xem một vài ví dụ sau:

Trong vở tạp kịch thời Nguyên *Mạnh nương đạo cốt*, Dương lệnh công đâm vào bia Lý Lăng mà chết, linh hồn của ông bị đưa vào thành oan hồn.

Trong *Tây du ký,* tập mười, Lý Thế Dân đến cõi âm, "đi qua sông Nại, huyết bồn khổ giới, rồi lại đến thành oan hồn", nhìn thấy một đám hồn ma mất tay mất chân, hoặc có tay chân mà không có đầu, tất cả đều là hồn ma của những tên giặc cỏ và những người chết trận. Trong chương *Thẩm Tiểu Hà tương hội xuất sư biểu* trong *Dụ thế minh ngôn*, Thẩm Cổn, Thẩm Bảo chịu đựng không nổi, cả hai chết dưới cán roi, đây là chết do bị dùng hình, đương nhiên cũng thuộc loại gánh oan mà chết. Còn trong *Viết tiếp Kim Bình Mai* của Đinh Nhiêu Cang viết sau khi Phan Kim Liên bị Võ Tòng giết, linh hồn của ả được đưa đến khu thắt cổ tại thành oan hồn, sự việc này không thể coi là quá oan uổng được. Tiểu thuyết *Đều là do ảo giác,* chương một có kể, vụ vỡ đê tại sông Vô Triều dìm chết vô số dân thường, tất cả linh hồn họ đều gia nhập thành oan hồn. Trong thành oan hồn, người đẹp nổi tiếng nhất tất nhiên là Đỗ Lệ Nương chết vì tình. Còn trong *Hữu đài tiên quán bút ký*, quyển bảy có kể, một người chết dưới tay lang băm khi dương thọ vẫn còn, nhưng "theo luật âm, phàm là những người dương thọ chưa hết, tất phải đến thành oan hồn".

Ngoài ra, thành oan hồn còn có hai điểm đặc biệt không thể không nói. Một là bên trong toàn là ma đói. Đương nhiên không phải cứ gặp ma đói là bắt vào thành, mà là những hồn ma vào thành đều bị cấm ăn uống, ngay cả những hồn ma có hộ khẩu bên ngoài thành được ăn ba bữa một năm cũng không có. Trong *Thố hồ lô* của Phục Thư giáo chủ, chương hai mươi viết, hồn ma trong thành oan hồn không được lo cho ăn cho mặc, vô cùng đau khổ. Còn *Dã tẩu bộc ngôn* của Hạ Kính Cừ, chương mười tám đem những đạo sĩ khi nhìn thấy đậu phụ rau xanh là lao vào tranh cướp so sánh với những "ma đói trong thành oan hồn".

Đặc điểm thứ hai của nó là hồn ma trong thành oan hồn rất khó được hóa kiếp. Trong vở tạp kích thời Nguyên *Bao đãi chế trí trám sinh kim các* nói: "Không một oan hồn nào được tiêu tán, ngày đêm vất vưởng trong thành oan hồn. Chỉ đến khi báo được oan, giải được hận, lúc đó mới thoát khỏi âm

ti rồi hóa kiếp.” Trong *Viết tiếp Kim Bình Mai,* Võ Đại Lang sau khi bị giết đã đến khu thuốc độc tại thành oan hồn, cũng giống như Phan Kim Liên bị đưa đến khu treo cổ, mười mấy năm không được đầu thai. Trong *Thuyết nhạc toàn truyện*, người phục vụ nói: “Phía trước là quỷ môn quan, bên phải là thành oan hồn. Tất cả những kẻ phạm tội đều phải vào thành oan hồn, vào đó rồi thì khó mà được chuyển kiếp.”

Những linh hồn chết bờ chết bụi hoặc chết thảm lại bị đưa đến thành oan hồn chịu đói nhịn khát, oan khuất không được giải thì không thể hóa kiếp chuyển thế. Đạo lý này quả có chút bất công. Nhưng nghĩ kỹ lại, đây chính là bản sao của tù ngục ở trần gian, trừ phi gặp được Bao Thanh Thiên thì những tù nhân bị bắt oan này mới có thể thoát khỏi bể khổ, nếu không họ đành phải ngồi trong đó chịu đói, chịu rét cho đến chết. Vì thế, tác phẩm thích nói những điều mờ ám *Ngọc lịch bảo sao* có chương *Thành oan hồn* thỉnh thoảng nói được vài câu khá thấu tình, tuy rằng nó vẫn có chút “mờ ám”:

Phong Đô đại đế nói: Thành oan hồn ở phía bên phải điện ta. Người đời hiểu nhầm đó là nơi đón nhận tất cả những hồn ma bị chết oan, rồi truyền tai nhau làm người ta tưởng thật. Phải biết rằng những người đã chết oan liệu có thể bắt họ chịu những nỗi khổ vô cớ nữa được không? Xưa nay vẫn cho phép các oan hồn đi tìm hung thủ, tận mắt nhìn thấy hắn chịu khổ, từ đó giải tỏa được mối hận trong lòng, cho đến khi oan hồn của họ được đầu thai. Nếu là những người trung hiếu, nghĩa khí hoặc những quân binh xả thân vì nước, hoặc sau khi chết sẽ thành thần, hoặc ban phước cho họ được đầu thai, như vậy há chẳng phải có lý khi để họ vào thành oan hồn chịu khổ sao?

Chỉ có một quyển sổ âm ti mà tôi đã huyên thuyên quá nhiều, những độc giả nóng ruột có lẽ đã đặt ra câu hỏi: "Liệu ông sắp nói xong chưa vậy?" Nói thực, sổ sách ở dưới âm ti nhiều vô kể, những quyển sổ được nói trên đây chỉ là một phần trong đó thôi. Ví như trong *Mai hương ảo*, tiểu thư Trương Doanh Doanh hát "phu thê hoạn nạn do trời định, trên sổ nhân duyên sớm ghi tên", khi đó "sổ nhân duyên" vẫn chưa được con người biết tới. Đáng tiếc người xưa quá cẩn thận, việc này lại được liệt vào danh mục "chuyện riêng tư khó nói". Thực ra sổ nhân duyên của người xưa đơn giản hơn rất nhiều so với sổ đăng ký kết hôn ngày nay, hiện nay con người dành rất ít thời gian để lo cái ăn cái mặc, vấn đề nam nữ được đưa ra bàn luận nhiều hơn. Cơ quan phát hành sổ nhân duyên của âm phủ chắc chắn cũng phải làm việc căng thẳng hơn nhiều, biết bao nhiêu "sổ chính", "sổ phụ" khó phân loại rõ, rồi thì "vợ bé thứ nhất", "vợ bé thứ hai", cách sắp xếp này cũng bị chê là quá đơn giản rồi. Còn trong những ghi chép của người xưa, tôi nhớ ngoài quyển sổ chính ra chỉ có một quyển "sổ phu thê sương mai". *Viết tiếp Tử bất ngữ* của Viên Mai, quyển ba có câu chuyện về một ma nữ nói với nhân vật nam rằng: "Tra trên sổ phu thê sương mai, có nói đến duyên phận với huynh, nhưng được chỉ định chỉ nên giao cấu một trăm mười sáu lần. Nếu chuyện này không ai biết, thì sẽ ở với nhau lâu dài được, còn không thì duyên phận sẽ hết, cả hai phải ly tan." Một trăm mười sáu lần vẫn được coi là "sương mai", không sợ người ta cười anh là quá "phóng khoáng" hay sao? Dẫn ra ví dụ này là để điểm xuyết một chút thôi, bởi đề tài này thực sự quá rộng, thôi thì để dành cho các học giả thời Xuân Thu đi viết những tác phẩm chuyên sâu về nó.

Cùng là chết, chỉ có điều cách chết của từng người không giống nhau, chúng cũng cần được phân làm các loại sổ khác nhau, từ đó có thể thấy được tính tỉ mỉ trong công việc ở âm giới. Tác phẩm *Hiện quả tùy bút* của Giới Hiển, người đời Thanh có ghi, Ngụy Ứng Chi mơ mình đi xuống âm phủ, anh ta tìm trong sổ sinh tử, không thấy có tên mình, hóa ra nó nằm trong "sổ chết do thắt cổ", bên dưới ghi chú "một ngày ba năm sau thắt cổ

tự tử trong thư phòng". *Tử bất ngữ,* quyển tám viết, dưới âm phủ, ngoài "sổ chính mệnh" ra, còn có "sổ hỏa tự", tức chết trong hỏa hoạn. Nói một có thể suy rộng ra ba mươi thứ, âm phủ có "sổ thủy tự", "sổ thổ tự", từ đó có thể suy ra người ta sẽ chết bằng cách nào, còn "chính mệnh", tức là chỉ những người khi hết dương thọ sẽ được chết trên chiếc giường của mình, còn chết trên giường trong khách sạn sẽ bị liệt vào một loại sổ khác (theo cách nói bất nhã của Đinh Nhiêu Cang, thành oan hồn nên để loại người này xuống một khu biệt lập cho chúng). Trong quyển hai mươi tư lại nói, linh hồn người chết ở nơi biên ải, khi đưa vào "sổ họa hoắc vân" sẽ được phân ra làm hai loại, tức "sổ người" và "sổ thú", thú chết nhiều hơn người, vì thế có câu "nhân tam thú ngũ". Trong *Duyệt vi thảo đường bút ký* của Kỷ Tuân, quyển mười, "sổ người" được chia ra làm các loại sổ vàng, đỏ, tím, đen: "Hy sinh vì nước, phấn đấu quên mình, người này được ghi vào sổ vàng . Làm theo quân lệnh, thà chết không lui, người này được ghi vào sổ đỏ. Làm theo số đông, chuyển chiến mà chết, được ghi vào sổ tím, chết khi chạy trốn, không còn đường lui, được ghi vào sổ đen." Phân ra kỹ như vậy, xem ra nếu Diêm phủ có ngành hồ sơ học, thì nhất định phải người tài cao mới đảm nhận được vị trí này.

Không chỉ vậy, các loại sản phẩm dưới âm phủ cũng tăng dần theo thời gian. Đến thời nhà Thanh, thuốc phiện du nhập vào Trung Quốc, Diêm phủ lại hình thành "sổ khói đen", trong số này có "sổ họa khói đen". Trong *Dực quynh bề biên,* quyển bảy, chương *Họa khói đen* nói về sổ họa khói đen như sau:

Chính điện dùng ngói lưu ly, cao tới tận thiên hà. Trên điện có năm vị thần ngồi hàng ngang, có người mặc áo mũ thời cổ đại, có người mặc trang phục của hiện tại, người ngồi chính giữa có chòm râu dài bạc trắng, khuôn mặt nghiêm nghị của bậc đế vương. Phía dưới bày hàng trăm chiếc chum lớn, bên trong chứa nước đen. Các hồn ma nườm nượp đi vào, Thẩm Tư hỏi trong chum chứa thứ gì, trả lời: "Là dầu gạo, ở dương gian gọi là khói

thuốc phiện. Tất cả những kẻ gây tai họa được lệnh phải uống một chút nước này, sau khi nhập thế hễ ngửi thấy mùi là nghiện ngay tức khắc."

Tất cả những người chết do tai họa, Diêm phủ đều cho vào một quyển sổ riêng, chỉ có điều người chết quá nhiều, nhập sổ không kịp, đành phải thuê người viết từ dương gian. Câu chuyện này được viết với mục đích trào phúng thời thế hiện tại, nhưng từ đó cũng thấy được rằng, con người đã tìm ra một nhận thức chung, chỉ cần có nhu cầu thì loại sổ sách nào Diêm phủ cũng có thể tạo ra được. Những loại sổ sách được tạo ta một cách ngẫu hứng này rất hay xuất hiện trong tiểu thuyết, như trong *Viết tiếp Kim Bình Mai* có hai loại sổ "nguyên hội kiếp vận" và sổ "chu thiên nhân quả", từ tên gọi của chúng có thể thấy, chúng thuộc vào loại văn hóa vĩ mô, nằm ngoài năng lực hiểu biết của kẻ tiểu dân.

Những loại sổ trên đều được phân loại theo nội dung, còn về mặt hình thức bên ngoài, sổ âm phủ cũng có sự phân biệt khác nhau. Nghe nói sổ âm phủ được phân ra làm ba loại vải lụa mỏng, lụa dai, và giấy. Ba loại nguyên liệu này được phân theo giá trị đắt rẻ, người được ghi tên trong đó đương nhiên cũng có sự phân biệt như vậy. Ở đây nội dung quyết định hình thức: quý nhân thì ghi vào sổ lụa mỏng, tiếp đến ghi vào sổ lụa dai, còn sổ giấy dành cho những thường dân nghèo hèn. Việc phân loại như thế này có tác dụng gì? Suy nghĩ một chút là hiểu ra ngay thôi. Trong *Di kiên đỉnh chí,* quyển hai mươi của Hồng Mại có chương *Ô sơn uẩn,* ghi lại dịch ôn dịch, đói khát hoành hành liên tục trong thời gian dài tại huyện Tân Kiến, tỉnh Giang Tây vào năm Can Đạo đời vua Tống Hiếu Tông, đó là do ông trời muốn "thu" tất cả người của nơi này. Đầu tiên "thu" hết những người trong sổ giấy, nếu chưa đủ số lượng, tiếp tục thu người thuộc sổ lụa dai, thu được một nửa là đạt số lượng yêu cầu, thì những người trong sổ lụa mỏng đương nhiên sẽ không bị lấy đi mạng sống. Tất nhiên, nếu trên trời có hạ xuống chính sách ưu đãi nào đó, thì chắc chắn phải bắt đầu từ những người trong sổ lụa mỏng.

Diêm phủ quản lý sổ âm phủ, nhưng ở Trung Quốc, từ nhà Tần cho đến triều đại Minh - Thanh, hình thái của Diêm phủ luôn có sự thay đổi. Như "thổ phủ" được nói ở phía trên chỉ là một trong những hình thái của nó. Tuy thể chế của nó được truyền lại và kế thừa sang hình thái khác nhưng xét từ danh mục, thời gian tồn tại của chúng rất ngắn, hơn nữa chúng thường biến mất ở thế hệ sau. Nhưng một số hình thái Diêm phủ lại có sức sống mãnh liệt, hình thái mới đã có rồi, nhưng hình thái cũ vẫn chưa biến mất, ví như hình thái Diêm phủ sớm nhất được quy cho Bắc Đẩu tư mệnh quản lý dưới sự giám sát của Thiên đế, giữa thời Hán Ngụy xuất hiện Thái Sơn phủ quân, thời kỳ Lục triều xuất hiện Diêm La Vương, những hình thái Diêm phủ này lại cùng lúc tồn tại ở thời Đường, gọi là "nhất quốc tam công"[9] có vẻ không ổn lắm, nên sau đó được gọi thành "nhất quốc tam chế"[10] nghe có vẻ xác đáng hơn.Vậy thì sổ âm phủ lúc bấy giờ cũng sẽ được chia làm ba loại, và tất nhiên anh tin ai thì sổ âm phủ của anh sẽ do người đó quản lý. Cũng ví như môn đồ của Nguyên thủy thiên tôn sẽ không bao giờ đến điểm danh chỗ của thần Jehovah hay thần Allah. Nhưng nếu gặp phải những người không có tín ngưỡng, vậy thì sau khi chết linh hồn của họ sẽ phải đối mặt với sự lựa chọn cuối cùng, nhưng cũng không cần phải lo lắng về việc sẽ không ai thu nhận anh.

[9] Nhất quốc tam công: một quốc gia ba hoàng đế.

[10] Nhất quốc tam chế: một quốc gia ba chế độ.

Trong *Quảng di ký* của Đới Phù có chương *Trương Dao* kể rằng, Trương Dao rất thích sát sinh, linh hồn của anh ta sau khi chết được áp tải về chỗ Diêm La Vương. Anh ta nhìn thấy tất cả những con vật mà mình đã giết tập trung tại sảnh chính của điện Diêm La, tất cả bọn chúng đều kêu oan đòi mạng. Nhưng một vị hòa thượng bệnh tật mà khi còn sống anh ta đã từng nuôi dưỡng cũng có mặt tại đó, hòa thượng nói rằng, Trương Dao đã đọc rất nhiều kinh Phật, phúc nhiều tội ít, vì vậy anh ta không đáng phải chết như thế này. Có phải chết hay không chỉ cần nhìn vào sổ sinh tử. Thế là Diêm

Vương lệnh cho người tra "sổ tư mệnh". Quyển sổ này được quản lý bởi đại thần tư mệnh, thuộc hạ của Thiên đế. Tra xong, tên của Trương Dao đã bị che mất, phải chết, lại lấy quyển sổ thứ hai là "sổ Thái Sơn", cũng chính là sổ thuộc quyền quản lý của Thái Sơn phủ quân, cái tên đó cũng bị che mất, phải chết, cuối cùng lấy quyển sổ bản các, tức sổ của điện Diêm La, không ngờ: "Tên của ngươi bị che một nửa, ngươi chưa chết được." Thế là Trương Dao được thả về dương gian, tiếp tục vùa sát sinh vừa đọc kinh Phật.

Câu chuyện này có vẻ như "tam giáo sống chung", trong con mắt của các tín đồ Phật giáo, hai vùng Diêm phủ của tư mệnh và Thái Sơn phủ quân đều tồn tại tính hợp lý, mỗi người đều có sổ âm phủ ở ba nơi, giống như một người mà có trong tay hộ chiếu của ba nước vậy. Nhưng hiện nay anh ta đã phạm lỗi rồi, chiếu theo pháp luật của tư mệnh và Thái Sơn thì anh ta phải chịu hình phạt xử bắn, nhưng theo luật của Diêm La Vương anh ta chỉ là tội không che được phúc, không có tội thì phải thả ra, vậy thì anh ta phải tới đâu để mở phiên tòa đây? Một sự tiến hành so sánh giữa ba nhà, ba loại tôn giáo, vậy là dụng tâm của câu chuyện đã được hé lộ, hóa ra câu chuyện đã dùng sự tuyên truyền về sổ âm phủ làm vũ khí, để mở ra một trận chiến không chính thức, lôi kéo khách hàng đọc kinh Phật. Kết quả của cuộc đấu tranh này là, đến đời sau, người ta không còn nghe thấy có loại sổ tư mệnh hay sổ Thái Sơn nào nữa, từ đó, sổ âm phủ do một mình điện Diêm La lũng đoạn, không biết nó còn chính sách ưu đãi như trước kia không, lại xem những việc cúng tế, siêu độ vong hồn, lại là hòa thượng và đạo sĩ mỗi người chiếm một bên, hóa ra họ đã liên hợp với nhau để chèn ép dân thường.

Tất cả những loại sổ âm phủ trên đều được xây dựng trên quan điểm "không thể thay đổi", tất cả thọ, lộc, công danh của con người đều do thiên mệnh sắp đặt sẵn, không có một khe hở để thay đổi. Thực chất không phải như vậy, dưới Diêm phủ cũng có một chính sách gọi là "trọng biểu hiện", nếu một người đang sống có biểu hiện không tốt thì phúc, lộc, sinh, tử của người đó đều bị ảnh hưởng. Cái gọi là biểu hiện ở đây có các tiêu chuẩn

khác nhau, trong đó, mục quan trọng nhất cần phải chú ý đó là "phái tính". Ví như để một hòa thượng ra phán xét, mặc dù anh tham ô vô độ nhưng chỉ cần anh thích đọc kinh (đương nhiên phải là kinh của Phật Như Lai), anh sẽ được tăng lộc thọ. Vì thế, trong các câu chuyện do các tín đồ Phật giáo biên soạn, Diêm Vương nhìn thấy linh hồn đã được bắt về, câu đầu tiên ông ta hỏi là: "Nhà ngươi có đọc kinh không?" Nghiễm nhiên đó là ranh giới giữa người tốt và người xấu, ít nhất thì người đọc kinh cũng sẽ được giảm tội một bậc. Xin độc giả đừng nghĩ Diêm Vương là kẻ ngờ nghệch, thực ra ông ta cũng giống chúng ta những năm tháng trước đây, cứ có người tới thành phố là hỏi "xuất thân của cậu thế nào?" mà thôi. Những năm đầu thập niên bảy mươi của thế kỷ trước, chúng tôi đi trên con đường lớn ở trung tâm thành phố nhỏ này, một người nông dân già đi một chiếc xe đạp không phanh, không chuông đâm vào một bà lão khiến bà không đứng dậy được. Cảnh sát tới giải quyết, định giữ xe đạp của người nông dân lại, nhưng dù họ có hỏi anh ta cái gì, anh ta đều giữ chặt tay lái chiếc xe đạp miệng lặp đi lặp lại một câu: "Tôi là nông dân nghèo", khiến những người đứng xem xung quanh và cảnh sát đều không nhịn được cười. Người nông dân già mặt mày tái nhợt, có lẽ trong bụng cũng đang thắc mắc: "Mình đã nói mình là nông dân nghèo rồi, sao họ vẫn còn muốn truy cứu nhỉ? Người thành phố thật chẳng hiểu đạo lý gì cả!" Vì thế Diêm Vương hỏi một câu: "Ngươi có đọc kinh không?", chính là muốn xác định rõ xem anh ta là người nhà hay người ngoài, chứng tỏ tính giác ngộ giai cấp của Diêm phủ vẫn rất cao.

4

Sổ sách dưới Diêm phủ nhiều như vậy, tạm thời không quản chúng nữa, để có những tài liệu đó, Diêm phủ phải sắp xếp biết bao nhiêu quan sai, mật thám ở dương gian, nếu như muốn ghi chép tất cả những tài liệu đó vào trong các loại sổ sách, e rằng hàng vạn người viết cũng không kịp. Nếu cho rằng tất cả mọi thứ ở thế giới ma quỷ đều thần kỳ khó đoán, vậy thì những tài liệu kia không cần có người ghi chép, tự nó sẽ hiện lên trên sổ một cách

kỳ lạ và khó hiểu, nhưng thực tế đâu có được như vậy. Phía trên chúng ta đang nói tới "sổ họa khói đen", chẳng phải nhờ người ở dương gian viết giúp đấy sao? Thực ra đây là quy tắc cũ, chỉ cần Diêm phủ bắt nhiều sinh linh trên dương gian, cũng chính là lúc dương gian gặp nhiều tai họa lớn nhất, số lượng người lo sổ âm phủ luôn không đủ, lúc này cần tìm sự giúp đỡ từ phía dương gian.

Tác phẩm *Quảng dị ký* của Đới Phù có chương *Lý Cập*, kể rằng Lý Cập bị bắt nhầm xuống Diêm phủ:

Lý Cập nhìn thấy hàng trăm chiếc xe bò đang chở thứ gì đó, bèn hỏi viên quan lại, những cái đó để làm gì. Viên lại đáp: "Phía Lộc Sơn đang tạo phản, dân thường bị giết nhiều vô kể, hôm nay xe bỏ chở hồ sơ người chết tới đây." Khi đó Lộc Sơn vẫn chưa xảy ra sự cố tạo phản, nên Lý Cập hỏi vặn: "Lộc Sơn vẫn chưa tạo phản, làm sao ngài biết?" Viên lại nói: "Sẽ tạo phản ngay thôi." Rồi Lý Cập lại nhìn thấy hàng trăm người, tất cả đều đang vội vàng lo xử lý hồ sơ người chết.

"Hồ sơ người chết" nói tới ở đây chính là danh sách người sống chuẩn bị bị câu hồn, mấy trăm người vùi đầu vào sao chép danh sách, số sổ sách đó nhiều đến mức cần hàng trăm chiếc xe bò để vận chuyển. Quyển *Hữu đài tiên quán bút ký,* quyển tám của Du Việt, người đời Thanh ghi:

Trong nhân gian, mỗi lần gặp tai họa như lũ lụt, hạn hán, binh đao… đều có người nằm mơ thấy dưới Diêm phủ đang ghi chép sổ sách, nên có lẽ chuyện này là có thật. Đầu năm Hàm Phong, đám giặc cỏ ở Quảng Đông tạo phản, một người ở Hải Diêm nằm mơ thấy mình đi đến một nơi, ở đó văn thư chất cao như núi, mấy chục người đang cặm cụi viết lách.

Câu chuyện này chỉ là cuộc chiến tranh giữa Thái Bình Thiên Quốc và chính quyền nhà Thanh khiến rất nhiều người thiệt mạng. *Liêu trai chí dị,*

quyển tám, chương *Chiếc quan tài nhỏ* có phần *Ngô đường phụ ký kể,* trước khi vụ án Thanh Hà bị bại lộ, "liên tiếp có người bị ma ám, nói rằng Diêm phủ đang cấp bách làm sổ", ý chỉ những người chết trong vụ án này sẽ rất nhiều nên Diêm phủ đang gấp gáp làm sổ hồ sơ cho họ. Sau khi làm xong, sổ sách đó sẽ được dùng xe chở tới chỗ Diêm Vương và các Phán quan, có thể còn cần thêm mấy trăm người viết thẻ câu hồn. Còn trường hợp cầm sổ đến hiện trường điểm danh mà chúng tôi đã nhắc tới trước đó lại mang tính chất bán buôn, có thể bỏ qua việc viết thẻ câu hồn.

Cần phải nói rõ một chút, đó là đã có sổ sinh tử, sổ ẩm thực, tuổi thọ của con người đã được hạn định, đến lúc đó chỉ cần đưa số người hết dương thọ đã có mặt vào một tờ danh sách, như thế cũng được rồi. Vậy việc gì phải "làm sổ" nữa? Có lẽ nó được áp dụng theo trình tự của "ngục Hưng Đại" trên dương gian. Ngục Hưng Đại triều nào cũng có, nhưng hình như cứ cách vài năm mới có một lần sẽ không đủ để thể hiện uy phong của hoàng quyền. Một nhà ngục được xây lên là hàng trăm, hàng vạn người được đưa vào đó, cho dù số lượng đó chỉ chiếm năm phần trăm tổng dân số nhưng cũng đã đủ mệt cho bậc làm quan lo xử lý công tác làm sổ, nhưng cũng may dương gian không cần làm sổ vẫn có thể bắt giết tùy tiện, không sợ làm lỡ việc, cho dù sau này có phát hiện ra sai sót thì cũng chỉ long ân đại xá cho một chút, đưa tất cả những nhân vật tên tuổi viết vào các bản chính văn, liệt vào bậc anh hùng trung hậu, viết đến mức những tên tuổi đó rất huy hoàng trong cả hai mươi lăm bộ sử của Trung Quốc, còn những người khác sẽ là người được các bậc anh hùng trên đại diện.

Thực ra, ngoài những đợt tai họa lớn mấy năm nay xảy ra một lần, ngay cả lúc bình thường, việc làm sổ dưới âm ti vẫn rất tất bật. Chỉ có điều, sổ câu hồn được làm đơn giản hơn, bỗng chốc câu kéo hồn của mấy chục người, mấy trăm người cũng không thành vấn đề. Vấn đề ở chỗ Diêm phủ có nhiều loại sổ sách như vậy, đặc biệt là các loại sổ thiện ác, sổ công danh tội lỗi, bình thường đã cần một lượng lớn đặc vụ và thư lại… thật khó để

tưởng tượng ra một lượng công việc lớn như vậy. Theo quan điểm trong phần *Sổ thổ địa*, quyển ba, cuốn *Tập di tân sao* của Lý Hạc Lâm, người đời Thanh, loại sổ này cần được làm từ chỗ thần Thổ Địa, nhưng thần Thổ Địa thỉnh thoảng cũng đi bắt người trên dương gian. Nghe nói trong miếu thổ địa:

Hơn chục người ngày đêm không ngừng viết lách, theo báo cáo của Táo Quân trong các gia đình, tất cả những điều thiện ác lớn nhỏ đều được thông báo từng ngày, từng giờ, ngay cả những điều xảy ra trong lúc ăn, lúc uống, thậm chí ngay cả những lời thủ thỉ trong màn, tất cả đều được ghi lại không thiếu một từ.

Phạm vi cai quản của thần Thổ Địa có thể tương đương với ủy ban khu dân cư hoặc cảnh sát phường. Ông ta lại đặt tai mắt ở từng nhà dân một, các vị Táo Quân ngày ngày đến thông báo những công to việc nhỏ, không sót thứ gì. Nếu dùng những quyển sổ này để ghi chép lại thì không biết kiếm nơi nào để chất cho hết chỗ sổ sách, nhưng phí hỗ trợ công tác lại tương đối khả quan.

Tuy nhiên, đó vẫn chỉ là những việc nhỏ, thư lại vất vả cực nhọc, chí ít cũng chỉ đến mức "cổ tay" rã rời, thực sự vất vả phải là những biệt phái viên ở dưới làm công tác thu thập thông tin tình báo. Chỉ riêng ghi chép việc "xem sách khi đại tiện", thì họ phải "bám sát" các nhà vệ sinh, đối với Táo Quân, ông làm việc trong nhà dân, mấy nhân khẩu trong nhà đi vệ sinh lúc nào Táo Quân đã nắm rõ mồn một, vì thề ông không cần làm một chiếc "hố xí lá" nữa, ông chỉ cần để ý một chút là xong. Nhưng đáng thương là những anh đặc vụ ngồi trong các nhà vệ sinh công cộng, đặc biệt là nhà vệ sinh ở các thành phố sầm uất, các cơ quan, trường học, người nhiều phức tạp không cần nói, cái chính là mùi ở những nơi đó khiến anh càng cảm thấy khó chịu, nên công việc thu thập tình báo này thực sự rất vất vả, ít nhất người thường như chúng ta sẽ không thể chịu đựng được trong mấy phút.

Chắc chắn sẽ có không ít quỷ mật thám oán hận luật "cấm mang sách vào nhà xí" thật nhiều chuyện, họ nhớ nhung những ngày tháng thái bình khi Tần Thủy Hoàng lên ngôi, ai lẩm bẩm sách thơ là bị chặt đầu, nhưng chắc chắn cũng không có người ham vui mà không thấy mệt bao giờ. Viết vẽ đến đây, rồi không chịu được cũng phải lệch dòng vẹo chữ.

Đương nhiên vẫn chưa có kẻ ngu ngốc đi bám sát đến cùng chỉ để ghi chép việc "xem sách khi đi vệ sinh", nhưng những việc tương tự cũng không phải không có, đó là để có được những thông tin tình báo quan trọng hơn. Một cậu học sinh bị theo dõi vừa từ nhà vệ sinh đi ra, lập tức có một đôi chăm chú nhìn một người bạn học khác của cậu ta đi vào, cậu ta lần tìm một trang giấy đã dùng qua trong cuộn giấy đang cầm trên tay, nghiên cứu một chút xem trên tờ giấy đó viết gì. Bởi hồi đó, sinh viên nghèo đi vệ sinh chỉ dùng giấy nháp đã viết chữ, còn những chỗ trống trên tờ giấy nháp cũng được dùng để luyện chữ, việc này có khả năng vô tình tiết lộ ra điều gì đó. Ngày này qua ngày khác. Cũng không phải những vất vả như vậy không nhận được thành quả. Nghe nói sau này phòng cất giữ hồ sơ của khoa chúng tôi đã phát hiện ra một bao "tài liệu" được cất giấu rất kỹ càng, sau khi tháo bỏ liên tiếp mấy lớp giấy, cuối cùng bên trong là một chiếc khăn tay giấy bên trên có viết chữ. Tôi thường nghĩ, ông trời nếu thật sự giáng xuống trần gian những nhân tài bất đắc dĩ, có những sinh viên thường ngày không phân biệt được rõ đâu là tân ngữ đâu là bổ ngữ, khi gặp phải những việc có gian tế như thế này, học lại có một linh cảm sắc xảo, có thể đưa ra những phương án rất kỳ diệu.

Khăn giấy trở thành thông tin tình báo, việc này không phải không có khả năng xảy ra. Nếu đối phương là đặc vụ Tưởng của quân Mỹ, thì có lẽ chiếc khăn giấy này có thể tiết lộ một vụ án lớn kinh thiên động địa như các vụ án phản Đảng phản quốc, vậy thì việc này còn có trở thành một đề tài để các cây viết sắc xảo phát triển thành một bài văn hay, biên soạn vào sách giáo khoa trung học. Thử nghĩ mà xem, hằng ngày cậu sinh viên bị theo dõi

này đều âm thầm nghiên cứu, kiểm tra, nhận biết mọi thứ, cậu ta làm việc chăm chú, quên mình, mà người này thực ra lại trung hậu đến mức không đọc hiểu những ám hiệu của bọn phản cách mạng, vì thế chỉ có thể đưa cậu ta đến chỗ lãnh đạo chờ định đoạt, và rồi trên bàn làm việc của lãnh đạo có bày hàng đống các loại giấy tờ như vậy, do các nhà chơi trò đầu tranh giai cấp với khứu giác siêu phàm nghiên cứu, phân tích từng chữ, từng câu một, cuối cùng đã lựa chọn được ra tờ giấy này. Cả một quá trình thật khiến người ta cảm động! Chỉ đáng tiếc, tờ giấy ăn đó không hề để lộ ra những thông tin kinh thiên động địa của bất kỳ vụ trọng án nào, vì nó chỉ tạm thời phải nằm trong phòng hồ sơ, chờ đợi các thông tin tình báo khác có được sau này, sau đó gắn lại thành án, lúc đó mới thực hiện việc mưu sát cả cuộc đời người thanh niên kia.

Tôi ghi chép những điều này, để độc giả biết được rằng chúng tôi đã từng sống trong một thời đại như vậy, đã từng tự hào được làm một việc dơ bẩn như vậy. Những người chủ trì công tác đó nay cũng đã bảy, tám mươi tuổi, có lẽ cũng sắp đến lúc "để anh nhớ lại chuyện xưa" như Ostrovsky đã nói, vậy các bạn có nên nghiêm túc kiểm điểm mình khi nghĩ lại những việc trong quá khứ, quốc gia và nhân dân giao con cái của họ cho các anh, hy vọng các anh đào tạo chúng trở thành những nhân tài có ích cho đất nước, còn các anh - những "giáo viên", các anh đã làm những gì? Các anh huấn luyện một số người trở thành mật thám, để lợi dụng họ tìm cách cho một số người khác trở thành kẻ thù giai cấp, từ đó dạy dỗ đa số sinh viên còn lại thành những người dân ngoan ngoãn mất khả năng tư duy, đó là sự nghiệp mà các anh từng thề sẽ cống hiến "cả tính mạng và toàn bộ tinh lực của mình" cho nó ư? Hoặc đó chỉ vì muốn nhuộm đỏ chiếc mũ trên đầu và thỏa mãn việc vận dụng những biến thái tinh thần, căn cứ theo nhu cầu các anh có thể tùy lúc chi phối điên đảo thủ đoạn xu thời?

Sau thời kỳ cải cách văn học, nghe nói những thứ trong túi hồ sơ đã được thanh lý đi nhiều, những tài liệu mật giả tạo để vu cáo kia cũng bị tiêu hủy.

Lúc đó, lòng người thảnh thơi, nhưng sau đó nghĩ lại không tránh khỏi cảm giác lỗ mãng, thực ra nên lưu lại chút chứng cứ mang tính đại diện thì hơn. Bởi chúng không chỉ chứng thực rằng con người có thể đê tiện đến mức độ nào, mà còn ghi lại sự hy sinh xương máu của biết bao người vô tội do sự đê tiện đó gây ra.

Chương 15: Xác chết sống lại - đọc thuyết cương

Trong tác phẩm *Thuyết cương*, tôi đã từng dẫn chứng Kỳ Quân và Chu Tác Nhân, nói xác chết di động có hai loại. Trong chương trước mới chỉ nói về loại thứ hai, chưa nói loại thứ nhất, tức "người mới chết chưa liệm, bỗng nhiên bật dậy tóm lấy người", *Liêu trai chí dị* gọi đó là "xác chết sống lại".

Xác chết sống lại trong *Liêu trai chí dị* thực ra chính là "sạ thi" mà người miền Bắc Trung Quốc thường nói. Nói một cách chung chung, xác chết di động chính là một thể dị biến của thi thể người vừa mới chết, nó vốn là tên gọi chung của mấy loại "hiện tượng", "sạ thi" chỉ là một loại trong số đó. Nói cụ thể hơn, xác chết di động nên chia làm hai loại, một loại hung (xấu), xác chết đi lại, nhảy múa… một loại cát (tốt), thi thể người chết bỗng tỏa ra một mùi thơm kỳ lạ hoặc cơ thể mềm ra chứ không cứng đơ. Những xác chết di động "cát - tốt", tức khi sống sắc mặt vàng vọt, lúc này bỗng trở nên hồng hào lạ thường, nhưng cũng không thể đặt ở đó cho mọi người tới tham quan được, cuối cùng vẫn phải đưa đi mai táng. Quả thật loại xác chết này cũng không hấp dẫn. Vì thế, ở đây tôi chỉ nói về loại xác chết di động mà mọi người hứng thú hơn, đó tất nhiên là loại xác hung rồi.

Miền Bắc trong giai đoạn gần đây, nói là gần đây nhưng thực chất cũng đã cách thời điểm hiện tại đến bốn, năm chục năm rồi, mỗi lần có việc tang, thế hệ người già, đặc biệt là những cụ già đã làm nghề "khiêng đòn" trong đám tang, họ ngồi lại với nhau bàn về những quy định trong tang lễ, và ở đó không thể không nhắc tới "xác chết sống lại", ý để chỉ phải đề phòng nếu xảy ra, nhưng lũ trẻ con chúng tôi lại đón nghe chúng như những câu chuyện ma. Đại khái nói là có người chết nhưng chưa liệm, thi thể được đặt trên linh sàng (đối với các gia đình bình thường thì linh sàng cũng chỉ là một tấm gỗ được mua với giá hai tệ hoặc đôi khi chỉ là tấm cưa gỗ), thi thoảng vì một nguyên nhân nào đó mà xác chết bỗng nhiên đứng bật dậy, hơn nữa có trường hợp còn lao về phía người sống. Thế là cần có một số điều cấm kỵ, liên quan đến nguyên nhân mà xác chết sống lại được. Có người nói đó là do lôi chấn, tia điện tử sấm sét truyền qua xác chết, có người lại nói đó là sự cảm ứng của chó và mèo, cụ thể là nếu có chó nằm dưới xác chết, mà phía trên lại có con mèo nhảy qua xác chết, gây ra hiện tượng hai luồng khí âm dương giao nhau qua xác chết. Có lẽ còn có những nguyên nhân khác, đáng tiếc các cụ không còn nhớ rõ được. Tóm lại, đó là sự phát huy "của hai luồng năng lượng giữa thần và quỷ", kết quả dẫn tới xác chết xảy ra sự biến dị, bỗng nhiên có thể hoạt động, thậm chí ngồi dậy, nhảy xuống, thậm chí còn đuổi theo người sống. Người sống không nên sỡ hãi khi thấy xác chết cử động, bởi phần đầu của xác chết đã bị cương cứng, không thể hoạt động được nữa, vì thế, nếu gặp phải trường hợp này bạn chỉ cần đi vòng, như vậy xác chết sẽ bị mất mục tiêu, hoặc bạn cũng có thể tránh vào phía sau những đồ dùng gia đình như bàn ghế, như vậy xác chết sẽ bị kẹt ở một bên, chỉ có thể ở một chỗ cử động mà thôi. Nhưng trò chơi đuổi bắt hay đứng đối diện với xác chết mà nhìn nhau như vậy cũng không có gì thú vị, vì thế cách tốt nhất là "xử lý" nó. Nếu gan bạn lớn, có thể dùng một chiếc gậy, linh nghiệm nhất là dùng một cán chổi hạ gục nó, khi đã bị ngã gục xuống thì nó không thể đứng dậy được nữa, lúc đó nó cứng đờ trên mặt đất, sự việc coi như đã được xử lý xong[1].

[1] Khi đối phó với xác chết di động, cái khiến người ta khâm phục nhất chính là sự dũng cảm, to gan của người đó, nghe nói đó là sự việc xảy ra tại trường đại học Sơn Đông vào thời Dân Quốc. Một sinh viên bị bệnh rồi chết đột ngột, do người nhà chưa tới, nên xác của cậu sinh viên đó chưa được liệm, bốn người bạn học thay nhau trông chừng linh cữu của cậu. Nửa đêm, bốn người bạn chơi mạt chược để giết thời gian, người ngồi quay lưng lại với xác chết muốn hút thuốc mà không có diêm. Một sinh viên nói, trên linh sàng (giường đặt xác chết) có diêm. Cậu sinh viên kia đi lấy diêm châm thuốc, rồi lại ngồi về vị trí cũ. Bỗng xác chết kia ngồi dậy, đứng ngay phía sau cậu sinh viên đang hút thuốc. Cậu sinh viên ngồi đối diện nhìn thấy, vội hô lớn: "Xác chết sống lại rồi, cậu đừng động đậy!" Nói rồi cậu ta bảo hai người bạn ngồi bên trái và bên phải nhấc chiếc bàn lên để người kia chui xuống gầm bàn sang phía bên này, rồi lại đặt bàn xuống, còn xác chết kia đã ngã rạp trên mặt bàn.

Các cụ già truyền lại cho chúng tôi những câu chuyện ma này, đó cũng là những kinh nghiệm cuộc đời của họ, làm chúng tôi chú ý khi trông coi linh cữu người ta không được cho chó mèo đi vào linh đường, nhỡ đâu không cẩn thận, khi xuất hiện xác chết sống lại cũng còn có kế sách ứng phó. Nhưng việc này giống như thuật bắt rồng vậy, ngàn năm mới có một cơ hội để thực hiện, mà nếu gặp phải rồi, thì lại không biết có linh nghiệm hay không. Khi các bậc đại sư huynh Nghĩa Hòa Đoàn phò Thanh phản Dương (Tây phương), đã từng đem thủ thuật đó truyền lại cho nhân dân, dùng nó để đối phó với liên quân tám nước, nào ngờ, cái không thể cử động được chỉ là viên đạn của súng tây, còn đám quỷ tây dương kia vẫn biết quay người di chuyển.

Trong dân gian truyền lại, những xác chết sống lại đa phần đều đã mất ý thức, còn trong các câu chuyện ma, chúng lại trở thành những con quỷ đi quấy nhiễu cuộc sống của con người. Trong đó đáng sợ nhất phải thuộc về chương *Xác chết sống lại* trong *Liêu trai*. Nhưng chương này hình như không phải của Bồ Tùng Linh, mà nó là câu chuyện trong dân gian, bởi những câu chuyện với các tình tiết tương tự đã xuất hiện không ít trong những tác phẩm bút ký khác, ví như chương *Xác chết bật dậy* trong *Đàm thị bút thừa - U minh* của Đàm Thiên, người đời Minh: "Huyện Lạc Xuyên có một người nọ qua đời, họ hàng trông coi linh cữu qua đêm, từng người luân phiên ngủ. Bỗng nhiên xác chết bật dậy, hít dương khí từ miệng người đang

canh. Người này sợ hãi chạy vào nhà trong, xác chết chạy theo, xác chết và người kia cách nhau một cánh cửa. Sáng sớm tất cả mọi người tập trung lại, tạt máu chó vào xác chết, xác chết ngã rạp xuống, chưa đầy một tháng sau, người bị xác chết hít dương khí từ miệng cũng qua đời." Đây có thể là phiên bản gốc mà Bồ Tùng Linh dựa theo, tuy ông chuyển việc hít dương khí thành thổi âm khí cho người sống, nhưng đạo lý âm khắc dương là như nhau. Muộn hơn so với Bồ Tùng Linh là Dung Nột, cư sĩ với tác phẩm *Chỉ văn lục*, trong đó, ở quyển ba có chương *Âu Dương Giả* lại một lần nữa mang đến cho người đọc những nội dung cũ rích, chỉ là ngoài thổi âm khí vào người sống, người đó sẽ chết, mà còn bị xác chết cắn vào đầu, sau đó hút mất não. Chi tiết này được pha trộn từ tình tiết "la sát mỵ" trong những câu chuyện bút ký thời Đường. Rồi cuối cùng là chi tiết xác chết đuổi người cũng có chút khác biệt, trong *Liêu trai*, xác chết sau khi nghe thấy tiếng gà kêu sẽ tự ôm gỗ mà chết thực sự, còn trong *Chỉ văn lục* nó được sửa thành khi xác chết gặp một ông lão râu tóc bạc phơ đưa tay chỉ vào xác chết, xác chết lập tức quay đầu chạy trở về. Tự nhiên lại xuất hiện một lão thần tiên cứu mạng, không những không sợ hãi như trong *Liêu trai* mà cách chiến đấu giữa thần tiên và xác chết sống lại cũng thật buồn cười.

Rất rõ ràng, nguyên nhân tâm lý khi sáng tác những câu chuyện ma quỷ chính là sự kinh hãi của bản than đối với xác chết. Một xác chết chắn ngang đường đi, dù anh ta có là Nhiếp Chính hay Đậu Nga cũng đều khiến người thường cảm thấy kinh hãi, đặc biệt là lúc đêm hôm vắng vẻ. Nhưng xác chết sống lại cũng không hoàn toàn là những điều bịa đặt vô căn cứ. Người sau khi chết, xác được đặt trên giường, do cơ thịt và các dây thần kinh xuất hiện sự co giật, nghiêm trọng hơn có thể xuất hiện những động tác nhỏ như "cử động ngón chân ngón tay", những chuyện này là có thực.

Tôi đã từng hỏi một cụ già làm nghề "khiêng đòn" đã mấy chục năm, rốt cuộc ông đã gặp trường hợp xác chết sống lại nào chưa. Ông nói chưa, nhưng có một lần, khi ông và người nhà của người chết đang trông linh cữu,

thấy cánh tay của người chết bỗng nhiên co giật một cái, vị người nhà kia lập tức sợ hãi, chuẩn bị sẵn tư thế để chạy thật nhanh bất cứ lúc nào. Ông vội thì thầm: "Các anh đừng vội chạy, ai chạy càng nhanh thì nó càng đuổi theo người đó." Một hiện tượng khác tương tự được ghi trên sách cổ, gần nhất là *Quân lang ngẫu bút*, quyển hạ của Tống Lạc, người đời Thanh, viết: "Giả Tĩnh Tử tiên sinh chết trên giường, rất nhiều người đến khóc ông, thấy tay tiên sinh khẽ động đậy vài lần, như muốn nói lời cảm ơn họ." Càng thực tế hơn là trường hợp "xác chết sống lại" của hoàng đế Tống Anh Tông, Cường Chí, người Bắc Tống có viết *Hàn trung hiến công di sự*, trong đó từng ghi lại sự việc này:

Tống Anh Tông vừa mới băng hà, người ta vội vã triệu Thái tử tới (Tống Thần Tông là Thái tử lúc bấy giờ). Người chưa kịp tới, tay Anh Tông khẽ động đậy. Thầy tu (Tăng Công Lượng) thấy kinh ngạc, vội vàng bảo Hàn Kỳ ngăn việc triệu Thái tử đến. Hàn Kỳ không đồng ý mà rằng: "Tiên đế sống lại, thì vẫn là Thái thượng hoàng." Sau đó giục người cho gọi Thái tử tới.

Cường Chí từng vào thăm phủ mộ của Hàn Kỳ, việc này là việc lớn, không ai dám bịa đặt linh tinh, vì thế sự việc này đã được Từ Can Học, người đời Thanh ghi chép vào *Tư trị thông giám hậu biên*. Xem ra xác chết sống lại cũng chỉ có vậy, xin nói một câu xin lỗi tới Lão Thao, nó na ná với món "cá sống chua ngọt", chạm vào mang thì đuôi động đậy mà thôi, chứ nó không thể ngoe nguẩy bơi trong nước được nữa rồi. Ví von như vậy cũng không có gì là bất kính đối với những xác chết tác oai tác quái, nhưng lại không thể để các bậc Vạn tuế gia biết được. Nếu những nhân vật đế vương có hứng thú "làm thực nghiệm" thì đó mới là đáng sợ nhất, có người từng chặt cẳng chân của con người để nghiên cứu tủy xương như thế nào, có người mổ bụng phụ nữ mang thai để nghiên cứu về phôi thai, nếu các bậc đế vương muốn cảm nhận sự giãy giụa của con cá sốt chua ngọt, từ đó liên tưởng đến việc người sống chưa thử thì chưa thể sốt chua ngọt đoýc,

vậy chẳng phải là hỏng bét sao? Cái hỏng ở đây không chỉ là ở nỗi đau và cái chết của người bị đem ra làm thí nghiệm, mà nó còn hỏng hơn nữa nếu thí nghiệm thành công, sau khi thử nghiệm ông ta có thể lại nhảy ra từ trong quan tài. Hàn Ngụy Công nói rất nhẹ nhàng: "Dù có sống lại thì cũng chỉ có thể để ngài làm Thái thượng hoàng". Chỉ dựa vào câu nói này ông ta có thể bị chu di cửu tộc, nếu hoàng thượng nhảy ra từ trong quan tài, anh chỉ cho ông ta làm Thái thượng hoàng liệu ông ta có chịu không? Vì thế kết quả chỉ có thể là, nếu không muốn xác chết này sống lại, hãy lấy một cán chổi cán ông ta trở lại vị trí cũ.

2

Những ghi chép nói về xác chết sống lại ta đã bắt gặp rất nhiều. Có người cho rằng xác chết sống lại được ghi lại sớm nhất là trong *Sử ký - khốc lại liệt truyện*: "Y Tề là người tàn tác nhưng thanh liêm, khi còn sống ông đảm nhiệm chức Đô úy Hoắc Dương, ra tay rất nặng với bọn cường hào địa phương, đã từng giết không ít người trong số chúng. Ông qua đời tại nơi mình nhậm chức, tất cả những kẻ thù của ông đều muốn thiêu cháy xác ông, nhưng xác ông đã chạy trốn khỏi nơi an táng." Một cách nói khác, sau khi Y Tề chết, ông biết rõ kẻ thù sẽ không bỏ qua cho mình, nên "sợ kẻ thù tới đốt, nên xác ông đã bay đi." Từ Hoắc Dương, An Huy đến quê nhà Trang Bình, Sơn Đông cách nhau mấy trăm dặm, dù là bay hay đi thì xác chết cũng đều khiến người khác thấy sợ. Nhưng tôi đoán rằng, chân tướng sự việc chẳng qua chỉ là Y Tề đoán được sau khi mình chết sẽ bị báo thù, nên ông đã căn dặn người than của mình trước, kẻ thù chưa kịp ra tay thì xác ông đã được nhanh chóng chuyển về quê nhà. Nhưng sự việc một khi đã bị lan truyền thì nó đã trở thành câu chuyện đầu tiên ghi chép về xác chết di động. Nếu xác chết của Y Tề thực sự có thể nhảy ra từ trong quan tài, vậy chẳng phải "Gia Cát đã chết vẫn đánh đuổi được Trọng Đạt đang sống" sao? Kẻ thù có dọa thì bản thân cũng đã chết rồi, hà tất phải chạy trốn về quê làm gì?[2]

[2] Tác phẩm Nhật tri lục của Cố Đình Lâm tiên sinh là một trong số những tác phẩm kinh điển được nhiều người yêu thích, nhưng những đoạn cãi bừa của ông cũng rất gây cười. Trong truyện Hỏa táng, để chứng minh quan điểm cho rằng hỏa táng là vô nhân đạo của mình, ông một mực cho rằng Y Tề tuy chết rồi nhưng vẫn rất linh, khi nghe kẻ thù nói muốn đốt xác ông, đã khiến ông sợ hãi mà bay đi mất.

Nhưng ngoài chính sử ra, những câu chuyện ghi chép về xác chết sống lại thực sự không nhiều, hơn nữa, nếu có cũng thường được viết với những tình tiết khác nhau. Dưới đây tôi xin giới thiệu vài loại dựa theo mức độ nghiêm trọng khác nhau của chúng.

Một loại là xác chết bỗng nhiên bật dậy trên linh sàng, ngồi đơ ở đó, không có cử động nào khác. Trong *Di Kiên chi đinh* của Hồng Mại, quyển hai có chương *An thiếp Nhu nô*, viết: "Nhu nô mắc bệnh phù thũng, người ta mời hòa thượng tới làm pháp sự. Pháp sự vừa mới bắt đầu, xác chết bỗng nhiên ngồi dậy. Mọi người thấy vậy, sợ hãi chạy toán loạn, chỉ riêng lão hòa thượng vẫn một mình đứng đó. Hòa thượng nói: "Đây là xác chết sống lại, sao phải sợ hãi như vậy?" Hòa thượng đưa chân đạp đổ xác chết xuống, rồi nhanh chóng khiêng xác bà cho vào trong quan tài, mọi chuyện thế là xong." Vai xác chết được hoán đổi rất nhanh, lúc nằm trên giường thì vẫn được mọi người thương cảm, khóc thương, nhưng khi ngồi dậy lại khiến người ta sợ hãi, chịu một đòn nặng tay là lập tức ngoan ngoãn trở lại. Nhưng trên thực tế chưa chắc đã có chuyện như vậy. Theo chương *Thi quệ* trong *Đàm thị bút thừa - U minh* đã nói ở phía trước, "thi quệ" chỉ là một cách gọi khác của "sạ thi". Thông thường, sau khi ngồi ậy, xác chết sẽ nhảy xuống đất. Nhưng bà Di không hề làm tất cả những động tác đó, tưởng tượng thần thái lúc đó, hình như xác chết vừa bừng tỉnh sau một giấc mộng dài, đang băn khoăn không hiểu tại sao mình lại nằm đây. Nếu ta bạo gan có thể suy luận rằng, đó là một dạng tỉnh lại sau cái "chết giả". Không ngờ bà ta tỉnh dậy không đúng lúc, bị lão hòa thượng mắc bệnh chủ nghĩa kinh nghiệm nhận nhầm là xác chết sống lại, một cước đạp thẳng xuống, khiến bà Di chết thật.

Một loại là "xác trương", tức thi thể trương phềnh không bình thường. *Di Kiên chi đinh*, quyển một có chương *Vương đại khanh*, nói tri phủ huyện Bình Giang Vương Quý Đức, vào cung mới được một tháng thì đột tử. "Các quan trong cung hợp sức lo tang lễ, lúc sắp nhập liệm, thi thể bỗng nhiên trương phềnh, không thể nhét vừa quan tài." Mãi đến khi chiếc quan tài mà bị tri huyện này đã chuẩn bị từ trước được đưa tới, thi thể mới hồi phục lại nguyên dạng. Hóa ra người chết cũng giống như một số người ngủ phải kén chọn giường, quan tài của người khác khiến ông ta không thoải mái. Đương nhiên cũng có thể bổ sung khi đọc lời truy điệu, xem ra vị quan tri huyện này không muốn nhân thể chiếm lợi bất chính từ công quỹ, vì thế mới xảy ra trường hợp đặc biệt này, từ đó tạo tấm gương lớn cho tất cả các cán bộ của chúng ta. Nhưng theo chương *Tiết lục sự ngư phục chứng tiên*, quyển hai mươi sáu, cuốn *Tỉnh thế tuyên ngôn*, loại xác trương phềnh này dường như không phải hiện tượng gì đặc biệt:

Chỉ thấy người ta thường nói: "Thời tiết tháng Bảy nắng nóng, nếu nghe thấy một tiếng sấm, xác chết lập tức trương phềnh, như thế làm sao mà nhét vào quan tài được?

Quyển một, cuốn *Ngũ tạp trợ* của Tạ Triệu Chế, người thời Minh nói:

"Phong tục thông" có ghi: "Nổi sấm thì không đậy hũ tương", tiếng sấm phát ra từ vùng âm khí, các vật đang trong trạng thái co rút, nếu chạm vào nó, vật sẽ xuất hiện sự biến đổi. Ngày nay người mới chết nếu chưa được liệm, nghe thấy tiếng sấm, thi thể lập tức trương phềnh.

"Nổi sấm thì không đậy hũ tương" hay còn nói "có sấm thì không làm tương", có rất nhiều cách giải thích, nhưng tôi cho rằng, cách giải thích của Tạ Triệu Chế khá hợp lý, tiếng sấm vừa nổi, tương trong hũ sẽ trương lên (chính là lúc tương lên men), phải bỏ nắp đậy hũ tương ra. Nhưng nếu nói xác chết và hũ tương giống nhau trong trường hợp này lâu dần cũng khiến

người ta không phục, hơn nữa không sợ rằng nếu sấm nổ liên hồi thì xác chết kia sẽ trương đến mức vỡ quan tài ra sao? Thôi kệ, tóm lại, trong dân gian vốn đã quen với cách nói nghe tiếng sấm, xác trương phềnh, nó thuộc vào loại hiện tượng tự nhiên, nên cũng không cần bới móc nhiều.

Một loại xác khác là "xác nhảy múa", xác chết nhảy múa, uốn lượn theo tiếng nhạc. Sự việc này chỉ thấy trong quyển mười ba, cuốn *Dậu dương tạp trở* của Đoạn Thành Thức, người thời Đường:

Ở Hà Bắc, vợ của một trưởng thôn vừa mất, chưa liệm. Cuối ngày, con cái bà ta bỗng có cảm giác có tiếng nhạc càng lúc càng gần, khi tiếng nhạc đi đến phía gian nhà chính, xác chết bỗng cử động. Tiếng nhạc đi vào trong phòng, chỗ giữa hai chiếc cột nhà, xác chết liền đứng lên nhảy múa. Tiếng nhạc lặp lại rồi đi ra ngoài, xác chết cũng múa lượn theo ra cửa, cứ thế, tiếng nhạc đi tới đâu, xác chết đi tới đó. Người nhà thấy vậy vô cùng kinh sợ. Đến khi đêm khuya, trăng đã lên, họ không dám đi tìm xác người chết nữa. Canh một, trưởng thôn trở về, sau khi biết chuyện, ông chặt một cành dâu to bằng cánh tay, mang theo chai rượu đi tìm, vừa tìm ông vừa quát mắng. Khi đến một khu nghĩa địa cách nhà khoảng năm, sáu dặm, ông nghe thấy tiếng nhạc ở phía một cây bách. Trưởng thôn tiến gần đến chỗ cây đó, dưới cây lửa cháy bập bùng, ông giơ gậy dâu lên tấn công, xác chết ngã xuống, tiếng nhạc cũng tắt theo. Trưởng thôn vác xác vợ trở về nhà.

Tôi thấy câu chuyện này khá thú vị. Rất nhiều câu chuyện tương truyền về thần tiên đều có nhắc đến một người tu đạo nào đó. Khi người này chết, người khác nghe thấy tiếng nhạc, gọi đó là nhạc tiên, người ta nói tiếng nhạc đó do thần tiên trên trời phái đội danh dự đến đón người chết về trời. Nhưng vợ của trưởng thôn ở đây chưa từng đọc truyện tiên, không hiểu trình tự của việc "áp giải xác chết", vừa nghe thấy tiếng nhạc liền hưng phấn quá mức, linh hồn chưa được giải thoát đã nhảy múa tưng bừng, kết quả là trong nháy mắt từ tiên nhân biến thành yêu nghiệt, cuối cùng phải

chịu một gậy trời giáng mới ngoan ngoãn để người chồng vác về nhà. Nhưng từ câu chuyện này ta có thể thấy, vị trưởng thôn kia rất thật thà, rất tốt bụng. Nếu khéo léo một chút, chỉ cần kể nửa trước (khi đội nhạc tiên đến đón), thì đó sẽ là cái lộc trời ban, cả phủ huyện, thậm chí cả triều đình sẽ phong vợ ông trưởng thôn làm nhân vật làm cả Đại Đường phải cảm kích, và trong *Thần tiên thông giám*, tỉnh Hà Bắc sẽ có thêm một vị tiên cô.

Một loại xác chết sống lại khác, đương nhiên bản thân nó không có hại cho ai, nó là loại xác chết không tuân theo quy tắc, nó không báo cáo với ai mà đã rời khỏi nơi mà nó nên ngoan ngoãn ở đó. Điều này đương nhiên là không đúng, bởi nó thật đáng sợ. *Mộng xưởng tạp trứ* của Du Giao, người Thanh, quyển tám có phần *Xác chết sống lại* kể rằng:

Tôn Bích Cửu giữ chức phó quận. Một đêm thu, ông xách đèn lồng chơi trò ú tìm ở chân núi Ngọa Long. Bỗng nhiên một luồng gió lạnh thổi tắt ngọn nến trong đèn, ông nhìn phía xa xa bên bìa rừng có ánh lửa như hình con đom đóm, liền tới đó. Thấy một ngôi nhà đất có hai cột chống, cánh cửa gỗ khép hờ, thấy thế ông giả vờ là người đi đường vào xin lửa, nhưng gọi mấy câu mà không thấy ai đáp lời, ông liền bước vào nhà. Bên trong không có ai, ông nhóm xin ít lửa rồi bước ra. Khi ra đến ngoài, ông nhìn thấy một người đàn ông đứng thẳng sau cánh cửa, ông Tôn bèn cười nói: "Huynh ở nhà, sao ta hỏi không thấy huynh lên tiếng?" Ông Tôn đưa nến lên soi, đầu tóc người này rối bù, mắt hơi nhắm, miệng mở hoác, mặt trắng bệch, đây chắc chắn là một xác người vừa chết. Ông Tôn sợ dựng tóc gáy, cuống cuồng chạy như bay về nhà. Ngày hôm sau, ông thăm dò về ngôi nhà đó thì được biết đó là nhà của một người bán rau, chỉ có vợ, không con cái, sau khi ông ta chết, vợ ra ngoài mua đồ về liệm. Xác chết làm thế nào lại đứng nấp sau vửa, đó là điều chưa ai giải thích được.

Thực ra chẳng có gì là "không giải thích được". Tôn Bích Cửu thích chơi trò ú tim, đã làm cán bộ cỡ trung ở phủ nha rồi mà nửa đêm vẫn xách đèn

lồng đi chơi, vừa khéo gặp người đàn ông vừa chết cũng có nhã hứng với trò chơi này, mượn câu nói của Triệu Bản Sơn thì đây cũng chỉ là là "thực ra tôi cũng thích giấu mèo" mà thôi.

Đáng sợ hơn tất cả đó là "xác chết đi lại" hoặc "xác chết lao chạy". Một cách nói tế nhị hơn là "tẩu ảnh", hậu quả của nó vô cùng nghiêm trọng, bởi cái "chạy" của nó lại lấy người sống làm mục tiêu. Trong *Liêu trai* có chương *Xác chết sống lại* chính là một ví dụ điển hình.

3

Xác chết xuất hiện hiện tượng dị biến, một thân sĩ, một cô gái tốt bụng bỗng chốc có thể trở thành một con quỷ chuyên đi gây hại, thậm chí nó có thể để lại những hậu quả nghiêm trọng, vậy trách nhiệm này nên thuộc về ai? Tuy thường ngày mọi người đều tin thần tin quỷ, nhưng đến lúc này lại nhận định "người chết vô tri", không thể chịu trách nhiệm về hành vi của mình. Vậy thì sẽ giống như đối xử với những kẻ mắc bệnh thần kinh, người ta sẽ chỉ trích người nhà của người chết lơ là trông coi, như vậy quả không hợp tình hợp lý, vốn dĩ người chết phải ngoan ngoãn nằm ở nhà, và chắc chắn không thể dùng dây thừng cột người ta lại được. (Cách này không phải không thể thực hiện, nghe nói ngày xưa người phương Bắc cũng có tập tục "dùng dây thừng buộc chân" người chết khi mai táng, đó là khi người chết được đặt lên linh sàng thì dùng thừng buộc hai chân lại.) Vì thế, khi không mong muốn một việc xảy ra, người ta cần tìm một số nguyên do, vừa phải giúp người chết thoát khỏi trách nhiệm, vừa phải bảo vệ danh dự của người chết, Trung Quốc từ trước tới nay không thiếu những nhân tài như vậy, và thế là họ sáng tạo ra vô số những quan điểm, trong đó có ảnh hưởng lớn nhất là cách nói "quỷ mượn xác người".

Loại xác chết di động thông thường sẽ đuổi theo người sống một cách vô thức, nhưng cũng có những trường hợp ngoại lệ, chúng còn gây ra những

việc khác nữa, ví như những việc trai gái trăng hoa chẳng hạn. Trong *Phong tục thông nghĩa* của Niên Ứng Thiệu, cuối thời Đông Hán có ghi lại một loại xác chết di động như sau: "Trạm dịch ở cửa Tây huyện Nhữ Dương, quận Nhữ Nam thường xuyên có ma, khách phương xa đi ngang qua ghé vào ở lại đa phần đều tử vong, hoặc nếu không chết cũng bị cắt mất tóc, sau đó trở thành kẻ tâm thần. Trong quận có một viên quan nhỏ tên là Trịnh Kỳ Hưu, hôm đó đánh xe ra ngoài làm công vụ. Đi đến đoạn cách trạm dịch khoảng sáu bảy dặm, anh ta gặp một người phụ nữ xin đi nhờ xe. Trình Kỳ Hưu giả vờ suy nghĩ trong giây lát rồi để người phụ nữ lên xe. Đi đến trạm dịch, anh ta định dắt người phụ nữ lên gác qua đêm ở đó. Tên lính canh nói trên gác rất độc, không thể lên. Nhưng Trịnh Kỳ Hưu không nghe, khăng khăng đòi lên đó. Đêm hôm đó, Trịnh Kỳ Hưu đã có một đêm mây mưa vui vẻ với người phụ nữ xinh đẹp. Trời chưa sáng, Trịnh Kỳ Hưu lại phải lên đường, đến khi người của trạm dịch lên gác quét dọn, chỉ thấy xác một người phụ nữ đang nằm ở đó, người này bèn vội vã báo cáo trạm trưởng. Trạm trưởng triệu tập thuộc hạ đến điều tra, hóa ra cách trạm dịch tám dặm về phía tây bắc có gia đình họ Ngô, bà vợ vừa chết, nửa đêm khi chuẩn bị chon, thì đèn đuốc bỗng nhiên tắt hết, khi đèn được thắp lại thì xác chết đã không còn ở đó nữa. Việc nhà họ Ngô đến lãnh xác về không nói nữa, mà nói về Trịnh tiên sinh, khi đi được khoảng vài dặm, anh ta bỗng thấy đau bụng, khi đến trạm dịch Lợi Dương ở Nam Đôn, cơn đau trở nên dữ dội, vài giây sau Trịnh Kỳ Hưu tắt thở.

Câu chuyện này khác với những câu chuyện giao cấu giữa người và ma khác, người phụ nữ này không phải là hồn ma, mà là một xác chết, sau khi người ta mang xác bà về nhà, ngoài sự buồn bã vì mất mặt ra, có lẽ cũng chẳng có hành động thương xót nào dành cho bà nữa. Cái chết của Trịnh Kỳ Hưu chắc chắn có quan hệ với xác chết của người phụ nữ này, nhưng gác trên của trạm dịch vốn cũng không phải nơi thanh tịnh, có người nói trên đó có hồn mà luôn thừa cơ hại người có lẽ cũng không phải vô lý, thậm chí có thể căn cứ vào những ám thị trong từ ngữ để suy luận, một loạt những hành

vi rời khỏi chỗ nằm, xin đi nhờ xe, giao cấu với người sống của xác chết này đều là do sự thao túng của con ma trên gác trạm dịch.

Sự việc này đã cung cấp cho con người một "ví dụ thực" trong việc tìm hiểu nguyên nhân các xác chết di động, không phải bản thân xác chết tác oai tác quái, mà là một con quỷ khác lợi dụng xác chết để làm trò ám muội, cũng có nghĩa là "quỷ mượn xác người" đi quấy phá. Đây thực sự là lý do tuyệt hảo để giải thích về trường hợp các xác chết sống lại, sau này nó được áp dụng khá phổ biến, và người tiết lộ sớm nhất có lẽ là Hồng Mại thời Nam Tống.

Di kiên đinh chí, quyển năm có chương *Người Cú Dung*, một sai nha phủ Kiến Khang đi làm công vụ bên ngoài, anh ta phải trở về gấp nên nửa đêm vẫn phải dong duổi trên đường. Lúc đó đang vào mùa đông lạnh giá, anh ra đi đến đất Cú Dung, nhìn thấy dưới chân núi có một ngôi nhà nhỏ vẫn sáng ánh lửa, bèn ghé qua xin sưởi ấm. Sau khi vào nhà, anh nhìn thấy bảy, tám người dân trong thôn đang trông coi một xác chết nằm trên đất, hóa ra người đó thắt cổ chết trong căn nhà này, người dân trong thôn hạ người đó xuống, đang đợi quan phủ tới nghiệm xác. Viên nha dịch thấy mấy người dân làng người thì ngủ, người thì ngồi, bèn ngồi ở đó một lát rồi lại tiếp tục lên đường. Nhưng vừa ra đến cửa, anh có cảm giác như có người trong nhà đi theo mình. Anh nha sai đi nhanh, người phía sau cũng đi nhanh theo. Cứ như vậy, người trước người sau đi được hơn hai dặm. Nhìn thấy phía trước là một con rạch, anh nha sai nhảy phắt qua bờ bên kia, còn người phía sau thì "òm" một tiếng cả đầu và người rơi xuống con rạch. Anh nha sai nhảy xuống vớt anh ta lên thì người này đã chết. Hóa ra, đi theo anh chính là xác chết treo cổ kia! Và Hồng Mại có giải thích rằng: "Đó là "cưỡng hồn", mượn xác người để đi gây hại." "Cưỡng hồn" chỉ một hồn ma khác, chứ không phải hồn của xác chết.

Ý kiến này của Hồng Mại về xác chết di động cũng được khẳng định lại trong một câu chuyện khác, đó là chương *Chứng quả tự tập nghiệp*, quyển sáu, cuốn *Di kiên chi đinh*. Một người họ Vương là người có học tại đất Minh Châu. Vương mỗ thuê một căn phòng yên tĩnh tại chùa Chứng Quả để đọc sách chuẩn bị ứng thì kỳ thi năm nay, trong chùa chỉ có ba, bốn vị hòa thượng. Đêm hôm đó, tại một ngôi làng cách chùa khoảng mười dặm, người ta làm pháp sự siêu độ cho một vong hồn. Đến nửa đêm, Vương mỗ tắt đèn đi ngủ. Bỗng nhiên có người gõ cửa, Vương mỗ hỏi ai, hóa ra là một người bạn cũ, bèn vội vàng mời người đó vào phòng. Người bạn cũ nói: "Vì đi đường vội quá nên không kịp thuê phòng trọ, muốn qua đây ngủ nhờ một đêm." Vương mỗ vui vẻ giữ người đó ở lại, còn bảo người đó lên giường cùng nằm với mình. Nói chuyện một lúc, người bạn mới vừa cười vừa nói: "Có một việc tôi không thể không nói thật với huynh, xin huynh đừng sợ. Tôi đã chết được hơn một năm rồi, hôm nay đến đây là vì thực sự có việc cần nhờ huynh giúp." Lúc đó Vương mỗ thực sự sợ đến toát mồ hôi lạnh, nhưng không còn cách nào khác, anh đành phải tiếp tục nghe người bạn nói. Người bạn tiếp: "Sau khi tôi chết, vợ tôi đã cải giá, quẳng lại đứa con thơ không biết sống ra sao. Lúc tôi còn sống có tích cóp được hai trăm lạng tiền dạy học, chôn ở một chỗ, xin huynh hãy nói cho con trai tôi biết." Nói xong, người đó liền đứng dậy, giơ tay chào biệt. Vương thấy vui mừng vì người bạn đã ra đi, nhưng trong bóng tối anh vẫn có cảm giác như bên cạnh mình vẫn có người nằm đó. Tâm trạng lo lắng, khiến cả đêm anh không sao ngủ được, khó khăn lắm mới trải qua được đêm hôm đó. Sáng hôm sau, anh vội mở cửa chạy ra ngoài. Đúng lúc các hòa thượng cũng trở về, họ đang nói về chuyện lạ xảy ra hôm qua, kinh đã đọc đến mười lần, đến lúc khiêng xác nhập liệm, nhưng đưa tay sờ, dưới tấm chăn hoàn toàn trống không, xác chết không biết đã chạy đi đâu mất. Nghe vậy, Vương mỗ dẫn mấy vị hòa thượng đến căn phòng của mình, thấy một người đang nằm thẳng cẳng trên giường, người này chính là ông cụ vừa mới chết.

Có bạn từ phương xa tới, thì dù người đó có mượn xác để tới, ta vẫn phải vui mừng như khi người đó còn sống, đó chính là "tử hữu". Nhưng sau khi căn dặn xong, bạn từ biệt ra đi, để lại cái xác mượn ở đó, hậu quả của việc không gánh trách nhiệm này vô cùng nghiêm trọng. Câu chuyện này còn có một phiên bản khác, đó là *Thặng huyện sơn am* trong *Di kiên chí bổ*, quyển mười sáu, người bạn căn dặn xong, không chào hỏi một câu mà lặng lẽ rời đi. Ai ngờ, xác chết bị bỏ lại vẫn còn chút linh khí, gây ra những phiền phức lớn, chủ nhân ngủ ngáy, xác chết cũng ngáy theo, chủ nhân mệt mỏi nghiêng người tựa vào tường, xác chết cũng làm thế nửa ngồi nửa nằm, chủ nhân kéo màn ra ngoài khạc nhổ, xác chết cũng bắt chước khạc nhổ theo… Chủ nhân làm gì, xác chết làm nấy, như hình với bóng. Lúc này người chủ mới thấy có gì đó không ổn, bèn nhẹ nhàng xuống giường chạy ra ngoài, xác chết kia cũng chạy theo sau. May mà vị này biết xác chết di đông không thể quặt hay chuyển hướng được, bèn chạy vòng một đoạn, xác chết cứ chạy thẳng, đâm sầm vào cột nhà rồi không động đậy nữa. Kết luận là: "Ma cũ muốn tìm chỗ nhờ vả, nên mượn xác người mới chết để tới. Tóm lại, hồn ma có thể trở lại chỗ cũ, nhưng xác ma mới lại không có nơi dựa giẫm, nên mới dẫn đến chuyện lạ như vậy."

Quan điểm này của Hồng Mai nhận được không ít sự đồng thuận của các thế hệ về sau, điển hình nhất là Đông Hiên, người đời Thanh. Tác phẩm *Thuật dị ký* của ông có kể câu chuyện về "xác chết di động", câu chuyện đã thuật lại rất hình tượng và rõ ràng về chuyện ma mượn xác người. Câu chuyện như được ghép từ những "cảnh lừa bịp" trong dân gian, nó có nhiều trắc trở hơn so với các câu chuyện về xác chết sống lại:

Trong một ngôi nhà ở một huyện thuộc tỉnh Sơn Đông có một xác ma di động, ngày ngày đều đi hại người. Thời Khang Hy có hai viên nha dịch cùng giải một phạm nhân đi qua nơi đó, đúng lúc trời mưa to, xung quanh không nơi nào có thể dừng lại trú tạm. Đến nửa đêm, phía xa thấp thoáng có ánh lửa yếu ớt như ánh đèn, ba người vội vàng qua đó. Đó là một ngôi

nhà rách nát, trước sau hai gian, bên trong không một tiếng người. Ba người đi vào trong nhìn ngó, một người phụ nữ đang ngồi quay lưng lại phía đèn khóc rưng rức. Một người cất tiếng xin ngủ nhờ ở đây một đêm. Người phụ nữ nói: "Chồng tôi vừa mới qua đời, xác vẫn đang ở đây, chỉ sợ các người ở lại không yên tâm." Ba người vẫn đồng ý trú lại, ngồ nghỉ bên cạnh xác chết. Hai viên sai dịch đã ngủ say, còn tên phạm nhân thấy lo lắng, trăn trở không sao ngủ được. Lúc này xác chết bỗng nhiên đứng dậy, phẩy tay thổi tắt cây đèn, tất cả trở nên tối đen. Xác chết đưa tay huơ huơ trước mặt hai tên sai dịch, hai tên này không có động tĩnh gì. Rồi xác chết đưa bàn tay về phía tên phạm nhân, tên này sợ quá thét lớn rồi chạy ra ngoài cửa, xác chết chạy đuổi theo. Cả hai chạy qua hai cây cầu, xác chết vẫn chưa chịu buông tha. Tên phạm nhân chạy vào một ngôi chùa bị bỏ hoang, rồi nhảy qua một bức tường thấp ra bên ngoài, còn xác chết kia chạy đâm nhào vào tường ngã xoài trên mặt đất, tên phạm nhân cũng ngất lịm ở phía ngoài tường. Trời sáng, những người đi đường nhìn thấy vậy, bèn làm nước gừng cho tên phạm nhân uống, sau khi tỉnh lại tên phạm nhân cùng những người đi đường lần đường quay trở lại ngôi nhà kia. Nhưng khi đến đó, hai tên nha dịch đã chết ở chỗ đất bên cạnh ngôi nhà hoang.

Rất rõ ràng, ác quỷ giết người thực sự không phải là xác chết, mà là người phụ nữ ngồi khóc phía sau chiếc đèn. Ả được gọi là "xác chết di động", nhưng ả lại không phải là xác chết di động, mà là con quỷ chuyên mượn xác người mới chết để giết người.

Nữu Tú sống vào đầu triều Thanh cũng cho rằng xác chết di động là do một thứ khác nhập vào, nhưng ông không cho rằng thứ đó là ma quỷ, mà là "loại khí bất chính của trời đất", đó chính là tà khí. Chương *Xác chết di động* trong quyển năm, cuốn *Cô Thặng kể*, một người nhà quê chết những chưa liệm, nửa đêm bỗng nhiên bật dậy, chạy đuổi theo người trong linh cữu đến nỗi người đó sợ tè cả ra quần. Nhưng người này bỗng nhanh trí,

nhảy lên bức tường, nhưng ai ngờ tay chân lại không nhanh bằng bộ óc, một chân người đó bị xác chết ôm được. Người và ma giằng co nhau mãi đến khi trời sáng mới kết thúc. Người kể câu chuyện này nói: "Đó chắc chắn là loại khí bất chính trong trời đất, nhập vào người, người sẽ biến thành yêu. Như chuyện con lơn biết đứng ở nước Tề, viên đá biết nói ở nước Tấn, vậy thì những thứ không phải lợn, khong phải đá cũng có thể bị như vậy." Ở đây đã dẫn ra những ví dụ kinh điển, như lợn biết đứng, viên đá biết nói, tất cả đều là những thứ bị ám, vì thế trong trường hợp này xác người cũng không phải chịu bất kỳ trách nhiệm nào.

Viên Mai cũng cho rằng, xác chết di động là do "khí" ám vào, nhưng không giống với Nữu Tú, thứ khí đó không phải là "loại khí bất chính của trời đất", mà là "dương khí". Dương khí vốn là nguồn của sự sống, có thể chuyển yếu thành mạnh, cũng có thể chuyển chết thành sống. Nhưng nếu đi nhầm cửa, người chết đã trở nên cương cứng, lúc đó nó chỉ có thể trở thành một xác chết biết nhảy. Quyển năm, cuốn *Tử bất ngữ* có chương *Thạch môn thi quái* được tác giả viết rất hay, rất ghê rợn, nhưng cũng khiến người ta phải suy ngẫm: "Huyện nha Thạch Môn tỉnh Chiết Giang có vị tên Lý Niệm Tiên xuống dưới thôn thúc thuế. Đêm đến, ông vào một ngôi làng hoang sơ. Thấy một người đi qua, ông bèn đánh đá lửa lên soi. Người này đầu tóc rồi bù, thân hình gầy nhẳng, mặt dài chừng mười centimét, mắt nhắm tịt và đang chảy máu, nhìn như xác chết di động. Lý Niệm Tiên sợ dựng tóc gáy. Sau đó Lý lùi một bước, xác chết tiến một bước, Lý bèn bỏ chạy, xác chết lập tức chạy đuổi theo không thôi." Hóa ra, ngôi làng này từng mắc bệnh ôn dịch, chết rất nhiều người, xác chết này trước đó chưa được liệm, "bị ám dương khí nên mới đi lại được". Ngàn thôn xơ xác, vạn hộ tiêu điều, các ông còn đi đòi thuế lương thực, bây giờ thì ngược lại, để cho lũ các ông biết thế nào là cảm giác khi bị kẻ khác đánh đuổi.

Chương *Xác chết quắp người, hạt táo có thể chữa trị*, quyển tám, cuốn *Viết tiếp tử bất ngữ* cũng lặp lại thứ "dương khí" này: "Nếu xác mới chết

chạy lung tung, người ta gọi đó là 'xác chết di động', nguyên nhân là do chịu sự tiếp xúc của dương khí mà thành như vậy." Nhưng đến quyển năm, chương *Xác chết di động*, Viên Mai lại không còn kiên trì cách nói đó nữa, ông sửa lại rằng xác chết di động có hai loại, một loại là xác chết di động không thể nói chuyện, đó là do bị "dương khí ám", nếu có thể nói chuyện được thì đó là do "ma quỷ nhập vào". Xem ra, một phần nào đó ông vẫn tiếp nhận ý kiến của Hồng Mại.

Ngoài những loại trên, còn có cách nói về tiếng sấm, cách nói liên quan đến chó mèo. Như ở trên đã nói, từ khoảng năm mươi năm về trước đến thời điểm hiện tại, ở nông thôn vẫn giữ cách nói đó, nhưng nếu truy cứu về nguồn gốc của nó, có lẽ nó đã xuất hiện sớm hơn nhiều so với những "tri thức được tổng kết" của các nhà văn hóa từ thời Bắc Tống đến nay. Tác phẩm *Thông u ký* của Trần Thiệu, người thời Đường có ghi lại sự việc về xác chết di động: "Buổi tối khi đang liệm, một tiếng sấm vang lên, xác chết đứng dậy bước ra, nhưng không biết đi về hướng nào." Nhưng xác chết di động này lại có thể nhảy qua tường để vào nhà người khác, chỉ có điều không biết nói chuyện mà thôi. Qua một đêm, người này trở lại là một xác chết cứng đờ. Một kết cục tốt hơn là trong tác phẩm Nguyên hóa ký của Hoàng Phủ Thị, người thời Đường: "Con gái nhà Vương thị đột ngột chết khi chuẩn bị lên kiệu hoa, lúc đó xác chưa được liệm. Đêm đến bỗng có tiếng sấm, xác chết đã bỏ đi mất." Xác chết chạy đến nghĩa địa thì lại trở về trạng thái cứng đờ. Cũng may khi đó có mấy thư sinh đi qua, họ thách nhau xem ai to gan hơn để vào khiêng xác chết, một người trong số đó đã vác xéc chết về nhà. Xác chết được anh ra ôm trong lòng, không ngờ lại sống trở lại, rồi sau đó họ thực sự thành vợ chồng. Từ đó có thể suy luận rằng "xác chết di động" trong truyền thuyết chưa chắc tất cả đều không có thật, mà những trường hợp có thật chính là sự sống lại của những người chết giả, nếu biết cứu chữa kịp thời, thì người có thể sẽ sống trở lại, còn nếu đã có thành kiến về "xác chết sống lại" thì chỉ cần một đòn là có thể đưa xác chết về vị trí ban đầu của nó.

Còn việc khi đặt quan tài ở nhà kiêng kỵ chó và mèo, quyền *Huyệt chôn xác chết* trong *Dậu Dương tạp trở* của Đoạn Thành Thức, người thời Đường ghi "kỵ chó gần xác chết, tránh bị trùng tang". Cái gọi là trùng tang, tức trong nhà lại có người sắp chết, những không nói rõ nguyên nhân vì sao lại chết. Còn trong *Ỷ lầu trùng mộng* của Lan Cao có viết:

Chỉ thấy bà mẹ chạy tới nói: "Thằng Tư nhà bà bị dọa cho sợ đến mức mặt mày nhợt nhạt như quỷ ấy, nó bảo con bé ngồi dậy được, bảo bà mau mau về xem sao." Vương phu nhân nói: "Chắc là có con mèo vừa nhảy qua rồi, xác chết đi được rồi, mau lấy cán chổi đánh ngã nó."

Cô gái thật may mắn đã sống lại được (cô gái đã chết là con gái của Hương Lăng, lúc đó là do Tình Văn mượn xác trả hồn), người ta cũng không đi xem thế nào đã coi đó là xác chết di động, thực sự khiến người ta liên tưởng tới những người chết giả ở nơi hỏa táng, nghĩ đến mà dựng tóc gáy. Nhưng một số người chết giả tỉnh lại chưa chắc đã là vì chó hay mèo, nếu quả là như thế, cho dù chỉ chiếm tỉ lệ một phần vạn thôi thì khi nhà có tang sự, sống chết thế nào cũng sẽ cho các loại chó mèo tới nhảy qua xác chết.

4

Thông thường, xác chết di động tuy có hung hãn, không phân biệt được tốt xấu, không nhận họ hàng thân thích nhưng chúng cũng có mấy điểm yếu chí mạng sau: một là chúng chỉ biết đi thẳng, không thể đi vòng đi quặt, hai là gặp phải rãnh nước, chúng không thể nhảy qua, gặp phải vật cản chúng sẽ bị đánh đổ, ba là tuy đối tượng chúng đuổi là người, những nếu chạm vào bất cứ vật gì là chúng ôm chặt không buông, bốn là cho dù chúng chạy đuổi hung hãn như vậy, những chỉ cần nghe thấy một tiếng gà gáy, chúng lập tức "đứng im". Tóm lại nó là một kẻ chết cứng không bị tan chảy, quan cố nhưng không linh hoạt, và chỉ có thể hoạt động trong bóng đêm. Nhưng xác

chết di động không phải kết quả của việc “ma mượn xác người” sao? Con ma kia rất linh hoạt, nó có đầu óc, có động cơ, thậm chí có cả gánh nặng, có dã tâm, nhưng tất cả những thứ này khi nhập vào xác chết thì chỉ biết thở dài, bởi cái mà nó nhập vào là một xác chết cứng đơ, huyết mạch không thông, tứ chi như gỗ đá. Nhưng, nếu là một cơ thể sống thì ai sẽ đồng ý để cho con quỷ ác độc này chỉ huy? Ngoài ra còn có một nguyên nhân nữa, thi thể đó không thuộc về linh hồn kia, cũng giống như việc bạn mượn tay người khác để gãi ngứa vậy, dù có cố gắng dùng sức như thế nào vẫn không đạt được kết quả mong muốn.

Nhưng vẫn còn một loại xác chết di động nữa, chúng rất tinh nhanh, biết tốt biết ác, cử chỉ như người bình thường, chỉ có điều nó là xác chết.

Trong *Tị sát chi mê*, tôi đã từng nhắc tới câu chuyện Kỷ văn của Ngưu Túc, người thời Đường. Có một vị quan trong triều qua đời, người ta mời Nghi Quang thiền sư của chùa Trương An Thanh Long đến làm pháp sự.

Đến ngày linh hồn trở về, cả gia đình chủ nhà đều lẻn đi tránh hết, chỉ còn một mình lão thiền sư ngồi trước ban thờ nhẩm kinh. Đến nửa đêm, bỗng nghe trong phòng có tiếng người đứng dậy, mặc quần áo, mở cửa, vừa lúc đó thấy một phụ nữ đi ra khỏi phòng thờ, rồi đi vào bếp, người này dùng nước dập lửa, một lúc sau, bà ta mang đến cho thiền sư một bát cháo nóng. Đương nhiên người phụ nữ này là vợ vừa chết của vị quan triều, vong linh quay trở về nhập vào xác chết đang nằm trên linh sàng mà "sống" trở lại. Bây giờ nghĩ lại, nếu nói người vợ này "linh hồn trở về", không bằng coi đó là một loại "xác chết di động" khác.

Lại như Trương Tấn trong *Linh quán tập* có kể câu chuyện tương tự như vậy:

Vương Giám, người Duyện Châu, tính tình hung hãn, xưa này không biết sợ hãi điều gì, thường xuyên lăng mạ quỷ thần. Trong dịp năm mới, ông ta trở về điền xá trong trạng thái say khướt. Nửa đêm, về đến điền xá thì cửa đã đóng, ông đập cửa nhiều lần nhưng vẫn không có người ra mở, tức giận ông lớn tiếng mắng chửi. Đúng lúc đó một gia nhân đi ra mở cửa, Vương Giám hỏi: "Đám nô tỳ các ngươi hôm nay đi đâu cả rồi hả?" Người gia nhân vẫn giữ chiếc đèn, mặt mày đen xám. Ông ta thấy thế càng tức giân, định xông tới đánh người kia. Nô tài nói: "Mười ngày nay, một trận dịch bệnh đã cướp đi gần hết mạng sống của gia nhân chúng tôi." Ông Giám hỏi: "Thế ngươi thì sao?" Đáp: "Cũng đã chết. Ông có thể nghe thấy những tiếng hô gọi đằng kia không, xác của họ đang tới đấy." Lúc này xác chết bỗng nhiên ngã sụp xuống, tắt thở.

Xác chết di động này cũng là do hồn mình tự nhập vào xác mình, nếu như vậy thì tại sao họ không dứt khoát sống trở lại đi? Vấn đề này chỉ có quỷ mới biết được, nếu chúng ta suy đoán, có lẽ nó cũng giống như cục pin bị hết điện, tuy để một lúc có thể sáng lại thêm một chút, nhưng cuối cùng vẫn phải bỏ nó đi. Nhưng họ trở về dương gian trong một khoảng thời gian

ngắn đó, trông họ hoàn toàn như người bình thường, thậm chí vẫn nghiêm chỉnh tuân thủ theo chuẩn tắc đạo đức trước kia của mình, bảo vệ sự tôn nghiêm của mình sau khi chết, chứ không như những xác chết di động khác, chúng luôn đi gây chuyện một cách vô trách nhiệm. Như trong quyển tám, *Viết tiếp tử bất ngữ* của Viên Mai có câu chuyện về *Xác chết di động*: "Ở Phong Đô có một người tên là Thang A Đạt, nhà hàng xóm của anh ta có một cô gái vừa chết. Ban đêm, A Đạt và anh trai cùng sang giúp nhà hàng xóm trông thi thể cô gái. Anh trai A Đạt xuống lầu đi lấy nước, A Đạt một mình trông xác chết nữ, càng nhìn càng thấy cô gái đó đáng yêu, không kiềm nổi mình mà nghĩ đến chuyện này kia. Bỗng nhiên xác chết nhảy dựng lên, lao thẳng về phía A Đạt. A Đạt chạy vòng quanh phòng, xác chết cũng chạy theo không chịu tha, A Đạt định lao qua cửa để thoát ra ngoài, nhưng không ngờ cửa lại bị chốt từ bên ngoài. Hóa ra khi anh trai A Đạt đi lấy nước về, nghe thấy bên trong có xác chết sống lại, sợ xác chết chạy ra ngoài sẽ liên lụy đến mình, bèn quyết định khóa cửa nhốt cả em trai mình trong đó. A Đạt đành phải nhảy từ trên lầu xuống, xác chết không thể nhảy xuống được, đành đứng trơ ở trên lầu. Ba ngày sau, vào ban ngày, A Đạt vẫn nhìn thấy hồn ma của người con gái đó trên đường, chỉ tay vào A Đạt chửi mắng tâm địa hắn không tốt. A Đạt không biết làm thế nào, sợ hãi trốn khỏi quê nhà, hai mươi năm sau vẫn không dám trở về."

Rõ ràng, sở dĩ người con gái này biến thành xác chết di động là vì vong hồn của cô ta phát hiện ra tà niệm của người trông xác, cô tự thấy vừa xấu hổ vừa tức giận mà bật dậy. Nếu ngày thường gặp phải chuyện này, cô ta có phẫn nộ đến mấy cũng không bắt đối phương phải chết, nhưng giờ cô đã mang trên mình bản tính của một con quỷ gây rối, động tác của cô ta hoàn toàn là "hình dáng di động", vì thế cái xác chỉ có thể chạy, đi, chứ không thể nhảy qua cửa sổ. Còn chuyện vong hồn của cô ta một lần nữa nhìn thấy A Đạt, lại còn mắng chửi anh ta tâm địa bất lương, có thể thấy cô ta vẫn rất để tâm đến sự tôn nghiêm về xác thể của mình, nhưng lúc đó, cô chỉ là một vong hồn, không thể có những hành động kịch liệt như trước nữa. Ngoài ra,

Viên Mai đã biểu thị quan niệm đạo đức bên trong câu chuyện này, đó là sự tôn trọng người chết, đặc biệt không được nảy sinh tà niệm đối với thi thể của người con gái trẻ tuổi. Điều này xem ra có phần cố chấp và cổ hủ, nhưng nó lại không hề chứa chất đạo học trong đó.

Lại có Du Việt, trong quyển mười hai, cuốn *Hữu đài tiên quán bút ký* ghi lại câu chuyện về xác chết di động của một phụ nữ Nhật Bản, câu chuyện giống như trong mơ, xác chết di động của cô ta không nhìn thấy những người có mặt tại đó, và tất nhiên nó sẽ không gây phiền nhiễu đến ai. Cô ta chỉ đi thẳng đến phòng ngủ của mình, tìm một chiếc hòm nhỏ, vừa ôm nó lên thì ngã sụp xuống. Mọi người ở đó biết là xác chết sống dậy, nên mở chiếc hòm nhỏ ra xem bên trong có vật gì quý giá, chỉ có một bức thư của người tình giữ trước ngày kết hôn. "Người phụ nữ này tuy đã chết nhưng linh hồn vẫn còn rất tỉnh táo, sợ rằng lá thư đó sẽ bị người khác đọc được nên muốn tự mình hủy nó, nhưng sức lực không cho phép bà ta che giấu nó."

Linh hồn tỉnh táo đến mức có thể di chuyển được thể xác, nhưng chỉ có thể di chuyển được phần nào thôi, hơn nữa cô ta cũng chịu sự hạn chế về nguồn năng lượng, nếu như mục tiêu quá cao thì dù có "hạ quyết tâm" cũng không thể hoàn thành được, không biết chừng còn khiến mình bị bẽ mặt. Nhưng nếu biết lượng sức mình, tận dụng cơ hội ngắn ngủi đó một cách hợp lý thì có lẽ cô ta đã có thể hoàn thành một số việc nào đó. Thế là có một loại xác chết di động mà không phải sống dậy để báo thù, khiến người ta cảm thấy xác chết sống lại chưa chắc đã là bị "khí bất chính của trời đất" ám vào.

Trong *Nam cao bút ký*, quyển bốn của Dương Phượng Huy, người đời Thanh có chương *Xác chết quái dị*, đó là trường hợp xác chết ống lại để trình báo oan thù. Vị hôn thê của Dư Thị tử và anh họ Viên Mỗ có gian tình với nhau. Dưới sự ủng hộ của bà mẹ là Trương Thị, vị hôn thê của Dư Mỗ

đã ám hại chồng, việc đó được thực hiện gọn gàng, không để lại dấu vết gì. Đêm ngày hôm sau, hồn ma của Dư Mỗ tìm về nhà, sắc mặt vẫn như lúc còn sống, duy có máu tanh vẫy khắp người, nhuốm đỏ cả chiếc áo đang mặc. Hồn ma nói với mẹ rằng: "Cái chết của con thực sự là do nhà gái gây ra. Khi quan phủ xét nghiệm xác, hãy mời mẹ con nhà họ tới hiện trường, đến lúc đó trắng đen sẽ rõ ràng." Khi quan phủ tới nghiệm xác, cũng đã cách thời điểm chết nửa ngày. Như lời con trai nói, mẹ Du Mỗ mời mẹ con bà Trương đến hiện trường đặt xac chết. Bên nhà gái sợ gian tình bại lộ, nên không dám từ chối, liền bảo Viên Mỗ đánh xe đưa mẹ con Trương thị đến nơi đặt xác. Hai người vừa đến bên xác chết:

Bỗng nhiên xác chết đứng dậy, một tay túm lấy tên họ Viên, một tay chỉ vào vị hôn thê của mình. Bọn chúng sợ hãi định bỏ chạy. Quan phủ lệnh cho đám tùy tùng đi tới gỡ tay Du Mỗ ra, nhưng không gỡ được. Quan phủ liền biết ở đây có gì không bình thường, bèn ra lệnh bắt tên họ Viên và hai mẹ con Trương Thị, xác chết nghe thế liền trở lại vị trí ban đầu. Mấy kẻ kia cúi đầu nhận tội. Tên họ Viên nhận án chém đầu…

Câu chuyện xác chết sống lại phục thì trong *Liêu trai chí dị*, chương *Điền thất lang* là câu chuyện quen thuộc, được nhiều người biết đến, nên ở đây tôi chỉ xin trích dẫn một câu đầy tính tráng liệt:

Viên tể tướng thấy kinh hãi, bắt đầu cho nghiệm xác chết, thấy Thất Lang đang nằm chết cứng trong vũng máu, tay như đang cầm đao. Đang định dừng không kiểm tra kỹ nữa thì xác chết bỗng nhiên đứng bật dậy, cắt cổ viên tể tướng, rồi lại nằm phịch xuống.

Linh hồn chưa bị tiêu tan, trong khoảnh khắc giữa hành động đứng lên và nằm phịch xuống, đầu tên cẩu quan đã lìa khỏi cổ, so với việc Nhiếp Chính đâm Hàn Vương, Kinh Kha đâm Tần Vương, sự việc này khiến người ra dễ nhận ra chân tướng vấn đề hơn.

Chương 16: Hoàng tuyền không nhà trọ

1

Giang Vi, người nước Mân thời Ngũ Đại, vì giúp bạn trốn về nước mà ông ta phải chịu liên lụy. Trước khi bị xử tử, lời lẽ ông rất dứt khoát, rằng: "Muốn đánh đàn để tưởng nhớ Kê Khang vào ngày giỗ của người, nhưng thời gian đã không còn nữa, nhưng ta vẫn kịp phú một bài thơ tặng người." Nói rồi ông cầm bút lên viết: "Nha cổ kinh nhân cấp. Tây khuynh nhạt dị tà. Hoàng tuyền vô lữ điếm. Kim dạ túc thùy gia?"[1] Ông chỉ nghĩ đến việc xuống âm phủ sẽ ở chỗ nào, dường như ông không hề nghĩ tới việc đầu mình sắp lìa khỏi cổ. Tự như ông đang chăm lo cho viên đao phủ lau sạch lưỡi dao, để lát nữa tránh khỏi một lần làm rách gió vậy, bài thơ của ông khiến người ta tưởng như nặng nhẹ đã đổi chiều, họ không nín nổi cười, nhưng thực ra cái mà ông viết chính là sự thong dong thư thái của nhà thơ, đương nhiên trong đó tất có chứa chất sự khinh miệt đối với những kẻ quyền thế, thích dương oai.

[1] Nghĩa là: Trống phủ rợn kinh người, mặt trời nghiêng xuống núi, hoàng tuyền không quán trọ, đêm nay nghỉ nhà ai?

Đến triều Minh, năm Thái Tổ, nhà thơ Tôn Phần đề một bức họa tặng cho Lam Ngọc, khiến Chu Hồng Vũ không vừa lòng, cho rằng lập trường của Tôn Phần có vấn đề, giáng chỉ lệnh chặt đầu ông. Trước khi chết AQ có hô khẩu hiệu hay không không quan trọng, nhưng không thể trở thành nhà thơ khâm phạm của triều đình được, bởi Thái tổ quá anh minh, không nói gì, hóa ra lại là nhạo báng người. Vậy thì hô "vạn tuế", hát "hoan lạc tụng" đi, nói cũng chỉ là những lời nói không thật lòng, mang ý đả kích, nó còn ác độc hơn khi hô "lật đổ". Thế là ông học Khổng Phu Tử, nói những gì người

xưa nói, chứ không dùng của mình, hai mươi chữ của Giang Vi[2], ông xin "mượn tạm" một nửa, nói rằng: "Đà cổ tam thanh cấp. Tây sơn nhật tựu hà. Hoàng tuyền vô khách xá. Kim nhật túc tùy gia."

[2] Giang Vi là nhân tài một thời, nhưng vận mệnh của ông không được may mắn, không chỉ phải chịu án chém đầu mà tất cả những bài thơ do ông sáng tác đều bị đốt hết. Ngoài cái đầu thì ngay cả những thứ như Bóng trúc đâm xiên mặt nước trong. Quế hương lay động ánh trăng non cũng bị người ta cướp sạch, điều đó lại càng khiến Giang Vi thêm nổi tiếng.

Sau khi quan giám hình đã lo cho nhà thơ Tôn lên đường xong xuôi, Thái Tổ còn hỏi Tôn Phần có điều gì muốn nói trước khi bị hành hình không, quan giám hình báo cáo lại y nguyên như vậy, không ngờ Thái Tổ tức giận nói: "Có thơ hay vậy mà không tấu, thế là thế nào?" Có phải ông ta tức giận quát: "Mau trả lại nhà thơ Tôn Phần cho ta!", điều này không cần nói cũng biết, và thực sự ông ta đã lệnh chặt đầu viên quan giám hình. Thái Tổ miệng nói bài thơ này hay, nhưng chắc ông ta không có ý định lấy bài thơ này làm bản mẫu cho lớp thơ phong mới, bài thơ đó chẳng qua chỉ là mượn đề mục để đùa cợt với quyền thuật một chút mà thôi. Hiệu quả của quyền thuật là, những tên nô tài phạm tội sau này cứ nhắc đến việc này là họ nói, thực ra Thái Tổ rất yêu quý thành phần trí thức.

Đứa con trai ruột ăn chơi của Vạn Tuế gia càng không quan tâm tới chuyện đó, chỉ nói câu của nhà thơ Tôn Phần: "*Hoàng tuyền không khách xá*", lúc đó nếu trau chuốt một chút, thì dù có là người dửng dưng cũng phải cảm thấy đau đơn. Thử nghĩ, cây đao sáng lóe trên tay tên đao phủ, chỉ cần hạ xuống là đã đưa nhà thơ từ pháp trường sang một thế giới khác, chỉ thấy có một vùng cỏ hoang ngút trời, sương đêm tứ phía bổ vây, chẳng phải nói người dưng đất lạ, mà có khi đến một bóng quỷ cũng chẳng nhìn thấy. Lúc đó, không cần nói đến trạm đón khách hay nhà nghỉ, mà muốn tìm một nhà vệ sinh rách nát chắc cũng khó.

Thế là lại nghĩ tới vấn đề nhà ở khi các hồn ma xuống âm phủ.

Dưới thuyết địa ngục và thuyết luân hồi của Phật giáo, các hồn ma không quan tâm đến vấn đề nhà ở, đương nhiên, người lạc quan cũng cố gắng hiểu ở đó là "chế độ ăn ở bao cấp". Dưới thể chế ấy, nơi quy tụ của các vong hồn sau khi thanh toán tất cả mọi tội lỗi và phúc phận được tích dồn khi còn sống chính là sáu đường luân hồi. Diêm phủ là "vùng đất sinh tử luân hồi, là cửa khẩu qua lại giữa hai giới âm và dương", đi đi lại lại, đón đón tiễn tiễn, các vong hồn đi vào Diêm phủ đều tự mình sắp đặt tất cả, cũng không cần thiết phải thu xếp nơi ở lâu dài. Nếu theo cách nói quen thuộc của Phật giáo dân gian Trung Quốc, địa ngục chỉ là một cơ quan của Diêm phủ, cũng giống như giam ngục được thiết kế bên dưới các nha phủ, vậy thì do tất cả các vong hồn đều bị giam vào đại lao, đồng thời tuyệt đối không cho phép người thân, bạn bè tới thăm nom, nên họ cũng không cần thiết phải lo lắng bên ngoài địa ngục có nhà trọ hoặc nhà ở hay không.

Nhưng trong vấn đề này, ý thức về âm phủ mà quan niệm đạo đức bản địa của Trung Quốc ủng hộ lại rất ngoan cường. Cụn Tri Đường trong quyển Thuyết *vô quỷ* từng nói rằng: "Ở Trung Quốc, khi nói đến "thuyết thần diệt" người ta còn có thể chịu yên, cái quan trọng ở đây là "thuyết vô quỷ", bởi nó không thuộc về tôn giáo, nhưng vẫn là vấn đề về luân lý, nói "không có quỷ" chính là không công nhận tổ tong linh thiêng, tức là liên quan đến việc bất hiếu." Câu chữ không nhiều nhưng rất sắc xảo, rất nhiều các bậc đại Nho gặp phải vướng mắc khi phải lựa chọn trong mơ hồ về vấn đề thần quỷ, do đó họ đã nhận lấy lưỡi dao để giải thoát cho mình. Quan điểm "vô quỷ" là bất hiếu, nói thẳng ra là không nhận tổ tông. Tương tự, nhận tổ tông rồi nhưng lại không lo xem tổ tông có chỗ trú ẩn hay không, như vậy chẳng phải bở rơi ông bà, bố mẹ ở nơi hoang vu hay sao? Vì thế, dù là các đệ tử Phật giáo hay các tín đồ Đạo giáo có biên soạn ra các loại sách thánh hiền thì người thân của người đã chết vẫn phải làm lễ siêu độ vong hồn, để tổ tiên sớm được hóa kiếp, như mỗi khi Tết đến xuân về, người ta vẫn phải cúng tổ tiên, vẫn phải đi tảo mộ, vẫn phải sửa từ đường, vẫn phải hóa tiền giấy… Xuất phát từ lòng hiếu thảo, họ phải tin rằng người

thân của mình đang sống thoải mái dưới âm phủ. Chữ "hiếu" trong Nho giáo Trung Quốc vẫn phát huy được tác dụng chủ đạo trong văn hóa âm phủ. Như vậy, người đời không thể không lo cho cuộc sống của những người quá cố dưới âm phủ, và việc trước tiên họ cần làm đó là sắp xếp ổn thỏa việc ăn ở cho người đã khuất.

2

Xét từ góc độ của các hồn ma, chỗ ở của họ dưới âm phủ mới là "thực thể", nhưng "thực thể" này lại không thể tách rời khỏi cái "hiện tượng giả" của người trần, đó chính là mộ phần, lăng tẩm, hoặc từ đường, miếu thần… Từ đường, miếu thần chỉ phù hợp cho những hồn ma của bậc vương công đại nhân, còn theo "những hiểu biết thế tục", từ đường, miếu thần là nơi các vong hồn nhận hưởng sự thờ cúng, ăn uống xong, họ còn phải trở về lăng tẩm nghỉ ngơi. ("Những hiểu biết phi thế tục" về từ đường, thần miếu, xin xem phần *Phụ ký* ở cuối sách này). Nói tóm lại, mỗi hồn ma đều cần có một phần mộ ở dương gian, như vậy mới có thể bảo đảm chỗ ở tương ứng của họ ở dưới âm phủ. Nhưng tất cả mọi việc đều có trường hợp ngoại lệ, những hồn ma lang thang chết không chỗ chôn giống như những kẻ vô gia cư tại chốn dương gian, một ngôi mộ hoang cũng là mong muốn xa xỉ của họ. Tuy nhiên, dù là cô hồn, hồn ma lang thang cũng đều mong muốn có một chỗ trú thân ổn định, vì thế trường hợp "ngoại lệ" này thực ra vẫn không tách rời những phần mộ cho các vong hồn nương tựa.

Chỉ cần linh hồn không bị tiêu tan vào hư không thì họ nhất định cần một nơi để gửi gắm. Quan niệm truyền thống của Trung Quốc cho rằng, linh hồn chết đi sẽ ám vào hài cốt, nếu hài cốt nằm trong mộ thì vong hồn cũng sẽ nằm trong mộ. Bởi mộ phần chính là nhà của họ, vong hồn của tổ tiên tuy xa cách âm dương với con cháu, nhưng nơi họ ở lại rất gần. Thế là dù nhận hưởng sự thờ cúng hay phù hộ cho con cháu, tất cả đều rất tiện cho họ. Nếu người chết ở nơi đất khách quê người, vậy cần phải nghĩ cách để đưa hài cốt

của họ trở về quê hương. Những câu chuyện kể về việc con cháu vượt ngàn dặm xa xôi đi tìm kiếm người thân, hoặc đi tìm hài cốt của người thân đều được đời đời ca ngợi, đó cũng là việc bắt nguồn từ quan niệm này. Giả như chết ở nơi chiến trường, hơn nữa lại chết ở bên ngoài biên giới, không những không tìm thấy xác, mà có tìm thấy thì cũng chẳng thể phân biệt được đâu là người nhà, lúc đó chỉ có một cách duy nhất, đó là xây một ngôi mộ giả tại quê nhà, sau đó chiêu hồn về mai táng. Trương Đế thời Đông Hán có bài chiếu văn như sau: "Cha chết phía trước, con chết phía sau. Phụ nữ chân yếu tay mềm đứng nơi pháo đài, đứa bé mồ côi gào thét bên đường. Mẹ già vợ góa, xây mộ hờ thờ, nước mắt tuôn rơi, mong sao vong hồn nơi sa mạc tìm đường trở về, thật đau xót thay!" Có thể giải thích một chút, "đau xót" ở đây chính là để chiêu những vong hồn đang lang thang "nơi sa mạc" "trở về". Tóm lại, linh hồn của người đã khuất phải được yên ổn trong mộ. Bởi linh hồn cũng cần có một ngôi nhà, chỉ ở đó linh hồn mới được sống một cuộc sống như người thường. *Lục Cốc* trong *Thanh dị lục* có viết: "Chỗ đất mai táng gọi là nhà của vong hồn." Điều này chứng tỏ mộ phần chính là nơi cư trú của các vong hồn.

Những câu chuyện về vong hồn ở mộ được gặp nhiều trong các quyển tiểu thuyết thời Ngụy Tấn, trong đó tiêu biểu nhất chính là câu chuyện về con gái Ngô Vương tên Tử Ngọc trong *Sưu thần ký* của Can Bảo. Tử Ngọc và chàng thanh niên Hàn Trọng yêu nhau, tự hẹn ước sẽ thành vợ chồng. Hàn Trọng theo học Tề Lỗ, trước khi lên đường, bố mẹ chàng mang lễ vật tới nhà Ngô Vương cầu hôn, nhưng bị bên nhà Ngô Vương cự tuyệt. Sau khi biết chuyện, Tử Ngọc uất ức mà chết, xác nàng được mai táng bên ngoài cổng làng. Hàn Trọng trở về, biết Tử Ngọc đã chết, chàng vô cùng đau đớn, nước mắt tuôn rời, mang tiền càng tới mộ cúng khấn. Lúc này, vong hồn của Tử Ngọc "bỗng xuất hiện bên cạnh mộ", rồi nàng mời Hàn Trọng vào trong mộ, "hai người ăn uống cùng nhau, bên nhau ba ngày ba đêm, hoàn thành xong lễ kết vợ chồng." Có thể ăn uống, có thể cùng chung chăn gối,

ngôi mộ đó không chỉ có vong hồn ở được, mà cả người sống (hồn sống) cũng ở được trong đó.

Nhưng nghe nói chính Can Bảo cũng đích thân được trải nghiệm nó. Trong Sưu thần hậu ký, Đào Tiềm, người đời Tấn đã ghi lại câu chuyện về cha ruột của can Bảo, nói rằng sau khi chết cuộc sống dưới mộ của ông không khác gì người thường. Câu chuyện không hề bịa đặt, bởi có người làm chứng. Hóa ra vị lão tiên sinh này lúc còn sống có một người thiếp, ông rất yêu chiều bà, vợ cả của ông liền đem lòng đó kỵ. Lúc chồng còn sống, bà ta giữ gìn đức hạnh, không cho ai biết mình đang đố kỵ, bây giờ chồng đã chết, khi xác sắp được đưa đi chon, bà nói một câu như rất quen thuộc "đưa đến nghĩa địa chôn cùng", bà ta đẩy người vợ bé xuống mộ rồi chôn sống người đó. Khi đó anh em Can Bảo còn nhỏ, mười năm sau, bà vợ cả cũng qua đời, Can Bảo đưa mẹ đến chôn cùng với cha, nhưng khi mở phần mộ của cha ra, anh ta phát hiện thấy người vợ nhỏ vẫn đang nằm sấp trên nắp quan tài, và kỳ lạ là bà vẫn còn thở. Can Bảo dùng xe đưa bà vợ bé của cha về nhà, chăm sóc một ngày bà mới tỉnh lại. Bà kể về cuộc sống của bà với chồng trong mộ, nói hai ông bà "ăn uống cùng nhau, ngủ cùng nhau, ân tình như khi còn sống". Trong *Tấn thư - Can Bảo* truyện cũng nhắc tới sự việc này, còn nói một câu "dưới âm phủ chuyện đó không có gì là xấu hổ cả". Hơn mười năm, đến thứ tùy táng trong mộ cũng mục nát cùng thi thể, nhưng sở dĩ người vợ bé đó "không thấy xấu hổ" là vì bà đã cảm nhận được một thế giới khác, tất cả những đồ dùng, nhà ở đều không có gì khác với dương thế. Những thứ đó người sống không nhìn thấy, nhưng người vợ bé đó có thể đã bị ám một chút quỷ khí, nên bà có thể nhìn thấy những thứ mà chỉ ma quỷ mới nhìn thấy. Sau khi sống lại, năng lực siêu nhiên của ma quỷ trong bà cũng chưa hoàn toàn tiêu tan, vì thế bà còn có thể dự đoán cho người ta về những điều lành, điều dữ sẽ xảy ra, và tất cả đều rất linh nghiệm.

Trong *Sưu thần hậu ký* còn có một chương kể về Phạm Khải đi tìm mộ người mẹ đã chết, ông chỉ thấy "những ngôi mộ nằm san sát nhau, rất khó phân biệt, không biết đâu là mộ của mẹ mình". Thế là ông tìm đến một người có thể nhìn thấy ma, người này đến chỗ bãi tha ma, nói có người trong mộ mặc quần áo, trang điểm như thế này như thế kia. Phạm Khải nghe thấy thế có vẻ đáng tin, bèn đào ngôi mộ đó lên, bên trong chỉ thấy một bộ áo quan rách nát, đất bám dày hàng tấc. Đang chần chừ không biết làm thế nào thì ông nhìn thấy một viên gạch bên trong chỗ đất đó, bên trên có khắc vài chữ "Phạm Kiên chi thê" (Vợ của Phạm Kiên). Như vậy, người nhìn thấy ma kia đã nhìn thấy vong hồn bà mẹ Phạm Khải, tuy người bình thường chỉ nhìn thấy hài cốt bên trong ngôi mộ hoang, nhưng thực ra vong hồn đó lại mặc quần áo chỉnh tề, sống trong một ngôi nhà lớn khang trang dưới lòng đất.

Người Nam Triều từng nói như vậy, người Bắc Triều cũng nói như vậy. Trong quyển *Đông Hoàng thực lực* của Lưu Bính, người thời Bắc Ngụy có kể một câu chuyện như sau: "Sau khi đại tướng quân Bắc Ngụy Vương Phiền qua đời, ông cùng mấy "người" đánh bài, uống rượu trong mộ của mình. Một tên trộm mộ "không có mắt" đào mộ lên, hắn tròn mắt, đờ người khi nhìn thấy bên trong là cảnh đèn lửa sáng trưng. Vương Phiền sai tùy tùng đưa cho hắn một ly rượu, hắn không dám không uống, nhưng đúng lúc hắn định chuồn ra ngoài bỗng nhìn thấy một người dắt con ngựa đồng tùy táng đi ra phía cửa mộ. Hóa ra người này đi báo quan phủ, anh ta nhanh chóng đến trước cổng thành, nói với lính gác cổng thành rằng: "Ta là lính của tướng Vương Phiền, hôm nay có kẻ tới đào trộm mộ, ta đã dùng rượu nhuộm đen môi hắn, ngày mai hắn đến đây, hãy kiểm tra rồi bắt lại." Khi tên trộm mộ đến cổng thành, người lính gác nhìn thấy môi hắn đen xì, liền tóm gọn giải đi. Mộ của Vương đại tướng quân giống hệt như phủ đệ của ông ở chốn dương gian, ở đó linh hồn của ông vẫn tiếp tục cuộc sống hưởng lạc và đầy uy nghiêm."

Còn mộ phần của người dân thường lại chính là ngôi nhà nhỏ xinh, hàng xóm vẫn thỉnh thoảng qua lại hỏi thăm nhau. Quyển *Bác dị chí* của Cốc Thần Tử, người thời Đường có kể câu chuyện của một viên lại huyện Hứa Châu, tên là Lý Trú. Nửa đêm, khi Lý Trú đang đi trên đường, bỗng nhìn thấy trên ngôi mộ bên đường có một cái lỗ to bằng chiếc đĩa, trong đêm, từ khe lỗ đó lộ ra ánh sáng đèn. Ông lập tức xuống ngựa bước tới gần, từ bên ngoài nhìn vào, "thấy năm người phụ nữ mặc trang phục người Hán, họ tụm lại với nhau dưới ánh nến, tay không ngừng khâu vá". Cảnh tượng đó chẳng khác gì những cô gái thôn quê tập trung lại một chỗ để thêu thùa, vừa tiết kiệm dầu đèn vừa đỡ buồn tẻ. Nhưng Lý Trú đã phá vỡ khung cảnh đó, ông hắng giọng một tiếng, làm các cô gái sợ hãi biến mất, cuối cùng chỉ còn lại một màn đêm dày đặc.

Nếu là một bãi tha ma, vậy thì đó đương nhiên là một làng hoặc một thị trấn. Trong cuốn *Thanh tỏa cao nghị* của Lưu Phủ, người đời Bắc Tống có một chương ghi chép về "nghĩa địa ký": "Thư sinh Vương Xí, đêm hôm đi qua Từ Châu, trời tối đen như mực, anh ta bị lạc đường. Nhìn thấy phía xa xa có đốm lửa bập bùng, anh ta liền tiến về hướng có đốm lửa để tìm chỗ nghỉ đêm. Quả nhiên tìm thấy một làng nhỏ. Vương Xí xin ngủ nhờ trong nhà một ông lão, hỏi rằng: "Đây là nơi nào?" Ông lão trả lời rằng: "Thôn Tùng. Thôn này do một nhà giàu lập nên." Ngày hôm sau, Vương Xí cáo từ, đi được một quãng thì gặp một người nông dân, lại hỏi: "Chỗ này đi từ bắc sang tây khoảng năm lý, có một làng nhỏ có chợ búa, nhà cửa, đó là chỗ nào?" Người nông dân trả lời: "Chỗ đó là bãi tha ma, không có nhà cửa, chợ búa gì cả." Vương Xí giật mình nhớ lại việc đêm qua mình ngủ trong nghĩa địa, nằm giữa đám mộ mà không hề biết mình đang ở đâu. Có thể thấy, khi màn đêm buông xuống, những bãi tha ma không chỉ là nơi trú ngụ của ma quỷ, mà còn có thể biến thành thị trấn, làng mạc trong mắt người dương. Những câu chuyện như thế tồn tại không ít và được ghi chép lại trong các cuốn sách sử, nhưng vẫn không làm cho người ta cảm thấy thỏa

mãn, có lẽ bởi chúng cũng chỉ là những sự việc ngẫu nhiên, không thường xuyên xảy ra.

Cũng chính quan niệm này đã gợi ý cho tầng lớp thống trị trong xã hội phong kiến dùng những cách vô cùng tàn nhẫn và vô nhân đạo để đối với những ai chống đối chúng. Ngoài việc dồn kẻ thù vào chỗ chết, chúng còn phải đào hết mộ phần tổ tiên của họ lên, mang xương cốt vứt đi hết. Nếu vẫn cảm thấy chưa thỏa mãn, chúng còn đào một cái hố sau ngay trên chính mộ phần đó, rồi đổ đầy nước thải, ném thêm xác chó mèo chết vào đó, như vậy sẽ đuổi hồn ma ra khỏi mộ phần, từ đó không còn chỗ dung thân nữa. Qua đây có thể thấy, việc chu di cửu tộc đối với những kẻ phản loạn vẫn không thỏa mãn được lòng dạ độc ác, thói tàn nhẫn của các vị hoàng đế ngày xưa, mà họ còn thực thi triệt để những biện pháp trừng phạt tàn nhẫn đến cực điểm, không chỉ khiến cho kẻ thù đoạn tử tuyệt tôn mà ngay cả tổ tiên đã mất của họ cũng không chịu buông tha.

Nhân đây cũng xin đưa ra một quan niệm khác cũng liên quan đến nơi trú ngụ của các linh hồn, nơi đó được mang tên "địa phủ". Đây là một nơi đô hội sầm uất, và trung tâm là đám nha môn của Diêm Vương. Nơi đó

không có sự xuất hiện của những ngôi làng, những mảnh vườn, hay những cánh đồng lúa bao la, bước vào địa phủ là chúng ta bước vào một cuộc sống mới, khiến cho người ta cảm thấy dường như đó mới chính là cuộc sống lý tưởng của mình. Tác gia nổi tiếng thời Tống, Lưu Nghĩa Khánh, trong cuốn *U Minh ký* có ghi lại một câu chuyện mang màu sắc Phật giáo rất rõ nét: "Ở huyện Ba Bắc có một thầy pháp sư tên là Thư Lễ bị chết, được thần Thổ Địa áp giải đến Quân sở phủ Thái Sơn. Trên đường đi, hai bên đường đều là nhà cửa, đếm sơ sơ cũng phải hàng nghìn ngôi nhà, "giai huyền trúc liêm, màn trời chiếu đất, nam nữ ở hai khu phân biệt. Người ca hát, kẻ ngâm thơ, vui vẻ vô cùng". Những người sau khi chết lại được sống một cuộc sống vui vẻ, ấy đều là các tín đồ Phật giáo, nhưng thầy pháp sư kia lại không nằm trong số đó nên đành chịu sự áp giải của đám đầu trâu mặt ngựa đi hành hình. Niềm vui bất tận của các linh hồn đó chỉ đơn giản là ăn cơm rồi tụng kinh, tụng kinh rồi lại ăn cơm, còn về cuộc sống của họ thì đương nhiên không tồn tại khái niệm "gia đình", vì nam nữ không được phép chung đụng. Đến đây lại khiến người ta nhớ đến chế độ Thiên triều của Hồng Tú Toàn với hai cung phân biệt, Nam Cung và Nữ Cung, hóa ra đây cũng không hẳn là những dị giáo hoang đường, mà trong quan niệm dân gian Trung Quốc từ lâu đã mơ ước về một cuộc sống như thế.

Nhưng nếu tưởng rằng sự xuất hiện của các khu ở tập thể nơi âm phủ đó là do chịu sự chi phối của chế độ tăng lieu từ các tự viện thì cũng không hoàn toàn đúng. Tác gia đời Đường, Đới Phu trong *Quảng dị ký* có ghi chép về "Kiềm nhĩ Hàm Quang", kể rằng vợ của Ngôn Hàm Quang chết khi còn rất trẻ, một lần lên chùa Trúc Sơn bái Phật, chàng tình cờ gặp được âm hồn của vợ mình là Lục Thị. Hai người gặp nhau mừng mừng tủi tủi. Chàng liền hỏi thăm tình hình của vợ, Lục Thị chỉ tay bảo chồng nhìn sang hướng bắc, thấy có một tòa thành lớn, đó chính là nơi ở của Lục Thị sau khi chết. Sau khi vào thành, "phòng ốc tráng lệ không khác gì những tòa nhà lộng lẫy chốn nhân gian. Bên cạnh có một ngôi viện, trong viện đi về phía tây có mười gian phòng, Lục Thị sống ở căn phòng thứ ba". Hai người chia tay

nhau, ngày hôm sau Hàm Quang lại đến thăm vợ. Không ngờ ngồi còn chưa ấm chỗ thì một vị sử quan mặc áo gấm dẫn theo chục người hầu xông vào trong viện. Lục Thị vội vã bảo Hàm Quang chui xuống gầm giường để trốn. Nàng lắng nghe, thấy bên ngoài có tiếng thét lớn: "Lục Tứ Nương!" Lục Thị vội vã chạy ra. Lúc này trong viện đang có tất cả hai mươi tám cô gái, viên quan liền sai thuộc hạ giật hết búi tóc của họ ra, trói hai người một lại với nhau, ném vào nồi nước đang sôi sùng sục, cứ thế đun cho đến khi lửa tắt, đám quan sai mới rời đi. Các cô gái sau khi chịu xong hình phạt, liền lảo đảo ai về phòng người nấy. Có lẽ các bạn có thể nhận ra, đây cũng được coi là một khu nhà tập thể, nhưng nói một cách chính xác hơn, chỗ này không khác gì một khu trại giam nữ.

Vì thế, địa phủ, thực ra chỉ là sự cải tạo, thay đổi từ nhà ngục trần gian của Trung Quốc đối với thuyết địa ngục của Phật giáo mà thôi. Địa ngục Thái Sơn quả thật là quá tàn khốc, trong tưởng tượng của tôi, nơi đó có những lò lửa cao ngất, san sát như rừng rậm, lửa trong lò lúc nào cũng đỏ rực, khó mù mịt khắp nơi, các linh hồn cứ lần lượt nối đuôi nhau vào trong lò chịu hình phạt, khắp không gian ngập tràn những tiếng la hét, khóc than đau đớn. Cho nên, đôi lúc chúng ta cảm nhận được kiểu nhà tập thể này cũng đầy ắp tình người, chỉ có điều các linh hồn không được tự do mà còn phải chịu sự giáo dục của quan sai, bị nấu trong lò lửa, đúng như ông A Tolstoy, người từng giành giải thưởng Stalin đã nói: "Nếu được ngâm trong nước tinh khiết ba lần, tắm trong máu ba lần, nấu trong nước muối ba lần thì chúng ta sẽ trở nên sạch sẽ đến mức không thể sạch sẽ hơn được nữa." Nhưng nàng Lục Thị đã được nấu trong lò lửa nửa năm nay, tính ra cũng đã hơn một trăm lần mà vẫn không hết được tội nghiệt, nguyên nhân chỉ là vì trước lúc chết nàng đã quên viết bộ *Kim quang minh kinh*. Đối với những tôn giáo tà ma như vậy, chúng ta không tin cũng chẳng sao. Vì thế, dân chúng vẫn mong muốn để cho những người thân quá cố của mình được sống trong các ngôi mộ, là ngôi nhà dành riêng cho họ, cho dù như vậy sẽ không có cảnh gia tộc đoàn viên như trong các câu chuyện.

3

Căn cứ để cho rằng mộ là nơi cư trú của các linh hồn chính là bởi các linh hồn trú ngụ trong hài cốt. Hài cốt của người chết ở đâu thì vong hồn của họ ở đó. Nếu người chết không được mai táng, vậy thì linh hồn của họ cũng sẽ theo hài cốt phiêu bạt khắp nơi. Hiện tượng này xuất hiện rất nhiều ở thời cổ đại, như trường hợp bị hổ báo, thú dữ ăn thịt, mất tích, chết ngoài chiến trường, chết trong chiến tranh loạn lạc, bị nhấn chìm bởi những cơn đại hồng thủy hay bị chôn vùi dưới các lớp đất đá… Đây đều là lý do khiến người chết mà vong hồn không có chốn nương thân. Còn những người chết mà không được mai táng, linh hồn sẽ lang bạt khắp nơi giống như những nạn nhân đi tha hương cầu thực vậy, không chỉ làm những người thân trong gia đình cảm thấy bất an mà còn khiến người đi đường cũng cảm thấy xót thương, trật tự trị an ở nơi đó cũng vì thế mà thêm phần phức tạp.

Tác gia Đường Dật Danh cũng đã ghi chép về các vong hồn vì phải phục dịch tòng quân mà chết thảm nơi đất khách quê người, thỉnh thoảng may mắn kiếm được bữa no nhờ sự thương hại của những người qua đường.

Khai nguyên lục niên, có người bơi thuyền qua sông Hà Mi, thấy có một xác khô bên bờ sông thì đặt cho ít đồ ăn, sau đó liền nghe văng vẳng bên tai tiếng cảm ơn, và thơ rằng: “Ngã bản Hàm Đan sĩ, chi dịch tử vu Hà Mi, bất đắc gia nhân khốc, lao quân hành lộ bi.”[3]

[3] Dịch thơ: Tôi đây là tráng sĩ Hàm Đan, chết trận trên sông Hà Mi. Không được tiếng khóc tiếc thương của người thân, vất vưởng nhờ chút lòng thương của người quân tử qua đường.

Đời nhà Tống trong cuốn *Triệu Khang Thanh công vấn kiến lục* có ghi lại việc Âu Dương Tu bơi thuyền qua sông Hán Giang, "đêm khuya tĩnh mịch vẳng nghe có tiếng khóc, tiếng ca làm náo loạn cả khúc sông", nhưng khi đến gần thì âm thanh lại im bặt. Hỏi người làng, chỗ này có nghĩa địa không? Đều trả lời là không. Đi được hơn một dặm thì gặp tòa thành cổ được xây dựng từ thời Chiến Quốc, có tên là Miện Thành. Những u hồn tử sĩ đã lưu lạc ở đây từ hơn nghìn năm nay.

Đổng Cốc, người đời Minh đã ghi chép về chuyến đi Nam Kinh của mình trong cuốn *Bích lý tạp tồn* rằng: "Trên đường đi có quá nhiều thứ quỷ quái, khiến người qua đường không dám đi". Những hồn ma chết trận thời xưa đều biến thành quỷ hoang, giống như một lũ thổ phỉ, trải qua hàng nghìn năm vẫn không siêu thoát, ngày đêm quấy nhiễu cuộc sống của người dân. Chu Nguyên Chương định đô ở Nam Kinh, quyết định này của ông không được sáng suốt cho lắm, thiết nghĩ đám đại quân tử kia khi thấy các tú tài thì khí nóng trong xương tủy lại càng mãnh liệt, càng quấy nhiễu nhiều hơn.

Bất luận thế nào thì những hồn ma hoang dại, không nơi nương tựa cũng luôn là nỗi ám ảnh của những con người chốn dương gian, tuy nhiên vẫn có một số ít ngoại lệ. *Sưu thần hậu ký* có ghi chép về đội thuyền nhạc đi theo chiến quân của Tào Tháo bị chìm ở cửa Nhu Tu, u hồn đội nhạc kỹ từ đó mãi mãi được ngao du trên sông Giang Phủ, cũng giống như giếng Yên Chi trên núi Kê Minh ở Nam Kinh, từ đó nơi đây trở thành một thắng cảnh nổi tiếng với cảnh sắc nên thơ, tráng lệ. Trên mặt sông lúc nào cũng nghe du dương tiếng đàn, tiếng sáo, lẫn trong mây nước là tiếng chèo thuyền của đoàn công Tào Công, thỉnh thoảng lại có tiếng quẫy của người cá, khi hoàng hôn buông xuống hay lúc đêm về thì tiếng đàn, tiếng sao nghe lại càng du dương, thánh thót.

Hơn hai trăm năm trôi qua, trải qua bao thăng trầm lịch sử, thời đại cũng đã đổi thay, nhưng vẫn giữ được kiểu cách "quan thuyền". Tào Mạnh Đức thất bại trên cửa sông Nhu Tu, biết bao nhiêu chiến thuyền đã gửi lại trên sông Trường Giang này, chỉ riêng những tướng sĩ bị nhấn chìm ở nơi đây đã lên đến mấy nghìn người, và từ đó họ không tan biến vào hư vô, không có những câu chuyện văn thơ làm chủ đề đàm đạo cho các hương thân phụ lão mỗi khi trà dư tửu hậu. Đều là những kẻ vô tội phải vùi thân dưới đáy Trường Giang, nhưng cái chết của các tướng sỹ và đội nhạc kỹ lại có những ý nghĩa khác biệt rõ rệt, thật khiến người ta cảm khái. Sự đảo lộn giá trị của người đời có lẽ cũng từ đó mà ra. Lại nhớ đến loạn An Sử, sau khi loạn An Sử nổ ra, hài cốt của người dân và quan binh vẫn phơi sương phơi gió ngoài đồng hoang, những cung nữ già liền học theo các nghệ nhân xưa, bắt đầu lưu truyền những câu chuyện kỳ quái nơi tam cung lục viện, những câu chuyện lấp lánh sắc màu quỷ quái, hư hư thực thực, nhưng dưới con mắt của kẻ nô tỳ thì tất cả đều vô cùng vĩ đại. Vậy là người nghe liền bị mê hoặc bởi những câu chuyện kỳ quái, tất cả những đau khổ đều tan biến, trận bạo loạn đảo lộn đất trời, với hàng ngàn, hàng vạn xác chết cũng bị một bàn tay vô hình che kín. Cho đến hàng trăm, hàng nghìn năm sau, những câu chuyện như thế vẫn chưa thể kết thúc.

Nhưng nói cho cùng, nếu chúng ta lo lắng, quan tâm đến các cô hồn thì hãy an táng hài cốt của họ thật chu đáo, để linh hồn của họ có nơi an nghỉ, hơn nữa, hầu hết các hồn ma đều mong mình được trở về với đất. Người xưa sau khi chết đi đều được an táng trong khu mộ riêng của gia tộc mình, còn những kẻ chiến bại trên sa trường thì đành chôn mình nơi đồng nội, không được trở về bên cạnh phần mộ của tổ tông, chết mà không ai phúng viếng, nhưng vẫn phải dùng xe ngựa thô sơ kéo về, kiếm cho họ cỗ quan tài nhỏ làm chỗ an thân, cũng có nghĩa là không cho họ quyền công dân nhưng cũng không được cướp đi quyền sinh tồn của họ. Vương Sĩ Trân, đời nhà Thanh có đoạn ghi chép về Lâm Tứ Nương trong *Trì Bắc ngẫu đàm*. Lâm Tứ Nương là cung nữ đời nhà Minh, sau khi triều Minh sụp đổ, vong hồn

của cô phiêu dạt trên đất Bắc, đau thương kể lể nỗi ưu phiền của những u hồn lang thang. Cư sĩ đời Thanh, Thung Nột trong quyển hai, cuốn *Chỉ văn lục* có đoạn kể về "Trịnh tú tài", có người thương nhân họ Ngô bị bọn cướp giết chết ngoài biển, vong hồn của ông liền hiện về, than thở rằng: "Tuy hài cốt tôi đã chìm dưới đáy biển sâu nhưng linh hồn này vẫn luôn hướng về nơi quê cha đất tổ." Thử hỏi rằng, nỗi lòng nhớ quê hương, nhớ thương người thân da diết ấy có khác gì với cuộc sống của người trần!

Đối với những hồn ma phiêu dạt tha hương thì phải đưa họ trở về quê hương bản xứ, chỉ cần di dời hài cốt của họ trở về quê hương thì vong hồn của họ tự khắc cũng sẽ trở về với họ tộc. Đây được gọi là "lữ quỷ tùy hài phản hương".

Đới Phủ, người đời Đường đã ghi lại chuyến đi cùng cha về nhậm chức ở Mật Châu trong cuốn *Quảng dị ký*, trong mơ ông thấy mình làm quen với một cô gái, ngày hôm sau lại mơ thấy cô gái đến từ biệt, giọng nói đầy vẻ thê lương: "Thiếp là con gái Trưởng sử trước, chết ở phía đông nam thành. Anh trai thiếp ngày mai sẽ đến đón thiếp về an táng, ngày cuối cùng đến đây vĩnh biệt chàng, trong lòng quả thật vạn phần không nỡ!" Hài cốt được đưa về quê hương, vong hồn cô gái từ đó cũng không quay lại nữa, tuy tình cảm với người thương vẫn còn bịn rịn không nỡ xa rời, nhưng không còn cách nào khác, không muốn đi cũng không được.

Những lữ quỷ gửi thân nơi đất khách, mặc dù bị trói buộc bởi chính hài cốt của mình, không thể tự trở về quê hương, nhưng thỉnh thoảng cũng có thể về nhà thăm tình hình của cha mẹ, người thân. Những câu chuyện về các vong hồn có thể vượt ngàn gian khó về thăm gia đình cực kỳ hãn hữu, cho dù minh giới không có ràng buộc gì, nhưng vẫn có rất nhiều điều bất tiện. Hồng Mại trong quyển mười lăm *Di kiên bính chí* có đoạn kể về "thiếu phụ Nguyễn Lâm Châu", nói rằng, những hồn ma từ nơi khác đến đều phải chịu sự quản giáo tạm thời của thổ thần địa phương, giống như thi thể của

thiếu phụ họ Nguyễn được thác gửi nơi cửa Phật, chịu sự quản thúc của hộ pháp trấn giữ cửa chùa, "tuy có thể về nhà bất cứ lúc nào, nhưng khi có tiếng chuông sớm hoặc chuông chiều đều phải tức khắc trở về nhận lệnh, khổ cực vô cùng". Họ được đối xử như phạm nhân vậy. Vì thế, cho dù có phải hỏa thiêu hài cốt thành tro bụi cũng nên nhanh chóng đưa họ về an táng tại quê nhà.

Thanh Thành Tử, người nhà Thanh trong tác phẩm *Chí dị tục biên* của mình có đoạn bàn về thuyết "hài cốt là nơi cư ngụ của vong hồn" đã giải thích rằng, có một điều khá thú vị mà rất ít người biết là, nếu hài cốt hóa thành hư vô thì âm hồn tự nhiên cũng theo đó mà tan biến.

4

Mộ phần tuy có quy mô và kiểu cách khác nhau, nhưng tất cả các ngôi mộ đều có một điểm chung là, đều phải đào một cái hố trên mặt đất, đặt quan tài người chết vào đó, rồi lấp đất chôn. Đối với người sống, ngôi mộ đó dù là xây dựng nguy nga như cung điện dưới lòng đất, hay công trình thế kỷ đi nữa, thì nó cũng chỉ có một chỗ có tác dụng, đó là phần giữa ngôi mộ, nơi cất giữ thi thể người quá cố.

Đới Tác, đời nhà Tấn có ghi chép một câu chuyện, một lần đi đêm bị lạc đường, ông nhìn thấy phía xa xa có đốm lửa sáng, dường như có nhà dân, liền chạy thục mạng về phía đó, quả thật là có một ngôi nhà, nhưng đến ngày hôm sau khi tỉnh dậy, bước ra khỏi nhà mới phát hiện đó chỉ là một ngôi mộ. Những câu chuyện tương tự như thế được lưu truyền rất nhiều trong dân gian. Cẩn Đào Tiềm trong *Sưu thần hậu ký* cũng ghi lại rất nhiều những câu chuyện như thế, như huyện sử đời Hán, Ngô Tường vì không chịu nổi những phục dịch hà khắc chốn quan trường liền tìm cách bỏ trốn vào núi sâu. Đi đến một con suối thì trời tối. Đến đây ông gặp một thiếu nữ, liền theo cô về nhà, ngôi nhà chỉ là một túp lều nát. Hôm sau, khi tỉnh giấc

chỉ thấy một mình nằm giữa nghĩa địa. Trong *Pháp uyển chu lâm* cũng ghi lại một câu chuyện tương tự, Chu Mỗ người Nghĩa Hưng, đời nhà Tấn cưỡi ngựa ra ngoài dạo chơi, chưa về đến nhà thì trời đã tối, thấy bên vệ đường có một ngôi nhà cỏ nhỏ, một cô gái từ trong nhà bước ra. Những túp lều rách nát hay những cã nhà nhỏ đơn sơ bên đường đều do những ngôi mộ nhỏ của những người dân lao động khốn khổ, hay những thiếu nữ bạc mệnh hóa thành.

Nếu như bạn lạc vào một khu nghĩa địa lớn, thì những ngôi mộ ở đó tự nhiên sẽ mọc thành những tòa nhà nguy nga tráng lệ. Lưu Nghĩa Khánh trong *U minh lục* có ghi chép, có một thương nhân sống ở thời nhà Ngô, tên Trần Tiên đi đêm, qua một ngôi nhà trống, cổng rộng tường cao, sáng hôm sau nhìn lại hóa ra chỉ là một khu nghĩa địa. *Thái bình quảng ký* có dẫn một câu chuyện rằng, Hoằng Môn dẫn Trương Vũ đi qua Đại Trạch Trung, trời sẩm tối chợt thấy một ngôi nhà lớn cổng mở toang. Trương Vũ liền lên trước thăm dò, thấy có một nữ tỳ ra hỏi, ông ta liền ngỏ ý muốn ngủ nhờ qua đêm. Nữ tỳ vào báo xong, liền kêu Trương Vũ vào. Vào nhà, ông ta thấy có một phụ nữ tuổi trạc ba mươi đang ngồi trong màn, xung quanh có đến hai mươi người hầu hạ, y phục vô cùng diêm dúa. Người phụ nữ đó chính là con gái thứ hai của thái thú Trung Sơn nên mới được sống trong ngôi nhà nguy nga với hơn hai mươi kẻ hầu người hạ như thế.

Những câu chuyện trích dân ở trên đều là truyện được những người của Lục triều ghi chép lại. Chuyện xảy ra dưới các đời Hán, Tấn, Tống… đều là các thời đại xa xưa không thể khảo cứu, nhưng có nguồn gốc dân gian đại thể vẫn có những giá trị nhất định. Những câu chuyện như trên đã trở thành một mô típ, vẫn được người đời sau kế thừa như những tiểu thuyết truyền kỳ, quái dị từ Lục triều đến nhà Đường, nhà Thanh. Như Lục Huân, người đời Đường trong *Chí quái lục* có ghi chép về câu chuyện Tôn Thiệu Tổ gặp một nhà dân ven đường, chợt nghe trong nhà văng vẳng tiếng đàn. Đoàn Thành Thức trong cuốn mười ba *Tây dương tạp trở* kể về câu chuyện Thôi

La Thập, người Thanh Hà, đêm khuya đi qua mộ phần của một vị phu nhân, thấy châu môn phấn bích, lầu son gác tía. Qua một đêm tình cảm mặn nồng, trời sáng mới phát hiện, hóa ra đây là khu nghĩa địa của một gia đình danh gia vọng tộc. Minh thế vốn dĩ là cảnh tượng của người trần, là nơi diễn lại tất cả những gì xảy ra nơi trần thế. Địa vị, đẳng cấp của các linh hồn được thể hiện rõ ở việc ăn ở. Ở cõi nhân gian có nhà cao cửa rộng, lầu son gác tía, nhưng cũng có những nhà tranh vách đất, lều cỏ đơn sơ, ở cõi âm cũng vậy. Thân phận cao sang hay nghèo hèn lúc sinh thời của các linh hồn vẫn được giữ nguyên ở cõi âm, vì thế mộ phần của họ cũng có những ranh giới, đẳng cấp khác nhau, thậm chí còn có quy định nghiêm ngặt hơn việc xây nhà ở cho người dương thế gấp bội phần. Những quy định cụ thể về việc xây mộ phần đều được ghi chép rất tỉ mỉ trong thể chế lễ pháp của các thời đại. Kích cỡ, chiều cao, chiều dài, số lượng tượng đá, ngựa đá đứng canh mộ đều được quy định rõ ràng, thậm chí cả những vật muốn chôn theo người chết xuống âm tào địa phủ cũng không được tùy ý sắp đặt.

Những điều này đều không đáng để quan tâm, nhưng người ta vẫn cứ bắt mình phải tin, mộ phần được xây dựng nguy nga hay chỉ là một đám cỏ, không chỉ có mối liên hệ chặt chẽ đến người chết, là ngôi nhà của các linh hồn, mà cũng khiến cho tâm hồn người sống được thoải mái hơn phần nào. Những quan niệm hoang đường này cũng là kết quả của sự bất lực về mặt tâm lý. Người ta không thể xây cho người chết một tứ hợp viện dưới lòng đất, nhưng cũng không đành lòng nhìn người thân của mình bị chôn vùi trong sáu mảnh gỗ, vì thế họ đành dằn lòng, tưởng tượng cỗ quan tài kia là một khu tứ hợp viện cho người chết, để yên lòng người quá cố cũng là để an ủi bản thân mình. Vì thế, trong *Duyệt vi thảo đường bút ký* có đoạn, có người khi mai táng cho người chết, lỡ chân đạp vỡ một mảnh ván, đêm mộng thấy bị Thành Hoàng giải đi, nói có người kiện anh ta phá hỏng nhà của họ. Minh chứng thuyết phục nhất cho điểm này là câu chuyện vào thời Ngụy Tấn, kể về việc người sống có thể đến thăm nhà của người đã khuất, thậm chí có thể sống thử một đêm để tìm hiểu cuộc sống cõi âm.

Theo lẽ thường, nơi ở của quỷ là chốn người phàm không thể vào được, cũng như người sống thì không thể vào trong mộ của người đã khuất, vì thế chỉ có phần hồn của người dương mới có thể đến được cõi âm, mà người ta thường gọi là quỷ sống. Như trong *Quảng dị ký* có phần *Hà gian Lưu Biệt Giá*, kể rằng Lưu Biệt Giá trên đường đi gặp một người đẹp, liền theo cô gái về nhà. Trằn trọc canh thâu, anh ra bất giác cảm thấy có điều gì đó khác lạ, nửa đêm nằm trong chăn ấm đệm êm mà toàn thân lạnh toát, cơ thể rã rời, trong lòng thầm nghĩ về những việc kỳ quái đã xảy ra. Sáng sớm hôm sau, vừa tỉnh dậy, cả cô gái và lầu ốc đều tan biến, còn mình đang nằm trong một khu vườn hoang.

Trằn trọc cả đêm, chắc chắn Lưu Biệt Giá không chỉ lăn qua lăn lại trên chiếc giường nhỏ, nhưng cho dù chàng đã thăm thú những đâu trong ngôi nhà ma quái đó thì ngôi nhà ấy cũng chỉ được gói gọn trong không gian sáu mảnh ván của cỗ quan tài, và thể xác chàng Lưu thực chất vẫn nằm trên bãi cỏ hoang, không thể vào trong ngôi nhà âm đó được. Vậy thì cái "chăn ấm đệm êm" mà chàng Lưu cảm nhận được chẳng qua là đám cỏ hoang (ở đây có lẽ là do yêu khí biến thành), nên chàng mới cảm thấy lạnh lẽo, buổi sáng tỉnh giấc, thấy mình đang nằm giữa khu vườn bỏ hoang.

Chương thứ mười lăm trong *Duyệt vi thảo đường bút ký* có ghi chép việc Mỗ Ất dẫn vợ đến Cam Châu, đi được khoảng mười dặm về phía đông thì bị lạc đường, đành trú lại ở một trấn nhỏ. Đường xa mệt mỏi, vừa đặt lưng hai người liền thiếp đi ngay. Sáng hôm sau tỉnh dậy, giật mình phát hiện mình đang ở giữa một cánh đồng hoang. Còn người vợ ngủ trong căn phòng khác, không ngờ nửa đêm bị ma nam cưỡng hiếp, sáng ra thấy trên mình không còn mảnh vải che thân, đầu tóc bù xù, quần áo bị mắc hết lên cành cao. Đây cũng là một minh chứng chứng tỏ rằng cơ thể người phàm không thể vào trong mộ phần của người đã khuất. Trong truyện *Liêu trai* có kể câu chuyện về Trương Hồng Tiệm. Trong truyện có ngôi nhà của gia đình hồ tiên chỉ hiện hình lúc đêm xuống, thực chất cũng là viết theo quy luật này

mà thôi. Khi Trương Hồng Tiệm muốn ra ngoài dạo chơi, hồ tiên dặn đi dặn lại rằng, đợi khi trời tối mới được quay về. Chàng Trương nghe lời, đi sớm về muộn, trong vòng nửa năm cảm thấy mọi việc đều suôn sẻ. Nhưng một hôm, chàng về nhà sớm hơn bình thường thì chẳng thấy nhà cửa, làng xóm đâu. Đang trong cơn hoảng hốt thì nhà cửa bỗng chốc mọc lên như có phép màu, bản thân chàng không hề nhấc bước mà đã ở trong nhà từ lúc nào không hay. Dường như sự thoắt ẩn thoắt hiện của ngôi nhà hồ tiên chẳng qua chỉ là sản phẩm của sự hoang tưởng, nhưng đối với con người mà nói, đây chính là một vật thể có thật. Ngôi nhà cõi âm từ hư thành thực, rốt cuộc là sự biến đổi do yêu khí tạo ra khi trời tối, hay chính là sự thể nghiệm đặc biệt của người dương sau khi bị rơi vào trạng thái của các linh hồn? Hư hư thực thực, huyền huyền ảo ảo, cái ranh giới mong manh đó quả thực khó mà vạch ra rõ ràng được.

Vì vậy, hầu hết các câu chuyện ma quỷ đều không có mối liên hệ chặt chẽ với các thực thể, những ngôi mộ đó không chỉ có người dương mà cả các loài vật thân thiết với con người như lừa, ngựa cũng có thể đăng đường nhập thất, cùng con người trải nghiệm cuộc sống dưới cõi âm. Những câu chuyện như thế ở thời Hán - Ngụy nhiều không kể xiết, cho đến đời Thanh, dân gian đều cho rằng đó là việc đương nhiên, hợp với lẽ thường.

Liêu trai chí dị có một phần kể về Ái Nô, viết rằng, chàng thư sinh được quỷ mời về làm thầy dạy, chàng mơ hồ không biết mình đang sống cùng quỷ trong ngôi mộ hoang. Trong một lần tức giân, chàng bỏ ra ngoài lúc trời sắp sáng. Vậy là phu nhân liền sai người hầu "tiễn chàng thư sinh rồi khóa chặt cửa nhà, cánh cửa vừa khép, chàng ta đi được mấy bước thì mặt trời chiếu rọi, mới thấy mình vừa bước ra từ bãi tha man. Chàng nhìn quanh tứ phía, toát mồ hôi lạnh, chỉ thấy sau lưng là một ngôi mộ cổ". Một ngôi mộ cổ mà người dương lại có thể tự do ra vào, tuy cũng có cửa đóng then cài, nhưng điều này vẫn không hợp với lẽ tự nhiên. Tuy nhìn bên ngoài, đó chỉ là một ngôi mộ cổ, nhưng khi bước vào trong, ngôi mộ lại biến thành phủ

đệ gia thế nguy nga, đêm xuống hiện nguyên hình một phủ đệ tráng lệ với cánh cửa lớn khắc hình hai con sư tử ở giữa, khi mặt trời lên thì lại kín cổng cao tường, điểm này thật khiến người ta khó mà lý giải. Có lẽ trong con mắt của người đương thời, điểm này cũng không bị coi là chi tiết vô lý, nhưng câu chuyện vốn dĩ không nên diễn ra theo hướng đó. Đối với ma quỷ, mộ phần chính là nơi ở, chín vì thế mà những đồ gốm sứ được mai táng theo người chết thường là đồ dùng gia đình.

Những câu chuyện ma quỷ ở các đời sau ít nhiều đã có những đổi khác, chú trọng nhiều hơn đến mối liên hệ nghiêm ngặt giữa các tình tiết truyện. Có những truyện với tình tiết diễn ra trong những giấc mơ của người dương thế, có truyện thì đào một lối đi riêng trong hầm mộ để tiện cho sự giao lưu giữa hai thế giới… Mặc dù các câu chuyện có những tình tiết gần gũi hơn với đời thường, nhưng dù thế nào cũng vẫn là những câu chuyện hoang đường, không thể trọn vẹn được. Nhàn Trai Thị trong chương ba, *Dạ đàm tùy lục* kể về câu chuyện của Thiến Nhi: "Thiến Nhi mời chàng thư sinh về tệ xá chuyện trò, hai người đi xuyên qua rằng cây tùng một quãng thì đến một huyệt mộ. Chàng thư sinh bị Thiến Nhi kéo vào trong đó, chỉ cảm thấy cơ thể mình như bị thu nhỏ lại còn một tấc, vào trong mộ cơ thể chàng lại trở lại như bình thường, thấy bốn bức tường đều làm bằng gỗ, sơn tinh xảo, đẹp mắt." Có thể thấy trí tưởng tượng của tác giả cũng thật phong phú, để chàng thư sinh có thể chui vào huyệt mộ, tác giả liền để cơ thể chàng thoắt nhỏ rồi thoắt trở lại hình dáng cũ. Thực chất điều này cũng do tác giả vẫn chịu lệ thuộc của các sự vật hiện hữu trong thực tế, vì thế có những tiểu tiết chưa hợp lý cũng là điều dễ hiểu.

Chương 17: Nhập thổ vẫn không yên

Còn nhớ đầu những năm 60 của thế kỷ trước, tôi theo bà nội đến Hương Sơn thăm người thân. Mặc dù triều đình Đại Thanh đã diệt vong từ nửa thế kỷ nay, nhưng ông cụ vẫn giữ túm tóc đuôi sam sau gáy, vì thế mọi người vẫn gọi ông là ông lão đuôi sam. Vừa vào trong nhà, mới chỉ trò chuyện qua loa đôi ba câu, ông lão đã vội vã dẫn bà tôi đi xem một món đồ. Tôi cứ tưởng đó là món bảo bối quý giá gì liền lẽo đẽo theo sau, không ngờ khi bước vào một căn phòng trống đập vào mắt tôi là một cỗ quan tài đen xì đặt ngay chính giữa. Sau đó ông lão giới thiệu một cách đầy tự hào về cỗ quan tài quý giá của mình. Lúc đó tôi không thể nào hiểu nổi vì sao ông lão lại cất giữ trong nhà một thứ xui xẻo như vậy, hơn nữa còn coi nói như báu vật. Sau này tôi mới hiểu ra rằng, quan tài chính là nơi trú ngụ của các vong hồn, cũng giống như ngôi nhà của người sống ở chốn dương gian. Các vị hoàng đế khi vừa kế vị đã lập tức bắt tay vào việc xây dựng lăng mộ cho chính mình. Trong thời đại cũ, hầu hết các gia đình danh gia vọng tộc đều chuẩn bị trước hậu sự cho mình ngay từ khi còn sống.

Nếu trong nhà không có sự chuẩn bị trước, vậy thì đành đợi đến lúc đó, người nhà tự lo liệu, nhưng với những người cầu toàn và kỹ tính, cho dù thành hồn ma cũng không yên tâm giao việc hậu sự cho người nhà, mà sẽ tự mình đến nơi bán quan tài để lựa chọn cho mình một chiếc áo quan. Viện Mục trong chương hai mươi tư của *Tử bất ngữ* có ghi một câu chuyện, có một cậu con trai đi mua quan tài cho người cha đã khuất của mình, ông chủ tiệm quan tài hỏi: “Đêm qua, tôi thấy có một ông cụ râu tóc bạc phơ ngồi mãi trên một cỗ quan tài trong nhà, khi tôi cầm nến đến gần thì không thấy ông lão đâu nữa.” Nghe tả về tướng mạo người cha đã khuất của anh, thì đúng là rất giống ông lão hôm qua đã đến. Thế là anh con trai liền chọn mua ngay cỗ quan tài hôm qua ông lão đã ngồi. Nhưng câu chuyện này nghe ra có vẻ hơi mờ ám, có lẽ chín mươi phần trăm là thủ đoạn bán hàng của người bán quan tài. Cứ thử nghĩ xem, nếu người chết muốn tự chọn đồ hậu sự cho mình thì tại sao chỉ đến mỗi hiệu quan tài để chọn áo quan, còn phải

đến cả cửa hàng bán đồ khâm liệm, đèn nhang, hoa tươi… Như vậy, có lẽ trần gian của chúng ta đã biến thành chợ quỷ từ lâu rồi.

Tuy nhiên, việc ma quỷ tự mình đến các cửa hàng để mua đồ cũng không phải hoàn toàn không có. Đương nhiên chỉ rơi vào một số trường hợp đặc biệt. Đó là khi trong nhà không có sự chuẩn bị trước, khi chết cũng không có ai mua cho, đến lúc đó có lẽ chỉ còn nước chờ người ta đến thu lượm xác mà thôi. Từ Nhạc, đời nhà Thanh có câu chuyện mua áo quan ghi trong *Kiến văn lục* như sau: "Những năm cuối đời Sùng Trinh, nạn đói hoành hành khắp Giang Nam, dịch bệnh tràn lan, người chết nhiều vô kể, trong đó Hàng Châu là vùng chịu hậu quả nặng nề nhất. Nhà họ Tiền tổng cộng có bảy người lần lượt chết vì bệnh, lúc đó vì sợ lây bệnh, hàng xóm không ai dám đến phúng viếng. Hôm đó, có một người đến tiệm quan tài đầu làng, hỏi mua bảy cỗ quan tài, nhưng không mang đủ tiền, nên hẹn chủ tiệm cho người mang bảy cỗ quan tài về nhà rồi sẽ trả tiền đầy đủ. Khi về đến cửa nhà họ Tiền, chỉ thấy người đó vào trong hồi lâu mà không thấy ra, chủ tiệm đứng ngoài gọi mấy tiếng liền mà không có ai trả lời, đành đẩy cửa bước vào, thấy bảy thi thể nằm la liệt trong nhà, trong đó có một người chính là người đến hỏi mua áo quan khi nãy, hơn nữa, bên cạnh cái xác đó có một túi tiền, đếm ra vừa đủ số tiền mua bảy cỗ quan tài. Số tiền mua quan tài này là tiền thật. Còn trong *Hứa tinh dương di cư đồ bạt* có nhắc đến câu chuyện xảy ra ở Bắc Kinh trước khi Minh triều bị diệt vong, ma quỷ ào ạt vào thành, gõ cửa nhà dân đòi mua áo quan cho mình, nhưng tiền chúng dùng chỉ là tiền âm phủ.

Quan tài là nơi trú ngụ của hồn ma, trước khi vào nằm trong đó có lẽ các hồn ma cũng không để ý nhiều đến cỗ quan tài của mình, nhưng qua nhiều năm chôn vùi trong lòng đất, gỗ đá cũng mòn dần, nước mưa thấm qua ván, khiến các hồn ma không thể nào yên nghỉ, cũng giống như mái nhà của con người trên dương thế, nhiều năm không tu sửa sẽ ngày càng dột nát, không chống đỡ nổi bão táp phong ba. Kiền Bảo có ghi chép về một ngôi mộ bị

ngập nước trong *Sưu thần ký* như sau: "Vào cuối thời Đông Hán, Văn Dĩnh nửa đêm canh ba mơ thấy có người quỳ trước mặt mình, nói: "Nay nước đã tràn vào trong mộ, ván gỗ đã hỏng, nước ngập đến nửa người, tôi ngày đêm phải chịu giá rét, mong người cứu giúp, chuyển mộ phần lên chỗ cao ráo tránh nước giúp tôi." Hồn ma cho Văn Dĩnh xem bộ quần áo của mình, quả thật đều sũng nước, dường như căn nhà của anh ta bị biến thành một cống nước vậy.

Nghiêm trọng hơn nữa, nếu mộ phần bị thiêu hủy thì giống như nhà chúng ta bị hỏa hoạn, ma quỷ sẽ không có chốn nương thân. Đới Phủ, người đời Đường có ghi lại trong cuốn *Quảng dị ký* câu chuyện về một ngôi mộ bị thiêu hủy. Ngôi mộ của một hồn ma có địa vị cao quý, sau khi ngôi mộ bị thiêu hủy, hồn ma hiện về với bộ dạng thảm thương, mặt mũi phồng rộp, quần áo tả tơi, không nơi nương tựa. Dù sao chúng ta vẫn còn may mắn hơn những âm hồn vì có nhà trọ, khách sạn để thuê phòng nghỉ qua đêm. Lại nói về điểm khác nhau giữa những ngôi nhà nơi trần gian và ngôi nhà của các hồn ma.Có thể thấy điểm khác nhau rõ nhất đó là một người giàu có ở chốn nhân gian có thể xây ngàn vạn ngôi nhà, sơn vàng dát ngọc, nhưng khi về với cõi âm thì tất cả đều như nhau, chỉ có một ngôi nhà duy nhất là mộ phần của mình, cho dù mộ có to đẹp đến đâu. Vì thế, có lẽ ngay cả hoàng đế, e rằng cũng không được phép coi thường.

Quan điểm này cho rằng, con cháu có nghĩa vụ phải thường xuyên chăm sóc, trùng tu mồ mả ông bà tổ tiên, giống như xây sửa nhà cửa cho chính bản thân mình vậy. Điều này nói ra nghe rất đơn giản nhưng không phải ai cũng làm được. Ngay cả những gia đình danh gia vọng tộc, trải qua bao thăng trầm của thời gian, thêm vào đó là thiên tai địch họa, chiến tranh loạn lạc, chia ly phân tán, mấy ai được trở về quê hương bản quán của mình, mà cho dù có tìm lại được gốc gác cũng không quan tâm đến mộ phần đã bị bỏ hoang từ mấy đời trước, vậy thì những người dân đen thấp cổ bé họng lại càng không cần nhắc đến nữa. Như câu chuyện về Lưu phu nhân trong *Liêu*

trai chí dị kể rằng, Lưu phu nhân lúc sinh thời về làm dâu trong một gia đình quyền quý, sau khi bà mất, căn phòng bà ở được trang hoàng thành phủ đệ lộng lẫy, nhưng hậu thế của bà đều là những kẻ vô tâm dốt nát, kết quả là ngay cả mộ phần của bà cũng bị con cháu mang đi cầm cố, thậm chí cây cối xung quanh mộ cũng bị người ngoài chặt phá làm gỗ xây nhà. Nhận thấy không thể dựa giẫm vào con cháu, âm hồn của bà đã giúp một chàng thư sinh nghèo được thỏa ước nguyện, anh ta trở nên giàu có, lại lấy được vợ đẹp. Chàng thư sinh vì ân đức đó, muốn báo đáp Lưu phu nhân, liền chuộc mảnh đất có phần mộ của bà, xây sửa lại, trồng thêm cây xanh bên mộ, ngày đêm khói nhang, chăm sóc, từ đó âm hồn của bà mới được an nghỉ, tránh được kiếp khổ. Nhưng trong đám ma quỷ, những người có trí tuệ như Lưu phu nhân quả là rất hiếm.

2

Ngoài ảnh hưởng từ môi trường tự nhiên như phong ba bão táp, còn có những mối đe dọa khác đối với ngôi nhà của những người đã mất. Mối đe dọa đó đến từ hai phương diện, thứ nhất là người ta đào trộm, thứ hai là sự xâm chiếm của các hồn ma khác. Những hiểm họa này còn ghê gớm hơn sự phá hoại của tự nhiên rất nhiều, bởi lẽ đó là sự phá hủy đến triệt để, không chỉ nhà cửa tan hoang mà cả đến hài cốt cũng khó mà bảo toàn nguyên vẹn.

Chúng ta hãy nói về vấn đề đào trộm mộ trước.

Đối với sự phá hủy này, các hồn ma hầu như đều bất lực, nhiều nhất cũng chỉ có thể cầu cứu người dương qua những giấc mộng, cầu xin họ ra tay cứu giúp. Những câu chuyện như vậy quả thực rất nhiều, dưới đây xin được đưa ra hai ví dụ.

Thứ nhất, các hồn ma có thể cầu cứu đến pháp luật, hiện hồn báo mộng cho quan phủ, người có chức trách ở địa phương để họ ra tay ngăn chặn,

nhưng đương nhiên bản thân mình phải có địa vị nhất định trong xã hội thì mới hy vọng nhận được sự giúp đỡ của quan phủ. Đào Tiềm trong *Sưu thần hậu ký* có ghi chép về một người có tên là Thừa Kiệm, mười năm sau khi mất, ông hiện về báo mộng cho quan huyện, nói mộ phần của mình đang bị kẻ gian đào trộm, mong quan phủ ra tay cứu giúp. Viên huyện lệnh cũng là một người có trách nhiệm, lập tức dẫn trăm tên nha dịch đến hiện trường. Lúc này, ba tên trộm đã chui vào trong mộ, chúng bị bắt ngay tại trận, nhưng hai tên hoa tiêu thì trốn mất. Đêm đó, hồn ma Thừa Kiệm lại về báo mộng cho quan huyện, miêu tả chi tiết khuôn mặt, vóc dáng của hai tên trộm bỏ trốn. Sáng hôm sau, viên quan huyện liền theo lời miêu tả của Thừa Kiệm đi bắt người, quả nhiên bắt được hai tên trộm đưa về quy án. Nhưng điều đáng nói ở đây là, ngôi mộ của Thừa Kiệm có thể chứa được ba tên trộm một lúc, chứng tỏ đây là một ngôi mộ không tầm thường chút nào, sau khi phá được án, người nhà Thừa Kiệm chắc chắn sẽ mang không ít vàng bạc châu báu đến cảm ơn huyện lệnh lão gia.

Thứ hai, đôi khi có những hồn ma xử lý sự việc khá thông minh, đó là cầu xin và mua chuộc những tên trộm, để chúng nương tay. Trịnh Nguyên Hữu, người đời Nguyên ghi chép lại trong *Toại xương tạp ký* câu chuyện ở đầu đời nhà Nguyên, có tên trộm tên là Dương Liên Chân dạt xuống Giang Nam với âm mưu đào trộm lăng mộ vua Tống, hắn rủ thêm cả người đồng hương là Phùng Mỗ đi cùng. Cha con Phùng mỗ đều là hòa thượng, chúng chia nhau mười ngôi mộ, đào hết sáu ngôi mộ, đã chiếm được vô khối của cải, châu báu. Ngày hôm sau, khi chuẩn bị đào nốt bốn ngôi mộ còn lại, hai cha con Phùng Mỗ mơ một giấc mơ giống hệt nhau, thấy có một vị tướng mặc áo gấm từ trong rừng đi ra, vái chào rồi van xin rằng: “Hai vị đã đào sáu ngôi mộ, kiếm được không ít vàng bạc châu báu, còn chỗ này là nhà tôi ở đã lâu, cúi mong hai vị nể tình thương xót, tha cho tôi.” Năm đó nạn trộm cắp nổi lên như ong, cũng may hai tên trộm còn có chút tình người, được báo mộng xong liền bỏ đi, không đào tiếp nữa.

Nhưng cũng có chút những ngoại lệ, ma quỷ hiện hình, làm bọn trộm kinh sợ mà chạy mất. Câu chuyện về vị tướng ở trên cũng là một ví dụ. Còn có những hồn ma không biết từ niên đại nào nhưng đã có đạo hạnh, như câu chuyện Tào Mạnh Đức sai người giữ vàng cho mình. Hồng Mại trong *Di kiên chi giáp* có ghi chép câu chuyện mộ bà Lý cũng là một ví dụ khá điển hình. Tương truyền ở huyện Hạ Phi (một huyện thuộc tỉnh Giang Tô) có một ngôi mộ cổ, đó là mộ của bà Lý. Nghe đồn trong đó có chứa rất nhiều vàng bạc, châu báu. Có một nhóm đạo tặc nhòm ngó ngôi mộ đã lâu, một hôm, chúng kéo ba trăm người đến đào từ sáng sớm đến trưa mới đào được một cỗ quan tài. Chỉ thấy xác một bà lão, thân cao tầm bảy tấc, tóc trắng, da đen, hình dáng xấu xí, đang ngồi ngay ngắn trong quan tài. Đây dường như là một lão yêu đang hô phong hoán vũ. Đám người sợ hãi bỏ chạy, nhưng chạy cũng không thể thoát khỏi yêu pháp của lão yêu, chỉ trong vòng mấy tháng, hơn ba trăm người đó đều chết bất đắc kỳ tử, đúng là tự mình chuốc vạ vào thân.

Còn đối với mộ phần của những người dân thường, nếu như không bị ép vào đường cùng, họ sẽ không bao giờ dùng đến biện pháp tiêu cực đến thế. Chương hai, *Di kiên chi mậu* có viết về vợ của Tôn Đại như sau: "Tôn Đại sau khi chết để lại một người vợ, hai con trai và năm con gái. Con gái cả chẳng may qua đời sớm, sau đó Triết Tây có đại dịch, người chết nhiều như ngả rạ, rồi con trai, con dâu và hai người con gái nữa lần lượt qua đời. Vợ Tôn Đại cho rằng vì mộ của con gái cả không lành nên sau hai đứa cháu đào lên thiêu hủy. Hồn ma của cô con gái cả liền báo mộng, nhờ ni cô khuyên ngăn nhưng không được. Thế là cô đành tự mình giải quyết, đợi hai người kia đến đào mộ, lúc khiêng quan tài lên, cô hiện nguyên hình trong quan tài, gương mặt vẫn tươi tỉnh y như khi còn sống, nhìn tròng trọc vào hai người mà cười rũ rượi. Xác chết đột nhiên ngồi dậy, nhìn mình chăm chăm, lại cười rũ rượi những âm thanh ma quái, khiến hai người kia sợ đến mức hồn bay phách lạc, chết ngất ngay tại chỗ. Sauk hi tỉnh dậy, liền lập tức thắp hương tạ tội, rồi đắp lại mộ y như cũ.

Những câu chuyện như trên cũng không nhiều. Chúng ta cũng không rõ cô gái nhà họ Tôn đã dùng cách oan hồn nhập xác hay cách ma quỷ hiện hình, nhưng một ma nữ yếu đuối có thể đuổi được đám trộm mộ, thì ngoài việc cô ta có dũng khí còn phải xem vận may của cô ta nữa. Nếu như vận may không đến thì kết quả chắc sẽ không tốt đẹp như vậy. Đời nhà Tống, trong cuốn *Triệu khang thanh công văn kiến lục* có câu chuyện "khai mộ", kể rằng ở Nam Kinh có người đào trộm một ngôi mộ mới, nhưng thi thể người chết không chịu hợp tác, liền giơ tay tát liên tục, đánh cho tên trộm một trận tối tăm mặt mũi. Không ngờ tên trộm này cũng thuộc loại to gan không sợ quỷ, thấy đối phương chỉ có một chiêu bạt tai duy nhất, hắn liền tức giận, chặt đứt hết chân tay của thi thể. Nếu như đặt mình vào địa vị đó, thì xác chết đó cũng không khác gì phải chụi cựu hình ngũ mã phanh thây. Qua đây có thể thấy, người bị trộm nếu không thể hoặc không dám phòng vệ quá đáng một chút, thì bản thân mình sẽ là người chịu thiệt thòi, chi bằng hãy ngoan ngoãn nghe theo lời chúng vậy.

Hầu hết các câu chuyện đều kết thúc là ma quỷ không thể tự bảo vệ mộ phần của mình, nhưng cũng không bỏ qua cho những tên trộm mộ. Viên Mai trong *Tử bất ngữ* có kể câu chuyện về mộ phần của đại tư mã họ Lục. Lục Đại tư mã sau khi chết, người nhà ông đào mộ của đời trước lên làm mộ của Lục Đại tư mã. Hồn ma của kẻ bị đào mộ liền nhập vào thiếu gia nhà họ Lục, khiến cậu ta cứ liên tục tự vả vào má mình, sau đó Lục phu nhân và cả nhà phải mời tăng nhân về tụng kinh, đốt mười vạn vàng mã, cuối cùng vẫn không đưa được hồn của Lục thiếu gia trở về.

Những kẻ đào trộm mộ sớm muộn cũng phải chụi báo ứng, đây chẳng qua chỉ là lời nguyền bất lực mà thôi.

Khả năng những ngôi mộ bị trộm hỏi thăm luôn tỷ lệ thuận với lượng khách đến chơi nhà của người chết lúc sinh thời. Cái đó được gọi là "nghèo thì ra đường chẳng ai thèm đếm xỉa, khi giàu thì họ hàng xa gần đều đến

thăm". Người nghèo suốt cuộc đời khổ cực, nay mới được an lành trong giấc ngủ ngàn thu, cũng chẳng có gì mang theo, có chăng cũng chỉ mang theo cái bát rách để kiếm cơm. Nhưng những kẻ lắm tiền nhiều của thì lại khác, sau khi chết thì người thân ở khắp nơi sẽ ùn ùn kéo về phúng viếng. Còn về nhà cửa dưới cõi âm của tầng lớp quý tộc, quan đầu triều hay những kẻ nhà giàu nứt đố đổ vách, không chỉ đào mộ rộng hơn những người khác gấp chục lần mà họ còn được lập bài vị, trở thành văn vật của địa phương, được chăm lo cho cuộc sống hưởng thụ của họ nơi cõi âm, bên trong còn phải nhét đầy vàng ngọc, châu báu và những thứ quý giá khác. Vì vậy đương nhiên sẽ thu hút sự hỏi thăm của đám đạo tặc.

3

Bàn tiếp về sự xâm chiếm của các hồn ma.

Tôi đã từng dẫn một đoạn của Vương Sung trong *Luật hành* vào tác phẩm *Cái chết của quỷ* như thế này: "Giả sử như có quỷ, vậy thì từ thời vua Nghiêu, vua Thuấn, quỷ đã xuất hiện được bao nhiêu năm? Chẳng phải "trên mọi nẻo đường, mỗi bước chân người dương thế đều có bước chân của quỷ" sao?"

Chuyện của cõi u minh có lẽ chúng ta không thể tìm hiểu tường tận được, nhưng nếu giữ lại tất cả các linh hồn đã mất từ khi chúng ta biết ghi chép lịch sử, vậy thì các nói "mỗi bước chân của người dương thế đều có bước chân của quỷ" quả là không quá đáng chút nào. Nhưng cũng may, con người thường nghĩ đến sự sống của bản thân trước, nếu phải đặt những ngôi nhà ở cõi âm ti ấy thẳng hàng trên một con đường, thì chẳng thà hãy để cho chúng trùng khớp lại với nhau, hoặc là để cho những huyệt mộ đào thải ma cũ tiếp nhận ma mới. Điều này cũng dẫn đến những xung đột không thể tránh khỏi về "quyền sử dụng đất" trong cõi u minh.

Có lẽ những ngôi nhà dưới âm phủ của dân thường thì chẳng đáng để bàn ở đây làm gì. Cỗ quan dày ba tấc, một mảnh đất con con, thậm chí không khác gì những kẻ ăn xin, làm trâu làm ngựa cho người khác chỉ để khi trút hơi thở cuối cùng có một nơi an nghỉ. Nhưng cũng không được mãi mãi, cho dù con cháu vẫn còn nhưng không phải coi sóc phần mộ tổ tiên từ mấy đời trước, vì vậy, hàng trăm năm trôi qua, lớp này chồng lên lớp khác, không biết có bao nhiêu ngôi mộ bị chồng lên nhau.

Đối với những người có tiền thì hơi khác một chút, lúc sinh thời được ở trong nhà cao cửa rộng, khi chết đi mộ phải cao tám thước, đất chiếm ba phần, rất ngông ngheeng bá đạo. Trước mộ còn phải lập một bia đá, trong mộ còn đặt một tảng đá lên là "mộ chi danh", đây cũng được coi như "giấy chứng nhận quyền sử dụng đất" của người âm. Nhưng thời gian trôi qua, con cháu lãng quên, bỏ bê việc chăm sóc thì sẽ lại có kẻ nhà giàu khác ngắm trúng mảnh đất đó, hoặc bỏ tiền ra mua lại, hoặc cố tình xâm chiếm. Còn về kẻ đã sở hữu mảnh đất từ mấy đời nay, lúc này đành phải dời đi, hoặc lại lang thang phiêu bạt nơi cỏ nội đồng hoang, dần dần bay theo những cơn gió làm đề tài cho các thi nhân.

Đây là "hình tượng" được nhìn ở góc độ của người dương thế, còn đối với cõi u minh, việc xác định chủ nhân mảnh đất đương nhiên sẽ xảy ra tranh chấp rồi. Còn tranh chấp như thế nào, có phải mỗi người cầm một tấm khế ước quyền sử dụng đất đem đến nhờ Diên Vương phân xử hay không thì chúng ta không thể nào biết được, nhưng những câu chuyện hồn ma cãi vã, đánh nhau, thậm chí dùng đến cả đao kiếm thì có được ghi chép lại trong các câu chuyện lịch sử. Trong *Sưu thần hậu ký* có ghi câu chuyện hồn ma của Lỗ Tiêu, đời Đông Tấn giữ nhà: "Nhà Vương Bá Dương sống ở Kinh Khẩu (nay là Trấn Giang), phía đông nhà có một ngôi mộ lớn, tương truyền đó là mộ của Lộ Tiêu. Phu nhân của Vương Bá Dương xuất thân là con nhà quyền quý, năm đó lâm trọng bệnh qua đời, Vương Bá Dương liền san bằng ngôi mộ của Lỗ Tiêu, rồi chôn vợ mình vào đó. Mấy năm sau, hồn

ma của Lỗ Tiêu mang mấy trăm binh mã xông thẳng vào phòng khách nhà Vương Bá Dương mà rằng: "Ta đây là Lỗ Tử Kính, sống ở đây đã hơn hai trăm năm, cớ làm sao mà người lại phá nhà của ta?", ròi quát một tiếng, ra lệnh đám lính ra tay. Đám quân ma quỷ liền lôi Vương Bá Dương xuống, lấy đao cứa vào cổ cho đến khi thấy Vương Bá Dương không thở được nữa, mới dừng tay. Khi Vương Bá Dương tỉnh lại, những chỗ thịt bị dao của đám âm binh cứa đều thối rữa, chẳng bao lâu thì ông cũng qua đời." Nhưng cũng có một cách nói khác, cho rằng người chết không phải là vợ của Vương Bá Dương mà chính là ông ta. Khi các con đào huyệt mai tang cho Vương Bá Dương thì đào được một cỗ quan tài sơn màu đen, liền đem vứt lên Nam Cương. Đêm hôm ấy, con trai Vương Bá Dương mộng thấy Lỗ Tiêu hiện về, tức giận quát: "Ta sẽ giết chết cha người." Nhưng Vương Bá Dương lúc này đã chết rồi, nếu giết thêm lần nữa thì chẳng phải làm ma cũng không được hay sao? Một lát sau, Vương Bá Dương cũng hiện về báo mộng cho con trai, kể cho con nghe chuyện Lỗ Tiêu đòi mộ ra sao, nếu như không đấu lại được ông ta, thì e rằng sau này hai cha con sẽ vĩnh viễn không được nhìn thấy nhau nữa. Kết quả của trận đấu này là Vương Bá Dương bị giết, hôm đó trên linh tọa của ông ta đột nhiên chảy ra một dòng máu đỏ tươi.

Người ta tưởng rằng Lỗ Đại tướng quân trung hậu như Đàm Phú Anh diễn trong *Thảo nguyên mượn* tên, thật không ngờ sau khi chết ông lại trở nên hung hãn như vậy. Nhưng nghĩ cho cùng, người ta là bậc thiếu niên anh hùng, biết cưỡi ngựa, bắn tên, được mệnh danh là "đứa trẻ hoang dã", sau đó còn kế nghiệp Chu Lang, đươc phong làm Đại đô đốc, dám vượt sông bắt tiệc của Quan đại gia, một nhân vật có máu mặt như thế lại dễ tranh giành lắm sao? Vì vậy, nếu cứ coi những diễn trong tuồng, trong kịch là thật thì đúng là tự chuốc vạ vào thân. Những thứ cầu hiền như nắng hạn mong mưa, thương dân như con như hoàng đế Vĩnh Lạc hau Lưu Cẩn trong *Pháp môn tự* liệu có tin được không?

Ngoài ra, nếu không phải việc nhà mình mà mang hài cốt của người khác chôn nhầm chỗ cũng sẽ tự chuốc họa vào thân. Trong chương ba trăm hai mươi ba, quyển *Thái bình quảng ký* có dẫn câu chuyện *Thần quỷ lục*, anh em Ngô Quân, Trương Thị mua được một căn nhà mới, trong lúc dọn dẹp chợt đào được một chiếc quan tài. Hai an hem liền mua một cái chum sành, đặt bộ hài cốt vào đó, rồi đem đi chôn ở chỗ khác. Không ngờ đêm đó có con ma đến gõ cửa, hét lớn: "Tại sao hai vị lại phá hoại chỗ ở của người khác để làm chỗ ở cho mình?" Hai an hem lập tức hiểu ngay là chuyện gì liền đáp rằng: "Chúng tôi đã mai tang các hạ ở chỗ mới tử tế rồi, chúng tôi có gì sai chứ?" Con ma liền đáp: "Các người đưa tôi đến bên cạnh mộ Ngôi Đại tướng quân, tôi chỉ là kẻ thấp cổ bé họng làm sao đấu lại được với ông ấy chứ? Ngày nào ông ấy cũng mang quân đến đạp cửa đòi nhà. Nếu hai vị không tin thì đi theo tôi khắc rõ." Hai anh em liền mơ màng đi ra khỏi nhà, khi ra đến phần mộ hôm trước, quả nhiên nghe thấy trong mộ có tiếng dao kiếm chém giết.

Cõi u minh cũng giống như cõi trần, muốn được yên thân thì tốt nhất hãy tránh xa những gia đình quyền quý. Nhưng nếu gặp phải những kẻ lưu manh liều mạng thì cũng có những ngoại lệ. Câu chuyện tranh chấp mộ phần nổi tiếng nhất trong lịch sử phải kể đến câu chuyện của Phùng Mộng Long trong *Du thế minh ngôn*. Tác giả miêu tả trận chiến long trời lở đất, khốc liệt vô cùng giữa Kinh Kha và tên lưu manh Dương Giái Ai. Dương Giác Ai mai tang người anh em kết nghĩa của mình là Tả Bá Đào tại góc mộ Kinh Kha, không ngờ hồn ma của Kinh Kha vô cùng hung dữ, hằng ngày đều dẫn quân xông vào mộ của Tả Bá Đào mắng rằng: "Người là tên nhãi chết đói chết rét đâu đường xó chợ, lại dám đặt mộ ngay trên vai ta, chắn hết phong thủy. Nếu không mau chuyển ra chỗ khác, ta đây sẽ đào mộ vứt thây ra ngoài rừng hoang cho chó tha!" Tả Bá Đao biết không thể chọc giận Kinh Kha liền báo mộng cho Dương Giái Ai, bảo Giác Ai nhanh chóng di dời mộ của mình ra chỗ khác để tránh điềm hung. Nhưng Dương Giác Ai không chịu nhượng bộ, liền đốt mấy chục hình nhân bằng cỏ gửi xuống làm

âm binh, hộ vệ huynh đệ của mình. Trận chiến hôm đó Kinh Kha lại có Cao Tiện Li đến trợ giúp, kết quả Tả Bá Đào thảm bại tháo chạy. Dương Giác Ai tức giận mà rằng: "Kinh Kha ngươi có tên Cao Tiện Li trợ sức, lẽ nào ta lại không thể tương trợ cho huynh đệ của ta sao?" Nói xong liền rút kiếm, cứa cổ tự vẫn, xuống âm phủ hỗ trợ cho huynh đệ của mình. "Canh hai đêm ấy chợt mưa gió ầm ầm, sấm chớp dữ dội, tiếng gào tiếng thét, tiếng gươm đao vang xa hơn mười dặm. Sáng hôm sau ra xem, thấy mộ của Kinh Kha bị sụt sâu như một cái huyệt, xương cốt vương vãi đầy trước mộ, cây tùng bên mộ cũng bị đổ, bật hết cả gốc."

Câu chuyện miêu tả về mối thâm tình sinh tử của hai huynh đệ kết nghĩa, nhưng đọc xong vẫn khiến người ta cảm thấy không thỏa mãi. Theo ý kiến cá nhân tôi, thương ngày áp bức, ức hiếp dân lành đều là những tên cường hào ác bá hoặc là những tên tiểu nhân mới phất, còn những người dám tuyên chiến với hôn quân bạo chúa thì sẽ luôn chung sống hòa bình với nhân dân, một người tính tình khảng khái, là đấng anh hùng trượng phu thì sao có thể gây ra chuyện hoang đường như thế được? Hơn nữa Kinh Kha mưu sát Tần Vương thất bại, lẽ nào Tổ Long gia còn để cho ông được toàn thây? Tra lại nguyên tác của câu chuyện *trong Liệt sỹ truyện*, thì ra Kinh Kha vốn là Kinh tướng quân, một tướng tài của nước Sở, sau bị những kẻ nhiều chuyện sửa bậy. Hơn nữa câu chuyện xảy ra vào thời Sở Bình Vương thời Xuân Thu, nhưng lại đưa thi thể của Kinh Kha mấy trăm năm sau bị ngũ mã phanh thây ở thành Hàm Dương về an táng ở Hà Nam, đúng là hoang đường, không thể tin được. Những chuyện được biên soạn vô căn cứ, phỉ bang danh nhân để thu hút người đọc này đã là chuyện thường tình. Phùng Mã Long am hiểu lịch sử thời Xuân Thu, hơn nuawc lại không phải người hay viết chuyện lừa thiên hạ, ông còn có cả một tác phẩm để đời là *Lân kinh chỉ nguyệt*, lẽ ra ông không nên mắc phải lỗi sai sơ đẳng này. Lại tra cứu tiếp về nhân vật Dương Giác Ai, hóa ra chuyện Dương Giác Ai quên mình vì bạn lại lấy từ *Thanh bình sơn đường thoại* của Hồng Biện, trong đó, tác giả cảm thấy để cho Sở Bình Vương Lễ Hiền chiếm đoạt con dâu là

việc rất phi lý nên sửa lại thành Sở Bình Vương Lưu Giao thời Tây Hán, nhưng lại quên mất không sửa thời Xuân Thu thành thời Tây Hán.

Nói như thế không có nghĩa Kinh Kha là nhân vật dễ chọc. Nếu như đám ưng khuyển của Tần Thủy Hoàng đem mồ mả mà trấn áp lên đầu Kinh Kha thì hắn cũng vẫn khuấy động cam qua, khi đó bè lẽ vây cánh Trần Thắng, Ngô Quảng lại móc ngoặc, hùa vào với nhau, đem xương cốt rải trước mộ, có lẽ là chuyện ngàn năm có một.

Phụ ký

Dành đến hai phần để viết về vấn đề nhà ở cõi u minh, có lẽ những gì cần nói cũng đã nói hết cùng bạn đọc. Có lẽ chỉ còn một điểm chưa nhắc đến đó là khu nhà hung, nhưng chỉ khi người và ma cùng chung sống dưới một mái nhà thì mới thành nhà hung. Vấn đề này có lẽ tác giả sẽ bàn kỹ hơn ở một phần riêng. Ngoài ra còn một phần nhỏ mà tác giả cố tình không nhắc tới, mục đích không phải là muốn giấu bạn đọc, mà là vì những quan điểm đó sẽ làm nhiễu những nội dung mà chúng ta đã nói ở trên.

Vong hồn và hài cốt có mối quan hệ mật thiết, nhưng không phải tất cả du luận trong xã hội đều thống nhất cho rằng hồn ma trú ngụ trong hài cốt đương nhiên sẽ có những chuyện kỳ quái ngoại lệ xảy ra cho dù không được đa số quần chúng tiếp nhận, ví như trời bỗng chốc âm u, xám xịt, nổi phong ba, làm mặt nước mùa xuân đang phẳng lặng bỗng dưng dậy sóng, hơn nữa những kẻ khơi dậy những luận điểm này lại chính là các phần tử trí thức bậc cao. Dưới đây xin giới thiệu với bạn đọc hai luận điểm khác với cách nhìn nhận của đa số quần chúng, đều là những câu chuyện bắt đầu từ thời Ngụy Tấn cho đến ngàn năm sau vẫn có những tranh cãi không dứt.

Thứ nhất là về thuyết "hồn vô sở bất chi". Trong *Khổng Tử gia ngữ* có kể một câu chuyện như sau: "Cuối thời Xuân Thu, Quý Trát người nước Ngô

đi sứ nước Tề, trên đường về nước, con trai ông chết ở giữa ấp Danh và ấp Bắc (tên hai ấp của nước Tề). Khổng Tử nghi tin liền nói: "Từng nghe Quý Tử là người hiểu lễ nhất nước Ngô, ta muốn đi xem xem ông ta lo liệu việc ma chay thế nào." Nói rồi liền tới nơi đó xem, thì thấy Quý Trát không mang thi thể con trai đưa về nước Ngô, mà liệm bằng quần áo thường, rồi chôn ngay ở nơi đất khách quê người, huyệt không sâu, mả không cao, mà rằng: "Thi thể trở về đất, âu cũng là số mệnh, nhưng còn vong hồn thì không bị trói buộc." Khổng Tử nghe vậy thì ca ngợi hết lời: "Quý Tử đúng là người hiểu biết, xử lý rất hợp tình hợp lý."

Tại sao Quý Trát không đưa thi thể con trai mình về nước Ngô, bởi vì ông cho rằng, dù xương cốt bị chôn vùi trong đất nhưng linh hồn không bị chôn vùi theo mà là "vô bất chi".

Khổng Tử gia ngữ được viết thành sách ở thời Ngụy Tấn, tương truyền tác giả chính là Vương Tiêu, hầu hết những câu chuyện được viết lại trong đó đều là hư cấu. Quan điểm của Quý Tử có lẽ chính là đại diện cho quan niệm của một bộ phận tri thức thời bấy giờ. Nhưng Khổng Tử ở đây không phải nhân vật trong ngụ ngôn của Trang Tử, sự khẳng định của ông đối với quan điểm của Quý Trát là lấy căn cứ từ Nho học. Trong *Lễ ký*, Khổng Tử ủng hộ quan niệm "cổ bất tu mộ", cho dù mưa gió làm hư hỏng phần mộ của phụ mẫu, thì cũng chỉ là sự biến chuyển theo thời gian, vì về mặt lý tính, ông cho rằng vong hồn của cha mẹ không ở trong mộ.

Còn về thuyết "vô bất chi" của Quý Trát, mặc dù có thể lý giải là "vô sở bất chi", đông tay nam bắc tứ bề đều không bị ràng buộc, có thể tự do phiêu bạt đến nơi mình muốn, nhưng cũng có thể hiểu là linh hồn của người ta sau khi chết phân tán khắp mọi nơi. Điều này tiềm ẩn một tư tưởng nguy hiểm hơn, đó là đưa quan điểm về linh hồn đến chỗ không tồn tại. Điều này được thể hiện rất rõ qua cuộc tranh luận giữa Hình Thiệu và Đỗ Bật về "hồn vô bất chi" và "danh lý". Hình Thiệu là đại tài tử ở phương Bắc, nổi tiếng về

văn chương. Ông cho rằng thuyết "vô bất chi" của Quý Trát muốn nói linh hồn sẽ bị phân tán khắp nơi, nếu sau khi bị phân tán, các mảnh hồn tự về với nhau thì trở lại thành "hồn", vậy thì không cần phải nhắc nó là "vô bất chi". Còn Phạm Chẩn, đời Nam Triều lại cho rằng "hồn vô bất chi" có nghĩa là "hồn bị phân tán", "hồn khí quy vu thiên" tức là "tan biến vô hình như mây khói về trời", cuối cùng mới quy tụ về với nhau ở vô quỷ. Nếu độc giả có hứng thú, có thể tìm đọc thêm *Bắc Triều thư - Đỗ Bật truyện* để tìm hiểu thêm về cuộc tranh luận này. Có thể nói đây là một cuộc tranh luận bất phân cao thấp, sau đó Đỗ Bật và Hình Thiệu vẫn không ngừng thư từ qua lại để tranh luận, cuối cùng Hình Thiệu đuối lý, cuộc tranh luận mới đến hồi kết thúc.

Thời Nam Triều, đối thủ của Phạm Chẩn là một đệ tử Phật giáo. Vào thời Bắc triều cũng nổ ra một cuộc tranh luận trong nội bộ Nho giáo. Nếu tư tưởng "thần diệt" của Phạm Chẩn liên quan đến vấn đề tôn giáo, thì Hình Thiệu lại kiên trì quan điểm "vô quỷ luận", ông muốn thách thức với luân lý xã hội thời bấy giờ, đương triều tư tưởng của ông không thể chiến thắng được luân lý của cả một xã hội, nhưng nó cũng cho thấy sự khí khái, chân thực của một đại tài tử tài ba.

Một quan điểm khác lại cho rằng, "hồn tê vô chủ", vong hồn không trú ngụ ở thi thể trong mộ, mà ký thác ở bài vị thờ trong nhà.

Quan điểm này do Thái Ung cuối thời Đông Hán đưa ra. Trước đây, khi hoàng đế tế bái tiên nhân đều không tế bái ở lăng mộ mà mọi nghi thức đều được tiến hành ở miếu tế. Thái Ung uyên bác, đa tài, là bậc vô song thời đó, hậu thế sau này cũng ít ai bì kịp ông. Những tư tưởng, quan điểm của ông luôn được đánh giá rất cao. Tào Tháo vẫn là người cùng thời với Thái Ung, hai người cũng có chút giao tình, sau khi Tào Tháo lên ngôi, Ngụy Vương liền hạ lệnh, sau khi ông mất, phải khâm liệm bằng quần áo đương thời, không được chôn vàng bạc châu báu gì theo. Điểm này hoàn toàn tương

đồng với Quý Trát trong *Khổng Tử gia ngữ*. Nhưng con trai Tào Tháo là Tào Phi, sau khi kế vị, lấy danh nghĩa hoàng đế ban hành "Chung chế", trong đó trích dẫn rất tỉ mỉ lời của Thái Ung: "Xương cốt không biết đau, nghĩa địa không phải nhà của các vong hồn… Áo quan chỉ là cái hòm chứa hài cốt, áo liệm chỉ để che hài cốt mà thôi."

Con người sau khi chết, hồn tiêu phách tán, nếu không muốn hồn phách tan vào hư vô thì dựng cột gỗ, người sống thành tâm cầu nguyện, để vong hồn người chết vào trú ngụ trong đó. Cột gỗ phải được làm phép ở miếu tế, mọi người phải cùng nhau đến miếu làm lễ cúng bái. Còn thể xác vô tri, chôn vùi dưới đất chẳng qua là chúng nhanh chóng phân hủy mà thôi. Vì vậy, khi chọn đất an tang cần chú ý chọn những nơi "bất phong bất thụ", thi thể nhanh chóng hòa vào với tự nhiên. Nếu cứ nói theo quan điểm trên thì những lễ tế chiêu hồn, xây dựng nghĩa địa chỉ là những trò vớ vẩn, dựng bia tảo mộ cùng là việc dư thừa mà thôi. Với lý luận này, đừng nói là nhân dân mà cả những học sĩ bình thường cũng khó có thể chấp nhận được. Trong các tác phẩm kinh dị từ thời Ngụy Tấn như *Sưu thần ký* cũng đã xuất hiện vô số những câu chuyện về ngôi mộ của quỷ. Nguyên nhân sâu xa của các câu chuyện này có lẽ là nhằm mục đích chống lại thuyết "cổ vô mộ tế" mà thôi.

Chương 18: Tiên quỷ thê lương

Khái niệm "Tiên quỷ" mà chúng tôi muốn nhắc đến ở đây không phải là

"Tiên quỷ" trong Đạo giáo. "Tiên quỷ" trong quan niệm của Đạo giáo là

linh hồn người chết sang thế giới bên kia tu hành đắc đạo thành tiên, chỉ là có địa vị thấp hơn. "Tiên quỷ" ở đây là một cách gọi khác của những vật

ma quỷ, đa số là do vong hồn của những đứa trẻ vô tội nhập vào, nhưng bị những tên pháp sư thao túng, có thể báo điềm lành hung cho người khác, thông linh tiếp vong, thậm chí làm cả những việc tà ma. Trong nhân gian những linh hồn này có rất nhiều tên gọi như thần Nhĩ Báo, thần Chương Liễu, Linh Ca Linh Tỷ, Linh Đồng, Minh Đồng, thần Đồng… Trong đó có những loài chỉ khác nhau về tên gọi, hoặc tên gọi giống nhau nhưng có những khác biệt nho nhỏ, tuy nhiên tính chất về cơ bản là giống nhau, thực ra chỉ là sự biến đổi của cùng một vật mà thôi. Ở đây chúng tôi xin được mượn cách gọi của người đời Thanh, thống nhất gọi bằng một cái tên là "tiên quỷ".

Thần Chương Liễu

Vương Triệu Vân, người nhà Minh có ghi chép về "chương liễu đồng", trong đó có một câu chuyện như sau: "Ở một thôn nhỏ của tỉnh Tô Châu có người tên là Trương Nhị giữ chức lý trưởng trong làng, cứ vào ngày Mười lăm hằng tháng là phải đến điểm danh ở phủ quan một lần, nên vào ngày hôm đó ông đều phải xuất phát từ nửa đêm canh ba. Một hôm, trên đường vào phủ quan, trăng rất sáng, ông chợt giẫm phải một vật, liền nhặt lên xem, thì ra đó là một đứa trẻ đẽo bằng gỗ, dài khoảng ba tấc, mặt mũi sáng sủa, đầu tóc đầy đủ, quần áo kỳ dị. Ông tiện tay đặt nó lên mũ rồi lại thẳng bước vào phủ quan, từ lúc đó, trên đường đi ông luôn cảm thấy như có ai thì thầm bên tai rằng: "Trương Nhị, Trương Nhị, lên huyện điểm danh, bị đánh vào mông." Trương Nhị ngoảnh đầu nhìn, thấy cả quãng đường vắng vẻ chỉ có một mình, chân tay bủn rủn, trong lòng vô cùng sợ hãi. Lên đến huyện phủ, quả nhiên vì đến điểm danh muộn nên bị một trận đòn nên thân. Trên đường về, Trương Nhị lại nghe có tiếng nói thầm bên tai: "Trương Nhị, Trương Nhị, vợ ông ở nhà đang ngoại tình với trai." Trương Nhị nghe xong vô cùng lo lắng, chợt nhớ ra tên người gỗ đang để trên mũ, liền tức giận đập nát rồi ném vào một nhà xí bên đường.

Thần Chương Liễu ở đây là một con ma thích nói nhiều, tuy nhiên những gì nó nói đều là những lời nói thật, đây không phải là tội, chỉ là con ma không chịu nghe theo câu châm ngôn của Bặc Thương: "Tín nhi hậu gian, vi tín tắc dĩ vi bang dĩ dã", lại gặp phải Trương Nhị chỉ thích nghe tin vui, không muốn nghe tin rủi, nên kết quả là bị đập nát quăng vào nhà xí.

Câu chuyện trên sau khi được người đời Thanh chỉnh sửa, cải biên lại đã được sưu tầm vào *Dạ vũ thu đăng lục*, trong đó con búp bê gỗ nhỏ biến thành một sinh linh bé bỏng ngộ nghĩnh, đáng yêu.

Câu chuyện kể về một anh lính lệ chuyên đi thúc thuế ở quê tên là Trương Đại Nhãn, canh năm xuất phát lên huyện, đến nha môn để nộp sưu thuế. Khi anh ta đến chỗ rẽ ở một cánh đồng thì mặt trời đã bắt đầu mọc, anh ta cảm thấy nóng bức liền dừng chân nghỉ dưới một gốc cây. Bỗng nghe trên cây có người đang hát, nhìn kỹ thì thấy một đứa trẻ đẽo bằng gỗ, mặt mũi được khắc tinh tế, mắt sáng, mày thanh, cao khoảng hai tấc, đang nấptrong đám hoa, mỉm cười tinh nghịch, nhưng tóc của cậu bé bị dính chặt vào cây, không thoát ra được. Trương Đại Nhãn thầm nghĩ đây có lẽ là thần Chương Liễu vẫn được kể trong dân gian, có thể báo trước tương lai. Vậy là anh ta liền cắt phăng mái tóc của đứa trẻ, cho vào túi áo và lên đường đến nha môn.

Khi sắp vào đến huyện đường, thằng nhóc liền nhảy nhót loạn xạ, rất nghịch ngợm, Trương Đại Nhãn đành nhét nó dưới đáy mũ cỏ, lát sau chợt nghe có tiếng hát thầm bên tai: "Trương Đại Nhãn thật to gan, đến bắt ta, được một nghìn đồng tiên, đánh ba mươi trượng." Đại Nhãn cho rằng đó là những lời nói vớ vẩn, không thèm để ý, nhưng khi vừa vào trong thành, thì gặp huyện lão gia đang lên miếu thắp hương, Đại Nhãn chân tay luống cuống, liền bị mấy tên nha môn nghi là kẻ gian, bắt đến trước kiệu quan. Anh ta sợ đến mức toàn thân run cầm cập, nói không ra tiếng. Viên huyện lệnh tức giận nói: "Thoạt nhìn đã thấy không phải thứ tốt đẹp gì, lôi ra đánh

ba mươi trượng cho ta.” Vậy là Đại Nhãn bị đè ra giữa phố, lột quần đánh cho ba mươi trượng. Không ngờ Đại Nhãn còn chưa kéo quần lên đã bật cười ha hả, quan huyện lấy làm lạ, hỏi mãi Đại Nhãn mới kể câu chuyện đã được thần Chương Liễu báo trước tai họa nhưng hắn ta không tin. Đến khi quan huyện hiểu rõ mọi chuyện liền ra hiệu cho đám nha môn lấy một xâu tiền đưa cho Đại Nhãn, coi như tiền bồi thường vì bị đánh oan, rồi không thêm một đồng nào, giật lấy con búp bê gỗ, cho vào túi áo rồi lên kiệu đi tiếp.

Chỉ cần nhìn cách tên quan huyện cướp con búp bê gỗ của Đại Nhãn đã đủ biết lão ta chẳng phải thứ tốt đẹp gì, cho dù tác giả không thêm thái độ châm biếm trong lời kể của mình. Còn đứng ở góc độ của thần Chương Liễu có thể thoát khỏi móng vuốt của đám pháp sư giang hồ, được vào gia đình quyền quý, sống trong nhung lụa như nhà quan huyện đã là điều vô cùng may mắn rồi.

Đây là câu chuyện vô cùng thú vị, nghe nói sau này còn được Vương Tăng Kỳ cải biên thành tiểu thuyết. Nhưng trong tác phẩm của tác gia nổi tiếng này cũng có những điểm chưa được thỏa đáng, vô hình chung khiến cho độc giả hiểu nhầm, ngộ nhận rằng thần Chương Liễu đáng yêu tinh nghịch như những con búp bê trong tranh của chàng họa sĩ Dương Liễu, trong khi thực tế thần Chương Liễu chỉ là hồn ma của một kẻ có số phận cực kỳ bi thảm, hơn nữa chúng cũng chẳng có bản lĩnh bão trước điềm cát, hung gì cả.

Một con búp bê đẽo từ gỗ có thể chạy nhảy ca hát được không cũng là điều rất khó nói, nhưng nếu nó có thể nói chuyện, hơn nữa còn có phép thần thông, dự cảm trước được mọi việc thì đúng là rất đáng để người ta coi như một vật quái dị hoặc một vật thần thánh. Nhưng việc nó có thể tiên đoán được tương lai hay không chỉ là chuyện nhỏ. Vương Đồng Quỹ, người đời Minh từng nhận định trong *Nhĩ đàm* rằng, nó chỉ có thể nói về mộ phần, gia

trạch và những chuyện đã xảy ra trong quá khứ, còn Vương Sĩ Tính trong *Quảng chí dịch* lại nói: "Thần Chương Liễu tuy chỉ là một đứa trẻ, không tên không tuổi, không người thân, cũng không hiểu phép tắc, chỉ biết báo việc cho người ta biết trước, nhưng không dự báo được tương lai quá xa." Còn trong *Dạ vũ thu đăng lục* lại kể một câu chuyện rằng, có người mua một thần Chương Liễu từ một thầy phù thủy, mong rằng nó có thể báo cho mình mọi điều hung cát, không ngờ, nó chỉ có thể dự đoán những chuyện vặt vãnh trong nhà, lại rất nghịch ngợm, hay phá phách người khác, khiến người trong nhà không lúc nào được yên giấc. Chỉ có vậy mà thôi.

Trong *Thoái tỉnh lư bút ký* của Tôn Ngọc Thanh lại nói thần Chương Liễu có bản lính khá lớn, nhưng phải có bùa phép do pháp sư niệm chú, đợi đến nửa đêm nó mới có thể nói chuyện được. Chuyện kể rằng, khi pháp sư hỏi chuyện làm ăn buôn bán hôm sau, thần Chương Liễu cũng chỉ nói mập mờ, khi hỏi những việc khác thì nó đều không biết, hỏi nhiều lại khiến nó nổi giận. Nhưng qua những gì thần Chương Liễu nói, pháp sư có thể dự đoán được lỗ lãi ngày hôm sau, điều này cũng rất đáng nghi. Nếu như nó có thể dự đoán được tình hình buôn bán trên thị trường thì chủ nhân của nó chuyển hẳn sang kinh doanh từ lâu rồi, không cần phải vất cả đi làm đạo sĩ giang hồ. Ngoài ra còn có một câu chuyện khác như sau, một ông nọ bỏ ra mười hai lạng bạc mua một thần Chương Liễu, mong có thể nhờ nó mà phát tài. Ông ta thử hỏi nó mấy lần, quả nhiên những gì nó nói đều rất linh nghiệm, nhưng đúng lúc ông ta định kiếm một mối làm ăn lớn thì nó lại không linh nữa. Tính ra sau khi mua nó về chỉ kiếm được có mười hai lạng, vừa đúng số vốn bỏ ra mua nó. Hóa ra đây chẳng qua là do tên đạo sĩ muốn chơi ông ta mà thôi.

Dù như thế có lẽ cũng đủ làm khó cho món đồ đáng thương này. Chỉ là một hình nhân bằng gỗ mà lại thần kỳ đến thế, trước tiên sẽ làm cho người ta tò mò về chất liệu gỗ đẽo nên nó, có lẽ là một loại gỗ rất đặc biệt.

Có người nhìn từ cái tên thần Chương Liễu mà cho rằng, người ta kết hợp gỗ cây nhãn và cây liễu làm chất liệu đẽo nên nó, lại có người cho rằng "gỗ cây nhãn dùng để đẽo bé trai, gỗ cây liễu dùng để đẽo bé gái" (hồi mười lăm, *Hải du ký*). Nhưng cả hai cách nói này đều cho rằng "chương liễu" ở đây là tên hai loại gỗ. Nhưng cũng có ý kiến cho rằng chỉ cần dùng gỗ cây liễu, thậm chí có người còn nói chỉ được dùng cành liễu để đẽo. Nhưng tất cả các ý kiến trên hầu như đều tồn tại những điểm bất hợp lý, bởi lẽ gỗ cây nhãn và cây liễu là những loại cây quá bình thường, chỗ nào cũng có, vậy thì những thần Chương Liễu sẽ được làm ra nhan nhản, nói không chừng ít nhất mỗi người sẽ có một con giống như điện thoại di động của chúng ta bây giờ. Sự ra đời của linh vật này chắc chắn không tầm thường. Tác giả *Ngũ tạp trở* đã chỉ ra rằng, gỗ của nó không phải gốc cây nhãn hay cây liễu, mà là gốc của một loài thực vật mang tên "thương lục". Muốn có loại cây này thì phải đem người chết chôn dưới gốc cây, sau đó cây lớn lên mới có hình hài giống người vậy.

Vì vậy đến đàu đời Thanh, Trương Nhĩ Kỳ cho rằng, tên gọi chính xác của thần Chương Liễu phải là "thần Chương Lục", bởi vì "thương lục" còn gọi là "chương lục", mà chữ "lục" với nghĩa là lục địa đồng âm với chữ "lục" với nghĩa là số sáu. "Vật được khắc từ gốc cây chương lục, giống hình người, được yển thêm bùa, có khả năng tiên đoán họa phúc, gọi là thần Chương Lục." Thương lục trong *Nhĩ nhã* còn gọi là "trúc thang". Lý Thời Trần chỉ nói loài cây này có công hiệu của "trúc đương thủy khí", chứ không hề chú ý đến phần gốc của nó. Trong *Nhĩ nhã nghĩa sơ* được viết thời nhà Thanh cũng nói khá tỉ mỉ, còn nhắc đến nói với cái tên Vương Mẫu liễu, hay còn gọi là "dạ hô", giống như một vật mang hình người mà chỉ có gốc của nó giống hình người, và rất hiếm gặp, đào hàng ngàn, hàng vạn gốc cây may ra mới gặp được một cây thương lục. Trung Quốc thời cổ đại, tất cả những loài thực vật có phần gốc giống hình người đều rất được con người tôn sung, như các loài nhân sâm, phục linh, hoàng thị… hoặc người

ta cho rằng, nó có thể làm cho con người trường sinh, hoặc có phép thần thông quảng đại. Cây thương lục là một loài cây như thế.

Nhưng nói thần Chương Liễu là vật được đẽo từ thân cây liễu cũng không phải hoàn toàn không có căn cứ. Triệu Sĩ Lân, người đời Minh có nhắc đến "trung châu" trong *Kiến chỉ biên*, nói rằng thân cây liễu mọc ra phần nhọn gỗ, hình dáng hệt như hình người. Có thể nói đây chính là một thần Chương Liễu do thiên nhiên tạo ra. Trên thân cây liễu lại mọc ra phần nhọt gỗ giống hệt hình người, nếu người thường nhìn thấy chắc sẽ không khỏi nổi da gà, nhưng những người có con mắt tinh đời sẽ nghĩ ngay đến việc mang về đẽo thành một thần Chương Liễu. Chàng thư sinh Triệu Sĩ Lân lại nhớ đến một loại linh vật khác được ghi chép trong sách cổ tên là "phong quỷ". Có người nói "phong quỷ" ở đây là cái nhọt gỗ trên thân cây phong, cũng có người nói nói chính là một loài tầm gửi dống nhờ thân cây phong, nhưng đến đời Nam Triều bắt đầu được thần thánh hóa, trở thành một quỷ vật linh thiêng. Muộn nhất là đến đời Đường, mọi người dùng thiên bàn làm la bàn bởi tin vào phép linh của gỗ phong. Chất liệu chủ yếu lại là gỗ táo, cho nên nó có một tên gọi khác nuawxlaf "phong thiên táo địa." Không chỉ vậy, Lưu Tuân trong *Linh biểu dụ dị* có ghi chép về công dụng của gỗ phong như sau: "Các vị pháp sư lấy gỗ phong khắc hình nhân thì chắc chắn linh nghiệm." Điều này không khỏi làm người ta tò mò, có lẽ tiền thân của thần Chương Liễu xuất hiện từ thời nhà Đường. Hơn nữa cũng không thể nói đây là chứng cứ duy nhất, chúng ta có thể thấy trong *Dậu dương tạp trở* có đoạn kể về một đạo sĩ chuyên tân tu luyện, không dám một ngày trễ nải. Bỗng một hôm, vị đạo sĩ mơ thấy một cái cây lớn, trên cây đột nhiên mở ra môt cái động, rồi một thằng nhỏ chạy ra, khiến đạo sĩ giật mình tỉnh giấc. Nếu đứa trẻ kia có thể báo trước nhưng đềm hung cát thì chẳng phải là tiền thân của thần Chương Liễu đó sao?

Nhưng một miếng gỗ hình người, bất kể là nó giống một cách tự nhiên hay được gia công lại thì linh khí trời đất trong mảnh gỗ đó cũng là thứ hữu

hạn. Giống như Vương Triệu Vân đã nói: “Bất tất sinh nhân hồn sảng, chỉ dĩ thảo mộc hợp nhi vi chi.” Một miếng gỗ lại trở thành thần linh, dự báo được tương lai hay sao? Mục đích trục lợi của các vị pháp sư chế ra thần Chương Liễu đương nhiên không dễ dàng lật tẩy được.

Vương Sĩ Tính, người nhà Minh đã từng viết trong *Quảng chí dịch*, sở dĩ từ một miếng gỗ có thể đục đẽo thành hình người, lại có linh hồn như người thật, là bởi trước đây dưới gốc cây có chôn xác hai đứa trẻ nhà họ Liễu và họ Chương, ngày tháng trôi qua, linh khí hai đứa trẻ nhập vào gốc cây mà thành thần Chương Liễu. Nhưng trong tác phẩm cũng có nhắc, chỉ dùng gỗ đó đẽo thành hình đứa trẻ thì không thể lập tức linh ứng, mà pháp sư phải dùng kim châm vào tai nó và luyện phép qua bốn mươi chín ngày thì đứa trẻ mới có thể nói chuyện được, lúc đó mới rút kim ra.

Đọc đến đây, có lẽ người ta thầm cảm thấy cái gọi là thần Chương Liễu này phảng phát mùi máu của người chết, chứ không đáng yêu lanh lợi như trong *Dạ vũ thu đăng* lục có nhắc đến.

Linh ca, Linh tỷ

Trong hồi mười lăm của Hải du ký có nói thần Chương Liễu cũng phân biệt giới tính nam nữ, được gọi với hai cái tên là Linh ca và Linh tỷ, cách luyện ra các Linh ca, Linh tỷ này là: “Lấy gỗ cây nhãn làm Linh ca, gỗ cây liễu làm Linh tỷ, dung thiên linh luyện bốn mươi chín ngày, nửa đêm đem chiên trên chảo dầu, nhốt hồn ma vào trong người gỗ, niệm chú một trăm ngày mới được một đôi Linh ca, Linh tỷ.”

Cách làm này dường như khó khăn và đáng sợ hơn gấp vạn lần so với việc Mai Siêu Phong luyện cửu âm bạch cốt trảo. *Hải du ký* là một tiểu thuyết ma quái tiêu biểu. Đem hồn ma quỷ nhốt trong thân hình người gỗ là một cách liên tưởng khác hợp với tư duy của người Trung Quốc. Ngay cả

những lão phu tử Nho gia chính thống khi giảng về đạo lễ tế cũng dạy các đệ tử rằng, chỉ cần con cháu hiếu thảo, thành tâm cầu khẩn thì sẽ khiến linh hồn của tổ tiên yên vị trên tấm bài vị đó thôi. Đương nhiên, linh hồn của tổ tong không thể dùng làm chất liệu để luyện thần Chương Liễu được, nên phải mượn vong hồn của người khác, cách làm này cũng rất hợp với những thủ đoạn của thời đại cũ. Có thể dùng cách bắt, bỏ tiền ra thuê, lừa về… nhưng tương truyền cũng có những hồn ma tự nguyện nhập vào đó để tìm chỗ yên thân.

Thẩm Bình Sơn trong *Trung Quốc thần minh khái luận* có nhắc đến "huyền thuật biên" và "liễu nhân dự báo thuật", được coi là biến thể của thần Chương Liễu: "Thuật này được lưu truyền đã lâu, tương truyền chỉ cần hợp mệnh, thì những người am hiểu về đạo thuật đều biết thuật này. Khi luyện thuật này, trước tiên phải chọn được ngày lành, lấy một đoạn cành liễu mọc ở hướng đông, gần nguồn nước, đẽo thành một bức tượng, cao khoảng hai tấc sáu, ấn đủ bảy huyệt, tay trái giơ lên lấy khí dương, tay phải chỏ xuống lấy khí âm, mình mặc áo màu xanh lá, lại dùng cát đỏ viết lên tờ giấy màu vàng mấy dòng "tâm can tì thận phổi", cuộn lại, gói vào trong bụng. Tiếp đến dùng máu mào gà bôi lên miệng, ghi giờ, ngày, tháng, năm,đợi giáp tử, khấn thân nhật, tế lễ trong một căn phòng yên tĩnh, dùng gà trắng, cá khô, đầu thỏ, quả dưa làm đồ lễ. Hằng ngày, mỗi buổi sáng sớm niệm "nhị khí chú" trước, sau đó niệm "truy hông hiện hình chú" bốn mươi chín lần, trưa và tối cũng lặp lại y như thế. Luyện đến ngày thứ hai mươi mốt thì lá cờ đỏ treo trên bàn thờ sẽ tự động phất lên, có nghĩa là hồn đã biến hình. Hai mươi lăm ngày sau thì thấy hiện hình, trong thời gian đó không được phép để chó mèo lại gần, người làm phép phải giữ mình chay tịnh, rồi đặt hình nhân vào trong lọ sứ, bọc vải đỏ, dùng que tre gõ nhẹ, sẽ thấy bên trong có tiếng nói, có thể dự báo chi chúng ta chuyện tương lai.

Mặc dù đã kể rất tỉ mỉ nhưng vẫn có những tình tiết khá mơ hồ. Viết tám chữ ngày, giờ, còn cả "truy hồn hiện hình chú", đây rõ ràng pháp sư đã chọn

được một hồn ma nào đó để luyện rồi, những hồn ma này được chọn hay bị dụ dỗ bằng cách nào thì không ai biết Lý Trần Thanh đời nhà Thanh có nhắc đến "nhĩ báo pháp" trong Tập dị tân sao, trong đó kể rất tỉ mỉ kinh nghiệm ông luyện thần Chương Liễu, trong đó phải kể đến chi tiết này, tuy cách luyện của ông không hoàn toàn giống cách chúng tôi vừa nhắc ở trên.

Theo những nguyên tắc của việc luyện pháp thuật, trước tiên phải chọn được hai người chết, một người thông minh và một người hung dự bạo tàn, sau đó viết tên của họ lên bài vị, dụ thần trông coi nhà cửa và ông Táo vào trong mật thất, niệm chú bay ngày bảy đêm, hồn ma của họ sẽ tự khắc đến. Ban đầu, bên tai ta sẽ thấy có âm thanh như tiếng ruồi bay, sau đó âm thanh lớn dần như có một đàn ong đang bay đến. Tiếp đó hãy niệm "khai hầu chú" là có thể nghe được tiếng nói của hồn ma. Bây giờ mới bắt đầu thỏa thuận, giao kèo với hồn ma, bắt chúng phải nghe theo sự sai khiến của mình, nhưng thời gian chỉ được hạn định trong vòng một năm. Lý Trần Thanh đã từng thử cách này một lần nhưng công cốc, không thấy bóng ma cũng không nghe thấy có tiếng động nào. Sau đó, nhờ có sự trợ giúp của pháp sư Hoa Mỗ mới dụ được một con ma tới, nhập vào người pháp sư họ Hoa nói chuyện với Trần Thanh, không ngờ con ma đó lại chính là người bạn đã mất của ông. Người bạn nghe xong lý do tại sao ông lại gọi chính mình về, liền tức giận mắng rằng: "Lúc sinh thời chúng ta đã có mối thâm giao, tại sao lại phải dùng yêu thuật để sỉ nhục ta như thế!" Lần thử nghiệm thứ ba, Lý Trần Thanh định gọi hồn người hàng xóm, không ngờ mới luyện được chín ngày thì ông đổ bệnh hai tháng. Người ta đồn rằng sau đó ông cũng gọi được hồn về, nhưng chỉ gặp trong mơ có một lần, không được coi là chính thức. Xem ra, cả ba lần thử nghiệm của ông đều thất bại. Thế nên cuối cùng tác giả đi đến kết luận, "đời này không ngộ được đạo ấy, nay đốt sách đoạn tuyệt", dường như đã có chút giác ngộ, nhưng khi đọc lại những ghi chép của ông, mới thấy thực ra ông vẫn chưa tỉnh hẳn cơn mơ.

Nhưng tôi cảm thấy, đây đều là những pháp thuật mà các thầy phù thủy có thể công khai với người đời, tuy có đôi chút tà giáo, nhưng trên dương thế thường không có quy định nghiêm cấm chiêu hồn người đã khuất, cho dù có bị người ta nghe thấy cũng không sao. Còn về phép thần Chương Liễu mà họ thực sự đã dùng thì đương nhiên sẽ không để người khác biết. Tác giả cuốn *Hồng lâu bình mộng* có một quyển bút ký mang tên *Minh trai tiểu thức*, trong đó chương mười hai kể về câu chuyện "quỷ tiên", mà "quỷ tiên" ở đây chính là thần Chương Liễu. Tiểu thư đồng của Phan Thành Chương nhặt được một cậu bé người gỗ dài hai tấc, mắt mũi, chân tay đều đủ cả. Cậu ta tưởng đó là một món đồ chơi liền giấu nó vào trong bụng. Không ngờ một lát sau, cậu bé người gỗ bắt đầu bắt chuyện, "tiếng nói nhỏ nhẹ như tiếng gà con, nói về những việc vặt trong nhà sau này, thằng bé họ Chu, sinh ra ở Hoa Đình, ba tuổi ở Phú Dương, nay hóa thành quỷ tiên".

"Sinh ra ở Hoa Đình, ba tuổi ở Phú Dương" là ý gì? Tiền Vịnh, người đời Thanh, trong chương hai mươi tư, quyển *Lữ viên tùng thoại* tiết lộ một bí mật: "Ở vùng giữa Ngô - Việt hiện nay có các thầy bói dạo, mỗi người đều dùng một hình nhân gỗ khắc tám chữ, dùng bùa chú nhốt linh hồn đứa trẻ vào hình nhân gỗ, được gọi là thần Chương Liễu." Khoảng giữa Ngô Việt mà tác giả nói đến ở đây là vùn Phú Dương thuộc Chiết Tây, ở đó có một dãy các gia đình chuyên chế tác tượng thần Chương Liễu.

Niệm thần chú âm phủ nhốt linh hồn đứa trẻ vào trong người gỗ, hóa ra thần Chương Liễu là dùng linh hồn trẻ nhỏ tạo nên! Quỷ tiên đó vốn là người Hoa Đinh, lúc ba tuổi bị pháp sư yểm bùa bắt mất hồn, mang đến Phú Dương, có lẽ là định luyện quỷ tiên ở đây. Đương nhiên thần Chương Liễu có khả năng tiên đoán sự việc, khi rơi vào tay bọn pháp sư ma tà thì chúng không đơn thuần là một món đồ chơi nữa, mà bọn chúng dùng những sinh linh bé bỏng để kiếm tiền.

Đỗ Tiên

Tương tự như thần Chương Liễu, Linh ca, Linh tỷ còn có một loại quỷ tiên chuyên chui vào bụng người, đó là Đỗ Tiên. Viên Mai trong chương mười bốn cuốn *Tử bất ngữ* có kể về chuyện ma quỷ chui vào bụng người, và xếp cả ba thứ quỷ vật này vào cùng một loại. Vợ của Tiêu cử nhân là Kim Thị mời một tên thầy bói mù đến nhà, tên thầy bói này kể những việc trong quá khứ của Kim Thị chính xác không sai một li, khiến Kim Thị vô cùng khâm phục, liền tặng cho rất nhiều vàng bạc và cung tiễn ra tận cửa. Nhưng đến nửa đêm thì trong nhà có vật tác quái. Trong bụng Kim Thị đột nhiên phát ra tiếng người: "Sư phụ tôi đã đi rồi, tôi đành sống nhờ trong bụng phu nhân vài ngày vậy." Kim Thị hoài nghi đó là thần Chương Liễu, liền hỏi: "Ngươi có phải là Linh ca không?" Người đó đáp: "Tôi không phải Linh ca hay Linh tỷ gì hết, sư phụ lệnh cho tôi phải chui vào bụng phu nhân để tác quái, lừa lấy tiền bạc." Vừa dứt lời, Kim Thị liền cảm thấy đau bụng dữ dội.

Tiêu phu nhân hằng ngày nhàn rỗi không có việc gì làm, lại đi mời thầy bói về bói toán, đúng là tự chuốc vạ vào thân. Nói về tên quỷ quái trong bụng bà ta, tuy không phải là hình nhân bằng gỗ, nhưng cũng có thể gọi là thần Chương Liễu hoặc Linh ca, Linh tỷ. *Trung Hoa toàn quốc phong tục chí* có đoạn viết rằng: "Nghiệp thử giả tự vị hữu chương liễu thần, năng giới thiệu dĩ tử chi hồ dữ sinh nhân tiếp đàm, hầu gian tác thanh tức tức, văn giả bất minh, tất tu kỳ vi chi phiên dịch, phương năng minh liễu, vị chi "quản linh ca"." Ở đây "quản" lẽ ra phải là "quan" trong "quan đỗ tiên" hay "quan vong" của cà thầy phù thủy dân gian, cách gọi tắt của việc mời hồn người chết về nói chuyện, còn tiếng kêu trong bụng kia thực ra chỉ là "phức ngữ thuật" (tiếng nói riêng của bụng), là những Linh ca, Linh Tỷ ở trong bụng, tức Đỗ Tiên đang nói chuyện, Quan Đỗ Tiên là quỷ vật phổ biến của các thầy phù thủy dân gian vùng Chiết Giang, không biết nó bắt nguồn từ đâu, nhưng ít nhất đã tồn tại từ cuối đời Minh cho đến cuối đời Thanh. *Mộng xưởng tạp trứ* cho rằng Đỗ Tiên chỉ là một sinh linh, chuyên thông báo nơi ở của vong linh cho người thân của người đã khuất, tuy cũng nhằm mục

đích kiếm tiền nhưng không có ác ý. Ngoài ra còn có một câu chuyện đươc lưu truyền trong dân gian thế này: "Có một lão bà thường ngày thờ Đỗ Tiên, dựa vào nó để kiếm tiền sinh sống. Sau khi lão bà chết, Đỗ Tiên không nơi nương tựa, thỉnh thoảng lại hiện hình, lấy tên là Vương Tú Anh, trang điểm lộng lẫy, dáng vẻ yêu kiều, một năm sau bỗng nhiên biến mất. Có thể thấy Đỗ Tiên thực ra cũng là một linh hồn, về bản chất chẳng có gì khác với thần Chương Liễu.

Đổng Ca

Các bà phù thủy vùng Từ Khê cũng nhờ vào Đỗ Tiên để kiếm tiền, đương nhiên là vì mục đích trục lợi, nhưng nếu vì thế mà mang tội giết người thì quả là việc làm dại dột. Vì thế nói một cách công khai, sở dĩ những hồn ma chui vào bụng người, chấp nhận chịu sự sai khiến của các pháp sư là bởi khi còn sống chúng nợ tiền họ. *Hữu đài tiên quán bút ký* có viết:

Tục truyền rằng, vùng Từ Khê có thứ tên là Đỗ Tiên, tương truyền là quỷ nợ, lúc sinh thời vay tiền của người ta mà không trả được, nên đành chui vào bụng người đó, dùng sức mạnh ma quỷ của mình để gọi hồn người chết trở về, vì thế người kia buộc phải trả thù lao, món nợ coi như xí xóa. Trả được nợ rồi, con ma tự khắc sẽ rời đi. Có khi chỉ có một con ma chui vào bụng, cũng có khi nhiều con ma cùng chui vào một lúc. Ban đầu, khi mới bị ma nhập, người đó sẽ ngã bệnh, ăn vào đều nôn ra. Người Từ Khê cực kỳ tin vào điều này.

Rốt cuộc cách trả nợ này khiến chủ nợ biến thành thầy phù thủy hay thần phù thủy cố tình đòi nợ, ép người thiếu nợ phải bán mình làm Đỗ Tiên, với trí lực người phàm như chúng ta quả thực khó lòng mà biết được, bởi vì ai cũng biết rằng, trên đời này, những người làm từ thiện mà trong bụng không có quỷ quả thật không nhiều.

Thẩm Đức Phù trong chương hai mươi tám, quyển *Vạn lịch dã hoạch biên* có câu chuyện *Tam hiếu kiêm tác quỷ*, kể về việc hồi nhỏ, khi ông ở Vô Tích, có thầy pháp sư họ Tôn đến hỏi thăm, người này luyện quỷ làm tay sai cho mình, con quỷ đó kể về những chuyện trong quá khứ như đang diễn ra trước mắt, hỏi những việc sau này cũng trả lời thông suốt, không những thế nó còn có tài thơ phú, quả là bậc kỳ tài. Trong lúc trò chuyện mới biết con quỷ này không chỉ là thành phần tri thức, mà còn từng đoạt giải nguyên, ít nhất cũng là một trạng nguyên đứng đầu một tỉnh. Hỏi anh ta tại sao lại không siêu sinh, cam phận làm trâu ngựa cho tên pháp sư đó, anh ta liền đáp rằng: "Vì lúc sinh thời nợ tiền của người ta, nên giờ phải trả đủ mới siêu sinh được."

Những câu chuyện như trên đã cách chúng ta cả nghìn năm lịch sử, tài liệu sớm nhất mà tôi tìm được là câu chuyện trong *Bắc mộng tỏa ngôn* của Tôn Quang Hiến. Hồn ma trong câu chuyện là một nhân vật danh tiếng lừng lẫy, đó là Điền Bố, giữ chức Nguy bác tiết lộ sứ dưới thời Đường Mục Tông, còn người sai khiến ông ta là bà bói già. Hỏi rằng: "Ngài chết oanh liệt, hà cớ gì phải hạ mình chịu sự sai khiến của một mụ đàn bà?" Vong hồn Điền Bố buồn bã đáp: "Tôi đây mang nợ người ta tám trăm nghìn quan tiền, nên đành phải nhẫn nhục làm tay sai để trả nợ cho đến khi hết nợ mới thôi." Mụ thầy bói kia kiếm tám trăm nghìn quan tiền dễ như trở bàn tay, vì thế có lẽ chuyện ma quỷ chịu sai khiến để trả nợ là chuyện rất khó tin, ngay cả thân phận Điền Bố kia cũng chưa chắc đã là có thật.

Trong *Tục di kiên chí* cũng có đoạn như sau: "Sau Nam Độ (chỉ kinh đô thời nhà Kim, do bị Mông Cổ uy hiếp phải dời đo đến Biện Lương), kinh sư xuất hiện một "Mãn sư" với một "thần đồng", tương truyền đứa trẻ xuất thân dòng dõi quý tộc, họ A Bất Hãn Thị. Lên tám tuổi, nước Kim rơi vào loạn lạc, buộc phải rời kinh, đứa bé bị người ngựa giẫm chết. Vì khi sống còn nợ tiền Mãn sư chưa trả, nên khi chết phải trả nợ. Đứa trẻ có thể nói chuyện với người dương, hỏi chuyện gì cũng trả lời vanh vách.

“Mãn sư”ở đây chỉ các pháp sư Sa Mãn của Sa Mãn giáo, tộc người Nữ Chân. Đồng ca ở đây là vong hồn của một đứa trẻ, hơn nữa, đứa trẻ này chết do bị người ngựa giày xéo khi người Kim rút khỏi kinh đô cũ, vậy thì vị pháp sư kia không phải chịu trách nhiệm về cái chết của nó. Nhưng bất kể là đứa trẻ chết như thế nào thì vị pháp sư kia cũng không nên dùng linh hồn của nó làm nô lệ phục dịch cho mình, vì thế, cái cớ “trả nợ lúc sống” có thể coi là lý do hợp lý nhất.

Nhưng kiến người ta khó lý giải nhất là đứa trẻ xuất thân quyền quý, Điền Bố là một tiết độ sứ đại tướng quân, anh thư sinh kia từng thi đỗ trạng nguyên, trong nhà có lẽ chẳng thiếu tiền bạc, lẽ nào lại để thiếu nợ người ta không trả được, món nợ từ kiếp trước không thể để đến kiếp sau, khi được đầu thai làm người lần nữa hoàn trả sao? Lẽ nào nhất định phải bắt người ta bán linh hồn làm tay sai cho đám phù thủy mới trả hết nợ? Trong các câu chuyện của Mephisto Pheies và Faust, nếu ma quỷ muốn sai kiến linh hồn người sống, đều phải ký kết thỏa thuận hoặc khế ước, như vậy ít nhất vong hồn nào đen đủi bị ma quỷ sai khiến cũng có được đôi chút quyền lựa chọn, hoặc cũng có thể gọi là quyền “tri tình”, còn các vị pháp sư Trung Quốc thì hoàn toàn là phong các Hoàng Thế Nhân, không hiểu thế nào là “thương mại”, thế nào là “thiếu nợ”.

Từ Huyền, người đời Nam Đường có ghi chép trong *Kê thần lục* câu chuyện “thần thần”, cũng thuộc một lại Linh ca, Linh tỷ. Hồn ma này lúc sinh thời cũng là con nhà quyền quý, nhưng vì lúc sống thiếu nợ người ta mấy trăm nghìn đồng, nên sau khi chết đi phải làm “thần thần” chịu sự sai khiến của chủ nợ. Nhưng khác với các Linh ca kể trên, chủ nợ của “thần thần” không phải là những pháp sư chuyên nghiệp, mà chỉ là những quan quân nhỏ. Còn một điều đáng chú ý nữa, hồn ma này bắt buộc phải làm “thần thần” trả nợ bởi đây là phán quyết của địa phủ, có căn cứ và cơ sở pháp lý! Thực ra, nguyên nhân của nó cũng rất đơn giản, các vị pháp sư đều có thể tạo ra những khoản nợ giả, vậy thì một phán quyết giả của địa phủ

đối với họ cũng chẳng có gì khó khăn cả, họ có biến ra cả một địa phủ giả cùng là chuyện bình thường.

Thần Độc Lâu

Năm Nguyên Thuận thứ ba, tức năm 1343, tại một địa phương thuộc tỉnh Thiển Tây, Trung Quốc (nay thuộc khu tự trị Nội Mông) xảy ra một vụ án kỳ lạ làm kinh động một thời. Bởi nhân vật chính trong vụ án và nguyên cáo là những hồn ma không rõ mặt. Sự việc đã được đưa lên tới cấp lãnh đạo tỉnh Trung Thư và cấp trung ương nên được gọi là "Trung Thư quỷ án". Tình tiết vụ án đại để như sau: Có một thầy phù thủy tên là Vương Vạn Lý sát hại một tiểu đồng bằng tà thuật, lấy linh hồn đứa trẻ rồi xui khiến linh hồn làm điều ác. Cuối cùng, linh hồn đứa trẻ đã hiển linh và vạch trần tội giết người của Vương Vạn Lý. Tình tiết vụ án đơn giản, trong đó có nhiều điều kỳ ảo, chúng tôi sẽ phân tích ở một văn bản khác mang tên *Trung Thư quỷ án*. Ở đây chỉ nói đến tà thuật này là do một kẻ tà đạo họ Lưu truyền cho. Để thực hiện bí quyết này đầu tiên phải xem quẻ, tính toán đâu ra đấy, rồi chọn những bé trai và bé gái thông minh, mê hoặc nó bằng cách yểm bùa và niệm thần chú. Sau đó cắt mũi, môi, lưỡi, tai, mắt của chúng, niệm thần chú để lấy hoạt khí. Tiếp đó cắt bụng, tim và gan mỗi loại một miếng nhỏ, phơi khô, băm nhỏ, sàng lấy bột mịn, gói lại bằng lụa ngũ sắc, rồi dùng giấy làm thành hình nộm, sau đó dùng cách niệm thần chú sai khiến linh hồn đi tác quái người khác. Trong suốt quá trình cắt lấy bộ phận cơ thể của đứa trẻ, không được để cho nó ngừng thở. Tình tiết câu chuyện nghĩ mà rợn cả người.

Trước thời nhà Nguyên là thời nhà Tống và nhà Kim. Thần tiên và ma quỷ lúc đó ngoài "Đồng ca" ra còn có "Độc Lâu" và "Minh Đồng". Trong đó, "Minh Đồng" được tạo ra từ linh hồn người sống, cách tạo ra "Minh Đồng" cũng vô cùng tàn khốc.

“Thần Độc Lâu” xuất hiện trong quyển *Hồ hải tân văn di kiên tục chí* của tác giả Dật danh. Nội dung chủ yếu là những câu chuyện thời Tống và thời Kim. “Thần Độc Lâu” xuất hiện vào thời Nam Tống, cùng với “Đồng ca” tuy ranh giới phân chia hai miền Nam, Bắc nhưng hầu như xuất hiện cùng thời. Vào những năm Nam Tống Lý Tông Gia Hy, ở một làn nọ có một cháu nhỏ chừng mười tuổi bỗng nhiên mất tích. Người ta tìm khắp nơi nhưng đều bặt vô âm tím. Hôm ấy, trong khi người làng đang bủa đi tìm cháu nhỏ thì trời bỗng mưa như trút nước, họ bèn tránh mua ở mái hiên một nhà gần đó. Bỗng nhiên nghe thấy tiếng cháu nhỏ la hét, gọi tên ông nội, nghe đến kinh hoàng. Đến khi xác định chính xác đó là tiếng cháu nhỏ, họ liền đi trình báo. Sauk hi quan quân lục soát, cuối cùng đã tìm thấy đứa trẻ được giấu ở một cái hòm của gia đình ấy trong trạng thái quắt queo, dường như không còn nguyên vẹn hình người và chỉ còn thoi thóp thở. Khi được đưa đến cửa quan, đứa trẻ vẫn cố gắng kể đầu đuôi sự việc. *Khi mới bị bắt, đứa trẻ được dỗ dành ngon ngọt, được ăn một bữa no. Sau đó bị bỏ đói. Hằng ngày, thầy phù thủy dùng giấm đổ lên mình nó từ đầu đến chân và bị đóng đinh vào các khớp tay chân. Hành động hết sức dã man.*

Đứa trẻ kể xong thì tắt thở, thế là tên phù thủy không thể chối tội, cả nhà y đã phải đền tội. Cuối cùng tác giả đã phán rằng:

Những người phán đoán về vận may rủi ngày nay đều dùng phép thuật bắt trẻ con như thế. Đợi đến khi đứa trẻ qua đời, nhặt lấy xương khô, nhập hồn phách vào để cô hồn báo mộng. Cô hồn đó gọi là thần Độc Lâu.

Cái tên “thần Độc Lâu” khiến người ta phải khiếp sợ. Hơn nữa, cách tạo ra vị thần này hết sức tàn nhẫn. Người ta nghi ngờ rằng, hai chữ “độc lâu” là thể biến âm của từ “chương liễu”. Bởi vì, vật này tuy đáng sợ nhưng không có quan hệ gì với “độc lâu”, do đó, “thần Độc Lâu” là do đọc nhầm từ một cái tên khác. Thực ra không phải như vậy, những bản lĩnh của “thần Độc Lâu” như người ta nói đều có căn cứ. Trong quyển *Những chuyện khôi*

hài về Độc Lâu đã từng dẫn lời của Thích Tán Ninh trong bài *Đông Pha tiên sinh vật loại tương cảm chí*, "độc lâu"được xuyên qua thân bằng cỏ bồng, hoặc bị trát bùn, đầu để trần cũng có khả năng dự báo điềm lành dữ, cát hung, đó chính là "thần Độc Lâu", tà thuật này chưa hoàn toàn thất truyền. Từ đó về sau, cho đến tận đời nhà Thanh, có trường hợp người ta dùng xương người chết để tạo ra "thần Chương Liễu" là như vậy.

Ngoài ra, thời Nam Tống còn có một loại thần tên gọi "Minh Đồng", cách tạo ra vị thần này cũng khá tàn nhẫn. Hơn nữa lại dùng thai nhi trực tiếp từ trong bụng mẹ. Như vậy là lại cướp thêm một sinh mạng nữa. Trong quyển hạ, cuốn *Quý tân tạp thức* của Chu Mật có ghi lại câu chuyện ở vùng An Cát, huyện Chiết Tây như sau:

Ở một làng nọ thuộc huyện An Cát, có một người phụ nữ đang mang thai. Hằng ngày đưa cơm cho chồng đi làm đồng, lần nào cũng đi men theo lối cạnh miếu. Thế rồi có một người hành nghề bói toán ở trước miếu nhìn thấy bèn theo dõi. Một hôm, nhân lúc người phụ nữ này đi qua, y bèn mời chào mà rằng: "Nay tôi làm cơm, mời nhà chị đến ăn cùng." Người phụ nữ đồng ý, hai người cùng đi vào chỗ vắng trong miếu. Lúc đó, y cười và nói: "Bụng chị to lắm, nhất định là song thai." Người phụ nữ hỏi lại rằng: "Cớ sao ông biết?" Y nói: "Chị thè lưỡi ra, ta xem, có thể đoán biết thai nhi là trai hay gái." Người phụ nữ bèn thè lưỡi ra, để cho lão thầy bói dùng dây ngoắc lấy. Thế là người phụ nữ cả tin kia không sao mà kêu lên được. Y bèn mổ bụng chị ta ra, mấu lên tế thần, sau đó nướng đứa trẻ lên làm nến, tạo ra thần dự báo Minh Đồng.

"Minh Đồng" ở đây không phải là hồn ma làm từ gỗ, mà là làm bằng sáp thai nhi. Linh hồn vốn ngụ trọng đó, có thể không cần dùng thủ tục "luyện" mà vẫn thành, nhưng sự tàn nhẫn của nó có thể còn cao hơn.

Những câu chuyện cắt thân thể người sống như vậy đều do thầy phù thủy đóng vai trò chính, những câu chuyện truyền tụng trong dân gian như tà thuật dụ dỗ trẻ con, làm chúng hôn mê rồi cắt những bộ phận trên cơ thể xưa nay vẫn xảy ra. Nói một cách công bằng, những câu chuyện này cũng gần như những lời đồn đại ở phố xá, chưa chắc đã hoàn toàn đúng. Trong quá trình truyền miệng không tránh khỏi có nhiều yếu tố được phóng đại lên, nhưng cũng không thể nói là không có thực. Bất luận là sự việc có hay không, thực hay hư, vấn đề ở chỗ, khi người ta có thể tưởng tượng ra phép thuật như vậy thì đều phải có trạng thái tâm lý siêu phàm.

Câu chuyện về "Minh Đồng" xảy ra thời Nam Tống được nhiều người biết đến. Trong quyển hai của bộ sách *Mật trai tùy bút* do Tạ Thái Bá, người cùng thời viết dường như cũng bàn về nguồn gốc của Minh Đông và cho rằng đó chính là "thần quân" mà Hán Vũ Đế tôn thờ. Thực ra, chức năng chủ yếu của các vị thần đại loại như "Minh Đông - Chương Liễu" là dự báo. Nhưng thần quân thì không chỉ có vậy. Điều này đã được giới thiệu một cách tỉ mỉ trong quyển Phong thiền thư - Sử ký. Tuy nhiên, cội nguồn của thần Chương Liễu quả là rất xa xăm, không dừng lại ở đời nhà Tống, nhà Kim. Mà cũng không dừng lại ở đời Tây Han. Nếu suy diễn ra, có lẽ bắt đầu từ thuật phù thủy nguyên thủy.

Thần Nhĩ Báo

Trong các loại thần tiên, ma quỷ, còn có một cái tên được người ta biết đến, gọi là "thần Nhĩ Báo'. Trong phần nói về "thần Chương Liễu", quyển hạ, cuốn *Huy trần tân đàm* của tác giả Vương Triệu Vân có viết: "Thuật nhĩ báo là đa đoan, cũng giống như thần Chương Liễu mà người đời truyền tụng." Quyển bốn, sách *Quảng chí dịch* của tác giả Vương Sĩ Tính có viết: "Ở Phụng Tân có vị thần Chương Liễu, tên tục là Nhĩ Báo." Sách *Kinh lâm tục ký* của tác giả Chu Nguyên Vĩ lại gọi liền là "Nhĩ Báo - Chương Liễu thần". Sách *Tập dị tân sa* của Lý Chấn Thanh nói rằng, việc luyện thần

Chương Liễu được gọi là "Nhĩ Báo pháp". Có thể thấy thần Chương Liễu là một loại của thần Nhĩ Báo, có điều là người ta dùng tên gọi này thì có thể nhấn mạnh chức năng do thám và truyền tin.

Danh từ "thần Nhĩ Báo" thường gặp trong tiểu thuyết thời Minh - Thanh. Hồi thứ tám mươi hai của *Tây du ký* có viết: "Tôn Ngộ Không biến hóa khôn lường, phía sau tai giống như hình Nhĩ Báo, nhưng khi nói duy chỉ có Tam Tạng nghe thấy." Nhĩ Báo này chính là thần Nhĩ Báo, bởi vì thần này đã đặt lời nói thầm bên tai chủ nhân, khiến cho người khác không nhìn thấy, cũng không nghe thấy.

Hồi thứ bốn mươi bảy trong *Hồng Lâu Mộng* có đoạn ghi lại lời Giả Thái Quân như sau: "Không biết là đến đề làm thần Nhĩ Báo, cũng không biết là đến để làm thám tử, thật là bí hiểm." Trong hồi bảy mươi mốt, Phượng tiểu thư nói: "Đây lại là thần Nhĩ Báo của ai, mà sao nhanh thế?" "thần Nhĩ Báo" ở đây là một sự ví von. Nói theo kiểu hiện nay nghĩa là một thứ cực kỳ tinh quái trong việc dò la những điều riêng tư của người khác. Không những thế, nó còn có khả năng xuất quỷ nhập thần, truyền tin dò la được cho người khác, bởi vì đó là một vị thần. Nhưng trong dân gian, người này đương nhiên chưa đủ tư cách làm mật thám quan phủ, nên chỉ có thể truyền những tin giữa những người hàng xóm với nhau, đưa chuyện thị phi mà thôi. Trên thực tế,mấy chục năm trước, danh từ "thần Nhĩ Báo" này còn xuất hiện trong ngôn ngữ thường nhật của người dân. Từ khi xuất hiện những danh từ như "đặc vụ", "mật thám", chúng mới thay thế cho danh từ "thần Nhĩ Báo".

Lịch sử của thần Nhĩ Báo còn sớm hơn nhiều so với thần Chương Liễu, hơn nữa cũng không giống những trò tiểu xảo chỉ dùng để gọi hồn hay lừa gạt tiền tài như thần Chương Liễu. Thần Nhĩ Báo đã từng có một thời huy hoàng tham dự vào chính sự. Vì vậy, dù thế nào cũng không thể để nó bị mai một.

Phù thủy lợi dụng ma quỷ, thần tiên để gieo quẻ dự báo cho khách, đó cũng chính là một ngón kiếm tiền. Ngón này nếu gặp các bậc quý nhân hay vua chúa thì sẽ ra sao? Một khi đã vào tay những kẻ đáng mặt anh hào, sẽ trở thành một thứ trong kho vũ khí để mùa đông đám lính sử dụng, tiện tay giết người, từ đó trở thành trợ thủ đắc lực cho những kẻ đáng mặt anh hào xưng hùng xưng bá. Chức năng chủ yếu của thần Chương Liễu là "báo tin". Nếu các bậc vua chúa nuôi một đội thần Nhĩ Báo, phối hợp với đội đặc vụ thì phải nói rằng nhất cử nhất động của quan lại cho tới muôn dân, ngay cả những ý nghĩ vừa lóe lên trong đầu cũng không lọt khỏi tầm giám sát của thần Nhĩ Báo.

Thực ra, ý tưởng này, các bậc vua chúa sáng tôi hiền ngày xưa đâu thể không nghĩ tới. Thư tịch cổ của người Trung Quốc cũng có ghi chép trong mục *Sở ngữ* của quyển *Quốc ngữ*. Sở Linh Vương - một vị hôn quân tàn bạo khi từ chối lời can gián của các bề tôi: "Trong tay đã có các linh hồn, mọi can gián ta đều nghe thấy hết."

Thời Tam Quốc, có một người nước Ngô tên là Vi Thiện Chú nói rằng: "Trung, thân, dã, yểu tử viết thương. Thương cung, thương chi cư dã. Chấp, vị bả kỳ lục tịch, chế phục kỳ thân, tri kỳ cư xử, nhược kim thế vân năng sử thương dã." Đại ý của câu này là nắm giữ các hồn ma người chết yểu thì có thể khống chế được chúng, dùng chúng để giám sát mọi ngôn hành cử chỉ của quan lại. Những bề tôi trong lòng có ý kiến gì không thống thiết phải viết thành văn bản nhưng cũng bị vua Sở phát hiện. Đó chính là thuật "sử thương" thời Hán - Ngụy.

Đương nhiên, người có thể khống chế được linh hồn ma quỷ phải là các thầy phù thủy chuyên nghiệp. Một học giả đời Thanh tên là Huệ Sỹ Kỳ đã soạn quyển *Lễ thuyết*, trong đó, đối với việc từ chối lời can gián của Sở Linh Vương, ông cho rằng đó chính là tận dụng thuật giáng thần của phù thủy. Huệ Sỹ Kỳ nói rằng: "Sử thương do hạ thương, sở vị vu giáng chi lễ

cái như thử." "Hạ thương" chính là thương thần giáng thế, mà "vu giáng" chính là thần giáng thế đã bám sát vào thân thể của phù thủy. Phần *Thần Chương Liễu* trong quyển năm, sách *Hà ngoại quận tiết* ghi lại những điều càng rùng rợn hơn: "Quỷ trung chính là quỷ thân. Thương cung chính là linh hồn trẻ nhỏ. Đó chính là thần Chương Liễu và thần Nhĩ Báo ngày nay.

Huệ Sỹ Kỳ trong quyển *Lễ thuyết* đã đưa ra một cách lý giải quan trọng là, các kế sách trị dân của tầng lớp thống trị ngày xưa thường sử dụng nhiều thuật phù thủy. Cuối thời Tây Hán, một vị đại thần Nho học tên là Sư Đan kiến nghị rằng, hãy để phù thủy trợ giúp việc đại sự quốc gia. Cách lý giải này của Huệ Sỹ Kỳ không phải là lập dị. Giai caaos thống trị thời xa xưa sở dĩ có thể giành được ngôi vị cao như vậy phần lớn là vì họ có thể thực hiện một cách hữu hiệu thuật phù thủy. Xã hội tiến bộ đã dần dần làm mờ đi vai trò của các thầy phù thủy trong việc trợ giúp giai cấp thống trị, nhưng thuật phù thủy chưa từng biến mất trong kế sách thống trị. Điều đó có nghĩa là đến thời Tây Hán đọc tôn Nho thuật, nền chính trị Nho gia trong suốt quá trình phát triển của nó đều liên quan đến phương thuật, thậm chí bản thân các Nho sinh cũng trở thành kẻ sỹ phương thuật. Theo cách lý giải này, thuật "sử thương" của Sở Linh Vương cũng chưa hẳn do Sở Linh Vương sáng tạo ra, có khả năng từ trước đó đã là một trong những quốc sách được sử dụng ở miếu đường.

Thời Xuân Thu, nước Sở bị các nước chư hầu vùng Trung Nguyên coi là man di, điều này các nước chư hầu không nhắc tới. Có thể chính các nước chư hầu đã phát minh ra phép thuật này, cũng có thể xuất phát từ tác phẩm *Quốc ngữ*, nhưng trong thiên *Chu ngữ thượng* đã ghi lại câu chuyện về Chu Lệ Vương như sau: *Lệ Vương bạo ngược, khắp nơi dân chúng đều ca thán. Vì vậy, Thiệu công tâu lên nhà vua rằng: "Dân chúng không chịu nổi nền chính sự hà khắc." Lệ Vương tức giận cho mời phù thủy nước Vệ giám sát dân chúng xem kẻ nào hé miệng kêu ca thì trình lên Lệ Vương và hạ lệnh chém đầu. Ai nấy không dám hé răng, gặp nhau trên đường chỉ dám đưa*

mắt nhìn nhau. Lệ Vương mừng lắm, bèn nói với Thiệu công rằng: "Ta đã ngăn chặn được dân chúng rồi đấy, không kẻ nào dám kêu ca nữa."

Độc giả ai cũng quen với câu chuyện lịch sử này nhưng chưa chắc đã chú ý đến nhân vật phù thủy nước Vệ. Vi Thiệu Chú cho rằng: "Phù thủy nước Vệ là người chuyên trong coi, giám sát của nước Vệ. Nhờ có vị phù thủy này mà Lệ Vương biết được những ai phàn nàn về chính sự." Chu Lệ Vương mời phù thủy nước Vệ đến gián sát dư luận, đương nhiên thầy phù thủy nước Vệ đã sử dụng thuật phù thủy. Cái gọi là "Hữu báng tất tri" (Có ai báng nhạo đều biết hết) chính là vì trong tây đã có thần Nhĩ Báo, sử dụng phép thuật "Hữu chấp quỷ trung, tả chấp thương cung". Vị phù thủy này chưa chắc là người nước Vệ, rất có thể là phù thủy được mời đến trợ giúp cho nước Vệ, sau đó được tiến cử lên thiên tử nhà Chu. Nước Vệ đương nhiên là nước thân cận với nhà Chu và là một trong những nước chư hầu. Thời Chu Lệ Vương sớm hơn ba trăm năm so với thời Sở Linh Vương, chúng ta làm sao có thể chuyển "quyền phát minh" ra "thương cung" cho nước Sở được?

"Nguyên liệu" tạo ra "sử thương" chính là tính mạng của những đứa trẻ. Đối với các chủ nô cỡ lớn và lãnh chúa phong kiến, những "nguyên liệu" này là rất tiện lợi. Họ không cần những tà thuật của hậu thế, mà chỉ cần chọn ra một số nô lệ tí hon, khi cần thì giết và phù phép là được. Do đó, chúng tôi cho rằng, quyền phát minh ra "sử thương" có lữ thuộc về các nhân vật tầm cỡ thuộc tầng lớp trên, về sau mới lưu truyền đến tay các phù thủy trong dân gian.

Để có thể xui khiến những linh hồn bé bỏng, ngây thơ, bắt chúng phục vụ cho mục đích của mình, giai cấp thống trị đã giày vò thể xác cũng như linh hồn của những đứa trẻ này, để bắt chúng thuận theo mình, đi làm những điều tàn ác. Tội ác này khiến cho người đời của muôn kiếp sau nguyền rủa.

Trung thư[1] quỷ án

[1] Trung Thư tỉnh: tên của cơ quan chính quyền thời phong kiến

Năm Nguyên Thuận thứ ba, tức năm 1343, tại một địa phương của tỉnh Thiển Tây - Trung Quốc, nay thuộc khu tự trị Nội Mông xảy ra một vụ án kỳ lạ làm kinh động một thời. Bởi nhân vật chính trong vụ án và nguyên cáo là những hồn ma không rõ mặt. Sự việc đã được đưa lên tới cấp lãnh đạo tỉnh Trung Thư và cấp trung ương nên được gọi là "Trung Thư quỷ án". Tình tiết chủ yếu của vụ án này đã được ghi chép tường tận trong thiên *Trung thư quỷ án*, quyển mười ba, sách *Nam thôn chuyết canh lục* của tác giả Đào Tông Nghi, sống ở cuối thời nhà Nguyên - đầu nhà Minh. Lời tố tội của những linh hồn bị hại vô cùng bi thảm và thê lương. Thủ đoạn giết người của hung thủ vô cùng tàn nhẫn và ghê rợn, khiến độc giả không khỏi bị ám ảnh, rất lâu sau vẫn chưa thể giải tỏa được. Ngoài phần tư liệu do tác giả Đào Tông Nghi trích dẫn, các bậc hàn lâm học sĩ đương thời thừa chỉ Lý Hảo Văn, lại dựa vào tình tiết vụ án, viết một thiên ký sự. Sau đó, một người nước Yên tên là Lương Tải lại viết lời tựa cho thiên ký sự ấy. Hai bài viết này đã trải qua nhiều lần xử lý về hình thức nghệ thuật, nhưng về sau người ta vẫn cảm thấy còn nhiều từ ngữ chưa được tinh tế, nên đành lược bỏ và viết lại một thiên có tên là *Vương Bật truyện*, truyện này còn lưu trong quyển hai của bộ sách *Tống học sỹ văn tập*. So với lời kể của Đào Tông Nghi thì đây vẫn là "bản tiểu thuyết" nguyên án. Cho nên về sau, Viên Mai đã chỉnh sửa đôi chút, đổi tên là *Vương Bật*, và chép vào quyển *Tử bất ngữ*, điều đó cũng là hợp lý. Ngoài ra, thiên *Chu nhi* trong *Liêu trai chí dị* của tác giả Bồ Liêu Tiên cũng được sáng tác dựa theo nguyên bản của *Vương Bật truyện.*

Một vụ "quỷ án" trong vòng bốn trăm năm đã được bốn, năm vị văn nhân cỡ lớn quan tâm, hơn nữa, góc nhìn của mỗi người không giống nhau. Vì thế, chúng tôi cho rằng cần phải giới thiệu với công chúng.

Nguyên cáo của vụ án là cư dân một vùng nọ tên là Vương Bật. Dưới đây chúng tôi căn cứ vào những tư liệu mà Vương Bật trình báo lên chính quyền địa phương, được ghi chép trong quyển *Chuyết canh lục*, xin giới thiệu khái quát tình tiết vụ án như sau:

Sự việc xảy ra vào tháng Chín năm 1343, Vương Bật sống ở phương Lễ Kính, phố Bát Trát. Hôm đó, Vương Bật đến quán Bình Dị, phường Nghĩa Lợi thì gặp một người làm nghề bói toán họ Vương từ phương xa đến. Người thầy bói này đang tạm cư ở đây và hành nghề gieo quẻ. Vương Bật thấy người thầy bói này lạ mặt nên lân la đến hỏi chuyện. Không biết vì sao hai người sinh ra cãi cọ, lát sau, hai bên dường như khống chế được bản thân nên không đến mức giằng co quyết liệt, gây ra ẩu đả.

Chính vào đêm Hai mươi chín tháng này, Vương Bật ngủ cạnh cửa sổ, chốc chốc lại nghe thấy âm thanh lạ, giống như tiếng gió thổi trong hồ lô vậy. Tắc Bắc mùa thu đêm khuya thường hay nổi gió lớn, tiếng gió thổi trong hồ lô lẽ ra không đáng để người ta sợ hãi như vậy, nhưng Vương Bật lại có những dự cảm bất thường, trong lòng chắc mẩm âm thanh quái dị này chắc chắn kiên quan đến ma mãnh. Vậy là ông lập tức mời Lý pháp sư về làm phép "khiến tống" đuổi đi. Mới nghe tưởng như chuyện bé xé ra to, nhưng thực tế không hẳn thế. Khi thầy pháp tới, trong không trung bỗng vang lên tiếng nói: "Là một tên thầy bói sai tôi đến đây." Nói xong liền bật khóc tức tưởi, luôn miệng kêu oan. Vương Bật liền ngẩng lên nói với người trong không trung: "Ngươi là ma hay là thần? Mau khai thật cho ta biết." Tiếp theo liền nghe tiếng con ma trả lời: "Tôi là Nguyệt Lạp, con gái ruột của quan ở Phong Châu. Ngày Mười bảy tháng Chín tôi ra vườn đi dạo thì bị ông Vương giết chết, bắt làm tay sai của ông ta, hôm nay ông ta lệnh cho tôi đến đây tác quái." Vương Bật liền ghi chép lại tất cả những gì ma nữ vừa nói, rồi đem đi kiện lên quan phủ. Quan phủ liền phái người đi bắt kẻ gian, đến nhà tên họ Vương lục soát, khám được một hình nhân gỗ tết tóc hai bên, trên đầu cắm bốn cây kim, mặc trang phục nữ; tám hình nhân bằng

giấy, trên người đều có mảnh lụa ngũ sắc, buộc cả chỉ ngũ sắc, một nắm đuôi tóc, một bình hồ lô buộc sợi thừng đỏ, bên trong đựng hai viên đá hổ bạch, bên ngoài buộc chỉ ngũ sắc, ngoài ra còn có một là bùa viết bằng Chu Sa.

Lúc này, chắc chắn tên Vương đã bị bắt giải lên quan, nhưng sự việc xảy ra đã cách đây một tháng, lúc đó quan phủ không định án, nên vụ án tiến triển không được thuận lợi như Vương Bật dự liệu, tên Vương nhất quyết không chịu thừa nhận sự việc như Vương Bật tố cáo, những thứ thu được ở nhà hắn đương nhiên hắn cũng phủ nhận và cho rằng mình bị người khác sắp xếp, vu oan giáng họa. Hơn một tháng sau, Vương Bật lại cung cấp thêm tình tiết mới cho vụ án:

Ngày mùng Ba tháng Mười một, có một con ma hiện về kể với Vương Bật rằng: "Tôi là con trai thứ hai của ông chủ ở phương Nam, đường Phong Nguyên, tên là Ngoan Lữ, năm nay mười tám tuổi, bị tên Vương và ba tên đồng bọn giết chết, rồi đổi tên thành Ngoan Đồng."

Ngày Hai mươi hai, lại có một hồn ma khác tìm đến kể với Vương Bật: "Tôi là con trai nhà Lý Thiếp, tên là Lý Diên Nô, còn gọi là Thưởng Hôi, bị lão tặc này giết hại, đổi tên thành Mãi Mại. Năm đó tôi mới mười bốn tuổi."

Ba mạng người, ba vong hồn của ba đứa trẻ, tuy lúc này vẫn không có bất cứ chứng cứ thực tế nào, còn người làm chứng là Vương Bật cũng chỉ là người nghe lại câu chuyện qua lời kể của ma quỷ, nhưng đây vẫn là một vụ án đáng được quan tâm. Quan phủ áp dụng tất cả biện pháp cực hình, cuối cùng cũng thu được lời khai của tên Vương như sau:

Vương Vạn Lý, năm nay năm mươi mốt tuổi, người tỉnh Giang Tây, từng học thuật âm dương với thầy pháp Chu ở Hàm Dương. Tháng Ba năm Thuận Nhị (khoảng năm 1331 công nguyên đến năm 13 Chính Tam) đến

phủ Hưng Nguyên, lại gặp một người họ Lưu. Ông Lưu nói: “Ta có thể dùng phép thuật sai khiến, mê học lòng người, thu nạp ma quỷ, sai đi tác oai tác quái nhà người ta để kiếm tiền, nay giao cho người một con.” Nói rồi liền rút trong người ra một miếng vải ngũ sắc, bên trong gói một nắm tóc, nói: “Tên quỷ này đã được đổi tên là Diên Nô. Muốn học tốt thuật này, cần phải kiếm được những đứa trẻ thông minh, lanh lợi, dùng lệnh bài và nước phép niệm chú, cắt sống mũi, môi, lưỡi, tai, mắt, lại niệm chú hút hết sinh khí, tiếp theo mổ bụng, lấy hết nội tạng, cắt thành từng khúc phơi khô, xương cốt đem nghiên nát, bọc lại bằng vải ngũ sắc, rồi đem tóc của nó tết lại, dùng giấy cắt thành hình người, mọi việc hoàn tất mới niệm chú, sai khiến nó đến nhà người ta tác oai tác quái.”

Tên pháp sư họ Lưu theo Vương đến nơi Vương ở. Đến đêm, Lưu liền thắp hương niệm chú, chỉ nghe thấy tiếng người mà không thấy bóng dáng đâu: “Sư phụ, người sai tôi đến nhà ai?” Tiếng nói đó chính là hồn ma của Lý Diên Nô. Lưu liền dặn dò Diên Nô rằng: “Ngươi hãy hợp tác với người này đi.” Nói xong lại niệm chú, thu hồn ma lại. Vương Vạn Lý liền rút trong túi ra ngân phiếu bảy mươi lăm lượng, mua nắm tóc và mảnh gấm ngũ sắc. Lưu còn nói, nếu không thích có thể đổi tên cho con ma rồi đem bán. Rồi lại truyền cho Vương Vạn Lý thêm lệnh bài và nước phép để sai khiến, thu hồi hồn ma, cuối cùng dặn dò rằng: “Thịt bò và thịt chó là hai thứ đại kỵ, không được ăn vì nó có thể làm cho phép này mất thiêng.”

Sau đó, Vương đi qua vùng núi Phường Châu, gặp người bạn cũ trước kia quen biết ở Quảng Châu. Người bạn này liền nói: “Ta cũng biết sai khiến ma quỷ, nếu muốn ta có thể bán lại cho.” Vương lại đưa một ngân phiếu hai mươi lăm lượng, tên kia liền lấy ra một hình nhân bằng giấy dán vải gấm ngũ sắc và tóc tết, nói tên quỷ này là Ngoan Đồng. Vương Vạn Lý có trong tay hai tên tay sai, lại lên đường đến Phong Châu.

Đến tháng Tám năm Chính Nhị, Vương Vạn Lý đến nhà Chu Đại xem bói cho cô con gái tên là Nguyệt Lạp. Thấy cô bé thông minh, lanh lợi, liền nảy sinh ý đồ sát hại, thu nạp làm tay sai cho mình. Đến ngày Mười bảy tháng Chín, Vương Vạn Lý nấp ở góc tường trong sân nhà Chu Đại, nhìn thấy có bóng người đi ra sân sau, biết là Nguyệt Lạp, hắn liền niệm chú mê hoặc, dẫn cô bé đi về phía đông, lại dùng chú bắt Nguyệt Lạp đứng yên, cởi hết quần áo, dùng dao rạch một nhát từ trán xuống, cắt một lọn tóc của cô bé, dùng dây gấm tết lại, lấy hình nhân giấy và mảnh vải ngũ sắc, làm một hình nhân nữ. Sau đó lần lượt cắt các bộ phận mũi, miệng, lưỡi, tai, mắt, chặt rời mười đầu ngón tay, mười đầu ngón chân, rồi mổ bụng cô bé, moi hết nội tạng, cắt thành từng khúc, đem hơ khô rồi cho vào một cái lọ hồ lô nhỏ.

Tính đến tháng Chín năm Chính Tam, Vương Vạn Lý lại đến cửa hàng Bình Dị, mở sạp xem bói. Ở đây gã xảy ra tranh chấp với Vương Bật, vậy là khi đêm về, gã liền sai Chu Nguyệt Lạp và hai tên yêu ma đến nhà Vương Bật tác quái. Nhưng vì có lần hắn đi mua thịt ngựa về ăn, nhưng ông chủ bán nhần cho hắn miếng thịt bò, kết quả là đã phá hết phép thuật của hắn, khiến hắn không thể thu được các hồn ma tay sai về nữa, nên mới có chuyện Nguyệt Lạp nhờ Vương Bật tố cáo hắn.

Trên đây là tất cả bản thú tội của Vương Vạn Lý. Về phía quan phủ điều tra thu được chứng cứ như sau:

Một người tên là Lý Phúc Bảo (tức Lý Thiếp) đã đến công đường làm chứng, nói rằng mình có một đứa con trai tên là Lý Diên Nô, vì hay bệnh tật nên cho xuất gia tại Ngũ Nhạc Quan, đổi tên là Thường Hôi. Đến tháng Hai năm Thiên Lịch Nhị (năm 1329), nhà chùa sai nó đi chăn trâu, từ đó không thấy trở về. Ngày đó đói kém loạn lạc, gia đình chỉ nghi là bị kẻ xấu hãm hại nhưng không tìm ra manh mối.

Tỉnh Trung Thư lại có công văn đến quan địa phương huyện Hàm Ninh, đường Phong Nguyên, và Phong Châu điều tra thân thế, được quan phủ địa phương trả lời quả thật Liễu Ngoan Đồng và Chu Nguyệt Lạp đều chết vì nguyên nhân giống nhau.

Cuối cùng hình bộ phán quyết như sau: Vương Vạn Lý tàn nhẫn bất đạo, xử tội lăng trì, vợ con hắn phải chịu đi đày ở Hải Nam.

Vụ án khép lại, không tìm ra một kẽ hở nào, từ ba cấp quan phủ, nhân chứng, vật chứng đều đầy đủ cả, lời cung khai của phạm nhân cũng được lập rất chân thực trong quá trình điều tra, nhưng chính vì câu chuyện quá hoàn mỹ như thế lại khiến người ta cảm thấy dường như có điều gì đó không ổn. Với tư cách là một câu chuyện, có lẽ nó cũng đơn thuần như bao câu chuyện khác, không có gì đáng nói, nhưng nếu đứng ở góc độ một vụ án hình sự làm kinh động đến cả các nhân vật lãnh đạo trung ương và các cơ quan tư pháp cao nhất, mà lại lấy lời nói của ma quỷ làm lời khai, hơn nữa,các quan tư pháp từ địa phương đến trung ương đều dùng lời khai giống hệt nhau, quả là từ cổ chí kim có một không hai.

Nhưng khi hình bộ phán Vương Vạn Lý tội lăng trì, thì Vương Vạn Lý đã chết "dũ tử" trong ngục từ lâu. Thời xưa, ở chốn quan binh, cách nói "dũ tử" là một cách nói khá mơ hồ, dùng để chỉ những người chết vì bệnh, chết vì chịu cực hình, bị mưu sát, tự sát… Tóm lại, những kẻ chết trong tù được gọi chung là "dũ tử", như thế có thể giúp các cơ quan liên quan giũ bỏ được trách nhiệm. Vậy bị cáo Vương Vạn Lý đã chết, những chuyện phiên cung, hay kiện tụng lên cấp cao hơn cũng chẳng còn ý nghĩa gì nữa, phán quyết gã thế nào gã cũng chẳng thể kêu oan được nữa, nên phán quyết được đưa ra có vẻ cũng chẳng tốn bao nhiêu sức lực. Nhưng các tình tiết trong vụ án này lại bỏ qua một nhân vật vô cùng quan trọng, trong *Vương Bật truyện* có viết, phạm nhân không chỉ có một mình Vương Vạn Lý mà còn có tòng phạm là đứa cháu cùng đi hành nghề với gã tên Vương Thượng Hiền,

nhưng Hiền lại được phán là vô tội và được tha bổng. Hơn nữa, còn phải kể đến hai kẻ trọng phạm có liên quan đến vụ án (cũng là nhân chứng quan trọng) là tên họ Lưu và người bạn gã quen ở Quảng Châu, thì trong chuyện lại không được, nên đành gác lại đây. Phạm nhân đã chết thì bị phán mức án cao nhất, còn kẻ tòng phạm chưa chết thì lại không nằm trong bản án, quả là chuyện kỳ lạ hiến thấy xưa nay!

Đương nhiên chúng ta không thể tìm được những ghi chép chính xác về tình hình thực tế của vụ án, nhưng Lương Cung Thần, người nhà Thanh có ghi trong *Bắc vông viên bút lục tử biên* một kỳ án khác cũng tương tự như thế. Lương Cung Thần là một người vô cùng tin vào thuyết nhân quả báo ứng, nhưng cũng giống như quan lại đương thời, ông không công nhận tà thuật của kẻ yếu nhân. Vụ án mặc dù xảy ra ở bốn trăm năm sau, nhưng các tình tiết trong vụ án lại rất giống vụ án ma Trung Thư, so sánh hai vụ án, sẽ thấy nội tình vụ án ma Trung Thư dần dần được hé lộ.

Sự việc sảy ra vào năm Càn Long thứ bốn mươi mấy, huyện nọ có một thương nhân (do tác giả không nỡ nêu đích danh người và quê quán, nên tên người và tên địa danh đều bị giấu đi), nhờ nghề buôn bán mà ngày càng giàu có. Trong huyện có người tên là Ác Thân muốn hỏi vay tiền, nhưng người thương nhân nọ không đồng ý, gã bày đủ mọi lý do, muốn vay với lãi suất cao, vay vì có việc công quan trọng… nhưng cuối cùng đều bị từ chối. Ác Thân hận thương nhân đến tận xương tủy. Đúng lúc đó, người hầu gái của thương nhân nọ có đứa con gái hai tuổi chết yểu, Ác Thân liền xui cô ta đến nha môn tố cáo, nói con gái cô ta bị thương nhân nọ dùng yêu thuật bắt mất linh hồn, nhưng quan huyện không chịu thụ lý vụ án. Ác Thân lại mê hoặc dân chúng đến công đường tố cáo, còn mình thì cưỡi ngựa đi khuyên Thái thú chuẩn cáo. Thái thú liền nói rằng: “Yêu thuật này, từ xưa không hề nói đến, nếu như từ xưa không có thì vụ án này làm sao mà giải quyết được?” Vậy là vẫn không chuẩn cáo. Ác Thân lại xúi giục người nhà đứa bé kiện lên quan tỉnh nhưng vẫn không được chuẩn. Lên cả ba cấp tư pháp

huyện, phủ, tỉnh đều bế tắc, Ác Thân vẫn không chịu từ bỏ dã tâm, liền viết thư kể cho Đô Trung Đương Trục Giả nghe chuyện thương nhân nọ dùng yêu thuật âm phủ, Đương Trục Giả nhận được thư liền chuyển cho tuần phủ tỉnh xử lý, tuần phủ tỉnh lại sợ lớn chuyện sẽ ảnh hưởng đến tiền đồ của mình, cảm thấy một tên thương nhân chịu tội oan cũng chẳng có gì ghê gớm, liền hạ lệnh bắt thương nhân kia về tra xét. Cũng như các phạm nhân khác, sau khi bị dùng cực hình, thương nhân buộc phải nhận tội, vậy là tội chém đầu được cấu thành. Không ngờ, hôm thương nhân bị xử quyết trời bỗng thay đổi thất thường, nổi cuồng phong, trời đất xám xịt, tất cả mọi người trong thành đều than rằng: "Ông ta quả là bị chết oan!"

Chưa đến hai ngày, lại có người từ huyện đó đến, nói con trai của Ác Thân bỗng nhiên phát điên, suốt ngày gào khóc kêu oan cho thương nhân nọ. Vừa nhìn thấy Ác Thân, đứa con trai liền chỉ tay mắng lớn, vài hôm sau thì chết. Nghe đồn sau đó, Ác Thân cũng phát điên mà chết. Tuần phủ nghe tin vô cùng sợ hãi, liền sai ba, bồn người hầu lúc nào cũng đi bên để bảo vệ. Một hôm tuần phủ và viên tư đạo đang nghị sự, bỗng thấy tuần phủ hét lên rằng: "kẻ giết người là Ác Thân, không phải ta, hà cớ chi lại đến kiếm ta?" Viên tư đạo liền cho người ở bên ngoài xuông vào nhà, mới lang y đến cứu chữa, nhưng không được mấy ngày thì quan tuần phủ chết.

Mặc dù đoạn kết khiến người đọc sảng khoái, nhưng tính chân thực của nó lại vô cùng đáng ngờ. Trên đời này có bao nhiêu là oan hồn, nếu như tất cả đều làm như thương nhân nọ có lẽ thiên hạ sẽ đại loạn, nhất là những kẻ chấp pháp kia sẽ luôn phải đối mặt với sự đe dọa đến tính mạng. Điều đáng tin là thái độ của các quan tỉnh, huyện, phủ đối với vụ án này. Họ chưa chắc đã không tin sự tồn tại của yêu thuật, nhưng chỉ nói hồn ma của đứa trẻ bị người ta cướp đi, những việc như đuổi hình bắt bóng này quả thật không thể coi là chứng cứ trước pháp luật được. Còn về vụ án của Vương Bật, đưa lên cả bộ hình, bộ hình lại sai người về tra xét, Vương Bật miêu tả chuyện hồn ma hiển linh sinh động như thật, nhưng khi người của bộ hình tới thì hồn

ma lại biến mất. Trong khi đó, Vương Vạn Lý đã chết dũ từ trong ngục rồi. Những hồn với vai trò là nhân chứng không chịu xuất hiện trước công đường, vậy rõ ràng vụ án này không thể giải quyết được. May là ở cuối đời Nguyên, quan trường còn đang là một màn đêm đen tối, vậy nên cả ba cấp quan mới cùng thống nhất đi đến phán quyết xử lăng chì một kẻ đã chết, kẻ còn sống thì lập tức được thả, nhanh chóng kết thúc một vụ án ngớ ngẩn.

Cũng giống như nhân vật Ác Thân trong "án thái sinh", nhân vật chính trong "án ma Trung Thư" trên thực tế chính là Vương Bật. Vụ án từ đầu đến cuối đều do một mình anh ta thao túng. Ở đời nhà Tống, trong *Vương Bật truyện*, Vương Bật dường như là một người trung thực, chính nghĩa, chuyên hành y cứu người, nhưng cũng không thể che giấu được thân phận thật của ông ta là quân sư của Tuyên úy tư, tương đương với chức quan cửu phẩm trong nha môn thời bấy giờ. Địa vị này giúp ông ta có một tiếng nói nhất định với quan địa phương, người dân bình thường không ai dám động vào ông ta, nói gì đến một tên thầy bói lưu lạc goang hồ! Còn nguyên nhân khiến hai người họ xảy ra tranh chấp cũng được tường thuật chi tiết, tỉ mỉ trong *Vương Bật truyện*, đó là vì Vương Bật nghe nói có một thầy bói mới đến mở sạp trên phố liền đặc biệt đến hỏi thăm, kết quả là xảy ra một cuộc đấu khẩu nảy lửa, vì Vương Vạn Lý không hiểu phép tắc, không biết nhún nhường nên Vương Bật mới ra uy dạy cho ông ta một bài học, trên thực tế là muốn phá đám việc làm ăn của ông ta. Chỉ từ câu chuyện tranh chấp cũng có thể nhìn ra Vương Bật là tên đầu xỏ khó chơi. Nhưng Vương Vạn Lý cũng không dễ dàng chịu khuất phục, chém luôn uy phong của Vương đại gia, khiến Vương đại gia nổi giận, bày ra trò ma quỷ để rửa hận. Vương Bật dù sao cũng đã từng lăn lộn chốn quan trường, ông ta còn tìm được mười nhân chứng đứng về phía mình, cùng ký tên chứng nhận sự hiển linh của hồn ma Chu Nguyệt Lạp. Mười người cùng ký tên vào bản cáo trạng, lại thêm mối quan hệ khăng khít với đám nha môn, đặt thêm vật chứng trong phòng của Vương Vạn Lý, đó chỉ là chuyện nỏ như lông hồng mà thôi.

Nhưng cho dù màn kịch này được thiết kế tinh vi đến đâu, tìm được một trăm người làm chứng, kiếm được đầy một phòng vật chứng nhưng nếu không có sự hỗ trợ của đám quan sai thì dã tâm của Vương Bật cũng chẳng thể thực hiện được. Vì thế, từ dã tâm của Vương Bật trong vụ án này cũng đủ để nhận ra bức tranh chính trị đen tối ở giai đoạn cuối thời Nguyên. Đây cũng là điềm báo sự thống trị của người Mông Cổ sắp đến hồi kết thúc.

Nhưng điều khiến người ta kinh ngạc không phải vụ án mà từ giả thành thật, mà là hầu hết thành phần tri thức đương thời đều tin vào những chuyện ma quỷ này. Như Lý Hảo Văn, bắt đầu là phó hiệu trưởng, tiến sĩ của một trường đại học công lập, từng làm quan ngự sử giám sát, lập nhiều công lớn trong việc giải oan cho những người dân vô tội, diệt trừ bọn cường hào ác bá, cũng bỏ không ít công sức ghi chép lại vụ án "Trung Thư quỷ" thành một tác phẩm văn học để đời, tăng thêm hiệu quả tuyên truyền trong dân chúng. Những nhân vật anh tài của cả một thời đại lại có cách nhìn nhận như thế, quả là đáng buồn! Cho nên đến đầu đời Minh, Vương Bật vẫn được triều đình coi là một kẻ sĩ đắc đạo, triệu vào Nam Kinh, chỉ đến khi thấy ông ta thật sự không hề có tài điều yêu khiển quỷ, mới thưởng cho ông ta chiếc áo dài rồi đuổi cổ về quê, thế mới thấy tác dụng tuyên truyền dưới ngòi bút của các nhà văn lớn.

Đứng trên quan điểm ngày nay, vụ án "Trung Thư quỷ" đích thực là một vụ án oan, những người bị oan không phải là ba hồn ma kia mà chính là Vương Vạn Lý - kẻ chết dũ trong nhà tù. So với những tác giả như Tống Khiêm, có lẽ Đào Cửu Thành vẫn được coi là người khá tỉnh táo, nên tác phẩm ông biên soạn về "Trung Thư quỷ án", trên thực tế là dùng những văn kiện Nguyên sử đối chiếu với tiểu thuyết và sử bút Lý Hảo Văn và Tống Khiêm. Nếu như độc giả có hứng thú có thể tìm đọc *Vương Bật truyện* đối chiếu với *Trung thư quỷ án*, chắc chắn sẽ ngộ ra rất nhiều những điều mê hoặc trong các thể loại ghi chép truyện ký, hồi ký… Nhân đây cũng xin nói thêm, quyển *Văn tập Tống học sĩ* thì hơi khó tìm, nhưng *Tử bất ngữ* thì ở

đâu cũng có. Nhưng qua việc Viên Tử đem Vương Bật truyện của các học sĩ đời Tống xếp vào đám "lực lượng ma quái" cũng đủ thấy quan điểm của ông rồi.

Nhắc đếm Viên Tử Tài lại khiến người ta liên tưởng ngay đến Kỷ Hiểu Lam, bởi lẽ đây là hai nhân vật đều rất đáng yêu. Mà Kỷ Hiểu Lam có lần suýt chút nữa cũng gây ra một vụ án yêu trong đại ngục, nguyên nhân của nó ít nhiều có liên quan đến *Trung thư quỷ án.*

Hồi đó, Kỷ Hiểu Lam vì mắc lỗi nên bị điều đến Ô Lỗ Mục Tề, giữ chức quan tứ phẩm làm văn án cho Ôn Phúc đại tướng quân. Ông tuy thân mang trọng tội, nhưng vẫn không bỏ được kiểu thích khoe khoang thể hiện, mà kẻ văn nhân đã thích thể hiện thì thế nào cũng gây họa. Đương nhiên, ông sẽ lại lập công chuộc tội, tìm một tên đen đủi nào đó làm vật thế thân cũng là điều không quá khó khăn.

Ngày đó, Ô Lỗ Mục Tề có một đạo sĩ bán thuốc trong thành, dân chúng đồn nhau rằng đạo sĩ này có yêu thuật cao cường, hơn nữa, còn có người tận mắt chứng kiến trong quán trọ, thấy ông ta mỗi đêm trước khi đi ngủ đều lôi ra một bình hồ lô nhỏ, dốc ra hai viên gì màu đen, sau đó liền có hai thiếu nữ hiện ra chung chăn chung gối, đến khi trời sáng thì không thấy đâu nữa. Chuyện này không hỏi không được, nếu có hỏi thì chắc chắn tên đạo sĩ cũng sẽ không thừa nhận sự việc. Điều tra thì không có bằng chứng, kẻ làm thì không chịu nhận, người khác thì không thèm quan tâm để ý, nhưng Kỷ Hiểu Lam là người có học vấn, lại có trí nhớ tốt nên lập tức nghĩ ra Vương Vạn Lý trong câu chuyện, liền tự nhủ rằng: "Hai cô gái đó chắc chắn là hai hồn ma được tên đạo sĩ thu phục, chỉ cần cho tên đạo sĩ đó ăn thịt ngựa thì khắc yêu thuật sẽ bị hóa giải!" (Kỳ Hiểu Lam quá tự tin vào trí nhớ của mình, thực tế trong truyện viết là phải ăn thịt bò mới hóa giải được yêu thuật), vừa đúng lúc một con ngựa trong doanh trại bị chết, Kỳ Hiểu Lam liền sai chân tay đến tìm chủ quán trọ, bảo ông ta hỏi đạo sĩ rằng: "Quán tôi

đây đang có một ít thịt ngựa, không biết khách quan có nhã hứng thưởng thức hay không?" Không ngờ tay đạo sĩ lắc đầu nói: "Thịt ngựa ta không ăn!" Ông chủ quán lập tức báo cho Kỷ Hiểu Lam biết, lại khiến cho Kỷ Hiểu Lam nảy sinh nghi ngờ. Không ăn thịt ngựa bởi trong lòng đang có trò mờ ám, nếu không có điều gì mờ ám, tại sao lại không ăn thịt ngựa? Những suy luận kỳ quặc kiểu như thế lại càng làm cho Kỷ Hiểu Lam tin vào lời đồn, trong lòng cảm thấy tay đạo sĩ này chắc chắn là một yêu nhân, liền quyết định ra mặt giải quyết ông ta.

May mà có một người cộng sự tốt tên là Trần Đề Kiều, thấy Kỷ Hiểu Lam sắp gây họa, liền nói: "Tên đạo sĩ đó dẫn con gái về, ngươi có tận mắt nhìn thấy không? Hắn ta không ăn thịt ngựa, ngươi cũng không hề nhìn thấy. Chuyện của Chu Nguyệt Lạp là chuyện trong tiểu thuyết của Đào Cửu Thành, ai biết là thật hay giả. Hơn nữa, cứ nói thịt ngựa có thể phá giải được yêu pháp nhưng cũng không ai biết nó có linh nghiệm thật hay không. Ngươi lại đi tin vào những tin đồn vô căn cứ, thật là không biế phân biệt thị phi." "Vậy việc này phải làm thế nào?" "Việc này không nên làm kinh động quá nhiều người, tôi thấy như thế cũng đủ rồi." Kỷ Hiểu Lam lúc đó mời từ bỏ ý định diệt đạo sĩ để lập công chuộc tội.

Việc đó sau này đến tai đại tướng quan Ôn Phúc, ông liền nói với Trần Đề Kiều và Kỷ Hiểu Lam rằng: "Kỷ Hiểu Lam xử lý việc này quả thật là hơi quá đáng. Nếu tên đạo sĩ đó bị cực hình ép vào đường cùng, ăn nói bậy bạ, khai bừa một vụ án khác, vậy thì sự việc sẽ vô cùng nghiêm trọng, không thể không trị, mà trị thì lại không có chứng cứ, không thể trị tận gốc, lúc đó chúng ta phải làm thế nào? Còn Trần Đều Kiều nói đuổi hắn ta ra khỏi thành lại càng "bất cập". Nếu hắn ta lại chạy sang đất khác gây chuyện thị phi, nói rằng đã sống trên đất Ô Lỗ Mục Kỳ đã lâu, thì chúng ta chắc không tránh khỏi trách nhiệm. Đối với những kẻ có hành tung khả nghim phải khám xét cẩn thận, tìm ra chứng cứ rồi mới giao cho quan phủ xử lý được, nếu khám xét không thấy chứng cứ thì áp giải hắn trở về quê hương,

tránh mê hoặc dân chúng, các ngươi thấy cách này có phải là tốt hơn không?" Hai người nghe xong đều khâm phục tướng quân sát đất.

Đối với những kẻ có hành tung khả nghi thì đương nhiên cần phải khám xét, nhưng nếu khám mà không thấy có chứng cứ gì thì dựa vào cái gì mà áp giải người ta về quê cũ? Những lý luận này tốt nhất không nên bàn nhiều ở đây, người ta không dẫn anh về nha môn cho một trận đòn nhừ tử đã là khá lắm rồi. Kỷ tiên sinh quá nghiêng về cánh tả, Trần tiên sinh lại quá thiên về cánh hữu, nói chung, những kẻ làm quan trước tiên phải lo giữ thân và củng cố địa vị trước đã, như vậy, có thể nói, dù sao đi nữa cách giải quyết của Ôn Phúc cũng là cách xử lý thỏa đáng nhất.

Khổng Phi Lực trong *Gọi hồn* cũng có nhắc đến vụ án "cắt tóc thu hồn", đại khái chuyện này xảy ra không bao lâu, kiến thức của đại học sĩ Kỷ Hiểu Lam so với đám ngu dân đòi bắt hòa thượng Bà Du Phương vì tưởng lầm ông là yêu nhân hóa ra cũng có điểm tương đồng. Vậy thì đám quan trong phủ huyện mà Lương Cung Thần kể trong "án thải sinh" liệu có được xem là cao minh hơn Kỷ Hiểu Lam không? Chỉ có điều "án thải sinh" xảy ra sau "án gọi hồn" hơn mười năm, làm kinh động đến cả Vạn Tuế gia, các quan dưới không thể không thụ lý và tuần phủ nọ vì có công văn ép xuống của "Đương Trục Giả" mới thụ lý vụ án, sau đó lại ra một bản án xử trảm "siêu tốc", thực ra mỗi người bọn họ đều có những mẹo làm quan riêng của mình, chẳng qua về điểm này thì họ cao minh hơn Kỳ đại học sĩ mà thôi.

Nhưng cũng có một khả năng khác, ấy là Kỷ Hiểu Lam chỉ đang cố ý giảo hoạt, trong đoạn ký sự trên cố ý dành cho mình vai diễn một con chim ngu ngốc để đề cao sự anh minh của Ôn Phúc mà thôi.

Hết tập 1

Mời các bạn ghé thăm Đào Tiểu Vũ eBook - www.dtv-ebook.com để tải trọn bộ cuốn sách này.

Growing Readers

Tắt đèn kể chuyện ma

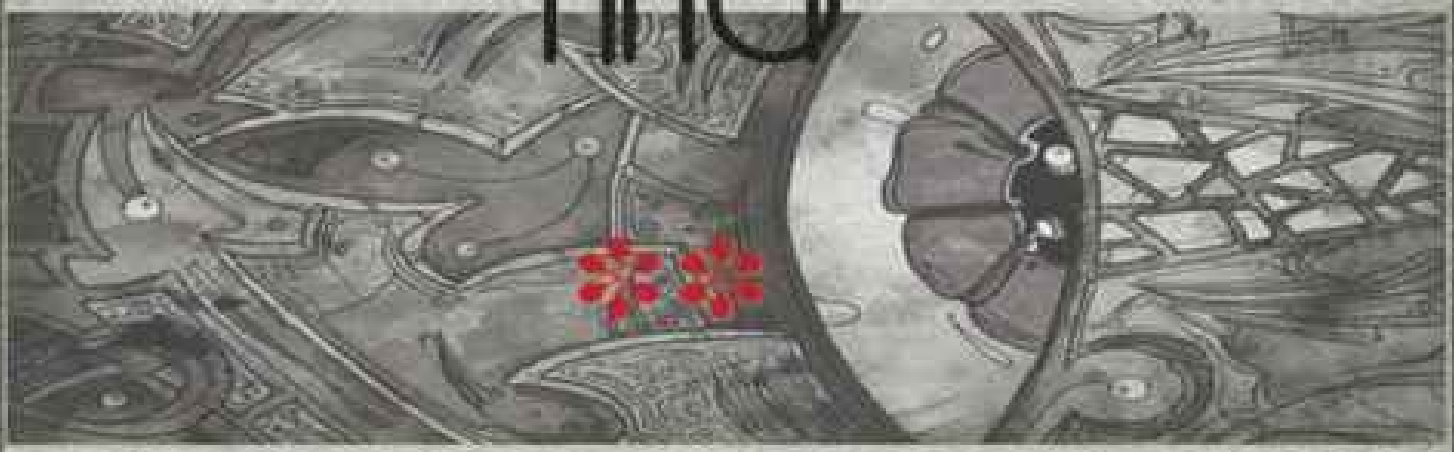

LOAN BẢO QUẦN

Dịch giả: Loan Bảo Quần

Làm ebook: Dâu Lê

AMun vh

Tắt đèn kể chuyện ma

(Tập 2)

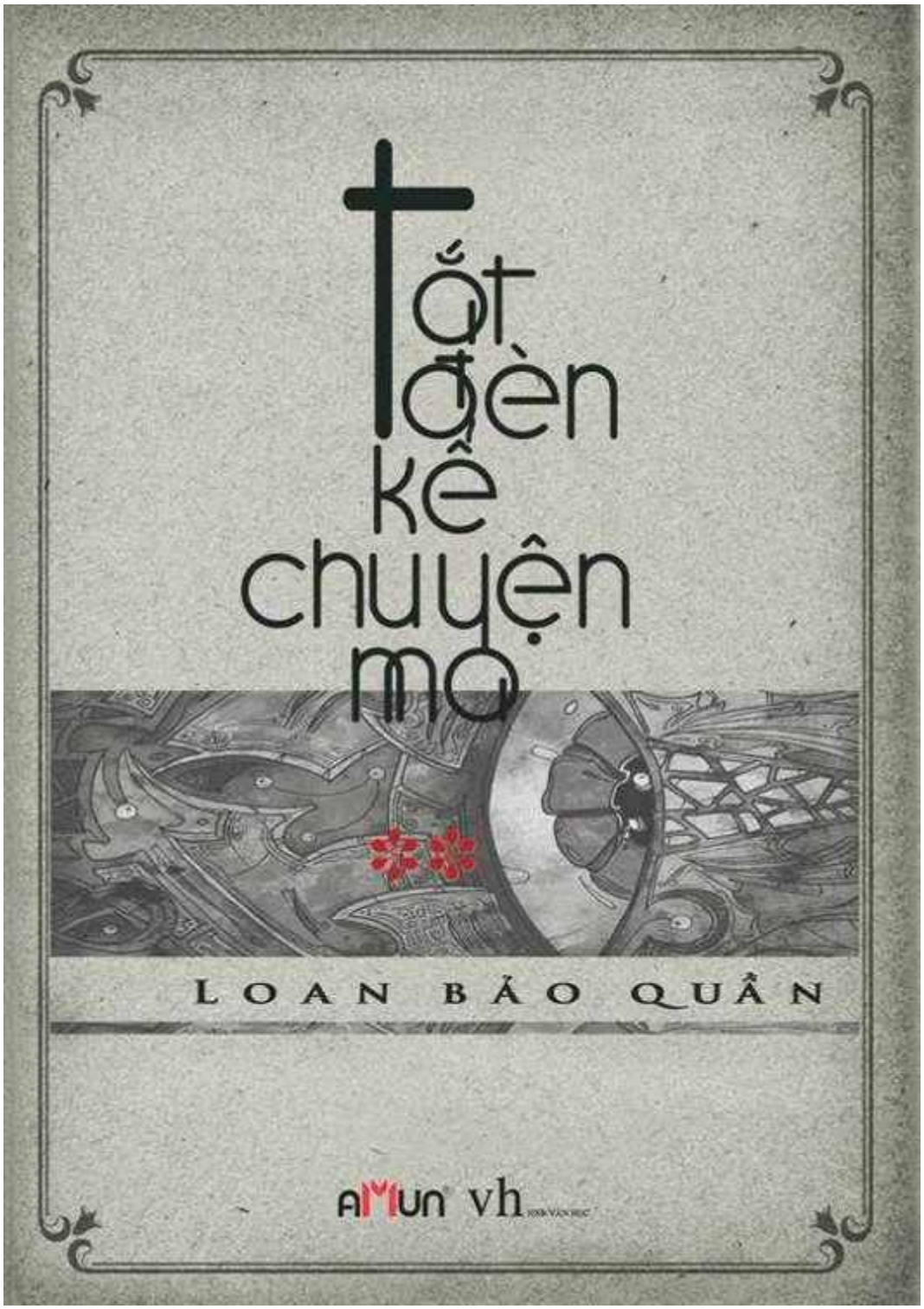

https://thuviensach.vn

Tắt đèn kể chuyện ma (Tập 2)

Tác giả: Loan Bảo Quần

Dịch giả: Đỗ Mai Dung

Giá bìa: 69.000 ₫

Kích thước: 13 x 21,5 cm

Ngày xuất bản: 15-12-2012

Công ty phát hành: Đinh Tị

Nhà xuất bản: NXB Văn Học

Chụp pic: miki90

Type

silverysnow: 1-6

Mac Senh: 7-11

susubexinh: 12-16

https://thuviensach.vn

kararoxbee: 17-hết

Beta: Vu Dinh

Tạo prc: Dâu Lê

Nguồn: luv-ebook.com

Ebook: [Đào Tiểu Vũ eBook - www.dtv-ebook.com]

https://thuviensach.vn

Giới thiệu

Cuộc sống luôn tồn tại những điều khó có thể lý giải, được đồn thổi từ người này sang người khác, từ năm này qua năm khác và dần phủ lên chúng lớp vỏ bí ẩn ma mị. "Tắt đèn kể chuyện ma" là một cuốn sách tổng hợp những câu chuyện liêu trai, cổ quái như vậy. Nhưng thay vì khai thác yếu tố ma mị vốn là thế mạnh của những câu chuyện liêu trai, tác giả Loan Bảo Quần với sự uyên bác và tinh tế của mình đã khéo léo kết hợp những kiến thức đông tây kim cổ và kể lại những câu chuyện ấy theo một khía cạnh khác đời thường hơn, thực tế hơn. Có thể là những lý giải khoa học khách quan, có khi lại là những suy diễn chủ quan của góc nhìn tác giả, có những câu chuyện buồn bã thê lương, cũng có những mẩu chuyện vô cùng hài hước. Nhưng dù là câu chuyện nào cũng đều khiến độc giả kinh ngạc và thích thú vì những bí mật được hé mở trong đó.

Thủy quỷ, nịch quỷ, cương thi, tránh quỷ, sát quỷ, thảo trái quỷ, khảo trường đại đầu quỷ, quỷ thất tình lục dục, quỷ hóm hỉnh, hài hước; vấn đề miếng ăn, chỗ ở, cái mặc của quỷ; vấn đề cái chết của quỷ... Thế giới ma quỷ rốt cuộc có dáng vẻ ra sao?

Tắt Đèn Kể Chuyện Ma là thế giới của những câu chuyện liêu trai và cổ quái, là sự giao hoà của tri thức đông tây kim cổ tích tụ từ ngàn năm. Đằng sau lớp vỏ ma mị ấy ẩn chứa những sự thật gì?

Ngay cả đến quyền uy cao nhất của cách mạng, trên thực tế đối với những giá trị vật chất và tinh thần của người dân cũng không có gì có thể lay chuyển hoặc dập tắt được… Từ bé tôi đã thích nghe những câu chuyện về ma, nghe rồi sợ, sợ rồi vẫn muốn nghe… xem nhiều các câu chuyện về ma, nên có một chút hiểu biết về thế giới âm phủ của người Trung Quốc, ít nhiều cũng có thể nhìn ra, câu chuyện nào có thể đại diện cho phong tục của người dân đối với quan niệm về thế giới âm gian, những chuyện nào thuộc diện phần lớn là do tác giả sáng tác ra… Mà cái quan trọng nhất là biết cách cảm nhận, có nghĩa là những câu chuyện về ma đã từng rất đáng sợ, nhưng thực tế không có gì sợ hơn những cái thuộc về nhân thế, chịu khó suy nghĩ một chút, ta sẽ hiểu ra chân lý giản đơn mà cực kì lý thú này.

(TGĐA) - Nếu ai thích thể loại truyện kinh dị hay truyện về ma quỷ có thể tìm đọc cuốn Tắt đèn kể chuyện ma của tác giả Loan Bảo Quần. Đây là một cuốn sách mang tính bác học,

https://thuviensach.vn

đọc để tìm hiểu, chiêm nghiệm hơn là đọc giải trí như như những tác phẩm văn học kinh dị khác.

Trung Quốc đã trải qua bao nhiêu năm lịch sử thì cũng ngần ấy năm, những câu chuyện ma được hình thành và phát triển theo nhiều hướng khác nhau, mỗi vùng mỗi khác. Nhưng chung quy lại, dân gian Trung Quốc đã sáng tạo ra những câu chuyện ma đầy liêu trai, kỳ bí, hấp dẫn và bất ngờ. Các loại quỷ như thủy quỷ, nịch quỷ, cương thi, tràng quỷ, sát quỷ, khảo trường quỷ, quỷ thất tình lục dục, quỷ hóm hỉnh, hài hước… hay các vấn đề như miếng ăn, chỗ ở, cái mặc của quỷ; vấn đề cái chết của quỷ đều được dân gian xây dựng chi tiết và ngày càng phong phú. Phải chăng con người khi bị hổ ăn thịt sẽ trở thành quỷ để giúp lão hổ bắt những người khác? Có đúng là những người chết đuối cần phải tìm được người thế mạng mới có thể siêu thoát và được đầu thai sang kiếp khác?

Trường thi vốn là nơi uy nghiêm để tìm ra những nhân tài phục vụ đất nước, lẽ nào cũng có sự can thiệp hay quấy rối của ma quỷ? Hay khi con người đã chết thì sẽ đi đâu, về đâu, xuống địa ngục hay lên thiên đường? Địa ngục là nơi như thế nào, có ai ở đó, con người sau khi chết sẽ xuống đó như thế nào, phải đi qua những đâu? Tất cả những điều đó đều có trong các câu chuyện dân gian và được truyền từ đời này qua đời khác, được ghi chép vào sách của các học giả từ nhiều triều đại đã qua, để cùng với các câu chuyện truyền miệng trong dân gian, chúng trở thành những tư liệu quý cho chúng ta ngày nay tìm hiểu về tín ngưỡng của ông cha ta ngày trước.

Tác giả Loan Bảo Quần đã tập hợp những câu chuyện như thế và viết cuốn sách Tắt đèn kể chuyện ma dưới góc nhìn và sự phân tích, những lời nhận xét hóm hỉnh, hài hước nhưng không kém phần sâu sắc của chính tác giả.

Vậy thế giới tâm linh huyền bí về ma quỷ rốt cuộc có dáng vẻ ra sao?

Bạn đọc lần theo sự gợi mở trên từng câu chữ, quay ngược thời gian trở về với hàng ngàn năm trước, vén bức màn bí ẩn lên để từng bước khám phá thế giới u minh huyền bí của người Trung Quốc xưa và nay!

Tác phẩm Tắt đèn kể chuyện ma do Đinh Tị books liên kết với Nhà xuất bản Văn học ấn hành.

https://thuviensach.vn

Mục lục

Lời nói đầu

Bá Hữu làm ma. Tử Sản nói chuyện hồn.

Ba hồn và bảy phách (vía)

Hồn lìa khỏi xác

Mất hồn

Gọi hồn

Các kiểu thoát khiếu

Chưa chết hồn đã khóc

Hoạt vô thường

Bắt hồn trên âm sơn đạo

Bịt mũi, hút hơi và các cách khác

Một cái cũng không được thi

Cả một thuyền ma

Sinh hồn mang xiềng xích

Làm sai dịch không thể bỏ bữa cơm

Nửa đêm không sợ quỷ gõ cửa

Chết nhầm người là chuyện thường thấy

https://thuviensach.vn

Hoàn hồn tái sinh

Trả túi da cho ta

Mượn Thi Thể

Di hồn

https://thuviensach.vn

Lời nói đầu

Nói là kể chuyện ma, nhưng lần này chỉ bàn đến linh hồn trong văn hoá u minh của Trung Quốc, vì vậy, ngay khi đặt bút viết, tôi từng nghĩ đến việc đặt tên cho cuốn sách này là *Bàn chuyện linh hồn*. Nhưng khi chia sẻ với bạn bè, ai cũng phản đối, nói nếu đặt tên như thế, các hiệu sách nhất định sẽ xếp nó lên kệ dành cho các loại sách: Bàn về nhân sinh, Đàm đạo về tu dưỡng,… dễ gây ra những hiểu lầm chồng chất cho lớp thanh niên có chí khí bây giờ. Ban đầu tôi cũng không thừa nhận, nhưng sau một hồi tra từ điển, đầu óc tôi đã được mở mang, không chỉ hiểu được sự khác biệt giữa hai từ "linh hồn" và "hồn", mà tôi cũng đã hiểu hai từ "hồn" và "linh hồn" không thể nói bừa bãi.

Ở thời cổ đại, "linh hồn" và "hồn" được sử dụng như nhau, nhưng trong tiếng Hán hiện đại, không thể tuỳ tiện sử dụng thay nhau đươc. Mấy chục năm trước, chúng ta có những mẫu câu thông dụng như "tư tưởng… là linh hồn…", giờ vẫn được mọi người sử dụng, như "tư tưởng của người quản lý là linh hồn của doanh nghiệp", "tư tưởng của… trưởng là linh hồn của phòng…",… Câu "… của… trường", có thể điền vào dấu ba chấm những từ như xưởng, hiệu, đội… không bao giờ có thể nhầm được. Nhưng nếu bạn thử thay hay từ "linh hồn" bằng từ "hồn", sẽ khiến người nghe phải nổi da gà, bởi họ dễ dàng liên tưởng tới câu: "Xưởng trưởng là hồn ma của công xưởng", và tiếp theo sẽ suy ra xưởng trưởng đã mất rồi.

Vì vậy, từ "linh hồn" trong khẩu ngữ hằng ngày thường có hàm ý khác. Năm mươi năm trước, tôi cũng ngờ nghệch không hiểu hàm ý này là gì, đáng tiếc là không tìm từ điển để tra. Còn nhớ năm đó, trong giờ Chính trị, cô giáo đã đọc đi đọc lại một câu: "Chính trị là thống soái, tư tưởng là linh hồn", tôi nghĩ mãi về hai từ "linh hồn" đó, nhưng vẫn chỉ mơ hồ, không biết nó là cái gì. Vì vậy, khi chỉ còn hai phút nữa là hết giờ học, cô giáo đi xuống phía dưới lớp và hỏi: "Các em còn chỗ nào không hiểu không?", tôi

https://thuviensach.vn

đã giơ tay hỏi: “Thưa cô, linh hồn là gì ạ?” Sắc mặt cô giáo đột nhiên trở nên lạnh lùng, thoáng ngập ngừng, sau đó hùng hồn nói: “Linh hồn? Linh hồn chính là tư tưởng!... Ngồi xuống! Hết giờ!” Năm đó, bài thi môn Chính trị của tôi được sáu mươi điểm. Đấy là lần đầu tiên tôi sẩy chân trong môn Chính trị, lần thứ hai khi đang học cấp ba, sự sẩy chân đó trở nên nghiêm trọng hơn, nhưng không liên quan gì tới linh hồn cả. Từ đó tôi đã hiểu, trong giờ học môn Chính trị tốt nhất không nên đưa ra câu hỏi mà chỉ cần lắng nghe, học thuộc rồi đọc cho người khác nghe hoặc viết ra cho người khác xem là được.

“Linh hồn chính là tư tưởng!” Khi cô giáo dạy môn Chính trị thốt ra câu này, mặc dù mang chút tâm trạng nhưng câu này không sai. Trong *Hán ngữ đại từ điển* có năm cách giải thích cho từ “linh hồn”, một cách giải thích đó là “tinh thần, tư tưởng, tình cảm”. Nhưng sau này lại được một vài người tự cho mình là anh minh, giỏi giang diễn giải thành các câu cách ngôn kiểu như: “Tư tưởng là một kiểu của linh hồn”, “Tư tưởng là liều thuốc hay cho linh hồn”, khiến một vài người bắt đầu mất phương hướng. Rốt cuộc là tư tưởng của ai và linh hồn của ai đây? Không thể nói tư tưởng của mình chính là một kiểu khác và là vị thuốc tốt cho chính tư tưởng của mình được.

Chuyện càng nói càng xa, tóm lại một câu, từ “linh hồn” mà bây giờ mọi người hay nói không phải là “hồn” trong những câu chuyện ma quỷ mà chúng ta thường được nghe. “Hồn” nếu nói văn vẻ một chút, thì chính là “hồn linh”. Mà “linh hồn” có lẽ đã trở thành đề tài to lớn trong kho từ vựng ngày nay rồi. Còn về “hồn”, chẳng qua chỉ là “hồn” trong *Tiêu dao luật* mà Hán Hiến Đế xui xẻo đã hát thôi. Vì vậy, cuốn sách này chính là muốn nói tới “hồn” đó, khẳng định lại mội lần nữa, nội dung cuốn sách này đề cập đến “hồn” chứ không phải “linh hồn”.

Nhưng “hồn” này cũng không dễ bàn, theo cách nói của những người già thì con người sống có hồn, mà chết cũng có hồn. Vậy chúng ta muốn bàn tới “hồn” của người sống (tức sinh hồn) hay là hồn của người chết (tức quỷ hồn) đây?

https://thuviensach.vn

Thực ra, những người bình thường khi sống, đại đa số không ai quan tâm tới "hồn" của mình vì mình còn có những vấn đề quan trọng hơn như ăn uống, quan hệ nam nữ…

Bạn bè gặp nhau, thăm hỏi chủ yếu là có khoẻ không, tinh thần thế nào, chu đáo hơn thì là mắt có bị mờ không, chân còn nhanh nhẹn không, chứ chẳng có ai hỏi: "Hồn của cậu có khoẻ không?" cả. Chỉ có những nhà đạo đức học, nhà tôn giáo và các chính trị gia là có thể có ngoại lệ, nhưng thứ mà họ quan tâm là "hồn" của người khác, còn về "hồn" của mình thì dường như chẳng để ý lắm. Vì vậy, thường xuyên xảy ra chuyện thế này, thiện nam tín nữ bị người thuyết giáo khuyên hoặc lừa lên thiên đường, nhưng bản thân người thuyết giáo lại phải xuống địa ngục, điều này cũng có thể do bản thân người đó không cẩn thận sẩy chân, nhưng đại đa số là vì họ cảm thấy ở dưới đó tốt hơn.

Còn về việc con người sau khi chết thật sự, thì ngoài hồn ra chẳng có thứ gì khác nữa, nói một cách chính xác hơn thì quỷ hồn và u linh, thực ra đã là dị vật, tức là "hồn" rồi. Một hồn đang phải chịu án chờ Diêm Vương phán xét, không thể tự chủ nữa, lúc này có muốn quan tâm, muốn tịnh hoá, muốn cải tạo,… nói gì cũng vô ích. Hồn này một khi đã "dị hoá" thành quỷ, liền mang theo nghiệt duyên ở nhân thế, giống như một lớp da vậy, không sao gọt hết, luật dưới âm phủ chỉ có trừng phạt, không có cải tạo, mà trừng phạt cũng không bao giờ rửa hết được tội nghiệt. Nếu những hồn này còn chưa uống canh mê hồn thì họ sẽ luôn nghĩ đến việc giá như kiếp trước mình sống tử tế hơn thì đã không đến nỗi này rồi.

Nghĩ đi nghĩ lại, lúc hồn được người ta quan tâm nhất, có lẽ chính là thời khắc giữa sự sống và cái chết, là người mà không phải người ấy, cũng chính vì cho dù hồn có chạy, có trốn, hoặc bị trộm mất, bị lừa mất bị bắt mất, nhưng vẫn chưa rơi vào quãng thời gian trước khi trở thành dị vật.

https://thuviensach.vn

Còn sống hay đã chết, đây là hai việc đối lập, nhưng liệu có tồn tại một cảnh giới không sống mà cũng chẳng chết không? Sống là người, chết là ma, nhưng liệu có người nào ở trong trạng thái không phải người mà cũng chẳng phải ma không? Ổn định trường kỳ thì chắc chắn không có, nhưng tạm thời hoặc một thời gian ngắn thì không nơi nào không có, những trường hợp này ví dụ như hôn mê, phát điên, xuất thần, mất hồn,… Sau khi hồn rời khỏi xác, nằm lại đó là một thể xác không sống mà cũng chưa chết, còn phiêu du bên ngoài là một du hồn không phải âm cũng chẳng phải dương. Hình thần tương ly, nhưng cũng không hoàn toàn đoạn tuyệt quan hệ, chỉ cần có điều kiện thích hợp, chúng vẫn hợp làm một. Đấy chính là những "hồn" mà tôi muốn nói tới, bàn tới.

Ngoài ra cũng có một lượng lớn những hồn ở trạng thái từ sáng vào tối, cũng chính là muốn nói con người sau khi chết, hồn của họ sẽ thoát khỏi thể xác, bất luận đi một mình hay thành đôi thành cặp với những hồn khác dưới âm phủ, thì cũng là trên đường đi "gặp Diêm Vương". Nhưng chỉ cần họ chưa vào Quỷ môn quan, hoặc vào Quỷ môn quan rồi nhưng chưa bị nhập hộ tịch dưới âm phủ thì vẫn chưa được coi là hồn "hợp pháp". Giống như cuối đời Minh, một vị nào đó đã viết câu đối dán ở cửa điện Diêm Vương như sau: "Nếu chưa thành quỷ án, chưa vào cửa thì vẫn có cơ hội hồi sinh", bởi nếu đột nhiên có công văn gửi xuống, nói là bắt nhầm hoặc tự người ấy tìm được bạn bè thân thiết, gặp được người quen dưới đó thì hồn của họ có thể được trả về dương gian nhân lúc thể xác còn chưa bị thối nát. Trạng thái lúc này nếu nói là tử vong, thì nói là hình thần tương ly sẽ hợp lý hơn, chết hay sống còn chưa chắc chắn, giống như những "nghi phạm" trên nhân gian. Hồn ở trạng thái này, cũng được tính là một trong những vấn đề sẽ được đề cập tới trong cuốn sách.

Phạm vi đề cập đến thì nhiều, nhưng không phải nội dung nào trong phạm vi ấy cũng được nói đến. Do sự nghiên cứu có hạn, cũng chỉ có thể nghĩ được đến đâu thì viết đến đấy thôi. Nhưng cũng có những đề mục, ví dụ như *Mộng hồn*, tài liệu về mộng hồn rất nhiều, chỉ sợ khi đề cập đến thì cuốn sách nhỏ này không thể nói hết được, nên không đưa vào nội dung.

https://thuviensach.vn

Đương nhiên, cũng có những việc liên quan đến hồn mà ngay từ đầu không nằm trong dự định của tôi, nếu như cảm thấy thú vị, ví dụ như "Di hồn đại pháp" thay tim tẩy não rồi mà vẫn còn ghê gớm, lợi hại chẳng hạn, cũng không phải không nói đến, có điều nó là ngoại lệ mà thôi.

Cũng có thể sẽ có độc giả cho rằng, nói về hồn thì thà nói về ma còn thú vị hơn. Thực ra cũng chưa chắc, nếu chỉ nói ma mà không đề cập tới hồn thì nó giống hệt *Hà điển* vậy. Có điều cuộc sống trên nhân gian thay đổi, chuyện ba cửa hàng chuyển vào trong quỷ cốc, ngoài những người có sự ham thích đặc biệt hoặc là chút khoái cảm nhất thời đối với khái niệm địa ngục thì có thể nói còn kém thú vị hơn cả chuyện nhân thế. Mà một khi có thêm "hồn" vào, kết nối hai thế giới âm dương với nhau, ba nick QQ có thể diễn một vở kịch rồi.

Đương nhiên, giống như tôi đã nói ở trên, hồn khiến người ta để ý, chỉ bởi vì nó đã lìa khỏi xác. Nhưng nếu hồn không ở trong xác, phiêu du vô định, thân không có hồn chủ, đối với con người mà nói, không nghi ngờ gì việc họ đang rơi vào một giai đoạn bất hạnh. Nhưng nếu giống những vở bi kịch trên sân khấu, hiện thực bất hạnh được nghệ thuật hoá một cách lãng mạn, cho dù tác giả không hề có ý "vui mừng trong hoạn nạn" thì kết quả lại khiến người xem có cảm giác như đang thưởng thức. Vì vậy, trong một vài câu chuyện dân gian và tác phẩm văn học, có những tình tiết kỳ diệu trong cuộc sống bất hạnh ấy.

Không chỉ dừng lại ở đây, trong những câu chuyện về thế giới u minh được lưu truyền trên nhân gian, luôn có một chủ đề mang "tính nhân dân". Cho đến tận đầu đời thanh thì Bồ Lưu Tiên đã đưa ra một quan điểm rõ ràng, đó là: "Sống bị ràng buộc, chết không cấm kỵ!" (*Con gái Lỗ Công*) hoàn toàn tương phản với các loại thể chế chuyên chế của hệ thống minh phủ. Trong văn hoá u minh của người dân, quỷ hồn được tự do hơn sinh hồn, dường như con người khi đã chết thì hồn sẽ thoát khỏi "lưới hồng trần", được giải thoát, những thứ như môn đệ, lễ giáo, pháp chế… không còn ràng buộc được họ nữa. Thế là họ có thể thoải mái yêu đương, kết hôn, thậm chí còn

https://thuviensach.vn

có thể vô duyên vô cớ báo thù lũ tham quan vô lại trên trần gian… Có thể nói, trong một bộ phận những câu chuyện ma, chúng ta thỉnh thoảng còn đọc được "nhân tính" thật sự, rất hiếm gặp trong những "câu chuyện về con người"! Nhưng cùng với việc âm phủ được xây dựng và dần hoàn thiện, nó chiếm lĩnh không gian sống của con người trên dương thế thì sự tự do của quỷ hồn ngày một hẹp lại. Kiểu vừa có thể thoát được lễ giáo phiền hà trên nhân gian, lại chưa phải hồn nằm trong pháp chế dưới địa phủ ấy, chỉ có thể thường gặp trong trạng thái "ly hồn".

Trong những câu chuyện về âm phủ của *Liêu trai chí dị*, đề tài "ly hồn" rất cảm động. Hồn của những cặp đôi nam nữ đa tình nhưng phải sinh ly tử biệt khiến người ta phải xót xa, rồi những chuyện như tráng sĩ trên nhân gian xuất hồn đi xuống âm gian, báo thù những kẻ hống hách khiến người ta phải ngẩn ngơ.

Tôi nói tới những điểm tốt của hồn, không phải vì muốn quảng cáo cho cuốn sách này. Chữ nghĩa thì cũng bày cả ra đây rồi, một đề tài hấp dẫn như thế, những độc giả muốn đọc truyện ma, hoặc muốn đọc những câu chuyện ma khủng bố, cũng vẫn cảm thấy rất vô vị. Mặc dù nội dung có nhiều tình tiết hơn cuốn sách trước, thiếu phần nghị luận và dẫn văn, nhưng ngòi bút thiên tài hết thuốc chữa này vẫn chưa được cải thiện là bao, mặc dù kể chuyện không phải là nội dung chính của cuốn sách này, nhưng cũng là một phần cần thiết. Vì vậy, đối với những độc giả hiểu lầm đây là một cuốn truyện ma mà phải mất tiền oan, tôi cũng chỉ biết nói lời xin lỗi thêm lần nữa. Mặc dù khi bày tỏ tình cảm tôi thường ngượng ngùng không dám mở miệng, cảm thấy giống trò hề của những diễn viên trên sân khấu báo đáp lại tiếng vỗ tay của khán giả ở phía dưới, nhưng cuối cùng vẫn phải lấy hết dũng khí, nói lời cảm ơn với những nhà phê bình và những độc giả, bạn bè đã quan tâm tới cuốn sách trước của cuốn này. Đó hoàn toàn không phải vì sự khen ngợi quá mức của họ, mà nhờ những bình luận của họ khiến tôi có cảm giác vui mừng như tâm linh tương thông. Điều này đương nhiên cũng chính là nguyên nhân chủ yếu cổ vũ tôi viết tiếp đề tài này.

https://thuviensach.vn

Thanh minh – 2011

Loan Bảo Quân

https://thuviensach.vn

Bá Hữu làm ma. Tử Sản nói chuyện hồn.

Nói đến hồn không thể không nói tới "phách"[1]. Mặc dù bình thường những cụm từ kiểu như "ba hồn bảy phách", "hồn bay phách tán", "hút hết hồn phách", "chiêu hồn gọi phách"… hay được nhắc đến, nhưng "phách" là vật gì thì vẫn chưa được chú ý nghiên cứu lắm.

[1] Phách: vía.

Trong văn hoá u minh của bất kỳ dân tộc nào, linh hồn và tính chất của nó đều chiếm vị trí trung tâm. Nhưng vấn đề này trong cách lý giải của những triết gia lại hoàn toàn không giống với cách nhìn nhận thông thường của dân tộc đó. Trong lịch sử tư tưởng của Trung Quốc cổ đại, những khái niệm về linh hồn có sức ảnh hưởng lớn nhất chính là mấy đoạn trích dẫn trong *Kinh điển Nho học*. Mặc dù trích dẫn cổ văn khiến người ta phiền lòng, nhưng lại không thể tránh, vậy thì hãy bắt đầu bằng câu chuyện ma đầy ám ảnh, xuất hiện sớm nhất trong lịch sử văn hiến Trung Hoa.

Thời Xuân Thu, năm Lỗ Tương Công thứ ba mươi, tức là năm 543 trước công nguyên, người chấp chính của nước Trịnh[2] là Bá Hữu[3]. Người này hống hách, chuyên quyền lại thích uống rượu, gây ra mối quan hệ bất hoà với các quan đại phu khác trong triều. Năm đầu tiên, Bá Hữu phái Tử Tây đi sứ nước Sở, Tử Tây không chịu đi, nói: "Quan hệ giữa nước Sở và nước ta đang căng thẳng, ngài phái ta sang nước Sở, thế chẳng phải có ý muốn ta đi vào chỗ chết sao?" Bá Hữu nói: "Họ nhà ngươi bao đời nay đều lo việc thiết lập quan hệ bang giao, ngươi không đi thì ai đi?" Tử Tây đáp: "Đi được thì ta sẽ đi, có nguy hiểm thì không nhất thiết phải đi, chuyện này liên quan gì đến việc nhà ta bao đời nay lo việc thiết lập quan hệ bang giao chứ!" Bá Hữu không chịu nhượng bộ, nhất định bắt Tử Tây phải sang nước Sở. Tử Tây tức giận vô cùng, định kéo gia đình tới liều mạng với Bá Hữu,

https://thuviensach.vn

cũng may được nhiều quan lại trong triều khuyên giải, hai nhà mới không động binh đao.

[2] Nước Trịnh: một nước chư hầu thời Xuân Thu, là tỉnh Hà Nam, Trung Quốc hiện nay.

[3] Bá Hữu: tên tự của Lương Tiêu, quan đại phu nước Trịnh (Lương Tiêu là con của Công Tôn Triếp, cháu Công Tử Khứ Tật), khi ấy là Thượng Khanh, là người cầm quyền chính ở nước Trịnh.

Đến một ngày trong tháng Bảy năm đó, Bá Hữu uống say cả đêm trong mật thất của ông ta như thường lệ, tới sáng lên triều trong bộ dạng lướt khướt, lại nhắc đến chuyện phái Tử Tây đi sứ sang nước Sở, mà còn nói chắc như đinh đóng cột, không dễ gì từ chối. Sau khi ban lệnh, ông ta lại leo lên xe, quay về nhà uống rượu.

Tử Tây biết rằng trận này không thể không đánh, mà Bá Hữu đang say mềm như bún, thật là một cơ hội tốt để ra quân áp chế. Thế là ông ta thống lĩnh gia đinh, liên kết với mấy quan lại khác, đến gây hấn với Bá Hữu. Bá Hữu say rượu, nằm một chỗ, làm sao có thể đánh nhau được! Kết quả, bị Tử Tây đánh cho thất bại thảm hại, được gia đinh dìu lên xe tháo chạy khỏi nước Trịnh. Chạy được nửa đường, ông ta mới nhận biết được chuyện gì vừa xảy ra, đành tạm lánh sang nước Hứa một thời gian.

Vài ngày sau, nghe nói các quan lại của nước Trịnh mở cuộc họp bàn để liên kết lại, đứng lên phản đối mình, Bá Hữu tức tới mức lửa giận bốc ngùn ngụt. Lại nghe nói Thượng khanh Tử Bì ngày hôm đó không tham dự liên quân đánh mình, cảm thấy vẫn còn khả năng lôi kéo vài liên minh, thế là mang theo đám tàn binh quay về nước Trịnh. Tứ Đái[4] của nước Trịnh thống lĩnh quốc dân ra nghênh chiến, kết quả, Bá Hữu chết trong chợ dê.

[4] Tứ Đái (?-536): tự là Tử Thượng, con trai của Công Tôn Hạ. Là quý tộc nước Trịnh.

Chớp mắt đã bảy, tám năm trôi qua, đến năm Lỗ Chiêu Công thứ bảy, tức năm 535 trước công nguyên, khắp đô thành nước Trịnh rộ lên chuyện có hồn ma. Giữa ban ngày ban mặt có người đứng giữa đường hét lớn: “Bá

https://thuviensach.vn

Hữu đến rồi!", khiến những người đi đường đều hoảng loạn. Chuyện này ầm ĩ suốt mấy ngày, mọi người lại nhắc tới một chuyện xảy ra vào tháng Hai năm trước. Có người nửa đêm mơ thấy Bá Hữu, mình mặc áo giáp, đầu đội mũ trụ, vừa đi vừa nói: "Đến ngày Nhâm Tý tháng sau, ta phải giết chết Tứ Đái, ngày Nhâm Dần sang năm, ta phải giết cả Công Tôn Đoàn."

Kết quả, hai kẻ thù của Bá Hữu đều chết đúng vào ngày đó. Giờ Bá Hữu lại hiện hình ngay trên đường, xem ra càng ngày càng lớn chuyện. Tử Sản bèn áp dụng cách "dàn xếp cho yên". Ông ta cho rằng: "Ma có nơi về, sẽ không vương vấn trần gian nữa", Bá Hữu còn "vương vấn" là bởi vì con cháu của ông ta vẫn chưa được sắp xếp ổn thoả, ông ta không có nơi thờ cúng, không tìm được cơm ăn nước uống trên nhân gian, phải ôm bụng đói. Thế là Tử Sản bố trí chức tước cho con cháu của Bá Hữu, khôi phục thân phận quý tộc của họ. Kết quả cũng lạ, linh hồn Bá Hữu không còn hiện về quấy nhiễu nữa. Cuộc sống trở lại bình yên, nhưng chuyện này trở thành tin tức nóng hổi lan đi khắp các nước khác.

Không lâu sau, Tử Sản có chuyến thăm nước Phổ, Triệu Ánh Tử[5] của nước Phổ có hỏi chuyện này: "Bá Hữu có thể là ma không?" Tử Sản trả lời: "Có thể", tiếp đó giảng giải một đoạn *Luận hồn phách*, đoạn giảng giải này được coi là kinh điển trong Nho học, có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong lịch sử tư tưởng của Trung Quốc, ảnh hưởng nhất định đến các trí thức suốt mấy nghìn năm qua. Nguyên văn như sau:

"Con người khi mới chỉ là phôi thai thì gọi là "phách". Nếu đã có "phách" rồi, những thứ do dương khí tạo thành thì gọi là "hồn". Những hồn phách tinh khí nhiều, hưởng thụ nhiều thì sẽ trở nên mạnh mẽ, vì vậy mới có trường hợp từ hồn phách phát triển thành thần linh. Bách tính bình thường không bệnh mà chết, hồn phách của họ vẫn có thể mượn cơ thể của người sống để tác oai tác quái, huống hồ Bá Hữu là con cháu của tiên quân nước ta – Mục Công, là cháu đích tôn của Tử Lương, con trai của Tử Nhĩ, khanh thần của nước ta, đương quyền ba đời rồi. Nước Trịnh cho dù không giàu có, hoặc như lời tục ngữ, chỉ là một nước rất nhỏ, nhưng ba đời nắm giữ

https://thuviensach.vn

triều chính, hồn phách của họ hưởng thụ đủ rồi. Những tinh hoa tích luỹ cũng đủ rồi. Tông tộc của họ lại mạnh, những thứ ông ta có thể dựa vào cũng rất lớn mạnh. Mà Bá Hữu bị người ta giết chết oan uổng, có thể biến thành ma, chẳng phải là chuyện dễ hiểu hay sao?"

[5] Triệu Ảnh Tử: tức Triệu Thành, quan đại phu nước Phổ, thời Xuân Thu.

Câu hỏi và câu trả lời này cần phải được nói rõ thêm.

Đầu tiên là câu nói của Triệu Ảnh Tử: "Bá Hữu có thể là ma không?" Ông Bá Hữu đó đã chết bao nhiêu năm rồi, sao còn có thể gây chuyện ma quỷ? Câu hỏi này không phải để nghi ngờ việc sau khi chết có thể thành ma, mà là cho rằng, người đã chết đến bảy, tám năm, theo lẽ thường thì không thể quấy rối được nữa, nhưng tại sao Bá Hữu vẫn có thể gây rối? Từ vấn đề này đã để lộ ra một thông tin rằng, kiến giải thông thường của những người thời ấy là, người chết sẽ thành ma, nhưng chỉ trong một khoảng thời gian không dài sau khi chết. Một khi đã chết lâu rồi thì sẽ không thể thành ma gây rối nữa. (Thực ra, cách nhìn này đến tận bây giờ, những câu chuyện ma của các triều đại về cơ bản đều nói đến những hồn ma chết trước đó không lâu.)

Tại sao lại thế? Triệu Ảnh Tử không nói, bởi đây là một cách kiến giải thông thường. Tất cả những câu chuyện ma đều không thể tách rời ký ức và tình cảm của con người. Khi một người mới chết, ký ức về họ vẫn còn mới, sự thương xót vẫn chưa nguôi, từ đó nảy sinh các tin tức kỳ lạ liên quan đến người chết. Nhưng người đã chết lâu rồi, ký ức về người đó đã mờ nhạt, hoặc tình cảm đã hết, sẽ ít xuất hiện những câu chuyện kỳ quái liên quan đến ma quỷ. Khái niệm về sự lâu ngày này lại không thể giải thích theo cách kiến giải thông thường về ma quỷ. Nếu chúng ta suy nghĩ thiên về lý tính một chút thì có thể giải thích rằng vì chết lâu rồi nên linh hồn đã tiêu tan. Câu "tinh khí vi vật, du hồn vi biến"[6] trong *Dịch Hệ Từ* muốn nói đến cũng chính là có ý này. Theo giải thích trong *Chu Dịch chính nghĩa* thì "du hồn vi biến" không phải ma quỷ gây hoạ mà là: "Vật tức tích tụ, cực tắc phân tán"[7], trước khi phân tán, những tinh hồn phiêu bạt trong hư không sẽ

https://thuviensach.vn

thay đổi hình thái, tách khỏi dạng vật chất. Chu Hy[8] giải thích còn đơn giản hơn: "Cái tinh dữ khí hợp, tiện sinh nhân vật"[9], hiện tượng "du hồn vi biến" sẽ không còn nữa, còn "kỳ khí phát dương ư thượng, vi chiêu minh, hôn hao, thê sáng"[10] trong *Lễ ký, Tế nghĩa* của Khổng Tử thì chính là con người sau khi chết, du hồn sẽ tan biến như mây khói.

[6] Tinh khí vi vật, du hồn vi biến: hiện tượng vật chất là do hiện tượng tinh thần biến hiện ra.

[7] Vật tức tích tụ, cực tắc phân tản: tức là vật do tinh khí tích tụ thành, đạt tới cực điểm sẽ phân tán.

[8] Chu Hy (1130-1200): tự là Nguyên Hối, hiệu là Hối Am. Ông là người đã phát triển học thuyết Lý. Khí của Trình Hạo và Trình Di, đã đưa Lý học lên thành một hệ thống duy tâm khách quan hoàn chỉnh, được gọi là Trình Chu Lý học.

[9] Cái tinh dữ khí hợp, tiện sinh nhân vật: tức là khi tinh và khí kết hợp với nhau, sẽ tạo ra con người.

[10] Có nghĩa là: khi hơi thở (khí) của con người tắt, thì phách (vía) trở về với trời đất và khí (còn gọi là tánh linh) bay lên chỗ sáng rõ trên cao.

Phần tiếp theo sẽ nói đến câu trả lời của Tử Sản. Ý của Tử Sản là, du hồn không thể tiêu tán ngay lập tức và du hồn của mỗi người mỗi khác. Những du hồn tan biến nhanh sẽ không thể trở thành ma quỷ. Những du hồn không thể tan biến ngay có thể tạm thời trở thành ma quỷ, nhưng cuối cùng cũng sẽ tan đi.

Tại sao có tinh hồn lại nhanh chóng tan đi? Bởi vì người đó không phải bị "ép chết", mà chết già hoặc chết bệnh, chết đói chết khát, tinh lực của cơ thể cạn kiệt từng chút một, sau đó mới chết, khi đó tinh hồn của anh ta như cây đèn hết dầu, đúng như Chu Hy nói, lúc này tinh hồn của anh ta "không phải tan, mà là cạn rồi", còn có thể thành ma quỷ gì nữa?

Nhưng những người bị "ép phải chết" thì khác, ép phải chết chính là cách nói khác của chết oan, giống như Chu Tử viết: "Là những người chết vì tai hoạ bất ngờ, hoặc chết đuối, hoặc bị giết, hoặc bị bạo bệnh mà chết…" Bởi

https://thuviensach.vn

vì chết đột ngột, tinh hồn của người đó chưa tiêu hao hết, nên mới có thể quấy rối, đây chính là những gì Tử Sản muốn nói: "Bách tính bình thường không bệnh mà chết, hồn phách của họ vẫn có thể mượn cơ thể của người sống để tác oai tác quái." Còn Bá Hữu, ông ta không những bị "ép phải chết" mà còn không phải "bách tính bình thường", bản thân ông ta trước khi sinh ra đã được thừa hưởng khối tinh khí lớn, đồng thời tố chất quý tộc tương đối mạnh được di truyền từ tổ tiên, như vậy, tinh hồn của ông ta mạnh mẽ hơn tinh hồn của đám dân đen chỉ ăn rau dưa rất nhiều. Vì vậy, ông ta không chỉ có thể quấy rối mọi người sau khi chết, mà còn có thể quấy rối sau khi chết tới bảy, tám năm. Đương nhiên nói chính xác là, cho dù Bá Hữu có một tinh hồn khoẻ mạnh thế nào thì cũng có lúc tiêu hao hết tinh lực, không thể tác oai tác quái mãi, cuối cùng vẫn là "hư không".

Câu nói có liên quan đến vấn đề này tương đối rõ ràng chính là câu nói tiếp theo của Tử Sản: "Con người khi mới chỉ là phôi thai thì gọi là "phách"." Nếu đã có "phách" rồi, những thứ do dương khí tạo thành thì gọi là "hồn". Những hồn phách nhiều tinh khí, hưởng thụ nhiều thì sẽ trở nên mạnh mẽ, vì vậy mới có trường hợp từ hồn phách phát triển thành thần linh. Ở đây phân biệt rất rõ mối quan hệ giữa hồn và phách, nhưng ngôn từ đơn giản ý nghĩa chưa rõ ràng, vì vậy phải đọc những lời giải thích của Khổng Dĩnh Đạt[11] đưa ra dưới đây:

Con người coi ngũ thường là lẽ sống, âm dương là linh hồn, vật chất là thân thể, hình hài là danh tự; có hơi thở là động, ăn uống là khí. Hình khí hợp lại, trí lực từ đó thêm mạnh, trở thành con người. Bản thân "phách" có dương khí, khí là thần, danh là hồn, hồn phách là danh xưng của thần linh, vốn từ hình khí mà ra. Linh hồn của hình là phách, linh hồn của khí là hồn. Linh của hình khí mới sinh, tai mắt, tâm thức, tay chân vận động. Thần của khí, tinh thần tính thức, dần dần có tri giác. Phách sinh trước, hồn sinh sau, vì vậy nên gọi là "sinh phách, dương hồn".

[11] Khổng Dĩnh Đạt: học giả thời Đường Thái Tông.

https://thuviensach.vn

Trong phần giải thích trên, ngoài hồn, phách, còn nói đến hai khái niệm song song là hình khí và linh thần, quan hệ giữa chúng có thể được giải thích như sau:

Người sống là do hai bộ phận *thịt* và *linh* tạo thành, *thịt* là hình của con người và khí trong hình, *linh* chính là *hồn* và *phách*. Mà *hình, khí* và *hồn, phách* lại đối ứng với nhau. *Hình* và *khí* không giống nhau, do đó *hồn* và *phách* cũng có điểm khác biệt. Đi kèm với *linh* của *hình* là *phách*, đi kèm với *thần* của *khí* là *hồn*. *(Ý nghĩa của thần và linh là giống nhau, chẳng qua là cách dùng xen kẽ trong văn viết.)* Con người khi mới sinh ra, tay chân có thể cử động, ngũ quan có thể nghe nhìn, tương ứng với những giác quan này chính là *phách*, *phách* giúp những giác quan đó có thể hoạt động bình thường. Song, cùng với sự trưởng thành của con người, từ tri giác cảm tính phát triển lên nhận thức lý tính, không chỉ vận động, nghe nhìn, mà còn có tình cảm, tư duy,… đó chính là công dụng của *khí*, và tương ứng với *thần* của *khí* chính là *hồn*. *Hồn* giúp con người có tình cảm và biết tư duy. *Hình, khí* và *hồn, phách* đối lập nhau, *hình, khí* là âm, *hồn, phách* là dương. Nhưng *hình, khí* đối lập, tức là *hình* lại là âm, *khí* lại là dương. *Hồn, phách* đối lập, tức là *hồn* là dương, *phách* là âm. Đây chính là ý: "Con người khi mới chỉ là phôi thai thì gọi là phách." Sau khi *phách* xuất hiện thì phần dương là *hồn*, còn *phách* là phần âm.

Vậy thì *thể, khí, hồn, phách* đó đến từ đâu và "kết hợp" thế nào để thành một "con người"? Đa số những triết gia đầu tiên đều cho rằng: "Thuận theo tự nhiên."

Quản Tử, Nội nghiệp viết: "Phàm nhân chi sinh dã, thiên xuất kỳ tinh, địa xuất kỳ hình, hợp thử dĩ vi nhân."[12] *Chuẩn Nam Tử, Chú Thuật Huấn* viết: "Thiên khí là hồn, địa khí là phách." Thật ra, khí giữa thiên (trời) và địa (đất) kết tụ lại rồi sinh ra không chỉ con người, mà còn có chúng sinh vạn vật giữa trời đất. Do đó, *Lễ ký, Nhạc ký*[13] nói: "Địa khí thượng tế, thiên khí hạ giáng, âm dương tương ma, thiên địa tương đãng, cổ chi di lôi đình, phấn

https://thuviensach.vn

chi dĩ phong vũ, động chi dĩ tứ thời, noãn chi dĩ nhật ngyệt, nhi bách hoá hứng yên”[14]

[12] Sinh mạng của con người, tinh khí là do trời ban tặng, hình thể là do đất ban tặng, hai thứ đó kết hợp với nhau thành người.

[13] ‘Lễ ký’: hay còn gọi là ‘Kinh Lễ’, một quyển trong bộ ‘Ngũ kinh’ của Khổng Tử, ‘Nhạc ký’ là một trong những thiên của ‘Kinh Lễ’.

[14] Có nghĩa là: địa khí thăng, thiên khí giáng, âm dương giao hoà, đất trời tương thông, sấm chớp chấn động vạn vật, mưa gió thấm nhuần vạn vật, vạn vật sinh trưởng suốt bốn mùa, cần không khí ấm áp của nhật nguyệt, như vậy trời đất mới yên bình.

Chủ nghĩa duy vật này đã được các nhà thần tiên học đời sau phát triển, những người thành tiên, thành thần, thành tinh, thành quái… đó là do hấp thụ tinh khí của thiên địa, nhật nguyệt.

Chính vì thiên khí là hồn, địa khí là phách nên con người sau khi chết, “hồn khí trở về trời, hình phách trở về đất”. *Lễ ký*. *Giao Đặc Sinh*: “Xác thịt *(thể phách)* xuống âm trở về với đất, còn khí *(hồn khí)* phát lên, để được chiếu rọi”, vì vậy mới nói: “Hồn quay về trời”, đến từ đâu thì sẽ quay về đấy, con người là do tự nhiên sinh ra, sau khi chết thì nên quay về với tự nhiên: “Tòng sinh tất tử, tử tất quy thổ, thử chi vị quỷ.”[15]

[15] Có nghĩa là: có sinh ắt có tử, tử rồi ắt quay về với đất, từ đây được gọi là quỷ (linh hồn).

Đối với những lý luận này, trong số những nhà Nho của hơn hai nghìn năm sau, có người cho rằng không có ma quỷ, có người lại cho rằng có ma quỷ, cũng có người cho rằng có ma quỷ nhưng về sau sẽ tan biến, nhưng cũng có những người lúc nói thế này lúc lại nói thế kia, có điều rất ít người công khai phản đối những gì Tử Sản nói. Ngay cả cuốn *Liêu trai chí dị* nói về ma quỷ, Bồ Tùng Linh cũng đã từng viết trong truyện *Trường Thanh tăng*[16] rằng: “Người chết thì hồn tan, những người đã chết mà hồn không tan, là nhờ tính đã định vậy.” Còn Kỷ Quân[17] trong Duyệt vi thảo đường bút ký đã có những lời trào phúng nhắm thẳng vào những kẻ phủ bại Nho học chết

https://thuviensach.vn

cũng không chịu tin có ma, nhưng cũng phải mượn lời của Sái Tất Xương: "Phần khí thừa ra của con người thành ma quỷ, lâu ngày khí tất dần tan."

[16] Là truyện: 'Nhà sư ở Trường Thanh' trong 'Liêu trai chí dị' của Bồ Tùng Linh.

[17] Kỷ Quân(1724-1805): văn học gia và thư tịch gia đời Thanh, tên tự là Hiểu Lam, Xuân Phàm.

Nếu còn tiếp tục nói nữa thì sẽ xa đề tài hồn phách mà gần với đề tài ma quỷ rồi, dừng ở đây thôi.

Ba hồn và bảy phách (vía)

Tưởng tượng của con người về hồn phách rõ ràng có quan hệ mật thiết với hiện tượng nằm mơ của con người. "Tôi" trong giấc mơ rất dễ bị người ta tưởng tượng là linh hồn. Trong những câu chuyện ma của Trung Quốc miêu tả hoạt động tách khỏi thể xác của linh hồn, thường chỉ là bản sao của những giấc mơ, những câu chuyện kiểu này chúng ta sẽ đề cập đến ở phần cuối của cuốn sách. Như vậy, con người chắc chắn sẽ nảy sinh nghi ngờ, vì một trong những đặc trưng của cái chết chính là hồn lìa khỏi xác, vậy thì trong mơ, khi linh hồn đó phiêu du khắp nơi, con người tại sao vẫn còn sống được? Liệu có phải sau khi linh hồn kia lìa khỏi xác, vẫn còn một thứ gì đó tương tự linh hồn ở lại trong thể xác ấy, duy trì sự sống cho con người? Đây có lẽ là nguồn gốc của khái niệm "phách". Phách bám vào thể xác, điều khiển tri giác của con người. Khi cơ thể con người chưa suy yếu, phách vẫn còn mạnh, lúc này cho dù hồn có lìa khỏi xác, con người chưa chắc đã chết, vì cái xác ấy vẫn được duy trì bởi phách.[1]

[1] Trong quyển mười lăm của tiểu thuyết 'Hữu đài tiên quán bút ký' của Du Việt (Thời nhà Thanh) có viết: năm hoàng đế Đạo Quang thống trị, ở làng Lâm Bình có một người phụ nữ, vào độ tuổi trung niên, đột nhiên mắc một căn bệnh lạ, miệng không thể nói, tứ chi không thể vận động, nhưng mũi vẫn thấy thở ra hít vào. Mời thầy thuốc đến bắt mạch, nhưng không luận ra bệnh gì. Con cái hằng ngày đúng giờ bón cháo, vẫn có thể nuốt, nhưng không thể nhai cơm. Sống như vậy năm, sáu

https://thuviensach.vn

năm. Một buổi sáng, không thể ăn được nữa, cơ thể lạnh ngắt, biểu hiện như người đã chết. Du Việt nhận định: "Người này hồn đã đi nhưng phách vẫn còn ở trong cơ thể", về mặt kiến thức thì có thể khẳng định, người này là một người sống thực vật.

Vì vậy, thuyết hồn phách có thể lý giải được trạng thái tồn tại của con người trong giấc mơ hoặc trong lúc hôn mê vì bạo bệnh. Cát Hồng[2] thời Đông Tấn trong *Bão Phác Tử, Chương Luận tiên* có viết: "Con người không ngu dốt, đều biết bản thân mình có hồn phách, hồn phách chia lìa tức là người bị bệnh, hồn phách tách hẳn khỏi thể xác nghĩa là đã chết."

[2] Cát Hồng (283-343): tự là Trĩ Xuyên, hiệu là Bão Phác Tử (người đời gọi là Tiểu Tiên Ông), là hào tộc ở Giang Nam. Ông quê ở huyện Đan Dương Câu Dung (nay thuộc Giang Tô), xuất thân sĩ gia thế tộc. Ông viết 'Bão Phác Tử'. 'Nội thiên' trong thời kỳ tu luyện ở La Phù Sơn đến năm Kiến Vũ nguyên niên (317) đời Đông Tấn thì xong. 'Bão Phác Tử'. 'Chương Luận tiên' là một trong những chương của 'Bão Phác Tử'. 'Nội thiên'.

Hồn và phách đối với con người đều không thể thiếu, nếu chỉ có một trong hai thứ đó thì người này sẽ bị ốm, nếu cả hai thứ đó đều bỏ đi, người này sẽ chết, đấy chính là cách lý giải của người cổ đại.

Nếu đã như vậy, tại sao còn sinh ra khái niệm ba hồn bảy phách? Lẽ nào sợ hồn phách lười biếng xin nghỉ phép nên phải nuôi thêm mấy cái tương tự để dự trữ?

Thực ra, thuyết ba hồn bảy phách không phải sản sinh từ tín ngưỡng hồn phách trong dân gian mà là kết quả sáng tạo của những đạo sĩ thời Nam Triều khi xây dựng lý luận tu luyện của mình.

Cụm từ "ba hồn bảy phách" xuất hiện sớm nhất trong *Bão Phác Tử. Địa chân*, trong đó có nhắc đến chuyện tu thành tiên, muốn trường sinh, thì phải uống đan dược, muốn thông thần, thì phải "kim thuỷ phân hình", sau khi phân hình, "tức là bản thân có thể nhìn thấy ba hồn bảy phách trong chính cơ thể mình, có thể tiếp kiến được cả thần trời và thần đất, thần núi, và có thể sai khiến chúng."

https://thuviensach.vn

Nhưng định nghĩa "ba hồn bảy phách" trong *Bão Phác Tử* chỉ dừng lại ở đấy mà thôi. (Quyển ba trong *Tam động Châu Nang*[3] cũng đã trích dẫn những lời đại loại như: "Cấu ba hồn, chế bảy phách" trong cuốn thần thư *Thái Bình kinh*[4] đã bị thất truyền, chỉ là không biết cuốn thần thư đó có xuất hiện sớm hơn cuốn của Cát Hồng hay không.) Trong những tác phẩm xuất hiện muộn hơn như *Lão Tử hoá hồ kinh*[5] mặc dù có nhắc nhiều đến khái niệm "ba hồn bảy phách" nhưng hoặc là viết: "Ba hồn bay đi hết, bảy phách nhập tứ tinh", hoặc viết: "Ba hồn về địa ngục, bảy phách bay về trời", hoặc "Hồn về với trời, phách về với đất." Những định nghĩa này được dùng khá và tuỳ tiện.

[3] 'Tam động Châu Nang': là một cuốn sách đạo giáo, có tất cả ba mươi quyển, do Vương Diên (tự là Tử Nguyên, đạo sĩ thời Bắc Chu) viết.

[4] 'Thái Bình kinh': là cuốn thần thư do Vu Cát (Vu Cát là một phương sĩ ở Lang Nha (nay ở phía bắc của Lâm Cân, tỉnh Sơn Đông)) sáng tác. Được xem là kinh điển tối yếu trong giai đoạn ban đầu hình thành Đạo giáo. Quyển Đạo kinh này bàn về phụng thờ trời đất, thuận theo âm dương ngũ hành, giáo trừ đại loạn, giúp thiên hạ thái bình, sách còn bàn sự hưng phế của quốc gia, phương pháp dưỡng sinh, cách tu luyện thành thần tiên, bùa chú, v.v...

[5] 'Lão Tử hoá hồ kinh': tác phẩm của đạo sĩ Vương Phù (tức Cơ Công Thứ) sống ở đời Tây Tấn (265-316) ở Trung Quốc.

Những tài liệu có viết về khái niệm "ba hồn bảy phách" ta có thể kể đến *Vân Cấp Thất Thiêm*[6] do Trương Quân Phòng đời Tống viết, trong đó ghi chép những cách nhìn nhận của con người từ Lục triều[7] về "ba hồn bảy phách", nhưng lại rất khác với quan niệm của Nho giáo hay Tử Sản. Giống như trong *Thái vi thăng huyền kinh* (quyển một và ba trong *Vân Cấp Thất Thiêm*) có viết: "Khí tuyệt viết tử, khí bế viết tiên. Phách lưu thủ thân, hồn du thượng thiên. Chí bách tức hậu, hồn thần đương kiến. Kỳ phách duyên thị âm thần, thường bất dục nhân sinh."[8] Muốn thành tiên, phải học bế khí, khi hồn lìa khỏi xác để về trời, chỉ để phách ở lại giữ thể xác. Điều này không sai, nhưng họ lại coi phách là mâu tặc[9] của thể xác con người. "Thường bất dục nhân sinh", chỉ cần hồn không ở lại giữ nhà thì phách sẽ cấu kết với tà quỷ, nhẹ thì gây ác mộng, nặng thì khiến người ta tử vong.

https://thuviensach.vn

Điều này từ trước tới nay vẫn là niềm tin tuyệt đối của những người theo Đạo giáo, trong quyển thượng cuốn *Thuyết Linh. Minh bảo lục* của Lục Kỳ người đời Thanh, viết Ngô Chùy Ngu Tai vì làm việc quá sức mà lâm bệnh, khi bệnh tình nguy cấp, thậm chí còn có thể nhìn thấy hồn phách lìa khỏi thể xác. Hồn người này cao lớn, giỏi giang, dưới sự dìu dắt của hai người đã chết là mẹ và vợ cầu xin được sống. Còn phách thì có chiều cao như cơ thể, loã thể bay lượn khắp nơi, vui mừng nhảy nhót, sung sướng được chết, như vừa trút được gánh nặng.

[6] 'Vân Cấp Thất Thiêm': một loại sách về Đạo giáo ở thời Bắc Tống.

[7] Lục triều gồm: Đông Ngô, Đông Tấn, Lưu Tống, Nam Tề, Lương, Trần ở Giang Nam năm 229-589.

[8] Dịch nghĩa: Khí tuyệt là chết, khí bế là thành tiên. Phách ở lại giữ thể xác, hồn bay về trời. Hồn gặp Chúa trời, mà phách duyên của nó là âm thần, thường không muốn cuộc sống nhân gian.

[9] Mâu tặc có nghĩa là sâu mọt, kẻ phá hoại.

Vì vậy, việc tu hành của Đạo giáo chính là "luyện ba hồn", dùng hồn để áp chế phách. Sau khi áp chết được mâu tặc của thể xác rồi, nó sẽ không cấu kết với ma quỷ bên ngoài đến quấy nhiễu, con người khi ấy có thể trường sinh bất tử. Điều này hoàn toàn tương đồng với dụng ý "giữ xác ba ngày" của Đạo giáo. Quan niệm về ma ác và ma thiện này cũng ảnh hưởng tới văn hoá u minh của những thế hệ sau, giống như Viên Trượng viết trong điều một, "Nam xương sĩ nhân", quyển một của *Tử bất ngữ*[10] rằng: "Hồn của con người thiện nhưng phách ác, hồn lanh lợi còn phách ngốc nghếch", giống như chuyện tà ác "sạ hộ"[11], đều là phách của thể xác đó làm, không liên quan gì tới hồn.

[10] 'Tử bất ngữ': những điều Khổng Tử không nói.

[11] Sạ hộ: giữ xác, bảo vệ xác.

https://thuviensach.vn

Nhưng cùng là sách của Đạo giáo, nhận định về vai trò của hồn, phách lại không giống nhau. Phần *Ngụy phu nhân* quyển năm mươi tám trong *Thái bình quảng ký* trích dẫn những nội dung về luyện hình và giải phẫu cơ thể trong *Tập Tiên lục* và *Nguỵ phu nhân truyện*, vẫn kế thừa thuyết hồn phách truyền thống. Người tu tiên sau khi chết, xác thối rữa, nhưng vẫn có "bảy phách bảo vệ chăm nom, ba hồn giữ nhà", trong đó ba hồn giữ xương cốt, bảy phách hầu hạ xác thịt, trải qua ba năm, mười năm, hai mươi năm, ba mươi năm,… huyết nhục tự sinh, hồi phục nguyên hình. Phách được nhắc tới ở đây không còn là mâu tặc nữa, mà là trợ thủ cho hồn.

Nói một cách nghiêm túc thì thuyết "ba hồn bảy phách" của Đạo giáo xuất phát từ việc tu luyện, thông qua việc dùng âm hồn áp chế dương phách để mong được trường sinh, vốn không phải là phạm trù của "Văn hoá u minh", nhưng quan niệm này cũng thâm nhập vào văn hoá u minh, cùng với thuyết con người có ba hồn trở thành tài liệu được sử dụng trong những câu chuyện về ma quỷ.

Ví dụ một chuyện trong *Đường niên bổ lục* do Mã Tống người đời Đường viết, khi đề cập đến thời khắc lâm chung, chuẩn bị bị Diêm Vương bắt đi, con người có ba hồn, Diêm Vương chỉ bắt đi hai, còn để lại một giữ xác nhằm duy trì sự bất tử của người đó. Trong phần *Thôi Hoàn*, quyển hai của *Huyền quái lục* do Ngưu Tăng Ngũ đời Đường có viết về trường hợp của Thôi Hoàn, vì đam mê tửu sắc, không hoàn thành nhiệm vụ của một người đã lập gia đình, nên khi bị Diêm Vương bắt đi, phải chịu phạt đòn, sau đó được thả về, cũng nói: "Con người có ba hồn, một hồn ở nhà, hai hồn đi chịu đòn phạt."

Nhân vật chính trong hai câu chuyện trên đều là những người đã bị Diêm Vương bắt đi rồi được thả về. Theo những gì họ kể sau khi hoàn dương, khi họ bị bắt, Diêm Vương chỉ bắt hai trong ba hồn, còn để lại một hồn giữ xác, do đó, mặc dù bị bắt xuống địa ngục, nhưng người đó vẫn chưa chết. Nhưng trong chuyện này lại nảy sinh một vấn đề, con người có ba hồn, trong thuật tu luyện của Đạo giáo thì có thể không cần bàn tới hình dạng của những

https://thuviensach.vn

hồn phách này, mặc dù cũng có những sách của Đạo giáo nhắc tới vấn đề hình dạng của hồn, phách, nhưng hình dạng của những hồn, phách này hoàn toàn mô phỏng đúng như thể xác của những hồn phách đó, ví dụ trong *Thái vi thăng huyền kinh* có viết: "Phách thần có bảy người, mặc áo đen, đội mũ đen, đi giày đen. Hồn thần có ba người, mỗi người cao khoảng một thước năm tấc, mặc áo đỏ, đội mũ đỏ, đi giày đỏ." Chúng dường như là những thần vật không liên quan đến phẩm chất của con người, Ngọc Hoàng đại đế sản sinh và bồi dưỡng chúng hàng loạt, sau đó Tam Thi Thần sẽ phái họ đi, nhập vào cơ thể của mỗi con người.

Nhưng một khi dùng thuyết ba hồn bảy phách vào các câu chuyện ma thì ý nghĩa này sẽ có thay đổi, ít nhất thì ba hồn kia sẽ được cá tính hoá, trở thành đại diện cho chủ nhân, lúc này không thể không suy nghĩ đến hình dạng của hồn nữa. Khi Thôi Hoàn bị Diêm Vương bắt xuống địa phủ, Thôi Hoàn khi ấy không phải là người, thể xác của anh ta lúc đó đang nằm trên giường ở nhân gian, nhưng cũng không phải là ma bởi anh ta vẫn chưa chết, hiện giờ người ở địa phủ chính là hồn của anh ta. Hình dạng của hồn này giống hệt hình dạng của Thôi Hoàn trên trần gian, không chỉ có thế, hồn này ngoài việc không phải là người sống ra, tất cả mọi thứ của anh ta (hồn của Thôi Hoàn) bao gồm suy nghĩ, tình cảm, quan hệ xã hội, lai lịch cá nhân v.v… đều giống hệt của Thôi Hoàn, chính là muốn nói, anh ta (hồn của Thôi Hoàn) có đủ tư cách để đại diện cho Thôi Hoàn, không chỉ chịu trách nhiệm mọi việc mà anh ta (hồn của Thôi Hoàn) làm, mà còn thay Thôi Hoàn chịu đòn của Diêm Vương. Điểm này không có gì phải nghi ngờ nhưng vấn đề ở chỗ, Thôi Hoàn ở địa phủ rõ ràng chỉ có một hình dạng, sao lại do hai hồn đứng ra đại diện? Nếu một hồn đang lưu lại trong thể xác kia có thể tồn tại độc lập thì tại sao hai hồn ở dưới địa phủ lại không thể tách rời? Nếu chúng tách ra, liệu dưới địa phủ có xuất hiện hai Thôi Hoàn không? Và khi chịu đòn, ai sẽ là người nằm xuống?

Trong các câu chuyện ma dẫn thuyết ba hồn, thực ra trong cả câu chuyện có thể che giấu một vài lỗ hổng, ví dụ như việc hồn lìa khỏi xác mà người đó vẫn sống, để hồn sau khi dạo một vòng quanh địa phủ còn có thể quay lại

https://thuviensach.vn

dương thế, đại diện cho đạo lý về luật nhân quả mà các vị hoà thượng vẫn tuyên truyền. Còn việc chỉ đưa hai hồn xuống địa phủ, để lại một hồn trong thể xác, đã thay thế hoặc trợ giúp cho chức năng của "phách", cách bố trí này cũng rất có ý nghĩa. Tại sao không đổi ngược lại, để hai hồn ở lại nhân thế, để một hồn tới địa phủ đối chất? Bởi vì ba hồn tương tụ, lý trí của con người mới vẹn toàn, có một sinh mệnh hoàn chỉnh, nếu mất đi một hồn, chỉ còn hai hồn tương tụ, thì người đó vẫn có thể duy trì được lý trí, khi bị bắt xuống địa phủ đối chất trước công đường sẽ không đến nỗi ăn nói hồ đồ. Nhưng khi ba hồn chỉ còn lại một thì chỉ có thể khiến người đó hôn mê bất tỉnh nằm trên giường bệnh. Ở đây cũng để lộ một kẽ hở lớn không thể che giấu, khi Diêm Vương đi bắt người đã cáo chung, về lý là phải bắt cả ba hồn, "ba hồn bay ra thiên linh đóng", người này chắc chắn sẽ chết, nhưng Diêm Vương lại hay bắt sai người, nếu lúc này mà trả ba hồn về dương thế, chẳng phải là trả ba hồn về với một xác chết hay sao? Lúc này, vì xác của ba hồn kia không có một hồn ở lại canh giữ, sớm đã thối rữa, án oan này khó lòng sửa được. Hơn nữa còn tồn tại một khả năng khác, đó là người bị Diêm Vương bắt đến địa phủ chỉ là người làm chứng tạm thời, vì vậy mới để một hồn ở lại giữ xác, nhưng trong quá trình thẩm vấn, đột nhiên phát hiện nhân chứng này chính là kẻ phạm tội, thế thì không thể thả hắn về dương thế được nữa. Nhưng hắn vẫn còn một hồn ở trên dương thế, lúc này đành phải sai quỷ sứ đi bắt hồn còn lại kia, đây cũng là một chuyện đáng cười.

Trong cách nhìn nhận truyền thống của người Trung Quốc, hồn phách của con người không thể tan, vì hễ nó tan, con người sẽ chết. Nếu ba hồn, cho rằng tách nhau ra cũng tốt, đòi độc lập, không chịu tụ lại một chỗ thì cho dù người này được Diêm Vương thả về cũng không thể sống lại. Thế là có người đã nảy sinh một suy nghĩ kỳ quái, đó là dùng keo dính những hồn phách đang tứ tán khắp nơi kia lại với nhau.

Ngưu Tăng Nhũ người đời Đường viết trong *Huyền quái lục* (dẫn chuyện *Tề suy nữ*[12] quyển 358 *Thái bình quảng ký*, cuốn *Huyền quái lục*, quyển ba có phần *Tề nhiêu châu*, văn bản hơi khác nhau), kể về chuyện vợ của Lý

https://thuviensach.vn

Mỗ (con gái Tề Suy) đã chết nhiều ngày, đã "hồn bay phách tán" quay lại dương thế phục sinh, nhờ "dùng phương pháp ghép hồn để trả lại cuộc sống cho vợ Lý Mỗ". Vậy thế nào gọi là ghép hồn? Sứ giả địa phủ giải thích rằng: "Con người khi còn sống có ba hồn bảy phách, sau khi chết sẽ lìa khỏi xác, không nơi nương tựa. Nếu tập hợp được hồn phách và thể xác lại làm một, dùng keo dính chúng lại với nhau, sau đó đại vương sẽ cho phép chúng quay lại dương thế, đấy chính là một cơ thể sống hoàn chỉnh." Thế là một sứ giả địa phủ khác đưa đến bảy, tám người phụ nữ có tướng mạo giống vợ của Lý Mỗ, đẩy họ lại với nhau và hợp thành một. Tiếp đến, một quan viên xuất hiện, tay cầm bình thuốc, như nước đường loãng, đổ lên người vợ Lý Mỗ. Tôi vốn cho rằng họ sẽ dùng keo tăng lực 501 để dính bảy, tám hồn phách lại với nhau như dính bảy, tám tấm gỗ, nhưng chẳng qua cũng chỉ là tăng thêm một lớp màng bảo vệ bên ngoài cơ thể của vợ Lý Mỗ, khiến cho những hồn phách bị nhốt bên trong cơ thể đó không thể tuỳ tiện thoát ra ngoài.

[12] Con gái của Tề Suy.

Câu chuyện này đã trả lời cho câu hỏi được đặt ra ở trên, ba hồn bảy phách đến âm gian, lại biến thành một đám "quỷ" có hình dạng giống hệt nhau! Mà theo như câu chuyện *Đường Huyên* trong *Thông u ký* do Trần Thiệu đời Đường viết: "Con người sau khi chết, hồn phách mỗi thứ một nơi, cho dù đều bị dẫn giải xuống địa phủ thì cũng không được giam gần nhau", hồn và phách đến âm phủ, lại bị chia ra và giam ở những nơi khác nhau, giống như những chi tiết trong câu chuyện về người con gái của Tề Suy ở trên.

Người con gái này ngoài "bản hồn"[13], còn có bảy, tám hồn phách nữa, vậy thì bản hồn đó chính là do "hai hồn" chưa bị ly tán hợp thành, một hồn còn lại là quỷ của một phách kia liệu có phải giống bệnh nhân tâm thần mất đi "năng lực hành vi", không còn phải chịu trách nhiệm về hành vi của bản hồn nữa? Sự tưởng tượng của tiểu thuyết có thể cũng thú vị, nhưng nếu xã hội chấp nhận thuyết này thì sẽ mang lại không ít phiền phức cho thế giới ma quỷ. Ví dụ một chuyện đơn giản nhất là móc túi ra cho mượn tiền rồi

https://thuviensach.vn

không biết đi đòi ai. Sự kết dính của loại keo này rất mạnh, dính chặt một đám quỷ lại với nhau là có thể được hồi sinh rồi. Nhưng người đưa ra chủ ý này chỉ nhìn thấy trước mắt chứ không nhìn thấy tương lai, ba hồn bảy phách bị dính cố định với nhau như thế không thể tách ra được, vậy thì sau này, vợ của Lý Mỗ sao còn có thể chết đây?

[13] Hồn của chính mình.

Ngoài ra, việc để hồn có thể quay về dương thế thuận lợi mà bố trí một hồn ở lại giữ xác, thuyết này cũng có một lỗ hổng rất lớn, bởi rốt cuộc việc hồn được trả về dương thế xảy ra không nhiều, đa số những người đã chết không gặp được cơ may đó. Vậy thì âm ti vì chuyện này mà để lại một hồn ở dương thế giữ xác chẳng phải tự chuốc thêm phiền phức hay sao? Mà những người đó đều là chết bất đắc kỳ tử, não cũng đã chết, còn để lại một hồn ở đấy làm gì?

Nhưng những câu chuyện của người xưa cũng có đáp án cho câu hỏi này, chỉ có điều thời đại đã chuyển đến đời Nam Tống, không còn quan tâm tới những quy tắc của đời Đường nữa, họ cho rằng để một hồn ở lại giữ xác, hồn đấy chính là đại diện cho "bản quỷ", chuẩn bị hoá kiếp. Thuyết này có thể thấy ở quyển năm *Quan Vương Trì* trong *Di kiên chi mậu* do Hồng Mại viết, trong đó kể về một hồn ma bị mất đầu, hồn ma đó nói: "Đầu và thân của tôi mỗi thứ một nơi, không biết đã bao nhiêu năm rồi… còn ba hồn bảy phách đã tan từ lâu. Chỉ còn một hồn đang giữ xác, lại bị mất đầu, nay có một mong muốn…" từ từ nói tiếp: "Thân và đầu mỗi thứ mỗi nơi, nay muốn hợp thể, liệu có được chăng? Như thế mới được gọi là một linh hồn."

Linh hồn này đại diện cho bản quỷ, nếu không nhanh chóng trở về đúng vị trí, sẽ trở thành quỷ tác oai tác quái, gây trở ngại cho trị an của loài người trên dương gian. Thế là, lại có một người khác nghĩ ra kế sách vẹn cả đôi đường, chính là giam một hồn ở lại giữ xác vào miếu Thành Hoàng, cũng chính là nha môn phủ huyện của âm gian, chứ không thể để mặc nó tuỳ tiện

https://thuviensach.vn

đi lại trên đường phố. Đương nhiên miếu Thành Hoàng này có linh hồn chuyên trách canh giữ.

Trong cảnh ba của vở tạp kịch[14] *Lã Động Tân độ Thiết Quái Lý Nhạc* do Nhạc Bá Xuyên[15] người đời Nguyên viết, Lý Nhạc mượn thi thể để hoàn hồn, nói: "Ta mặc dù đã hoàn hồn, nhưng ba hồn của ta không đủ, một hồn còn đang ở trong miếu Thành Hoàng, người nhà ta sẽ đi lấy về."

[14] Tạp kịch: một loại kịch hát hài hước, xuất hiện từ đời Tống của Trung Quốc.

[15] Nhạc Bá Xuyên: tác giả tạp kịch đời Nguyên, người Tế Nam, nay thuộc tỉnh Sơn Đông.

Điều này có lẽ bắt nguồn từ trình tự thẩm lý tội phạm của thời đó. Phạm nhân bị bắt, đầu tiên là giam trong nha môn bản địa, tình tiết nếu nghiêm trọng, sẽ giải lên trên, cũng theo thứ tự từ đại lý tự[16] của huyện, châu, phủ cho đến trung ương, nhưng bản ác gốc vẫn được lưu ở nha phủ của bản địa, bản án gốc này chính là nhốt một hồn lại. Sau này chắc là do dân số càng ngày càng phát triển, miếu Thành Hoàng của châu huyện không thể quản lý hết được, những vong hồn ở làng xã bị nhốt trong miếu thổ địa của chính làng xã đấy. Một câu chuyện trong quyển năm thuộc *Hữu đài tiên quán bút ký* do Du Việt người đời Thanh viết: "Người ở trấn Đường Tây tên Trương Khánh Tôn, vì muốn tránh nạn quân Thái Bình, chạy đến đất Thịnh Trạch, Không may ốm chết nơi đất khách quê người, linh hồn của anh ta cũng được đưa đến miếu thổ địa của Thịnh Trạch. Nhưng thổ địa của Thịnh Trạch lại cho rằng anh ta không phải người ở đây nên phải bị giam giữ ở miếu thổ địa tại quê gốc, thế là lại đưa trả linh hồn anh ta về Đường Tây." Không ngờ quy tắc ở thế giới âm ti mà cũng nghiêm ngặt như thế.

[16] Đại lý tự: giống như toà án thời nay.

Trong cuốn *Phong tục tập quán trên khắp đất nước Trung Hoa* do Hồ Phác An viết, có ghi lại tang lễ của Cao Bưu ở Giang Tô như sau: "Người khi mới chết, người nhà phải dùng chiếu được tết bằng cây sậy, bằng rơm khoanh tròn bên cạnh miếu thổ địa của làng, làm nơi nương náu cho linh

https://thuviensach.vn

hồn người chết. Nam bên trái, nữ bên phải, gọi là "trải chỗ". Sau khi trải chỗ, người nhà hằng ngày phải chuẩn bị hai bữa cơm, hai món, mang đến đặt ở nơi cư ngụ của quỷ, gọi là đưa cơm. Đêm cho vào áo quan, mời nhà sư cho ma đói ăn, người nhà mang kiệu giấy, thuyền giấy, ngựa giấy đặt vào giữa miếu thổ địa, lên tiếng cầu xin thần thổ địa tạm thả người chết. Mời hồn của người chết theo họ về nhà, như thế gọi là "triệu hồn về xem kịch"."

Vong hồn bị giam giữ ở miếu thổ địa với thân phận kẻ bị tình nghi, quan niệm người chết tức là tội phạm của âm phủ ở thời Minh – Thanh đã thâm căn cố đế như vậy rồi.

Những câu chuyện xung quanh vấn đề "ba hồn" không ít, cũng muôn hình muôn dạng, kỳ lạ đủ điều. Lấy vài ví dụ để minh chứng. Ví dụ thứ nhất, trong chuyện *Lương thị tân phụ*[17] trong quyển ba Thôi Trượng viết: "Một dân tộc ở Hàng Châu, khi cô dâu mới bước qua cửa, tay phải cầm bình ngọc, bên trong đựng năm loại ngũ cốc, sau khi đến nhà chồng, lập tức giao cho người nhà chồng, cho bình ngọc vào trong tủ thóc. Nhà họ Lương cưới dâu, khi người con dâu mới tay cầm bình ngọc đi qua cửa, người giữ cửa đòi bao lì xì, kết quả đã xảy ra tranh cãi với bên đến đón dâu. Cô dâu mới ngồi trên kiệu sợ hãi vô cùng, khi về đến nhà chồng, tâm tư hỗn loạn như người mất hồn. Thầy cúng được mời đến, cho cô ta uống nước bùa chú, lúc ấy tinh thần mới có chút ổn định, nói: "Tôi có ba hồn, một hồn bị thất lạc bên ngoài cửa thành, một hồn thất lạc trong bình ngọc, cần phải triệu hai hồn ở hai nơi đó về." Sau khi làm theo lời cô ta, cô dâu mới nhà họ Lương mới trở lại trạng thái bình thường." Người gác cửa có thể dọa cho ba hồn của người qua cửa sợ tới mức bỏ chạy tứ tán khắp nơi, khiến một hồn phải lẩn vào trong bình ngọc để trốn, điều đó cho thấy uy phong của người đó hùng mạnh không kém gì thời nay.

[17] Cô dâu mới nhà họ Lương.

Ví dụ tiếp theo lấy từ hồi thứ nhất trong *Tục Kim Bình Mai* của Đinh Diệu Cang, người đầu thời Thanh, trong đó viết: "Con người có ba hồn bảy

https://thuviensach.vn

phách, khi còn sống thì tam thi thất tình, đến khi phách tán thân vong, ba hồn kia chính là ba con ma, một con đến âm ti chịu phạt, một con ở lại dương thế chờ hoá kiếp, còn một con ở lại bên cạnh mộ giữ xác chết, chịu mưa gió, không được rời đi, thậm chí còn bị coi là quấn chân.[18]

[18] Đinh Diệu Cang nói ba hồn tức là tam thi, sống thì là tam thi, chết thì là ba hồn, có quan hệ mật thiết với nội dung của quyển tám mươi mốt 'Tam Thi Trung kinh' trong 'Vân Cấp Thất Thiêm. Tam Thi Trung kinh' viết rằng: hình dạng của tam thi như trẻ con hoặc là như hình con ngựa, đều có lông dài hai tấc, sống trong con người. Khi con người chết đi, trục xuất ra thành ma, hình dạng giống như con người đó, quần áo ngắn dài cũng giống hệt giống như truyền thuyết nhân gian lưu truyền chuyện sinh hồn hoá thành hồn ma. Vì vậy, thuyết tam thi có thể là do tưởng tượng từ thuyết sinh hồn mà ra, không phải không có căn cứ.

Người sau khi chết, ba hồn phân tán đi ba nơi, trở thành ba con ma, suy nghĩ kỳ quặc này nhìn tưởng là vớ vẩn, linh tinh, thực ra chứa đựng hàm ý sâu sắc. Thử nhìn những hiếu tử hiền tôn trên thế gian này xem, đốt hương thờ cúng, một là vì muốn tổ tiên đã khuất sớm được rửa sạch tội lỗi, như thế chẳng phải ở địa ngục có một con ma sao? Hai là cầu chúc cho tổ tông được đầu thai vào gia đình giàu có, như thế chẳng phải chỉ là một hồn ma thôi sao? Ngoài hai điều cầu khấn ở trên kia ra, năm hết Tết đến đều đốt tiền vàng mã dâng cúng, xem ra trong mộ cũng có một hồn ma ở đó để hưởng lộc thụ hương hoa.

Hồi thứ mười ba trong *Hồ lô giấm* của tác giả Phục Thư, Giáo chủ đời Thanh cũng có những suy nghĩ tương đồng với thuyết này:

Địa Táng Bồ Tát nói: "... Nhưng lão nạp lại có một suy nghĩ thế này: Ba Tư Sư toàn thân giáng phàm, rơi trong sợ hãi, chỉ ra một hồn trong ba hồn hoá kiếp thành người, hai hồn còn lại cầu xin đại vương phục hồi nguyên dạng, tạm thời lưu lại địa phủ, quanh quẩn bên lão nạp nhiều năm, giúp việc cứu tế, để quên đi nỗi nhớ trần gian. Đợi tới khi hồn ở dương thế chuyển đến, sau đó tập hợp ba hồn, đi về Tây phương, thế chẳng phải cả công tư đều vẹn hay sao? Vừa hoàn thành tục duyên ở trần thế, lại không vi

https://thuviensach.vn

phạm quy giới của nhà Phật, những đóng góp trong ngục, công lao không hề nhỏ, cũng nên có lời khen chứ?"

Theo như cách nói ở trên, khi đó, cả ba hồn của người này đều bị bắt về âm phủ, sau khi phán quyết, chỉ có hai hồn ở lại âm phủ, một hồn đầu thai thành người trên trần gian. Hai hồn ở lại địa phủ phải chịu sự giáo dục của Địa Táng Bồ Tát, nhưng xếp hàng thụt giáo chưa chắc đã có thể hiểu hết, lẽ nào khi viết báo cáo tư tưởng cũng mỗi hồn phải viết một bản? Còn một hồn đầu thai làm người trên trần gian, đã trở thành một người hoàn toàn mới, đứa bé trai hay bé gái còn đang nằm trong tã này có liên quan gì đến ông lão hay bà lão đang ở dưới địa phủ kia? Nếu sau vài năm, ba hồn đoàn tụ, diện mạo mỗi người mỗi khác, cũng là điều khiến gười ta phiền lòng.

Vì vậy, trong quyển hai của *Động linh tục chi* do Quách Tắc Vân viết có vẻ hợp lý hơn một chút, ba hồn trong đó được lý giải là "một về địa phủ, một giữ xác, một ở trong mộ". Hồn về địa phủ sẽ tự động tham gia quá trình luân hồi dưới đó, còn lại hai hồn kia, một hồn nhập vào bài vị trên bàn thờ, một hồn ở lại trong hài cốt nằm trong mộ.

Thuyết này so với suy luận ba phải kia rõ ràng hơn, không chỉ khiến quan niệm về địa ngục của người phương Tây và người Trung Quốc không tương phạm, mà còn lý giải, tranh luận về việc hồn ma ở mộ hay ở miếu.

Nhưng trong Hồ lô giấm có một mâu thuẫn, vẫn chưa được giải quyết triệt để ở đây: "Nếu chỉ có một hồn đầu thai làm người ở trần gian, vậy thì rốt cuộc người mới được sinh ra kia có mấy hồn? Phải chăng hồn này cũng giống *Lão tử nhất khí hoá Tam Thanh*[19] phân chia thành ba người hay không?" Cứ như thế, đời đời tương tryền, một hoá thành ba, ba thành chín, liên tục không nghỉ, mà khả năng phân chia đó nam nữ cũng giống nhau, âm gian nhiều hơn dương gian bội phần, thế thì sao được!

[19] Tam Thanh ở đây chỉ: quá khứ, hiện tại, tương lai.

https://thuviensach.vn

“Một nước ba vua, ta phải theo ai?” Một nhà ba vợ, như Trương Đại Thiên cảm thấy không thoả đáng, đành phải cưới thêm một người nữa để đủ bàn mạt chược, để họ tự chơi mạt chược với nhau. Một người đang yên lành như thế, sao lại phải biến thành một thể ba hồn chứ? Càng cố gắng thì sự việc lại càng tồi tệ, chỉ riêng việc bố trí thế nào cho ba hồn sau khi người chết đi cũng đã có rất nhiều phương án được đưa ra, việc tranh chấp, đấu đá lẫn nhau khi còn ở trên thân thể người là điều không cần nghĩ cũng biết.

Còn về khái niệm “bảy phách”, dân gian cũng có rất nhiều cách nhìn nhận, mặc dù không ly kỳ như những thuyết liên quan tới “ba hồn” ở trên, nhưng những việc tủn mủn lặt vặt liên quan đến nó cũng đủ khiến âm ti phải đau đầu. Chuyện *Tác thất*, quyển chín trong *Quảng Đông tân ngữ* của Khuất Đại Quân viết về phong tục ở Quảng Đông, trong đó, khi cử hành tang lễ cho người chết, bảy ngày cúng một lần, cho đến bốn mươi chín ngày thì thôi, phong tục cử hành tang lễ này không chỉ có ở Quảng Đông, những nơi khác cũng có. Có điều, ở Quảng Đông, sau khi trẻ con được sinh ra, cũng phải bảy ngày cúng một lần, hết bốn mươi chín ngày mới thôi, điều này thì chưa từng nghe nói ở các vùng khác. Tác giả giải thích về “tác thất” như sau:

Con người khi sinh ra phải bốn mươi chín ngày sau mới tập hợp đủ phách, sau khi chết bốn mươi chín ngày phách mới tan, bảy ngày đầu sau khi chết, vẫn hy vọng quay lại trần gian. Trong bảy ngày cúng tế đó, với sự thành tâm của người sống, tinh thần thoải mái của người chết, bảy bảy bốn mươi chín ngày mà không quay lại được, tức là không sống lại nữa, người chết được bốn mươi chín ngày, là tận số “Hà Đồ”[20]. Tận số và dừng cúng tế, người sống không thể giúp gì được nữa.

[20] Hà Đồ: là Đạo tự nhiên, là bản đồ trên lưng con long mã. Bởi Bát quát tiên thiên do đức Phục Hi sáng lập ra, nói rằng vua Phục Hi trị thuỷ trên sông Mạnh Hà mới thấy trên lưng của Long Mã có xuất hiện nhiều điểm, dưới dạng chữ thập. Tóm lại, Hà Đồ là một bảng vẽ mười số đếm từ một đến mười, được biểu diễn bằng các chấm đen và trắng, sắp xếp thành hai vòng trong (nội) và ngoài (ngoại) theo đúng bốn phương chính là nam (ở trên), bắc (ở dưới), đông (bên trái), tây (bên phải).

https://thuviensach.vn

Trẻ con khi được sinh ra, bảy ngày sẽ có một phách, sau bốn mươi chín ngày bảy phách sẽ tập hợp đầy đủ, không biết bảy phách này trước khi nhập vào cơ thể người thì tồn tại ở đâu? Con người lúc sắp chết, cứ bảy ngày sẽ có một phách đi, bốn mươi chín ngày bảy phách đi hết thì người sẽ chết, thi thể đã được hoả táng, không biết những phách chưa tan hết sẽ gửi mình vào đâu? Vốn nghĩ rằng, chỉ những thầy cúng ở nông thôn mới tán thành lý luận này, không ngờ một vài phần tử trí thức cũng tát nước theo mưa, Khuất Ông Sơn là một người có trình độ học vấn không hề tầm thường trong đợt di dân đầu đời Thanh, chẳng phải chính ông cũng đã lôi kéo "Hà Đồ" vào đó hay sao.

Hồn lìa khỏi xác

Nếu như bỏ qua những bàn tán lạ lùng về ba hồn bảy phách, vậy thì con người sau khi chết, linh hồn tất sẽ rời khỏi thể xác của người đó, xuống Hoàng Tuyền hay vào trong mộ, bất luận là đi đâu, tóm lại phải có một chỗ để quay về. Nhưng linh hồn lìa khỏi xác không có nghĩa là người đó nhất định sẽ chết, đôi khi linh hồn vẫn duy trì một mối liên hệ hoặc mạnh hoặc yếu với thể xác của nó, còn bản thân nó tự duy trì trạng thái hoặc âm hoặc dương. Đương nhiên, ngoài linh hồn của thần tiên có thể tự do ra vào thể xác bất cứ lúc nào, khoảng cách giữa hình *(thể xác)* và thần *(linh hồn)* này, đối với cả hai mà nói đều là chuyện bất đắc dĩ. Cách linh hồn thoát khỏi thể xác ôn hoà nhất có lẽ là trong giấc mơ, mặc dù con người khi mơ chưa chắc tất cả đều *mộng hồn xuất khiếu (hồn rời khỏi xác)*, "tứ mộng" được liệt kê trong sách Phật, đa phần đều là hư chứ không thực còn thuyết "lục mộng" của Trung Quốc cổ đại, mặc dù không nói rõ là thực hay hư, nhưng bất luận là chính mộng, hỷ mộng hay ác mộng, cụ mộng *(giấc mơ sợ hãi)* thì thứ mà con người chú ý chính là điềm báo trong giấc mộng đó, còn việc xuất nhập hành tung của nhân vật chính thì không ai quan tâm. Ngoài cách này, những lần hồn thoát xác đa phần đều có chút kịch liệt, đau đớn, ví dụ nếu nguyên

https://thuviensach.vn

nhân thoát xác xuất phát từ sự cố hoặc một loại bệnh nào đó, đại loại như kiểu bị sợ hãi, ngất xỉu, hay những kẻ ham tiền ham chức dẫn đến mắc bệnh thần kinh. Tóm lại, hồn lìa khỏi xác, xác không có hồn, một thứ thì lang thang khắp nơi, một thứ thì vô tri vô thức, khoảng cách giữa hình và thần, đối với chủ nhân mà nói đúng là một việc bất hạnh. Nhưng thực ra cũng chưa chắc đã hẳn như thế, chuyện gì cũng có hai mặt của nó, linh hồn đang phiêu du khắp nơi, có thể nói là không có nhà để về, nhưng cũng có thể nhận định rằng nó không bị giam hãm nữa. Mặc dù đột ngột mất đi sự bảo hộ của cả hai thế giới âm và dương, nhưng cũng có thể lý giải là nó không còn chịu sự kìm kẹp, quản thúc của hai thế giới đó nữa. Thế là hồn lúc này trở thành một kẻ lang thang, một độc hành hiệp, một chú dê nhỏ bị lạc đường, thành con chim ưng khoẻ mạnh sổ lồng, thành yêu tinh phụ thuộc vào các loài khác nhau, thành thần tiên du ngoạn khắp nơi, cảnh do tâm tạo, tâm trạng biến đổi theo hoàn cảnh, thế nào cũng được. Như vậy, trong những câu chuyện về thế giới u minh sẽ xuất hiện những tình tiết ly kỳ do rất nhiều linh hồn đóng vai chính. Nói không cũng vô nghĩa, chi bằng kể một câu chuyện.

Những câu chuyện hồn lìa khỏi xác thì muôn hình vạn trạng, nhưng chung quy lại, có thể thu về hai dạng chính, một là "Trang Sinh hoá điệp", hai là "Sảnh Nương ly hồn". Dạng đầu tiên là kể về những linh hồn sau khi thoát xác đã biến mình thành loài khác, dạng thứ hai là những linh hồn đi về một mình, nhưng cũng tương đồng với những dạng tạm thời thoát khỏi sự ràng buộc của thể xác.

Nếu cảm thấy chán ghét với cái vỏ cũ của chính mình, tạm thời thay đổi khẩu vị cũng không phải là không hay, có điều du hồn vô căn, lang thang theo gió, nếu vô tình bay lạc vào bàn tiệc hoặc nơi vẩn đục thì khẩu vị đó vô cùng khác biệt.

Trong truyện *Tiết Vĩ,* quyển hai *Tục huyền quái lục* do Lý Phục Ngôn người đời Đường viết về chi huyện huyện Thục Châu Thanh Thành tên là Bộ Tiết Vĩ, bệnh nặng bảy ngày, đột ngột qua đời, nhưng tim vẫn còn ấm, người nhà

https://thuviensach.vn

không nỡ nhập quan, ngồi xung quanh hầu hạ. Hơn hai mươi ngày sau, Tiết Vĩ đột nhiên thở dài một tiếng, rồi đứng lên, nói: "Các ngươi mau đi xem mấy vị đồng liêu của ta có phải họ đang ăn cá không? Nếu đúng thì yêu cầu họ dừng đũa ngay, mau mau tới đây nghe ta kể chuyện lạ."

Người hầu đi xem, quả nhiên không sai, mấy vị đồng liêu lập tức đi theo họ. Tiết Vĩ nói: "Con cá mà các vị ăn, có phải là con cá do gác cổng Trương Bật mua về không?" Mọi người đáp phải. Trương Bật cũng đến, Tiết Vĩ liền hỏi anh ta: "Khi ngươi mua cá, người đánh cá Triệu Can có phải đã giấu con cá to nhất đi, chỉ mang ra những con cá nhỏ, sau đó ngươi tìm được con cá to đó ở trong đám lau sậy, mang nó về nha nội, rồi giao cho đầu bếp Vương Sĩ Lương giết thịt đúng không?" Trương Bật nói không sai. Mọi người hỏi: "Sao ngài lại biết những chuyện này?" Tiết Vĩ đáp: "Con cá to mà các người giết đó chính là ta!" Rồi ông ta kể lại câu chuyện mình bệnh nặng, sốt cao, mộng thấy hồn xuất ra, chỉ muốn tìm một nơi mát mẻ để gửi gắm, liền đi ra ngoài thành, muốn "trải nghiệm cảm giác chim trời cá nước". Ông ta vào rừng sâu, thấy đầm nước mênh mông, đột nhiên nảy ra suy nghĩ, lại thêm sự mời gọi của đàn cá dưới đầm, liền hoá thân thành cá. Thế là lượn theo sóng nước, thảnh thơi không ai bằng, tam giang ngũ hồ, bay nhảy khắp nơi. Nhưng vì Hà Bá phân chia phía đông đầm cho cá chép, nên mỗi khi chiều xuống, nhất định phải quay về. Vừa đói vừa khát, không xin được cái ăn, ông đi tìm thuyền, thấy Triệu Can đang câu cá, ngửi thấy mùi thơm, biết là tai hoạ nhưng vẫn mắc câu. Mặc ông ta có kêu gào thế nào, Triệu Can cũng như không nghe thấy, lại dùng một sợi thừng quấn chặt, ném vào giữa đám lau sậy. Sau đó lại bị Trương Bật tìm thấy, xách về bếp. Vương Sĩ Lương đặt ông ta lên thớt, mấy người đứng bên cạnh xem, chỉ trầm trồ khen con cá to quá. Ông ta vừa khóc vừa gào, người khác đến nhìn cũng không thèm, cho đến khi Vương Sĩ Lương một dao bổ xuống, chặt đứt đầu cá, ông ta mới giật mình tỉnh mộng.

Hồn rời khỏi thân xác hoá thành cá, có thể du ngoạn ba sông năm bể, mặc dù cuối cùng phải chịu một nỗi sợ hãi lớn nhưng cũng đã được trải nghiệm cuộc sống của một chú cá. Trong *Liêu trai* có chuyện *Áp nhân*[1], không biết

https://thuviensach.vn

có phải phóng tác theo nội dung của truyện trên hay không, nhưng với cấu trúc tương đồng đã viết một câu chuyện phản biện, mặc dù không dài nhưng sức hấp dẫn lại vượt trội câu chuyện trước. Truyện này kể về một tên vô lại trong chợ, bị hai người không biết là người hay ma bắt mất hồn, thấy trong quầy bán thịt có treo một tảng thịt lợn, liền nhét hồn hắn ta vào trong đó. "Người đồ tể chặt thịt bán, vung dao cắt xẻo, cắt tới đâu y thấy đau tới đó, buốt tới tận xương tuỷ. Sau có ông lão hàng xóm tới mua thịt, cò kè trả giá, hết đòi thêm mỡ lại cắt thêm nạc, cho tới khi cắt vụn cả miếng thịt ra, thêm muôn phần đau đớn. Khi bán hết thịt, tự khắc sự đau đớn đó cũng hết." Khi bán miếng thịt cuối cùng, hồn của tên vô lại kia mới coi như được giải thoát. Bồ Tùng Linh tỏ ra đắc ý với tình tiết câu chuyện đầy thú vị của mình: "Trong một buổi sáng mà trải qua một phen bị tùng xẻo như thế, há chẳng rất kỳ lạ hay sao!"[2]

[1] 'Ấp nhân': hay có nơi còn đặt tên là 'Người trong huyện'.

[2] Nhưng cũng có thể Bồ Lưu Tiên (tên tự của Bồ Tùng Linh) lấy cảm hứng từ nội dung câu chuyện 'Lô Nhiễm hoá cá' trong quyển ba của tập 'Tây dương Tạp trở'. Đấy là một phiên bản khác của truyện Tiết vĩ, nhưng có thêm tình tiết về trừng phạt. Lô Nhiễm trong câu chuyện bình sinh rất thích ăn cá, kết quả có một ngày anh ta cũng biến thành cá, và đích thân trải nghiệm quá trình bị con người lọc thịt, cho tới khi bị chặt đầu mới kết thúc trận khổ hình. Sau khi hoàn hồn, anh ta không những ăn chay, thậm chí còn xuất gia làm hoà thượng.

Tên vô lại này bị thế là đáng đời, ngày thường hay chèn ép bạn hàng, xưng hùng xưng bá nơi chợ búa, quen bắt nạt người khác rồi, giờ để hắn trải nghiệm cảm giác bị bắt nạt, ông trời có đức hiếu sinh, nên ngại gì mà không cho hắn một bài học. Nhưng cũng từ chuyện này mà nghĩ rộng ra, cùng là một vật, ứng với những linh hồn khác nhau lại cho những kết quả khác nhau như chim phượng và chim cú, hoàn toàn tương phản. Ví dụ chuyện làm quan, có người cảm thấy như cá gặp nước, chu du tam giang ngũ hồ, vui vẻ nhàn nhã, chỉ cần giấc mộng hoàng lương[3] không có đoạn cuối thì sẽ khiến người ta vô cùng hài lòng. Nhưng đối với người khác, cảm giác lại giống như đang phải gửi hồn vào xác một con lợn chết vậy. Còn nhớ một câu chuyện trong quyển sách cũ, trong đó danh sĩ này làm quan huyện chưa tới

https://thuviensach.vn

một năm, liền cáo quan về quê, lý do của anh ta là làm quan khổ không kể hết. Quan trên về kiểm tra, phải khúm núm khép nép nhìn sắc mặt họ, xuống làng xuống xã để khám nghiệm thi thể, phải nhìn bộ phận sinh dục của cô gái bị người ta hãm hiếp và giết chết, chẳng còn gì để nói. Thậm chí, sau nhiều lần như thế, tạo thành một phản xạ có điều kiện, hễ nhìn thấy mặt quan trên là lại liên tưởng đến âm hộ của nữ giới, vô cùng phản cảm. Cùng là làm quan, nhưng đối với vị danh sĩ này mà nói, một năm đó chẳng khác gì phải chịu cảnh đày ải.

[3] Giấc mộng hoàng lương/ giấc mộng kê vàng: xuất phát từ câu chuyện trong 'Chẩn trung ký' của Thẩm Kỷ Tế đời Đường: ngày xưa, có một chàng trai tên là Lưu Sinh. Lưu Sinh gặp một đạo sĩ tên là Lữ Ông trong quán trọ ở Hàm Đan. Anh ta than thở với đạo sĩ là mình nghèo túng quá, vị đạo sĩ cho anh ta mượn một chiếc gối, bảo anh ta gối đầu mà ngủ. Lúc anh ta ngủ, quán đang nấu một nồi kê. Trong giấc ngủ, Lưu Sinh đã được hưởng thụ một cuộc sống vinh hoa phú quý. Khi anh ta tỉnh dậy, nồi kê của quán vẫn chưa chín.

Sau khi linh hồn rời khỏi thể xác, tự do đi lại, không lo lắng việc đánh mất bản sắc, nhưng cũng không thể nghênh ngang vô ích mãi như thế, cuối cùng vẫn phải tìm một nơi để về. Giống như vị Trương Sảnh Nương trong *Ly hồn ký* của Trần Huyền Hữu, hồn theo tình lang đến Thành Đô, trong năm năm đã sinh con, nhưng vẫn nhớ thương bố mẹ ở nhà, nếu như cô ta biết rằng thể xác mình vẫn đang nằm liệt giường vì bạo bệnh, có lẽ cô ta càng muốn nhanh chóng quay về.

Linh hồn Sảnh Nương quay về đương nhiên khiến ai nấy đều vui sướng, nhưng cũng có những trường hợp lại không được tốt đẹp như thế.

Gặp một người hoặc một vật tốt đẹp, thương nhớ vấn vương, sẽ nương theo mùi thơm trong gió mà đuổi theo một cách vô thức, giống như câu nói của Trương Quân Thuỵ: "Lại có người hoa mắt chóng mặt không biết phải nói gì, linh hồn bay lơ lửng trên trời". Yêu cái đẹp là đức tính thường tình của con người, không có gì đáng trách, như tình yêu đơn phương của Tôn Tử Sở trong truyện *A Bảo* trong *Liêu trai* có thể thông cảm và bỏ qua, còn câu chuyện tình đầy nước mắt của Chu Hiếu Liêm trong *Hoạ bích* càng không

https://thuviensach.vn

cần người khác phải bàn ra tán vào. Nhưng có những việc làm người ta nhìn thấy khó chịu, hãy nói tới một chuyện xảy ra ở kinh sư những năm Quang Tự đầu tiên trong quyển bảy *Động linh tiểu tạp*. Có "thư sinh nào đó" đi từ Tuyên Võ Môn đến Tây Thảo Xưởng, gặp một thiếu nữ xinh đẹp, liền nảy sinh ý muốn chiếm đoạt, liên tưởng miên man. Đến tối, ông ta mơ thấy mình ra khỏi thành, đến nơi ở của người con gái gặp ban ngày, và thấy thiếu nữ xinh đẹp đó đang nằm ngửa. Kể đến đây phải nhắc nhở một chút, vị này mặc dù tự xưng là "thư sinh", nhưng không phải "tuổi tầm hai mươi ba", mà đã gần ngũ tuần, nghe thế thôi cũng đã thấy mất hết hứng thú. Thì ra cô gái đó đang đẻ, còn vị "thư sinh" này, đức hạnh lại không đủ để kiềm chế tà ý, nên đã bỉ ổi lén nhìn trộm. Có lẽ vì ông ta tập trung quá mức, quên hết mọi chuyện trên đời, nên "bất giác thân nhập vào bụng người con gái đó, trong giây lát biến thành một đứa trẻ". Mơ thấy hồn đầu thai, trong nháy mắt liền tham gia vào kiếp luân hồi. Cũng may hồn ông ta đầu thai vào cái thai con hoang, lập tức bị bà đỡ bóp chết, linh hồn mới thoát được khỏi cái thai đó. Càng may mắn hơn là linh hồn đó vẫn giữ được diện mạo cũ của kiếp trước, chưa biến thành một đứa trẻ chưa biết đi, biết bò, cuối cùng trải qua rất nhiều trắc trở, cũng coi như tìm lại được nơi để dừng chân, nhập lại vào thể xác của mình. "Chỉ như một giấc mơ, mà cũng đã chết hai ngày." Nếu hai người có duyên, sẽ gặp lại vào một ngày khác, lão thư sinh nghĩ lại lần được làm con của người ta đó, sao chịu được sự đả kích này?

Bên trên chỉ là ví dụ về hai kiểu chính của việc hồn rời khỏi xác. Lẽ nào ngoài hai kiểu này, không còn "ngoại lệ" nào hay sao? Nói có cũng được mà không cũng không sai. Bởi hai kiểu hồn rời khỏi xác trên chính là sự tử vong của con người, con người chết rồi thì đương nhiên hồn phải rời đi. Nói đúng hơn, khi thể xác vừa tắt thở, linh hồn lập tức bay ra, cùng lúc phối hợp rất chặt chẽ, nhưng nếu gặp phải hồn phách có tính nóng vội, không đợi tín hiệu, thoát ra trước khi thể xác tắt thở và khoảng cách nó bỏ đi đủ xa thì có thể coi là một "ngoại lệ", người chưa chết mà hồn đã rời đi. Chúng ta hãy đọc một câu chuyện trong *Quảng dị ký* của Đới Phu đời Đường:

https://thuviensach.vn

Năm Đường Huyền Tông – Thiên Bảo, trong thành Trường An có một thầy bói tên Liễu Thiếu Du, khá có danh tiếng. Hôm ấy, nhà có khách, tay cầm một miếng lụa mỏng làm lễ vật, đến nhờ Thiếu Du gieo quẻ, nói rằng muốn biết mình thọ được mấy năm nữa. Thiếu Du gieo quẻ xong, buồn bã nói: "Quẻ này của ngươi không lành, trong chiều nay sẽ từ trần." Người khách nghe vậy, vô cùng buồn bã, một lúc lâu sau, muốn uống một hớp trà nóng. Người ở nghe tiếng chủ nhân cho gọi, bưng trà đi lên, đột nhiên sững lại, hai người trước mắt giống nhau như đúc, đều là Liễu Thiếu Du, không thể phân biệt được đâu là chủ, đâu là khách. Khách cáo từ, người ở tiễn anh ta ra cửa, chỉ vài bước chân đã vội quay lại, sau đó trong không trung truyền đến tiếng khóc ai oán. Người hầu kể lại những gì mình nhìn thấy cho chủ nhân nghe, Liễu Thiếu Du lúc này mới biết vị khách đó chính là linh hồn của mình, than thở rằng: "Thần bắt ta đi, ta tất phải chết!" Đúng như quẻ bói, ông ta phán cho chính linh hồn của mình, tối đó ông ta chết.

Những câu chuyện kể về việc linh hồn sau khi rời khỏi thể xác có thể nhìn thấy thể xác của mình thì rất nhiều, nhưng người đó có thể nhìn thấy linh hồn của chính mình, hoặc những câu chuyện về sự tương chuyển giữa "tôi" và "tôi" thì rất hiếm gặp, chắc chỉ có một câu chuyện này thôi, nhưng lại khiến tôi rất thích. Tự bản thân mình có thể nhìn thấy linh hồn của mình, lại còn được tiếp xúc, được gieo quẻ, thế thì "bản thân" kia là vật gì? Có lẽ nhục thể mất đi linh hồn kia cũng chính là "thể phách" rồi. Con người trong giấc mơ mà linh hồn có thể rời khỏi thể xác và hoạt động, thậm chí còn có thể "nhìn thấy" hoặc cảm nhận được chính linh hồn của mình, lúc đó chính phách đã duy trì sự sinh tồn của con người. Nhưng thể phách của người này vẫn có khả năng và trí não để gieo quẻ cho khách thì lại không đơn giản chỉ là thể phách mà thôi. Cũng có thể dùng quan niệm con người có "ba hồn bảy phách" để giải thích, nhưng tốt nhất vẫn không nên giải thích. Câu chuyện phức tạp, rất có thiền cơ[4], một vài chi tiết trong đó rất thú vị. Đôi lúc chúng ta lấy danh nghĩa là phải xem xét, khảo sát, phê phán, đả kích linh hồn của chính mình, "cái tôi" khi đó là gì đây? Thực ra chẳng là gì cả!

https://thuviensach.vn

[4] Thiền cơ/ cơ thiền: bí quyết thiền sư dùng để ám thị giáo nghĩa qua ngôn ngữ cử chỉ hoặc sự vật khi thuyết pháp.

Trong những câu chuyện về hiện tượng có thể gặp chính linh hồn mình, có một chuyện trong quyển ba của *Sưu Thần hậu ký* của Đào Tiềm người đời Tấn. Chủ nhân không chết, chỉ biến thành kẻ ngớ ngẩn, được ghi chép như sau:

Có hai vợ chồng nhà nọ, hôm ấy bà vợ dậy trước để làm việc nhà, một lúc sau, ông chồng cũng dậy và đi ra ngoài. Bà vợ vẫn nghĩ rằng chồng mình đang ngủ, lúc quay vào phòng ngủ, quả nhiên thấy chồng đang nằm cuộn mình trong chăn. Đột nhiên gia nhân từ ngoài chạy về, nói chủ nhân sai hắn ta quay về nhà lấy gương. Bà vợ cho rằng gia nhân nói năng linh tinh, liền kêu hắn ta nhìn chủ nhân đang ngủ say trên giường. Gia nhân nói: "Đúng là tôi vừa ở bên cạnh chủ nhân." Bà vợ liền bảo hắn ta mau đi mời chủ nhân bên ngoài về đây. Chủ nhân nghe gia nhân nói vậy, sợ hãi, kinh ngạc, lập tức quay về nhà. Hai vợ chồng cùng vào phòng ngủ, quả nhiên trên giường có một người giống hệt mình đang nằm. Ông ta nghĩ, chắc vị này là "linh hồn" của mình, cũng không dám làm người đó kinh động, từ từ tiến lại gần, sờ sờ lên giường, liền nhìn thấy vị đó "từ từ trở lại vị trí". Không lâu sau, người chồng bị bệnh thần kinh, ngơ ngơ ngẩn ngẩn, không hiểu chuyện gì, cả đời cũng không khỏi.

Có lẽ do anh ta dậy quá vội nên để quên hồn mình trên giường. Sau khi mất hồn, vẫn có thể sống bình thường, giống như trên chiến trường, chân bị trúng đạn mà vẫn có thể chạy một đoạn nữa, nhưng cuối cùng vẫn không trụ vững, trở nên mất trí. Nhưng từ điểm này cũng có thể nhìn ra được, ái lực giữa hồn thần và chủ nhân của nó rất yếu. Vương Phật Đại ba ngày không uống rượu, cảm thấy như "người không còn là của mình nữa" cũng chính là ý hồn đã lìa khỏi xác, làm gì cũng ngơ ngơ ngẩn ngẩn. Không biết liệu có phải vị chủ nhân này cũng mắc căn bệnh đó, thiếu vài bữa rượu, dẫn đến thân xác suy sụp như thế, cũng là đáng thương, không bằng chết như Liễu Thiếu Du còn nhẹ nhàng hơn.

https://thuviensach.vn

Thể xác giống như một căn phòng, bình thường cửa đóng then cài, linh hồn không thể thoát ra, nhưng then cửa của một thân thể già nua yếu ớt sẽ bị lỏng lẻo, một phút bất cẩn, linh hồn sẽ thoát ra ngay. Tác giả của *Tam cương thức lược* – Đổng Hàm từng ghi chép chuyện em trai ông là Tương Mỗ trước khi chết. Sức khoẻ Tương Mỗ vốn yếu, sau đó lại mắc bệnh ho ra máu. Hôm ấy, anh ta đang nằm trên giường, đột nhiên nhìn thấy có một người ngồi ở mé giường bên cạnh, khi định thần lại, thấy đấy là chính mình, cũng đang nhìn mình chăm chăm, ngay sau đó từ từ rời đi. Tương Mỗ thất kinh, biết là linh hồn mình đã thoát xác, không còn sống được bao lâu nữa, quả nhiên mấy ngày sau anh ta lìa trần. Vị Tương Mỗ này tuổi còn trẻ, đang thời huy hoàng, hay huênh hoang khoe khoang, bình thường cũng thích trau chuốt mọi chuyện. Đổng Hàm vì anh ta là em trai mình nên cũng không tiện nói những chuyện không hay, không phải của anh ta, đoán chắc người này cũng đã phải hao tâm tổn trí trong việc xử lý mối quan hệ.

Việc hồn rời khỏi xác, đôi khi còn thể hiện trong giấc mơ. Trong quyển tám *Duyệt vi thảo đường bút ký* có ghi lại một chuyện, con gái Vương Tri Châu ở Thương Châu lâm trọng bệnh, hôn mê bất tỉnh. Nửa đêm, người nhà đi đến thư phòng đằng sau hậu viện, liền nhìn thấy tiểu thư đang một mình đứng dưới ánh trăng trong vườn hoa, bất giác hoảng hốt, vội vàng quay lại. Tiểu thư rõ ràng đang bệnh nằm trên giường, sao trong vườn hoa lại có bóng dáng của người. Mọi người đoán hẳn là do hồ ly hoá tinh, liền thả chó xông ra, và bóng người đó lập tức biến mất. Một lúc sau, nghe tiếng Vương tiểu thư yếu ớt vọng ra từ phòng bệnh: “Vừa rồi ta mơ thấy mình ra thư phòng ngắm trăng, đột nhiên xuất hiện một con mãnh hổ, suýt chút nữa thì bị nó vồ, giờ vẫn còn sợ.” Lúc ấy mọi người mới biết đã nhìn thấy linh hồn của tiểu thư. Thầy thuốc nghe xong, than: “Linh hồn của tiểu thư đã rời đi, cho dù thầy thuốc Lô hay Thiên Thước có sống lại, cũng bó tay không cách nào cứu chữa.” Quả nhiên, không lâu sau đó Vương tiểu thư qua đời.

Người mắc bệnh lâu ngày vào đêm trước khi chết, linh hồn sẽ rời đi, song những người già tuổi cao sức yếu thì tinh thần không còn mình mẫn nữa,

https://thuviensach.vn

giờ người ta gọi đó là bệnh Alzheimer, nhưng ngày xưa thì lại bị mọi người giải thích rằng linh hồn đã thoát xác. Tình hình của họ với Tương Sinh không giống nhau, bởi vì có thể duy trì trạng thái này mấy năm, thậm chí đến mười mấy năm. Cực đoan một chút thì có thể nói rằng anh ta lơ lửng giữa sự sống và cái chết một thời gian dài, coi cái xác đó như người còn sống, nhưng thực ra, linh hồn đã phiêu du vào thế giới u minh từ lâu.

Trong quyển ba của *Hữu đài tiên quán bút ký* do Du Việt viết có một ví dụ, nói về bà của Kim Thiếu Bá. Vị lão thái thái này sống gần trăm tuổi mới tạ thế, nhưng những năm cuối đời đã rất lẫn rồi, nhìn thấy con dâu, con trai, cháu trai, cháu gái lại cho rằng họ hàng tới thăm, luôn miệng gọi "chị cả, chị hai". Điều này cũng không có gì đáng nói, kỳ lạ là, mỗi dịp lễ tết, trong nhà thắp hương cúng tổ tiên, các con dâu mang cơm cho bà, bà liền nói: "Vừa ăn rồi, sao lại cho ăn nữa?" Lúc đầu mọi người cho rằng bà đã lú lẫn, nhưng sau đó phát hiện ra, mỗi lần cúng tế, bà đều nói như thế, hỏi lại bà rằng: "Mẹ nói là ăn rồi, vậy mẹ ăn những gì?" Lão thái thái liền kể ra các món, mọi người đều sợ hãi, thì ra những thứ mà bà ăn giống hệt những đồ đang bày cúng trên bàn thờ. Linh hồn của bà lúc này đã rời khỏi thể xác, cùng với hồn phách của tổ tiên thụ hưởng đồ cúng tế.

https://thuviensach.vn

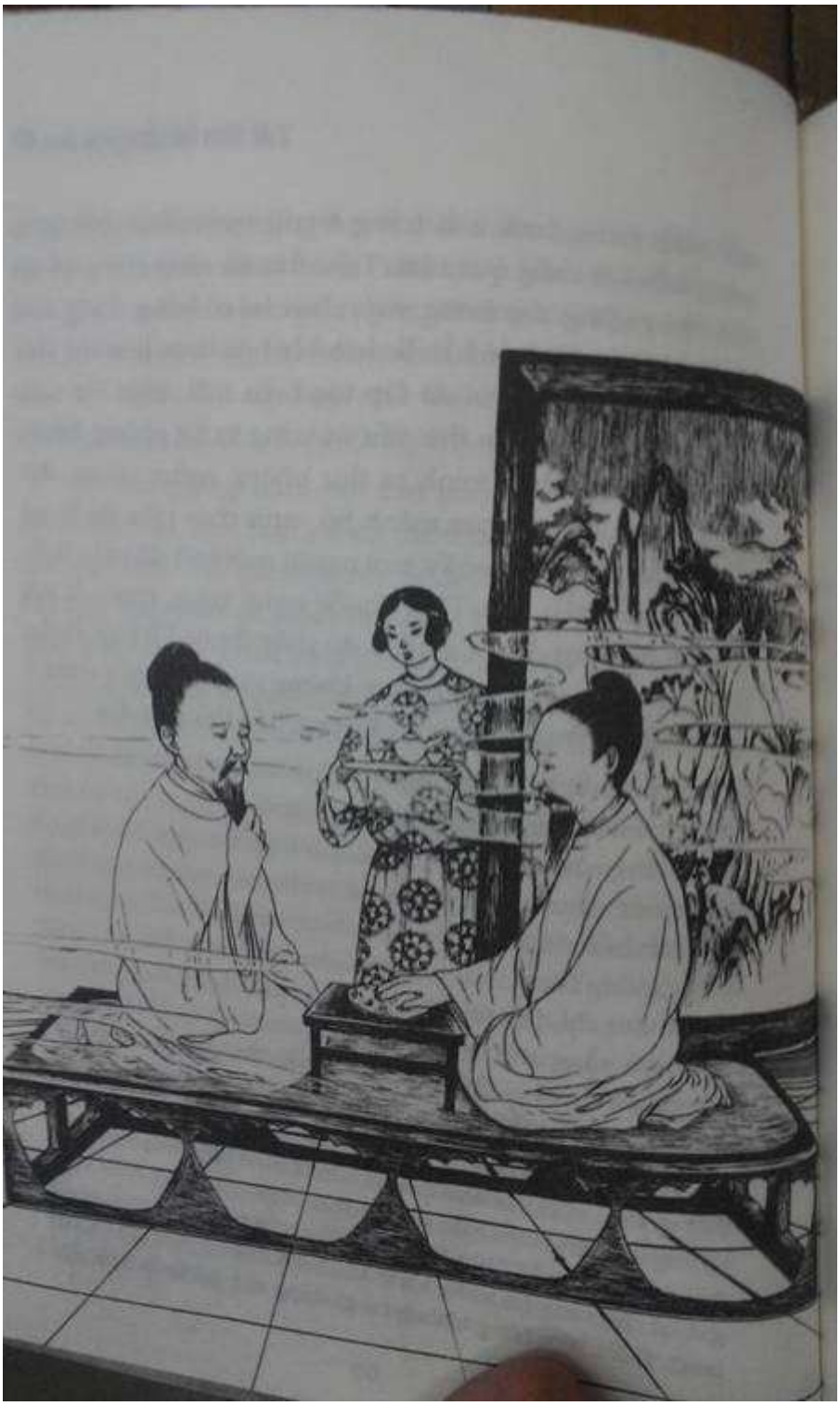

Chuyện mơ thấy mình thụ hưởng đồ cúng tế của người thân kiếp trước, trong bút ký từ đời Nam Tống của Thiệu Bác *Ghi chép từ những gì mà Thiệu Thị nhìn thấy* có không ít. Tôi đã từng viết bài giới thiệu trong một chuyện về "vấn đề ăn uống ở thế giới bên kia", nhưng chuyện linh hồn rời

https://thuviensach.vn

khỏi thể xác đến âm thế hưởng thụ đồ cúng tế thì lại gặp không nhiều. Mặc dù gặp không nhiều, nhưng câu nói: "Thi cư dư khí" trong sách cổ, chắc là muốn ám chỉ trạng thái này. Khuất Nguyên tiên sinh khi viết về một vị tổ tông của bạn mình, không biết liệu có kiểu liên tưởng bất kính như thế này không: "Thái hậu lão phật gia của chúng ta liệu có phải cũng đã từng ở trong "trạng thái" đó, dùng thứ dinh dưỡng hư không có được từ âm giới để suy trì số phận của Đại Thanh?"

Nhưng có những người già trước khi chết mặc dù linh hồn thỉnh thoảng có chu du ra ngoài, nhưng tinh thần vẫn sáng suốt, không những không phải mắc bệnh Alzheimer mà còn có được sự linh ứng của hồn, có thể nhìn thấy trước những chuyện trong tương lai. Trong quyển bảy *Động linh tục chi* do Quách Tắc Vân viết có ghi lại một chuyện lạ mà anh ta nghe được từ chỗ bạn mình, Uông Quân Cương: Tiền Trượng đời Đường Ngụy trước khi chết hai tháng, sau khi tiễn khách quay lại, ngồi trong phòng khách, hút tẩu thuốc: "Thần hồn đột nhiên thoát xác, đến phía tây đường Trường An, nhìn thấy trước cửa hiệu cầm đồ, một bức hoành câu đối chữ trắng viết trên nền xanh, chữ không nhiều. Lại đến Thiên An Môn, nhìn trên cửa, dưới lầu, thấy tượng một người mặc Tây phục. Đi vòng quanh ra khỏi chính Dương Môn, lại quay về ngôi nhà cũ, cả ngày tha hương" đột nhiên như tỉnh mộng, phát hiện mình vẫn đang ngồi trong phòng khách, tay cầm tẩu thuốc. Thế là anh ta vội gọi Uông Quân Cương đến, nói: "Chuyện này rất lạ, sau này mới có thể kiểm chứng, nhất định phải ghi chép lại." Nhà họ Tiền là đại tộc lớn ở Chiết Giang, nhưng vị Tiền Lão Trượng du ngoạn kinh sư này là ai, mất năm nào, không ai rõ, chỉ là bản in của *Động linh tục chi* năm 1936, còn ở Thiên An Môn xuất hiện tượng lãnh tụ là sau năm 1945, vì vậy những gì Quách Thị ghi lại không thể là chuyện xảy ra sau đó. Cái gọi là "hồn đột nhiên rời khỏi xác" không phải nói Ngụy Lão Trượng có đạo "xuất thần" mà cũng chỉ giống như hồn phách của Kim lão thái thái tạm rời khỏi xác mà thôi. Nhưng Nguỵ Trượng sau khi tỉnh lại có khả năng tiên đoán, cho thấy đó không phải là một giấc mộng bình thường. Đương nhiên, dù là tiên đoán thì cũng không có ý nghĩa gì, chỉ có điều khiến người ta cảm thấy rất thần kỳ mà thôi.

https://thuviensach.vn

Mất hồn

Mất hồn, tục ngữ còn gọi là rơi mất hồn, việc này chỉ xảy ra sau khi gặp chuyện gì quá kinh hãi. Cũng chính là muốn nói, con người sau khi gặp phải chuyện kinh sợ, hoặc hồn lìa khỏi xác, hoặc ngẩn ngơ, hoặc hôn mê,… về mặt y học thì cho rằng họ bị bệnh động kinh, còn dân gian thì lại cho rằng có nguyên do khác, những người này bị như vậy là kết quả của việc mất hồn. Trong mắt họ, linh hồn của con người giống như con ngựa bị động kinh, tuột dây cương nên giằng chạy khỏi thể xác, và nhất thời không thể nào khôi phục được sự bình tĩnh, chạy nhảy khắp nơi, không tìm được nơi về, thế là chỉ còn lại thể xác không có linh hồn "đang ngờ nghệch" vì sợ hãi.

Nhưng đây chỉ là tình trạng hết sức bình thường, còn trong những câu chuyện về thế giới u minh có rất nhiều những tình tiết không bình thường, thậm chí là bất thường. Có câu chuyện kể rằng, con người mất linh hồn, thể xác vẫn hoạt động bình thường, như trong *U minh lục* của Lưu Nghĩa Khánh đời Nam Triều có ghi lại việc linh hồn của Thạch Thị Nữ bỏ nhà đến nhà tình nhân ở, còn thể xác vẫn ở lại nhà cùng mẹ làm việc như mọi ngày, không có gì khác thường. Cho đến khi hai người gặp nhau, linh hồn đột nhiên biến mất. Ghi chép trong *Linh quái Lục* của Trương Tiến đời Đường, nội dung tương tự, thậm chí có phần sinh động hơn.

Cuối năm Thiên Bảo, Trịnh Sinh ứng cử vào kinh, đi đến ngoại ô phía tây của Trịnh Châu, ở trọ nhà một người, không ngờ người này lại chính là bà cô họ của Trịnh Sinh. Hỏi ra mới biết Trịnh Sinh chưa lấy vợ, lão thái thái nói: "Vừa hay cháu ngoại ta cũng ở đây, nó họ Liễu, cha hiện đang làm huyện lệnh ở Hoài Dương. Ta thấy gia cảnh hai người rất môn đăng hộ đối." Trịnh Sinh không dám từ chối, tối hôm đó liền thành thân với Liễu

https://thuviensach.vn

Thị. Phu thê ân ái qua mấy tháng, bà cô họ nói với Trịnh Sinh: "Cháu hãy đưa cô dâu mới của mình đến Hoài Dương, nhận cha mẹ vợ đi." Đến nhà họ Liễu ở Hoài Dương, Trịnh Sinh vừa thông báo, cả nhà họ Liễu thất kinh, bởi con gái họ vẫn đang ở trong thâm khuê, sao lại có thể đưa một chàng rể từ ngoài về được? Hai vợ chồng họ Liễu vội vàng chạy ra cửa xem sự tình, chỉ thấy cô nương ngồi trên xe giống hệt con gái mình. Cô nương đó xuống xe, từ từ bước đến giữa đình, còn cô gái trong đình nghe tin, chỉ cười hi hi đi ra gặp mặt, hai cô gái gặp nhau giữa đình, liền hợp lại thành một. Thì ra, lão thái thái là vong hồn ở dưới đất, ngôi nhà ở ngoại ô phía tây Trịnh Châu là mộ của bà lão, người mà bà lão gả cho Trịnh Sinh chính là linh hồn của cô cháu ngoại. Nhưng vị tiểu thư đang ngày đêm giam mình ở thâm khuê, cũng vẫn sống bình thường, thiếu hồn nhưng cũng không có bộ dạng kỳ quái, ngốc nghếch.

Nó giống như truyện *Độc dị ký* trong *Vi Ẩn* (quyển 358) *Thái bình quảng ký* (ngay sau *Độc dị chí* của Lý Cang)… Cũng là sau khi hồn rời khỏi xác, mạnh ai nấy sống, cứ như có được thuật phân thân của thần tiên vậy. Nhưng những câu chuyện này bỏ qua những kiến thức về việc hồn và xác không thể tách rời, chỉ cần hai bên đều vui vẻ, lạ thì có lạ, nhưng thiếu đi rất nhiều những tình tiết thú vị của các câu chuyện mất hồn, sau đời Đường cũng không còn bắt gặp những câu chuyện kiểu này nữa.

Nguyên nhân cụ thể của việc mất hồn thì rất nhiều, cách thể hiện cũng rất khác nhau, còn việc linh hồn thoát ra khỏi thể xác, chạy đi đâu, làm những gì thì cũng có nhiều cách nói khác nhau, đồng thời cũng sản sinh ra rất nhiều tình tiết kỳ quái làm đề tài bàn tán.

Chuyện thì kể rằng, có người sau khi ngã, cố gắng đứng dậy được thì hồn đã rời khỏi xác. Trong *Tử bất ngữ* của Viên Mai, truyện *Trang Sinh*, quyển mười lăm nói, Trang Sinh sau khi rời khỏi nhà Trần Thị, lúc đi qua cầu trượt chân ngã, sau đó liền "vội vàng đứng dậy về nhà, gõ cửa thấy không có ai trả lời, bèn quay lại nhà Trần Thị. Anh em Trần Thị vẫn đang vui vẻ, thả bộ ở đình viện". Những hành vi lúc này là của linh hồn rồi, còn thế giới

https://thuviensach.vn

mà anh ta đang ngao du không còn giống ở nhân thế nữa. Anh ta nhìn thấy một vườn hoa lớn, thì ra là vườn rau nhà chủ nhân. "Thấy một thai phụ đang ở cữ trong đình nghỉ chân, gương mặt xinh đẹp, thì ra đấy là lợn mẹ đang sinh con trong chuồng. Anh ta lại qua thư phòng, anh em Trần Thị đang đánh cờ, không để ý tới anh ta, tự thấy buồn chán, liền tiến tới chêm vào vài câu, thấy mọi người lờ đi như không nghe thấy, anh ta lại dùng tay vẽ lên bàn cờ, sắc mặt chủ nhân đột nhiên hoảng hốt tột độ, như vừa nhìn thấy ma, vội vàng chạy vào phòng. Trang Sinh cảm thấy buồn chán vô cùng, bèn quay về nhà. Đi đến đầu cầu, anh ta lại trượt chân ngã. Đứng dậy, đi về nhà gõ cửa, người trong nhà nghe thấy ra mở cửa cho anh ta. Thì ra, cú ngã sau là linh hồn anh ta ngã, cú ngã đó đã khiến linh hồn quay về với thể xác, thể xác của anh ta khi ấy đang nằm hôn mê, bất tỉnh ở đầu cầu. Khi Trang Sinh nhìn thấy thai phụ đang ở cữ, cũng may biết giữ lễ mà rút lui, nếu anh ta lại gần nhìn trộm, có thể sẽ vô tình phải đầu thai thành lợn, "rơi vào kiếp súc sinh". Nhưng điều khiến người ta không hiểu là, anh ta đã không quên lời thánh dạy " nam nữ thụ thụ bất thân", cho thấy anh ta vẫn rất tỉnh táo, nhưng sao có thể nhìn con lợn nái thành người đẹp được nhỉ?

Nhưng có người sau khi trượt chân, thân thể không những trở thành thây ma mà linh hồn cũng rơi vào trạng thái hôn mê, không tìm được đường về nhà.

Trong truyện *Đa tiền phong*, quyển bốn, *Dạ đàm tuỳ lục* do Nhàn Trai Thị người đời Thanh viết, kể về Đa Nhị Gia, học cưỡi ngựa, bắn cung ở bên ngoài thành Đông Trực Môn, do bất cẩn nên ngã ngựa, bị hôn mê bất tỉnh, may có bạn dìu đỡ về nhà. "Về nhà ngay lập ức, không thấy bị thương chỗ nào, nhưng mắc chứng tâm thần, không cười nói như bình thường được." Thì ra linh hồn của anh ta ở lại bên ngoài thành, không những bị mất phương hướng, thậm chí còn không biết nhà mình ở đâu, đành đi đi lại lại ở nơi bị ngã, đợi người nhà ra đón. Nhưng người nhà chỉ nghĩ rằng anh ta mắc một căn bệnh kỳ quái, vội vàng hỏi thầy hỏi thuốc, chứ không nghĩ đến chuyện anh ta bị mất hồn. Cũng may, con ma vì treo cổ mà chết là Vương Lão Tây, giờ nắm trong tay quyền cai quản trị an vành đai thế giới u minh

https://thuviensach.vn

thấy Đa Nhị Gia đi vòng vòng ở đó, biết là không về được nhà, con ma này kiếp trước chịu ơn huệ của Đa Nhị Gia, vội vàng chạy về nhà họ Đa Lão, nhập vào người một bà lão trong nhà để báo tin. Thế là người nhà mang theo thân thể của Đa Nhị Gia, đến nơi anh ta ngã ngựa, gọi tên thật để chiêu hồn, cuối cùng, cũng giúp anh ta tỉnh lại, nhưng linh hồn này loanh quanh bên ngoài thành cũng phải hơn nửa tháng.

Từ đó có thể thấy, thể xác không có linh hồn rõ ràng không ổn lắm, linh hồn rời khỏi thể xác cũng chưa chắc giữ được sự sáng suốt. Thế là đột nhiên nghĩ đến câu nói: "Suy nghĩ là linh hồn", đột nhiên hốt hoảng. Sự lầm đường lạc lối của linh hồn này là bởi nó không thể "suy nghĩ", nếu suy nghĩ, chẳng phải sẽ tìm được đường về nhà sao, cũng có thể sẽ không đi mất hoặc lạc mất. Giáo viên môn chính trị năm đó nếu kể mấy câu chuyện mất hồn này thì chẳng phải mọi người sẽ đều hiểu cả hay sao?

Còn một loại nữa, đó là câu nói mà chúng ta thường hay nghe thấy: "Sợ tới mức hồn bay phách lạc." Nhưng câu chuyện loại này rất nhiều, tìm một câu chuyện cực đoan nhất, là người bị áp giải đến pháp trường, đao phủ tay cầm cây đao lớn, chuẩn bị chặt đầu anh ta, nỗi kinh sợ đó bất giác khiến linh hồn con người phải thoát khỏi xác. Trong bút ký của những người đời Minh bàn đến một "chuyện bị lãng quên" ở thời Thái tổ cao hoàng đế của họ, có thể thấy trước mặt chủ nhân uy nghiêm, linh hồn của những kẻ tôi tớ thật yếu đuối biết bao.

Một viên thái giám bị thái tổ gia giáng chỉ, lôi ra ngoài chặt đầu, tội danh là "quét nước rượu không theo phương pháp", quét nước rượu dưới đất lẽ nào còn có phương pháp này kia hay sao?

Có lẽ chắc vì thái tổ gia đang ngồi sau long án suy tính việc quốc gia đại sự, nhất thời xuất thần, bị thái giám xuất hiện trước mắt làm cho giật mình. Vị thái giám này đến "quần áo thái giám" cũng không kịp thay, đã bị lôi ra giữa chợ Kim Lăng Thành, chuẩn bị chặt đầu. Người thành Nam Kinh thích náo nhiệt, đặc biệt là khi nghe nói hoàng đế muốn giết chính nô tài của

https://thuviensach.vn

mình, thì thấy trước mắt vị thái giám đang quỳ chờ chết còn có một người nữa đang đứng, cách ăn mặc và hình dáng giống hệt vị thái giám đang quỳ, ai nấy đều thấy lạ. Đúng lúc đó, thái tổ gia lại đột ngột ra thánh chỉ, không giết nữa. Mọi người mới hiểu, vị đó chính là hồn của người thái giám nọ, do sợ quá mà xuất ra ngoài! Đôi lúc thái tổ gia cũng hài hước nói đùa: "Ngươi doạ ta một lần, ta cũng doạ ngươi một lần."

Chuyện này có thể đọc được ở *Đô công đàm toản* của Đô Mục và *Canh dĩ biên* của Lục Sán, cái được mô tả là đại thể tương đồng, phiên bản này có hơi khác khi đọc *Dã ký* của Chúc Sung Minh, trong đó nói rằng thái giám thụ hình sợ tới mức hồn bay lên nóc nhà, từ trên nhìn xuống thấy chính mình đang bị quàng qua cổ trói giật khuỷu tay. Từ đó có thể biết, đến pháp trường xem người ta thụ hình cũng là một trong những thú vui của cư dân thành thị ngày đó, không những đứng tràn khắp đường khắp chợ, trần nhà cũng trở thành khán đài quan sát. Còn về việc người bị giết là người nào, có phải đồng loại, đồng đảng của mình không hình như không ảnh hưởng gì tới họ, chỉ cần hay là được, cho dù người bị giết là mình có khi vẫn xem một cách rất thích thú. Sự vô cảm và vô tâm của "khán khách" luôn luôn như vậy.

Lục Dung người đời Đường có ghi chép lại chuyện một người lúc chuẩn bị thụ hình thì được tha bổng trong quyển ba *Thục viên tạp ký*, trong đó, một vị tiên sinh rất có tố chất của một ký giả cho mục giải trí đã đặt câu hỏi với người đàn ông may mắn còn chưa kịp hoàn hồn kia: "Khi chờ đao chém xuống, giây phút ấy anh có suy nghĩ gì? Tình cảm gì và nguyện vọng gì? Nói ra cho chúng tôi nghe xem." Người đàn ông đó trả lời: "Lúc ấy sợ hãi tới muốn xỉu, làm gì có cảm nghĩ với nguyện vọng! Chỉ là sau đó, đang lúc hoảng hốt, ngồi trên nóc nhà bên cạnh pháp trường, nhìn thấy giữa pháp trường một người đang bị trói, đó chắc chắn là người sẽ bị chém, tôi thấy rất buồn, vợ con tôi, họ hàng thân thích, bạn bè của tôi vây quanh anh ta để làm gì?"

https://thuviensach.vn

Số linh hồn vì sợ hãi mà xuất ra khỏi thể xác ở pháp trường là bao nhiêu thì không rõ, nhưng có một điều không cần phải nghi ngờ, đó là đại đa số những linh hồn đó không thể quay lại với thể xác. Khi họ xuống ghế khán giả, cuối cùng cũng hiểu ra người sắp bị rơi đầu kia có liên quan tới mình, có lẽ trong đầu có rất nhiều cảm nghĩ, đáng tiếc là không có phóng viên nào kịp tới đó để phỏng vấn. Nhưng vẫn còn một vài chuyện kỳ quái có thể làm tư liệu, một vài linh hồn cá biệt sau khi rời khỏi thể xác lại không nghiêm túc đứng bên theo dõi, trong lòng biết mình may mắn, phải chạy khỏi kiếp nạn này ngay.

Quyển mười lăm *Đồng kỳ giác* trong *Tử bất ngữ* của Viên Mai ghi chép về nhân vật Lý Tư, một tên chuyên đào trộm mộ, cầm xẻng chống lại người thi hành công vụ, liên tiếp đả thương hai người, phải ra pháp trường chịu án chém đầu. Khi bị trói đưa đến cửa chợ, hắn ta ra sức giằng co và chạy thoát. Có một người tên là Phó Cửu, ra khỏi Chính Dương Môn đi về phía tây, vừa đi qua một cầu cảng nhỏ, nhìn thấy có người chạy thục mạng từ phía trước lại, không kịp tránh nên đã tông vào nhau, và hợp thành một. Thì ra, người chạy tới chính là linh hồn của Lý Tư, nhưng lại nhập vào thể xác của Phó Cửu. Còn về thể xác của anh ta, sớm đã bị chém rồi. Phó Cửu đáng thương rơi vào cảnh chim khách bị tu hú chiếm tổ, linh hồn của mình vất vưởng, lang thang không có chỗ trú chân tạm thời không nói, mà thể xác của anh ta cũng phải chịu sự giày vò. Đầu tiên là "đột nhiên có cảm giác cơ thể như bị giội nước, liên tục rùng mình", rồi chạy đến một cửa hàng bán lụa, ngồi xuống, đột nhiên hét lớn: "Ngươi cản đường ta, đáng ghét, đáng ghét!", thế là ra sức tát vào miệng mình, giật râu mình… Rõ ràng là do linh hồn của Lý Tư tác quái, nhưng nhìn thấy thể xác của mình bị linh hồn kẻ khác thao túng là một điều bất hạnh biết bao!

Quyển năm, *Sinh hồn vong tử* trong *Dực quynh bại biên* của Thanh Dụng, gần như cải biên lại từ quyển hai, *Quỷ hồn tụ phụ* trong *Vọng vọng lục*, nhưng địa điểm thì từ Phúc Kiến chuyển đến Bắc Kinh: "Có một kẻ vì thuê người giết người khác mà bị xử tội chém đầu. Kẻ này lại quen biết đao phủ, dùng tiền để đút lót, nói: "Xuống đao nhanh một chút để ta không phải chịu

https://thuviensach.vn

nhiều đau đớn.” Đao phủ nhận lời. Khi hành hình, đao phủ lên tiếng nhắc khẽ: “Sắp xuống đao rồi, mau đi đi!” Kẻ này ra sức vùng vẫy, linh hồn liền rời khỏi thể xác, thoát khỏi pháp trường, một hơi chạy xa trăm dặm, đến đất huyện Hà Bắc Hùng, tìm một quán ăn xin hùn vốn làm chung. Trước kia anh ta vốn mở quán rượu, chỉ cần thể hiện tay nghề của người thành phố, chủ tiệm đã vui mừng như bắt được vàng, cuối cùng lại nhận anh ta làm con rể và cho ở rể. Năm sau nhạc phụ qua đời, anh ta liền trở thành chưởng quỹ. Hơn một năm sau, tên đao phủ đó đến huyện Hùng thăm họ hàng, vừa hay vào quán của kẻ mình đã chém đầu năm xưa. Kẻ này vừa gặp lại tên đao phủ liền dập đầu tạ ơn. Tên đao phủ nhất thời chưa nhận ra, hỏi: “Ngươi là ai?” Anh ta nói: “Tôi là xxx, chẳng phải ngài đã tha cho tôi ở pháp trường đó sao?” Đao phủ liền nói: “Chắc ngươi lầm rồi, kẻ đó đã chịu hình ở pháp trường.” Anh ta nghe thấy vậy, lập tức trợn mắt, lè lưỡi, ngã vật xuống đất, rồi biến mất, trên đất chỉ còn lại bộ quần áo.”

Nhân vật chính trong hai câu chuyện này đều bị mất hồn trước, sau đó làm ma, không được coi là chuyện “mất hồn” chính thống, chỉ là một kiểu tương tự, bàn đến để tư liệu thêm phong phú mà thôi.

Ngoài ra, trên giang hồ còn có một loại tà thuật gọi là “gọi hồn”, hoặc gọi là thuật bắt hồn, ngoài ra còn có những cách gọi khác như quan hồn, chí phách… cũng là một trong những nguyên nhân dẫn đến một vài người bị mất hồn.

Việc “gọi hồn”, hiểu trên mặt chữ nghĩa thì là gọi hồn của người sống ra ngoài. Người đang đi trên đường, đột nhiên nghe thấy có ai đó gọi tên mình từ đằng sau, nếu như buột miệng trả lời hoặc quay đầu lại nhìn thì có khả năng sẽ bị trúng tà thuật, hồn bị gọi đi mất. Mà có hai mục đích khi gọi hồn người khác, một là khiến người đó mất hồn, mơ mơ hồ hồ, chỉ có thể nhìn được hai bờ, hoặc là sóng lớn cuồn cuộn, đáy sâu không nhìn thấu của vách núi cheo leo, chỉ có thể đi trên con đường nhỏ trước mặt, nhưng theo sự “dẫn dắt” của yêu nhân, bị đưa đến nơi hoang vắng, nhẹ thì “bị khám khắp người” lấy sạch đồ trong túi, nặng thì đến quần áo cũng bị lột sạch rồi ném

https://thuviensach.vn

xuống nước. (Xem quyển hai, *Yêu nhân* trong *Tam cương thước lược* của Đổng Hàm người đời Thanh.) Kiểu này giống như trò dùng gậy đánh người khác ngất rồi cướp tiền bạc trong đêm tết Nguyên tiêu vậy. Còn mục đích thứ hai lại giống như bắt cóc nhưng người họ muốn bắt không phải là cái xác mất hồn kia mà là linh hồn vừa bị gọi ra của người đó. Họ dụ linh hồn đó đi theo, nhốt ở một nơi nào đó, sau đó đến gặp người nhà đòi tiền chuộc. Nếu ngoan ngoãn trả cho thầy cúng một món tiền thì họ sẽ thả hồn ra, người đó sẽ từ từ tỉnh lại như sau khi bị hôn mê. Nếu người nhà không chịu bỏ tiền chuộc thì sự sống chết của người đó rất khó nói, nặng thì trở thành vật để tế thần, nhẹ thì bị bỏ mặc không ai thèm nhòm ngó đến, ít nhất cũng sẽ ngẩn ngơ cả đời.

Kiểu "gọi hồn" này ngoài gọi tên họ của người đó ra, còn có cách khác là cắt tóc của người đó hoặc lén xé một mảnh quần áo, cũng có thể bắt hồn của đối phương đi. (Học giả Kuhn người Mỹ có tác phẩm *Gọi hồn – 1976, năm khủng hoảng của nền yêu thuật Trung Quốc*, một quyển sách chuyên điều tra những vụ án gọi hồn lớn chấn động cả nước, có thể tham khảo). Tệ hơn nữa là sử dụng thuật phù thuỷ, dùng kim châm vào hình nhân thế mạng, xua đuổi tà ma bắt sinh hồn, như thế không chỉ là bắt hồn nữa mà là lấy mạng rồi. Giống như yêu nhân Trương Kỳ Thần trong quyển tám của *Tử bất ngữ* có nói: "Có thể dùng thuật để bắt hồn người", nhưng thuật này dùng cách là cắt hình nhân bằng giấy, gửi hồn mình hoặc hồn con trai vào hình nhân đó, người giấy này sẽ hoá thành hung thần ác quỷ, đến nhà kẻ thù tác oai tác quái, tóm bắt hồn của kẻ ấy. Nhưng yêu thuật này vẫn luôn "không ứng với người khác mà ứng vào chính mình".

Trương Kỳ Thần gặp phải một tiên sinh họ Ngô không tin vào tà thuật, dùng *Dịch Kinh* để giải tà thuật khiến hung thần ác quỷ kia biến thành người giấy, nếu để người giấy này ở trong nhà tới hôm sau thì chính yêu nhân sử dụng tà thuật đó sẽ mất mạng. Trong quyển tám, *Đạo sĩ mất mạng vì sử dụng tà thuật* và quyển mười, *Đánh thi thể* của một đầu sách cùng loại đều kể về yêu đạo gửi hồn vào búp bê hoặc thậm chí là cương thi, nguyền rủa để lấy hồn người khác, mưu đoạt tài sản, cuối cùng lại khiến chính mình

https://thuviensach.vn

thiệt thân. Kỳ lạ là, loại yêu nhân yêu đạo này lại có thể thịnh hành suốt một thời gian dài, dùng yêu thuật giữa ban ngày ban mặt, lại thu hút được rất nhiều kẻ si mê, sùng bái!

Thế là trong số những linh hồn bị loại yêu nhân này bắt đi, có một nhóm là những tín đồ tự nguyện tìm đến nộp mình. Nguyên nhân là những người đó tư chất bình thường nhưng chí hướng lại cao, cũng may được làm danh công danh mẫu nên mặc định mục tiêu tiếp theo là trở thành thần tiên thật sự. Bởi vì trong các loại hình thần tương ly có một loại gọi là "xuất thần", đó là một trò mà chỉ thần tiên mới làm được, giống như trường hợp của đại pháp sư La Công Viễn mang hồn thần của Đường Minh Hoàng đến nguyệt cung nghe *Nghê thường vũ y khúc*. Còn ưu điểm lớn nhất của kiểu "xuất thần" đó không chỉ là thần du bát biểu, có thể uống nước cây Phù Tang[1], ăn bít tết Anh trong mộ mà là đợi đến thời khắc vô thường, thần xuất khỏi xác, tìm một nơi nào đó để trốn, khiến quỷ sứ không tìm thấy, phải quay về chịu đòn. Mấy lần như thế, Diêm Vương cũng hết cách, liền tích một dấu lên tên kẻ đó trong sổ, thế là người tu hành ít nhất cũng có thể thành địa tiên, vừa không chìm đắm trong tửu sắc, lại có thể trường sinh bất tử. Nhưng muốn được như thế phải tu luyện tiên đạo tới một mức độ nào đó mới có thể khống chế được sự xuất nhập của hồn thần, nếu không hồn ra khỏi xác rồi sẽ không tìm được đường về, rớt vào cống thoát nước, hoặc vào nhầm hang chuột, người xui xẻo nhất sẽ quên đường về, hoá thành sương khói tản mạn khắp nơi, thật đáng thương[2]. Vì vậy, nếu muốn thành tiên, ít nhất cũng nên tìm một thần tiên sống để bái làm sư phụ, tu luyện thêm bảy, tám năm. Nhưng buồn một nỗi tất cả những "thần tiên sống" tự xưng trên đời này đều là giả, giống như một trò lừa gạt, thay đổi, biến hoá những quy luật mấu chốt trong đạo xuất thân cũ, chỉ có thể biến những "tài tử tài nữ" đang bình thường thành bệnh nhân tâm thần cấp hai, mắt sáng quắc khác thường, nói năng linh tinh, nói cho cùng, linh hồn đó trúng "tư tưởng" giả mạo đạo thuật rồi.

[1] Phù Tang: một loại cây dâu và còn dùng để chỉ nước Nhật.

https://thuviensach.vn

[2] Quyển bốn trong 'Động linh tụ chí' của Quách Tắc có viết về một viên quan về hưu, ẩn cư tại gia, tu học đạo thuật, ngày ngày ngồi thiền. Sau một thời gian dài, chốt cửa của nguyên khí dần nới lỏng, một đứa bé chui ra nhưng chỉ có thể bay lượn trong phòng. Một ngày nọ, bị tiếng mèo kêu bắt chuột làm cho thất kinh, không thể quay lại thể xác, rồi dần tan biến. Lại có một người tên Uông Sinh, cuối đời rồi vẫn chưa lấy vợ, chỉ chuyên tâm luyện đạo. Trong lúc ngồi thiền, một đứa bé đẩy cửa bước ra, ngồi trên cửa sổ, chỉ lớn vởn trên nóc nhà, đến trưa xuống khỏi mái nhà, theo đường cửa sổ lần vào cửa, nhà người đó có người hầu mới, truyền gọi cơm trưa, tiếng hơi to một chút, đứa bé thất kinh, quay lại mái nhà quên đường về, một thời gian sau hoá thành làn khói bay khắp nơi, và Uông Sinh chết.

Gọi hồn

Gọi hồn ở chương này có ý nghĩa trái ngược với gọi hồn ở chương trước. Khái niệm về gọi hồn ở chương trước là một kiểu tà pháp của vu thuật *(trò phù thuỷ)*, gọi hồn của người sống ra khỏi thể xác của họ, còn khái niệm gọi hồn ở chương này là gọi những linh hồn bị mất, bị lạc đường quay về, ngoài cách gọi là "gọi hồn" ra, người địa phương còn có những cách gọi khác như hoán hồn, chiêu hồn, thu hồn, bắt hồn, cướp hồn, khiêu mao sơn[1],… Công dụng của hai loại gọi hồn này tương phản nhau, nhưng về bản chất thì không có gì khác biệt, cùng dùng vu thuật để thu hồi linh hồn con người.

[1] Chỉ hoạt động nhảy múa của đạo sĩ để trừ ta ma…

Về mặt lịch sử, thuật chiêu hồn đã sớm xuất hiện trong *Tang đại ký* của *Lễ ký* kinh điển của Nho gia, còn cả trong "chiêu hồn" được cho là truyền thuyết của Tống Ngọc trong *Sở Từ* mà chúng ta đều rất quen thuộc, nhưng truy ngược lại thời gian thì có lẽ thuật này còn xuất hiện xa xưa hơn nữa, không chỉ là một trong những tiết mục trong tang lễ. Cái gọi là "chiêu hồn, phục hồn" chính là chiêu hồi những linh hồn đã thoát khỏi thể xác, tương hợp với phách lúc này vẫn còn ở trong cơ thể, mục đích cuối cùng là giúp con người hồi sinh, đó chính là ý nghĩa chủ yếu khi sử dụng thuật này của tổ tiên. Còn với vu thuật nguyên thuỷ, thực ra cũng là một trong những loại

https://thuviensach.vn

y thuật nguyên thuỷ, thuật chiêu hồn được dùng rộng rãi khi có người bị ngất, mê loạn, mắc bệnh hiểm nghèo, chết lâm sàng,… được coi là ở vào tình trạng mất hồn. Người chết là người không thể chiêu hồn về được, nhưng những người chiêu được hồn về thì có thể không chết. Đạo lý này cũng giống như cách tuyên truyền "chỉ có thể chữa bệnh, không thể làm người chết sống lại" trong những bệnh viện hiện đại nhất.

Vì vậy, thuật chiêu hồn và tục chiêu hồn vẫn được lưu truyền cho tới ngày nay, còn những người chết vì không thể chiêu hồn kia được các nhà Nho biến thành một trong những trình tự trong tang lễ, nhưng đó không còn là chiêu hồn phục sinh nữa mà là chiêu hồn nhập tang rồi.

Những gì được ghi chép trong sách Nho được coi là khái niệm "phục" trong tang lễ, tức là chiêu hồn để hồn quay lại với phách: "Khí tuyệt tắc khốc, khốc nhi phục, phúc nhi bất tô, khả dĩ vi tử sự." Về mặt ý nghĩa, ban đầu cũng là chiêu hồn để cứu sinh, người không còn khí nữa thì khóc gọi, khóc gọi mà hồn không quay lại thì dùng thuật chiêu hồn để gọi hồn về với phách, nếu dùng thuật chiêu hồn mà người vẫn không sống lại, lúc ấy có thể cử hành tang lễ. Cách chiêu hồn trong tang lễ này, từ cổ tới kim chưa thấy có một ngoại lệ nào, nhờ đó mà sống dậy, còn đối với cách chiêu hồn của các thầy phù thuỷ, thì tỷ lệ thành công tương đối cao. Điều này rất đơn giản, một người là người chết, một người là người bệnh, cũng giống như bây giờ chúng ta đều biết nên đưa người nào tới bệnh viện còn người nào vào nhà tang lễ vậy. Mặc dù cách mà họ chiêu hồn không khác nhau nhiều, đều cầm quần áo, vật dụng cũ của người mất hồn (hoặc mới chết/ chết lâm sàng) trèo lên nóc nhà vái tứ phương, hô gọi, nhưng trong Nho gia lại coi đó là "lễ", trở thành "văn hoá cần có" trong quá trình cử hành tang lễ, không phát triển gì thêm, còn cách của các thầy phù thuỷ mặc dù bị coi là mê tín dị đoan, nhưng lại có quan hệ "sống còn" với dân chúng, so sánh hai thứ, rõ ràng là có sức sống lâu hơn, thậm chí còn lôi cả hoà thượng và đạo sĩ vào, sinh ra rất nhiều dạng, kiểu khác nhau. Đương nhiên, trong những điểm mấu chốt, những thuật này với vu thuật thời xưa không có gì khác.

https://thuviensach.vn

Cách gọi hồn thông thường nhất là gọi hồn của trẻ con. Không biết bây giờ thế nào, tôi chỉ biết vào nửa thế kỷ trước, vẫn thường thấy hiện tượng này ở thành phố. Trẻ con phát sốt, hôn mê bất tỉnh, cách đơn giản nhất là người mẹ ôm con, xoa xoa đầu, gọi tên ở nhà: "Con yêu mau quay về" hay đại loại thế. Nếu thấy không có hiệu quả thì nên dùng những thủ đoạn hơi mang tính vu thuật. Và thuật thu hồn ở các địa phương không giống nhau, có những điểm đặc sắc riêng. Trong quyển hai, *Thu hồn* của *Dực Quynh bại biên*, Thanh Dụng người đời Thanh có viết:

Bình thường khi gặp cảnh con trẻ bị hoảng hốt, giữa đêm ngủ không an giấc, lập tức cho áo của đứa trẻ đó vào trong cái đấu, sau khi thắp hương cúng khấn trên bàn thờ xong, một người ôm cái đấu gọi tên của đứa trẻ, một người đáp lại: "Về đây."

Đây là cách thu hồn trong dân gian ở Giang Tô, Thường Châu, còn ở Nam Kinh cách đó không xa, lại có chút khác. Trong quyển hạ viết về Giang Tô của cuốn *Phong tục tập quán đất nước Trung Hoa*, Hồ Phan An có viết như sau:

Trẻ con tình cờ bị ốm, mà có thể là đến nơi nào đó chơi rồi sợ hãi đến phát ốm, mất hồn ở nơi ấy. Sẽ có người cầm quần áo của đứa trẻ, treo áo lên cán cân, một người cầm đèn lồng đi đến nơi khác, dọc đường rắc rượu và lá chè, gọi tên đứa trẻ đó (một hô một ứng) quay về, như thế là gọi hồn.

Những gì nói ở đây tương đối đúng, tức là chưa cần thầy phù thuỷ đến xác nhận có đúng là người đó đã mất hồn hay không, chỉ cần trẻ con "tình cờ bị ốm", người lớn sợ linh hồn nó chạy mất, điều này cũng xuất phát từ nguyên nhân hơi thở của trẻ con yếu ớt, linh hồn dễ bị những du thần dã quỷ thuộc nơi khác bắt đi mất. Quần áo mà đứa trẻ từng mặc chính là đạo cụ cơ bản nhất, có thể có "giao cảm" đối với linh hồn bị mất của đứa trẻ, giúp cho linh hồn tìm được đường về với thể xác, nhập lại vào đó. Còn về cái đấu và cân, một là vì chúng có công năng trừ tà, hai là lúc này có thể dùng để tải hồn

https://thuviensach.vn

về, còn gạo, lá trà là những vật phát ra chút "âm vật", có thể dùng để đổi lấy linh hồn mà bị những du thần dã quỷ bắt đi.

Thực ra, loại vu thuật này khi áp dụng cho người trưởng thành cũng không có thay đổi gì lớn. Cách chiêu hồn ở thời kỳ Tiên Tần, không thể tách rời khỏi "cố phục", "phục trang" trong tang lễ cũng là "một trong những loại quần áo dùng để chiêu hồn phục phách". Trong truyện *Lý Cập* của *Quảng dị ký*, kể về việc hồn phách của Lý Cập bị quỷ sứ bắt nhầm, khi thả ra lại không đưa về tận nhà, kết quả là tự mình tìm về nhà rồi nhưng do người nhà đứng chắn ở cửa nên không vào được, đành chạy đến nhà bố vợ lánh tạm. Cũng may vợ ông ta "như có linh cảm", lúc này mới "cầm theo quần áo và vật dụng của Lý Cập, đi dọc đường để chiêu hồn của chồng. Lý Cập theo vợ về đến nhà, thấy thi thể mình trên giường, liền nhập vào và sống lại". *A Bảo* trong *Liêu trai chí dị* cũng viết: Tôn Tử Sở yêu đơn phương, linh hồn chạy đến phòng của tình nhân A Bảo, thể xác ở lại nhà dở sống dở chết. Người nhà đến nhà A Bảo để chiêu hồn, thầy phù thuỷ cũng phải "cầm theo quần áo cũ, đệm cỏ trước kia". Truyện *Chu Ông* trong quyển bảy, *Chỉ vẫn lục* do Dung Nột cư sĩ viết về phong tục ở huyện Ngân, tỉnh Chiết Giang như sau: "Nếu có người ốm đau một thời gian dài, họ sẽ cho rằng hồn người đó không còn ở trong xác nữa, chuẩn bị đồ tế lễ, đến miếu Thành Hoàng cúng thần, dùng một con gà trống, khoác chiếc áo của người bị bệnh lên thân con gà, hô hoán gọi tên của người bệnh, hồn theo tên gọi đi về." Áo mà người mất hồn từng mặc, đệm cỏ mà họ từng nằm, đồ mà họ từng dùng đều giống nhau, tác dụng cũng giống nhau, hồn của người đó sẽ nhận ra mùi của những đồ vật thuộc về mình. Con gà trống cũng giống như cái cân hay cái đấu, là vật trừ tà kiêm thu hồn.

Linh hồn của con người có mối liên hệ mật thiết khác thường đối với quần áo, nói theo cách khác thì là bộ quần áo đó có sức hấp dẫn với linh hồn. Những câu chuyện về hiện tượng này rất nhiều, thậm chí còn ly kỳ, cổ quái, phần sau, khi kể đến vấn đề ma quỷ mặc quần áo sẽ thuật lại những chuyện này.

https://thuviensach.vn

Nhưng có quần áo, đồ vật cũ cũng được, không tìm thấy quần áo, đồ vật cũ cũng không sao, có điều không thể thiếu hành động "gọi" trong gọi hồn, đó chính là miệng phải không ngừng gọi lớn tên người chết. Giọng không to, linh hồn không nghe thấy, đương nhiên cũng không nên gọi to tới mức khiến linh hồn sợ hãi mà chạy mất. Gọi tiếng được, tiếng mất sẽ khiến linh hồn nghe thấy mà cảm thấy mông lung, không tìm được đúng phương hướng, vì vậy phải gọi liên tục không đứt đoạn. Ngoài ra, nếu linh hồn của người bị du thần nào đó giữ chặt không chịu thả thì tiếng gọi cũng có tác dụng kéo linh hồn ra. Việc này giống như bị bạn kéo đi đánh mạt chược, cả đêm không về, vợ đứng ngoài cửa và không ngừng gọi tên mình, tới mức đám bạn bài bạc thấy chán ngán, không thả cũng không được.

Trần Thiệu người đời Đường trong *Thông u lục* ghi lại chuyện Lô Toản nửa đêm lăn ra chết, cháu trai Lô Trọng Hải thấy tim người này vẫn còn ấm, liền nghĩ "có cách chiêu hồn để vong về", "thế là gọi to tên Lô Toản, liên tục không ngừng nghỉ, phải đến cả vạn lần", cuối cùng đã khiến thúc phụ sống lại. Sau khi thúc phụ tỉnh lại, ông ta nói bị một vị quan mời đi uống rượu, rượu thịt đầy bàn, vui vẻ triền miên, uống nhiều quá, đến mức quên cả việc phải về nhà. Đột nhiên nghe thấy tiếng cháu trai réo gọi, vừa gấp gáp vừa bi thương, trong lòng cảm động, mới cáo từ chủ nhân ra về. "Chủ nhân ra sức níu kéo, ta cáo nhà có việc gấp, chủ nhân mới tạm tha cho về." Nhưng không lâu sau, linh hồn của Lô Toản lại bị mời đi, Trọng Hải đành phải gọi tiếp, giọng ai oán, cấp thiết hơn lần trước, tới tận khi trời sáng mới gọi thúc phụ sống dậy, sau đó hai chú cháu vội vàng chạy khỏi nơi ma quỷ hiếu khách này.

Tất cả những chuyện kể trên mặc dù đều có thể quy cho thuật phù thuỷ, nhưng đã trở thành "món mỳ ăn liền gia đình" mà dân gian quen gọi, không cần mời thầy phù thuỷ, tự mình có thể thao tác. Nhưng nếu làm vậy mà vẫn vô hiệu, gia đình người bệnh lại hoàn toàn không còn tin tưởng vào thầy thuốc nữa thì đành phải mời thầy phù thuỷ đến dùng phép thuật chuyên nghiệp. Nhưng phép thuật chuyên nghiệp này cũng có sự khác nhau về độ nông sâu, khó dễ.

https://thuviensach.vn

https://thuviensach.vn

Hồ Phác An ghi chép về phong tục tập quán của Giang Tô, trong trường hợp người bệnh nóng lạnh lâu không thấy giảm, y dược vô hiệu, liền cho rằng người này đã bị mất hồn. Thế là mời thầy phù thuỷ về để "bắt hồn", đại khái là rượu mừng không uống muốn uống rượu phạt, ngươi không chịu ngoan ngoãn quay về thì phải dùng thủ đoạn cưỡng chế. Nhưng cũng không phải dùng đến quan binh nơi địa phủ, chỉ cần chạy ra giữa cánh đồng, gặp bất kỳ con côn trùng nào liền coi nó là linh hồn của người bệnh, bắt mang về nhà, đặt lên giường của người bệnh, miệng lẩm bẩm những câu thần chú mà không ai có thể hiểu được, nếu khỏi bệnh thì coi như thầy phù thuỷ đó có bản lĩnh, nếu không khỏi mà người bệnh chết luôn thì thầy phù thuỷ cũng không chịu bất cứ trách nhiệm nào. Linh hồn đương nhiên sẽ không hoá thành côn trùng, chỉ tầm gửi trên thân côn trùng thôi, giống như linh hồn của Tôn Tử Sở gửi vào trong con chim két, con chim bay về Tôn gia, vừa vào cửa là lăn ra chết, còn Tôn Tử Sở đang nằm hấp hối trên giường thì lại sống dậy. Đặt con côn trùng đó lên giường người bệnh cũng là có ý muốn cho thể xác và linh hồn được giao tiếp với nhau. Còn về việc giao tiếp có thành công hay không là việc của người đó, thầy phù thuỷ cũng không can thiệp được nhiều.

Còn một kiểu khác được gọi là "cướp hồn", trong quyển năm của *Hữu đài tiên quán bút ký* mà Du Việt ghi chép thì cướp hồn là một trong những phép thuật được lưu hành ở Nam Xương Phủ, Giang Tô. Nơi đó, thôn xóm nào cũng có miếu, trong miếu thờ một vị thần gọi là "thái tử", mặt trắng, khuôn miệng đang cười, người mặc giáp, đầu đội mũ mâu, một tay cầm cờ, một tay cầm kiếm. Những người mắc bệnh nặng không thể chữa được, liền dùng một chiếc "kiệu kêu" rước thái tử về nhà người bệnh. Cái gọi là "kiệu kêu" có nghĩa là khi khiêng chiếc kiệu lên, nó sẽ phát ra những tiếng leng keng. Đây không phải âm thanh thái tử thích nghe, mà là muốn để chiếc kiệu này phát ra những tiếng kêu vui tai như thế thì cần phải khiến nó rung rung lắc lắc, thế là người được khiêng sẽ có cảm giác như đi trên mây trên gió. Thần về đến nhà người bệnh, đầu tiên là đốt tiền vàng, coi như lễ gặp mặt thái tử, đạo sĩ sẽ theo sau, lại có hơn mười người cầm đuốc tháp tùng, đến đồng

https://thuviensach.vn

trống mênh mông, lượn ba vòng, đồng thanh hét gọi, sau đó nhanh chóng quay trở về. Vừa vào đến cửa, liền lớn tiếng gọi tên người bệnh, trong nhà, người nhà phải bố trí người đứng đó đáp lại: "Có", sau đó mới khiêng thái tử vào trong nhà, bắt đầu cung phúng. Ba, bốn ngày sau, đạo sĩ là người cung tiễn thái tử về lại miếu, còn việc người bệnh đó có thuyên giảm bệnh tình hay không, đạo sĩ sẽ không quay lại hỏi thăm. Từ quá trình trên có thể thấy, thực sự thì khó có thể nhìn được linh hồn kia đang ở nơi nào và cướp nó về bằng cách nào.

Trong quyển sách này còn đề cập đến cách "hoàn hồn" ở Quảng Đông, hay còn gọi là người "khiêu mao sơn", đấy chính là môn võ nghệ náo nhiệt nhất. Cách này dùng vài đạo sĩ, bố trí trai đàn, treo tượng thần… giống mọi nghi lễ bình thường khác. Sau khi chuẩn bị xong, sắp xếp đạo cụ trên cầu thang, mỗi bậc buộc một con dao găm, đầu nhọn phải hướng lên trên, đạo sĩ dùng chân đá con dao này để nhảy lên từng bậc. Cứ làm như thế mấy lần thì được gọi là "thượng đao sơn". Sau đó lại dùng một miếng sắt, một dây xích, ném vào trong lửa cho đỏ rực lên, đạo sĩ miệng ngậm miếng sắt đỏ hồng, tay quấn xích sắt đỏ rực, một lúc sau mới ngâm vào trong nước lạnh, nước như được đun sôi đột ngột trào lên, dùng nước này cho người bệnh rửa mặt. Đạo sĩ lại tự chích tay mình cho chảy máu, bôi vào huyệt hai bên thái dương và hai lòng bàn tay của người bệnh, để trừ nội tà, đối hai bó đuốc, đi vào trong phòng người bệnh, cả phòng đầy ánh lửa, thế gọi là "phát hoả phấn" để trừ ngoại tà. Cuối cùng vẫn dùng một con gà trống, một thanh trúc, lấy áo trên người người bệnh, đi vào phòng và gọi tên người đó, gọi là hoán hồn. Khi hoán hồn, nếu đúng lúc ấy có bò, cừu, hoặc gà, chó đi đến thì sẽ không thể chữa được bệnh cho người ốm.

Nhìn toàn bộ quá trình trên, dường như chỉ có tiết mục cuối cùng là cầm áo vào phòng, gọi tên người đó mới là tiết mục chính của "hoán hồn", những thứ còn lại đều là các kỹ năng biểu diễn kỳ dị. Đã là biểu diễn thì nhất định sẽ thu hút hàng xóm láng giềng tới xem. Người ta bỏ tiền ra mời người về khám bệnh cho người sắp chết, người khác lại coi đó như một vở kịch, về

https://thuviensach.vn

tình về lý đều thấy không ổn, thế là xuất hiện lời cảnh cáo: "Người nào nhìn thấy tất sẽ chết" để những người rỗi việc không đến làm phiền.

"Thượng đao sơn", vài năm trước vẫn được trình chiếu trên ti vi, là buổi biểu diễn của một dân tộc thiểu số ở Vân Nam, thậm chí còn thêm một tình tiết "quá hoả hải", tức là phải bước qua một giàn sắt đang đỏ rực. Chỉ có điều, khi ấy không nói chi tiết này có quan hệ gì trong việc chữa bệnh, cũng không vào phòng mà hô, chỉ nói đây là một nghi thức tôn giáo nguyên thuỷ để trừ tà cầu phúc. Nếu những gì Khuất Nguyên tiên sinh thuật lại không sai thì chiêu thức "hoán hồn" ở Quảng Đông chắc cũng bắt nguồn từ thuật phù thuỷ biến hoá, đương nhiên cũng có khả năng là trong thuật phù thuỷ chiêu hồn phục phách sử dụng nghi thức tôn giáo của dân tộc thiểu số. Còn thuật phù thuỷ và tạp kỹ có quan hệ với nhau là do thuật phù thuỷ pha trộn vào tạp kỹ, hay là tạp kỹ được tách ra từ thuật phù thuỷ, điều này không ai rõ. Nhưng do hai tiết mục biểu diễn đó có độ khó tương đương, vì vậy tiền thu được cũng khá. Hoán hồn đối với bán gia mặc dù không phải chuyện nhỏ, nhưng những chuyện như thế này mang tính khoa trương nhiều hơn.

Quyển mười lăm trong *Hữu đài tiên quán bút ký* còn ghi lại một loại "thuật gọi hồn", tức là gọi hồn người sống đang ở nơi đất khách quê người về. Ở Hồ Bắc có một gia đình nông dân, thời loạn lạc nên người chồng bị bắt đi lính, mãi không thấy về. Có người mách với mẹ người đó rằng: "Có thể lấy giày mà con trai bà đã đi đặt dưới gầm giường, buộc hai chiếc giày quay mặt vào nhau, sau đó đêm nào cũng gọi tên con trai bà thì con trai bà có thể trở về." Lại có một chuyện, là do con dâu của Du Việt kể, chị ta từng ở nhà họ Chu để lánh nạn binh đao, đứa con trai độc nhất của nhà hàng xóm bị giặc bắt đi, có người mách mẹ cậu ta là đi xin dầu và bấc đèn của bốn mươi chín nhà, cứ đến đêm thì đốt, sau đó gọi tên con bốn mươi chín lần, đêm nào cũng làm như vậy, phải gọi thật tha thiết. Mấy tháng sau, đứa con đó đúng là đã thoát khỏi sự giam giữ của bọn giặc mà về, theo lời kể của cậu ta, đêm nào cũng nghe thấy tiếng mẹ gọi mình. Mặc dù những linh hồn được hoán về này chưa rời khỏi thể xác, nhưng nó có thể nghe thấy tiếng hô

https://thuviensach.vn

tiếng hoán, cảm nhận của những linh hồn trong thuật phù thuỷ chiêu hồn là giống nhau.

Chuyện cuối cùng không thể không nói, đó là từ thời Minh – Thanh có rất nhiều phong tục ở các địa phương, gặp phải chuyện "mất hồn", khi chiêu hồn, còn phải đến miếu Thành Hoàng hoặc thổ địa đốt hương cúng bái. Đoán rằng chỉ có thể là một trong hai nguyên nhân dưới đây.

Một là, sau thời Minh, miếu Thành Hoàng của châu huyện đã trở thành âm phủ được địa phương hoá, trước kia, những linh hồn bị âm phủ chiêu về, đều phải gặp Diêm Vương, bây giờ chỉ cần đến gần những kẻ do thần Thành Hoàng cai quản là được. Người đã chết, linh hồn bị giam trong miếu Thành Hoàng, trong âm gian gặp phải vụ kiện nào cần đi bắt người sống về làm chứng, có chuyện gì phải kéo sinh hồn mới có hiệu quả thì lệnh bắt hồn đó cũng là do Thành Hoàng phê chuẩn. Vì vậy, nếu có người bị mất hồn thì khả năng là bị Thành Hoàng tạm thời bắt đi, lúc này đến miếu thắp hương cầu khấn cũng chính là cách để thăm dò tình hình thực tế, cầu xin lão gia giơ cao đánh khẽ, nhanh chóng thả sinh hồn đang bị giam giữ về.

Nguyên nhân thứ hai là, cho dù Thành Hoàng ở châu huyện hay miếu thổ địa thôn xóm, trong mắt mọi người đều có trách nhiệm bảo vệ cho các sinh linh của địa phương, vậy thì khi quỷ tốt đi tuần, gặp phải những sinh hồn lạc lối, về lý thì họ có nghĩa vụ phải thu nạp những linh hồn ấy. Nếu là sinh hồn của những gia đình giàu có, Thành Hoàng, thổ địa sẽ nghĩ cách tìm ra gia chủ, cung kính đưa sinh hồn đó trở về phủ, còn bách tính thường dân quá nhiều, không thể để ý hết được, nên đành để thân nhân của những linh hồn đó vất vả đến miếu, dâng hương bẩm báo, rồi mang sinh hồn của gia đình mình về. Đạo lý này không cần nói chắc mọi người cũng hiểu, giờ con cái hoặc người thân nhà ai bị mất tích, việc đầu tiên mà thân nhân người đó làm chẳng phải cũng là chạy đến đồn công an để báo án sao?

https://thuviensach.vn

Các kiểu thoát khiếu[1]

[1] Khiếu ở đây là lỗ.

Trong các cuốn tiểu thuyết, bút ký, thường gọi việc linh hồn rời khỏi thể xác là "lý khiếu" (trong truyện *Thang Công* ở quyển ba của *Liêu trai chí dị*), linh hồn quay lại thể xác gọi là "nhập khiếu" (trong truyện *Sinh hồn nhập thai, thai phụ sinh nở* của *Tục tử bất ngữ* do Viên Mai viết). Càng kỳ lạ hơn, hồi còn nhỏ, khi nghe người già kể những câu chuyện kiểu này, họ liền gọi những linh hồn thoát khỏi thể xác trong giấc mơ là "khiếu", cách nói nghe có vẻ hơi "trẻ con". Khi về già nghĩ lại chuyện này, đột nhiên cảm thấy từ "khiếu" này có thể viết nhầm của từ "xác", bởi vì từ "xác" và từ "khiếu" trong tiếng Trung là từ đồng âm khác nghĩa. Như trong truyện *Bào hải la phu* ở quyển bảy trong *Động linh tục chí* của Quách Tắc Vân viết cũng gọi là "xuất xác". Nhưng cũng có một khả năng khác, tức là từ "khiếu" này muốn nói đến "khổng khiếu"[2] trên người. Bởi vì cũng có một cách nói, đó là linh hồn rời khỏi thể xác liền coi lỗ hổng đó là đường thoát. Là từ "xác" hay từ "khiếu", cho dù có làm rõ thì về ý nghĩa cũng không khác nhau nhiều, đều là nơi trên cơ thể để linh hồn rời khỏi và quay lại thể xác, nhưng từ đó chúng ta liên tưởng tới một chuyện rất nhỏ khi linh hồn rời khỏi cơ thể: Linh hồn thoát khỏi thể xác như thế nào? Điều này lại khiến chúng ta không thể không nghĩ đến vấn đề về hình dạng của linh hồn là to hay nhỏ.

[2] Khổng khiếu: lỗ hổng.

Theo cách nhìn thông thường trong nhân gian, linh hồn của một người sẽ có hình dạng giống hệt như thể xác của người đó, về mặt trọng lượng có thể có khác biệt, nhưng dài ngắn, béo gầy thì giống hệt nhau. Trong câu chuyện về Liễu Thiếu Du đã nói ở trước, linh hồn và thể xác hoàn toàn giống nhau, khiến người bên cạnh còn không phân biệt được ai là chủ, ai là khách. Đây có lẽ là kiến thức thường thấy của chúng ta trong quan niệm về thế giới u minh, thử đọc một loạt những câu chuyện về linh hồn, những người tình

https://thuviensach.vn

trong giấc mơ, những sinh hồn do âm sai bắt đi, Diêm Vương tra khảo, và những linh hồn hiển linh trong nhân gian dường như đều giống hệt thể xác của người đó. Chỉ cần suy nghĩ một chút là có thể hiểu ngay, nếu linh hồn và thể xác khác nhau thì chẳng phải thế giới âm phủ sẽ đại loạn hay sao? Không chỉ đại loạn mà sẽ hoàn toàn sụp đổ!

Tôi có suy nghĩ thế này, nếu quỷ có thể gặp người mà người không thể gặp quỷ thì mối quan hệ giữa hai thế giới âm dương không được bình đẳng cho lắm, điều này cũng là một trong những nguyên nhân khiến rất nhiều người cho rằng ma quỷ có khả năng siêu phàm, có thể biết những thứ mà con người không biết, làm những việc mà con người không thể làm. Người không thể nhìn thấy quỷ, nếu quỷ muốn người nhìn thấy, muốn người cảm nhận thấy thì phải trở thành "vật phụ thuộc", quan niệm này mặc dù không phổ thông lắm, nhưng đúng là đã tồn tại trong một vài ghi chép của các học giả. Chẳng hạn như mảnh ván quan tài thì không thể thành tinh, cái phất trần hỏng thì không thể tác quái, lý do chúng bị con người cho rằng có thể trở thành tinh quái vẫn là vì có vật tinh quái đính kèm mà thôi. Tuy nhiên, nếu người nào đó có thể nhìn thấy quỷ, giả sử anh ta không phải là thuật sĩ có thể nhìn thấy quỷ, hoặc đứa trẻ có đôi mắt tinh tường thì nhiều khả năng anh ta có vấn đề về mặt tinh thần, nghiêm trọng hơn thì có lẽ thành phần quỷ trên người anh ta tương đối nhiều, cũng có thể anh ta sắp chết. Giống như một câu nói trong bộ phim *Constantine*[3] của Mỹ: "Khi bạn nhìn thấy họ thì họ cũng nhìn thấy bạn rồi." Mặt khác, nhìn từ góc độ của ma quỷ thì họ vốn không nhìn thấy con người, thứ mà họ nhìn thấy chỉ là linh hồn của con người, phương thức mà họ và con người có thể giao lưu với nhau là thông qua giấc mơ, sự ảo giác nhất thời *(tức là tạm thời ngao du giữa hai thế giới âm và dương)*. Những gì mà âm sai có thể nhìn thấy có lẽ cũng giống như thế, do đó, thứ mà chúng bắt đi cũng chỉ có thể là hồn mà không phải là "người", khi chúng cầm dây quấn vào cổ "người", thực ra là quấn vào cổ hồn của người đó. Những đối tượng ra đi một cách bất thường, khi tỉnh lại người đầm đìa mồ hôi, run rẩy đó không phải là người bệnh nằm trên giường mà là linh hồn của người đó. Ở đây tôi không muốn bàn luận quá nhiều về vấn đề này, chỉ muốn mượn nó để nói rõ một điều, thường thì,

https://thuviensach.vn

nếu linh hồn của người ta bị nhìn thấy, về lý giống hệt với thể xác của người đó, đến cả sự khác biệt nhỏ xíu giữa hai anh em sinh đôi có lẽ cũng không có.

[3] Người đến từ địa ngục.

Khi một linh hồn như thế phải rời khỏi thể xác, nếu phải thể hiện hình tượng thì tôi cảm thấy hình ảnh thần xác phân ly trong bộ phim *Ghost*[4] của Mỹ là hợp lý nhất: Khi người chết ngã xuống, một hình ảnh có hình dạng giống hệt người đó cùng lúc tách ra khỏi cái xác, từ từ đứng dậy, lơ lửng bay đi, hoặc lên thiên đàng, hoặc xuống địa ngục. Nhưng kiểu phân ly khỏi thể xác như thế rất ít được miêu tả trong những câu chuyện ma của chúng ta, mà là những người đồng ý với cách nhìn này cho rằng đó là chuyện hết sức bình thường, không có gì phải bàn cãi. Như truyện *Sinh hồn vong tử* trong *Dực quynh bại biên* mà chúng ta đã đề cập ở chương *Mất hồn* cũng là kiểu linh hồn cố gắng thoát khỏi thể xác. Còn có rất nhiều những câu chuyện về việc linh hồn nhập lại thể xác, hoặc linh hồn lao vào trong thể xác, hoặc linh hồn và thể xác gặp nhau rồi nhập lại thành một… Nếu có ai đó yêu cầu phải miêu tả giống như khi chơi búp bê Nga, từ từ nhấc con bên ngoài ra rồi lại nhấc tiếp con bên trong thì đúng là làm khó người kể chuyện rồi. Trong *Phong thần diễn nghĩa*[5], động một tí là lại nói: "Một linh hồn nữa đã chạy về đài phong thần rồi", ba trăm sáu mươi lăm linh hồn chết đột tử là tách ra khỏi những cái đầu bị đánh vỡ toác hay thoát ra từ chỗ cơ thể bị đứt làm đôi, không có chỗ nào nói rõ. Xem ra Hứa Trọng Lâm cũng khó có thể nói rõ, nên đành ỡm ờ cho qua. Mà việc này vốn cũng không thể truy cứu tới từng chi tiết, nếu gặp phải những người thích tranh cãi, họ hỏi: Nếu như hình dạng của quỷ và thể xác giống hệt nhau, cho dù là người có bị chém thành hai đoạn đi nữa thì linh hồn của anh ta khi bay về đài phong thần cũng phải chia thành hai đoạn mà bay sao? Nhưng ở đây chúng ta không nói đến quỷ, vì vậy cũng không cần tranh cãi.

[4] Hồn ma.

[5] 'Phong thần diễn nghĩa' của Hứa Trọng Lâm

https://thuviensach.vn

Nhưng cổ nhân có một vị tiên sinh khi gặp phải cảnh bế tắc, cảm giác như linh hồn thoát xác, phải giống như con tằm thoát khỏi kén, ve sầu thoát xác vậy, cần có một cái lỗ mới chui ra được. Đương nhiên, theo như điển tích mà Nho học đã nói, linh hồn chỉ là khói, là khí, có thể dễ dàng tưởng tượng, chỉ cần thoát ra khỏi cơ thể người như toát mồ hôi vào mùa hè, khí lạnh vào mùa đông, sau đó "phát dương ư thượng, vi chiêu minh, hôn hao, thê sảng"[6], giống như mây khói bay lên, tản ra, có là "làn khói hương hồn" của Tiêu Tương tiên tử cùng đám hồn ma cũng không thể làm gì được nó. Nhưng trong các câu chuyện ma, chỉ có khi linh hồn bị đạo sĩ bắt vào trong hồ lô, khi thả ra mới biến thành làn khói đen, uốn lượn bay ra, chứ chưa từng thấy trên thân người thoát ra một làn khói đen bao giờ. Còn chuyện một làn khói đen bay ra từ thân thể con người, sau đó làn khói này liền tụ lại thành hình người, từ nhỏ tới lớn, chuyện như thế cũng là thần thoại, tiểu thuyết hóa rồi.

[6] Xem chú giải ở trang 18.

Còn vị tiên sinh gặp phải cảnh bế tắc nên nói chuyện ma quỷ lại nhận định rằng linh hồn là một thực thể có thể tích, trọng lượng rõ ràng, đương nhiên cũng sẽ không chấp nhận thuyết linh hồn mong manh như làn khói của Nho học rồi. Bọn họ thà linh hồn biến thành một thứ đồ nào đó, cũng không cho phép linh hồn tan vào hư không. Linh hồn vừa có thể se thành sợi mì, nặn thành bánh trôi, hoặc là ruồi nhặng, con dế, như thế mặc dù dễ dàng trong việc thoát xác, nhưng đa phần là do văn nhân múa bút hoặc những người già nhàn rỗi buôn chuyện, được coi như những tư tưởng kỳ lạ, nên không cần phải hỏi nhiều. Dễ dàng di chuyển và giản tiện nhất là cứ để linh hồn giữ nguyên tỷ lệ hình dáng và có thể tùy ý biến nhỏ lại, tới mức có thể chui ra từ một chỗ nào đó trên cơ thể, mà sau khi chui ra rồi không đến nỗi khiến cơ thể xẹp lại thành một đống.

Cách nói linh hồn nhỏ hơn thể xác mặc dù không quá phổ biến, nhưng thỉnh thoảng cũng bắt gặp trong những bài tùy bút và tiểu thuyết. Trong truyện

https://thuviensach.vn

Kiếp trước của Lô Hân Ngộ trong quyển mười một của cuốn *Dị kiên chí bổ* của Hồng Mại, kể về Triệu Thị Tứ mười chín tuổi, chăn bò trong núi, trời mưa nên trượt chân xuống vách núi chết. Nhưng linh hồn của anh ta không biết là mình đã chết ra sức đứng dậy, sau đó mới nhìn thấy bên cạnh có một thi thể đang nằm, thậm chí cũng không nghĩ ngay ra rằng đó chính là thi thể của mình, mà là thi thể của người khác. Lúc này, linh hồn của anh ta cũng có kích cỡ giống như thể xác, nhưng sau đó, khi bố mẹ anh ta tới nhặt xác, trong mắt anh ta, bố mẹ lại "cao lớn bất thường", dùng tỷ lệ của thể xác để suy đoán thì linh hồn của anh ta chỉ bằng một nửa so với thể xác thôi. Ngoài ra, tiểu thuyết ở thời Minh - Thanh cũng có không ít câu chuyện liên quan đến mức độ to nhỏ của linh hồn, cũng có vài chuyện nói linh hồn chỉ cao hơn một thước. Như truyện *Chùy Ngộ Tai* trong quyển thượng của cuốn *Minh bảo lục* do Lục Kỳ viết thì linh hồn và thể xác của người đó khi phân tách, phách thì cao lớn như cơ thể người, nhưng hồn lại chỉ cao hơn một thước.

Nhưng điều này cũng không được coi là độ co quá lớn, có một vài câu chuyện khác về việc thoát xác, trong những câu chuyện đó, linh hồn trở thành những "người nhỏ" như côn trùng, muỗi bọ vậy, chúng có thể chui ra chui vào cơ thể từ một lỗ hoặc một chỗ nào đấy. Quan niệm coi hồn là người nhỏ có lẽ bắt nguồn từ rất sớm, thuyết "thân thần" của Đạo giáo có lẽ cũng bị ảnh hưởng từ quan niệm này. Đạo sách cho rằng lục phủ ngũ tạng, tứ chi ngũ thể, gân cốt, đầu óc, da và mạch máu của con người giúp cho các lỗ được tuần hoàn, đều có thần linh chi phối, hơn ba vạn sáu nghìn thứ, những thứ nhỏ bé đó có thể to bao nhiêu? Tam thi thần mà các đạo sĩ thường đọc đó, hằng ngày ra vào cơ thể ba lần, vậy thì cửa tiện lợi nhất chính là lỗ trên và lỗ dưới rồi. (Trong những câu chuyện rất quen thuộc như *Người trong lỗ tai, Đồng nhân ngữ* trong *Liêu trai chí dị* chắc độc giả cũng có thể nhận ra được sự ảnh hưởng của sách Đạo giáo.) Nhưng quan niệm "thân thần" này ngược lại cũng ảnh hưởng đến nhận thức về linh hồn của con người, thứ mà người ta dễ coi là thứ nhỏ bé nhất chính là "mộng hồn".

https://thuviensach.vn

Trong truyện *Hồn người chu du* trong quyển bốn của *Canh dĩ biên* do Lục Sán viết, kể về câu chuyện xảy ra ở quê hương ông ở Tô Châu. Tên lý trưởng vì muốn thu tiền nha dịch, từ sớm đã đem theo một tiểu nô đi từ trước Phong Môn đến Tề Môn, trên đường đi vì mệt mỏi, liền vào mái hiên của một nhà nghỉ ngơi. Trong lúc mơ màng sắp ngủ, tên tiểu nô bên cạnh đã ngủ từ lâu, thế là chủ nhân "trong lúc mơ màng thấy một tên tiểu tử nhảy múa bên cạnh tiểu nô của mình, ngã xuống đất" cũng chính là linh hồn lìa khỏi thể xác. Đáng tiếc vị chủ nhân đó đã bỏ lỡ giây phút mà linh hồn của tên tiểu nô thoát xác, nhưng ông ta đã nhìn thấy linh hồn nhập vào thể xác như thế nào, có điều cũng rất mơ hồ, chỉ nhìn thấy linh hồn nhảy lên trên cái xác rồi biến mất. Linh hồn rời khỏi thể xác trong mơ này đã đi quanh vườn rau một lượt, còn tên tiểu nô đó đã mơ thấy mình đi dạo quanh khu rừng, đám rau cỏ trong giấc mơ của anh ta biến thành những thân cây cao lớn. Câu chuyện này có rất nhiều phiên bản, hồi nhỏ tôi thường nghe người lớn kể, có điều thêm thắt một vài tình tiết thú vị khác, ví dụ như "cái xác" đó ăn mấy cục phân dê, tỉnh dậy lại nói mình đã ăn một bàn đầy "bánh ga tô"… Từ đó cũng có thể nhìn ra quan hệ đối ứng giữa việc hồn đi chu du và các giấc mơ, cùng việc lý giải của con người đối với những giấc mơ đó.

Ngoài ra còn phải chú ý thêm là, vị chủ nhân có thể nhìn thấy mộng hồn của tên tiểu nô kia không ở trong trạng thái tỉnh táo, mà nửa tỉnh nửa mơ, nếu để tôi giải thích thì đó cũng là do mộng hồn của ông ta nhìn thấy, bởi vì nếu ở trạng thái bình thường thì không có khả năng nhìn thấy linh hồn. Thế nào gọi là "nửa tỉnh nửa mơ"? Có những lúc chúng ta tỉnh dậy trong giấc mơ nhưng vẫn không thể tỉnh táo ngay, hư hư thực thực, phải một lúc sau mới rõ ràng, đám vàng bạc châu báu vừa rồi xuất hiện trước mắt chẳng qua là đống xương còn lại trên bàn ăn.

Trong *Liêu trai chí dị* có câu chuyện *Cống sĩ họ Trương,* kể chuyện hồn của Trương cống sĩ thoát ra từ "ngực", khi đó ông ta đang ốm, tất cả đều là tự mình nằm trên giường rồi nhìn thấu:

https://thuviensach.vn

"Đột nhiên thấy từ trong ngực có một người thoát ra, cao tầm nửa thước, đội mũ mặc áo nhà Nho, dáng như con hát. Hát côn sơn khúc, điệu rất dễ nghe, lại tự nói tên họ, quê quán, giống hệt với mình. Những khúc người đó hát, bình sinh Trương mỗ đã từng nghe qua. Hát xong, ngâm thơ rồi biến mất."

Người nhỏ bé này rõ ràng là linh hồn của Trương cống sĩ. "Ngực" là bộ phận không có lỗ, hồn vốn không phải là thực thể, là một ảo ảnh nên có thể tùy ý thoát ra ở bất cứ chỗ nào và không có trở ngại gì, nhưng "ngực" gần tim nhất, căn cứ vào kiến thức phân tích về linh hồn của người xưa, tim là nơi linh hồn trú ngụ. Cái lỗ cách tim gần nhất chính là rốn, vì vậy trong quyển bốn của truyện *Quỷ đống* không rõ danh tính và tác giả đời Tống có kể, âm phủ sai một con khỉ đi bắt hồn của Trần Sinh, viết: "Hồn của Trần Sinh thoát ra từ rốn."

Còn về nơi linh hồn gửi thần, đa phần các kiến giải cho rằng linh hồn trú ngụ ở trên đầu, không rõ vị trí cụ thể, nhưng có lẽ là ở dưới lớp xương sọ. Đầu của con người có bảy lỗ, ngoài hai hốc mắt không được tiện lợi lắm, những con đường còn lại đều rất khang trang rộng rãi. Nhưng những linh hồn trong rất nhiều các câu chuyện kể đều không đi ra từ con đường chính mà xuyên qua đỉnh đầu để ra.

Trong *Quảng dị ký* của Đới Phu đời Đường có viết, quỷ sứ đuổi bắt Thôi Minh Đạt, "vẫn là bắt hồn người đó từ đầu ra", trong truyện *Thần du Tây Hồ,* quyển năm của *Di kiên chi mậu* do Hồng Mại đời Nam Tống viết, nông dân Trần Ngũ sau khi chết rồi sống lại, kể rằng: "Khi mới chết, cảm thấy hồn phách đi ra từ não", sau khi ra ngoài rồi, quay lại nhìn, "thấy thể xác nằm trên giường, vợ con kêu khóc, gọi tên mình thảm thiết, nhưng không có ai trả lời". Trong truyện *Thông u pháp* của quyển bảy trong *Tục tử bất ngữ* do Viên Mai viết kể về linh hồn của một nông phu khi thoát xác: "Cảm thấy như hồn thoát ra từ đỉnh đầu, đau đớn vô cùng. Khi quay lại cũng vẫn đi từ đỉnh đầu vào, nhưng toàn thân dễ chịu, như trút được gánh nặng, như mệt mỏi quá mà phải thiếp đi." Trong truyện *Nhị Tác Nhân* ở quyển một

https://thuviensach.vn

của *Vấn kiến dị từ*[7] do Hứa Thu Xá viết về một người luyện "xuất thần thuật": "Khi thành công, thấy một người cao tầm hai tấc thoát ra từ đỉnh đầu, những chuyện bên ngoài không cần hỏi mà tự biết." Trong truyện *Đã chết bảy ngày lại hồi sinh* ở quyển bốn trong *Dung am bút ký* của Tiết Phúc Thành có viết: "Khi sắp chết, hồn chui ra từ đỉnh đầu, tách ra khỏi thân xác." Còn trong một chuyện ở quyển bốn *Động linh tục chí* của Quách Tắc Vân viết về một vị quan "học đạo thuật ở tuổi trung niên, ngày nào cũng phải ngồi thiền. Lâu dần, nguyên khí tích tụ, thấy có một đứa bé thoát ra từ đỉnh đầu", lại có Uông Sinh, "chuyên tâm tu luyện, trong lúc đang ngồi thiền, đột nhiên thấy một đứa trẻ thoát ra từ đỉnh đầu". Rõ nhất phải kể đến *Thuyết Linh*. *Minh báo lục* của Lục Kỳ: "Khi trút hơi thở cuối cùng, lập tức nhìn thấy hồn từ đan điền dưới bụng dưới, hình dạng trông như một viên bánh trôi, màu xanh ngọc bích, càng dâng càng cao, đến rốn thì khó thở, đến ngực thì thở gấp, khi dâng đến giữa cổ họng và đầu thì hai mắt trợn ngược, tắc ở đỉnh đầu, đè nén khá lâu, rồi vỡ tung như đá, hồn rời khỏi xác, phách tách khỏi hồn, trút hơi thở cuối cùng." Đây là những cảm giác được kể lại từ một người đã chết sau đó được hồi sinh, không những có cảm giác mà kỳ lạ nhất là còn có thể nhìn thấy linh hồn ở trong bụng dưới giống như viên bánh trôi màu xanh ngọc bích, thật không biết là dùng "thiên nhãn" gì để nhìn nữa.

[7] Có nghĩa là những chuyện lạ tai nghe mắt thấy.

Còn việc linh hồn ra vào từ lỗ nào đó, trong các câu chuyện cũng có ghi chép. Chuyện hồn thoát ra từ tai, chúng ta có thể xem trong cuốn *Thuật dị ký* của Lương nhân Nhậm Phưởng[8], ghi lại chuyện của Mã Đạo Du thời Nam Tề: "Hai con quỷ đi vào từ tai, đẩy hồn ra, hồn rơi xuống chiếc dép gỗ."

[8] Lương nhân Nhậm Phưởng (460-508).

Còn có thuyết nói về việc hồn ra từ lỗ mũi, mời đọc truyện *Nhân hồn chu du* ở quyển bốn của *Canh dĩ biên* do Lục Sán viết. Trong truyện này, khi

https://thuviensach.vn

linh hồn thoát khỏi thể xác sẽ biến thành một con rắn nhỏ, chui ra từ lỗ mũi, bơi lội trong hồ nước ngoài vườn một vòng, còn chủ nhân thì lại mơ mình đang được bơi ngoài biển, linh hồn hóa thành rắn, có lẽ là do người này có tính cách độc ác như loài rắn rết.

Từ đây có thể thấy, cổ nhân cho rằng linh hồn của con người nằm ở tim hoặc đầu. Nếu như linh hồn có một nơi trú ngụ cụ thể trong cơ thể thì có lẽ cũng chỉ có thể tưởng tượng như thế, không thể để nó trú ngụ ở ngón chân hay gót chân được. Nhưng cũng có linh hồn ra khỏi cơ thể người từ dưới háng. Trong truyện *Từ tiên sinh,* quyển sáu trong *Tử bất ngữ* có viết thế này: "Tên trộm họ Từ thân bị tù đày, khi biết mình sắp chết, nói với người quen cũ Thạch Tán Thần rằng: "Tôi chỉ sống được đến ngày mùng Một tháng Bảy thôi, huynh hãy đến tiễn tôi." Đúng ngày, Tán Thần vào nhà lao, gặp tên họ Từ ở phòng tiếp đón, thấy dưới háng người đó xuất hiện một đứa bé, nói với họ Từ: "Nhìn là giết tôi! Nhìn là giết tôi!" Sau đó ngoẹo đầu, đứa trẻ biến mất."

Linh hồn này có lẽ đi ra từ lỗ sau, nơi đó mặc dù không được nho nhã cho lắm nhưng lúc này tương đối kín đáo, người khác cũng khó nhìn thấy. Nếu đao phủ và những người đến thăm tù nhân xung quanh nhìn thấy một người nhỏ chui ra từ đầu hoặc từ một trong bảy lỗ trên cơ thể phạm nhân, có lẽ sẽ lại trở thành chuyện cười cho họ sau này. Điều này cho thấy họ Từ kia khác với lão Q, thà đi ra từ cửa bẩn, chứ quyết không muốn nhìn thấy những khuôn mặt bốc mùi của khách tới thăm.

Trong những tình huống bình thường, dù là chết, hôn mê, hay mơ ngủ thì linh hồn đều rất tự nhiên, không cần cưỡng bức cũng tách rời khỏi thể xác. Nhưng cũng có những linh hồn cần phải sử dụng thủ đoạn để cưỡng chế, chính là những trường hợp hồn thoát ra từ lỗ rốn hoặc từ tai kể trên. Trong truyện *Chử sinh* trong *Liêu trai chí dị* của Bồ Tùng Linh, nội dung của truyện phù hợp với giả thuyết cưỡng chế hồn lìa xác nói trên. Chử Sinh muốn tách linh hồn của Trần Sinh ra khỏi xác, hoặc nói cách khác là muốn chuyển xác của Trần Sinh ra chỗ khác để mình dễ bề nhập vào. Đến ngày

https://thuviensach.vn

thi, Chử Sinh đưa một người đến gặp Trần Sinh, nói rằng là anh họ Lưu Thiên Nhược của mình, bảo Trần Sinh đi cùng anh họ đến một hoa viên đẹp nào đó dạo chơi vài ngày. Trần Sinh đứng dậy, đang đi ra ngoài thì Chử Sinh kéo giật anh ta lại từ phía sau, khiến anh ta suýt nữa ngã dúi xuống đất. Lúc đó, Thiên Nhược vội vàng dùng tay kéo anh ta lại, rồi đưa anh ta đi. Người mà Chử Sinh kéo là xác của Trần Sinh, còn người mà Thiên Nhược dắt đi là linh hồn của Trần Sinh, một kéo một dắt nên linh hồn và thể xác tách khỏi nhau.

Từ chuyện này chúng ta nghĩ, có một vấn đề có lẽ cũng nên quan tâm, đó là vào thời khắc linh hồn thoát ra từ lỗ tai và rơi xuống bàn chân kia, liệu có phải nó sẽ nghĩ rằng ngã đau sa sầm mặt này không? Khi len ra từ đỉnh đầu, liệu có đau tới mức méo miệng không? Những linh hồn này không nói và cũng không ai biết. Giống như câu chuyện ở trên nói Trần Sinh bị kéo suýt ngã dúi xuống đất, đấy cũng chỉ là cảm giác, nhưng nhiều hơn cả dường như bản thân mình biến thành một thứ mong manh như làn khói trong suốt không màu sắc. Nhân vật chính trong câu chuyện *Thang công* trong *Liêu trai chí dị* kể lại những gì mình đã được trải nghiệm: "Hơi nóng vẫn bốc lên ngùn ngụt, xuyên qua cổ, qua đầu, chui ra, linh hồn thoát khỏi lỗ và quên luôn thể xác."

Trong quyển ba của cuốn *Duyệt vi thảo đường bút ký* do Kỷ Quân viết về hiện tượng hồn lìa khỏi xác của một người treo cổ tự tử như sau: "Huyết mạch đau đớn, từng thớ da thớ thịt trong người như muốn nứt toác, đau đớn như bị cắt. Lục phủ ngũ tạng trong người nóng như lửa thiêu, không thể chịu được." Cảm giác này vừa hay đúng với nhận định của Viên Tử: "Cảm thấy như hồn thoát ra từ đỉnh đầu, đau đớn vô cùng." (*Thông u pháp* của quyển bảy trong *Tục tử bất ngữ* do Viên Mai viết). Còn Du Việt lại tôn trọng thuyết của Nho học, cho rằng việc linh hồn thoát ra từ các lỗ trên cơ thể là "khí đó bay lên trên", vì vậy trong *Hữu đài tiên quán bút ký* có mấy chỗ nói đến cảm giác khi hồn rời khỏi xác, lúc thì "đột nhiên cảm thấy cơ thể nhẹ bẫng như lông vũ", lúc thì "cảm thấy cơ thể bay bay như mây trên trời", lúc thì "bay bay theo gió, không thể tự chủ."

https://thuviensach.vn

Tổng hợp những điều kể trên, mỗi người mỗi ý, rốt cuộc là hồn thoát khỏi xác từ đâu không có một quy tắc nhất định, vì vậy, nói đi nói lại cả nửa ngày cũng bằng chưa nói. Cũng may khi độc giả còn chưa quan tâm nhiều đến chuyện này thì đã có bảy, tám quy định gì đó rồi, chẳng qua cũng chỉ là một hình thức, mọi người phải đến bảy, tám mươi năm sau cũng sẽ tự lý giải theo cách của mình.

https://thuviensach.vn

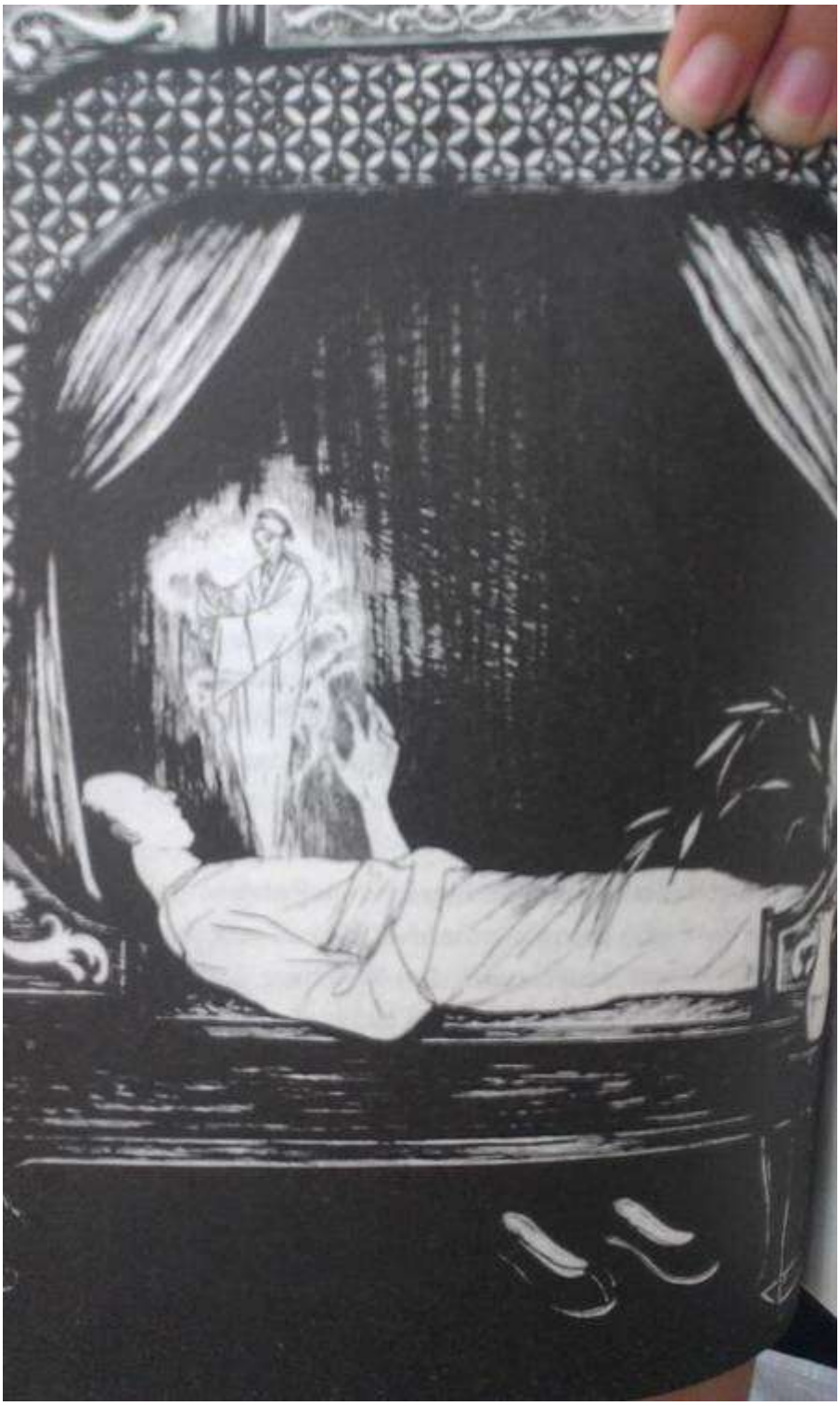

Chưa chết hồn đã khóc

https://thuviensach.vn

Trong *Thông u lục* do Trần Thiệu người đời Đường viết, huyện úy[1] huyện Thanh Hà. Khi ấy, trong thôn có bà lão đến thăm nhà sư ở một ngôi chùa, trên đường đi qua một nơi hoang dã, thấy người phụ nữ xinh đẹp mặc áo trắng đi giữa đám cỏ cây um tùm, khóc lóc rất thê lương. Dần dần người phụ nữ ấy đi đến một gò đất nhỏ, ôm lấy gò đất hoang đó mà khóc, sau đó quỳ xuống, dường như đang làm gì ở đó. Bà lão thấy lạ, liền đến gần để hỏi thăm, đang nhanh chóng đi về phía đó thì người phụ nữ ấy lập tức đứng dậy, chạy ra xa để tránh. Bà lão đành phải quay đầu bỏ đi, nhưng khi ngoảnh lại nhìn, người phụ nữ đã quay về chỗ cũ. Cứ như thế mấy lần, bà lão đoán có lẽ không phải người sống, liền vội vàng bỏ đi. Hơn một tháng sau, vợ Phòng Trắc là Trịnh Thị chết vì bạo bệnh, linh cữu được chôn trên gò đất hoang ấy. Mà dung mạo và quần áo khi chị ta chết giống hệt người phụ nữ mà bà lão đã nhìn thấy.

[1] Huyện úy: Một chức quan, dưới huyện lệnh.

Trịnh Thị lâm bạo bệnh mà chết, chứ không phải là bệnh tật triền miên lâu năm, nhưng linh hồn của chị ta lại thoát khỏi thể xác trước khi chị ta lâm bệnh. Hơn nữa, sinh hồn này còn biết trước được rằng mình sẽ chết và nơi mình sẽ được chôn, đến nơi đó trước để viếng chính mình. Điều kỳ lạ là, nhận thức của linh hồn lại không cho bản thân Trịnh Thị biết, hoàn toàn là hành vi độc lập của linh hồn, thậm chí cũng không báo mộng cho Trịnh Thị.

Quan niệm này dường như thấy rất nhiều ở đời Đường. Trong *Triều dã thiêm tái*[2] do Trương Trạc viết xuất hiện sớm hơn cả *Thông u lục*, viết về thời của Võ Tắc Thiên, quan lang trung địa phương Châu Tử Cung mắc bạo bệnh chết, đến âm gian, bị đưa vào một đại điện mà "đại đế ngồi trên điện, Bối Tử Nghi đứng hầu ở bên". Đại đế chính là chồng của hoàng đế Tắc Thiên, là Đường Cao Tông Lý Trị đã qua đời, còn Bối Tử Nghi chính là phán quan Tịnh Châu[3] đương nhiệm. Cao Tông nói: "Người ta cần là Hứa Tử Nho, sao lại bắt Châu Tử Cung đến? Mau thả ông ta về đi!" Như thế Châu Tử Cung được trả về dương gian. Khi ấy, Hứa Tử Nho đang làm thiên

https://thuviensach.vn

quan đãi lang, tối hôm ấy đột nhiên chết, chắc chắn bị gọi đến chỗ của đại đế. Võ Tắc Thiên nghe nói tới chuyện này, thậm chí còn cảm thấy kỳ lạ, liền sai người về Tịnh Châu, xem xem có phải Bối Tử Nghi đã chết từ lâu rồi không. Không ngờ sứ giả quay về báo cáo, nói rằng Bối Tử Nghi còn đang sống rất khỏe mạnh. Đương nhiên, sau đó Bối Tử Nghi vẫn phải chết nhưng trước khi ông ta chết, linh hồn đã đến âm phủ để hầu hạ chủ cũ rồi. Vậy thì người đang ở Tịnh Châu kia sao có thể "toàn hồn" vì nhân dân phục vụ đây! E rằng không thể dùng thuyết ba hồn bảy phách để nói quấy quá, bởi vì không thể nói có mấy hồn là có thể hầu hạ mấy chủ nhân được.

[2] Là một tập bút ký, tiểu thuyết đời Đường, ghi chép những chuyện xảy ra trong triều đình, đặc biệt là chuyện triều chính của Võ Hậu (Võ Tắc Thiên).

[3] Tịnh Châu là tên gọi ngày xưa của chín châu. Tịnh (hay tính) còn có nghĩa là gộp, ghép, nhập. Tương truyền khi vua Vũ (đời nhà Hạ) trị hồng thủy, đã chia vùng đó ra làm chín châu.

Việc này có xung đột lớn với quan niệm hồn khí thể phách nhưng lại được nhân gian chứng nhận, nên không ai nghi ngờ tính khả năng của tình tiết trên. Và những câu chuyện có nội dung tương tự như thế xuất hiện rất nhiều ở các đời sau, nhưng đa phần là cảnh cáo về tai nạn hoặc chuyện gì đó. Trong *Tục huyền quái lục* do Lý Phục Ngôn viết. Câu chuyện truyền kỳ này bắt đầu từ việc Trần Dần Khác[4] chú ý đến những lời bóng gió xa xôi về lịch sử thâm cung, sau đó được Chương Sĩ Chiêu và Biện Hiếu Huyên nghiên cứu, chân tướng đại khái cũng được hé lộ, ám chỉ việc Đường Thuận Tông lên ngôi chưa được một năm không phải bị bệnh chết mà là bị ám sát. Câu chuyện rất dài và cũng ngoắt ngoéo, trắc trở, ly kỳ, được giao cho Mai Lý Mỹ, một cây bút lớn, đủ để viết thành một tác phẩm nổi tiếng. Người bị ám sát rốt cuộc là Hiến Tông hay Thuận Tông, Thuận Tông trong lịch sử có phải bị ám sát mà chết hay không, không liên quan đến vấn đề này, ở đây chỉ muốn chỉ ra rằng, cho dù câu chuyện đó ám chỉ vị hoàng đế nào bị đầu độc, đều đã ở một nơi khác, hay nói cách khác là ở một "không gian đa chiều" khác "dự đoán" về huyết án giết vua, nhưng âm mưu giết vua này không tiện "diễn tập" nên mà "dự đoán" về cái chết của vua này đã thật sự "xảy ra". Nhưng khi hoàng đế ở đó bị giết rồi thì hoàng đế thân ở dương thế

https://thuviensach.vn

vẫn sống, thậm chí hoàn toàn không biết đến vai diễn của mình ở không gian đa chiều kia. *(Những tình tiết cụ thể của câu chuyện này chúng ta sẽ nói trong phần sau: "Bắt hồn trên đường mòn rừng núi".)*

[4] Trần Dần Khác (1890-1969): Nhà sử học nổi tiếng của Trung Quốc.

Quyển ba trong tập *Bắc mộng tỏa ngôn* của Tôn Quang Hiến sống ở thời Ngũ Đại[5], có ghi lại cuộc đời của Mã Hy Thanh - đế vương nước Sở, một trong mười nước thời bấy giờ, trước khi vị hôn quân tàn bạo đoản mệnh này chết, đại tướng Chu Đạt từ Nam Nhạc Hành Sơn trở về, chưa đến Trường Sa thì "thấy đám mây mù trên sông ôm Hy Thanh đi". Mặc dù ông ta không nhìn thấy ma quỷ gì, nhưng biết rằng linh hồn Sở Vương đã bị bắt đi rồi. Nhưng ông ta "im lặng không dám nói". Tại sao lại thế? Bởi vì lúc này Mã Hy Thanh vẫn đang sống rất khỏe mạnh. Nhưng đến tối, nghe nói chỉ thấy "có một vật gì đó đen sì đột nhập vào điện", sau đó Mã Hy Thanh băng hà. Mã Hy Thanh mới lên kế vị được hai năm thì đột ngột qua đời, trong chính sử không ghi lại bất kỳ điều gì, nguyên nhân cái chết lại đáng ngờ, vì vậy, trong *Bắc mộng tỏa ngôn* đã ghi lại những lời bóng gió thời đó, cái chết của Sở Vương nghe nói là do trượt chân trên thềm mà ngã, đầu đập vào vật cứng, nứt toác, gần như là bị thần vật đánh chết, thực ra muốn ám chỉ rằng Sở Vương bị mưu sát. Đây chính là trường hợp trước khi chết một ngày, linh hồn đã bị bắt đi.

[5] Ngũ Đại: tức Hậu Lương, Hậu Đường, Hậu Tấn, Hậu Hán và Hậu Chu. Năm triều đại này kế tiếp nhau nắm chính quyền ở Trung Nguyên, Trung Quốc từ năm 907-960.

Cùng trong quyển đó có ghi chép về cái chết của thế tử Tần Vương - Lý Tùng Vinh xảy ra muộn vài năm sau thời Đường Minh Tông, linh hồn của người này đã bị bắt đi trước mười hôm. Năm đó, có một vị hòa thượng tinh thông chữ thảo là Văn Anh Đại Sư Ngạn Tiêu, những năm trước khi ở Lạc Dương được Tần Vương hậu đãi, sau đó ông ta từ Nam Thiên chuyển đến Giang Lăng, tu tại chùa Tằng Khẩu. Hôm ấy, ông ta hoảng hốt khi thấy Tần Vương mang theo hơn hai mươi tên lính tới thăm. Ngạn Tiêu liền hỏi: "Đại vương sao lại đến đây?", nhưng Tần Vương không trả lời, sau đó đột nhiên

https://thuviensach.vn

biến mất như làn khói giữa đám binh lính. Ngạn Tiêu cảm thấy chuyện này thật không bình thường, liền sai người dò la tin tức ở Lạc Dương, quả nhiên, vài ngày sau Tần Vương bị giết trong nội loạn.

Tương tự như chuyện của Lý Tùng Vinh nhưng lại ly kỳ hơn là chuyện về Trương Trấn ở những năm đầu thời Nam Tống. Chuyện này có thể đọc trong *Trương Trấn Phủ Cán* ở quyển *Di kiên chi giáp.* Trương Trấn là người có xuất thân hiển hách, tổ tiên Trương Đảo làm tể tướng đương triều, cha Trương Duyên đã từng làm quan ở Thông Châu, giờ đang ở quê Đức Hưng, Giang Tây, còn bản thân anh ta cũng đang làm quan ở ty An Phủ, Triều Bắc. Mùa đông năm Thiệu Hưng thứ bốn, Trương Trấn lâm bạo bệnh rồi chết, trước khi chết không có bất kỳ triệu chứng hay dự cảm nào, vẫn đến nhiệm sở tiếp khách như thường, nhưng thực ra mười ngày trước đó, linh hồn của anh ta đã rời khỏi thể xác rồi. Ngày hôm ấy, Trương Trấn sai một tên lính[6] *(chính là loại người bị mắng là "tặc phối quân" trong 'Thủy hử')* mang một phong thư và một cái hòm vuông đan bằng trúc đến Đức Hưng. Tên lính này đi được nửa đường cảm thấy đồ đang vác trên vai đột nhiên nặng hơn, sau đó càng ngày càng thêm nặng, đè xuống khiến hắn ta không thể đứng thẳng được, liền ném nó xuống đất, mắng rằng: "Cứ như bên trong đựng đầu người chết vậy, sao lại không thể vác được thế này?!", nhưng đồ của trưởng quan không thể vứt đi, đành phải cõng nó đến Đức Hưng. Đến gia phủ nhà họ Trương, tên lính giao cái hòm cho cha của Trương Trấn là Trương Duyên, mở hòm ra trước mặt hắn ta, thì bên trong chỉ là phổi hươu mà thôi, không có vật gì khác. Nhưng tên lính vừa quay trở người đi ra, liền cảm thấy như có thứ gì đó gõ mạnh vào đầu mình một cái, trong không trung có tiếng nói: "Sao ngươi dám mắng ta trên đường đi!" Đúng là giọng nói của Trương Trấn. Tên lính vội vàng nói liên hồi: "Tiểu nhân không dám!", rồi quay đầu chạy vào trong phủ, đến gặp bố mẹ của Trương Trấn, khóc lóc nói rằng: "Ngày chết đã định, không có gì phải hối hận. Trấn chưa có con trai, vợ mới cưới khó lòng ở vậy, sau khi cử hành tang lễ hãy để nàng được về nhà…" Đó chính là giọng nói của Trương Trấn. Hồn Trương Trấn mượn thân thể tên lính sắp xếp việc hậu sự của mình xong, tên lính bèn ngã vật xuống đất, phải nửa ngày sau mới tỉnh lại. Thì ra khi tên lính

https://thuviensach.vn

rời khỏi phủ của Trương Trấn ở Triều Bắc, hồn của Trương Trấn đã ẩn vào trong cái hòm. Linh hồn này đã đoán biết được cái chết của mình, nó liền rời khỏi thể xác, đi theo tên lính về quê, đó là ý chí của linh hồn hay "bản thân" Trương Trấn? Linh hồn này sau khi thăm bố mẹ xong có quay lại thể xác của mình hay không? Lẽ nào không cần tên lính cõng anh ta quay về sao? Tất cả những khúc mắc đó đều không có cách nào giải thích rõ ràng được. Ngoài ra, linh hồn này không những có trọng lượng mà còn ngày càng nặng hơn, đó cũng là một điều kỳ lạ.

[6] Những người bị quan phủ đóng ấn trên mặt

Điều kỳ lạ nhất là trước một năm khi người đó chết, linh hồn của người đó đã đến nơi mình sẽ được chôn để khóc lóc, rất hợp với câu thơ của Tô Đông Pha: "Chưa chết hồn đã khóc." Trương Soái Chính người đời Tống có ghi chép trong quyển bốn, *Lục Long đồ* thuộc cuốn *Quát dị chí* rằng: "Năm Tống Yến Ninh thứ sáu, trong nội thành, binh lính đi tuần tra ban đêm thường "nghe thấy tiếng khóc rấm rứt vang lên, tìm khắp nơi, nhưng không thấy ai". Đến năm thứ bảy, thứ tám, người chết đói đầy đường, tiếp theo đó là bệnh dịch, người chết không kể xiết, khiến vụ lúa thu không có người gặt hái. Lần "thiên tai" có ảnh hưởng rất lớn đến chính cục thời ấy, một lượng lớn người dân gặp nạn đều kéo về kinh sư, khiến Ảo Tướng Công[7] là người đưa ra "biến pháp" phải mất mặt, bất đắc dĩ từ chức. Trương Soái Chính cho rằng đây là "phách triệu chi tiên kiến", phách triệu chính là dự đoán, vẫn là cách nói cũ trong Hồng Phạm ngũ hành của Nho học, nghĩa là chẳng có gì để nói."

[7] Ảo Tướng Công ở đây chính là Vương An Thạch (1021-1086): một trong Đường Tống bát đại gia, tám tác giả thi ca nổi tiếng nhất Trung Quốc trong hơn sáu trăm năm, từ nhà Đại Đường đến Bắc Tống. Ông còn chủ trương cải cách Trung Quốc với những tư tưởng đi ngược trào lưu thịnh hành. Nhưng việc "biến pháp" của ông không cứu được sự suy sụp của nhà Tống, bản thân ông gặp một thất bại khác: Cuộc chiến với Đại Việt năm 1075.

Những câu chuyện kiểu này tàn khốc mà khiến người cảm thấy kỳ quái nhất, phải kể đến câu chuyện trong quyển bảy của cuốn *Động linh tục chí*

https://thuviensach.vn

của Quách Tắc Vân: "Thành Bắc Kinh năm canh Tí (năm 1900), bắt đầu từ mùa hè, đầu tiên là ồn ào chuyện *Nghĩa hòa đoàn*[8] sau đó là tám nước liên quân, cả hai vấn đề này đều khiến rất nhiều người chết. Nhưng ngay mùa xuân năm đó đã xảy ra rất nhiều chuyện kỳ lạ. Khi ấy đang có bão cát liên miên không dứt, có quan viên bộ sử là Vương Mỗ đi xe ngựa ra bên ngoài Tuyên Vũ Môn thì bị bạn bè kéo đi uống rượu đêm, đến tận canh bốn mới tan. Khi xe ngựa sắp đi đến cổng chợ, đột nhiên thấy thấp thoáng có ánh lửa, tiếng người xôn xao, dường như phía trước đang xảy ra chuyện gì rất lớn vậy. Khi xe đến gần, đột nhiên một cơn gió mạnh thốc tới, thổi tắt đèn trong xe, con ngựa kéo xe kinh hãi hí vang, phu xe bị hất ngã xuống đất. Vương Mỗ nhìn qua khe cửa xe, chỉ thấy rất nhiều bóng đen lớn vởn, không đếm được bao nhiêu, giống như chim trên trời, bay lượn vòng quanh, rất kỳ lạ. Cuối cùng có một người to lớn, thân cao hơn trượng, lướt qua xe mà đi, đám đông kỳ quái khi ấy cũng đi về hướng tây. Trong nháy mắt, mọi thứ lại yên tĩnh như cũ và cơn gió lớn kia cũng ngừng thổi. Vương Mỗ lay phu xe tỉnh dậy, cho xe chạy về nhà, trên đường đi phu xe kể lại những gì mà ông ta trông thấy, đều là những con ma mất tay mất chân, thủng lỗ chỗ trên người, nên sợ quá mà ngất xỉu. Cổng chợ là pháp trường xử tử tù, những người "đứt đầu thủng chân, cụt tay thiếu chân" kia chính là những hồn ma chết thảm trong vài tháng sau.

[8] Nghĩa hòa đoàn: đoàn thể chống đế quốc xâm lược của nhân dân miền Bắc Trung Quốc tự phát hồi cuối thế kỷ 19.

Câu chuyện này nghe thật kinh khủng, nhưng còn có những chuyện còn đáng sợ hơn. Trong truyện *Thân Mỗ* ở quyển hai trong *Túy trà chí quái* của Lý Khánh Thần, có kể về Thân Mỗ, người nước Yên làm người phò tá trong mạc phủ, một đêm cùng ba người bạn thân trong nha môn đánh bài, chơi xong, ai về phòng người nấy. Thân Mỗ về đến phòng của mình, thấy cửa đóng chặt, trong phòng lại có ánh đèn sáng rực. Ông ta cảm thấy kỳ lạ, liền nhìn vào phòng qua cửa sổ, thấy một vị phu nhân không có đầu, đầu đang đặt trên án sách, và hai tay bà ta đang chải tóc. Thân Mỗ sợ tới mức vội vàng quay lại nơi vừa chơi bài thì thấy ba người bạn đang ngồi chơi

https://thuviensach.vn

dưới ánh đèn. Thân Mỗ kể một mạch những gì mình vừa nhìn thấy, bảo họ cùng mình đi xem. Ba người kia cười nói: "Thế thì có gì mà lạ, chúng tôi cũng làm được như thế", sau đó cả ba người cùng đặt tay lên đầu, ngắt đầu mình ra, đặt lên bàn. Thân Mỗ kinh hãi, hồn bay phách tán, chạy một mạch ra khỏi nha môn, tìm một nhà dân ở nhờ qua đêm. Sau khi trời sáng, có cướp đến nha môn, tất cả người trong nha môn bị giết sạch, chỉ có Thân Mỗ là thoát được kiếp nạn đó. Ba người bạn kia không may mắn bị giết chết, vì đêm đó họ đều đã quay về phòng ngủ, vậy ba người ngồi chơi bài dưới ánh đèn kia là ai? Tôi nghĩ có lẽ chính là linh hồn của họ đã thoát khỏi thể xác trước khi bị giết.

Giữa thế giới u minh và thế giới thực trong con mắt của cổ nhân không chỉ khác nhau về mặt không gian mà về mặt thời gian cũng có sự khác biệt. Thuyết tương đối của Einstein đến đây cũng chính là phù thủy nhỏ gặp phù thủy lớn, chỉ có sự so sánh giữa tiểu thuyết giả tưởng và truyền hình bây giờ, sau này chúng ta sẽ còn nói đến sự tồn tại giữa hai thế giới âm và dương có thể chồng chéo lên nhau, Thâm La điện của Diêm Vương còn có thể xuất hiện ở bất kỳ nơi nào. Một đời vinh hoa không đủ để đáp ứng giấc mộng, sự đảo lộn của thời gian càng dễ gặp ở bất kỳ đâu. Vì vậy, những câu chuyện có tư duy về việc thoát xác như "chưa chết hồn đã khóc" này chưa bao giờ bị đặt nghi vấn, thậm chí, nếu truy ngược lại thì có lẽ từ trước thời Tấn, thậm chí là thời Hán đã có những tư duy kiểu này rồi. Trong *Sưu thần ký* của Can Bảo có ghi chép lại truyền thuyết về việc bị chết đuối ở trường thủy thời Tần Thủy Hoàng. Thời ấy, đại hồng thủy dâng lên tận tường thành. Tri huyện sai nha dịch nhanh chóng báo cáo lên huyện lệnh, huyện lệnh nhìn thấy nha dịch thì thất kinh hỏi: "Sao ngươi lại biến thành cá thế này?" (Một bản khác của câu chuyện này là, chỉ có đầu là đầu cá, còn thân vẫn là thân người, có vẻ hợp lý hơn.) Tên nha dịch cũng sợ hãi nói: "Minh phủ cũng biến thành cá rồi!" Lúc này thành trì còn chưa bị cơn hồng thủy nhấn chìm, người cũng chưa "hóa thành cá", nhưng đã hóa thành hình cá, cũng chính là muốn nói khi sắp chết thì hiện hình báo trước.

https://thuviensach.vn

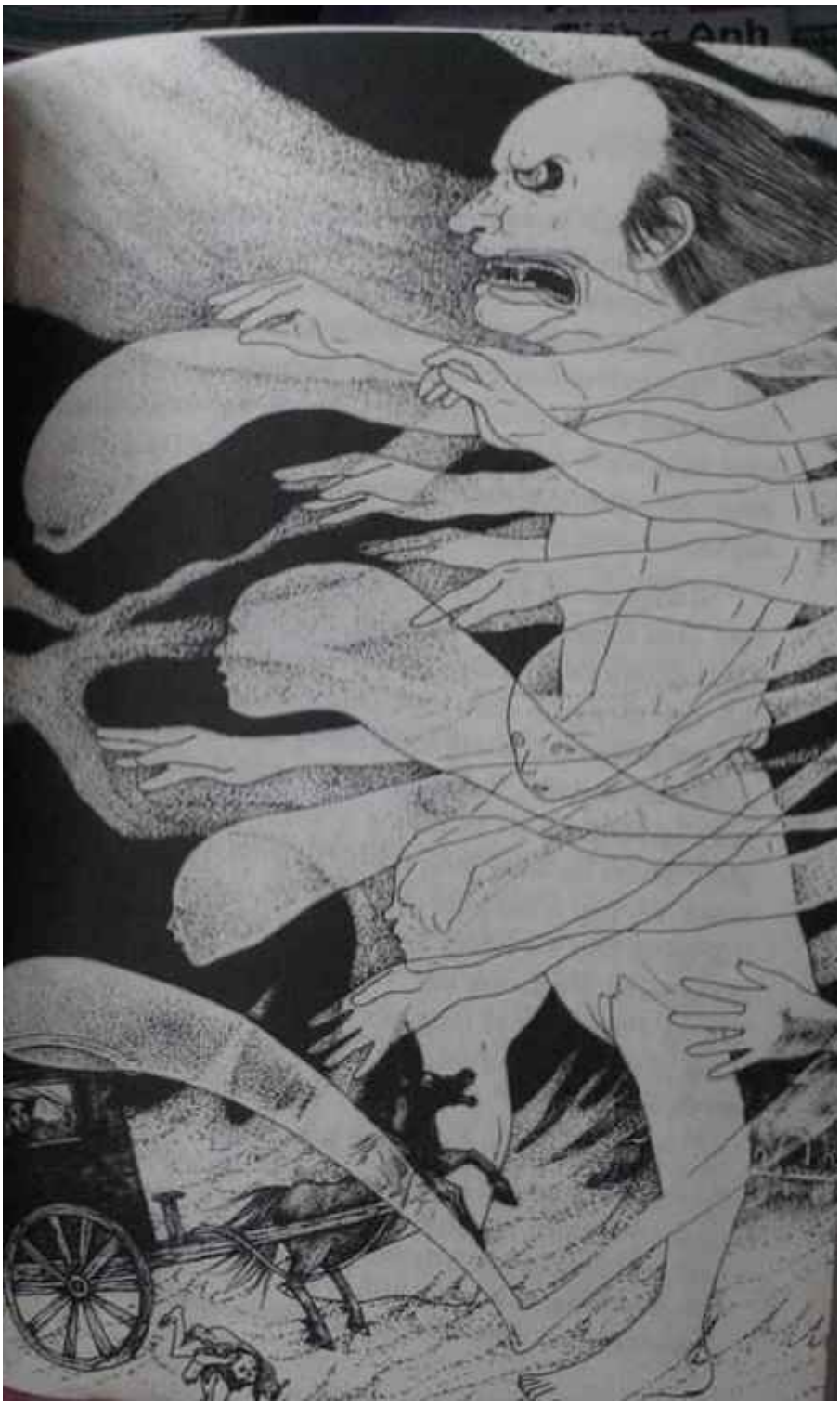

Nhưng từ sau khi Phật giáo được truyền nhập vào, rõ ràng khái niệm này lại có thêm một bước phát triển mới. Bởi vì có một thể loại còn cực đoan hơn cả câu chuyện trên ở chỗ, mặc dù người chưa chết, nhưng linh hồn của anh ta đã làm ma ở âm phủ. Trong *Minh báo ký* do Đường Lâm người đời Sơ

https://thuviensach.vn

Đường viết, Tạ Hồng Sưởng bị bệnh chết được bốn ngày lại sống lại, kể về những gì mình đã nhìn thấy ở âm phủ: "Phàm họ hàng thân thích, có người sắp chết, ba năm trước đều gặp ở âm gian rồi." Còn trong *Kỷ vấn* của Ngưu Túc kể về Lưu Tử Cống đến thăm địa ngục: "Những người đang sống đều là ma cả." Chi tiết cụ thể hơn không nói, nhưng ý thì đã rất rõ ràng, tức là linh hồn của những người sống này đang ở dưới địa ngục chịu trừng phạt cho những tội lỗi của họ.

Những câu chuyện về linh hồn của người sống đang ở địa ngục chịu phạt đã xuất hiện từ đời Đường rồi, khái quát lại chính là nói: "Âm hình dương thụ." Đại khái chia làm hai loại, một là người ác nào đó làm những việc nhẫn tâm, thất đức mà không chịu cảnh tỉnh sẽ bị Diêm Vương bắt hồn đi, đánh cho năm trăm thiết trượng, khi anh ta trở về dương gian, mông đít nứt toác hết cả. Những câu chuyện kể về hiện tượng xuống địa ngục chịu phạt, sau đó vẫn còn được quay về dương gian này tạm gác lại ở đây để sau khi bàn đến vấn đề địa ngục, chúng ta sẽ nói kỹ hơn. Ở đây chúng ta chỉ bàn đến một loại hình "âm hình dương thụ" khác liên quan đến vấn đề chính, đó chính là linh hồn của những kẻ thất đức này "thường xuyên" ở lại âm tào, chịu hình phạt dưới âm phủ, còn bản thân anh ta sắp phải chịu cảnh đau đớn nhưng anh ta lại không hề biết đến chuyện ở âm giới. Loại thứ hai có thể đọc *Tăng nghiệt*[9] trong *Liêu trai chí dị* để biết thêm. Tác phẩm *Liêu trai* đã quá quen thuộc với độc giả rồi, không nói kỹ nữa, ở đây tôi chỉ kể câu chuyện trong *Thông u ký* do Trần Thiệu đời Đường viết.

[9] Tăng nghiệt: tội lỗi của nhà sư.

Câu chuyện kể rằng Hoàng Phủ Tuân bị âm phủ bắt nhầm, lẽ đương nhiên là sẽ được thả về ngay, nhưng thím của anh ta cũng là một nhân vật ở âm gian, không muốn để anh ta mất công đến đây rồi lại phải về tay không, bèn lệnh cho một vị hòa thượng đưa anh ta đi thăm quan địa ngục, giấu ý định ban đầu, cũng là muốn qua vui chơi để dạy dỗ. Không ngờ vào trong một tòa thành đen sì, lửa cháy đùng đùng, chỉ thấy vô số tội hồn đang bị cắt lọc da, hút máu, chặt đâm, nghiền nát, tiếng kêu ai oán, đau khổ vang khắp

https://thuviensach.vn

không trung, âm thanh đó xé trời xé đất. Đột nhiên nhìn về phía bắc thấy có một cánh cửa, lửa bùng bùng phóng ra từ đó, là một trong những cánh cửa tàn khốc nhất nơi vô gian địa ngục. Lúc này, Hoàng Phủ Tuân chẳng còn tâm trạng lĩnh ngộ, sợ tới mức muốn rời khỏi đây ngay. Đột nhiên nghe thấy trong ngọn lửa có tiếng người gọi tên anh ta, là một tăng nhân ngồi trên chiếc giường sắt bị ngọn lửa nung đỏ, trên đầu, từng chiếc đinh lớn đâm xuyên qua não, máu chảy lên láng dưới đất. Nhìn kỹ lại một lần nữa, lại chính là "môn đồ tăng" của Hoàng Phủ Tuân - Hồ Biện *(Những gia đình giàu có thường có tăng sư, đạo sĩ hành lễ tụng kinh sám hối cho, những tăng ni đạo sĩ này bị coi là "môn đồ" của thí chủ mình.)* Kinh ngạc hỏi tại sao ông ta lại ở đây, Hồ Biện đáp: "Đều là kết quả của việc hằng ngày cùng thí chủ và những người khác ăn thịt, uống rượu mà ra, việc ngày hôm nay hối hận không kịp nữa rồi!" Hỏi: "Có cách nào cứu ông không?" Tăng nhân đáp: "Chép bộ *Quang Minh kinh*, xây cột đá khắc kinh trong thành, sẽ được đầu thai làm súc vật." Hoàng Phủ Tuân buồn bã hứa với tăng nhân. Được trở về dương gian, khoảng hơn một tháng sau, đột nhiên sư Hồ Biện từ kinh thành đến, như chưa xảy ra chuyện gì, Hoàng Phủ Tuân vô cùng kinh ngạc, nhưng cũng không dám mời ông ta uống rượu nữa. Vị hòa thượng này không được uống rượu thì trong lòng không vui, Hoàng Phủ Tuân liền kể lại với ông ta những gì mình nhìn thấy ở địa ngục, Hồ Biện nghe rồi cười phá lên, đương nhiên là không tin. Không lâu sau Hồ Biện đến Tín Châu, ở đó trên đầu ông ta mọc một cái mụn đầu đinh rất to, nó vỡ rất nhanh và mấy ngày sau thì ông ta chết. Hoàng Phủ Tuân lập tức giữ lời hứa nơi địa ngục, xây một cột đá chép kinh Phật ở trong thành. Cột vừa xây xong, trong thành liền có con lợn đẻ ra sáu con, trong đó có một con màu trắng, tự đến dưới cột đá, đi vòng quanh đấy mấy ngày liền, mệt quá mà chết. Cột đá có khắc kinh Phật này đã giúp linh hồn của Hồ Biện được giải cứu khỏi vô gian địa ngục nhưng vẫn không tránh khỏi kiếp đầu thai làm súc vật.

Âm hình và dương thụ trong câu chuyện này có sự chênh lệch về thời gian, sự tàn khốc nơi âm gian là dự báo cho người sống nơi dương gian, đứng ở góc độ của Hoàng Phủ, dường như còn có ý răn bảo, nếu sửa chữa sai lầm thì chuyện đó có thể sẽ không xảy ra.

https://thuviensach.vn

Nhưng những câu chuyện tương tự như Trương Tam tiêu tiền, Lý Tứ thanh toán thật quá sức bí ẩn, vì vậy nhiều hơn cả là những câu chuyện như kiểu, cùng lúc với linh hồn nào đang phải ở âm gian chịu nhục hình thì trên dương thế cũng đang hoán gọi. Những câu chuyện kiểu này ban đầu thường thấy các vị hòa thượng là nhân vật chính, đa phần cũng là do hòa thượng hoặc những tín đồ Phật giáo thêu dệt, có thể thấy từ đó cho tới nay, hòa thượng không giữ giới luật đã là một vấn đề vô cùng nghiêm trọng. Khi họ xây dựng những câu chuyện kiểu này, chỉ là muốn hiện thực hóa thuyết báo ứng, ứng nghiệm càng nhanh càng tốt. Dùng sổ ghi chép thiện ác, còn phải đợi đến sau khi chết mới có thể tính sổ, những chuyện như thế này ai có kiên nhẫn để chờ đợi, để tranh thủ, có tội lỗi gì, tốt nhất là thể hiện ngay để cho người phạm tội biết, hiện thế báo không bằng hiện thực báo trước. Đương nhiên, đây cũng là xuất phát từ ý tốt muốn cảnh giới. Hồ Biện trong câu chuyện không chịu tin, những tăng đồ ngoài câu chuyện liệu có tin không? Hơn nữa, một mặt tuyên truyền rằng những hòa thượng bình thường chỉ cần uống một chút "mễ trấp" *(rượu)* thì ngay lập tức phải xuống vô gian địa ngục làm xiên thịt để đưa lên bếp nướng, một mặt lại tuyên truyền rằng những hòa thượng cấp cao có thể ăn thịt ăn cá thoải mái, ăn càng nhiều càng chứng minh rằng họ là La Hán chuyển thế, liệu có phải điều này đã linh hoạt quá mức thành tùy tiện rồi không?

Sau khi giới thiệu rộng rãi câu chuyện này đến với tầng lớp nhân dân lao động, tính chất của nó lại ngày càng biến điệu. Truyện *Mộng Lang* trong *Liêu trai chí dị,* "linh hồn" tên ác quan Bái Giáp vừa tham lam vừa tàn bạo, bị lực sĩ dưới âm gian "dùng búa đập răng, răng rơi đầy dưới đất", còn bản thân người này trên dương gian cũng "răng cửa rụng hết", nhưng nguyên nhân lại là "bị ngã ngựa trong lúc say rượu". Trong quyển năm của *Hữu đài tiên quán bút ký* do Du Việt viết có kể về một tên ác bá trong làng, khi người khác nhìn thấy linh hồn của hắn ta đang phải chịu đòn dưới địa ngục thì bản thân tên ác bá lúc này đang nằm trên giường bệnh rên khe khẽ, dưới âm phủ dùng dây sắt xuyên qua mũi của linh hồn hắn, thì hắn ở dương thế "đột nhiên hai dòng máu tươi phụt ra từ hai lỗ mũi, tắt thở mà chết!". Trong

https://thuviensach.vn

quyển một của *Động linh tục chí* ghi lại câu chuyện Tằng Thị Nữ ngao du âm gian, gặp sư huynh của mình dưới địa ngục đang bị treo ngược trên tường, một chiếc đinh lớn đâm xuyên qua não, quỷ sứ cắt từng miếng thịt, máu chảy lênh láng, thảm không kể xiết. Tằng Nữ hỏi: "Huynh tôi còn chưa chết sao lại chạy đến đây?" Người dưới âm gian đáp: "Diêm Vương thấy người này lòng dạ độc ác, hẹp hòi, coi thường luật pháp nên đã trừng phạt dưới âm gian để giày vò người này trên dương thế. Mặc dù chưa chết nhưng hồn đã ở địa ngục rồi." Thì ra sư huynh của Tằng Nữ trên dương gian, chỉ có treo ngược chân lên mới dễ chịu đôi chút, dần dần dẫn đến tứ chi thối rữa, khẽ cử động là đau như bị dao cắt, đúng như những gì Tằng Nữ nhìn thấy. Những kẻ ác bá này hành động bừa bãi, lộng hành, quan phủ trên dương thế không những không quản, thậm chí còn chống lưng cho chúng, nên đã bị báo ứng ở địa ngục, nghe cũng thấy thật sự là giận. Từ đó suy ra, mỗi khi đám quan phủ địa chủ xảy ra chuyện liên quan tới sức khỏe, chúng ta có thể tưởng tượng rằng bọn họ đang phải chịu sự trừng phạt dưới địa ngục, thế là hào hứng nói: "Ông trời có mắt."

Nhưng cũng từ đây chúng ta đặt ra một câu hỏi lớn rằng, nếu ông quan nào đó mắc bệnh hoa liễu, âm phủ liền nói là do họ cắt mũi, tên nhà giàu nào đó mắc bệnh gan nhiễm mỡ thì dưới âm phủ liền nói là do họ bỏ người ta vào vạc dầu,… Dường như bọn họ chuyện gì cũng biết, không thấy lũ người đó gặp báo ứng thì không vui vậy, ai biết liệu có phải những quan viên dưới âm phủ này do muốn tăng công, nên khai láo hay không? Mà điều khiến người ta không thể không nghĩ là: "Nếu những người "cơ thể bất an" là bách tính của chúng ta thì sao đây?" Gặp họa gặp nạn, có bệnh không có tiền chữa chạy đa phần đều rơi vào dân thường. Hoặc có lẽ vị tiên sinh đại nhân nghĩ ra câu chuyện này đang muốn bách tính trăm họ hiểu một điều rằng, nếu ở trên nhân thế mà ngươi đi đâu đụng đấy là vì linh hồn của ngươi đang bị nung trong vạc dầu dưới địa ngục, ngươi chỉ cần hắt xì một cái, cũng có nghĩa là linh hồn của ngươi đang bị phạt đứng trong địa ngục lạnh lẽo. Cái gọi là "chưa biết đến hình phạt nơi âm phủ thì đã phải chịu đựng sự trừng phạt nơi dương gian rồi", người tốt nhất vẫn nên "trông coi" linh hồn của bản thân mình cho tốt!

https://thuviensach.vn

Hoạt vô thường[1]

[1] Hoạt vô thường: hoạt là công việc, ở đây muốn nói đến những việc vô thường.

1

Có một loại hồn rời khỏi thể xác được gọi là "đi về cõi âm", còn có cách gọi khác là xuống âm giới, đi về nơi vô thường. Tức là linh hồn của người sống tạm thời bị âm giới mời về, nhận một chức ở dưới đó để xử lý công việc, sau khi làm xong có thể quay lại dương thế. Kiểu thoát xác này thỉnh thoảng mới xảy ra một lần, nhưng đại đa số chức vụ đó là kiêm nhiệm, cứ cách năm ba ngày lại đi một chuyến nên được gọi là "đi về cõi âm", hơi giống với việc quen đường thuộc lối đi thăm họ hàng thân thích.

Nhưng "đi về cõi âm" cũng được chia làm hai loại tùy thuộc vào thân phận của từng người, như "quân tử hóa thành vượn, thành thiên nga, còn tiểu nhân hóa thành côn trùng, đất cát". Các tiên sinh đại nhân đi về cõi âm là "phán minh", tức là xuống âm giới làm phán quan giải quyết mọi chuyện thay Diêm Vương, còn loại thảo dân thì chỉ có thể trở thành quỷ sứ đi bắt hồn. Chuyện của phán minh sẽ được bàn chi tiết hơn ở phần sau khi nói đến Diêm Vương, ở đây chúng ta chỉ nói đến những âm sai đại diện tạm thời hoặc hợp đồng, thực ra đa phần họ là âm sai đại diện có tính chất có nghĩa vụ, cách gọi của nó cũng khác nhau, tùy vào ngôn ngữ của từng địa phương, có nơi gọi là "hoạt vô thường", hoặc "hoạt câu sai", "dạ bài đầu" *(thời cũ có nơi gọi những nha dịch này là "bài đầu")*, mặc dù giữa chúng cũng có những khác biệt nhỏ, nhưng cùng là chỉ cơ thể sống trên nhân thế, nhưng linh hồn của họ lại kiêm chức âm sai xuống địa phủ làm "quỷ vô thường".

https://thuviensach.vn

Đối với tiên sinh quỷ "vô thường" này, Lỗ Tấn đã thu thập tất cả trong *Vô thường* ở tác phẩm *Hồ hoa tịch thập*[2] và đã được giới thiệu rất đầy đủ, ở đây tôi chỉ bổ sung một câu. "Vô thường" chính là âm sai chuyên đi bắt sinh hồn, nhưng âm sai là danh từ đã được nhắc đến từ lâu, còn quỷ vô thường thì phải đến đời Nam Tống mới thấy xuất hiện trong sách (Mời đọc truyện *Anh Châu Thái phủ* ở quyển hai trong *Di kiên chi mậu* của Hồng Mại). Đến đời Minh, vô thường được nhắc đến nhiều ở *Thủy hử* và *Tam ngôn nhị phác,* những tiểu thuyết nổi tiếng ở đời Thanh thì càng được sử dụng nhiều và rộng rãi trong bút ký của các nhà văn, và hình tượng của nó cũng dần dần được định hình trong dân gian, đa phần là "thân cao hơn trượng", kích thước thời cổ không giống với bây giờ, mặc dù không đến nỗi cao hơn ba mét nhưng cũng có thể sánh với những cầu thủ bóng rổ trong "Đội hình mơ ước[3]" của Mỹ. Trên người mặc áo vải gai màu trắng, sau này thường đi theo đôi một đen một trắng, lại thêm khái niệm về "Hắc vô thường" - quỷ mặc áo đen, trên đầu đội một chiếc mũ làm từ giấy hoặc từ vải gai thô, cổ đeo một chuỗi vòng bằng giấy, cũng có nơi nói là được vác trên vai. Luôn đi hai người, cũng giống như "đi điều tra" ở trên nhân gian, cùng nhau làm việc và giám sát lẫn nhau.

[2]. 'Hồ hoa tịch thập' là cuốn hồi ký duy nhất của Lỗ Tấn, tên cũ nhắc là 'Nhắc lại chuyện cũ'.

[3]. "Đội hình mơ ước" (tên tiếng Anh là "Dream team"): tên gọi dành cho đội tuyển bóng rổ quốc gia Mỹ.

Vì vậy, "hoạt vô thường" đi về cõi âm chính là một vai diễn do người sống đảm nhiệm, ngôn ngữ Trung Quốc có tính suy ngẫm rất cao, một từ "sống" kết hợp với danh từ chính, bản thân nó sẽ có nghĩa là "không phải là thật", đương nhiên bình thường thì điều này hoàn toàn không có nghĩa xấu, nếu trong cuộc sống có "Lôi Phong sống", trên sân khấu có "Tào Tháo sống", ngay cả những ác bá cường hào bị bách tính lén gọi sau lưng là "Diêm Vương sống", cũng đã được hảo hán ở thôn Thạch Kiết dùng làm tên gọi tếu. Mà âm phủ được miêu tả trong *Ngọc lịch bảo sao* cũng có "hoạt vô thường", hoàn toàn không phải là giả, "hoạt vô thường" này rất hợp với

https://thuviensach.vn

“chết có phần”, lấy ý nghĩa là “người sống vô thường, cuối cùng sẽ chết”, là một đôi quỷ sứ ở tầng điện thứ mười, nhiệm vụ của chúng không phải là đi bắt linh hồn người sống mà ngược lại, chúng đi thúc giục vong hồn đầu thai. Đây chính là khái niệm mới mà người viết *Ngọc lịch bảo sao* sáng tạo dựa trên những điều được lưu truyền trong nhân gian. Mặc dù chưa được dân gian công nhận, nhưng tên của đôi quỷ này đã được sử dụng rộng rãi, khi diễn kịch trên sân khấu sẽ dùng để gọi Bạch - Hắc y, nhưng vì đã có khái niệm “hoạt vô thường” đi về cõi âm trong dân gian rồi, đành phải đổi tên của vị quỷ sứ của âm phủ này thành một cái tên nghe không thuận chút nào “vô thường chết”.

Những điều kể trên chỉ là muốn nói rõ, ít nhất thì trước đời Tống, không phải tất cả quỷ sứ đi bắt hồn đều áo gai mũ cao, thân cao hai trượng. Thực ra từ đời Minh - Thanh cho đến thời cận đại, chúng ta chỉ bắt gặp những hình tượng như thế trong tiểu thuyết, đa phần quỷ sứ đi bắt người đều không khoa trương dọa người như thế, chẳng qua cũng giống nha dịch trong quan phủ ở nhân gian mà thôi, chỉ như thế mới dễ để người sống giả mạo thay thế. Còn “hoạt vô thường” mà chúng ta thường nói, chọn một người cao lớn khoác lên người anh ta bộ áo vải gai mũ mạo cao sang để đóng giả, thường chỉ gặp trong các lễ tế thần, đón thần, do người sống đóng giả “vô thường”. Trong cuộc sống thực tế, thật ra rất ít gặp những hình dạng “hoạt vô thường” được miêu tả như trong *Động linh tiểu chí* ở phần sau.

2

Những ghi chép sớm nhất về việc “đi về cõi âm” được tìm thấy trong cuốn *Sưu thần ký* của Can Bảo, nhưng câu chuyện trong đó là chuyện về nước Ngô thời Tam Quốc. Địa điểm là ở Phú Dương, Chiết Giang, theo như trào lưu đính kèm tên người nổi tiếng vào bây giờ thì nơi đây chính là quê gốc của “vạn tuế gia” Tôn Trọng Mưu[4], người mà một người cố chấp như Tào Tháo cũng muốn lấy làm hình mẫu để sinh con trai, và cũng là nơi khá nóng

https://thuviensach.vn

trong giới khảo cổ hiện nay, đương nhiên còn một điểm nữa đáng để nhắc đến là, thần Chương Liễu[5] - sản phẩm nổi tiếng ở đây.

[4]. Tôn Trọng Mưu: tức Tôn Quyền, tự Trọng Mưu, người Phú Dương, Chiết Giang. Ông là người xây dựng nước Ngô thời Tam Quốc.

[5]. Thần Chương Liễu: dụng cụ mà những nhà chiêm tinh học thường dùng.

Nhân vật chính trong chuyện là vợ của Mã Thế, tên Tưởng Thị, trong thôn hễ ai sắp chết vì bị bệnh, Tưởng Thị đều tâm thần hoảng hốt, ngủ vùi qua ngày. Cho tới khi người bệnh đó chết rồi, chi ta mới tỉnh lại, nói người đó chết là do chị ta. Người khác không tin, chị ta liền kể lại tỉ mỉ những chuyện kỳ quái vừa xảy ra ở nhà người chết, đó đều là những trò ma quái mà chị ta gây ra. Người khác liền đi điều tra để kiểm chứng, quả không sai, ai cũng phải kinh ngạc, hãi hùng. Lần này lại có một người mặc áo đen *(hắc y nhân)*, chắc chắn là công vụ của âm phủ rồi, lệnh cho Tưởng Thị đi giết người anh trai đang lâm bệnh của chị ta. Chị ta lại thay anh trai xin xỏ, nói qua nói lại, quyết không chịu ra tay. Khi tỉnh lại, chị ta liền nói với anh trai: "Không sao rồi, anh không chết nữa đâu." Kết cục sau đó không được nói đến, nhưng đương nhiên sau khi chị ta tự mình quảng cáo, giới thiệu, những công việc làm ăn như tới gặp chị ta xin niệm tình khi ra tay, hay "hối lộ" âm gian… bắt đầu phát triển.

Câu chuyện trên rất đơn giản nhưng đã khái quát được hai đặc điểm chính của người chuyên đi về cõi âm sau này.

Một là, bà Mã ở dương thế có lẽ là người phụ nữ làm chủ gia đình, làm gì không rõ, nhưng công việc kiêm nhiệm thứ hai mà chị ta làm là giúp âm phủ bắt người. Hai là, chính nhờ công việc kiêm nhiệm này, chị ta trở thành nhân vật có khả năng ra vào công môn nơi âm phủ, tiến hành một vài giao dịch với âm phủ, giúp người trên dương thế đi cửa sau, nhờ việc này mà chị ta đã có thêm công việc kiêm nhiệm thứ ba, và có lý do để từ chối làm công việc đầu tiên của mình. Còn việc mỗi khi chị ta đi về cõi âm là người chị ta ở trạng thái ngủ vùi gần như bất tỉnh, không khác nhiều so với những kẻ bị

https://thuviensach.vn

mất hồn khác, cho dù có nằm nhiều hơn người khác ba ngày, hai đêm thì cũng không có gì khó, cùng lắm là lén ăn chút đồ ăn đêm để lót dạ là được.

Những phán quan dưới trướng Diêm Vương ở địa phủ, đầu trâu mặt ngựa, Hắc - Bạch vô thường, quỷ sứ âm sai tổ chức thành hệ thống chấp pháp rất mạnh, tại sao còn phải mượn người ở dương gian để đi bắt hồn? Thường thì chỉ có một lý do, đó là người ở địa phủ không đủ. Trong *Ngữ quái,* Chúc Doãn Minh đời Minh viết: "Hoạt vô thường chủ yếu là giúp địa ngục bắt người, ngoài việc bắt người, có lẽ thỉnh thoảng còn làm vài việc như "nha dịch vận chuyển", thế thì cũng vẫn là âm sai. Giờ thì chúng ta đã có thể hiểu được từ "nha dịch" trong thời cổ đại, trước nghĩ rằng đó giống như công an, cảnh sát chuyên trách, thực ra không hẳn, trong nha môn có tôi tớ, sai dịch chuyên trách, nhưng cũng có một vài "lao dịch" là dân thường và đây chỉ là công việc thời vụ. Những người làm công việc đối phó cũng có mà trực đêm cũng có, khi sai dịch chuyên trách không đủ, cũng có thể làm công an tạm thời, những việc chuyên ngành quá thì không thể làm được, nhưng những công việc cần đến sức như khi đánh phạm nhân dùng đùi kẹp đầu hoặc dùng tay giữ chân, có lẽ cũng không vấn đề gì.

Âm phủ thường dùng "hoạt vô thường", đương nhiên có liên quan đến những điều lệ trong quan phủ ở dương gian, nhưng nếu lấy đó làm lý do thì không được đầy đủ lắm. Âm phủ có thể lấy người từ nhân thế xuống làm sai dịch, nhưng khi những ông lớn trên dương thế cũng muốn mượn mấy kẻ đầu trâu mặt ngựa về làm người giữ cửa nha môn, để đề phòng bọn gian dân đến đưa cáo trạng thì Diêm Vương, liệu ngài có đồng ý hay không?

Hơn nữa, những người làm nha môn dưới địa phủ chưa chắc đã là thật sự không đủ, trong truyện *Vương A Sinh* ở quyển tám của cuốn *Mộng quảng tạp trứ* do Du Giao viết có ghi lại việc quỷ sử tới bắt hồn của một sản phụ trên một cái hồ, lại dùng đến cả một chiếc thuyền lớn: "Đến trước tòa nhà, thuyền cập bến, từ tấm rèm màu trắng, trên cửa sổ trong thuyền có đến sáu, bảy người bay lên", một lúc sau chỉ thấy "bên trong cửa sổ có một bóng người dựa vào mạn thuyền, dưới ánh trăng mờ tỏ, không phân biệt được là

https://thuviensach.vn

nam hay nữ, nhảy xuống cùng đám người đó", đây rõ ràng là một màn cướp đêm. Vì muốn bắt một sản phụ sắp sinh, thế mà phải cần đến cả đội cảnh vệ, thật quá khoa trương, chẳng trách lúc nào cũng kêu không đủ người!

3

Âm phủ mượn "hoạt vô thường" để bắt linh hồn người sống còn có một lý do khác nữa, những người sắp chết thường có rất nhiều thân nhân vây quanh, dương khí quá mạnh, âm sai không thể tiếp cận, vì vậy cần phải mượn linh hồn của người sống để làm tiên phong. Trong quyển bảy của *Duyệt vi thảo đường bút ký* có mượn lời của bà cụ vừa đi làm vô thường:

Người bệnh chắc chắn có họ hàng thân thích vây quanh, ánh sáng dương gian quá mạnh, quỷ sứ khó tiếp cận. Cũng có thể là có chân quý nhân thì dương khí mạnh, hoặc chân quân tử, dương khí càng mạnh, không thể tiếp cận, hoặc quan binh hình có sát khí, hung khí thì lại càng khó tiếp cận. Chỉ có thể xác ở dương gian mà linh hồn ở âm gian, không cần phải lo lắng tới những điều này, nên mang chúng đi theo để giúp đỡ.

Nói như vậy tương đối hợp lý, hoạt vô thường chỉ là để dự bị, nhân vật chính vẫn là âm sai, nhưng trong rất nhiều câu chuyện, quỷ sứ âm sai đảm nhiệm chức vụ chính lại coi hoạt vô thường là những tên tay sai tàn nhẫn, còn mình thì hai tay chống nạnh đứng một bên xem kịch miễn phí. Trong *Liêu trai chí dị* có một ông lão là hoạt vô thường, bắt được hồn của một lão già nào đó, còn phải cõng lão đi đầu thai, lão già đó thì nặng, suýt nữa đè bẹp ông lão là hoạt vô thường kia. Giống như những nhân viên có hợp đồng chính thức trong cơ quan ở trên dương thế, nhân viên hợp đồng thuê nhân viên thời vụ, nói cách khác việc biên tập lại do hiệu đính làm, việc của hiệu đính lại do công nhân xưởng in làm, như thế mọi chuyện sẽ chẳng ra sao. Trong chuyện *Quỷ nhiều biến thành ruồi nhặng* ở quyển bốn trong *Tử bất ngữ* do Viên Mai viết: "Có một người phụ nữ họ Nhiêu làm âm sai cho địa phủ, một lần đi về cõi âm là ngủ hai ngày hai đêm mới tỉnh dậy, sau khi tỉnh

https://thuviensach.vn

dậy người đầm đìa mồ hôi, thở hồng hộc, nói: "Người hàng xóm hung ác khó bắt, Diêm Vương sai ta đi bắt. Không ngờ hắn ta trước khi chết còn hung hăng, giằng co với hắn một hồi, cũng may ta tung dây thừng trói được tay hắn, mới có thể dắt đi." Qua lời người phụ nữ này nói, có thể thấy dường như bà ta đã bị sử dụng như một quỷ sai chính thức. Đây có lẽ là quỷ sai tuân thủ lời thánh dạy "nam nữ thụ thụ bất thân", nữ tù nhân thì phải do cai ngục nữ quản thúc, nữ phạm nhân cũng phải do phụ nữ bắt, nhưng có lẽ bà Nhiêu này có tính khí khác người, muốn thành kiểu phụ nữ mạnh mẽ điển hình để thay cho bọn đàn ông con trai. Thế là bất giác nhớ lại thời xưa "vận động", hỏa lực của "đội chiến đấu những bàn chân nhỏ" thực sự không thể xem thường.

Âm phủ khi bắt người trong phủ quan, ngoài gặp phải sự cản trở của môn thần ở nha môn ra thì bên cạnh hoặc sẽ có người thân của họ, đặc biệt nếu người bị bắt lại là quý quan hoặc chính nhân quân tử, quỷ sứ cũng không thể tự mình xông lên bắt họ được, lúc này cần đến sự giúp đỡ của linh hồn người sống. Trương Bồi Nhân người đời Thanh trong quyển mười một cuốn *Diệu hương thất tùng thoại* đã dẫn một câu chuyện trong cuốn *Cần giới cận lục* của Lương Kính Thúc, kể rằng: "Một người đi vô thường sau khi nhập âm tỉnh lại, trông rất nhếch nhác, nói rằng có mười tên quỷ sứ đến, mời anh ta cùng đi bắt niết ti Tứ đại nhân. Vị niết ti này chính là an sát sử của công kiểm pháp một tỉnh, chức quan không hề nhỏ, hơn nữa lại là "quan binh hình". Khi đó Tứ đại nhân đang trở về dinh quan, khua chiêng mở đường, rầm rộ tới mức khiến mười tên quỷ tốt kia run cầm cập, nhưng hoạt vô thường lại thản nhiên như không. Sau khi Tứ đại nhân vào dinh, âm sai định vào trong để bắt người, nhưng ngoài cửa có hai vị kim giáp môn thần chặn lại, giật gậy ném hết xuống đất, đám quỷ tốt không thể chống đỡ được, bèn lấy từ trong người ra lệnh bài bắt người, lúc ấy mới có thể qua được cửa lớn để vào trong dinh thất. Khi đó Tứ đại nhân đang ngồi nói chuyện với khách, dương khí trên người khách vượng, đám quỷ tốt cũng không dám xông lên, bèn đưa cho hoạt vô thường một cuộn dây, để người này đi bắt Tứ đại nhân. Tứ đại nhân làm quan lớn, khi nói chuyện thường gật gù đắc ý quen rồi nên muốn tròng dây vào cổ cũng khó. Lúc này, quỷ tốt liền khua khua tấm lệnh

https://thuviensach.vn

bài trước mặt Tứ đại nhân, thế là đầu Tứ đại nhân dần dần gục xuống, lờ đờ như buồn ngủ, nhưng lệnh bài vẫn khua liên tục, Tứ đại nhân đột nhiên hắt xì một cái thật to rồi kêu đau đầu. Lúc này hoạt vô thường liền đi đến, giật mũ của Tứ đại nhân xuống, sau đó tròng dây vào cổ ông ta. Thế là mười tên quỷ tốt cùng xông lên trước, cuối cùng bắt được sinh hồn của Tứ đại nhân đi."

Linh hồn của một viên quan cấp tỉnh, mười tên quỷ sứ cầm theo lệnh bài của Diêm Vương cũng không dám tiếp cận, xem ra nếu nói "thanh thế bức người" để hình dung về quyền thế, quan to khí thế lớn không sai chút nào.

Tên hoạt vô thường này chỉ là một tên nô bộc ngu xuẩn của một tiểu quan trên dương thế, sau khi nhập âm bắt người cũng không thấy thông minh nhanh nhẹn hơn là bao, nhưng những việc cần kẻ xung phong đâm đầu vào nguy hiểm thế này cần đến loại người đó, giống như một vài hoạt động cần đến những "phần tử dũng cảm" giơ đầu ra chịu trận vậy. Truyện *Trương Ngũ*, quyển một trong *Dạ đàm tùy lục* do Nhàn Trai Thị người đời Thanh cũng viết về việc tạm thời mượn dùng hoạt vô thường Trương Ngũ, quỷ sứ muốn anh ta đi bắt huyện đại gia của huyện đó: "Lẻn vào trong phòng, tròng cái này lên cổ quan, giãy giụa một lúc, rồi dắt đi ra ngoài", nhưng Trương Ngũ vốn là một thảo dân, anh ta nói: "Người ta là huyện đại gia, ta là cái gì, đến xông lên ta cũng không dám." Hai tên quỷ sứ đáp: "Tên này dù là quan lớn nhưng tham tài háo sắc, chém giết dùng hình tràn lan, hôm nay trở thành tội nhân, không có gì phải sợ cả!" Nhưng sự giác ngộ của Trương Ngũ quá kém, nói nửa ngày cũng không khai thông được, cuối cùng hai tên quỷ sứ đành ép anh ta đẩy cửa đi vào phòng, mới coi như hoàn thành nhiệm vụ. Những người thật thà như Trương Ngũ chắc chắn không thể sử dụng như một hoạt vô thường chính thức.

https://thuviensach.vn

Đi bắt những kẻ mạnh trên dương gian cần có hoạt vô thường giúp sức, điều này nghe còn có lý, ở đời Đường còn có một cách nói, cũng coi như là lý do không chính thức, khi sứ giả âm phủ lên nhân gian bắt những linh hồn trẻ con, cũng cần dùng hồn người sống làm bạn đồng hành. Trong *Quảng dị ký* do Đới Phu viết có một câu chuyện, kể về quỷ tốt muốn bắt linh hồn một đứa trẻ, nhưng bố mẹ đứa trẻ đứng hai bên giường canh, quỷ tốt hất tay một cái, bố mẹ đứa trẻ từ từ chìm vào giấc ngủ, sau đó để một sinh hồn làm công thời vụ ôm đứa trẻ đi (đương nhiên là ôm linh hồn của đứa trẻ). Trong một câu chuyện khác cùng cuốn sách này, quỷ tốt liền nói rõ: "Ta nhận lệnh Diêm Vương đi bắt linh hồn trẻ con, cần có sinh hồn làm bạn đồng hành."

Thuyết này tới tận đời Thanh vẫn còn được nhắc đến trong những câu chuyện ma. Trong truyện *Hoạt vô thường* quyển bốn quyển *Động linh tiểu chí* của Quách Tắc Vân, viết về một cử nhân cao chín thước, tạm thời lọt vào mắt hai tên âm sai chuyên đi bắt hồn, nên làm hoạt vô thường, sai anh ta đi bắt hai đứa trẻ đang bị bệnh đậu mùa trong phường làm đậu hũ. Nhưng tình tiết lại có những thêm thắt mới mẻ, chưa từng được nhắc đến trong những câu chuyện trước, đó chính là âm sai phải lột cả "mũ cao áo trắng" của mình cùng lệnh bài bắt hồn đưa cho người đại diện tạm thời này mặc vào, nếu không anh ta sẽ không thể bắt được hồn. Có điều cử nhân đó không phải kẻ ngốc, bèn hỏi: "Tại sao ngươi không tự mình đi bắt?" Quỷ sai đáp: "Âm khí quá lớn, không thể tiếp cận." Cử nhân vờ đồng ý, đi vào rồi lại đi ra, nói: "Ta rất sợ, nhưng phải đi vào lửa lớn, làm thế nào?" Cuối cùng ồn ào cả đêm cũng không bắt được sinh hồn của hai đứa trẻ đó, vô thường thật đành đòi lại mũ áo của mình. Nói dương khí của trẻ con vượng hơn cả dương khí của người trưởng thành, nghe không hợp lý lắm, bởi vì từ xưa tới nay, trong rất nhiều những câu chuyện ma thời Ngụy - Tấn đều nói dương khí của trẻ con không đủ, dễ bị trúng âm khí của ma quỷ, không chừng còn mất mạng. Nhưng quy tắc dưới âm phủ thường khá giống với những gì được nhắc tới trong chuyện, có điều nguyên nhân trong đó khiến người ta khó giải thích. Còn có cách nói khác, tức là đôi khi sứ giả của âm phủ đi bắt hồn, không cần phải nhờ người sống trực tiếp ra tay, mà chỉ cần mượn một hơi "khí người sống" của người đó là có thể bắt được hồn rồi.

https://thuviensach.vn

Trong truyện *Tốt bắt hồn*, quyển mười bốn *Tử bất ngữ*, kể về một người tên Dư họ Giả, người Tô Châu, đêm thu rời khỏi nha môn đi bắt dế mèn, quay về thì đã muộn, không vào được trong thành. Đang buồn rầu vì không biết ăn ở đâu thì gặp hai người mặc áo xanh, mời anh ta về nhà mình, có rượu, có thịt, vừa ăn vừa uống khiến anh ta vô cùng cảm kích. Cho đến canh năm, hai người đó lấy ra một bức văn thư, nói với lão Dư: "Nhờ huynh hà hơi lên tờ giấy này." Lão Dư không hiểu nguyên do, chỉ nghĩ hai người đó đang đùa, liền cười, hà một hơi. "Hà hơi xong, hai người áo xanh vui mừng, nhảy lên nóc nhà. Dư thất kinh, đang định hỏi tại sao thì đã không thấy hai người đó đâu nữa. Bên ngoài có tiếng khóc lớn vang lên. Dư biết hai người mình gặp không phải người mà là quỷ bắt hồn."

Lão Dư này vô tình làm hoạt vô thường một lần, tạm thời bị mượn, mà không biết, xem ra rượu thịt của người lạ trong nha môn nuốt không trôi. Nhưng ở đời Thanh, thuyết hà khí này dường như chỉ thấy ở mạn Tô Châu. Trong quyển mười một của cuốn *Hữu đài tiên quán bút ký* do Du Việt viết về một câu chuyện xảy ra ở Tô Châu, cũng giống như chuyện về lão Dư, nhưng cuối cùng lại bàn rằng: "Mặc dù có mang theo lệnh bài của địa phủ, nhưng lại cần người sống phải hà hơi, đạo lý này từ đâu mà ra? Hơn nữa, tại sao nhất định phải cần người sống hà hơi vào đó? Những chuyện xảy ra ở âm giới, thật là khó hiểu." Thực ra, suy nghĩ một chút là có thể rõ thôi, hơi dương khí mà hoạt vô thường thổi vào đó chẳng phải là "bản mang theo" sao? Đây chỉ là do tạm thời việc bắt hồn không được thuận lợi nên mượn hơi của người sống, chứ không phải lệnh bài nào cũng cần được hà hơi.

Tóm lại, hoạt vô thường làm người đồng hành đi theo, những gì có thể làm cũng chỉ đến thế, nhưng cũng có một vài người về cõi âm ăn tục nói bậy. Giống như hòa thượng Giới Hiển ở triều Thanh, trong quyển năm cuốn *Hiệu quả tùy lục* có viết về hoạt vô thường trong trấn Mai Lý, thành phố Thường Thục (Tô Châu), rõ ràng là cao thủ Không Không Nhi[6], không, có lẽ phải giống lão Tôn với cân đẩu vân ấy: "Người về cõi âm nhận lệnh được triệu đến địa phủ, bên ngoài cửa có một cái giếng, hắn ta ra đó mặc áo da, cầm gậy lớn, đeo mặt nạ, rồi lại soi mình xuống giếng, "thân nhẹ bẫng,

https://thuviensach.vn

xuyên biển vượt núi, một khắc đi cả ngàn vạn dặm. Tất cả những người vắt được đều móc lên gậy, vác lên vai mà bay, một lúc gánh cả hai mươi người cũng vẫn nhẹ như không".” Một cây gậy có thể gánh hai mươi người, khiến những linh hồn bị bắt trước khi xuống địa ngục một lần được hưởng cảm giác cưỡi mây đạp gió, thú vị thật, có điều nói khoác cũng nên tìm cách nói cho chặt chẽ, đừng để hổng một lỗ lớn như thế, con đường thông giữa âm và dương vốn không ở cùng một không gian, không phải nói cứ ngồi máy bay hay tên lửa là đến được, cho dù có là Tề Thiên Đại Thánh, một cái cân đẩu vân có thể bay tới tận Tây Thiên, nhưng cũng không thể bay được xuống địa phủ.

[6]. Không Không Nhi: một nhân vật có tiếng được lưu truyền từ đời Đường.

Còn trong quyển năm cuốn *Hữu đài tiên quán bút ký* của Du Việt còn nói đến một hoạt vô thường họ Du, người này thậm chí còn có thể có hai "pháp bảo": "Du kể lại rằng, mỗi lần đi về cõi âm, thần Thành Hoàng lại ban cho một đôi giầy cỏ, và một cái quạt. Đôi giày cỏ này khi đi lướt nhanh như bay, tâm muốn đi đâu nó sẽ đi đó, không có trở ngại, dù là thành cao hào sâu cũng nhẹ nhàng bay qua. Còn cây quạt một mặt màu đỏ một mặt màu đen, nếu dùng mặt màu đỏ quạt người khác thì cơ thể nóng hầm hập, dùng mặt màu đen quạt người khác lại lạnh run cầm cập."

Vị Du tiên sinh này là một phần tử trí thức biết đọc biết viết, có lẽ bình thường đọc quá nhiều những loại tiểu thuyết thần ma, khi ngủ liền mang cả *Tây du ký, Phong thần* vào giấc mơ, nhưng lại nghĩ là mình đi về cõi âm, do đó những gì ông ta kể chỉ là kể cho người nhà đó, chứ không tuyên truyền lời nhảm nhí này ra ngoài. Tạo hình của quỷ vô thường trong những lễ hội Thành Hoàng dân gian thường là trong tay có cầm một chiếc quạt Ba Tiêu, nhưng cũng chưa chắc đã thần thông như thế. Nếu như để vô thường thật và giả có được hai pháp bảo này thì thế giới này sẽ bị quạt loạn cả lên, khiến người ta lúc nóng lúc lạnh, lúc phải lúc trái, bách tính cũng gặp nạn lớn.

https://thuviensach.vn

5

Trong truyện *Lý Hoa Ninh* của quyển thượng, cuốn *Thuyết Linh. Minh báo lục,* Lục Kỳ người đời Thanh kể về một quỷ sứ đã ép một người tốt thành hoạt vô thường như thế nào, đó là câu chuyện về tay sai nha môn âm phủ. Trong câu chuyện có môt vài chi tiết vụn vặt, nhưng có thể vạch rõ bộ mặt thật của những tên quan phủ trên nhân gian sai quân kéo người ta xuống nước, do đó càng nên đọc.

Lý Hoa Ninh là một nông dân thật thà, chất phác ở thôn Tây Hương Thạch Đôn, huyện Hải Ninh, hôm ấy bị bệnh sốt rét, nằm trên giường thì thấy bên gối xuất hiện hai âm sai, một kẻ tự xưng là Sái Hữu Thành, tên kia là Thẩm Lượng, đưa ra một lệnh bài, khua khua trước mặt lão Lý, nói: "Ông anh sắp chết rồi, trên này có tên của ông anh, không phải bọn này muốn lừa ông anh. Nhưng trên lệnh bài này có tên của mấy chục người, bình thường bọn này thấy ông anh thật thà nên mới đến bắt ông anh sau cùng đấy." Lão Lý bị bệnh nên mắt mờ mờ ảo ảo, cũng không nhìn rõ có đúng là tên mình hay không, chỉ ra sức ngàn ơn vạn tạ. Sau khi hai tên quỷ sứ đi rồi, lão Lý liền bảo người nhà chuẩn bị hậu sự. Hai ngày sau, lão Lý đang nằm trên giường, đột nhiên bên gối lại xuất hiện một tiểu quỷ trên đầu vẫn còn để chỏm tóc, chắc khoảng bảy, tám tuổi thôi, không nói không rằng, cầm dây thừng thòng vào cổ lão, kéo thẳng đến miếu thổ địa, buộc vào cái cây lớn trước cửa miếu. Một lúc sau, lão thấy hai tên Sái, Thẩm trói dắt mấy chục người đi tới, thấy lão Lý cũng bị trói ở đó, liền quay sang mắng tên tiểu quỷ: "Ngươi là cái thá gì, sao dám mạo danh công sai đi bắt người?", rồi xông lên cho tiểu quỷ một cái bạt tai, đánh tiểu quỷ phải ôm đầu chạy vào hang chuột. Sau đó, hai tên quỷ sứ kia nói với lão Lý: "Âm tào địa phủ tư pháp tuy nghiêm nhưng những người có tên ở cuối danh sách vẫn có thể tìm cách lách luật để thoát khỏi cái chết. Bọn ta thấy nhà ngươi tội nghiệp nên không bắt đi ngay, chính là vì muốn ngươi có một cơ hội thoát khỏi cái chết đó. Nhưng không ngờ tên tiểu tử khốn kiếp kia lại bắt hồn ngươi tới đây rồi! Ngươi mau tìm nơi nào lánh đi một lát, sau khi chúng ta giao mấy chục linh hồn này cho thần thổ địa xong, sẽ đưa ngươi quay về." Đọc đến đoạn này,

https://thuviensach.vn

tôi có cảm giác tên tiểu quỷ kia là do âm sai thuê đến để cùng bọn họ đóng kịch vậy. Dù sao thì bọn chúng cũng đã bắt linh hồn của một người đáng lẽ không phải chết đến đây rồi, không có linh hồn, lão Lý sẽ tắt thở, thành thi thể, còn hồn của ông ta trở thành miếng thịt bị trói. Cuối cùng, hai tên quỷ sứ này cũng đành khai thật, nói: "Chúng tôi mỗi lần đi bắt sinh hồn, nếu không tiến được về phía trước thì phải có quỷ dương dẫn đường. Dù sao cũng đã bắt nhầm rồi, vậy thì hãy giúp chúng tôi đi."

Lão Lý lúc này không thể không nhận lời, đành trở thành "hoạt vô thường".

Nhưng ngài Lý đại ngốc này quá thật thà, chỉ có thể trở thành tay sai của âm sai, không thể trở thành người chủ lực đi bắt, trói linh hồn. Mỗi lần hai tên quỷ sứ Sái, Thẩm đi bắt hồn, ông ta lập tức ngủ vùi, sau đó một thấy hồn thoát ra đi theo hai tên đó. Đến nhà nào, nếu người sắp chết có nhiều người thân vây quanh, tức là dương hỏa cao ngất, âm sai không dám tiếp cận, liền sai lão Lý sang phòng bên cạnh giả làm tiếng mèo kêu đuổi bắt chuột, hoặc chạy làm đổ bình rượu, hoặc bát đũa, người thân của người đó phải tản đi, hai tên âm sai liền nhân cơ hội đó mà xông lên bắt hồn. Theo như lão Lý nói, dường như ông ta không chỉ là giúp đỡ ở phần ngoài, thỉnh thoảng cũng ra vào cơ quan âm phủ nhiều lần, vì vậy ông ta có thể kể ra một vài quy luật ở âm phủ, chưa từng thấy ở những cuốn sách khác, nên ghi lại ra đây để mọi người cùng biết:

Thứ nhất, nếu người trên nhân thế khi sinh ra ở một nơi, sau này trưởng thành lại di cư bất định thì lệnh bài của âm giới được gửi đến miếu thổ địa nơi người ta sinh ra trước, sau đó mới đi đến nơi người đó ốm bệnh đang nằm mà bắt hồn. Lý luận này còn có thể chấp nhận được ở thời xưa, nếu như bây giờ, gặp một người sinh ra trong nước nhưng lại ốm chết ở nước ngoài thì âm sai phải vượt biển để đuổi bắt, khó khăn biết bao! Chắc có lẽ ngoài cách nhờ Diêm Vương của nước đó dẫn độ về nước thì cũng không còn cách nào hay hơn!

https://thuviensach.vn

Quy luật thứ hai này càng khiến người ta khó hiểu. Lão Lý còn nói ông ta nhìn thấy những linh hồn sắp được hóa kiếp dưới địa ngục đều tròn tròn giống như viên bánh trôi nước, màu xanh lục, mỗi lần tiểu quỷ bê một đĩa lên, đám linh hồn dưới âm giới lại nhao nhao xông lên, cướp lấy, nhận về làm con cháu mình khiến đám bánh trôi rơi xuống đất lăn lóc khắp nơi, còn đám linh hồn kia cũng lồm cồm bò tìm khắp nơi. Những điều này chưa thấy ai kể lại bao giờ, còn lão Lý thì thật thà tới mức không thể thật thà hơn, có lẽ đã gặp phải đám quỷ đói tranh cướp màn thầu vào ngày Halloween nên nhầm lẫn mà kể như thế chăng?

6

Bình thường, những kẻ làm hoạt vô thường ở âm phủ không nên tìm những bách tính thật thà đến mức này, bởi vì hỗ trợ quỷ sứ bắt hồn dần dần trở thành chức năng thứ yếu của hoạt vô thường, thậm chí chỉ là đội một cái mũ đầu dê mà thôi. Vậy chức năng chủ yếu của những người đi về cõi âm này là gì? Đó chính là làm cầu nối giữa người sống và âm phủ, cũng chính là những kẻ môi giới bàn điều kiện làm ăn dưới âm phủ.

Hoạt vô thường là "trợ lý", có quan hệ hợp tác với người dưới âm phủ, vì vậy cũng có nghĩa là có thể thay thế người sống liên lạc với âm phủ, đi cửa sau, đồng thời cũng có thể nhận phong bì, bạc nén của người sống giúp đám quan dưới địa phủ. Hơn nữa, bạn có biết đám âm sai dưới địa phủ là những ai không? Sinh thời, bọn họ chính là nha dịch trong nha môn của địa phương. Hai nhà ngang của miếu Thành Hoàng trước kia, thường có hai hàng "nha dịch" đứng hai bên, tức là kẻ tôi tớ dưới âm phủ, những kẻ tôi tớ bằng đất sét đó trên người còn có ghi rõ tên tuổi, vì bọn họ chính là tôi tớ trong nha môn của huyện phủ ở địa phương trước kia. Địa vị của tôi tớ trong xã hội rất đặc biệt, bọn họ vừa là người của quan phủ, tầng lớp thấp kém nhất trong cơ quan nhà nước vừa là một dạng thảo dân, nhưng quan hệ giữa họ và đám dân đen là quan hệ huyết nhục và tương khắc như lửa và nước. Quan hệ xã hội của họ đa phần là bách tính bình dân, nhưng lại có thể

https://thuviensach.vn

gặp gỡ và nói chuyện với quan phủ, địa vị đặc biệt đó khiến họ ngoài làm quan sai ra còn kiêm thêm một chức vụ thứ hai là giúp người dân đi cửa sau. Nhưng nếu xuống dưới địa phủ, đám nha dịch chỉ có quan hệ một đầu với bên âm phủ, còn bách tính trên dương gian lại muốn giao dịch với dưới đó, nhưng thiếu môi giới, hoạt vô thường có lẽ được sinh ra là vì lý do này, trở thành đại lý của "vô thường chết" trên dương gian.

Là người môi giới giữa âm phủ và người sống, hoạt vô thường ngoài những lúc thuyết phục, hỗ trợ cho âm sai bắt hồn, còn có thể làm rất nhiều việc, nhưng việc thường thấy nhất là thay âm sai dò sổ âm tào. Ví dụ như tuổi thọ dài ngắn, có công danh gì hay không, tiền đồ lớn nhỏ, năm nay hung cát ra sao, nếu trong sổ âm tào đều đã có thành án thì chỉ cần hoạt vô thường đả thông khớp nối của âm sai là có thể dự đoán được ngày hóa kiếp của người đó.

Đương nhiên, bất luận là đối với âm phủ hay người sống, hoạt vô thường cũng không phải người làm công cao cấp của họ, bọn họ làm việc được trả lương, dù là do bên âm phủ khấu trừ lại hay tiền lễ cảm tạ của người sống, dù sao mỗi lần đi về cõi âm, eo lưng của hoạt vô thường được giắt từng túi, từng túi tiền. Còn về chi tiết và quá trình những món tiền, bạc đi cửa sau đó, chúng ta sẽ nói đến ở một chương riêng, nhưng cũng có thể không cần nhắc lại nữa, bởi vì hoàn toàn giống ở trên nhân gian, người đọc đã từng biết, tham gia việc khởi kiện trên nhân gian có lẽ không cần phải tìm hiểu thêm nữa. Ở đây, tôi chỉ muốn nói rõ hơn một chút, sau khi những chế độ trong nha môn dưới địa phủ dần dần được thiết lập chặt chẽ thì hoạt vô thường là một ngành nghề không thể thiếu. Thậm chí, trong ngành này cũng có sự cạnh tranh, chỉ cần nhìn đám hoạt vô thường ra sức tâng bốc, nói nhiều tới mức thành ra nói linh tinh là đủ thấy sự tôn trọng của họ đối với nghề nghiệp mà mình làm.

Phan Luân Ân đời Thanh có viết một chuyện về "đi vô thường". Quyển tám, cuốn *Đạo thính đồ thuyết* kể về một người có mười năm kinh nghiệm làm hoạt vô thường, người này họ Sái tên Ngoạn, ông ta nói làm nghề này

https://thuviensach.vn

nhiều tới mức chán ngấy rồi, muốn rửa tay gác kiếm. Nhưng không phải muốn bỏ là bỏ được, muốn bỏ ông ta phải "cầu thần khấn Phật, tu Thủy lục đạo dương, hát bài *Mục Liên cứu mẹ*[7], trăm phương nghìn kế, mới có thể thoát ra được nghề đó". Theo như những gì ông ta tiết lộ: "Mục đích của tất cả những hoạt vô thường đều là lừa gạt, tâng bốc công trạng, muốn thêm vài năm tuổi trong sổ âm tào hoặc xin được bách niên giai lão trước mặt Diêm Vương." Loại người này, trên nhân gian chuyện gì cũng ôm đồm. Ông ta nói: "Trong suốt những năm làm tay sai, đầy tớ ấy, chẳng qua cũng chỉ vì muốn tiền trạm cho chức quỷ dịch sau này mà thôi. Chỉ là mỗi tháng, đến trước mặt phán quan một lần, khi chúc thọ vào tết Nguyên đán vào Thâm La điện một lần, nhưng dù có gặp được Diêm Vương, cũng không dám ngẩng đầu nhìn, chỉ vài ba vái rồi lui thì làm sao dám nói chuyện? Vì vậy, người nào đó trên trần gian đến tuổi hạn, đành đợi lệnh bài bắt hồn được giáng xuống. Cái gọi là dự đoán trước được ngày chết của kẻ khác chẳng qua là sai dịch ở dương thế khi vào đi ngang điện thẩm mới nghe được những lời phán xét mà thôi."

[7]. Mục Liên hay tên đầy đủ là Mục Kiều Liên, một trong những đồ đệ thân tín nhất của Thích Ca Mâu Ni. Ông nổi tiếng về sự hiếu thảo với mẹ. ông tu luyện thành công nhiều phép thần thông, qua đó biết mẹ mình đang lâm kiếp ngạ quỷ, ông hỏi Phật Tổ về cách cứu mẹ. Phật dạy rằng: "Dù ông thần thông quảng đại đến đâu cũng không đủ sức cứu mẹ ông đâu. Chỉ có một cách nhờ hợp lực của chư tăng khắp mười phương mới mong giải cứu được. Ngày Rằm tháng Bảy là ngày thích hợp để vận động chư tăng, hãy sắm sửa lễ cúng vào ngày đó."

Theo lời Phật, mẹ ông được giải thoát. Phật cũng dạy rằng chúng sinh ai muốn báo hiếu cho cha mẹ thì cũng theo cách này (Vu Lan Bồn Pháp). Từ đó, ngày lễ Vu Lan ra đời.

Theo những gì Sái Ngoạn nói thì hình như những hoạt vô thường không có khả năng thông thiên, nhưng cũng có những hoạt vô thường được gặp "bộ trưởng bộ tư pháp", vị trí này không thể coi thường. Hơn nữa, ai cũng biết, muốn hỏi thăm về một vụ án trong nha môn, dò la tin tức cũng không thể đi cửa sau được, quy trình trong đó phải theo từng giai đoạn, thiếu giai đoạn nào cũng không được, bởi vì đám già trẻ, lớn bé, từ trên xuống dưới trong nha môn ai chẳng phải ăn cơm. Vì vậy, những lời mà người này nói, không

https://thuviensach.vn

biết có phải là lời tố cáo những kẻ đã đá mình ra khỏi ngành hay là muốn ba hoa, khoác lác về nghề cũ mình từng làm nữa, hoặc cả hai lý do trên đều có.

Đương nhiên, đi về cõi âm cũng "đâu phải chuyện dễ dàng gì", nguy hiểm không phải ít.

Khi hoạt vô thường đi về cõi âm, nhìn công việc đó tưởng chừng giống như người cơm no rượu say xong chổng ba chân bốn cẳng lên trời mà ngáy khò khò, nhưng khi tỉnh dậy thì mồ hôi đầm đìa, những khổ nhục đang đón chờ họ trong cửa nha môn, bưng trà rót nước, vất vả tới mức ngay bản thân chúng ta cũng không thể hiểu được. Hơn nữa, trong lúc họ ngủ vùi, đôi giày dưới gầm giường đó phải cái ngửa cái úp, nếu ai đó phá đám, ngửa cả hai chiếc giày lên thì linh hồn của hoạt vô thường cho dù lúc đó đang làm việc gì cũng phải ba chân bốn cẳng quay về ngay, nếu cả hai đều úp thì càng nguy hơn, hoạt vô thường đó "chết chắc".

Nói đến đây, có người sẽ hỏi: "Tôi thấy những gì mà anh nói, bao gồm cả cái gì mà nhân lực không đủ, sợ dương khí, nên phải mượn hoạt vô thường từ trên dương gian xuống,… đấy chẳng qua chỉ là cái cớ mà bọn thầy phù thủy đưa ra để lừa tiền mọi người mà thôi!..." Nếu bạn muốn nghĩ như vậy thì cũng đành chịu thôi, nhưng tôi cho rằng không nên phân tích quá kỹ mọi việc. Quan lớn đều đi xử án rồi, đám phù thủy đi đi về về âm gian để kiếm chút tiền thì đã sao!

Bắt hồn trên âm sơn đạo

1

Ham sống sợ chết là bản năng của mỗi người, nhưng con người không giống động vật, vì vậy dù là nói về đề tài này cũng phải thêm chút màu sắc

https://thuviensach.vn

văn chương khiến nỗi sợ hãi cái chết thêm kịch tính.

Một trong số đó là, con người trước khi chết, nằm thoi thóp trên giường, người như cây gỗ nhưng chỉ cần vừa tắt thở, linh hồn liền ngồi dậy, đối mặt với âm sai đến để "dẫn hồn" đang đợi ở đầu giường, chuẩn bị "dẫn giải" lên đường. Mặc dù Phật giáo nói chúng sinh bình đẳng, nhưng đã ai nghe nói đến việc đại ca hoạt vô thường đến để bắt hồn con la, con bê, côn trùng bao giờ chưa?

Dẫn hồn cũng là bắt hồn, bắt chính là bắt bớ, hay còn gọi là "giữ" hoặc "thu", đều là ý thu bắt. Người chết rồi, trên nhân thế không còn vị trí cho họ nữa, trong vũ trụ, ngoài hai thế giới âm, dương ra không còn thế giới thứ ba nào nữa, vì vậy cũng không có con đường thoát nào khác, lúc này ngoài xuống âm gian ra không biết đi đâu, tại sao dưới âm phủ còn phải cử quỷ sai tới bắt họ đi một cách cưỡng chế như thế? Một cách giải thích mặc dù không được công bố rộng rãi, nhưng lại được rất nhiều người công nhận là, nếu quỷ sứ không đến thăm thì người này nhất định sẽ không chịu tự giác ngộ quay về. Tiền đề của cách diễn giải này chính là, thế giới dưới kia cần phải có một đại nha môn, âm phủ và địa ngục. Nếu quỷ sứ không đến bắt, người chết rồi, mặc dù đã xuống âm giới nhưng không đến quan phủ tự giác "đầu thú". Cách nói khác gay gắt hơn thì là, nếu như sứ giả âm giới không đến bắt hoặc đứng đó đợi, người này có lẽ không chịu chết luôn.

Những chuyện như thế này trong thời đại nghĩ rằng linh hồn như khí như khói không xảy ra, người nhẹ nhàng từ từ bốc lên, bay lên trên, hoặc theo gió tùy ý đi du lịch khắp đông, tây, nam, bắc, mặc dù không đến nỗi như Nho gia nói rằng tan vào hư không, vậy thì bay lượn mãi như thế cũng chẳng thú vị gì. "Hồn sẽ quay về, về nơi mình đã sinh ra", cũng chính là quay về trong phần mộ của tổ tông an nghỉ. Lão tổ tông của chúng ta vẫn sống như thế, sau này lại xuất hiện một cái gọi là âm phủ, kết quả tự mình đưa mình vào tròng. Đương nhiên, vào thời đại đã có khái niệm âm phủ, một vài nhân vật chính trong các câu chuyện của thời đó vẫn không ngần ngại mà coi thường sự tồn tại của nó, và vong hồn vẫn như khói như khí

https://thuviensach.vn

hoặc như người đi du lịch, đơn độc hoặc kết bè kết nhóm ngao du trên con đường đến âm gian, có những người chết bao nhiêu ngày rồi mà vẫn còn lang thang trên đường phố, lưu luyến nơi viện đình, có người thì lại vì nghĩ cho gia đình, nhân cơ hội tin mình chết chưa bị lan truyền ra ngoài, đến cơ quan đơn vị tạm ứng chút tiền lương, còn cả những người khi chết rồi nhã hứng vẫn chưa hết, nhàn tản đi trong dòng người, quan sát lễ tang mà bạn bè tổ chức cho mình. Bất đắc dĩ có người sinh ra đã đê tiện, sau khi xác định là chết rồi, không có nha môn quản thúc thì không tự tin, mà khi người thân đốt vàng mã đưa tiền, cũng phải dành riêng một phần cho đại ca áp giải, tự mình phải thừa nhận với bố mẹ là phạm nhân bị áp giải. Vì vậy, ở vấn đề này, tôi theo chủ nghĩ duy tâm "tin thì có mà không tin thì không có", âm phủ địa ngục chỉ dành cho những người tin vào sự tồn tại của nó mà thôi.

Nếu đã tin, âm phủ cũng sẽ rất ghi nhớ những người tin vào sự tồn tại của nó, thời cơ đến, âm sai sớm đã mang theo lệnh bài đợi ở đầu giường rồi.

Nhưng ở đây lại có một điểm khiến người ta không hiểu. Theo cách nói của một vài hòa thượng thì con người sau khi chết phải được thần thiện dẫn đường, vậy thần thiện đó hẳn phải là Phật A Di Đà rồi, nghe nói phải dẫn đến thế giới cực lạc. Nhưng trong chùa chỉ có những người vừa phải hành đạo vừa phải tin vào đạo Phật mới có tư cách hưởng thụ, người bình thường thì sao? Phật tổ luôn luôn từ bi hỷ xả, con người khi còn sống luôn được khuyên răn đủ điều, đến khi du hồn rời xá, như lúc cần than trong tuyết lạnh, chắc chắn ngài sẽ không buông tay bỏ mặc Faust[1] trước khi chết như Chúa, Chúa chẳng phải còn sai thiên sứ xuống hạ giới, cùng với đám ma quỷ tranh giành linh hồn của anh ta hay sao? Nhưng trong những câu chuyện mà các hòa thượng kể thì Phật tổ Như Lai hình như lúc này trốn đi như không phải việc của mình vậy. Cho đến khi linh hồn đáng thương mặt nhăn mày nhó chuẩn bị xuống địa ngục chịu hình rồi, bỗng xuất hiện một Địa Táng Bồ Đà, lại cũng chỉ là một người trợ giúp hằng ngày cùng đốt hương niệm Phật, những cái khác không nói, gì mà những lời to tát như: "Địa ngục không trống, thề không thành Phật", gào bao nhiêu năm thực ra

https://thuviensach.vn

cũng chỉ là bảo vệ chính mình mà thôi. Nếu lấy những câu chuyện này ra để giải thích, các hòa thượng hằng ngày khuyên chúng ta nên đốt nhang niệm Phật, rõ ràng cũng chỉ là một loại phí bảo hộ mà thôi. Hình tượng vĩ đại huy hoàng của Phật trong lòng tôi đã bị bóp méo trong lời kể của các hòa thượng rồi.

[1]. Faust: là một trong những nhân vật có thực được truyền thuyết hóa nhiều nhất, rồi đi vào đủ loại hình cũng như thể loại văn học nghệ thuật và hiển nhiên sống mãi trong xã hội loài người. Trong nhiều thế kỷ, sự tồn tại của tiến sĩ Faust đã không bị nghi hoặc gì nữa, sự tồn tại vừa trong thực tế vừa qua vô vàn giai thoại. Tương truyền ông sinh khoảng năm 1480 ở Knittlingen, xứ Wurtemberg, thuộc CHLB Đức hiện nay.

Chuyện này quả thật có chỗ khiến người ta nghĩ không thông, cuối cùng đành phải suy đoán như sau, Chúa Trời ở phương Tây và Hàn Đán đối lập với nhau mà Phật giáo và âm phủ của Trung Quốc lại chung một nhà. Âm phủ chỉ là công ty con của Phật giáo, giữa hai bên không những không có sự cạnh tranh mà còn hỗ trợ cho nhau rất nhiệt tình. Điều này liên quan đến nguồn gốc về âm phủ của Trung Quốc và quan hệ của Phật giáo, tôi chuẩn bị thảo luận sang một đề tài khác, ở đây chỉ nói đến chuyện Diêm Vương dưới cửa Phật môn sai quỷ sứ lên dương gian dẫn hồn thôi.

2

Người ta thường nói: "Không làm việc gì xấu thì không sợ quỷ tới nhà gõ cửa." Việc bắt hồn của quỷ sứ, dù bạn có làm việc gì xấu hay không, đúng giờ là đến, giống như câu nói: "Diêm Vương đã định canh ba phải chết, sao dám giữ người đến canh năm." *(Có thể giữ người đến canh năm không là một câu chuyện khác, nhưng canh ba nhất định quỷ sứ sẽ đến.)* Hơn nữa, quỷ sứ bắt hồn cũng là đại diện cho quan phủ đi bắt giải nghi phạm nên không có gì phải khách khí. Mặc dù tội của người bị bắt phải tới khi gặp Diêm Vương phán quan mới có thể định được, người đó có thể là người tốt, có thể là do bị người khác ám hại, nhưng trong thông lệ dân gian Trung Quốc từ xưa tới nay luôn là "nghi phạm có tội" *(đối với một vài nhân vật*

https://thuviensach.vn

đặc biệt thì cũng có trường hợp "nghi phạm vô tội"), còn sau khi đến âm gian rồi thì "không có tội cũng thành có tội", dùng một câu nói thường được nghe thấy khi thực hiện phong trào "bốn sạch"[2] thì là "có tội hay không có tội cứ đánh ba gậy trước đã", cứ bắt đến, đánh cho một trận rồi nói sau, vậy là gậy gộc, xích sắt chính là những công cụ cần có mỗi khi quỷ sứ lên đài, còn vong hồn ngay từ đầu đã là tội phạm.

[2]. Bốn sạch là sạch trong chính trị, sạch trong kinh tế, sạch trong tư tưởng, sạch trong tổ chức. Đây là hoạt động được tổ chức từ năm 1963-1966 ở nông thôn và các thành phố nhỏ của Trung Quốc.

https://thuviensach.vn

Chúng ta bắt đầu từ phương pháp đơn giản thường thấy và cũng là phương pháp khách khí nhất, đó là truy đuổi. Trong quyển một cuốn *Khuê Đông Chí* của Quách Tượng đời Nam Tống có kể về một vị đại phu chuyên chữa bệnh cho trẻ em người Tín Châu tên là Sái Mỗ, lâm bệnh mà chết. Ông ta

https://thuviensach.vn

có một người đồng hương lúc này đang làm việc ở Lâm An, trên đường lớn gặp Sái Mỗ, để đầu trần không mũ nón gì cả, "có hai vị mặc áo vàng đuổi theo sau." Khi người đồng hương này về quê, mới biết Sái Mỗ đã chết, và chết đúng vào ngày mà ông ta gặp Sái Mỗ trên đường, nên biết rằng lúc ấy mình đã gặp linh hồn Sái Mỗ, còn hai vị mặc áo vàng kia chính là quỷ sứ.

Nếu đã là "truy đuổi" thì việc động chân động tay là khó tránh, còn có cầm gậy vụt hay không, hoặc vong hồn trên người có công cụ thụ hình nào không, trong này không thấy nói đến, chỉ có thể tả sơ qua về quang cảnh bắt phạm nhân thời Nam Tống để chúng ta cùng so sánh.

Việc Đổng Siêu, Tiết Bá áp giải Lâm giáo đầu thì có chút cực đoan, không lấy làm điển hình thì cũng thôi, nhưng gậy thủy hỏa của quỷ sứ áp giải có lẽ là công cụ không thể thiếu, không thể chỉ mang hai tay không đi như những tên trộm gà để "đuổi gà" được.

Tôi cũng đã từng được trải nghiệm cảm giác bị "đuổi" này rồi, đương nhiên không phải quỷ sứ của âm phủ đuổi. Năm đó, ga tàu hỏa phải xây lại nên những khách đợi đi tàu đành phải xếp hàng hỗn loạn và ồn ào, nhân viên nhà ga cầm một chiếc cờ đỏ đứng phía trước, làm người dẫn đường đi vào ga, nhưng khách đi tàu không hiểu ý đồ của anh ta, lá cờ đỏ đó chỉ cần cuộn vào, trở thành một cái roi có tính chất tượng trưng, nhằm vào cánh tay, mông của những hành khách không đứng đúng hàng mà đánh, vì ngày đó mọi người đều mặc áo bông nên không ai bị đau. Hơn nữa, nếu nghĩ đến cái gậy thủy hỏa mà Đổng Siêu, Tiết Bá dùng để đánh vào khớp xương của Lâm giáo đầu (vừa tiết kiệm sức vừa hiệu quả) thì sẽ cảm thấy dịu dàng, quan tâm hơn, vì vậy có người còn toét miệng cười với người đánh mình, tỏ vẻ hiểu ý của vạn tuế.

Khiến người ta càng khó chịu hơn cả là một quỷ sứ túm tóc đi trước, một quỷ sứ cầm gậy đánh đằng sau.

https://thuviensach.vn

Trong quyển một *Triều dã thiêm tái* của Trương Trạc người đời Đường có viết:

Thời Võ Tắc Thiên, Phượng các đãi lang chu Duẫn Nguyên vào buổi chầu sớm. Thái Bình công chúa gọi thầy thuốc đi vào chính cửa, thấy một tên quỷ sứ bắt giải Chu Duẫn Nguyên, tên thứ hai cầm gậy theo sau, đi thẳng vào Cảnh Vân Môn…

Vị thầy thuốc này có bản lĩnh nhìn thấy ma, vì vậy mới có thể nhìn thấy cảnh đại thần bị quỷ sứ bắt đi. Bình thường, khi những lão đại thần trong triều đình ra khỏi cửa, trong nghi thức không thể thiếu những cây gậy hoặc màu đỏ hoặc màu trắng hoặc ngũ sắc dùng để đuổi đám dân đen, nhưng lúc này, cây gậy lại rời vị trí ra sau mông mình, đổi thành đánh chính mình. Cách túm tóc kéo về phía trước đấy thực sự khiến những nhân vật lớn có chút mất mặt, vì sợ đau nên hai tay phải ôm đầu, điều đó cũng có nghĩa là phải cúi đầu xuống, tư thế không được đẹp mắt cho lắm.

Đến thời nhà Thanh, đàn ông thường để tóc đuôi sam, như vậy khi bị bắt sẽ càng dễ dàng hơn, tức là vừa không bỏ khóa sắt, vừa coi túm tóc là một thủ đoạn đơn giản, hiệu quả. Khi Mậu Tuất lục quân tử[3] bị bắt, bị binh dịch túm tóc lôi đi, Đàm Tự Đồng đã nói: "Cả đời ta là văn nhân, lại có chức quan, hà tất phải làm thế này!" Binh dịch đáp: "Bọn ta vâng lệnh nha môn bắt người, từ trước tới nay vẫn thế." Trong giới quan phủ Trung Quốc, thấp thì Địa bảo[4] mà cao thì Hoàng thượng, cách cư xử với "nghi phạm" từ trước tới nay vẫn dùng những thủ đoạn hạ lưu bỉ ổi và man rợ như thế, cậy quyền thế nhất thời, không bỏ qua bất kỳ cơ hội nào để làm nhục nhân cách người khác. Túm tóc, trói bằng dây sắt, thậm chí là đội mũ cao đi diễu khắp đường khắp chợ, không phải sợ nghi phạm không nghe lời hoặc chạy mất, thực ra là thích thú trong trong việc hủy hoại nhân cách của người ta, từ đó thể hiện uy phong lưu manh, độc ác của mình. Từ điểm này có thể thấy, cách cư xử của người đứng trên vị trí cao nhất với đám quan binh, tướng tốt cũng chẳng khác nhau là mấy.

https://thuviensach.vn

[3]. Mậu Tuất lục quân tử: chỉ sáu chí sĩ Duy Tân bao gồm Đàm Tự Đồng, Khang Quảng Nhân, Lâm Húc, Dương Thâm Tú, Dương Duyệt và Lưu Quang Đệ, cả sáu người đều bị sát hại trong phong trào cải lương chính trị của giai cấp tư sản năm 1898 (tức năm Mậu Tuất), còn gọi là biến pháp Mậu Tuất hay Mậu Tuất Duy Tân.

[4]. Địa bảo: chức quan địa phương ở thời nhà Thanh và những năm đầu dân quốc.

Sự thực chứng minh không chỉ có chó cậy chủ nhà, mà người cũng cậy thế chó, không có mấy tên chó săn giơ nanh múa vuốt kia làm thay thì đám Thái thượng hoàng, Lão Phật Gia cũng xông ra làm chó không chừng.

3

Vậy khi bắt hồn, "chúng sinh có bình đẳng" không?

Những chương trước chúng ta nói đến những quỷ hồn bị bắt, có bách tính bình dân, có gia đình giàu có, quyền thế, dường như tất cả đều bình đẳng trước cái chết, ngay cả đến Phượng các đãi lang chẳng phải cũng bị túm tóc kéo đi đó sao? Vị Chu Duẫn Nguyên trong lịch sử hoàn toàn không làm việc gì ác, còn được nhận lời khen của người khác, vì vậy khi ông ta bị bắt đi, bị ngược đãi như thế hoàn toàn không phải vì ông ta mắc tội ác gì đặc biệt, chỉ là vì Diêm Vương khi đó còn chưa có sự phân biệt, giống như trong *Sưu Thần ký* mà Cam Bảo đã nói: "Khi chết không được đối đãi tử tế như khi sống", "khi sống vì khanh tướng tử tôn, chết xuống dưới đất thì thái sơn ngũ bá, tiều tụy, khốn khổ, không thể kêu ca" mà thôi. Nhưng trong những câu chuyện về sau, quan tướng có thân phận rõ ràng khi bị bắt đi, có chút khác biệt so với bách dân trăm họ.

Tôi đã từng giới thiệu qua, khi bắt hồn của bách tính thì đúng sách bắt hồn, nhưng đối với những nhân vật chức sắc quan tước thì phải bao phòng như đi xem kịch vậy, cũng phải viết một lệnh bắt riêng, mặc dù cùng là cái chết, nhưng quy cách viết lại như viết "giấy mời".

https://thuviensach.vn

Từ xưa tới nay vẫn luôn có quan niệm, đương nhiên quan niệm đó không phải xuất phát từ bách tính bình dân mà là từ trên truyền xuống, tức là những người làm đế vương, tướng quân đó đều có lai lịch. Quan niệm này tới thời Đường càng phát triển mạnh hơn, có lẽ cũng có sự giúp đỡ của Phật giáo và Đạo giáo, giống như những gian thần Lý Lâm Phủ, Lô Kỷ, đều là sinh có tiên cốt, nếu không làm thừa tướng thì có thể làm thần tiên. Đặc biệt là đến thời Bắc Tống, những danh công cự khanh, nếu không phải là tinh tố hạ phàm thì là thần tiên chuyển thế, thấp nhất thì cũng là tinh quái đầu thai. Trong *Tiền thị tư chí* do Tiền Thế Chiêu thời Bắc Tống viết: "Từ Thần ông đi từ Hải Lăng (nay là Thái Châu Giang Tô) đến kinh sư, Sái Kinh nói với Từ Thần Ông rằng: "Mong cho thiên hạ thái bình." Thần Ông đáp: "Thái bình cái gì? Các loại ma quỷ trên trời xuống hạ giới, đầu thai sống trong nhân gian, làm hỏng thế giới." Sái đáp: "Làm thế nào để nhận ra người này?" Thần Ông cười: "Thái sư chính là một trong số họ." Vì vậy, cái chết của họ chẳng qua là "trở về nơi cũ" mà thôi.

Đại quan đã như thế, nếu là hoàng đế thì khí phái càng lớn, cho dù vị hoàng đế này có chết bất đắc kỳ tử. Trong quyển một *Tục huyền quái lục* của Lý Phục Ngôn người đời Đường có truyện *Tân Công Bình thượng tiên*, ghi rằng: "Hồng Châu Cao An huyện úy Tân Công Bình, Cát Châu Lỗ Lăng huyện úy Thành Sĩ Liêm, cả hai người ngày cùng vào kinh cuối năm Trinh Nguyên[5], trên đường làm quen với một người, tự xưng là Vương Trăn, là minh sử, đang đi về Trường An để nghênh đón "Thiên tử thượng tiên". Âm binh nghênh tiếp đó là "giáo mã ngũ bách, tướng quân nhất nhân", người thường không nhìn thấy được, mà Vương Trăn lại là minh quản quản lý sổ sách dưới âm phủ, có lẽ chính là "phán quan" mà hậu thế hay nhắc đến. Tân Công Bình cùng với đội âm binh đó đi từ Thông Hoa Môn vào thành Trường An, đến đường Thiên Môn, có thần tiên địa phương cung kính tiếp đón, sau đó binh chia làm năm đội, tướng quân, phán quan và thân binh ở miếu Nhan Lỗ Công. Vài ngày sau, tướng quân nói: "Thời gian đã đến, nhưng trong cung có chúng thần tương hộ, không cách nào tiếp cận được Hoàng thượng thượng tiên, làm thế nào bây giờ?" Vương phán quan nói: "Ta có thể trình xin với minh phủ, bố trí sắp xếp yến tiệc trong cung, trong

https://thuviensach.vn

yến tiệc sẽ có bố trí, khi ấy chúng thần tự nhiên sẽ từ chối, đó là lúc ta hành động.” Không lâu sau, dưới âm phủ báo lên, trong cung đang chuẩn bị yến tiệc. Thế là năm trăm âm binh, ba trăm người cưỡi ngựa, còn lại đi bộ, khi vào cung thì phân nhau đi vào từ rất nhiều cửa khác nhau, sau đó tướng quân ra lệnh bố trí quân dưới đại điện. Lúc này chỉ thấy trong đại điện đèn đóm sáng rực, véo von tiếng hát, réo rắt tiếng đàn. Đến canh ba, đột nhiên có một vị thần tướng mạo hung hăng xuất hiện, tay cầm thanh mâu dài hơn trượng cúi người trước mặt tướng quân, chậm rãi nói: “Thời khắc đã đến rồi!” Tướng quân khẽ chau mày, gật gật đầu, hung thần đó vâng mệnh, đi nhanh lên điện, thẳng tới ghế ngồi của hoàng đế, quỳ xuống. Đương nhiên đây là ám thị cho việc thích sát. Lúc này chỉ thấy đám quần thần bên cạnh hoàng đế hỗn loạn. Hoàng đế nói đau đầu, tiếng hát tiếng nhạc lập tức dừng lại, tả hữu hai bên vội dìu hoàng đế về căn phòng ở phía tây. Một lúc lâu sau, không thấy hoàng đế ra, lúc này tướng quân nói: “Thời khắc thăng thiên giới hạn, không thể để lỡ, xe ngựa đã chuẩn bị xong, sao vẫn chưa manh động?” Có người đáp lại: “Hoàng thượng đang rửa ráy.” Tướng quân nói: “Được, tắm rửa xong khởi giá.” Ngay sau đó, từ trong căn phòng phía tây vọng lại tiếng nước chảy. Đến canh năm, hoàng thượng lên kiệu, phía sau có sáu người mặc áo xanh đi theo, trên mình đều thêu long phượng, khênh kiệu xuống dưới điện. Tướng quân hành lễ, hỏi: “Việc ở nhân gian phức tạp, vất vả cực khổ, lại thêm điều tiếng nóng cả tai, yêu sắc cám dỗ, làm hỏng sự thanh tịnh đã tu dưỡng bấy lâu, còn có thể phục hồi được không?” Hoàng đế đáp: “Trái tim chứ có phải sắt đá đâu, nhìn thấy có thể không rung động sao? Nay phải rời đi, thế cũng đã là xấu rồi.” Tướng quân cười, liền đi lên, cúi người hành lễ rồi dẫn hoàng đế ra khỏi cung, từ nội cung cho đến quan sử không người nào là không nghẹn ngào đưa tiễn, lưu luyến không rời. Qua chính điện, hai trăm kỵ sỹ dẫn đường, ba trăm kỵ sỹ hộ tống, như phong như lôi, nhẹ nhàng lướt đi, rời khỏi Vọng Tiên Môn.

[5]. Năm Trinh Nguyên ở thời nhà Đường.

https://thuviensach.vn

Bịt mũi, hút hơi và các cách khác

Người chết thì gọi là "đoạn khí", nói văn vẻ một chút thì là "khí tuyệt", thêm chút hài hước thì là "chỉ có thở ra mà không có hít vào", nếu thêm chút cảm khái thì là "tam phân khí tại thiên ban dụng, nhất đán vô thường vạn sự hưu[1]". Từ đó có thể thấy "khí" có quan hệ mật thiết, lớn lao thế nào tới sự sống chết của con người. Một cái chết bình thường là chết trước rồi đoạn khí sau, hay là đoạn khí trước rồi chết sau, những văn nhân chú ý tới vấn đề khoa học thì nhất định phải tìm hiểu tới ngọn tới ngành, còn những người không quan tâm lắm tới khoa học thì chỉ biết trong thủ đoạn mưu sát có "yểm sát", "bí sát", đấy chính là kiểu đoạn khí trước rồi mới chết. Nhưng kiểu giết người này thật tốn công tốn sức, không được nhanh nhẹn và sảng khoái như đám đao phủ, vì vậy, những cách đó không hay được dùng, chỉ khi phải suy nghĩ đến việc giữ cho người chết có một thi thể toàn vẹn, đẹp mắt thì mới được mang ra dùng. Nhưng khi dưới âm phủ muốn bắt sinh hồn của người sống thì cách thức chém đầu hay những dạng tương tự như thế không thể dùng được nữa, cách đơn giản nhất là khiến người sống đoạn khí. Bên này khí đoạn, bên kia liệu có thể bức cho linh hồn chạy ra hay không, cũng còn chưa biết, nhưng bình thường, rất ít khi gặp trường hợp linh hồn chịu giam mình trong thi thể cứng ngắc không chịu ra. Thế là những tên quỷ tốt khi đi bắt người thường có vài cách để bức người ta chết trước.

[1]. Có nghĩa là: trên thế gian này tất cả mọi sự vật đều sẽ thay đổi, một khi ngừng thở, thì tất cả cũng sẽ kết thúc.

Cách đầu tiên là dùng bùn bịt mũi người ta lại. Truyện *Hồ Lặc* trong *Quảng dị ký* của Đới Phu đời Đường có viết: *Hồ Lặc người Triều Thục, chết vào mùa đông năm Long An thứ ba. Ba ngày sau sống lại, kể rằng, bị người ta bắt đi, dùng đất đỏ bịt mũi, ấn chặt, rồi đưa ra ngoài thiên môn.*

Đất đỏ chính là đất sét đỏ, rất dính, sau khi khô có độ kết dính rất cao. Hồi nhỏ, mỗi lần học giờ thủ công, tôi đã từng thấy mất mặt quá, nhưng lại không thể đập vỡ nó để giấu đi, như thế có thể tưởng tượng hiệu quả của

https://thuviensach.vn

việc dùng thứ này và bịt mũi người rồi đấy. Hơn nữa, sau khi bịt lại rồi còn dùng thêm quan ấn, rất giống cách đóng gói văn thư thời Hán, đừng nói là bản thân mình, ngay cả người khác, nếu không có quyền lực nhất định cũng không thể mở phong bì. Hồ Lặc sau khi bị bịt mũi bằng đất sét liền đoạn hơi, lên trời có lẽ được bóc đất sét ra, nhưng hồn mà trong thời gian này không thể hít thở được. Thế là dẫn tới một vấn đề hết sức phiền phức, đó chính là vấn đề hít thở của hồn ma. Dẫn chứng trong rất nhiều câu chuyện, ma không những có thể hít thở mà còn có thể thổi ra âm khí để hại người. Nhưng câu chuyện về Hồ Lặc có thể đưa ra làm ví dụ để phản chứng, linh hồn không cần không khí. Điều này cũng có cái lý của nó, đầu tiên là đoạn khí của người sống khiến người ta trở thành người chết, sau đó lại cắm thêm một ống thở vào cho hồn ma đã đoạn khí để nó trở thành ma sống, thế chẳng phải lằng nhằng mất thời gian hay sao! Vậy tại sao sau khi lên trời rồi lại phải gỡ đất sét ra? Tôi nghĩ, dụng ý của thiên đình không phải vì muốn khôi phục lại quyền lợi hít thở của anh ta, chỉ là muốn anh ta mở miệng nói khi ở trước công đường, ngoài ra, có lẽ cũng tránh để thiên gia nhìn thấy cảnh người bị dính đất sét vào mũi khiến thiên gia không vui.

Long An là niên hiệu của Tấn An Đế *(hoàng đế thời Đông Tấn)*, phương thức sử dụng trong câu chuyện này quá lỗi thời, vì vậy sau này không thấy quan lại dưới âm giới sử dụng nữa, nhưng lại bị đám quỷ lưu manh hoang dã dùng để trêu chọc những người đi đường dương khí không vượng nhưng lại phải đi gấp gáp trong đêm, có điều không cần dùng đất đỏ, vơ đại bùn hay cỏ dại cùng rác các loại nhét đại vào miệng, vào mũi, vào tai những kẻ xui xẻo kia là xong.

Còn một cách khác khiến người ta phải đoạn hơi nghe có vẻ hợp lý hơn, chính là lũ quỷ tốt khi đi bắt hồn người sử dụng túi hút khí, hoặc còn gọi là túi lấy khí, một loại chế phẩm bằng da, hình thức của nó được làm mô phỏng ống thổi lửa, một ống gió có thể mang theo bên mình. Thứ này khi đốt lửa rèn sắt thì dùng để thổi hơi, nhưng trước khi thổi phải hít vào.

https://thuviensach.vn

Trong truyện *Dữu Quý Tùy* trong *Thuật dị ký* của Lương Nhân Nhậm Phưởng có ghi chép một chuyện: "Quỷ tốt tay cầm ống da đi bắt người, hút khí của người đó, còn người đó ít ngày sau sẽ chết." Người bị hút khí không nhìn thấy đám quỷ tốt này, vì vậy việc này rất mơ hồ, kỳ quái, và người bị hút khí cũng lặng lẽ mà chết, do đó khí bị hút chắc chắn là "dương khí" trong người người đó.

Trong *Chi nặc cao trung* ở quyển hai tập *Tây dương tạp trở* do Đoạn Thành Thức[2] viết, gọi ống da này là "túi hút khí": "Giữa năm Nguyên Hòa, một nông dân ở Tràng An, trong nhà có người bệnh, bệnh tình ngày càng nặng, liền mời hòa thượng tới đọc kinh, vợ con, người thân đều vây quanh giường bệnh. Một buổi tối, mọi người dường như nhìn thấy một người nhập vào cơ thể, lại cho rằng kẻ trộm, hòa thượng và mọi người đều đứng dậy đuổi bắt. Người đó trong lúc hốt hoảng, không còn đường nào để thoát, không đợi ai mời liền nhảy xuống một chiếc giếng. Trong đám người đó, không biết kẻ vô đạo đức nào, nhưng nhất định không phải là đám hòa thượng tăng ni đại từ đại bi đã đưa ra một chủ ý hết sức vô nhân đạo, đó là nấu một nồi nước Phật thật lớn rồi đổ xuống giếng cạn. Nhưng từ trong giếng không thấy phát ra tiếng kêu thê thảm như dự định, khi nhìn xuống giếng, không có tên trộm nào cả, trên mặt nước nóng chỉ nhìn thấy một cái túi nổi lềnh phềnh, chính là "túi hút khí" mà đám quỷ sai thường dùng.

[2]. Đoạn Thành Thức: tự là Kha Cổ, tiểu thuyết gia nổi tiếng thời Đường.

Cùng lúc ấy bỗng tiếng kêu thảm thiết vọng tới, cầu xin trả lại cái túi đó: "Ta sẽ đi bắt người của gia đình khác để thay cho người nhà các ngươi, xin hãy trả lại túi cho ta." Người nhà đó liền trả lại cái túi, bệnh nhân cũng dần khỏi bệnh." Gia đình nhà này vì muốn cứu người nhà mình mà không tiếc mạng sống của người khác, không nghĩ rằng đó chỉ là kế hoãn binh tạm thời mà thôi, đại hạn dù sao cũng không thể tránh được. Điều này chúng ta không quan tâm nữa, chỉ nói đến việc âm sai không có "túi hút khí" thì không thể đi bắt hồn, lẽ nào không thể mang thêm một, hai cái để dự bị hoặc tìm một tên quỷ khác mượn dùng hay sao?

https://thuviensach.vn

Song cùng quyền nhưng trong truyện khác lại gọi là "túi tích khí", từ "tích" này nghi ngờ là viết nhầm của từ "giật"[3], giật khí nghĩa là rút khí, còn tích khí dễ khiến người ta hiểu nhầm là túi hơi dùng khi cứu người. Cũng là chuyện xảy ra giữa những năm Nguyên Hòa, Quân Tướng người Hoài Tây đến Biện Châu công cán, nghỉ đêm ở dịch quán. Nửa đêm vừa chợp mắt, liền cảm thấy có vật gì đó đè nặng lên người. Quân Tướng kinh hãi tỉnh dậy, giằng có với vật đó, cướp được túi da trong tay kẻ đó. Tên quỷ tốt kia gào khóc kể lể, Quân Tướng nói: "Ngươi nói cho ta biết vật này là vật gì, ta sẽ trả lại ngươi." Quỷ tốt im lặng hồi lâu, rồi nói: "Đây là vật rút khí từ tai". Người nhà binh không ngại dùng mưu kế, một nhà chính trị xuất thân từ quân đội thì càng không cần giữ chữ tín, cầm một viên gạch lên, ném thẳng về phía tên quỷ tốt, khiến hắn khiếp sợ mà chạy mất. Rồi nhìn lại chiến lợi phẩm mà mình vừa lấy được, vật này có màu hơi đỏ, nhưng trong suốt.

[3] Hai từ đồng âm khác nghĩa. Từ "tích" đầu tiên nghĩ là tích, tích khí, còn từ thứ hai nghĩa là kéo giật.

Ngoài phương pháp rút khí ra, còn có một cách nữa là dùng áo trùm lên đầu người bị bắt, khiến người bị bắt tắc thở mà chết, đây chính là cách mà hoàng đế Tấn Cung Đế[4] cuối thời Đông Tấn sau khi "bị tự nguyện" truyền ngôi lại cho Lưu Dụ, Lưu Dụ đã dùng cách này để ban cho Tấn Cung Đế được chết toàn thây. Truyện *Tiêu Thẩm* trong *Quảng dị ký*, Đới Phu đời Đường có viết, quỷ sai khi đến bắt ông ta, chỉ dùng áo trắng trùm đầu. Cái áo trắng này không phải là cái áo thông thường, có lẽ đặc điểm bí và dai của nó còn tốt hơn cả túi nylon thời bây giờ, vì vậy chẳng bao lâu sau, Tiêu Thẩm đã không thở được nữa.

[4]. Tấn Cung Đế (386-421): tên thật là Tư Mã Đức Văn, vị hoàng đế cuối cùng của nhà Tấn trong lịch sử Trung Quốc. Ông trở thành Hoàng đế vào năm 419, sau khi người anh trai là An Đế bị Lưu Dụ giết chết, và trong thời gian ông trị vì, quyền lực trên thực tế nằm trong tay Lưu Dụ.

Còn những gì được nói tới trong *Minh báo ký* do Đường Lâm người thời Sơ Đường viết, thì lại sử dụng thủ pháp đánh lén, song bắt bằng cách trói giật

https://thuviensach.vn

khuỷu tay, rút khí. Lý Sơn Vưu bị bắt xuống âm phủ, nhưng vì biết đọc kinh phật nên được hoàn dương, trước khi rời đi, còn phải nộp một khoản chi phí, lúc này có ba tên quỷ sai bước tới, chìa tay về phía anh ta. Sứ giả âm phủ liền giải thích với Sơn Vu rằng:

Ba người này là ba người được sai tới bắt ngươi trước đó, một người dùng dây thừng, một người dùng gậy, còn người kia dùng túi hút khí.

Chi phí cho những kẻ dùng gậy, dây thừng, túi hút khí này có thể căn cứ theo quy định là phải đến gặp phán quan Diêm Vương để nhận tiền thù lao, nhưng khi phát hiện bắt nhầm phải trả về dương thế, Diêm Vương lại nói không biết tính số tiền đó vào đâu, âm sai đương nhiên không chịu thiệt, nên đã đòi chi phí từ người bị bắt nhầm. Kể ra thì cũng không phải không có lý, bạn được tuyên bố là vô tội và được phóng thích, cũng nên để đám đại ca âm sai kia vui vẻ cùng bạn một chút, thế chẳng phải rất bình thường hay sao. Đừng nghĩ rằng đấy là đám tiểu quỷ dưới âm gian giở trò, thực ra trên nhân gian cũng có những quy tắc như thế.

Tiện thể ở đây nói luôn tới một loại túi khác, đấy chính là loại túi dùng để đựng những linh hồn bị bắt. Quỷ sứ bắt người sống, nếu như chỉ bắt một hai người, giống như trên dương thế bắt giải đi là xong, nhưng bắt mười mấy cho tới trên trăm người, nếu tưởng tượng theo cách thông thường trên dương gian thì có lẽ phải xâu thành một chuỗi, kéo kéo lôi lôi trên đất, phải có hai ba nha dịch vừa kéo vừa thúc đằng sau, trong đó còn có một vài nô bộc giúp sức, thế thì sẽ xảy ra hỗn loạn. Trong *Tuyên thất chí* do Trương Đậu người đời Đường viết có một câu chuyện như sau: “Quỷ sai tới bắt linh hồn người sống, có thể tập trung bọn họ lại rồi đút hết vào trong túi áo, nhưng trong túi áo còn có một vật khác: “Hình dạng giống ruột bò, nhưng màu đen và một dây thừng màu đen dài chục thước”. Nhiệm vụ của âm sai này là phải bắt một trăm linh hồn, sau khi bắt xong phải nhốt vào trong cái “ruột bò” này, và dùng dây thừng buộc chặt.” Nếu túi áo bằng vải thì dễ thoát khí, sinh hồn có thể thoát ra được, thời đó không có túi nylon, vì vậy dùng một thứ giống như ruột bò, thứ này thì đến nước cũng chẳng thoát

https://thuviensach.vn

được, khí cũng không vào được, không những linh hồn không thể thoát ra ngoài, mà còn kiêm luôn tác dụng bịt mũi cho tắc thở. Chủ yếu là ruột bò này có tính đàn hồi, nhét một, hai linh hồn vào trong đó, vẫn còn rộng rãi, cho tới khi nhét tới mười mấy linh hồn, một mặt cái ruột bò đó sẽ tự động trương phình ra, mặt khác những linh hồn kia cũng phải tự giác co mình lại, còn về việc hình dạng lúc này của họ như thế nào, trong câu chuyện không nhắc tới, mặc dù linh hồn được ví như khói như khí, chắc là hợp với việc chèn ép, co rút này.

Túi rút khí và túi nhốt linh hồn từ sau đời Đường không thấy ai nhắc đến nữa, có lẽ đã dùng phương pháp đánh lén và trói chặt rồi, nhưng đến đời nhà Thanh, đám văn nhân tác quái lại trỗi dậy, kết hợp hai nhân vật khác nhau làm một. Trong truyện *Y Ngũ* ở quyển một *Dạ đàm tùy lục* do Nhàn Trai Thị viết, vật đó từ "như ruột bò" được đổi thành "hình dạng hơi phình ra như bong bóng lợn", bong bóng bò và bong bóng lợn không có nhiều khác biệt, thời Đường cũng có người nói: "Lấy hơi người sống cần bong bóng lợn", chỉ là cách nói khác của loại túi nylon thuần tự nhiên mà thôi. Nhưng sau này lại có khá nhiều thay đổi, Y Ngũ cướp được từ trong tay của quỷ sai cái bong bóng lợn trương phềnh, người khác không biết là vật gì, Y Ngũ liền nói: "Cái này là túi rút hơi, trong đó có chứa linh hồn của một đứa trẻ", thế là mang túi rút khí này đến cửa nhà vừa có đứa trẻ con chết, đặt miệng túi vào đúng lỗ khóa, mở miệng túi ra, một làn khói từ từ thoát ra ngoài bay vào trong phòng, đứa trẻ trong nhà đó lập tức sống lại. Loại túi này không chỉ rút dương khí của người, mà còn rút cả linh hồn của người nữa. Nhưng nếu suy nghĩ một cách nghiêm túc, thì thấy thật không thỏa đáng, phải biết rằng mấy cái ruột bò, bong bóng lợn đó chỉ có tác dụng chứa khí khi thổi khí vào trong đó, còn muốn dùng nó để rút khí thì phải đợi mãi tới sau này, khi khoa học phát triển để lắp thêm van, thêm cái bơm hơi nữa mới làm được như thế.

Ở đời Đường quỷ sai dưới âm phủ đi bắt người, ngoài túi rút khí ra còn có một cách khác mà đời sau không biết, đó chính là khi đi bắt hồn dùng thuốc độc để giết chết người đó, mời đọc *Tuyên thất chí* do Trương Đậu viết.

https://thuviensach.vn

Người ở Lưu Vạn Kim ở cùng phòng với Tự Lặc, một hôm Vạn Kim đi ra ngoài, Tự Lặc thấy người mặc áo tím lấy từ trong tay áo ra một vật, nhìn giống hạt thóc và có màu xanh, lấy ra khoảng hơn mười hạt đặt vào trong bát, nói với Tự Lặc rằng: "Ta không phải người trên trần gian, phụng lệnh tới bắt Vạn Kim, Vạn Kim khi ăn vào sẽ chết. Không được để lộ, nếu không tai họa khó lường." Khi Vạn Kim quay về, quả nhiên cầm cái bát đó lên ăn, ăn xong liền lăn ra chết. Thế nào là "ăn vào sẽ chết"? Lẽ nào nói số của Lưu Vạn Kim là bị trúng độc mà chết, trên nhân gian không có ai ra tay hạ độc, nên âm sai mới phải tự mình ra tay? Hay là vì Lưu Vạn Kim không có tai họa mà cũng chẳng có bệnh tật, âm phủ muốn bắt anh ta nên đành phải hạ độc?

Cùng trong cuốn sách này còn có một chuyện càng kỳ quái hơn: "Bùi Độ có bộ tướng Triệu Mỗ, mắc bệnh nặng nằm trên giường. Con trai ông ta bưng thuốc vào phòng, vừa đi ra thì Triệu Mỗ liền nhìn thấy một người mặc áo vàng đi vào, lấy từ trong túi ra gói thuốc màu trắng, giống như bột mì, đổ vào trong bát thuốc. Triệu Mỗ kể lại những gì mình thấy cho con trai nghe, con trai ông ta nói: "Liệu có phải là ma không? Muốn làm cho bệnh tình của cha nặng hơn sao?" Liền đổ bát thuốc đi. Nhưng khi vừa mang bát thuốc khác vào phòng thì tên quỷ sứ đó lại đến bỏ độc, năm lần bảy lượt, cuối cùng, nhân lúc con trai ngủ say, Triệu Mỗ đã bưng lên uống. Người ta ốm nặng sắp chết rồi, tại sao lại còn phải hạ độc? Không hạ độc thì người đó không thể chết hay số người này phải chết vì thuốc độc, muốn chết bệnh cũng không xong? Nếu căn cứ vào số mệnh, trong thời gian người chết thì dưới âm phủ đã có sắp xếp, muốn sớm muốn muộn cũng không thể tùy ý, vì vậy, cách bắt hồn này quả thật xét thấy rất không hợp lý, có điều trong những câu chuyện sau này không còn gặp những tình tiết như thế này nữa.

Ngoài ra, còn có một vài đạo cụ nhỏ khác liên quan tới việc quỷ sai đi bắt hồn, mặc dù chỉ thỉnh thoảng mới gặp, nhưng cũng vẫn giới thiệu qua một chút.

https://thuviensach.vn

Một là người trước khi chết, có ma đến mang "diện y". Diện y chính là miếng vải phủ lên mặt người chết, nhưng bên trên phải cắt một cái lỗ, đúng vào miệng của người chết. Trong *Tập dị ký* do Tiết Dụng Nhược viết, có kể khi Đường Hiến Tông[5] băng hà, người trong thành nô nức đi xem, trong đó vợ và con gái của Bùi Thông Viễn cùng ngồi xe đi xem, tới gần tối mới quay về. Đi được nửa đường, gặp một bà lão tóc bạc phơ đi bộ theo xe, nhìn bộ dạng thấy có lẽ đã mệt mỏi đến cùng cực rồi. Trên xe có một bà bảo mẫu già và bốn cô con gái, trong số đó có một người thấy bà lão đáng thương liền hỏi bà ta định đi đâu. Bà nói muốn đến Sùng Hiền Lý, mọi người vừa nghe đã biết ngay bà lão đi cùng hướng với mình, liền mời bà ta lên xe, có thể đưa bà ta tới tân Lý Môn. Bà lão cảm kích vô cùng, liên tục cảm ơn. Đến Lý Môn, bà lão xuống xe, nhưng lại làm rơi một cái túi nhỏ. "Mấy cô gái mở ra xem, thấy trong đó có bốn mảnh diện y màu trắng. Mấy cô gái thất kinh, vội vàng thúc ngựa chạy nhanh hơn. Không lâu sau, cả bốn cô gái lần lượt qua đời."

[5]. Đường Hiến Tông (778-820): tên thật là Lý Thuần, vị vua thứ mười một của nhà Đường trong lịch sử Trung Hoa. Ông trị vì từ năm 805 đến 820. Ông là con trai trưởng của Đường Thuận Tông. Ông đã được đưa lên ngôi sau khi vua cha bị đột quỵ và bị các quan lại trong triều ép thoái vị.

Bà lão tóc bạc này đến Sùng Hiền Lý là vì muốn chuyển diện y cho bốn cô con gái nhà Bùi gia, nhưng một bà lão tóc bạc hoàn toàn không giống quỷ sai, vậy thì bà ta là người gì? Bốn cô gái trẻ vô duyên vô cớ chết, điều này khiến người ta liên tưởng tới việc bà lão này là một ôn[6] quỷ. Sự suy đoán này có thể tìm thấy chứng cứ xác thực trong *Kỷ vấn* do Ngưu Túc người đời Đường viết: "Huyện Võ Đức có một nhà nghỉ, trong đó có một vị khác, kéo một chiếc xe chất đầy những túi vải vào trong phòng, khóa cửa rồi bỏ đi. Mỗi lần đi là mười mấy ngày liền, chủ nhà trọ thấy vị khách không quay lại, cảm thấy kỳ lạ, liền mở những cái túi đó ra xem, bên trong toàn là diện y dùng để phủ mặt người chết, khiếp sợ tới mức lập tức khóa cửa chạy ra ngoài. Vào tối ngày hôm đó, cánh cửa căn phòng này tự động mở ra, những túi vải cũng không thấy đâu nữa. Sau đó xảy ra chuyện gì, trong câu chuyện trên không thấy nhắc đến, nhưng quỷ tốt một lần mang theo nhiều diện y

https://thuviensach.vn

như thế, cũng có nghĩa là một lần phải bắt từng đấy linh hồn, ngoài gây ra bệnh dịch và phát động chiến tranh thì còn có thể làm gì được nữa?

[6]. Ôn ở đây nghĩa là bệnh dịch.

Một cái cũng không được thi

Trong *Dã điều hoang khang thuyết minh bạ* (Quyển hạ), tôi từng giới thiệu qua, nhân gian gặp phải tai nạn lớn hoặc khi sắp có một số lượng lớn người chết, thì việc tạo sổ sách dưới âm phủ quả thật trở thành cả một "công trình", sổ tay không đủ, lại phải lên nhân gian mượn tạm, những quyển sổ ghi chép người chết này đương nhiên phải chia thành nhiều cuốn. Xem ra làm cái gì cũng không dễ, Diêm Vương lúc này chắc chắn là bận tới "thắp đèn đến canh ba, canh năm gà gáy", không chỉ từ giã với vũ hội tiệc tùng, thậm chí đến ăn đêm cũng không có thời gian mà ăn. Đương nhiên, cần cù thì có thu hoạch lớn, thu hoạch đó là từ việc sắp có vô số những sinh hồn tươi sống, bởi đây chỉ là giai đoạn đầu tiên của công trình lớn mà thôi, ngay sau đó dưới âm phủ sẽ căn cứ vào sổ sách để đi bắt người. Nhưng những sinh linh đến kỳ phải chết lên tới hàng nghìn, hàng vạn, lại phân bổ đều ở khắp các tỉnh, các phủ, các huyện,… phải sai đi bao nhiêu bổ khoái, nha dịch mới có thể bắt từng người, từng người về Thâm La điện đây? Vì vậy tôi vẫn luôn nghĩ, cái mà nhân gian gọi là "đại họa" thực ra chính là một hạng mục công trình do Diêm Vương thiết kế để nhanh chóng bắt được hết số người cần bắt, hoàn thành nhiệm vụ của mình. Tôi nói như vậy, nghe như là tuyên truyền cho địa phủ. Mọi người chẳng phải vẫn nói, bởi vì sắp xảy ra đại hạn, sắp có hàng nghìn, hàng vạn người chết, nên mới vội vàng tạo tử bạ hay sao, sao anh lại đảo ngược nhân quả như thế, tất cả nghe cứ như là "nhân vi" vậy? Nhưng với những lời giải thích kiểu này tôi hoàn toàn không tin, bởi vì tôi vẫn còn nhớ năm sinh năm mất của mọi người, đều được ghi chép trong sổ sách nơi âm phủ, điều đi bao nhiêu đặc vụ, thu thập

https://thuviensach.vn

bao nhiêu tin tình báo, cuối cùng mới quyết định được. Sau khi quyết định rồi, ngày chết của một người đến, thì có uống nước lọc cũng nghẹn chết, nếu như số vẫn chưa chết, thì có cầm dao kề vào cổ anh ta cũng chẳng mệnh hệ gì. Vì vậy, quan trọng là ở chỗ, những người này liệu đã đến "số chết" hay chưa, chứ không phải sẽ gặp phải những "tai họa" gì.

Thế nào gọi là tai họa? Lớn thì như động đất, lũ lụt, núi lở, vỡ đê, thậm chí hai hành tinh va vào nhau, vũ trụ nổ tung,… chỉ cần nó không gây tổn hại tới sinh mạng và tài sản của người sống thì không gọi là "tai họa". Vì vậy, nếu muốn để một sự cố trở thành tai họa, nhất định phải làm cho nó được đánh dấu trong cuốn sổ sinh tử của Diêm Vương.

Để đánh dấu có hai cách:

Một là điều kiện hình thành tai nạn ở một nơi nào đó, ví dụ như nơi nào đó mà sắp động đất, đê sắp vỡ, cây cầu ở nơi nào đó sắp gẫy, dây điện ở nơi nào đó thường xuyên bị hở,… Diêm Vương sẽ bố trí để đưa người đến "số chết" tới nơi ấy, bạn có thể gọi là "đưa người vào chỗ chết", nhưng cũng có thể gọi là "nhân thế lợi đảo", "tiết kiệm năng lượng". Trong quyển chín của *Di kiến chi mậu* do Hồng Mại đời Nam Tống viết có một câu chuyện tên là *Tiền Đường triều*, đại khái có thể coi là một khuôn mẫu cho cách thức đánh dấu tai nạn này.

Ngày Mười tám tháng Tám hằng năm là thời kỳ nước sông Tiền Đường dâng cao nhất, thậm chí có thể được gọi là kỳ quan trong thiên hạ. Theo phong tục của thành Lâm An, thời Nam Tống, đến ngày hôm ấy phải có tới hơn nửa số người trong thành đi ra bờ sông xem thủy triều. Mùa thu năm Cao Tông Thiệu Hưng thứ mười, hai ngày trước khi xem triều lên, vào ban đêm, bên bờ sông có người nghe thấy tiếng thì thầm trong không trung, một người nói: "Năm nay số người chết trên cầu lên đến hàng trăm, toàn những kẻ hung ác, bạo dâm, bất hiếu. Danh sách người chết đây, các người hãy phái người đi bắt trước. Những kẻ không có tên trong danh sách, các ngươi hãy mau mau đuổi họ quay về.", sau đó nghe thấy tiếng một đám người

https://thuviensach.vn

vâng dạ. Người này nghe thấy vậy, sợ tới mức không dám nói lại với ai. Đến đêm hôm sau, trong đám dân đen chen chúc nhau trên cầu, lại có người mộng thấy có người tới cảnh cáo, nói: "Ngày mai nhất định không được lên cầu, cây cầu này sắp sập rồi." Sáng sớm, anh ta kể lại giấc mơ cho người hàng xóm nghe, không ngờ người hàng xóm cũng có giấc mơ như thế. Đến ngày Mười tám, đại triều dâng lên, trên cây cầu bắc ngang dòng sông chật người, những người được báo mộng chỉ đứng ở bên xem, gặp người quen có mặt trên cầu liền lặng lẽ khuyên họ mau xuống, nhưng những người này đều không tin, nên không nghe. Đột nhiên triều dâng cao ngất, hung hãn khác thường, ào ào chồm lên bờ, cây cầu sụp đổ, những người chết vì cầu sập lên tới hàng trăm người.

Một kiểu nữa là dùng sức mạnh của âm giới tập trung những người đến số chết lại một chỗ, sau đó tạo ra một vụ tai nạn, chìm thuyền ngã xe, hỏa hoạn, lũ lụt, binh đao, bệnh dịch,… đều là những phương án nằm trong dự tính. Trong số đó, đơn giản nhất là làm chìm thuyền, gom hết những người tới số chết lên trên một con thuyền, đưa ra giữa sông, sau đó tạo gió to sóng lớn, khiến con thuyền bị lật, không gì nhanh hơn! Nhưng cách này cũng chỉ có thể dùng cho những "công trình nhỏ" thôi, nếu như số người lên tới hơn nghìn, hơn vạn thì có lẽ khó áp dụng. Trong trường hợp này, tốt nhất là dùng "binh đao" hoặc "bệnh dịch". Trong *Ngọc Đường Nhàn thoại* của Vương Nhân Dụ người đời Ngũ Đại có kể lại lần những nhân sự cao cấp dưới âm phủ thảo luận phương án bắt người:

Đây là chuyện xảy ra ở nhà Hậu Lương[1] thời Ngũ Đại. Có một nhân sĩ đang trên đường đi Ung Châu đến Bân Châu, buổi tối trời thanh trăng sáng, anh ta liền đi cả đêm cho kịp thời gian, đột nhiên nghe thấy phía sau có tiếng xe ngựa, nghĩ có lẽ là vị quan hay quý nhân nào đó, liền tự giác tránh sang vệ cỏ ven đường. Chỉ thấy có ba người cưỡi trên mình ngựa "mũ mão như vương gia", đám tùy tùng đi bộ theo sau. Ba người đó vừa đi vừa nói chuyện, nghe thấy một người nói: "Lần này phụng mệnh đến Bân Châu, bắt hơn ba nghìn người, đang không biết nên bắt theo cách nào đây, hai vị có kế sách gì không?" Một người đáp: "Nên dùng binh để bắt", người kia lại nói:

https://thuviensach.vn

“Dùng binh bắt thì thoải mái, nhưng quân tử tiểu nhân dễ ngọc nát đá tan, dùng dịch bệnh thì hơn.” Cuối cùng cả ba người đều đồng ý dùng dịch bệnh để bắt hơn ba nghìn người kia. Khi xe đi xa dần, tiếng nói cũng nhỏ dần cho tới khi không nghe thấy gì nữa. Nhân sĩ đến Bân Châu, quả nhiên ở đó xảy ra dịch bệnh lớn, người chết nhiều vô kể.

[1] Nhà Hậu Lương (907-923): một trong Ngũ đại của thời kỳ Ngũ đại Thập quốc của Trung Quốc. Triều đại này do Chu Ôn (còn gọi là Chu Toàn Trung) thành lập, đóng đô ở Biện Lương (Khai Phong).

Dùng binh bắt dễ xảy ra sai sót, người không đáng chết thì trúng một đao, cho dù có trả linh hồn anh ta về lại với thể xác, nhưng thiếu đầu thì cũng không có cách nào sống lại được. Đương nhiên cũng không phải là không có cách, như trong *Định mệnh lục* của Lữ Đạo Sinh người đời Đường có viết về năm, sáu trăm chiến sĩ bị rơi vào vòng vây, tất cả đều chết trận, đã tập trung thi thể lại kể “kinh quan” rồi, nhưng sứ giả do âm phủ phái đến để điểm danh, lại phát hiện ra trong số đó có người chưa tới số chết, đành lật tìm trong đống xác người, rồi gắn lại đầu vào với thi thể, sau khi sống lại cũng có vết sẹo, nhưng vẫn ăn uống được như bình thường. Thậm chí trong truyện *Liêu dương quân* trong *Liêu trai* thì sau khi gắn lại đầu còn không để lại sẹo. Những tình huống như vậy, thỉnh thoảng gặp vài người thì còn được, nhưng nếu số người bị giết nhầm lên tới hàng trăm, hàng nghìn người thì riêng việc tìm đầu để gắn lại cho từng thi thể cũng đã tốn rất nhiều thời gian rồi. Tương tự, chúng ta so sánh một chút, dùng dịch bệnh có cơ hội xoay chuyển dễ hơn, đại não có chết nhưng cũng không làm đầu bị dập nát. Nếu có thể lựa chọn giữa việc dùng binh và dùng bệnh dịch, vậy thì chìm thuyền, lật xe cũng có lúc được cân nhắc đến, tiện cách nào thì dùng cách ấy thôi.

Nhưng bình thường, chuyện bắt người giống như ở Bân Châu, đến sát giờ lâm trận rồi mới quyết định phương thức là không đúng quy luật, quy luật là khi lập sổ sách dưới âm phủ đã quyết định cách mà người bị ghi trong sổ phải chết rồi. Sổ bắt hồn không phải là một danh sách đơn giản, trong đó ít

https://thuviensach.vn

nhất cũng phải ghi rõ chết ở đâu, lúc nào và chết bằng cách gì? Trừng phạt người lính bằng nước và lửa, độc trùng băng áp, thêm cả những phương pháp hiện đại như bây giờ là thanh quang điện khí, số lượng mặc dù nhiều, nhưng không thể tùy tiện lựa chọn. Các kiểu tai nạn cũng thế, tai nạn do trời, do người gây ra đều được ghi rõ trong sổ sách dưới âm phủ, theo quy luật là ai phải theo số của người ấy.

Cho dù là dụ người vào chỗ chết hay rời nơi chết đến trước đám người, bản chất của hai cách này là như nhau, đó chính là gom tất cả những linh hồn phải chết thành số lượng lớn rồi đưa về âm phủ một thể, và kế hoạch này đều xuất phát từ Diêm Vương hoặc những người còn cao cấp hơn ông ta, ví dụ như Ngọc Hoàng đại đế. Tạo ra mấy trò như đắm thuyền, lật xe,… có lẽ nằm trong phạm vi quyền lực của Diêm Vương, nhưng nếu gây ra lũ lụt, động đất… những kiểu tai họa lớn như thế, e là chỉ có thể do Thiên Đế bố trí, ít nhất cũng phải được Thiên Đế phê chuẩn. Từ đó có thể thấy, thiên tai cũng là nhân họa, chỉ có điều "nhân" ở đây đã được "thần hóa" đến cấp "Thiên Đế" rồi. Không nghe Đức Jehovah ở phương Tây từng nói rằng: "Những người, thú, côn trùng và đám chim muôn bay trên trời do ta tạo ra, ta sẽ tiêu diệt hết chúng trên trái đất này, bởi vì sau khi tạo ra chúng ta đã hối hận… Xem đi! Ta phải cho nước dâng vào đất liền, hủy diệt cả thế giới. Phàm những thứ có máu thịt, có hơi thở trên trái đất này, đều phải chết không trừ một ai." Đương nhiên chỉ có phu nhân của Jehovah và những chúng sinh lên được thuyền lớn[2] là thoát nạn, mà bản vẽ của con thuyền lớn này lại do chính Jehovah đưa ra.

[2] Thuyền lớn hình cái tủ chữ nhật do nghĩa sĩ Noad đóng để tránh nạn hồng thủy, trong Kinh thánh.

Xem lại vụ án ở Bân Châu, người nhận lệnh chấp hành đi bắt người kia đã "mũ áo như vương giả" rồi, "vương giả" này chưa chắc đã là Diêm Vương, bởi vì có một vài "thiên tội" phải do đích thân Thiên Đế định đoạt và ủy thác cho cấp dưới xuống hạ giới để thực hiện. Như trong *Sưu thần ký*, Can Bảo có nói: "Thượng Đế lệnh cho ba tướng quân: Triệu Công Minh, Chùy

https://thuviensach.vn

Sỹ Quý, Các Đốc Sổ, mỗi người mang theo hàng vạn quỷ tốt xuống hạ giới bắt người", trong *Thần chú kinh* cũng thuật lại các loại bệnh dịch có thể tiêu diệt được cả hàng triệu, hàng vạn người. Các vị ôn thần dịch quỷ này phối hợp hành động với binh hoạn và nạn đói, đều là do Thiên Đế sắp xếp. Nhìn lại thời cận đại, trong quyển tám cuốn *Tục tử bất ngữ* của Viên Mai có truyện *Ôn tướng quân*: "Hôm nay Ôn tướng quân phụng mệnh Thiên Đế đến Sạ Phổ làm hải kiếp nhất án, nên đích thân ra biển", đó chính là vị Ôn Quỳnh nguyên soái dẫn đầu "Thập thái bảo", trở thành khâm sai của Ngọc Đế, đích thân tới Sạ Phổ giáng tai họa, cái gọi là "hải kiếp nhất án" chính là muốn chỉ trận sóng thần ở Sạ Phổ, Chiết Giang năm Càn Long thứ ba mươi mốt, số người chết lên tới hàng nghìn người. Còn trong truyện *Tạ Vân* ở quyển tám *Mộng Hán tạp trữ* do Du Giao viết có ghi lại mùa xuân năm Càn Long thứ ba mươi sáu: "Thượng Đế lệnh cho Đặng Thiên Quân kiểm tra kiếp nạn ở đê biển", đến tháng Bảy, Tiêu Sơn, Bạch Dương ở Chiết Giang sẽ bị nước triều cường hung mãnh tràn lên làm vỡ đê, "hơn mười vạn người và súc vật bị nhấn chìm", đấy là thành quả mà Đặng Thiên Quân phải bận rộn suốt bốn tháng trời mới đạt được. Đặng Thiên Quân là thiên quân của Lôi Bộ, cũng với Ôn nguyên soái có thể coi là ở cấp bậc "vương giả".

Đương nhiên, không cần biết sau vụ án này thu hoạch được vài trăm hay mười mấy vạn sinh linh, cũng đều là "ý trời", mà ý trời thì không bao giờ sai, tức là trước khi làm việc gì đều phải mang sổ sách ra đối chiếu, sau đó cứ theo những gì mà sổ sách ghi chép đi thu hoạch thôi. Trong *Liêu trai chí dị* có chuyện *Quỷ lệ*[3], kể về hai nha dịch trong huyện Lịch Thành, phủ Tế Nam, Sơn Đông cuối đời Minh, ra ngoài phủ làm công cán, gặp hai người, ăn mặc cũng giống nha dịch, tự xưng là bổ khoái trong phủ Tế Nam. Hai người ở huyện Lịch Thành hỏi: "Những người trong phủ Tế Nam chúng tôi đều quen cả, sao chưa từng gặp hai vị bao giờ?" Hai người đó nói: "Thật không dám giấu, bọn ta là lính ở phủ Thành Hoàng, giờ đang đến núi Tần để đưa công văn." Núi Tần là âm phủ, nơi Tần sơn phủ quân ở. Hai người ở Lịch Thành bèn hỏi công văn gì. Quỷ lệ đáp: "Tế Nam sắp có tai họa lớn, chúng tôi đến đưa danh sách những người phải chết trong kiếp nạn đó." Hai người ở Lịch Thành kinh hãi hỏi có bao nhiêu người sẽ chết trong kiếp nạn,

https://thuviensach.vn

hai quỷ lệ đáp: "Không rõ lắm, nghe nói gần trăm vạn người, mà thời gian là vào tháng Một sang năm." Hai người nghe thấy vậy hoảng hốt vô cùng, bởi vì sau khi làm xong công vụ, quay về Lịch Thành đúng dịp cuối năm, cũng chính là thời gian mà kiếp nạn đó xảy ra, nhưng nếu không về, lại sợ huyện thái trách phạt. Hai quỷ lệ nói: "Không về đúng hẹn là chuyện nhỏ, tránh kiếp nạn mới là chuyện lớn, hai vị nên ở bên ngoài tránh đi." Tai họa lần này chính là vào năm Sùng Trinh thứ mười hai, quân Thanh xuống phía nam chinh phạt Tế Nam, chiếm thành và cả số dân đen bị chết. Trong *Minh sử* do người triều Thanh viết, đương nhiên không ghi chép lại, nhưng Bồ Tùng Linh lại viết rằng: "Sau khi quân Thanh rút, thi thể ngổn ngang ở thành Tế Nam."

[3] Lệ ở đây có nghĩa là nô lệ, nha dịch.

Đám bách tính bị chết đó đều có trong "danh sách", hai tên nha dịch kia sở dĩ có thể tránh được kiếp nạn đó là vì vốn không có tên trong danh sách. Vì vậy bọn họ mới được sai ra ngoài thành đi làm công cán trước khi kiếp nạn đó xảy ra, vì vậy mới có thể gặp được quỷ lệ của phủ Thành Hoàng, đại khái là do số mệnh sắp đặt cả rồi. Theo như quyển sáu *Động linh tục chí* do Quách Tắc Vân viết thì: Quang Tự năm Đinh Hợi (1887) Trịnh Châu vỡ đê. "Số người chết không đếm được", cái gọi là "không đếm được", một là đếm không rõ, hai là lười không đếm, nhưng trên dương gian những người làm quan có thể mắt nhắm mắt mở trước số lượng, còn dưới âm thế lại không thể lơ mơ, bởi vì một năm trước Diêm Vương đã bắt đầu điều nhân viên công vụ trong phủ quan ở Hà Nam, xuống âm phủ để "làm sổ sách", mệt tới mức người nào người nấy ủ rũ, sau khi được trả về dương gian không lâu thì cũng lần lượt tạ thế. Trong quyển ba *Nam cao bút ký* do Dương Phượng Huy người cuối đời Thanh, đầu thời dân quốc viết, có chuyện *Tùng Thành Hoàng ký*, kể ở Tùng Phan, Tứ Xuyên đã xảy ra một biến cố lớn trong những năm dân quốc đầu tiên, vì kiếp nạn này, Thành Hoàng Tùng Phan phải bận rộn ba năm mới xong, kẻ nào chưa đi làm nhiệm vụ thì cử đi, kẻ nào chưa đến thì cử đến, kẻ nào phải chết, kẻ nào bị thương, kẻ nào bị phá

https://thuviensach.vn

hủy tài sản, nặng nhẹ thế nào đều được định sẵn hết. Không giết nhầm, không bỏ sót.”

Càng chặt chẽ thì lại càng chứng minh rằng tất cả những kiếp nạn này đều do đại thần lên kế hoạch hết, chính là câu chuyện *Diêm Vương điểm thị kiếp quỷ*. Tôi đã từng giới thiệu qua về những câu chuyện thần quỷ xử lý chiến trường hoặc hiện trường kiếp nạn trong *Đàm Minh Bạc*, đấy chính là điểm danh sau khi người ta chết, điều khiến người ta không ngờ là, trước khi kiếp nạn xảy ra, linh hồn của người này đã được Diêm Vương gia đối chiếu với sổ sách một lần rồi. Nhưng không thể nói không có “ngoại lệ”, đấy chỉ là sự hốt hoảng ban đầu của người đi thi hành công vụ, sau đó vẫn phải bổ sung vào.

Cả một thuyền ma

Trong truyện *Tây Tân độ thuyền* ở quyển bảy cuối *Di kiên chi mậu* do Hồng Mại người đời Nam Tống viết, có ghi lại một tai nạn xảy ra tại trấn Tân Độ Khẩu Giang Tây vào tháng Ba năm Thiệu Hưng. Khi ấy, Kim Sơn vẫn còn ở Giang Trung, Tây Tân Độ chính là con đường từ Trấn Giang đến Kim Sơn. Trên thuyền đã có bốn mươi bốn người, chuẩn bị ra khơi thì đột nhiên có một người đàn ông chạy đến, còn dắt theo một đứa trẻ. Đến mạn thuyền, đứa trẻ đó vừa gào vừa khóc, sống chết không chịu lên thuyền. Cha nó tức giận đánh mạnh vào gáy một cái, đứa trẻ đang định phân bua, nhưng mới nói được câu: “Nghe con nói…” thì đột nhiên kêu lên một tiếng, rồi ngất đi, ngã vật ra đất. Thấy người đứa trẻ cứng ngắc, chân tay lạnh ngắt, người cha lúc này mới hoảng sợ, thất thần. Mọi người trên thuyền không thể đợi mãi, đương nhiên cũng không có ai chịu lên bờ ra tay giúp đỡ hai cha con nhà kia, thế là chiếc thuyền liền từ từ ra khỏi bờ. Nhưng con thuyền này còn chưa đi đến Kim Sơn, đột nhiên một trận gió lớn nổi lên, thuyền bị lật, chìm sâu dưới đáy sông. Tính cả người chèo thuyền tổng cộng có bốn mươi sáu

https://thuviensach.vn

người, tất cả đều chết đuối. Trên bến thuyền, đứa trẻ liền chống tay ngồi dậy như vừa tỉnh. Người cha vui mừng vì con sống lại, càng vui hơn là đã tránh được kiếp nạn chìm thuyền, nghĩa chắc chắn trong chuyện này có ẩn khuất, liền hỏi đứa trẻ nguyên nhân vì sao không chịu lên thuyền. Đứa trẻ nói: "Vừa rồi con nhìn thấy trên thuyền toàn ma là ma, hình dạng rất đáng sợ, vì vậy không dám lên. Con đang định nói thì một con ma lập tức bịt miệng con, khiến con ngã lăn ra đất, chìm vào giấc ngủ."

Thiên cơ bất khả lộ, nếu bị một đứa trẻ không biết gì bóc mẽ, mọi người bỏ chạy tán loạn, lại phải bố trí, sắp xếp một thuyền đầy người như thế, có lẽ sẽ rất mất thời gian. Thực ra đây cũng chỉ là sự cả nghĩ quá mức của người viết ra câu chuyện này, những người đến số chết kia sớm đã tâm hồn mê muội, sao có thể tin lời nói thật của một đứa trẻ chứ?

Những câu chuyện tương tự như trên thời nào cũng có, đầu tiên chúng ta nói tới thời gần đây nhất. Năm 1875 (năm nguyên Quang Tự) con tàu mang tên "Phúc Tinh" thuộc cục thương gia tàu thủy Thượng Hải đi từ Thượng Hải tới Thiên Tân, đụng phải con tàu mang tên "Auson" của Anh quốc tại vùng biển phía bắc và bị nhấn chìm, làm chết sáu mươi ba người. Đây là một vụ tai nạn biển lớn xảy ra vào cuối đời nhà Thanh, ngoài những sách chuyên ngành, các cây bút khác cũng chỉ viết tới đây, nhưng những câu chuyện liên quan tới âm phủ tôi cũng đã được đọc qua mấy chuyện. Chuyện *Tàu thủy Phúc Tinh bị nhấn chìm* trong quyển bốn, *Dung Am bút ký* của Tiết Phúc Thành có viết: Một vị ủy viên họ Giang vừa lên tàu, thấy khách đã chật tàu, hành lý chật sàn không có chỗ, hơn nữa, nhìn thấy diện mạo của những người trên thuyền rất mơ hồ, hình dạng kỳ quái, không giống người, nhưng đến khi lại gần thì đều là người cả, vị ủy viên họ Giang này quyết định chuyển hành lý về khách sạn, đợi chuyến sau mới đi. Sau khi sự việc xảy ra, ông ta tự thấy mình may mắn vì đã thoát được một tai nạn chết người, nhưng ông ta lại không nghĩ được rằng trên con thuyền đó tất cả đều là ma, tại sao chỉ có một mình ông ta nhìn thấy mà người khác không nhìn thấy? Đấy là bởi vì số ông ta chưa phải chết, vì vậy, dưới âm phủ mới âm thầm khiến ông ta nhìn thấy cảnh tượng ấy, để ra hiệu cho ông ta "tránh

https://thuviensach.vn

xa". Cũng chính là muốn nói, chỉ cần ông ta không rời khỏi tàu thì con tàu này cũng sẽ không khởi hành được, mà cho dù có khởi hành thì ông ta cũng không chết.

Tháng Chín năm Quang Tự thứ bảy cũng có một vụ tai nạn đường biển. Trong truyện *Nịch bạc*[1] ở quyển ba trong *Túy trà chí quái* của Lý Khánh Thần viết, một người cần phải đi ra nước ngoài, lên tàu thủy, đang vờ nằm ngủ trên khoang, trong lúc hoảng hốt nghe thấy tiếng hai người nói chuyện với nhau, một người hỏi: "Đủ số lượng chưa?" Người kia đáp: "Còn thiếu hai người nữa." Người này giật mình tỉnh giấc, thầm nghĩ những người đi tàu từ trước tới nay đâu buộc phải có số lượng nhất định, sao lại có chuyện điểm danh ở đây, hay là quỷ thần đang kiểm tra "nịch bạc"? Sau đấy đột ngột quyết định quay vào bờ. Con thuyền đó căng buồm đi ra biển, theo gió mà chìm dần, chìm dần như chưa từng tồn tại. Trong câu chuyện này có nhắc đến "nịch bạc", đấy chính là danh sách những người sẽ phải chết trên con tàu này, hai quỷ điểm danh, nếu người đến số chết vẫn chưa lên tàu hết thì con tàu cũng không thể căng buồm ra khơi.

[1] Nịch bạc: nghĩa là danh sách người chết đuối.

Lại kể một câu chuyện cũ, đọc được trong quyển thượng cuốn *Độc dị ký* do Lý Cang người đời Đường viết: Đường Huyền Tông mùa xuân năm Khai Nguyên[2] thứ năm, Tư Thiên Giám dâng tấu: "Theo thiên tượng sắp có tai họa lớn, sẽ có ba mươi danh sĩ chết oan trong một ngày, năm nay số lượng tiến sĩ đúng bằng con số đó." Khóa tiến sĩ năm nay có Lý Mông là phò mã của công chúa, Huyền Tông không dám tiết lộ với công chúa về cảnh báo thiên tượng, chỉ khẽ nói với công chúa rằng: "Bất luận có du yến lớn tới đâu, cũng đừng để phò mã của con tham gia, hãy nhốt hắn ta ở nhà", công chúa không biết nguyên nhân, nhưng cũng tuân mệnh, không cho phò mã ra khỏi cửa. Phủ công chúa cách hồ Khúc Giang không xa. Hôm đó hồ Khúc Giang rất nào nhiệt, vì hồ Khúc Giang nước dâng cao, rất hợp để du ngoạn bằng thuyền, khóa tiến sĩ mới tập trung đến đây, mang thuyền và mang theo cả ca kỹ, kỹ nữ, chuẩn bị cho thuyền ra khơi mở tiệc. Những tiếng đàn ca

https://thuviensach.vn

vui vẻ đó vang xa, truyền tới cả phủ công chúa, Lý Mông nghe mà tê tái, biết không thể ra được bằng cửa lớn, liền trèo tường mà ra. Các tiến sĩ đang phàn nàn chỉ thiếu một mình Lý Mông thì thấy anh ta đang từ xa chạy lại, miệng không ngừng hét gọi. Lý Mông nhảy lên thuyền, thuyền vừa rời bờ, đang yên đang lành chìm xuống lòng sông, ngoài đám ca kỹ và những phu chèo thuyền, ba mươi vị tiến sĩ chết sạch, không sót một ai.

[2] Khai Nguyên: niên hiệu của Đường Huyền Tông, từ năm 713-741

Số đã tới, mệnh đã tận, muốn tránh cũng không được. Từ cuộc sống hiện thực có thể thấy, vị phò mã quý này có lẽ là cọng cỏ cuối cùng khiến con lạc đà phải chết vì sức nặng, nhưng nếu nói theo số mệnh thì dù vị phò mã này không lên thuyền, con thuyền đó cũng sẽ mãi đợi anh ta.

Nhưng cũng có lúc cả một thuyền người không phải tất cả đều phải tới gặp Diêm Vương, hoặc sẽ có một, hai người thoát chết, đấy chính là nội dung mới mẻ mà những câu chuyện loại này đề cập tới. Ví dụ thuyền đã ra khơi rồi, đột nhiên phát hiện ra trên thuyền có một vị chưa tới "số" trà trộn trong đó, thế thì phải nhờ ý trời để đá anh ta ra khỏi thuyền. Trong truyện *Đỗ Xiêm* của *Quảng dị ký* do Đới Phu người đời Đường có viết:

Khi Đỗ Xiêm còn trẻ, cũng từng nhiều lần đi sông đi biển. Thời ấy, nước sông Hoàng Hà chảy xiết, lại chưa có cầu bắc qua, muốn qua sông chỉ có cách đi thuyền. Người lên thuyền rất đông, thuyền phu đã bắt đầu nhổ neo, đột nhiên trên bờ có một người già, cao giọng gọi: "Đỗ tú tài mời xuống thuyền." Đỗ Xiêm thấy ông ta hình như có chuyện gì đó cần gấp, bất đắc dĩ rời khỏi thuyền. Ông lão đó xì xầm với anh ra một hồi không ngớt, thuyền phu không đợi được nữa, liền ném trả hành lý của Đỗ Xiêm lên bờ, cho thuyền rời bến. Đỗ Xiêm đang vội, quay đầu lại thấy thuyền đã đi, còn ông lão lại cứ kéo lấy anh ta nói một thôi một hồi không dứt, trong lòng bắt đầu sốt ruột. Ngày hôm ấy gió to sóng lớn, đột nhiên thấy từ dưới nước thò lên mấy chục cánh tay ma bám lấy mạn thuyền, kéo cho con thuyền lật ngược, cả một thuyền người chết dưới đáy sông Hoàng Hà. Lúc này ông lão mới

https://thuviensach.vn

nói với Đỗ Xiêm: "Số cậu phải làm quan lớn, vì vậy ta mới cố ý tới đây cứu cậu", nói xong liền biến mất.

Đỗ Xiêm sau đó trở thành công khanh vào thời Đường Huyền Tông, được ghi chép trong *Đường thư*. Nói ông lão là thần tiên, đây có lẽ là do Đỗ Xiêm hoặc những kẻ theo sau đít ngựa khác thêm thắt vào để sau này tâng bốc về thiên mệnh của Đỗ tướng gia. Nhưng nếu nhìn từ góc độ của thế giới u minh, ông lão này không thể là thần tiên, nếu nói ông ta là quỷ sứ chấp hành mệnh lệnh đi lật ngược con thuyền này, là một trong những đầu mục ở dưới nước tác oai tác quái khiến thuyền bị lật thì có vẻ hợp tình hợp lý hơn. Con thuyền này vốn những người không phận sự không thể lên được, trong lúc hỗn loạn đã để Đỗ Xiêm trà trộn vào, có Đỗ Xiêm con thuyền này không thể chìm được, mà chìm rồi còn phải vớt Đỗ Xiêm lên, như thế càng tốn sức, tốn thời gian. Thế là vị lão quỷ này đã làm một việc hết sức có tình, cứ như ông ta có thể tùy ý thay đổi vận mệnh sống chết không bằng. Do vậy, khi ta đọc đến câu chuyện *Ông lão* trong quyển một cuốn *Bắc mộng tỏa ngôn* sẽ thấy có những chi tiết thành thực hơn:

Tiến sĩ Dương Đỉnh Phu đi du ngoạn sông nước, khi đi qua Tạo Giang, thuyền va vào hòn đá lớn giữa dòng sông, chìm dưới dòng nước xiết. Hơn năm mươi người trên thuyền đều chết cả, chỉ có Dương Đỉnh Phu là như được trợ giúp, trôi dật vào bờ. Lúc này có một ông lão xuất hiện, dùng gậy kéo anh ta lên bờ, cười nói: "Thì ra là người trong muối, vốn không phải vật trong nước." Dương Đỉnh Phu còn chưa kịp nói lời cảm ơn, ông lão đã biến mất. Sau đó, Dương Đỉnh Phu quay về thành, kể lại với bạn bè câu chuyện trên, nhưng không hiểu nghĩa câu nói "thì ra là người trong muối" là có ý gì. Sau này, Đỉnh Phu vì phụ tá cho những vị có quyền thần, chủ quản vựa muối độc quyền, lâm bạo bệnh mà chết. Vì phải đưa về quận Thục để mai táng, sợ đi giữa đường thi thể thối rữa, liền dùng hơn trăm cân muối ướp thi thể, bạn bè giờ mới hiểu "người trong muối" là ý đó.

Sau khi Dương Đỉnh Phu được cứu khỏi con thuyền bị lật, còn viết một bài thơ về chuyện này, bài thơ có tên là *Ghi lại chuyện bị lật thuyền ở sông Tạo*,

https://thuviensach.vn

giờ vẫn còn có thể đọc được trong *Thơ Đường toàn tập*, trong đó có câu: "Hôm nay ơn sâu không thể báo, khiến phải mang nặng nỗi xấu hổ trong lòng", hoàn toàn không biết rằng ông lão đó cứu anh ta thoát chết đuối không phải vì muốn "cứu", mà số anh ta không được chết ở đấy, không chừng nếu để anh ta chết ở đấy ông lão đó mới không hoàn thành trách nhiệm của mình. Vì vậy, ông lão không nhận lời cảm ơn của anh ta, chỉ ám thị cho anh ta biết đấy là số mệnh, không liên quan gì tới ân cừu. Cùng thể loại chuyện này nhưng hậu thế có rất nhiều phiên bản, ví dụ như trong *Lưu Mỗ* ở quyển hai *Nam cao bút ký* do Dương Phượng Huy người cuối đời Thanh, đầu thời dân quốc có viết rằng: "Lưu Mỗ không có tên trong số này, nơi anh ta chết là ở sông hồ", còn có chuyện lại hơi biến hình, trong những câu chuyện đó đều ghi rõ "không chết ở đây" hoặc "chưa đến lúc chết".

Tiện đây cũng nói thêm một chút, những câu chuyện như thế này không chỉ xảy ra ở Trung Quốc, chúng ta có thể đưa ra một, hai ví dụ, từ đó để thấy một vài quan niệm về thế giới u minh của người phương Tây cũng khiến người ta kinh ngạc.

Trong quyển sáu *Di kiên chi mậu* do Hồng Mại viết có truyện *Trương Tứ sát Xướng*, vào thời Tống Ninh Tông[3], Trương Tứ đi chơi gái, do cãi cọ, liền giết chết người kỹ nữ. Sau khi bị tra khảo đã nhận tội, thế là bị phán tội tử hình và báo lên quan trên, không ngờ công văn của quan trên chưa xuống, Trương Tứ đã ốm chết trong ngục. Cai ngục sợ cứ để thi thể ở đây thì sẽ bị chuột bọ tới gặm, liền dùng chiếu cói quấn lại, treo lên xà. Nhưng khi quan viên tới kiểm tra, Trương Tứ sống lại, thậm chí hoạt động hết sức bình thường, không có dấu hiệu gì của bệnh tật. Trương Tứ nói: "Trong lúc hoảng loạn, tôi bị sai dịch gọi đi, áp giải tới Bình Chính Môn, vừa đến đầu cầu, lại thấy một sai dịch chạy đến, nói với sai dịch trước là: "Tại sao không dạy Trương Tứ cắm hoa, cuốn dây?" rồi đẩy tôi xuống dưới cầu. Như vừa tỉnh khỏi giấc mộng, không biết mình đã chết." Cả phủ từ trên xuống dưới nghe xong đều thấy lạ, liền nghi ngờ rằng liệu có phải Trương Tứ bị oan, những lời cung khai cũng chỉ cần dùng chiêu nhục hình là có thể có được. Nhưng ngày hôm sau, quan trên gửi lệnh phê chuẩn án xuống, quyết định

https://thuviensach.vn

xử treo cổ Trương Tứ, thế là chẳng ai còn quan tâm tới việc anh ta có bị oan hay không nữa. Khi bị dẫn ra pháp trường, quan sử cài hoa cho Trương Tứ, sau khi bị treo cổ chết, cũng không cởi sợi dây thừng trên cổ ra mà để phơi thây ngoài chợ, đấy chính là nghĩa của câu: "cắm hoa cuốn dây" mà Trương Tứ nghe được trong mơ.

[3] Tống Ninh Tông (1168-1224): tên thật là Triệu Khoách, là hoàng đế thứ mười ba của nhà Tống và cũng là hoàng đế thứ tư của Nam Tống trong lịch sử Trung Hoa.

Còn phương Tây thì sao? Tôi có đọc một truyện ngắn của nước ngoài, nói một kẻ giết người cố chấp không chịu nhận tội, nhưng vẫn bị bồi thẩm đoàn định đoạt là kẻ có tội, bị phán tội chết. Nhưng hai lần tiêm thuốc độc đều có sự cố, phạm nhân trong lúc hoảng loạn như nghe thấy có tiếng người khẽ nói: "Còn chưa đến lúc!" Sau đó đổi sang ngồi ghế điện, nhưng lại xảy ra chuyện cả tòa nhà bị cắt điện, còn trước mắt phạm nhân như xuất hiện ảo ảnh một thiên sứ to lớn mọc ra đôi cánh. Cả ba lần tử hình đều không thành công, cuối cùng kết luận chắc chắn có oan tình, ngay cả người làm chứng cũng xin rút lại lời làm chứng. Sau khi tuyên bố phạm nhân vô tội và được phóng thích, anh ta đắc ý thừa nhận với luật sư biện hộ cho mình rằng chính mình đã giết người, nhưng khi anh ta bước tới cửa lớn của tòa án, tượng thạch cao nữ thần chính nghĩa đang treo trên trần nhà làm vật trang trí rơi xuống trước mặt các ký giả và những người tới tham dự phiên tòa, anh ta bị thịt nát xương tan, vị thần chính nghĩa đó chính là "thiên sứ hộ vệ" mà anh ta ngộ nhận trong mơ. Đây mới chính là lúc anh ta phải chết, cũng chính là ý "trong u minh, ngay giữa chính điện" khiến người này phải chết giữa thanh thiên bạch nhật và trước sự chứng kiến của tất cả mọi người.

Hình như đã hơi xa đề rồi, giờ chúng ta quay lại bàn tới đề tài có một con thuyền ma, bởi vì cách thức này hãy còn một sự biến hình rất quan trọng nữa, ngoài ý nghĩa "số đã định thế", qua đó còn có thể nhìn thấy nhân tình thế thái, những tình tiết kiểu ấy có vẻ phức tạp hơn. Trong truyện *Kim tử bài* ở quyển tám, *Từ thị bỉ tinh* do Từ Bột người đời Minh viết:

https://thuviensach.vn

Ngày Mười bốn tháng Năm năm Vạn Lịch, sông Dương Tử gió to sóng lớn. Có một con thuyền chở hơn trăm người, đột nhiên thấy một bộ mặt quỷ trong sóng tay cầm lệnh bài giơ lên, bên trên viết chữ "Kim". Những người trên thuyền cho rằng điều đó muốn chỉ những người mang họ Kim sẽ chết, quả nhiên trên thuyền có một người mang họ Kim, định len khỏi đám người nhảy xuống nước. Người mang họ Kim này vốn ăn chay niệm Phật, nói: "Để cứu mạng mọi người, sao ta lại phải tiếc, chỉ cần mọi người trên thuyền bình an vô sự", nói rồi nhảy xuống nước. Lúc này gió thổi điên cuồng, sóng tung bọt trắng, người họ Kim kia như được ai giúp đỡ dìu ra khỏi sóng lớn, đưa thẳng vào bờ, còn con thuyền đó lật, tất cả đều chết.

Cái chết của con người đôi khi là do tự họ gây nên, dù là tai nạn tự nhiên hay kiếp nạn chính trị cũng đều giống nhau.

Sinh hồn mang xiềng xích

Chương trước có thuật lại chuyện đứa bé không chịu lên thuyền, chuyện này còn có một bản khác ở đời Thanh. Đầu tiên là chúng ta có thể thấy trong *Minh phạm*[1] quyển mười *Tam cương thức lược* do Đổng Hàm viết: "Bến thuyền ở sông Hoàng Phố, Thượng Hải đã có mười chín người lên thuyền, lại thêm hai người nữa tiếp tục lên, một đứa trẻ đứng trên bờ nói với họ: "Những người trên thuyền ai cũng thấy đeo gông xiềng tay, chắc là phạm nhân, mọi người đừng lên thuyền đấy." Hai người này cho rằng đứa trẻ nói đùa, hơn nữa trên thuyền có rất nhiều người quen, liền gạt đứa trẻ sang một bên, cùng nhau nhảy lên thuyền. Thuyền ra tới giữa dòng, đang yên đang lành tự dưng lật, kết quả mười chín người gặp nạn, hai người lên thuyền sau đó may mắn thoát chết." Thứ mà đứa trẻ trong chuyện này nhìn thấy không phải là "ma quỷ" mà là "tội phạm" rồi. Trong chuyện *Nịch phạm*[2] ở quyển một *Hương ẩm lầu tân đàm* do Lục Trường Xuân viết cũng đã phát triển đề tài này: "Người trên thuyền đều bị xiềng xích gông cùm, bộ dạng rất nặng nhọc." Ngoài ra, còn có một người đứng ở đầu thuyền, tay

https://thuviensach.vn

cầm gậy gỗ ngắn, giống như người giải tù nhân, diện mạo hung ác. Người cuối cùng đứng ở đầu thuyền này là ma thật, còn những người trên thuyền mặc dù sắp trở thành bạn đồng hành của anh ta, nhưng lúc này vẫn chưa nhìn thấy anh ta.

[1] Minh phạm: minh ở đây là âm phủ, phạm là tội phạm.

[2] Nịch phạm: nịch là chết đuối, phạm là tội phạm.

Bắt đầu từ thời Minh cho tới cuối đời Thanh, thần Thành Hoàng chính thức trở thành minh thần, còn miếu Thành Hoàng ở các phủ, châu, huyện lại trở thành minh ti giống như nha môn các cấp trên nhân gian. Hình thức cải cách thêm minh phủ cơ sở dưới quyền Diêm Vương hay Đông Nhạc đại đế[3], thành quả của nó hiện lên bách tính trăm dân, điều rõ ràng nhất là khi sinh hồn của chính bản thân mình bị minh sai đưa đi nhìn rất giống với một tên tội phạm. Nhưng điều này không có nghĩa là sinh hồn nào bị bắt cũng phải đeo gông, mang xiềng xích, những bách tính thật thà bình thường chỉ cần dùng một sợi dây thừng là có thể dắt cả đoàn, hà tất khi đi làm nhiệm vụ phải mang theo bao nhiêu là hình cụ như thế? Trẻ con "tinh mắt", rõ ràng cả một thuyền đầy khách, thế mà nó lại chỉ nhìn thấy hình dạng của những sinh hồn chuẩn bị bị bắt đi, xiềng xích chính là xích sắt và khóa sắt, còn thêm cái gông gỗ, chính là "trang phục" của những tử tù trên nhân gian, lẽ nào cả thuyền người này đều là những kẻ hung ác, bị giải đến âm gian cũng phải chịu xử phạt nặng? Tôi cảm thấy người viết câu chuyện đó chưa chắc đã có suy nghĩ như vậy, ý của ông ta chỉ là những người này chuẩn bị bị "xử lý tập thể" trong tai nạn, để đề phòng có chuyện ngộ nhỡ xảy ra, nên dùng xiềng xích dưới âm phủ xích sinh hồn của họ lại, khiến những người đó không thể rời khỏi thuyền vì bất kỳ nguyên nhân nào.

[3] Đông Nhạc đại đế còn gọi là thần Thái Sơn.

Phàm là những linh hồn bị xích sắt trói chặt rồi, không thể chạy thoát khỏi nơi xảy ra tai nạn. Còn nếu thoát khỏi nơi xảy ra tai nạn thì sao, thì đó là những người không bị đeo xiềng xích. Đây cũng là một logic thường thấy

https://thuviensach.vn

trong những câu chuyện về âm phủ. Trong *Hỏa hoạn Quảng Đông* ở quyển hai *Bắc đông viên bút ký lục Tư Biên* do Lương Cung Thần viết có ghi lại trận hỏa hoạn xảy ra ở Quảng Châu vào năm Đạo Quang thứ hai mươi lăm (tức 1845), thiêu chết cả nam lẫn nữ tổng cộng hơn một nghìn bốn trăm người, chỉ có hai người thoát được trận hỏa hoạn đó, có lẽ hai người này đã "gặp may", cũng chỉ là cách để lại hai người làm đầu mối kể lại câu chuyện này mà thôi.

Ngày Hai mươi tháng Tư năm ấy, Cửu Diệu Phường Cảnh của Quảng Châu diễn kịch, tạm thời dựng sân khấu trước nha môn học sử, nhưng xung quanh lại là những chiếc lều san sát nhau, đằng sau sân khấu có một tên tiểu tử hút thuốc để rớt tàn lửa nên đã gây ra trận hỏa hoạn lớn hiếm thấy này. Một đêm trước đó, một tay trống của đoàn kịch vì phải thức trông rương hòm tư trang nên ngủ trên sân khấu, vừa chợp mắt liền nhìn thấy mấy người mặc áo màu đỏ, rõ ràng là thần lửa rồi, tiếp theo đó là một đám người mất đầu, mất chân tay, người cháy đen sì. Sau khi sợ hãi giật mình tỉnh dậy, vừa nhắm mắt lại, lập tức mơ, chỉ thấy một người quần áo, mũ mão, tay cầm dây xích, ăn mặc như nha dịch mang theo hơn ba mươi người, đi vào trong lều của đoàn kịch, hễ gặp người là bắt. Sau khi giật mình tỉnh giấc, anh ta biết sắp xảy ra chuyện lớn rồi, nhưng lại không dám nói với ai. Ngày hôm sau đoàn kịch diễn vở mở màn, cái trống lớn do anh ta gõ chẳng hiểu sao lại bị nứt, thế là anh ta lấy luôn đó làm cái cớ trốn khỏi đoàn kịch. Còn một người sống sót nữa là tên tiểu tử đóng vai nhảy mở màn cho vở kịch, khi anh ta mang mặt nạ lên sân khấu, nhìn xuống phía dưới thấy khán giả người nào người nấy đen sì, sau này nghĩ, đúng là bộ dạng bị lửa thiêu.

Một trận hỏa hoạn lớn thiêu chết hơn một nghìn bốn trăm người, tương đương với số người có thể chết bị bệnh dịch, trong truyện cũng chỉ ra rõ ràng rằng sai dịch dưới địa phủ tay cầm xiềng xích để lên bắt người. Cũng chính là muốn nói, hoàn toàn không khác gì so với những cách bắt hồn thông thường, đều giải đi như giải những phạm nhân. Kỳ lạ là, trong quyển *Ký kham bính chí* do Tôn Đức Tổ người thời Thiệu Hưng cũng có ghi lại vụ hỏa hoạn này, nhưng chi tiết chỗ giống chỗ khác, bởi vì ông ta là nghe

https://thuviensach.vn

người khác kể lại, những cũng nhờ đó mà thấy được rất nhiều chi tiết đặc sắc do dân gian thêm thắt vào.

Trận hỏa hoạn này lại xảy ra ở trước đền Hàn Văn Công, giữa Nghị môn và Học sử nha môn, thời gian đổi thành tháng Sáu, số người chết là "hàng nghìn người", và số người thoát được lại thành ba người. Người đánh trống lần này không có, thay thế anh ta và sống sót là một kỹ nữ và một người buôn bán nhỏ. Lửa vẫn bốc lên đằng sau sân khấu, đối diện với chỗ người kỹ nữ đó ngồi chính là nơi bốc lửa, từ xa đã nhìn thấy ánh lửa lập lòe, nên muốn nhanh chóng rời khỏi hiện trường. Nhưng nơi cô ta ngồi lại là tầng cao nhất, nếu đi cầu thang xuống, sợ rằng không kịp, gần chỗ ngồi có một con đường, nhưng lại cách lan can, cô ta không thể nhảy qua được. Đúng lúc đó có một người bán hạt dưa đứng bên ngoài lan can, cô ta vội vàng gọi hắn lại, nói mình đau bụng muốn chết, nhờ hắn cõng về nhà. Nhưng tên bán hạt dưa đó không chịu, thoái thác không cõng được, cô ta liền tháo chiếc vòng vàng trên tay đưa cho hắn, nói mình dùng cái này để đổi lấy mạng sống, rồi trèo qua lan can lên vai hắn, sau đó giục hắn chạy cho mau. Nhắc đến cô kỹ nữ này lại thấy cô ta nhanh nhẹn, quyết đoán, nhưng trong mắt của người hiểu chuyện thì đó là vì mệnh cô ta chưa phải chết, cũng chính là muốn nói cả hai người này đều không phải mang xiềng xích của âm phủ. Bởi vì cái tên chuyên đóng vai nhảy mở màn cho vở kịch kia, từ sau mặt nạ nhìn thấy hàng nghìn khán giả không phải là mặt mũi đen sì, mà là "đều bị xiềng xích chân tay"!

Điều đáng chú ý hơn cả là, bình thường những người có thể nhìn thấy ma quỷ chỉ có thể là những đứa trẻ tinh mắt và những thuật sĩ có bản lĩnh đặc biệt, nhưng tên nhảy mở màn vở kịch này lại có thể nhìn thấy là bởi vì anh ta đã đeo mặt nạ, mặt nạ thần thánh đó dường như cũng có chút thần tính, qua lỗ mắt có thể nhìn thấy những thứ mà người phàm trần không thấy được.

Những người sẽ bị tai nạn hoặc gặp kiếp nạn thì đều bị quỷ tốt đeo xích sắt trên cổ trước, chi tiết này thường thấy trong những câu chuyện ở đời Thanh.

https://thuviensach.vn

Như trong quyển ba, cuốn *Dạ đàm tùy ký* của Nhàn Trai Thị có ghi lại một trận động đất lớn xảy ra vào năm Ung Chính thứ tám ở Bắc Kinh, khiến người ta nghe phải nổi hết cả gai ốc: "Trước một ngày xảy ra động đất, ở phía tây thành có người bế một đứa trẻ tầm ba, bốn tuổi ra quán trà. Vừa đến cửa, đứa trẻ liền ôm chặt cổ bố, khóc rống lên, nói thế nào cũng không cho bố vào. Người đó thấy lạ, hỏi: "Sợ ở đây đông người quá phải không?" rồi tìm đến một quán trà khác, nhưng đứa trẻ vẫn khóc rất to, liên tục đổi quán nó vẫn khóc. Hỏi nó bình thường rất thích đến quán trà, hôm nay làm sao lại thế? Đứa trẻ nói: "Hôm nay trong các quán trà từ người uống cho đến người bán, cổ ai cũng thấy đeo xiềng xích!" Người lớn lại cho rằng trẻ con nói năng linh tinh, liền bế nó quay về, trên đường đi gặp người quen, mới kể lại cho người đó chuyện này, người đó phá lên cười ha hả. Đứa trẻ nói: "Ông ta còn cười người khác nữa, trên cổ ông ta cũng có xích kia kìa!"

Trong quyển ba *Nam cao bút ký* do Dương Phượng Huy viết có ghi lại chuyện "thoát khỏi thủy nạn" xảy ra vào năm Quang Tự thứ mười bảy (1891), cũng có những lời đồn thổi tương tự, người chết đuối lên tới hàng nghìn người, những đứa trẻ "mắt tinh" có thể nhìn thấy, những người bị nước cuốn đi trên cổ không những đeo xiềng xích, mà bên cạnh còn có quỷ tốt được phân công tới để bắt hồn người đó mang đi. Diêm Vương không vì số người bị bắt lớn mà có sơ suất, "một người cũng không thể thiếu", "lưới trời lồng lộng" là để đối phó với bách tính trăm dân!

Dùng xích sắt để trói phạm nhân, không biết bắt nguồn từ thời nào, triều nào, nhưng những câu chuyện về xích sắt gặp nhiều ở đời Thanh, như vậy có thể nói, triều Thanh vượt qua những triều đại trước về mặt này. Những xiềng xích của địa phủ người thường không thể nhìn thấy được, người bị xiềng tự bản thân mình cũng không biết, cũng như thế, đám người trong quán trà vẫn không lờ đi bản cáo thị "không bàn việc thị phi trong nước" để mà tám chuyện rôm rả, ầm ĩ, nói nhăng nói cuội, hoàn toàn không biết rằng đám quỷ tốt dưới địa ngục đã phối hợp với "giọt máu" của Ung Chính gia, đang đợi thời cơ, quăng một mẻ lưới bắt hết bọn họ!

https://thuviensach.vn

Tiện đây cũng nói thêm một chút, linh hồn của những người sắp chết sẽ có hiển hiện bất thường, không chỉ giới hạn trong việc linh hồn đeo xiềng xích ở đời Thanh. Trong quyển một, tập *Bắc mộng tỏa ngôn* của Tôn Quang Hiến sống ở thời Ngũ đại, một thuật sĩ nhìn thấy giám quân, thái giám, tự lâm quân sứ, phó sứ trở xuống đều mang mặt nạ có "tai sắc"[4], dự liệu sẽ chết cũng một ngày, đương nhiên là chết đột ngột rồi. "Tai sắc" này là một thứ "mị khí" mà người thường không nhìn thấy được, thực ra gọi là "quỷ khí" còn chính xác hơn. Lại có người sắp bị chết đuối, trên mặt hiện "thủy văn", chỉ những thuật sĩ có công năng đặc biệt kiêm nhìn quỷ nhân mới có thể nhìn thấy được. Trong *Dạ đàm lục ký* có nói đến đứa trẻ trước đêm xảy ra động đất, tôi nghĩ, chỉ nhìn thấy những người đó cổ đeo xiềng xích thì không đến nỗi khiến nó sợ hãi mà khóc, sợ là những người sắp chết trong trận động đất đó trên mặt đã mang "quỷ tướng" của những người chết.

[4] Tai sắc: tai là tai ương, sắc là màu sắc.

Ở thời Thanh còn có một cách nói khác, những người không còn ở trên trần thế lâu nữa, lại có thể nhìn thấy trên tai người khác có treo tiền giấy. Quyển năm trong *Động linh tiểu chí* của Quách Tắc Vân viết về một người họ Hứa có thể nhìn thấy quỷ. Người phụ nữ hàng xóm ốm, Hứa mỗ vừa nhìn liền nói: "Không sống lâu nữa đâu, ta thấy bên tai có treo tiền giấy rồi." Quả nhiên, chưa đến ba ngày sau người phụ nữ đó chết. Vợ chồng Hầu Nghi Sử (tức khắc triện[5] gia Hầu Nghị, chết năm 1951) thường gặp Hứa mỗ ở nơi diễn kịch, kịch vừa hết, Hứa mỗ vội vàng bỏ đi. Hầu hỏi vì sao, Hứa đáp: "Ta thấy số khán giả ngồi đây tai đeo tiền giấy, không biết sẽ xảy ra chuyện gì." Không lâu sau xảy ra đại dịch, người chết rất nhiều, đến nỗi những người bán quan tài cũng không còn hàng mà bán.

[5] Khắc triện: khắc dấu.

Nghe nói ngày xưa mỗi khi đóng vai ma quỷ, đều đeo trên tai một xâu tiền giấy, có lẽ cách nói quỷ nhân là xuất phát từ những hình tượng được diễn trên sân khấu.

https://thuviensach.vn

Làm sai dịch không thể bỏ bữa cơm

Trong nha môn Trung Quốc, đương nhiên tôi muốn nói tới thời cổ đại, hình như đã hình thành một thói quen, đấy chính là ăn cơm trước, làm việc sau. Trên thực tế, việc chưa chắc đã làm nhưng cơm thì nhất định phải ăn. Đối với những người còn chút lương tâm thì họ sẽ nói "ăn không của người ta", còn với những người chẳng có lương tâm mà cũng chẳng cần giữ thể diện thì họ độp luôn "ăn cả nguyên cáo, ăn cả bị cáo", việc này trong mắt những người ở nhà môn là việc hết sức bình thường. Nhưng sự phàm ăn của những âm sai dưới âm phủ lại có tình để có thể lượng thứ, việc ăn cơm của những người ở thế giới đó đã được nói trong một cuốn sách khác, bình thường ở cơ quan mọi người đều đói bụng, cũng vậy thôi, một khi đã là "âm sai" đến thế giới u minh rồi, một con chó khi nóng cũng phải thè lưỡi ra, nếu lúc này bạn không cho nó ăn thì thật chẳng có tình người gì nữa.

Trong truyện *Trường quỷ bị trói* ở quyển bốn *Tử bất ngữ* do Viên Mai viết, có kể về chuyện khi còn trẻ của hàn lâm Thẩm Hậu Dư, anh ta đến nhà bạn học họ Trương đang bị thương hàn để thăm bệnh, nhìn thấy một con quỷ cao lớn đang ngồi lừng lững trong phòng khách, ngửa mặt nhìn lên. Thẩm mỗ thấy không giống người, liền cởi thắt lưng ra trói hai chân con quỷ đó vào chân ghế. Con quỷ không thể cử động được, đối mặt với một nhân vật lớn trước mắt, đành phải làm mặt khổ sở. Thẩm Hậu Dư hỏi nó tại sao lại đến đây, con quỷ nói: "Trương mỗ sắp chết, ta là quỷ sai, theo quy định phải đến chào hỏi thần linh trong gia đường nhà anh ta trước, sau đó mới bắt anh ta đi." Thẩm Hậu Dư xin thay cho Trương mỗ, con quỷ cũng không phải kẻ xấu, nghe nói nhà Trương mỗ mẹ góa con côi, liền cảm động, nói: "Chỉ có một cách có thể cứu được Trương mỗ. Trưa ngày mai, Trương mỗ sẽ chết, sẽ có năm quỷ tốt theo ta đến đây. Đám quỷ tốt dưới địa phủ bị bỏ đói đã lâu, nhìn thấy đồ ăn sẽ quên hết những chuyện khác. Ngươi hãy bày ra hai bàn tiệc, mỗi bàn sáu người ngồi, thấy có gió lốc từ trên xuống dưới thì lập

https://thuviensach.vn

tức mời vào trong, khi chúng ngồi xuống bàn thì chuốc rượu liên tục. Đợi khi nào qua buổi trưa thì hãy để tiệc tàn, nếu đã lỡ thời gian, thì dù có nghĩ cách nào họ cũng không thể làm gì được nữa."

Quỷ đói thấy tiệc rượu, chẳng còn màng tới thứ gì khác nữa, nói thế cũng không có gì là quá đáng. Những người như chúng ta chưa từng phải trải qua cảm giác làm quỷ đói. Cõng một trăm cân cải trắng mua được từ trên núi xuống, trong ba mươi chín ngày đạp gần một trăm dặm, lại thêm bệnh huyết áp thấp, về đến nhà, vứt xe đạp ở đó, gặp ai cũng chẳng muốn chào, ôm lấy thằng bé đang bưng nồi cơm, chỉ hận một nỗi không thể nhét luôn đầu mình vào trong đó. Việc này không thể nói là chúng ta không ra gì, chỉ vì khi ấy quỷ đói nhập vào thân, không còn điều khiển được chính mình nữa. Nói đi cũng phải nói lại, chúng ta cũng nên đồng cảm với đám quỷ sứ mỗi lần bị bỏ đói là tới mấy tháng liền.

Trong quyển chín của cuốn *Duyệt vi thảo đường bút ký* do Kỷ Quân viết, Hắc – Bạch vô thường phụng mệnh đi bắt người, đến nhà người ta, đầu tiên là chạy vào bếp, gặp gì cũng vơ cho vào miệng, kiểu ăn đó của chúng khiến chúng ta không thấy buồn cười, mà chỉ thấy đáng thương. Kết quả là bị thầy đồ do chủ nhà mời đến dạy học phát hiện, hét lên một tiếng, khiến Bạch vô thường thất kinh chuồn nhanh như chuột chạy vào hang, Hắc vô thường lại bị thầy đồ đó nhốt vào trong phòng, không ra được, đành nấp trong góc tường. Hai quỷ vô thường này cũng biết xấu hổ, đói tới mức ấy nhưng vẫn biết ăn vụng là việc mất mặt, giống những tham quan ô lại trên nhân gian, hành động đó của chúng khiến người ta phải tỏ lòng ngưỡng mộ. Đương nhiên, vị thầy kia có mệnh làm quan, có quý nhân phù trợ, hai quỷ vô thường đó không dám mạo phạm, cũng là nguyên nhân khiến chúng rơi vào cảnh khó khăn. Nhưng có những quỷ sai chưa đạt được sự thỏa mãn tối thiểu, nên vẫn còn lòng tham, ham muốn được hưởng thụ những thú vui cao cấp của người giàu có, đương nhiên cũng đáng giận, nhưng vẫn có chỗ đáng thương. Trong quyển bảy của *Tử bất ngữ* có chuyện *Quỷ sai thèm rượu*, viết về một con quỷ xui xẻo, đã bắt được sinh hồn trong tay, chỉ vì nhìn thấy ở vườn bên cạnh có người đang uống rượu, liền không chịu đi. Người đó thấy

https://thuviensach.vn

quỷ sai thèm quá tới mức đáng thương, liền cho hắn một ly, chỉ ngửi chứ không uống. Người đó hỏi có phải quỷ tốt chê rượu lạnh không, nó gật đầu. Đưa cho nó một ly rượu đã hâm nóng, nó vẫn ngửi chứ không uống, nhưng hơi rượu ngào ngạt, mỗi lần ngửi là mặt nó lại ửng đỏ rồi dần dần tái như gan lợn, miệng mở to không khép lại được. Người kia thấy thế, liền đón lại ly rượu, đổ vào miệng nó, mỗi lần rượu được rót vào, mặt quỷ tốt co lại, đến khi uống cạn ly, quỷ tốt đã bé xíu như một em bé, sau ngất không biết gì nữa. Người hàng xóm vốn chỉ là có ý tốt hoàn thành tâm nguyện thèm rượu của nó, nhưng khi anh ta phát hiện ra nó là âm sai, thậm chí người nó đang dắt trong tay là sinh hồn người tình của mình, liền "nảy sinh ý ác". Anh ta mở hũ rượu ra, tóm lấy quỷ tốt nhốt vào trong, đập nắp lại, rồi vẽ lên trên một đồ bát quái. Kết cục là khiến quỷ tốt biến thành sâu rượu, say mê man ngày đêm.

Đói khát tới mức đó, nên khi đi bắt sinh hồn, quỷ sứ gần như đánh mất nguyên tắc của mình, vi phạm kỷ luật, chỉ cần người mà nó bắt không phải là người ác thì còn có chỗ tha thứ.

Trong truyện *Trương ngự sử ở Quảng dị kí* của Đới Phu đời Đường viết về một quỷ sai như thế, chuyện xảy ta vào năm Thiên Bảo, Đường Huyền Tông, ngự sử phán quan Trương mỗ phụng lệnh đến Hoài Nam điều tra vụ án, đã lên thuyền chuẩn bị qua sông rồi, từ trên bờ thấy có người vội vàng chạy đến, Trương mỗ nghĩ anh ta có chuyện gấp, liền cho thuyền dừng lại. Người đó bắt kịp, định đi nhờ qua sông. Lái thuyền không chịu, nói anh ta làm lỡ việc quan, còn cậy quyền cậy thế định giơ tay đánh anh ta. Nhưng Trương phán quan liền nói: "Cho một bách tính nghèo đi nhờ thuyền, có gì mà không được?" Nhìn mặt mũi anh ta trông đói khát, Trương phán quan nhường phần cơm thịt còn lại của mình cho anh ta, người đó mặc dù không đưa đẩy qua lại, nhưng sắc mặt rất hổ thẹn. Sau khi qua sông Hoài, hai người người đi về phía đông, người về phía tây, nhưng khi Trương phán quan đến dịch trạm, đã thấy người đó đứng ở cửa chờ hầu. Người đó nói: "Thật không dám giấu, ta không phải là người, là do âm phủ sai đến bắt sinh hồn của ngươi, số người phải chết đuối dưới sông Hoài, nhưng cảm

https://thuviensach.vn

tình người đã chăm lo ta khi đói, không nỡ ra tay, cho ngươi thêm một kỳ hạn nữa, chuẩn bị hậu sự đi. Trong âm phủ ta chỉ là một tiểu tốt ở trạm nhỏ nơi đầu đường, nếu cho ngươi nhiều thời gian thì lại nằm ngoài quyền hạn của ta." Trương phán quan nghe xong liền run rẩy cầu xin, quỷ sai nói: "Sợ là không dễ đâu. Nhưng nếu nhà ngươi có thể đọc thông một nghìn lần *Kim Cương kinh* trong vòng một ngày thì có thể kéo dài thêm tuổi thọ." Trương phán quan nói: "Hôm nay đã tối, sao có thể đọc một nghìn lần chứ?" Quỷ sai đáp: "Không nhất thiết phải một mình nhà ngươi đọc, chỉ cần có người đọc, là được tính." Thế là Trương phán quan gọi hết tạp dịch, bách tính trong dịch sở tới mười mấy người, đến tối ngày hôm sau, cuối cùng cũng đọc được một nghìn lần quyển kinh đó, và cũng là lúc quỷ sai xuất hiện. Trương phán quan đi cùng quỷ sai xuống dưới âm phủ, báo cáo công đức với Diêm Vương, kết quả đúng như mong muốn. Trương phán quan được sống thêm mười năm nữa và được đưa về dương gian ngay lập tức.

Đến đây thì vai trò có vẻ bị đảo lại, tới lượt Trương phán quan phải mang ơn chịu nghĩa. Quỷ sai đó nói nghe rất thương: "Vì người mà ta bị lỡ việc, bị đánh một trận, ngươi không định bồi thường cho ta sao?", nói xong liền tụt quần xuống, có vết thương làm chứng. Trương phán quan nói: "Ta là một quan nghèo, lại đang đi công tác đường dài, sợ không làm được việc báo đáp, bồi thường cho ngươi." Quỷ sai đáp: "Ta chỉ cần hai trăm quan tiền giấy." Phán quan đồng ý ngay: "Nếu chỉ là tiền giấy, ta có thể cho nhà ngươi năm trăm quan." Quỷ sai vội từ chối: "Ta không có phúc phận lớn như thế đâu, hai trăm quan là đủ rồi." Thế là đàm phán, thỏa thuận xong, vội vàng đưa Trương phán quan về lại dương gian, để đốt tiền chuyển khoản. Đây có lẽ là món tiền lớn đầu tiên trong đời của quỷ sai này, lòng tốt được báo đáp, xét về tình có thể tha thứ, nhưng chuyện đã có khởi đầu, e là sau này khó chịu đựng được.

Nhưng do đó cũng có thể thấy, quỷ tốt này ngã xuống nước là do người sống kéo, mà con người có đức hiếu sinh, cũng không thể trách. Vậy thì vấn đề ở đâu đây? Theo tôi, vấn đề nằm ở Diêm Vương và hòa thượng. Khi bọn họ mở ra cánh cửa sau, đọc kinh là có thể kéo dài tuổi thọ, cũng chính là

https://thuviensach.vn

muốn móc tiền người trên nhân gian để bù đắp cho tội lỗi của họ. Một câu: "Lão tử có tiền" và "Bố ta là Cao cầu" cũng giống nhau, lập tức khiến phán quan phải nhìn bằng ánh mắt khác, trong lòng đã bắt đầu suy nghĩ làm thế nào để giải quyết vụ làm ăn này đây, quỷ tốt cũng thế, có điều không tham lam nhiều mà thôi.

Người đời Đường có câu: "Kẻ trộm phạm pháp, pháp luật còn. Người gian phạm pháp, pháp luật mất!" Quỷ tốt đó vì tình riêng mà kéo dài tuổi thọ cho Trương phán quan thêm một ngày khiến tôi nhìn thấy cách chấp pháp có bản tính con người trong đó, đấy rõ ràng là lợi dụng mũ quan, nhiều nhất cũng chỉ là "phạm pháp" thôi, mà kiểu như "đọc kinh kéo dài tuổi thọ" hay "ngoại lệ" gì gì đó đều là một cách "biến hóa của luật pháp" mà thôi! Có điều, những người làm hỏng pháp luật lúc này không phải người gian mà là Diêm Vương và các bậc hòa thượng đại diện của Phật giáo thường trú dưới âm phủ.

Những chuyện liên quan tới nhân sự cấp cao dưới địa phủ xin tạm dừng ở đây, bởi vì những người có tư cách để tiếp xúc với họ thật ra quá ít, như tôi cả đời là thảo dân, vào Diêm La điện, e rằng đến mặt của Diêm Vương cũng không có cơ hội để nhìn, mà cho dù có nhìn thấy, sợ là dưới tấm biển "Chính đại quang minh", cũng không dễ dàng mở miệng làm chứng cho ai. Vì vậy, tốt hơn là kể những chuyện thực tế một chút, đó là làm thế nào giải quyết được vấn đề mâu thuẫn với quỷ sai đi bắt hồn. Một kẻ phải bắt hồn, một người không muốn bị bắt, đấy chính là "mâu thuẫn". Xử lý ổn rồi thì có thể không bắt hay bắt muộn, cũng không ảnh hưởng tới việc bắt nữa, vui vẻ nắm tay nhau đến gặp Diêm Vương. Xử lý không tốt thì kết cục ai cũng hiểu, vì vậy mọi người phải biết hài hước một chút.

Biết hài hước rồi thì sẽ hiểu rằng những sai nhân đó cũng cần ăn cơm, huống hồ bọn họ toàn là quỷ đói. Bách tính chúng ta ai cũng đã trải qua cảm giác bị đói bị khát, vì vậy cũng phải hiểu cho hoàn cảnh khó khăn của đám quỷ sai đó. Kẻ hôn quân như Tấn Huệ Đế có thể nói những lời mát mẻ như: "Không có lương thực, sao không ăn thịt? Không có thịt lợn, sao không ăn

https://thuviensach.vn

cá?" Ông ta không biết rằng bách tính không có lương thực phải gọt vỏ cây mà ăn, không có vỏ cây đành phải ăn muội than. Trong thế giới âm phủ chỉ có bờ sông Nại, thậm chí có mấy cái cây bên bờ sông gần với dương thế, còn không có cả lá cả vỏ, chỉ có thể làm móc áo, cho dù không phải là người bi quan cũng biết, ngay cả muội than, đám quỷ sứ dưới đó cũng đã ăn hết từ lâu. Vì vậy bọn họ mới gửi gắm sự thèm thuồng của mình vào thế giới dương gian, đi làm việc mang ấm ức trong lòng, khi quay về, linh hồn bị bắt trở thành nơi trút giận.

Có vài người không chịu hiểu, phải sau khi người chết rồi mới đốt tiền giấy cho âm sai đại ca làm phí đi đường, không nghĩ rằng, tìm đâu được quán cơm trên Âm sơn đạo đây? Hơn nữa, đọc sách cũng bằng thừa, đến ngay câu: "Mạc vũ đầy đủ" cũng không hiểu, phải biết rằng khi âm sai đại ca đến phải bày một bàn tiệc rượu đón tiếp.

Thứ hai là, cho dù khi âm sai vừa vào đến cửa đã bày tiệc rượu, cũng vẫn gọi là hơi muộn, tốt nhất là bình thường nên móc nối quan hệ sẵn với thần quỷ dưới âm phủ, bắt đầu từ thần ở trung đường, thần giữ cửa, thần bếp nhà họ cho đến thổ địa ở địa phương. Đừng coi thường những vị thần chức sắc nhỏ đó, cũng đừng tin "cốc nước bát hương" những lời liêm khiết hão đó, gà rượu là những đồ cúng tế tối thiểu, thỉnh thoảng cũng thêm cái đầu lợn cũng không gọi là quá. Sau khi quan hệ tốt rồi, nếu không "lên trời nói những lời có cánh" giúp thì bình thường cũng không lặng lẽ tới kiểm tra, điều tra, khi đi bắt hồn đoạt mệnh, những vị thần nhỏ này nếu không báo tin qua gió thì cũng không đến nỗi đổ thêm dầu vào lửa.

Ở đây không phải là làm ăn với mấy vị thần nhỏ đó mà là lấy ví dụ để chứng minh. Trong *Tục huyền quái lục* do Lý Phục Ngôn người đời Đường viết có kể về một người thợ mộc tên Sái Vinh, coi thần thổ địa như thần tiên, mỗi lần ăn cơm đều đặt một phần xuống đất, lẩm nhẩm đọc: "Thổ địa gia, mời ngài về thưởng thức" hay đại loại như thế, mặc dù bát cơm này cuối cũng vẫn vào bụng mình nhưng cũng coi là đã hiếu kính. Ông ta kiên trì làm như thế, cho đến mùa xuân năm đó ông ta ngã bệnh, nằm trên

https://thuviensach.vn

giường sáu, bảy ngày không dậy được. Tối muộn hôm ấy, có một võ sư chạy tới, nói với mẹ Sái Vinh rằng: "Bà mau cất hết quần áo, đồ dùng của Sái Vinh đi, đừng để người khác nhìn thấy, rồi mặc cho anh ta bộ quần áo của bà, nếu có người đến hỏi, bà cứ nói là anh ta ra ngoài rồi, hỏi đi đâu thì bà cứ nói đại một địa điểm, đừng để người đó biết Sái Vinh đang ở nhà." Sái mẫu vừa sắp xếp cho con theo lời của võ sư xong thì có một vị tướng quân tìm đến, tay cầm cung tên, đem theo hơn mười tùy tùng, đi thẳng vào nhà, gọi tên Sái Vinh ra. Sái mẫu hoảng sợ đáp: "Sái Vinh uống rượu say túy lúy, tôi tức giận cầm gậy đuổi đánh, nó sợ quá chạy mất, hơn mười ngày chưa thấy về, tôi cũng không biết nó chạy đâu mất rồi." Tướng quân lệnh cho tùy tùng lục soát, kết quả tìm suốt một ngày không thấy gì, trong nhà không có đàn ông, đến đồ dùng của đàn ông cũng không có. Tướng quân gọi thổ địa lên, ra lệnh cho thổ địa tìm Sái Vinh về, thổ địa cũng nói y hệt lời mẹ Sái Vinh. Tướng quân nói: "Phía hậu điện của Diêm Vương hơi bị nghiêng, phải tìm một thợ mộc xuống sửa chữa. Thời hạn đã đến, ngươi xem ai có thể thay thế được anh ta?" Vậy là thổ địa liền đáp: "Ở làng Lương Thành có một người tên Diệp Can, tay nghề còn khéo hơn cả Sái Vinh, vừa hay đại hạn của anh ta đã đến, cũng sắp phải đuổi bắt anh ta rồi." Thế là nhờ một câu nói của thổ địa mà Sái Vinh đã tai qua nạn khỏi. Vì vậy, đừng ai nghĩ rằng mình chỉ cần tuân thủ kỷ luật, luật pháp là không sợ ai, mỗi bữa ăn ít đi vài miếng thì coi như trong nhà đã nuôi được long vật đó.

Nửa đêm không sợ quỷ gõ cửa

1

Từ một vài câu chuyện được nhắc tới ở các chương trước, chúng ta có thể thấy âm sai đi bắt người mặc dù giữ chức vụ thấp nhất trong quan phủ, nhưng đôi khi cũng có quyền tạo ra sự sinh tử. Nếu có thể bắt tay với bọn họ thì khi thời khắc sinh tử đến họ có thể tha mạng cho bạn. Những cực

https://thuviensach.vn

đoan xảy ra trong nha môn trên nhân gian thực sự cũng xuất hiện dưới âm phủ, chỉ vì mọi người không chịu từ bỏ chút hy vọng cuối cùng về người nắm giữa chính nghĩa, do đó luôn tưởng tượng rằng Diêm Vương phán quan khi xử án bao giờ cũng công bằng hơn những quan phủ trên nhân gian, vì vậy những thói quen xấu, làm ăn gian lận đều bị đổ tội lên đầu âm sai. Cái gì mà "Diêm Vương bảo người canh ba phải chết, ai dám giữ đến canh năm"? Đấy chỉ là cách nói khuyếch trương quyền lực của Diêm Vương mà thôi, và coi thường quyền thực thi mệnh lệnh của sai dịch. Trên thực tế, trong giai đoạn bắt hồn, những kẻ được sai đi bắt hồn trong tay nắm giữ một nửa quyền chủ động, chỉ cần thực hiện đúng pháp luật, đừng nói là cách biệt giữa canh ba và canh năm, mà có rời thêm ba tháng, năm tháng nữa cũng chẳng phải chuyện to tát gì, thậm chí tha cho người đó trong lần đi bắt bớ này cũng là việc trong tầm tay.

Đương nhiên, kiểu làm việc lộng quyền này không phải chỉ làm suông, làm không, hoặc sẽ xem xét tới tình người, một kiểu giống như được nhắc tới ở chương trước, hoặc là phải trả tiền duyên. Tiền duyên đương nhiên là chỉ tiền tài, người xưa có câu: "Tay không không vào được cửa công." Chỉ cần bạn đi kiện thì dù bạn là nguyên cáo hay bị cáo, không chi tiền chắc chắn không thành, chi ít tiền cũng không có tác dụng, quyền tiền giao dịch chính là phải nhìn tiền để đưa ra quyết định.

Chỉ cần đáp ứng đầy đủ về vật chất cho âm sai thì họ dám thả cả vong hồn đáng lẽ ra phải bị bắt, tha cho người đó quay về dương gian lắm. Trong quyển bốn cuốn *Sưu thần hậu ký* do Đào Tiềm viết có kể câu chuyện về một người tên là Lý Trừ người Tương Dương, bị mắc dịch bệnh (một loại bệnh truyền nhiễm có khả năng lây lan nhanh thời đó) mà chết, cha và vợ anh ta ngồi giữ xác trong phòng. Cho tới nửa đêm canh ba, Lý Trừ đột nhiên ngồi dậy, túm lấy cánh tay vợ, tuốt cái vòng đeo tay bằng vàng ở cổ tay chị ta, cha anh ta cũng giúp sức, cuối cũng kéo được chiếc vòng ra. Anh ta cầm chiếc vòng trong tay, sau đó lại chết ngay lập tức. Người vợ đoán chắc chắn sẽ có điều gì đó xảy ra tiếp theo, nên ngồi bên chờ. Quả nhiên khi trời sáng, đầu Lý Trừ ấm dần, anh ta từ từ sống lại. Lý Trừ liền nói, khi anh ta bị âm

https://thuviensach.vn

sai bắt đi, thấy người bạn cùng bị bắt lấy vàng bạc trang sức trên người mang ra đổi mà được thả về, liền nghĩ ngay đến chiếc vòng tay bằng vàng của vợ, nên đã thương lượng với âm sai cho quay về trần gian lấy, âm sai đồng ý, thế nên mới có chuyện sống lại để tuốt lấy chiếc vòng. Mặc dù Lý Trừ đã giao chiếc vòng vàng cho âm sai dưới âm phủ rồi, nhưng trên dương gian chiếc vòng vẫn còn ở nguyên chỗ cũ, có điều vợ anh ta không bao giờ còn dám đeo nó nữa, đành tìm chỗ chôn đi.

Đi kiện cáo dưới âm phủ, dù cho có lý cũng phải bỏ tiền ra, Trong truyện *Thành Hoàng giết quỷ không được phép thành tiệm*[1] ở quyển ba *Tử bất ngữ* do Viên Mai viết, kể về một người phụ nữ được ác quỷ tôn sùng, chồng chị ta dùng dao chém quỷ, làm nó bị thương ở trán, rồi lại dùng súng bắn nó bị thương ở vai. Không ngờ ác quỷ này hung ác khác thường, nhất định đòi lấy mạng người phụ nữ kia. Chồng chị ta và nhạc phụ liền viết cáo trạng, ra miếu Thành Hoàng đốt. Tối đó người phụ nữ nằm mơ thấy có hai công sai, cầm theo lệnh bài đòi chị ta nghe phán, thẳng thắn ra giá, nói: "Vụ án này, ta đảm bảo nhà ngươi sẽ thắng, nhưng phải đốt hai nghìn tiền giấy cho ta. Nếu ngươi vẫn chê nhiều, thì âm gian chỉ cần hai mươi lượng bạc. Cái này không phải ta hưởng một mình, mà dùng để chạy chọt cho ngươi thôi."

[1] Tiệm là quỷ sau khi chết. Người mê tín thường cho rằng, người chết làm ma, ma chết làm tiệm.

Cách vòi vĩnh công khai thế này tốt nhất là đưa ra một cái giá cụ thể, khiến hai bên đều vui vẻ. Sợ nhất là những món tiền không rõ ràng, cứ lặng lẽ giày vò, hành hạ bạn, cuối cùng bạn phải cầu xin người ta nhận tiền, thế mới gọi là thất đức.

Trong truyện *Minh tỵ*, quyển một cuốn *Túy trà chí quái* của Lý Khánh Thần người đời Thanh, kể về người ở tên Lý mỗ trong một gia đình giàu có, vì rất biết lựa thuyền theo gió nên được nhà chủ yêu quý. Còn một người ở già khác tên Ân mỗ không hiểu việc, dần dần bị nhà chủ ghét, cuối cùng bị đuổi đi. Ân mỗ trong lòng không phục, buồn bã mà chết, xuống âm gian, viết giấy tố cáo gửi lên Thành Hoàng nói mình bị Lý mỗ hại chết. Hôm ấy Lý

https://thuviensach.vn

mỗ vừa ra ngoài, liền gặp hai vị công sai đứng ngay bên cửa, dùng dây thừng thòng vào cổ anh ta, kéo đến miếu Thành Hoàng. Vào miếu Lý mỗ mới biết, một ngôi miếu bình thường không lớn lắm nay đã biến thành một nha môn rộng rãi, thư sứ, nha dịch đi đi lại lại, rất náo nhiệt. Nhưng hai tên công sai đó không giải anh ta lên công đường mà nhốt vào một căn phòng nhỏ tối thui, khóa cửa, trong phòng tối đen như mực, không phân biệt được ngày đêm, không biết bao lâu sau, vừa đói vừa khát, buồn bã ưu phiền, tiều tụy không sao kể xiết. Lúc này mới thấy cửa được mở ra, hai tên quỷ sai đó nói: "Đại lão gia hai ngày nay không có thời gian thẩm vấn ngươi, ngươi quay về đi", sau đó liền đuổi anh ta ra khỏi nha môn. Anh ra tìm đường quay về, tới cửa nhà, vẫn may sống sót, hỏi người nhà, mới biết hôm đó anh ta đột nhiên ngã nhào trước cổng, hơi thở yếu ớt, được người ta dìu vào nhà, tới hôm nay đã chết được ba hôm rồi. Lý mỗ như vừa được chữa khỏi bệnh, rất nhiều ngày sau mới hồi phục được, hai tên cẩu sai nhân đó lại đến. Tất cả lại diễn ra y như cũ, vẫn bị nhốt trong căn phòng tối đó ba ngày, rồi lại được thả về. Cứ thế kéo dài phải nửa tháng, đi đi về về giữa âm và dương, anh ra cũng thuộc cả đường xuống địa phủ, còn bộ dạng thì chẳng thể phân biệt được là ma hay người nữa. Đến lúc này, anh ta mới như bừng tỉnh, thì ra nha môn ở âm ti và nhân gian không khác gì nhau, hai tên quỷ sai kia muốn vòi tiền. Anh ta mua mười mấy dây tiền giấy, đốt xuống, hai tên quỷ sai lập tức trở thành bạn, vụ án cũng đã được phán quyết xong, khi quyết định được đưa xuống, ghi là Ân mỗ đã vu cáo, Lý mỗ vô tội được thả về.

Nếu số tiền hối lộ đủ nhiều thì có thể kết giao được với những người bạn rất có thế lực. Trong *Bác dị ký* do Trần Ngao người đời Đường có ghi chép lại một chuyện: "Một minh sử xin Lý Toàn Chất dụng cụ mài chiếc sừng tê giác, Lý Toàn Chân liền nhờ người vẽ một cái rồi đốt cho minh sử đó kèm theo cả tiền giấy. Thế là minh sử báo mộng, cảm tạ nói: "Được tặng đĩa mài, thật hổ thẹn thay, vì không có gì đáp lễ. Nhiên công bình sinh sẽ chết do tai nạn nước, nhưng khi gặp nguy hiểm, ta nhất định nghĩ cách." Lý Toàn Chất vốn chết vì nước, nhưng lại có một minh sử cứu hộ kịp thời nên anh ta thoát được kiếp nạn ấy. Đấy chính là hành động ngang nhiên tiết lộ cơ mật của minh phủ, để giúp người sống thoát khỏi cảnh bị âm sai truy

https://thuviensach.vn

đuổi. Nhưng những lời hứa kiểu này, có độ rủi ro quá cao, chẳng qua cũng chỉ là một phút lỡ miệng, chưa chắc đã thực hiện đến cùng, điều đó được chứng minh bằng việc Lý Toàn Chân không sống được tới ngày hôm nay. Đương nhiên cũng có một khả năng là, minh sử này bị Sâm La điện khuyên nhủ hồi tâm, cái ô bảo vệ không còn hiệu lực, hợp đồng miệng bị hủy bỏ.

Vì vậy không thể hoàn toàn tin vào những lời hứa của minh sử, có kẻ sau khi đạt được thứ mình cần rồi, thực ra ân huệ chẳng xác thực, chỉ là kéo dài thời gian đến bắt hồn đi thôi. Những chuyện này có lẽ thường xuyên xảy ra ở những nơi cửa công rồi. Quyển một tập *Tây dương tạp trở* của Đoạn Thành Thức người đời Đường viết về một thiếu niên độc ác tên Lý Hòa Tử. Người này thường xuyên ăn trộm chó mèo của người khác nuôi về thịt ăn, cuối cùng hơn bốn trăm sáu mươi con chó, con mèo cùng liên minh lại viết đơn kiện hắn ta dưới âm phủ. Lý Hòa Tử mời hai tên quỷ sai tới bắt hắn ta vào quán ăn, quỷ sai biết án này nặng, không dám làm trái quy tắc, nên chịu khát nhịn đói không vào quán. Lý Hòa Tử lại kéo bằng được bọn họ vào quán rượu, gọi chín bát rượu, hắn ta uống ba bát, sáu bát còn lại vờ để sang một bên. Hai quỷ sai bất lực, cuối cùng không thoát được cám dỗ, liền nói: "Ăn đồ hối lộ rồi. Đã nhận được ơn cho được say, đành thay ngươi xin giảm án vậy. Người hãy chuẩn bị bốn mươi vạn tiền, trưa ngày mai bọn ta tới lấy, kéo dài tuổi thọ cho ngươi thêm ba năm nữa. "Sau khi hai quỷ đi rồi, Lý Hòa Tử vẫn còn muốn tiếp tục hưởng thụ sáu bát rượu còn lại, uống một hớp, không ngờ vị nhạt như nước, thậm chí lạnh buốt cả răng. Hắn ta vội chạy về nhà bán đồ đạc mua tiền giấy, đúng kỳ hạn gửi xuống cho minh sứ. Nhưng ba ngày sau, Lý Hòa Tử vẫn phải chết. Thì ra, "ba năm theo lời quỷ nói là ba ngày trên nhân gian."

Chỉ có thể sống thêm ba ngày thì số tiền hắn ta đốt quả là vô ích, nhưng có người khẳng định có tiền là mua được sự xê dịch của quỷ, nhưng không ngờ quỷ cũng có quyền hạn của mình, hy vọng quá cao thì kết quả sẽ là quỷ nhận tiền trước, rồi tới bắt người sau.

https://thuviensach.vn

Trong *Kiến vấn lục* của Từ Nhạc người đời Thanh viết về một phú ông, sau khi ốm chết bị một con quỷ mặt xanh bắt đi, ông ta ai oán nói: "Tài sản nhà ta quá nửa nằm trong tiệm cầm đồ, giờ có vài việc vẫn chưa giải quyết xong, kéo dài cho ta vài ngày nữa, sau khi xong việc, ta có chết cũng không hận." Quỷ mặt xanh trả lời: "Hãy đốt tiền bạc cho ta, ta sẽ cho nhà ngươi thêm mấy ngày", phú ông đồng ý và được sống lại. Đếm đúng số lượng quỷ mặt xanh yêu cầu, đốt cho nó, sau khi lo liệu xong xuôi mọi việc, đến giờ lại chết. Phú ông quen mùi, lại nói với quỷ: "Con trai ta là tú tài, sắp đến kỳ thi hương rồi, nếu cho ta sống đến khi nó thi xong ba kỳ thi, được nhìn thấy nó áo gấm về làng, ngươi hãy ra giá đi." Quỷ đưa ra một con số và lần này thì gấp đôi lần trước, phú ông đồng ý, liền được sống lại, đốt tiền đúng hẹn. Đến ngày Mười lăm tháng Tám, kỳ thi hương cuối cùng kết thúc, đêm đó phú ông mở tiệc đãi khách, ngay giữa bữa tiệc rượu, phú ông tắc thở mà chết. Lần này quỷ mặt xanh còn mang theo mấy tên quỷ nữa cùng đến, nói: "Con trai ông lần này không đỗ, tối nay ông phải đi cùng chúng tôi rồi. Nhưng nếu ông chịu chi cho chúng tôi nhiều hơn một chút, chúng tôi sẽ nghĩ cách giúp ông đi cửa sau, để con trai ông được làm cử nhân, đồng thời tha cho ông qua kiếp nạn này. Ông thấy thế nào?" Phú ông đương nhiên đồng ý ngay, có bao nhiêu tiền bạc liền bỏ ra hết, thế là lại được sống lại. Đến ngày công bố bảng vàng, con trai ông ta quả nhiên đỗ cử nhân, ông lão vui mấy ngày liền. Nhưng không lâu sau, quan về điều tra việc gian lận trong thi cử, con trai ông ta không những bị tước danh hiệu cử nhân, mà còn bị giam vào nhà lao. Ông lão trên đường vào thăm con, giữa đường tự nhiên lăn ra chết.

Chiêu cuối cùng của quỷ mặt xanh có chút tàn nhẫn, nhưng cũng là vì nó nhìn rõ được sự tham lam vô độ của lão tài chủ, ngoài ra cũng khiến lão ta được vui vẻ mấy ngày, không thể nói là số tiền bỏ ra không xứng đáng được. Sợ nhất là mấy kẻ ham tiền đó chỉ nghĩ cách moi tiền, có được tiền rồi liền quên luôn việc mình đã hứa thì còn tệ hơn. Trong *Quảng dị ký* có một chuyện, từ câu chuyên này chúng ta có thể thấy sự phủ bại và hỗn loạn trong quan trường dưới âm gian cũng không kém gì trên dương gian. Cáo Trừng, võ sĩ người Kinh Triệu sau khi bị âm sai bắt nhầm, liền đến một cơ

https://thuviensach.vn

quan dưới âm phủ gọi là "nơi tiếp nhận những vụ án oan khuất" để tố cáo. Trung thừa hỏi: "Ngươi có oan khuất gì?" Cáo Trừng đáp: "Số tôi vẫn chưa tận, người bắt tôi lại không mang theo lệnh bắt, cứ thế ép tôi đi bằng được." Vị trung thừa này đòi tiền hối lộ là năm trăm nghìn. Cáo Trừng đồng ý, trung thừa liền phán: "Bị bắt bừa, thực tế chưa tới số", sau khi phán xong liền thả ra, sai người đưa Cáo Trừng đến chỗ đại phụ thông phán, vị thông phán giữ cửa này cũng đòi tiền Cáo Trừng. Cuối cùng được thả ra, nhưng lại không trả Cáo Trừng về dương gian, kết quả là âm phủ không nhận mà dương gian cũng không thể về, "không biết đi đâu, lang thang phiêu bạt". May mà gặp được người em rể đã chết, mới đưa Cáo Trừng quay lại dương gian, nếu không thì sẽ trở thành một con "quỷ lang thang" ba giới không nhận, "ba trăm năm cũng không thể hóa kiếp".

Tôi cho rằng cơ quan thẩm lý này cũng cấu kết với lũ quỷ tốt rồi. Ngươi lên dương thế bắt người, ta ở âm gian mở một nơi gọi là thụ lý án oan để moi tiền, sau khi có tiền rồi sẽ chia cho quỷ tốt một ít. Vì muốn moi tiền mà tạo ra oán an đã đủ thấy vô sỉ rồi, lại còn có thể treo biển tiếp nhận những vụ án oan để kiếm tiền nữa. Giống như trong *Hà đông ký* do Tiết Ngư Tư người đời Đường viết, có một tên âm sai vì muốn kiếm tiền, mà đang yên đang lành đi bắt sinh hồn, sau đó nói: "Người vẫn chưa tới lúc chết, ta có thể thả ngươi, nhưng phải cho ta hai nghìn quan tiền." Tôi thấy tên quỷ sai dùng hình thức bỉ ổi này còn đáng ghê tởm hơn cả vị quan chuyên "xử án oan" kia.

2

Nếu đem ra so sánh, nếu uốn cong pháp luật vì tình người, đặc biệt là những minh sử quỷ tốt uốn cong pháp luật vì tiền không chỉ có thể tha thứ được, mà còn khiến người ta cảm thấy gần gũi hơn. "Đã nhận của người rồi", vì trả món nợ ân tình đó mà làm một vài thủ thuật nhỏ, mặc dù kể ra sẽ đỏ mặt, nhưng chỉ cần người được thả không phải người xấu thì cũng có gì là ghê gớm đâu. Những bách tính hiền lành, lương thiện đó, chẳng ảnh hưởng

https://thuviensach.vn

gì tới lịch sử, cũng không phải là những đại thần chết sớm thì thái bình sớm, chết muộn mấy ngày, cũng không có gì phải vội!

Trong *Chân dị lục* do Đới Tộ người đời Tấn viết, Trương Khải đánh xe từ gia trang dưới quê quay lại nơi thành thị, giữa đường gặp một người nằm bò bên vệ đường, hỏi anh ta, anh ta trả lời: "Chân bị hỏng rồi, không đi được. Nhà tôi ở Nam Sở, cũng chẳng có cách nào báo tin cho mọi người." Trương Khải thấy thương hại anh ta, liền ném bớt đồ trên xe xuống, đưa người này lên xe về nhà mình. Sau khi về đến nhà, người này nói với vẻ mặt không hề cảm kích: "Ta vốn chẳng bệnh tật gì cả, chỉ là muốn thử ngươi thôi." Trương Khải tức giận: "Ngươi là ai sao dám trêu đùa ta?" Người đó đáp: "Ta là quỷ, phụng mệnh âm ti tới dương gian để lên danh sách những người sắp chết. Gặp ngươi là bậc trưởng giả, không kìm được ý muốn làm quen, cố ý giả bệnh, nằm bên đường. Ngươi có thể bỏ của để cứu người, thật là vô cùng cảm động. Có điều ta phụng mệnh tới đây, không thể tự mình quyết định, biết làm sao bây giờ?" Thế là Trương Khải thất kinh, vội vàng mời tên quỷ sai này ở lại, cúng rượu tế thịt, khóc lóc thỉnh cầu. Quỷ hỏi: "Có người nào cùng tên với nhà ngươi không?" Trương Khải đáp: "Có một người từ nơi khác đến tên Hoàng Khải." Thế là tên quỷ sai viết tên Hoàng Khải thay cho Trương Khải vào danh sách chết. Cuối cùng, tên qủy này lại nói: "Ngươi có quý tướng, ta thấy đáng tiếc, chắc sẽ được làm quan. Nhưng thần đạo u mật, không thể tiết lộ."

Trương Khải sau đó thọ đến sáu mươi tuổi, làm quan tới chức quang lục đại phu.

Cứu người tốt, việc này không sai, nhưng nếu người này đồng ý dùng một người vô tội khác để chết thay mình thì có còn là người tốt nữa không? Nghĩa cử của những người sắc tước thường luôn như vậy, với nguyên tắc không bao giờ được để mất của mình dù chỉ là một cọng lông, một khi gặp phải những chuyện đầu rơi máu chảy, sẽ kêu gọi đám dân đen thâm minh đại nghĩa, vì nghĩa mà thay những nhân vật này hy sinh. Đương nhiên tên quỷ sai này cũng có chỗ khó của hắn, nhìn ra được quý tướng của Trương

https://thuviensach.vn

Khải, có giá trị để đầu tư, nhưng bất lực vì mình quyền lực quá ít, dùng người vô tội để thay thế cũng là vì không còn cách nào khác nữa. Từ đó có thể thấy, muốn làm việc tốt tới cùng thì trong tay phải có đủ quyền lực, đáng tiếc là những người nắm trong tay quyền lực thời ấy lại thường không muốn làm việc tốt. Nghĩ đến đây, tôi lại thấy rất hiểu cho những gì mà tên quỷ sai đó làm.

Trong quyển mười chín cuốn *Di kiên chi mậu* do Hồng Mại viết có truyện *Thẩm Truyền gặp minh sử*, vị Thẩm Truyền đó là "người lương thiện dưới quê", bị bệnh thương hàn, tám, chín ngày không chữa khỏi, chuẩn bị đi gặp Diêm Vương rồi. Bỗng thấy một tên quỷ áo vàng, tướng tá diện mạo giống như võ quan cấp thấp trong quan phủ, tay cầm gậy, đứng ở đầu giường không nói không rằng, dường như đang chờ đợi điều gì. Không lâu sau, lại thấy một minh sử mặc áo xanh mũ đen đến, tay cầm văn thư, chần chừ chưa dám viết vào. Tên quỷ áo vàng lắc lắc tay nói với minh sử kia: "Thiện thiện!" Quỷ áo xanh liền dừng chân, lấy bút từ trong tay áo ra, mở giấy, gạch một hàng, sau đó rời đi. Đầu tiên Thẩm Truyền thất kinh, tới lúc này mới thở phào nhẹ nhõm, một ngày sau, bệnh tình của người tốt này khỏi hẳn. Chỉ có điều, không biết hành vi của hai vị minh sử văn võ kia là hành vi cá nhân hay trong văn bản đó có điều lệ hoặc chính sách khoan hồng nào mà tạm thời tha cho, ít nhất thì một phần trong đó cũng là do họ làm chủ quyết định.

Có những tên quỷ sai lại chỉ chăm chăm lo cho chủ nhân cũ của mình, khi đi bắt hồn cũng có chút khoan dung, điều này không có gì là đáng trách cả. Trong *Chí quái lục* do Chúc Duẫn Minh viết có chuyện *Hoa Lão*. Hoa Lão Tài giàu có nhưng đối xử với mọi người rất tốt, một hôm đang đi dạo bên ngoài, đột nhiên nhìn thấy một điền hộ đi đến, gọi lớn: "Tiểu nhân ở đây." Hoa Lão Tài đang định trả lời, đột nhiên nhớ ra anh ta đã chết rồi, liền hỏi: "Ngươi chẳng phải đã chết rồi sao, sao lại ở đây?" Quỷ sai đó liền trả lời: "Sau khi chết tôi làm minh sai, giờ phụng mệnh đi bắt lão chủ nhân. Chỉ có điều một đợt phải bắt hơn năm mươi người, tôi đến báo trước cho lão chủ nhân, để người lo liệu việc trong nhà, đến lúc đó có thể ra đi thanh thản."

https://thuviensach.vn

Sau khi quỷ sai đi rồi, Hoa Lão Tài lập tức về nhà, sắp xếp hậu sự, chào tạm biệt người thân, bạn bè, sau đó bị bệnh, gần một tháng thì mất.

Từ đó có thể thấy, khi đi bắt hồn cũng không cần quá cứng nhắc, chưa chắc quỷ sai không thể linh động xử lý. Trong một câu chuyện ở phần trước có nói rằng, khi đi bắt hồn không thể để xảy ra dù chỉ là một sai sót nhỏ, cứ như qua mất vài phút thì lệnh bắt đó mất tác dụng không bằng, e rằng những lời đó chỉ là những lời cố chấp mà thôi. Song việc quỷ sai khoan dung nới rộng về mặt thời gian, cũng giống như nhờ gió báo tin cho người có liên quan, nếu như người đó không biết điều, không chịu theo đi thì quỷ sai sẽ bị liên lụy, không tránh khỏi việc bị phạt đánh.

Dường như trong những câu chuyện về âm phủ của chúng ta cũng có ý muốn giáo dục, nội dung đều là ở hiền gặp lành. Trong quyển mười một *Hữu đài tiên quán bút ký* do Du Việt viết có một câu chuyện về Trương Ông, rõ ràng là một phiên bản khác của Hoa Lão Tài, có điều địa điểm chuyển đến Sơn Đông. Quỷ sai đi bắt hồn phải bắt hồn của người chủ cũ Trương Ông, vốn là người đầu tiên trong danh sách bị bắt lần này, nhưng lại được chuyển xuống cuối danh sách, gia hạn thêm cho gần một tháng. Hoa Lão Tài dùng thời gian này để lo liệu mọi việc trong nhà, còn Trương Lão Tài lại cho rằng: “Mình có ăn có mặc, vợ con đầy đủ, chết có gì hối tiếc”, điều hối tiếc duy nhất là, làm mối cho con trai của người bạn cũ, nhưng sau khi người bạn đó chết, tên tiểu tử con trai ông ta cũng kiệt quệ, chẳng đủ tiền để làm đám cưới, nên nhà gái có ý hủy hôn, khi Trương Lão Tài còn sống, bọn họ còn không dám nói gì, nhưng nếu ông ta chết rồi thì sao? Thế là ông ta nghĩ ra một cách, gọi hết đám con trai của mình đến, nói: “Bố của cậu ra đã qua đời rồi, từng cho cha mượn tám mươi vạn tiền giấy. Giờ ta già rồi, tiền nợ người ta chưa trả được, nếu nhỡ một mai chết đi, làm sao còn mặt mũi để gặp lại bạn dưới đó!” Các con ông ta đều là người hiểu chuyện, lập tức chuẩn bị tám trăm xâu tiền, mang đến nhà con trai người bạn của cha để trả. Trương Lão Tài lại chọn ngày giúp cho anh ta, rước dâu về nhà, lúc đó mới vui vẻ nói: “Việc ta đã làm xong, giờ chết cũng không ân hận”, nhưng hơn một tháng qua đi, cơ thể vẫn khỏe mạnh, không bệnh tật gì. Lại

https://thuviensach.vn

thêm vài ngày nữa thì minh sai đến, gặp mặt liền vui vẻ nói: "Chủ nhân chưa phải chết, dưới âm phủ đã ra công văn, bỏ tên chủ nhân khỏi danh sách rồi."

Những câu chuyện kiểu này rất nhiều, giống như *Bộ khác* trong *Liêu trai* và *Âm sai* ở quyển một cuốn *Vấn kiến dị từ* do Hứu Thu Xá viết, nhưng nhân vật chính trong những câu chuyện kia không đáng yêu được như Trương Lão Tài, bởi vì đều có ý cổ vũ người ta "nước đến chân mới nhảy", tận dụng thời gian còn lại làm việc thiện, có ý muốn chuyển họa thành phúc.

3

Nếu đã coi cái chết của con người là do sự bắt bớ dưới âm phủ, vậy nếu gặp phải những người chống cự, không có cách nào để bắt thì đành để người ta sống vậy. Nhưng việc chống cự ở âm phủ là không thể, kể cả Tề Thiên Đại Thánh đại náo Thập Vương điện sau này, không phải là trong khi say, ngủ mơ, bị hai vị âm sai "đến gần, không nói không rằng, quàng dây vào cổ, bắt linh hồn của Hầu Vương đi, loạng chà loạng choạng mang đi" sao? Còn người phàm lại càng không phải nói, ngông cuồng như Lý Quỳ, muốn chống cự, cùng lắm cũng chỉ giằng co rồi bị đánh thêm vài gậy mà thôi, cuối cùng vẫn cứ phải theo âm sai về âm phủ. Còn hung hăng hơn Lý Quỳ là những kẻ huênh hoang như huyện đại gia, ngồi trên công đường muốn thị uy, thấy âm sai liền bắt quỳ, âm sai lờ đi thì lại đòi đánh đòn, nhưng đám tay chân dưới quyền đâu có nhìn thấy âm sai, chỉ thấy huyện lão gia tay chân khua khoắng, mồm miệng la hét, chúng coi như ông ta uống say làm càn mà thôi. Trong *Hoàng huệ châu*, quyển hai cuốn *Di kiên chi mậu* do Hồng Mại viết, có những trường hợp như, tuổi cao sức yếu, bệnh tình liên miên, sắp như ngọn đèn hết dầu, có muốn chống cự cũng chẳng còn sức; thanh niên khỏe mạnh, nhưng chết do gươm đao hoặc côn trùng cắn, núi lở, động đất hoặc chết đuối, chết thiêu,… nghĩa là có sự trợ giúp của tạo hóa, quỷ tốt chỉ cần khoanh tay đứng nhìn trò vui; còn lại là đám thanh niên sức

https://thuviensach.vn

dài vai rộng nhưng lại không có gan làm càn, cũng không biết pháp luật, chỉ cần quỷ tốt vừa đến, mấy con hổ giấy đó sẽ ngoan ngoãn để bị bắt đi.

Điêu dân không phải không có, giống như vị gặp hầu tử công sai không chịu chấp hành lệnh trong *Thuyết minh bác*, tôi đã giới thiệu qua, còn lằng nhằng đôi co việc giữ chữ giản thể, còn túm được những chi tiết chấp pháp sơ hở, nhưng bắt được chỗ sơ hở rồi thì sao, chẳng phải cuối cùng vẫn phải theo về âm phủ ư? Còn về việc gặp công sai cãi lý, hỏi một câu: "Xin hỏi tội gì?", thì tôi nghe mà cũng muốn cười.

Nhưng như thế không có nghĩa là minh sai khi đi bắt hồn sẽ vơ đại như đi bắt người trên phố, những chuyện phiền phức lớn nhỏ không phải không có. Ví dụ như trong truyện *Hoàng giải nguyên điền bộc* ở quyển một *Di kiên chi mậu,* người bị bắt đang mời hòa thượng, đạo sĩ làm phép, nên âm sai không có cách nào để vào phòng. Điều này khiến người ta nghi ngờ những lời tuyên truyền về đạo tử tăng đạo, đó là vì muốn tìm một chỗ ăn uống miễn phí và còn có tiền tiêu vặt thường xuyên để ở. Hơn nữa, dù tăng ni, đạo sĩ không ở trong phòng, mà là đàn bà con gái ở trong đấy, quỷ sai cũng không thể ra tay được. Nhờ việc này mà đám tăng đạo cũng bớt được hiềm nghi, bởi vì vào bệnh viện làm hộ lý chăm sóc cũng không thể một ngày ở bên cạnh hai mươi tư giờ đồng hồ, vì vậy tăng đạo không những phải ăn cơm, mà còn phải ngủ nữa.

Trong truyện *Đứa trẻ bán tương* ở quyển mười trong *Tử bất ngữ* do Viên Mai viết, nói nếu người ta thỉnh "ngũ tăng" thì quỷ không thể nào vào nhà bắt người. Nhưng nghi lễ Diên thỉnh đó cũng phải đến lúc kết thúc, vì vậy âm sai đành đứng đợi bên ngoài, khát khô cả cổ, nhập vào người một đứa trẻ để tìm nước uống. Ngũ tăng chính là kiểu như ngũ thông, ngũ hiện… từ đời Tống đến nay vẫn được nhân dân vùng Giang Nam tin thờ.

Chết nhầm người là chuyện thường thấy

https://thuviensach.vn

1

Có một câu nói thế này: "Chết người là chuyện thường thấy." Nhưng cũng còn một câu nói không chính thức nữa là: "Chết nhầm người là chuyện thường thấy." Chết nhầm ở đây không phải là những vụ án oan án sai trên dương thế, những cái đó không được ghi là "chết nhầm" trong sổ sách dưới âm phủ, giống như bác sĩ giết người, đều là do quỷ thần dưới âm phủ tác oai tác quái, nhìn thì tưởng "chết nhầm" nhưng thực ra rất đúng "ý trời". Chết nhầm ở đây có nghĩa là thời hạn trong sổ sinh tử chưa đến, bị bắt trước, hoặc vốn quỷ sai phải bắt Mã Ngũ thì lại dắt về Ngưu Lục.

Việc nha môn bắt nhầm người vốn là chuyện có thể tránh, nhưng lại thường xuyên xảy ra. Đám sai nha chỉ chăm chăm lo việc bắt người, những lời giải thích biện hộ của người bị bắt chúng không thèm nghe, câu cửa miệng là: "Đến gặp lão gia rồi nói", nhưng khi đã đến trước mặt lão gia rồi thì lại càng hỗn loạn, đầu tiên là chịu một trận đòn, khi mông đít nở hoa, hỏi lại chẳng thấy ai dám kêu oan nữa. Những việc bắt nhầm, phán nhầm, thẩm nhầm, thậm chí là giết nhầm trên nhân gian thường xuyên xảy ra, nghĩ tới đây, đôi lúc cũng không thể đưa ra yêu cầu cầu toàn cho âm giới. Nhưng sự bắt nhầm dưới âm phủ đồng nghĩa với việc giết nhầm trên nhân gian, nếu như những kẻ dưới âm phủ hồ đồ thì người trên nhân gian có thể một đi không trở về. Cũng may, âm phủ trong những câu chuyện ma đều rất rõ ràng, sinh hồn áp giải đến đó, có thể nhanh chóng phân biệt được đúng sai, phân biệt rõ rồi thì sẽ được thả về, rất ít để lại hậu quả. Tác phong biết sai là sửa này khác hoàn toàn với quan trường trên nhân gian, dường như khiến người ta phải ngưỡng mộ, nhưng nếu như làm sai ít đi hoặc đừng làm sai thì có phải tốt hơn không? Điểm này thật khó mà làm được, giống như trong chuyện *Cổ Văn Hợp* trong *Sưu thần ký* do Can Bảo viết, khi ông ta đuổi kịp đám linh hồn bị bắt thì những người trùng tên với ông ta, tính cả nam cả nữ là hơn mười người, cũng chính là một lần bắt nhầm tới hơn mười người.

https://thuviensach.vn

Suy đoán để tìm nguyên nhân, có lẽ là vì minh phủ cũng giống như quản sử trên dương gian, cần được đánh giá, sự đánh giá này cần những người bị bắt nhầm giúp họ làm quảng cáo. Những sinh hồn được hoàn dương này, sau khi quay về dương gian nhất định khen ngợi sự công chính nghiêm minh dưới âm phủ, không tha cho kẻ xấu mà cũng không hàm oan người tốt, bởi vì đồng thời lúc này cũng có thể chứng minh cho mọi người biết mình là người tốt, vì vậy kể chuyện càng thêm thắt, hào hứng hơn. Sau đó lại được viết báo, thêm mắm thêm muối, truyền từ người này qua người khác, đến tai Ngọc Hoàng đại đế, đánh giá cuối năm sẽ được thêm vài điểm, khiến cho danh tiếng của Diêm Vương có thể xếp ngang hàng với Bao Thanh Thiên ngàn năm có một trên dương gian.

Bắt nhầm người là một việc vui như thế, hà tất gì mà lại không bắt nhầm chứ? Diêm Vương nghĩ thế, đám quỷ tốt cũng vui vẻ phối hợp, mặc dù Diêm Vương cũng làm bộ làm tịch mắng mỏ, giáo huấn vài câu, nhưng sau đó lại nhận được tiền cảm ơn của cái tên từng chết một lần còn muốn tạ long ân kia. Đặc biệt không thể xem thường là, đám hòa thượng cũng rất nhiệt tình với việc này, đừng nói gì đến Diêm Vương, tiểu quỷ. Bởi vì bọn họ có thể nhân lúc những sinh hồn này chuẩn bị hoàn dương, đưa họ đi thăm địa ngục, thế là tuyên truyền Phật pháp, giáo hóa ngu mị. Trong quyển năm cuốn *Hữu đài tiên quán bút ký* của Du Việt có một câu chuyện, hoài nghi trước việc bắt nhầm người dưới địa phủ, cho rằng trong đó ít nhiều là do cố ý.

Phạt ác khuyên thiện, công đức vô lượng, tiếp theo đó đi khất thực cũng là vô lượng, bởi vì "hòa thượng cũng phải ăn cơm" mà! Những lời này, mặc dù khó tránh khỏi mấy kẻ làm ở những ngành nghề không rõ ràng lấy ra làm cớ, nhưng cũng còn hơn là khuyên người khác hít gió uống sương như mấy tên giả đạo học nhiều.

2

https://thuviensach.vn

Mặc dù việc chết nhầm nhiều như cơm bữa, nhưng những cách chết nhầm lại không nhiều, hàng nghìn năm nay, gần như chỉ có một hình thức duy nhất: Bắt nhầm xuống địa ngục – tra sổ biết là nhầm – thăm quan địa ngục – thả về dương gian, thậm chí trước khi được thả về còn đặc biệt dặn dò, sau khi quay về dương gian đừng quên tuyên truyền cho địa ngục và minh phủ. Chuyện này ở thời Ngụy – Tấn – Lục triều cũng có chút mới mẻ, nếu như hàng nghìn năm nay cách thức đó vẫn lặp đi lặp lại, điều đó chẳng khác gì muốn nói những người khỏe mạnh đi thổi nhựa thành dép lê.

Chúng ta đừng nghĩ những vị hòa thượng xây dựng chuyện thiếu sức sáng tạo, bởi vì hàng nghìn năm nay vẫn cứ kể như vậy, vĩnh viễn là một loạt các câu chuyện như *Pháp uyển châu lâm*, các tín nam tín nữ đều nghe với vẻ mặt háo hức như thế, say mê như thế thì hòa thượng thuyết pháp chỉ cần luyện cho cách nói của mình điêu luyện, trơn tru hơn là đủ rồi.

Nếu suy nghĩ kỹ thì tình tiết bắt nhầm người đó thật ra rất khó để sáng tạo thêm những chi tiết mới mẻ, so đi tính lại, quanh quẩn vẫn là vì nhầm tên. Một đất nước Trung Quốc rộng lớn thế này, dân số hơn tỷ người, những người cùng họ cùng tên thật ra không ít, lấy ngay những ví dụ gần đây cho dễ, những tên như "Viện Triều", "Quốc Khánh", "Văn Cách" thì có hàng vạn người cùng đặt, lại thêm một khoản nữa đó là họ tên không giống nhưng âm đọc lại tương đồng, lại có người lúc lơ mơ, nhìn poster quảng cáo mua vé "Lưu Đức Hoa", vào rồi mới biết là "Lưu Đức Hải", lại còn có những trường hợp họ và tên đệm thì giống nhưng tên không giống, chán cái là họ đều làm quan, thế là chuyện xưa mới kể rằng có người mang quà đến nhà Lý sở trưởng nhưng lại mang nhầm vào nhà bảo vệ Lý sở trưởng… Những kiểu như thế bình thường bị nhầm lẫn cũng không phải chuyện gì ghê gớm, đặc biệt là vụ quà cáp biếu xén, đúng là một việc tốt "hiếm khi mà hồ đồ" đến vậy, nhưng nếu hồ đồ tới mức liên quan đến tính mạng, pháp luật thì tuyệt đối không phải chuyện đơn giản.

Nếu cùng tên cùng họ, thậm chí cùng nơi ở, cùng làng, cùng xã thì việc bắt nhầm có thể hiểu được, ai bảo bọn họ khi đặt tên cứ thích chạy theo thời

https://thuviensach.vn

thượng cơ! Vấn đề là nhiều người tên họ rất khác nhau, thế mà vẫn bị bắt nhầm. Giống như câu chuyện được nhắc tới ở trước, Đường Cao Tông ở dưới âm phủ hưởng thanh phúc muốn tìm phán quan Tịnh Châu – Bối Tử Nghị xuống làm bạn, kết quả người bị bắt xuống địa ngục là quan địa phương Chu Tử Cung. Mặc dù chức quan thì giống nhau, trong họ tên có một chữ Tử, nhưng chỗ này sai cũng hơi thái quá. Trên đây là hai hiện tượng cực đoan. Ngoài ra, còn có trường hợp nhầm giữa tên và tự của người ta, như trong *Kê thần lục* do Từ Huyễn thời Ngũ Đại viết, quan coi kho người Nam Đường là Hữu Tạng, tên Trần Cư, tự Đức Ngộ, tối đó trực ban tại kho, vợ ở nhà, đột nhiên mộng thấy hai ngự sử, tay cầm văn thư, hỏi: "Đây là nhà của Trần Đức Ngộ phải không?" Vợ ông ta trả lời, đúng, nhưng thấy tình hình có vẻ không ổn, không giống tới để tặng quà hoặc tạo quan hệ, liền vội vàng nói: "Chồng tôi tự là Đức Ngộ, nếu quý quan muốn tìm một người có tên Đức Ngộ, vậy thì là quan chủ nông kho Trần Đức Ngộ rồi. Nhà ông ấy ở phía đông." Hai sử nhìn nhau cười, nói: "Suýt nữa thì nhầm."

Còn có những người giống tên không giống họ, chỉ lý do đó thôi mà cũng trở thành người bị bắt nhầm. Trong quyển năm *Lục dị ký* của Đỗ Quang Đình thời Ngũ Đại có ghi lại một chuyện, Tây Thục có hòa thượng Huệ Tiến, tên tục Vương Thị. Một hôm, sáng sớm ra khỏi nhà, gặp một người rất cao, màu xanh, đi sát theo sau. Anh ta cảm thấy hơi bất thường, liền đi nhanh hơn, rồi lẻn vào nhà một hộ dân. Không ngờ người đó cũng vào theo, tóm chặt lấy tay, bám riết không tha. Hòa thượng cầu xin tha mạng, lúc này người ấy mới hỏi một câu: "Ngươi họ gì?" Hòa thượng nói họ Vương. Người đó liền buông tay: "Cùng tên khác họ", sau đó đến một câu xin lỗi cũng không có, quay đầu bỏ đi.

Có trường hợp thì lại trùng họ, trùng chức quan, rất dễ bị quỷ sai nhầm lẫn. Trong quyển bảy *Di kiên tam kỷ* do Hồng Mại viết có truyện *Trai trưởng*[1] *Tiết Tính Du,* kể về chuyện xảy ra ở thời Tống Quang Tông, trai trưởng của thái học tiết tính trai Du Sâm, tự Đức Mậu, bệnh tim bộc phát, bất tỉnh nhân sự, thấy một tên lính áo vàng cầm lệnh bài đi đến, trên lệnh bài viết: "Du trai trưởng – Phong Châu…" Còn chưa đọc xong, tên tốt áo vàng liền nói:

https://thuviensach.vn

“Nhầm rồi”, cướp lại lệnh bài rồi bỏ đi. Ngày hôm sau, Học dụ tiền lang Du Lương, tự Quý Lương đột nhiên bị bệnh nặng, chết ngay. Thì ra Du Lương là trai trưởng tiền nhiệm của Tiết Tính, tiếp nhận học dụ xong, Du Sâm mới nhậm chức trai trưởng. Cũng may trên lệnh bài không chỉ ghi chức vụ mà còn ghi cả danh tính. Sự thay đổi về chức vụ và đổi tên đổi tự cũng rất dễ gây ra những phiền phức trong quá trình đi bắt hồn của âm phủ, nhưng dưới âm phủ có nhiều đặc vụ, mật thám chuyên kiêm chức như thế, về lý mà nói thì phải nắm bắt được tình hình tùy thời chứ. Trong *Khâu giản phản hồn* ở quyển bốn *Di kiên tam nhâm* có kể về một sĩ nhân tên Khâu Giản, bị âm sai đuổi bắt, giải về âm phủ. Âm sai bẩm báo với cấp trên: “Bắt được Khâu Giản rồi ạ!” Người bên cạnh liền nói: “Bảo người bắt Khâu Viên, sao lại bắt Khâu Giản? Mau trả về dương gian!” Âm sai đưa Khâu Giản ra ngoài, lạnh lùng đẩy xuống một cái hố sâu, Khâu Giải giật mình tỉnh khỏi giấc mơ. Không ngờ người này vốn tên là Khâu Viên, Khâu Giản là tên mới anh ta vừa đổi. Thế là anh ta rất đắc ý, nghĩ rằng mình đã thoát khỏi kiếp nạn này. Không ngờ ngày hôm sau tên âm sai đó lại lên bắt anh ta, thì ra người ta đã tra được tên gốc của Khâu Giản, nạn này khó thoát.

[1] Trai trưởng: là một chức vụ trong các trường học thời Tống.

Còn một kiểu bắt nhầm nữa, đó là cùng tên khác họ, nhưng lại cùng hàng. Điều này càng khiến người ta thấy khó hiểu, lẽ nào trên lệnh bắt hồn của âm phủ chỉ ghi “Trương lão tam”, “Vương lão ngũ” sao? Và khi thẩm vấn cũng hỏi: “Ta hỏi ngươi, Trương lão tam” sao? Trong truyện *Tiết Nhị* ở quyển hai *Bắc Đông Viên bút ký lục tư biên* do Lương Cung Thần viết rất hay, viết đúng cách hỏi như thế.

Huyện lệnh thực tập Tiết Định Vân, một hôm đang ăn mỳ trong phủ, đột nhiên một tên âm sai tới hỏi: “Người họ Tiết phải không?” “Phải.” “Người xếp hàng thứ hai đúng không?” “Không sai.” “Lão gia của bọn ta sai tới bắt ngươi.” Tên âm sai này cũng không để Tiết huyện lệnh ăn hết bát mỳ, lập tức bắt đi ngay. Vào trong quan đường, thấy phía trên có một vị quan đang ngồi, mũ quan mang hàm cấp một, nghiêng đầu hỏi: “Ngươi là Tiết lão nhị

https://thuviensach.vn

phải không?" Tiết huyện lệnh trong lòng bực bội, chúng ta là cán bộ cùng cấp, sao lại chào hỏi nhau kiểu như thế được! Vị quan ngồi trên kia lại nói: "Tại sao gặp ta không quỳ?" Cũng không đợi Tiết lão gia giải thích, lệnh cho lính tát hai mươi cái vào miệng. Tiết lão gia bị đánh vào miệng xong, trong lòng thầm nghĩ, vị đại nhân này dám trách phạt ta, chắc chắn chức quan phải to hơn ta, liền lớn tiếng kêu thảm thiết: "Xin đại lão gia điều tra rõ bị chức mắc phải tội gì." Vị quan ngồi trên đáp: "Ngươi là cái thá gì, mà dám xưng bị chức?" Lúc này Tiết lão gia mới có thời gian để nói rõ thân phận của mình. Vị quan ngồi trên hoảng hốt, vội vàng đứng dậy tạ lỗi, rồi trách mắng tên khốn kiếp nào dám bắt Tiết huyện lệnh đến đây. Sau đó phạt tên âm sai đó ba mươi trượng vào mông, hai mươi trượng là để đền cho hai mươi cái tát vào miệng Tiết huyện lệnh, mười trượng là trị tội tên âm sai làm ăn linh tinh, sau đó lệnh cho hắn đưa Tiết huyện lệnh quay lại nhân gian. Ra khỏi quan phủ, Tiết Định Vân quay đầu lại nhìn, thì ra là miếu Thành Hoàng của bản huyện. Mặt ông ta bị đánh đau rát như xát ớt, cổ họng nghẹn ứ như vừa bị ai nhét vào màn thầu vào, xin nghỉ liền mười ngày phép, mới dám ra ngoài gặp người khác. Miếu Thành Hoàng đó làm ăn quá vớ vẩn, tắc trách, kết quả một mồi lửa trời thiêu rụi không để lại dấu vết.

Âm sai đó bắt nhầm người, nguyên nhân là lệnh bắt của Thành Hoàng đại lão gia viết không rõ ràng, nhưng đại lão gia sẽ không bao giờ thừa nhận mình sai, đành mang tên âm sai ra gánh giúp tội. "Thông minh, chính trực ở đâu!" Vì vậy, miếu Thành Hoàng làm ăn vớ vẩn đó mới bị đốt cháy rụi.

Mà kiểu làm ăn vớ vẩn nhất là đến nam hay nữ cũng không phân biệt được, vốn phải bắt chồng thì lại bắt nhầm vợ. Đấy là chuyện xảy ra vào cuối triều Thanh, vì muốn tăng công hưởng lộc, âm dương từ trên xuống dưới đều rặt một lũ làm ăn chẳng ra sao.

Chuyện ghi lại trong quyển tám cuốn *Động linh tiểu chí*, kể về huyện lệnh Lý Gia Trác, con dâu của ông ta Bành Thị bị ốm nặng và mất. Theo phong tục của địa phương, những người đi đưa tang phải dùng giấy cuộn thành kiệu giấy, người giấy, coi như lễ bắt buộc để xuống địa phủ, mà sau lưng

https://thuviensach.vn

mấy kiệu phu đó đều phải ghi tên, và đó là tên của những nha dịch đã chết trong nha huyện. Sau khi đốt kiệu giấy và người giấy xong, Bành Thị chưa được đưa vào quan tài, vẫn nằm trên giường, có mấy người đứng quanh để giữ xác qua đêm, trong số đó có một người là anh trai của Bành Thị. Không ngờ, đến nửa đêm, Bành Thị đột nhiên ngồi dậy, mọi người sợ hãi bỏ chạy, chỉ có anh trai thị là không sợ, hỏi thăm dò: "Em gái, em không sao chứ?" Bành thị nói: "Không sao rồi. Mấy kiệu phu đó đều biết em, gọi em là thiếu phu nhân, sau đó rước em vào âm phủ. Lão gia trong âm phủ vừa nhìn, biết là bắt sai người, vội vàng đưa về. Thế là em được sống lại." Nhưng khi mọi người còn đang vui mừng vì thiếu phu nhân đã sống lại, thiếu gia chồng của Bành Thị đang yên đang lành, không bệnh không tật chết đột ngột, thì ra người mà âm phủ muốn bắt là người chồng, nhưng lại bắt nhầm vợ. Ngày đầu tiên chồng khóc vợ, ngày thứ hai vợ lại khóc chồng, đây có lẽ là trường hợp duy nhất trong lịch sử từ trước tới nay.

3

Trong quyển ba *Tập dị tân sao* do Lý Hạc Lâm người đời Thanh viết có truyện *Chu Đại*, kể về một người đang bị bệnh sốt rét là Chu Đại, ban ngày ban mặt bị một tên quỷ sai túm cổ lôi đi. Cũng may một tên quỷ sai khác phát hiện ra vấn đề vội xua tay nói: "Nhầm rồi, chúng ta phải bắt Châu Đại chứ không phải Chu Đại." Hai tên quỷ sai tranh cãi một hồi, rốt cuộc thì cũng tìm được cách giải quyết cho hai chữ Châu và Chu, sau đó lao người ra ngoài bằng đường cửa sổ. Một lúc sau, hai quỷ sai lại bắt về một người, có chiều cao tương đương Chu Đại, đó đương nhiên là linh hồn của Châu Đại, một tên quỷ sai vòng tay nói với Chu Đại: "Xin lỗi vì đã mạo phạm, thật đáng xấu hổ. Giờ ngươi còn đang bệnh nặng, nhưng cũng nhanh chóng qua khỏi thôi." Bách tính của chúng ta thời đấy thật đáng yêu, Chu Đại quên mất là mình đang bị sốt rét, ra sức giữ hai quỷ tốt lại đãi cơm, hai vị vất vả quá, lại quan tâm đến sự thống khổ của bách tính như thế, sao có thể không ăn cơm mà đã đi! Hai tên quỷ tốt này cũng còn chút lương tâm, đỏ mặt rồi từ chối.

https://thuviensach.vn

Bình thường mà nói, minh sai bắt nhầm người sẽ không dễ dàng nhận sai như thế. Bởi vì khi truy xét để sửa sai, vàng đã dát lên mặt những tên quan to đó, đối với những việc nhầm lẫn, sai trái vẫn phải trừng phạt, không trừng phạt cấp dưới sao thể hiện được sự anh minh của người cấp trên đây? Vì vậy, khi những âm sai quỷ tốt xảy ra chuyện, đặc biệt là bắt nhầm linh hồn đưa tới Âm sơn đạo rồi thì thà để cho sai thành sai luôn. Trong quyển mười ba cuốn *Di kiên giáp chí* có truyện *Hoàng thập nhất nương* kể về Hoàng thập nhất nương bị bắt nhầm, chết vì bệnh tim, linh hồn bị áp giải đi khoảng mười dặm, sắp đến nha môn âm phủ thì mấy tên âm sai vô lại mới phát hiện ra mình nhầm, liền hốt hoảng nói: "Chết rồi, Diêm Vương sai chúng ta bắt Vương thập nhất nương, thế mà lại bắt nhầm ngươi tới đây. Lát nữa gặp Diêm Vương, ngươi chỉ cần nói mình là Vương thị, nếu như ngươi định nói thật, ta sẽ đập chết ngươi!" Hoàng thập nhất nương đành phải đồng ý, cũng may là chị ta gặp được người cha đã mất của mình đang làm quan dưới âm phủ, nếu không, có lẽ cũng vì bị bắt nhầm mà thành ma thật mất.

Gặp phải những chuyện thế này mới có thể nhìn ra được trình độ của các đại quan. Trong quyển bốn *Di kiên giáp chí* có truyện Trịnh Lân tái sinh, viết về sự cao minh của Diêm Vương khi xử lý những trường hợp nhầm lẫn thế này, rất xứng đáng để cho toàn bộ quan lại hai giới âm dương phải noi gương học tập. Vốn người bị bắt sẽ là Trịnh Lâm, kết quả lại bắt nhầm Trịnh Lân vẫn còn mười tám năm dương thọ nữa xuống. Sau khi phát hiện ra là bị nhầm, mọi người nhìn sắc mặt Diêm Vương, một là mặt không biến sắc, không thể để người ta nhìn thấy sự lo lắng trong lòng mình, hai là rất hòa nhã, làm ra vẻ thân thiện hỏi: "Nhìn ngươi có vẻ là người lương thiện, trên nhân gian có thường xuyên đọc kinh Phật không?" Chỉ một câu nói thôi cũng khiến lòng Trịnh Lân dịu lại, liền nói: "Vân, tôi thường đọc thầm *Cao Vương kinh*, và nhìn sách đọc *Quan Thế Âm kinh*." Diêm Vương nói: "Quả nhiên không sai, người tốt sẽ gặp được việc tốt, ta sẽ cho người đưa ngươi quay về, cho sống thêm vài năm nữa." Sau đó là bước thứ ba, nhằm ngăn chặn việc Trịnh Lân trở về dương gian nói năng linh tinh mà ảnh hưởng tới danh tiếng của âm phủ, liền cho chị ta đi thăm quan âm phủ một

https://thuviensach.vn

lúc. Thấy bộ dạng đám linh hồn, ma quỷ dưới âm phủ khi phải chịu phạt, Trịnh Lân sợ hãi tột độ, Diêm Vương lúc này mới nói với bộ mặt hết sức ôn hòa: "Nhìn thấy chưa, những người này không chịu học điều hay, nên phải chịu cảnh này, sau khi ngươi trở về dương gian nên khiêm nhường, cẩn trọng, tự xem xét lại bản thân đi." Trịnh Lân cũng tự hiểu, mười tám năm sau, ngoài nơi này ra không có nơi nào khác để đi nữa.

Còn một kiểu nữa, tức là khi âm phủ bắt nhầm người, cho dù đã phát hiện ra, nhưng cũng không thể để linh hồn bị bắt nhầm đó trở về, mà bắt người đó phải làm một vài việc cho âm phủ. Quy tắc kỳ lạ này đương nhiên cũng có đạo lý của nó. Vốn bắt những linh hồn chưa phải chết này xuống âm phủ là để làm giúp âm phủ một vài việc, làm xong sẽ thả cho về, chứ không phải là bắt nhầm. Nhưng thỉnh thoảng lại bắt nhầm xuống một đứa trẻ, một đứa trẻ thì có thể làm gì cho âm phủ chứ? Nhưng đã là quy tắc thì không thể không theo. Trong truyện Vương Kỳ ở quyển *Quảng dị ký* do Đới Phu viết có kể về một đứa trẻ chín tuổi tên Vương Kỳ bị bắt nhầm, nhưng trước khi thả về phải sai đứa trẻ đó đi làm một việc. Làm hoạt vô thường đi bắt hồn một lần? Không thể làm được, đành phải nhờ phán quan tra trong sổ sinh tử, vừa hay có một con chó chuẩn bị đến ngày tận số, thế là: "Âm sai đưa ra một viên đan cho Kỳ, lệnh cho Kỳ gọi chó ra khỏi cửa. Con chó ra, ném viên đan về phía nó, chó nuốt vào lập tức chết ngay", sau đó minh quan khen ngợi vài câu, nói: "Đứa trẻ này thật lanh lợi, lần sau sẽ có âm sai đến gọi ngươi", đại loại những lời như thế rồi thả về, thiên hạ thái bình. Linh hồn của súc sinh cũng phải dùng đến sức người để bắt, những trường hợp như thế gặp không ít trong các câu chuyện về âm giới, có lẽ vì muốn thay đổi nên phá lệ thôi.

Đứa trẻ này vẫn được xem là may mắn, có những âm sai sau khi biết mình đã bắt nhầm người, liền tìm đủ mọi lý do để chỉnh đốn người đó một trận, chúng ta có thể dùng chuyện xảy ra trong ngành tư pháp trên dương thế để làm ví dụ: quan phủ đánh một người rất tàn nhẫn với tội danh giết người, nhưng trước khi xử án lại phát hiện ra người tưởng đã bị giết kia đột nhiên quay về từ nơi khác, lúc này phải đổi tội danh giết người thành tội phạm

https://thuviensach.vn

đánh bài, lưu manh… Dù sao không phải bắt sai là được. Âm phủ cũng dùng chính thủ đoạn như thế để chứng minh rằng mình không bắt sai người, cũng coi như cách để đỡ mất mặt. Trong *Minh báo thập di* có một truyện viết về chuyện này: "Hàm Dương có một người phụ nữ tên Lương Thị, sau khi chết bảy ngày thì sống lại, kể lại rằng khi xuống âm phủ, điều tra rõ ràng chị ta chỉ là trùng tên, trùng họ nên bị bắt nhầm. Vốn là được trả về sớm, nhưng âm phủ còn muốn kiểm tra xem trước kia chị ta đã từng mắc tội gì, bắt chị ta phải chịu hình rồi mới tha. Kết quả chỉ điều tra ra chị ta "hai lần mắng người khác với những lời lẽ tàn độc", "lệnh cho một người kéo lưỡi, một người cầm rìu chặt, mỗi ngày đủ bốn lần, sau bảy ngày thì thả"."

Sau khi quay về dương gian, lưỡi Lương Thị bị sưng phồng, từ đó về sau không dám chửi mắng người khác nữa. Cái kết của câu chuyện có thể cho ta thấy dụng ý của người viết, muốn khen ngợi quan lại dưới âm phủ không chịu từ bỏ bất kỳ cơ hội nào có thể giáo hóa ngu dân, nếu không phải thấy thân thể chị ta sắp thối rữa, có lẽ vẫn còn nhẫn nại giáo hóa tiếp.

Việc âm phủ bắt nhầm người và kinh khủng nhất, chính là khi phát hiện ra sự nhầm lẫn thì thi thể của sinh hồn đã thối rữa, không có nhà để về, mà người này nhất định phải hoàn hồn, bởi vì trên nhân gian còn có số làm quan, đấy là sự sắp xếp của thượng thiên, không thể không chấp hành. Thế là mới có chuyện kỳ lạ xảy ra, chết mười tám năm rồi đột ngột sống lại. Trong *Quảng dị ký* có ghi lại chuyện Thôi Mẫn Xác người Bác Lăng, xuất thân con nhà gia giáo, năm mười tuổi bị âm phủ bắt nhầm, phải hơn một năm dưới đó mới phát hiện ra sự nhầm lẫn này, mà người này vừa sinh ra đã có số làm quan, không thể ỡm ờ cho qua được. Diêm Vương liền thương lượng với anh ta: "Theo lý thì phải trả ngươi về dương gian, nhưng xác ngươi đã hỏng, ngươi xem nên làm thế nào? Hay là ngươi hóa kiếp nhân thế, ta tăng gấp đôi số lần làm quan cho ngươi, thế nào?" Thôi Mẫn Xác không đồng ý, nói rằng: "Ta không cần biết xác ta hỏng hay không hỏng, ta cần phải quay về." Diêm Vương không còn cách nào khác, đành sai người đến Tây Thiên xin thuốc tái sinh, việc này còn khó khăn hơn cả việc Đường Tam Tạng đi thỉnh kinh, mất mười năm mới quay về được, sau đó dùng

https://thuviensach.vn

thuốc sát lên xác của Thôi Mẫn Xác, từ xương trắng da thịt bắt đầu xuất hiện. Sau khi Mẫn Xác hồi sinh, một lòng muốn gây chuyện với Diêm Vương. Ở âm phủ, anh ta đã biết mình được làm mười nhiệm kỳ thích sứ, sau khi làm quan, anh ta cố ý chuyên đi tìm "hung khuyết", cũng chính là những vị quan khuyết thiếu nhậm chức chưa được bao lâu thì chết. Chuyện này khiến Diêm Vương rất đau đầu, bởi vì âm phủ đã bố trí lịch rất kín cho những hung khuyết này rồi, cần phải đợi đến khi người đương nhiệm chết, nhưng giờ lại xuất hiện một kẻ không thể nào khiến hắn chết được, âm phủ nhất định phải tốn công tốn sức, ít nhất thì rất nhiều những vụ án dưới âm phủ phải sửa đổi. Vị Thôi tiên sinh không dễ chơi này giày vò âm phủ phải mười lần, sau khi đạt được mục đích cũng đã dạy cho những quan lại dưới âm phủ một bài học.

Trong quyển năm *Du Thọ Quắc* trong *Lý Thừa* do Hứa Thúc Bình người đời Thanh viết, ghi lại chuyện Du Thọ Quắc, người đầu đời Thanh bị quỷ tốt bắt nhầm, áp giải tới âm phủ nếm mùi của hình phạt bào cách[1], lúc đó dưới âm phủ mới biết là bắt nhầm người. Minh quan đánh cho tên quỷ tốt kia một trận, lệnh tên đó lập tức phải đưa Du về dương gian, nhưng trời quá nóng, chỉ một ngày mà thi thể đã thối rữa rồi. Quỷ tốt không cách nào hoàn thành nhiệm vụ, liền dạy Du một phép thuật để anh ta trộm viên đơn, khiến anh ta trở thành địa tiên, coi như trong họa có phúc. Câu chuyện này được lấy trộm ra từ truyện *Vương Lan* trong *Liêu trai*.

[1] Bào cách: một loại hình phạt dã man thời cổ, bắt đi trên ống đồng nóng, không chịu được, ngã xuống đống than hồng mà chết.

Có những tên quan dưới âm phủ càng đáng ghét hơn, trong *Bắt nhầm* ở quyển ba cuốn *Ảnh Đàm* do Quản Thế Hạo người đời Thanh viết, kể về một minh vương uống say lướt khướt rồi thăng đường, rõ ràng là bắt nhầm người, nhưng lại trách người đó không chịu nhận tội, dùng trăm loại nhục hình cho người đó vào cối xay để xay, thịt nát xương tan, rồi lại bốc bột thịt vào trong nước máu, giống như nhào nặn thành hình người, sau đó lại dùng cưa hình, cứ như ép dầu phải chảy trong đá ra vậy. Cuối cùng, sau khi làm

https://thuviensach.vn

rõ là bị bắt nhầm, vẫn còn rất hung hăng hỏi: "Ngươi rõ ràng là Vương Thức, sao lại mạo nhận là Vương Vực?" Cũng may minh vương không xử tội mạo nhận là Vương Vực, cũng không bắt anh ta phải trả phí những nhục hình đã dùng, coi như đã gia ân rồi.

4

Người chưa đến số chết thì đã chết rồi, dù là chết thật hay chết giả cũng hoàn toàn là do lỗi "bắt nhầm" của âm phủ. Bởi vì có một vài việc thật sự là không liên quan đến sự bất cẩn và bắt nhầm, chỉ là dưới âm phủ cần nên đã cố ý bắt những người chưa đến số chết về âm phủ. Như ở phần trước cũng có nói qua, chuyện hậu điện phía sau của Diêm Vương hơi nghiêng, cần tìm thợ mộc trên nhân gian xuống sửa, nên đã đi bắt Sái Vinh vô tội xuống đó, không phải là chỉ bắt xuống để dùng tạm thời, mà bắt xuống sẽ không thả về nữa.

Đáng chán hơn nữa là, dây xe của minh quan đứt, cũng phải dùng gân lớn của sinh hồn để thay. Trong *Tây dương tạp Trở* do Đoạn Thành Thức viết có ghi lại chuyện Lư Châu nhà sử học Vương Dữu đi đêm ra ngoại thành, đột nhiên nghe thấy phía trước có người gọi, liền nhanh chóng nấp vào sau gốc cây to để tránh. Kỵ sĩ dẫn đường đi qua rồi, có người thân mặc áo tím, phía sau đoàn tùy tùng hùng dũng đi theo, rõ ràng là quan lớn. Theo phía sau có một chiếc xe, đang định qua sông, người đánh xe đi lên báo cáo: "Dây cương bị đứt rồi, không thể đi tiếp được nữa." Người mặc áo tím nói: "Tra sổ đi." Đám người đi theo sau lật sổ sách ra tìm, một tên lên nói: "Có thể dùng gân trên lưng của vợ Trương Đạo ở Lư Châu để thay thế." Nhà sử học nghe thấy thế, vợ của Trương Đạo này chẳng phải là cô mình hay sao? Một lúc sau, thấy một tên quay lại, trên tay cầm hai sợi dây màu trắng lắc lắc, đo độ dài xong, thay vào xe, tiếp tục qua sông. Nhà sử học đến nhà cô, cô anh ta từ trước tới nay không bệnh tật gì, chỉ qua một đêm đã mắc bệnh đau lưng, nửa ngày sau thì chết.

https://thuviensach.vn

Sổ sách này cũng giống như loại sổ sinh tử, bất luận nó ghi chép số mệnh của mọi người trong cả nước hay chỉ là của địa phương thì số lượng cũng không nhỏ, ngay cả đi công cán cũng phải mang theo, thật khiến người ta thấy nghi ngờ. Nhưng không nên quan tâm tới nó nữa, câu chuyện đã được viết như thế, chỉ là muốn chứng minh bọn họ làm quan nên có cả quyền rút gân róc da người khác mà thôi. Chỉ đứt dây cương xe mà giết một mạng người, cho dù số người này cũng sắp chết đi nữa thì cũng không có lý gì mà rút gân người ta. Mà gân chúng dùng không phải "vật thật" lấy ra từ trên lưng người, chỉ là một thứ hư vô của linh hồn người đó, thứ đó dưới âm phủ tất phải có, sao còn cần lấy mạng người ta? Với kinh nghiệm trên nhân thế thì có thể thấy, cái gì nhiều cũng không còn đáng giá nữa, trong tay bọn quan lại dưới âm phủ là mạng người, nếu có cái mới, hà tất phải dùng đồ cũ? Huống hồ người sống lại ở ngay bên cạnh thế kia.

Còn về việc tha cho kẻ đáng ra phải chết, rồi bắt linh hồn của người vô tội thế vào, những màn kịch kiểu này dưới âm thế, chính Diêm Vương cũng dùng. Vốn quyết định là mời người bạn nào đó của mình xuống âm phủ làm quan, nhưng nhà người này còn có mẹ già, không thể bổ nhiệm, đành phải tìm người khác thay thế. Chuyện này nói ra thì nghe có vẻ thuận tình hợp lý, nhưng vẫn là một vở kịch đùa giỡn với tính mạng con người mà thôi, bởi vì "người khác" kia sẽ chết trước khi tới số mà không được thương lượng, bàn bạc.

Mặc dù như thế, chúng ta cũng phải nói một tiếng công bằng cho quan lại dưới âm phủ, có thể tùy ý bắt linh hồn người sống đi như thế, hoàn toàn không phải những hành động chỉ của âm phủ, mà còn rất nhiều những thần tiên lớn nhỏ trên trời dưới đất, những người này từ công hầu đến thổ phỉ, khi cần cũng không nghĩ gì đến việc phải được sự phê chuẩn của quan phủ. Trong những câu chuyện về âm phủ thời Ngụy – Tấn, có không ít câu chuyện về những thần tiên, thổ thần bắt nạt đàn ông, ức hiếp đàn bà, thấy con gái nhà ai diện mạo xinh đẹp, chẳng nói chẳng rằng cưới về luôn, mà cái "cưới" kia đồng nghĩa với việc con gái nhà người ta đột ngột qua đời. Những câu chuyện kiểu này xuất hiện ở thời Đường rất nhiều, giống như

https://thuviensach.vn

Tây Bân Hoa Sơn đại thần được hoàng đế phong là Kim Thiên Vương (tức là Hoa Bân Tam Lang, xem trong *Dật sử* do Đường Dật Minh viết, *Kỷ vấn* do Ngưu Tiêu viết), cái gì mà Đông Bân chi tử Thái Sơn Tam Lang (xem trong *Quảng dị ký* do Đới Phu viết, *Ngọc Đường nhàn thoại* do Vương Nhân Dụ thời Ngũ Đại viết), đại sứ ngũ đạo đại thần dưới âm phủ (tức là ngũ đạo tướng quân, xem trong *Kỷ vấn* do Ngưu Tiêu viết), cũng với những tiểu yêu thần ở địa phương, đều là những kẻ có những hành vi bỉ ổi như xông vào phòng con gái nhà người ta ở nhân gian. Đương nhiên nói đi thì cũng phải nói lại, thê thiếp của những vị đại thần này không thể chịu được sự cô đơn, cũng phải nghĩ cách để bắt hồn những thiếu niên trên nhân gian, kết quả không đến nỗi linh hồn của những thiếu niên đó bị bắt mất, nhưng hồn đột nhiên biến mất một thời gian là điều không tránh khỏi. Giống như vị Hoan Bân tam phu nhân đa tình trong *Quảng dị ký*, nhân lúc từ ngày Bảy đến ngày Mười hai tháng Bảy hằng năm, Bân thần lên trời báo cáo, ả liền gọi tình nhân Lý Thì xuống để vui vẻ. Những thứ gặp tiên hội chân trong tiểu thuyết tài tử nói đều là thứ mà tâm hướng về, nhưng để Lý Thì nói thì sẽ là một loạt những lời than thở: "Từ sáng tới tối, ngày nào cũng mệt hết hơi. Người ta giữ rịt cả ngày, bộ dạng tơi tả, hơn mười ngày mới tha."

Ngoài ra, có một vài phiền phức là do bách tính trăm dân tự gây ra. Ví dụ có một vài người đã làm ma, nhưng lại không rõ "người ma phân định", mà vẫn muốn qua lại thân mật với họ hàng, anh em, bạn bè như khi còn sống, thậm chí còn căn cứ vào quy tắc không biết là của Thiên Đế nào đặt ra, những lời mời đến từ âm gian không được từ chối, thế là bạn bè, họ hàng thân thích của anh ta đành phải vất vả đi một chuyến.

Huyện lệnh huyện Sàn Lăng Châu Đạo Chân và Thị tào Kinh Châu Lưu Khoác đều ở Giang Lăng, hai người là bạn cờ của nhau, có thể chơi không kể ngày đêm, rất hứng thú. Nhưng Châu Đạo Chân không may chết trước, Lưu Khoác mặc dù cảm thấy rất cô đơn, nhưng cũng không có ý định xuống âm gian tìm bạn để chơi cờ. Không ngờ mấy tháng sau, Lưu Khoác đang ngồi trong thư phòng, đột nhiên có người đến đưa thư, trên phong thư đề là: "Châu Sàn Lăng thư", mở ra xem, bên trong viết: "Mỗi lần muốn đánh cờ

https://thuviensach.vn

lại nhớ, không biết tìm ai, Nếu chúng ta có duyên, có thể lại được gặp.” Vừa đọc xong, lá thư biến mất, còn Lưu Khoác ngay sau đó bệnh mà chết, là do bị bạn cờ triệu xuống.

https://thuviensach.vn

Chuyện này có thể đọc được ở *Chử cung cự sự* do Dư Tri Cố người đời Đường viết, nhưng lại ghi về chuyện Lưu Tống thời Nam Triều. Có lẽ cho rằng cách thời cổ chưa xa nên việc khống chế giữa tối và sáng dưới âm phủ không được nghiêm ngặt lắm, nhưng cũng chưa chắc, bởi những câu chuyện kiểu này về sau thỉnh thoảng vẫn gặp. *Dị vấn ký* do Trần Hàn người đời Đường viết, có kể câu chuyện hai anh em nhà này cậy thế nhà có tiền, khi bố mẹ chết, việc tang sự làm rất khoa trương, gỗ quan tài mua loại thường không dám dùng. Sau khi người em trai mất, vì tội này mà phải làm phục dịch dưới âm phủ, khổ không kể xiết, liền lên dương thế kéo anh trai đi theo. Người em trai cũng có lý của mình, lỗi là do hai người cũng gây ra thì tội cũng phải do hai người cũng gánh chịu, dù người anh có muốn hay không cũng bị bắt đi.

https://thuviensach.vn

Kê thần lục do Từ Huyễn thời Ngũ Đại viết: "Bố mẹ chồng chết đã nhiều năm rồi. Năm nay con dâu cũng chết, nhưng sau khi chết được nửa tháng thì sống lại, thì ra bố mẹ chồng ở dưới âm phủ thiếu người hầu hạ, nên đòi chị ta xuống lo cơm nước. Nơi ở của lão phu nhân rất gọn gàng, sạch sẽ, đầy đủ, chỉ thiếu nước, con dâu thấy nước ở kênh rất trong, liền múc để nấu cơm, không ngờ bị mẹ chồng phát hiện, liền tức giận nói: "Không ngờ nhà ngươi lại bẩn thỉu đến thế, cần ngươi làm gì nữa!" rồi đuổi chị ta về."

Người bây giờ thật không sao hiểu được, âm phủ Trung Quốc lại có thể hòa nhã, thân thiện đến thế, đi về rất tự do. Nếu như một nhà có bảy người con trai, vậy thì con dâu chỉ cần phân công nhau mỗi người phục vụ từ thứ Hai đến thứ Bảy là xong, vừa tận hiếu lại thuận lòng cha mẹ. Nhưng nếu bảy người con trai này cũng già và chết theo cha mẹ mình thì sao? Đời này kiếp khác, âm gian trở thành xã hội lão hóa không nói làm gì, giao thông đi lại giữa âm gian và dương thế cũng là vấn đề lớn. Để tránh gây loạn cho âm phủ, đến sau đời Tống – Nguyên, những câu chuyện kiểu này rất ít gặp, người vừa chết linh hồn sẽ vào vạc dầu, chăm lo cho bản thân còn không xong, ai còn nghĩ đến việc thăm hỏi người thân.

Hoàn hồn tái sinh

1

Bình thường, ý nghĩa của "hoàn hồn" và tái sinh, sống lại không có sự khác biệt, chính là muốn nói người đã chết sống lại. Nhưng nếu phân tích cụ thể thì lại là hai trường hợp khác nhau. Một là người đã chết rồi, hồn rời khỏi thể xác, còn thể xác cũng không có dấu hiệu sống nữa, lúc này nếu "hoàn hồn" thì chính là hồi sinh từ cái chết. Còn có một trường hợp nữa, đó chính là hồn đã rời khỏi xác, nhưng người đó lại chưa chết, ví dụ như chúng ta thấy trong các cuốn tiểu thuyết thường viết "tim vẫn còn ấm", lúc này nếu

https://thuviensach.vn

“hoàn hồn” thì không thể được gọi là sống lại sau khi đã chết. Hai trường hợp này thực ra chỉ có một chút khác biệt, thể xác kia dù đã chết hay chưa, nhưng một khi không có linh hồn thì cũng không khác gì người chết cả, vì vậy khái niệm “hoàn hồn” mà tôi nói tới ở đây bao gồm cả hai trường hợp: người chết hoàn hồn và người sống hoàn hồn.

Do các tăng lữ của Phật giáo thường dùng những câu chuyện về hoàn hồn, tái sinh làm phương pháp tuyên truyền của bản giáo, vì vậy, thường người ta cho rằng khái niệm về hoàn hồn bắt nguồn từ sau khi Phật giáo được du nhập vào. Thực ra không hoàn toàn như thế. Trong *Nhân quả hoàn hồn không bắt nguồn từ Phật pháp* ở quyển hai mươi cuốn *Tùy Viên tùy bút* do Viên Mai người đời Thanh viết có đề cập đến trường hợp của gián điệp nước Tần bị nước Tấn bắt trong *Xuân Thu Tả Thị truyện*, đem ra chợ giết, sáu ngày sau thì sống lại, hoặc trường hợp người con gái Triệu Xuân sau khi chết rồi lại hoàn hồn trong *Hán thư. Ngũ hành chí*[1], đây đều là những chuyện xảy ra trước khi Phật giáo lưu truyền vào Trung Quốc. Nhưng nếu chúng ta để ý kỹ hơn một chút sẽ phát hiện ra tính chất của hai chuyện này hoàn toàn không giống nhau, và sự khác biệt của nó chính là ở quan hệ với cõi âm, hay nói cách khác thì một người là sống lại, còn người kia chỉ là sống lại sau khi chết lâm sàng, hoàn toàn không liên quan gì đến việc hoàn hồn.

[1] ‘Hán thư’: một tài liệu lịch sử Trung Quốc cổ đại viết về giai đoạn lịch sử thời Tây Hán từ năm 206 TCN đến năm 25 TCN. Đôi khi sách này cũng được gọi là ‘Tiền Hán thư’ để phân biệt với cuốn ‘Hậu Hán thư. Ngũ hành chí’ là quyển bảy trong phần ‘Chí của ‘Hán thư’.

Gián điệp nước Tần trong *Tả truyện* xảy ra vào năm Lỗ Tuyên Công[2] thứ sáu, nhưng chỉ là bị trọng thương dẫn đến hôn mê, người chưa chết nên không thể nói là sống lại, cũng không có tình tiết hồn lìa khỏi xác. *Tả truyện* đặc biệt ghi chép lại, chỉ vì người này “sáu ngày sau mới sống lại”, thời gian khá lâu, thậm chí còn được coi là “chuyện lạ”, hoặc có thể gọi đấy là kỳ tích trong hiện tượng sinh lý của cơ thể con người. Đương nhiên, nói mang ra chợ giết, giết ở đây không phải chặt đầu, khiến đầu lìa khỏi xác, tôi

https://thuviensach.vn

thường nghĩ, hình thức tử hình của hậu thế đa phần đều là chém đầu thậm chí còn treo cái đầu đó lên một cây sào, thị chúng ba ngày cũng chưa chắc không phải không có ý ngăn người bị chặt đầu sống lại.

[2] Lỗ Tuyên Công: tức Cơ Nỗi (608-591 TCN), tại vị mười tám năm. Nước Lỗ là tên gọi một quốc gia thời cổ đại tại Trung Quốc trong thời kỳ Xuân Thu - Chiến Quốc.

Còn Triệu Xuân trong *Hán thư. Ngũ hành chí* lại là một trường hợp "hoàn hồn" điển hình. Nguyên văn như sau:

Tháng Hai năm Nguyên Thủy Bình Đế[3] thứ nhất, người con gái tên Triệu Xuân ở phương Bắc bệnh chết, đã cho vào quan tài được sáu ngày, sau khi ra khỏi quan tài, nói rằng đã gặp cha chồng đã chết, cha chồng nói rằng: "Năm hai mươi bảy không hợp tuổi để chết."

[3] Nguyên Thủy Bình Đế: tức Hán Bình Đế, tên thật Lưu Khản hay Lưu Diễn, là vị hoàng đế thứ mười bốn của nhà Tây Hán trong lịch sử Trung Quốc. Ông ở ngôi từ năm 1 TCN cho đến khi bị ngoại thích Vương Mãng sát hại năm 5 CN. Trong thời ở ngôi, Hán Bình Đế sử dụng hai niên hiệu là Nguyên Thọ (năm 1 TCN), đây vốn là niên hiệu của Hán Ai Đế, đến đây, Hán Bình Đế tiếp tục sử dụng từ tháng Chín đến tháng Mười hai năm 1 TCN và Nguyên Thủy (1-5).

Triệu Xuân đã được cho vào quan tài sáu ngày rồi lại sống lại, mặc dù hiếm gặp nhưng cũng không phải không thể xảy ra. Nếu chỉ nhìn tình tiết đó thì thấy không khác nhiều so với chuyện gián điệp ở nước Tần, nhưng cô ta tự nói rằng sau khi chết đã gặp người cha chồng quá cố, tình tiết này liên quan tới âm gian rồi, hồn của cô ta đã xuống âm gian, sự sống lại của cô ta rõ ràng là sự trở về của linh hồn. Chỉ là có một điểm phải lưu ý, cha chồng của cô ta biết rằng cô ta chưa thể chết ở tuổi hai mươi bảy, nên bảo cô ta quay về, chi tiết này không rõ ràng lắm, không giống với những tác dụng của âm phủ được giảng giải kỹ càng trong các câu chuyện hoàn hồn đời sau, có lẽ khi ấy vẫn chưa có khái niệm về sổ sinh tử.

Chân tướng của chuyện này không phải điều đáng quan tâm nhất, mà điều đáng quan tâm là chuyện này đã phản ánh được ý thức về âm gian của con

https://thuviensach.vn

người thời đó (những năm cuối Tây Hán). Không hề nghi ngờ rằng, khái niệm sống lại xuất phát từ bản thân người Trung Quốc, câu chuyện của Viên Mai thực ra cũng xảy ra khá muộn, thuật phù thủy nguyên thủy của Trung Quốc đã có tình tiết chiêu hồn rồi, đương nhiên khi ấy không có quan niệm "âm phủ" dưới đất, linh hồn chỉ là phiêu du lang bạt trên không trung mà thôi. Cho dù sau khi Phật giáo được lưu truyền vào phía đông Trung Quốc, do sự tuyên truyền của nó bị hạn chế rất lớn, trước thời Tam Quốc, sức ảnh hưởng của nó trong dân gian không nhiều, vì vậy, đa phần những câu chuyện hoàn hồn sống lại ở thời Đông Hán và Ngụy - Tấn đều mang tính chất đặc thù của Trung Quốc, không liên quan gì tới Phật giáo.

Đương nhiên, sự "hoàn hồn" của Triệu Xuân cũng có thể được lý giải là "cái chết giả" trong y học. Chuyện này và chuyện về gián điệp nước Tần trong *Tả truyện* trước đó cùng với *Tấn thư*. *Lưu Diệu tái ký*[4] sau này kể về Trương Lô chết được hai mươi bảy ngày, do có kẻ trộm đào trộm mộ mà được sống lại, đều không trừ một phần sự thật nhất định. Chúng ta có thể lấy ghi chép *Chết đi sống lại* trong *Tục Hán thư*. *Ngũ hành chí ngũ*:

[4] 'Tấn Thư': một trong hai mươi tư cuốn sách lịch sử Trung Quốc (Nhị thập tứ sử), do Phòng Huyền Linh và Lý Diên Thọ phụng mệnh vua Đường Thái Tông biên soạn vào năm 648. Sách kể về các sự kiện bắt đầu từ Tư Mã Ý thời Tam Quốc đến khi Lưu Dụ phế Tấn Cung Đế lập nhà Lưu Tống năm 420, đồng thời sách còn bổ sung hình thức "ký tái" (ghi chép), dùng để tường thuật tình hình chính quyền của mười sáu nước. 'Lưu Diệu tái ký': nằm trong quyển ba của phần 'Tái ký'.

Năm Hiến Đế[5] Sơ Bình[6], có một người họ Hoàn ở Trường Sa chết, cho vào quan tài được gần một tháng, bỗng mẹ anh ta nghe thấy trong quan tài có tiếng động, phát hiện ra anh ta vẫn còn sống. (Xem trong quyển sáu cuốn Sưu thần ký do Can Bảo viết.)

[5] Hiến Đế là Hán Hiến Đế (181 - 21/4/234, tại vị 189 - 25/11/220): tên thật là Lưu Hiệp, tự Bá Hòa, vị hoàng đế thứ mười bốn của nhà Đông Hán và cuối cùng của nhà Hán trong lịch sử Trung Quốc.

[6] Sơ Bình: một trong những niên hiệu mà Hán Đế dùng trong ba mươi hai năm làm vua. Niên hiệu Sơ Bình từ năm 190-193.

https://thuviensach.vn

Tháng Hai năm Kiến An thứ tư (199), Khắc huyện phụ Quận Vũ Lăng tên là Lý Nga, năm nay hơn sáu mươi tuổi, bị bệnh chết được mười bốn ngày, được chôn cách thành vài dặm, có người qua đường nghe thấy trong mộ có tiếng nói về mách lại với người nhà. Người nhà đi đến mộ xem xét, quả nhiên nghe thấy tiếng phát ra từ bên trong, đào lên cứu sống Lý Nga.

Những chuyện kể trên có lẽ đều là một dạng sống lại của trạng thái chết giả, cho dù thời gian đều là hơn tháng, gần tháng nghe có phần hơi khoa trương, nhưng miễn cưỡng thì cũng có thể là cho qua được.

Cho dù là mất đi khả năng chân thực, ví dụ như não đã chuyển nhà đi nơi khác mà vẫn tiếp nhận được sự sống, có thể ăn cơm, sinh con đẻ cái, nhưng chỉ cần không giống như Triệu Xuân đã liên quan tới tử hồn ở âm giới thì không phải là chuyện ma, cũng không thể quy vào văn hóa âm phủ, chỉ có thể coi nó là tin tức xã hội có tính hư cấu. Những lời đồn đại này không liên quan gì tới việc linh hồn đi về giữa hai thế giới âm và dương, đương nhiên không thể coi là "hoàn hồn" trong câu chuyện về âm phủ. Còn về việc sau này mọi người cảm thấy thời gian giả chết ngắn quá không gây được chú ý với người nghe, lập tức thoát ly khỏi kiến thức thông thường như cuộc thi phóng vệ tinh ở thời kỳ đại nhảy vọt, bắt đầu hư cấu nhiều hơn, để người sống lại nằm trong mộ tới vài tháng, vài năm, mười mấy năm, thậm chí hàng trăm năm vẫn có thể bước từ mộ ra, như thế thì có lẽ quá xa chủ đề rồi. Chúng ta hãy đọc hai truyện được ghi lại trong quyển bảy của *Bác vật chí*[7] do Trương Hoa đời Tây Tấn viết:

[7] 'Bác vật chí': nghĩa là loài vật có chí lớn.

Cuối đời nhà Hán, quan trung đại loạn, phát hiện ra mộ của một cung nhân đời Tiền Hán, người cung nhân này vẫn còn sống, lập tức ra ngoài, lại như bình thường. Ngụy Quách Hậu yêu mến, cho nạp vào cung, ở bên hầu hạ sớm tối. Hỏi về những chuyện xảy ra trong cung thời Hán, người đó đều kể vanh vách, rất có trật tự. Sau Quách Hậu biết, khóc lóc rất thảm, rồi chết.

https://thuviensach.vn

Cuối đời nhà Hán phát hiện ra mộ của Phạm Minh Hữu, người vẫn còn sống (Phạm Minh Hữu là con rể của Hoắc Quang[8]), nói về chuyện nhà Quang, chuyện truất ngôi, giống hệt như những gì được ghi lại trong "Hán thư". Tên này thường đi khắp nhân gian, không dừng lại ở đâu, không biết sống ở đâu. Hỏi thăm về người này, đáng tin nhưng chưa ai gặp bao giờ.

[8] Hoắc Quang: tự Tử Mạnh, một nhà chính trị thời Tây Hán, làm quan dưới triều Hán Vũ Đế và là phụ chính đại thần thời Hán Chiêu Đế, Xương Ấp Vương và Hán Tuyên Đế.

Hai câu chuyện trên đều là những người chết bị chôn dưới mộ hàng trăm năm mà vẫn "còn sống", nhưng chúng cũng chỉ giống như tường thuật lại "sự việc" trong các mẩu tin tức xã hội, chứ không nói gì đến âm phủ, quỷ thần. Từ điểm này có thể thấy, chúng thậm chí còn đơn giản hơn cả chuyện về Triệu Xuân được viết trong *Hán thư. Ngũ hành chí* từ mấy trăm năm trước, không có một chút thông tin nào về thế giới âm phủ. Quách Hoàng hậu chỉ biết hỏi người sống lại kia chuyện trong cung thời nhà Hán hoặc chuyện nhà Hoắc Quang, chứ hoàn toàn không hỏi tới chuyện xảy ra ở âm phủ, dường như hoàn toàn ngược lại với chuyện Hán Văn Đế nói: "Không hỏi chúng sinh, hỏi quỷ thần." Mặc dù tác giả của câu chuyện cố ý đề cập tới điểm này chỉ vì muốn chứng minh người sống lại là người chết từ mấy trăm năm trước, còn mọi người cũng chỉ coi nó như một hiện tượng tự nhiên, rất hiếm gặp mà thôi.

Nhưng cũng chưa chắc đã là như thế. Những chuyện kỳ lạ này mặc dù không đề cập tới vấn đề "quỷ", song một khi đã khiến đám Nho sinh ưa bàn chuyện lớn lao về ngũ hành chú ý, thì họ sẽ nghĩ cách để liên hệ những câu chuyện trên với tình tiết "ý trời", tức là những chuyện này cũng giống như hiện tượng nhật thực, sao chổi, động đất… vậy, đều mang ý dự báo một "tai dịch"[9] nào đó trong biến cố chính trị, trở thành lời "thị cáo" của ông trời đối với chúng sinh. Ví dụ như chuyện Triệu Xuân sống lại, những thứ mà họ quan tâm hoàn toàn không phải việc Triệu Xuân đã ở địa ngục và có giao tiếp với linh hồn người chết, mà là bản thân việc sống lại này đã là một

https://thuviensach.vn

chuyện kỳ quái, muốn qua đó "đưa ra dự báo trước việc con người sẽ phạm phải", ý của họ là chuyện này báo trước việc Đại tư mã Vương Mãng cướp ngôi nhà Hán. Gia tộc ngoại thích Vương thị đã bị lật đổ thời Hán Ái Đế, không còn hy vọng lấy lại giang sơn nữa, nhưng đang trị vì thì Hán Ái Đế bệnh chết, Vương Mãng lập nên kỳ tích chỉ trong vòng một đêm mà khôi phục lại địa vị, chuyện này dường như có liên quan đến việc Triệu Thị chết rồi sống lại.

[9] Tai dị: có nghĩa là tai ương và biến cố.

Những Nho sinh này hoàn toàn không dựa vào điềm báo gì, chỉ là liên hệ, kết nối những chuyện xảy ra trong thời gian gần nhất với những "tai dị" lại với nhau, chứ không luận để so sánh, trên lập trường thuận nghịch cũng chẳng có gì chuẩn xác. Ví dụ, cuối thời Tam Quốc, Ngô Tôn Hưu[10] vào năm Vĩnh An thứ tư, An Ngô Minh Trần chết được bảy ngày lại sống lại, đội mồ mà lên, Can Bảo nói đây là ám thị việc Ô trình Hầu Tôn Hạo[11] "được lên ngôi", còn vào năm Hàm Ninh thứ hai Tấn Vũ Đế[12], Lang Gia Nhân bệnh chết lại nói là giai đoạn Ngũ Hồ loạn Hoa[13] là lúc Lưu Uyên, Thạch Lặc phản lại nhà Tấn.

[10] Ngô Tôn Hưu: Tôn Hưu (235 - 3/9/264), tự là Tử Liệt, sau này trở thành Ngô Cảnh hoàng đế, vị quân vương thứ ba của nhà Đông Ngô trong thời kỳ Tam Quốc. Năm Vĩnh An (258-264) là niên hiệu khi Ngô Tôn Hưu trị vì.

[11] Hầu Tôn Hạo (242-284), hay Đông Ngô Mạt đế là vua thứ tư và là cuối cùng của nhà Đông Ngô thời Tam Quốc trong lịch sử Trung Quốc. Ông có tự là Nguyên Tông, tên gốc là Tôn Bành Tổ. Tôn Hạo là cháu của Tôn Hưu. Khi Tôn Hưu lên ngôi thì Hạo được phong làm Ô trình hầu. Về sau, Tôn Hưu mất, các quan Đông Ngô cho Hạo là người sáng suốt nên đã lập lên làm vua.

[12] Tấn Vũ Đế: tên thật là Tư Mã Viêm, tên tự là An Thế (236-17 tháng 5 năm 290), là hoàng đế đầu tiên của nhà Tây Tấn (265-316) trong lịch sử Trung Quốc. Ông là người có công thống nhất Trung Hoa, chấm dứt thời chia cắt Tam Quốc. Hàm Ninh là một trong những niên hiệu của Tấn Vũ Đế, từ năm 7-280.

[13] Giai đoạn Ngũ Hồ loạn Hoa: (năm dân tộc Hồ làm loạn Trung Hoa) Ngũ Hồ tính năm tộc: Hung Nô (Lưu Uyên - Hán Triệu), Yết (Thạch Lặc - Hậu Triệu), Tiên Ti (Mộ Dung - các nước Yên,

https://thuviensach.vn

trừ Bắc Yên), Đê (Phù Kiên - Tiền Tần, Lý Đặc - Thành Hán), Khương (Diêu Trường - nước Hậu Tần). Một thuật ngữ ít được sử dụng hơn là giai đoạn thập lục quốc để miêu tả thời kỳ hỗn loạn này từ năm 304 đến 439.

Những chuyện này dường như không liên quan gì tới những câu chuyện về địa phủ mà chúng ta muốn bàn tới, vì vậy nói tới những chuyện đó, chỉ vì muốn chỉ ra rằng, trong mắt Nho sinh của Trung Quốc, những câu chuyện về hiện tượng sống lại này nếu có thể kích thích chút gì đó tưởng tượng của họ, thì cũng không phát triển theo hướng nghĩ về thế giới dưới âm phủ, mà điều họ quan tâm hơn cả là ý trời và những liên tưởng về con người, sự vật.

Trong quyển năm của *Ngũ tạp trở* do Tạ Triệu Chiết người đời Minh đã từng nói rằng, cuối thời nhà Hán và thời Ngụy Tấn có rất nhiều những câu chuyện về việc đội mồ sống lại, và được ghi chép trong chính sử *Ngũ hành chí*, điều đáng ngạc nhiên nhất là, thời Ngụy Minh Đế, khi khai quật mộ lên, cô gái chôn trong đó còn sống, tính toán thì đã chôn được khoảng năm, sáu trăm năm rồi. Nhưng ông lại nói: Kỳ lạ là, vào cuối thời Đường "Ôn Thao, Hoàng Sào đào xới phần mộ khắp thiên hạ, mà chưa từng nghe nói chuyện lạ nào xảy ra."

Những câu chuyện về việc đội mồ sống lại đa phần xảy ra vào cuối đời Hán, đầu đời Ngụy - Tấn, hiện tượng này đáng để chúng ta phải suy ngẫm.

2

Từ thời Hán - Ngụy tới nay, văn hóa u minh của Trung Quốc đang xảy ra những biến đổi lớn trong dân gian. Nói chuyện người chết sống lại mà không thăm dò tình hình của người đó khi còn ở âm giới là không hợp với lẽ thường. Vấn đề này được đề cập hơi muộn bởi Can Bảo, trong quyển mười lăm của *Sưu thần ký*, Can Bảo đã tường thuật lại một câu chuyện được lưu truyền từ trước đó khá lâu, như sau: Thời Tào - Ngụy, có người đi đào mộ phá áo quan, phát hiện ra người phụ nữ trong quan tài diện mạo tươi tỉnh như người sống, bèn dựng dậy hỏi chuyện, đúng là một người sống

https://thuviensach.vn

thật, liền đưa chị ta vào kinh sư. Nhưng hỏi chị ta chuyện sau khi chết, chị ta không hề biết gì. Chỉ nhìn tấm bia gỗ trên mộ, chị ta có lẽ chết được hơn ba mươi năm rồi. Sau đó Can Bảo có đặt câu hỏi thế này:

"Không biết người phụ nữ này có phải đã sống ba mươi năm trong lòng đất hay không? Hay là vừa sống lại đúng lúc có người tới đào mộ?"

Câu hỏi này có lẽ sẽ khiến những người ở thời hiện đại cảm thấy rất mông lung, nhưng thực ra hoàn toàn không đơn giản như những gì chúng ta nhìn thấy. Đối với câu hỏi này, Can Bảo cũng đưa ra câu trả lời, câu trả lời mời xem trong *Tấn thư. Can Bảo truyện*, chính là câu chuyện về người thiếp của cha Can Bảo mà tôi đã từng nói tới.

Cha Can Bảo sinh thời có một người thiếp yêu, mẹ ông đem lòng ghen tuông, khi cha Can Bảo mất, bèn chôn sống người thiếp đó vào trong mộ với ông. Anh em Can Bảo khi ấy tuổi còn nhỏ, không thể khuyên can. Hơn mười năm sau, mẹ Can Bảo mất, đào mộ lên, thấy người thiếp kia đẩy nắp quan tài mà dậy, vẫn còn sống. Nói rằng vẫn thường ăn uống qua lại với cha Can Bảo, tình cảm nồng thắm như khi còn sống. Sau đó xuất giá lấy chồng, sinh con.

Người tiện thiếp bị chôn sống cùng cha Can Bảo, lại có thể ở trong trạng thái giữa sự sống và cái chết, bà ta là người sống, nhưng hơn mười năm trời lại "sống" dưới mộ, bà ta vẫn có thể sống cùng với vong linh của cha Can Bảo. Tất cả mọi thứ diễn ra dưới âm phủ trong mắt bà ta không khác gì trên trần gian, và không cảm thấy có gì là không thích ứng được. Chỉ hồn ma mới có thể trải nghiệm được điều đó. Thứ mà bà ta ăn là thực phẩm của con người, vì vậy mới có thể duy trì sự sống, nhưng lại có thể tiếp xúc được với linh khí của hồn ma, vì vậy mới có thể biết trước được hung cát giống như ma.

Mặc dù đường đường là quyển chính sử, nhưng những câu chuyện kỳ dị mà *Tấn thư* ghi chép lại vẫn có thể không đáng tin. Có điều bây giờ chúng ta

https://thuviensach.vn

không đi truy cứu xem có đúng là chuyện ấy xảy ra với nhà Can Bảo hay không, mà là xem con người thời ấy đã bày tỏ quan niệm của mình về thế giới u minh như thế nào trước thân nhân hư cấu của Can Bảo. Trong chương mười lăm của *Sưu thần ký* còn có một câu chuyện tương tự nữa: "Đời nhà Tấn có một tiện tì bị chôn nhầm không ra được. Hơn mười năm sau, đào mộ mở quan, người tiện tì đó vẫn sống. Nói rằng: "Như vừa nhắm mắt, cảm giác nghiêng dần." Hỏi ra mới biết, cảm giác của người đó chỉ như vừa mới ngủ một giấc dậy mà thôi. Khi bị chôn, mới mười lăm, mười sáu tuổi. Sau đào mộ lên, tư chất vẫn như cũ. Sống lại năm mười lăm, mười sáu tuổi, lấy chồng, sinh con." Tôi cảm thấy mấy câu chuyện này đều xuất phát từ một vấn đề chính. Nhưng hậu thế vẫn có những câu chuyện tương tự, ví dụ như trong quyển 375 của *Thái bình quảng ký* dẫn lời Thôi Hàm sau khi chết sống lại trong *Tháp tự ký*, Vân Thôi Hàm nói rằng: "Ở dưới đất hai mươi năm. Như người ngủ say, không cần ăn uống. Thỉnh thoảng du hành, hoặc gặp đồ ăn, giống như trong mơ, vẫn phân biệt được." Còn dẫn lời của Lý Trung trong *Kinh thính lục* làm nô tì dưới đất ba năm, sau khi sống lại nói rằng "giống như vừa ngủ một giấc."

Đây là quan niệm về u minh hoàn toàn không có chút liên quan gì tới Phật giáo, nó là sản vật đậm chất quê hương của Trung Quốc. Quan niệm về hai thế giới âm dương của lớp người này có thể kéo dài tới tận hậu thế, trở thành tư tưởng cơ sở cho rất nhiều những câu chuyện ma, đặc biệt là những câu chuyện về tình yêu giữa người sống và ma quỷ của Trung Quốc, cho tới cả những tiểu thuyết kỳ quái đời Minh - Thanh, ví dụ như *Liêu trai*, có thể còn tìm thấy rất nhiều ví dụ chứng minh nữa, có điều một người sống với nhục thể đầy đủ thì thời gian ở dưới âm giới không dài mà thôi. Ví dụ một đoạn khá quen thuộc với độc giả trong *Ngũ Thu Nguyệt* dưới đây: "Vương Đỉnh và người tình Ngũ Thu Nguyệt tản bộ trong viện đình vào một đêm trăng sáng, Vương Đỉnh hỏi Thu Nguyệt: "Dưới âm phủ có thành quách không?" Thu Nguyệt đáp: "Giống hệt dương thế, có thành quách. Nhưng thành quách dưới âm phủ không phải ở đây, mà cách đây khoảng ba, bốn dặm nữa, có điều lấy đêm làm ngày." Vương Đỉnh muốn tới đó xem, Thu Nguyệt đồng ý, thế là:

https://thuviensach.vn

Nhân lúc đêm trăng họ cùng đi, nàng lướt như gió, chàng vội vàng đuổi theo, chẳng mấy chốc đến một nơi, nàng nói: "Không còn xa nữa." Vương cố nhướn mắt nhưng không thấy gì, cô gái lấy nước bọt bôi lên mắt chàng, mở ra lại nhìn thấy như bình thường, nhìn ban đêm rõ không khác gì ban ngày, chợt thấy một bức tường ẩn hiện trong đám sương mù xa xa, người đi trên đường tấp nập như đi chợ."

Rất rõ ràng, Vương Đỉnh đi xuống âm giới với thân phận của một người còn sống, anh ta không thể bay lượn nhẹ nhàng như linh hồn, mà mắt của người sống cũng không thể nhìn thấy những thứ dưới âm giới. Khi anh ta mang theo vong hồn của người anh trai Vương Nại đưa về dương thế, hồn của Vương Nại lập tức tương hợp với thi thể mình, còn Vương Đỉnh lại không có trình tự ấy.

3

Can Bảo đã từng đưa ra câu hỏi "hay vừa mới sống lại, thì gặp ngay người đào mộ?", cũng chính là muốn nói, con người đã chết rồi, nhưng lại sống lại, và thời gian sống lại vừa trùng hợp với thời gian có người đào mộ lên. Đây cũng là một giả thiết hợp lý của người thời ấy. Nhưng giả thiết này cũng có chỗ không ổn, đó là tại sao lại có thể "trùng hợp" như thế, nếu không "trùng hợp" như thế thì sẽ thế nào? Thì sẽ lại phải có thêm những tình tiết kỳ quái khác xảy ra để câu chuyên trở nên hợp lý, ví dụ như người chết lại báo mộng cho người sống hoặc linh hồn mượn xác người để nói.

Trong quyển mười lăm của *Sưu thần ký*, Can Bảo có ghi lại một câu chuyện những năm đầu của thời Tây Tấn như sau: "Nhan Kỳ người Lang Gia[14] bị ốm, đến nhà thầy thuốc chữa bệnh, chết ở nhà thầy thuốc. Sau khi nhập quan, người nhà đưa tang, nhưng lá cờ tang lại quấn chặt vào cành cây, không sao tháo ra được, dường như linh hồn người chết lưu luyến không muốn rời khỏi nhân thế, càng khiến những người đưa tang thêm đau lòng.

https://thuviensach.vn

Đột nhiên, người dẫn quan ngã nhào xuống đất, miệng nói ra toàn những lời của Nhan Kỳ rằng: "Ta chưa đến số chết, nhưng uống nhiều thuốc quá, khiến lục phủ ngũ tạng bị tổn thương. Giờ đang sống lại, đừng đưa tang vội." Thế là cha Nhan Kỳ vui mừng nói: "Giờ là đón con về nhà, chứ không phải đem chôn con." Lúc này lá cờ đó mới chịu buông cành cây ra. Đến khi linh cữu về tới nhà, vợ của Nhan Kỳ lại mộng thấy anh ta, nói: "Ta đang sống lại, mau mau mở nắp quan tài ra." Những người khác trong gia đình cũng liên tiếp mơ thấy giấc mơ đó, cuối cùng cũng thuyết phục được song thân "không tin tà ma" của Nhan Kỳ, mở nắp quan tài ra. Thấy thi thể của Nhan Kỳ quả nhiên nhìn vẫn như người đang sống, nhưng vì lấy tay để cào nắp quan tài, nên móng tay bị thương hết, hơi thở yếu ớt, sống hay chết còn chưa biết."

[14] Lang Gia: một địa danh từ thời Tiên Tần đến triều Đường.

Nhan Kỳ cào tay trong quan tài, rõ ràng là đã sống lại, nhưng anh ta lại có thể điều khiển lá cờ tang làm trò kỳ quái, mượn xác báo mộng, rõ ràng là những việc mà người bình thường khi còn sống không thể làm được. Vì vậy chỉ có thể coi Nhan Kỳ trong quan tài đang ở trong trạng thái giữa sống và chết. Thiếp của cha Can Bảo có thể sống trong mộ bao nhiêu năm như thế, còn Nhan Kỳ nếu chỉ chậm một chút là đã có thể tắc thở trong quan tài. Cùng là người sống bị chôn nhưng lại có hai kết quả khác nhau, từ đó có thể thấy được sự biến đổi kỳ diệu và tính tùy hứng trong các câu chuyện về thế giới u minh.

Tình tiết phá quan tài sống lại này đương nhiên cũng có tính địa phương, khi đào mộ lên cần phải báo mộng cho người nhà, bởi vì chỉ người nhà mới có thể đào mộ một cách hợp pháp. Nhưng điều này cũng không dễ dàng cho lắm, Nhan Kỳ mặc dù báo mộng cho người nhà, nhưng chưa chắc tất cả mọi người đều tin, cũng may cha anh ta là người theo chủ nghĩa duy vật không đến nơi đến chốn, cuối cùng cũng đồng ý thử một lần xem sao, nếu không anh ta chỉ còn cách dùng móng tay mình mà cậy quan tài ra thôi. Mà một truyện trong *Chi điền lục* của Đinh Dụng Hối người đời Đường viết rằng,

https://thuviensach.vn

việc tìm người thân để báo mộng không dễ, phu nhân Tiêu Thị vì sinh con mà mất, chồng là Thôi Sinh lại lấy vợ kế là Trịnh Thị. Tiêu Thị chết mười hai năm sau sống lại, nhưng không ra được khỏi quan tài. Lúc này chồng bà ta cũng đã chết, đành phải báo mộng cho con trai, nhưng đứa con trai mười hai tuổi sau khi mơ giấc mơ đó không dám nói lại với mẹ kế Trịnh Thị. Tiêu Thị không còn cách nào khác, đành phải tiếp tục báo mộng cho lão bộc. Lão bộc cũng không có quyền thay chủ nhân đào mộ lên, cuối cùng vẫn phải bẩm báo lại với chủ mẫu Trịnh Thị. Cũng may Trịnh Thị hiền đức, nếu như gặp phải một tiểu thư vương phượng, thì chắc chắn là Tiêu thị sẽ chết trong quan tài rồi.

Không biết báo mộng cho ai cũng chưa chắc đã phải chết, nhưng trong tình huống đó thì còn đau khổ hơn cả cái chết. Trong quyển 375 *Thái bình quảng ký* có dẫn một chuyện trong *Thần dị lục* như sau: "Vào thời Ngụy Văn Đế, một cung nữ của Chân Hoàng hậu, sau khi chết chôn trong Nghiệp đô[15]. Nhưng sau khi chết không lâu, "sự sống được phục hồi, nhưng ta chẳng có người nhà để khiếu nại", "khiếu nại" ở đây chính là muốn chỉ báo mộng. Cung nữ này có lẽ vào cung từ rất sớm, nên không nhớ gia đình mình giờ đang ở nơi nào, vì vậy không có ai để báo mộng, cũng là đoạn tuyệt với hy vọng duy nhất được ra khỏi huyệt mộ. Thế là cung nữ này đành phải âm thầm sống trong mộ tối hết ngày này qua ngày khác, muốn sống cũng không được mà muốn chết cũng chẳng xong, cho tới ba trăm năm sau, Đậu Kiến Đức quy hoạch lại Nghiệp đô với quy mô lớn, khai quật những ngôi mộ cổ lên, lúc đó cô ta mới được giải phóng. Ba trăm năm đó cô ta sống ở trạng thái nào, dường như từ trước tới nay chưa có ai nghiên cứu về vấn đề này, người sống trên nhân thế, có ăn có uống cũng khó sống được hơn trăm tuổi, vậy thì người sống trong mộ có lẽ phải ở trạng thái hôn mê hoặc người thực vật, nhưng như thế lẽ ra cũng nên có người đánh thức cô ta dậy chứ? Sau này, Đậu Kiến Đức bị quân nhà Đường tiêu diệt, cung nữ này để cảm ơn ơn cứu mạng của Đậu, đã lấy cái chết để tương ngộ, điều này cho thấy cô ta không chỉ cảm kích vì được cứu mạng, mà cảm kích hơn cả là vì Đậu Kiến Đức đã giải thoát cô ta khỏi ngôi mộ.

https://thuviensach.vn

[15] Tên một địa danh thuộc vùng Đông Bắc tỉnh Hà Bắc hiện nay.

Câu chuyện này cũng có một điểm đáng chú ý, "sự sống được phục hồi" của cung nữ này có liên quan gì đến tác dụng của âm phủ hay không? Nếu sự sống lại của cô ta là do âm phủ thả về, vậy thì dưới âm phủ đã hồ đồ quá rồi. Nếu đã cho người ta sống lại, thì nên để người ta quay về với cuộc sống nơi nhân thế, nhưng giờ chỉ vứt cô ta ra khỏi âm phủ, chẳng hỏi han xem cô ta có thể quay lại dương gian hay không, chẳng khác gì nhà tù giữa sa mạc, thả người, nhưng lại không quan tâm người ta sẽ ra khỏi sa mạc thế nào. Nhưng trong câu chuyện này hoàn toàn không nhắc đến âm phủ, chỉ giải thích nguyên nhân của sự sống lại vào một chữ "mệnh". Chuyện này mặc dù được viết vào thời Đường, nhưng hình thức sống lại gần giống với quan niệm thời Hán - Ngụy, hoàn toàn không liên quan gì tới âm phủ.

Từ đây có thể hiểu được những lần đào mộ với quy mô lớn của nông dân, cũng giống như đánh những nhà thủ hào vậy, ngoài việc có thể bổ sung vàng bạc châu báu cho quân thực ra, còn có thể có thu hoạch bất ngờ là giải phóng những sinh hồn. Giống như cung nữ xinh đẹp này, đương nhiên làm thê thiếp của Đậu Đại vương rồi, nếu là một tên hư danh vớ vẩn, có lẽ cũng sẽ chết dưới đất rồi. Chỉ đáng tiếc những sản phẩm như thế này quá ít, nhưng cũng có lẽ những công ty đào mộ tư nhân ở Trung Quốc quá nhiều, làm ăn phát đạt, Diêm Vương còn chưa kịp giáng chỉ cho người chết sống lại, thì bên này quan tài đã bị đào lên hết.

Những chuyện trộm mộ trong lịch sử rất nhiều, đặc biệt là chính quyền Xích Mi trong thời kỳ Tân Mãng và dưới sự thống trị của Tào Tháo cuối thời Đông Hán, càng nổi tiếng trong lịch sử trộm mộ. Phong khí đến, dân gian tự nhiên cũng sẽ thay đổi theo, vì vậy những câu chuyện kỳ quái được xây dựng lên do đào trộm mộ mà xuất hiện người chết sống lại cũng khó tránh được. Phần trước chúng ta có nhắc đến "huyện phụ Quận Vũ Lăng tên là Lý Nga sống lại", vốn là có người qua đường nghe thấy "mộ bà ta có tiếng" sau đó đi về báo với người nhà để đến đào mộ lên. Nhưng sau này lại xuất hiện một phiên bản khác của việc đào trộm mộ, cũng được ghi chép

https://thuviensach.vn

trong *Sưu thần ký*. Nguyên văn gần cả nghìn từ, còn nhiều hơn mười lần so với bản "tin tức xã hội" trước đó, câu chuyện cũng khúc khuỷu, sinh động hơn nhiều, rõ ràng là đã thêm thắt rất nhiều chi tiết được nhân gian sáng tạo ra. Một trong số đó chính là giới thiệu về "mộ tặc". Phần mở đầu câu chuyện đã thay đổi thành bà lão Lý Nga sáu mươi tuổi sau khi chết được chôn bên ngoài thành, đã qua mười bốn ngày. Người hàng xóm nhà bà ta có người tên Sái Trung, biết nhà Lý Nga có tiền, nên cho rằng trong mộ bà ta có chôn theo không ít vàng bạc, của cải, liền đi đào mộ trộm tiền. Sau khi đào mộ lên, dùng búa mở nắp quan tài, mới chém được vài cái, liền nghe thấy tiếng Lý Nga hét trong quan tài: "Sái Trung, cẩn thận không chém vào đầu ta." Sái Trung nghe thấy vậy, sợ tới mức nhảy ra khỏi mộ chạy biến mất, lại bị tên lính đi tuần bắt gặp, cuối cùng giúp Lý Nga được nhìn thấy ánh mặt trời.

Ngoài ra, câu chuyện này còn có gia giảm thêm một tin tức quan trọng về thế giới u minh, tức là sự sống lại của Lý Nga là do âm phủ bắt nhầm, vì vậy linh hồn của bà ta mới có thể quay về dương gian dễ dàng như thế, cũng may là bà ta gặp được người anh họ bên ngoại làm quan dưới âm phủ. Những chuyện về sống lại ở cuối thời Hán sau khi truyền đến đời Ngụy - Tấn, thì đã xảy ra sự biến đổi tác dụng của âm phủ. Hơn một nghìn năm về sau, đại đa số những câu chuyện sống lại đều có phiên bản như thế. Ngụy - Tấn là thời kỳ mà thế giới tư tưởng của Trung Quốc xảy ra những biến động lớn, văn hóa u minh không tránh khỏi việc chịu ảnh hưởng, từ đó xuất hiện thêm một vài nội dung mới mẻ hơn.

4

Nghiêm túc mà nói, báo mộng không phải là phương thức liên lạc duy nhất của những người đã chết rồi sống lại trong mộ với người sống, bởi vì theo như những câu chuyện ma xuất hiện trong dân gian từ rất sớm, thì những nhân vật chính bị giam trong mộ này, linh hồn của họ không những có thể báo mộng cho người sống, mà còn có thể hiện hình trên thế gian. Bởi vì

https://thuviensach.vn

theo quan niệm của người Trung Quốc xưa, người sau khi chết, hồn ở dưới mộ, trong một điều kiện nhất định, ví dụ như "cảm nhận được sự chân thành" thì có thể thoát ra khỏi mộ và ra ngoài gặp người sống. Thế nào gọi là "chân thành"? Tình yêu nam nữ không bị chia cắt bởi cái chết là một trong những dạng "chân thành".

Trong quyển mười lăm của *Sưu thần ký* do Can Bảo viết có ghi chép lại một câu chuyện tình yêu của một người vợ xinh đẹp thời Tần Thủy Hoàng như sau: "Vương Đạo Bình có quan hệ yêu đương với thiếu nữ nhà họ Đường cùng thôn, thề kết làm phu thê. Nhưng Đạo Bình bị bắt đi lính, sang Nam Quốc, chín năm không về. Nhà họ Đường ép gả con gái làm vợ Lưu Tường, cô gái mặc dù trong lòng không muốn, nhưng lệnh bố mẹ không thể không nghe, đành lấy Lưu Tường. Nhưng từ đó về sau buồn bã không vui, thường nhớ nhung Đạo Bình, oán hận sâu dần, cuối cùng buồn bã mà chết. Ba năm sau khi cô con gái nhà họ Đường chết, Đạo Bình mới trở về quê hương, biết người yêu đã chết, liền đến trước mộ khóc tế, nói rằng: "Nếu nàng linh thiêng, hãy để cho ta nhìn thấy nàng. Nếu không linh, thì chúng ta cáo biệt từ đây." Không ngờ linh hồn của người con gái họ Đường đi từ mộ lên, nói: "Thân thiếp chưa tan, có thể tái sinh, chúng ta lại là vợ chồng. Xin hãy mau đào mộ mở quan tài ra, để thiếp được sống lại."

Kết quả cuối cùng đương nhiên là đôi tình nhân phải sinh ly tử biệt suốt mười mấy năm nay lại mặn nồng ân ái bên nhau.

Rõ ràng câu chuyện này rất giống câu chuyện mang tính hài hước *Ngô Vương tiểu nữ Tử Ngọc* được thu thập trong *Sưu thần ký*, một vở kịch được diễn với cùng một cách thức nhưng khác địa điểm và thời gian. Con gái của Ngô Vương phu sai là Tử Ngọc, trong thời gian người yêu Hàn Trọng đến Tế Lỗ du học, do cha không đồng ý cho mình được gả về nhà họ Hàn mà lâm trọng bệnh chết. Ba năm sau khi Hàn Trọng quay về, "khóc lóc rất thương tâm, quỳ trước mộ suốt", còn linh hồn của Tử Ngọc đã ra khỏi mộ để gặp Hàn Trọng. Sau đó Hàn Trọng tiễn Tử Ngọc vào lại trong mộ, "Ngọc

https://thuviensach.vn

cùng chàng làm lễ bày tiệc, ở lại ba ngày ba đêm, kết thành phu thê.” Nhưng cuối cùng vẫn là “người ma đôi đường”, một kết cục bi thương.

Nhưng trong câu chuyện của Tử Ngọc, tình tiết người sống đi xuống âm phủ để “làm lễ kết thành vợ chồng”, không nghi ngờ gì nữa, đây chính là một tình tiết đột phá trong quan niệm về âm phủ, mà ngoài kết thúc bi thảm người và ma mỗi người mỗi ngả ra, lại có một diễn biến theo hướng khác, tức là chỉ cần cuộc sống vợ chồng của họ kiên trì trong một thời gian nhất định, thì có thể khiến xương cốt sinh thịt, người chết sống lại. Câu chuyện về Đàm Sinh trong *Liệt di truyện* do Tào Phi viết xuất hiện chi tiết này sớm nhất:

Đàm Sinh, bốn mươi tuổi, không vợ, ham mê đọc sách. Đột nhiên nửa đêm có một người con gái, tuổi khoảng mười lăm, mười sáu, dung nhan xinh đẹp, quần áo lượt là, thiên hạ vô song, đến bên muốn kết làm vợ chồng với Sinh. Nói rằng: “Ta và chàng không giống nhau, không được để ánh sáng chiếu vào ta. Ba năm sau, mới được ra ánh sáng.” Làm vợ chồng, sinh một đứa con trai, đã hai tuổi. Không thể kìm được, sau khi vào phòng, lén nhìn trộm, người đó từ phần eo trở lên, có da thịt như người sống, nhưng từ phần eo trở xuống chỉ là một bộ xương. Người con gái đó biết, liền nói: “Chàng phụ ta, ta đang hồi sinh, không thể nhịn thêm một năm nữa để được nhìn thấy nhau sao?”

“Dung nhan xinh đẹp, quần áo lượt là, thiên hạ vô song” mà nửa đêm nhìn thấy cảnh đó, chỉ cần có ánh lửa trên dương thế liền hiện nguyên hình là một bộ xương. Đây có thể trở thành đề tài khủng bố mang tính chất trào phúng dưới ngòi bút của văn nhân, nhưng tình yêu giữa người và ma ở thời cổ đại lại rất sâu sắc, Đàm Sinh nhìn thấy nửa dưới là bộ xương hoàn toàn không sợ hãi, ma nữ cũng không vì bị ánh sáng chiếu vào người mà nổi giận, cả câu chuyện chỉ là tiếng kêu ai oán bi thương, nhất là người con gái kia đa tình trọng nghĩa, trước khi hoàn toàn biến mất còn sắp xếp để chồng và con trai mình được gặp gỡ cha mẹ giàu có của mình nữa, khiến kết cục

https://thuviensach.vn

bi thảm có chút an ủi, đồng thời cũng cảm nhận được tình cảm của người vợ.

Sau Can Bảo, những câu chuyện loại này còn tiếp tục được lưu truyền tới đời sau nữa và không ngừng phong phú hơn.

Sưu thần hậu ký do Đào Tiềm viết có ghi rất nhiều, mà trong đó có hai câu chuyện về con gái của Thái thú Quảng Châu - Từ Huyền Phương và con gái của Thái thú Vũ Đô - Lý Trung Văn, có thể hai câu chuyện có cái kết bi hỷ đan xen đại diện cho thể loại truyện này. Tình tiết trong hai câu chuyện gần giống nhau, nhưng những câu chuyện loại này đã được dân gian phục chế và thêm thắt rất nhiều, trở thành một loại hình của truyện dân gian.

Con gái Thái thú Vũ Đô - Lý Trung Văn, năm mười tám tuổi bị bệnh chết, chôn cất ở phía bắc thành. Thái thú kế nhiệm Trương Thế Chi có người con trai tên Tử Trường, đêm mộng thấy một thiếu nữ, kết thành vợ chồng. Sau đó tì nữ nhà Trung Văn đến thăm mộ tiểu thư, đến nhà Trương Thái thú chào hỏi trước. Không ngờ nhìn thấy một chiếc giày thêu của của tiểu thư quá cố trong phòng con trai Trương Thái thú, tì nữ liền lén lút mang về, báo cáo chủ nhân. Lý Thái thú hỏi Trương Thái thú: "Sao con trai ngài lại tìm thấy giày của con gái tôi?" Trương Thái thú gọi con trai đến, Tử Trường kể lại đầu đuôi câu chuyện. Hai vị thái thú đều thấy rất kỳ lạ, liền đào mộ lật áo quan lên xem, chỉ thấy thi thể Lý tiểu thư vẫn như người sống, nhan sắc như xưa, chỉ còn một chiếc giày bên chân phải. Nhưng sau đó thi thể nhanh chóng thối rữa, không thể sống lại nữa.

Câu chuyện kết thúc với một cái kết bi thương, nhưng nội dung của truyện *Con gái Từ Huyền Phương* lại có cái kết vui, trong đó có kể về quá trình cô gái sống lại, chữa khỏi bệnh sau thời gian ốm nặng, rất có đầu có đuôi.

... Khi mở nắp quan tài ra, ngay đầu tiên nhìn thấy, con gái dung nhan vẫn xinh đẹp như xưa. Từ Từ ôm con ra, cuốn vào trong chăn, một lúc sau tim đập lại, bắt đầu thở. Lệnh cho bốn nữ tì trông giữ thi thể. Hai mắt đang

https://thuviensach.vn

nhắm nghiền dần dần mở ra được, miệng có thể uống nước cháo, rồi bắt đầu nói. Trong vòng hai trăm ngày, chống gậy đi lại, sau một kỳ, nhan sắc, da dẻ, khí lực trở lại bình thường. Chọn ngày lành tháng tốt, tìm rể gả chồng cho con.

Những câu chuyện kiểu này có ảnh hưởng rất lớn đến hậu thế, bởi vì nó đã mở ra một cánh cửa trong suốt trong nhân tính về lễ giáo được đóng kín của con người, khiến nhân tính được sống lại. Đây cũng chính là điểm những người theo đạo rất không hài lòng, thế là một loại đề tài khác lại được du nhập, với ý đồ những dạng chuyện kiểu này sẽ duy trì được hình thức đạo đức mà họ đang bảo vệ. *U minh lục* của Lưu Nghĩa Khánh người đời Lưu Tống có ghi lại chuyện Chung Diêu thời Tam Quốc. Chung Thái phó dạo này không lên triều, thì ra là vì thường có một người con gái theo về nhà ông ta, "nhan sắc xinh đẹp hơn người thường", do đó ông ta mới chìm đắm trong tình ái. Đổng liêu hỏi rõ xong liền nói: "Chắc chắn là ma quỷ, phải giết", thế là khi người con gái đó lại đến, Chung Diêu mặc dù có chút không nỡ, nhưng vẫn cho cô ta một đao. Người con gái bỏ chạy, máu chảy ròng ròng, lần theo vết máu đến một ngôi mộ, đào mộ lên thấy bên trong là một người con gái, nhìn như người đang sống. Đạo sĩ Đỗ Quang Đình thời Ngũ Đại có viết một chuyện trong *Tiên truyền thập di* coi việc sống lại của vong thê này là thi thể của yêu quái.

Vợ Trương Úy người Thục Xuyên đã chết rồi sống lại, lại là vợ chồng. Diệp pháp than thở nói: "Đây là thi thể của yêu mị, nếu không sớm diệt trừ, thì Trương cũng chết."

https://thuviensach.vn

Đây thật cũng là chuyện quá vớ vẩn, khiến người ta không khỏi coi Diệp thiên sư là yêu đạo. Song đến thời Tống, cùng với sự ảnh hưởng của khoa học ngày một lớn, trong những câu chuyện hoàn hồn còn đặc biệt thêm những cách thuyết giáo phạt để răn dạy sự "đa dâm".

https://thuviensach.vn

Trong truyện *Người con gái thành Nam, Ngạc Châu* ở quyển một *Di kiên chi mậu* do Hồng Mại viết, kể về gia đình Ngô Thị giàu có một người con gái, cảm mến người phục vụ tên Bành Tiên ở quán trà đối diện nhà, có ý muốn được kết duyên, ngày đêm tương tư thành bệnh. Cha mẹ hỏi ý, liền nói muốn đính hôn với Bành Tiên, không ngờ Bành Tiên "khinh bỉ những hành động của người con gái đó, lên tiếng khước từ". Thế là con gái nhà họ Ngô dần dần ốm o mòn mỏi mà chết, chôn cất tại một ngôi mộ cách nhà hàng trăm dặm. Tang lễ rất khoa trương, mời họ hàng gần xa đến dự. Dưới núi có một người tiều phu trẻ tuổi, nghĩ rằng trong mộ hẳn chôn cất theo rất nhiều của quý, liền nửa đêm mò tới để đào trộm mộ. Khi mở nắp quan tài, nâng xác người con gái nhà họ Ngô lên, đang định lục áo, không ngờ cô gái mở mắt nhìn trừng trừng, da thịt ấm dần, từ từ sống lại. Con gái nhà họ Ngô cảm kích ơn cứu mạng của chàng tiều phu, hứa rằng sau khi hết bệnh sẽ làm vợ chàng. Nhưng người con gái nhà họ Ngô vẫn lưu luyến không quên được Bành Tiên, liền yêu cầu chàng tiều phu cùng cô về Ngạc Châu, đi thẳng đến quán trà. Cô nhờ chàng tiều phu đi xuống dưới lầu gọi rượu, còn mình thì hẹn Bành Tiên ra gặp mặt nói chuyện, kể lại nguyên nhân mình tái sinh, và vẫn muốn được tái hợp cùng Bành Tiên. Nhưng Bành Tiên lại không nể mặt mà mắng cô rằng: "Ma quỷ sao dám hiện hình giữa ban ngày ban mặt!" Con gái nhà họ Ngô khóc lóc bỏ đi, Bành Tiên đuổi theo, cô gái trượt chân ngã từ cầu thang xuống, nhìn lại thì đã chết. Vụ án này quan phủ xử cũng rất vớ vẩn, tiều phu phải ngồi bên quan tài rách nát trông thi thể người con gái kia chết một lần nữa, còn tên Bành Tiên thì chỉ bị xử phạt nhẹ.

Khi kết chuyện Hồng Mại có nói, câu chuyện này gần giống với câu chuyện về con gái nhà Trương Thị trong *Thanh Tôn Lục* do Liêm Tuyên biết. Đấy chính là chỉ người con gái sống lại bị đẩy ngã mà chết, nhưng xét về nội dung cả câu chuyện hoàn chỉnh thì không giống. *Thanh Tôn Lục* kể về một cô gái quyết liệt sống lại sau khi chết, tìm gặp người con trai phụ mình để tìm cách báo thù, sau khi bị đẩy chết lại xong, quan phủ đã xử tội kẻ kia bị tử hình vì tội mưu sát, kết cục viên mãn hơn trong *Di kiên chí* nhiều.

https://thuviensach.vn

Đến đời Minh, những câu chuyện ác thế này vẫn còn, đại diện là *Mẫu đơn đăng ký* trong *Tiễn đăng tân thoại* do Cù Tông Cát người đầu đời Minh viết.

Câu chuyện đèn mẫu đơn ở Nguyệt Triều, Ninh Bác lúc đầu được lưu truyền trong nhân gian cũng rất hay, nhưng một câu chuyện "tình người và ma đã kết thúc" vào tay Cù Tông Cát lại trở thành *Bảo tháp trấn hà yêu*. Những câu chuyện người và ma yêu nhau trong tiểu thuyết thời Ngụy - Tấn được định hình là ma nữ say mê một tên thư sinh háo sắc. Ma nữ tối đến sáng đi, đêm đêm cùng thư sinh hoan lạc. Đến khi có người nhìn trộm vào, "thấy một bộ xương cùng thư sinh ngồi dưới ánh đèn", và cùng thư sinh đến Triều Tâm Tự tìm quan tài của ma nữ đó trong một am thất, thư sinh sợ hãi, khẩn cầu pháp sư trừ ma. Pháp sư cho anh ta hai lá bùa, một lá dán ở cửa, một lá dán ở giường, cấm không được đến Triều Tâm Tự nữa, từ đó ma nữ mới không dám vào nhà. Nhưng một hôm thư sinh sau khi uống say bên ngoài, quên mất lời ngăn cấm của pháp sư, đi thẳng tới Triều Tam Tự, lại gặp ma nữ kia. Ma nữ "lập tức nắm tay thư sinh, đưa đến trước áo quan, áo quan tự động mở ra, ma nữ ôm thư sinh cùng vào, lập tức áo quan đóng lại, thư sinh chết dần trong áo quan". Từ đó về sau thư sinh và ma nữ trở thành yêu quỷ đi hút tinh khí của người sống, làm mưa làm gió khắp nơi. Cư dân mời pháp sư về trừ yêu, nhưng yêu ma tác oai tác quái, pháp sư bất lực, đánh lên đỉnh Tứ Minh Sơn cầu pháp sư với pháp lực lớn hơn. Ở đây mời được Hoàng Cân lực sĩ, "dùng khoá áp giải ma nữ và thư sinh đi, dùng roi đánh, máu chảy lênh láng".

Trả túi da cho ta

Xem những bộ phim nước ngoài, khi một người bệnh chết trên giường của bệnh viện, bác sĩ điều trị chính sẽ trịnh trọng tuyên bố, người đó chết vào lúc mấy giờ, mấy phút. Không biết Trung Quốc, đặc biệt là Trung Quốc cổ

https://thuviensach.vn

đại có quy tắc này hay không, nhưng tôi biết trong các câu chuyện về thế giới âm phủ của Trung Quốc, cho dù nói người nào đó "chết rồi" (thường là chỉ "đã tắt thở" rồi), nhưng chỉ cần tâm khẩu vẫn ấm, thì không được đưa đi chôn, bởi vẫn có cơ hội sống lại. Vào những lúc như thế, người đó "sống" hay "chết" rất khó để phán đoán, bởi vì mặc dù tim vẫn còn ấm nóng, có nghĩa là cơ quan nội tạng và cơ thể người đó vẫn ở trong trạng thái "sống", vì vậy không thể tuyên bố rằng người đó đã chết, mà đã chưa chết, nhưng sự hoàn hồn của người đó cũng chỉ là hoàn hồn mà thôi, không thể gọi là "phục sinh" - sống lại. Thế thì sự hoàn hồn này chẳng qua cũng chỉ là sự hôn mê tương đối nghiêm trọng, tức là chìm đắm trong mộng mị, tác dụng và hiệu quả đối với việc tuyên truyền về âm phủ không khiến người ta phải chú ý. Vì vậy nếu thật sự muốn để những kẻ ngu ngốc cảm nhận được sức mạnh hồi thiên của âm phủ và lúc nào cũng có thể khiến bạn "hồi địa", tốt nhất là để người nào đó chết hẳn một lần.

Thế là trong những câu chuyện hoàn hồn của chúng ta, còn có không ít những trường hợp "tim không còn nóng ấm", mà cả thể xác đều đã mất đi vết tích của sự sống, cũng chính là nói, người đó thật sự đã chết rồi, nhưng vẫn thuận lợi quay về dương thế. Để tạo được hiệu quả kinh động này, không còn nghi ngờ về việc chủ nhân thời đó đã phải rất mạo hiểm, bởi vì bắt đầu từ giây phút người đó chết, "căn nhà" mà linh hồn đã từng ở bắt đầu phải đối mặt với quá trình thối rữa, sau đó mục nát theo quy luật tự nhiên. Kiến thức y học về mặt này tôi không rõ lắm, nhưng có đọc tiểu thuyết tội phạm của Shimada Sôji[1], đại khái giới thiệu về quá trình này. Ví dụ người chết sau khoảng hai đến ba tiếng đồng hồ là thi thể sẽ cứng lại, mười hai đến mười lăm tiếng, thi thể bắt đầu trương phình, sau ba mươi sáu tiếng, thi thể bắt đầu xuất hiện sự thối rữa và biến sắc hơn bốn mươi tám tiếng đồng hồ, rất nhiều bộ phận trong cơ thể bắt đầu mềm đi và phân hủy, bắt đầu dính dính nhớp nhớp, tóc và móng tay, móng chân rất dễ bị rơi ra. Cũng chính là muốn nói, nếu linh hồn hoàn xác sau khi chết hai ngày, thì anh ta sẽ phải đối mặt với tình trạng cơ quan nội tạng đã bắt đầu rữa nát. Nhưng trong những câu chuyện về thế giới địa phủ của chúng ta, thì thể xác đó có chết sáu, bảy ngày cũng chẳng ảnh hưởng gì đến việc hoàn hồn, bởi vì tiêu

https://thuviensach.vn

chuẩn để đánh giá thể xác đó chỉ là nhìn bề ngoài, cho dù cơ quan bên trong đã thối rữa bầy nhầy, chỉ cần nhìn bên ngoài vẫn là hình dạng của con người, thì linh hồn có thể quay về được, mà một khi linh hồn đã quay lại, thì người đó lập tức có thể ngồi dậy ăn uống bình thường.

[1] Tác giả nổi tiếng người Nhật Bản.

Nếu thời gian kéo dài lâu hơn, lâu đến mức thi thể biến dạng, đến hình dạng bên ngoài cũng không thể nhìn ra là kiểu gì nữa, thì lúc ấy phiền phức rồi, vì vậy dưới âm phủ khi phát hiện ra việc bắt nhầm người, thì tốt nhất là phải nhanh nhanh thả người ta về. Những câu chuyện mà chúng ta đọc đều là trường hợp thả về kịp thời, bởi vì những trường hợp không thả về kịp thời thì không được ghi thành chuyện, chúng ta cũng chẳng có cơ hội để đọc. Theo tôi thấy, những trường hợp không được thả về kịp thời có lẽ cũng không ít. Trong *Quảng dị ký* do Đới Phu viết, kể về Thừa Vương Giáp huyện Kim Đàn bị bắt nhầm, cũng may gặp được Thôi Hy Dật từng chơi với nhau hồi còn sống, đang làm một chức quan sai dưới âm phủ, lúc này mới được phán xét rõ ràng. Nhưng cho dù là thế, Thôi phán quan vẫn phải dặn dò âm sai: "Vương Thừa huyện Kim Đàn là bạn thân của ta, theo sổ sinh tử huynh ấy chưa đến số chết. Sự việc đã xảy ra rồi, hy vọng sớm được trả về. Thời tiết nóng nực, sợ là thi thể sẽ hỏng." Từ đó có thể thấy, nếu không dặn dò cẩn thận, thì chuyện lỡ xe không được trả về có thể sẽ xảy ra.

Nếu một khi xảy ra chuyện "thi thể bị hỏng" mà người đó nhất định phải hoàn dương, thì làm thế nào? Thế thì đành phải sửa chữa "căn nhà" đó, để linh hồn có thể vào ở. Chương trước tôi có nhắc đến chuyện xác của Thôi Mẫn Xác người Bác Lăng, đấy là vì Diêm Vương sai người đến Tây Thiên xin thuốc trùng sinh, dùng thuốc bôi lên thi thể, sẽ khiến xương trắng sinh ra thịt, tự nhiên lục phủ ngũ tạng cũng được khôi phục nguyên trạng. Câu chuyện đó cũng được ghi chép trong *Quảng dị ký*. Xem ra tác giả của cuốn sách này rất quan tâm đến "căn nhà" của linh hồn, còn mấy câu chuyện trong đó đều đề cập đến việc sửa chữa "căn nhà", nhưng phương pháp không giống nhau.

https://thuviensach.vn

Huyện úy huyện Vũ Thành - Ngụy Tĩnh, bạo bệnh mà chết, sau khi cho nhập quan lại vì sự cố mà chưa đem chôn được, không ngờ mười hai ngày sau lại sống lại. "Khi thi thể cho vào áo quan, anh em họ hàng rời đi. Mẹ ông ta mở nắp quan tài ra, thì thấy có hơi thở. Vì để lâu ngày, cơ thể đã thối rữa." Cho dù là như thế, Ngụy Tĩnh uống một cốc sữa bò, lại có thể nói chuyện được. Thì ra có một vị hòa thượng tàng trữ đồ ăn cắp, khi Ngụy Tĩnh xét xử đã giảm nhẹ tội cho ông ta rất nhiều, nhưng thích sử Tào Châu chê ông nương tay, mang án đó về tự mình xét xử, cuối cùng đánh chết vị hòa thượng kia. Vị hòa thượng này là một tên hồ đồ chỉ biết bắt nạt kẻ yếu không dám động vào kẻ mạnh, xuống âm phủ, không tìm thích sử Tào Châu tính toán, mà vu khống Ngụy Tĩnh đã giết hắn ta. Thế là dưới âm phủ cho bắt Ngụy Tĩnh đi, sau khi mặt đối mặt, hòa thượng đuối lý, cuối cùng âm phủ phải thả Ngụy Tĩnh về. Nhưng đám lâu la nói: "Không dễ gì, thi thể của ông ta đã bắt đầu mục rữa rồi." Dưới âm phủ sai người đi lấy một bao thuốc, đưa cho âm sai, nói: "Có thể giúp ông ta lấy lại xương thịt", âm sai trả Ngụy Tĩnh về nhà, nghe trong phòng có tiếng khóc lóc, Ngụy Tĩnh kinh hãi không dám vào, âm sai cưỡng ép lôi ông ta vào trong vườn, đến cửa nhà, rải thuốc vào trong quan tài (quan tài mặc dù được đóng chặt, quỷ sai lại có thể ra vào tự nhiên), sau đó kéo tay Ngụy Tĩnh đẩy vào quan tài. Sau khi Ngụy Tĩnh sống lại, hơn một tháng sau, da thịt trên người mới dần dần hồi phục như cũ.

Theo như câu chuyện này, thì loại thuốc đó không phải là của Thôi Mẫn Xác dùng còn thừa, mà là được âm phủ lưu trữ, xem bộ dạng tên quan dưới âm phủ không thấy hoảng sợ lắm, có thể thấy việc bắt nhầm người dưới âm phủ là chuyện thường xảy ra, bắt nhầm nhưng không thả về kịp thời cũng là chuyện thường thấy. Chỉ là đưa Ngụy Tĩnh xuống âm phủ để đối chất, vốn chỉ là một án treo, nói thả về thì thả về, sao phải đợi tận mười hai ngày sau? Có lẽ đầu óc của những kẻ dưới âm phủ chậm chạp quen rồi, biết trong tay mình có thuốc sửa chữa "căn nhà" của linh hồn chăng? Hoặc thuốc mặc dù không nhiều, nhưng đủ dùng cho không ít người, không đến nỗi không có chỗ quay về?

https://thuviensach.vn

Ngoài ra, từ câu chuyện này có thể hiểu thêm một điều nữa, Ngụy Tĩnh nghe thấy trong vườn có tiếng khóc, liền sợ hãi không dám vào trong, vì vậy, người nhà có người chết không nên khóc lóc mãi không thôi, cho dù phải nhẫn nhịn đau thương, khóc không thành tiếng cũng đành, không những bản thân người nhà khóc, mà còn thuê thêm người ngoài đến khóc, thì sẽ ảnh hưởng đến việc hoàn hồn của người chết. Trong truyện *Ôn tướng quân* ở quyển tám cuốn *Tục tử bất ngữ* do Viên Mai viết, "dặn người nhà không được khóc, khóc sẽ khiến hồn tan, không thể quay về sống lại" cũng là muốn nói tới ý đó.

Chuyện Ngụy Tĩnh xảy ra ở thời Võ Tắc Thiên, đến thời Đường Huyền Tông, loại thuốc đó từ dạng bột đổi thành dạng viên. Huyện úy Hoắc Hữu Lân, bị một con dê chết tố cáo, bị bắt xuống âm phủ đối chất. Diêm Vương hỏi: "Vị dê tiên sinh này nói, ngươi đã giết chết nó, sao ngươi có thể làm chuyện độc ác như thế?" Hữu Lân đáp: "Là vì Thích sử Đoạn Sùng Giản đại nhân muốn ăn thận dê, thôi thúc, giục giã mãi, đồ tể đành phải giết dê mổ bụng ra lấy nguyên quả thận, tôi chỉ là người ở giữa đi truyền lệnh thôi." Diêm Vương lại sai phán quan kiểm tra danh sách thực đơn của Đoạn Sùng Giản, thì ra con dê này có trong danh sách, bèn tức giận đùng đùng mắng con dê đã chết kia một trận: "Số ngươi chắc chắn phải làm đồ ăn cho Đoạn Sùng Giản, ngươi không những không cảm tạ sự vinh dự và hạnh phúc vì được phục vụ thủ trưởng, mà còn tố cáo cái gì? Thật là điêu dân không biết điều!" Hoắc Hữu Lân được thả về. Trên đường về, đi ngang qua nhà của đại phu ngự sử, hỏi thì được biết người đương nhiệm chức ngự sử đại phu lúc ấy là Địch Nhân Kiệt, danh thần thời Võ Tắc Thiên, "danh thám" hàng nghìn năm sau trong các câu chuyện, quan trọng nhất là cậu ruột của Hoắc Hữu Lân, liền vào hỏi thăm. Cũng may khi ông ta đi một vòng, Địch công nói với ông ta: "Ngươi xuống đây cũng đã được bảy ngày rồi, trời lại nóng thế này, thể xác chắc chắc sớm đã hỏng rồi", rồi lệnh cho tả hữu lấy ra hai viên đan, nói với Hữu Lân: "Sau khi mang về, nghiền thành bột, chỗ nào trên thi thể hỏng thì rắc vào." Phần chuyện phía sau không cần nói nữa, dù sao thì sau khi Hoắc Hữu Lân hoàn dương, trên mặt

https://thuviensach.vn

và cơ thể trông rất đáng sợ, nếu không nhờ viên thuốc cậu cho, thì bộ dạng ấy thật là làm tổn hại đến hình tượng của quan viên chính phủ quá, nha dịch của huyện úy e rằng cũng không được nhận, chỉ sợ phải ra ngoài đóng vai cương thi mà thôi.

Cho dù không lo thiếu thuốc trong kho, nhưng cách coi hình dạng của nghi phạm như trò đùa thế này cũng là có khuyết điểm lớn. Vì vậy có một cách ngăn ngừa việc đó xảy ra: "Phàm là chuyện gì, thuốc được giao cho địa giới chủ giả, tránh trường hợp xấu xảy ra." "Địa giới chủ giả" ở đây chính là thần thổ địa, thuốc dưới âm phủ được phát thẳng cho cơ sở, do thần thổ địa đích thân hoặc sai người trông coi thi thể, lúc cần dùng thuốc bôi lên đó, để đạt hiệu quả đảm bảo sự tươi sống của thi thể, cho tới khi sự việc kết thúc. Những trường hợp này chúng ta có thể thấy ở trong *Thông u ký* do Trần Thiệu đời Đường viết (cũng có thể đọc ở *Hội xương giải nguyện lục* do Dật Minh thời Đường viết), nhưng những chuyện chưa biết đó thật sự cũng kéo dài quá lâu, có những việc trải qua chín mươi năm cũng chưa được giải quyết, cuối cùng đành bỏ mặc. Sau đó, kết quả tốt đẹp tới mức khiến người ta phải ngưỡng mộ.

Nhà Vi Phúng ở Nhữ Dĩnh, thông thuộc thi thư, vui vẻ điền viên, tự mình trồng trọt. Hôm đó tiểu đồng đi cắt cỏ trong vườn, nhìn thấy có tóc người dưới đất, chôn không sâu, mà tóc lại nhiều nhưng không bị rối, như vừa được chải chuốt xong. Vi Phúng thấy lạ, bèn đích thân dùng tay cẩn thận đào lên như những chuyên gia khảo cổ thứ thiệt. Khi đào sâu được một thước, bắt đầu thấy đầu một người con gái, da dẻ, dung nhan vẫn xinh đẹp như còn sống. Tiếp tục đào xuống, thì cả thi thể lộ hết ra ngoài, chỉ có quần áo là mủn đi theo tay người đào. Một lúc sau, người con gái dần tỉnh, có thể ngồi dậy, sau đó đứng ở đó, cúi người làm lễ, tự xưng là nữ nô tên Lệ Dung của tổ tiên nhà Vi Phúng. Nguyên nhân người con gái tên Lệ Dung này hàm oan mà chết không thể bỏ qua, tóm lại là án oan được đưa xuống để âm phủ phán xét, nhưng người phán quan đó đã từ chức rồi, phán quan mới tới nhậm chức cũng giống hệt quan lại trên nhân gian "không phải chuyện của mình, tạm gác ở đấy đã", kết quả là án này thành án chết, không ai giải

https://thuviensach.vn

quyết, treo ở đấy gần một thế kỷ. Cũng may năm nay Thiên Đế phái thiên quan đi tuần thị, kiểm tra những vụ án còn tồn đọng, một loạt những người hàm oan được giải phóng, nên cô ta mới có cơ hội hoàn dương, đương nhiên việc Vi Phúng bới đất cũng là kết quả của việc ma xui quỷ khiến. Từ đó về sau, Lệ Dung ở cùng với Vi Phúng, cùng nhau tu tiên đạo, luyện nội đan trong lò. Sau nhiều năm, hai người cùng biến mất tại nơi ở, có lẽ là cùng nhau vào núi hoặc thăng thiên trở thành "thần tiên" rồi.

Một án có nguyên nhân rõ ràng như thế mà bị chìm đi hơn chín mươi năm, thật sự khiến người ta không thể kiềm chế được muốn buột miệng mà chửi, nhưng đây chỉ là một ngón tay nhỏ trong mười ngón tay, mặt quang minh của âm phủ vẫn là chủ đạo. Đầu tiên, mặc dù linh hồn của cô gái kia ở dưới âm phủ gần một thế kỷ, nhưng cô ta không hề bị giam, mà được phép đi lại khắp nơi, không bị trói buộc, ví dụ đến cửu u mười tám ngục học miễn phí. Chủ yếu và cũng đáng tuyên truyền nhất là, vì để giúp thi thể của cô ta luôn tươi mới, âm phủ đã tiêu phí hàng tấn dược phẩm, cho dù món tiền này do trung ương và địa phương chi, thì cuối cùng vẫn là móc từ hầu bao của người nộp thuế, chuyện này cũng khiến người ta phải cảm động rồi. Thế là tôi liền nghĩ đến một tiết mục radio nghe trên xe buýt vài hôm trước, nói rằng tòa án của Đức vì cần nhân chứng cho một tên kẻ trộm chưa tới một phút làm chứng trước tòa, đã để nhân chứng bay từ Ý đến Đức, tiền vé máy bay khứ hồi do chính phủ Đức chi trả, trên xe không ít người cảm thán trước tin tức này, nhưng nếu đem so sánh với tổ tiên chúng ta dưới âm phủ, thì hành động của bọn họ có đáng gì đâu! Vì vậy khó trách được khi tới đời Minh, những tình tiết này vẫn được ghi chép lại trong *Mẫu đơn đình hoàn hồi ký*, tiếp tục khiến không ít người Trung Quốc phải cảm động không thôi.

Có điều từ sau đời Đường, dự án dùng dược phẩm tái tạo hay bảo dưỡng thân thể của người chết bị dừng lại, chỉ đến đầu thời Thanh, trong *Kiến vấn lục* do Từ Nhạc viết, mới lật lại câu chuyện cũ từ hàng nghìn năm trước này, dùng câu chuyện *Thang Công* trong *Liêu trai chí dị* lược bớt đi, trở thành câu chuyện thần thoại dùng bùn Mâu Ni bôi giữ thi thể. Nhân vật chính trong câu chuyện vẫn là Thang Sính, người này dưới ngòi bút miêu tả

https://thuviensach.vn

của Bồ Lưu Tiên[2], là dùng "Công quá cách"[3] của đạo học để biểu dương đức tính thuần chính của mình, tự xưng tội ác lớn nhất của mình "chẳng qua là năm bảy, tám tuổi từng giết một con chim non mà thôi", còn biết giả vờ hơn vị Cừu Quý Trí rút roi ra đánh con bò già một cái mà buồn đau tới tận cuối đời, nhưng vào tay của Từ Nhạc, lại trở thành một đại hiếu tử không làm quan chết không nhắm mắt.

[2] Bồ Lưu Tiên: tức Bồ Tùng Linh.

[3] Công quá cách: có nghĩa là dùng điểm số để đánh giá chỉ số thiện ác của mình.

Khác nội dung trong *Liêu trai* là tên Thang Sính đó khi chết đã đậu tiến sĩ, mà trong *Kiến vấn lục* lại đổi thành khi anh ta làm tú tài đã lâm bạo bệnh mà chết. Linh hồn của Thang tú tài bị quỷ tốt bắt đến chỗ Đông Nhạc Đại đế, có lẽ người này có thói quen làm việc gì cũng phải mặc cả một chuyến, lúc này liền khẩn cầu đại đế, nói mình là đại hiếu tử, không thể chết lúc này được, có hai lý do, một là "nhà còn mẹ già, không ai chăm sóc, Sính chết rồi mẹ biết sống với ai?", hai là "cả đời đọc sách chưa đạt được kết quả gì", không đạt được công danh cảm thấy có phần bất hiếu. Đông Nhạc Đại đế nói: "Số ngươi chỉ đến đấy thôi, công danh cũng chỉ đến đây là chấm dứt, ta chẳng có cách nào khác cả. Nếu ngươi là đệ tử Nho gia, thì nên đi tìm Khổng Tử thánh nhân đi." Cũng may Khúc Phụ cách Thái Sơn không xa, linh hồn Thang tú tài nhanh chóng được áp giải tới miếu Khổng Tử. Không ngờ Khổng Phu Tử cũng theo luật quan mà làm: "Sống chết theo Đông Nhạc, công danh do Văn Xương, ta không can dự được." Văn Xương Đế quân đang ở tận Tứ Xuyên, lần này thì rắc rối to rồi, Thang tú tài ra khỏi miếu Khổng Tử, không ngừng hỏi thăm khắp nơi. Vừa hay Quan Âm Bồ Tát đi ngang qua đất này, nghe thấy tiếng khóc lóc kể lể của Thang tú tài, lòng đại từ đại bi trỗi dậy, nói: "Thật đúng là đại hiếu tử, sao không thể đặc biệt chiếu cố một lần!", nói rồi liền ra chỉ dụ. Quỷ tốt áp tải anh ta nói: "Giờ nói gì cũng muộn rồi, thi thể anh ta đã thối rữa rồi." Bồ Tát nói không sao, liền lệnh cho thiện tài đồng tử đến Tây Thiên lấy bùn Mâu Ni, bôi khắp thân thể của Thang tú tài. Bùn đó có lẽ chính là "thuốc trùng sinh" mà Thôi

https://thuviensach.vn

Mẫn Xác thời Đường từng dùng, nhưng Diêm Vương vì lấy thuốc này mà phải mất tới mười mấy năm mới quay về được, thiện tài đồng tử nhờ vào nhân duyên của Bồ Tát mà chỉ mất có ba ngày.

Tiện đây cũng nhắc đến việc thi thể thối rữa của Thang Sính phục sinh tronh *Liêu trai*, trong đó Quan Âm Bồ Tát "trát đất làm thịt, dùng cành liễu làm xương", dùng phương pháp liên hoa tái sinh của Na Tra Thái Tử. Giờ Từ Nhạc chỉ muốn bùn Mâu Ni của Tây Thiên bị tuột tay, thì sẽ không cẩn thận khiến phép thần thông của Quan Âm Bồ Tát đi đến một con dốc trơn trượt. Hơn nữa thứ bùn này màu sắc, hương thơm nhức mũi. Thiện tài mang hồn Thang Sính quay về, thi thể anh ta quả nhiên đã thối rữa, ruồi nhặng bâu bên ngoài, dòi bọ đục bên trong. Sự tu bổ thi thể của bùn Mâu Ni toàn bộ là tự động. "Thiện tài dùng bùn đắp quanh thi thể, mùi hôi thối bắt đầu bớt dần, ruồi nhặng tản đi, dòi bọ cũng rời đi, thi thể bị thối rữa trước đó đã hoàn toàn trở lại như bình thường, dần dần có sinh khí." Sau đó thiện tài nhét linh hồn của Thang Sính vào thi thể đó từ đằng miệng, thi thể lập tức ngồi dậy. Sau đó Thang Sính làm cử nhân, đỗ tiến sĩ, làm huyện lệnh tại địa phương, chết khi đang đương nhiệm, ăn hại không biết bao nhiêu thóc gạo của bách tính, cũng chẳng làm được việc gì lợi nước lợi dân.

Mượn Thi Thể

1

Mượn thi hoàn hồn hoặc còn gọi là *Dịch hình tái sinh*, cũng chính là muốn nói thể xác của mình bị thối rữa hoàn toàn rồi, không thể hoặc không muốn sửa chữa, vậy thì đành để linh hồn mượn thi thể của người khác mà sống lại.

https://thuviensach.vn

Về mặt đạo lý thì "mượn xác hoàn hồn" với "linh hồn phụ thể[1]" thời cổ xưa là giống nhau. Cổ nhân thích ví thể xác của con người như một căn phòng, vậy thì bình thường linh hồn phụ thể, giống như khái niệm "hạ thần" của các thầy phù thủy và khái niệm "va chạm" mà dân gian thường nói. Căn phòng đó chỉ có thể mượn dùng tạm thời, chủ nhân cũ của nó vẫn còn, hoặc tạm thời đi xa, hoặc cùng chen chúc trong đó, thủ tục mượn thi thể không thể làm được, bởi vì đến một lúc nào đó vẫn phải trả lại cho người ta. Nhưng mượn xác hoàn hồn đa phần không giống ở chỗ chủ nhân sở hữu căn phòng đã bị đá ra ngoài, chỉ cần chuyển vào ở là có thể ở lâu dài, cho tới khi tới số phải chết.

[1] Linh hồn phụ thể: linh hồn bám vào cơ thể.

Mọi người đều biết, những căn phòng như thế mỗi ngày, mỗi giờ đều phải trống mất một khoảng thời gian, nếu như để đám du quỷ tự ý ra ra vào vào, đổi đi đổi lại, thì thiên hạ đại loạn. Vì vậy thường thì những trường hợp mượn xác hoàn hồn đều do quan phủ sắp xếp, không thể làm việc theo chủ nghĩa vô chính phủ. Trình tự bình thường của nó thường là Diêm Vương phát hiện người nào đó mặc dù đã chết, nhưng vẫn chưa tận số, có điều thể xác đã hỏng, liền tìm một người vừa mới chết "lấy đó làm nhà cho người kia", thế là hồn của Trương Tam liền chiếm lĩnh thể xác của Lý Tứ một cách hợp pháp, nhưng đây mới là bắt đầu của sự việc, bởi vì đồng thời Trương Tam còn phải chiếm hữu mọi thứ mà Lý Tứ có khi sinh thời một cách hợp lý. Những ví dụ kiểu này rất nhiều, mà được nhiều người biết đến, nhất là chuyện Lưu Toàn nhập vào quả dưa trong *Tây du ký*. Lưu Toàn và vợ là Lý Thúy Liên cãi nhau mấy câu, Lý Thúy Liên trong lúc tức giận nhất thời, tìm dây thừng treo cổ tự vẫn. Đến khi Diêm Vương tra ra vợ chồng Lưu Toàn đều sống thọ đăng sơn thì thi thể của Lý Thúy Liên đã hỏng không còn ra hình ra dạng nữa. Đúng lúc ấy, ngự muội của Đường Thái Tông là Lý Ngọc Anh phải chết vào ngày đó, Diêm Vương bèn ra lệnh cho quỷ sai mượn thi thể của Lý Ngọc Anh, để cho Thúy Liên hoàn hồn. Quỷ sai đó tuân mệnh, lập tức mang linh hồn của Thúy Liên vào trong hoàng cung nội viện. Chỉ thấy Ngọc Anh công chúa đang tản bộ ngắm trăng ngắm

https://thuviensach.vn

hoa, bị quỷ sai nhảy bổ vào lòng, đẩy ngã xuống đất, bắt sống linh hồn, đồng thời đưa linh hồn của Thúy Liên nhét vào trong cơ thể của Ngọc Anh. Vợ của một thường dân trong chớp mắt trở thành công chúa ngự muội. Từ đó có thể thấy, nếu như dưới âm phủ không có vị quan nào quản thúc những linh hồn đã rời khỏi thể xác, thì bọn họ nhất định sẽ chen chúc nhau đứng trước cửa lớn nơi hoàng cung, phủ quan, đợi vị quý nhân nào để "phòng" trống.

Nhưng không phải tất cả những trường hợp mượn xác hoàn hồn đều là quan phủ sắp xếp, có những du hồn hoặc là thấy kim thì luồn chỉ, hoặc là vì cơ hội trước mắt, liền lập tức bám vào thi thể thích hợp vừa bị trống nào đó. Nhân vật nổi tiếng nhất trong trường hợp mượn xác hoàn hồn là Lý Thiết Quả trong bát tiên, là trường hợp không phải do quan phủ bố trí.

Tiên nhân Lý mỗ (ở đây gọi là Lý mỗ, không phải là vì mất tên tuổi, mà là trong những phiên bản khác nhau thì tên của người đó cũng khác nhau, Lý Huyền, Lý Nhạc, Lý Nhạc Thọ, Lý Khổng Mục, Lý Bát Bách, Lý Ngưng Dương v.v… không thống nhất, nên đành tinh lược bớt đi) phải đi dự yến tiệc chỗ Thái thượng lão quân. Nhưng tiên nhân đi xa, không giống với người phàm, chỉ cần nằm xuống nhắm mắt lại, lập tức nguyên thần xuất ra khỏi thể xác, thế là đi thôi. Vì vậy nếu người ở dưới nghe được vị đại tiên nào đó nói rằng ngài chỉ cần trong nháy mắt là có thể chu du năm châu bốn bể, thì cũng đừng nghĩ ngài khoác lác, thực ra chỉ cần nhắm mắt lại, là có thể đi hết mọi nơi rồi. Lại nói Lý đại tiên trước khi "xuất thần", dặn dò đồng tử coi sóc xác mình cho tốt, đừng để con gì tham ăn ăn mất, nói là bảy ngày sau sẽ về, nếu không về, thì mang thể xác đi hỏa thiêu. Không ngờ mẹ của tên đồng tử đó lâm trọng bệnh, có người mang thư tới đòi hắn ta phải về nhà gấp. Lúc này đã là ngày thứ sáu, đồng tử tự ý quyết định, liền mang thể xác của Lý đại tiên ra đốt. Khi linh hồn của Lý đại tiên đúng ngày đã hẹn trở về, lại không tìm được nhà, trong lúc nguy cấp, cũng không cần biết tốt xấu gì nữa, liền tìm ngay xác một người chết đói bên lề đường gửi hồn vào, sống trong bộ dạng vừa thọt vừa xấu đó. Hình tượng này rõ ràng là không được tương xứng lắm so với một tiên phong đạo cốt, nhưng tên thọt chống

https://thuviensach.vn

gậy lại trở thành hình tượng của ông ta, thôi cũng coi như là "trong họa có phúc", vì vậy ông ta cũng không kỳ thị "căn nhà" mới nữa. Câu chuyện này không chỉ thấy trong *Liệt tiên toàn truyện* của người đời Minh, mà trong tạp kịch ở đời Nguyên và tiểu thuyết thời Minh cũng có những phiên bản khác nhau được lưu truyền. Không chỉ thế, trong tạp kịch thời Nguyên ngoài *Lã Động Tân độ Thiết Quả Lý Nhạc* ra, trong *Hoắc Toàn Phong mượn xác hoàn hồn, Sái Chân Nhân dạ đoạn bích đào hoa* đều có những tình tiết tương tự, từ đó có thể thấy, mượn xác hoàn hồn thật sự rất đi vào lòng người.

Ngoài trường hợp này ra, nếu vẫn còn trường hợp thứ ba, thì chính là quan phủ và người cùng nhau hợp tác để giải quyết. Nhưng kiểu mượn xác hoàn hồn này rất ít gặp, tôi chỉ đọc được một lần trong cuốn sách cũ, hơn nữa lại hoàn toàn không đáng tin. Trương Đậu người đời Đường có viết truyện *Trúc Quý Trinh* trong *Tuyên thất chí*, nói đến việc âm phủ có một quy định, có cách ba mươi năm lại có một người được tái sinh, cho phép linh hồn trong âm phủ được đưa ra lời thỉnh cầu. Nội dung thỉnh cầu chính là kể lại tội phúc mình có ở kiếp trước, chứng minh bản thân đã từng là một đại lương dân, sau khi sống lại sẽ không gây phiền phức cho hai thế giới âm dương nữa. Nếu như được thông qua, sẽ được trùng sinh. Việc này nhìn thì đơn giản, thực ra còn khó hơn cả trăm nghìn lần so với việc thi trạng nguyên trên nhân gian. Một là về mặt thời gian đã ba mươi năm chứ không phải ba năm, hai là số ma quỷ dưới âm phủ phải nhiều gấp mười lần số người trên nhân gian, vậy là Trúc Quý Trinh lại là người may mắn đó. Nhưng ông ta đã chết mười năm rồi, thi thể đã hỏng, minh quan hỏi ông ta làm thế nào. Trúc Quý Trinh nói: "Trong chỗ tôi có một người tên là Triệu Tử Hòa, vừa chết được mấy ngày, xin lão gia hãy cho tôi được mượn xác của anh ta để hồi sinh." Minh quan cũng chẳng hỏi Triệu Tử Hòa và vợ anh ta có đồng ý hay không, cũng không đi tìm hiểu xem Trúc Quý Trinh có lòng ham tài ham sắc hay không, tùy tiện gật đầu một cái, Trúc Quý Trinh liền trở thành chủ nhân của Triệu gia một cách hợp pháp, vợ con, nhà đất của Triệu Tử Hòa trở thành của ông ta cả.

https://thuviensach.vn

Kiểu tự ý chọn lựa và minh quan liền phê chuẩn này dễ khiến người khác hiềm khích, để ổn thỏa hơn, thì sự tùy cơ sắp xếp của minh quan có lẽ hợp lý hơn nhiều. Đương nhiên, chính sách ba mươi năm lại chọn một ngu dân cho trùng sinh này mặc dù nhằm cổ vũ bách tính của hai thế giới luôn hướng thiện, nhưng số lượng ma quỷ đệ đơn nhiều lại trăm phương nghìn kế, chen chúc nhau ở trong cửa thập điện, chỉ riêng việc duy trì trật tự thôi cũng phải dùng cả nghìn cảnh lực, lại thêm những công văn, đơn báo tích lại thành núi, Diêm Vương phán quan bắt người thẩm vấn làm những việc chính còn bận không kể xiết, giờ lại phải hy sinh giấc ngủ và niềm vui, đọc đơn xin tái sinh và phê chuẩn, kiểm tra bên trong, điều tra bên ngoài, thảo luận phỏng vấn, sao có thể không loạn như khi Tôn Hành Giả lên trời đại náo chứ? Vì vậy, chính sách mới này cũng chỉ thực hiện được một hai lần, sau này không ai nhắc đến nữa.

2

Cho dù ngoài miệng thì mọi người nói linh hồn quan trọng hơn thể xác, nhưng con người một khi liên quan tới vấn đề quyền lợi, lại căn cứ vào thể xác để phân bổ. Thể xác của Trương Tam có quyền sở hữu tiền bạc, quyền thế, danh tiếng, bố mẹ, vợ con của Trương Tam v.v…, tất cả mọi thứ, điều này dường như không cần phải nghi ngờ trong một thế giới bình thường. Nhưng giờ lại xảy ra trường hợp mượn xác hoàn hồn, linh hồn và thể xác lại tổ hợp với nhau, sẽ xảy ra chuyện khó giải quyết. Ví dụ, Trương Tam chết rồi, Lý Tứ chạy lại nói, linh hồn của Trương Tam đang ở trong thể xác của tôi, thế là đòi vào trong nhà Trương Tam, vào phòng Trương Tam, còn đòi ngủ trên giường của Trương Tam nữa, e là nếu làm vậy sẽ bị người nhà Trương Tam đánh đuổi ra mất. Linh hồn của Trương Tam dù cảm thấy ấm ức, sợ là chẳng có cách nào, đành quay về ngủ trên giường của Lý Tứ. đương nhiên, trong tiểu thuyết cũng có rất nhiều những câu chuyện, thường là Lý Tứ sau khi kể rõ đầu đuôi ngọn ngành, thì được gia đình Trương Tam tiếp nhận, và vợ của Trương Tam cũng vẫn ân ái mặn nồng như ngày nào, vẫn thản nhiên trước sau như một, nhưng những chuyện như thế này cuối

https://thuviensach.vn

cùng cũng khiến người ta cảm thấy kỳ quái, dễ khiến người ta nghi ngờ bị người thứ ba lợi dụng, không chỉ chen chân vào, mà còn thay thế luôn cả người chồng xui xẻo kia.

Mượn xác hoàn hồn mà gây ra đa số những chuyện lằng nhằng thì chỉ có loại này, không chỉ thấy trong tiểu thuyết, bút ký, thậm chí còn thấy cả trong chính sử. Ví dụ như *Kim sử. Ngũ hành đức* có một truyện:

Kim Thế Tông đại định chính nguyệt năm 13, thượng thư tỉnh tấu: "Uyển Bình Trương Hiếu Thiện có người con trai tên Hợp Đắc, bệnh chết vào tháng Ba năm Đại Định thứ mười hai, sau được sống lại, chạy đến nói là con trai Vương Kiến tên Hỷ Nhi, nhà ở Lương Hương, mà Hỷ Nhi đã chết từ ba năm trước, Kiến kiểm tra mọi chuyện xảy ra trong nhà, Hỷ Nhi đều có thể nói rõ tỏ tường. Thiện này đã mượn xác hoàn hồn, trở thành con của Vương Kiến."

Hỷ Nhi người huyện Lương Hương, chết từ ba năm trước, nhưng lại mượn xác của Trương Hợp Đắc người huyện Uyển Bình để sống lại, hai huyện này cách nhau không xa, khoảng như trong và ngoại thành Bắc Kinh ngày nay. Sự việc kinh động đến chính quyền của tỉnh, là bởi vì chuyện này đã gặp nhiều trong những tiểu thuyết kỳ quái, đến khi thực sự xảy ra ngoài đời thế này, lại liên quan đến rất nhiều những vấn đề trong thực tế, quan trọng nhất chính là quyền thừa kế tài sản và địa vị. Thượng thư tỉnh thì cho rằng, nếu đã là mượn hồn thì nên trả Trương Hợp Đắc về cho Vương Kiến. Nhưng xem ra Kim Thế Tông có vẻ suy nghĩ cẩn thận, chu đáo hơn những vị đại thần kia, ông ta sợ rằng nếu để chuyện này lộ ra ngoài, thì không khéo trong nhân gian sẽ lại xuất hiện rất nhiều những sự việc mượn xác hoàn hồn khác nữa, người nào đó vừa ngủ một giấc, khi tỉnh lại lập tức trở thành con trai của vị đại tài vừa mới mất, điều đáng sợ hơn là, ngộ nhỡ có người nào đó nói cha, mẹ, hoàng tử, công chúa của hoàng đế mượn xác ông ta để hoàn hồn, thế thì chẳng phải sẽ còn đáng giá hơn cả sự mua bán của Lã Bất Vi hay sao! Vì vậy, đúng như những gì Kỷ Quân từng nói, trong dân gian khi lại phát hiện những sự việc như trên thì "quan phủ khi xử án này,

https://thuviensach.vn

căn cứ vào thể xác không căn cứ vào linh hồn". (Quyển bốn *Duyệt vi thảo đường bút ký*) mà sau này mặc dù trong chính sử cũng có ghi chép lại việc mượn xác hoàn hồn, như *Minh sử. Ngũ hành chí*: "Tháng Tám năm Hồng Vũ hai mươi bốn, phụ ty long môn Hà Nam tên Mẫu Đơn mất đã ba năm, mượn xác của Viên Mã Đầu tái sinh", nhưng họ chỉ bình luận đấy là việc yêu dị mà thôi.

Nhưng nếu nói cách khác, Trương Tam chết rồi, linh hồn của Lý Tứ chiếm thể xác của Trương Tam, vậy thì có thể đường đường chính chính và nhà của Trương Tam, vào phòng, lên giường, chỉ cần bản chủ không nói, thì không ai có thể nghi ngờ việc Trương Tam bị hồn người khác mượn mất xác, mà cho dù có nói, e là cũng chẳng có ai tin. Trong truyện *Mượn xác hoàn hồn* ở quyển sáu cuốn *Dực quynh bại biên* do Thang Dụng viết về một nho sinh già, tuổi đã ngoài bảy mươi, gia cảnh nghèo khó. Một tối khi đang nằm trên giường cùng vợ, mơ thấy mình ngã lăn xuống dưới, có lẽ là đã chết rồi. Nhưng không biết tại sao, linh hồn lại chạy sang thể xác của người khác. Khi ông ta tỉnh dậy, "da thịt nõn nà, quần áo tinh tươm, thơm tho sạch sẽ, không phải là loại vải thường. Trên giường có người nằm bên cạnh, đưa tay ra chạm vào người ấy, hoàn toàn không phải bà vợ già của mình, lật chăn ngồi dậy, người cùng giường cũng tỉnh, gọi người ở mang lửa đến, thì ra người cùng giường chỉ là một thiếu phụ trẻ hơn hai mươi tuổi." Một ông lão nho sinh nghèo khó, bỗng chốc trở thành công tử nhà giàu, mặc dù bỏ lại người vợ già đáng thương, nhưng bản thân lại "có được rất nhiều điều tốt đẹp". Còn chàng thiếu gia trước kia vốn mít đặc, nay tỉnh lại bỗng thơ văn đầy đầu, đối với nhà tài chủ này thì đây cũng là một may mắn lớn. Việc linh hồn của vị thiếu gia kia đang lưu lạc phương nào, tới nay không ai còn nghĩ đến nữa. Cái kết của câu chuyện cũng rất có hậu. Vị lão nho này "mỗi lần nhớ tới người vợ già ở kiếp trước, liền lén tới thăm nom". Năm ấy ông ta đậu cử nhân, khi đến Bắc Kinh dự thi, lại đi đường vòng về thăm nơi ở cũ. "Thấy bà lão tóc bạc trắng, có hai đứa con nghèo khó, xác của mình còn chưa được chôn cất, cảm thấy buồn phiền mà bỏ đi."

https://thuviensach.vn

Những chuyện may mắn như thế không phải dễ gặp, nhưng có người gặp được lại chưa chắc cho nó là chuyện tốt. Trong *Trường Thanh Tăng ở Liêu trai chí dị*, một vị cao tăng đặc biệt thâm nghiêm, sau khi chết linh hồn đột nhiên nhập vào xác một quý công tử đã chết, khi tỉnh lại chỉ thấy "rất nhiều người da trắng tóc xanh, tập trung tra hỏi", từ đó lão tăng không dám mở mắt, không cả dám thở, thê thiếp của vị quý công tử đó cũng đành phải làm quả phụ sống giữ tiết, như thế này thật không phù hợp với cả hai bên. Nhưng trong hàng vạn cao tăng giống như vị cao tăng này cũng tìm được một người, trong mắt chúng sinh người đó rõ ràng là một quái vật, không thể trở thành tấm gương để người khác học tập.

3

Hình và hồn trong việc mượn xác hoàn hồn, tuyệt đại đa số khoảng cách giữa họ đều không xa, khi kết hợp khá thuận tiện, thậm chí còn có thể đi lại với nhau thân thiết như họ hàng. Thỉnh thoảng cũng có những trường hợp cách xa nhau hàng trăm dặm, nhưng cũng không gặp trắc trở gì, đã là âm dương hai thế giới thì có thể liên hệ với nhau, cùng trong một làng, cùng trên địa cầu, dù là ở cách xa trăm ngàn dặm thì cũng chẳng phải chuyện gì to tát.

Trong *Động linh tiểu chí*, Quách Tắc Vân viết về câu chuyện do một người đồng niên với ông ta là Hứa Tố Quân từng đích thân trải nghiệm qua. Tố Quân nhậm chức dịch bộ, từng có người Pháp mang công văn đến, một người Việt Nam đã chết nay sống lại, nhưng nói tiếng Trung Quốc, tìm phiên dịch đến, mới biết là người ở huyện Sơn Đông mượn xác hoàn hồn. Chính phủ Pháp cảm thấy chuyện này rất quái dị, nên yêu cầu triều đình nhà Thanh cử người đến Sơn Đông kiểm tra. Kết quả điều tra thế nào trong truyện này không đề cập đến, nhưng nhiều năm về sau, khi Quách viết *Động linh tiểu chí*, lại ghi lại chuyện mà người bạn thơ Dương Vị Vân từng kể. Dương nói năm đó anh ta đang làm sở trưởng sở tài chính Sơn Đông, có một vị chủ tịch huyện tới chơi, kể rằng ở một làng trong huyện có người

https://thuviensach.vn

nông dân, bệnh chết sau đó sống lại, ngữ khí buồn bã vô cùng. Người đó vốn không biết chữ, đột nhiên lại có thể cầm bút viết sách, văn phong rất hay, tự nhận là một người Việt Nam nào đó mượn xác hoàn hồn. (Thời ấy Việt Nam và Triều Tiên giống nhau, những người tỏ tường văn tự chữa Hán trong phần tử tri thức rất nhiều.) Dương Vị Vân cảm thấy chuyện này khá hiếm, liền lệnh cho huyện lệnh giải người quê ở Sơn Đông đó tới, cung kính hỏi thăm. Dương nghe người ta nói người Việt Nam giỏi việc khoan giếng, nên hỏi người đó có biết hay không, người này nói rằng mình có thể tìm mạch nước, cũng có thể khoan giếng. Xem ra hai chuyện này chỉ là một, người Sơn Đông và người Việt Nam kia không ngại vạn dặm xa xôi, đã hoán hồn đổi xác cho nhau. Giải thích cho việc này cũng không phải khó khăn gì, chỉ cần để Diêm Vương Trung Quốc và Diêm Vương Việt Nam gặp nhau, đổi lại hồn cho hai người bọn họ là xong.

Bình thường mà nói, chỉ xét riêng về phần "linh hồn" thì việc mượn xác tái sinh của nó chỉ có lợi mà không có hại.

Một linh hồn vốn đã bị chôn vùi dưới đất sâu nơi âm tào địa phủ, có thể tự do quay lại trần gian nhập vào thân phận của một người, việc này không thể không nói là việc vui bất ngờ, mà đôi khi còn là đại hỷ, cùng lắm thì hai bên chủ khách nhất thời có chút sợ hãi và ngượng ngạo. Cho dù địa vị từ giàu có trở thành bần hàn, nhưng sống nghèo khổ thì vẫn hơn là chết sung sướng, cũng chưa nghe có trường hợp nào vì chuyện này mà tự sát. Điều đau khổ và tương đối ảnh hưởng tới nhân tình thế thái, không phải việc từ người giàu có trở thành người nghèo hèn, mà là sự thay đổi về hình dạng. Giống như Lý Thiết Quả, từ tiên phong đạo cốt trong nháy mắt trở thành một kẻ vừa xấu vừa tàn tật, ông ta là thần tiên, điều đó không ngăn cản ông ta du ngoạn nhân sinh, có thể "chân nhân không lộ tướng", quan trọng nhất là ông ta không có vợ và bạn bè để nhận ra hình dạng của mình, vì vậy cũng chẳng cảm thấy có gì không thích hợp. Nhưng với người phàm trần thì không thể thế. Trong truyện *Thổ nhân giáp* ở quyển *U minh lục* do Lưu Nghĩa Khánh viết có kể chuyện xảy ra vào năm Nguyên Đế thời đầu Đông Tấn. Thổ Nhân Mỗ Giáp, bạo bệnh mà chết. Lên đến trời (khi đó vẫn còn

https://thuviensach.vn

quan niệm về Thiên đế Tư Minh), Tư Minh lão gia phát hiện anh ta chưa đến số chết, vội vàng trả anh ta về lại dương thế. Nhưng chân của Mỗ Giáp lại giở chứng, không đi được. Mấy tên âm sai bắt đầu nổi cáu, bởi vì nếu Mỗ Giáp bị đau chân không kịp quay về dương gian, thì họ sẽ phải ngồi tù oan. Thế là hỏi ý kiến tư mệnh. Tư mệnh suy nghĩ hồi lâu, nói: "Cũng may vừa có tên Hồ Nhân Khang Ất, nhà ở Tây Môn, cách nhà Mỗ Giáp không xa. Chân của tên ấy rất khỏe, đổi cho nhau, cả hai chẳng ai tổn hại gì." Nhưng tên Hồ Nhân này ngoại hình rất xấu, đôi chân đó đặc biệt trông rất kỳ dị, Mỗ Giáp không chịu đổi. Quỷ sai nói: "Nếu ngươi không đổi, thì phải ở đây lâu đấy." Mỗ Giáp chẳng còn cách nào khác, đành phải đồng ý. Âm sai lệnh cho hai người nhắm mắt lại, trong giây lát, chân của hai người được đổi cho nhau. Sau khi Mỗ Giáp sống lại, vừa nhìn xuống đôi chân, quả nhiên đã đổi thành chân của Khang Hồ rồi, lông lá rậm rạp, mùi hôi thối bốc lên. Mà Mỗ Giáp vốn là người hay tự trách thương bản thân, nên đến ngay cả chân tay cũng xót xa vô tận, giờ thành ra bộ dạng thế này, tự nhiên buồn bã muốn chết. Cũng may người nhà nói Khang Hồ còn chưa bị đem chôn, Mỗ Giáp liền đến nhà Khang Hồ xem, nhìn thấy đôi chân của mình trên người Khang Hồ, bất giác không kìm được nước mắt tuôn rơi, thương xót một hồi cho đôi chân nhìn thì đẹp mà vô dụng đó. Chuyện phiền phức còn ở phía sau, thì ra con trai của Khang Hồ là một người có hiếu, sau khi biết chuyện đổi chân, mỗi khi năm hết Tết đến, nhớ đến cha mình, lại không kìm được sự buồn đau, chạy đến phủ Mỗ Giáp, ôm lấy đôi chân với đám lông rậm rạp, hôi thối mà khóc lóc. Thỉnh thoảng gặp Mỗ Giáp trên đường, người con hiếu thảo đó cũng vuốt ve đôi chân cha, khóc lóc không ngớt. Đôi chân đó vốn là của cha ruột người ta, nếu từ chối thì xem ra không được hay ho cho lắm, thế là Mỗ Giáp đành tìm cách tránh, mỗi lần ra ngoài, đều lệnh cho người ra cửa, nhìn trước ngó sau, tránh con trai của Khang Hồ đột ngột xông ra…

Mới chỉ đổi chân thôi mà đã như thế rồi, nếu đổi cả thể xác của Khang Hồ thì con ông ta còn thế nào nữa? Mượn xác hoàn hồn, bản chất của việc này không tồn tại tính không xác định, số lượng những cô gái thôn quê bao giờ cũng nhiều hơn những cô nương trong hoàng cung, chắc các vị mượn hồn

https://thuviensach.vn

cũng không vì chuyện này mà nảy sinh những suy nghĩ khác, mà những người đẹp trai, râu rậm chỉ là số ít thôi, nhưng một khi nhập vào xác một người râu rậm, cho dù bản thân có chấp nhận, thì vợ cũng chưa chắc để ông ta vào nhà. (Trong truyện *Linh Bích nữ mượn xác hoàn hồn* ở quyển một *Tử bất ngữ* do Viên Mai viết, nói về linh hồn của Tuấn Tiếu sau khi nhập vào thể xác của một người phụ nữ xấu, lại có thể biến người phụ nữ xấu đó thành người phụ nữ đẹp, nhưng những ví dụ có thể biến cũ thành mới thế này quá ít, tốt nhất đừng ôm hy vọng thì hơn.) Nhưng đây không phải thứ khiến chủ nhân của nó khó chịu nhất, nếu để linh hồn của nam nhập vào xác của nữ thì thế nào? Xảy ra trường hợp đó không thể không khiến người ta nghĩ đến cảnh ngộ của Lâm Chi Tường ở trong vương quốc nữ nhi.

Truyện *Tuần kiểm phụ hồn* trong quyển bảy cuốn *Cô Thặng* do Nữu Tú viết, có ghi lại một câu chuyện xảy ra vào thời Khang Hy. Ở huyện Hà Nguyên, ti Lam Khẩu có tuần kiểm Vương Học Cống, sau khi chết không lâu, người con gái chưa xuất giá của ông ta vì khóc thương cha mà sinh bệnh, mấy ngày sau cũng chết. Nhưng khi đang cho cô ta vào trong quan tài, thì cô ta đột nhiên ngồi dậy, tự nhìn xuống cơ thể mình nói: "Ta là Vương tuần tư, sau lại ăn mặc như con gái thế này?" Thì ra Vương Học Cống dương thọ chưa hết, nên được trả về dương gian, phụng mệnh Diêm Vương, mượn luôn thi thể con gái của ông ta. Vốn Diêm Vương có ý tốt, không ngờ, cô gái duyên dáng khuê các này lại cởi bỏ vải buộc chân, cắt đi mái tóc dài của mình, thế cũng không có gì làm lạ, lạ là cô ta tìm tới gặp huyện thái gia, yêu cầu khôi phục lại chức cũ cho cha mình.

Trong *Duyệt vi thảo đường bút ký* do Kỷ Quân viết, ghi lại một truyện có những thành phần ác bá. Chuyện này xảy ra vào giữa năm Càn Long ở thị bộ viên ngoại trưởng công thái gia. Nhà ông ta có một đầy tớ, mới hơn hai mươi tuổi, trúng gió mà chết, ngày hôm sau lại sống lại. Nhưng từng lời nói, hành động của chị ta lại giống hệt như nam nhi, gặp chồng cũng không có vẻ gì là tỏ ra quen biết. Sau khi mọi người nghiên cứu tìm hiểu nguyên do, chị ta mới nói mình vốn là đàn ông, sau khi chết xuống âm phủ, phán quan kiểm tra thấy dương thọ của anh ta chưa hết, nên theo lý phải được

https://thuviensach.vn

hoàn dương, nhưng có một điều kiện, phải trở thành nữ nhi, thế là trong nháy mắt đã thấy nằm trên giường người khác. Lại hỏi tới danh tính, quê quán của chị ta, chị ta kiên quyết không chịu nói, người khác biết ngay có ẩn tình, cũng không truy hỏi nữa. Đến tối, chồng kéo chị ta vào giường, nói thế nào chị ta cũng không chịu thuận theo. Nhưng chồng chị ta thoạt nhìn thì tưởng người lỗ mãng, nhưng lại là một hảo hán không tin vào tà ma, cuối cùng cũng khiến chị ta phải nhìn nhận sự thật, trở lại làm phụ nữ. Từ đó mỗi lần vợ chồng ân ái xong, chị ta đều khóc lóc không thôi, thút tha thút thít khóc cho tới sáng. Có người còn nghe thấy chị ta lầm rầm nói: "Lão phu đọc sách hơn hai mươi năm, làm quan ba mươi năm có lẻ, sao lại phải chịu nỗi nhục này hả trời!" Nói thì nói thế, nhưng nhục thì vẫn phải chịu. Nghe nói cho tới tận khi chết, chị ta cũng không chịu tiết lộ chút tin tức nào về thân phận trước kia của mình, sợ tin truyền về quê cũ sẽ khiến "người thân đau lòng, mà kẻ thù thì hỷ hả."

4

Đọc câu chuyện ở trên, cảm thấy âm phủ phân phát thi thể cho việc hoàn hồn, cũng hoàn toàn không phải là tùy cơ hoặc tùy hứng. Cùng là hoàn hồn, trong nháy mắt liền xảy ra những biến đổi lớn, hoặc rơi xuống vực sâu, hoặc bay lên tận mây xanh, thật không khỏi khiến người ta phải cảm thán trước sự trớ trêu của tạo hóa. Thế là chủ đề trừng phạt cái ác, ca ngợi điều thiện bắt đầu thu hút sự chú ý của mọi người, từ đó việc nhân quả luân hồi không chỉ thêm một phương thức nữa để thực hiện nhanh hơn, mà việc luân hồi này còn mang cả một ký ức hoàn chỉnh của kiếp trước, càng có ý nghĩa giáo dục hơn. Kết quả của hơn ba mươi năm làm quan là hằng đêm "nhẫn nhịn nỗi nhục của một kẻ nô lệ", thì từ đấy có thể suy đoán được khi làm quan ông ta như thế nào.

Nhưng những câu chuyện có nội dung dùng việc mượn xác hoàn hồn để tuyên truyền luật nhân quả còn có một phương thức khác, hòan toàn không liên quan gì đến linh hồn và thể xác của chủ nhân. Trong truyện *Mượn xác*

https://thuviensach.vn

hoàn hồn trong quyển ba *Vọng vọng lục*, kể về Mỗ Giáp nào đó là một đại tài chủ, bán hàng giá cao, mở cửa hàng cầm đồ, nhưng đối xử với người khác thì rất hà khắc. Ông ta đã hơn sáu mươi tuổi, sau khi thê thiếp lần lượt qua đời, chỉ còn lại một đứa con trai, giờ đang lâm trọng bệnh sắp chết. Hôm đó, canh ba nửa đêm, đột nhiên có người gõ cửa, thì ra là mang tiền đến lấy lại đồ đã cầm. Mỗ Giáp trong lòng đang buồn bực, liền mở miệng quát mắng người kia, nói ngày mai hãy đến. Người đó nói: "Sáng sớm ngày mai thì đã đến thời hạn rồi, tôi phải gom góp mọi thứ mang đi bán, mới gom được đủ tiền, chính là muốn chuộc lại món đồ đó." Mỗ Giáp suy nghĩ nhanh, thầm tính toán con trai cũng sắp chết rồi, cả đời cắt da cắt thịt bách tính, vì tiền làm bao việc thất đức như thế, giờ còn giữ lại chút tiền đó để làm gì nữa. Hôm sau, ông ta trả lại hết những ruộng vườn và đồ vật mà người dân mang đặt, đốt hết những giấy ghi nợ đang cầm trong tay. Nhưng con trai ông ta cuối cùng vẫn phải chết, ông ta ôm thi thể con khóc lóc, đến nửa đêm vẫn còn ngồi trước linh cữu rơi nước mắt. Đột nhiên, có một người đẩy cửa đi vào, ông ta ngẩng đầu lên nhìn, nhận ra đấy là người thường xuyên tới tìm ông ta vay nợ. Người đó nói: "Con trai ngài là một quỷ đòi nợ, sau khi đòi hết những gì ông nợ anh ta từ kiếp trước rồi thì đương nhiên phải đi, vì vậy ông cũng đừng đau buồn quá. Tôi thấy ông trượng nghĩa, nguyện làm con trai ông, sống cùng ông nốt những năm còn lại." Nói xong, người đó biến mất, cùng lúc đó thi thể trên giường cũng sống lại. Ngày hôm sau, Mỗ Giáp đến nhà người đó nghe ngóng, mới biết người đó đã chết tối qua, còn con trai ông hiện giờ là do anh ta mượn xác hoàn hồn.

Trong quyển ba cuốn *Hữu đài tiên quán bút ký* do Du Việt viết có một truyện, được viết cũng khá kỳ diệu. Ở Tô Châu có một người đàn ông mất đi đứa con trai trong lần loạn lạc năm 1860, nhưng trong trận loạn đó lại thu nhận một đứa trẻ bị lạc cha mẹ. Sau trận loạn lạc, ông ta trở về quê cũ, nhận đứa trẻ đó làm con nuôi, còn lấy vợ cho con. Nhưng thật không may người con nuôi cũng chết, hôm ấy, đúng lúc chuẩn bị nhập quan, thì người con nuôi lại sống lại, vái cha, nói: "Ly biệt cha mẹ đã lâu, cha mẹ vẫn khỏe chứ?" Động tác và giọng nói ấy, chính là của đứa con ruột ông ta. Khi hỏi kỹ lại, người con này nói sau khi bị lạc, lưu lạc tới một vùng đất nào đó, sau

https://thuviensach.vn

khi loạn lạc qua đi, mới nhờ thuyền người ta về lại nhà. Đang nói, thì ngoài cửa có người đi vào, thì ra chính là "người ta" mà con trai ông vừa nhắc đến, nói: "Tôi đưa con ông về nhà, không ngờ vừa vào đến cửa, con ông lâm bạo bệnh mà chết rồi, giờ thi thể của anh ta vẫn ở trên thuyền tôi." Lúc này ông ta mới hiểu, thì ra linh hồn của con đẻ mình mượn xác của con nuôi để tái sinh.

Xem qua thì tình tiết của hai câu chuyện này rất giống nhau, nhưng nếu đọc kỹ thì cách hồn mượn xác trong hai câu chuyện lại khác nhau. Mặc dù là "mượn xác hoàn hồn" nhưng chủ thể trong hai câu chuyện đó vẫn là ma. Câu chuyện đầu tiên không giống thế, chỉ cần da thịt là của con trai, còn bên trong là linh hồn của ai, thì cũng vẫn là con trai tôi, thế thì không phải là "mượn hồn sống lại" sao? Căn cứ vào quy tắc từ trước tới nay của những câu chuyện kiểu này, thì việc đứa con trai sống lại lưu luyến không quên được "nhà cũ" của linh hồn mình, anh ta nên chủ động đi thăm bố mẹ cũ, vợ con mình, nếu ở đây có ý gì đó liên quan tới việc "báo ứng", thì chính là việc anh từ một kẻ nghèo rớt mồng tơi đột ngột thành người giàu có, đầy đủ. Lương Công Thần đã đưa ra suy nghĩ cảm thán của mình ở phần kết của câu chuyện, nói rằng: "Đứa con đòi nợ đi rồi, đứa con trả nợ đến, cùng trong một cơ thể, thiện ác chỉ báo ảnh hưởng là ở đây." Đương nhiên, cũng có thể suy nghĩ về câu chuyện này từ một góc độ khác, lão tài chủ tham lam cả đời, kết quả cuối cùng là, con quỷ đòi nợ đi rồi, lại thấy một con quỷ đòi nợ khác đến, chỉ có điều con quỷ này sẽ ở lại mãi, không đi nữa. Suy nghĩ lương thiện một chút, đứa con được sống lại nhờ linh hồn của người khác, nghĩ đến những người nghèo bị ông ta hại cũng không ít, ông trời thế là cũng không xử tệ với ông ta rồi.

Câu chuyện thứ hai nhìn từ góc độ báo ứng thì có vẻ hợp lý hơn, đứa con trai mà ông lão bị lạc mất, vẫn chưa biết sống chết thế nào, vì vậy ông ta nhận nuôi con của người khác cũng là một hành động cao đẹp, cuối cùng con giả biến thành con thật, coi như người tốt được báo đáp rồi. Nhưng có một lỗ hổng lớn, khiến toàn câu chuyện không có tính kết nối cho lắm. Mặc dù con đẻ đồng ý hoàn hồn rồi, ngoài cửa là thi thể của chính mình, bề

https://thuviensach.vn

ngoài hoàn chỉnh không thiếu thốn gì, nội tạng bên trong vẫn tươi mới như còn sống, hà tất phải đi mượn thể xác của người khác? Nếu Du Khúc Viên cũng giống Lương Công Thần hứng chí đưa ra nhận xét, nói rằng: "Con đẻ về rồi, con nuôi cũng không chịu đi, con đẻ, con nuôi hợp trong một thân thể." Có thể như thế cũng khiến câu chuyện rõ ràng hơn. Huồng hồ bên cạnh đó còn có con dâu ông ta nữa, nếu con đẻ ông ta không mượn xác của con nuôi, không những phải xây một căn nhà khác, mà cưới con dâu khác cũng phải tốn mớ tiền nữa.

Kiểu quả báo xảy ra trong đề tài mượn xác hoàn hồn này, hình như xuất phát từ sự sáng tạo của những người ở đời Thanh, còn trước đó chưa từng nghe qua.

Di hồn

Di hồn và mượn xác hoàn hồn cũng gần giống nhau, đều là di chuyển linh hồn của người này vào thể xác của người khác, nhưng sự khác biệt giữa chúng chính là có sự phân chia về tà, chính. Mượn xác hoàn hồn chính là đem linh hồn của một người đã chết gửi vào thể xác của một người khác cũng đã chết, còn cái gọi là di hồn, tức là đưa linh hồn của một người còn sống di chuyển vào thể xác của một người đã chết, hoặc là đổi thể xác của hai linh hồn người sống, mà bên chiếm thế chủ động, lại mang động cơ không những được lợi về mình mà còn rất tà ác.

Mượn xác hoàn hồn vẫn luôn khoác trên mình cái áo là do quan phủ sắp xếp hoặc cho tặng hợp pháp, mặc dù kết quả cuối cùng chưa chắc đã được sự chấp nhận của pháp luật trên nhân gian, nó vẫn luôn chỉ là một vở kịch vui, kém nhất cũng vẫn có tính chất hài hước. Nhưng di hồn thì không giống thế, người thao tác nó là thuật sĩ và phù thủy, dùng thủ đoạn bí ẩn và nguy hiểm không thể nhìn thấy người thực hiện để tiến hành một cuộc lừa

https://thuviensach.vn

đảo ngoạn mục với mục đích là sinh mệnh và tài sản, quá trình của nó rất kinh dị, kết cục luôn luôn là bi thương.

Nhìn từ góc độ kỹ thuật của thầy phù thủy thì là "di hồn", nhưng mục đích cuối cùng là khiến nhân vật chính "dị hình", vì vậy, kiểu phép thuật này còn được gọi là "dị hình pháp", dễ nghe hơn một chút thì gọi là "thủ pháp mượn hình", ngoài ra còn có những cách gọi như "thiết ngưu pháp", có điều không biết tên này xuất phát từ đâu.

Trong bút ký tôi đọc được tài liệu sớm nhất về thuật dị hình, là một truyện trong quyển hạ, biệt tập *Quý tân tạp chí* do Chu Mật viết:

Có vị đạo nhân mạnh khoẻ họ Trần, thường xuyên qua lại với một người tên Kiệt Tác, uống rượu nói chuyện. Kiệt hỏi đạo nhân sẽ làm gì, đạo nhân trả lời: "Ta đang tìm khoảng mười bảy, mười tám thi thể nam nhân cường tráng." Một đêm, đột nhiên có Lưu Thái úy dùng roi đánh chết tiểu đồng, Kiệt được mời đến lo ma chay. Đạo nhân cho thi thể đó vào trong chum nước nóng, lại cho cả quần áo của mình vào trong đó, Kiệt Tác ngồi một bên, đạo nhân bắt đầu kết hợp. Cho đến sáng, thi thể của đạo nhân cùng thi thể tiểu đồng sống lại.

Kiệt Tác là người lo việc tang lễ, chôn cất, tin tức tình báo về thi thể trong thành phố, vì vậy vị lão đạo này muốn tìm được thi thể vừa ý thì phải kết giao với Kiệt Tác, người làm trong ngành. Quá trình di hồn hoán hình rất ung dung nhàn nhã, trong bồn nước, hai người ngồi đối diện với nhau, nhìn từ bên ngoài vào, rõ ràng là cảnh sư đồ truyền đạo. Thậm chí còn có thể lý tưởng hóa quá trình này hơn nữa, ví dụ nói thành tiểu đồng "bị tự nguyện" cống hiến toàn bộ "cơ quan" của mình cho lão đạo, nhưng cách nói này có chút giống với kiểu "chuyên gia" thời nay, không thích hợp với khả năng lý giải của những dân đen kiểu tôi.

Chu Mật là người cuối thời Nam Tống và đầu thời Nguyên, trước đó liệu có phải đã có những ghi chép về việc di hồn dị hình, chỉ giận là những sách tôi

https://thuviensach.vn

đọc có hạn, còn chưa gặp được, nhưng không thể vì thế mà kết luận rằng kiểu phép thuật này chưa từng xuất hiện sớm hơn. Nếu chúng ta mở rộng phạm vi lớn hơn một chút, thì có thể coi *Liệt tử* là câu chuyện di chuyển trái tim trong thời Ngụy - Tấn như một cách khác của di hồn dị hình. Bởi vì trái tim trong đó đề cập đến bao gồm tất cả những gì mà linh hồn người này có, trên thực tế thì là thông qua thủ đoạn y học để hoàn hồn cho người ta. *Liệt tử. Thang vấn* đại khái như sau:

Lỗ Công Hộ, Triệu Tề Anh, hai người này đều có bệnh, đồng thời cùng đi mời Biển Thước[1] tới trị bệnh. Biển Thước chữa khỏi bệnh cho họ rồi, lại nói với họ rằng: "Bệnh của hai vị là bệnh tạng phủ[2] từ ngoài xâm nhập vào, dùng thuốc có thể chữa khỏi. Nhưng hai người vẫn mang bệnh tim bẩm sinh, ngày một nặng hơn, và không có thuốc nào chữa được." Sau đó nói tiếp: "Công Hộ chí mạnh nhưng khí yếu, vì vậy có cơ mưu nhưng không dám quyết đoán. Tề Anh chí yếu nhưng khí mạnh, vì vậy kém cỏi trong việc suy nghĩ nhưng lại quyết đoán. Nếu hai người có thể đổi tim cho nhau, thì cả hai người ai cũng sẽ trở nên hoàn hảo hơn." Thế là Biển Thước cho hai người bọn họ uống rượu độc, mê man chết lâm sàng ba ngày, phanh ngực tìm tim, đổi cho nhau, sau đó lại cho thần dược, hai người sống lại như thường. Hai người bệnh cáo từ Biển Thước quay về, Công Hộ đi thẳng đến nhà Tề Anh, coi vợ con Tề Anh như vợ con mình, nhưng bọn họ đương nhiên không thể nào chấp nhận được một người lạ như thế. Ngược lại, Tề Anh cũng vậy, coi nhà Công Hộ như nhà mình, và cũng bị đuổi ra ngoài. Hai nhà ồn ào một trận, cuối cùng vẫn phải do Biển Thước đứng ra giải thích, mới coi là ổn thỏa. Vợ của hai vị đó đành phải "đắc ý vong hình", dần dần thích ứng với vị phu quân lạ lẫm.

[1] Biển Thước được mệnh danh là thần y của Trung Quốc. Tên thật là Tần Hoãn, tự Việt Nhân, vốn người Châu Mạc, Bột Hải (nay là huyện Nhiệm Khâu, tỉnh Hà Bắc - thời Chiến Quốc thuộc nước Triệu). Ông sinh khoảng năm 401 trước công nguyên, mất năm 310 trước công nguyên, thọ hơn chín mươi tuổi.

[2] Tạng phủ: Đông y gọi là vị (dạ dày), đảm (mật), đại tràng (ruột già), tiểu tràng (ruột non), bàng quang (phủ).

https://thuviensach.vn

Những người cầm đao thực hiện thuật di hồn dị hình này không phải là người trong cuộc muốn di hồn, thứ mà Biển Thước dùng cũng không phải là tà thuật, chỉ là suy nghĩ của ông ấy với thuật di hồn dị hình xuất phát từ một gốc như nhau mà thôi. Còn về việc câu chuyện này có phải xuất phát và được lưu truyền trong nhân gian hay không, cũng không thể ngồi đó mà đoán mò được. Vấn đề là ở chỗ, cho dù khi đó dân gian vẫn chưa có ma pháp di hồn, nhưng suy nghĩ tuyệt vời của danh y Biển Thước và kinh nghiệm của việc mượn xác hoàn hồn, cũng có thể là khởi nguồn của thuật phù thủy khai phá ma pháp này, càng quan trọng hơn là, các hoàng đế Trung Quốc rất thích trải nghiệm những phương pháp để kéo dài tuổi thọ, chỉ bằng cách luyện đan, bất luận là nội đan hay ngoại đan, thuốc gì cũng dám uống, so sánh với phương pháp di hồn dị hình thì những phương pháp đó an toàn hơn nhiều. Nhưng thiên cổ nhất đế cùng những người theo đuổi phương pháp này không chịu thành lập dự án, kêu gọi sự hỗ trợ, ủng hộ, vẫn là vì thể xác của những người quyền thế đó quá quan trọng đối với họ, đại diện cho địa vị của người đứng trên hàng vạn vạn người, hai thứ quyền lợi và tiền bạc, thì ai cũng phải công nhận đó là thứ quan trọng duy nhất trên thế giới. Bọn họ tuyệt đối không dám mạo hiểm, thử nghĩ mà xem, nếu linh hồn của Sử Hoàng đế mà lại bị di chuyển vào trong thể xác của Trần Thắng, Ngô Quảng, cho dù sống khỏe mạnh vạm vỡ, nhưng Lý Tư, Triệu Cao còn có thể coi ông ta là hoàng đế hay không? Vì vậy, bọn họ chỉ còn cách dùng bất tử đan, trường sinh dược, những thủ thuật trong phòng the để duy trì sự "thanh xuân" cho vẻ bề ngoài, ít nhất là khiến người ta khi nhìn cũng thấy thần sắc phơi phới, da dẻ hồng hào. Còn đối với những thuật sĩ trên giang hồ, những đạo sĩ vườn mà nói, thì họ không phải lo lắng tới việc này, thứ duy nhất mà họ mất chỉ là một lớp da cũ, còn họ lại có được tất cả những gì họ muốn.

Trong *Chí quái lục* của Chúc Duẫn Minh người thời Minh có ghi chép lại một câu chuyện xảy ra ở những năm cuối của thời Nguyên, đã trở thành một phần khiến người thực hiện phép di hồn phải sợ hãi. Một người tên là Diệp Tống Khả, đang trên đường đi đến Hoài Dương, gặp họa binh đao,

https://thuviensach.vn

thây chết đầy đường. Trời đã tối, anh ta nghe thấy phía trước có tiếng động, không dám đi tiếp, mà nằm bò dưới đất, trà trộn vào đám thi thể. Dưới ánh sáng của trăng chỉ thấy có người đi lại gần, là một đạo sĩ, bên cạnh có một tiểu đồng cầm đuốc, quan sát đám thi thể.

Phàm là đàn bà, người già, trẻ con, người ốm yếu bệnh tật đều bị bỏ qua, dùng tay xách lên để ước lượng, sau đó lại đặt xuống như thả một chiếc lá. Một người đàn ông tráng kiện chết vì đói, nằm đó. Đạo sĩ nhìn thấy liền vui mừng, lập tức cởi áo ra, ôm thi thể đó trong lòng, miệng kề miệng hà khí vào trong thi thể. Một lúc lâu sau, khí của đạo sĩ yếu dần, còn thi thể bắt đầu cử động. Người chết đói đó, lại mở mắt ra, thản nhiên đứng dậy, mang theo tên tiểu đồng cầm đuốc đi về phía trước, không biết đi đâu.

Giữa đêm khuya thanh vắng, nơi đồng không mông quạnh, nằm bò lên trên thi thể, miệng đối miệng hà hơi không ngừng, cảnh tượng này không chỉ khiến người ta phải nổi da gà, mà hình tượng xem ra cũng không được đẹp đẽ cho lắm. Chuyện này sau đó được làm mới lại trong truyện *Dị hình* ở cuốn *Trâm Vân lâu tạp thuyết* do Trần Thượng Cổ người đời Thanh viết, địa điểm đổi thành huyện Gia Hưng, Sùng Đức ở tỉnh Chiết Giang, đạo sĩ biến thành người già, và quá trình "dị hình" cũng được đổi từ thế nằm sang thế đứng.

Lật đi lật lại đám thi thể đó, những kẻ mất đầu bị bỏ qua. Chỉ có một thi thể duy nhất là trông khá to lớn, ông già cởi trần, vực thi thể đó đứng dậy, áp miệng mình vào miệng thi thể, sau một lúc hà hơi, ông lão dần dần kiệt sức ngã xuống đất, thi thể từ từ có phản ứng, đột nhiên đứng thẳng lên, áo mũ chỉnh tề, đi tiếp.

Đấy là một loại hình, dùng thi thể vẫn còn tươi mới để đổi cho đối tượng, miệng người và miệng thi thể áp sát vào nhau, chính là dùng miệng làm đường di chuyển linh hồn. Nhưng Trần Thượng Cổ còn kể về một loại hình khác, tức là hai người sống đổi linh hồn cho nhau.

https://thuviensach.vn

Đấy là chuyện xảy ra ở huyện Đông An, phủ Hoài An thời Sùng Trinh. Trong một ngôi miếu, có một vị hòa thượng và đồ đệ của ông ta. Sư phụ năm nay hơn năm mươi tuổi, còn đồ đệ mới chỉ hai mươi. Sư phụ có việc phải đi đến Hải Dương, để đồ đệ ở lại trông miếu. Hôm ấy có một lão hòa thượng tới xin nghỉ chân, tuổi tầm ngoài bảy mươi. Ngày hôm sau, lão hòa thượng bỏ tiền ra mời tiểu hòa thượng ăn một bữa, sau đó nói: "Muốn tìm sư huynh mượn đồ, không biết ngươi có đồng ý không?" Tiểu hòa thượng đáp: "Vậy thì phải đợi sư phụ tôi về hãy hay." Lại thêm một ngày nữa trôi qua, lão hòa thượng lại bày ra một bàn tiệc, tỏ vẻ thành khẩn nài nỉ, tiểu hòa thượng nghĩ một lát, đại khái cảm thấy trong miếu cũng chẳng có thứ đồ gì đáng tiền, cũng không hỏi kỹ, liền đồng ý, nhưng rốt cuộc lão hòa thượng muốn mượn đồ gì, lão hòa thượng cũng không nói rõ. Đêm hôm đó, hai người nằm cùng phòng, tiểu hòa thượng nghe thấy lão hòa thượng mở cửa đi ra ngoài, cũng không quay lại, nên thấy rất lạ. Sáng sớm hôm sau, tiểu hòa thượng vừa tỉnh dậy đã đi hỏi hàng xóm, không ngờ khi mọi người nhìn thấy hắn ta thì vẻ mặt như chưa từng quen biết, hỏi: "Lão sư phụ từ đâu tới đây? Tới đây từ lúc nào?" Tiểu hòa thượng đáp: "Tiểu tăng vốn là người ở miếu này", mọi người đều thất kinh kêu lên: "Không ngờ mới chỉ là một thiếu niên nhỏ, mà giờ đã thành ra già nua thế này." Tiểu hòa thượng vội vàng quay vào miếu soi gương, không ngờ mình lại biến thành hình dạng của lão hòa thượng hơn bảy mươi tuổi. Cuối cùng cũng không thắng nổi sinh lão bệnh tử, vài năm sau buồn sầu đau khổ mà chết.

Trong quyển mười một *Chỉ vấn lục* do Dung Nột - cư sĩ người đời Thanh viết có truyện *Đổi xác*, tình tiết đại để cũng tương tự, có địa điểm được rời đến Cám Châu, Giang Tây. Nhưng đoạn cuối cùng là, tiểu hòa thượng phát hiện mình trở thành lão hòa thượng, trong lòng mặc dù biết rõ chuyện gì đã xảy ra, nhưng ngoài miệng lại rất khó để nói cho rõ ràng, đành nhờ người khác giúp hắn ta đi bắt lão hòa thượng kia. Người đó nói: "Chẳng phải ông là lão hòa thượng hay sao?" Hắn đáp: "Không phải vậy. Lão hòa thượng tối qua nói muốn nằm nhờ ở phòng tôi, tôi đồng ý, nhưng không ngờ ông ta không chỉ mượn phòng, mà còn mượn cả cơ thể tôi. Giờ ông ta mang theo cơ thể tôi chạy mất, còn vứt lại thân thể già nua của mình cho tôi. Tôi muốn

https://thuviensach.vn

tìm lại thân thể của mình, và trả lại ông ta thân thể hiện tại.” Tất cả những vị hòa thượng khác càng nghe càng thấy khó hiểu, đều cho rằng vì ông ta già quá nên hồ đồ. Vị hòa thượng này cuối cùng đành đi cáo quan, huyện thái xuất thân từ tiến sĩ nên năng lực lý giải cũng tốt hơn, sau khi nghe chuyện, lại nói là trên thế giới này làm gì có chuyện kỳ lạ như thế, nếu ngươi còn ăn nói hồ đồ nữa, ta sẽ phán ngươi tội tuyên truyền những lời mê tín dị đoan.

Chuyện này tôi nghĩ chắc là do thuật sĩ trên giang hồ và những kẻ mạo danh đạo sĩ tuyên truyền mà ra, giờ đổ tội đó lên đầu các vị hòa thượng quả là hơi quá đáng. Dân gian thời xưa thường coi hòa thượng là những người khác loài, đến ngay cả những câu chuyện cười cũng không quên kéo họ vào. Để các vị hòa thượng không quá cảm thấy ấm ức, sau đây chúng ta sẽ kể một câu chuyện về đạo lão, để cân bằng hai giáo. Tư đó có thể thấy, cho dù hòa thượng thật sự biết thuật dị hình, cũng chỉ để đổi lấy thể xác của một người trẻ tuổi mà thôi, nhưng nếu rơi vào tay đạo lão, di hồn đại pháp là món tài sắc kiêm nhiệm.

Câu chuyện ở trong quyển một *Tử bất ngữ* do Viên Mai viết, Lý Thông phán là đại phú hào nổi tiếng ở Quảng Đông, tiền bạc, châu báu nhiều như núi, chỉ riêng những cô vợ bé xinh đẹp thôi cũng đã lên tới bảy người. Chỉ đáng tiếc, Lý Thông phán chỉ sống đến năm hai mươi bảy tuổi, mắc bệnh đột ngột rồi qua đời, tiền vàng, mỹ nữ chẳng mang theo được thứ gì. Nhất định sẽ có những kẻ rỗi hơi bên ngoài lo lắng thay cho anh ta, bọn họ mong muốn tài sản của Lý Thông phán chia làm bảy phần, cho bảy người vợ xinh đẹp cùng hưởng, sau đó bảy cô vợ lại được gả đi, còn bản thân là một trong những kẻ may mắn lấy được vợ người ta. Nhưng trong nhà Lý Thông phán có một lão nô bộc đã già và rất trung thành, thay chủ nhân coi giữ phần gia tài mà chủ nhân để lại. Lúc này, ông ta đang đau buồn vì việc chủ nhân mất sớm, nên cùng với bảy cô vợ trẻ xinh đẹp của chủ nhân siêu độ vong nhân. Hôm nay, đột nhiên có một đạo sĩ đến hòa duyên, lão bộc xua đuổi nói: “Chủ nhân ta vừa mất, không có thời gian để mắt tới ngươi đâu.” Đạo sĩ cười đáp: “Ngươi không muốn chủ nhân nhà này sống lại sao? Ta có thể

https://thuviensach.vn

làm phép, khiến hồn anh ta quay lại.” Lão bộc vừa nghe thấy chuyện kỳ quái đó, vội vàng bẩm báo lại với các nữ chủ nhân, nữ chủ nhân đương nhiên đồng ý, để lão bộc tiếp đón vị thần tiên sống kia. Nhưng đạo sĩ lại nói: “Âm tào địa phủ có quy định, người chết muốn hoàn dương, cần phải có người khác xuống thay thế.” Bảy cô vợ trẻ xinh đẹp lúc này lại rất thống nhất ý kiến, đều không đồng ý làm người thay thế kia, thế là lão bộc điềm nhiên nói: “Các vị phu nhân đây còn trẻ, lão tôi cũng sắp về với trời đất rồi.” Liền nói với đạo sĩ: “Ngài xem lão nô tôi có thể làm người thay thế không?” Đạo sĩ đáp: “Được! Chỉ cần một là không được hối hận, hai là không nhát gan.” Lão bộc nói: “Chỉ cần chủ nhân có thể sống lại, ta chẳng sợ gì hết.” Đạo sĩ đáp: “Niệm tình ngươi thành tâm, có thể ra ngoài cáo biệt họ hàng bạn bè thân thích, khi ta làm phép, ba ngày phép thành, bảy ngày phép nghiệm.” Lão bộc mời đạo sĩ vào nhà, đối xử rất kính trọng, còn mình thì đến từng nhà người thân, họ hàng của chủ nhân, để nói lời cáo từ. Bạn bè, họ hàng, người thân của chủ nhân ông ta đều cười, người thì cảm thấy đáng thương, người thì tôn trọng, người lại không tin. Lão bộc khi đi ngang qua Thánh đế miếu mà cả đời mình tôn kính, liền vào trong, vừa vái vừa khấn: “Chủ nhân nô tài đã chết, cầu Thánh đế giúp đạo sĩ thả linh hồn chủ nhân nô tài quay lại dương gian.” Lời vừa nói xong, chỉ thấy một vị hòa thượng hiện ra trước hương án, nói: “Mặt ngươi đầy yêu khí, họa lớn sắp giáng xuống rồi. Ta tới cứu ngươi, ngươi không được để lộ ra ngoài.” Rồi cho ông ta một cái túi giấy, nói rằng khi có việc cần dùng thì mở ra, nói xong liền biến mất. Lão bộc trở về nhà, lặng lẽ mở túi giấy ra thấy bên trong có một bộ móng vuốt, dây thừng, không hiểu ý gì, liền ôm vào trong lòng. Rất nhanh thời hạn ba ngày đã đến, đạo sĩ lệnh cho gia đình đẩy giường của lão bộc và linh cữu của chủ nhân sát lại với nhau, khóa chặt cửa lại. Còn đạo sĩ lại ở gần đám thê thiếp, khóc lóc. Một lúc sau, chẳng có bất kỳ động tĩnh gì, lão bộc bất giác nảy sinh nghi ngờ, nhưng đúng lúc này, phía dưới giường có tiếng động, thấy hai người đen xì nhảy lên, da xanh mắt thâm, khắp người đầy lông mao, thân cao hơn hai thước, đầu to như bánh xe, hai mắt nhìn lão bộc sáng rực, vừa nhìn vừa đi, đi vòng quanh quan tài, sau đó dùng răng cắn đứt đai quấn quanh quan tài. Nắp quan tài bị hai quỷ cắn hở một lỗ, liền nghe thấy có tiếng ho phát ra từ bên trong. Hai

https://thuviensach.vn

quỷ liền mở nắp quan tài ra, đỡ chủ nhân ra ngoài, trông khỏe mạnh không giống như người bị ốm. Hai quỷ lại bắt đầu làm phép, miệng chủ nhân bắt đầu nói được. Nhưng lão bộc thấy hình dạng thì giống chủ nhân, tiếng nói lại như của đạo sĩ, bất ngờ thốt lên: "Lời của Thánh đế quả linh nghiệm." Nói xong liền mở túi giấy vẫn ôm trong lòng ra, chỉ thấy năm bộ móng vuốt bay ra, biến thành kim long, dài hàng chục trượng, quấn theo lão bộc lên trên không trung, dùng dây thừng làm cầu. Lão bộc mơ mơ hồ hồ nhìn xuống dưới, thấy hai quỷ sau khi đỡ chủ nhân ra khỏi quan tài, đỡ đến giường của lão bộc, nhưng không thấy lão bộc đâu, bất giác hoảng hốt. Lúc này chỉ nghe thấy tiếng chủ nhân hoảng sợ hét lớn: "Phép hỏng rồi!" Hai quỷ nhanh trí, chạy khắp phòng để tìm, nhưng không thể tìm thấy lão bộc. Chủ nhân nổi giận, cầm chăn gối trên giường lão bộc lên, cắn thành trăm mảnh, nát rươm. Lúc này một quỷ ngẩng đầu, thấy lão bộc đang đứng trên cầu, vui mừng, đỡ chủ nhân đứng dậy, định bắt lão bộc, nhưng còn chưa chạm tới cây cầu, thì rầm một tiếng như tiếng sấm, lão bộc rơi ngã xuống đất, nắp quan tài đóng lại như cũ, hai tên quỷ cũng biến mất tăm mất tích. Những nữ chủ nhân nghe tiếng sấm, vội vàng mở cửa phòng vào xem. Lão bộc kể lại đầu đuôi câu chuyện một lượt, rồi cùng nhau đi xem tên đạo sĩ kia thế nào, thấy đạo sĩ bị sét đánh chết nằm trên đàn, trên thi thể có ghi chữ "Yêu đạo luyện pháp dị hình, tham tài hám sắc, trời quyết định trừng phạt, y lệnh."

Tà thuật của đạo sĩ là định chuyển linh hồn của mình vào trong thi thể của Lý Thông phán, việc lão bộc "chết thay" chỉ là cái cớ, đương nhiên, lão bộc là người hiểu biết, cần phải chết để bịt miệng, đồng thời cũng là điều kiện trao đổi không thể thiếu trong quá trình thực hiện yêu thuật.

Nhưng kiểu chết thay này không phải là hiếm gặp, trong *Quảng dị ký* do Đới phu viết có ghi lại một chuyện xảy ra vào năm Đường Thiên Bảo, thuật sĩ Trương Dạ Xoa đã sử dụng thuật này, để Úy Mã nào đó ở Lạc Dương thay thế cho Kiếm Nam Tiết độ sử chương – Cừu Liêm Quỳnh chết do ngã ngựa, nhưng nội dung không âm u yêu khí như dưới ngòi bút của Viên tài tử, khiến người ta phải rùng mình nổi da gà. Trong tình tiết câu chuyện của

https://thuviensach.vn

Viên tài tử hoặc là có hiệu quả theo đuổi khiến người ta phải động lòng, nhưng di hồn chết thay, liên quan đến số mệnh, thì pháp thuật này cũng không thể là quá đơn giản. Trong *Quảng Tây quỷ sư* ở quyển mười bảy cuốn *Tử bất ngữ*, Viên Mai có đề cập đến hình ảnh "tiếp lửa" của "bắt người sống chết thay", thuật phù thủy này thật khiến người ta kinh sợ.

Lập đàn, treo mấy chục bức tượng quỷ thần, quỷ sư trang trí như một phu nhân, khóc lóc, trống chiêng ầm ĩ. Cho tới đêm thì thắp đèn, đi ra ngoài gọi hồn, âm thanh thê lương. Hàng xóm có người đang ngủ say, hồn trả lời và đến, quỷ sư trao lửa, sau khi nhận rồi, quỷ sư mới chúc mừng gia chủ, người bệnh sẽ khỏi, còn người nhận lửa sẽ chết.

Trong quyển ba *Động linh tiểu chí* của Quách Tắc Vân viết về thuật "tiếp lửa" ở Quảng Đông có chút không giống nhưng độ kinh khủng thì giống nhau.

Người làm thuật này phải tới lập đàn ở nhà người bệnh, chuẩn bị tượng quỷ thần, càng đáng sợ càng tốt. Giữa đêm yên ắng, lại thắp đèn, thổi hù hù làm tiếng quỷ, đi khắp đường phố. Có sinh hồn đi đêm, thấy lửa liền xông lên cướp, thế là người ốm khỏe lại còn người cướp lửa sẽ chết.

Ở đây nói là "sinh hồn", có lẽ mộng hồn của con người sau khi ngủ say trốn khỏi thể xác ra ngoài. Nhưng tại sao những mộng hồn này lại xông lên để cướp lửa, mà không nói năng gì? Dường như không được hợp lý như "quỷ sư đưa lửa cho người ấy?". Nhưng trong cái không hợp lý đó còn tiềm ẩn một sự "rủi ro", tức là khi thầy phù thủy làm phép, thì họ không được lựa chọn linh hồn đến nhận lửa, nếu nhìn kỹ, chẳng may là vợ mình, đuổi không đi, tránh cũng không kịp, đành đứng nhìn vợ cướp lửa mà chết. Nghe nói cũng có cách phòng tránh, trước khi thầy phù thủy ra khỏi nhà, đặt giày của người nhà một sấp một ngửa, nếu làm thế mộng hồn không thoát được ra khỏi cửa và đi cướp lửa.

https://thuviensach.vn

Ngoài ra còn có một kiểu tà thuật di hồn nữa, người làm phép không di chuyển linh hồn mình vào thể xác của người khác, mà là di chuyển linh hồn của người ấy sang một thi thể khác. Trong quyển mười lăm *Duyệt vi thảo đường bút ký* do Kỷ Quân viết cũng có nói về kiểu này.

Mỗ Giáp hẹn bạn đi du ngoạn cảnh hồ, khi lên thuyền, còn có mỹ nữ váy đỏ cùng thưởng cảnh uống rượu. Khi người này ngồi dưới ánh đèn và nhìn kỹ lại, thì ra là vợ mình. Nhưng nhà người này ở cách đây hơn hai nghìn dặm, vợ anh ta sao có thể đến đây được? Hơn nữa, cô gái đó coi anh ta như người qua đường, chẳng hề sợ hãi, cũng không xấu hổ, tiếng nói cũng không giống tiếng nói của vợ. Sau bữa tiệc, anh ta bồn chồn bất an, mấy ngày sau, nhận được thư nhà, thì ra vợ anh ta đã chết từ nửa năm trước rồi. Mỗ Giáp mặc dù cảm thấy chuyện này kỳ lạ, nhưng cũng coi như một lần được gặp ma, dần dần quên đi. Đột nhiên, lúc này lại xảy ra một chuyện, có một thuật sĩ bị sét đánh chết. Người hầu của thuật sĩ này dần dần tiết lộ hết, thuật sĩ này có thể đọc chú để nhặt thi thể những người con gái mới mất, lại có thể nhập hồn vào trong những thi thể đó. Hắn ta coi những người con gái này là thê thiếp, có mới sẽ bán cũ, mới cũ trao đổi với nhau, lợi không thể tính. Vợ của Mỗ Giáp, có lẽ là người đầu tiên bị mượn thi thể.

Tiện đây cũng nói luôn, đa số giống như thuật phù thủy, di hồn dị hình cũng là một tà thuật, không chỉ Trung Quốc mà ở nước ngoài cũng có. Về lịch sử phép thuật của phương Tây thì tôi không hề biết gì, nhưng từ một vài bộ phim kinh dị của phương Tây ta có thể thấy được những tà thuật này ẩn chứa bên trong. Bộ phim *Chìa khóa vạn năng* của điện ảnh Mỹ (hay còn được dịch là *Chìa khóa độc*) là bộ phim điển hình cho thuật di hồn, thầy phù thủy hoàn đổi linh hồn của mình với thể xác của một cô gái trẻ, từ đó khiến mình có được da thịt tươi mới hơn. Nhưng thuật cùng nhau đổi thể xác đó cả hai bên phải cùng lúc thực hiện, cũng chính là muốn nói, hình thái nguyên thủy của nó là do cả hai bên tự nguyện (giống như lão hòa thượng muốn mượn "phòng" cũng phải được tiểu hòa thượng đồng ý), cô gái trẻ đương nhiên không muốn biến thành một người phụ nữ vừa già vừa xấu, thế là bà phù thủy trong phim liền làm phép, khiến cô gái trẻ vô tình học tà

https://thuviensach.vn

thuật, và trong một thời cơ thích hợp vì bảo vệ mình mà sử dụng, kết quả cô ta trúng mánh, đã đổi thể xác với bà phù thủy kia.

Ngoài ra, tập *Lời nguyền của pháp sư* trong *Âm dương ma giáo* của Mỹ viết về một ma thuật gia nổi tiếng. Cứ ba mươi năm, ma thuật đại sư lại phải tìm một người kế nhiệm trong đám phù thủy trẻ, giao lại mũ áo của mình cho người đó, và mình thì rút lui. Dưới sự chứng kiến của đông đảo mọi người, lão ma thuật sư và người trẻ tuổi kia hợp tác biểu diễn ma thuật "lời nguyền của pháp sư", thế là di hồn ma pháp được thi triển dưới hình thức ma thuật, linh hồn của lão pháp sư chiếm luôn thể xác của người trẻ tuổi. Pháp sư già cỗi sắp chết đã được trẻ hóa, phải qua ba mươi năm nữa mới biểu diễn lại. Còn linh hồn của người trẻ tuổi kia đã bị nhốt trong thể xác của lão pháp sư, anh ta phải thay ông già đó "rút lui", lặng lẽ chờ chết. Sự truyền thụ đó trải qua rất nhiều đời, cái mà mọi người nhìn thấy là ma thuật gia đời đời tương truyền, không ai biết bên trong vẻ bề ngoài luôn được đổi mới đó, thực ra vẫn là một linh hồn cũ nát.

Kết thúc này khiến người ta hơi buồn, vậy thì tôi xin được nói một vài chuyện vui vẻ khác, xem xem thuật hoán hình khoa học được áp dụng bởi những kỹ thuật tiên tiến nhất. Tôi từng đọc một cuốn truyện tranh nước ngoài, bác sĩ và bệnh nhân trao đổi về bước thay đổi nội tạng tiếp theo. Nhưng bệnh nhân nằm trên giường đó chỉ là một manh tràng[3], bởi vì mọi cơ quan trong người anh ta đều là của người khác, sau khi phẫu thuật chỉ còn lại bao nhiêu đây thôi, cũng chính là muốn nói, chỉ có đoạn manh tràng kia mới có thể đại diện cho người này đưa ra ý kiến. Trong cuốn truyện tranh đó có những chữ tôi đọc mà không hiểu, có lẽ là bác sĩ và bệnh nhân đều thấy bối rối, thay nữa thì biết thay cái gì đây?

[3] Ruột già được chia ra làm ba phần: manh tràng, kết tràng và trực tràng.

https://thuviensach.vn

Để download thêm các ebook truyện ngôn tình khác, hãy truy cập:
http://www.dtv-ebook.com

https://thuviensach.vn